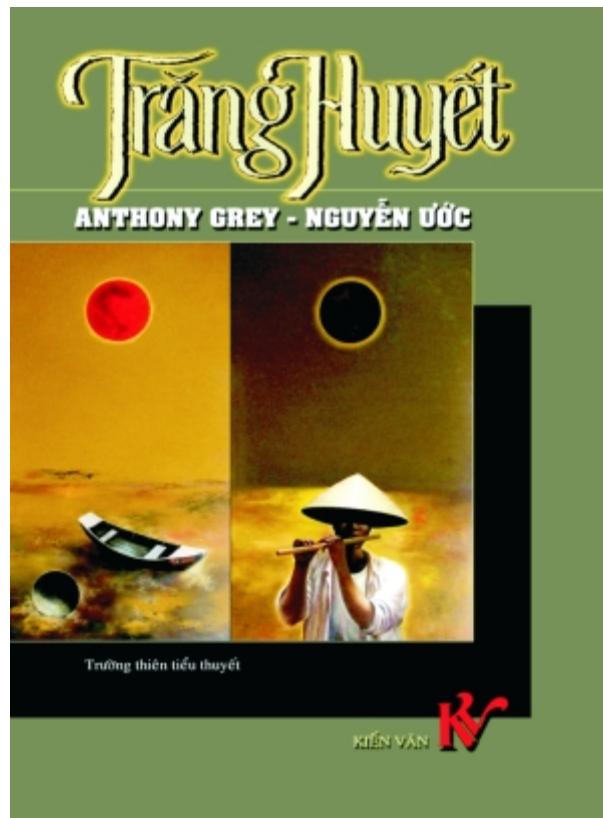


Anthony Grey, Nguyễn Ước

TRĂNG HUYẾT

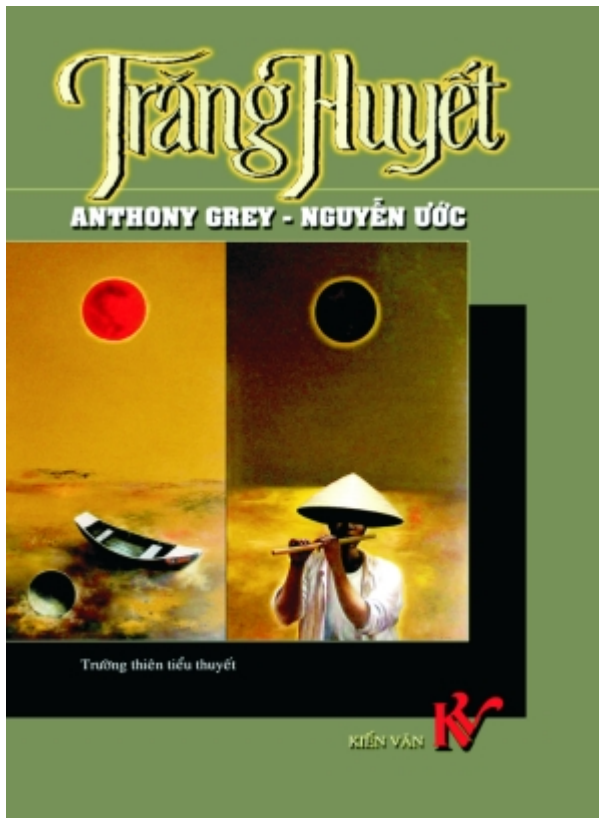


WWW.VNTHUQUAN.NET, 2008.

Anthony Grey, Nguyễn Ước

TRĂNG HUYẾT

Lời Nói Đầu



XUẤT BẢN LẦN THỨ BA

có hiệu đính và bổ túc

NXB INTERNET

CANADA – HOA KỲ – 2007

Những gì quá khứ mới chỉ là khúc dạo đầu.

• 1 Shakespeare

Tôi cảm thấy rằng được sống sót là mắc nợ người đã chết điều gì đó. Đó là nỗi ám ảnh phải nhớ đến họ, và ai không nhớ đến người đã chết là thêm lần nữa phản bội họ.

• I Elie Wiesel, nhà văn

Giải Nobel Hòa bình 1986

Lời Nói Đầu

Anthony Grey

Thư gửi bạn đọc Trăng Huyết

Trong mùa hè năm 2004, một người bạn Việt Nam trẻ tuổi của tôi hiện học tại Anh đã đọc Trăng Huyết, bản phóng tác bằng tiếng Việt. Cô đối chiếu các phần của cuốn ấy với cuốn tiểu thuyết nguyên bản SAIGON của tôi, là cuốn hình thành cái lõi cốt yếu của tác phẩm khuếch đại và mới của người bạn đồng tác giả Nguyễn Ước. Vì tôi không biết và không đọc được tiếng Việt nên lúc ấy, tôi không có ý niệm về những gì Nguyễn Ước đã làm đối với bản văn của tôi. Trước khi thực hiện tác phẩm ấy, anh không tham khảo ý kiến tôi, cũng không tìm cách xin phép tôi cho tới khi anh đã hoàn tất. Thậm chí khi viết thư này, tôi vẫn không biết thật căn kẽ những gì chứa đựng trong 400 trang mà anh thêm vào — ngoài việc biết rằng những thay đổi trong giai đoạn sau năm 1945 thì nhiều hơn trong phần đầu của cuốn truyện.

Trước đây, tôi biết qua lời của chính Nguyễn Ước giải thích với tôi rằng anh nồng nhiệt tin tưởng cuốn tiểu thuyết của tôi với những đoạn thông tin và diễn dịch do anh thêm vào là “*bộ tiểu thuyết Chiến tranh và Hoà bình mà người dân Việt Nam đang trông đợi*”. Trong lần liên lạc thứ nhất, anh nói với tôi rằng anh cảm thấy nó có sức mạnh “hòa giải và giải phóng” người dân Việt Nam khỏi những xung khắc thời quá khứ. Nhận thấy mình xúc động bởi niềm xác tín đó, tôi bất giác quyết định không chống lại cũng như không phản đối tức thời việc Nguyễn Ước đã làm.

Tuy thế, tôi cảm thấy nhẹ nhõm khi người bạn sinh viên Việt Nam trẻ tuổi tại Anh ấy nói với tôi rằng cô rất xúc động qua những gì cô đã đọc. Cô nói, “Tôi xin cảm ơn ông đã viết cuốn sách này. Tôi đã

biết được rất nhiều về xứ sở và dân tộc của tôi mà trước đây tôi chưa hề biết. Tôi nghĩ rằng giá trị lớn lao nhất của cuốn truyện này là nó bảo tồn ký ức lịch sử cho những thế hệ mới của người Việt trong một thế giới đang thay đổi nhanh chóng. Tôi cho rằng đây là cuốn tiểu thuyết rất quan trọng cho dân tộc Việt Nam — và cũng cho mọi người khác nữa.”

Vào năm 2005 này, ba mươi năm sau ngày Sài Gòn thất thủ, dường như thế giới của chúng ta đang là chôn nguy hiểm hơn bao giờ hết. Cuộc chiến tranh cay đắng ở I-rắc do người Mỹ khởi động xâm lăng đầu năm 2003 đang ngày càng bị so sánh với cuộc chiến tranh Việt Nam trong hai thập niên 1960 và 1970. Dù sao, khủng bố và giết chóc vì lý do tôn giáo và chính trị đang lan rộng toàn cầu hơn bao giờ hết.

Dường như toàn thể hành tinh của chúng ta hiện sống với trạng thái đề phòng hằng ngày sẽ có thêm một hành động “khủng bố” tập thể nữa. Trong tình huống ấy, điều quan yếu là những người mà số lượng ngày càng nhiều thêm trên thế giới, đang mãnh liệt khao khát chấm dứt vĩnh viễn toàn bộ chiến tranh và tàn sát, nên tin rằng có những lý do để cảm thấy mình được khích lệ. Đối với tất cả chúng ta, điều quan trọng là có những nền tảng để tin tưởng vào một tương lai tốt đẹp hơn và để không bị ám ảnh bởi sợ hãi.

Ở cấp độ cao nhất, mục đích tái bản cuốn trường thiên tiểu thuyết khuếch đại [*Trăng Huyết*] này về những cuộc chiến lâu dài và cay đắng tại Việt Nam trong hậu bán thế kỷ 20 là để nhắc nhở chúng ta thảm kịch kinh hoàng và vô ích của mọi cuộc chiến, cách riêng các cuộc chiến xuân động. Cả Việt Nam lẫn I-rắc đều rơi vào bản liệt kê buồn bã đó. Mọi người đều đau khổ trong các thời kỳ bi thảm như thế và chẳng một ai thật sự chiến thắng. Chiến tranh biến hết thảy chúng ta thành nạn nhân. Lúc này, điều quan yếu cho thế giới của chúng ta là tiến tới một trạng thái sinh tồn trong đó chúng ta có thể giải quyết mọi vấn đề giữa các dân tộc và các quốc gia mà chẳng cần tới bạo động và giết chóc. Cũng quan yếu không kém là việc chữa trị những vết thương khủng khiếp về tâm lý và thể lý của quá khứ, để giúp tạo dựng một tương lai hòa bình và tốt lành hơn cho tất cả chúng ta.

Khi cuốn SAIGON được xuất bản lần đầu năm 1982, tôi ngạc nhiên và vui thích thấy nó trở thành sách bán chạy ở tầm quốc tế tại 15 nước, nói chín ngôn ngữ khác nhau. Thật rất hài lòng khi tại Việt Nam và Hoa Kỳ, nó được dùng trong lớp học để dạy dỗ các sinh viên sĩ quan trẻ tuổi của hải quân và quân đội — Đại học Quốc phòng của Quân đội Nhân dân tại Hà Nội và Học viện Hải quân Hoa Kỳ tại Annapolis. Nguyễn Ước đọc cuốn tiểu thuyết ấy lần đầu tiên bằng tiếng Anh lúc anh tới được trại tị nạn ở Indonesia sau khi trốn khỏi Việt Nam bằng thuyền vào cuối thập niên 1980. Anh kể rằng anh đã khóc khi đọc nó hết phần này sang phần khác. Mãi về sau, anh quyết định dịch và tự chủ xưởng việc khuếch đại vì anh cảm thấy cuốn truyện ấy, với sự thêm vào các sự kiện lịch sử cùng hư cấu nào đó của anh như một kẻ trong cuộc, sẽ khiến độc giả người Việt nhận ra rằng sự thật giải phóng chúng ta và hoà giải chúng ta.

Như đã nêu rõ, tôi quyết định cứ tin vào sự bảo đảm mà Nguyễn Ước đã viết cho tôi, rằng anh không phản bội hình thức và dự phóng trong cuốn tiểu thuyết nguyên bản của tôi. Tôi phải bảo lưu quyền thẩm định đầy đủ và có cân nhắc cho tới một thời điểm tôi biết chính xác từng chữ những gì anh đã viết. Trong lúc này tôi đang đi theo con đường riêng của mình để SAIGON được dịch riêng biệt ra tiếng Việt, đúng chính xác những gì tôi viết mà không có bất cứ thêm thắt nào, và để cho nó được xuất bản công khai bởi một nhà xuất bản của người Việt tại Việt Nam. Như tôi đã viết vào tháng Chạp năm 2004, hiện ở Hà Nội đang có những thảo luận bước đầu về việc đó, nhân danh tôi, và chưa có kết quả rõ ràng. Tuy thế, tôi không biết việc xuất bản ấy sẽ xảy ra sớm hay muộn — hoặc quả thật bao giờ.

Rõ ràng Nguyễn Ước đã hết lòng với đam mê, lý tưởng và nghị lực để viết nên Trăng Huyết. Nếu anh ấy có lý và cuốn sách này có thể đóng góp đầy ý nghĩa để chữa trị và hòa giải các vết thương quá khứ, thì bằng những cách thức nhỏ bé, một tương lai hoà hợp hơn sẽ bắt đầu để làm nổi bật dân tộc Việt Nam — và việc đó chắc chắn dẫn tới kết quả là sẽ làm xúc động người dân của các quốc gia khác. Lúc ấy, mọi nỗ lực cần cù của Nguyễn Ước sẽ đáng giá.

Dù xảy tới tình huống nào đi nữa, tôi vẫn ca ngợi hoà bình, sự tự phát, những lao động tận tụy của anh và mong anh ấy gặp may mắn.

Sự ngưỡng mộ và mến cảm của tôi đối với Việt Nam và dân tộc can trường cùng độc đáo ấy ngày càng tăng kể từ khi tôi bắt đầu nghiên cứu và viết cuốn SAIGON. Sự tái tục dính líu tới Việt Nam được gây ra bởi sự xuất hiện nổi bật của *Trăng Huyết* và việc tái bản tại Anh ấn bản mới cuốn SAIGON bằng tiếng Anh vì thế đang là nguồn khoái cảm lớn lao cho tôi. Vậy tôi xin cảm ơn tất cả những ai quan tâm và chúc cho tất cả những ai đang đọc các trang này một hoà bình lâu dài và sự hòa hợp ngày càng tăng trong cuộc sống hằng ngày.

- *Bản dịch của Nguyễn Ước.*
- *Xin xem nguyên văn tiếng Anh ở cuối Tập IV*

Lời Giới Thiệu của Nguyễn Minh Diễm

Năm 1982, một nhà báo Anh từng làm việc và trải qua tù đầy tại Trung Quốc nhưng chưa bao giờ đặt chân đến Việt Nam tên là Anthony Grey xuất bản cuốn tiểu thuyết SAIGON dày gần 800 trang khổ lớn (bản in của Nxb *Little, Brown and Company-Boston-Toronto* năm 1982 dày 787 trang kể cả bạt). Có thể nói Saigon trước hết là một tiểu thuyết lịch sử, vì nó dựa trên những sự kiện có thật, những diễn biến có thật, nhiều nhân vật có thật và các tình tiết của truyện trải dài theo dòng chảy của 50 năm lịch sử Việt Nam, từ 1925 đến 1975. Nó còn mang ý nghĩa lịch sử hơn khi mà để xây dựng tác phẩm, Anthony Grey đã phải bỏ ra suốt ba năm nghiên cứu sách vở tại các thư viện và thư khố ở Paris, Luân đôn, Washington D.C. và đại học Harvard. Ông đã tham khảo vài trăm cuốn sách và hàng ngàn tài liệu liên quan đến Việt Nam. Ông cũng

từng gặp, trao đổi và xin ý kiến của các sử gia, nhà nghiên cứu và nhà báo nổi tiếng thế giới về những vấn đề của Việt Nam. Trong đó, có chuyên gia về Việt Nam trước thế chiến thứ hai Virginia Thompson; chuyên gia về Điện Biên Phủ Jules Roy, nhà nghiên cứu Mặt Trận Giải phóng Miền Nam Douglas Pike, tiểu thuyết gia Frank Snepp và nhiều người khác nữa, kể cả các chuyên gia về tình báo và quân sự ở Đông Nam Á. Tinh thần và cung cách làm việc như thế cho thấy tham vọng của Grey là dựng lại cả một giai đoạn lịch sử của Việt Nam như một tổng hợp, như một bức tranh toàn cảnh. Chính vì tinh thần làm việc nghiêm túc như thế mà *Saigon* đã được dùng như tài liệu giảng dạy về hai cuộc chiến Đông Dương cũng như lịch sử Việt Nam cho sinh viên sĩ quan Học viện Hải quân Hoa Kỳ ở Annapolis. Tác phẩm cũng được dịch từng phần để làm sách tham khảo cho sinh viên sĩ quan của Học viện Quân sự Hà Nội, theo bức thư Anthony Grey viết cho Nguyễn Ước được in lại ở cuối sách.

Nhưng trước hết, *Saigon* là một tiểu thuyết, cho dù nó có bám sát lịch sử đến đâu, và Anthony Grey khi viết cuốn truyện dài này đã có một mục đích rõ rệt, như ông xác nhận sau đó, là mang đến sự hoà giải, để “*góp phần hàn gắn những vết thương khủng khiếp và những đau khổ mà người dân ở mọi phía trong xứ sở Việt Nam vốn đã bị tã to vì một cuộc chiến quá dài, dài hơn của bất cứ xứ sở nào*”. Chính vì hoài bão mục đích ấy, mà các nhân vật trong *Saigon* đều được Anthony Grey cho một sức sống mãnh liệt, kiên quyết và có phần cực đoan, mê mị, lúc yêu đương cũng như lúc thù hận, lúc sống, cũng như lúc chết. Nếu coi *Saigon* là một sân khấu, thì những con người mà Anthony Grey tạo ra và đưa lên sàn diễn đều đã sống hết mình, hoạt động hết năng lực và không nghỉ ngơi trước khi rời khỏi ánh đèn. Những tính cách mạnh mẽ, năng động và cực đoan ấy của nhân vật có thể là do bản tính cá nhân, có thể là do hoàn cảnh hun đúc, mà cũng có thể là do một thế lực nào đó có tình huấn luyện để sử dụng, nhưng nhất định chúng là nguồn gốc sâu xa của tấn bi kịch kéo dài quá lâu nơi đất nước Việt Nam, và khiến dân tộc chúng ta đã phải trả một giá quá đắt.

Tuy nhiên, dù Anthony Grey tài ba cách nào thì ông cũng vẫn là

một người phương Tây từ ngoài nhìn vào đất nước Việt Nam, ông có tài giỏi cách mấy thì ông vẫn không thể nhập vai người Việt Nam, và khung cảnh sống cũng như các nhân vật ông tạo ra vẫn không tránh khỏi có phần khập khiễng, lạc loài dưới con mắt phân tích của độc giả người Việt vì họ chỉ là “người Việt gốc ngoại”, được xây dựng từ kiến thức, sách vở về đất nước, con người cũng như lịch sử và văn hoá Việt Nam. Tuy nhiên, giống như công chúa ngủ trong rừng, Saigon đã gặp nguyên Ước, để khung cảnh và các nhân vật của nó được thổi một luồng sinh khí Việt Nam để chúng được tái đầu thai. Nguyễn Ước đã làm một công việc chưa từng có là viết thêm vào một cuốn tiểu thuyết đã xuất bản và đang lưu hành. Từ trên 800 trang của Saigon, ông đã viết thêm khoảng 1/3 nữa để thành trường thiên tiểu thuyết TRĂNG HUYẾT dài hơn 1200 trang (Bản in của nhà xuất bản Nhân Văn, Canada năm 2004 gồm hai cuốn cùng khổ với Saigon, dày 621 trang và 645 trang). Mặc dù giữ nguyên bố cục của Saigon với tám phần, bắt đầu từ năm 1925 đời vua Khải Định, cho đến cuối tháng Tư năm 1975, Nguyễn Ước đã “viết chêm vào, khi thì trọn một chương, khi thì vài đoạn nghĩ tưởng, vài lời đối thoại, nhiều nhân vật phụ, v.v. để chính đính, minh hoạ; đào sâu tâm lý của các nhân vật người Việt, bổ túc nhiều chi tiết về hoàn cảnh chính trị, khuynh hướng cách mạng bản địa và thời đại, sự kiện lịch sử, nghi lễ cung đình, phong cảnh, nếp nghĩ, tục lệ và văn hoá dân tộc, v.v.” và điều mà ông “chủ tâm hơn cả là cố gắng để nói lên Việt tính của nhân vật và sự kiện, đồng thời trình bày sao cho hợp với cảm quan của độc giả người Việt”.

Chính trong ý nghĩa ấy, có thể nói là Nguyễn Ước đã góp phần sáng tạo các nhân vật, và cả khung cảnh sinh hoạt nữa để họ trở thành những người Việt Nam, sống trong xã hội Việt Nam với những nét văn hoá đặc thù và nhờ thế mà độc giả người Việt chúng ta có thể buồn vui theo họ. Nguyễn Ước quả nhiên cũng là một tác giả, và điều độc đáo đã được thực hiện: một tác phẩm tổng hợp của hai người chưa bao giờ gặp nhau, hoàn thành phần nọ cách phần kia hơn 20 năm đã ra đời như một tổng hợp của kiến thức, tài năng và cảm tính.

Trường thiên tiểu thuyết TRĂNG HUYẾT kết thúc khi chiếc máy bay trực thăng cuối cùng rời khỏi sân thượng toà đại sứ Mỹ tọa lạc ngay tại trung tâm thành phố Sài Gòn rạng sáng ngày 30 tháng tư năm 1975, như một dấu chấm hết cho cái tên “Saigon” từng tồn tại gần 300 năm trước của thành phố được mệnh danh là “hòn ngọc Viễn đông”. Rất có thể sự bức tử của cái tên ấy đã khiến nó được dùng làm tên cho cuốn tiểu thuyết của Anthony Grey. Còn tên *Trăng Huyết* mà Nguyễn Ước đặt cho cuốn tiểu thuyết viết chung với Grey từ Saigon thì lại thành hình từ nỗi xúc động khi trôi theo nửa thế kỷ đau thương ly loạn trên khắp đất nước Việt Nam vì, như ông nói ở cuối sách, “trăng huyết” là trăng đỏ như máu, trăng báo điềm, và làm chứng cho nửa thế kỷ đau thương của đất nước.

Khởi điểm của truyện là năm 1925, khi mà sự thống trị của thực dân Pháp tại Việt Nam bắt đầu gần 70 năm trước đó đang bị lung lay tận gốc bởi sự hà khắc của chế độ thực dân đã lên đến cực điểm, cũng có nghĩa là nỗi hận thù của dân chúng đã đến mức không thể đè nén được, trong khi số người được giáo dục theo Tây học, có kiến thức về nhân quyền, dân quyền thì đã đủ để trở thành một lực lượng lãnh đạo có khả năng.

Năm mươi năm của cuốn trường thiên tiểu thuyết *Trăng Huyết* có thể coi như giai đoạn sôi động nhất trong lịch sử cận và hiện đại Việt Nam, nếu so sánh với 25 năm trước đó, và 30 năm sau đó. Mà sôi động thật, vì một khi đã bắt đầu bắt đầu dờ sách ra, thì người đọc liền bị cuốn hút vào nhịp sống sôi nổi của các nhân vật, sự mãnh liệt và cuồng nhiệt của từng cảnh huống cũng như sức đi vũ bão của các sự kiện lịch sử. Sự thanh thoi ngời yên thương thức một ly cà phê hay một ly rượu hình như chỉ xuất hiện một lần ở đầu truyện, khi các vị khách rồi sẽ thành nhân vật chính của truyện mới chỉ vào đến lãnh hải Việt Nam, chứ chưa đặt chân lên đất Sài Gòn. Sau đó, thì không có lúc nào và không có ai được “rảnh rang” như thế nữa. Tương tự như nhiều tác phẩm vĩ đại kinh điển, ngay trong phần đầu dài 151 trang của *Trăng Huyết* (từ gần 100 trang của *Saigon*, với tiểu tựa rất súc tích và giàu hình tượng: *Đời thuộc địa là thế!*), tác giả đã giới thiệu các nhân vật chính của truyện, bao gồm thành viên của bốn gia đình mang tính đại biểu

cho cái xã hội chứa đầy mâu thuẫn của Việt Nam trong suốt mấy chục năm của truyện. Tác giả đã minh họa nhiều cảnh tượng tiêu biểu của cái xã hội phân hóa, chất chứa vô vàn bất công, bất nhân, bất nghĩa và vô lý, cùng những đối nghịch không thể hóa giải, để xây dựng những nhân vật có thể coi như đại diện của từng thành phần. Những nhân vật ấy, theo diễn biến của lịch sử và định mệnh trải dài gần 1200 trang sách của 50 năm biến động nhất trong lịch sử Việt Nam, rồi đây sẽ gắn liền với nhau bằng tình yêu cũng như thù hận. Tình yêu thì cuồng nhiệt, và hận thù thì sục sôi, nhưng cả hai loại tình cảm ấy đều kiên định, đều cực đoan, và đều có phần mê mị do sự tàn khốc của định mệnh, cũng như đòi hỏi của hoàn cảnh hay phương pháp đấu tranh của các phe phái và chủ nghĩa. Nhân vật chính của *Trăng Huyết* là Joseph Sherman, người Mỹ, đến Việt Nam lần đầu tiên vào năm 1925, khi mới 15 tuổi. Cậu cùng cha mẹ và anh đến thăm miền Nam Việt Nam, lúc ấy là một thuộc địa của Pháp. Là con của một thượng nghị sĩ, sinh ra và lớn lên trong một quốc gia tự do dân chủ, được giáo dục về giá trị cao quý của con người “vốn được sinh ra bình đẳng, và được tạo hoá ban cho những quyền không ai có thể xâm phạm, trong đó có quyền được sống, được tự do và mưu cầu hạnh phúc”, Joseph đã có dịp được chứng kiến tận mắt những cảnh ngộ trong đó con người bị đối xử như một con vật, một phương tiện, một dụng cụ, hay một trò chơi tùy ý và tùy sức “sáng tạo” của chủ nhân, mà những chủ nhân ấy thường khi lại bệnh hoạn, hay ít nhất lệch lạc tính dục, khiến thú vui của họ càng mang vẻ quái đản, hoang dã và tàn bạo hơn. Đó chính là xã hội Việt Nam vào năm 1925, dưới sự cai trị trực tiếp của người Pháp.

Cuối Phần thứ nhất, nghĩa là chỉ sau một thời gian ngắn ở Việt Nam, cậu thiếu niên Joseph đã có những thay đổi, chuẩn bị cho cậu sẵn sàng bắt đầu chuyến phiêu lưu trải dài đến dòng cuối của truyện: Cậu đã lần đầu tiên hưởng thú vui của dục tình, đã gặp những nhân vật Pháp cũng như Việt rồi đây sẽ trở thành đại diện cho những lực lượng và những phe phái chính trong cuộc chiến tranh nhiều mặt, kéo dài nhiều giai đoạn, mà lúc nào cũng khốc liệt và không bao giờ khoan thứ. Quan trọng nhất là Joseph gặp Kiều

Lan, lúc ấy là một cô bé mười tuổi trong một hoàn cảnh đầy kịch tính. Cô là định mệnh của cậu, vì sau đó, sợi chỉ nối kết mọi diễn tiến trong truyện chính là mối tình vừa lãng mạn, dữ dội, vừa oan nghiệt như đã tiền định từ kiếp nào, lại vừa mang tính đam mê sáng tạo của hai người. Mối tình ấy, từ khi nẩy sinh, đã chi phối mọi vui buồn, mọi diễn tiến, mọi quyết định trong đời Joseph dù chính anh ý thức được hay không.

Trong bốn người của gia đình Joseph đến thăm Việt Nam, thì đến cuối chương một, anh trai đã chết thảm, ông bố mất một cánh tay và vĩnh viễn mang bộ mặt biến dạng do tai nạn trong một chuyến đi săn ở gần Sài Gòn. Thê thảm hơn, bà mẹ không còn là người cậu tuyệt đối kính yêu nữa, và niềm tin về sự bình đẳng của loài người như một tặng phẩm của tạo hoá cũng đã trôi đi theo những cơn mưa nhiệt đới trong rừng, khi cậu đứng chết trân chứng kiến những cảnh mà cho đến cuối truyện, và có lẽ cuối đời nữa, không bao giờ rời khỏi tâm trí của cậu.

Gia đình thứ nhì được giới thiệu trong chương đầu tiên của truyện là vợ chồng Ngô Văn Lộc cùng hai con trai Ngô Văn Đồng và Ngô Văn Học. Đây là gia đình mà vì lòng hận thù tổng hợp tận cùng với thực dân Pháp, đã theo cách mạng, mới đầu là Quốc Dân đảng, rồi Việt Minh Cộng sản, và sau nữa là Bắc Việt Nam. Ước vọng duy nhất của gia đình này lúc đầu là giết ngoại xâm, rồi sau là để trả thù. Lòng hận thù của các thành viên trong nhà này cao và mãnh liệt đến nỗi mỗi khi họ xuất hiện, người đọc lại hồi hộp vì biết sẽ có máu đổ, mặc dù chưa biết là ai sẽ chết. Gia đình thứ ba là hai cha con người Pháp Jacques và Paul Devraux, lúc bấy giờ là chủ nhân của gia đình Lộc. Jacques sau trở thành người cầm đầu mật thám Pháp tại Đông Dương, còn Paul là sĩ quan quân đội Pháp trú đóng tại Yên Bái rồi Điện Biên Phủ. Cuối cùng là gia đình quan đại thần Trần Văn Hiếu của Nam Triều. Trong khi ông Hiếu trung thành với triều đình Huế và do đó cực kỳ tôn kính người Pháp, thì người con trai thứ của ông là Trần Văn Kim lại cấp tiến và theo cách mạng, về sau trở thành một cán bộ Cộng sản cao cấp. Con gái út của gia đình là cô Lan mặc dù được giáo dục theo lễ giáo phong kiến, nhưng lại mang một tinh thần nổi loạn. Cô trao thân cho

Joseph sau khi gặp nhau chỉ vài lần và có một con gái với anh ta trước khi lấy Paul. Con trai của Lan với Paul sau trở thành sĩ quan Quân lực Việt nam Cộng hòa. Người về sau tử trận chỉ mấy năm sau khi tốt nghiệp Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt. Chồng Tuyết theo Cộng sản, nên bị chính phủ miền Nam bắt và tra tấn đến chết, để lại cho cô hai con nhỏ. Tuyết quyết tâm đòi nợ máu nên gia nhập Mặt trận GPMN và chạm trán tại trận địa mà không biết với người anh cùng mẹ khác cha. Tuyết và hai con - một trai tên Chương, một gái tên Trinh, sau Tết Mậu Thân ra sống ở ngoài Bắc. Tuyết và Chương chết mất xác trong một vụ oanh tạc của không quân Mỹ. Trinh theo đoàn quân Nam tiến, gặp được Joseph và hai ông cháu lên được chuyến trực thăng cuối cùng rời toà đại sứ Mỹ ở Sài Gòn lúc rạng sáng ngày 30 tháng Tư năm 1975. Câu chuyện chấm dứt với lời Joseph vỗ về bên tai Trinh: Cháu đừng lo. Ông cháu mình an toàn rồi - mọi sự rồi sẽ ổn thoả hết.

Tác giả đã cho Joseph Sherman thực hiện một cuộc phiêu lưu kỳ lạ đầy bất ngờ dọc theo 50 năm của lịch sử Việt Nam. Anh ghé đất nước Việt Nam nhiều lần, mỗi lần là một cột mốc của đời anh, mà cũng là cột mốc của lịch sử. Không chỉ có mặt ở Sài Gòn vào những thời điểm đặc biệt như khi vừa chấm dứt Thế chiến hai, trong giai đoạn cuối của Đệ nhất Cộng hòa, trong giai đoạn cao điểm của cuộc chiến, những ngày Tết Mậu Thân, và khi Sài Gòn thất thủ, Joseph còn lái xe dọc theo quốc lộ một, chứng kiến cảnh hoang tàn của chiến tranh và nạn đói. Anh cũng ra Huế để thấy cảnh vua Bảo Đại thoái vị. Anh còn có mặt ở hang Pắc bó vào khi đội Tuyên truyền Giải phóng quân bắt đầu thành lập, ở Hà nội trong ngày 2 tháng Chín năm 1945, và từng đến thăm doanh trại của quân Pháp tại Điện Biên Phủ. Joseph cũng hiện diện tại Paris trong thời gian các phe phái đang thảo luận về dự thảo một hiệp định đình chiến năm 1973, và tại Hoa Kỳ vào khi phong trào phản chiến lên đến cao điểm. Chính vì thế, mà trong truyện, tất cả các sự kiện chính trong 50 năm lịch sử cận và hiện đại của Việt Nam đều được nói đến. Không chỉ nói đến, mà còn mô tả một cách tương đối chi tiết và chính xác. Không chỉ cảnh, mà cả con người nữa cũng được mô tả bằng những nét rất sắc rất gọn, từ những nhân vật phụ chỉ nhằm

minh họa một hoàn cảnh, cho đến những nhân vật lịch sử như vua Bảo Đại, anh em ông Ngô Đình Diệm, ông Hồ Chí Minh, ông Dương Văn Minh vân vân. Bạn đọc có thể đặt câu hỏi rằng có lý nào mà tất cả các nhân vật ấy lại có thể xuất hiện trong dòng đời của một người thôi mà không có sự gượng ép nào trong việc xây dựng truyện, nhưng khi dong ruổi cùng Joseph qua hơn 1000 trang của Trăng Huyết, ta sẽ thấy là chuyện ấy xảy ra thực, xảy ra một cách nhuần nhuyễn và hợp lý nhờ những thủ thuật của tác giả. Rất có thể là tác giả đã muốn tận dụng mọi kiến thức của mình về lịch sử Việt Nam, nhưng lại nhân đó, cho chúng ta được thưởng thức một trường thiên tiểu thuyết lịch sử hàng đầu cho đến nay.

Khi đọc đến dòng cuối của truyện, biết rằng hai ông cháu Joseph và Trinh sống, sẽ an toàn và sẽ bắt đầu một cuộc đời mới, người đọc cảm thấy bàng hoàng vì lẽ tất cả các nhân vật khác đều đã chết. Không một ai chết bình thường, và không một ai chết bình thản. Tất cả đều chết dữ dội và trong hận thù:

Người chết đầu tiên là anh Chuck của Joseph, bị trâu rừng húc trong một cuộc săn: Chuck ngã xuống, bụng bị đâm thủng. Trong khi cậu quằn quại đau đớn dưới đất, con trâu húc cậu thêm cú nữa. Trong cú húc thứ hai, một chiếc sừng trâu thọc vô phổi Chuck nơi vùng cao phía bên trái lồng ngực. Mũi sừng nhọn hoắt đâm thấu trái tim cậu. Trong khi con vật rống lên, ngúc ngắc đầu trên cơ thể Chuck, cậu thấy sát ngay trước mặt mình những sợi lông xám quanh cái mõm đen sì và rộng. *Chuck ngã xuống, bụng bị đâm thủng. Trong khi cậu quằn quại đau đớn dưới đất, con trâu húc cậu thêm cú nữa. Trong cú húc thứ hai, một chiếc sừng trâu thọc vô phổi Chuck nơi vùng cao phía bên trái lồng ngực. Mũi sừng nhọn hoắt đâm thấu trái tim cậu.* (Phần I).

Gia đình Ngô Văn Lộc chết cả nhà: Vợ Lộc chết trong tù vì bị mật thám Pháp tra tấn. Lộc bị Pháp bắn chết ở Sài Gòn trong khoảnh khắc bắt đầu cuộc Nam bộ Kháng chiến, Học chết vì bị kết án tử hình khi thất bại trong cuộc tổng khởi nghĩa của Việt Nam Quốc Dân Đảng, còn hai cha con Đồng thì tan xác khi được đưa từ Bắc vào chiến đấu tại miền Nam dưới danh nghĩa của Mặt trận Giải phóng Miền Nam: *Đang cố hết sức kéo thi thể con trai vào miệng*

địa đạo, Ngô văn Đồng bị bắn trúng. Trong chớp mắt, hai quả tên lửa làm nổ tung thân thể hai cha con ra hàng ngàn mảnh. Một luồng khói trắng khổng lồ và đất đen phụt lên thành hình xoắn ốc, làm mù mịt nơi tử nạn. Và chung quanh họ, địa đạo sụp xuống, biến thành một nấm mồ chôn cả cha lẫn con. (Phần VI).

Cả năm người của gia đình Ngô Văn Lộc, kể cả con trai của ông, đều chết không toàn thây với lòng thù hận không nguôi, trong những tình huống khác nhau của chiến tranh. Cái chết của họ, cũng như của hai cha con kẻ thù bất cộng đái thiên của họ là gia đình Devraux cũng cho thấy cái sự bất tận của hận thù, một trong những góc độ của tình hình xã hội Việt Nam trong thời gian của cuốn tiểu thuyết: Jacques bị Cộng sản ám sát, còn Paul thì bị Việt Minh bắn chết khi Điện Biên Phủ thất thủ, sau khi quân đội Pháp đã đầu hàng, và người quyết tâm tìm giết anh chính là Đồng: *Với vẻ mặt méo mó quẫn quai, người Việt Nam ngoéo chặt ngón tay vào cò súng tiểu liên trong vài giây. Và người sĩ quan Pháp té chúi nhủi vào vách hầm rồi úp mặt xuống mặt đất đầy bùn, không một tiếng kêu và không bao giờ còn cử động. (Phần V)*

Hai cha con Lan cũng không thoát khỏi cái chết nát thây ngay trên đường phố Sài Gòn vì một chú bé đang học làm biệt động thành: *Quả lựu đạn miểng buộc nơi bắp đùi cậu bé phát nổ chát chúa. Nó hất tung toàn thân Trần văn Hiếu và cậu bé lên khỏi mặt đất, rồi cả hai cùng rớt xuống thành một đồng nhầy nhụa. Nhiều người đi ngang cũng gục xuống chung quanh cả hai, dưới con mắt kinh hoàng của đám tây thuộc địa đang ngồi uống cà phê bên trong tầng trệt khách sạn Continental. Máu của người đi ngang trộn với máu của kẻ sát nhân và nạn nhân thành một vũng lênh láng trên vỉa hè. Nhờ té ngửa người dưới đất khi lựu đạn nổ nên Joseph thoát nạn. Nhưng khi đứng lên và đi loạng choạng tới vị trí vừa xảy ra cuộc ám sát, anh nhìn thấy Lan. Thân thể nàng nằm cách cha nàng khoảng nửa thước, co quắp và rạn vỡ. Anh không thấy được mặt Lan vì nàng nằm sấp trên vỉa hè nhưng chiếc áo lụa trắng nàng mặc biến lẹ làng thành màu đỏ thẫm trong ánh nắng chói lọi. Và từ trên đầu chít chiếc khăn xanh kỷ niệm tới khắp chân tay mảnh mai của nàng không có một dấu hiệu động đậy nào.*

(Phần V).

Và rồi Tuyết, con người đau khổ bậc nhất trong truyện cũng chết bất ngờ và đau đớn cùng con trai trong một trận đánh bom của B 52 tại Hà Nội: *Tới giữa trưa, Trinh [con gái của Tuyết] nhìn chăm chặp thi thể dập nát của Tuyết và Chương vừa được người ta kéo lên chung một lượt. Hai mẹ con đang rúc vào nhau khi quả bom xoáy trúng hầm trú ẩn. Cả mẹ lẫn con cùng tử nạn trong khi ôm lấy người nhau. Gào từng chập, Trinh điên cuồng lao vào thi hài mẹ. Phải mất gần mười phút vừa năn nỉ vừa dỗ dành, nhân viên cứu hộ mới nhắc bổng được con bé lên, đưa nó đi khỏi hiện trường.* (Phần VIII) Và còn nhiều cái chết khác nữa, kể cả chết vì bị ném xuống biển, như nhân vật lạ lùng nhất trong truyện là Đào Văn Lật.

Song song và ẩn hiện sau những cái chết ấy là hận thù. Trong *Trăng Huyết*, người ta không hận thù một người hay một dòng họ, mà hận thù từng nhóm người, từng giai cấp, từng tập thể, hay cả dân tộc, nên hận thù mang tính hàng hàng lớp lớp và không ai thấy mình đủ thời gian cũng như sức lực để giết hay để trả hận. Máu lại đòi thêm máu và máu tạo thêm máu. Chính vì thế mà trong truyện, có khi người ta gào thét trước khi giết, và đâm chém thêm, nã súng thêm vào thầy ma sau khi giết. Ít khi có tiểu thuyết nào mà con người đối xử với nhau tàn bạo đến thế, và cũng ít tiểu thuyết nào mà tác giả lại tàn nhẫn với các nhân vật của mình đến thế.

Có thể là tác giả muốn cực tả sự tàn bạo và phi nhân của chiến tranh nói chung và cuộc chiến nhiều mặt ở Việt Nam nói riêng. Nếu thế, thì sự bàng hoàng của người đọc khi gấp sách lại, và sự rờn rợn suốt thời gian đọc truyện, khi thấy những dòng chữ đầy máu đỏ thịt rơi hóa ra lại là sự thành công của tác giả. Dân tộc ta quả nhiên đã mang những vết thương khủng khiếp trong một cuộc chiến quá dài, quá rộng và quá tàn nhẫn.

Virginia, Hoa Kỳ,

Mùa thu 2004

NỘI DUNG

Lời nói đầu của Anthony Grey
Lời Giới Thiệu của Nguyễn Minh Diễm
Nội Dung
Bài Thơ Cảm Đề của Nguyễn Ước

TẬP MỘT

Phần I. Đòi Thuộc Địa Là Thế !
1925
Phần II. Hận Thù Của Triệu Cu-li
1929-1930

TẬP HAI

Phần III. Sông Hương
1936
Phần IV. Chiến Tranh Và Nạn Đói
1941-1945

TẬP BA

Phần V. Điện Biên Phủ
1954
Phần VI. Thái Bình Kiều Mỹ
1963

TẬP BỐN

Phần VII. Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm
1968-1969
Phần VIII. Chiến Thắng Và Chiến Bại
1972-1975

Tái Bút
Thay lời bạt của Hoàng Khởi Phong
Phụ lục:

*Tiểu Sử Tác Giả
Phỏng vấn của Đài Á châu Tự do
Nguyễn văn Lờ Mở đầu của A. Grey*

**Cảm Đề
TRĂNG HUYẾT**

*Năm mươi năm cát bụi lâm,
Nghe bản bật máu tiếng thâm lời thiêng.
Bầy chim Lạc thuở trời nghiêng,
Quạt đôi cánh giữa oan khiên chập chờn.
Bay qua bão lửa mưa nguồn,
Đau cơn mộng dữ thiên đường âm u.
Thì thôi rũ áo hận thù,
Hương lòng bát ngát, phù du sắc đời.
Ai về gối đất làm ngôi,
Ta đêm chắm mực khóc người truân chuyên.
N.U'*

TRĂNG HUYẾT

Phần Thứ Nhất - Đòi Thuộc Địa Là Thế! - 1925

Tập I - Phần I - 1 -

Tháng 10 năm 1856, tàu chiến Pháp hạ thành Đà Nẵng, mở đầu cuộc xâm lăng nước Việt Nam nhằm thiết lập các cơ sở chính trị và thương mại cho nước Pháp, để tới hậu, biến Việt Nam thành thuộc địa của Pháp. Tháng 2 năm 1859, quân Pháp chiếm thành Gia Định rồi dần dần xua quân đánh loang khắp lục tỉnh. Mười bốn năm sau, Pháp hạ thành Hà Nội lần thứ nhất. Tháng 3 năm 1874, đại diện vua Tự Đức và nước Pháp ký Hòa ước Giáp Tuất nhường đứt sáu tỉnh Nam Kỳ cho Pháp. Tám năm sau, Pháp đưa quân ra Bắc, hạ thành Hà Nội lần thứ hai. Tháng 6 năm 1884, hòa ước Patenôtre ký kết giữa các đại diện Pháp và triều đình Huế công nhận nước Việt Nam bị chia hẳn làm ba kỳ. Hiệp ước ấy đánh dấu nền thống nhất đất nước mà dân Việt từng xây dựng bằng biết bao nhiêu xương rơi máu đổ suốt mấy ngàn năm lịch sử, nay lâm vào cảnh tam phân vì chính sách thâm hiểm “chia để trị” của người Pháp; nó đồng thời xác định sự chiến thắng trọn vẹn của đế quốc Pháp và sự suy tàn không cứu vãn nổi của phong kiến Việt Nam.

Như thế, dưới ách đô hộ của thực dân Pháp, từ trước năm 1925, đất nước hiện nay có tên là Việt Nam đã bị chia làm ba phần. Miền phía nam gồm Sài Gòn và đồng bằng sông Cửu Long làm thành xứ Nam Kỳ, trên thực tế là thuộc địa kể từ năm 1862; miền trung ở giữa với đế đô Huế là xứ Trung Kỳ Bảo Hộ; và miền phía bắc với kinh kỳ Hà Nội cũng là một xứ bảo hộ riêng biệt, được gọi là Bắc Kỳ. Về mặt lý thuyết, hoàng đế An Nam có toàn quyền cai trị phần đất bảo hộ, nhưng sau biến cố Kinh thành Thất thủ 1885 với việc vua Hàm Nghi xuất cung, truyền hịch kêu gọi toàn quốc Cần Vương, người Pháp truy bắt được vị vua 16 tuổi này, đem đày ở Algeria. Sau khi phong trào Văn Thân tiếp nối rồi bị dẹp tan,

người Pháp bắt đầu thao túng chính sự của Nam Triều.

Năm 1907, người Pháp dựng có vua Thành Thái bị bệnh tâm thần, bắt đưa đi an trí ở Vũng Tàu. Tới năm 1914, nổ ra Thế Chiến Thứ Nhất ở châu Âu, họ đưa vị cựu hoàng đầy khí phách ấy đi đày ở đảo Réunion tại Phi Châu thuộc Pháp để ngừa biến loạn. Bảy năm trước đó, người Pháp đặt lên ngôi con của Thành Thái là Duy Tân, lúc ấy mới tám tuổi. Tới năm 1916, vị vua trẻ anh tuấn này dùng cảm “rửa vết nhơ cho nước” bằng cách đứng đầu một phong trào khởi nghĩa đánh Pháp từ Quảng Bình đến Bình Thuận. Sự việc vỡ lở, nhiều sĩ phu và nghĩa dân trong Việt Nam Phục Quốc Hội bị bắt rồi bị cấm cố khổ sai hoặc xử tử. Nhà vua bị Pháp đem đi đày chung một đảo với phụ hoàng.

Người Pháp đưa lên ngôi người con trai duy nhất còn sống của vua Đồng Khánh là Bửu Đảo, một hoàng tử thường đau yếu và miệt mài trên chiếu bạc, rể của đại thần Trương Như Cương là kẻ lúc bấy giờ có quan hệ thân thiết với Pháp và quyền uy bậc nhất Nam Triều mà quan lại các cấp hầu hết đều xu phụ người Pháp. Trên lý thuyết, vua Khải Định, hoàng đế An Nam, cai trị hai miền gồm Trung Kỳ Huế và Bắc Kỳ Hà Nội với sự giúp đỡ và bảo hộ của Pháp còn Nam Kỳ thì chịu sự cai trị trực tiếp của Paris — nhưng trong thực tế cả ba miền đều là thuộc địa bị đô hộ.

Dân Việt Nam hầu hết thuần chủng tuy có một số bộ lạc sống nơi núi rừng hẻo lánh thuộc hệ Môn-Khmer và Thái, Tày, Nùng, v.v. làm thành khoảng 57 sắc dân. Ngày nay người ta gọi dân nước này là người Việt Nam nhưng vào thời đó (1925) thế giới bên ngoài chỉ biết rằng họ là người An Nam. Về cơ bản, họ thuộc nòi Giao Chỉ, có nguồn gốc chủng tộc bản địa, giống Mã Lai đa đảo Mê-La-Nê-Diên sống ở Đông Nam Á, trong đó có đồng bằng Bắc bộ, và hợp chủng với tộc Bách Việt mà vào thời tiền sử đã từ phía nam sông Dương Tử lan xuống vô số hải đảo Thái Bình Dương. Định cư tại dải đất ven biển phía đông bán đảo Hoa Ấn, dân tộc Giao Chỉ này lập quốc với tên Văn Lang, sau đó, từng đặt tên xứ sở mình là Nam Việt: Đất của dân Việt phương Nam. Họ còn gọi xứ sở mình là đất giao lưu của hai nền văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ. Người Trung

Hoa xâm lăng họ, chiếm cứ xứ sở họ suốt mười một thế kỷ, đồng thời đổi tên Nam Việt thành An Nam: Phương Nam ổn định và từ đó, gọi họ là người An Nam.

Trong suốt thời gian dài dằng dặc ấy, họ hấp thu hệ thống quân chủ và triết lý Khổng Mạnh của người Trung Hoa nhưng từ khi giải phóng đất nước nhân lúc sụp đổ của nhà Đường, họ vươn lên thành một quốc gia độc lập. Có thời xưng là Đại Việt: xứ sở của Dân Việt Vĩ Đại; cũng có thời xưng là Đại Nam: Phương Nam Vĩ Đại, họ đẩy lùi cuộc xâm lăng của đám người Mông Cổ cũng như họ chiến đấu và chiến thắng những nỗ lực xâm lăng của các hoàng đế Trung Hoa thuộc các triều đại Tống, Minh rồi Mãn Thanh. Từ đồng bằng Bắc bộ, họ bành trướng lãnh thổ xuống phương nam. Dần dần họ xâm chiếm đất đai của vương quốc Champa vào tới Bình Thuận và lấn luôn phần Khmer-krom (Thủy Chân Lạp) của người Khmer từ Bình Tuy tới Châu Đốc Hà Tiên vào cuối thế kỷ 17. Họ còn khiến vương quốc Lào phải thần phục và triều cống. Thế nhưng tới cuối thế kỷ mười chín họ không đủ sức chống cự các đạo binh châu Âu. Vào thời đó, sau hai thế kỷ xâm nhập ngày càng sâu của các nhà truyền giáo và các nhà buôn phương Tây, tới lượt người Pháp quyết định dùng sức mạnh vũ khí để thiết lập nền đô hộ trên khắp lãnh thổ An Nam với hai vương quốc cách biệt là Lào và Cambodia, cộng thêm nhượng địa Quảng Châu Loan ở cực nam Trung Hoa, lập thành Liên bang Đông Pháp (Đông Dương thuộc Pháp).

Ngay từ năm 1886, Paul Bert, Thống sứ Bắc Kỳ rồi Khâm sứ Trung kỳ đã nói: “Khi một dân tộc, vì một lý do nào đó mà đặt chân lên lãnh thổ của một dân tộc khác, thì chỉ có ba cách đối xử, đó là: tiêu diệt dân tộc bại trận, nô dịch họ một cách nhục nhã hoặc gấn bó họ vào chung số phận của dân tộc mình.” Chính quyền thực dân Pháp chưa bao giờ chọn cách thứ ba.

Khoảng mười sáu ngàn người Pháp thống trị mười lăm triệu người An Nam với một chế độ cai trị khắc nghiệt, không chút khoan nhượng. Họ bổ nhiệm các viên chức Pháp và một số người bản địa thân Pháp nắm quyền hành cho tới tận cấp chính quyền thấp nhất còn người An Nam đã không có quyền hành lại còn bị sỉ nhục ngay

trên quê hương mình. Gạo, than đá và cao su bị đem bán ra nước ngoài vì lợi nhuận độc quyền của những người Pháp có cổ phần trong các công ty châu Âu, còn cu-li người An Nam bị hành hạ trong hầm mỏ, trên công trường cao su với đồng lương không đáng kể. Dân quê làm ruộng cũng lâm vào hoàn cảnh khốn khổ như thế. Đất của họ thường bị kiếm có cướp đoạt rồi đem sáp nhập để tăng thêm đất sở hữu của các Tây thuộc địa và của một số ít ỏi người An Nam đang hợp tác với Pháp.

Trong khi bóc lột các xứ sở mình chiếm cứ, người Pháp lại không ngớt rêu rao rằng họ tới Đông Dương với “sứ mạng khai hóa” để giúp quốc gia lạc hậu này tiến vào ánh sáng văn minh của thế kỷ hai mươi. Ngay từ đầu, các nho sĩ và quan chức hàng đầu người An Nam như Nguyễn Đình Chiểu, Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Âu Dương Lân, v.v... đã nhận ra sự đạo đức giả đó của người Pháp. Họ không bao giờ chịu thật lòng hợp tác với chủ nhân ông thực dân và họ coi khinh những đồng bào nào hợp tác toàn tâm toàn ý với Pháp. Một số ra sức tổ chức các nhóm yêu nước và kháng chiến như Trương Định, Nguyễn Trung Trực, Thủ Khoa Huân, v.v... và sau đó, các phong trào Cần Vương, Văn Thân... nhưng không mấy thành công.

Cũng như các nước thực dân thời đó, người Pháp tin rằng đám thần dân thuộc địa “da màu” thì rất thấp kém so với các chủng tộc da trắng châu Âu. Và vào năm 1925, niềm tin ấy tác động hết sức mạnh mẽ lên mọi lãnh vực trong đời sống hằng ngày — khắp các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội... và thậm chí tình dục.

- 1 -

Bọt trắng phun ngược lên mặt nước rồi ngoằn ngoèo chạy theo các bánh lái bằng thép của chiếc Avignon, con tàu Pháp trọng tải năm ngàn tấn, khi họ ra khỏi vùng Biển Đông nước ấm xanh màu nhiệt đới. Con tàu rời Hồng Kông hai ngày trước đây, nay đang hướng mũi về vùng xích đạo phương nam dưới ánh mặt trời chói chang ban trưa. Giữa bóng tối nóng nung người trong các hầm tàu không hàng hóa ngay bên dưới sàn boong, ba trăm cu-li người Hoa cùng

với gia đình của họ im lặng chen chúc nhau, ngóng cổ rướn tới các luồng không khí thoáng đang đang chờn vờn bên trên những nắp vỉ sắt nóng bỏng dùng để cách ly họ và nhốt thật kỹ.

Nơi khu vực bên trên boong sắt bên ngoài nửa tá buồng ngủ hạng nhất, các tấm bạt sọc trắng xen lẫn sọc xanh lá cây nhẹ nhàng vờn cánh trong gió, rung êm đềm theo chuyển động của thân tàu. Dưới bóng mát của vải bạt, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman ung dung ngửa người trên lưng ghế xích đu bằng vải thô, khoan khoái duỗi thẳng hai chân ra đằng trước. Cao, mặt hồng hào và có khuynh hướng phát phì trong độ tuổi vừa quá bốn mươi, người Nathaniel toát ra vẻ tự mãn của một kẻ sở đắc được sự hâm mộ của quần chúng tới một mức nào đó. Đầu xù và mái tóc rậm từ đường ngôi giữa trán rẽ ra hai bên thành hai mé đều nhau. Mũi trên của ông phủ một bộ ria rậm hợp thời thượng.

Nathaniel đã cởi áo khoác bằng vải lanh nhưng phong cách chững chạc được nuôi dạy từ thuở bé của một người thượng lưu Virginia khiến ông vẫn mang trên mình chiếc áo vét-tông may cắt rất vừa vặn và chiếc cà-vạt lụa màu nâu được ghim vào áo sơ-mi bằng cây kim nam kim cương. Cũng thế, lòng kiêu hãnh và thích kiêu cách của người Mỹ miền nam khiến thượng nghị sĩ phải vội vàng nhóm dậy khi có một sĩ quan cấp úy, mặc đồng phục trắng, xuất hiện sát bên ông. Trên tay anh ta là khay nước giải khát ướp lạnh được bung ra cho ông, vợ và hai con trai. Nathaniel nói chậm rãi, cố ý làm cho nụ cười ân cần chiếu cố tỏa khắp khuôn mặt mình:

- Thưa anh, sẵn sóc chúng tôi như thế này anh thật là người cực kỳ tinh tế. Nhất là trong khi anh rất bận rộn với con tàu nhỏ nhắn và ngăn nắp này.

Người thanh niên Pháp nghiêng đầu tỏ vẻ tôn kính rồi thận trọng nói bằng thứ tiếng Anh của người ít khi dùng tới:

- Thưa thượng nghị sĩ, xin ông chớ nói như thế. Tôi chỉ là người vâng lệnh thuyền trưởng mang tới quý vị nước giải khát cùng lời vắn an của ông ấy. Trước đây, chúng tôi chưa bao giờ có hân hạnh được chở một đại biểu quan trọng của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ tới Sài Gòn như lần này.

- Xin anh vui lòng chuyển lời cảm ơn của tôi tới thuyền trưởng về

sự đánh giá vô cùng tử tế của ông ấy. Chắc hẳn lòng hiếu khách nổi tiếng của người Pháp sẽ làm cho thời gian chúng tôi ở lại tại thuộc địa của quý quốc thành một kỷ niệm không bao giờ phai nhạt.

Viên sĩ quan đẹp trai với vẻ mặt trẻ thơ ấy thêm lần nữa nghiêng đầu. Rồi xoay lưng lại với thượng nghị sĩ, anh hướng khay nước về phía Flavia, vợ ông, một phụ nữ trong độ tuổi chưa tới bốn mươi, đẹp tuyệt vời và rất quyến rũ. Mái tóc đen tuyền ôm gọn khuôn mặt trái xoan màu trắng phơn phớt xanh cùng bộ ngực đầy đặn và thanh tú, tỏ cho thấy phần nào dòng máu Louisiana lai Pháp đang chảy trong huyết quản bà.

Viên sĩ quan mỉm cười nhìn thẳng vào mắt Flavia khi bà đưa bàn tay đeo găng lên nhắc ly nước chanh tươi có đá lạnh. Flavia cũng mỉm cười cảm ơn, lâu hơn mức cần thiết một chút, rồi nhỏ nhẹ cất tiếng:

- Merci beaucoup, monsieur. Vous êtes trop gentil. Cảm ơn ông rất nhiều. Ông dễ mến quá.

Trước khi quay sang hai con trai của Flavia, người thanh niên Pháp để ánh mắt thoáng lướt theo đường nét trên bộ ngực bà đang căng phồng dưới lớp áo đầm bằng lụa mỏng mới may cất ở Đại lộ Thứ Năm; rồi anh lại mỉm cười ý nhị với bà. Sự phô bày lộ liễu niềm say mê và thú vị đó khiến Flavia cảm thấy mặt mình nóng bừng.

Bên kia bàn, Joseph, cậu con trai thứ, thấy má mẹ ửng hồng. Flavia ngược mắt, nhận ra cậu đang dăm dăm nhìn thấu tâm trạng sâu kín của mẹ. Để giấu kín vẻ bối rối, bà lóng ngóng cho tay vào túi xách tìm chiếc hộp nhỏ và đẹp làm bằng mai rùa có gắn gương soi bên trong nắp rồi xoay người qua hướng khác, bà điểm điểm phẩn lên khuôn mặt mình. Joseph cầm ly nước chanh trên khay của viên sĩ quan nhưng thay vì uống, cậu tiếp tục nhìn về phía mẹ, sẵn sàng nở nụ cười đồng tình. Nhưng trước trạng thái trông ngóng của cậu, Flavia lại đưa mắt ngoảnh chỗ khác, không nhìn con.

Khi người thanh niên Pháp vừa quay đi, Nathaniel Sherman tủm tỉm cười, nghiêng mình đẩy tự tin về phía chiếc ghế có cậu con lớn đang ngồi:

- Chuck ạ, bố đang tự hỏi là anh ta sẽ đối đáp ra sao nếu bố bảo

anh ta rằng anh ta vừa mời nước một người tới ngày nào đó sẽ trở thành nhân vật quan trọng còn hơn cả thượng nghị sĩ tâm thường này của đảng Dân Chủ tiểu bang Virginia? Giả dụ bố bảo anh ta rằng chiếc Avignon này đang chờ người thanh niên có tên Charles Sherman, kẻ mang định mệnh một ngày nào đó sẽ trở thành tổng thống nước Mỹ?

Ông nắn nắn bắt tay Chuck, tên gọi tắt của Charles, rồi liếc cậu con thứ:

- Chắc chắn thế nào anh ta cũng phải chú ý tới nỗi giạt bắn cả người, đúng không Joey?

Joseph gật đầu, cầm ly nước lên, nốc cạn một hơi rồi trả lời gọn lỏn, không ngước mặt:

- Đúng hết sảy đó bố.

Cách nhau sáu tuổi, hai anh em đều có mái tóc màu vàng tươi nhưng chỉ Charles Sherman, hai mươi một tuổi, giống vị thượng nghị sĩ cha mình một cách rất đặc biệt. Cao như cha, hai vai rộng khoảng khoát, Chuck có vẻ đẹp như tượng tạc, lồ lộ những đường nét của kẻ bẩm sinh là lực sĩ điền kinh, đồng thời cũng toát ra một cá tính mạnh mẽ khác thường. Và như thể bắt chước cha, cậu cũng hãnh diện để một bộ ria mép màu hung.

Đưa ngón tay trở với ngón cái lên xoắn xoắn mấy cọng ria, Chuck làm bộ mặt mày nhăn nhó, ngó Joseph với vẻ trêu chọc, để tỏ cho em thấy trong bụng cũng đang khó chịu khi nghe lời tuyên bố đầy tin tưởng và quá đáng của cha về mình. Lập tức Joseph toét miệng cười tội nghiệp cho anh. Rồi cảm thấy ông bố thượng nghị sĩ đang hào hứng với đề tài quen thuộc đó, cậu cầm lên cuốn sử ký Đông Dương thuộc Pháp đã mở và đặt sẵn trên bàn trước mặt, thả ngửa người ra lưng ghế.

Vóc người nhỏ hơn anh, ở tuổi mười lăm, bộ mặt của Joseph mang nét thơ dại và còn nhiều biến đổi của một thiếu niên đang lớn nhưng đã để lộ vẻ đăm chiêu nghĩ ngợi và sâu sắc hơn Chuck. Nụ cười của cậu có dấu vết đa cảm như thừa hưởng tính khí của mẹ. Khi cha bắt đầu lên tiếng nói nữa, đôi lông mày mỏng mảnh trẻ trung của Joseph nhú lại. Dù đang cố tập trung trí óc vào việc đọc sách nhưng từ đằng sau cuốn sách, cậu vẫn nghe không sót tiếng nào

trong lời lẽ của bố:

- Chuck ạ, bố biết con cảm thấy ngượng ngịu khi bố đề cập tới con theo cách đó nhưng bố làm vậy cũng chỉ với động cơ tốt. Thận trọng và trang trọng chằm điều xì-gà Havana, thượng nghị sĩ nói tiếp:

- Chẳng bao giờ là quá sớm khi gieo rắc những ý tưởng vĩ đại vào một đầu óc non trẻ. Bố tin rằng một khi người đàn ông đã lập quyết định thì không việc nào hấn không làm được. Con nên nhớ rằng: hể nếu con bắt tay vào việc sớm hơn một chút thì không cái gì trên quả đất này có thể cản trở nổi một quyết tâm thật sự. Bộ không phải cộng đồng tiểu bang Virginia của chúng ta nổi tiếng là nơi sản sinh tổng thống Mỹ sao? Washington, Jefferson và sáu người Virginia khác từng lãnh đạo đất nước của chúng ta. Vậy tới ba mươi lăm năm nữa — hãy cứ nói là khoảng năm một ngàn chín trăm sáu mươi — tại sao lại không có một vị tổng thống tên là Charles Sherman ngồi trong Toà Bạch Ốc? Bố đã nói với con trước đây rằng con hãy phóng tầm mắt của mình lên thật cao.

Nathaniel ngừng lại, chỉ điều xì gà vào cậu con lớn và thân mật khích lệ:

- Nếu con bắt tay hành động thì cái không thể làm được sẽ bắt đầu trở thành cái có vẻ làm được.

Chuck Sherman ngo nguậy trên ghế, nhãn mặt hóm hỉnh nhìn mẹ:

- Ôi, cũng lại cái chuyện đó nữa! Mẹ ơi, rồi mẹ có thỉnh thoảng ghé lại Tòa Bạch Ốc thăm con để con chẳng cảm thấy mình quá cô độc ở chỗ đó không?

Trước khi vợ kịp trả lời, thượng nghị sĩ cắt ngang với giọng có vẻ quở trách:

- Bố tin chắc, Chuck ạ, rằng không có gì làm mẹ con hạnh phúc hơn là được thấy con mang lại sự trọng vọng cho bản thân con và cho gia đình mình. Không kém gì bố, mẹ con cũng muốn con thành công.

Flavia Sherman lập tức mỉm cười đồng tình với Chuck. Rồi với tiếng thở dài không màng che đậy cơn bức dọc, bà quay sang chồng:

- Nathaniel này, có phải để yên cho cả nhà thoải mái trong vài tuần

lễ để tận hưởng chuyến đi này là tốt hơn không? Liệu chúng ta không thể, chỉ lần này thôi, để Washington và chính trị Virginia ở lại bên Mỹ sao?

Với cử chỉ độ lượng, thượng nghị sĩ cười cười, ve vẩy điều xì-gà trước mặt mình và trả lời:

- Mình ạ, dĩ nhiên anh muốn cả nhà mình vui vẻ thưởng thức chuyến đi hiếm có này, nhất là em. Trưa nay, anh thấy em có vẻ cực kỳ thoải mái trong chiếc áo đầm em đang mặc. Anh nghĩ chuyến đi này tự nó là một liều thuốc bổ cho em. Thật may mắn cho mình, phải không các con, là cửa tiệm Saks Fifth Avenue sang trọng đã khai trương đúng một ngày trước hôm chúng ta đi xa?

Nathaniel títt mắt nháy về phía hai con rồi đưa tay vỗ vỗ bàn tay của vợ đang đặt trên thành ghế, ông xuống giọng:

- Anh nghe người ta đồn lòng vòng ở Manhattan rằng sau hôm em đi mua sắm ở khu vực đó, các cửa tiệm phải đóng cửa vì hết sạch y phục thời trang Paris, có phải vậy không?

Flavia cố nhoẻn miệng cười nhưng trong thâm tâm bà muốn rút tay lại khi bị chồng chạm vào. Suốt ba ngày vượt biển vừa qua, lần đầu tiên sau nhiều năm trời bà lại được giao tiếp với lối sống kiểu Pháp và trong lòng bà những xúc cảm bị quên lãng từ lâu nay xôn xao trở lại.

Lời thăm hỏi đầy phong nhã của thuyền trưởng và đặc biệt, ánh mắt sáng lên khi nhìn bà của các sĩ quan trên tàu gợi cho Flavia nhớ rằng nhan sắc thời trẻ của bà, một nhan sắc từng được vô số người ngưỡng mộ, nay chưa phai pha. Lúc này, trong bầu khí nóng bức và sôi nổi của vùng nhiệt đới, dường như đã bốc thành hơi và tan biến khỏi ký ức của Flavia mọi dấu vết, mọi hình ảnh những năm dài vừa qua lịm chết với việc chăm lo nội trợ cùng săn sóc gia đình giữa lòng xã hội gò bó Tidewater xứ Virginia.

Ngay từ những ngày bắt đầu cuộc sống vợ chồng, Flavia đã cảm thấy cô đơn trong ngôi nhà nơi đồn điền Queen Anne nhìn xuống dòng sông James dù chung quanh bà lúc nào cũng có mặt một “đạo quân” nhỏ gồm những người da đen giúp việc. Và cứ thế, nhiều năm trời trôi qua trước khi Flavia hoàn toàn hiểu ra rằng chồng mình đã dùng tình trạng thường xuyên vắng nhà — ban đầu vì

công việc của đồn điền, rồi sau đó tới ở hẳn tại Thủ đô Washington — để che đậy việc ông gần như chẳng quan tâm chút nào tới con người của vợ. Sau cùng, Flavia thu mình vào một cuộc sống tẻ nhạt, thiếu đam mê, còn chồng bà che phủ tình trạng ông không để ý tới cảm xúc của vợ bằng một chiếc mặt nạ lịch sự nhã nhặn trước mặt mọi người. Ngoài tính cách của một người mẹ, vai trò độc nhất Flavia đóng là tiếp khách như một nữ chủ nhân nhằm trang trí cho những buổi họp mặt chính trị của chồng.

Cứ thế Flavia chịu đã thành quen nếp sống hôn nhân bề ngoài mãn nguyện nhưng bên trong đầy dẫy dối trá tới độ có lẽ chính bà cũng sắp sửa tin rằng đó chính là hạnh phúc thật. Nhưng lúc này, bản tính một thời đam mê đang thêm lần nữa thức giấc, Flavia bắt đầu cảm thấy mình sống động sôi nổi trở lại. Những ngón tay của chồng đang chạm vào bà một cách tẻ nhạt và hơi hợt bỗng có vẻ ghê ghê hơn bao giờ hết. Vội vàng rút tay mình về và cầm ly nước chanh lên để che giấu lý do thật sự khiến mình cắt ngang sự đụng chạm đó, bà nói thật bình thản, không ngước mắt nhìn chồng:

- Nathaniel ạ, em sẽ sung sướng hơn nếu anh dừng cứ vài phút lại làm Chuck lo nghĩ tới tương lai của nó. Em chắc rằng nó đang rất háo hức chuyện đi săn. Tại sao mình không để yên cho con tự thoải mái với chính nó.

Nathaniel nhắc điều xì-gà khỏi miệng rồi thêm lần nữa vỗ vỗ bàn tay vợ và nói với vẻ bao dung:

-Mình ạ, về mặt đó chắc chắn em có lý. Dĩ nhiên chúng ta dự tính tận hưởng thú đi săn và sẽ tự tay dồn đầy túi săn của mình một số dã thú quý và hiếm của xứ Nam Kỳ. Nhưng em nên nhớ rằng chúng ta đang du hành tới một góc của địa cầu, nơi ít có người biết rõ nó. Cuộc sống ở một thuộc địa của Pháp tại Á Đông khác hẳn mọi thứ chúng ta từng thấy nơi quê nhà. Dù ta đi bất cứ chỗ nào, mỗi chuyến đi cũng là một dịp học hỏi mới — đó là điều cha anh đã dạy cho anh! Và dĩ nhiên cho cả Chuck lẫn Joseph. Anh chỉ muốn giúp các con học cách nhìn mọi sự, thế thôi.

Ông ngừng nói rồi cười với Chuck:

- Dù là dân đại học Harvard đi nữa, con vẫn phải học hỏi từ chính cuộc sống vô số điều lạ lùng. Con không thể nào có được hết thấy

khôn ngoan của thế gian qua thư viện, ngay cả khi con là một học giả giỏi tới cỡ nào đi nữa...

Đột nhiên tiếng động của cuốn sách đóng ập lại làm thượng nghị sĩ tròng mắt nhưng ông vẫn không ngưng cuộc đọc thoại của mình.

Trong một thoáng, Nathaniel đưa mắt chăm bẵm nhìn theo cậu con thứ khi cậu bỏ đi, bước thờ thẩn dọc theo boong tàu. Rồi quay qua cậu con lớn, ông nói tiếp:

- Chuck ạ, thực tế là nếu chỉ nhìn những gì đang xảy ra chung quanh mình thôi thì không đủ. Dù ở Đông Dương hay ở Washington, con vẫn phải học cách cắt nghĩa chính xác các biến cố...

Joseph tiếp tục bước cho tới khi không còn nghe giọng nói lẽ mề của cha. Cậu dừng chân, tì người vào lan can mé đầu cầu thang, đưa mắt nhìn trống rỗng vào boong tàu phía dưới, và cảm thấy giận mình đã bỏ chỗ ngồi mà đi. Cậu rất muốn nghe những gì cha định nói nhưng giọng điệu đã quá quen thuộc của ông khi tán dương anh Chuck vẫn khiến cậu động lòng như thường lệ. Đây không phải lần đầu tiên Joseph tự hỏi tại sao nó lại làm mình mũi lòng đến thế trong khi chính cậu cũng thương mến và ngưỡng mộ Chuck. Tuy vậy, nỗi thắc mắc ấy tự nó không gợi lên được câu trả lời nào. Sau một hai phút, Joseph nhận ra rằng trong khi tâm trí lùng bùng với những ý nghĩ ấy, cậu cũng đồng thời nhìn xuống mé dưới các vĩ sắt cách ly, nơi nhốt những gia đình cu-li người Hoa. Hình như phải mất một lúc họ mới từ từ hiện lên rõ nét. Một khối những bộ mặt vàng vọt lúc nhúc bên nhau, câm lặng, lấp lánh mồ hôi như đang tắm. Những làn con mắt đen nhánh đăm đăm ngó Joseph không chút dao động nhưng chỉ biểu lộ một sự trống rỗng như nhau. Cậu bàng hoàng nhận ra rằng khi nhìn đám người ấy cậu bỗng nhớ lại lũ bê non từng có lần trông thấy nơi đường rầy xe lửa tránh nhau ở quê nhà, tại Richmond, Virginia. Những con bê ấy không biết mình bị dồn lên xe tải để chở tới làm nguyên liệu cho lò sát sinh. Trong lúc tự hỏi không biết những người nô lệ từng được tàu thủy chở tới Hoa Kỳ có giống thế này không, Joseph cảm giác bàn tay của mẹ chạm dịu dàng vào vai mình. Cậu quay lại thấy mẹ đang nở một nụ cười âu yếm.

Flavia dịu dàng cất tiếng:

- Joseph ạ, đừng chạnh lòng về việc ấy. Con đã biết bố thỉnh thoảng lại nổi cơn cao hứng về Chuck. Còn mẹ, mẹ cũng kỳ vọng nơi con rất nhiều điều lớn lao.

Lòng dịu lại, Joseph gật đầu. An tâm mỉm cười với mẹ vì thấy hai mẹ con vẫn hợp ý nhau, cậu vội vàng đáp:

- Không việc gì đâu mẹ. Mẹ không cần phải lo lắng cho con.

Lúc ấy thuyền trưởng của con tàu Pháp Avignon, người lực lưỡng với bộ râu cằm màu đen hình đuôi én, xuất hiện kế bên hai mẹ con. Cầm trong tay chiếc mũ cối làm bằng ruột bần, ông vừa nói vừa cười:

- Monsieur Joseph ạ, cậu phải hết sức cẩn thận mới được; chớ bao giờ phơi mình ra quá lâu dưới ánh mặt trời nhiệt đới.

Chưa dứt nụ cười ông đã lẹ tay ấn mũ lên đầu cậu bé Mỹ và liếc thật lẹ Flavia Sherman lúc này đang đội chiếc mũ rộng vành bọc nỉ trắng có mấy tua màu sắc sỡ:

- Chiếc mũ này của cậu tuy không xinh đẹp bằng của mẹ cậu nhưng cũng đủ cứu cho cậu khỏi bị say nắng.

Vì thuyền trưởng nói bằng tiếng Pháp nên Joseph phải lúng búng cảm ơn ông bằng tiếng Pháp, rồi cậu đưa tay chỉ xuống sàn boong:

- Nhưng thưa ông, còn đối với những người đang ở dưới kia thì sao? Chắc là họ cảm thấy nóng thê thảm hơn bất cứ người nào trong chúng ta — mà dưới đó còn có cả đàn bà và trẻ em nữa.

- Cậu Joey trẻ tuổi con ạ, họ có thể là những kẻ gian đầy. Đó là lý do khiến người ta buộc lòng phải khoá chặt họ lại, nhốt họ thật kỹ. Viên thuyền trưởng Pháp xoay nghiêng nửa người về phía vừa phát ra tiếng nói và nhận ra Nathaniel với Chuck đang đi tới đằng sau.

Ông gật đầu đồng ý, chuyển qua nói bằng tiếng Anh:

- Thưa thượng nghị sĩ, ông thật chí lý. Trên tàu này hiện chỉ có một nhóm chúng ta trong khi đó có tới ba trăm tên người Tàu. Hầu hết bọn chúng đều là dân cu-li thất học từ Quảng Đông di dân tới Nam Kỳ, và tụi cướp biển có thể trà trộn vào trong bọn chúng. Dọc bờ biển đông này đầy dẫy hải tặc. Chỉ mới tuần trước đây, trên một chiếc tàu Anh, có một băng cướp biển giả làm hành khách đi vé hạng chót. Tới nửa đêm, bọn chúng tấn công đài chỉ huy. Tới khi

thủy thủ đặt được chương ngại vật để phòng thủ, chúng nổi lửa đốt boong tàu.

Joseph kinh hãi tròn xoe hai con mắt thơ ngây:

- Rồi sao nữa? Tất cả thủy thủ đều bị thiêu sống ư?

Thuyền trưởng mỉm cười trước câu hỏi nôn nóng và tử tế của cậu bé:

- May mắn là không. Ông chủ chiếc tàu Anh quay tàu ngược lại hướng gió khiến gió thổi tạt lửa về phía tụi cướp biển. Bọn chúng chỉ còn có cách nhảy xuống biển, không sót một tên. Nhiều đứa bị chết đuối.

- Goào, mảnh lối kiêu đó thiệt là thông minh!

Joseph thở phào. Mặt cậu rạng lên sôi nổi khi nghĩ tới cảnh tượng ấy, rồi âm ỉ trở lại. Cậu hỏi tiếp:

- Nhưng chẳng lẽ tất cả những người Tàu dưới đó đều là bọn cướp biển, đúng không? Có phải đang có chút gì đó không công bằng đối với họ?

Thuyền trưởng trả lời nhã nhặn:

- Cậu nhớ cho, chúng tôi buộc lòng phải làm như thế chỉ vì muốn chuyển đi được an toàn. Chẳng còn biện pháp nào khác. Tại các xứ thuộc địa, có những sự việc nhất định phải được thực hiện một cách khác với thông thường.

Rồi ông nhún vai, hơi có vẻ gô-loa, theo kiểu ngụ ý mình không thể lo liệu nổi. Và mỉm cười ông nói tiếp:

- C'est la vie coloniale: Đời thuộc địa là thế, Monsieur Joseph ạ! Chẳng bao lâu rồi cậu cũng sẽ quen dần với nó.

Trong một chốc nét mặt Joseph vẫn còn vẻ ái ngại nhưng rồi lại tươi rói khi đưa tay chỉ về hướng tây, qua vai thuyền trưởng. Cậu la lên háo hức:

- Có phải đất liền ở chỗ đằng xa kia không?

Lập tức thuyền trưởng người Pháp đưa ống nhòm lên quan sát:

- Vâng, Monsieur Joseph, cậu nói đúng. Đó là vùng duyên hải của một thuộc địa Pháp xinh đẹp nhất, trù phú nhất thế giới.

Ông xem đồng hồ và trao ống nhòm cho cậu bé Mỹ:

- Cậu có muốn nhìn không? Có lẽ chúng ta sẽ cập bến Sài Gòn vào một lúc nào đó sau bữa ăn trưa mai.

Bằng đôi mắt trần, Joseph chỉ thấy thấp thoáng dấu vết bờ biển mờ mờ, khi ẩn khi hiện. Nhưng qua ống nhòm cậu có thể thấy rõ hơn vài mỏm cuối của dải Trường Sơn ngàn dặm. Theo bản đồ, nó trông như một cánh cây sần sùi nổi lên vùng đồng bằng sông Cửu Long dồi dào lúa gạo phương nam và Sài Gòn với châu thổ phì nhiêu sông Hồng bao quanh Hà Nội ở phương bắc.

Qua cuốn sách vừa gấp lại trước đó Joseph biết rằng có những vùng rộng mênh mông toàn rừng nhiệt đới nguyên sinh bao phủ các khu vực núi non và các vùng đất thấp bao la phía dưới. Trong cuốn sách đó còn có những bức ảnh màu nâu sẫm chụp hình dân các bộ lạc bán khai, những kẻ ngày nay vẫn săn bắn bằng mũi tên đầu gắn đá nhọn và lao mác tẩm độc trong những khu rừng xanh mướt không kém gì nhau. Tại vùng rừng thẳm bạt ngàn ấy, dã thú sống thành từng đàn và nhung nhúc voi, cọp, trâu rừng, gấu đen cùng vô số loài thú quý hiếm khác chưa bị quấy nhiễu bởi bước chân của văn minh. Suốt chuyến vượt Thái Bình Dương, Joseph đã say sưa đọc ngấu ngiến nội dung cuốn sách đó và khi cả nhà vừa rời Hồng Kông cậu lại đọc thêm lần nữa từ trang đầu.

Vừa nhìn qua ống nhòm, Joseph chợt có cảm giác khắp mình mẩy rùng động như có một luồng háo hức rần rật chạy qua trước viễn ảnh sẽ được thấy những hình ảnh in trong sách hiện rõ thật sự giữa cuộc đời. Trong một hồi lâu, buông thả óc tưởng tượng, cậu mơ màng rằng mình là một nhà thám hiểm vĩ đại sắp đi vào một vùng đất vô danh và thù nghịch, tại đó tên tuổi của Joseph Sherman sẽ được ghi vào lịch sử mai sau với đầy đủ danh tính. Rồi cậu tự hỏi không biết các nhà thám hiểm vĩ đại có bao giờ cảm thấy giống như mình lúc này không: háo hức, đúng, nhưng còn nữa, có phần nào e sợ!

Đột nhiên nhớ ra rằng Chuck và cha đang đứng ngay sau lưng mình, Joseph cảm thấy thẹn thê người với ý nghĩ đó, tới độ muốn hụt hơi thở. Liệu cha và anh có nhận ra sự háo hức cậu đang cảm thấy trong lòng? Liệu cả hai có đọc thấy vẻ e sợ trên nét mặt của cậu? Điều sau cùng cậu muốn cha và anh vui lòng cứu xét, rằng ở tuổi mười lăm, dù sao đi nữa, cậu vẫn còn non nớt.

Khi quay mình chuyển ống nhòm cho Chuck, Joseph cố nhíu đôi

lông mày với hy vọng rằng cử chỉ đó biểu lộ một phong thái kiên quyết, cứng cỏi. Rồi cậu nói với Chuck, cố làm giọng tự nhiên như thể buột miệng:

- Nếu anh hỏi ý kiến em, em sẽ nói như thế này. Rằng em chỉ thấy nó giống với bờ biển Virginia lúc trời sương mù dày đặc.

Nói xong, Joseph làm bộ nhún vai, bắt chước y hệt điệu bộ của viên thuyền trưởng người Pháp.

Đề ý tới hai con mắt long lanh, chớp lia lịa của Joseph, Chuck nhe răng cười. Cậu với tay cầm ống nhòm, tròng mền huých cùi chỏ vô cánh tay em. Nhưng Chuck chưa kịp đưa ống nhòm ngang tầm mắt đã dậy lên những tràng gào rú dồn dập từ đám đông người Hoa đang xô đẩy nhau ào tới sát tầm vĩ sát phía dưới.

Ba cha con nhà Sherman vừa cảnh giác quay người lại, thuyền trưởng đã lật đật tuột từ trên cầu thang xuống, rút khẩu súng lục đeo bên hông áo chèn bộ đồng phục trắng ra. Ông quì một chân xuống bên tầm vĩ sát, bắn lên trời ba phát liên tiếp. Tiếng súng làm mấy trăm người Hoa im bật trong vài giây. Rồi một giọng phụ nữ lẻ loi ré lên than khóc rền rĩ. Và ba cha con thấy một hình hài còm cõi xác xơ bị đẩy lên mé bên dưới vĩ sát.

Sau khi trao đổi thì thăm qua vĩ sát, thuyền trưởng ra lệnh cho hai sĩ quan rút súng ra hờm sẵn và đứng sát hai bên ông trong lúc ông mở khoá, rút then sắt. Khi nắp vĩ sát bật lên, ông gọi hai ba thủy thủ tới kế bên, ra lệnh cho họ lôi mạnh tử thi lên rồi đặt nằm trên boong. Ông cho phép người đàn bà gầy guộc, quần áo lem luốc trườn lên theo sau thi hài. Vừa ra ngoài, bà ta lập tức quì mọp bên xác chết và bắt đầu cất giọng than khóc kể lể. Để mặc người đàn bà, thuyền trưởng ra lệnh mang tử thi ra đằng sau đuôi tàu. Cuối cùng, người đàn bà cũng đứng lên, vừa khập khểnh bước theo vừa không ngớt sụt sùi.

Flavia xoay lưng lại, dựa mình vào lan can. Người bà run lẩy bẩy, mặt tái mét, hai mắt nhắm nghiền. Lát sau bà mới mở nổi miệng:

- Dễ sợ quá. Chẳng biết rồi có còn ai trong bọn họ sống sót nổi dưới chỗ đó không!

Thượng nghị sĩ trả lời vợ bằng giọng dịu dàng:

- Minh ạ, chớ để cho việc đó làm em mất ngủ. Lũ cu-li Tàu hết

thầy đều cộc cằn. Chúng nó sống cuộc đời rất thô lậu. Chúng không khao khát được ung dung cả tâm hồn lẫn thể xác như chúng ta. Đối với bọn chúng, mạng sống còn rẻ hơn bèo.

Nathaniel vắt người qua lan can nhìn xuống boong tàu phía dưới. Toán người của thuyền trưởng đã đi hết và những người Hoa bên dưới vì sắt dần dần lặng yên. Ông nói với ra đằng sau:

- Chuck ạ, có thể nói rằng con vừa tự mắt mình nhìn thấy một sự việc chứng minh rất rõ ràng cái qui tắc trên đó mọi đế quốc trong lịch sử được dựng lên. Julius Ceasar và Alexander Đại Đế hiểu rõ qui tắc đó và Nữ hoàng Victoria của Anh cũng hiểu rõ. Đó là: “quyền lực là lẽ phải.” Ở đây và lúc này, người Pháp sở hữu quyền lực; vì thế người Á Đông trên con tàu này cũng như khắp Đông Dương đều phải làm theo lời họ bảo chúng làm. Đó là cách thức của thế giới này. Người giàu của cải và người nắm quyền lực đều ở vị thế chủ động. Nếu con tập hợp được sức mạnh siêu việt, con có thể áp đặt lối suy nghĩ của mình lên trên kẻ khác dù họ không thích điều con làm hoặc cách con làm điều đó. Nếu con có cơ bắp lực lưỡng hơn và con quyết tâm sử dụng nó, kẻ khác phải đi theo con. Đó là một qui tắc không bao giờ biến cải.

Ngưng một chút, thượng nghị sĩ đưa mắt liếc chung quanh xem có thủy thủ Pháp nào ở trong tầm nghe không. Rồi ông nói tiếp:

- Người Pháp có bàn tay nặng nề. Họ thích dùng súng bắn voi để làm chóng mặt một con bộ chét. Con sẽ thấy điều đó khi chúng ta lên bờ. Người ta nói với bố là họ hành xử ở đây như thể họ kỳ vọng rằng đế quốc Pháp sẽ kéo dài tới vô tận. Tại Mỹ, chúng ta biết ứng xử theo cách khác. Đường lối của Pháp không phải là đường lối của Mỹ. Các con ạ, chúng ta xử sự cách khác — và xử sự tốt hơn.

Nắm khuỷu tay cậu con lớn, thượng nghị sĩ vừa nói vừa ra hiệu cho cậu cùng đi với ông dọc theo boong tàu. Joseph nhìn theo bước chân của cha và anh rồi quay sang nhìn mẹ. Mắt ánh lên vẻ khắc khoải, cậu hỏi, cố giữ cho giọng mình thật thấp để không lọt tới tai cha:

- Mẹ ạ, mẹ có nghĩ rằng những người phía dưới ấy quả thật rất khác với chúng ta?

Lùa sợi tóc đang rủ xuống mắt, Flavia Sherman mỉm cười âu yếm đáp lời con:

- Joseph ạ, đời sống đầy đầy những câu hỏi không trả lời nổi, như câu con vừa hỏi. Rõ ràng về nhiều mặt, họ rất khác. Nhưng tất cả chúng ta đều được làm nên bằng máu và thịt, phải không?

Nét mặt Joseph vẫn đầy nếp nhăn nghĩ ngợi và Flavia nhận thấy con mình không thoả mãn với câu trả lời ấy. Để hướng con suy nghĩ sang chuyện khác, bà choàng tay lên vai cậu và hai mẹ con cùng nhau rời lan can:

- Lúc này, con đừng bận tâm với chuyện đó nữa. Mình hãy trở lại chỗ cũ, cùng ngồi với nhau trong bóng mát, được không? Rồi con có thể kể cho mẹ nghe thêm đôi ba điều về cuốn sách con đã vùi đầu vào đó suốt tuần lễ vừa qua.

TRĂNG HUYẾT

Phần Thứ Nhất - Đồi Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 2 -

“Ôi!” Chuck Shermam thở ra, thềm thuồng nhìn chăm chặp bức trường thành làm bằng những tán lá nhiệt đới màu lục, xanh thẫm và dày đặc đang lướt qua mạn tàu, chỉ cách lan can khoảng hơn chục thước:

- Thế này thì rừng núi miền Tây Virginia chỉ còn là một chốn buồn tẻ vô vị, Joey ạ. Em có nghĩ mình sẽ cảm giác như thế nào khi đứng trước mặt một đàn voi hay một con cọp lông vàng sậm ở chốn núi cao rừng thẳm này không?

Joseph trả lời lảng đãng:

- Em nghĩ mình tới đây đâu phải để săn voi bắn cọp.

- Cậu em tốt lành ạ, chúng ta không đi tìm chúng — nhưng liệu chúng có biết cho như vậy không? Nếu chúng tới kiếm chúng ta, dương ngà nhe nanh hoặc giò vuốt, cách tốt nhất em phải thủ sẵn khẩu cạc-bin Winchester của em.

Joseph gạt đầu một cách máy móc:

- Cứ cho là vậy.

Hai anh em ra khỏi buồng ngủ từ lúc sáng sớm để thưởng thức ngọn gió nhẹ nhàng tươi mát ban mai. Joseph leo lên đứng trên cuộn dây thừng sát lan can kế bên Chuck, tiếp tục đọc sách. Nước trong xanh nơi cửa biển Cần Giờ biến thành một luồng bùn nâu khi con tàu chạy theo sông Lòng Tảo để vào vùng nội địa. Lúc này, hai bên bờ sông san sát tiếp liền nhau những hàng rào thiên nhiên gồm cây cao vút, lá tươi xanh cùng giây leo quyện vào nhau, rủ lướt thướt trên mặt nước.

Thỉnh thoảng qua một chỗ đất trống, mắt hai cậu trai Mỹ bắt gặp đôi ba người dân bản xứ thân hình mảnh khảnh, đầu đội nón lá buồng đang cúi mình trên dây rợ hoặc nơm cá nhưng chẳng mấy khi họ ngước mặt lên nhìn; chỉ bọn trẻ con trần truồng bụng ỏng có để ý đôi chút tới các cậu. Khi chiếc Avignon rẽ nước chạy qua phía

dưới bờ sông nơi chúng đang đứng ở mé trên, chúng đưa đôi mắt nâu ngó con tàu; ánh mắt ngô nghê không cho thấy chút cảm tưởng nào. Thỉnh thoảng đâu đó có tiếng chim thét lên thất thanh làm hai anh em giật thót người. Còn ngoài ra rừng nhiệt đới xanh tươi đang lấp lánh lướt qua vẫn im ắng lạ thường.

Sau cùng Joseph xếp sách lại, nhún chân và mở miệng:

- Anh Chuck này, em cá với anh rằng anh không biết tại sao có tên Sài Gòn, đúng không. Chuyện thú vị lắm.

Chuck cười cam chịu:

- Anh không biết tại sao nó mang tên đó nhưng anh biết chắc chắn có một kẻ ham đọc sách sắp cắt nghĩa cho anh nghe.

- Có người bảo theo tiếng An Nam cổ, Sài Gòn có nghĩa là “*Rừng Gòn*”, tên một vùng đất mọc nhiều cây gòn, còn gọi là cây bông gạo. Có người lại bảo Sài Gòn là cách viết chữ nôm của người Việt về danh xưng theo tiếng Khmer là “*Prei Mokor*”, nghĩa là xứ ở giữa rừng. Ngày xưa nó là một làng nhỏ ở giữa rừng già. Nhà cửa thưa thớt, chung quanh bùn lầy nước đọng. Tới thế kỷ 19, người Việt và người Hoa, với sự tiếp tay của thương buôn người Âu lập thành Sài Gòn Chợ Lớn, gọi chung là Bến Nghé, nghĩa là bờ sông có trâu tơ gọi mẹ. Người Hoa dùng danh từ “*Thầy Nguôn, Đê Ngạn*” để gọi vùng thương mại Chợ Lớn, còn danh từ “*Xi-cóon, Tây Cống*” để chỉ xóm của người Việt tức là chợ Bến Thành.

Nhưng có kẻ lại bảo “*Tây Cống*” có ý nghĩa là cống hiến cho người phương Tây.

Chuck nói bông lơn:

- Cực kỳ hấp dẫn! Em vẫn là xếp sòng sở cung cấp những thông tin chẳng mấy người xài tới!

Thuyền trưởng Avignon, trong bộ đồng phục oai vệ mới ủi hồ cứng vừa theo cầu thang đi xuống, mỉm cười khi nghe hai anh em trêu cợt nhau. Ông tới gần, chào cả hai bằng lối bắt tay kiểu Pháp rất trang trọng:

- Hai người bạn nhỏ tuổi thân mến của tôi ời, dù người An Nam đặt cho nó cái tên gì đi nữa các cậu cũng sẽ sớm biết được rằng người Pháp chúng tôi gọi thành phố các cậu sắp ghé lại là “*Hòn ngọc Viễn đông*” hoặc đôi khi còn gọi là “*Paris Phương Đông*”. Và

để hiểu tại sao lại gọi như thế, các cậu chẳng mất nhiều thì giờ lắm đâu.

Joseph thấp giọng hỏi, hắt cằm về phía vô số bộ mặt vàng vọt, vẫn yên lặng chen lấn nhau dồn tới nắp vĩ sắt phía dưới boong tàu:

- Nhưng tại sao hết thấy những người Tàu ấy đều muốn tới chỗ đó?

- Sài Gòn là một thành phố kép gồm cả Chợ Lớn, nơi cách đó một quãng đồng chừng vài ba cây số — là chỗ người Tàu muốn tới.

Theo tiếng An Nam, Chợ Lớn có nghĩa là “*Cái chợ to lớn*”. Bọn người Tàu ấy hy vọng sẽ trở thành những kẻ giàu có như nhiều di dân Quảng Đông đã đạt được bằng cách bóc lột lũ An Nam lười biếng. Hiện có tới hai trăm ngàn người Tàu sống ở Chợ Lớn. Ở đó, các cậu có thể mua đủ thứ, từ dọc tàu thuốc phiện cho tới “ca nữ” mắt xéch!

Thuyền trưởng dừng lại, kín đáo nháy mắt với Chuck để gây chú ý tới câu nói bóng gió của mình.

- Thân phụ các cậu cũng sẽ phải vào Chợ Lớn để sắm cho đủ vật dụng đi săn. Cậu nhớ cảnh giác ông phải cẩn thận. Mặc cả thật gắt! Bọn Tàu là dân Do Thái Á Đông đấy.

Chuck sốt ruột hỏi:

- Thưa thuyền trưởng, phải mất bao lâu nữa chúng ta mới tới được chỗ đó. Rừng này có vẻ như kéo dài tới vô tận.

- Monsieur Charles ạ, bình thường tàu chạy từ cửa Cần Giờ tới bến cảng Sài Gòn mất sáu bảy tiếng đồng hồ.

Khoảng một trăm cây số. Tôi tiếc rằng chẳng mấy chốc nữa chúng tôi buộc lòng phải chào tạm biệt các cậu và vị phụ thân cao quý của các cậu.

- Với tôi, ông thuyền trưởng ạ, như thế chẳng chút nào là quá sớm! Thượng nghị sĩ Sherman vừa cười niêm nở vừa nói sang sảng khi băng ngang boong tàu để tới gần chỗ họ đứng, trên người ông vẫn mặc áo khoác. Ông tiếp:

- Dĩ nhiên tôi không có ý thất lễ. Trên con tàu này, lòng hiếu khách quảng đại của ông khiến chúng tôi vô cùng hãnh diện. Nhưng giờ đây điều băn khoăn lớn nhất của tôi là làm sao cho mau hết quãng đường này để vô rừng bắt đầu cuộc săn bắn càng sớm càng tốt.

- Thưa thượng nghị sĩ, ông dự tính kiếm thứ gì? Một bộ da cạp

đem về trải sàn nhà? Hay một cặp ngà voi để gắn lên vách?

- Không phải vậy đâu ông thuyền trưởng. Chúng tôi không phải là người đi săn để tìm vật kỷ niệm. Trước khi qua đời, cụ thân sinh của tôi có thành lập một ban bảo trợ huy động vốn cho Nhà Bảo Tàng Ngành Vạn Vật Học Sherman tại thủ đô Washington. Ông biết không, vạn vật học là sở thích đặc biệt của cụ. Cụ mất cách đây đúng năm năm nhưng nhà bảo tàng ấy chỉ vừa được xây dựng xong bên trong Khu Thương mại ngay mé dưới Điện Capitol. Thuyền trưởng ạ, toà nhà ấy thật đẹp, xây bằng đá hoa cương, trông như một cung điện cổ xứ Florence. Vì vậy chúng tôi chỉ muốn trưng bày ở đó những dã thú hạng nhất mà ngay tại đây, trong rừng núi này của quý vị, chúng tôi sẽ sưu tập được một số thú vật hiếm và quý nhất thế giới.

Thượng nghị sĩ ngưng nói để chiêm điều xì-gà Havana đầu tiên trong ngày. Thuốc bén lửa, qua làn khói, ông chăm chú quan sát cây rừng đan nhau chằng chịt như trái vả mọc hai bên bờ sông Lòng Tảo. Qua góc mắt, Joseph liếc thấy mẹ vừa ra khỏi khu buồng ngủ. Khi Flavia đặt chân lên cầu thang dẫn xuống boong tàu, gió nhẹ thổi chiếc áo sơ-mi lụa màu kem dán sát vào những đường nét trên thân thể bà. Đầu cầu thang, Flavia thấy một viên sĩ quan bậc ba đưa tay lên mũ chào nhã nhặn, bà sung sướng vẫy tay đáp lại. Joseph nhận thấy mẹ tránh không đi gần các nắp vĩ sắt đang khóa chặt then nơi khu vực giữa boong. Ra tới đuôi tàu, trong một thoáng Flavia dăm dăm nhìn rừng xanh rồi nhắm mắt, ngửa mặt về phía mặt trời ấm áp dịu êm ban mai.

Thượng nghị sĩ tiếp tục trả lời. Giọng Mỹ miền nam của ông lẽ mề kéo dài, sang sảng ngân vang trong khung cảnh tịch lặng đang bao trùm sông nước:

- Chúng tôi tìm chủ yếu là trâu nước, heo rừng và nhất là trâu rừng, đặc biệt con min, một loại thú bị gọi là trâu rừng Mã Lai nhưng thật ra nó là đặc sản nhất thế giới của An Nam. Và không những chỉ muốn có con trâu đực to lớn đó thôi, chúng tôi còn cần mỗi loại một đôi — sẵn dịp, có thể luôn cả da nai nữa. Như thế đòi hỏi một cuộc săn lùng cực kỳ gay cấn. Chúng tôi sẽ lột da thú tại chỗ và bảo quản da chưa thuộc để có thể chở về Mỹ nhồi bông. Sau đó,

chúng sẽ được đem triển lãm làm thành một mô thức được chúng tôi gọi “trưng bày giữa môi trường sống” để cho hết thủy dân chúng ở nước Mỹ xa xôi, và kể cả những ai không bao giờ tới xứ An Nam hẻo lánh, cũng đều được nhìn các con thú ấy tại thủ đô của chúng tôi như thể họ từng sống trong chốn rừng sâu núi thẳm này. Sau đó, chúng tôi sẽ phái các đoàn thám hiểm khác đi Ấn Độ và châu Phi lùng tìm cọp và voi. Thuyền trưởng thấy vậy, tôi muốn làm sao cho Nhà Bảo Tàng Sherman thành nơi có một không hai của Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ, thậm chí có thể là số một của thế giới.

Đưa mắt thắc mắc ngó Chuck rồi Joseph, thuyền trưởng hỏi:

- Nhưng người nào trong gia đình ông là nhà thiện xạ hàng đầu?

Nathaniel xoa đầu cậu con lớn, trả lời ngay:

- Chuck đây là “tay thiện xạ”. Nó đã học không sót chút nào những gì tôi có thể dạy cho nó. Mùa thu nào chúng tôi cũng đi săn trong rừng núi Tây Virginia. Lúc này nó bắn hầu như chẳng kém gì bố.

Thuyền trưởng lại hỏi, cất cao giọng, có phần nào khó chịu và hơi nhuốm vẻ trêu cợt:

- Và Monsieur Joseph đây chắc hẳn cũng là “một tay thiện xạ”?

- Joseph chưa sẵn sàng đâu. Tôi nghĩ nó có thể bắn khá giỏi nếu nó muốn, hiềm vì nó chưa quyết định có ham thích ý tưởng đó hay không.

Thượng nghị sĩ dần dần thôi cười. Ông nghiêng người qua lan can, vẫy cho tàn thuốc xì-gà rớt xuống mặt sông quặng bùn:

- Mẹ của nó vốn không tha thiết lắm với chuyện săn bắn. Có thể nó có phần nào đứng về phía mẹ. Tôi đoán rằng biết đâu ngay tại Nam Kỳ này, chúng tôi có thể sẽ phát hiện cái mà Joseph thật sự muốn. Thuyền trưởng thấy hai khoé miệng của Joseph chột mím chặt. Rồi cậu bé Mỹ lại mở lớn đôi mắt, sôi nổi chỉ vòng qua lan can bên phải mạn tàu:

- Thuyền trưởng ơi, cái gì ở chỗ đó vậy? Có phải đó là một đền thờ của dân bản xứ không? Trông nó thật vĩ đại.

Nhìn hai đỉnh tháp nhọn bằng đá màu xám nhạt hiện rõ dần như thể vươn lên từ giữa rừng xanh thẳm, thuyền trưởng lại cất tiếng

cười:

- Monsieur Joseph ạ, tôi tin rằng tới ngày nào đó, cái đòu sẽ trở thành một loại đền thờ của dân bản xứ, tuy nó được dựng lên trên nền một ngôi chùa cổ. Nó là biểu hiệu mọi thời cho tôn giáo chính ở nơi quê cha đất tổ của chúng tôi, biến nước Pháp thành nữ tử của Giáo hội Công giáo La Mã. Đó là hai tháp chuông song lập của Nhà thờ Chánh toà Sài Gòn — và đó cũng là cảnh tượng tráng lệ thứ nhất của “*Hòn ngọc Viễn đông*” được các du khách thưởng ngoạn trước tiên.

Vì Joseph đứng mé cuối lan can, phải nhóng cổ lên nhìn cho rõ hơn nên cậu phản đối:

- Nhưng thưa thuyền trưởng, lúc này chúng ta đang không thẳng mũi tàu theo hướng hai cái tháp đôi đó.

- Đúng vậy, nhưng không phải nhìn từ tọa độ này. Sông Lòng Tàu lúc này bắt đầu ngoằn ngoèo y hệt con rắn. Tàu đi như thể bò qua một mê cung. Lần nào tới chỗ này tôi cũng bắt đầu băn khoăn tự hỏi không biết mình có đi lạc vào một luồng nước khác khiến tàu bị chạy ngược trở lại ra biển không.

Các bánh lái của tàu Avignon bắt đầu đưa lẹ làng khắp mọi chằm trên hải bàn khi dòng sông tiếp tục uốn lượn quanh co qua rừng thẳm. Đỉnh nhọn của hai chiếc tháp Nhà thờ Đức Bà như lao tới, chia quanh con tàu. Thoạt đầu vọt lên một phần tư ngọn tháp bên này rồi tới ngọn tháp bên kia, như hai tai của một chú thỏ tọc mạch đang vểnh lên nhìn theo đường tiến của con tàu. Mới phút trước Joseph vừa thấy chúng ở mạn trái, phút kế đã thấy chúng ở mạn phải. Có lúc chúng bất chợt xuất hiện sừng sững đằng sau đuôi tàu khi dòng sông quành ngược lại.

Một giờ sau, con tàu ra khỏi Rừng Sác. Cả nhà Sherman bỗng thấy trước mắt một cánh đồng phù sa điểm lấm chấm những lùm cây cọ mọc rải rác. Hai bên mạn tàu, trong những thửa ruộng tiếp liền nhau trải dài như vô tận, họ thấy các đám đông người An Nam đầu đội nón lá đã khom người sẵn ở đó từ lúc nào. Thỉnh thoảng những nhà nông ấy vươn thẳng lưng hoặc xoay người lội bì bõm trong bùn lầy hoặc mặt nước sinh đặc quánh tới ngang bụng.

Flavia Sherman đứng chung với cả nhà một lúc ở lan can, tay đặt

lên vai Joseph nhưng trông bà có vẻ bứt rứt. Chẳng bao lâu bà thấm mệt khi quan sát nông dân canh tác dưới các thửa ruộng. Tới lúc mặt trời lên cao hơn trên bầu trời, sức nóng càng lúc càng ngột ngạt, Chuck và cha cũng lui chân, rút vào bóng mát trong buồng. Joseph đi theo họ một chút để nhai ngấu nghiền bữa ăn trưa, rồi một mình vọt ra lại boong tàu. Đầu đội mũ cối, đứng tựa lan can, cậu háo hức đưa mắt hau háu nhìn từng chi tiết cảnh sắc đang liên tục thay đổi.

Con tàu Avignon hết vào lại ra khu vực ven rừng rậm rạp, vắng vẻ và lầy lội. Thỉnh thoảng qua những chỗ quang đãng trên bờ, mắt Joseph lại bắt gặp các xóm nhà sàn vách xám xịt. Cậu đưa mũ lên vẫy vẫy mấy người An Nam đang ngồi chồm hổm trên sân đất trước cửa nhà nhưng họ chỉ trơ mắt ngó cậu, không chút động đậy. Khi lòng sông rộng hơn, chiếc Avignon bắt đầu chạm mặt một con tàu khác từ Sài Gòn chạy trở ra, xuôi theo chiều thủy triều đang rút. Joseph tự hỏi làm thế nào những chiếc thuyền mảnh mỏng mảnh kiểu Trung Hoa với buồm sờn rách, vá chằng chịt, lại không bị chìm lìm khi chúng nặng nề lê mình giữa một dãy tàu vận tải nặng và cẩu bản đến từ châu Âu và châu Mỹ La tinh. Một tàu khách của Pháp dường bệ lướt qua; từ trên lan can tàu, những bộ mặt phương tây xen kẽ với những bộ mặt Á Đông tò mò, dăm dăm nhìn xuống.

Rồi con tàu Avignon rẽ đường tiền tới, xuyên qua một đoàn thuyền tam bản đang lướt xuôi theo con nước để chở chút hàng hóa lưa thưa hoặc chạy việc lật vật. Joseph sững sốt thấy các thuyền đó hầu hết đều do phụ nữ đứng chèo chênh vênh hoặc ngồi đập hai mái dầm. Dần dần, mặt nước chỉ còn rải rác thuyền bè qua lại, con tàu Avignon êm đềm lướt theo dòng sông lợn cợn bùn trong bầu không khí tĩnh lặng sâu lắng của cơn thủy triều đang lên ban trưa. Lát sau, Joseph ngạc nhiên thấy đột nhiên xuất hiện một bến tàu bằng đá trắng. Kề đá dài nằm song song với một đại lộ đầy bóng mát chạy dài giữa hai hàng hồ tiêu mượt mà như lông tơ. Quang cảnh đột ngột của những toà nhà kiểu châu Âu làm phản chiếu trở lại trong tâm trí Joseph cảnh tượng những khu rừng, các cánh đồng, làng mạc họ vừa lướt qua trong mấy tiếng đồng hồ trước đó

và có vẻ vẫn y nguyên như thế qua nhiều thế kỷ. Nhưng thật rõ ràng trước mắt, hai chiếc tháp song đôi lúc ẩn lúc hiện của Nhà thờ Đức Bà cậu thấy từ đằng xa, lúc này đứng yên một chỗ, xám một màu, trông rõ mồn một, như đứng canh gác những con đường thênh thang chạy giữa các hàng cây thẳng tắp. Cuối cùng, họ thật sự tới điểm đến!

Thế rồi Joseph nhận ra lý do khiến người ta hoàn toàn kinh ngạc khi bắt chợt vào thành phố này: nó thình lặn lả thường. Đường phố hoang vắng, không nghe có chút âm thanh nào — không tiếng động xe cộ, không tiếng ồn ào đám đông chen chúc nhau, không trẻ em, không loài vật. Cũng không có gì di động dọc theo kè đá đằng trước dãy nhà trệt im vắng dùng làm trạm hải quan.

Bỗng dưng Joseph cảm thấy người choáng váng, buồn nôn, khi ánh mắt cậu chạm tới hàng hàng la liệt thân xác con người ta đang nằm trong bóng mát các toà nhà nơi bến tàu, dưới những gốc cây hồ tiêu. Tay run lẩy bẩy, Joseph chụp ống nhòm. Cậu rà ống kính dọc theo kè đá dài trong khi chiếc Avignon tiến vào gần hơn. Cậu xem xét thật tỉ mỉ từ đồng hình nhân này tới đồng hình nhân khác. Rõ ràng, không nghi ngờ gì cả! Người ta ngã gục, đang nằm im lìm, miệng há hốc, hai ống chân khẳng khiu xoắn vào nhau. Qua ống kính, cậu thấy rất rõ quần áo của họ cùng với mặt mày họ đỏ lôm mầu.

Vừa chạy tới phía cầu thang Joseph vừa hét hãi lớn tiếng gọi:

- Thuyền trưởng ơi! Thuyền trưởng ơi! Ông tới đây mau, có một cuộc tàn sát khủng khiếp ở Sài Gòn.

Thuyền trưởng ra khỏi phòng lái. Trước cơn kinh hoàng của Joseph, ông cười cười:

- Một cuộc tàn sát ư, Monsieur Joseph?

Mặt Joseph biến sắc xanh rờn:

- Vâng. Đúng. Ông ra mà coi máu... Nhìn kia! Máu trên mặt họ! Trên quần áo họ! Người họ đầy máu!

Trong một chốc, thuyền trưởng ngó theo hướng ngón tay của cậu bé Mỹ. Rồi đưa cườm tay trái lên, chỉ cho Joseph thấy mặt số trên chiếc đồng hồ đeo tay, ông nói:

- Coi này, Monsieur Joseph, chưa tới hai giờ. Vẫn đang trong giờ

ngủ trưa đây. Ở xứ nhiệt đới này trong khoảng từ mười một giờ tới hai giờ trưa không người nào đi lại cả. Ai cũng phải ưu tiên lo cho mạng sống đang lâm nguy của mình. Hết thấy đồng bào của tôi giờ này đang nằm lơ mơ ngủ với quạt máy trong nhà mình còn dân bản xứ không được may mắn như thế.

Ông khoa tay dọc theo bến tàu:

- Họ chỉ có bóng mát của cây cối thôi.
- Nhưng tại sao trên người họ dính đầy máu?

Thuyền trưởng cười lớn:

- Đó chẳng phải máu đâu, Monsieur Joseph. Người An Nam phần nhiều có thói quen ăn trầu. Đó là một loại thuốc gây tê mê, như một thứ ma túy nhẹ. Nó làm xỉn xỉn giác quan nhưng chất nước của nó dây màu đỏ ra chung quanh miệng và trên quần áo của họ — nó còn làm đỏ đường đỏ sá khi họ nhổ xuống đất.

Joseph ngó ông chăm chăm, không tin. Rồi cậu nhìn khu vực bến tàu đầy đá dăm thêm lần nữa. Cậu thấy trong bóng mát dưới gốc cây những cu-li An Nam “bị tàn sát” bắt đầu về lại cõi đời. Chậm chậm và có vẻ nhúc nhích, họ duỗi hết chân này tới chân khác rồi lạng quạng đứng dậy. Máy tàu ngừng chạy. Thủy thủ đoàn bắt đầu ném dây chèo xuống cho một người da trắng đội mũ cối vừa từ văn phòng khu vực bến tàu đi ra. Các cu-li bắt đầu từ trong bóng mát đi về phía con tàu, bằng những bước chân như của kẻ mộng du. Khi họ tới nơi, nhiều người trong bọn họ nhổ toẹt, để lại đằng sau những vệt đỏ thẫm nước bọt cốt trầu trên kè đá kiên cố và nóng bỏng.

TRĂNG HUYẾT

Phần Thứ Nhất - Đồi Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 3 -

“Xe kéo! Xe kéo!” Chuck Sherman vừa gào thật lớn vừa lao người nhảy xuống mấy bậc cấp Khách sạn Continental Palace, phóng ra đường Catinat, tay đưa lên cao vẫy vẫy theo kiểu tây thuộc địa. Lập tức một đám cu-li xe quành tay ra sau lưng, chụp càng xe, chạy ào lại. Cậu vừa la vừa vọt lên chiếc xe chạy tới trước nhất. “Đi! Đi! Chạy lẹ lên!” Chuck vỗ tay hô to và phu xe lập tức cất chân sải như điên, chạy dọc đại lộ Catinat.

Joseph leo lên xe kéo khoan thai hơn. Mặc lễ phục dạ hội màu trắng ủi thẳng nếp, thắt cà vạt đen, hai anh em đang trên đường tới dự buổi tiếp tân long trọng và đầy vinh dự dành cho thân phụ mình tại dinh thống đốc Nam Kỳ. Nhưng thay vì dùng chung xe Citroesn được trang trọng phái đến đón cả nhà, Chuck cứ nhất quyết xin cho hai anh em được di chuyển bằng xe kéo:

- Đi bằng cách đó chúng con sẽ thấy quang cảnh thật sự của Sài Gòn hơn.

Trong khi xin phép cha như thế, cậu kín đáo nháy mắt với Joseph và thì thầm sát tai em:

- Ai tới sau là đồ con rùa! Tội mình đua, được chớ?

Chưa kịp nghe Joseph trả lời bằng lòng hay không, ông anh đã vọt lên xe, vừa cười ha hả vừa thúc phu xe mở hết tốc lực chạy dọc đường phố.

Ngồi trên nệm xe, nhìn thẳng tới trước, hình ảnh đập vào mắt Joseph là mấy rẻo tóc bạc bên dưới vành khăn trắng rằn đen ướt đầm mồ hôi cột quanh đầu bác phu xe luống tuổi, khiến cậu không nỡ ra lệnh cho bác phi nước đại. Bác phu xe ở trần, hai tay túm càng xe. Lúc hai chân bác chạy đều bước giữa hai tay càng, mấy đồng xu — có lẽ là số tiền còm cỏi kiếm được suốt hôm đó — rung leng keng thê thiết trong chiếc túi vải nhỏ buộc chặt đằng trước dải lưng quần.

Xe chạy chưa được vài trăm thước, Joseph thấy bên lề đường, một ông tây thuộc địa to béo hung dữ bạt tai một phu xe An Nam ngay khi y vừa bước xuống xe kéo. Cậu bé Mỹ quay người lại dòm chừng, có ý chờ xem một cú trả đòn. Nhưng người cu-li An Nam đưa tay lên rứt rề xoa xoa má, an phận chấp nhận cú đánh. Không một người phương tây nào qua đường bỏ công ngó anh ta lần thứ hai. Khoảng ba mươi giây sau, một người Pháp, sau khi mặc cả tiền xe, thô bạo động vô đầu một phu xe khiến người cu-li ấy lão đảo té chúi nhủi xuống rãnh nước. Joseph tái mặt nhận ra rằng những cú đánh cú đấm như thế là chuyện rất bình thường.

Từ lúc xe chạy khuất khách sạn, Joseph ngẫm nghĩ áy náy mãi tại sao lại để một người luống tuổi kéo xe chở mình chạy qua chỉ mấy khúc phố ngắn trong khi mình có thể đi bộ dễ dàng. Cậu bắt đầu phân vân tự hỏi không biết mình nên tiếp tục ngồi xe hay bước xuống. Nhưng rồi xe của Joseph cũng bắt kịp Chuck vì rốt cuộc Chuck cũng mủi lòng, cho phép người phu xe đang mất thở được chạy chậm lại.

Joseph thấy anh cười tươi rói, khoan khoái ưỡn người trên ghế xe, rõ ràng lương tâm Chuck chẳng có chút nào dằn vặt giống như của cậu. Chuck nói vói qua, giọng cố ý làm ra vẻ lè nhè theo kiểu bông phèng của dân đại học Harvard:

- Joey này, theo anh thì lối di chuyển bằng cỗ xe nhỏ phương đông này chẳng có chút nào chẳng thoải mái. Em có thấy hoàn toàn đúng y như vậy không?

Joseph lật đật trả lời:

- Không tệ — không tệ chút nào.

Nói xong, cậu thử thả lưng ra nệm xe, cố làm ra vẻ ung dung giống hệt anh trong khi hai xe chạy sòng đôi dưới ánh đèn đường.

Xe lướt đi giữa trời chạng vạng tối, hai anh em thấy thành phố đã chuyển mình vì không còn hơi nóng. Những hàng cây héo hon và im ắng khi họ mới đến vào cuối giờ ngủ trưa lúc này hồi sinh thật lạ.

Đại lộ Catinat, đường phố chính của Sài Gòn, nối liền bến tàu và nhà thờ chánh toà, hai biểu tượng cho thương mại và tôn giáo, hai mục đích song sinh đã khiến người Pháp ra tay biến xứ sở này

thành thuộc địa. Trong các tiệm cà phê thời thượng dọc hai bên đường, họ thấy những người An Nam hầu bàn, đội mũ lúp trắng, mặc áo bờ-lu bằng vải lanh trắng, đang tỏ vẻ cung kính chạy tới chạy lui giữa những chiếc bàn mặt đá hoa cương sắp thành từng dãy, rót rượu khai vị cho các nhóm người tây lữ đừ uể oải. Dưới những gốc me, dân Pháp mặc vét-tông trắng đi dạo mát bên các phụ nữ của họ, tự tin và lững thững từng bước, xen lẫn với đám đông người bản xứ — những ông quan cầm đề một chòm râu nhọn và thưa, mặc áo thụng kiểu Tàu; những thanh niên An Nam đội mũ nỉ tròn, khoác áo măng-tô mỏng màu xanh lá cây dài tới đầu gối; đôi ba đám dân quê tiêu tụy, mặc áo bà ba bằng vải màu nâu hoặc đen, đội nón lác vành to như bánh xe ngựa, chân đi guốc gỗ. Hai anh em để ý thấy hầu hết trên miệng người An Nam, giàu cũng như nghèo, đều thấm đỏ nước cốt cau trầu.

Nhưng rồi bằng chứng của tục ăn trầu đó không còn bắt mắt hai cậu trai Mỹ. Giữa đám đông đang đi nhàn tản, những thiếu nữ An Nam mảnh mai duyên dáng trong chiếc áo dài lụa cổ truyền đột nhiên hút chặt con mắt nhìn ngắm của cả hai anh em. Trang phục màu tùng lam của họ vừa kín đáo vừa hấp dẫn, ôm kín người từ cổ tới hông, dính sát từng đường nét trên bộ ngực nhỏ nhắn và thanh tú làm tăng vẻ quyến rũ của gờ vai thanh mảnh, vòng eo eo lả và nếp cong mềm mại của bờ hông tươi trẻ. Tuy vậy từ hông trở xuống, hai tà áo trước và sau nhẹ như tơ cùng chiếc quần dài lụa trắng gọn sóng lại thắm kín che giấu đôi chân và bắp đùi. Trước mắt Chuck và Joseph, những thiếu nữ Sài Gòn đầy hấp lực này dường như không bước đi bằng đôi chân của mình mà êm ái lướt bồng bồng dưới hàng me trong gió nhẹ chiều hôm.

Chuck nôn nao nhìn từng thiếu nữ khi xe cậu chạy ngang nhưng họ đều lảng tránh ánh mắt cậu. Từ trên xe đang bon bon chạy cậu nhe răng cười, nói với qua xe em mình:

- Máy cô bé bản xứ này hầu hết đều có vẻ dễ thương giá như họ đừng đoan trang quá đáng, phải không Joey?

Joseph bập bập môi thành tiếng, cảm thấy mình lớn hăn. Cậu toét miệng cười:

- Đúng vậy đó, anh Charles!

Từ lúc bước chân ra khỏi lô phòng ở khách sạn, Joseph có cảm tưởng tối nay thế nào mọi con mắt Sài Gòn cũng nhìn mình vì đây là lần đầu tiên trong đời, cậu thiếu niên Joseph diện bộ da phục màu trắng. Ban nhạc của Khách sạn Continental đang chơi bản “Tea for Two: Trà cho đôi ta”, một giai điệu mới, hiện được nhiều người ưa chuộng. Chưa xuống tới tầng trệt của khách sạn Joseph đã khá ngạc nhiên nhận ra rằng chẳng một ai quay đầu về phía mình. Cậu để ý thấy vẻ mặt thèm muốn của vài phụ nữ Pháp đang đưa mắt ngắm vóc dáng cao lớn đẹp trai và bắt mắt của ông anh mình. Khi hai xe kéo chạy sát bên nhau, Joseph đưa mắt liếc Chuck thật lẹ. Cậu đề quyết chắc chắn cái làm cho mình hoàn toàn khác với ông anh chính là bộ ria màu hung Chuck mới để. Lòng ấm ức, Joseph đưa ngón tay lên mép nhưng chỉ rà được mấy sợi lông măng mọc li ti.

- Joey này, ngó em diện bộ da vũ trắng thiệt là bánh trai!

Chuck đột nhiên nói to như thể đọc được bụng dạ em. Hai chiếc xe kéo đang chạy kề nhau, cậu nghiêng người qua trù mền thui thui bấp tay em:

- Anh chắc chắn tối nay em là người đẹp nhất buổi dạ vũ Sài Gòn. Joseph nhào sang, tính trả đũa bằng một cú đấm lại vô bụng anh nhưng ngay lúc ấy hai chiếc xe đang xa ra, lết bánh rồi dừng lại. Joseph nhìn tới trước, thấy lần đường phía bên mình bị nghẽn vì ngược đường đằng trước có hai chiếc xe kéo tay cỡ lớn, bánh niềng sắt, loại dùng để chở hàng. Một chiếc đang lật nghiêng. Hai anh em sững sốt thấy một người Âu da ngăm ngăm đen đang vung cây roi tre to tướng lên quát tới tấp.

Ban đầu Joseph và Chuck cho rằng có con vật nhỏ nào đó đang khuyu chân giữa hai cang xe nhưng khi nhìn gần hơn, họ nhận ra người Âu đó không đánh một con vật ngã quỵ mà là đang quát một người An Nam chân cẳng khăng khiu. Hai anh em cũng thấy đó là hai chiếc xe chở đá thải. Xe trước giống hệt xe sau. Mỗi cặp cang xe đóng khung thành một cái gong. Bốn người An Nam kéo xe mình mấy mướt mồ hôi, trên cổ mỗi người tròn một sợi dây thòng lọng bằng mây, lớn bằng ngón tay cái. Hai cổ chân của con vật người nặng gánh ấy còn bị đeo xích sắt nặng nề, gắn vào một cái

nẹp dày bằng thép siết chặt quanh hông mỗi người.

Hai cậu trai Mỹ chăm chú nhìn cây roi tre vung lên quất xuống, nghe tiếng vun vút kinh tởm của ngọn roi quất sần sật vào xương và thịt. Trong khi người An Nam té khụy đang lao đảo cố đứng lên khỏi mặt đường đầy bụi, Joseph và Chuck thấy máu từ những lằn roi rịn ra, ứa đỏ thẫm trên lưng người kéo xe. Mắt nhắm nghiền đau đớn, anh ta và ba người kia, tất cả đều bị buộc dòng dây vào càng xe, làu bàu thành tiếng rồi rán hết sức lôi cho chiếc xe nặng chình chịch nhúc nhích trở lại. Chầm chậm, xe bắt đầu lăn bánh. Gã tây thuộc địa lại quất tháo mắng chửi hết người nọ tới người kia, thúc cho xe lăn bánh nhanh hơn.

Khi hai chiếc xe tải kéo tay đó đi ngang hai cậu trai Mỹ đang ngồi yên trên chiếc xe kéo bị mắc kẹt của mình, người An Nam vừa ngã gục trước đó nhướng mắt ngó lên. Tia nhìn đau đớn u uất của anh ta quyen lấy ánh mắt của Joseph. Rồi hai mi mắt anh ta lại sụp xuống. Những đường gân dưới cằm và trên trán lại vồng lên khi anh ta càng lúc càng cố hết sức rướn người tới trước làm căng sợi dây thòng lọng siết quanh cuống họng.

Hai chiếc xe chở đá vừa đi qua hẳn, Joseph xoay bộ mặt xanh rờn sang phía Chuck:

- Anh Chuck này, những người vô phước khốn khổ đó trông có vẻ như sắp chết tới nơi.

Chuck gật đầu ác liệt:

- Chắc chắn lần này cái trên lưng họ không phải là nước trầu.

Một người Pháp còm ròm, vai khòm, mang kính cặp mũi, đang đứng trên lề đường, mắt dòm chừng, hai tai dỏng lên nghe ngóng. Thành linh, hắn bước xuống giữa lòng đường, đi thẳng tới, ngó lom lom mặt Chuck. Hắn đứng khá gần đủ để cậu thanh niên Mỹ ngửi ra mùi tởm trong hơi thở của hắn tỏa thành luồng theo từng lời hắn nói:

- Bọn chúng là những thằng tù! Tội phạm có án! Chúng nó bị như vậy là đáng kiếp. Không biết gì hết thì chớ có thương hại bọn chúng. Ai ở ngoài cuộc cũng thương hại tào lao như vậy.

Hắn vừa cảm râm bằng thứ tiếng Anh lơ lơ vừa nhả bộ mặt xám ngoét lại, tỏ vẻ nhòm tởm. Tuôn xong mấy tràng đó, hắn vung

chiếc gậy làm bằng cành cây cọ, đầu bịt bạc, vẫy vẫy về phía các đám người đang đi dạo chung quanh:

- Bọn chúng nó không giống với chủng tộc da trắng chúng ta. Chớ có suy nghĩ theo kiểu trật lất của các cậu. Bọn chúng nó hầu hết là lũ ăn không ngồi rồi, lười biếng vô tích sự. Đừng phí tình cảm cho bọn chúng!

Qua cặp kính đeo mũi hắc hung hăng ngó hết Chuck xong tới Joseph. Xong, hắc quay mình bỏ đi. Bước lộp cộp nặng nề, vai thô bạo huých mở đường giữa đám đông người An Nam đang đi tới. Hai anh em nhà Sherman im lặng nhìn nhau rồi Chuck nhún vai bất cần, nhướn lông mày:

- Thuyền trưởng tàu Avignon nói chẳng sai chút nào, đây là một thế giới khác với thế giới của chúng ta.

Khi bác phu xe nâng cang xe lên, bắt đầu nhấc chân chạy tiếp, Joseph thấy cậu không thể tiếp tục nhìn đôi vai gầy mướt mồ hôi đang nhấp nhô trước mặt để xua tan hình ảnh những vệt máu đang ứa ra theo cây roi tre của gã tây thuộc địa người Pháp. Bỗng dưng cậu cảm thấy lòng tràn trề thương cảm. Và khi hai anh em tới dinh thống đốc, Joseph vừa vội vàng dúai hai đồng bạc vào bàn tay đang khum lại của bác phu xe vừa rồi rít cảm ơn bằng tiếng Pháp. Số tiền này nhiều gấp ba lần giá một cuộc xe thông thường. Ông lão An Nam đứng sững người giữa hai cang xe, há miệng kinh ngạc nhìn theo Joseph cho tới khi cậu và Chuck biến mất vào trong dinh.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 4 -

Dinh thống đốc Nam Kỳ được xây bằng đá trắng theo kiểu phô trương và tân cổ điển bởi những người Pháp có lòng yêu nước nồng nàn từng dựng lên các công thự vĩ đại ở Paris vào cuối thế kỷ mười chín. Tọa lạc cuối đường La Grandière, bao quanh với các hoa viên kiểu cách, mặt trước của dinh hùng vĩ gồm những cột cao xẻ rãnh kiểu Hi Lạp và các hàng lan can chạm trổ, được vẽ kiểu với dụng ý như một tuyên ngôn kiên định bằng đá về sự kiêu hãnh và tự tin của mẫu quốc thực dân. Chót vót mái dinh là một vòm cao gấn kính, hình bát úp với khung rắn chắc bằng thép. Từ cột cờ trên nóc dinh, lá quốc kỳ tam tài màu xanh, trắng và đỏ của Pháp bay giập giòn trong gió nhẹ buổi tối.

Vừa tới nơi, Chuck và Joseph đã thấy cha với mẹ đang chờ hai anh em trên thềm cao, rộng thênh thang, còu những bậc cấp bằng đá hoa cương. Một sĩ quan cao cấp, tùy viên của thống đốc, hướng dẫn họ tới khu vực tiếp tân, đi ngang một dãy phòng trần cao vời vọi hơn mười hai thước, sàn bóng láng đá cẩm thạch.

Trong đại khách sảnh, những người hầu An Nam đều mặc áo dài trắng trên tay bưng khay bạc. Họ nhón gót đi thềm lặng giữa các chậu cau kiểng để bồi tiếp rượu sâm-banh ướp lạnh cho một đám đông đảo tây thuộc địa tụ tập sẵn từ hồi nào. Đàn ông Pháp mặc giống hệt nhau, quần dài đen và áo ‘smô-kinh’ — một loại áo ngoài cắt chèn ngang hông thường dùng để dự tiệc chiều — trong khi phụ nữ chung diện y phục của các cửa hiệu thời trang trên đường Catinat, đủ trang nhã để làm họ quên Đại lộ La Paix ở Paris, cách Sài Gòn hơn hai chục ngàn cây số đường biển.

Dưới bức chân dung của Đại đế Napoléon to lớn đóng khung mạ vàng, thống đốc Nam Kỳ đích thân đứng nghênh đón gia đình Sherman. Ông tác người cao lớn, ngạo nghễ. Tóc mai dài và râu đen nhánh rậm rạp. Mình mặc bộ đồng phục màu xanh da trời

được tô điểm công phu với những hạt nút bằng vàng thật. Nơi ngực bên trái chiếc áo chèn lấp lánh huy hiệu Bắc đầu Bội tinh và hàng chục huân chương. Trên chiếc bàn bên cạnh đặt phô trương một chiếc mũ ba sừng có cắm lông chim. Khi cả nhà Sherman tiến đến gần, thống đốc không mỉm cười, chỉ yên lặng chờ, tay đặt trên đốc kiếm nghi lễ. Thái độ tỏ vẻ tách biệt của thống đốc có ý gợi cho người khác thấy rằng ông tự đánh giá phẩm cách của mình ít ra cũng chẳng chút nào thua kém vị anh hùng truyền thuyết của Pháp đang từ trên bức vách đằng sau ông nhìn xuống.

Đưa bàn tay đeo găng trắng, thống đốc trình trọng lần lượt bắt tay từng người trong gia đình Sherman và nói: “Hoan nghênh đã tới thuộc địa rất xinh đẹp này của nước Pháp!” Nhưng khi thượng nghị sĩ tươi rói và nhã nhặn bắt đầu nói rằng gia đình mình vô cùng hân hạnh được tới nơi đây, ông liền bị sĩ quan tùy viên đưa tay ngăn lại. Anh ta ra hiệu cho cả nhà bước qua một bên để thượng cấp của mình có thể bắt đầu bài diễn văn chính thức.

Thống đốc phát biểu bằng ngôn ngữ nước mình, giọng sang sảng:
- Thừa Thượng nghị sĩ Sherman và Phu nhân, thật rất vinh dự cho tôi được đón tiếp một gia đình cao quý như gia đình quý vị đến xứ Đông Dương thuộc Pháp này. Quý vị tới đây chủ yếu là để săn các dã thú quý và hiếm nơi rừng núi của chúng tôi hầu cho nhân dân Hoa Kỳ có thể chiêm ngưỡng khi chúng được trưng bày tại Nhà Bảo tàng Sherman ở thủ đô Washington. Chúng tôi xin chúc quý vị trong thời gian lưu lại trên đất thuộc địa này của chúng tôi được nhiều may mắn và cuộc đi săn đạt kết quả tốt đẹp — nhưng như thế hẳn nhiên chưa đủ!

Ông ngẩng cao đầu, nhìn mông lung trần nhà trong khi sĩ quan tùy viên đọc bản dịch từng lời vừa nói trong một tờ giấy. Kế đó, ông tiếp tục, cũng bằng giọng cao điệu như thế:

- Hết thảy chúng tôi đều tự hào về sự tiến bộ được nước Pháp, trong những năm vừa qua, tạo ra tại Nam Kỳ và những miền đất khác của Liên hiệp Đông Dương thuộc Pháp. Tại đây, tôi hi vọng rằng quý vị sẽ thấy những bằng chứng cho mục đích đạo đức cao cả mà với nó chính quyền Pháp đang nỗ lực hoàn thành sứ mạng khai hoá của mình.

Thống đốc nói chậm lại để nhấn mạnh và kéo dài từng chữ trong thành ngữ Pháp “*sûr mạng khai hoá*”. Trong khi cố tình làm như vậy, ông kiêu hãnh đưa mắt lấp lánh nhìn chăm chặp khắp đám đông đang tụ tập:

- Chúng tôi đem lại cho cái góc hẻo lánh này của địa cầu những đường sá mới, đường xe lửa và đường dây thép, tới độ nếu không có những thứ ấy, xứ sở này sẽ suy kiệt với những vất vả lao nhọc của một quá khứ không tiến bộ. Chúng tôi đã và đang phát triển các đồn điền cao su, mỏ than và những tiện nghi kỹ nghệ hiện đại trong tinh thần hợp tác với những người An Nam lao động cần cù và siêng năng. Và hết thảy những công cuộc mở mang ấy đều nhằm mục đích phục vụ cho những lợi ích hàng đầu của dân chúng Pháp lẫn dân chúng An Nam. Chúng tôi hy vọng các vị khách quý người Mỹ hôm nay, trong những lúc đi lại trên xứ sở này, sẽ có cơ hội tán thưởng một số thành tựu của chúng tôi. Chúng tôi xin chúc toàn gia quý vị hạnh phúc và thu lượm được nhiều thành quả trong những ngày lưu lại tại vùng đất thuộc địa này.

Nhân lúc người tùy viên thông dịch những lời ấy, Joseph Sherman nhìn quanh phòng. Cái trước tiên đập vào mắt cậu là mấy nhóm người An Nam nhỏ thó đang thăm lặng đứng với vợ giữa những đàn ông và đàn bà người Âu cao lớn. Một số mặc áo thun kiểu Tàu lấp lánh màu sắc và đội mũ quan màu đen. Một số mặc áo dài the đen và quần trắng, đội khăn đóng. Chỉ vài người bận vét-tông. Nhưng người nào dưới cằm cũng để một chòm râu thưa thưa như một dấu hiệu cho hệ quả sự làm người An Nam. Joseph nhận thấy hết thảy họ, dù địa vị cao thấp khác nhau, đều có vẻ không được thoải mái, không nhìn thống đốc, cũng chẳng nhìn nhau và thường đưa mắt ngó xuống sàn nhà.

Nathaniel Sherman đáp từ. Giọng miền nam của ông khi cất lên trước công chúng nghe luyến láy hơn bình thường. Ông nói với cung điệu nhịp nhàng và uyển chuyển, cân nhắc và chậm rãi, vốn thường dùng trên diễn đàn Thượng nghị viện:

- Nếu những đường phố đáng yêu của Sài Gòn là cái gì đó đáng để đánh giá thì, thưa Monsieur Thống đốc, quý vị đã và đang mang những lợi ích văn minh lớn lao tới cho xứ thuộc địa nhiệt đới này

của quý vị. Thủ đô xinh đẹp này của quý vị đang làm chúng trợn vện cho danh xưng của nó: “Hòn ngọc Viễn đông,” và dân chúng trên những đường phố này dường như mãn nguyện và hạnh phúc. Rõ ràng họ sống thoải mái dưới sự cai quản đầy nhân ái của quý vị...

Joseph nhăn mặt bắn khoăn ngó sang Chuck. Rõ ràng cậu vừa kể cho cha nghe việc các cu-li xe kéo bị người đi xe đánh đập và dường như ông đã lắng nghe. Joseph thì thầm: “Anh có nghĩ là cha không tin em?” nhưng Chuck chỉ đáp lại bằng một cái nhún vai.

Thượng nghị sĩ tiếp tục, giọng êm như ru:

- Thừa Monsieur Thống đốc, hai quốc gia chúng ta cùng duy trì những niềm tin giống nhau. Cả hai dân tộc chúng ta đều sẵn sàng và mong muốn gánh vác những trách nhiệm và bổn phận đang đặt lên vai các quốc gia thịnh vượng và hùng cường trên thế giới.

Chính Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ từng là một xứ thuộc địa và đã chiến đấu gian khổ cho nền tự do và độc lập của mình. Tôi chắc chắn sứ mạng soi sáng và khai hóa của quý vị mà, một cách vô cùng vị tha, đã và đang đem lại những phương tiện liên lạc và kỹ nghệ hiện đại, sẽ bảo đảm rằng nơi này không bao giờ cần tới bất cứ sự xung khắc nào...

Người tùy viên điem tỉnh dịch sát nghĩa những lời thượng nghị sĩ đang nói. Thống đốc đột ngột ngược mặt ngó khi nghe đề cập hai tiếng “độc lập”. Nhưng ông chỉ thấy thượng nghị sĩ Mỹ đang nhón chân, duyên dáng cười đáp trả, và tiếp tục bài diễn văn của mình bằng giọng kéo dài, chậm rãi, không chút ngáp ngừng:

- Tôi nghĩ rằng, thưa quý vị, có lẽ tôi nên vạch rõ mối liên hệ mật thiết hơn nữa giữa gia đình chúng tôi với nước Pháp.

Ngưng nói, ông hoa tay về phía vợ, như một xướng ngôn viên giới thiệu ngôi sao hấp dẫn nhất trong buổi trình diễn tối nay:

- Flavia, người vợ khả ái của tôi, chào đời tại một thuộc địa cũ của nước Pháp đã được bậc vĩ nhân trong bức chân dung đằng sau ông, thừa Monsieur Thống đốc, bán cho Hiệp chúng quốc vào năm 1803 với số tiền mười lăm triệu đô la. Hoàng đế Napoléon được món lợi lớn vì sớm muộn gì nước Pháp cũng phải từ bỏ đất đó, và nhờ thế, tôi cũng được một món lợi vô giá vì Louisiana đã cho tôi

một người bạn đời đáng yêu với tất cả những nét quyến rũ có tính truyền kỳ của dân tộc quý vị.

Ông hướng sang Flavia, cười rạng rỡ. Bà cười đáp lại, má ửng hồng. Bà biết rõ, qua những biểu lộ lãnh đạm của các bà vợ Pháp trong buổi tụ họp này và qua sự ngưỡng mộ lộ liễu trong mắt các ông chồng mặt tai tái tươm mồ hôi của họ, rằng bà đã đạt được một thành quả ngoại hạng với sự chưng diện và vẻ diễm tuyệt của mình. Ngoài chiếc áo dạ hội bằng tơ màu tử đinh hương mộc mạc mà trang nhã, Flavia còn bao bọc cài lên đầu những miếng ngà nhỏ giữ cho tóc gọn gàng và chải tóc ngược ra đằng sau làm nổi bật đôi gò lưng quyền cao, rồi để mái tóc buông xuống lưng xỏa thành một suối tóc đậm màu, tương phản rõ nét với chiếc áo dạ hội màu nhạt. Hai má Flavia vốn hồng hào sẵn nhờ cái nóng, kết hợp với niềm sáng khoái được là tâm điểm chú ý của mọi người và điều đó khiến nhan sắc của bà lộng lẫy thêm và tươi mát thêm. Thượng nghị sĩ tiếp tục:

- Nhà tôi đã mất hy vọng vào tôi từ lâu nhưng bà bảo đảm rằng hai con trai của tôi, Charles và Joseph đây, đang nói ngôn ngữ tổ tiên của mẹ chúng, và điều ấy mang lại lợi ích cho chúng tôi khi viếng thăm thuộc địa này của quý quốc.

Ông ngừng một chút để người nghe thấm lời xác định của ông. Rồi thêm lần nữa ông cười niềm nở với chủ nhân của bữa tiệc:

- Chúng tôi vô cùng cảm kích trước lòng nồng nhiệt cực độ của ông, thưa Monsieur Thống đốc, cùng sự tiếp đón ân cần và hiếu khách của tất cả quý vị.

Khi sĩ quan tùy viên dịch xong những lời của thượng nghị sĩ, hết thảy những ông bà tây thuộc địa đang tụ họp lịch sự vỗ tay. Một người hầu An Nam lặng vẳng gần đó từ lúc nào, bước ra tiến rượu sâm banh cho quan khách. Thống đốc lập tức nhướng cặp kính đeo mắt sang phía Flavia, hỏi han cặn kẽ về dòng họ Pháp của bà và sự “kết hợp đáng kinh ngạc” giữa nhan sắc của bà với hai cậu con xinh đẹp. Lần đầu tiên ông mở miệng cười và nói:

- Bà Sherman ạ, tôi tin rằng bà chẳng dùng hết thời giờ của mình để đi săn. Nếu bà có dịp để mắt tới và tham dự một vài sinh hoạt chung nào đó của chúng tôi, sự có mặt của bà sẽ làm sôi nổi cuộc

sống thuộc địa vốn quen nếp tù đọng này.

Flavia cười đáp trả rồi đưa mắt liếc Nathaniel thật lẹ. Thấy chồng đang mải mê chuyện trò với người tùy viên của thống đốc, bà mới đề cho mình được phép thấp giọng tâm sự:

- Thưa ông, cuộc sống ở Virginia rất giới hạn. Các chân trời văn hoá và xã hội ở nơi đó quá chật hẹp, cũng vì thế từ lâu tôi mong ước có một chuyến đi như thế này. Joseph, đứa con trai thứ hai của tôi, rất quan tâm tới lịch sử, và chúng tôi sắp đi Huế để ngoạn cảnh chốn đế đô cùng quan chiêm đức vua cử hành lễ Tết cổ truyền.

Thống đốc mỉm cười thêm lần nữa:

- Như thế tôi hi vọng lại hân hạnh được gặp bà tại đất thần kinh cổ kính của các hoàng đế An Nam. Tôi cũng sẽ dự các nghi lễ đó trước khi lên nghỉ ngơi vài ngày ở khu nghỉ mát tại vùng đồi núi Đà Lạt.

Ngay lúc ấy, cảm giác có ánh mắt ai đang chạm vào người mình, bà vợ của thượng nghị sĩ vội vàng quay đầu lại. Bà bắt gặp một người đàn ông Pháp cao, mặt rắn rỏi, mặc áo vét trắng kiểu dùng dự tiệc chiều, đứng kế bên tùy viên của thống đốc, đang ngậy người âm trầm ngắm bà. Vì Flavia bất thần quay lại nên hấn sững sờ, mất cảnh giác về sự thiếu ý tứ trong việc chiêm ngưỡng thân xác của người khác. Nhưng cái nhìn chăm chú u ám và lặng lẽ của hấn giữ bà đứng yên cho tới khi bà xoay người nhìn qua chỗ khác. Người tùy viên của thống đốc vốn đã để ý khi Flavia quay lại, thấy đây là cơ hội cho mình mở lời đưa người Pháp thâm lặng này tham dự vào nhóm:

- Thưa Thượng nghị sĩ Sherman và phu nhân, tôi xin phép giới thiệu kẻ sẽ làm người hướng dẫn và cố vấn đầy kinh nghiệm của quý vị trong rừng thẳm nhiệt đới này, Monsieur Jacques Devraux. Ông Jacques Devraux trước đây làm sĩ quan trong binh chủng Bộ Binh Thuộc Địa nhưng lúc này ông là một nhà săn bắn rất mạo hiểm và thành công nhất của chúng tôi.

Trong khi nắm rất lẹ các ngón tay của Flavia, Jacques Devraux vội vàng cúi chiếc đầu đen sẫm lên bàn tay bà. Flavia cảm giác môi hấn lướt nhẹ trên da mình và nghe hấn thì thầm: “Hân hạnh”.

Nhưng trước khi quay sang chào thượng nghị sĩ, hấn không nhìn

bà thêm lần nào. Nathaniel Sherman nói lớn, niềm nở chào người Pháp ấy bằng cái bắt tay thật chặt và nồng nhiệt:

- Rất mừng được gặp ông, Monsieur Devraux. Chúng ta có nhiều điều cần thảo luận với nhau. Theo ý ông, sớm nhất là chừng nào chúng ta sắm đủ đồ trang bị? Và khi nào chúng ta có thể nghĩ tới chuyện lên đường?

Thống đốc nhướng đôi lông mày rậm lên nhìn Flavia Sherman, tỏ vẻ thiện cảm trong khi chồng bà bắt đầu thảo luận chi tiết các kế hoạch đi săn. Nâng nhẹ khuỷu tay của Flavia, thống đốc đưa bà đi về phía đám đông đang chờ đợi, và bắt đầu giới thiệu bà.

Cả hai vừa đi, một người hầu An Nam chọt thăm lặng xuất hiện kề bên Joseph Sherman, đưa cho cậu ly sâm-banh khác. Cậu bé Mỹ nhìn xuống chiếc ly rỗng trên tay mình do cậu vừa bộp chộp uống ực một hơi, rồi ngó mông lung bóng dáng mẹ đang nhanh chóng biến mất trong đám đông. Trước khi cả gia đình rời khách sạn, mẹ đã căn dặn cậu không được phép uống quá một ly, còn Chuck anh cậu, không bị sự cấm đoán ấy ràng buộc. Chuck đang vừa nhăm nháp ly rượu thứ hai một cách tự tin vừa nhìn Joseph và nở nụ cười hiền hậu trước vẻ tần ngần của em:

- Ngó như thể má mình chơi trội hơn em. Nói tóm lại, bà là người đẹp thật sự của buổi dạ vũ này chứ chưa phải em. Thôi thì làm một ly nữa cho nguôi sầu hận — ông anh này gánh trách nhiệm cho. Trợn mắt làm bộ tịch dữ dằn chế nhạo lại anh, Joseph cầm thêm một ly. Lần này thận trọng hơn, cậu nhấp từng chút một. Lúc ấy, một cậu trai Pháp tóc đen tuổi chừng mười tám, vừa cười toe toét đi tới phía hai anh em vừa chìa bàn tay:

- Xin chào nhị vị, tôi là Paul Devraux. Tôi phụ việc cho ba tôi và tôi lấy làm sung sướng được biết các anh nói rất giỏi tiếng Pháp. Cho tới nay tôi chỉ học lóm được có mấy câu tiếng Anh, thí dụ như: “Cô ơi mặt cô đẹp tuyệt vời đấy!”... ““Cô có chịu lên giường với tôi không ạ?”... “Anh yêu em cực kỳ em ơi!”... Và tôi thấy giữa nhị vị và tôi, không việc gì phải dùng tới mấy câu đại loại như thế! Hai anh em rộ lên cười vì những câu tiếng Anh đưa ra có ý chọc cười ấy. Cả ba vui vẻ bắt tay nhau. Vóc dáng của Paul Devraux rất giống cha chỉ trừ đôi mắt sẫm màu long lanh tinh quái trên khuôn

mặt râm nắng và khắp người toát ra vẻ dí dỏm, ưa bông đùa.

Nghiêng mình đầy tự tin về phía hai anh em, Paul nói:

- Tôi hy vọng các anh thưởng thức bài diễn văn của thống đốc chúng tôi. Nhưng chớ tin hết thảy những gì ông ấy nói. Một số người quả quyết rằng thực tế chẳng có chút nào gọi là “sứ mạng khai hóa” trong mọi việc người Pháp đang tiến hành ở đây. Các anh thấy, trước khi chúng tôi đến đây thì tại xứ thuộc địa này chẳng có nhà thổ nào — nhưng ngày nay thành phố nào cũng tổ chức thi đủ loại hoa hậu, thực tế là tuyển lựa mỹ nữ cho các quan chức. Vậy có lẽ đúng ra nên gọi là “sứ mạng giang mai hoá”, phải không?

Chuck không nín nổi, bật cười ha hả. Joseph cũng cười nhưng hơi bứt rứt tự hỏi chẳng biết mình có hiểu đúng ý sự hài hước ngược ngạo của cậu trai Pháp không. Dứt tiếng cười, Chuck xuống giọng góp ý và dò hỏi:

- Thế thì đúng ngay chóc Paul ạ. Còn một điều chúng tôi từng nghe nói về đàn ông Pháp thì sao: rằng hết thảy họ đều là kẻ điên cuồng sinh lý?

Paul lập tức tỏ vẻ bị xúc phạm:

- Cái đó chắc chắn không đúng! Chỉ hầu hết chúng tôi là bị điên cuồng sinh lý thôi!

Cậu cười, vắn vẹo một bên chột ria mép màu đen với dáng điệu ta đây hiên ngang, làm hai cậu trai Mỹ lại bật lên cười. Chuck nói:

- Qua những gì chúng tôi vừa thấy dọc đường tối nay, tôi phải nói rằng đàn bà con gái xứ này hình như không dễ xấp vớ dù họ trông có vẻ bắt mắt trong bộ quần áo lụa nhỏ nhắn và hấp dẫn.

Cậu trai Pháp nói, lại xoắn chột ria mạnh hơn nữa:

- Cực kỳ chí lý đấy, anh bạn. Họ không sẵn lòng chút nào. Anh thấy, giai cấp quan lại phẩm cách rất nghiêm khắc. Khi một thiếu nữ An Nam kết hôn, đêm đầu tiên trong tuần trăng mật, người chồng trải một vuông lụa trắng như tuyết ra giữa giường. Nếu cô dâu không vượt qua nổi cuộc thử nghiệm đó thì hẳn được phép đuổi tân nương dọn đồ đạc trở về nhà gái, và hẳn công khai tuyên bố lý do.

- Thế thì làm thế nào tất cả những người Pháp điên cuồng sinh lý

của anh giữ được sức khỏe của mình?

Paul nói và đưa ngón tay lên giảng giải:

- A! Rõ ràng là anh không nghe nói tới một chế độ cao quý và trang nhã là “con gái”.

Chuck thừa nhận:

- Không. Tôi chưa nghe. “Con gái” là gì vậy?

- “Con gái” là đây tớ gái, chị em của các đây tớ trai, các cậu bồi chú bếp — hoặc đôi khi thậm chí là vợ của hấn. Hầu hết là những thiếu nữ từ nhà quê lên.

Paul vừa nói vừa đưa tay hoa một vòng về phía những người còn lại trong phòng:

- Thấy không, tại xứ thuộc địa này có quá ít các bà vợ. Hầu hết tây thuộc địa người Pháp chúng tôi tới đây một mình — vì “con gái”. Đó là lý do hiện có tới bốn chục ngàn “con lai” tại một xứ thuộc địa như thế này.

Joseph lật đật hỏi, lo lắng sợ mình bị gạt ra bên lề cuộc nói chuyện hấp dẫn của người lớn:

- Con lai? Là cái gì vậy?

- Người pha tạp chủng tộc, ông bạn ạ — nửa Pháp nửa An Nam. Chúng tôi gọi bằng tiếng Pháp là đầu gà đít vịt, chẳng phải giống này cũng chẳng phải giống kia. Khi tây thuộc địa người Pháp chúng tôi hồi hương, bọn chúng bị bỏ lại. Nếu may mắn, “con gái” ấy và những “con lai” của bà ta sẽ được bàn giao cho người sẽ tới tiếp quản ngôi nhà đó, tính chung một thể với đồ đạc trong nhà. Nếu không, thê thảm hết chỗ nói, không ai ngó ngang tới họ. “Đời thuộc địa là thế!” người ta chỉ nói vậy thôi rồi nhún vai.

Chuck cười cười, đề vào:

- Nhưng tôi dám cá rằng chắc chắn mẹ anh giữ riết anh, không cho anh tới gần “con gái”.

Giọng trầm hần, cậu trai Pháp nói:

- Chẳng may má tôi qua đời rồi. Bà bị chết bốn năm trước, trong một tai nạn sông nước.

Chuck vội vàng nhẹ giọng:

- Tôi thành thật xin lỗi.

Cậu trai Pháp phát tay xua lời xin lỗi của Chuck:

- Nhưng dù trường hợp nào đi nữa tôi cũng không trọng nề bất cứ kẻ nào trong đồng bào tôi có hành động đối xử tệ bạc với “con gái” An Nam. Tôi tới Sài Gòn cách đây tám năm, lúc ba tôi còn ở trong quân đội. Sau ngày má tôi qua đời, ông quyết định lưu lại đây thêm một thời gian, kiếm sống bằng nghề săn bắn, nên ở đây tôi lớn lên chung với con trai và con gái An Nam cùng lứa tuổi. Có thể tôi có quan điểm khác với thế hệ lớn tuổi hơn tôi.

Đột nhiên Joseph kéo mạnh tay áo anh mình, đưa cằm về phía đằng kia phòng:

- Anh Chuck, nhìn kia, có cái ông anh em mình mới gặp trên đường phố...

Nhìn theo em, Chuck thấy gã đàn ông Pháp khòm lưng, cảm rằm hai anh em bằng tiếng Anh hồi chiều. Ăn vận giống mọi tây thuộc địa khác, hắn đang trò chuyện với một người đàn ông mặt xanh mét, vàng vọt, nhỏ con hơn và mắt cũng thâm quầng y hệt hắn.

Joseph quay sang Paul Devraux, giải thích:

- Chúng tôi thấy có vài tù nhân bị đánh đập nhưng ông ấy nói với chúng tôi rằng chớ thương hại họ. Ông ấy nói hết thấy người An Nam đều lười biếng, vô tích sự.

Liếc thật lẹ người đó, cậu trai Pháp nhún vai:

- Ông ta và bạn của ông ta là đại diện điển hình cho tầng lớp vệ binh cũ. Có thấy quầng thâm nơi mé dưới con mắt họ không? Chắc chắn đó là dấu hiệu của người nghiện á phiện. Tôi đã từng gặp “ông bạn” ấy của các anh — quần áo ông ta lúc nào cũng mốc meo mùi khói. Tôi đoán chừng ông ta làm thanh tra hàm mỗ hoặc một nghề đại loại như vậy.

Paul Devraux thấp giọng, nghiêng mình về phía hai cậu trai Mỹ:

- Và ngẫu nhiên á phiện chưa phải là thói xấu độc nhất của cặp bài trùng đó. Sau khi rời chỗ này có lẽ họ sẽ đi bộ dọc đường Catinat, ra tận bờ sông. Nếu có dịp dạo chơi trên kè đá trước mặt tiệm cà phê La Rotonde, các anh sẽ thấy có những cậu bé An Nam nghèo cực mặt bời bột gạo trắng, lượn tới lượn lui để phục vụ cho hạng người như hai “ông bạn” ấy. Hoặc cả hai sẽ gọi phu xe trẻ tuổi kéo họ chạy lòng vòng suốt đêm, để ngắm cái mông đít nhỏ xíu và vàng khè của anh ta nhô lên hụp xuống trước con mắt thèm thuồng

của họ — và sẽ đánh đập anh ta nếu anh ta không chịu để yên cho họ làm tới.

Cậu trai Pháp đột nhiên bủi môi tỏ vẻ kinh tởm:

- Loại người như vậy rất thường thấy ở đây. Người từ nước Pháp tới thuộc địa không phải bao giờ phẩm chất cũng hạng nhất. Thôi, đừng nói thêm về họ nữa.

Chuck nhấp sâm banh, nhìn quanh các nhóm nhỏ người An Nam đang có khuynh hướng càng lúc càng co cụm vào nhau trong khi tiếng chuyện trò rì rào của người Pháp chung quanh họ mỗi lúc một thêm rôm rả. Cậu hạ giọng:

- Vậy anh kể cho chúng tôi nghe thêm đôi chút về người bản xứ. Những vị phương đông mắt xếch đang có mặt giữa chúng ta, mặc áo thụng bằng lụa hoa hoè và đội những chiếc mũ buồn cười ấy, chính xác họ là ai vậy?

- Chúng tôi gọi họ là những “*kẻ hợp tác*”. Còn người An Nam không muốn dính dáng gì tới người Pháp thì gọi họ là “*quân ăn cướp có môn bài*”.

Joseph ngáp ngừng hỏi với nụ cười hoang mang:

- Tại sao lại “quân ăn cướp có môn bài”?

- Sáu chục năm trước, khi các chiến thuyền hùng mạnh của người Pháp chúng tôi dong buồm tới đây, giới trí thức lớn tuổi của xứ An Nam này bất hợp tác với chúng tôi. Nhưng chúng tôi rất xảo quyệt: chúng tôi mua lòng trung thành. Quan lại cấp thấp nào chịu đồng ý làm việc cho chúng tôi, như làm thông ngôn chẳng hạn, thì được ban thưởng các vùng đất rộng mênh mông có đồng ruộng phì nhiêu ở đồng bằng sông Cửu Long. Dần dà ý tưởng đó tự nhiên biến thành một lối trả công cho sự tích cực hợp tác trong nhiều lãnh vực, đặc biệt quân sự và hành chánh. Trải qua nhiều năm, các gia đình “kẻ hợp tác” ấy trở thành cự phú. Vì họ là những người trung thành, chúng tôi giúp họ mở rộng thêm ruộng đất. Rồi họ lại cho chính nông dân sống tại chỗ thuê lại ruộng đất đó với giá cắt cổ — đó là lý do tại sao dân chúng An Nam gọi họ là quân được cấp giấy phép ăn cướp thường trực.

Paul Devraux ngưng một chút rồi hát hàm về phía đằng kia phòng:

- Thí dụ trường hợp gia đình họ Trần đằng kia, kẻ vừa được giới

thiệt với thân phụ của hai anh. Họ là những đại địa chủ — tài sản có thể đáng giá tới mấy triệu bạc Đông Dương.

Hai anh em Sherman quay mặt nhìn, thấy thống đốc và cha mình đang trò chuyện với một người An Nam già. Người ấy dưới cằm có chòm râu bạc và dài, đầu đội mũ cánh chuồn kiểu đời Minh, mình mặc áo bào thêu bằng lụa lấp lánh màu xanh nước biển. Họ để ý thấy ông ta cứ cúi mặt, giữ mãi hai bàn tay thụt sâu trong ống tay áo dài thườn thượt, rộng thùng thình và hiếm khi ngược lên nhìn thẳng mặt thống đốc hoặc thượng nghị sĩ. Đứng bên ông, một người An Nam trung niên mặc áo quan thụng màu đậm hơn, vẻ mặt cẩn trọng, đang theo dõi cuộc trò chuyện. Paul cắt nghĩa:

- Người An Nam có vẻ đáng kính với chòm râu dài và bạc ấy là một người lanh lợi khác thường. Ông ta có mặt thường trực ở Sài Gòn tuy vẫn giữ chức thượng quan tại triều đình Huế. Theo tôi, gia đình này có gốc gác Trung kỳ nhưng Trần Văn Hiếu, con trai của ông ta — người mặc áo thụng màu đậm hơn đó — sống tại Sài Gòn và làm quan sứ thần của nhà vua tại Nam Kỳ. Điều đó cho phép ông ta đích thân trông coi hết thảy ruộng đất mệnh mông của gia đình mình ở vùng đồng bằng sông Cửu Long. Và bằng cách ấy, gia đình này giữ vững chân đứng ở cả hai phía.

Chuck nói châm biếm:

- Họ có vẻ chẳng giống chút nào các tay triệu phú hãnh tiến người Mỹ.

Paul Devraux cười không một tí hài hước:

- Thật chẳng có gì đáng ngạc nhiên. Họ đang đứng trước mặt những người kẻ quyền cao chức trọng của chủng tộc chủ nhân, phải không? Chính phủ Pháp gần như không cho phép người An Nam góp chút ý kiến nào vào sự cai quản công việc của người Pháp ở đây. Bên dưới cái bề mặt “khai hóa” này, có vô số bất mãn.

Joseph ngạc nhiên, thắc mắc:

- Nhưng cái gì xảy tới cho toàn bộ nguyên tắc “tự do, bình đẳng và bác ái” lừng danh của người Pháp mà vì chúng quý vị đã đấu tranh cách mạng? Những chữ đó hoàn toàn không áp dụng chút nào ở đây sao?

Paul Devraux nhếch mép cười trống rỗng, không trả lời. Nhìn lên,

cậu thấy thượng nghị sĩ đang ra hiệu cho hai con trai tới tham gia nhóm của ông. Paul nói đều giọng:

- Tôi nghĩ thượng nghị sĩ đang muốn hai anh gặp mặt mấy ông quan An Nam. Các anh nên tới đó ngay thì tốt hơn.

- Nhưng còn câu trả lời cho thắc mắc của tôi thì sao?

Lập tức Paul Devraux nhe răng cười trước khi nhướn cặp lông mày ngổ ngáo:

- Joseph ạ, chẳng may “*bình đẳng và bác ái*” bị bỏ lại bên chính quốc rồi. Còn tại các xứ thuộc địa của mình, nước Pháp dành quyền sử dụng bất cứ thứ “tự do” nào mà nó muốn.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 5 -

Ngắm hai con, Nathaniel Sherman hãnh diện cười rạng rỡ khi hai cậu đi tới gia nhập nhóm người đang bao quanh thống đốc. Mắt thượng nghị sĩ nhìn vị quan già An Nam có bộ mặt nhăn nheo, giọng ông nghe rền vẻ sáng khoái khi nói cho người tùy viên của thống đốc thông dịch:

- Messieurs, tôi xin hân hạnh giới thiệu hai con trai của tôi. Đứa lớn, Charles, và em nó, Joseph...

Tiếp đó, để lấy cảm tình cho con trai, ông quay sang hai cậu, trân trọng nói tiếp:

- Monsieur Trần Văn Lung đây là thượng quan Bộ Lễ của triều đình Huế.

Joseph hoan hỉ rướn người tới chực bắt tay nhưng vị quan già, sau một thoáng bối rối ngại ngần, áp lòng bàn tay phải của ông lên nắm tay trái, vái nhẹ một lần trước khi rút cả hai bàn tay vào ống tay áo bào, và cúi đầu chào Chuck rồi chào Joseph. Lúc ấy, cậu bé Mỹ mới để ý thấy các móng tay rất dài của ông cong vòng khác thường; chúng biểu hiệu cho giai tầng sĩ phu và địa vị mệnh quan triều đình, khiến không tiện bắt tay chào nhau theo lối phương tây, và thường gây bối rối cho cả đôi bên. Mặt ửng đỏ, Joseph cúi đầu chào rồi ngẩng lên ngay. Cậu nhận thấy anh mình cũng làm y vậy nhưng chậm rãi và có ý tứ hơn.

Thống đốc oang oang giải thích, làm như thể vị quan già lẫn người con trai của ông ta không hiểu:

- Người An Nam không bao giờ bắt tay nhau. Giữa người đồng đẳng họ chỉ cúi mình, để xuôi hai tay. Hình thức chào cổ truyền quý vị vừa thấy...

Ông dừng một chút, đưa bàn tay trái của mình chụp lên nắm tay phải, bắt chước điệu bộ vừa rồi của người An Nam, và tiếp:

- ... chỉ dùng để bày tỏ lòng tôn kính của kẻ dưới đối với bề trên.

Chưa nghe dứt lời dịch câu nói vô tình nhưng gây nhiều thương tổn ấy, Nathaniel vội đưa mắt liếc mấy người An Nam nhưng trên các bộ mặt trầm lặng ấy ông không dò được phản ứng nào. Tuy thế, thượng nghị sĩ tiếp lời ngay, vừa nói vừa nhoẻn miệng cười cực kỳ duyên rũ:

- Thưa quý vị, miền nam nước Mỹ, nơi tôi xuất thân, vô cùng hãnh diện về phong thái tốt đẹp của nó. Nhưng tôi nghĩ rằng hết thảy chúng tôi đây vẫn có nhiều điều phải học hỏi từ thế giới cổ kính của quý vị về sự tinh tế và lễ nghĩa.

Khi lời ấy vừa được thông ngôn, vị quan già khép mi mắt lại như thâm cảm tạ lời tán tụng của người Mỹ. Nhưng ông vẫn để nguyên nét mặt không biểu lộ chút cảm xúc nào. Thống đốc nghe không rõ câu đáp trả ấy nên chẳng nhận ra ý vị chua cay của nó. Ông lo lắng nghiêng người, xoè cả năm ngón tay tay vờn trước chiếc áo bào màu xanh nước biển của Trần Văn Lung:

- Thưa thượng nghị sĩ, hẳn ông sẽ lấy làm thú vị khi biết rằng chiếc áo thụng này được may suốt từ trên xuống dưới bằng chỉ một tấm lụa. Màu sắc và kiểu mẫu của nó quả thật rất hiếm. Nó là tặng phẩm do phụ vương hoàng đế Khải Định đương triều đặc cách khâm ban cho Trần Văn Lung.

Thống đốc khoa tay trước mặt vị quan An Nam như thể ông lão là vật trưng bày trong viện bảo tàng:

- Sát đường viền, ông có thể thấy một con rồng, loại rồng vua năm móng, thêu rất tinh xảo với các sợi chỉ toàn bằng vàng thật. Một công trình tuyệt tác. Chắc ông đồng ý với tôi rằng thế giới phải biết ơn sâu xa các dân tộc chịu ảnh hưởng của Trung Hoa.

- Thưa thống đốc, ông thật không sai chút nào. Riêng đối với Monsieur Trần Văn Lung đây có lẽ chúng ta cũng nên cảm ơn ông ấy vì đã nhắc cho chúng ta nhớ mãi các giá trị chân chính, cao cả và bền vững của phương đông.

Trong một thoáng, thống đốc liếc người Mỹ với tia nhìn sắc lẹm nhưng khi ánh mắt ấy chỉ gặp nụ cười hóa giải của thượng nghị sĩ, ông lại bắt sang chuyện khác:

- Thưa thượng nghị sĩ, nhân nói về cái quý hiếm của phương đông, tôi xin trình diện ông bảo vật trân quý nhất trong bộ sưu tập đồ cổ

Trung Hoa của tôi.

Chạm nhẹ khuỷu tay người Mỹ, ông bước tới phía có chiếc độc bình đời Minh bày trên mặt cái đôn bên cạnh:

- Nó có xuất xứ từ niên đại Vạn Lịch. Và tôi khá tự tin khi nói rằng trên khắp thế gian này nó là một trong hai kiểu mẫu loại đó còn nguyên vẹn.

Lỗi xử sự của thống đốc cho thấy ông chỉ muốn dành riêng sự mời mọc này cho người Mỹ thôi; vị quan già vẫn đứng yên tại chỗ với con trai với con dâu của ông. Chuck theo cha đi tới cạnh cái đôn bên trên đặt chiếc độc bình đời Minh cổ lớn, hoa văn gồm những con phụng xanh và các cánh sen, lộng lẫy sáng dưới ánh đèn từ trên chiếu thẳng xuống, còn Joseph có vẻ ái ngại.

Thấy mấy người An Nam bị bỏ rơi, cậu ở lại bên họ, lúng túng nhón hết chân này tới chân kia, cố vắt óc ra gợi chuyện. Phía trên chòm râu bạc lưa thưa, bộ mặt vị quan già An Nam vẫn tiếp tục không biểu lộ cảm xúc. Nặng lòng, Joseph đánh bạo quay sang người An Nam trẻ hơn. Chợt cậu nhận ra cả hai chưa được chính thức giới thiệu với nhau:

- Cháu là Joseph. Ông biết không, cháu mười lăm tuổi, thua anh Chuck của cháu sáu tuổi. Anh cháu hai mươi một. Ở nhà, cháu còn một đứa em gái. Nó tên Susannah... nó chỉ mới chín tuổi thôi...

Nhẹ nhúm cả người vì đã kiếm ra lời mở chuyện, Joseph lấp bắp tuôn một hơi những cái vật vãnh ấy của mình bằng thứ tiếng Pháp chưa thực hành, phát âm tiếng này va vấp tiếng nọ:

- Susannah nó nhỏ lắm, dĩ nhiên nó không chịu nổi chuyến đi xa như thế này. Nó phải ở lại nhà với cô út của cháu.

Hình như không hiểu Joseph nói gì, người An Nam già lúc này đưa mắt trống rỗng nhìn vào khoảng không trên đầu cậu rồi quay mình bỏ đi. Nhưng người con trai của ông nghiêm trang gật đầu:

- Tên tôi là Trần Văn Hiếu, và Monsieur Joseph ạ, thật đáng thương cho em gái của cậu là cô ấy không thể đi chung chuyến với cậu. Tôi chắc cô ấy nói tiếng Pháp giỏi không kém gì cậu, phải không?

Joseph cười:

- Chẳng người nào nói tiếng Pháp dở hơn cháu cả!

Tiếng cười của Joseph làm bà vợ vị quan trẻ mỉm cười khiến cậu dám đưa mắt nhìn rõ mặt bà. Mảnh mai và e lệ, bà mặc chiếc áo dài giản dị bằng lụa màu nâu làm đậm đà thêm vẻ đẹp đầm thắm trên khuôn mặt thanh tú màu vàng nhạt khiến người ta có ấn tượng không chính xác về số tuổi của bà. Joseph lễ phép hỏi để kéo bà vào cuộc trò chuyện:

- Thưa bà, bà có anh con trai chị con gái nào không ạ?
- Có monsieur ạ, hai trai một gái.

Joseph đưa mắt nhìn quanh phòng, hi vọng:

- Cả ba có ở đây không thưa bà?

Trần Văn Hiếu lắc đầu:

- Chúng nó còn nhỏ dại, không được dự vào những dịp cao trọng như thế này.

Ông hoa tay ra đằng sau, về phía một trong các cửa sổ kiểu Pháp nhìn xuống khu vườn hoa cân đối chung quanh dinh rồi nói:

- Chúng xin được tới xem “cung điện” của quan thống đốc nhưng chúng chỉ được ở ngoài vườn hoa với bà vú để khỏi phá phách.

Qua khung cửa sổ Joseph nhìn ra vườn, thấy có ba đứa trẻ An Nam mặc áo thụng cổ truyền bằng lụa như cha mẹ chúng, đang đi đi lại lại trên bãi cỏ phía dưới thềm cùng với người hầu An Nam mặc quần áo mộc mạc bằng vải trơn. Joseph ngáp ngừng rồi cười:

- Thưa ông bà, cháu có thể gặp chúng không ạ? Ông bà thấy đó, cháu không được phép uống thêm sâm-banh nữa. Mẹ cháu bắt cháu hứa chỉ được uống một ly thôi — mà cháu đã uống tới hai ly.

Lúc này, ông quan An Nam nhìn vẻ mặt hăm hở của Joseph rồi ánh mắt không còn vẻ dè dặt như lúc mới gặp. Ông mỉm cười và nói:

“Sao lại không?” Quay sang bà vợ lúc này cũng đang mỉm cười, Trần Văn Hiếu lặp lại: “Sao lại không?” và dẫn đường đi men theo các cửa sổ kiểu Pháp. Ra tới bên ngoài hành lang, ông đưa tay vẫy các con. Trong chớp mắt, chúng chạy như bay tới đứng trên tầng cấp cao nhất của bậc thềm bằng đá cẩm thạch, hệt hơi thở hỗn hển. Trần Văn Hiếu nói với các con bằng tiếng Pháp:

- Đây là Joseph Sherman. Phụ thân cậu là một quan khách rất quý, đến từ Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ và đang thăm viếng nước ta. Đó là một nước quan trọng, ở cách đây rất xa, thẳng phía bên kia biển.

Nhớ lại sự hiểu lầm hồi nãy Joseph buông xuôi hai tay, giữ chúng ép sát hai bên hông. Mở miệng cười thật rộng, cậu khó nhọc gập người xuống, chào từng đứa bằng tiếng Pháp:

- Rất vui được làm quen với các bạn.

Người An Nam lần lượt chỉ vào các con, bắt đầu từ cậu bé cao nhất:

- Con trai tôi, Tâm, mười hai tuổi. Kim, em nó, mười một. Và con gái tôi, Lan, chỉ mới mười tuổi.

Khuôn mặt nhỏ và mịn màng của cô bé rất thanh tú và cân đối, hứa hẹn chẳng bao lâu sau sẽ trở hoa thành một nhan sắc ít ra cũng nổi bật không kém gì mẹ. Nhắm trêu cho cô bé cười, Joseph làm bộ nháy một bên mắt. Nhưng điệu bộ ấy chỉ khiến cô bé nép sát hơn vào mẹ và tiếp tục nghiêm trang chăm chú nhìn lại cậu với đôi mắt thơ ngây tọc mạch, không chút rụt rè.

Hai người anh của cô bé vẻ mặt thông minh và tinh nghịch. Chúng hét xô lẫn nhau lại cười khúc khích, chẳng đứng yên lâu một chỗ. Joseph để ý thấy cậu bé thứ nhì khoanh hai tay thật cao trên lồng ngực nhỏ nhắn và cứ giữ chúng nằm yên một chỗ. Nhìn gần hơn, Joseph thấy có vật gì nho nhỏ phồng lên, nhúc nhích bên dưới, làm nhúu chỗ áo lụa trước ngực. Nửa đùa nửa thật cậu bé Mỹ vừa quì xuống chỉ vào chỗ lồi lên và đang ngo nguậy vừa hỏi:

- Kim ơi, cậu đang giấu cái gì thú vị trong áo thế?

Cả hai cậu bé lập tức cất tiếng cười gượng gạo. Tâm mặt ngượng nghịu chạy tới bên Trần Văn Hiếu, nói nhỏ vào tai cha bằng tiếng Pháp:

- Papa! Kim mang theo con khỉ con của Lan. Con đã bảo nó đừng mang, nó cứ không nghe.

Vị quan An Nam liền quở trách cậu con thứ bằng tiếng bản xứ liên thoảng. Lập tức, tiếng cười khúc khích bật hẳn. Kim mở nút áo cài dọc bên nách. Khi chiếc đầu run rẩy của chú khỉ nhỏ thò ra, Lan bật lên tiếng kêu khe khẽ phản đối rồi dịu dàng đưa tay ôm con vật nhỏ nhắn vào lòng mình. Joseph nói thật nhẹ nhàng và chúi người về phía Lan:

- Cho tôi sờ vào nó một cái, được không Lan?

Không hiểu rõ cậu bé Mỹ muốn làm gì, Lan rụt người lại đề

phòng. Con khi, cảm giác được sự e ngại của chủ, cất tiếng kêu khèn khẹt và vùng vằng trong hai cánh tay của cô chủ nhỏ.

Áy náy không muốn làm mất lòng Lan, Joseph khoát tay, bước lùi. Nhưng con khi nhỏ vốn sợ hãi sẵn, bỗng hốt hoảng vì cử chỉ đột ngột ấy của người lạ, nó quẫy mạnh vọt khỏi tay Lan. Tâm và Kim ré lên cười háo hức, rượt cho con vật chạy lòng vòng trên tầng cấp khiến nó lại càng sợ hãi thêm. Để thoát khỏi các cậu, con khi phóng thật nhanh qua khung cửa lớn đang mở sẵn, chạy thẳng vào “cung điện”. Trần Văn Hiếu và vợ hết hồn ngó nhau còn hai cậu con chừng lại nơi ngưỡng cửa, im bật, sững người đứng yên.

Khuôn mặt Lan kinh sợ tái mét. Môi run run, cô bé rùng mình đưa hai bàn tay nhỏ nhắn lên bấu hai gò má. Hai mắt Lan nhắm nghiền, chực trào nước mắt.

Con hải hùng của cả nhà họ Trần làm Joseph như chôn chân tại chỗ. Rồi như để chuộc tội cử chỉ gây họa vừa rồi, cậu đánh liều lao mình qua ngưỡng cửa, rượt theo. Bên trong, con khi nhỏ trượt chân, dừng lại trên sàn nhà bóng láng đá cẩm thạch, trơ vơ giữa tiếng chuyện trò rôm rả của đám đông đang đứng thành từng nhóm. Joseph nhào tới con khi. Khi thấy cậu, nó lại kinh hãi hơn nữa, bắt đầu chạy lung tung, tìm cho ra một chỗ nấp.

Thống đốc vừa đưa quý khách của mình đi khỏi cái đôn nơi ông trưng bày chiếc độc bình đời Minh, đặt dưới ánh đèn điện từ trên tỏa xuống để rọi cho hoa văn và nước men của nó đẹp lên gấp bội. Và vì mãi quay đầu về phía khách để giải thích một vấn đề nào đó, ông không thấy con khi nhỏ đang bò nhanh như chớp dưới sàn nhà trơn láng.

Ông chỉ nhận ra con khi khi nó chạy tới chân đế cẩm thạch của cái đôn rồi phóng lên, níu chặt cổ chiếc độc bình, đảo tròn mắt ngó bốn phía. Bàn tay đeo găng trắng toát của thống đốc đang hoa lên bỗng ngưng lại giữa chừng. Trong một giây, ông kinh hoàng nhìn chăm chặp con vật, nghe rõ từng tiếng nó kêu khèn khẹt. Rồi ông bắt đầu bước lẹ tới phía chân đế, thét lớn coi chừng. Như cảm giác được lời hăm dọa ấy, con khi vọt lên bên trên một chút rồi lẹ làng chui tuột vào trong độc bình.

Sợ hãi thêm vì bóng tối bên trong, con vật lăn lộn như điên, tìm

cách thoát ra. Lúc này, chiếc độc bình lúc lắc đang đưa rồi nghiêng qua một bên, sắp đổ lặn xuống sàn nhà. Thấy mình cách quá xa, không kịp cứu bảo vật cực hiếm của mình, thống đốc chỉ còn cách tức ngược máu, bắt lực đứng ngó chiếc độc bình sắp vỡ nát.

Vài người Pháp gần đó muốn nhào tới cứu nhưng không còn kịp. Cảm giác trách nhiệm về tai họa sắp ập xuống và mặc cảm đắc tội làm tăng tốc lực cho đôi chân của Joseph. Cậu liều mạng lao hết sức nhanh tới chân đế cái đôn. Khi chiếc độc bình rơi xuống, Joseph chuôi người về phía nó với tư thế một vận động viên từ cầu ván chúi mình phóng xuống bể bơi. Ngực cậu đập ục ục xuống sàn nhà làm người mất thở nhưng cậu cố rướn hai tay lên đón chiếc độc bình. Đồng thời cậu đập mạnh chân cho người lướt trên sàn cẩm thạch để nếu bàn tay có đón hụt, sẽ đưa nguyên đầu ra, hứng lấy món đồ sứ cổ đang lập lánh nước men mịn màng. Khi hết đà, Joseph tưởng đã vượt mặt chiếc độc bình nhưng vào chớp mắt cuối, cậu vịn mình lật ngửa người. Rồi với hai bàn tay, cậu tạ ơn trời rằng mình đã có được chiến lợi phẩm. Và cậu ôm chặt nó vào chiếc áo sơ-mi dạ vũ kiểu cách của mình.

Trong bầu khí im lặng như không gian sau cơn bão, Joseph cố nhin đau. Cậu nghiêng mình ngồi dậy và đứng lên, từ trán xuống cổ vẫn một màu đỏ ửng. Cho tay vào cổ độc bình, Joseph túm gáy con khi lôlì mạnh nó ra và thận trọng đặt lại bảo vật lên chiếc đôn. Không ngoái đầu nhìn người trong đại sảnh, cậu ôm chặt con vật ngộ phạm bằng cả hai tay, bước thẳng về phía khung cửa sổ kiểu Pháp. Khoảnh khắc Joseph ra hành tới lang, đầu mé thềm cao bộ mặt căng thẳng của Trần Văn Hiếu và vợ dịu lại, nhẹ nhõm. Hai cậu bé con họ đứng riêng cạnh người vú, mặt đầy vẻ hối hận, lập lánh nước mắt. Còn cô bé Lan vỗ tay sung sướng chạy tới phía Joseph. Cậu bé Mỹ ngập ngừng xin lỗi bằng tiếng Pháp trong khi quì xuống một chân, trả lại cho cô bé con vật yêu quý lúc này vẫn còn run. Nhưng khi con vật nằm bình yên trong cánh tay mình, cô bé vội vàng quay lui, nép mình e lệ bên tà áo của mẹ. Miệng lẩm bầm với con khi và không nói một tiếng với Joseph.

Vào lúc ấy, đằng sau Joseph, người sĩ quan tùy viên của thống đốc thâm lặng xuất hiện trên ngưỡng cửa. Liếc thấy gia đình Trần Văn

Hiếu và con khỉ nhỏ, mặt anh ta sa sầm như có ý quở trách. Rồi anh ta nói chậm chậm bằng tiếng Pháp, rõ ràng có chủ tâm không để ý tới mấy người An Nam:

- Monsieur Joseph, thông đốc đang sẵn sàng để vào bàn tiệc với những khách quý đã được mời.

Joseph nán lại, mỉm cười xin lỗi thêm lần nữa và nhìn theo Trần Văn Hiếu cùng gia đình bước xuống thềm, rồi dinh. Lan vừa đi vừa thâm thì đồ dành con khỉ nhỏ nhưng vẻ mặt ngu ngơ ngơ ngàng như thể mình không thể nào hiểu hết những gì vừa xảy ra. Ở cuối tầng cấp, cô bé dừng chân một chút, quay lui như ngó như chào Joseph. Cười tần ngần, cậu bé Mỹ vẫy tay. Nhưng cử chỉ ấy chỉ làm cô bé An Nam ngơ ngàng thêm, rồi xoay mình chạy thật lẹ, bắt kịp cha và níu áo mẹ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đồi Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 6 -

Cơ sở chính thức của quan sứ thần tọa lạc bên một con đường rợp bóng cây thuộc khu vực Tân Định, phía bắc Nhà thờ Đức Bà. Phòng lớn nhất của ngôi nhà cho thấy rất ít bằng chứng về tài sản to lớn được dòng họ Trần tích lũy qua ba thế hệ hợp tác chặt chẽ với Pháp. Bên ngoài cửa sổ, các lùm bụi và cây ăn quả vùng nhiệt đới như mãng cầu, đu đủ, xoài tượng, lựu, vươn lên rậm rạp từ mặt đất ẩm bên trong khu vườn có tường thành bao quanh. Đồ đạc trong phòng thưa thớt, hợp truyền thống khắc khổ và hiếu học của giới quan lại An Nam. Nổi bật cuối phòng là bàn thờ gia tiên gồm ba chiếc tủ thờ sơn son thiếp vàng. Cái lớn nhất và cao nhất là tủ thờ chính, đặt ngay chính giữa. Sát hai bên tủ thờ chính là hai tủ thờ phụ, cao ngang nhau, trên mỗi cái đặt linh vị, hai ngọn đèn cây, bát nhang và lư hương nhỏ. Trước mỗi bàn thờ phụ kê một chiếc bàn nhỏ, trên đó đặt các lễ vật của thân nhân mang đến gồm cau, rượu, trà, vàng hương. Sau phần nghi lễ chính, họ sẽ lần lượt bái lạy trước bàn thờ trước khi cùng ngồi vào ăn giỗ.

Trên mặt tủ thờ cao trưng bày hai bình bông huệ trắng mới hái, tươi nguyên, như còn long lanh sương sớm. Bốn cây đèn cây màu đỏ cắm trên bốn chân đèn bằng đồng đánh bóng loáng. Giữa bàn thờ có một bát nhang bằng gỗ, trên cắm tua tua chân nhang còn lại từ những lần thắp buổi sáng buổi chiều trong suốt tháng chạp này. Mé ngoài bát nhang là một lư đồng, khói lên nhẹ nhẹ, tỏa hương dịu dịu làm không khí mỗi lúc một thêm vẻ linh thiêng. Ngay trên bàn thờ chính, xếp hai khay gỗ bày đầy hoa quả, chất vun cao theo hình kim tự tháp, được hái từ những cây trái sum sê trong vườn. Kế bên khay hoa quả và sâu vào bên trong một chút là phần cúng cơm, gồm một bát cơm, một quả trứng. Cơm sôi có ngọn trong cái chén đầy, úp lồng một cái chén khác làm thành bát cơm lồng. Trứng gà luộc bóc vỏ, ấn dẹt cho nứt ra, đặt trên đĩa với một ít

muối hạt. Bên cạnh là ba chiếc ly nhỏ chưa rót rượu. và trầu cau tằm sẵn.

Mé trước bàn thờ chính kê một chiếc bàn thấp, bày cỗ cúng gồm những đĩa nhỏ chung dọn thịt luộc, chả lụa và cá, kèm theo gói ngó sen và rau, các tô miến nấu đặc biệt có nấm và kim châm, hương vị đậm đà; xôi chè; cơm trắng, hai hàng chén đơm sẵn cơm có kèm theo các đôi đũa đặt ngay ngắn bên cạnh mỗi chén; mấy chiếc ly thủy tinh đựng rượu trắng hơi vơi một chút; mấy chiếc tách sứ để không và bình trà đã pha, sẵn sàng châm trà khi các hương linh thụ xong cỗ, và chuẩn bị cho người chủ lễ vái ba lần sau cùng, hoàn tất phần nghi lễ. Ngay đằng trước mâm cỗ cúng trải chiếc chiếu hoa cap điều, dùng để bái lạy. Tuy thế, tâm điểm của bàn thờ là bức chân dung khung thiếp vàng của một vị quan trông rất khả kính, mình mặc triều phục, ngự chôn danh dự và cao nhất trên bàn thờ chính giữa.

Tất cả phẩm vật và cách thức trưng bày ấy không là sáng kiến cá biệt của dòng họ Trần. Số lượng nhiều hay ít tùy gia cảnh, nhưng nói chung, chúng được bày biện theo những qui định có tính truyền thống, làm thành phong tục của người An Nam về lễ giỗ. Đó là một nghi lễ được cử hành hằng năm và suốt đời, để tưởng nhớ ngày lia trần của ông bà cha mẹ. Họ là những đấng sinh thành nên con cháu phải chịu tang trọn đời, khác với tang vợ tang chồng chỉ chịu ba năm. Không ai biết rõ phong tục và nghi thức ấy bắt đầu từ thời điểm nào trong lịch sử dân tộc, nhưng thực tế nó hiện hữu đã ngàn năm trên đất Việt.

Bắt đầu từ đồng bằng bắc bộ, cái nôi của dân tộc và văn hóa Việt, chúng theo chân đoàn lưu dân đi dọc Trường sơn vào các đèo cao và vùng đất sỏi đá miền trung. Rồi sau đó, chúng cùng đi với đoàn người khai phá vào phương nam, nơi gạo rất trắng nước rất trong, khí hậu thoáng mát, đồng ruộng cò bay thẳng cánh và mùa nước lên cá lội tràn bờ. Qua bao nhiêu thay đổi triều đại, thăng trầm với lịch sử, biến thái theo hoàn cảnh địa phương, dị biệt về lập trường chính trị hay giai tầng xã hội, người Việt khắp nơi vẫn tuân giữ và thực hiện những qui định căn bản trong phong tục tập quán ấy.

Giới giàu sang phú quý thường cử hành lễ giỗ để vinh danh người

chết và chiều dài kẻ sống. Hạng nghèo khổ cơ cực tới ngày giỗ ông bà cha mẹ cũng rán cúng chén cơm ly nước cây nhang mới khỏi tủi thân và ngủ yên giấc.

Hôm nay là ngày chính giỗ vị thượng quan cụ thân sinh của người An Nam mặt nhăn nheo, mặc áo bào vua ban chỉ may bằng một tấm vải được thượng nghị sĩ Sherman khéo lấy lòng một giờ trước đó.

Chiều hôm trước đã có lễ cúng tiên. Thường là để họ hàng thân thuộc đến nhóm họ, ở lại châu chực gia tiên và chuẩn bị cho sáng sớm ngày mai bắt tay chuẩn bị cỗ bàn. Như thế, lễ giỗ ngoài mục đích tưởng niệm người đã khuất còn là dịp tụ họp để siết chặt tình gia tộc trong phúc âm của ông bà tổ tiên, quán quít thêm vòng sống của người Việt trong bốn vòng gia đình, thân tộc, làng xóm và dân tộc. Việc thực hiện nghi lễ này là một trong vô số cách để củng cố thêm văn hóa cùng tín ngưỡng của đại gia đình người Việt trong đó kẻ sống và người chết quần tụ bên nhau, hằng ngày hằng đêm tương tác cảm thông, vượt không gian và thời gian. Từ đó làm thành một cuộc sinh hoạt vừa chan chứa tình nghĩa vừa dồi dào tâm linh trong quân bình và hài hòa giữa con người với tổ tiên, có trời cao lồng lộng là cha nghiêm minh và đất thấp bao la là mẹ từ ái.

Đúng ra phần nghi lễ cúng giỗ theo truyền thống phải cử hành buổi trưa vào giờ chính Ngọ. Nhưng đặc biệt lễ giỗ này hằng năm thường cử hành lúc hoàng hôn vì hôm trước giỗ là ngày 23 tháng Chạp, nhà nào cũng bận đưa ông táo về trời nên có một số người sáng nay mới từ lục tỉnh lên kịp. Thêm nữa, cũng vì phải tham dự buổi tiếp tân dành cho gia đình thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman tại dinh thống đốc nên vị thượng quan bộ Lễ quyết định cử hành vào buổi tối cho thông thả, để có thì giờ hành lễ trang trọng và ung dung thụ lộc với con cháu.

Khi trời bên ngoài bắt đầu sẩm tối, lão trượng Trần Văn Trung cất bước vào phòng. Ông mặc y bào thụng tể với hai tay áo dài, rộng thùng thình, may bằng lụa màu nhang khói. Trên đầu ông đội chiếc mũ mềm thêu chỉ màu, sụp xuống che một phần khuôn mặt. Lan và hai anh không thể thấy trọn vẹn bộ mặt của ông nội khi cả ba đi

giữa cha và mẹ, theo chân ông bước qua ngưỡng cửa bằng đôi chân không mang giày hoặc dép. Các thân nhân khác lần lượt đi theo thành hàng dọc vào một chỗ khuất trong bóng tối. Ở đó, họ đứng có quy củ theo thứ bậc và theo nhóm nội ngoại, họ hàng gần rồi họ hàng xa, không phân biệt tuổi tác hay nam nữ.

Quan Tham tri bộ Lễ Trần Văn Lung bước tới gần bàn thờ. Ông cẩn thận kiểm soát lễ vật, cả số lượng đủ thiếu lẫn qui cách chưng bày. Xong ông đưa tay nhận cây nến nhỏ vừa được thắp sáng từ một thân nhân làm chấp sự. Kính cẩn cúi đầu trước bức chân dung của thân phụ, ông moi nến vào từng tim đèn cầy cao màu đỏ đặt hai bên bức chân dung. Khi bốn ngọn lửa trên cao toả sáng khắp bàn thờ, ông bước vào giữa chiếc chiếu trải trước bàn thờ, lễ bốn lạy, rồi quỳ xuống, hai tay chắp lại, vòng lên ngang trán.

Dù tuổi cao chân yếu, vị lão quan phải lạy đúng theo truyền thống qui định. Đứng thẳng, chắp hai tay dơ cao lên ngang trán, khom mình cúi xuống, đặt hai tay vẫn chắp xuống chiếu, quì gối bên phải rồi gối bên trái xuống chiếu, cúi rạp đầu xuống sát hai bàn tay lúc này lật ngửa trên mặt chiếu, gọi là thế phủ phục. Sau đó, ông cất đầu và thẳng lưng đồng thời co hai tay đã chắp lại trước ngực và co đầu gối bên phải lên, đặt bàn chân phải lên chiếu để sửa soạn đứng dậy. Kế đó, ông đem hai bàn tay vẫn chắp xuống, tì vào đầu gối bên phải để đứng lên. Chân trái đang quì tự nhiên theo cử động chót này cùng đứng thẳng lên.

Thấy ông lão đã lễ đủ bốn lạy, người chấp sự lấy ba nén hương châm lửa thắp, đưa cho ông. Trần Văn Lung cầm hương vái một vái dài rồi trao lại cho chấp sự cắm lên bát nhang. Kế đó, chấp sự mở nút bình rượu, rót vào ba cái chén nhỏ để trên bàn thờ. Chờ mọi sự cử hành đầu vào đó, vị thượng quan Bộ Lễ bắt đầu đọc lời lễ khẩn bằng tiếng Hán Việt trong tờ sớ, đại ý:

“Nước Đại Nam, triều vua Đồng Khánh năm thứ chín, nhằm năm Giáp Tý, tháng chạp, ngày hai mươi tư, tại thành Gia Định. Con xin cùng với cả gia đình, và các con các cháu thành khẩn kính dâng lễ vật rượu, trầu, hoa quả, xôi, chè, cỗ bàn, lên thân phụ là đáng sinh thành, tên húy là Trần Văn Soạn, tên thụy là Xuyên Vân, mất ngày hai mươi tư tháng chạp năm Mậu Tý, an táng ở cánh đồng

Hòa Hưng. Hôm nay là ngày giỗ, với lòng thành xin kính dâng chút lễ bạc, cung thỉnh thân phụ soi xét lòng thành hâm hưởng, phù hộ cho con cháu cả nhà được mạnh giỏi, mọi sự tốt lành. Xin cung thỉnh ông bà tổ tiên tam đại tứ đại cùng hương linh thân tộc thượng hạ về cùng hưởng cúng lễ. Xin cung thỉnh hương linh tiên nhân liệt sĩ, dù văn dù võ, sống trung dũng chết anh hùng, không phân biệt địa phương, thời gian, địa vị, chính kiến và triều đại, cùng quần tụ về đây thưởng hưởng.”

Tuy mới mười tuổi nhưng vì hầu như đã trải qua suốt ngày quan sát mẹ đôn đốc người nhà và thân nhân chuẩn bị làm cỗ, Lan biết rõ trên bàn thờ đang bày những thức ăn thức uống thuở sinh thời, vị thượng quan nội triều ấy thích thưởng thức nhất. Được cho phép phụ dọn cỗ cúng và chợt nhận ra rằng kèm theo các món cao lương mỹ vị kia là sáu cái chén với sáu đôi đũa, Lan hỏi mẹ tại sao như vậy. Và được mẹ thì thầm giải thích:

- Chúng ta cúng thêm thức ăn thức uống để cụ cố của con có thể mời mọc hương hồn của các nhà ái quốc và các nhà nho nổi tiếng khác cùng theo cụ về ăn cỗ.
- Thế có những hương hồn chưa từng gặp cụ cố ở Huế hay Sài Gòn thì sao hở mẹ?
- Con biết không, ở cõi bên kia người ta quen biết nhau hết và hiểu rất rõ bụng dạ nhau, ngay cả những vị lúc còn sống ở cõi bên này suốt đời chống đối nhau, lắm khi cầm quân ra trận rượt đuổi nhau mà đâm mà chém. Sống thì đường ai người ấy theo, chúa ai người ấy phò, chứ chết rồi là trả xong nợ đời, không còn lý do đối địch với nhau nữa. Con người chủ yếu là khí tiết và đạo nghĩa. Miễn sao khi sống trung thành với vua, yêu thương đồng bào đất nước và tận tụy với chức vụ của mình thì thôi. Hương linh nào cũng đáng tôn kính cả.

Lan vừa nhớ lại lời cắt nghĩa khó hiểu của mẹ vừa thấy mình đang ngó lom lom từng đôi đũa xem có đôi nào có vẻ nhúc nhích không. Mọi khi nghĩ tới việc hương hồn tổ tiên hiện về trong lễ giỗ, Lan và hai anh lại cảm thấy người rờn rợn. Cách riêng hôm nay, sau sự việc liên quan tới con khỉ nhỏ của Lan tại dinh thống đốc hồi chiều, cảm giác rờn rợn đó càng lúc càng lên tới cực điểm trong

khi ba anh em run rẩy chờ đợi vì biết thế nào cũng sẽ bị cha quở phạt.

Qua lệnh của cha do mẹ truyền lại rằng ba anh em phải ở lại trước bàn thờ suốt từ đầu tới cuối thời gian tế lễ, cha đã tỏ dấu cho thấy ông vô cùng tức giận. Cả ba đều biết nghi lễ sẽ kéo dài khoảng nửa giờ — cho tới khi cây nhang độc nhất cắm trong bát gạo trắng trên bàn thờ tàn ngang mặt gạo. Mọi năm, khi ông nội vừa dứt lời thì thắm khấn nguyện, Lan và hai anh đều được phép ra chơi ngoài vườn cho tới khi chấm dứt phần cúng tế mới bị gọi vào. Lúc ấy, cỗ cúng trên bàn thờ được dọn xuống, đem bày chung với các đĩa thức ăn khác để cả họ cùng nhau ăn giỗ. Thêm một dấu hiệu khác nữa là cha vừa phán, cũng qua lời mẹ truyền, rằng ông muốn nói chuyện riêng với cả ba anh em trong thư phòng ngay khi vừa kết thúc phần nghi lễ.

Dù cha không để lộ dấu hiệu ông sẽ trừng phạt như thế nào, nhưng qua vẻ trầm trọng trên mặt ông, Lan và hai anh đều biết lần này, cha giận dữ hơn bao giờ hết. Mẹ đã báo động cho biết rằng khi nào tới lượt ba anh em khấn vái trước bàn thờ cụ cố, mỗi đứa phải lớn tiếng kêu cầu cụ tha tội. Với trí óc mười tuổi non nớt, Lan thường suy luận rằng hình như hễ mỗi lần trong ba anh em có người nào làm cha tức giận, tức là đã xúc phạm tới hương hồn của ông bà tổ tiên và làm tổn thương danh giá của gia tộc.

Đứng bên Lan, Kim đang cố che giấu cảm xúc. Nhưng qua vẻ mặt xanh xao và căng thẳng của anh, Lan có thể nhận ra Kim vừa lo lắng vừa bức bối. Trong các gia đình An Nam thuộc đẳng cấp của họ, việc chăm sóc nhà cửa và nuôi dạy con cái được giao phần lớn cho người mẹ. Tuy thế, cũng như hầu hết những người cha An Nam khác, Trần Văn Hiếu bao giờ cũng thủ sẵn một cây roi mây thật nhuyễn, cất trong chiếc tủ khảm xà cừ kê nơi phòng sách. Hễ khi nào cảm thấy cần thiết, ông đem ra dùng để góp phần cụ thể duy trì và củng cố thêm sức mạnh cho hai chữ hiếu thảo của Khổng giáo. Trước đây cây roi chưa bao giờ dùng tới ấy chỉ được ông đem ra phe phẩy dọa dẫm, nhưng lần này các con của ông đều hiểu rõ rằng sự việc Kim không vâng lời cha, xảy ra đành rành lúc xế chiều, đã đẩy ông vào tình thế bất lực và mất thể diện một cách

quá sức tệ hại, ngay trước mặt mọi người.

Không giống Kim và Lan, Tâm thỉnh thoảng đưa con mắt đổ tội lăm lét liếc Kim, như có ý thanh minh với cha rằng mình không sai phạm chút nào vì đã cố hết sức ngăn em đừng làm chuyện điên rồ đó. Riêng Lan, cô bé hi vọng một cách tuyệt đối rằng mình sẽ được cứu xét là đương nhiên vô tội. Trong khi nhìn ông nội mấp máy đọc thì thầm lời khấn nguyện, Lan bắt đầu lặp đi lặp lại trong bụng những câu dự tính sẽ van vái với vong linh tổ tiên để cầu xin tha thứ.

Nguyện xong lời cung thỉnh thân phụ tôn kính cùng chư hương linh, vị lão quan đưa tờ sớ cho người chấp sự đốt. Ông cúi mình lễ nốt một nửa lạy nữa rồi đứng lên. Sau khi vái ba vái, ông lùi lại và bước ngang ra, đứng một bên, nhường chỗ cho con trai. Tới lượt Trần Văn Hiếu quì xuống. Ông im lặng, nghiêm trang cử hành những động tác y hệt thân phụ vừa làm, nhưng với vẻ cẩn trọng hơn. Sau khi sụp mình lạy xong lần thứ ba, ông vẫn tiếp tục quì. Trước sự kinh ngạc của các con, ông bắt đầu cao giọng khấn nguyện, cực kỳ trang trọng, nghe vang rõ từng tiếng trong tai mỗi đứa con:

- Kính bẩm nội tổ, trước hết và trên hết, con xin thành tâm kính cẩn thỉnh cầu nội tổ cùng ông bà tổ tiên phù trợ cho hết thảy con cháu luôn luôn khắc ghi trong tâm khảm lời giáo huấn của Đức Khổng tử, đáng thánh hiền vĩ đại. Suốt hàng ngàn năm nay, ngài vẫn không ngừng nhắc nhở hậu thế bốn phận của con cháu đối với ông bà tổ tiên và cha mẹ, đối với đức vua và hết thảy các bậc quan quyền được đặt định lên trên chúng con. Con cũng xin kính cẩn khẩn cầu cho hết thảy các con các cháu được càng ngày càng ăn ở với nhau đầy phúc đức và thêm gắn bó, cũng như sống mật thiết hoà hợp với các sức mạnh vĩ đại của tự nhiên, với đất trời chung quanh, với thế giới bên kia của các hương linh, để nội tổ cùng chư vị ông bà tổ tiên có thể tiếp tục an hưởng giữa các con các cháu. Nếu chúng con không chu toàn bốn phận trong gia đình và ngoài xã hội của mình, chúng con biết rằng chẳng sớm thì muộn, chắc chắn chúng con sẽ đánh mất sự phù hộ của hương hồn tổ tiên và của mọi hương hồn tiền nhân liệt sĩ trung dũng anh linh trên đất

nước chúng con...

Kim cắn môi ngó xuống sàn nhà trong khi cha đưa mắt nghiêm nghị nhìn về phía ba anh em với ánh mắt nhiều ý nghĩa. Dưới tia nhìn sắc bén như dao vàø định tĩnh như mặt nước hồ ấy, Tâm và Lan cảm thấy bút rút ngứa ngáy khắp người. Suốt thời gian hành lễ của cha rồi tới mẹ, tia mắt ấy quyện chặt, bám riết ba anh em. Thấy vợ hành lễ xong, Trần Văn Hiếu đưa tay vẫy Tâm bước lên trước vì cậu là trưởng nam và là đích tôn. Từ cuối phòng, cậu bé mười hai tuổi lẹ làng chạy lên, lật đật sắp mặt xuống chiếc chiếu trải trước bàn thờ. Tâm lẩm bẩm thành tiếng với hi vọng cha và ông nội dù đứng cách xa mấy bước cũng có thể nghe rõ từng lời lẽ quyết liệt của cậu:

- Cố ơi, cháu lạy cố, cháu xin cố biết cho cháu rằng cháu đã cố làm hết sức mình để ngăn cản thằng Kim đừng mang theo trong người nó con khi đó. Cháu lúc nào cũng tuyệt đối vâng lời cha cháu, không dám có một chút thắc mắc. Từ trước đến nay và ngay cả hôm nay, cháu hoàn toàn vâng lời cha cháu, không sai một mảy may không sót một giây phút. Cháu chỉ dám khấn nài lên cố một điều thôi là xin cố phù hộ cho cháu được tiếp tục mãi mãi vâng lời cha của cháu.

Nói xong, Tâm chà đầu xuống thật sát mặt chiếu rồi hấp tấp chạy về chỗ, cẩn thận vừa giữ cho mình đừng lạc mắt nhìn Kim.

Lan sững sốt khi thấy mình là em út lại được cha ra lệnh cho bước tới bàn thờ tiếp liền Tâm. Là em út, mọi khi Lan là kẻ lên sau chót nhưng qua việc bảo Lan lên trước Kim, rõ ràng cha đã lựa riêng Kim ra để đối xử cách riêng. Với hai bàn chân trần, Lan nhón gót đi thật nhẹ trên sàn gỗ bóng loáng, bước rón rén tới trước bàn thờ, rồi nhẩn nhục cúi mình, đưa hai bàn tay lên ôm lấy đầu. Lan thì thầm khấn vái trong khi nhắm nghiền hai mắt, như thể đang vận động thêm sức mạnh siêu nhiên hỗ trợ lời cầu xin của mình:

- Cố ơi, xin cố đừng để cha cháu nổi giận với cháu vì việc anh cháu làm. Cố ơi, cháu chỉ muốn làm cha cháu vui lòng thôi. Cháu biết mình có tội về việc con khi cung của cháu bị mang tới dinh quan thống đốc nhưng vì cháu là con gái, cháu đâu có thể can nài anh Kim cháu đừng làm chuyện chưa đúng. Xin cố phù hộ cho anh

Kim cháu cư xử đúng ý của cha cháu hơn và đừng gây thêm chuyện rắc rối nữa.

Lan sụp xuống lạy trước bức chân dung của vị thượng quan quá cố, giữ mình không nhúc nhích trong vài giây để chứng tỏ cho hương hồn ông bà tổ tiên thấy rõ mình là một đứa cháu đang vô cùng hối hận. Khi đứng thẳng người lên bước về chỗ, cô bé cố ý cúi đầu thật thấp để mái tóc đen rủ xuống, che kín khuôn mặt, không cho ai thấy những giọt lệ ăn năn và lo sợ đang ứa đầy trong mắt.

Còn Kim, khi thấy cha vẫy tay ra hiệu bước lên, cậu chậm rãi đi tới trước bàn thờ, hai môi mím chặt thành một lần ngang quả quyết. Kim đứng cúi đầu, úp mặt vào hai lòng bàn tay một hồi lâu, không vái lạy, không cầu xin khẩn nguyện. Kế đó, ngay trước khi ngẩng mặt lên về lại chỗ đứng của ba anh em, cậu đột nhiên nghiêng chặt răng, thì thầm vừa đủ cho mình nghe, với giọng quyết liệt:

- Xin cố phù hộ cho cháu chịu đau nôi mà không khóc. Cháu chỉ xin có vậy thôi.

Suốt phần nghi lễ còn lại, từ cuối phòng nơi gia đình và thân nhân đứng tách biệt, ba anh em có thể nghe rõ từng đoạn trong bài giảng huấn của ông nội với những lời trảng giang đại hải ca ngợi công đức của nhị vị phụ mẫu quá cố. Cuối cùng, khi cây nhang trên bàn thờ tàn ngang mặt gạo, mẹ dẫn ba anh em vào phòng sách, xếp chúng đứng thành hàng ngang ngay phía trước án thư, đối diện với cây roi mây đặt sẵn trên mặt bàn.

Vừa đặt mình xuống ghế, Trần Văn Hiếu cất tiếng với giọng điềm đạm và nghiêm khắc:

- Hẳn cả ba anh em đều đã biết rằng thái độ của các con hồi xế chiều là mười phần bất kính đối với quan thống đốc Tây cũng như ngỗ nghịch đối với cha mẹ. Mặc dù biết rõ Kim chính là đầu mối của sự việc phiền nhiễu đó, cha vẫn không còn chọn lựa nào khác ngoài việc buộc lòng phải trừng phạt hết cả ba anh em.

Tâm xịu mặt. Lan cảm thấy nước mắt lại ứa ra. Còn Kim nghe rất rõ lời của cha nói nhưng không tỏ dấu hiệu xúc động nào.

- Tâm này, vì trách nhiệm của con về việc xảy ra đó không lớn bằng trách nhiệm của Kim nên con và em gái đi tới góc phòng

đằng kia, quì một tiếng đồng hồ, úp mặt vô vách. Nếu suốt một giờ đó cả hai đứa giữ cho lưng mình thật thẳng, không đứa nào nhúc nhích, cha sẽ không bị phạt thêm. Trong khi quì, mỗi đứa hãy dùng thời gian đó để ngẫm nghĩ về thái độ đáng hổ thẹn của mình — và thề hứa với mình rằng nhất quyết từ nay về sau sẽ luôn luôn vâng lời cha.

Cậu con lớn và cô em út nhẹ người bước thật lẹ tới góc phòng. Vị quan đặt bàn tay xuống cây roi mây, ấn ấn ngón tay lên thân roi, lăn qua lăn lại một lúc rồi ngược mắt nhìn cậu con thứ. Kế đó, cũng vẫn giọng điềm đạm, Trần Văn Hiếu nói:

- Kim này, việc trừng phạt nặng hay nhẹ tùy thuộc câu trả lời của con có thành thật hay không. Điều trước tiên cha muốn biết tại sao con đem con khỉ tới dinh quan thống đốc trong khi con thừa biết rằng làm như vậy là ngỗ nghịch?

Trong một lúc lâu, cậu con thứ im lặng, bướng bỉnh, không nhìn cha. Cuối cùng vị quan đứng dậy, cầm roi mây lên và nói:

- Nếu con không chịu nói cho ta biết, ta sẽ đánh con không chút nương tay.

Kim vẫn không mở miệng. Nhưng khi cha đi vòng qua án thư tới đứng trước mặt cậu, Kim ngược lên nhìn vào mắt cha, nói một mạch:

- Con làm việc đó vì ở trường con học mấy thằng lớn tuổi hơn con tụi nó thách con! Tụi nó nói con khiếp sợ mấy ông chủ Tây mắt xanh mũi lõ, không dám làm một việc như vậy. Con muốn tỏ ra cho tụi nó biết là con không sợ.

Mắt Trần Văn Hiếu rục lên, quai hàm săn lại nhưng giọng nói vẫn đều và rõ từng tiếng:

- Tại sao con cần tỏ ra cho chúng bạn biết là con không sợ? Con đã biết là con phải cư xử lễ độ và tôn kính quan thống đốc Tây cùng các quan chức của ngài, không kém gì đối với cha và ông nội của con. Họ là nhà cầm quyền đang cai quản chúng ta. Địa vị và tài sản của chúng ta hiện nay hoàn toàn tùy thuộc vào lòng tốt của họ.

Kim đáp trả ngay, tuôn ra một hơi, vẻ mặt cậu đang tái nhợt bỗng ửng đỏ:

- Ở trường học, mấy thằng lớn tuổi hơn con nói rằng chúng ta

chẳng là cái thá gì cả, rằng chúng ta không hơn gì những con bù nhìn múa rối của bọn Tây! Người ta nói chúng ta bán linh hồn mình cho thực dân Pháp để đổi lấy những đồng ruộng cò bay thẳng cánh. Sau lưng chúng ta, người ta gọi chúng ta là “quân ăn cướp có môn bài”.

Kim nói xong, cả căn phòng bỗng ngưng đọng. Trong tình trạng im bất đó, Tâm và Lan đang úp mặt vào vách thình lình nghe cha hít vô một hơi, dài rợn người. Rồi giữa bầu không khí tịch mịch, tiếng rắc của cây roi mây vang lên, nghe như tiếng một phát súng lục nổ. Khi tiếng rắc rắc ấy lặp lại lần nữa lần nữa rồi cứ thế, Lan nước mắt ràn rụa chảy ròng ròng đầm đìa hai má. Bên cạnh em gái, Tâm cứng người hãi hùng lắng tai chờ nghe chú em của mình cất tiếng rên rỉ.

Nhưng dù cây roi đều đặn đưa lên thật cao rồi quật xuống khùng khiếp, và tiếp tục vang lên tiếng sà sạt kinh hoàng, người anh em của Tâm và Lan vẫn bần bật câm nín. Có lần Tâm liếc lĩnh đưa mắt run sợ liếc nhìn lui. Cậu thấy Kim nằm dài người trên án thư, mặt trắng bệch, toàn thân từ đầu tới chân run bần bật. Mắt Kim nhắm nghiền, hai nắm tay bóp thật chặt như thể đang cố vận từng phân hơi sức gan lì cuối cùng của một cơ thể mới mười một tuổi để chịu đựng trận đòn khốc liệt của cha. Không khóc một tiếng, không than một lời.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 7 -

Vào sáng hôm sau cuộc tiếp tân của thống đốc, dưới ánh nắng sớm mai chói chang và trong trẻo, quãng đường dài năm cây số nối liền Sài Gòn và Chợ Lớn rộn ràng với gần như không thiếu một loại xe cộ nào từng phục vụ loài người từ xưa tới nay. Được kéo bởi những chú ngựa nhỏ chân ngắn và bước nhẹ, bò thiến thấp lùn, con người ta gầy gò da vàng vọt mình mẩy ướt đầm mồ hôi, hoặc bởi động cơ chạy bằng xăng, phun khói mù mịt, hay máy đốt bằng than chạy hơi nước, đám rước dài vô tận ấy gồm xe ngựa, xe bò, xe kéo tay, tàu điện, xe lửa, xe hơi và xe hàng. Chúng nườm nượp nối đuôi nhau hết vào lại ra, băng ngang cánh đồng buồn tẻ chỉ toàn những thửa ruộng không một bóng cây, để hối hả kết thúc công chuyện làm ăn của mình trước khi cái nóng ban trưa lừa khách đi đường đổ xô nhau tìm bóng râm và chỗ núp nắng.

Ngồi trên miếng ván kê đằng sau chiếc malabar — xe thổ mộ — nhỏ xíu do chú ngựa cặm-bốt chân ngắn kéo, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman một tay ngoéo vào quai móc quang gánh, một tay giữ điều xì-gà trên miệng. Ông trầm ngâm bập bập mấy hơi thuốc trong khi quan sát quang cảnh sớm mai:

- Này Chuck, thật cũng đáng cho mình nhớ lại rằng nếu không có khả năng biết “cách-làm-như-thế-nào” của “lũ tây dương bạch quỷ” thì cho tới nay, con đường vào Chợ Lớn này vẫn chỉ là đường đất nhỏ dành cho xe kéo, không hơn không kém. Và lúc đó, loại động cơ duy nhất trên con đường đất đó hẳn cũng chỉ là những chiếc xe bò bản xứ thôi. Thậm chí cũng chưa chắc đã có ở đây cái thứ hộp diêm nhỏ xíu quái đản đặt trên bánh xe kiểu như thế này.

Trên sàn gỗ trong lòng xe, Chuck và Joseph ngồi trệt, khom lưng ngó sát mặt nhau. Mũ cối của hai anh em dựng lớp Copp lên trần xe cong vòng bằng gỗ. Bàn tay của mỗi cậu túm chặt một quai móc giày dép của khách đi xe. Mỗi lần hai bánh xe không ống nhún lặn

trúng ổ gà trên mặt đường làm xe nảy lên rồi dần xuống, hất tung người lẫn qua nghiêng lại, động bàn tọa xuống sàn xe, hai cậu ré lên cười và đua nhau la hét chí choé, giọng to gấp mấy lần đầu. Ba cha con vừa ra khỏi Khách sạn Continental chuẩn bị vào Chợ Lớn gặp Jacques và Paul Devraux để cùng nhau sắm cho đủ vật dụng đi săn, đã thấy một dây malabar, được kéo tới xếp hàng dưới bóng cây trong công viên bên ngoài. Đây là loại xe do di dân người Ấn mang sang thuộc địa này, được người Sài Gòn đặt tên là thổ mộ — theo hình nắm mỏ bằng đất — và người ta nói người Pháp gọi loại xe này một cách khinh miệt là “boite d’allumette: hộp diêm”. Thông thường chúng chỉ được những người An Nam nghèo hoặc dân buôn thúng bán bưng hay bạn hàng chợ dùng tới. Đột nhiên thượng nghị sĩ muốn gọi một chiếc để cùng đi với hai con vào Chợ Lớn gặp người Pháp.

Qua đám mây xanh nhạt mới toả lên bằng khói thuốc xì-gà giọng của Nathaniel tiếp tục:

- Bố có ý nói điều này, Chuck ạ, trong khi nhắc cho con nhớ rằng chính các nước giàu có và hùng mạnh thay phiên nhau kiểm soát thế giới. Bố cũng nghĩ rằng có thể mấy vết xước nơi đùi quần con lúc này dường như sẽ làm cho con ghi nhớ mãi mãi một điều khác cũng quan trọng không kém. Thịnh vượng và quyền lực cùng nắm tay nhau mà đi, tại quê nhà mình cũng như khắp mọi nơi trên thế giới rộng lớn mênh mông này. Những người xuất thân từ các dòng họ như dòng họ chúng ta luôn luôn cai trị nước Mỹ — và các xứ sở vĩ đại của châu Âu. Nhưng bố không muốn con vấp phải lỗi lầm mà người Pháp đang phạm ở đây. Hống hách và ngạo mạn là nhãn hiệu của họ, như con đã thấy tối qua tại dinh thống đốc. Thực tế, không một nhà chính trị Mỹ nào, đặc biệt nếu người ấy giàu có, tồn tại tới hai phút nếu hắn bị bắt gặp đang cư xử với dân chúng một cách khinh miệt như cách người Pháp đang đối xử tại đây. Ở quê nhà mình, chính đám dân chúng bình thường ấy bỏ phiếu đưa con lên nắm chính quyền, hãy nhớ điều đó — đừng bao giờ quên. Vì vậy, điều trước hết và trên hết là con hãy để cho mọi người thấy rằng con đứng về phía những người bình thường. Và cũng đừng bao giờ hãnh diện khi bị người ta nhìn thấy con đi bằng chiếc xe

thỏ mộ nhỏ xíu như thứ này thay vì đi bằng xe thùng dài, kiểu limousine. Dân chúng thích xe limousine — đặc biệt tại Miền Nam nước Mỹ. Cách người ta muốn ở đó là như thế. Nó làm cho họ cảm thấy họ gần gũi với con, và họ thích như thế.

Cười nhăn nhó, người Chuck nhún lên nhún xuống trên sàn ván:

- Con nghĩ rằng con sẽ chẳng bao giờ cảm thấy như vậy tại cái chỗ đang ngồi đây. Con chắc chắn trong một thời gian dài con sẽ không quên nỗi chuyến đi xe thỏ mộ này.

Rít mạnh điều xì-gà, thượng nghị sĩ đưa mắt ngó đuôi điều thuốc nóng rực. Ông ngược lên nhìn cậu con trai lớn với vẻ dò hỏi:

- Bố đoán là con đã nhận ra qua bài diễn văn tối qua của thống đốc, đúng không Chuck — toàn bộ lời lẽ đạo đức giả và cái gọi là sứ mạng khai hoá?

Chuck tần ngần trả lời:

- Có ạ, con có nghĩ như thế. Ông ấy vẽ ra một bức tranh toàn màu hồng, phải không bố? Nhưng con cũng nghĩ nếu họ xây dựng tốt đường lộ, đường sắt và vân vân, thì họ cũng có cái gì đó để đem ra khoe với chúng ta.

- Nhưng mục đích chủ yếu của việc xây dựng tất cả những đường lộ, đường sắt ấy là gì?

Chuck phân vân, nhìn ra những con đường Chợ Lớn đông lúc nhúc mà xe thỏ mộ của họ đang đi vào. Bên dưới các dãy cột im mát dựng lộ thiên trên vỉa hè, những người Hoa béo mập ở trần như những ông Địa, đang ngồi gầy bàn toán đằng sau những đồng cao ngát trái cây, thực phẩm, lụa, đồ sứ, hàng ngũ kim và cả tá các loại hàng hóa khác. Những chiếc xe bò lăn đôi bánh gỗ vào đám đông lũ lượt đi lại. Không khí nặng nề mùi cá mắm hôi nồng nặc quện với hương trà phương đông thơm ngát và mùi gia vị hăng hắc. Chuck đưa mắt miễn cưỡng quay ra sau nhìn cha. Cậu nói, giọng kéo dài, thiếu vẻ tự tin:

- Về việc họ cải tiến phương tiện giao thông, con nghĩ là...

Không khí trong xe im lặng ngọt ngào. Joseph rụt rè góp ý:

- Có phải là để... giúp cho chuyên chở cao su, than đá, lúa gạo và mọi thứ họ xuất cảng từ xứ thuộc địa này không? Việc có đường lộ, đường sắt thật ra làm lợi... cho người Pháp nhiều hơn cho người

An Nam... phải không bố?

Thượng nghị sĩ gật đầu đồng ý với Joseph:

- Đúng vậy. Và tất cả những lời lẽ nói về dân An Nam siêng năng, tháo vát và tận tâm tận lực hợp tác với người Pháp chỉ đánh lừa được phần nào thôi. Ông lãnh sự Mỹ nói với bố rằng người Pháp vẫn còn cưỡng bách dân quê làm khổ dịch. Đàn ông nào còn mạnh khỏe đều bị buộc phải làm việc nặng mỗi năm mười ngày không công như một loại thuế thân phải đóng. Chính những người ấy làm ra các đường lộ đường sắt và sông đào — làm sưu dịch không khác gì các nông nô phục vụ lãnh chúa của họ tại châu Âu thời Trung cổ.

Joseph âm ức hỏi:

- Vậy tại sao tối qua, sau khi con vừa mới kể cho bố nghe những gì chúng con chứng kiến, bố lại nói rằng dân chúng trên đường phố Sài Gòn dường như mãn nguyện và hạnh phúc?

Thượng nghị sĩ quay sang con trai lớn, trả lời với nụ cười tự mãn:

- Chuck ạ, có lẽ con suy ra được việc đó, phải không? Một chút ngây thơ tròn xoe con mắt thì rất tốt trong việc ru cho những đối thủ của mình có cảm giác an toàn giả tạo. Tuy vậy, nếu con lắng nghe kỹ những gì bố nói tối qua, con sẽ thấy hầu hết các lời lẽ ấy đều có thể hiểu theo hai cách. Phần đông người ta lợi lòng cảnh giác khi họ nghĩ rằng họ đang ứng xử với một người có đầu óc đơn giản — và nếu đằng sau thái độ ấy, con che giấu được cái quyết tâm sắt thép mà bố đã và đang nói lui nói tới như gõ trống bên tai con, con trai ạ, thì con sẽ đạt kết quả tốt.

Nói xong, ông chú người tới trước, vỗ vỗ cánh tay Chuck để khích lệ trong khi người xà ích kèm xe thổ mộ lại bên ngoài ngôi chợ to nhất có mái che của Chợ Lớn.

Jacques Devraux và con trai đứng chờ sẵn bên một chiếc xe tải nhỏ loại chở hàng, đã chất đầy đủ các vật dụng đi săn vừa mua. Để các con đứng canh chừng, hai người đàn ông biến mất vào bên trong nhà lồng chợ Bình Tây mờ mờ tối để mặc cả mua thêm vài trăm cân muối và bột thạch tín dùng trong việc tẩy sạch, sấy khô và bảo quản da những con thú họ kỳ vọng sẽ bán hạ. Bên lề vỉa hè, Joseph háo hức đứng quan sát đám đông.

Trên đường phố chật hẹp của Chợ Lớn, ít khi thấy người phương tây như các đại lộ ở Sài Gòn. Hầu hết các bộ mặt đều là người Hoa. Vài chiếc xe hơi bóng loáng của Pháp buông rèm kín mít đi mũi chạy dọc theo đường phố om sòm huyên náo, bên trong chở người Hoa béo phệ ngồi kế bên bà vợ trang sức đầy mình hoặc tì thiếp của họ. Âm thanh làm xàm, ngắt quãng và không chút du dương của phương ngữ Quảng Đông hoàn toàn thay thế âm thanh nói như huyết gió và êm nhẹ hơn của tiếng An Nam.

Choàng tay lên vai hai cậu trai Mỹ, Paul xoay cả hai hướng mặt về phía bên kia đường và nói nhỏ:

- Nhìn kìa! Hai vị có thấy mỹ nhân Trung Hoa với “nữ tì” nhỏ bé kia không?

Cậu chỉ vào vóc dáng khoan thai của một cô gái Trung Hoa đang nổi bật trong chiếc váy lụa thêu. Đám đông đi đằng trước cô gái tự động rẽ ra nhường lối khi cô chậm rãi bước dọc vỉa hè bên kia đường. Bộ mặt cô ửng hồng son phấn. Bên cạnh cô, một thiếu nữ nhỏ tuổi hơn bước đều chân, mặc quần áo vải trơn mộc mạc, tay đưa cao chiếc dù đang xoè cánh che ngay ngắn trên mái đầu thanh nhả của nữ chủ nhân.

Joseph hỏi, nhìn chòng chọc:

- Nữ tì là cái vậy?

Paul trả lời, trong giọng nói của cậu ám chút hơi hám dung tục:

- Là một cô bé nô lệ, có điều cô ta vẫn có thể rất quan trọng. Trong một cuộc hôn nhân có mặc cả trước, tân lang thường đòi cho bằng được tân nương mang theo về nhà chồng một nữ tì nhỏ tuổi và xinh đẹp, như một phần trong của hồi môn. Rồi nếu người vợ không làm cho hấn cảm thấy đủ hoan lạc, hấn có thể tự ý vui vầy thêm với cô bé nô lệ của bà ta.

- Và Paul này, anh có giấu một nữ tì nhỏ bé ở nơi nào đó không?

Cậu trai Pháp thở hắt:

- Chẳng may là không.

Vọt miệng nói với giọng trẻ ranh, Joseph ra sức lấp cho bằng khoảng trống đôi ba năm có vẻ như đang làm cậu cách biệt với thế giới tiêu lâm mặn của người lớn trong đó Paul và anh của cậu đang cười đùa vô cùng thoải mái:

- Cái gì, không con gái cũng chẳng nữ tì? Và các thiếu nữ An Nam trước đêm động phòng đều còn trinh cả, phải không? Vậy làm sao anh xoay sở nổi trên cõi thế gian này?

Mặt cậu trai Pháp bỗng loé lên vẻ bị sốc và bị xúc phạm. Cậu ưỡn ngực phưỡn bụng ra như có ý làm câm hòng cậu bé Mỹ đang mặt đỏ bừng và mắt lơ nhìn chòng chọc. Cuối cùng, trong hai con mắt của Paul lấp lánh ánh thú vị:

- Có nhiều cách, chú bé Joseph thân thiết của tôi ạ, tới độ ngay cả cái đầu óc táo bạo của cậu cũng không dám tưởng tượng. Vì rõ ràng cậu là một chú bé đam mê sôi nổi nên có lẽ tôi sẽ đích thân chứng minh cho cậu thấy những gì tôi có ý nói — không bao lâu nữa đâu, sớm hơn cậu tưởng đấy!

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 8 -

Ngàn vạn đóa hoa rực rỡ long lanh trong cỏ cây rậm rạp và lao xao hai bên đường như những ngọn nến màu da cam lấp lánh trên đầu khi chiếc xe mui cong hiệu Citroësn B-2 phơn phớt đen của Jacques Devraux lướt qua bóng râm của cầu Băng-ky, tìm đường quốc lộ chính ở hướng đông bắc, ra khỏi Sài Gòn. Jacques Devraux ngồi ở ghế trước, bên cạnh tài xế người An Nam, trong khi thượng nghị sĩ Sherman cùng hai con và Paul Devraux ngồi nơi băng sau. Flavia Sherman quyết định dùng trọn hôm nay đi mua sắm ở đường Catinat; sáng mai, bà sẽ ra sau để tham gia cuộc đi săn đầu tiên của họ. Với chiếc xe tải chở hành lý lẫn bánh theo sau chừng năm mươi thước, họ đang trên đường tới khu giao lưu của sông Đồng Nai với sông La Ngà, cách Sài Gòn khoảng hơn trăm cây số, vùng Phương Lâm - Định Quán của Đồng Nai. Đó là nơi lũ trâu rừng hoang dã đặc sản của An Nam cùng những loài thú hiếm quý của Nam Á tự do đi lang thang khắp vùng đất trũng, chỗ rừng rậm tiếp giáp giữa cao nguyên miền trung với đồng bằng đông nam bộ.

Qua khỏi cầu Bình Lợi, con đường băng ngang một vùng mênh mông đồng ruộng thấp trũng với những đám dân quê An Nam hét cúi xuống lại ngừng lên trong bùn đặc quánh tới ngang bụng. Đi cấy mạ non, họ đội nón rộng vành, mặc quần áo bà ba đen y hệt nhau khiến những người Mỹ ngồi trong xe đang đưa mắt ngó ra không phân biệt nổi đàn bà với đàn ông. Những con trâu nhà ỉ ạch lê mình dưới các thửa ruộng ngập nước, kéo lết chiếc cày nhỏ bằng gỗ hoặc đầm mình nghỉ ngơi trong những vũng bùn sâu hơn, chỉ thò mũi và cặp sừng cong vòng hình mã tấu lên khỏi mặt nước. Giữa Biên Hoà và Trảng Bom, từng đoàn người dân quê dài như bất tận mặc quần áo y hệt nhau, lũ lượt nhấc bàn chân trần đi dọc đường mương hoặc trên đường cái. Họ cử động theo một nhịp điệu

không biết mệt, chẳng kém những người đang cày cấy dẻo dai dưới các thửa ruộng. Trong đôi quang gánh gác ngang vai, họ đựng mạ, gạo, trái cây, rau, chiếu và kể cả, như Joseph có lần thích thú chỉ chỗ, một cặp heo con còn sống, lẫn lộn và kêu eng éc trong đôi rọ hai đầu đòn gánh. Cũng giống tại Sài Gòn, hầu hết trên miệng đàn ông lẫn đàn bà đều có vệt rỉ nước cốt trâu và vệ đường ở đây cũng lôm đóm nước trâu đỏ thắm.

Đưa tay lên vẫy về phía kính chắn gió, Jacques Devraux nói bằng tiếng Anh với vẻ khẳng định:

- Mặt trái của đồng tiền là đây. Tại Chợ Lớn, quý vị đã thấy các tay triệu phú người Tàu béo phệ sống ung dung. Họ dựng lên các nhà máy xay lúa và thuê tàu chở tới những thị trường cao giá nhất — rồi ngồi một chỗ hưởng lợi. Lũ dân quê An Nam nhẹ dạ nầy là kẻ làm hết thảy các công việc nặng nhọc dơ dáy để làm giàu cho bọn ba Tàu ấy. Đối với tôi, đôi khi Đông Dương có vẻ như một thuộc địa của Trung Hoa hoạt động vì lợi ích của những người Tàu Chợ Lớn phì lũ thông qua sự ưu đãi của người Pháp.

Giọng nói của người Pháp không mang chút dấu vết dĩ dỏm nào. Trong khi nói, bộ mặt phong trần rám nắng của hắn vẫn đậm lằn những nếp nhăn nghiêm nghị. Sự khắc nghiệt trong giọng điệu của Devraux làm bầu không khí trong xe trở nên im lặng nặng nề. Cảm nhận điều đó, Paul vội làm nhẹ bớt. Cậu vừa cười thành tiếng vừa nói:

- Thừa thượng nghị sĩ, người ta diễn tả bằng tiếng Pháp rằng người An Nam là “*rizicultivateurs*” — những kẻ canh tác lúa gạo, còn người Tàu là “*usuricultivateurs*” — những kẻ canh tác tiền cho vay nặng lãi! Thật rõ và thật gọn, phải không ạ?

Nathaniel mỉm cười, vỗ vỗ cánh tay cậu trai Pháp:

- Paul này, dù cậu có gọi họ là gì đi nữa, chắc chắn tôi chẳng bao giờ nghĩ tới chuyện có một hay hai trăm người nhà quê này đến Virginia làm việc trong đồn điền của mình.

Nhìn ra ngoài cửa kính xe, ngắm từng đoàn dân quê linh hoạt đang xuôi ngược dọc theo đường xe chạy, ông nhận xét:

- Ngó như thể trong con người họ có chiếc máy vô hình nhỏ bé nào đó đang chạy đều, phải không? Họ hình như không bao giờ thôi

bước.

Paul nói nghiêm chỉnh:

- Họ là người rất siêng năng cần cù. Trong cơ thể có vẻ ẻo lả của họ có một con số năng lượng thật đáng kinh ngạc.

Thượng nghị sĩ lịch sự dò hỏi:

- Như vậy tại sao họ không tự làm cho mình thoát khỏi cảnh lao động nặng nhọc ấy.

Không ngoái ra sau, Jacques Devraux bình thản nói:

- Dù có kiếm được tới mấy đi nữa rốt cuộc cũng chẳng thay đổi được gì. Bọn chúng nó lúc nào cũng mắc nợ. Rồi chúng lại phải đi tới tụi Chệt để vay nợ với mức lãi của kẻ cướp đường cướp chợ. Đôi khi tụi Tàu tính lãi tới ba mươi sáu phần trăm và bọn nhà quê này cũng khá điên rồ chịu chấp nhận cái giá cắt cổ đó. Thông thường, chủ nợ chỉ cho vay mười đồng thôi, và biết trước thế nào cũng sẽ xiết được mảnh đất cón con của con nợ cùng với nhà cửa của hắn — thậm chí có thể được luôn cả vợ với con gái của hắn — khi hắn không trả nổi nợ.

Paul phản đối sôi nổi:

- Nhưng ba ơi, chuyện đâu có hoàn toàn giống như thế. Theo như con thấy, từ trước tới nay, những người dân quê này lúc nào cũng bị ở trong hoàn cảnh khó khăn. Trước hết là chúng ta cướp đoạt đất đai của họ để ban phát cho những người An Nam hợp tác với chúng ta. Tới bây giờ, các địa chủ ấy trở thành kẻ biên lận, cho thuê ruộng và đòi giá cao — trong khi đó chúng ta tiếp tay bóc lột dân quê bằng việc thu các loại thuế tàn mạt. Họ hướng về ai đây nếu những địa chủ bản xứ và người Pháp chống lại họ.

Jacques Devraux không trả lời ngay. Joseph quan sát hắn thật kỹ, thấy bắp thịt quai hàm hắn săn lại trong khi hắn vẫn tiếp tục nhìn tới trước, qua kính chắn gió. Tới khi Devraux mở miệng, giọng hắn nặng chình chịch, nghe lạnh tanh:

- Paul này, con cần phải nhớ rằng dân An Nam lệ thuộc đế quốc Trung Hoa suốt cả ngàn năm. Chúng nó là một dân tộc dễ dàng cam chịu, không bao giờ chống cự nổi sự bóc lột. Cái đó nằm trong bản chất của chúng. Ai cũng có thể bóc lột chúng. Hình như chúng không thể sống thiếu cái đó. Nếu chúng ta không biến xứ sở này

thành thuộc địa của Pháp thì lúc đó, nước khác cũng sẽ...

Đột nhiên chiếc xe giật mạnh khi tài xế đạp gấp chân thắng. Ngồi ngay sau lưng Jacques Devraux, Joseph nghe hấn thở hắt và churối thề làm rằm. Ngược mắt, cậu bé Mỹ thấy một dân quê trên vai toòng teng quang gánh, băng vọt qua đường sát ngay đầu xe Citroesn, rồi nhảy cõn, nhe răng cười đắc thắng. Khi xe chạy nhanh trở lại, Joseph ngoái nhìn lần nữa, thấy người nhà quê ấy tiếp tục nhảy, hoa chân múa tay, như thể nhập đồng cốt ngay giữa mặt lộ. Paul Devraux nói với giọng giải thích:

- Tôi e rằng quý vị phải làm quen với cảnh đó. Nó xảy ra rất thường.

Joseph hốt hoảng hỏi:

- Tại sao họ làm chuyện như vậy? Có phải họ muốn tự tử?

- Không hoàn toàn như vậy. Họ đang ra sức giết cho chết tà thần trong người họ đấy. Nhưng rủi thay, nhiều khi họ cũng giết luôn cả mình.

- Tà thần của họ là cái gì vậy?

- Các ác thần. Dân quê An Nam chiếm khoảng tám mươi phần trăm dân số; hết thấy đều thờ phượng các thần linh vô hình. Thần nhà, thần bếp, thần sông, thần cây... Trưa nay, khi vào rừng, thỉnh thoảng cậu sẽ thấy những đồ cúng nhỏ bằng thức ăn treo trên chạc cây. Quỷ thần của họ là hai vị thần được họ tin là sống trong cái bóng của họ. Một thần thiện với một thần ác. Thần ác, còn gọi là tà thần, cám dỗ đưa dẫn họ tới sa ngã. Họ tin rằng cách độc nhất có thể trục tà thần là kéo nó tới sát sự nguy hiểm. Ngay sau lúc bản thân họ suýt chết vì cái bóng của họ bị xe đụng hoặc bị trâu húc, họ tin rằng thần ác đang sống trong cái bóng của họ vừa bị tiêu diệt. Đó là lý do tại sao người dân quê ấy sung sướng nhảy múa giữa đường cái — chúng ta vừa giết cái bóng ác của hấn. Chuyện đó rất thường xảy ra vào khoảng thời gian này trong năm vì sắp tới ngày Tết, lễ hội mừng năm mới âm lịch. Người ta muốn bắt đầu một năm mới mà không có ác thần nào ám hại mình.

Xe chạy chậm dần khi tài xế An Nam thấy có một đám dân quê khác đang tụ tập bên vệ đường, cách chừng năm chục thước đằng trước. Từ ghế sau, cha con nhà Sherman nghe Jacques hít vào một

hơi dài cái kính. Hắn nói cộc lốc với tài xế bằng tiếng Pháp:

- Này Lộc, đừng hề thấy như thế là chạy chậm lại. Bằng không chúng ta sẽ chẳng bao giờ tới đích.

Người An Nam đạp chân ga, xe trở về tốc độ cũ. Xe không còn khựng lại khi có ba người nhà quê trẻ tuổi lao bộ mặt trắng bệch ra ngoài lộ. Joseph cảm thấy nín thở cho tới khi giữa đường chẳng còn ai.

Khi chiếc Citroën chạy qua khỏi cánh đồng lúa đông người, bắt đầu leo dốc và vào vùng đồn điền cao su đất đỏ, Joseph quan sát nét mặt người tài xế trong kính chiếu hậu, cố đoán cảm xúc của anh ta. Cậu tự hỏi không biết Lộc có hiểu những gì Jacques Devraux nói hồi nãy bằng tiếng Anh về xứ sở của anh không. Nhưng qua bộ mặt thụ động và đôi mắt nhỏ ấy thật không thể nào dò nổi ý nghĩ của anh.

Giống nhiều người An Nam, vóc dáng bên ngoài của Lộc trông như một loại trẻ con khiến cậu bé Mỹ khó ước lượng tuổi tác.

Joseph nghĩ, anh có thể ở khoảng đâu đó giữa hai mươi và bốn mươi tuổi. Jacques Devraux không màng tới chuyện giới thiệu Lộc với thượng nghị sĩ nhưng trong khi cha đi kiểm tra lần chót chiếc xe tải chở hành lý, Paul Devraux thân mật vỗ vai người tài xế, giới thiệu anh với họ:

- Ngô Văn Lộc, một người An Nam thiên tài, nhiều biến hóa và đa năng đa hiệu. “Bồi” trong nhà, “bồi” ngoài trại săn, tài xế, phụ giúp mọi việc, và là nhân vật không thể thiếu trong cái gia đình bé mọn Devraux.

Lộc cười khúc khích với vẻ bồi rồi rồi vội vàng bắt tay và chào hỏi họ bằng tiếng Pháp trước khi Devraux kịp quay lại xe. Dường như không có lý do khiến anh ta phải biết tiếng Anh, Joseph ngẫm nghĩ như vậy khi xe tiếp tục lăn bánh. Cậu kết luận trong đầu mình rằng người An Nam có hai con mắt đầy thuần phục này hẳn không hiểu cuộc đàm thoại vừa rồi.

Hết cây số này tới cây số khác, xe tiếp tục chạy qua các khu rừng cao su rợp bóng nơi những thân cây thẳng đứng với vết sẹo rạch xéo và chiếc chén sắt hứng mũ cây, trải dài bất tận theo những khoảng cách đều đặn hai bên đường. Các khu rừng cao su với hình

dáng bề ngoài y hệt nhau, bạt ngàn trùng điệp trông như vô số đoàn quân đứng yên hết hàng hàng này tới lớp lớp khác khiến xe có vẻ như không đang di động. Bóng dáng ảm đạm và lặng lẽ của chúng càng lúc càng làm dịu không khí căng thẳng trong lòng xe Citroën do việc suýt gặp tai nạn lúc nãy gây ra. Nhưng rồi khi xe phóng ra khỏi các khu rừng cao su, đồ xuồng triền dốc đồi thoải thoải và sắp chạy ngang một làng khác, Joseph lại cứng người trên ghế.

Một đám khá đông dân quê chen chúc chung quanh cái giếng làng đầy bùn để giặt quần áo và rửa ráy bằng thứ nước có màu bùn đen xám xám, đứng lẩn ra nửa mặt lộ. Dù hầu hết đã tránh qua một bên khi thấy bóng xe chạy tới nhưng có bốn cậu bé lệ làng lập thành một nhóm, ngang bướng đứng trụ lại giữa đường. Theo phản xạ, Ngô Văn Lộc nhắc chân khỏi bàn đạp ga. Nhưng Jacques Devraux hất bàn tay không lên, tỏ vẻ khiển trách. Chòm người sang đập đập nút còi xe ở chính giữa bánh tay lái, hấn gắt gồng găm gù:

- Nếu cứ mỗi lần thế này mầy chạy chậm lại, chúng nó sẽ không bao giờ học được thói quen tránh đường cho ô-tô qua.

Khi xe chạy tới gần hơn, Joseph thấy rõ bộ mặt bèn bẹt quê mùa của bốn cậu bé An Nam. Chúng mở mắt tròn xoe, có vẻ e sợ nhưng rõ ràng chúng nhất định đứng trụ chân tại chỗ cho tới giây phút sau cùng. Trong kính chiếu hậu hiện rõ bộ mặt Jacques Devraux. Vẻ lạnh lùng không thoáng chút cảm xúc khi hấn miết cứng bàn tay trên nút còi xe đang kêu bing bing liên tục.

Lúc hai đèn xe to lớn mạ kền đằng trước đầu xe Citroën chỉ cách bọn trẻ chưa tới hai thước, cậu bé thứ nhất phóng người qua rãnh nước bên vệ đường, hét lên chiến thắng và té xuống một vũng nước bắn thui. Hai cậu kia trượt chân, dù kinh hoàng vẫn vọt được người nhảy qua quá cái chấn bùn phía bên phải xe. Ngược lại, cậu bé thứ tư, trượt chân khuỵu đầu gối, chỉ mới lồm cồm đứng lên đã bị càng xe táng trúng phía dưới bụng, nghe kêu một tiếng huých và chiếc xe rùng mạnh. Người cậu bêu tung lên trời, dang chân dang tay bay vòng qua mui xe rồi rớt xuống đằng sau, nằm một đống, không nhúc nhích, trên con đường bụi bay mù mịt.

Ngô Văn Lộc nhả ga cho xe chạy chậm, chuẩn bị ngừng. Nhưng

trước con mắt sững sờ của ba cha con người Mỹ, Jacques Devraux ra hiệu anh tiếp tục cho xe chạy như chẳng xảy ra chuyện gì. Trong một hai giây người Pháp quan sát cảnh tượng đằng sau qua kính chiếu hậu, không quay đầu nhìn lui. Xoay ngược người trên ghế, Joseph và những người khác trong xe chăm chú nhìn đám dân còn lại trong làng đang hốt hoảng chạy ra, bu kín nơi cậu bé vừa rớt xuống. Đám đông xô đẩy nhau đứng chật đường cái khiến chiếc xe tải chở hành lý đằng sau chạy chậm lại rồi dừng hẳn, không thể qua lọt.

Nathaniel Sherman hỏi với giọng điềm đạm:

- Monsieur Devraux này, ông không quành xe lại sao... Để ít ra cũng xem thằng bé ấy có còn sống không?

Devraux trả lời trầm tĩnh:

- Thừa thượng nghị sĩ, tôi không muốn người ta làm phiền ông. Và lại, tôi biết chắc chắn chuyện này vẫn rất thường xảy ra ở đây.

- Nhưng không phải báo cáo tai nạn này với cảnh sát sao?

- Việc đó không cần. Hầu hết quan toà người Pháp sẽ phạt tài xế chịu tiền phí tổn đám ma — hai mươi lăm đồng nếu quả thật thằng bé đó chết. Và quan toà chỉ ra phán quyết đó khi ông ta thật sự bị buộc phải làm như thế. Đã có lời cảnh cáo lặp đi lặp lại nhiều lần cho lũ nhà quê là phải tránh xa đường ô-tô chạy. Chúng nó không bao giờ để vào tai lời cảnh cáo đó.

Hắn nhìn lướt qua kính chiếu hậu lần nữa rồi nói tiếp:

- Tài xế chiếc xe tải chở hành lý sẽ lo liệu chuyện này. Y là người An Nam.

Người Pháp thốt ra lời sau cùng đó với lối nói có ý bảo rằng hắn thấy mình không đồng ý thảo luận thêm về vấn đề này nữa.

Thượng nghị sĩ im lặng trở lại. Joseph liếc Ngô Văn Lộc, nhưng dù đang bầu mười đầu ngón tay trắng bệch trên bánh lái, anh ta cũng chẳng có ý kiến. Và không người nào mở miệng trong suốt phần còn lại của cuộc hành trình.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 9 -

- Con không được cãi ba lần nữa trước mặt khách, dù đó là người Pháp hay người nước ngoài, nghe rõ chưa? Thái độ vừa rồi của con thật không thể tha thứ. Ba rất ngạc nhiên tại sao một đứa con trai có cả cha lẫn ông nội đều là quân nhân, lại tiếm nhiệm cái ý thức về lòng trung thành và nghĩa vụ một cách nghèo nàn đến thế.

Cầm cây thông nòng súng và ngồi thẳng người, chừng chặc, chắc nịch trên lưng ngựa, Jacques Devraux hạ lệnh cho con trai với giọng tuy nhỏ nhưng quyết liệt. Paul cắn môi trong khi lắc lư cỡi ngựa đi sát sau cha, men theo con đường mòn chạy ngoằn ngoèo qua bìa rừng thẳm bên sông La Ngà. Mặt Paul biến sắc tái nhợt vì lời khiển trách nghiêm ngặt của cha, rồi hít vào một hơi thật dài trước khi trả lời. Cậu nói, giữ giọng thật thấp, không cho lọt tới tai của thượng nghị sĩ Sherman và hai con trai đang ngồi trên lưng ngựa, di chuyển hàng dọc theo sau cha con nhà Devraux:

- Papa ạ, ba không thể kỳ vọng bất cứ việc gì con cũng phải đồng ý với ba. Với lại, như vậy đâu có nghĩa là con không trung thành với ba.

Không nhìn con, Devraux ngó thẳng tới phía trước con đường mòn, với bộ mặt hằn nét khắc nghiệt. Hắn đáp:

- Có lẽ con sẽ học được ý nghĩa của hai tiếng vâng lời và kính trọng tại Trường Võ bị St. Cyr. Ba hy vọng như vậy. Nếu không học được điều đó, con sẽ không giữ được lâu chiếc mũ sĩ quan. Sau chuyến đi săn này với mấy người Mỹ, ba lại phải lên đường qua Quảng Đông. Con sẽ phải tự mình hướng đạo một nhóm viên chức Pháp muốn đi săn nai. Khi về lại đây, ba không muốn nghe người ta nói con đang rêu rao cái thứ tình cảm ba vừa nghe con phát biểu sáng nay.

Trong vài phút, Paul dong cương không nói, hờ hững nghe tiếng hót lanh lảnh của lũ chim nào đó trên vòm cây rừng nhiệt đới giăng

mắc lộn xộn. Cậu có cảm giác rằng, trong im lặng cha đang đòi hỏi mình bày tỏ một vẻ hối hận nào đó. Nhưng hể liếc thấy bộ mặt nghiêm nghị và quyết liệt của ông, cậu lại cảm thấy mình không thể mở miệng thốt lên lời xin lỗi nào. Cuối cùng, Paul hỏi bằng giọng nhẹ nhàng sau khi thêm lần nữa liếc chung quanh xem có bị ai nghe lén không:

- Có phải ba vẫn tiếp tục công tác cho mật thám? Chuyến đi sắp tới của ba có liên quan gì tới vụ ném tạc đạn Toàn quyền Đông Dương Merlin vừa rồi không vậy?

Người cha trả lời cộc cằn:

- Con thừa biết rằng ba không thể thảo luận với con về việc ba làm cho Nha Liêm Phóng.

Nói xong, Jacques lạnh lùng quay đầu và mắt nhìn thẳng con trai:

- Nhưng trong khi duy trì quan điểm đang hình thành cho mình đó có thể con cảm thấy rằng không nên có hành động nào đối với kẻ thù của nước Pháp.

Mặt thoáng ửng đỏ cậu trai Pháp nói thật khẻ:

- Papa ạ, con cũng tự hào về xứ sở mình như ba vậy. Nhưng nếu chúng ta hành xử ở đây theo cách khác, chắc chắn dân chúng An Nam không cần tới các phong trào chống đối và Liêm Phóng cũng không cần phải do thám người nào cả.

Ngửa bộ mặt từng trải lên, Jacques Devraux mĩa mai đáp lại:

- Đời sống không quá đơn giản như con nghĩ. Có những lực lượng bên ngoài ở Liên Xô và Trung Hoa đang ra sức xúi giục gây rối loạn cho chúng ta ở đây.

Hắn ngừng nói. Trong một thoáng, hắn nhìn con trai với vẻ tư lự:

- Nhưng Paul ạ, đừng tưởng rằng có chút vui thích hoặc mãn nguyện nào trong loại công tác đó. Bỏ ra hàng giờ theo dõi và chờ đợi rồi thông thường tới cuối cùng chẳng phát hiện được gì cả. Ba làm việc đó xuất phát từ ý thức nghĩa vụ — cho xứ sở của chúng ta. Còn riêng cho bản thân, ba chỉ thích đi săn — hoặc thích trở lại quân đội hơn.

Paul nhận ra trong giọng nói của cha phảng phất vẻ mệt mỏi.

Trong giây lát chiếc mặt nạ khắc nghiệt rắn rỏi trên mặt cha cậu hình như chùng lại. Cậu nói thật nhanh:

- Papa, con xin lỗi. Con chẳng khôn ngoan chút nào.

Jacques Devraux tiếp tục thẳng người trên yên ngựa và không tỏ cho biết mình có nhận hay không lời xin lỗi miễn cưỡng ấy. Paul lại bắt đầu muốn được để yên khi nghe cha nói với giọng trầm hơn:

- Paul ạ, con đã biết việc má con qua đời làm ba đau đớn biết mấy. Nhưng đối với việc một người đàn ông có đứa con trai độc nhất quay lại chống mình thì cũng đau lòng không kém.

Cậu trai Pháp ngược nhìn cha thật nhanh nhưng trên bộ mặt vừa trầm ngâm ấy đã gắn trở lại chiếc mặt nạ vô cảm quen thuộc.

Jacques lại sắc giọng:

- Bây giờ, cách tốt là con quành ngựa chạy lui kiểm tra mấy chiếc xe bò chở đồ đạc, để chắc chắn bọn Mọi không làm mất mát thứ gì. Và đi đoạn hậu cho tới khi chúng ta tới trại săn.

Joseph Sherman thấy Paul quành ngựa lại và bắt đầu cho ngựa chạy đều bước về phía mình. Cỡi ngựa đi đằng trước Chuck và cha, cậu chiêm ngưỡng thân hình thẳng đứng và tấm lưng thon của Jacques Devraux đang lắc lư khoan thai trên yên ngựa dẫn đầu đội hình. Người Pháp có đôi mắt dữ dội ấy nhanh chóng tạo ấn tượng sâu sắc trong tâm trí của cậu bé Joseph mười lăm tuổi. Cậu đang bắt chước kiểu ngồi giống y như thế, cổ ưỡn hai vai lên thật cao và giữ thật ngay. Nét mặt rám nắng, tựa chim ưng, cùng với sự im lặng nghiêm nghị của Jacques làm cậu nhớ tới những hình vẽ các chiến sĩ anh hùng Hi Lạp và La Mã thời xa xưa trong mấy cuốn lịch sử từng làm cậu say sưa ngắm nghía. Sự mất tinh thần cậu cảm thấy sáng nay khi xe của họ tông thẳng vào cậu bé An Nam nhà quê làm tăng cảm tưởng e sợ cậu có từ trước, khi còn ở trên tàu Avignon.

Tuy vậy, Joseph hoàn toàn quên bằng sự cố đó khi vừa cùng đoàn người đi săn đặt chân vào rừng thẳm, cỡi lên những con ngựa nhỏ đầy đủ yên cương do mấy người Mọi khuân vác của Devraux dẫn từ trại săn ra đón họ bên đường lộ.

Có lúc, đoàn người băng ngang một trảng cỏ cao ngang vai, nóng hừng hực trong ánh nắng chói chang cực độ. Rồi ngay sau đó, họ bất ngờ đi xuống, vào một thế giới kỳ bí, lặng lẽ và âm u, nơi không khí mát rượi, mặt đất xốp và mềm dưới chân. Liên khi ấy,

họ sừng sờ kinh ngạc bắt chợt bắt gặp những đóa lan lộng lẫy trong các lùm cây xanh biếc đậm đà. Biến đổi ấy làm Joseph xúc động trước những biểu lộ thì thầm tịch mịch của rừng thẳm cùng những tiếng thở dài náo nức xen lẫn những âm thanh rờn rợn toát ra khắp chung quanh mình.

Họ quây rầy lũ cá sấu đang nằm ngủ dưới các vũng sông cạn, lắng nghe tiếng tấp chới tai của một con nai nào đó nơi lùm cây bên bờ suối và thấy một bầy lợn rừng ỉn ỉn kêu khụt khịt phóng mình chạy từ một ao nước tù đọng, phẳng lặng khi họ tới gần. Joseph và Chuck thì nhau gọi tên những con chim đẹp lạ thường xuất hiện trước mắt hai anh em: cò quăm, chim bói cá, diệc, trĩ trắng, và có lần, một con công cuống cuống lao ngang lối đi của họ. Trên bộ mặt Joseph nở một nụ cười tươi rói và bất biến, sung sướng và rộng hết cỡ. Rồi tới lượt Paul toét miệng cười với cậu khi cho ngựa chạy nước kiệu trở lui kiểm tra mấy chiếc xe bò.

Cậu trai Pháp đột nhiên gò ngựa lại bên Joseph, chỉ tới bờ xa của đồng cỏ họ băng ngang, và nói:

- Kia kia, Joseph. Có thấy đàn voi đằng kia không?

Xoay mình thật nhanh trên yên, Joseph kịp thấy xa xa có chừng hai chục cái ụ xám đang im lặng chuyển động rồi chuồn lẹ vào cây cối rậm rạp. Cậu thăm thì đầy ngưỡng mộ và hề hả hoác miệng ra cười rộng tới mang tai:

- Đó là những con voi rừng đầu tiên tôi thấy trong đời mình đây! Miệng Joseph vẫn toét nụ cười khi đoàn người tới trại săn đã được người Mọi dựng lên ở chỗ uốn mình của một khúc sông nước chảy chậm. Bốn nhà lều dùng làm chỗ ở, cất bằng rui mè tre và lợp lá cọ. Kế bên chúng, dựng mấy túp lều vải bạt dùng làm nhà bếp và nhà kho. Lập tức, dân bộ lạc miền núi, những kẻ hình như vừa cất chân bước thẳng ra từ các tấm ảnh màu nâu đậm trong cuốn sách sử ký cậu vừa đọc mấy hôm trước, bắt đầu cất giờ đồ đạc.

Joseph thấy họ lấy ná và tên từ trên xe bò xuống, mang về lều của mình cách đó chừng trăm thước, cắm dọc mé bên này sông. Qua những gì đã đọc, cậu hiểu rằng Mọi là một tiếng gốc từ một thành ngữ Việt cổ có nghĩa là “người man di mọi rợ”. Khi nhìn những

người trán bẹt, nước da sẫm màu ấy, cậu có thể nhận ra họ thuộc một thành phần chủng tộc khác với người An Nam. Trên mình chỉ đóng khố ngang bẹn, họ ở trần, phô ra cả hông lẫn đùi. Vẻ mặt chất phác, tiếng cười thật dòn, họ vừa chuyện trò rôm rả bằng ngôn ngữ của mình vừa tắt bật chạy tới chạy lui làm việc. Vài người tết vài vụn vào mái tóc đen dài. Người nào cũng đều quần quanh cổ một hay nhiều xâu chuỗi hột.

Đàn bà Mọi đứng chờ bên ngoài lều, chào đón đoàn người mới đến. Họ đeo vòng thiếc nơi cổ tay và cổ chân nhưng y phục độc nhất là miếng vải dài thỏ cắm màu sậm quần từ hông trở xuống, đưa ra bộ ngực nhô cao với núm vú sẫm màu. Thấy Joseph đắm đắm nhìn phụ nữ, Paul bước tới bên cạnh, đưa tay quàng qua vai cậu, nhe răng cười hỏi:

- Joseph thích đàn bà Mọi rồi phải không?

Cậu bé Mỹ đỏ mặt, cười cười:

- Ngó họ cũng được đó chứ.

- Họ là một nhánh của bộ tộc Ra-đê — nhưng phải chăng cậu có ý nói là hơi già một chút so với sở thích trẻ măng của cậu? Ông tù trưởng trong cái sóc gần chỗ này có một tá bà vợ và cả chục nàng con gái trẻ hơ hớ, tươi rói, thật hợp với một chàng trẻ tuổi nhiều đam mê như cậu.

Paul đập một phát vào lưng Joseph rồi lại cười. Kế đó, cậu hát đầu về phía thượng nghị sĩ và Chuck đang tiếp tay cha cậu và Ngô Văn Lộc trông coi việc giở đồ trang bị:

- Lúc này ai cũng bận công việc, tại sao mình không thử đi tìm thứ gì đó tươi mát để cho vô soong vô chảo. Thí dụ như một con nai nhỏ bé non mềm cho bữa ăn tối nay.

Nói tới đó Paul nháy mắt:

- Và nếu còn thì giờ, tiện thể tôi cho cậu thấy một sóc Mọi!

Jacques tần ngần nhìn về phía cha:

- Có phải xin phép thì tốt hơn không?

- Cậu đi lấy súng. Tôi tới xin thử coi có được không.

Paul chạy tới nói chuyện với thượng nghị sĩ và cha trong khi Joseph đi lấy khẩu các-bin Winchester loại nhẹ trong căn lều cậu được chia cho ở chung với Chuck. Chút sau, cậu trai Pháp trở lại

mang theo khẩu Mauser .350 khoác hờ hững trên vai:

- Ổn thoả rồi. Tôi hứa chúng ta sẽ mang về một chú nai tơ thật non.

Kê miệng sát vành tai Joseph, cậu thì thầm:

- Như thế có nghĩa cả hai đứa mình đều phải bắn, được chứ?

Hai người Mọi vác sào ngắn đi theo họ ra chiếc xuống độc mộc cột sát bên trại. Họ chèo xuống qua bên kia sông, tới một bờ đất bằng phẳng. Khi mọi người lên bờ, Paul bò rón rén tới trước. Từ đằng sau một thân cây, cậu chăm chú quan sát đồng cỏ. Rồi cậu vẫy

Joseph tới:

- Kia kìa, nhìn kìa! Có tới cả chục con nai đang gặm cỏ.

Mặt trời xế chiều bắt đầu mất dần sức nóng nhưng dưới ánh chói lọi lập loè, đồng cỏ dọn sóng vẫn sáng lung linh một màu xanh xám mờ ảo. Đôi mắt thiếu kinh nghiệm của Joseph không nhận ra chuyển động nào. Paul quay qua Joseph đang rụt rè khum hai bàn tay đưa lên che trán cho tới khi nhìn thấy đàn nai.

- Đó! Cách đây chừng tám trăm thước. Mấy vệt đo đỏ gần cái cây đó. Chúng ta hên, gió thổi ngược chiều về phía mình. Chỉ việc đi nhẹ nhẹ tới cái cây đó rồi nhào ra vồ hai người đẹp. Một cho chúng ta và một cho cô gái con ông tù trưởng, được chứ?

Paul hất hàm và im lặng, nhón chân đi tới hướng bầy thú đang gặm cỏ. Khi còn cách bầy thú chỉ khoảng năm chục thước, cậu trai Pháp xoay mình lại, nhướn đôi lông mày tinh quái lên, vừa thì thảo như thổi vào tai Joseph vừa gục gặc đầu, nháy tí mắt:

- Này Joseph... cậu có bao giờ... trước đây... cậu có từng... ”ấy”...

Đột nhiên cảm giác hai má nóng bừng, cậu bé Mỹ quay mặt qua chỗ khác:

- Tôi nghĩ là chưa...

Cười rất tâm phúc, Paul nắm cánh tay Joseph:

- Cậu biết không, ở tuổi cậu... tớ đã... ”ấy”... Thôi bỏ đi! Chúng ta hãy cứ bắn con nai đầu tiên cái đã.

Paul dẫn Joseph tới trong vòng ba mươi thước cách con nai đang hồn nhiên gặm cỏ rồi ra hiệu cho Joseph ngồi xuống đất ngay mép bãi cỏ. Còn cậu ngồi xồm một bên Joseph hướng dẫn cách chống cùi chỏ sao cho khẩu súng nằm yên. Paul thì thầm chỉ tới một con còn tơ:

- Chơi con nai gần mình nhất!

Joseph đặt tay lên súng, dăm dăm nhìn con nai nhỏ nhắn xinh đẹp. Nai đứng phô tròn vẹn một bên sườn lốm đốm trắng ra cho cậu. Một cái bia không chệ vào đâu được. Cậu trai Pháp thúc giục:

- Chơi đi chứ, nhắm ngay mục tiêu!

Nhưng Joseph không nâng súng lên. Cậu nói thật nhẹ, hai má lại đỏ bừng vì bối rối:

- Paul, anh bắn đi. Tôi có thể bắn trượt làm nó hoảng hồn bỏ chạy. Cậu trai Pháp bực mình càu nhàu thành tiếng. Trong tư thế đứng, cậu bắn với vẻ gần như tình cờ. Con nai tơ theo phản xạ lập tức chồm lên rồi vật mình xuống mặt cỏ, chết ngay tại chỗ. Paul lại bắn một con nai cái lớn hơn đang bỏ chạy trong khi lũ nai con phóng tìm chỗ nấp. Hai người Mọi khuôn vác chạy vô bãi cỏ, xách hai con nai vừa chết lên, cột vào cây sào rồi gánh lên vai. Cậu trai Pháp hoác miệng cười thật rộng, dẫn đường vào rừng. Trong một khắc đồng hồ, họ len lỏi qua cây cối men theo một lối mòn nhỏ hẹp.

Sóc Thượng họ tới gồm khoảng ba mươi sáu mái nhà dựng trên cột cao, sàn cách mặt đất chừng ba thước. Trong bóng râm bên dưới sàn nhà, heo, chó, gà nhà, ngựa và có cả vài con trâu nước già nua quây quần thành một đàn lũ hôi hám. Vừa nghe tiếng đoàn người đi tới, trẻ con Mọi đua nhau chạy ra bu quanh, bắt đầu náo nức nhảy nhót và la hét khi thấy hai con nai vừa săn được. Paul móc trong túi quần ra một vốc kẹo, ném vào giữa đám trẻ con. Chúng ré lên giành nhau, cuối cùng, những chiến lợi phẩm đó bị giật lòng vòng từ tay này sang tay nọ.

- A, rốt cuộc đây rồi! Đây, “già làng” đang tới!

Cậu trai Pháp huých cùi chỏ vô hông Joseph khi có một người Mọi cao lớn, tóc bạc, rõ ràng là tù trưởng của sóc, đang chậm chậm bước theo các nấc thang làm bằng cây rừng dẫn từ nhà sàn xuống đất. Paul đưa tay về phía con nai lớn nhất đang treo tòng teng dưới cây sào trên vai người khuôn vác rồi nghiêng mình, hoa tay vẽ thành một cử chỉ hiến tặng rất điệu nghệ.

Trên mái tóc dài của người già ấy gắn một chiếc nơ vải bạc màu. Ông nhìn cậu trai Pháp trong một lúc rồi bộ mặt phong sương nhăn

nhúm ấy chậm chậm nứt ra thành nụ cười. Và ông dơ một cánh tay lên quá đầu. Đột nhiên, từ bên trong nhà sàn sau lưng già làng vang ra tiếng cồng tiếng trống. Rồi lập tức xuất hiện một người đàn bà hai tay đưa lên một cái ché cao bằng đất.

Từ đôi môi cậu trai Pháp thoát ra tiếng thở phào thoả mãn. Cậu thì thầm:

- “*Rượu cần*” đấy!

- Cái gì?

- Rượu cần — thường thì dịu và hơi nhạt. Nhưng loại rượu cần của già làng đây làm bằng thứ gạo đặc biệt, nồng độ rất cao mà hậu ngọt lịm, chỉ người Mọi trong sóc này mới có. Ủ men ba năm — mạnh ghê gớm. Liệu cậu uống nổi không đấy?

- Tôi không biết.

- Chỉ là chuyện nhỏ đối với kẻ từng tùm cổ con khỉ lòi ra khỏi chiếc độc bình đời Minh trước mặt bá quan văn võ!

Cười ha hả, cậu trai Pháp đi theo già làng leo lên thang cây, bước vào bên trong ngôi nhà sàn dài cảnh sắc lơ mờ. Vừa đặt chân qua ngưỡng cửa, Joseph bật lên ho rũ rượi không nín nổi. Vài ngọn lửa đang cháy bập bùng, khói bốc thẳng vô cổ họng Joseph làm mắt cậu cay xè. Sàn nhà kết bằng những thân tre xếp liền nhau theo lối tiện đầu đặt đó và cậu trượt chân loạng choạng mấy lần giữa những khúc tre tròn ấy. Dưới mái lá, bắp khô treo la liệt. Khi Joseph vươn thẳng lưng lên, đầu cậu đụng một bó bắp, khiến vỏ khô cùng lũ mọt bắp tuôn như mưa xuống khắp người.

Qua ánh lửa bập bùng, Joseph thấy ra Paul ngồi xếp bằng tròn trên miếng da trâu bên cạnh già làng, và tạ ơn trời, cậu thả người ngồi xuống ở phía bên kia. Cậu nghe cậu trai Pháp thì thầm thúc giục rồi tù trưởng lăm bầm thọc chiếc cần tre dài rỗng ruột vào ché rượu, hút một hơi dài. Hút xong, ông đưa mu bàn tay quét ngang miệng còn tay kia bẻ lái qua cho Joseph. Cậu bé Mỹ do dự rồi đón cần tre cho lên miệng, nứt mạnh đầu cần. Vị gay gắt của rượu thốc lên mũi làm cậu mất thở, cuống họng thắt lại. Paul ngửa người khoái chí, lại cười ha hả, trong khi Joseph nổi cơn ho sặc sụa, phun ra hết một nửa.

Phải mất mấy phút Joseph mới về lại cõi thực. Chỉ tới lúc đó cậu

mới có thể thấy, qua lửa sáng lung linh, phần sau của ngôi nhà sàn tập thể này được chia thành nhiều ngăn nhỏ như ngăn chuồng, dành cho các bà vợ và các cô con gái của già làng. Các ngăn đều vắng vẻ còn hết thấy phụ nữ Mọi đang ngồi dọc theo vách nhà, đều tay vỗ công vỗ trống. Người nào cũng ở trần. Cơ thể họ rung nhịp nhàng theo bàn tay vỗ vào nhạc cụ. Già làng lại chuyên rượu cần. Lần này, khi rượu đốt thành một luồng gió nóng rực như lửa chạy xuống dạ dày, Joseph nghiêng chặt răng. Mắt cậu nổ đom đóm rồi tươm mồ hôi. Hơi rượu gắt tới độ nước mắt trào ra ướt đầm má. Nhưng cậu nuốt cảm giác buồn ói xuống. Và lập tức, cảm thấy lòng tự hào về bản thân bốc vút lên trời xanh.

Cả ba tiếp tục luân phiên hút rượu trong ché. Nhưng dần dần tác động của khói, rượu và tiếng trống tiếng công râm ran làm giác quan choáng váng, mắt lim dim mập mờ. Khi ché rượu cần bắt đầu chuyển tới phiên Joseph nhanh hơn, cậu mới nhận ra đang bị bỏ ngồi lại một mình bên già làng câm lặng. Lúc đó, các phụ nữ bắt đầu vỗ công vỗ trống theo nhịp điệu dồn dập hơn.

Trong ánh lửa chập chờn, một người nữ phần thân thể phía trên trần trụi loang loáng màu đồng bước tới, cúi ngực xuống sát bên cạnh Joseph, châm thêm nước vào ché rượu. Da thịt lồ lộ ấy khá gần khuôn mặt cậu. Cậu ngửi ra mùi đàn bà nồng nàn. Và đưa mắt khắc khoải ngó quanh, cậu nhìn vào cảnh sắc lờ mờ tối, tìm cho ra dấu hiệu nào đó của cậu trai Pháp đồng hành. Cậu nghĩ đã có lần mình nghe ra tiếng Paul cười rúc rích trong bóng tối. Nhưng mắt cậu không nhìn xuyên suốt nỗi cảnh nửa tối nửa sáng này.

Lúc người đàn bà đứng lên về chỗ cũ, Joseph cũng nhón chân đứng dậy. Cậu quờ quạng tìm đường ra mé sau nhà, vừa đi vừa gọi tên Paul. Nhưng từ trong bóng tối không vọng lên tiếng trả lời nào.

Sau khi lắc lư loạng choạng khoảng một hai phút, cậu trượt chân trên những lóng tre đang cài vào nhau, khuỷu đầu gối té xuống.

Rồi Joseph cảm thấy có bàn tay ai đó nâng mình lên, diu vào một ngăn nhỏ. Ở đó, cậu nằm dang tay dang chân, nhắm nghiền hai con mắt cay xè. Đầu choáng váng, cậu bắt đầu vật vờ lơ mơ men rượu. Nhưng cảm giác có thêm sự có mặt của một bóng hình khác khiến cậu mở mắt ra.

Trong ánh sáng của lửa rọi lên vách nhà rồi hắt lại, Joseph thấy nghiêng nghiêng bóng một phụ nữ Mọi hoàn toàn khỏa thân và đang quì sát bên cậu. Khi cậu nhướng mắt lên ngó, bàn tay của người nữ ấy bắt đầu hành sự, nhịp nhàng theo những động tác nào đó hồn nhiên và vụng dại. Phụ nữ này là ai, cậu tự hỏi, và tại sao lại tạo ra một ngọn lửa khác, theo cách thức của các dân tộc xa xưa? Joseph nghe tiếng những chiếc vòng thiếc kêu rộn ràng trên cườm tay khi người nữ Mọi thỉnh thoảng cúi mình xuống ngay trên nắm tay cậu, làm như thể hà hơi vào những cục than không chịu cháy đỏ. Việc ấy chỉ xảy ra một lúc nào đó trước khi cậu kịp nhận ra trên người mình không còn quần áo. Và hai bàn tay nồng nàn của người nữ ấy đang vỗ về mơn trớn thịt da trần truồng của cậu. Joseph dõi theo mọi cử chỉ của người nữ ấy, thờ ơ như đang trong một giấc mơ. Tình trạng toàn thân tê liệt dường như làm tan loãng mọi dấu vết cảm xúc trong con người cậu. Những lúc bộ mặt ấy ở trong tối, chiếc đầu ấy động đậy sôi nổi và tập trung nhưng đôi mắt ấy không bao giờ tìm kiếm khuôn mặt cậu. Dần dà, Joseph nhận ra những rung chuyển của hình bóng người nữ đang áp thật sát vào thân thể cậu. Rồi thật kinh ngạc, cậu bỗng nghe ra tiếng cậu trai Pháp nức lên như một con vật đang trong cơn quần quai. Chút sau, cậu nghe ra giọng cười râm rật của Paul. Âm thanh giòn ghẹt trong yết hầu như thoát lên từ chỗ nào đó rất sâu dưới cuống họng.

- Được rồi, Joseph, sao? Chuyện ổn thoả chứ?

Những lời ấy được nói ra rất nhẹ, bằng tiếng Pháp, sát bên tai cậu bé Mỹ khiến cậu bắt đầu ngo ngoáy người. Cậu nghe như thể có tiếng rên rỉ đau đớn âm ỉ thoát ra thành tiếng gầm gừ. Rồi những rung chuyển kể bên cậu lại tiếp tục thêm nữa.

Joseph cố đứng lên nhưng người thiếu nữ đang nghiêng bóng trên cậu lại cúi xuống gần hơn và vụng về gieo thân xác của mình xuống trên người cậu. Chính lúc đó cậu cảm giác được cái thanh xuân rất mực của cô gái. Hai bầu vú sóng đôi trên bộ ngực sẫm màu với hai chấm gọn ghẽ, sắc nét, thật cứng thật chắc. Và trong bóng tối gần như đen đặc, thịt da màu chàm đậm ấy mềm mại như lụa, không một sợi lông và rất đôi mịn màng. Đột nhiên, mùi hôi nồng nặc của trâu, ngựa, gà... và mùi chua chua của thức ăn ỉ

dành cùng với mùi khói ngai ngái, cộng thêm mùi thum thum thoang thoảng của thiếu nữ này, tất cả đối với Joseph đều hoàn toàn mới mẻ. Những chiếc vòng trên cổ chân cô gái nhảy nhót, rung leng keng và giục giã hơn. Hơi thở hăng hắc của cô bắt đầu phả nhẹ vào mắt cậu khi cô dang đùi ra, ép chiếc bụng sẫm màu đè lên bụng cậu.

Ký ức huyền ảo về lần đầu tiên đặt chân vào bóng tối của rừng xanh ẩm ướt rêu phong trước đây trong ngày bỗng thoáng bùng lên trong tâm thức lòng bùng của Joseph. Nhưng lúc này toàn thân cậu đờ đẫn buông xuôi theo những hồi hải điên cuồng, theo sự trào dâng nhức buốt của trinh nguyên và ngọt ngào của da thịt rực cháy trong bóng tối thăm thẳm của ngôi nhà sàn. Trong kích động, Joseph kêu lên, cố vạy mình thoát ra nhưng cặp đùi khoẻ mạnh của thiếu nữ Mọi vô danh kia đã quặp chặt cậu. Chỉ tới khi nhịp điệu của hai thân thể hòa làm một rồi Joseph có cảm giác rừng mình thoát xác, tuôn hết tận cùng sinh lực. Và sát bên mình có hơi thở ra thật dài, nghe như tiếng vũ trụ chuyển mình, cậu mới cảm thấy được nói lỏng. Bằng đôi tay rã rời tê dại, cậu chầm chậm gỡ thân mình ra khỏi người nữ và đứng lên, chóng mặt cúi đầu vào vách nhà. Joseph nhắm mắt lại, trong cổ họng phát ra hơi thở khò khè. Từ giữa bóng tối sát bên Joseph bật lên một tràng cười hoang dại. Tiếng cười ấy lên xuống theo nhịp tiếng trống tiếng cồng nổi tiếp nhau, không lơi không giảm, làm ngôi nhà sàn tràn ngập những thanh âm rộn ràng như tái tạo nguồn sinh lực. Một lúc sau Joseph Sherman cùng con tim mười lăm tuổi của cậu đang bơm máu với một niềm hưng phấn mới mẻ và bất chợt, cũng bắt đầu cất tiếng cười rộn ràng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 10 -

- Nào, thưa quý vị, hôm nay chúng ta lên đường đi săn trâu rừng! Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman đứng chính giữa bãi đất trống của trại săn, chân đi ủng kỵ mã, tay nắm chặt khẩu súng hai nòng loại thủ công hiệu Purdey .450. Ông kéo cho chiếc mũ đi nắng sụp ngay ngắn trên đầu mình và nụ cười tươi rói đầy tự tin làm da mặt ông nhăn nhúm thành nếp:

- Người đẹp đây hoặc cậu em sinh đôi của nó sẽ khắc những viên đạn rắn đặc vào bất cứ con trâu rừng An Nam nào lọt vào tầm đánh hơi của nhà Sherman.

Nathaniel đập đập mũi súng trường lên đầu ủng da rồi hất hàm về phía Chuck đang ung dung ôm trong tay khẩu súng trường cùng loại:

- Và trong trường hợp họa hoằn lắm tôi bắn trượt, còn có nhà thiện xạ trẻ tuổi đây với khẩu Holland đầy tử khí và khẩu Holland thần công cùng một cỡ nòng sẽ hiểm khi để nó chạy thoát. Đúng không Chuck?

Cậu con lớn khoái chí toét miệng cười:

- Chắc chắn vậy rồi bố.

- Và trong trường hợp không chắc có thật, nếu hai bố con tôi bắn trượt mục tiêu — tôi có ý nói cơ hội đó chỉ một phần triệu — tới lượt cậu thiếu niên Joseph đây với khẩu cạc-bin Winchester sẽ là kẻ rất ưu ái dứt điểm mấy con chạy lọt lại đằng sau. Đúng không cậu Joey?

Joseph giật mình ngó lên và gác đầu thật mạnh dù không nghe ra cha đang nói cái gì. Cậu đứng mé ngoài đoàn người gồm Flavia Sherman, hai cha con nhà Devraux và sáu người Mọi có nhiệm vụ dò dấu thú nhưng tâm trí cậu chỉ lơ mơ về cuộc săn sắp tới. Sáng nay, ngay từ lúc vừa thức dậy, Joseph chỉ nghĩ quanh quẩn tới cuộc gặp gỡ cô gái Mọi không quen chiều hôm qua. Hề lần nào

nhớ tới những gì đã xảy ra cậu lại cảm thấy khắp người rạo rực một luồng hứng khởi. Mùi hôi của ngôi nhà âm u, rượu gạo làm choáng váng đầu óc cùng với tiếng cười chế giễu của Paul, tất cả giờ đây quyện vào nhau làm thành một ký ức hỗn tạp và dịu ngọt. Cậu quả thật đã làm chuyện ấy. Có bao nhiêu cậu bé mười lăm tuổi ở Hạt Charles, Virginia có thể nói được câu đó? Hể lúc nào nghĩ tới cảm giác đầu tiên, ngạt ngào và mù lòa đó, như sáng nay từng nghĩ tới cả trăm lần, Joseph phải nhắm mắt lại. Trước đây chuyện ấy có vẻ gần như không thể... Nhưng lúc này cậu biết chắc chắn rằng mình đã làm chuyện ấy. Và mình có thể làm chuyện ấy thêm lần nữa!

- ...Nghĩa là, nếu hấn kèm lại được con buồn ói “rượu cần”!

Mấy tràng cười tán thưởng lời mào đầu khôi hài của cha cậu làm tắc nghẽn dòng suy tưởng về cuộc phiêu lưu chiều hôm qua. Với vẻ có lỗi, Joseph ngược mắt lên, thấy mẹ và anh cùng Paul đang nhìn mình, miệng cười tươi rói.

Tối qua khi về trại với vẻ người xác xơ vì ‘rượu cần’, Joseph nhận được nhiều lời trêu chọc ác liệt. Paul cười cười cắt nghĩa rằng cả hai chỉ nút chút ít rượu còn đọng trong chiếc cần tre để xã giao với ông tù trưởng Mọi, nhưng rượu lại chạy ngược lên đầu của Joseph. Để mọi người không chú ý sự việc đó nữa, Paul đánh trống lảng bằng cách qui cho Joseph công giết con nai và như thế, đoạt được chiến công đầu tiên của đoàn thám hiểm vì trước đó, thượng nghị sĩ đã quyết định nên sưu tập một nhóm nai. Joseph lại làm mọi người ôm bụng cười ngặt nghẽo khi cậu xin cho mình được miễn bữa ăn tối và đi thẳng về lều. Tại đó, cậu lăn đùng ra đánh một giấc say sưa, ngon lành. Tới lúc trời vừa sáng, cậu thức giấc theo tiếng thét của chim rừng và ngồi lên với cảm giác nhẹ nhàng sáng khoái từ đầu sợi tóc tới mút ngón chân.

Trước khi trời sáng, Jacques Devraux phi ngựa ra đường lộ, dắt theo một con ngựa để đón chiếc xe chở Flavia Sherman từ Sài Gòn lên. Cả hai về trại trước giờ ăn sáng. Khi chào mẹ, Joseph thót ruột, lo lắng với ý nghĩ không biết mẹ có biết chuyện ấy không. Thẹn đỏ mặt với ý nghĩ đó, cậu vội quay nhìn nơi khác, nhưng rồi dần dần cậu cảm thấy muốn, muốn kinh khủng, được chia sẻ với

mẹ bí mật của mình.

Cho tới lúc này Joseph luôn luôn tin tưởng mẹ, không chút ngại ngần, nhưng giờ đây có vẻ kỳ lạ là đang có cái gì đó khiến cậu kèm mình lại. Cậu tự nhủ có lẽ người lớn có khả năng phát hiện chuyện ấy, chẳng cần ai nói cho họ biết. Họ chỉ việc nhìn là có thể phân biệt chính xác kẻ nào đã từng và kẻ nào chưa từng làm chuyện ấy. Joseph để ý thấy rõ ràng sáng nay, khi đi dạo quanh trại, mình có khuynh hướng nghênh ngang, và lúc này cậu đang cố sức đè nén lòng kiêu hãnh đó. Rồi cậu lại ngẫm nghĩ giả dụ mẹ có biết, hẳn bà cũng chẳng để lộ chút nào.

Quả thật từ khi tới trại săn Flavia Sherman không để ý nhiều tới hai con như thường lệ. Cỡi ngựa lúc trời tảng sáng một mình với Jacques Devraux trong rừng nhiệt đới giữa cảnh đẹp thiên nhiên vô cùng quyến rũ, ban đầu trong lòng bà bùng lên cảm giác thú vị phát xuất từ niềm háo hức bị ức chế lâu ngày giờ đây dần dần dâng lên thật cao rồi cuối cùng, lắng đọng thành một tâm trạng nôn nao và đầy bối rối.

Từ buổi tối tiếp tân tại dinh thống đốc khi Flavia quay đầu bắt gặp Devraux đang dán tia mắt vào lưng mình, ký ức về cơn thèm muốn trần trụi bà thoáng thấy trong đôi mắt hấn đã và đang âm ỉ cháy trong tâm tư bà. Vì biết trước hẳn sẽ một mình ra đón nơi đường lộ, sáng nay tại lô phòng của mình ở Khách sạn Continental Palace, Flavia thức dậy thật sớm, tắm rửa, tắm nước hoa và săn sóc mình đặc biệt kỹ lưỡng. Bên trong mũ đi nắng, bà bọc tóc bằng tấm lưới móc chỉ màu đậm, mặc quần tây cụt mới may bó sát thân mình và chiếc áo đi săn cao cổ bốn túi do thợ cắt may riêng làm nổi bật vóc dáng cân đối và thanh mảnh.

Khi Flavia bước xuống xe, Devraux thận trọng chào bà đúng phép tắc. Lúc hai người bắt đầu dong cương, thái độ của hấn vẫn giữ nguyên vẻ cứng cỏi lãnh đạm. Tuy thế, bà có cảm giác trong lòng hấn cũng đang căng thẳng. Bằng trực giác, Flavia biết rằng việc Devraux giữ cho mắt đừng nhìn bà không phải vì thiếu quan tâm. Trong thâm tâm, bà cảm thấy hình như mình có phần nào chiến thắng. Cảm tưởng ấy sâu đậm thêm khi cả hai cỡi ngựa đi bên nhau qua những trảng rừng bừng sáng và im mát.

Thỉnh thoảng, trên đường mòn nhỏ hẹp, Flavia để mặc con ngựa mang bà đi lên sóng đôi với Devraux, có lẽ hi vọng rằng hấn sẽ để cho cất thành tiếng nổi đam mê đầy hứa hẹn hấn từng để lộ liễu lên mặt tại dinh thống đốc. Nhưng khi cả hai lần theo con đường về trại săn, hấn chỉ nói những câu hoàn toàn liên quan tới dấu vết của chim muông và đời sống hoang dã hấn nghĩ có thể bà đang quan tâm.

Ở chỗ bùn lầy bên sông, Devraux chỉ cho bà thấy vết chân của một con cạp ra uống nước đêm rồi. Tại một chỗ khác trên đường mòn, hấn hướng sự chú ý của Flavia tới những cành cây trụi lá và đám cỏ xác xơ, dấu vết còn lại của một đàn voi vừa kéo nhau đi qua. Mỗi khi có phát hiện nào mới, mắt Flavia lại sáng long lanh. Bà bám vào từng lời Devraux nói nhưng trên bộ mặt khắc khổ của hấn vẫn không hiện lên chút cảm xúc nào. Mắt hấn vẫn xa xôi, không chút thay đổi. Rốt cuộc, bà đành phải gọi trước chuyện riêng tư với lời nói dịu dàng bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Devraux, các con của tôi có kể cho tôi nghe rằng ông mất bà nhà trong một tai nạn sông nước bốn năm trước. Khi nghe chuyện đó, tôi cảm thấy rất xúc động.

Flavia thận trọng chọn lời với ý định phá vỡ cái rào cản lạnh lùng hình như người Pháp quyết giữ cho bằng được giữa cả hai. Nhưng Devraux không tỏ cho thấy lời gợi chuyện của bà có làm hấn dao động hay không. Thay vào đó, hấn tiếp tục né tránh ánh mắt bà và cỡi ngựa đi bên cạnh bà với nét mặt trơ cứng trong chiếc mặt nạ vô cảm thường trực. Flavia lại hỏi, nhất quyết moi cho bằng được một câu trả lời nào đó về chuyện ấy:

- Có phải sự vắng mặt của bà nhà làm ông cảm thấy đau lòng?

- Tôi đã chọn cho mình một lối sống tách biệt!

Câu đáp trả của Devraux quyết liệt tới độ làm Flavia dội ngược.

Đột nhiên bà nghe vang trong tai nhịp trái tim mình đập, cảm thấy hai gò má ran rát nóng vì sự tiến tới không giữ ý tứ ấy. Và bà rơi vào tình thế im lặng khốn khổ. Nhưng chỉ phút sau, Flavia sừng sốt khi nghe người Pháp bật ra thành tiếng. Vẫn không nhìn bà, hấn nói với vẻ hờ hững trên bộ mặt sắt đá quen thuộc:

- Công việc của tôi lấp đầy thời gian của tôi. Đời thuộc địa không

cái gì có thể đoán trước. Các tây thuộc địa người Pháp phần đông lảm chuyện, chỉ ưa ngồi lê tọc mạch. Tôi thích đi săn — và giữ mình sống tích mịch.

- Lần đầu tiên gặp ông trong buổi tiếp tân của thống đốc, tôi thấy ông có vẻ u uất.

Lúc đó, Devraux đột ngột thúc ngựa vọt lên phía trước, không trả lời. Cả hai cỡi ngựa đi tiếp một hồi lâu trong im lặng. Thái độ lạnh lùng của hắn khiến Flavia tin rằng sẽ không ai nói với ai lời nào nữa. Nhưng tới giữa một khoảng đất trống, Devraux kèm cương, xoay ngựa lại chờ bà. Lần đầu tiên hắn nhìn thẳng vào mặt Flavia. Bà thấy trong góc mắt tối đen của hắn bập bùng ánh lửa giận dữ pha lẫn đau đớn. Bắp thịt trên mặt Devraux săn vồng khi hắn nói, càng nói hơi thở hắn càng rối loạn:

- Chúng tôi cho xe xuống phà qua sông trong một sáng bão rút cuối mùa gió chướng. Nhà tôi không muốn đi nhưng tôi bảo không sao vì trước đó tôi vẫn thường qua sông trong thời tiết xấu như thế. Phà chìm. Tôi lao xuống nước nhiều lần. Có lần tôi cảm thấy tay mình chạm trúng tay áo của nhà tôi dưới đáy sông — nhưng tôi không tìm ra bà ấy. Có lẽ lúc này, Madame Sherman ạ, xin bà vui lòng đừng hỏi tôi thêm câu nào nữa.

Hắn lại dong cương vượt lên phía trước Flavia, không màng tới lời xin lỗi của bà. Và hắn giữ vị trí đằng trước cho đến khi họ tới trại. Lúc đi loanh quanh khu vực lều trại, hắn tránh mọi tiếp xúc với bà. Dù cả hai đứng gần nhau trong khi lắng nghe chồng bà nói, hắn không làm một cử chỉ nào tỏ cho thấy hắn biết bà đang có mặt.

- ...Về vấn đề điều động ai làm việc gì, ai đi chỗ nào trong rừng — thượng nghị sĩ tiếp tục — thì lời của Monsieur Devraux đây là luật! Ông ấy biết rõ địa hình địa vật. Tôi cũng không cần phải nhắc nhở quý vị rằng chúng tôi có mặt nơi đây là để sưu tập từng nhóm động vật đem về Mỹ triển lãm tại Nhà Bảo tàng Sherman. Vì thế, tôi là người quyết định ai bắn cái gì và sẽ bắn lúc nào.

Thượng nghị sĩ cười thật tươi với mọi người và đưa tay về phía người Pháp, ra hiệu cho hắn dẫn đầu lên đường:

- Nếu tất cả đã hiểu rõ thì nào, Monsieur Devraux, chúng ta khởi hành!

Đoàn người theo Devraux ra khỏi trại, đi thành hàng một và lần bước dọc theo mé sông, tìm những vũng nước ban ngày trâu rừng thích đầm mình. Dù họ di chuyển rón rén đúng theo chỉ dẫn của Devraux, những đàn vẹt dày đặc lông đen tuyền vẫn vọt bay khỏi ngọn cây khi họ đi qua bên dưới, làm bầu trời chợt tối sầm và không gian tràn ngập tiếng vỗ cánh. Các đoàn quân khỉ đang điều hành bằng những cánh tay chuyên đông đưa trên vòm cây, khi thấy đoàn người ít ỏi ấy cũng giật mình kinh hãi, vừa kêu khèn khẹt vừa phóng qua các cành trên cao, lẹ làng không kém lũ chim.

Cứ vài phút một lần, Jacques sai người Mọi dò dấu thú leo lên ngọn cây cao nhất quan sát đồng cỏ bên kia bờ sông, xem xét chi li từng điểm một, nhưng lần nào xuống họ cũng lắc đầu. Không có vũng nước nào đoàn người đi ngang cho thấy dấu vết còn mới. Và suốt một giờ không thấy bóng con thú nào.

Khi mặt trời lên cao hơn trong bầu trời xanh lơ, nhiệt độ đột ngột gia tăng, trên lưng áo sơ-mi bắt đầu thấm lấm tẩm mồ hôi. Chim rừng rũ rượi lặng im trong cái nóng càng lúc càng hầm hập. Cuối cùng, Jacques bảo mọi người dừng lại, chia nhau giải lao các bình-toong trà nguội được mấy người Mọi phụ trách khuôn vác gửi theo. Hắn nói, giọng bức tức:

- Thừa thượng nghị sĩ, tôi sẽ đích thân đi thật lẹ tới đằng trước tìm dấu mới. Hôm nay có vẻ lũ thú khôn nạn đó không tới những chỗ chúng thường lai vãng.

Vài phút sau khi đoàn người tiếp tục lên đường, mất Nathaniel Sherman bắt gặp có chuyển động trong đồng cỏ. Ông ra hiệu cả nhà mình và Paul dừng lại rồi im lặng hoa tay về phía bên kia sông, chỉ tới một đàn nai đang gặm trong đám cỏ cao. Ông nói, giọng thâm thì suýt soát:

- Nào Joseph, đây là dịp cực kỳ may mắn cho con. Vì chúng ta không tìm ra dấu vết con trâu rừng nào nên hãy cứ kiểm lấy một con trong đàn nai này đã. Để cho con nai tơ chiến công đầu hôm qua của con khỏi cảm thấy cô đơn trong nhà bảo tàng.

Joseph thoáng chút tần ngần rồi quì gối. Hạ khẩu cạc-bin trên vai xuống, cậu nheo mắt dọc theo nòng súng, nhắm phần to nhất trên cổ nai. Cậu ngoéo ngón tay vào cò súng. Nhưng thêm lần nữa, về

đẹp mỏng mảnh hiền lành của con nai ngăn không cho cậu bóp cò. Cậu hạ nòng xuống và đứng lên, chúc mũi súng xuống đất:

- Bố ạ, con không thể bắn nó dù là cho nhà bảo tàng của mình.

Trông nó tội nghiệp quá... Và cũng xin bố biết cho là con nai tội qua do chính tay anh Paul hạ chứ không phải con.

Nathaniel nhìn Joseph, mặt lộ vẻ thất vọng, đầu chậm chậm lắc qua lắc lại. Cuối cùng ông nói với một cái chép miệng cam chịu:

- Vậy thì Chuck này! Hãy tỏ rõ cho con trai của mẹ thấy làm thế nào bắn gục một con nai!

Chuck nổ súng trong tư thế đứng. Con nai nhảy dựng lên không rồi rớt xuống, nằm lịm.

- Tốt đó con.

Thượng nghị sĩ trầm lặng nói và sai một người Mọi dò dấu thú sang bên kia sông thu thập con nai ngã gục ấy.

Khi đoàn người tiếp tục di chuyển, Joseph chậm chậm bước theo sau chót. Để ý thấy vẻ mặt cùng quần của con, Flavia lách sang một bên, đi chậm lại, chờ cậu tới bên mình. Bà nói dịu dàng:

- Joseph ạ, không có gì hổ thẹn trong việc con không muốn hạ sát con vật xinh đẹp ấy. Mẹ thật sự có phần nào hãnh diện về hành động đó của con.

Joseph trả lời mẹ bằng nụ cười biết ơn nhưng khi bà đưa cánh tay an ủi quàng lên vai cậu, Joseph né mình. Cậu vẫn còn lùng bùng trong hai tai âm vang lời ngụ ý nhẹ nhàng của cha về “con trai của mẹ”. Và vì lời ấy nhức nhối còn hơn việc không bắn nổi một con nai, cậu vội vàng bước lên đi trước bà, để phòng trường hợp cha quay lại thấy hai mẹ con đang thân mật với nhau. Joseph nói thật lẹ, đưa tay chỉ con đường mòn phía trước:

- Tốt hơn là mình đi cho kịp mấy người kia, phải không mẹ?

Khi hai mẹ con vừa bắt kịp Chuck và thượng nghị sĩ, Jacques Devraux xuất hiện phía trước, trên đường mòn, đang đi ngược về phía họ. Với vẻ khiển trách, hấn hỏi khô khốc:

- Chuyện gì nổ súng vậy?

- Vì thấy không có con trâu nào nên chúng tôi săn được một con nai do tôi phát hiện trên đồng cỏ — cho một trong những nhóm động vật nhỏ hơn của mình.

Người Pháp gần giọng, danh từng tiếng:

- Với phát súng ấy của ông chắc chắn trong vòng ít nhất một giờ nữa chúng ta sẽ không bắt gặp con mồi lớn nào. Tốt nhất là đừng bắn con thú nhỏ nào cho tới khi có xong thứ chiến lợi phẩm ông đang tìm. Bây giờ, chúng ta phải sang phía bên kia sông lũng cho ra.

Devraux dẫn đoàn người tới chiếc thuyền độc mộc buộc xuôi theo bờ bên này, cách đó chừng tám trăm thước. Họ chống sào chầm chầm sang mạn bên kia. Ở đó cỏ cao quá ngực. Khi đi hết đồng cỏ quần áo họ ướt đầm mồ hôi. Trong lúc ngồi nghỉ, Jacques Devraux sai hai người dò dấu thú leo lên cây quan sát.

Joseph thấy mình không thể ngồi yên một chỗ. Cậu đứng lên, đi tới đi lui, cách mọi người một quãng. Sự việc con nai cái vừa rồi khiến tâm trí cậu xao lãng một lúc. Nhưng dần dà, cảm giác hưng phấn về hành động chiều hôm qua lại tràn ngập tâm tư cậu, xua tan mọi dần vật.

Trong khi băng ngang cánh đồng ngập cỏ, cái nóng khật khờ của mặt trời làm Joseph váng vất, những cảm giác mãnh liệt về da thịt mềm mại của cô gái Mọi không quen biết lại bắt đầu mơn trớn thân thể cậu. Lòng nhoi nhói tiếc nuối, cậu nhận ra mình chưa một lần thấy rõ mặt cô và nếu có trở lại sóc mọi đó tìm, chưa chắc mình nhận ra cô giữa đám con gái đông lúc nhúc của tù trưởng.

Trong khi quan sát người Mọi dò dấu thú lon ton leo lên cây Joseph bắt đầu mơ mộng mình sẽ trở lại nơi đó như thế nào. Mình sẽ tranh tài với hết thầy trai tráng trong sóc thượng ấy bằng những cuộc thi đấu điền kinh quyết liệt hoặc chiến công khốc liệt. Có thể là chạy đua, thách đấu quyết tử bằng giáo với khiên và thi leo cây... Mình sẽ chiến thắng oanh liệt hết thầy bọn trai làng. Bằng việc biểu lộ lòng dũng cảm tuyệt vời như thế, mình sẽ yêu cầu nàng công chúa Mọi vô danh ấy thuận ý bước ra, cho mình thấy rõ môi mắt và đưa bàn tay huyền ảo cho mình nắm lấy...

Khi hai người Mọi dò dấu thú từ chỗ cạnh chừng trên cây tuột xuống và lúc lắc đầu, Joseph bỗng nổi cơn cao hứng. Cậu hỏi Jacques Devraux xem mình có thể leo lên cây nhìn một chút bằng ống nhòm của Chuck không. Người Pháp gật đầu đồng ý, tỏ ra

chẳng quan tâm chút nào tới lời thỉnh cầu đó. Joseph lập tức đu người lên cành cây thấp gần mình nhất. Càng lên cao cách mặt đất chín mươi thước cành càng mảnh mai so với sức nặng của thân xác Joseph. Cậu dừng lại, đưa ống nhòm lên mắt.

Trong vài phút, Joseph không thấy gì dưới ánh nắng lung linh chập chờn mờ ảo nơi đồng cỏ. Kế đó, cậu nghĩ hẵn đôi mắt mình đang giờ trò phỉnh gạt mình. Một ảo tượng gồm mấy con cá voi lưng tròn tria hình như đang đùa giỡn giữa những đợt sóng cỏ màu vàng. Cậu kèm ống nhòm chia thẳng vào. Khi Joseph nhìn tập trung, lũ cá voi ấy biến thành một đàn khoảng bảy con trâu rừng đang chậm chậm nối đuôi nhau đi về hướng cậu. Chúng còn xa khoảng một cây số rưỡi nhưng với phần lưng tròn màu xám đen đang nhô lên kia thì không lầm lẫn vào đâu được.

Joseph gọi nhỏ những người phía dưới và chỉ chỗ. Lập tức một người Mọi leo lên ngọn cây khác, chăm chú nhìn theo hướng ngón tay Joseph chỉ. Rồi anh ta leo xuống bắt đầu háo hức nói liên thoảng với Devraux bằng tiếng thượng.

Gió nhẹ thổi từ phía sau đàn trâu. Jacques đưa ý kiến rằng nếu họ giữ thật thinh lặng, đàn thú ấy không thể có cảm giác mơ hồ nào về sự có mặt của họ. Con đường mòn đàn thú đang đi có vẻ sẽ dẫn chúng tới trong phạm vi một trăm tám mươi thước cách chỗ đoàn người đang núp. Và như thế, họ nên ra khỏi rừng, bò tới đồng cỏ để nổ súng khi chúng lọt vào tầm một nửa khoảng cách đó.

Gật đầu đồng ý, Nathaniel ra hiệu cho Chuck. Hai cha con khom người di chuyển vào đám cỏ cao. Joseph, dù không được vậy gọi, cũng đi theo. Cậu trườn người thật thấp, hai tay giữ chặt khẩu Winchester.

Bò qua cỏ rậm với súng ống nặng nề trong cái nóng ban ngày làm ba cha con thở hổn hển. Chuck là người đầu tiên lấy lại sức. Khi quì nhìn qua đồng cỏ, cậu kinh ngạc thấy mình đang ở quá gần đàn trâu. Khoảng cách chưa tới ba trăm thước. Cậu có thể nhìn thấy sừng trâu như những thanh mã tấu to lớn vệt ra hai bên đầu, đóng đưa trong cỏ khi chúng vừa đi tới vừa đánh hơi từng bước một.

Đây là một bầy nhỏ trong đó có hai con trâu cái khoẻ mạnh. Chuck thụp người xuống thật lẹ, háo hức kể cho cha nghe những gì mình

vừa thấy.

Nathaniel ngó đồng hồ. Mặt ông cau lại, tập trung trí óc tính toán thời gian cần thiết cho đàn trâu đi vào cự li tác xạ thuận lợi nhất. Hai phút sau, ông ra hiệu Joseph ngồi yên rồi gật đầu với Chuck. Cả hai kê súng trên vai cùng đứng lên một lượt.

Đàn trâu dừng bước, kinh ngạc nhìn hai người bật dậy từ trong đám cỏ cao chỉ cách chúng chừng tám chục thước. Con trâu đực đầu đàn vênh cái đầu sừng sỏ và đồ sộ lên, như thể phát ra tín hiệu cảnh giác. Lập tức khẩu súng trường của Chuck gầm lên rồi cậu thét lớn khoái chí khi nghe tiếng bịch của viên đạn cắm ngay chóc vào bộ ngực vạm vỡ của trâu. Lúc con trâu bị thương quay mình bắt đầu phóng bạt mạng về chỗ an toàn nơi bìa rừng, Chuck nổ súng lần nữa. Nhưng phát thứ hai trật. Bên cạnh cậu, khẩu súng trường của cha cũng cậu giật lên. Họ thấy một trong hai con trâu cái đảo qua đảo lại, rồi bắt đầu loạng choạng chạy theo con trâu đực. Nathaniel thở phào:

- Bố nghĩ chúng ta đã có được gã đồ sộ ấy và con trâu cái của hần ta, Chuck ạ. Bây giờ, tới lượt một con trâu con!

Ông cẩn thận nhắm nòng súng thứ hai vào một con nghé đang mất tinh thần quay lòng vòng. Và họ nghe tiếng bịch đùng đục của phát đạn trúng mục tiêu dội lại qua đồng cỏ. Nhưng cùng với những con trâu khác đang kinh hoàng, con trâu tơ bị thương ấy phóng như điên vào rừng, theo nhau biến mất trong bóng râm.

Chỉ có con trâu đực đang hấp hối đứng lại giữa đoạn đường chạy tới lùm cây. Hơi lão đảo, nó quay mình, đưa mắt nhìn họ chằm chặp và ác liệt, phô hần cạnh sườn. Chuck đưa mắt dò hỏi ngó Jacques Devraux vừa từ mé rừng chạy ra đồng cỏ cùng với con trai của hần và Flavia Sherman.

- Monsieur, có nên bắn bồi không?

Người Pháp lắc đầu, im lặng đưa tay lên trong một cử chỉ hàm ý: Chờ chút!

Trong hai hoặc ba phút, mọi người đứng nhìn chăm bẵm con trâu bị thương đang lắc lư trên bốn chân. Cuối cùng thượng nghị sĩ càng lúc càng mất kiên nhẫn, ông nói:

- Chuck, phát đạn ấy thật tuyệt. Nhưng bố nghĩ chúng ta phải bước

tới dứt điểm nó.

Thêm lần nữa Devraux đưa tay lên:

- Đừng tới gần. Đứng tại chỗ mà bắn lần nữa.

Chuck nạp đạn. Hết sức thận trọng, cậu bắn cả hai nòng. Thêm lần nữa cậu khoái trá nghe đầu đạn cắm phập vào thân con vật đang đứng yên. Nhưng dù lão đảo thêm trâu vẫn không ngã. Thay vào đó nó vẫn đứng, nhìn sừng các kẻ hạ sát mình trong khi máu từ hàm trâu nhều từng giọt xuống cỏ. Chỉ tới khi Chuck lại nạp đạn và bắn lần thứ ba, con vật mới chầm chậm quì xuống đất, thân lật qua một bên khiến chiếc sừng vĩ đại của nó vẩy lên cong vòng và đường bệ trên đám cỏ cao.

Nathaniel nồng nhiệt vỗ lưng Chuck. Năm cánh tay con, ông lật đặt kéo cậu tới chỗ con vật vừa bị giết. Jacques Devraux theo sau, bước chậm hơn, với con trai mình, Flavia Sherman và Joseph. Paul Devraux chỉ vào lùm cây ven rừng nơi còn để lại dấu vết của đàn trâu vừa biến mất. Mọi người thấy lộ lộ tấm lưng đồ sộ màu đen của con trâu cái đang nằm chết, nghiêng một bên, chỉ cách lùm cây chừng mười thước.

Khi họ tới gần chiếc sừng cong vòng của con trâu đực ngã quì, Nathaniel cầm bàn tay cậu con lớn giơ lên quá đầu, chúc mừng. Jacques Devraux đi theo họ, tay nắm chặt súng trong tư thế sẵn sàng nhả đạn cho tới khi thấy chắc chắn con vật to lớn ấy đã chết. Joseph và mẹ quan sát một chút rồi cả hai quay mình bỏ đi, tới xem xác con trâu cái.

Ngay lúc ấy, không người nào để ý thấy con nghé thành linh chạy ra khỏi lùm cây nó vừa núp. Rống lên thảm thiết và để lại một đường máu lóng lánh trên cỏ, con trâu non cuồng dại phóng như điên về phía trâu mẹ nằm chết, đúng vào lúc Joseph và Flavia đứng cúi đầu, đang chăm chú nhìn. Joseph bỗng ngược mặt lên, chợt thấy nghé con lao tới đột kích. Theo bản năng phản xạ tự nhiên, cậu giương súng lên, quì xuống. Nhắm dọc theo nòng súng, cậu thấy máu sủi bọt quanh miệng con nghé và nghe thật rõ hơi thở của nó phì phò vật vã theo từng tiếng rống gọi mẹ thê thiết.

Vào khoảnh khắc nổ súng, Joseph nhắm nghiền mắt. Nhưng sau khi bóp cò cậu không nghe tiếng nổ sắc gọn của khẩu Winchester

vì âm thanh ấy chìm lỉm trong tiếng gầm của khẩu Mauser trên tay Jacques Devraux. Viên đạn của người Pháp xuyên thấu sọ trâu tơ, trở từ chỗ ngay sau màng tang. Sức công phá xoáy mạnh cổ trâu, ném con vật xuống đất làm một đám bụi nhỏ bốc xoáy lên mù mịt, chỉ cách mười thước nơi Joseph còn quì bên người mẹ kinh hãi xanh mặt. Một dọn sóng rừng mình chạy dọc thân nghé rồi sau khi hắt ra hơi thở cuối cùng và sủi máu đầy miệng, nghé nằm yên. Tiếp đó, không khí im lặng như hút chặt bìa rừng và đồng cỏ. Không người nào nhúc nhích. Trong vài giây, tình trạng yên lặng ấy làm nổi bật hoạt cảnh những hình dáng con người đứng rải rác, ngậy đại giữa các hình hài xám xám đen và đầm đìa máu của ba con vật vừa bị họ giết. Đoàn người bắt đầu kéo tới đứng quanh chỗ con trâu tơ gục xuống. Không ai nói với ai lời nào cho tới khi bấy kên kên đầu tiên, đen đuôi và trụi lông, bắt đầu lờ đờ lượn vòng bên trên mỏm đá nhô lên giữa đồng cỏ cách họ chừng năm chục thước. Flavia mặt xạm trắng bệch nhưng cố nở nụ cười với con trai thứ khi cậu đứng lên. Bà nói giọng thật thấp, trước khi có người khác tới trong tầm nghe:

- Joseph, con can đảm lắm. Mẹ cảm ơn việc con vừa làm.

Joseph mặt còn tái nhợt, hai bàn tay vẫn run rẩy nhưng cậu cố giấu bằng cách nắm chặt khẩu súng trong khi mọi người tụ lại quanh hai mẹ con. Trong thinh lặng ngọt ngào, Nathaniel và những người khác nhìn xuống xác của con nghé. Chỉ lúc đó họ mới nhận ra dọc hai bên sườn trâu tơ vẫn vẹn những vết xước dài, sâu và tím bầm mà con người không thể nào gây ra nổi. Devraux nói điềm tĩnh:

- Chắc nó bị cộp vồ cách đây chưa lâu. Nó đã hoá đại sẵn vì đau đớn. May cho tất cả chúng ta vừa thoát nạn.

Nathaniel bức bối cau mày ngó xuống con vật đã chết:

- Thật tệ hại quá, làm sao có thể triển lãm với bộ da rách bươm khôn nạn như thế này!

Đưa chân lên dí dí đầu ủng vào hai chiếc sừng mới nhú của nghé, ông quay sang mỉm cười với bà vợ mặt đang trắng bệch:

- Tuy vậy, mình ạ, anh nghĩ cái đầu này sẽ thành một vật trưng bày tuy không lớn nhưng khác thường. Có thể là một vật kỷ niệm nho nhỏ cho em và cho ngôi nhà của mình nơi đồn điền — để nhớ mãi

một khoảnh khắc không dễ gì quên, phải không?

Người Mọi nào cũng mang theo một cây dao cán dài, lưỡi dài và mũi cong, tại An Nam người ta gọi là “dao quắm”. Cầm lấy dao quắm của người thượng đứng gần ông nhất, thượng nghị sĩ cúi xuống xác con nghé. Thấy việc ông dự tính làm, Flavia Sherman vội vàng quay đầu nhìn chỗ khác. Nằm một bên sừng, Nathaniel chặt mấy phát, đứt phăng đầu nghé. Đưa chiếc đầu máu chảy ròng ròng đó cho người Mọi, ông hề hả cười với Devraux:

- Monsieur Devraux, tôi nghĩ mình phải đưa xe bò vô đây càng sớm càng tốt để mang con trâu đực và con trâu cái này về lột da. Bằng không, da chúng sẽ không chịu được lâu trong cái nóng này, phải không?

Tối xế chiều, Chuck hào hứng chạy vô túp lều hai anh em ở chung. Joseph đang ngồi thừ người trên chiếc giường xếp làm bằng vải bố, hai tay chống cằm, trầm ngâm nhìn ra đường mòn. Chuck nói sôi nổi:

- Joey ơi, mấy người lột da tìm thấy trong đầu con trâu tơ của em có hai viên đạn. Viên đạn của Monsieur Devraux xuyên thủng tai trái của nó nhưng nó lãnh một viên khác — của em — ngay chóc giữa hai con mắt!

Cậu sung sướng lắc lắc vai em:

- Sao, thế nào? Lúc này ai cũng biết rõ rồi, phải không? Cái thật sự quan trọng là em bắn trực diện.

- Cám ơn anh đã nói cho em biết.

Joseph ngược lên nói và mỉm cười nhưng nét mặt cậu không tỏ dấu thật sự vui mừng. Trong một thoáng, Chuck nhìn em, bối rối. Rồi cậu nhún vai quay lưng ra khỏi lều. Sau đó, cậu hăm hở chạy băng qua trại, ra mé sau để giúp người Mọi lột da con trâu to tướng do chính tay cậu giết, một mình, chẳng cần ai phụ giúp.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 11 -

Mặt trời vừa lặn bóng tối đã lẹ làng phủ kín trại săn. Chỉ trong vài giây, ánh sáng nhạt nhoà nhường chỗ cho đêm đen ảm ướt mượt tựa nhung, như thể từ trên trời có tấm màn thành linh rủ xuống khiến mọi hình bóng bên kia ngọn đèn bão lập tức sống động hẳn lên theo những âm thanh đĩnh tai buốt óc của rừng đêm. Dưới bờ sông, một đạo quân ếch nhái nhỏ bé ồm ộp kêu vang bài ca khản đặc, đối chọi với tiếng râm ran rền rĩ không ngừng của lũ ve sâu giấu mặt. Từ chốn xa xăm đâu đó có con chim nào đó thỉnh thoảng thét lên thảm thiết như đang cơn đau đớn quằn quại.

Trong góc lều vài âm u dùng làm nhà bếp, Ngô Văn Lộc ngồi chồm hồm bên chiếc thùng đựng đồ đạc bị anh cố ý lật sập để tạm dùng làm bàn viết. Tập trung tinh thần, mặt cau lại với bàn tay lóng ngóng, Lộc nắn nót viết chữ quốc ngữ, một biểu hiện ký âm tiếng An Nam bằng chữ cái la tinh. Một loại chữ được các giáo sĩ Kitô giáo phương tây lập thành từ năm 1620 để dùng vào công tác truyền giáo, Về sau nó được cải tiến dần và hiện trở thành thứ chữ thông dụng trên cả nước vì nó dễ tập đọc tập viết. Thỉnh thoảng anh ngừng viết, liếc mắt qua lỗ xỏ dây nơi tấm vải bạt dùng làm vách, dòm chừng Jacques Devraux coi hán có còn ngồi với mấy người Mỹ săn thú quanh chiếc bàn đặt chính giữa bãi đất trống hay không.

Lộc đang nhân cơ hội họ ăn tối để cố sao chép thêm một tờ truyền đơn kêu gọi tham gia cách mạng nhằm mục đích chấm dứt sự đô hộ của người Pháp. Bản chính được soạn thảo bởi Việt Nam Quang Phục Hội, một hội kín do hoàng thân Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ mà anh tham gia từ hơn ba năm trước, lúc bị buộc phải rời bỏ đất đai ruộng vườn của mình tại Long An vì không đóng nổi thuế. Trong nỗ lực tuyển mộ thêm đảng viên tại các làng mạc hẻo lánh quanh vùng rừng đất đỏ miền đông nam bộ, anh đã

sao chép tờ truyền đơn đó ra hàng chục bản. Gấp rút ghi cho xong bản cuối trước lúc bữa ăn chấm dứt, Lộc nhìn qua khe lều, thấy vợ và hai con trai nhỏ của mình đang bước ra bãi đất trống thu dọn đĩa bát. Anh đặt cây viết chì qua một bên rồi vội vàng đọc lại những gì vừa chép:

“Hỡi Quốc dân đồng bào!

“Quốc dân đồng bào còn nhớ hay không: nước ta mất đã tám mươi năm rồi đó. Kìa hãy xem các nước Á Đông như Miến Điện, Phi Luật Tân đều đã thoát khỏi vòng nô lệ của Mỹ và Anh. Chỉ còn có một mình nước ta hiện nay vẫn để cho giặc Pháp đè đầu cỡi cổ. Giặc Tây đã man lầy có thực hiện sứ mệnh khai hoá để ăn cướp đất đai, ruộng đồng, hầm mỏ, biển cả, núi rừng của chúng ta. Chúng áp bức chúng ta bằng sưu cao thuế nặng. Chúng bóc lột tàn tệ kết quả lao động của chúng ta. Chúng đày ải, xử tử những sĩ phu và nghĩa sĩ yêu nước dám nổi lên chống lại chúng. Chúng ta bị đối xử như trâu như bò ngay trên đất nước của cha ông chúng ta. Hết thấy mọi quyền hành, hết thấy mọi lợi lộc, hết thấy mọi nguồn sinh nhai của chúng ta đều nằm trong bàn tay của bọn chúng.

“Hỡi hai mươi lăm triệu đồng bào! Chuyện ta ta phải tính sao bây giờ. Không lẽ cứ ngồi yên chờ chết, giương mắt trông của hết dân cùng. Vậy chúng ta phải kíp đoàn kết một lòng; phen này chúng ta quyết chẳng dong thứ cho quân thù. Hãy gia nhập hàng ngũ với chúng tôi để quang phục đất nước. Chúng ta không phải thuộc giống nói hèn nhát. Cha ông chúng ta trước đây đã bình Ngô, sát Thát, giữ gìn bờ cõi. Ngày nay, tại sao chúng ta cam chịu cúi đầu, làm tôi tớ Pháp như trâu như bò. Nếu chúng ta đoàn kết với nhau mấy chục triệu người, chắc chắn chúng ta phải thắng mấy ngàn thằng Tây ít ỏi. Nếu quốc dân đồng bào đứng chung một hàng ngũ, cùng chung một ngọn cờ, chúng ta sẽ đánh cho giặc Pháp thua không còn manh giáp, để quang phục xứ sở, xây dựng đất nước Việt Nam tự do độc lập và phú cường, noi gương Nhật Bản mà canh tân để nước ta không thua kém bất cứ nước nào ở đông á.

“Dù biết rằng thành hay bại là do bởi ý trời nhưng muốn nên công chuyện cũng phải do người gắng công. Vậy nay tôi có lời thành thật khuyên quốc dân đồng bào nên hợp sức đồng lòng, tham gia

hàng ngũ với chúng tôi. Người xuất của kẻ xuất công. Người ở nước ngoài vận động, người ở trong nước thực hành. Khi đó, có thêm sự giúp tay tiếp sức của kẻ khác thì chúng ta còn lo gì việc sẽ không thành công. Miễn sao cốt ở sự hết lòng thì thôi, hy vọng chỉ trong vòng năm nay là chúng ta quang phục được đất nước.”

Nghe có tiếng chân bước bên ngoài lều Lộc lật đặt xếp tờ sao và bản chính lại, giấu vô rương. Nhìn qua lỗ bát anh thấy Mai, vợ mình, đang đi tới, tay bê chồng đĩa bát vừa thu dọn trên bàn.

Tuổi chưa tới ba mươi, vợ Lộc mặc váy dài sẫm màu, phía trước ngực và bụng buộc chiếc yếm vải rẻ tiền màu nâu nhạt, để lộ hai cánh tay, vai và lưng. Bộ mặt nhà quê bè bè đầy nhục cảm. Nét gợi dục ấy cuốn hút thêm bởi đôi mắt thường nhìn xuống với vẻ cam chịu và mái tóc đen, dày mượt mà, phủ xuống tận eo, làm mảng lưng trắng khi ẩn khi hiện. Chị đi chân đất, thân thể uyển chuyển tự nhiên theo từng bước nhịp nhàng của người quen gồng gánh.

Ngô Văn Lộc nhìn quá ra sau lưng vợ, thấy Jacques Devraux chột nhướn cặp mắt đang nhìn đĩa thức ăn lên ngó theo chuyển động hông háng đong đưa của chị lúc chị từ bàn ăn đi vô lều bếp. Trong một hai giây, nét mặt của “chú bồi” trại săn người An Nam đánh lại khi ngó ông chủ của mình. Rồi anh bước khỏi lỗ nhìn lén, bắt đầu hí hoáy cạo rửa đồng soong chảo vừa dùng vào việc nấu nướng bữa ăn chiều.

Khi Mai vào tới và nhúng tay vô chậu nước xà-phòng đặt bên cạnh chồng, Lộc thì thầm với giọng háo hức:

- Hôm nay thằng Devraux nói với tôi rằng hắn sắp đi Quảng Đông lần nữa. Lần này, hắn muốn tôi đi theo để lái xe cho hắn.

Bộ mặt an phận của Mai không tỏ phản ứng nào. Lộc nghiêng đầu sát tai vợ hơn để nhấn mạnh tầm quan trọng của tin đó, đồng thời liếc thật lẹ về phía người Pháp còn ngồi nơi bàn ăn:

- Có biết việc đó có ý nghĩa như thế nào không? Nghĩa là tôi có thể gặp những nhà cách mạng của ta đang lưu vong ở Quảng Châu bên Tàu. Vừa mới xảy ra vụ liệt sĩ Phạm Hồng Thái, đồng bào ta thương cảm lắm. Các đồng chí của ta vừa uất hận, vừa lên tinh thần. Chúng ta may mắn đang ở vào vị trí được thằng Devraux tin tưởng.

Đứng bên chồng, Mai gật đầu đồng ý nhưng vẫn tiếp tục chà soong, không trả lời cũng không nhìn Lộc. Sau cùng anh hỏi, giọng có vẻ bức bối:

- Tại sao lại không để ý gì tới tin mừng đó? Bộ không hiểu tôi muốn nói cái gì sao?

Mai đáp gượng gạo:

- Có. Tôi hiểu chứ.

- Đang xảy ra chuyện gì vậy?

Trong một lúc Mai im lặng chà soong. Rồi chị lưỡng lự, hình như không dám chắc hẳn điều mình muốn nói:

- Hôm nay thằng Jacques cư xử lạ lắm. Thường ngày hẳn đâu có để ý gì tới tôi. Không hiểu vì sao hôm nay hẳn ngó tôi tới hai ba lần — mắt hẳn ngó thật là kỳ quái!

Đăm đăm nhìn vợ một lúc rồi Lộc lại dòm ra bãi đất trống. Anh chợt nhớ cái nhướng mắt của Devraux ngó theo lưng Mai, bị anh bắt gặp hồi nãy. Mai tiếp tục nói với giọng đều đều:

- Tôi nghĩ là con mụ Mỹ kia làm hẳn khó chịu sao đó. Ở chỗ bàn ăn, thằng Jacques không chuyện trò gì với mụ ta — còn mụ ta thì lâu lâu lại ngó hẳn một cách quái đản.

Lộc lật đật giải thích:

- Có lẽ lại tưởng tượng ra chuyện thôi. Tôi chắc chắn chẳng có việc gì phải lo lắng.

Lộc đưa mắt liếc xéo thật lâu, thấy Flavia Sherman đứng lên rời bàn ăn, bắt đầu đi thơ thẩn về lều của bà. Dù bà bước chậm chậm, anh vẫn nhận ra thái độ của bà có vẻ rất xao xuyến. Mấy lần bà đưa tay lên day day đầu như có ý nói rằng cái nóng quá ngột ngạt. Rồi bà dùng ngón tay chải tới chải lui mái tóc đen dài. Lộc quan sát bà hồi lâu nhưng bỗng có tiếng cười ré từng chập, vang khắp trại, làm tâm trí anh xao lãng.

Lộc quay mình, thấy hai con trai, Đồng và Học, đang ngồi chồm hổm cạnh Paul và Joseph bên mé bên kia bãi đất trống. Tiếng kêu xa xôi của con chim cô độc nào đó họ nghe từ lúc mặt trời lặn lúc này hình như sâu thẳm gấp bội. Lộc nhận ra đó chính vì Paul Devraux đang thổi ngọn cỏ rừng kẹp giữa hai ngón tay cái, bắt chước tiếng chim kêu thê thiết ấy. Anh thấy Joseph Sherman cũng

đang vận hơi phồng má, thổi ra tiếng inh ỏi như kèn đồng, tranh đua với ngón nghề điêu luyện của Paul. Chính cái trò biểu diễn khôi hài đó của hai thiếu niên Pháp và Mỹ làm hai đứa nhỏ An Nam bò nghiêng ngửa và cười sặc sụa.

Đột nhiên sợ thái độ của các con có thể làm Jacques Devraux nổi quạu, Lộc vội lao ra bãi đất trống, tới chỗ bọn trẻ. Anh vừa chạy vừa nói lớn bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Paul, xin cậu đừng chọc chúng nó cười nữa. Đã tới giờ chúng nó đi ngủ.

Anh chưa tới nơi, Paul và Joseph đã nhắc bổng hai đứa nhỏ — đứa mười một tuổi và đứa mười ba tuổi — cho mỗi đứa ngồi lên vai mỗi cậu rồi hò hét cổ vũ chúng giao đấu nhau bằng hai chiếc đĩa lấy trên bàn ăn. Thêm lần nữa Lộc đưa mắt lo lắng nhìn về phía Jacques Devraux.

Thấy Lộc khẩn khoản mãi rằng đã tới giờ chúng phải đi ngủ, Paul phi như ngựa tể qua bãi đất trống với chú nhỏ Đồng túm chặt tóc trên đầu rồi thả nó, đang cười nắc nẻ, xuống manh trải dưới đất. Joseph cũng làm y như vậy với Học. Khi tiếng cười đùa giòn giã lắng xuống, Paul và Joseph chào hai chú nhỏ An Nam, chúc ngủ ngon. Rồi cởi áo sơ mi vắt lên vai, hai cậu đi tới cái bục bằng tre dùng làm bàn lột da, nơi Chuck vừa quay lại tiếp tục lột da con trâu đực của mình.

Trong lều, bên cây đèn bão, tâm trí của Flavia Sherman cũng bị xao lãng vì tiếng huyền nào vui nhộn ấy, không thể tiếp tục đọc sách. Bà rút đi tới cửa lều mở sẵn. Chiếc áo đi săn dán sát da lưng. Và bà cảm thấy mồ hôi tươm thành dòng, nhỏ từng giọt trong khe ngực. Từ một chốn xa xôi nào đó nổi lên tiếng sấm, rền thành chuỗi qua bầu trời đen kịt. Đột nhiên Flavia luồn các ngón tay vào trong tóc rồi đưa hai tay ôm chặt thái dương cho tới khi bật hẳn tiếng sấm rền.

Ở chính giữa trại, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman vẫn ngồi một mình bên bàn ăn nhâm nhi ly cô-nhắc thứ ba sau bữa ăn căng bụng. Trong lúc ăn tối ông uống thật nhiều rượu: “để ăn mừng con trâu mạnh bạo và ngon lành của Chuck”. Flavia nhận thấy kết quả là thái độ của chồng càng lúc càng ồn ào và cởi mở hơn. Mé xa bên

kia trong khu vực trại, tại bụi lột da, bà thấy thấp thoáng bóng dáng Jacques Devraux đang ở trần, bắt đầu tiếp tục công việc lột da. Bỗng dưng cảm thấy mình không thể ở lại trong lều thêm nữa, bà bước ra khỏi lều, đi thơ thẩn qua bãi đất trống.

Dừng chân bên chiếc xe bò hồi chiều chở ba xác trâu bị bắn gục từ đồng cỏ về, Flavia đứng quan sát mấy người đàn ông đang lột da chúng. Những người Mọi tóc xoắn đóng trên mình vón vện một mảnh khố. Khi họ di chuyển với cử động tràn trề nhựa sống, hai bắp đùi trần loang loáng dưới ánh đèn. Bên cạnh họ, thân thể hai con trai của bà nước da trắng nhợt cũng ánh lên màu gần như lấp lánh đen. Tấm lưng rộng bè bè của Chuck trong từng chuyển động đứng lên cúi xuống khi làm việc có thể cho thấy rõ lòng kiêu hãnh của cậu về việc đã bắn được con thú ấy. Đứng kế bên anh, Joseph vóc người mảnh khảnh hơn, cũng làm những động tác giống y như anh nhưng trông không nhiệt tình bằng.

Nửa trên thân trần của người Pháp chắc nịch, đầy sinh lực. Flavia đoán Jacques Devraux trạc tuổi mình. Các bắp thịt vai và cánh tay hằn sần chắc, gân guốc, hết co lại duỗi như những sợi thừng bện thật chặt, xoắn lấy nhau và tấm lông lánh những hạt mồ hôi như hạt đậu từ trong da ứa ra. Dưới ánh sáng lung linh của mấy cây đèn bão treo bốn phía, Flavia có thể thấy một vết sẹo trắng nhợt, bóng láng, do săn bắn hoặc chiến trận, từ yết hầu hằn trở xuống, chạy vắt qua sườn. Trong vài phút người đàn bà Mỹ đứng yên lặng ngắm hấn, lòng lại thấy rung động những rạo rục gần như đã lãng quên từ lâu. Còn Devraux, nếu có để ý tới sự có mặt của Flavia hấn cũng không để lộ chút dấu hiệu nào.

Khi họ đã lột và móc hết mỡ bên trong da trâu, Jacques Devraux chỉ dẫn những người khác cách xát bột thạch tín để xua ruồi nhặng, không cho chúng bu vào da. Dần dần, mùi hôi nồng nặc của xà-phòng thạch tín cùng với đủ loại mùi khác, mùi mồ hôi người, mùi mỡ thú vật, quyện vào nhau, lơ lửng thấm đẫm không khí. Từ chón xa xa, lại rền lên tiếng sấm như cộng thêm âm hưởng trầm hùng vào dàn nhạc đỉnh tai buốt óc của rừng đêm nhiệt đới. Trong vài giây, Devraux ngẩng đầu, nghe ngóng.

Đoán trước thế nào cũng mưa, Devraux bảo người Mọi móc da

trâu lên sào và chuyển gấp chúng vào lều vải bạt dựng kế bên. Tại đó, hắn tháo vài bao muối, ra lệnh mấy người thượng khởi sự sấy khô da trâu. Thấy họ làm đúng ý mình, hắn cầm chiếc sọ con trâu đục lên, mang ra bờ sông. Lợi xuống nước bùn và ẩm tới ngang đầu gối, hắn rút con dao sẵn to bản gài bên đai lưng ra, bắt đầu lóc thịt.

Người đàn bà Mỹ cũng rảo bước tới bờ sông, thâm lặng quan sát hắn. Khi những mảnh vụn thịt sống trôi lênh bênh theo dòng nước, Flavia thấy mặt nước sủi bọt trắng vì những đàn cá háu ăn đang tranh mồi. Ngây ngậy và tởm lợm, bà miên man ngắm cảnh tượng rùng rợn đó, môi hé mở, mắt long lanh như xuất thần. Kế đó bà đưa mắt nhìn người Pháp, cất tiếng nói dịu dàng bằng ngôn ngữ của hắn:

- Monsieur Devraux, thật vinh dự cho chúng tôi khi ông vì cuộc thám hiểm của chúng tôi mà làm việc đêm hôm như thế này.
- Nếu chúng tôi không bắt đầu sấy da lúc này, nội vài giờ nữa thôi cái ẩm và cái nóng sẽ làm hỏng hết mọi công khó của chúng ta. Ngừng tay lâu một chút, Devraux nhìn thẳng mặt Flavia rồi cúi xuống tiếp tục lóc thật sạch sọ trâu bằng những đường dao gọn gàng, chính xác. Bà nói, giọng thật trầm:
- Tôi cũng muốn cảm ơn ông vì điều ông đã làm chiều nay. Phát súng giết con trâu bị thương đó thật tuyệt vời.

Người Pháp lợi khỏi mặt sông, lên đứng trước mặt Flavia. Bà đứng mé bờ phía trên hắn, chân đi ủng, hai tay thọc trong túi chiếc quần cụt bó sát người. Trong một thoáng, Devraux nhìn bà bằng tia nhìn ngắm nghía như hắn đã từng lén lút ngó bà trong buổi tiếp tân tại dinh thống đốc. Rồi hắn tra dao vào vỏ, vừa nói vừa nhìn chiếc sọ toả ánh lập loè dưới bàn tay trái.

- Madame Sherman ạ, tôi nghĩ có lẽ bà sẽ cảm thấy dễ chịu hơn nếu lúc này bà quay về khu trại của mình. Chúng tôi sắp tự tay liệng bỏ máu và mỡ trâu trong khi tắm sông.

Khi Devraux ngược mắt nhìn Flavia lần nữa, đôi môi mỏng của hắn đã trở lại đường lằn khắc nghiệt thường ngày; lập tức bà quay mình cất bước. Từ trong lều, bà nghe hắn gọi mấy người Mọi và hai con trai của bà. Lát sau, tất cả đều cởi quần áo, trần truồng

phóng mình xuống sông. Trong vài phút, bà nghe tiếng nước họ té nhau, tiếng cười vang mặt sông, rồi khu vực trại dần dần im ắng trở lại.

Chuck và Joseph, người đỡ ửng, tóc rối bù ướt đầm, ló đầu vào lều chúc mẹ ngủ ngon. Sau khi các con về lều riêng, bên cây đèn bão Flavia cố mở sách ra đọc. Nhưng lúc này nghĩa chữ trong sách không đủ sức mạnh át tiếng giòn giã của những khẩu súng săn bà nghe nổ trở lại trong óc não mình. Qua con mắt tâm trí, bà thấy lại thân xác đồ sộ nặng nề của con trâu đực đang vật vã trong cỏ với cái chết dữ dội của nó, thấy thêm lần nữa con ghé mắt mẹ đang cuồn dập lao tới phía bà, và bầy kên kên đen đuổi trụi lông từ lưng chừng trời lơ lờ chao xuống. Hết thấy những hình ảnh ấy xô đẩy nhau trong tâm trí Flavia làm lòng bà lâng lâng một cảm giác xao xuyến mơ hồ, càng lúc càng dâng lên thật cao theo cơn bão đang tụ về.

Khi có tiếng Jacques Devraux cùng chồng mình cụng ly rượu sau cùng bên bàn ăn giữa bãi đất trống, Flavia cố lắng tai nghe cuộc nói chuyện của hai người. Vẫn không nghe ra họ nói gì nhưng rõ ràng người Pháp lâu lâu mới đem vào tiếng ậm ừ để ngắt quãng lời nói lê thê lẽ nhè của Nathaniel. Cả hai trò chuyện theo kiểu rời rạc đó trong ít phút rồi khi nghe họ chào nhau đi ngủ, Flavia vội vàng chui vào mùng bên chiếc giường dành riêng mình. Bà nằm xuống, để nguyên quần áo.

Bên trong lều mé bên kia khu trại Ngô Văn Lộc cũng nghe hai người ấy chào chia tay nhau. Anh tiếp tục cảnh giác canh chừng Jacques Devraux trong khi vất vả sao thêm một tờ truyền đơn vận động tham gia cách mạng. Rồi ngừng viết, anh dòm chừng người Pháp đang đi về phía lều mình. Phía cuối lều, Mai ở trần, ngồi xỏm rửa mình bên thau nước. Nghe Lộc thỉnh thoảng xuyết tiếng báo động, chị đứng lên, lẹ làng vớ chiếc khăn che bộ ngực trần. Liếc nhìn lui, Mai thấy chồng luống cuống giấu vội cây bút chì và tờ giấy anh đang viết. Mấy giây sau, Jacques Devraux đột nhiên thò nửa người vào tấm liếp vải che cửa lều. Mai then thường cuống cuống quay mặt nhưng vẫn cảm thấy tia mắt của người Pháp làm rờn rợn da lưng của mình. Chốc lát sau, chị nghe hắn nói cụt ngủn:

- Bảo Mai hai phút nữa tới lầu tôi. Tôi muốn ra lệnh về việc nấu nướng ngày mai. Nói nó đem theo cả kim chỉ.

Khi Devraux đi rồi, người đàn bà An Nam quay sang nhìn chồng. Ánh mắt của chị run rẩy:

- Tôi sợ quá. Trước đây có bao giờ hấn gọi tôi tới vào giờ này ban đêm đâu!

Tránh đôi mắt vợ, giọng Ngô Văn Lộc cam đành:

- Nếu chúng ta không làm theo lời hấn tôi có thể mất cơ hội đi Quảng Đông, mà việc đó rất quan trọng cho đại cuộc. Mặc áo vô rồi đi lẹ lên. Tôi tìm kim chỉ cho.

Cẩn thận không làm giật mình các con đang nằm co hai chân ngủ trên chiếu, vợ của Ngô Văn Lộc mặc yếm, vuốt tóc rồi cúi thúi ra khỏi lầu, không nhìn chồng.

Nathaniel Sherman vấp chân suýt té ngoài cửa lầu. Flavia nghe tiếng chồng lâu bầu chửi thề và sờ soạng hồi lâu nơi tấm liếp chặn cửa. Vào được bên trong, ông chậm chạp tháo giày, cởi quần áo rồi lê người tới bên chiếc giường dành riêng cho vợ. Nathaniel nhếch mép cười với bà trước khi lão đảo đáp người xuống giường.

Bên ngoài, tiếng sấm rền lớn hơn, mưa bắt đầu nhỏ từng giọt kêu tí tách nơi mái lá trên đầu hai vợ chồng. Nathaniel nghiêng đầu về phía Flavia, gần tới độ bà ngửi ra mùi cô-nhắc trong hơi thở ông.

Thượng nghị sĩ nói, lưỡi mười phần lú hết chín:

- Mình ơi! Em vẫn là một phụ nữ... xinh đẹp... nhất thế gian! Anh biết rằng không phải lúc nào anh cũng làm đúng vai trò một người chồng mà anh thật sự muốn làm với em... nhưng như vậy... không có nghĩa là anh không tán thưởng, không ngưỡng mộ nhan sắc tuyệt trần của em... Em có biết cho... như vậy... không...?

Flavia nhắm nghiền mắt, cố giấu thật kín cảm giác ghê tởm khi Nathaniel áp chiếc miệng rộng mở lên đôi môi bà và bắt đầu sờ soạng hàng nút trên chiếc áo đi săn bốn túi bà đang mặc. Sau đó, ông luồn tay vô nịt ngực của Flavia, bắt đầu xoa nắn một bên ngực. Nhưng thay vì cảm ứng, bà nằm bất động và chờ, như bà vẫn thường làm. Từ từ, cử động của bàn tay Nathaniel lơ lửng, nhịp thở của ông đều đặn. Cuối cùng, khi ông nằm yên, Flavia gỡ tay ông khỏi y phục xô lệch của mình, trườn ra khỏi bên dưới người ông.

Lập tức, ông lăn ngửa người ra giường của bà, nằm xuôi chân xuôi tay, bắt đầu ngáy vang.

Ngay lúc đó, mưa bắt đầu nặng hạt, rơi lộp độp rồi đổ ào ạt xuống mái lá bên trên làm chìm lĩm mọi âm thanh khác của đêm. Trong một hai giây, Flavia lưỡng lự. Rồi không nhìn quanh, bà giựt tung sợi dây buộc liếp cửa, bước ra ngoài lều.

Mưa tuôn xối xả dầm dìa mặt đất khô. Chỉ trong mấy giây, tóc Flavia ướt đẫm, dán sát hai bên má. Chớp loé hình chữ chi trên đầu làm toàn khu trại sáng rỡ như ban ngày. Tiếp đó, qua màn đêm dày đặc, tiếng sấm rền tới, điếc tai. Trong ánh chớp chói lòa Flavia chạy băng mình qua bãi đất trống lênh láng nước, không dừng lại, cho tới khi đến trước cửa lều của Jacques Devraux.

Bên trong, cây đèn bão treo cao giữa lều vẫn lung linh sáng. Vì Devraux không buông mừng, ánh mắt Flavia lập tức rơi trên thân thể màu vàng mảnh dẻ của vợ Ngô Văn Lộc đang căng ra bên dưới người hấn, dán sát mặt giường. Lúc bà bước vào, Devraux đang ngó về phía liếp cửa. Hấn chừng lại khi thấy Flavia. Bà im lặng chăm chăm nhìn đáp trả tia mắt hấn. Trong cùng một khoảnh khắc, bà vừa kinh hoàng vừa rung động khắp người. Thấy Flavia không bỏ đi, Devraux nhịp tiếp, nhịp sâu hơn, ban đầu chậm, sau dồn hết sức mạnh, nhịp nhanh hơn. Không biết bao nhiêu lần hấn dồn xác thịt của hấn dập xuống thân thể người đàn bà An Nam. Trong khi cơ thể chuyển động càng lúc càng nhanh, Devraux kèm ánh mắt hấn gắn chặt vào mặt Flavia Sherman, thách thức.

Đứng chôn chân tại chỗ, Flavia nhìn lại Devraux như thể bị thôi miên. Bà chăm chăm ngó da mặt hấn đang căng ra chăm chăm trên xương gò má. Dần dần, ngang chỗ mấy só thịt thắt lưng trần truồng của hấn, nhịp dập xuống thúc bách hơn, loạn cuồng hơn. Khoảnh khắc cuối cùng của cơn co giật, nét mặt Devraux dẫn ra, dàn rộng thành một chiếc mặt nạ dát mỏng. Giữ nguyên tư thế bất động trong một lúc, lưng hấn ưỡn lên, răng hấn cắn chặt, môi trề ra, miệng há hốc im lặng giữa phút quại xuất thần. Rồi người đàn bà An Nam bắt đầu khóc nức. Sau cùng, Devraux dịu lại, cắt mình khỏi người chị. Vẫn thăm lặng khóc tủi thân, từ trên giường chị trườn mình xuống mặt đất nhóp nhúa. Lật đật quơ mấy mảnh

váy và yếm bị xé tả tơi, chị vọt ngang người đàn bà Mỹ, chạy vào mưa.

Vợ Lộc vừa bỏ chạy, Flavia Sherman đưa tay sờ soạng búp nịt của mình. Nhưng tay bà run lẩy bẩy không kèm lại nổi. Phải mất khá lâu bà mới cởi xong quần áo. Jacques Devraux ngắm nghía Flavia khi bà từ trong bộ y phục ướt đầm bước ra. Dưới ánh đèn bão chớp chònh, cơ thể trần truồng của Flavia lấp lánh nước mưa pha lẫn mồ hôi. Khi thấy tia nhìn thèm khát trong mắt hắn, bà khuyu đầu gối quì xuống bên hắn.

Với sự dịu dàng Flavia không ngờ, người Pháp vòng hai tay ôm người bà, đỡ bà lên bên hắn trên giường. Trong một thoáng, cùng ánh kỳ lạ loé lên trong đôi mắt đỏ ngầu, Devraux nâng đầu Flavia trong hai bàn tay mình, tìm khuôn mặt bà. Rồi hắn kéo bà sát vào mình, hôn thô bạo lên môi bà.

Flavia bắt đầu rên lên khi hắn vuốt ve thân thể bà. Và khi hắn nhập vào bà, bà thét lớn như thể đau đớn cực độ. Cùng với tiếng gầm của cơn bão đang ập tới âm vang đầy tai mỗi người, cả hai buông xả thể xác cho sự ham muốn dữ dội sau nhiều năm cô độc, nay kích động mê loạn với những nhịp điệu điên cuồng trong cơn xuất thần mãnh liệt, hết đợt này tới đợt nọ.

Đôi khi Flavia nức lên như đang quằn quại thống khổ và dù cơn bão nhấn chìm hầu hết tiếng rên rỉ của bà, Joseph vẫn nghe loáng thoáng tiếng mẹ kêu rầm rứt khi cậu đứng ngoài túp lều của Jacques Devraux trong trời mưa bão như trút nước.

Không ngủ được Joseph chống liếp cửa ngược vào phía trong lều mình, đứng ngắm cảnh tượng bão và giạt mình trông thấy mẹ lao người qua bãi đất trống ngập nước dưới ánh chớp chói lòa. Nghĩ rằng có thể mẹ cần mình giúp, cậu lật đặt mặc quần áo, tắt tưới chạy theo mẹ. Nhưng khi tới bên ngoài túp lều của người Pháp, cậu dừng lại, hốt nhiên sợ hãi.

Thoạt đầu, khi mới nghe tiếng Flavia thét lên, Joseph nghĩ hình như mẹ mình đang thống khổ. Và tưởng bà ngã bệnh, cậu dợm chân muốn rướn tới mấy bước nữa như có ai thúc sau lưng. Rồi cậu cảm thấy choáng váng mặt mày khi nghe ra, một cách khủng khiếp, dấu vết hoan lạc trong những tiếng kêu rên như nghệt thờ

kia. Âm thanh ấy chớp nhoáng chiếu lại trên màn hình tâm trí Joseph cảnh sắc mịt mù nơi nhà sàn sọc thượng chiều hôm qua. Paul với cổ họng nghèn nghẹt. Joseph hồn hển lẫn lộn. Tiếng thở dài của người nữ bên cạnh như tiếng vũ trụ rùng mình. Trong vài phút, Joseph đứng yên bên ngoài lều, mình mẩy ướt sũng, lắng nghe những tiếng rên rỉ cuồng nhiệt đó với cảm giác càng lúc càng hiu quạnh. Rồi cậu tê dại quay người, bì bõm lội qua khu trại lênh láng nước về lại lều mình.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 12 -

Quang cảnh thanh bình xa xa như chốn địa đàng rộng mở bên kia cửa sổ chiếc Citroesn B-2 mũi cong của Jacques Devraux khi xe đông đưa, lúc lắc vượt hết đỉnh đồi này sang triền dốc nọ trong vô số ngọn đồi trùng điệp nối tiếp nhau dọc Con Đường Cái Quan.

Ở một phía ven con đường thiên lý cổ xưa chạy dọc duyên hải từ nam ra bắc nối liền Sài Gòn và Hà Nội, những vách đá dựng đứng nhìn xuống bờ biển lấp lánh bãi cát trắng xoá với rèm buồm là những hàng dừa xanh mượt lá rủ dịu dàng. Xa xa phía dưới, trên mặt phẳng như gương của Biển Đông, những thuyền mảnh buồm cánh dơi kiểu An Nam lơ lửng chập chờn trông như đồ chơi trên một mặt hồ màu lam ngọc. Trong đất liền, những lườn đất đỏ cao nguyên Trung kỳ chia các đỉnh màu tía lên trời chiều. Bên ngoài xe, phong cảnh núi cao và biển rộng xinh đẹp lạ thường nhưng cả Joseph Sherman lẫn mẹ đều chỉ đưa mắt nhìn lướt một lần.

Từ lúc rời trại săn sóc sớm nay hai mẹ con vẫn chìm đắm trong những nghĩ tưởng riêng tư của mỗi người, hầu như chẳng ai trò chuyện với ai. Flavia Sherman còn vật vã với những cảm giác rợn rùng đã làm bà thao thức rất lâu sau khi về lại lều của mình giữa rừng khuya mưa bão đêm qua. Vào lều, thấy chồng vẫn nằm ngáy trên chiếc giường dành riêng cho vợ, bà sang giường của ông, nằm xuống, duỗi thẳng người. Nhưng giấc ngủ không đến. Trước khi còn lâu mới rạng sáng, bà quyết định mình phải rời trại săn sóc nhất có thể được.

Lúc Nathaniel Sherman thức dậy, nhận ra mình đang nằm ở giường của ai, ông then thùng nhìn vợ rồi đồng ý ngay lời yêu cầu của Flavia được dùng xe hơi ra kinh thành Huế, nơi hai ngày nữa hoàng đế An Nam sẽ cử hành lễ hội Tết Nguyên Đán. Joseph tình nguyện đi theo mẹ. Nhưng khi xe chuyển bánh chưa được bao lâu, Flavia nhận ra thái độ xa cách của con trai đối với mình. Tình trạng

đó khiến lòng bà vốn đang xốn xang lại càng thêm hoang mang. Trong khi Ngô Văn Lộc lái xe chở hai mẹ con nhắm hướng phương bắc, Flavia càng muốn cưỡng lại chừng nào, tâm trí lại càng miên man nghĩ ngợi chừng đó tới cơn mê loạn giữa trận bão rừng khuya đêm qua, tới nỗi ray rứt sợ hãi rằng mình không thể nào dứt bỏ được tính bốc đồng điên rồ của mình. Cứ mỗi lần nhớ lại, thân xác bà thêm lần nữa đầy ứ cảm giác bùng bùng, ngáy ngất và ngọt ngào tới độ không thể ung dung ngồi thật yên trên nệm xe lâu quá vài phút.

Flavia thấy mình đang tìm về ngày tháng son trẻ, truy tầm cho ra lý do giải thích những ám ảnh vị kỷ và mù loà đã và đang siết chặt mình kể từ khi cả gia đình tới xứ nhiệt đới thuộc Pháp này. Bà tự hỏi không biết căn nguyên chính có phải vì sự phá sản và cái chết của phụ thân do tự tay ông gây ra trong cuộc khủng hoảng giá cả bông gòn tại Louisiana năm 1889, lúc bà mới lên hai. Nếu ông còn sống có lẽ người mẹ khánh kiệt của Flavia đã không cố van nài con gái chấp nhận lời cầu hôn của người thừa kế cơ nghiệp thuốc lá Sherman. Và có lẽ những thói tục gò bó nơi đồn điền Queen Anne của dòng họ Sherman đã không áp đặt lên người thiếu nữ khốn khó mười bảy tuổi nếu bà mẹ mắc bệnh trầm cảm của cô ta không quá hồ thẹn vì những điều kiện sống túng quẫn trong ngôi nhà thuê ở vùng giáp ranh miền Creole tiểu bang New Orleans.

Chuyến đầu tiên của chuỗi đi săn khắp thế giới nhằm sưu tập dã thú cho Nhà Bảo tàng Vạn vật học do nhà Sherman mới xây tặng — một miếu đền mới nhất trong các miếu đền được dựng lên để tán dương sức mạnh và tính cương cường nam nhi của dòng dõi Sherman — đối với Flavia, đã dường như hứa hẹn một cuộc tiêu khiển thú vị, thoát khỏi lễ thói trì độn thường ngày tại Tidewater vùng Virginia và ngôi nhà có tính tiện nghi chính trị tại

Georgetown. Nhưng rồi vẻ lạ lùng của vùng nhiệt đới cùng những sáng khoái muôn hình muôn vẻ của nếp sống văn hoá trong đó bà đã lớn lên và gần như đã quên lãng khiến trong lòng bà càng lúc càng bốc thật cao cảm giác được giải phóng khỏi tâm trạng võ mộng của một thời quá khứ nơi quê nhà.

Sự bất chợt lao mình vào rừng xanh với tâm tư đầy xáo trộn trong

cái nóng ngán ngật và ẩm ướt của Sài Gòn đã làm Flavia nhận biết mãnh liệt về thân xác mình hơn bao giờ hết, kể từ thuở dậy thì khi da thịt rạo rức như hâm hấp sốt. Có lẽ chuyến đi này cũng nhắc nhở bà một điều hiển nhiên và kinh hoàng rằng chỉ vài năm nữa thôi, sắc đẹp của bà sẽ tàn phai. Tất cả những niềm hy vọng và những nỗi sợ hãi bị phóng đại thêm lên ấy kết hợp nhau làm phát sinh một tâm trạng buông thả vốn hoàn toàn xa lạ đối với bà, để cuối cùng, nó tự tìm thấy điểm tột đỉnh trong cơn bão rừng đêm qua.

Flavia nhắm mắt lại trong khi ký ức đó thêm lần nữa sống động tràn ngập tâm trí. Bà lại cảm thấy lòng mình dấy lên nỗi hoang mang sợ hãi khi nghĩ rằng tia lửa khởi động điên rồ dữ dội ấy có thể sẽ tiếp tục sống bên trong con người mình lúc cuộc đời sắp bước sang tuổi trung niên. Trong khi mừng tượng mình có thể cảm thấy ngọn lửa cuồng nộ sắc lẽm đó đang bùng cháy tận chốn sâu thẳm nơi cung lòng mình, người bà lại thêm lần nữa bồn chồn bứt rứt trên nệm xe.

Ở đầu ghế đằng kia, Joseph cũng thấy mình đang vật vã với một cảm xúc hoang mang không chịu nổi. Cậu không thể kết hợp ổn thoả những tiếng rên rỉ kinh hoàng và loạn cuồng cậu nghe đêm qua với bất cứ điều gì cậu từng biết về mẹ. Cho tới thời điểm đó, đối với Joseph, bà lúc nào cũng là nơi cậu ẩn náu, rất bình yên và rất an ủi. Trong con người tưởng như hoàn hảo và đầy vẻ tự mãn của mẹ, bà luôn luôn là một nguồn suối yên tâm không bao giờ cạn. Hễ bất cứ khoảnh khắc nào Joseph cần tới, bà sẵn sàng tuôn trào lòng từ ái của một người mẹ, tắm mát con với một tình thương không chút ngại ngùng.

Việc cha ưu ái Chuck khiến Joseph ngày càng hướng về mẹ, tìm khuây khoả. Nhưng đêm qua, một sự vi kỷ nào đó ngoài sức tưởng tượng, đã kích động mẹ tự đẩy đưa mình vào một hành vi đào ngũ kinh hoàng. Sự cố đó cũng xô đẩy Joseph bắt đầu rơi vào một tình huống rối loạn, xáo lộn sâu xa vì những nguyên cớ cậu không thể hiểu. Dù người mẹ ngồi cách cậu chỉ chưa đầy nửa thước ở đầu kia ghế xe, đang cố mím miệng cười với con, nhưng cậu cảm thấy mình đã bị phản bội, không cắt nghĩa nổi. Joseph quả thật không

thể hiểu thấu những gì vừa xảy ra và lý do của chúng. Nhưng cậu cảm thấy mọi sự sẽ chẳng bao giờ còn như cũ. Có cái gì đó xa cách đã xuất hiện giữa hai mẹ con và sẽ chẳng bao giờ tháo gỡ nổi cái đó. Joseph cảm thấy cô độc, không gì bù đắp nổi, và người phụ nữ đang ngồi bên cạnh cậu đột nhiên có vẻ là một người hoàn toàn xa lạ.

Thỉnh thoảng, hai mẹ con lại bắt gặp những đám dân quê An Nam gồng gánh đi lại xuôi ngược không ngừng giữa chốn phố chợ và đồng ruộng hoặc túa ra từ những đình làng hay chùa chiền nhỏ bé. Joseph cảm thấy những gì xảy ra đã, bằng cách nào đó, đang từ từ ràng buộc cậu dính chặt mãi mãi vào xứ sở đẹp kỳ lạ, nóng như thiêu như đốt này và về mọi mặt, quá đời xa lạ với cậu.

Những hình ảnh quần bách mấy ngày vừa qua bắt đầu chỗi dậy trong tâm trí Joseph. Thêm lần nữa cậu thấy gã tây thuộc địa tàn nhẫn vung roi quát tới tấp mấy người tù đang khuy xuống giữa còng xe kéo chở đá thải tại Sài Gòn. Cậu nhớ lại cảm giác kinh hoàng khi tưởng rằng mình đang thấy cảnh tượng các cu-li bị tàn sát, nằm chết la liệt trên bến cảng bên sông Sài Gòn lúc con tàu chở gia đình cậu sắp cập bến. Cậu nghe thêm lần nữa tiếng huých của chiếc Citroësn húc trúng bụng thẳng bé nhà quê trên đường lên trại săn.

Niềm hưng phấn Joseph cảm thấy hôm kia trong cuộc phiêu lưu quá hấp dẫn với cô gái Mọi lúc này bỗng dường như làm cậu hồ thẹn. Cậu bắt đầu tự hỏi phải chăng thái độ ngênh ngang quá đáng của mình sau đó chính là nguyên cơ trực tiếp đưa tới tình thế mẹ và cậu đột nhiên lâm phải hiểm nguy nơi đồng cỏ. Cậu khẳng định rằng chính thái độ ngênh ngang ấy đưa tới cái chết của ba con trâu rừng bất hạnh.

Trước khi hai mẹ con rời trại săn, Joseph thấy da của con trâu đực và con trâu cái bị lột sạch sự sống, treo tựa mấy miếng giẻ rách đen đui rũ rượi trong lều sấy, máng kế bên là những chiếc sọ không mắt, trắng hếu của chúng. Và bỗng dưng cậu cảm thấy phiền muộn với ý nghĩ rằng mình chính là kẻ chịu trách nhiệm. Chỉ mới hôm qua thôi, những con vật đường bộ ấy còn vênh vênh sừng nổi đuôi nhau đi không chút nghi ngại qua đồng cỏ cao với dự tính

cả bầu đoàn sẽ đến một chốn im mát nào đó, sung sướng đầm mình bên nhau dưới một vũng nước hoang dã trong cái nóng ban ngày. Thế rồi theo con bốc đồng khủng điên của mình, cậu leo lên cây. Bằng ống nhòm của Chuck, cậu xác định vị trí của chúng. Nếu cậu không nghênh ngang vì hưng phấn, đàn trâu ấy đã không bị người Mọi xác nhận và giờ đây cả gia đình chúng hẳn đang hạnh phúc tắm mình trong một vũng nước cạn nào đó dưới bờ sông.

- Joseph, có chuyện gì vậy?

Tiếng nói của người mẹ thành linh bẻ gãy dòng suy nghĩ của Joseph; cậu bắt đầu co mình lại. Biết rằng không thể nói ra những gì trong tâm tưởng, cậu làm như không nghe câu hỏi của mẹ, tiếp tục nhìn ra cửa xe.

- Có phải vì con không thể bắn con nai ấy? Có phải con vẫn bực mình vì bố gọi con là “con trai của mẹ”?

Giữ cho mặt mình đừng hướng về phía mẹ để bà khỏi nhận ra cậu không nói hết sự thật, Joseph trả lời:

- Có lẽ... có phần nào thôi. Con cũng đang nghĩ tới mấy con trâu.

Con cảm thấy như thể con là kẻ lên án xử tử chúng vì chính con tìm ra chúng. Những bộ da đó sẽ được cho lên tàu chở về nhà rồi nhồi mạt cưa và đặt trong tủ kính nhà bảo tàng của chúng ta.

Nhưng chẳng ai màng tới việc nếu chúng còn sống thì sao. Giá như chúng ta để chúng tiếp tục sống có phải tốt hơn không?

Từ đầu ghế đằng kia người mẹ nghiêng mình qua bóp tay con trai, nhưng cảm thấy lòng nguội lạnh với mẹ, Joseph không phản ứng. Nhìn nghiêng khuôn mặt con, Flavia để ý thấy vẻ tái nhợt, hai mắt đỏ và khô trên đó, bất chợt một nỗi sợ hãi mới làm thái dương bà đập mạnh:

- Đêm qua con ngủ có ngon không Joseph? Trận bão có làm con khó ngủ không?

Joseph trả lời mẹ thật lẹ:

- Không. Con ngủ rất ngon... Thật ra con mệt vì những việc xảy ra lúc ban ngày.

Ngồi yên quan sát con trong một lúc, Flavia hy vọng Joseph sẽ quay đầu qua ngó thẳng mặt bà và mỉm cười. Nhưng cậu vẫn xoay lưng lại với mẹ, tiếp tục ngó mông lung ra bên ngoài cửa sổ xe.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đời Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 13 -

- Chúng tôi tin rằng điều quan trọng nhất là sống hoà hợp với các sức mạnh tự nhiên của sự sống.

Trần Văn Hiếu nói nhẹ nhàng và hoa tay về phía các đền đài cung điện mái ngói hoàng lưu ly ở Đại Nội, vòng Hoàng thành bên trong của vòng Kinh thành Huế. Joseph tròn xoe mắt, ngẩng cao đầu nhìn những con rồng bằng sứ đang dữ dần nhe răng gầm gừ, uốn mình dọc gờ mái và trên nóc Điện Thái Hoà: “hoà hợp tuyệt vời”. Trong ánh nắng chói chang của sớm mai đầu tiên năm Ất Sửu, chúng lấp lánh và lung linh rực sáng trông như thể được đúc bằng vàng thật. Joseph nói, giọng xuýt xoa:

- Đẹp quá! Nhưng Monsieur Hiếu, tại sao lại dành quá nhiều ưu đãi cho chỗ này vậy?

Cả hai vừa vượt qua cầu Trung Đạo bắc ngang hồ sen, bước theo Dũng Đạo dẫn tới Đại Triều Nghi, sân rồng phía trước điện. Hai bên lối đi lát gạch, có những hàng cây thẳng tắp, rợp bóng mát, dẫn ngang các hồ sen và những hoa viên có lan can vây quanh. Joseph mặc bộ vét-tông trang trọng màu xám, quần chèn ngang đầu gối. Người An Nam bên cạnh cậu đội sấn mào quan có ngấn kiềng đời Minh, đi hia và mặc áo bào lụa thêu, bộ triều phục dùng tham dự cuộc lễ bày tỏ lòng trung quân với hoàng đế An Nam vốn được cử hành hằng năm vào dịp Tết Nguyên Đán.

Trần Văn Hiếu trầm lặng nói tiếp:

- Đây là nơi cảm nhận được sự hội tụ của các sức mạnh sinh động nhất trong một hiệp nhất trọn vẹn. Bạch Hổ và Thanh Long vốn thường xuyên xung khắc nhau nhưng tại chốn đế đô, cả hai cùng yên nghỉ thuận hoà ở chính vị trí trên đó đặt ngai vàng của đức vua, nơi nội điện Thái Hoà.

- Bạch Hổ và Thanh Long là gì vậy Monsieur Hiếu?
Vị quan lưỡng lự tìm lời rồi mỉm cười với cậu bé Mỹ:

- Chúng tôi tin rằng hai con vật ấy là nguyên lý dương và nguyên lý âm của sự sống. Bạch Hổ là nguyên lý âm, có tính phủ định và đe dọa, còn Thanh Long là nguyên lý dương, có tính khẳng định và nhân từ. Chúng cũng tượng trưng cho... Đông và Tây.

Chưa hết thắc mắc, Joseph dương đôi mắt tọc mạch ngó Trần Văn Hiếu:

- Nhưng làm sao ông có thể nói chính xác rằng chúng hoà hợp nhau ngay tại vị trí này?

Chung quanh hai người, những quan chức khác mặc áo bào lụa lộng lẫy, chân đi hia và đầu đội mào cùng một kiểu với Trần Văn Hiếu, đang nhẹ bước băng qua các hoa viên và đi thẳng lên sân điện. Bên các tường thành xưa cũ vây quanh bốn phía, lính hộ thành An Nam nghiêm cẩn đứng gác. Tay cầm súng trường nòng thật dài, đầu đội nón hình nấm, trên chóp lấp lánh một que nhọn bằng đồng, trông họ như thể những người vừa bước ra từ một trang sách phiêu lưu ký. Họ đeo quanh cổ miếng vải ngắn che cho lưng và ngực khỏi nắng gió, đồng thời gia trọng vẻ uy nghi của đồng phục thị vệ. Giờ đây, miếng vải ấy rung nhẹ trong gió sớm. Người nào cũng đi chân trần nhưng Joseph để ý thấy bắp chân họ quần xà cạp màu vàng — màu vừa rồi Trần Văn Hiếu giải thích với cậu rằng chỉ đặc biệt nhà vua và các cận thần mới có quyền dùng. Vị quan trả lời câu hỏi của Joseph:

- Monsieur Joseph ạ, thật khó giải thích gọn gàng ngay lúc này. Một số nhà thông thái người An Nam chúng tôi dành trọn đời mình để nghiên cứu môn “phong thủy”. Theo chữ nho, hai tiếng đó có nghĩa là ‘gió’ và ‘nước’. Nhà cửa của người sống cũng như mồ mả của kẻ chết chỉ nên xây dựng trên tâm huyết của cuộc đất hội tụ và hoà hợp được các sức mạnh của tự nhiên.

Trần Văn Hiếu mỉm cười thêm lần nữa:

- Chúng ta hãy bắt đầu với cái gì đó đơn giản. Cậu đã thấy vẻ đẹp trầm lặng của sông Hương đang chảy qua trước mặt Kinh thành. Mùi hương cỏ hiếm quện với mùi lau sậy của nó bỗng bèn êm dềm trong gió mang lại sự tịch lặng và an tĩnh cho các bến bờ ven dòng sông ấy. Và trên các mặt hồ nơi đây trổ nhiều hoa sen. Hoa sen tượng trưng cho tinh khiết, biểu tượng của Huế. Dù nẩy mầm

và lớn lên trong bùn, sen trở thành phẩm vật xinh đẹp tuyệt vời, tỏa hương thơm rất đỗi dịu dàng. Chúng tôi tin rằng dưới ảnh hưởng của hương hoa ấy người thiện đương cự nổi cái ác. Và cậu trông kìa!

Ngưng nói, ông đưa tay chỉ quá lên phía trên vòng tường thành màu vàng của Hoàng thành, tới dáng hình thang xanh thẫm của ngọn núi đơn độc hiện lên nơi phía nam:

- Ngọn núi đó được gọi tên là Ngự Bình, nghĩa là “Bình Phong của Hoàng Đế”. Mọi thần khí uế tạp từ phương nam vận hành thẳng hướng ra phương bắc đều ngọn núi ấy chặn lại, không cho xâm nhập Kinh Thành.

Thêm lần nữa Trần Văn Hiếu ngưng nói rồi tay vẫy liên tiếp mấy hướng:

- Cậu có thấy chung quanh chúng ta đây có nhiều dấu hiệu tốt: cung nữ tay cầm nhánh cây đang trở lộc... con rắn quấn quanh cành sen... chim phụng trong tư thế kính bái nguyện cầu...

Joseph nhìn theo mấy hướng vị quan vẫy tay nhưng cậu chỉ thấy những lùm bụi và cây cỏ đang đưa hương trong các vườn hoa ngay hàng thẳng lối. Cậu vừa nói vừa mỉm cười thích thú:

- Monsieur Hiếu ạ, mắt cháu chả thấy rõ gì cả. Nhưng nơi này đẹp quá, cháu tin chắc những gì ông nói là có thật.

Cậu bé Mỹ bắt đầu trúng bùa mê của cổ thành An Nam ngay khi đi ngang con hào sâu ngào ngạt hương sen, dài gần hai mươi ba thước, sâu bốn thước, dẫn tới cửa Thượng Tứ để vào Kinh thành - thành chốn đế đô. Kinh thành cao sáu thước, dày hai chục thước, vòng ngoài của ba cái “thành” đồng tâm. Vòng kế tiếp là một thành màu vàng nhỏ hơn, cao bốn thước, dày hai thước rưỡi, gọi là Hoàng thành hay Đại Nội. Kinh thành xây toàn bằng gạch, giữa đồ đất, có chu vi gần mười cây số vuông, do Hoàng đế Gia Long khởi đắp từ năm 1805 nhưng mãi tới năm 1824 đời vua Minh Mạng mới hoàn tất. Các tường thành, cung điện và đền đài của nó kiến trúc hoàn toàn mô phỏng đúng theo kiểu thức được các hoàng đế nhà Minh bên Trung Hoa ưa chuộng. Tuy thế, ngày nay, kinh đô Huế là nơi độc nhất trên thế giới còn giữ ba vòng thành: Kinh Thành, Hoàng Thành Đại Nội và Tử Cấm Thành. Ngay cả Bắc Kinh cũng

chỉ có Hoàng Thành Đại nội và Tử Cấm Thành. Người ta đến Bắc Kinh chỉ để làm du khách thưởng ngoạn một cổ tích đồ sộ, còn đến Huế để làm hành giả tìm về quá khứ của phương đông, để được thở đậm đà và sống miên man trong bầu không khí nghiêm tĩnh mờ màng của một chốn đế đô phương đông.

Từ sáng sớm, Trần Văn Hiếu đã đứng sẵn chờ cậu trên lối vào thành Đại Nội, dưới bóng im mát của Ngọ Môn: cửa chính của cung vua, trông tựa tựa kiêu Thiên An Môn đồ sộ ở Bắc Kinh, nhưng lầu Ngũ Phụng ở Huế trông xinh xắn, tao nhã và sinh động hơn nhiều. Chính giữa mái lầu lợp bằng nhiều lớp ngói hoàng lưu ly, hai bên bằng ngói thanh lưu ly, nó như chim phượng hoàng xoải năm liếp cánh, phủ phục lên Ngọ Môn của Hoàng Thành Huế. Khi được tin Phu nhân Sherman đến Huế, Thống đốc Nam Kỳ đã chuẩn bị cuộc gặp gỡ này. Ông mời hai mẹ con cùng đi với đoàn các quan chức tùy tùng của ông để tham dự lễ Nguyên Đán của triều đình. Và đồng thời, ông sắp xếp cho Trần Văn Hiếu dẫn Joseph đi tham quan các cung điện.

Từ khi rời trại săn, lần đầu tiên tâm tình u uất của Joseph khởi sự tan biến khi vị quan có chòm râu lưa thưa này bước đi chậm chậm bên cậu trong đôi hia nghi lễ, kể thuộc lòng những danh xưng kỳ bí của các toà nhà đang toả ánh lung linh trong nắng sớm. Cửa Ngọ Môn... Điện Thái Hòa... Thái Miếu... Thế Miếu... Điện Phụng Tiên... Cung Diên Thọ... Cung Trường Sanh... Vườn Cơ Hạ... Và một nơi bí nhiệm hơn mọi nơi đối với tâm trí non trẻ vốn giàu óc tưởng tượng của Joseph, đó là cái thành thứ ba, ở chính giữa, được canh phòng cực kỳ cẩn mật — Tử Cấm Thành. Nó được đặt tên theo Sao Bắc Đẩu, ngôi sao cai quản một cách tượng trưng các tầng trời. Cổ Thành này màu tía, cao ba thước bảy, dày bảy tấc, chu vi gần một ngàn ba trăm thước, nằm phía sau điện Thái Hòa. Trần Văn Hiếu giải thích: cũng giống hoàng đế tại Bắc Kinh, đức vua An Nam ở một nơi hoàn toàn cách biệt, bên trong vòng tường thành của Cấm Thành, khu vực chưa hề có người nước ngoài nào được phép vào. Cung điện hiện nay nhà vua ngự là lầu Kiến Trung, ở chính giữa Tử Cấm Thành, tuy các vật dụng hầu hết được tân trang theo lối hiện đại của phương tây nhưng mặt ngoài vẫn giữ

nguyên hình thức cổ kính của phương đông.

Những con kỳ lân bằng đồng và lũ hạc thiếp vàng đứng châu phía trước cung điện cùng những ông quan bằng đá to như người thật xuất hiện im lặng giữa mấy hàng cây đại đang toả hương hoa sứ thơm ngát khi họ vào tới. Vừa đặt chân lên Đại Triều Nghi, sân rộng cao cao trước điện Thái Hoà, cả hai bất chợt bắt gặp một đoàn ca công và vũ công cung đình đang diễn tuồng với y trang lóng lánh màu vàng, đỏ, lục và lam ngọc. Những thiếu niên mặt không lộ chút cảm xúc. Người ta chỉ phân biệt được nam hay nữ bằng chiếc mào khít khao họ đội trong lúc biểu diễn những bước đi cầu kỳ theo một vũ điệu phương đông thanh nhã, hoà trong tiếng nhạc réo rắt nỉ non được phụ họa bằng âm thanh chiêng, gõ và đàn đá cổ sơ.

Những cảnh tượng ấy, những thanh âm ấy tự chúng làm mê mẩn thần hồn thơ dại của Joseph. Thêm nữa, cậu nghe từ bên kia óc tưởng tượng của mình vọng lại tiếng nói của quỷ thần, thì thào qua những ông quan thấp nhỏ, từ đầu đến chân tạc bằng đá, đang như lê từng bước sát bên người cậu. Tất cả các cái đó hiệp với những cung điện có tường thành bao bọc, biến nơi đế đô này thành một chốn bí nhiệm đầy mê hoặc, rồi lắng đọng ở tận cùng đáy tâm tư cậu. Tới lúc Trần Văn Hiếu giao Joseph lại cho sĩ quan tùy viên của thống đốc ở bên ngoài Điện Thái Hoà, cậu gần như sẵn sàng tin tưởng rằng thế nào mình cũng sẽ thấy hai con cọp trắng và rồng xanh cùng nhau quần quít bên nhau, quanh chân vị quân vương. Bên lối vào, mẹ của Joseph và Thống đốc Nam Kỳ đứng chờ sẵn cùng với Khâm sứ Pháp tại Trung kỳ, kẻ dẫn đầu đoàn viên chức tùy tùng và quan khách người Pháp. Trong đoàn người mẫu quốc ấy, các sĩ quan quân đội mặc binh phục thuần một màu xanh da trời trong khi các viên chức dân sự mặc lễ phục, áo vét dài tới đầu gối và mũ chóp cao— *chapeaux haut de forme*.

Theo truyền thống, có nguyên tắc qui định rằng nữ giới không được phép tham quan các nghi lễ cung đình nhưng tạm thời, nguyên tắc đó được miễn áp dụng một lần, khi thống đốc nhân danh mẹ cậu trình bày nguyện vọng. Tổ lòng đáp tạ, Flavia Sherman chọn bộ xiêm y trang nhã nhất, mặc vào dịp long trọng và

hiếm hoi này. Bộ lễ phục màu xanh nước biển thùy mị với áo đầm dài thướt tha quét đất, voan che mặt dưới chiếc mũ vành nhỏ, vừa vặn và tiếp với màu áo, che phần trên khuôn mặt của bà.

Flavia thở ra nhẹ nhõm khi thấy chuyến đi dạo quanh các cung điện của cậu con trai làm mắt cậu sáng long lanh trở lại với nụ cười chào mẹ rất tươi và đậm đà tình thân như thường lệ. Khi hai mẹ con xếp hàng dọc với các quan khách khác đi tới gian chánh điện đặt ngai vàng, bà thì thầm vào tai con:

- Mọi sự có chút gì đó như trong truyện thần tiên, phải không?

Joseph nao nức gật đầu đáp lời mẹ. Cậu bé Mỹ sung sướng khi Khâm sứ dẫn đoàn tùy tùng tới thẳng chỗ điện tiên. Cậu thấy mình chỉ đứng cách có mấy bước chiếc ngai vàng trên đó Hoàng đế Khải Định đang ngự. Nhà vua vóc người mảnh dẻ, ẻo lã như phụ nữ. Toàn thân ông phủ kín trong chiếc vương bào lông lấy bằng lụa thêu. Chân ông đi đôi ủng da thuộc màu đen, ống dài kiểu vua chúa nhà Minh Trung Hoa, đặt vào chỗ lõm trên đầu cái bệ gỗ tạc hai con chó màu vàng đang nằm. Hai tay ông cầm hốt ngà có gắn chiếc kính soi mặt nhỏ, theo Trần Văn Hiếu giải thích, đó là vật ông thường dùng che mặt để tượng trưng cho lòng khiêm tốn và sự hạ mình trước hương hồn các đấng tiên vương. Ở phía bên kia ngai vàng, hai quan hoạn An Nam mặc triều phục, đứng nghiêm trang. Mỗi người cầm một chiếc quạt lông chim cán dài, cùng đều nhịp quạt chậm chậm vào khoảng không bên trên đầu đức vua, để làm dịu và thoáng bầu không khí ông đang thở.

Nơi bức tường đằng trước ngai vàng, các cánh cửa đã được mở toang. Từ sân điện lót đá, ánh mặt trời sớm mai chói lọi tràn vào nội điện làm chiếc vương miện đúc và gò bằng vàng đặc, khảm ngọc quý, chóp lấp lánh và tỏa ánh hào quang mỗi khi nhà vua nhúc nhích đầu. Ngoài sân điện, hết thấy các quan thượng phẩm triều đình xếp hàng đứng sẵn. Trong hàng dọc đầu tiên, Joseph thấy có thân phụ của Trần Văn Hiếu. Ông đứng ở vị trí thứ mười đếm từ hai hoàng thân mặc hoàng bào màu đỏ dẫn đầu cuộc lễ thần phục năm nay.

Thông đốc nói, vờ như thì thầm nhưng cố ý rót rõ từng tiếng vào tai những ai đứng quanh đó:

- Bà và cậu có để ý thấy chúng ta đang đứng ngay bên trái ngai vàng không? Theo phương đông, phía bên quả tim của nhà vua chính là chỗ danh dự nhất.

Joseph liếc thật lẹ đức vua xem ông có nghe không. Và cậu ngạc nhiên thấy, dưới vương miện như chiếc mũ trùm đầu đang phủ kín khao vàng trán, mặt ông có vẻ bồn chồn. Trong khi họ chờ bắt đầu nghi lễ, một hai lần cậu thấy quốc vương An Nam đưa mắt thấp thỏm nhìn về hướng của họ. Thỉnh thoảng, nhà vua chấm nhẹ bộ mặt xanh xao đang rịn mồ hôi của mình bằng chiếc khăn tay lụa ông giấu trong một ống tay áo bào rộng thùng thình. Sau cùng, khi Khâm sứ Pháp bước ra đứng đối diện ngai vàng, hoàng đế An Nam mới hạ ánh mắt nhìn xuống đôi ủng bóng loáng. Ông lắng tai nghe, mắt không nhìn vào mặt người Pháp.

Khâm sứ cất giọng sang sảng bằng tiếng nước mình:

- Thừa hoàng thượng, thật vinh hạnh cho cá nhân tôi được đại diện Quốc gia Bảo hộ để chuyển lời chúc mừng của tổng thống nước Pháp tới hoàng thượng tôn quý và hết thảy đình thần của hoàng thượng trong dịp thiêng liêng và đầy hy vọng này...

Tác người cao lớn, phần thân thể bên trên phình ra, to như thùng tô-nô, kính một mắt đeo bên con mắt trái, tướng mạo của Khâm Sứ bộ vệ trong lễ phục màu vàng và xanh. Thanh kiếm nghi lễ đeo bên trái nằm yên trong vỏ kiếm mạ vàng. Hàng dây huy chương với cuống ruy băng và mấy lớp huân chương bội tinh kết thành mấy tràng hoa móc lưng lấp lảng hai bên ngực áo chên. Khi nói, ông đặt một tay lên đốc kiếm như có ý làm nổi bật, một cách tinh tế, cái sức mạnh vũ khí người Pháp chưa bao giờ sở hữu nhiều như bây giờ:

- Chín năm qua, kể từ ngày hoàng thượng kế vị trên ngai vàng An Nam vào năm 1916, vương quốc của ngài tiếp tục an hưởng sự bảo hộ đầy bao dung và vị tha của nước Pháp, chúng tôi chân thành hy vọng rằng tình trạng giao hảo tương xứng cho cả đôi bên này sẽ tiếp diễn mãi mãi trong một tương lai lâu bền vì lợi ích của cả hai dân tộc chúng ta...

Trong lúc đọc lời chúc mừng trong tờ giấy cầm trước mặt mình bằng bàn tay đeo găng trắng, thỉnh thoảng Khâm sứ liếc nhà vua

qua chiếc kính một mắt. Giọng ông oang oang tự tin, không tương xứng chút nào với lòng tôn kính cực độ ông hàm chứa trong ngôn từ. Ngược lại, quốc vương An Nam hình như rút người xuống sâu hơn trong lòng ngai vàng, dù ông biết rõ những tình tế có tính ngoại giao trong diễn từ của người Pháp ấy chẳng những không có tác dụng mà còn chẳng làm thay đổi chút nào cái thực tế rằng ông và người của ông đang mắc nợ — một cách không đền đáp nổi — ý chí và ý thích của người Pháp.

Tuy thế Joseph hoàn toàn không để ý chút nào tới những tình tế ấy vì lời nói oai vệ và nặng phần trình diễn của Khâm sứ đã đẩy tâm trí cậu đi lang thang. Cậu kính sợ đưa mắt nhìn quanh nội điện trang hoàng lộng lẫy. Một rừng cột gỗ lim to lớn, đỏ thẫm, chống đỡ mái điện. Quấn quanh thân cột là những con rồng năm móng hình như đang gặm gù dữ tợn cái bóng phản chiếu của chúng trên sàn điện bóng loáng lót bằng gạch sứ vuông vắn. Những chiếc lư đồng đời Minh chạm trổ trang nhã và những chiếc độc bình đặt trên các bàn nhỏ bằng gỗ chạm lộng, kê sát mỗi chân cột.

Kế đó, trước sự ngạc nhiên của Joseph, khi Khâm sứ vừa hạ tờ giấy xuống, từ chỗ khuất đằng sau đoàn tùy tùng, một viên chức trẻ bước thật nhẹ, âm thầm xuất hiện. Bằng giọng đều đều, anh ta thông ngôn bài diễn văn ra tiếng An Nam cho nhà vua và triều thần nghe. Dịch xong, viên chức ấy lại biến mất, âm thầm như khi xuất hiện.

Joseph thấy nhà vua rút từ trong tay áo bào ra một cuộn giấy cuộn theo kiểu Tàu. Với giọng xuyt xoạt, run rẩy vì kích động, từ trên ngai vàng ông đọc đáp từ bằng tiếng An Nam. Nhưng không giống cách đọc của quan Khâm sứ Pháp lúc nãy, giọng của Hoàng đế Khải Định lấp bắp, căng thẳng. Một đôi lần, ông dừng lại giữa câu để nuốt nước miếng. Nhà vua vừa đọc xong, một vị quan già dưới cằm có chòm râu bạc lưa thưa, từ tốn xuất hiện từ phía sau một chiếc cột khác bên cạnh ngai vàng.

Vị lão quan ấy trình trọng ngôn bài diễn văn ngắn ngủi của đức vua ra tiếng Pháp với những trọng âm nghe dịu dàng và êm ái. Có mấy lần Khâm sứ nhè nhẹ gật gù, hạ ánh mắt xuống như thể chuẩn nhậm sự đề cập có tính cách sẵn sàng chu toàn bốn phận đối

với “Nước Pháp bảo hộ vĩ đại”. Khi việc thông dịch chấm dứt, Khâm sứ nghiêng đầu trang trọng hơn, không cúi đầu. Ông chăm chú nhìn từng chút khi nhà vua đứng lên khỏi ngai vàng. Thấy nhà vua cúi thấp đầu xuống về hướng mình, ông khẽ hé miệng cười đáp lại một cách mãn nguyện. Chờ cho nụ cười hài lòng ấy toả đều khắp khuôn mặt, ông mới quay lưng, đường bệ sải chân bước trở về đứng chung với đoàn tùy tùng.

Kế đó Khâm sứ đưa tay khoát nhẹ có ý bảo các viên chức và quan khách của mình nên lùi một hai bước, đứng vào lối đi giữa các dãy cột tiếp giáp nhau, chừa một lối trống đằng trước ngai vàng và mặt tiền điện. Sau đó một chút, ca công và nhạc công kéo lên xếp thành hàng trước các bức tường hai bên sân điện. Và nhạc trỗi lên một khúc nỉ non rền rĩ.

Vừa nghe điệu nhạc ấy, hai hoàng thân dẫn đầu vội vàng sấp mình xuống, ngay dưới bậc thềm Điện Thái Hòa, thẳng trước ngai vàng, trán áp sát sân gạch với thái độ cực kỳ tôn kính. Đằng sau hai ông, các thượng quan, người nào cũng cầm trên tay một chiếc hốt nhỏ có gắn kính soi mặt giống như của đức vua, lệ làng phủ phục và đê đầu, giống hệt và còn kính sợ hơn hai hoàng thân dẫn đầu. Họ bái lạy thấp hết mức có thể, nhào người trên các phiến đá lát sân điện.

Joseph thấy Trần Văn Hiếu và thân phụ bày tỏ lòng trung quân bên cạnh các quan thượng phẩm An Nam khác. Họ sấp mình phục lạy ba lần sát đất theo lệnh xướng của quan thượng thư Bộ Lễ. Suốt thời gian ấy, các nhạc công và ca công đánh chiêng trống và tiếp tục một điệu nhạc náo nùng kỳ dị. Trên ngai vàng, vua Khải Định ngồi yên không nhúc nhích, chấp nhận sự bày tỏ một cách khốn khổ lòng trung quân của các quan mà trên mặt ông không thoáng chút cảm giác nào.

Thống đốc Nam Kỳ nói qua vai của Joseph với giọng nửa đùa nửa thật:

- Người Tàu gọi nghi thức ấy là “khấu đầu” nhưng người An Nam gọi là “lạy”!

Ông nói tiếp rồi nhả nở cười tự tán thưởng lời giễu cợt của mình; một số người Pháp chung quanh họ mỉm miệng cười theo:

- Nhưng dù có gọi gì đi nữa, nó cũng không dễ chịu cho lắm đối với vài hoàng thân lớn tuổi hơn trong đám huynh đệ nhà ông ấy. Đôi khi tôi tự hỏi chẳng biết có bao nhiêu người trong bọn họ đang âm mưu để được thay vào chỗ của ông ấy!

Ánh mắt Joseph không rời thân phụ của Trần Văn Hiếu khi ông vất vả nhào người để đầu xuống mặt sân lần thứ ba. Trông ông có vẻ khô hài nếu trên bộ mặt nhăn nheo và hãnh diện ấy không hằn sâu nét thành kính lẫn trang trọng suốt thời gian ông khởi sự và hoàn tất những nghi thức rõ ràng là một nỗ lực ghe gớm so với sức khỏe đang trong thời mòn mỏi của ông.

Nhóm quan nào thực hiện xong nghi lễ liền chậm chậm bước giật lùi về hai bên sân điện, nhường chỗ cho nhóm khác. Hết đợt này tới đợt nọ, các triều thần trong áo bào lụa đủ màu sắc lượn dập dềnh trên sân lát gạch màu xám dưới ánh nắng vàng chói lọi của mặt trời sớm mai.

Nhóm cuối cùng khấu đầu bái lạy long nhan xong vừa lùi ra, điệu nhạc của nhạc công cung đình đột nhiên chuyển nhịp nhanh hơn. Trước con mắt sửng sốt của Joseph, các lối vào lập tức bị trám kín bằng những thớt voi xám lực lưỡng, lắc lư. Bành voi phủ một vuông vải vàng lớn, có đính tua. Chót vót trên bành, một quần tượng người An Nam đội mũ lác, ngồi dạng chân đằng sau tai voi. Mười hai con voi ầm ầm lê chân qua sân đá, dàn ngang một hàng sát thêm, trước cửa điện. Bị quần tượng thọc bằng dùi tre đầu bịt sắt, lũ voi chậm chậm quì xuống, hướng mặt về phía ngai vàng, và tiếp tục quì như vậy trong đôi ba phút. Vòi voi ve vẩy ra đằng trước đúng theo nhịp điệu của tiếng nhạc inh tai. Xong, với vẻ lừ đừ đường bệ, từng con lần lượt đứng lên rồi theo nhau lùi xuống khỏi sân điện.

Con voi sau cùng vừa lê chân khuất tầm mắt, bỗng dậy lên hàng loạt tiếng nổ đi đùng. Joseph giật bắn người. Những tiếng ròn rã ấy vang lên nghe như thể ngàn khẩu súng trường cùng bắn một lượt. Những tiếng nổ liên tiếp và không ngừng, tạo thành một cuộc bắn phá liên tục. Sân điện ngập ngụa khói trắng dày đặc. Mặt trời hóa ra mờ mịt. Joseph hoang mang nhìn vô điện, có ý chờ xem nhà vua và Khâm sứ vọt chạy tìm chỗ nấp. Nhưng hoàng đế vẫn ngồi yên

trên ngai và Khâm sứ lại nhường nhường cặp lông mày hoan hỉ về phía một đồng sự của ông.

Thấy thái độ của Joseph, Thống đốc thét vô tai cậu, lớn hơn tiếng lũng tai thùng óc ấy, cậu mới nghe ra:

- Đừng lo. Đó chỉ là cách đón mừng Tết theo truyền thống của người An Nam. Họ tin rằng những tiếng nổ ghê gớm này sẽ làm hết thầy tà ma quỷ dữ kinh hãi và bảo đảm họ gặp may mắn suốt cả mười hai tháng tới.

Nhìn ra bên ngoài lần nữa, Joseph lúc đó mới nhận ra khói và những tiếng nổ ấy phát ra từ các sào tre dài được bố trí sẵn chung quanh sân điện. Trên mỗi đầu ngọn sào buộc một chùm lá non mới nảy lộc. Lũng lẳng từ ngọn tới gốc sào, treo san sát những phong pháo quấn bằng giấy. Lúc này, tất cả đang nổ vang đinh tai điếc óc. Cậu thở phào, đưa tay lên bịt tai mình:

- May quá! Thế mà cháu cứ tưởng lại bắt đầu Chiến tranh Thế giới lần nữa.

Kế đó, từ một khu vực khác trong hoàng thành ầm ầm dội lại tiếng súng thần công mừng năm mới, đánh dấu kết thúc cuộc lễ. Đức vua chậm chậm bước xuống ngai vàng. Ông đưa tay lên bắt tay Khâm sứ theo lối châu Âu. Cả hai đi bên nhau, dẫn đầu triều thần và quan khách vào khách sảnh.

Ban nhạc ngoài sân điện bắt đầu tấu bài “Marseillaise”— quốc thiều Pháp. Thị vệ nội cung mang ra rượu sâm banh ướp lạnh để quan khách nâng ly chúc mừng hoàng thượng và năm mới. Đồng thời cũng mang ra những tráp nạm ngọc đựng cau trầu kèm theo bình vôi cho các vị quan Nam Triều muốn ăn trầu, và những hộp khảm đá quý đựng thuốc điếu hoặc xì-gà cho các quan khách Pháp muốn hút thuốc.

Trong lúc Joseph đang nhâm nhi sâm banh, Trần Văn Hiếu thăm lặng xuất hiện bên mẹ cậu, với một người An Nam rất trẻ. Vị quan trình trọng cúi đầu chào và lịch sự nói bằng tiếng Pháp:

- Madame Sherman, tôi xin được hân hạnh chào mừng phu nhân và công tử tới tham quan triều đình An Nam. Tôi hi vọng bà cảm thấy có phần nào thích thú cuộc lễ Nguyên Đán của chúng tôi.

Tới lượt mình, người phụ nữ Mỹ mỉm cười đáp lại:

- Thật rất vinh dự cho tôi được có mặt nơi đây, đặc biệt khi tôi được biết rằng thông thường nữ giới không được phép quan chiêm nghi lễ cung đình.

- Truyền thống hẳn là mười phần quan trọng nhưng thật không tốt nếu cứ sống mãi với quá khứ. Như bà đã thấy, người Pháp đang mang nhiều tiện ích tới cho xứ sở chúng tôi,

Nói xong vị quan nghiêng mình ra hiệu cho người An Nam trẻ tuổi bước tới để ông giới thiệu:

- Madame Sherman, tôi xin được giới thiệu với bà một thân nhân trong gia đình bên vợ tôi, Monsieur Đào Văn Lật. Cậu Lật là em ruột của nhà tôi, và đang làm ký giả cho một tờ báo ở Huế. Cậu từng sống ở Paris, tốt nghiệp Đại học Sorbonne. Khi nghe nói có người Mỹ hiện diện trong buổi lễ hôm nay cậu tỏ ý mong ước được gặp bà.

Tuổi mới ngoài hai mươi với thân hình thấp nhỏ, Đào Văn Lật nhanh nhẹn chìa tay cho Joseph và mẹ cậu. Người thanh niên mảnh khảnh ấy có ánh mắt nhìn thẳng, sắc bén cùng vàng trán cao của một người học rộng. Khác với những người An Nam hiện diện đều mặc triều phục, Lật bận áo dài đen cổ truyền tà hơi cao, quần dài trắng y phục dân giả, chân đi giày đen và trên đầu đội chiếc khăn đóng cũng màu đen.

Joseph háo hức hỏi:

- Monsieur Lật ạ, anh có sẽ viết về cuộc lễ hôm nay trên tờ báo của anh không vậy?

Người An Nam trả lời với nụ cười mai mỉa:

- Tôi sẽ viết rất ngắn gọn, y như đã viết năm ngoái và năm kia rằng: “Cuộc lễ truyền thống bày tỏ lòng trung quân đã được cử hành tại Điện Thái Hoà”. Tôi sẽ không cho phép mình viết rằng chúng tôi thật sự chào đón Khâm sứ của nước Pháp.

Trần Văn Hiếu vội vàng xen lời:

- Cậu em của nhà tôi đây tuy được giáo dục tại Pháp nhưng cậu là người duy lý tương với quan điểm phi chính thống, vốn không được tôi cùng nhiều đồng bào của chúng tôi chia sẻ. Cậu Lật ạ, cậu nên cân trọng về những gì mình phát biểu.

Nói xong, với nụ cười căng thẳng, vị quan xin phép rút lui. Ông

bước nhanh tới đầu kia khách sảnh, trò chuyện với một nhóm quan chức Pháp. Đào Văn Lật nói với vẻ thân nhiên:

- Điều quan sù thần vừa nói đó không chính xác. Nhiều người trong xứ sở này không chia sẻ loại tình cảm anh rể của tôi dành cho nước Pháp.

Flavia Sherman thắc mắc một cách lịch sự:

- Nhưng tại sao anh không viết về cuộc lễ này theo cách anh muốn?

Người An Nam liếc đằng sau một chút, xem có bị ai nghe lén không. Rồi anh hỏi nhỏ:

- Thừa phụ nhân, bà không là người Pháp, vậy tôi nói thành thật có được không ạ?

Người phụ nữ Mỹ gật đầu. Đôi mắt Lật bỗng nhiên long lanh và giọng anh sôi nổi hẳn:

- Ở đây chúng tôi không có tự do báo chí. Báo sẽ bị đóng cửa, nhà báo sẽ bị bắt nếu họ làm mất lòng các chủ nhân ngoại quốc của chúng tôi. Chúng tôi không được tự do theo đuổi niềm tin chính trị của mình. Chúng tôi không được tự do hội họp hoặc đi lại. Thậm chí thư chúng tôi viết cũng có thể bị kiểm duyệt, chặn lại và tịch thu ngay tại nhà bưu điện!

Joseph thắc mắc:

- Nếu được tự do nói điều mình muốn, anh sẽ viết thế nào về cuộc lễ hôm nay trên tờ báo của anh? Em thấy cuộc lễ này thật hấp dẫn. “Làm lay” là một nghi lễ rất xưa. Tại những xứ khác người ta chỉ có thể đọc nó trong sách sử ký thôi.

Lật lại liếc thật nhanh quanh sảnh đường:

- Đúng thếù Monsieur Joseph. Những nghi lễ do các vua Tàu dạy cho chúng tôi ấy ngay tại Trung Hoa mười bốn năm nay cũng đã không còn cử hành, kể từ lúc cuộc cách mạng của Tôn Dật Tiên chấm dứt triều đại Mãn Thanh. Lời giáo huấn về quan hệ quân thần của Khổng Tử chỉ có ý nghĩa nếu đáng Thiên Tử được chúng tôi bày tỏ nghĩa vụ và lòng trung quân hôm nay, tiêu biểu xứng đáng cho hùng khí và phẩm giá của dân tộc. Đã từ lâu người Pháp phá hoại thẩm quyền của Khổng Tử, cái vốn là nền tảng của xã hội cũ chúng tôi. Hôm nay, bà và cậu đã thấy các quan của chúng tôi

đập đầu trên nền đá — nhưng không phải cho đức vua của chúng tôi! Đó là những gì tôi sẽ viết ra hôm nay nếu tôi được tự do chọn lựa. Nhưng thay vào đó, tôi chỉ viết rằng: “Cuộc lễ cổ truyền đã được cử hành”, thế thôi.

Lật ngừng nói, môi cười mỉm, hai mắt lại long lanh rực lửa. Pháo vẫn nổ lác đác ngoài sân điện. Thình thoảng tiếng của các loạt súng thần công vẫn dội lại âm âm từ bên kia vòng Hoàng Thành Đại Nội. Joseph liếc thấy vua Khải Định vừa đứng lên khỏi ghế, đang chậm chậm bước đi trong đôi ủng nặng nề đời Minh, hướng về phía cửa. Có lần hình như nhà vua hơi lão đảo và một hoàng thân mặc áo bào đỏ vội vàng bước tới bên ông, đỡ khuỷu tay ông. Lật nói khi thấy Joseph quay mặt ngó nhà vua:

- Chẳng may Thiên Tử của chúng tôi long thể rất bất an. Cậu có để ý thấy đức vua thường thấm mặt bằng khăn tay? Ông chỉ mới bốn mươi hai tuổi nhưng người ta e rằng có thể ông đang bị bệnh phổi. Chúng tôi cũng không được viết điều đó trên báo.

Tiếng trò chuyện rì rào khắp phòng chợt ngưng hẳn. Tiếng pháo cũng bỗng nhiên im bất theo một mệnh lệnh âm thầm nào đó khi đức vua cáo từ Khâm sứ và thống đốc Nam Kỳ. Các viên chức Pháp và quan khách lập tức xếp hàng dọc, đi ngang và bắt tay chào từ giã nhà vua. Lật nói thấp giọng:

- Madame và Monsieur Sherman, lúc này đúng là cơ hội thuận tiện để bà và cậu có kỷ niệm về một cái bắt tay với hoàng đế An Nam. Dù chúng tôi không có tục bắt tay nhưng ông ấy muốn làm vui lòng các chúa tể người nước ngoài của ông ấy. Vậy nhị vị hãy cứ tận dụng dịp may này của mình vì không bao lâu nữa, cũng giống xứ Trung Hoa láng giềng, các đức vua của chúng tôi sẽ không hiện hữu ngoài đời nữa — mà chỉ còn ở trong các trang sách đầy bụi bặm của những cuốn sử ký. Xin chào tạm biệt.

Đào Văn Lật bước vội ra khỏi khách sảnh theo cửa hông còn Joseph và mẹ tới đứng vào hàng dọc theo các quan khách sắp ra về. Khi Hoàng đế Khải Định đưa bàn tay mảnh khảnh như tay phụ nữ của mình cho Joseph, cậu cảm thấy nó có vẻ mềm, mỏng và ươn ướt. Trong khi cậu bé Mỹ thì thầm lời chào từ giã một cách lịch sự bằng tiếng Pháp, đảng quốc chủ An Nam vẫn không ngừng

lên nhìn cậu. Vì người Joseph cao hơn ông một chút nên ký ức sau cùng của cậu về vị quân vương ấy là hình ảnh những viên ngọc sáng lung linh trên đỉnh vương miện bằng vàng của ông và lấp lánh ngay trước mắt cậu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Nhất - Đồi Thuộc Địa Là Thế! - 1925

- 14 -

Tiếng gà rừng khản đặc chào đón ánh sáng nhàn nhạt của một bình minh mới đánh thức Chuck Sherman ra khỏi giấc ngủ nồng say và sáng khoái. Cậu nhòm dậy ngồi trên chiếc giường nhỏ, khắp châu thân lâng lâng cảm giác nôn nao dễ chịu trước triển vọng có thêm một ngày rượt theo những con mồi to lớn vùng Nam Á và băng qua rừng xanh nhiệt đới đẹp tuyệt vời nơi tới lúc này cậu cảm thấy như một chốn quê nhà.

Lùa mòng qua một bên, dưới ánh sáng xám xám, mắt Chuck bắt gặp khẩu Holland hai nòng lấp lánh bên cạnh khẩu Holland .450 dựa nơi vách lều. Trong một thoáng, cậu thêm lần nữa nếm trải cảm giác hào hứng trên đồng cỏ xé chiều hôm qua khi từ khoảng cách gần hai trăm thước, chỉ bằng một phát súng, cậu bắn gục con trâu rừng màu đỏ. Chuck nổ súng đúng khoảnh khắc con vật lao mình tìm chỗ núp nơi lùm tre bên sông. Và đó có lẽ là phát súng tuyệt vời nhất đời cậu. Cha cậu bắn bị thương một con trâu khác cùng đàn nhưng nó không chết. Dù đã bỏ ra một giờ lặn theo dấu máu lờ mờ của nó nhưng cuối cùng, trước sự cau có ra mặt của thượng nghị sĩ, họ đành bỏ cuộc.

Trước khi cầm đôi ủng lên, Chuck rút dao sẵn ra khỏi vỏ. Cậu lật sập từng chiếc ủng, rũ thật mạnh, rồi nhếch mép cười khoái chí khi thấy từ bên trong một chiếc, rớt ra một chú bọ cạp ngoe nguẩy đuôi. Vung dao giết xong con vật, cậu mặc quần áo. Trước đó Chuck đã thấm thía một bài học nhức nhối: chỗ sừng rất bóng trên bắp chân trái nay thỉnh thoảng còn nhoi nhói đau như nhắc cho cậu nhớ tới một buổi sáng tuần trước, cậu vô ý thọc chân vào ống quần dài, và ngay tức khắc, làm mồi cho con bọ cạp núp trong quần suốt đêm qua.

Trong khi soi gương cạo râu, Chuck nhận thấy hai tuần lễ chịu đựng cái nắng nhiệt đới dữ dội làm mặt mày cháy nám và đôi mắt

xanh trong vắt long lanh thêm. Suốt mười bốn ngày thắng lợi ròn rã vừa qua, từng đợt kích thích tố hưng phấn tủa lên, dồn dập trong mạch máu mỗi khi cậu rượt theo con mồi và nổ súng, khiến mọi giác quan của cậu sắc bén thêm lên, đưa chúng tới cực điểm cảnh giác. Chuck thấy cuộc sống như quân trường của trại săn làm mình sung sức, cứng cáp. Cậu háo hức sôi nổi với dự tính thực tập thêm một ngày nữa khả năng giấu mình và phản ứng nhạy bén. Cạo râu xong, Chuck bắt gặp mình đang nhe răng cười với chiếc bóng của mình trong gương. Cậu biết rằng, sáng nay, với ánh bình minh nơi rừng già này, mình đang hạnh phúc hơn bao giờ hết trong cuộc đời này.

Chuck thấy ở mé đằng kia trại săn Jacques Devraux quần áo gọn gàng, đang kiểm tra da thú được người Mọi móc sạch thịt và mỡ khuya đêm qua. Cậu đã quen thuộc với những im lặng cứng cỏi trùm kín mít người Pháp ấy, Và cậu cũng hết sức ngưỡng mộ khả năng kiệt xuất của hãn trong rừng già. Qua hãn, cậu học được cách nhận dạng dấu chân những con thú lớn và cách bắn an toàn nhất. Thượng nghị sĩ Sherman bắn kém hơn con một chút. Và ông không giấu vẻ căm ghét về chuyện đó. Nhưng hai tuần qua, trong khi di chuyển chậm chậm theo hướng bắc trong khu vực tiếp giáp giữa những ngọn đồi chập chùng cây rừng của Phương Lâm Định Quán và vùng đất cao mướt cỏ Lâm Đồng gần vùng nghỉ mát Đà Lạt, hai cha con đã hạ được những con thú hàng đầu, tiêu biểu gần hết các nhóm động vật cần thiết cho nhà bảo tàng. Tối qua, Paul Devraux quay về Sài Gòn với da thú gồm đủ loại trâu rừng, nhé rừng và một tá hươu nhỏ hơn để sắp xếp gửi chúng bằng tàu thủy về Mỹ. Tối hôm nay, chỉ thiếu có con min — loại trâu rừng khổng lồ vùng Nam Á — vì nó vẫn né tránh họ.

Khi Chuck băng ngang trại đi về hướng lều bếp, trên vai khoác sẵn súng săn vì họ dự tính trong ngày cuối này, sẽ lên đường rất sớm, cha cậu đã ngồi bên bàn ăn chỗ bãi đất trống, đang nhấp cà phê đen bốc khói. Suốt tuần lễ vừa qua, chiều nào trời cũng mưa như thác đổ làm rừng ướt sũng hơi nước. Bị nhiễm sốt từ ba ngày nay, Nathaniel cầm cự bằng những liều thuốc ki-ninh uống tới bốn cử sáng trưa chiều tối. Mặt của thượng nghị sĩ xám nhạt và như mọng

nước. Ngó ông có vẻ đêm qua ngủ không yên giấc.

Trong lúc vợ Ngô Văn Lộc dọn bữa sáng và rót cà-phê cho Chuck, cậu trai Mỹ lo lắng nhìn cha:

- Sáng nay bố thấy trong người thế nào? Lúc này bố còn sốt không?

Thượng nghị sĩ trả lời với giọng yếu ớt:

- Chuck ạ, sốt và rùng đi đôi với nhau như khung xe và bánh xe.

Đừng nóng ruột quá về chuyện đó. Đêm qua bố đã đút cho nó một số lượng ki-ninh và át-pi-rin đáng kể, đủ để giữ cho nó khỏi đói.

Dù mặt tươm mồ hôi Nathaniel vẫn nháy mắt với con qua mép cà-phê. Chuck an tâm mỉm cười đáp lại. Vừa nuốt vội bữa điểm tâm, Chuck vừa đưa mắt thích thú ngó quanh bãi đất trống. Những tia sáng mặt trời đầu ngày đang rải vàng lên sườn đồi thấp thoáng sau cây rừng. Khắp chung quanh hai cha con, vòm lá dày đặc xanh biếc của rừng càng lúc càng sinh động với tiếng hót của lũ chim đang thoăn thoắt chuyển cành rượt đuổi nhau.

- Bố ạ, con nghĩ rằng hẳn nơi đây là một trong vài xứ săn bắn tuyệt vời nhất thế giới, phải không bố?

Thượng nghị sĩ gật đầu:

- Đây là thiên đàng của người đi săn đó Chuck. Nó làm cho người đàn ông cảm thấy mình đích thực là đàn ông. Nó khiến ta nhớ tới những kẻ từng dự các cuộc săn bắn gian khổ — và trong bọn họ, chỉ người sung sức nhất mới sống sót. Thật đáng tiếc là nó ở xa nước Mỹ quá.

- Chắc chắn vậy rồi. Trong đời mình, con chưa từng được thưởng thức điều gì thú vị hơn thú đi săn ở đây.

Trong một thoáng Chuck đắm đắm nhìn Jacques Devraux với vẻ ganh tị khi người Pháp hậm hực đi tới đi lui trong sân, ra lệnh cho người Mọi. Rồi với vẻ mặt trầm ngâm cậu nhấp một ngụm cà-phê và nói:

- Bố ạ, bố có biết là con không chắc rằng mình có thể sở hữu những phẩm chất và khả năng cần thiết cho những gì bố kỳ vọng nơi con. Con không biết mình có thể làm chính trị giỏi như bố không. Con thích cuộc sống ngoài trời. Con muốn làm công việc Monsieur Devraux đang làm. Còn cái việc kia, con thấy mình

chẳng thích hợp với nó chút nào.

Thượng nghị sĩ nhìn con bằng ánh mắt sắc bén:

- Chuck ạ, con còn trẻ. Sau này, tới khi lớn tuổi hơn, thế nào con cũng sẽ nhất trí với lối suy nghĩ của bố. Bố biết rất rõ ý chí của con.

Chuck mỉm cười với cha thêm lần nữa nhưng không sốt sắng:

- Có thể Joseph là ứng viên tốt hơn con cho thế giới chính trị nhiều thủ đoạn. Bố đã biết nó có cái đầu của một người già trên hai vai của một người trẻ.

Khoát tay, thượng nghị sĩ đứng lên.

- Nay Chuck, bố không muốn nghe thêm về chuyện đó. Mình hãy để dành tâm trí cho lần đi săn này. Hôm nay bố sẽ chứng minh cho con thấy điều bố thường nói với con trước đây, rằng để thành công trong cuộc đời này, ta chỉ cần một quyết tâm thật sự sắt đá.

Quay mặt qua hướng khác, ông nuốt thêm một bụm thuốc vừa lặc trong chai ra, rồi cầm súng:

- Lẹ lên. Mình đi càng sớm con càng chóng thấy rõ điều bố có ý nói đó.

Jacques Devraux và sáu người Mọi dò dấu thú đang chờ bên bờ khúc sông hẹp chảy ngang trại. Thượng nghị sĩ nhẹ nhàng khoác vai con trai khi hai cha con ra nhập bọn với họ:

- Giờ đây cha con mình chỉ phải làm một chuyện thôi. Đó là thuyết phục mình rằng dù hôm nay có xảy tới chuyện gì đi nữa chúng ta cũng phải hạ cho bằng được một con mìn cho Nhà Bảo tàng của dòng họ Sherman. Lúc ấy công việc kể như gần xong, phải không? Chuck cười lớn đồng ý:

- Tuân lệnh bố!

Khi hai cha con tới bờ sông, Nathaniel Sherman ra hiệu cho con bước xuống chiếc thuyền độc mộc đang chờ, còn ông đứng lại đặt tay lên vai Devraux:

- Anh Jacques ạ, tôi và Chuck chỉ muốn anh biết cho rằng chúng tôi không nhắm đến chuyện hôm nay lìa rừng mà không có da và sừng của con trâu rừng vĩ đại nhất toàn cõi Á Đông. Chúng tôi sẽ ghép con trâu cái với con trâu đực chúng tôi hạ tuần trước với một con trâu bố, một con mìn — hoặc trắng tay với toan tính đó.

Trong một chốc, Devraux chăm chú nhìn bộ mặt bùng của Nathaniel. Cuối cùng, người Pháp nói:

- Thượng nghị sĩ ạ, ông có chắc rằng hôm nay nằm trong giường dưỡng con sốt thì tốt hơn đi săn không?

- Không, thưa ngài! Như tôi đã nói với anh, rằng chúng tôi nhất quyết phải hoàn chỉnh bộ sưu tập của mình bằng con mìn đó. Vậy xin anh vui lòng đưa chúng tôi đi tới, chỉ để gặp hấn ta thôi.

Nhún vai, Devraux bước xuống chiếc thuyền độc mộc sau lưng hấn.

Trên bờ bên kia sông, cỏ còn ẩm sương. Đi chưa được năm mươi thước ai nấy đều ướt sũng từ chân lên tới thắt lưng. Đoàn người đi chuyển theo hàng dọc, nâng súng cao ngang ngực. Trong hơn một giờ không thấy con thú nào. Khi họ tới một khu rừng khác, có vài lần người Mọi định vị được thứ trâu rừng có tên là mìn ấy nhưng những dấu vết họ tìm thấy chỉ toàn những dấu đã cũ.

Tới chín giờ, Nathaniel mệt lã người. Bên một ao bùn trong trảng rừng lổm đóm bóng mát nơi những dấu vết trâu đi ăn cỏ mờ dần rồi cuối cùng mất hẳn, ông ngồi phịch xuống một khúc cây đổ.

Người lại run rẩy, ông nuốt thêm một bụm thuốc lấy từ trong chiếc túi nhỏ đeo bên hông. Chuck để ý thấy thay vì uống trà nguội thường ngày như mọi người, một đôi lần, ông len lén đưa cái chai dẹt lên môi khi tưởng chẳng ai trông thấy. Cậu lo lắng hỏi:

- Bố có chắc bố đủ sức tiếp tục đi săn không? Con thấy có vẻ con sốt bắt đầu hành rồi đó.

Thượng nghị sĩ lau bầu cái kính:

- Bố có thể nằm trong giường dưỡng sốt vài ngày khi mình về lại Sài Gòn. Không có vấn đề chúng ta lãng phí ngày chót này.

Đưa mu bàn tay dụi mắt, ông nóng nảy đứng phắt dậy. Trong lúc đó, hai người Mọi đi dò dấu thú khi họ ngồi nghỉ, lúc này lật đật chạy trở về chỗ đất trống. Họ bắt đầu vừa líu lo nói với Devraux vừa đưa tay chỉ ngược lại hướng rừng cả hai mới từ trong đó chạy ra.

Trao đổi xong với người Mọi, Devraux nói:

- Chúng nó định vị được một bầy mìn và ghé đang ăn cỏ cách đây tám trăm thước. Lũ trâu rừng ấy có thể không xa lắm. Có lẽ chúng

đang tìm các lùm cây im mát phía bờ sông bên này để tránh cái nóng. Chúng ta phải đi cẩn thận. Nếu trong khi tới gần, ta làm chúng giật mình thì sẽ không còn có loại thú vật nguy hiểm đó trong khu rừng này nữa.

- Xong ngay, tôi sẵn sàng rồi.

Thượng nghị sĩ nói, cầm súng và uốn thẳng người. Khi Chuck theo Devraux bước vào vùng cây cối rậm rạp, Nathaniel đi chậm lại, rút chai dẹt ra thêm lần nữa, tu một hơi dài. Rồi ông thận trọng đi theo ở cuối hàng, sau mấy người Mọi dò dấu thú.

Bên khúc sông hẹp chạy dài một rừng tre dày đặc với những thân tre cao vút, kêu răng rắc và đưa kéo kẹt trong gió nhẹ khi đoàn người di chuyển hàng một, chậm chậm và thận trọng, dưới các tán lá rậm rạp phủ kín đầu trong cảnh tranh tối tranh sáng. Cứ đôi ba bước họ lại dừng chân, mắt nhìn chăm chú vào vùng bóng tối phía trước. Khi tới một khoảng trống khác, Devraux dừng lại, đưa tay chỉ. Cách chừng hai trăm thước, họ thấy rõ một bầy trâu rừng với lũ nghé đang nhảy nhót, nô đùa bên mấy con trâu bố mẹ của chúng. Nathaniel thì thầm, giọng bàng hoàng:

- Bọn Mọi thiệt là làm rồi! Có một con mìn đầu đàn, cổ bươu, già và to tướng ở ngay chính giữa các thê thiếp và con cái của hần. Hần là của tôi!

Không chờ người khác, ông lao mình từ trên bờ xuống nước, trượt chân rồi trườn người gượng dậy, lũi tới, bắt kẻ rẽ cây chĩa ra tua tủa và sỏi đá lởm chởm. Ông lội ngang sông, nhào người lên bờ bên kia và chuỗi mình vô đám cỏ thấp lè tè trên mép đồng cỏ. Mặt tỉnh bơ, Devraux ngó Chuck Sherman. Hần nói cộc lốc:

- Gió mạnh từ chỗ này thổi tới. Rồi cậu sẽ thấy!

Đến khi cả đoàn sang tới bờ bên kia, thượng nghị sĩ đã ở đằng trước họ năm chục thước. Ông di động thiếu cảnh giác, ngực dè lên cỏ, chuẩn bị liềm lĩnh đứng lên bắn từ khoảng cách hai trăm thước. Nhưng từ sau lưng đoàn người đi sẵn, cơn gió xoáy thổi ngược ra đằng trước. Con trâu khổng lồ thình lình đưa mõm lên về phía họ đánh hơi. Chỉ một chớp mắt, cả bầy trâu bỏ chạy về hướng cây cối rậm rạp, tìm chỗ núp.

Giận điên người, Nathaniel Sherman văng tiếng chửi thề, vừa lấy

thế vừa bóp cò. Kết quả phát súng thứ nhất chỉ khiến đàn vẹt trong các bụi cây sau lưng ông thét lên thất thanh, vỗ cánh vọt lên trời. Lũ trâu tiếp tục chạy, không chút hề hấn. Người Mỹ lại lớn tiếng chửi tục rồi trụ hai chân cứng hơn, ông bắn nòng thứ hai — vẫn chẳng có con trâu nào lao đảo. Thế nhưng khi con trai và Devraux tới bên ông, Nathaniel vẫn nheo mắt nhìn qua lỗ nhắm của khẩu súng đang đưa cao, ngắm bầy trâu đang chạy tán loạn vào rừng. Ông thì thầm xuống giọng:

- Con có tin không Chuck, phát thứ hai bố bắn trúng hấn.

Không đợi Chuck, ông sải chân bước theo hướng bầy thú vừa bỏ chạy. Ra tới giữa bãi cỏ ông la lớn rồi quì xuống. Khi ông xoay người về phía họ, con trai ông và Jacques Devraux thấy các ngón tay ông lấp lánh máu. Nathaniel đứng lên, thở dồn dập:

- Bố đã nói với con là bố bắn trúng hấn! Hấn ở xa tới hai trăm thước và đang bỏ chạy, thế mà bố vẫn bắn trúng hấn! Lẹ lên Chuck. Chúng ta đi thu thập hấn.

Trên bãi cỏ, không khí lung linh chập chờn theo hơi nóng ban trưa. Devraux đặt bàn tay dè dặt lên vai người Mỹ:

- Vết máu nhạt. Con mình không bị thương nặng. Nếu tiếp tục đi, ông sẽ khắc khừ, chịu không nổi cái nóng cực độ lúc mặt trời đứng bóng. Tốt nhất ta quay về trại, chờ khi mặt trời dịu, ta đi săn tiếp.

- Nếu hôm nay mưa nữa ta trễ giờ săn mất!

Devraux vừa nói vừa nhún vai:

- Vào giờ này người sung sức nhất đuổi theo con thú ấy còn bị nguy hiểm. Huống hồ với điều kiện hiện nay của ông... đó chắc chắn là chuyện điên khùng.

Mồ hôi tuôn thành dòng trên khuôn mặt thượng nghị sĩ. Mắt ông lơ đãng vì uống quá nhiều ki-nh. Nhưng ông vẫn nằng nặc:

- Tôi quyết tâm lùng và diệt con vật đó, Jacques ạ. Tôi đã bắn trúng hấn, tôi sắp giết được hấn.

Người Pháp thản nhiên đáp lại, với thái độ dứt khoát:

- Thế thì kể từ lúc này, tôi hết chịu trách nhiệm về phần đi săn còn lại hôm nay.

Chia ngón tay cái vô ngực mình, Nathaniel Sherman cao giọng sôi máu:

- Vậy cũng tốt thôi, Jacques. Tới lượt tôi. Tôi sẽ tự mình chịu cái trách nhiệm khôn kiếp này.

Nhìn xuống vết máu dây lờ mờ trên cỏ, ông giận dữ sải chân vô rùng. Chuck theo cha bèn gót. Sau một thoáng lưỡng lự Jacques Devraux với mấy người Mọi dò dấu thú cũng đi theo, giữ cách một quãng.

Trong nửa giờ, hai cha con lần theo những vết bấn có màu đỏ đỏ. Tới sau cùng, họ thấy chúng dần dần biến mất vào một cái trảng có những lùm tre gai dày đặc bọc kín.

- Chuck này, bố đoán chắc chúng ta đang tới khá gần hắc. Hắc núp trong một xó xinh nào đó quanh đây thôi. Và đang liếm vết thương của hắc.

Nathaniel lột mũ xuống. Trong khi lau khuôn mặt rờn rờn mồ hôi, ông bắt gặp có cái gì đó động đậy trong đám cỏ mọc lúp xúp lộn xộn. Chỉ tay vào lùm tre gai, ông hỏi con bằng giọng thì thảo sôi nổi:

- Chuck, con có thấy cái đó không? Bố nghĩ mình đã tìm ra hắc. Dù lùm tre gai dày đặc không thể nào nhìn rõ, Chuck vẫn thấy có một mảng bóng tối màu nâu đen nhúc nhích, không làm lẫn vào đâu được. Cậu lập tức nâng súng lên.

- Khoan. Hắc của bố!

Bằng cử chỉ quyết liệt, ông hất nòng súng của con qua một bên. Mắt Nathaniel long lanh, hơi thở phì phò, cánh mũi phập phồng khi ông nâng súng lên, bắn thật lẹ vào mảng bóng tối đó, bắn liên tiếp cả hai nòng.

Vang lên tiếng bùm bụp của đầu đạn trúng mục tiêu. Rồi hai cha con nghe có tiếng thân xác nặng nề lăn lộn điên cuồng giữa lùm tre gai kín mít như bủa lưới. Sau vài giây, chấm dứt mọi động đậy, cái trảng im lìm trở lại. Thượng nghị sĩ vừa toét miệng cười với con trai vừa nạp thêm hai viên đạn vào ổ súng:

- Chuck này, có phải bố đã nhiều lần nói với con rằng có quyết tâm là có tất cả, đúng không? Đi với bố vô ngó hắc!

Chuck lưỡng lự trong khi cha cậu bước loạng choạng về phía lùm tre gai dày đặc. Ngay lúc ấy, Devraux và mấy người Mọi vừa tới trảng. Khi người Pháp thấy hoạt cảnh đang diễn ra, hắc giận dữ

thét lớn, quát thượng nghị sĩ đứng lại. Nhưng nếu Nathaniel có nghe ông cũng không thềm để vào tai. Chuck kêu lên khi cha bước tới một kẽ hở giữa lùm tre gai:

- Bố ơi! Chờ thêm chút nữa có phải tốt hơn không?

Thượng nghị sĩ dậm chân, ngoái lui:

- Này con, chính ta là người bắn con trâu đó. Con sợ thì cứ đứng đó chờ với với bọn Mọi.

Rồi không đợi nghe trả lời, ông bước lẹ vô lùm tre gai. Nhức nhối vì câu nói của cha, Chuck vọt qua chỗ đất trống, xông tới.

Bên trong lùm cây mịt mù, Nathaniel sững sốt thấy mình lập tức mặt đối mặt với một con trâu rừng đen thui và khổng lồ đang đứng thù lù một đồng. Tính từ mặt đất lên vai, trâu cao hơn thước tám. Con thú mắt xanh, đồ sộ, đứng vượt quá đầu ông, đang lắc lư trên bốn chân. Chung quanh trâu, một vùng cỏ mọc lè tè vậy đầy máu, sát rạt và tan nát vì trâu lăn lộn. Vừa thấy Nathaniel, con vật hạ cặp sừng nhọn hoắt xuống. Một cặp sừng dài tới chín tấc, đang trong giai đoạn phát triển sung mãn nhất của chúng. Dù khi đặt chân vào lùm cây, thượng nghị sĩ đã kê sẵn súng trên vai trong tư thế sẵn sàng nhả đạn nhưng ông chưa kịp bóp cò trâu đã chồm lên người ông.

Cục xương u nằm giữa hai sừng trâu húc thật mạnh. Nathaniel mất thở. Ông gập người trên chiếc cổ trâu to tướng, úc núc các bắp thịt săn vòng như cái bườu. Ông treo thân trên đó một giây trước khi trượt người qua một bên. Trong khi người ông lạng xuống đất, con trâu rừng húc liên tiếp vào thân xác ông, hất người ông văng hết bên này qua bên kia cho tới khi trâu xóc được chiếc sừng dài vô mình ông.

Sừng xóc ngay chỗ nách, từ đó thọc lên móc thẳng vào khớp xương đòn gánh nơi bả vai trái và chậm chậm xoay thân mình Nathaniel thành vị trí thẳng đứng, đeo dọc sừng sâu. Bấm hai chân sau, con trâu rừng khổng lồ rống lớn, lồng lên, câu bóng ông lên quá mặt đất, day qua day lại nhiều lần như lắc lắc một hình nộm làm bằng giẻ rách.

Khi Chuck chạy vào lùm tre gai cậu thấy cha như thể đang khom mình trên cái đầu cúi thấp của trâu trong tư thế hết sức bình lặng.

Cảm giác được sự nguy hiểm mới, con vật điên cuồng quẫy mạnh sừng cho rớt cái gánh nặng móc trên đó. Trong hôn mê, thượng nghị sĩ thành linh bị hất tung lên từ giữa hai sừng trâu, nơi ông vừa nằm không nhúc nhích như nằm giữa hai gọng nĩa.

Chuck bình tĩnh nâng súng. Cậu bóp cò đúng lúc con trâu phóng tới phía cậu. Cậu đã nhắm cẩn thận ngay chính giữa hai mắt trâu nhưng vì nó chồm tới nên đường bắn bị lệch. Phát đạn thứ nhất chỉ làm xước lớp da bên ngoài cổ trâu. Trong khoảng cách một tầm tay, trâu cất đầu lên lao cặp sừng đâm máu người cha vào thân thể người con khi Chuck bắn nòng súng thứ hai. Viên đạn bay đúng vào ngực trâu, làm nó bị thương trí mạng nhưng không chặn nổi đà xung kích dữ dội đang lao tới và không gạt nổi hai vành trắng lưỡi liềm bằng xương thọc vào thân thể cậu với tất cả sức lực của cổ trâu mạnh bạo.

Chuck ngã xuống, bụng bị đâm thủng. Trong khi cậu quần quai đau đớn dưới đất, con trâu húc cậu thêm cú nữa. Trong cú húc thứ hai, một chiếc sừng trâu thọc vô phổi Chuck nơi vùng cao phía bên trái lồng ngực. Mũi sừng nhọn hoắt đâm thấu trái tim cậu. Trong khi con vật rống lên, ngúc ngắc đầu trên cơ thể Chuck, cậu thấy sát ngay trước mặt mình những sợi lông xám quanh cái mõm đen sì và rộng.

Chuck cảm thấy cái nóng trong hơi thở đầm máu và tanh tươi của trâu. Từ bên dưới thân trâu, cậu có thể thấy da bụng trâu tái nhợt kỳ dị và màu hồng hồng giữa hai chân sau của trâu đang dang rộng. Và thấy bìu dài trâu với bong da đen sẫm sần lại, cậu nghĩ, đối với một con vật khổng lồ và có sức tàn sát như thế này, thì cái bong da ấy có vẻ nhỏ quá, không thích hợp chút nào, trông như thể một món đồ chơi.

Rồi Chuck nghe xa xa có tiếng nổ của một khẩu súng khác và cảm giác sức va chạm của những viên đạn rắn đặc ấy làm thân trâu rùng rùng. Nhưng ngay lúc đó, cái thân hình đen đui to tướng của trâu sụm xuống, đè lên người cậu: trâu đã không còn sự sống sau phát súng thứ hai của cậu.

Kỳ lạ thay, cảm giác cuối cùng của cuộc đời Chuck không phải là cái đau đớn của những vết thương khủng khiếp do con mìn ấy gây

ra. Trong khoảnh khắc sau chót, vết xước nóng bừng trên bắp chân trái, chỗ con bọ cạp đốt cậu tuần trước, hình như đang rực cháy một ngọn lửa mới mẻ và nhức buốt. Cậu cố nhấc bàn tay lên để sờ nó để xoa nó, nhưng bỗng dưng một trạng thái vô cùng mệt mỏi nhận chìm cậu xuống. Và bàn tay cậu chẳng bao giờ còn có thể với tới nơi nó định tới.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

TẬP I - Phần II - 1 -

Những nền móng của kỷ nguyên thực dân — mà trong suốt thời gian đó các nước da trắng châu Âu thống trị những vùng đất bao la ở châu Á, châu Phi và châu Mỹ La tinh — lần đầu tiên bị xói mòn chỉ từ trong một thập niên đầy náo động của thế kỷ hai mươi. Những cuộc cách mạng, ban đầu của Trung Hoa Quốc Dân Đảng lật đổ chế độ quân chủ Mãn Thanh năm 1911 để thiết lập nền cộng hòa dân quốc, rồi sau đó, của Đảng Cộng Sản Nga lật đổ Sa Hoàng năm 1917 mở đầu chế độ Cộng Sản toàn trị tại Liên bang Xô Viết; cuộc Thế giới Đại chiến 1914-1918 vừa làm các chính quyền ở châu Âu bị suy yếu trầm trọng vừa khiến dân chúng vùng thuộc địa nhận ra rằng các chủ nhân ông da trắng có vẻ bất khả chiến bại ấy cũng có thể tự hủy hoại tột độ một cách điên rồ. Tình trạng bị xói mòn của hệ thống thực dân lại tăng nhanh hơn nữa do sự thành lập Cộng Sản Quốc Tế vào năm 1919. Tổ chức này được sử dụng cách riêng cho việc đánh bại chủ nghĩa tư bản trên toàn thế giới. Vào cuối thập niên 1920, các phái viên của Cộng Sản Quốc Tế Độ Tam bắt đầu công tác bí mật tại những lãnh thổ thuộc địa của các nước tư bản đang dần trải bao la và mong manh, để khai thác những bất mãn của nhân dân bản xứ. Trên khắp lãnh thổ An Nam, bất mãn chính trị càng sâu sắc thêm sau ngày Hoàng đế Khải Định băng hà quá sớm vào tháng 11.1925. Ông từ trần lúc chỉ mới 43 tuổi; người Pháp nắm lấy cơ hội đó để gia tăng tột độ ảnh hưởng của họ. Người Pháp nhất quyết đòi buộc ngôi vua phải dành cho con trai của ông là Bảo Đại, lúc đó mới 12 tuổi, đang theo học ở Paris. Họ đưa tư quân thiếu niên ấy về nước để tiếp nhận ngôi vua, sau đó, lại sang Pháp tiếp tục sống ở Paris, để được dạy bảo thêm bảy năm nữa. Trong thời gian đó, tuy triều đình có quan Phụ chính nhưng Khâm sứ Pháp tại Huế đích thân tiếm đoạt những gì còn sót của vương

quyền.

Khi còn sống, Khải Định không để lại được gì đáng kể cho quốc dân và hậu thế ngoài việc xây một lăng tẩm đồ sộ theo kiểu pha tạp Á-Âu. Ông chỉ là một quốc chủ bù nhìn và sang triều Bảo Đại cũng chẳng khác chút nào; hai vị vua ấy chỉ là công chức ăn lương của Pháp. Thực tế, kể từ ngày Paul Bert giữ chức Toàn quyền Đông Dương, nhà vua chỉ còn là người ký sắc dụ cho người Pháp thực hiện mọi ý muốn của họ. Trong khi đó, theo những điều khoản của hòa ước Patenôtre 1884 giữa Pháp và nhà Nguyễn, chỉ có Nam kỳ nằm dưới quyền thống trị trực tiếp của Pháp, còn Bắc kỳ và Trung kỳ theo chế độ Pháp bảo hộ, thuộc quyền của nam triều. Tại Nam kỳ, việc cai trị làng xã do Hội đồng hương chính. Các thôn xã hợp thành tổng; nhiều tổng hợp thành tỉnh, do người Pháp làm tỉnh trưởng. Tuy thế, một số tổng quan trọng hợp thành huyện với huyện quan là người Pháp, hoặc đôi khi người Việt. Tại Trung kỳ và Nam kỳ, tuy vẫn giữ hệ thống cũ với các quan tri huyện tri phủ và quan đầu tỉnh là tuần phủ hay tổng đốc người Việt nhưng mỗi tỉnh có một viên công sứ Pháp, là người hầu như nắm toàn quyền quyết định, kể cả binh quyền.

Người Pháp đặt ra các thứ thuế đình (đánh trên mỗi đàn ông), điền, thổ trạch, muối, thuốc phiện, xuất nhập cảng, v.v. Họ trực tiếp khai thác hệ thống ngân hàng, các công ti rượu, thuốc phiện, xi-măng, gỗ, đồn điền cao su, v.v. Năm 1890, tổng số diện tích đất Pháp khai thác trên toàn cõi Đông Dương là 11.390 mẫu tây, sang tới năm 1939, con số này lên tới một triệu mẫu, riêng ở Nam kỳ là 610.000 mẫu. Người dân quê An Nam hiền lành và cần cù không chịu đựng nổi cuộc sống cơ cực tại nông thôn, một cổ hai tròng Pháp và quan lại nam triều cùng cường hào ác bá thôn xã. Họ lâm vào hoàn cảnh dễ bị dụ dỗ hoặc cưỡng bách đi làm phu-phen hay cu-li ở các đồn điền; thường có ngày đi chẳng có ngày về, nhất là những người làm cu-li cho các đồn điền cao su đất đỏ vùng đông nam bộ, mỏ than Hòn-gay, thường bị hành hạ, đánh đập hoặc chịu ma thiêng nước độc, chết vô số. Ngược lại, so sánh với các vùng đất thuộc địa khác của Pháp trên thế giới, Đông Dương là chốn béo bở nhất, được Pháp khai thác triệt để và thu lợi ngon lành

nhất.

Thảm trạng đó khích động tình cảm chống Pháp, đồng thời được cổ vũ bởi những thành công của Tôn Dật Tiên và Mao Trạch Đông bên nước Trung Hoa láng giềng, những người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc và những người An Nam theo chủ nghĩa cộng sản bắt đầu tổ chức hàng ngũ mình chặt chẽ hơn. Cuộc Đại Khủng hoảng Kinh tế năm 1929 với việc lúa gạo bị sụt giá thê thảm làm cuộc sống gian khổ thêm, thậm chí nạn đói lan tràn tại nhiều vùng đất thuộc lãnh thổ Đông Dương, khiến tâm trạng nổi loạn ngày càng bén nhọn và sôi động hơn.

Hậu quả của những tác động mạnh mẽ và hỗ tương đó là các phong trào chống Pháp —trước đây vốn là phạm vi dành riêng cho giới sĩ phu An Nam thừa quyết tâm nhưng thiếu tổ chức chặt chẽ, được đánh dấu chấm dứt vào thời điểm 1926 với phong trào đòi ân xá cho Phan Bội Châu, và sự từ trần của Phan Châu Trinh tại Sài Gòn — nay vào lúc kết thúc thập niên 1920 này, bắt đầu khuấy động các tầng lớp trí thức trung lưu trong công sở, trường học và các tập thể quần chúng đang lao động cực nhọc trên ruộng lúa, trong hầm mỏ và đồn điền cao su.

Ngọn cờ đấu tranh giải phóng dân tộc từ tay giới nho sĩ cựu học trong các phong trào Cần vương, Văn thân, Duy tân, Đông du, Đông kinh nghĩa thực, Quang Phục, v.v. khép lại với sự kiện Phạm Hồng Thái của Tâm Tâm Xã ám sát hụt Toàn quyền Merlin tại Quảng Châu năm 1924, từ đó mở ra một giai đoạn mới. Ở Paris có Đảng Việt Nam Độc Lập do Nguyễn Thế Truyền, Phan văn Trường tổ chức trong giới sinh viên và anh em làm tàu biển. Hà Nội và Huế có Đảng Phục Việt, tiền thân của Tân Việt Cách Mạng Đảng với Lê Huân, Nguyễn Xuân Chử, Tôn Quang Phiệt, Đào Duy Anh... Bắc kỳ có Nam Đồng Thư Xã với Phạm Tuấn Tài, Nhượng Tống, Nguyễn Thái Học, hạt nhân trở ra VN Quốc Dân Đảng, như một hành động cuối cùng chống Pháp bằng bạo động. Nam kỳ có Hội Kín Nguyễn An Ninh. Rồi ba chi phái cộng sản Quốc Tế Đệ Tam: tháng 6.1929, Đông Dương Cộng Sản Đảng; tháng 10, VN Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội biến thành An Nam Cộng Sản Đảng; và qua tháng 1.1930, một số đảng viên Tân Việt tuyên

bố thành lập Đông Dương Cộng Sản Liên Đoàn.

- 1 -

Như mọi năm, đêm nào gió mùa bắc nam điên cuồng cũng tạt mưa như trút nước xuống những hàng cây cao su san sát nhau, mọc lên từ đất rừng nâu đỏ ở đồn điền Vị An, cách Sài Gòn một trăm cây số về hướng bắc. Trong bóng tối nửa khuya mịt mù, những hàng cây rậm lá ấy đứng thẳng, im lìm và ướt sũng dưới trời mưa xối xả. Trên mỗi thân cây cao su, cách mặt đất chưa tới một thước, có mọc một chiếc chén thiếc, cỡ khất thực, dùng để hứng thứ mủ trắng như sữa chậm chậm ứa ra, chảy xuống theo đường lằn chéo rạch sẵn. Trên nền đất trong các gian lều vách bằng cốt mỏng, mái dột nát, lợp lá cọ, cất thành từng dãy nhà lán dài song song nhau và nằm khuất trong đồn điền cao su Vị An rộng mênh mông, năm trăm cu-li An Nam — mà công việc chính và bất tận của họ là rạch rãnh trên thân cây cao su, cào rãnh và vét sạch mủ trong những chén thiếc nhỏ nhoi ấy, dưới ánh sáng xám xám từ lúc trời chưa rạng sáng — đang nằm co quắp hoặc ngồi co ro, cố nhắm mắt ngủ chập chờn giữa tiếng mưa sầm sập.

Đối với trí óc mụ mẫm vì lao khổ và nhiều mê tín của phu cạo mủ, chính những hàng cây cao su có vẻ xa lạ, dài dằng dặc, đứng tiếp liền nhau theo một khoảng cách đều đặn như các đoàn quân ma di hành qua khu rừng quý giá và hoang sơ của tổ tiên, đã kích động cho cơn bão hằng đêm ập tới, để đẩy những gian nan nghiệt ngã trong cuộc đời vùi dập của họ lên tới tột điểm khổ nạn.

Tại Làng Số Ba, khu vực qui định nơi ở của năm trăm cu-li, họ bị dồn chật ních trong từng nhà lán tới độ trong bọn họ có nhiều người phải ngồi ngủ gà ngủ gật. Ngô văn Đồng và Học, em trai cậu, nằm rúc người vào nhau trong bóng tối của nhà lán. Nước mưa dột thành dòng qua mái lá lợp không đủ độ dày, làm ướt sũng bộ quần áo sờn rách trên mình hai anh em. Gần bên chúng, một cu-li lớn tuổi nằm trên nền đất, chân co sát bụng, hai tay ôm chặt ngực, đang chịu cơn sốt rét, người run lẩy bẩy và miệng rên từng chập theo tiếng răng đánh lập cập.

Dù chưa quá tuổi thiếu niên, vẻ ngoài của hai cậu bé An Nam đã trải qua những đổi thay khốc liệt trong bốn năm vừa qua, kể từ buổi chiều Joseph Sherman và Paul Devraux công kênh hai anh em chạy vào lều bạt nhà bếp của Ngô văn Lộc, cha của chúng và là người “bồi” trại săn của Jacques Devraux. Cơ thể của chúng cực kỳ thiếu dinh dưỡng, xương thịt còi cọc, da lốm đốm ghẻ lở. Mười tám tháng làm việc không ngừng giữa những lối đi đầy bóng lá âm u và bệnh bông mằm sốt rét trong đồn điền cao su làm khuôn mặt hai anh em choắt lại, phờ phạc. Ban ngày, hai con mắt lờm và lơ đãng của chúng phản ánh sự khốn khổ bên trong con người, ngoài sức tưởng tượng so với hai cậu bé hồn nhiên cười nắc nẻ hồi năm 1925 trước đây.

Nhân lúc gió mưa tạm ngừng cơn gào thét, nhà lán tương đối im ắng, Học nín lấy Đồng, kề miệng sát bên tai anh, nói thật nhỏ, giọng thì thầm sợ hãi:

- Hình như anh ấy không còn rên. Anh có nghĩ là chết rồi không? Trong bóng tối gần như đen đặc Đồng không thể nhìn rõ cử động nào của người phu cạo mủ ấy. Suốt mấy tiếng đồng hồ vừa qua, anh ta run rùng rùng, vừa rên vừa than thở, nhưng lúc này từ chỗ anh ta nằm không phát ra âm thanh nào. Nhận thấy mình mảy Học đang bắt đầu co giật, Đồng ép sát thân thể tro xương và cao hơn người An Nam bình thường của mình vô thật sát bụng em rồi vòng hai tay quàng chặt lưng em:

- Đừng nghĩ tới chuyện đó nữa. Chắc anh ấy ngủ say. Anh em mình cũng rán ngủ đôi chút!

Học cố nhắm mắt nhưng dạ dày lép kẹp và cơn cào của cậu lại nổi cơn sôi ruột quen thuộc khiến cậu không thể nào làm theo lời anh. Đã sáu giờ kể từ lúc hai anh em chia nhau suất cơm còm cõi được nấu bằng gạo hẩm trong chiếc ca sắt móp méo đặt trên bếp lửa bên ngoài nhà lán như thường lệ. Giếng quá sâu, khó đào vì nhiều đá ngầm, nước rỉ không ngang mặt gàu lại đỏ ngầu. Hết thầy phu cao su đều dùng nước múc từ những con suối mằn mặn, đầy muối sốt rét, chảy lơ đãng qua đồn điền, để nấu ăn hoặc đun thật sôi mà uống. Hễ lần nào thấy mình hâm hấp nóng, Học tự hỏi phải chăng mình bắt đầu nhiễm sốt rét ác tính.

Không muốn Học sợ quá mất ngủ, từ đằng sau em, Đồng thầm lặng trườn mình trong bóng tối, đưa tay huơ, cho tới khi bàn tay quờ quạng của cậu chạm trúng mặt người bệnh. Da thịt ẩm ướt ấy lạnh ngắt tự bao giờ, nhờn nhợt nước mưa trộn với mồ hôi của cơn sốt cực điểm và chí tử. Bàn tay đang rờ rẫm của Đồng bỗng tự động rút về, như có ý báo cho cậu biết rằng lần này hai anh em không thể tránh khỏi công việc đáng sợ là phải chôn cất xác chết. Trong thời gian cả hai ở đồn điền Vị An, tại Làng Số Ba này đã có tới hơn một trăm cu-li qua đời vì sốt rét, đói hoặc tự tử — nhưng chưa có người nào chết trong khi nằm ngủ kể bên chúng.

Đột nhiên Đồng tự hỏi biết đâu sáng sớm ngày mai, chuyển đi vào rừng ngăn ngui với thầy ma này lại cho hai anh em thêm một cơ hội bỏ trốn. Nhưng lập tức cậu gạt hẳn ý nghĩ đó. Trước đây, Đồng và Học đã cố trốn hai lần và lần nào cũng bị đám người Mọi chất phác và quen thuộc địa hình, săn đuổi tới cùng. Túm được hai anh em, họ lột hết quần áo, trói quặt hai tay ra sau, tròng vào cổ mỗi đứa một sợi thừng bện thật chắc bằng dây rừng, rồi điệu về đồn điền. Mỗi lần bắt lại được một cu-li bỏ trốn, mấy người Mọi có tròng mắt trợn ngược và ư la hét đó được gã Pháp quản đốc đồn điền thưởng công năm đồng bạc trắng.

Chiều đến, trước sự chứng kiến của toàn thể cu-li trong đồn điền, Đồng và Học bị một tốp “cai” dùng roi mây to tướng quất mạnh vào gan bàn chân, mỗi bên năm chục cái. Dù hai bàn chân sưng vù, chưa khô máu, ngay sáng hôm sau hai anh em vẫn phải làm việc, phải đạt chỉ tiêu chích mủ và cạo mủ. Chân nhảy cẫ nhắc từ cây cao su này tới cây cao su nọ, mãi hơn một tháng sau mới đi đứng bình thường như cũ. Sau đó, cố trốn lần thứ hai. Lại bị bắt, bị đánh đập lần nữa. Lần này tàn tệ hơn lần trước. Thậm chí còn bị tống vô xà lim nền đá trong đồn binh Ngã Ba Ông Đồn. Mỗi đứa bị nhốt riêng một buồng. Buồng này cách xa buồng kia trong bóng tối ngửa bàn tay không thấy. Lần đó, cả hai chịu mười bốn ngày biệt giam, chân đeo cùm sắt rất nặng, chỉ được nhai cơm khô. Suốt hai tuần lễ không một lần thấy ánh mặt trời.

- Anh Đồng này, liệu anh em mình có phải đi vào rừng chôn xác anh ấy không?

Giọng Học đứt quãng qua hai hàm răng cắn chặt, hơi thở nóng hổi bên vành tai Đồng, như thể đọc được ý nghĩ của anh. Người Học càng lúc càng rung mạnh làm Đồng e ngại có lẽ mình cũng bắt đầu lay cơn sốt.

- Đừng lo. Em còn nhỏ ai bắt đào huyết. Rán ngủ một chút.

Cách nhà lán khoảng tám trăm thước, trong biệt thự dành cho quân đốc đồn điền, bản nhạc “Muskrat Ramble — Cuộc dạo chơi của chuột xạ”, do Louis Armstrong và Kid Ory hoà tấu, khi lào xào khi rít lên ken két như đang cố chống chọi, đua chen với tiếng gầm thét của cơn mưa đầu mùa gió chướng để âm thanh của nó lọt vào tai người thưởng thức. Trên cửa ra vào và cửa sổ treo màn sa tanh cắt may thật khéo, vừa vặn khuôn cửa, lúc nào cũng buông kín mít như ngăn không để lũ muỗi sốt rét bay tới gần thân xác vạm vỡ và nặng chình chịch của Claude Duclos, một dân đảo Corse trạc tuổi bốn mươi.

Duclos đang nửa nằm nửa ngồi trong ghế mây dưới hơi gió mát rượi của quạt máy, tay mặt cầm ly whisky pha sô-đa ướp lạnh. Hắn lắng tai nghe nhạc jazz với vẻ mặt trầm ngâm, suy tính. Khi hết đĩa nhạc, hắn nhòm người lên nóc căn ly, không chờa một giọt, rồi gõ càn cạch chiếc ly không lên mặt bàn thấp có lót kính, kê bên cạnh.

Trong khi chờ hiệu lệnh ấy được đáp ứng, Duclos đứng dậy đi lờ quờ tới chiếc máy hát quay tay đặt trong cái kệ bằng gỗ sồi, trên đầu chạm trổ mấy cành nho, kê nơi góc phòng. Hắn nhắc cần mạ kèn lên. Tay hơi lóng cóng, hắn thay cây kim mòn bằng một cây kim thép khác đã được cậu bồi mài thật sắc, đựng trong hộp thiếc nhỏ.

Khi Duclos bắt đầu cho máy hát chạy trở lại, cửa phòng mở ra, màn vén qua một bên và một thiếu nữ An Nam rất trẻ đi vào. Hắn xoay người lơ mơ ngắm. Cô gái bước tới bàn, cầm chiếc ly rỗng lên rồi đi ra ngay, không đưa mắt ngó hoặc liếc Duclos. Trên sàn nhà bóng lưỡng bằng gỗ thông, bàn chân trần của cô gái không gây một tiếng động, với bước đi uyển chuyển, đều đặn và nhịp nhàng của một người nhà quê quen gánh nước. Cô mặc kiểu y phục các “con gái” hầu hạ trong nhà người Pháp đều mặc y hệt nhau: váy

dài màu đen, yếm trắng có hai sợi dây cột ra đằng sau, để lộ hoàn toàn hai vai, hai cánh tay và nguyên chiếc lưng trần trắng trẻo. Trên mái tóc đen tuyền, cô gắn một rẻo vải nhỏ cũng màu trắng. Người Duclos hơi lão đảo, miệng âm ừ chõi nhịp với âm thanh rôn rảng của đĩa nhạc. Hắn chờ tới khi cánh cửa đóng lại thật êm sau lưng cô gái mới loạng quạng lần về ghế ngồi.

Trong nhà bếp, “con gái” của Duclos bình thần pha thêm cho hắn một ly rượu dù đã thấy hắn hai chân đứng không vững. Vừa rồi, cử chỉ gõ mạnh ly trên bàn của hắn là hiệu lệnh cho cô phải tuyệt đối vâng lời. Lệnh ấy cũng có giá trị không kém lúc chàng vạng tối, hắn ra dấu tỏ ý muốn cô ngủ lại với hắn suốt đêm nay.

Phần cô, cô hiểu rất rõ rằng việc người mẹ goá bụa và bốn anh em trai của mình được tiếp tục cho ở lâu hay mau trong dãy nhà chái dành cho bồi bếp, đằng sau lô đất trung tâm này, tùy vào việc cô an phận chiều theo, nhiều hay ít, mọi ý muốn của quản đốc đồn điền. Dù đã hết sức gạt sang một bên, thỉnh thoảng trong tâm trí cô vẫn hiện lên hoạt cảnh cưỡng bách và thô bạo sắp tới, khiến cô không che giấu nỗi sự cau có bức bối đang vẽ thành lần trên bộ mặt cam chịu.

Thông thường, trên giường của gã tây thuộc địa, thân hình cô vốn đã nhỏ bé lại càng co rút thảm hại dưới thể xác đồ sộ của Duclos dù đôi khi hắn tỏ ra cố gượng nhẹ. Hiếm khi hắn say nhưng cô có kinh nghiệm nhiều lần trước đây rằng tình trạng ngà ngà rượu sẽ biến cơn thèm khát nhục dục của hắn thành cuồng bạo. Cô đã rót cho Duclos năm sáu ly đầy ắp nhưng vẫn không thể biết tại sao hôm nay hắn uống quá nhiều rượu đến thế. Đột nhiên, hy vọng rằng biết đâu cơn say khướt sẽ làm hắn riu mắt ngủ gục ngay trên ghế, không nhớ tới mình nữa, cô cho thêm thật nhiều whisky trước khi chế sô-đa vào ly.

Trong căn phòng chính của ngôi nhà, Duclos lại ưỡn người ra ghế, tự hỏi tại sao “con gái” pha rượu lâu đến thế. Hắn đưa mắt nhìn quanh, tia mắt vô tình đậu lại trên bức điện tín đánh từ Paris đang nằm lơ lửng ở góc bàn bên cạnh. Khịt khịt mũi cáu tiết, hắn với tay cầm lên. Rồi bằng giọng mũi khinh khỉnh, hắn gục gặc cầm đọc gần từng tiếng:

- Các cổ đông yêu cầu giải thích tại sao tháng vừa qua số lượng sản phẩm xuất xưởng bị giảm. Thiết yếu là cần phải gia tăng sản xuất ngay lập tức để tới cuối năm hoàn thành chỉ tiêu dự trù.

Trong một chốc, Duclos hằm hằm ngó bức điện rồi nổi khùng, hấn vo mạnh, thành một cục tròn, ném vô góc nhà. Có phải bọn cổ đông khôn kiếp ấy chẳng bao giờ thoả mãn? Con số bình quân sản phẩm hàng tháng hiện nay cao hơn bao giờ hết. Kể từ lễ Giáng Sinh tới nay hấn đã cho xây thêm mười bể mới, lắp thêm một máy sấy khô, một nhà kho mới — và mọi sự đã đạt chỉ tiêu, bất chấp thực tế tháng nào cũng có hai chục tên “da vàng” ốm yếu lăn đùng ra chết vì sốt rét!

Lần đầu tiên, kết quả hàng chờ đi chỉ mới sút giảm có một tí người ta đã muốn lấy máu của hấn! Họ đâu hiểu rằng hấn làm sao có thể bòn rút sản lượng ngày càng nhiều từ một lực lượng lao động bị bóc lột tận xương tủy qua việc họ chỉ chịu chi quá ít tiền nuôi nấng nó? Bộ họ không hiểu rằng ngay cả ngựa thồ cũng không thể kéo nặng nếu chẳng được cho uống nước và ăn rơm ãen cỏ đầy đủ? Máy móc cũng thế, nếu không được bảo trì tương xứng, nó phải hỏng thôi!

Duclos lại nguyên rửa các cổ đông rồi ngược mặt lên nhìn “con gái” An Nam vừa thâm lặng xuất hiện sát bên hấn. Khi đặt ly rượu mới pha xuống bàn sát bên khuỷu tay Duclos, cô tránh không nhìn chủ. Vẻ nhần nhục quen thuộc trên bộ mặt an phận của “con gái” làm hấn đột nhiên nổi khùng thêm. Nếu là đàn bà châu Âu, có lẽ ít ra cũng đã vén môi, dù chỉ để mắng chửi hấn về việc uống quá nhiều rượu! Làm như thế tại cái xứ nhiệt đới An Nam khôn nạn này, rừng này, cái nóng này và những tên “da vàng” còm cõi kia chưa đủ cho hấn chịu đựng! Con điên tiết cuồng nộ của hấn đối với các cổ đông ở chốn xa xôi nay đột nhiên và phi lý đổ ập xuống đầu người thiếu nữ câm nín.

Duclos chụp cánh tay cô gái. Cô đứng yên chịu đựng nắm tay không lồ kèm cứng của hấn nhưng vẫn giữ nguyên ánh mắt nhìn xuống sàn nhà. Trong cuồng nộ, hấn muốn bẻ cho gãy cổ tay mảnh mai có những đường gân xanh như cành sen ấy. Hấn bóp thật chặt cho tới khi người cô gái co rúm lại, nước mắt cô ứa ra. Rồi khi cơn

thịnh nộ lên tới cực điểm, hấn bồng hạ hoả, mím miệng cười. Duclos một tay cầm ly rượu, một tay giật ngược chiếc yếm của “con gái” lên cho tới khi nó bị bứt tung quá đầu cô, phô trọn vẹn bộ ngực trần, nhỏ nhắn và trắng tươi. Hấn gật gật đầu ngó cô, tiếp tục mím cười. Rồi hất hàm ra hiệu về phía cửa, hấn xuống giọng bằng tiếng bản xứ:

- Mây vô giường. Cởi sẵn váy ra!

Cô gái nhần nhục, lượm chiếc yếm đưa lên che ngực, đi như chạy ra khỏi phòng. Duclos tắt máy hát, tợp một hơi cạn ly rượu. Sau một tiếng khè đầy hơi men, hấn bước tới, cúi xuống lượm bức điện tín mạo phạm lên. Nhè nhẹ vuốt tờ giấy cho phẳng phiu, hấn lặng yên nhìn nó. Duclos lại ngồi xuống, đọc tới đọc lui không biết bao nhiêu lần. Vừa đọc hấn vừa gõ gõ ngón tay lên đĩa nhạc còn gắn trên máy hát, theo một nhịp điệu khích động, như thể đang đánh trống. Cuối cùng, hấn đứng thẳng người lên, vươn vai thở phào: xong, đã tìm ra giải pháp. Hấn gầm gừ thành tiếng:

- Được! Nếu Paris muốn bằng mọi giá tháng này sản lượng phải cao hơn, họ sẽ có! Cứ để cho họ học bài học tư bản chủ nghĩa theo một cách thức ác liệt nhất. Kể từ sáng mai, tụi “da vàng” bắt đầu làm việc mỗi ngày sớm hơn nửa giờ. Mỗi đũa phụ trách năm trăm cây thay vì ba trăm năm chục cây như hiện nay! Nếu bọn chúng có lãn đùng ra chết lẹ hơn cũng chẳng phải “lỗi tại tôi”!

Sãi chân bước ra khỏi phòng, Duclos nhần mặt ngoài tay ra sau lưng giật mạnh cánh cửa, đóng rầm lại đằng sau. Vô tới phòng ngủ, hấn thấy cây đèn nhỏ đã được thắp sáng. Qua cảnh sắc lờ mờ bên kia lớp màn chống muỗi, mắt lưới mỏng bằng vải tuyn, hấn có thể nhận ra hình dáng sẫm màu của cô gái nhà quê An Nam đang nằm chờ, trên người không một mảnh vải. Hấn vén màn, đưa mắt đỏ ngầu nhìn xuống.

Cô gái nằm hơi nghiêng, một chân co lên, dùng bắp đùi che không để Duclos thấy chỗ bụng dưới. Đầu cô ngoảnh sang phía bên kia, tay gác lên che mặt. Vì cô nằm gần như ngửa nên đôi vú dàn ra trên lồng ngực, trông như ngực trẻ con. Chỉ hai đầu vú ánh lên phơn phớt hồng dưới ánh đèn mờ đục, vẫn nhỏng và căng dù cô đang e sợ. Hấn cũng căng phòng hạo hức nên lóng cồng lắm mới

cởi xong quần áo.

Cuối cùng, Duclos cũng hạ được tấm thân phốp pháp nhóp nhép mồ hôi và rất nặng của hắn xuống, phủ trùm lên cô gái. Lập tức, hắn lật đặt đưa hai bàn tay thô nhám banh hai bắp đùi nhỏ bé của cô ra thật rộng. Rồi hắn lệ làng nhập vào mình cô, không để ý tới tiếng rên đau đớn từng chập vọng lên từ bên dưới bộ ngực đầy lông của hắn.

Mấy phút sau, trong tiếng đồng hồ kêu tích tắc thật chậm, Duclos cong người lên rồi rập xuống mạnh hơn, miệng kêu ư ử như một con vật, cho tới khi hắn trút vào cô thú tính của hắn. Xong, thể xác đồ sộ của hắn đổ sập xuống, ngã vật qua một bên. Lập tức, tiếng ngáy đầy men rượu của hắn cất vang, làm chìm lĩm tiếng khóc rầm rút túi hận của cô gái An Nam nhỏ bé

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 2 -

Trong trời còn lâu mới rạng sáng, chiếc áo choàng đen dài tối tăm của đêm vẫn bọc kín rừng thẳm lẫn Làng Số Ba trong đồn điền cao su, bọn cai An Nam, những kẻ tiếp tay cho quân đốc đồn điền người Pháp và các nhân viên người Âu, đã bắt đầu khua keng rên lên trên khu nhà lán. Bên trong những dãy lều lụp xụp, nhèm nhẹp và đầy hơi người, cu-li lập tức đuổi hai chân cứng nhắc, vươn hai vai tê mỏi, lê thân ra khỏi manh chiếu ẩm ướt. Họ biết rõ chỉ chưa đầy một hai phút, bọn cai sẽ ập vào nhà lán, quật mạnh ba-toong xuống để đánh cho bật người lên những kẻ chậm chạp.

Chân vấp loạng choạng, Ngô văn Đồng lật đật kéo em đứng dậy khi Sáu Nam, thường thích được gọi văn vẻ là Đức Anh, gã cai mặt rỗ hoa, mắt còn một con, phụ trách dãy nhà lán của hai anh em, đang lạch bạch trở tám thân to béo cục mịch tới. Hắn là kẻ thuộc tầng lớp đặc quyền gồm những gã An Nam hung ác, trình độ trí tuệ thấp kém, may mắn được học hành đôi chút, thường phục vụ thực dân Pháp trong vai trò cai ngục, cai phu hoặc sen-dầm. Trong số bọn cai của đồn điền này, cai Đức Anh được Duclos đặc biệt chiếu cố vì tâm địa hằn tằn nhẫn và tính khí hằn thích những trò độc ác. Hợp với tinh thần nô dịch mà lúc nào cai Đức Anh cũng tìm cách chứng tỏ cho Duclos thấy, hắn dùng trò trừng trị người đồng chủng để biểu lộ lòng trung thành và thiện chí đối với quan tây oai vệ, đồng thời khẳng định quyền uy của hắn trên các cu-ly hèn mọn.

Khi cai Đức Anh đặt chân tới khu vực của Đồng và Học, trời mới bốn giờ sáng. Hách dịch, hắn trợn mắt dậm bước vô nền đất giữa nhà lán, đi thẳng tới chỗ hai anh em, quét đèn pin hết bên trái sang bên phải để tìm lý do vung lên ngọn roi mây to tướng hằn vẫn dùng làm ba-toong. Cai Đức Anh chưa đặt chân tới gần, đã nghe có tiếng tiếng sần sật rừng rợn của ngọn roi mây quất vào da vào

thịt. Một cú. Hai cú. Đồng và Học nghe tiếng roi quật xuống nhưng không làm văng lên tiếng thét đau đớn van xin nào như thường lệ. Quật xuống thân xác người cu-li tới lần thứ ba, cai Đức Anh mới kịp nhận ra rằng con người bất hạnh nằm đó đã vượt qua tới bên kia những thống khổ, khốn khó và lao động sản xuất. Không dừng chân, không tỏ vẻ hối hận, hắn chĩa đèn pin vô mặt hai anh em. Hắn vung roi, quát lớn bằng giọng the thé nặng nề lời phát âm miệt ngoài Huế:

- Đi lấy dây thừng, đòn gánh với xẻng, rồi sương cái xác hôi thúi này vô rừng giải quyết! Mau!

Với bộ mặt hung hiểm, cai Đức Anh thêm lần nữa hoa roi thành một vòng cung hăm dọa. Hai anh em Đồng và Học đi rồi; hắn rút trong túi áo sơ-mi ra cuốn sổ nhỏ. Gầm gừ ư ử trong cổ họng, hắn cẩu kính vạch vào sổ một dấu chữ thập, ngay phía dưới con số thứ tự của nhà lán.

Bên ngoài nhà lán, trong bóng tối, Đồng đứng lại, đẩy cậu em đang run lấy bẫy vào vách nửa mỏng mảnh:

- Em núp lại chỗ này! Anh đi nhờ Già Trung phụ một tay. Nhớ lấy cả đồ nghề của anh với em. Nếu anh về không kịp, khi điểm danh nhớ lãnh đủ hai suất ki-ninh.

Cậu nhét vô tay em cục cơm nguội nhỏ bằng nắm tay bọc bằng lá cọ, được mỗi cu-li dành dụm từ đêm trước để sáng hôm sau có cái ăn lấy sức bắt đầu một ngày lao nhọc mới:

- Học ăn vắt cơm của anh cho khỏi sốt — sáng nay anh không đói.

Lặng lẽ gạt đầu, Học ngó anh lao mình chạy đi lấy dụng cụ mai táng nơi khu nhà ở của bọn cai. Khi trở về, Đồng thấy người chết nằm co quắp, cứng đờ, không có chút sức nặng nào. Cũng như nhiều tá điền khác ở vùng châu thổ sông Hồng, anh buộc lòng phải lê bộ mặt hốc hác vào miền nam vì các trận bão mới đây liên tục tàn quét phương bắc, làm đê vỡ, ruộng vườn ngập nước. Anh vào làm việc tại đồn điền cao su này chưa tới một tháng đã đầu hàng bệnh sốt rét. Phờ phạc kiệt sức vì công việc nặng nhọc và những đợt sốt ác tính, anh nói rất ít về bản thân và về gia đình mình bỏ lại ở ngoài kia.

Già Trung, một cu-li ký hợp đồng ba năm, tính người quen chịu

đựng. Già đã quá kỳ hạn vẫn phải tiếp tục ở lại đồn điền vì không đủ tiền và không có quần áo lành lặn mặc về quê. Già rất thương Đồng và Học, sẵn sàng giúp đỡ mỗi khi hai anh em cần tới.

Không hiểu Già Trung moi từ đâu ra một cút rượu để tráng nấu bằng gạo. Ông phun rượu vào các khớp xương tay chân người chết rồi kéo chúng duỗi ra. Xong, ông cuộn xác vào manh chiếu lác, tài sản độc nhất của người phu cạo mũ vẫn số. Dùng sợi thừng Đồng đem về, ông thắt hai thòng lọng tròng vào hai đầu cuộn chiếu.

Phần dây còn lại, ông thắt thành một chiếc gióng để luồn cây đòn gánh vào đó. Cứ xong mỗi công đoạn, ông lại chấp tay vái người chết một vái. Ông làm các việc ấy một cách gọn gàng tươm tất, chứng tỏ ông đã quá quen với việc chôn cất.

Già Trung và Đồng mỗi người một đầu, gánh xác chết đi về phía bìa rừng cách đó tám trăm thước. Cai Đức Anh đi theo canh chừng. Con mắt độc nhãn của hắn long lanh sòng sọc. Tay hắn thỉnh thoảng hoa roi vun vút sau lưng hai cu-li, thúc cho họ bước nhanh hơn. Sau cùng, hắn quát lớn, vung roi thật mạnh để buộc hai cu-li phải đi sâu vô rừng:

- Sương nó vô trong nó thiệt sâu, xa bìa rừng ít nhất một trăm thước!

Bầu trời rạng dần với những vệt sáng yếu ớt từ phương đông le lói rọi tới. Khi hai cu-li mới vào rừng được khoảng ba bốn chục thước, khuất tầm mắt của tên cai, Già Trung lập tức đứng lại, ra hiệu cho Đồng cầm xẻng đào đất:

- Lẹ lên! Giờ này lũ cọp đói bụng nhất!

Đồng đào như điên. Cậu dùng xẻng ị ạch hất lên những tảng đất ngấm nước mưa nặng trĩu. Phải mất hơn chục phút mới đào được một lỗ sâu chừng năm tấc. Khi Đồng ngừng một chút để quạt mồ hôi ngang lông mày, Già Trung đặt bàn tay báo động lên vai cậu: “Nghe!” Cả hai căng thẳng, đứng cứng người, lắng tai nghe ngóng rừng cây đang im lìm bọc kín bốn phía.

- Tao chắc chắn có nghe tiếng con gí kêu sột soạt.

Già Trung ngược đầu vểnh tai lên lâu hơn một chút rồi nhìn xuống lỗ huyệt:

- Đủ rồi! Mày túm một đầu chiếu.

Đồng tần ngần ngó xuống lòng huyết chưa đủ sâu:

- Nhưng còn cạn quá...

Dưới lùm cây từ một chỗ khá xa đằng sau hai cu-li, có tiếng chân dậm mạnh, rồi tiếng gầm của cai Đức Anh vừa lớn vừa lấp bắp:

- Tau kêu... mi núm lấy! Mau.. lên!

Đồng làm theo lời gã cai. Cả hai thả hình hài xương xẩu và không còn sự sống xuống chỗ đất lồi như ổ gà. Già Trung tháo dây thừng, quấn vào hông để lát nữa nện lại cho bọn cai. Xong, ông sửa lại manh chiếu ngay ngắn, đắp kín mặt người chết. Ông chấp tay vái lia lia bốn vái, rồi dùng cả hai tay lùa đất phủ với Đồng, thật lẹ. Khi vùi xong, không hiểu sao một bàn chân của người chết lại bật lên, lòi ra trên mặt đất. Thấy vậy Đồng chụp xẻng định đào nữa. Già Trung túm vai Đồng, xoay hẳn người cậu về hướng Làng Số Ba:

- Đừng! Vậy thôi, đủ rồi! Mày lương tâm quá! Nó còn tốt hơn, sâu gấp vạn những cái huyết tao từng thấy trước đây. Mình không lập tức vọt cho lẹ thì xong ngay cuộc đời chung với nó!

Đồng ngoái nhìn lần cuối, người nổi gai ốc khi thấy bàn chân ấy như thể tách lia khỏi xác chết, giơ lên kêu cứu trên mặt đất đỏ trong rừng. Cậu nhắm mắt khấn vái tổ tiên mình cùng tổ tiên người vừa quá vãng, khấn cầu tha thứ. Rồi Đồng quay mình chạy thật lẹ, bắt cho kịp Già Trung.

Khi hai cu-li chạy hết tám trăm thước, về tới khu vực nhà lán, con cộp già âm thầm theo dõi họ từ lúc này trong chỗ tranh tối tranh sáng, lúc này trườn mình ra khỏi chỗ rình. Không một chút khó khăn, con thú ngoạm bàn chân đang chia lên trời, kéo xác người cu-li lên khỏi mặt đất rồi cả thú lẫn người biến mất trong vùng cỏ mọc cao ngang đầu gối. Ung dung nơi hang sâu, chẳng mấy chốc hai hàm răng mạnh bạo của cộp cắn nát vụn lồng ngực và đôi vai gầy còm của người phu cạo mủ bạc phước ấy, biến chúng thành một cục nhuyển nhừ, đầm máu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 3 -

Đồng và Già Trung nhào vào hàng điếm danh bên ngoài khu nhà lán, đứng kèm hai bên Học, đúng lúc việc kiểm người và phát liều thuốc ki-ninh buổi sáng vừa chấm dứt. Học còn tái xanh nhưng người đã bớt run rẩy. Năm trăm phu cạo mủ Làng Sô Ba xếp hàng ngang, thành mấy cụm phía trước các nhà lán, đứng câm lặng, lấm lét. Họ chỉ dám đưa mắt dò hỏi nhau với lòng thắc mắc tại sao sáng nay bị dựng đầu dây quá sớm, hơn thường lệ nửa giờ. Và tại sao hình dáng vạm vỡ, đáng sợ của gã quản đốc đồn điền đã lù lù một đồng ở đó, dưới cột đèn độc nhất trong khu vực nhà lán. Hơn nữa, hình như hân đang nóng nảy chờ sớm kết thúc cuộc điếm danh tập thể.

Lưng và vai trầy trụa những vết roi vừa bị quất nhắc cho phu cạo mủ nhớ rằng sáng nay bọn cai và mấy tên phụ tá tây thuộc địa hung hãn khác thường. Phải chăng toàn thể cu-li cần được trừng trị vì đêm qua có xảy ra một âm mưu nổi loạn tập thể nào đó ở Dầu Tiếng? Hoặc có thêm mấy căn nhà ở của bọn cai trong một đồn điền nào đó ở Trăng Bom bị cu-li đốt? Nắm chặt cây móc, đồ nghề chích mủ, cái cù ngoéo bằng sắt, đồ nghề cạo mủ, và thùng đựng mủ của mình, ai nấy đều thấp thỏm chờ đợi, e ngại nhìn gã quản đốc đồn điền và ngó cây roi mây trong tay tên cai đứng gần hàng của mình.

Duclos leo lên chiếc thùng tô-nô gỗ lật sập, kê riêng cho hân, ngay chỗ bóng đèn rọi thẳng xuống. Dù trời chưa sáng hân, Duclos đã như thường lệ, đội chiếc mũ cối làm bằng ruột bần. Hai tay áo sơ-mi dày xăn cao quá cùi chỏ, phô lộ lộ hai bắp tay rắn chắc, rám nắng. Hân mặc quần soóc, lòi hai bắp chân mọc đầy lông. Chân mang ủng đi rừng to như chân voi, với bít-tắt dày và ngắn. Bụng hân quần thắt lưng da to bản. Ngang hông, đeo oai vệ con dao rừng dài như mã tấu, cán bằng xương, cầm gọn gàng trong bao.

Đứng trước toàn thể cu-li, bàn tay mặt của Duclos theo thường lệ, đặt lên chuôi dao, như thể đó là thanh kiếm nghi lễ. Hít một hơi thật sâu cho căng phồng thêm lồng ngực vốn đã to không kém thùng phuy, rồi vênh mắt nhìn vào đám đông cu-li đang cúi đầu, Duclos rống lên bằng thứ tiếng Việt rất sôi:

- Tôi nói thêm lần nữa cho các người hiểu. Hai chục năm trước đây, trên toàn cõi Đông Dương này, hoàn toàn không có một cây cao su nào. Biết chưa? Các người nghe rõ không? Mười lăm năm trước, tại đây, nơi cái đồn điền tôi và các người đang sống và làm việc hôm nay là rừng rú chưa ai khai phá, chỉ có voi, cọp và lũ thú hoang đi lại từng bầy từng lũ! Rồi người Pháp chúng tôi tới đây, vượt qua hai chục ngàn cây số đường biển. Các người nghe rõ không? Chúng tôi làm đường sá, lập làng mạc, mang cây cao su vô đây, trồng cây cao su bạt ngàn, hết cây số này tới cây số khác trên đất đai bỏ hoang của các người. Chúng tôi đã lập nên các khu vực thịnh vượng và văn minh kỹ nghệ trên vùng đất hoang đầy đầy vi trùng sốt rét của các người! Các người nghe rõ không?

Ngừng một chút, hấn chống nạnh, ưỡn người lên theo tư thế nghênh chiến:

- Chúng tôi đã phải bỏ hết sức lực ra lao động suốt bao nhiêu năm trời mới thành công, mới có được chén mủ cao su đầu tiên, các người nghe rõ không? Bao mạnh thôi gãy cây lớn, lửa rừng đốt rụi từng vạt, hạn hán tàn hại cây con — nhưng chúng tôi không bao giờ chịu thua, cứ thế chúng tôi gây giống!

Duclos ngưng nói, tiếp tục ngạo mạn rướn người lên cao hết cỡ:

- Ngày nay, đồn điền của chúng tôi đã thành một nơi tươi tốt nhất toàn cõi Viễn Đông! Các người nghe rõ không?

Phu cạo mũ ngo nguậy bứt rút. Mắt họ tránh nhìn bộ mặt gườm gườm của gã Corse. Trong các cu-li, những người lớn tuổi nhất, từng nhiều lần nghe mãi câu chuyện kể công huênh hoang ấy, ình cảm rằng cứ mỗi lần bị nghe là cuộc sống khốn khổ của họ sắp phải nếm thêm mùi vị khắc nghiệt mới.

- Tôi, Duclos, tôi chịu trách nhiệm quản lý đồn điền Vĩ An này. Tại đây, tôi không tha thứ cho bất cứ tên “da vàng” nào biếng nhác, lười chây thây, làm ăn chẳng ra cái đồng để gì...

Cặp môi Duclos cong cớn đầy vẻ miệt thị khi hắn dùng cái lối gọi có tính sỉ nhục của tây thuộc địa: “jaunes, những tên da vàng”.

- Tháng vừa qua, sản phẩm của chúng tôi sụt hẳn vì sự lười biếng đê tiện của các người. Các người làm mất lòng hết thầy quý vị chủ nhân có cổ phần ở Paris. Họ muốn rằng năm 1929 này phải là năm sản xuất cao su nhiều hơn năm nào hết. Tôi và các người chỉ còn chưa tới ba tháng nữa là hết năm. Các người nghe rõ không? Vậy, chỉ tiêu chăm sóc cây hằng ngày của mỗi cu-li được tăng lên cho đúng với năng xuất lao động của các người. Nghĩa là từ ba trăm năm chục cây hôm qua sẽ lên thành năm trăm cây kể từ hôm nay. Các người nghe rõ không?

Dừng lại lần nữa, Duclos đưa mắt khiêu chiến nhìn lần lượt từng hàng người An Nam đang tái mặt, co rúm:

- Đó là lý do sáng nay các người được đánh thức sớm. Tôi nhắc lại, kể từ hôm nay, các người mỗi người phải giải quyết mỗi ngày năm trăm cây — người nào không đạt đủ con số đó sẽ bị trừng trị bằng cách trừ tiền lương, cho ăn đòn hoặc bị giải tới nhốt xà lim trong đồn Ngã Ba Ông Đồn, cùm bằng xích sắt. Các người nghe rõ không?

Một thanh niên phụ tá người Pháp chuyên nuôi con ngựa trắng Duclos thường ngày cỡi dạo quanh đồn điền, bước ra theo tay vẫy của hắn. Anh ta giữ cho con vật đứng yên, chờ chủ leo lên, xong kính cẩn trao chủ dây cương. Giật cương quày đầu ngựa đối mặt với đội hình cu-li, Duclos rút cây ba-toong dài bằng gỗ trắc trong chiếc bao da gắn một bên yên. Hắn đứng thẳng người trên bàn đạp: - Đi làm, lẹ lên! Hễ làm chưa đủ chỉ tiêu chớ vác mặt về cho tôi thấy.

Vừa gào lớn lệnh xuất phát, Duclos vừa thúc ngựa xông vào mấy cu-li đứng hàng đầu, làm họ hốt hoảng, quay lưng, chạy tán loạn về phía rừng cao su.

Vẫn chưa tới năm giờ sáng. Trong trời nhá nhem khó có thể phân biệt rõ cây nọ với cây kia, Đồng và Học thở hỏn hển chạy dọc các hàng cây đứng san sát nhau trong lô cao su phân công cho hai anh em. Chân chạy liên tục từ cây này sang cây nọ, cứ cách vài phút chúng gọi lớn tên nhau để khích lệ và dò chừng người anh em đang

làm tới đâu.

Lần chích mủ thứ nhất ba trăm năm chục cây mất năm tiếng đồng hồ, phải làm xong trước mười giờ sáng. Cả hai chỉ dám bỏ ra chưa đầy một phút cho mỗi cây. Dùng cù ngoéo cạo sạch mủ khô, sửa ngay ngắn chén hứng mủ và ấn mũi mác rạch mấy đường lần mới để ban ngày cây theo đó ứa nhựa ra. Hai anh em phải làm chừng ấy việc thật lẹ và kỹ. Nếu có một đường rạch chưa đủ độ sâu, bị tên cai An Nam hoặc nhân viên người Pháp nào đó kiểm tra phát hiện, cứ tính mỗi cây năm roi.

Đúng mười giờ, tiếng còi hụ chẻ không khí nóng bức bên trên đồn điền báo hiệu sắp bắt đầu việc lấy mủ. Vừa nghe còi hụ, hai anh em chạy hai cây số ngược trở lại chỗ bắt đầu các hàng cây của mình. Chúng lại lần nữa khởi sự lao từ cây này sang cây khác, trút sạch từng chén hứng mủ vào chiếc thùng mang theo. Thùng đầy, chúng xách thùng tới một trong nhiều trạm gom mủ. Từ chỗ đó, xe tải chở mủ về các nhà kho trung tâm.

Lúc Đồng và Học làm xong việc lấy mủ, trời vừa đứng bóng. Ánh mặt trời rọi thẳng đỉnh đầu và rừng cây cao su bốc hơi nghi ngút trong cái nóng ngột ngạt. Sau bảy giờ vất vả không ngừng, hai anh em mệt lả, vật mình xuống mặt đất đỏ dưới bóng cây cao su. Gần năm trăm cu-li khác trong đồn điền cũng chẳng hơn gì, đều nằm lịm như chết. Vừa cảm thấy đỡ mệt đôi chút, họ bật dậy, lật đật nấu nước uống và nhai vôi nắm cơm để dành từ tối qua; vừa ăn vừa chiêu vài ngụm nước cho dễ nuốt.

Tiếp đó, thông thường từ một giờ trưa tới lúc mặt trời lặn, họ phát quang các bụi cây thấp hoặc làm cỏ quanh gốc cây cao su, nhưng với chỉ tiêu mới do Duclos đề ra sáng nay, họ phải chích mủ và lấy mủ thêm, gập rưỡi số cây thường ngày, dưới cái nóng ban trưa ghê gớm dù vừa tiêu hao quá nhiều sinh lực. Sau đó mới tới việc phát quang, làm cỏ cả năm trăm gốc cây.

Học đang làm nửa chừng lại lên cơn sốt, phải ngồi nghỉ. Đồng chạy như điên giữa các hàng cây nối tiếp nhau như vô tận; vừa làm cây của mình vừa làm thay cho em. Cậu thà kiệt sức, miễn sao cứu Học khỏi một trận đòn không tránh khỏi nếu tại trạm gom mủ, bọn cai mặt mũi châu quạu thọc thước đo vô thùng, thấy số mủ chưa

ngang lẫn mức qui định.

Sắp bảy giờ chiều, sau lưng hai anh em, mặt trời đang lặn. Hoàn tất con số chỉ tiêu mới, Đồng và Học kiệt sức, lê lét trở về khu vực nhà lán Làng Sổ Ba với bàn chân sưng vù, hai cánh tay gần như tê liệt.

Tới công, chúng thấy bọn cai đang lừa cu li tập hợp trước các dãy nhà lán để chứng kiến cảnh chúng công khai trừng trị những kẻ không đạt chỉ tiêu mới. Cu-li phờ phạc, hoảng hốt va vấp nhau trong khi bọn cai quát bừa roi mây vào đầu vào vai họ để xếp họ đứng quây thành vòng tròn. Một nhóm chừng ba bốn chục người đứng tách riêng ngay chính giữa vòng tròn, đầu cúi rù, mắt cụp, hai tay buông xuôi tuyệt vọng.

Đồng ép sát vào người Học, vòng tay ôm lưng em che chở và đẩy em len sâu vô bên trong. Ở đó, ít ra hai anh em không thấy hoặc không bị roi mây quát trúng như những người ở mé ngoài. Duclos đứng dạng chân trên mình ngựa, hằm hằm ngó xuống. Khắp khu vực nhà lán im bật khi hắn rút ba-toong ra khỏi bao da, vung lên thật cao, phát hiệu lệnh cho bọn cai ra tay.

Mê đầu tiên gồm năm cu-li. Họ bị đẩy nằm sấp mặt xuống mặt đất đỏ nhóp nhóp. Bệ vệ chỉ huy đầu đàn là gã cai Sáu Nam, tức Đức Anh. Hắn hạ lệnh cho năm tên phụ việc lấy roi mây quát xuống gan mười bàn chân trần đang lật ngửa. Trước khi cùng quát một lượt, chúng hoa ngọn roi lên đầu thật đều, theo một động tác vũ đạo đẹp mắt, có tính toán sẵn và thành thạo lâu ngày. Đánh nhịp cho các đường roi đúng qui cách ấy là tiếng thở nghèn nghẹt và tiếng khóc tím tím của kẻ bị đòn. Mỗi cu-li nạn nhân lãnh đủ năm chục roi, bất kể thiếu chỉ tiêu nhiều hay ít.

Cai Đức Anh bình thản đếm. Thỉnh thoảng hắn lăm lét liếc Duclos để đảm bảo mình thực hiện đúng ý của chủ. Tới lần roi thứ năm chục, cai Đức Anh ra hiệu cho năm tên phụ việc dừng tay. Chúng lập tức buông roi, túm vai nạn nhân lôi dậy, bất chấp tiếng van nài xin nhẹ tay của họ.

Duclos lại vung cây ba-toong, hét lớn:

- “*Nhanh như thỏ!*” Bây giờ, chạy mau lên, vọt lẹ như thỏ rừng cho ta coi!

Bọn cai lấy đầu gậy chọc vào mông năm nạn nhân cho tới khi họ nhấc nổi bàn chân sưng vù và tươm máu lên, nhảy cẫng chung quanh vòng tròn gồm gần năm trăm phu cạo mũ đang đứng. Ai té xuống thì bị roi quất cho tới khi đứng dậy nhảy tiếp. Năm nạn nhân miệng rên rĩ không ngớt. Người này vừa gượng đứng lên kẻ khác đã té xuống, khi đổi chân nhảy lò cò, khi ngồi nhảy xôm sát đất, khi vừa bò vừa trườn. Trông họ giống một cách quái đản những con thỏ rừng đang vọt mình chạy. Trong khi họ chưa nhảy tới đích, nhóm nạn nhân kế tiếp bị đẩy úp mặt xuống đất làm mẻ thứ hai. Cuộc trừng phạt đang tiếp diễn bỗng có tiếng động cơ gầm rú làm xôn xao hiện trường. Ba chiếc xe tải không mui chở đầy cu-li mới mộ lao nhanh vào khu vực nhà lán, tung bụi đỏ mù mịt. Theo sau đoàn xe, một chiếc Citroën đen bóng loáng chạy thẳng tới, rồi dừng lại kế bên con ngựa của Duclos. Cai Đức Anh đưa mắt dò hỏi nhìn chủ, không biết nên tiếp tục hay tạm ngưng cuộc trừng phạt. Gã Corse đưa tay ra hiệu cứ thế tiếp tục, đồng thời hấn trọn mắt xua đám đông tránh qua một bên, để những kẻ sắp làm cu-li nhìn tận mắt những gì đang diễn ra.

Vì cao hơn người bình thường, Đồng có thể nhìn qua đầu đám đông, thấy rõ đoàn người mới tới. Trong chốc lát, Đồng giật mình khi bắt gặp hai bộ mặt quen thuộc từ hơn một năm nay cậu không thấy.

Một người Âu cao, vai còng, mặc vét-tông trắng và đội mũ nỉ, từ chiếc xe hơi bóng lộn bước xuống, chìa bàn tay trắng xanh ra bắt tay Duclos. Đồng nhận ra ngay gã chính là Auguste Lepine, giám đốc Sở Mộ phu Bản xứ. Mười tám tháng trước đây, gã cùng với một tên cai dụ dỗ cậu và em cậu rồi chở thẳng vô đồn điền này. Tuy lòng vẫn căm hận gã, Đồng chẳng cảm thấy hứng thú ngó gã thêm lần nữa.

Cái nhìn sừng sờ của Đồng gắn chặt lên bộ mặt quen thuộc thứ hai ngay chính giữa đám đông người An Nam đang nổi gai ốc trên chiếc xe tải thứ nhất khi đột ngột chứng kiến trận đòn công khai này. Bộ mặt ấy phờ phạc với hai con mắt tìm kiếm đã lâu lắm cậu không thấy: đó chính là bộ mặt của cha cậu!

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 4 -

Claude Duclos đưa mu bàn tay lên quệt bột sâm-banh bám trên ria mép và thêm lần nữa rút đầy ly cho Auguste:

- Làm thế nào anh mộ được bọn chúng dài dài vậy? Tôi nghe thiên hạ đồn rằng anh cố ý phá cho đê miền bắc vỡ ra từng mảng và làm cho ngập lụt ruộng đồng ngoài đó để chở những tên “da vàng” đang đói lè lưỡi vô rừng cao su trong nam cho chúng tôi. Có đúng không đây?

Bộ mặt gà mái của Lapine cau lại; khắp khuôn mặt ánh lên vẻ cười khinh khỉnh. Thay cho câu trả lời, gã lôi trong va-li ra một xấp ảnh bóng láng, đặt xuống bàn, rồi đẩy về phía tên Corse. Khi ly của cả hai không còn rượu, Duclos sốt ruột động còm cộp chai sâm-banh rỗng lên mặt bàn. Cái nóng ngọt ngào làm hấn và gã mộ phu tươm mồ hôi dù có hơi gió nhẹ từ quạt máy thổi ra. Xa xa vọng về tiếng sấm báo hiệu cơn bão đêm sẽ tới sớm hơn thường lệ. Lau trán bằng chiếc khăn tay ướt sũng mồ hôi, Duclos nhìn xuống xấp ảnh. Một số bức ảnh cho thấy các gia đình An Nam mặc quần áo tươm tất, đứng cười tươi tắn trên lối vào các ngôi nhà khang trang được dựng trong khu vườn nhỏ có trồng hoa, cạnh những vạt cây cao su thẳng tắp. Trong mấy bức ảnh khác, những phu cao su trắng trẻo khỏe mạnh đang ung dung cạo mủ trong khi mấy người Pháp thân thiện, đội mũ cối trắng, đứng nhìn qua vai họ với vẻ mặt ân cần và độ lượng. Duclos vừa giở lướt từng bức vừa cười ác liệt:

- Tuyệt thật, ông bạn ạ. Quá tuyệt! Anh cho chúng nó chiêm ngưỡng ba cái thứ này, sau đó, anh phải dựng rào cản để lọc lựa hàng ngàn đứa đồ xô nhau tới dự tuyển, đúng không?

Gã mộ phu trả lời với giọng bị chạnh lòng:

- Không hoàn toàn dễ dàng như thế, Duclos. Mộ cho được phu cũng cực nhọc lắm. Năm ngoái, tôi chỉ có thể cung cấp cho các đồn điền ở Nam kỳ và Trung kỳ ba mươi lăm ngàn cu-li người bắc

— và gửi bằng tàu thủy mười ngàn tên nữa đi Nouvelles-Calédonie.

Người Corse huýt dài một tiếng sáo ngưỡng mộ:

- Bốn vạn rưỡi con người ta! Có phải anh kiếm mỗi đứa mười lăm đồng không? Nghĩa là được suýt soát bảy trăm ngàn đồng bạc Đông Dương!

Hắn nhắm mắt tính nhẩm rồi mở lớn mắt, nhè nhẹ huýt sáo thêm lần nữa:

- Auguste này, khoảng bảy triệu phật-lăng đấy — trong một năm kiếm tới chừng ấy bạc, chẳng tệ chút nào!

Nói xong, Duclos mỉm cười đưa tay phác nhè nhẹ một cử chỉ đầy ngưỡng mộ. Rồi hắn sờ vào bộ vét-tông bằng vải lanh may cắt thật khéo, áo sơ-mi lụa mềm mại, và ngó xuống đôi giày thủ công của gã mộ phu:

- Auguste ạ, thật không ngạc nhiên thấy lúc này anh đủ sức chung diện như một nhà đại quý tộc ăng-lê.

Lepine nói chua chát:

- Nếu mức hao hụt của các người tại mỗi đồn điền không lên cao như hiện nay, các người đâu cần tôi lúc nào cũng phải cung cấp cu-li mới. Nếu anh đối xử với bọn chúng khá hơn một tí, chắc chắn chúng không tự làm cho mình ra tàn tật, què chân gãy tay như bây giờ, để cố thoát cho khỏi nanh vuốt của anh vì thà đi ăn mày còn sướng hơn làm phu cạo mủ!

Gã liếc một xấp giấy khác:

- Con số người của anh chết sốt rét lại cao hơn lần trước. Tôi hỏi thật, anh khai như thế có phải để giấu diếm chuyện chúng nó hầu hết tự tử không đấy?

Duclos sùng sốt vì giọng điệu thù nghịch của Lepine. Hắn bực bội ngồi thẳng người lên trên ghế:

- Nay Auguste, cái mốt thời thượng tự ý hủy hoại thân thể ấy đang bị triệt cho bằng hết. Lúc này chúng nó đã biết dù có làm cho mình què chân gãy tay nặng tới cỡ nào đi nữa, cũng bị chúng tôi tống thẳng vô xà lim ở Ngã Ba Ông Đồn ngay tức khắc. Hơn nữa, nếu có nhiều tên “da vàng” chết sốt rét ngay chính trên thổ ngơi quen thuộc của chúng, tôi cũng đành bó tay thôi.

Hắn vừa nói vừa nhún vai tỏ vẻ bất lực:

- Tôi bị bắt buộc phải đối xử khắc nghiệt với bọn chúng. Lũ cổ đông ở Paris cứ cũng muốn tăng sản lượng lên mãi. Bọn chúng đầu tư mười hai triệu phật lạng, đã kiếm lãi được sáu triệu rồi — vậy mà lúc nào cũng muốn lãi nhiều hơn nữa.

Lepine ngáp, đưa bàn tay mệt mỏi lên vuốt mặt rồi cười khẩy:

- Anh chỉ nói tới các cổ đông ở Paris, làm như thể bản thân anh chẳng có tí cổ phần nào trong đồn điền này. Có lẽ anh cảm thấy dễ chịu cho mình hơn khi tưởng tượng ra tất cả những việc anh làm ở đây đều do chỉ thị của một bọn ăn thịt người đang ở chốn xa xăm nào đó.

Với nụ cười bối rối Duclos chống chế:

- Auguste ạ, số cổ phần của tôi ít lắm, chẳng đáng kể vào đâu so với các cổ đông chính.

Trong một thoáng hắn nhìn nét mặt cứng trũng như vỏ cây cao su của gã mộ phu. Những hố lõm thâm quầng quanh hốc mắt và nước da khô như đang rạn, cho thấy một tình trạng nghiện á phiện lâu năm. Duclos đoán tính dễ nổi cáu của gã phát sinh từ tật ghiền ma túy ấy:

- Nhưng anh bạn thân ạ, tại sao chúng ta lại sống ở xứ thuộc địa để kéo dài cuộc đời khốn nạn như thế này nếu không phải vì chúng ta muốn cho mình vui thú một chút, đồng thời dành dụm ít nhiều cho tuổi già, đúng vậy không?

Cổ làm gã khách vui lòng, tên Corse cầm ly sâm- banh lên, nâng về phía khách, mời gã cùng uống để tán thưởng ý kiến mình vừa phát biểu. Nhưng gã mộ phu vẫn lảm lì ngồi yên, không thêm đề ý tới Duclos.

Ngay lúc đó, có tiếng sấm nổ ran trên mái ngói và cơn bão ập tới. Mưa bắt đầu đổ ào ạt bên ngoài ngôi nhà. Cả hai lắng nghe trong một lúc rồi Duclos bèn chồm đứng lên, đi tới máy hát đĩa. Đề tay lên cần dây cót, hắn nói:

- Auguste ạ, có lẽ chúng ta cần một chút nhạc jazz. Tôi thấy nó là cái duy nhất giữ cho “con nhện u sầu” không giăng tơ quanh tôi những lúc tôi ở một mình. Khi không có ai ở đây, tôi cố giữ mình đừng uống nhiều rượu quá. Nếu không có thứ nhạc jazz mình thích

e rằng tôi không thể nào sống sót trong cái xứ nhiệt đới này. Anh muốn nghe loại nào? Tiếng kèn xác-xô của Sidney Bechet nhé? Tôi có “Wild Cat Blues — Nỗi buồn ghê gớm của mèo hoang”, hay “Kansas City Man — Người đàn ông Thành phố Kansas”? Lepine nhún vai hờ hững. Quán đốc đồn điền đặt lên máy một đĩa hát do hắn tự chọn. Trong một lúc, hắn đứng chăm chú lắng nghe tiếng kèn xác-xô đua chen với tiếng gầm rú của cơn bão ngoài trời. Rồi Duclos trở về ghế ngồi, cầm ly sâm-banh lên uống cạn. Hắn nói, nghiêng mình trịnh trọng về phía gã mộ phu:

- Này Auguste, cũng có một một thời thượng khác chúng tôi đang dập cho tắt ngúm tại đồn điền này, đó là chủ nghĩa Bôn-sê-vich. Anh có nghe nói tới tình trạng lộn xộn đang xảy ra ở đồn điền Michelin rộng lớn tại Phú Riềng với những “tên đỏ xách động” nguy hiểm không?

Nhạc jazz từ chiếc máy hát đĩa phát ra làm Lepine nổi quạu. Chân tay ngứa ngáy bứt rứt của kẻ hút á phiện bắt đầu làm gã nổi cơn thèm thuốc. Gã trả lời với giọng lạnh nhạt:

- Suốt tháng vừa qua tôi ở vùng đảo Thái Bình Dương, bạn quan sát những đồn điền tại đó.

Tên Corse khịt khịt mũi khinh miệt:

- Cách đây hai tuần có một cuộc nổi loạn tập thể. Bọn cai phát hiện được một âm mưu tổ chức đình công bị xúi giục bởi tụi Bôn-sê-vich và các phần tử thuộc cái gì đó gọi là “Việt Nam Quốc Dân Đảng”. Kết quả, sáu thằng cu-li bị cùm bằng xích sắt. Tôi có thể nói với anh rằng bọn cai của tôi ở đây thính mũi lắm. Hơi nghi ngờ có tí lộn xộn nào là tôi tổng cổ bọn xách động vô Ngã Ba Ông Đồn liền, treo ngược hai cái chân vàng khè lên cho bọn chúng mất đất bám trụ.

Nói xong, Duclos mím miệng cười gượng, hy vọng thuyết phục nổi Lepine chia sẻ lối khôi hài đen của hắn:

- Auguste ạ, trong chuyến hàng hôm nay anh có mang tên cộng sản Quốc Tế Đệ Tam nào tới nằm vùng ở đây không đấy?

Gã mộ phu quạu quọ trả lời:

- Duclos này, chỉ nội cái việc kiếm cho đủ số cu-li để đem vô đây cho anh cũng đủ nhức đầu rồi. Tôi không thể bảo đảm với anh rằng

chúng có lý lịch sạch sẽ theo cái kiểu anh muốn.

Vừa lúc đó cửa mở ra và đi vào người “con gái” An Nam chân trần, trên tay mang chai sâm-banh ướp lạnh mới khai hiệu Perrier-Jouet. Cô từ tốn rót đầy ly của Duclos rồi thăm lặng lui về phía cửa. Khi nâng ly lên uống, Duclos ngó Lepine với tia nhìn đầy ý nghĩa, nhướn nhướn đôi lông mày của hắn về hướng cô gái vừa đi ra. Lepine hạ ánh mắt xuống:

- Con đó chăm đọc tàu được chứ?

- Dứt khoát là được.

- Thế thì tôi chỉ đòi hỏi nó làm mỗi một việc đó thôi.

Gã mộ phu thận trọng nói ra lời ấy một cách đầy toan tính, mắt vẫn nhìn chăm chú bọt trong ly sâm-banh mình. Liên đó, gã thêm:

- Theo như tôi hiểu thật chính xác thì anh không giữ cậu “bồi” nào trong nhà mình, đúng không?

Trong một giây, Duclos có vẻ hoang mang. Khi hiểu ra chuyện, hắn nổi sùng, nói cộc lốc:

- Tôi cóc cần có thằng “bồi” nào trong nhà tôi. Đó không phải là một trong các thói xấu của tôi.

Giọng vẫn tự tin, gã mộ phu nói liền một mạch:

- Thật sao, Duclos, anh làm tôi ngạc nhiên đấy. Cũng đáng để mình cân nhắc chuyện lúc này ai chủ động việc cung cấp cu-li cho các người. Tôi có khuynh hướng ưu tiên nhớ tới lời thỉnh cầu của đồn điền nào mà mỗi lần tôi ghé qua, người ta biết lo liệu cung ứng cho tôi sự tiếp đãi chu đáo nhất.

Đôi mắt của Duclos hơi khép lại khi hắn ghi nhận ý nghĩa hăm dọa không chút che đậy trong lời vừa nói của gã mộ phu. Rồi hắn rặn ra trên môi một tiếng cười:

- Tôi là người của bá tánh mà, ông bạn Auguste! Tôi bảo đảm rằng chúng tôi có thể tìm ra một sinh vật trẻ trung và xinh đẹp cho anh. Cách đó khoảng tám trăm thước, ngay mé bên kia của đồn điền, trong khu vực có vòng rào vây kín và lênh láng nước mưa, Đồng với Học vẫn không nín nổi tiếng khóc khi hai anh em đeo sát cha trong bóng tối nhà lán mái dột vách thưa. Nằm quần vào nhau trên nền đất ướt nhẹp, Ngô văn Lộc và hai con sung sướng ủ ấm nhau trong một lúc thật lâu, không ai nói với ai lời nào. Đồng mở lớn

mắt lên nhìn nhưng trong bóng tối cậu chỉ thấy lơ mờ đôi nét quen thuộc trên khuôn mặt cha. Sau cùng, cậu lên tiếng, nói trong nước mắt:

- Làm sao cha tìm ra chúng con vậy cha?
- Việt Nam Quốc Dân Đảng giúp cho cha lần theo dấu vết của các con.
- Đảng đó là cái gì vậy cha?
- Đó là một hội kín có tổ chức trên cả nước, khắp nam trung bắc. Đảng đó mới được thành lập bởi những người còn trẻ và học giỏi, yêu nước và yêu dân tộc. Nó hoạt động để giải phóng đồng bào đất nước thoát khỏi sự đô hộ của thực dân Pháp!

Ngô văn Lộc dừng một chút rồi nói tiếp với giọng có phần trách móc:

- Nói cho cha biết, tại làm sao hai đứa con lại tới đây làm phu cạo mủ?

Hai anh em nhích sát vào nhau hơn. Rồi Đồng lúng búng kể:

- Sau khi bỏ nhà trốn đi, chúng con ra tới Đà Nẵng. Ở ngoài đó, chúng con gặp thằng Tây mộ phu, cái thằng hồi chiều tới đây theo đoàn xe tải chở cha đó. Hắn với một tên cai An Nam lừa phỉnh chúng con. Hắn cho hai đứa con, mỗi đứa ba đồng, nói đó là tiền ứng trước để làm việc trong một đồn điền cao su phía trên Quảng Nam. Bọn nó nói chúng con chỉ làm việc mỗi ngày sáu giờ, lãnh tới tám hào một ngày. Lại còn hứa cho nhà ở đàng hoàng, ăn uống đầy đủ. Mộ xong, bọn nó chất chúng con lên xe tải chở trâu bò chở tuốt vô đây. Ai tìm cách bỏ trốn thì bị đánh đập thê thảm.

Nhớ lại những gian nan vừa qua, giọng Đồng đầm nước mắt:

- Hai đứa con đã ra sức trốn hai lần nhưng lần nào cũng bị bắt lại, rồi bị đánh đập, bị biệt giam. Chúng con còn cố viết cho cha mấy bức thư — nhưng bị bọn cai tịch thu hết, đem đốt...

Chung quanh ba cha con, các cu-li bị trừng phạt hồi chiều lúc này rên rỉ và âm ỉ khóc trong giấc ngủ. Những người khác ngáy như cưa gỗ trong khi nước mưa dội ào ào không ngớt lên mái lá cọ mỏng manh trên đầu họ.

- Tại sao trước đó các con rủ rê nhau bỏ cha bỏ mẹ, trốn khỏi trại săn?

Hai anh em tần ngần ngó nhau rồi nhóm dậy. Chúng lùi người ra khỏi mép chiếu, ngồi bó gối trên nền nhà ướt đẫm, không trả lời. Người cha lại hỏi, với giọng nhẹ nhàng hơn:

- Tại sao, Đồng, con làm như vậy là có ý gì vậy?

Sau một hồi lâu im lặng Đồng mới chịu mở miệng:

- Cha ơi, chúng con xấu hổ chịu không xiết.

- Xấu hổ? Mà con xấu hổ chuyện gì vậy?

Trong giọng nói của Ngô văn Lộc có chút ghen ngào như gọi cho thấy anh có thể mừng tượng câu trả lời ra sao, và anh đang sợ.

Câu trả lời của Đồng gần như thì thào, nghe như hụt hơi:

- Xấu hổ về chuyện xảy ra đó... Chúng con quá tủi quá đau, vừa hận vừa tức việc mẹ đã làm... cả cha cũng biết việc đó mà.

Lộc nức lên thành tiếng than chua xót:

- Thiệt tình! Lúc đó cha nghĩ hai đứa con còn quá nhỏ dại, không thể nào hiểu nổi chuyện của người lớn! Cha định để sau này sẽ tìm cách giải thích.

Nói tới đây giọng anh trở thành rên rỉ:

- Nhưng bây giờ thì trễ quá rồi!

Học hốt hoảng nhào tới, bấu cánh tay cha:

- Tại sao cha nói là trễ quá rồi?

- Bởi vì lúc này, cha chỉ còn biết van vái hương hồn ông bà tổ tiên thấu hiểu cho cha, tha tội cho cha thôi...

Sự tuyệt vọng trong giọng nói của cha bất chợt truyền qua hai anh em một nỗi chua xót và cay đắng. Đồng hỏi:

- Cha nói vậy nghĩa là làm sao? Mẹ của chúng con đâu? Tại sao cha để mẹ ở nhà một mình mà tới đây?

Trong bóng tối, Ngô văn Lộc trườn người qua nắm thật chặt tay của hai con trai trong lòng bàn tay mình:

- Mẹ các con không còn ở trên đời này nữa!

- Có phải cha nói mẹ chúng con chết rồi? — hai anh em kinh hoàng hỏi lại.

- Phải. Mẹ các con chết hai tháng nay rồi. Chết trong nhà tù.

- Tại sao mẹ chết, lại chết trong nhà tù?

Lộc do dự rồi hít vào một hơi thật sâu:

- Cha với mẹ thu lượm tin tức cho nhiều hội kín cách mạng về

những công tác mật thằng Devraux làm cho Liêm Phóng Tây. Cha thường theo hấn qua Tàu qua Xiêm để lái xe cho hấn khi hấn đi điều tra các hoạt động của những nhà cách mạng lưu vong của chúng ta. Tới khi Việt Nam Quốc Dân Đảng thành lập hai năm trước đây, cha với mẹ bí mật gia nhập Kỳ bộ miền nam và được phân công tiếp tục do thám thằng Devraux...

Giọng người cha xúc động nức lên rồi lắng xuống thành tiếng thì thầm:

- Đó là lý do tại sao mẹ các con buộc lòng cứ phải làm cái việc đó — để cho thằng Devraux không nghi ngờ gì cả. Mẹ rất chán ghét việc đó! Cha cũng oán hận việc đó! Nó không thường xảy ra, nhưng hễ nó xảy ra thì cha với mẹ đều cố không nghĩ ngợi không thắc mắc về việc đó nữa — để chỉ định ninh một điều rằng mình đang hết lòng đấu tranh cho độc lập tự do của đồng bào đất nước. Học dùi mật vào vai anh, bắt đầu khóc thầm lặng. Trong một lúc thật lâu, bên trong nhà lán chỉ còn nghe nhịp điệu điên cuồng của cơn bão và tiếng rên rỉ của những con người mệt lả chung quanh ba cha con. Rồi Đồng nghẹn ngào hỏi:

- Nhưng cha ở đâu mà để cho người ta bắt được mẹ?

- Lúc đó cha có việc phải đi xa vài ngày. Trong khi cha không ở nhà, mẹ thấy có mấy tờ giấy trên bàn làm việc của thằng Devraux. Mẹ lấy đem giấu nơi nhà ở của mình vì nghĩ mấy tờ giấy đó có thể có ích cho đảng, nhưng chẳng may bị thằng Devraux tìm ra. Hấn bắt mẹ các con nhốt vô tù. Đảng báo động cho cha đừng về lại nhà đó nữa.

Lộc ngừng nói và thêm lần nữa, nghiền chặt hai hàm răng, hít mạnh để nuốt cơn xúc động:

- Một tháng sau, cha nghe tin mẹ từ trần. Bọn Tây nói mẹ các con chẳng may qua đời vì trúng gió mà chết! Nhưng một thằng cai tù ăn tiền kể cho cha biết mẹ bị tra khảo tới chết! Bọn Tây rất e sợ Việt Nam Quốc Dân Đảng và các tổ chức chống Pháp nên chúng dùng điện tra khảo bất cứ người tình nghi nào chúng bắt được.

- Chính hấn, thằng Devraux, chính hấn giết mẹ tôi!

Đồng nghiền răng, gằn từng tiếng trong cổ họng và kéo đứa em đang khóc rầm rức vào sát người mình hơn. Hai anh em ôm lấy

nhau, cùng lịm người trong côی cút, đau đớn và thương tiếc. Đồng thời hai hàm răng siết lại như cắn chặt con thù hận, không để tiếng khóc thoát ra ngoài lòng ngực.

Một lúc sau, cánh cửa đầu kia nhà lán bật mở và tiếng gào thét của cơn bão thành linh ập vào. Ánh đèn pin quét lui quét tới trên các thân hình cu-li đang nằm co quắp ngủ. Trong tấm vải nhựa che mưa sũng nước màu đen, hình dáng đồ sộ của Duclos lần mò đi dọc giữa nhà lán. Luồng ánh sáng chững lại trên hai anh em Đồng và Học. Sau một chút lưỡng lự, Duclos cúi xuống, túm cánh tay Học. Hắn gần như nhấc bổng cậu bé đang khóc thút thít lên sát đầu gối mình:

- Nào lẹ lên, cậu bé đẹp trai dễ thương, mày đi với tao! Đây không phải lúc ngủ. Có chỗ cho mày làm việc thêm tối nay.

Trên hiên nhà của quản đốc đồn điền, Auguste đứng dưới mái hiên ngắm mưa bằng hai con mắt lim dim say á phiện. Khi thấy Duclos băng ngang khu nhà ở, soãi bước trở về, tay lôi theo một cậu bé An Nam, gã mộ phu âm trầm mỉm cười với mình, đầu gật gù. Rồi gã vội vàng bước trở vô phòng ngủ, bắt đầu lần tay lên hàng nút áo sơ mi lụa.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 5 -

Từ khu vực nhà lán đen tối và chết lặng, tiếng keng rạng sáng rền lên, dựng đầu cu-li dậy. Trên hàng hiên ngôi nhà quản đốc đồn điền, Claude Duclos uống cạn tách cà phê đen thứ ba, cũng là tách cuối cùng. Mặt hần nhăn nhó, hần từng lần cau có giận dữ hơn thường ngày. Hần vừa đặt tách xuống đĩa, “con gái” của hần lảng vảng sẵn đâu đó sau màn cửa lật lật chạy ra, thu dọn khay ăn sáng của hần.

Hít vào phổi không khí ẩm ướt sương mai, Duclos mừng tượngĩ mình đang ngửi ra mùi á phiện thoang thoảng và bệnh hoạn gã khách của hần hút đêm qua, khiến hần khịt khịt mũi, cáu kỉnh thêm. Hần thấy những thói quen của con người gã mộ phu quả thật cực kỳ kinh tởm. Càng suy nghĩ Duclos càng tức thêm và ghét thêm. Nhất là hận sôi máu việc hần nhận ra mình bị lệ thuộc không gỡ nổi vào gã mộ phu trong vấn đề điền khuyết lực lượng lao động dưới tay đang mỗi ngày một suy kiệt.

Từ bên trong ngôi nhà, âm vang tiếng máy hát đĩa đang khọt khẹt bài “Cuộc đi dạo của chuột xạ” như hợp xướng một bản hòa tấu chỏi tai với tiếng hót lạnh lót của lũ chim hoang dã đang giấu mình trong các vòm cây ven rừng. Thở ra chậm chậm, Duclos nhắm mắt, cố để hết tâm trí vào điệu nhạc. Vài phút sau hần cảm thấy lòng dịu lại, trên mặt thoáng đôi chút thư giãn trông như thể một nụ cười. Hần dựa ngửa, tay gõ gõ mặt bàn, ăn ý với đầu chiếc ủng đi rừng nhịp nhịp sần gạch. Khi hần mở mắt ngó xuống đồng hồ, trên mặt lại hiện lên vẻ cau có.

Duclos có thể nghe từ bên khu vực nhà lán của Làng Thứ Ba vọng lại tiếng quát tháo âm ỉ của bọn cai An Nam đang lừa cu-li vào hàng điểm danh. Trong một lúc, hần tưởng mình có thể nhận ra từng tràng chửi bới thô tục của gã cai Đức Anh, thỉnh thoảng chêm vào tiếng roi mây quật sần sật vô da thịt của cu-li còn đứng lơ ngơ.

Kế đó, hắn đứng lên, kéo chiếc mũ cối làm bằng ruột bần xuống cho ngay ngắn trên đầu. Như thường lệ, bàn tay hắn tự động vỗ vỗ cây dao cán bằng xương đã cắm chặt trong bao.

Lúc dợm bước xuống hàng hiên Duclos bỗng nghe sau lưng có tiếng chân người. Quay lại hắn thấy Auguste Lepine người tươi tỉnh trong bộ vét-tông trắng, đang ra ăn sáng để chuẩn bị lên đường. Dù rõ ràng gã mộ phu vừa tắm rửa, người gã vẫn rỉ mùi mốc thoang thoang của kẻ nghiện á phiện khi gã đi ngang người Duclos để vào chiếc ghế dành cho gã nơi bàn ăn sáng. Cố tỏ vẻ nhã nhặn, tên quản đốc đồn điền mở lời thăm hỏi:

- Chào anh bạn Auguste. Hi vọng anh hài lòng với chuyến đầu tiên ghé lại Vị An này.

Lepine hạn chế việc xã giao của cả hai bằng một cái gật đầu cau có. Không nhìn lên, gã tự rót cà phê, húp rồn rột rồi cất tiếng phàn nàn, giọng chua như giấm:

- Thăng nhóc An Nam của anh có ghê — nó khóc lóc rên rỉ hoài!

- Yên chí, yên chí! Có lẽ lần tới tôi có đủ ngày giờ chuẩn bị. Từ tối qua, tôi đã biết mình phải tìm cái gì.

Duclos chìa bàn tay từ giã. Vừa dứt rút vì phải bắt tay với con người không hợp vệ sinh của gã mộ phu vừa cảm thấy có phần áy náy vì để gã ở lại một mình trước khi ra đi:

- Xin bỏ lỗi cho tôi... Tôi phải đi làm việc ngay.

Chuôi năm ngón tay chiếu lệ cho Duclos, Lepine không nhóm người:

- Tôi tin rằng kể từ hôm nay anh sẽ dùng dè sèn lực lượng lao động của mình. Trong tương lai, việc điền khuyết cho lần tới không dễ dàng nữa đâu.

Giọng nói của gã mộ phu nghe ra xúc phạm trắng trợn. Sau một thoáng chần chừ, Duclos bước xuống khỏi hàng hiên, giận dữ sải chân đi một mạch, không thèm trả lời.

Khi Duclos tới khu vực nhà lán Làng Số Ba bầu trời phương đông đã rạng nhưng bọn cai vẫn phát chưa xong liều thuốc ki-ninh buổi sáng. Lập tức, con giận dữ và cái kính hắn mang theo sẵn trong người từ ngôi nhà quản đốc bỗng bùng lên nghe như một tiếng rít thịnh nộ, ngân dài trong tai hắn. Hắn bốc một bụm thuốc, bắt đầu

đích thân phát cho các cu-li đứng hàng kế tiếp. Được nửa hàng, hấn đi ngang hai anh em Đồng và Học. Ánh mắt hấn rơi đúng trên con người Học. Cậu bé An Nam đứng với thái độ tuyệt vọng, cầm chức xuống ngực. Một tay cầm mác, một tay đeo lưng lẳng cù ngoéo cạo mủ. Và khi tên Corse tới gần, Học vẫn ử rử nhìn xuống đất, cả hai tay buông thõng, xuôi dọc thân mình.

Thấy cậu bé đem qua làm mất lòng gã mộ phu khả ô và vì thế, gây hại tới việc cung cấp cu-li trong tương lai, chân Duclos chứng lại. Hai vai gầy guộc và mặt mũi thiếu nảo của Học bỗng dung làm gã người Corse nhớ lại sự bất lực của mình khi nhận được những đòi hỏi phi lý của đám cổ đông ở Paris cùng với thái độ trịch thượng của gã mộ phu. Rồi, không một lời cảnh báo, hấn nắm chặt bàn tay đang phát thuốc thành nắm đấm, cung lên, động vô lồng ngực Học một cú trời giáng. Cậu bé bật ngửa, lăn xuống đất. Duclos gầm lên: - Mày, đồ ghê lở, đồ khốn nạn! Ngược mặt lên mà tỏ lòng cung kính đáng bẽ trên — bằng không tao sẽ cho mày thêm lần nữa được ném mùi xích sắt cùm chân ở Ngã Ba Ông Đồn!

Học lật người lồm cồm bò dậy. Trong một thoáng cậu cảm hận trùng trùng nhìn theo lưng gã Corse khi hấn quay mình tiếp tục đi phát thuốc. Rồi hai con mắt của Học vốn đỏ ngầu sẵn vì khóc suốt đêm qua thành linh trợn ngược, nổi cơn loạn trí. Cậu dậm chân, rẩy cổ tay cho tuột cù ngoéo. Bằng cả hai bàn tay, cậu nắm chặt cán mác. Từ chỗ đứng, cậu bung người vọt tới, vung ngọn mác dài và sáng loáng lên quá đầu.

Một tên cai An Nam thét giật ngược coi chừng. Duclos ngoái cổ nhìn lui đúng lúc cạnh sắc lēm của lưỡi mác xé gió chẻ xuống mũ cối của hấn. Vì hấn xoay đầu lại nên nhát chém lệch một bên sọ, chặt phẳng tai trái, cắm phập vào mạch máu và động mạch chủ ngay gốc cần cổ. Tác động của lưỡi mác làm gã người Corse đau xé ruột, toàn thân tê dại, khuyu đầu gối. Trong tư thế quì, Duclos choáng váng chập chờn, đưa tay quờ quạng mãi vẫn không sờ trúng cây dao cán xương, trong khi máu hấn vọt lên thành vòi, phun đỏ au khoảnh đất chung quanh.

Trước hình ảnh kinh hoàng đó, Học và Đồng nhắm mắt rụt người, nhảy lùi xa kẻ đang hấp hối dưới chân mình. Rồi Học bỗng oà

khóc nức nở. Chung quanh hai anh em, các cu-li khác giật mình, thảng thốt đứng nhìn chăm chú. Họ không tin có cảnh tượng tên quản đốc thường ngày oai vệ và thích hành hạ tra tấn mình, nay bị một thiếu niên chém gục trước con mắt sững sờ của mọi người. Rồi hận thù bùng vỡ, tràn lên như nước lũ cuốn phăng chiếc đập e sợ vô hình bên trong con người họ. Vài người lao mình tới, thét lên lắm nhảm, đua nhau vung mác bừa xuống đầu xuống vai kẻ đang khuyu gối. Một cu-li An Nam mê sảng gào lên chiến thắng rồi quì một chân, thọc lút cán ngọn mác của anh ta vô lồng ngực gã Corse đang dần chết.

Lúc Duclos vừa quì xuống, hai thanh niên Pháp phụ tá của hắn và bọn cai, theo phản xạ, dợm người định nhào tới cứu chủ. Nhưng thấy cuộc nổi loạn bộc phát cực kỳ kích động và máu căm thù đang trào lên sôi sục khắp tập thể năm trăm cu-li, bọn chúng sững người đứng lại tại chỗ, mặt kinh sợ, trắng bệch. Thấy ra vẻ mặt khiếp hãi của bọn người thường ngày rất ác ôn, lập tức cả trăm cu-li hùng hổ xông tới. Họ vung cao ngọn mác và cù ngoéo vốn là đồ nghề được dùng để thi công theo lệnh của bọn cai ít ỏi ấy, nay trở thành vũ khí truy sát chúng.

Lây lan cơn cuồng loạn, Học mê sảng vọt theo đám đông say máu, tay vẫn nắm chặt ngọn mác vừa chém gục gã Corse. Đồng cũng ùa theo em. Cả hai cùng ngây ngất gào hú với đám đông cu-li vừa thoát cảnh kềm kẹp. Trước đám đông điên tiết đang cần đối tượng để lấy máu xả lòng thù hận, bọn cai An Nam co giò chạy trước, hai gã Pháp hốt hãi chạy theo.

Bọn chúng chạy tới chỗ ẩn núp được gọi là “cái nhà”: trụ sở đồn điền, xây bằng gạch, cách phía trước khá xa. Đằng sau chúng, cu-li rượt theo. Vào được bên trong, bọn chúng đóng cửa lớn, sập cửa sổ, gài then kín mít. Trong vài phút, đám đông cu-li ào tới vây kín toà nhà, cố sức đập vỡ các cửa gỗ và cửa chớp kiên cố. Bỗng có tiếng gào lớn:

- Đốt cho tụi nó chết cháy cả lũ! Phải thiêu rụi cả lũ chúng nó, cho thành tro!

Đồng với Học chạy theo một nhóm hơn hai chục cu-li đang hò la ùa tới các lán để xe kéo, lấy mấy phuy dầu. Ngô văn Lộc từ đầu tới

cuối xếp hàng kiểm tra và chờ lãnh đồ nghề trong khu vực dành cho cu-li mới, cách đó một quãng, nên phản ứng chậm. Lúc này, hiểu ra chuyện, anh chạy qua khu vực đám người nổi loạn. Lộ tìm được Đồng và Học khi hai anh em đang tạt dầu tung toé lên tường, lên cửa sổ của “cái nhà”. Anh túm tay cả hai, kéo ra ngoài. Mắt trợn trừng đỏ ngầu như hết thủy phu cạo mủ khác, ban đầu cả hai chống cự, không để cha lôi đi.

Vẫn túm chặt Đồng và Học, Lộ kéo sênh sệch hai con chạy theo mình tới bìa rừng:

- Chỉ chút nữa thôi là còi báo động nổi lên! Người ta sẽ gọi đơn vị đồn trú cấp tỉnh ở Biên Hoà ra. Chúng ta không thể đánh nhau với cả một binh đoàn thuộc địa của bọn Tây — chỉ còn cách trốn ngay thôi. Chạy mau!

Khi ba cha con tới bìa rừng, họ nghe đằng sau rền lên tiếng rú hoang dại và tiếng reo hò tử mở. Ngoái lui, họ thấy nhiều lưỡi lửa đang tấp lên vách “cái nhà”ø. Hàng trăm cu-li nhảy múa, quây vòng vòng chung quanh toà nhà, gào thét đòi lấy hết máu của bọn cai bên trong. Lộ hét lớn, thúc hai con trai chạy tiếp:

- Trong trụ sở chắc chắn có súng! Bọn chúng sẽ bắn để thoát ra ngoài! Sẽ có nhiều cu-li bị giết. Có điên mới ở lại.

Đồng hỏi với giọng như ngây như dại:

- Nhưng cha ơi, mình đi đâu bây giờ? Trước đây, hễ lần nào tụi con ra sức chạy trốn đều bị bọn Mọi bắt lại. Từ chỗ này không thể băng rừng vô tới Sài Gòn.

- Chúng ta không đi nam! Những kẻ chạy trốn khỏi đồn điền cao su ở đây đều thường cố tìm mọi cách tới cho được Sài Gòn. Họ cho rằng đó là thành phố lớn nhất và gần nhất, dễ trà trộn kiếm sống. Điên khùng! Chúng ta đi theo cách khác, ra bắc — ra Huế, ra Hà Nội. Xa hơn nhiều nhưng ở đó chúng ta có cơ hội trả thù nhà và tiếp tục cuộc chiến đấu. Ở miền bắc Quốc Dân Đảng mạnh hơn. Thình lình từ hướng “cái nhà” vang lên tiếng súng ròn rã, xác nhận lời đoán của Ngô văn Lộ. Không thể cãi, hai cậu bé xoay mình chạy theo cha vào rừng.

Trên hàng hiên ngôi nhà quản đốc đồn điền, Auguste Lapine nghe vọng lại những âm thanh hỗn độn trong khu vực nhà lán. Nhưng

trời nửa tối nửa sáng khiến gã chỉ thấy lơ mờ và gã thiếu kinh nghiệm, không thể xác định nguyên do. Tuy thế, để đề phòng, gã nhanh chân quay vào phòng ngủ, lấy hộp đựng giấy tờ giao dịch và khẩu súng lục thường đem theo. Hành lý của gã đã được “con gái” mang hết ra xe Citroësn theo lệnh của Duclos từ sớm. Tới khi quay lại hàng hiên để tiếp tục thưởng thức đĩa trứng gà ốp-la, gã sững người thấy có đám đông trên dưới hai chục người An Nam đang kéo nhau thành đoàn chạy qua vườn, hò reo tỏ mở và lăn mấy thùng phuy xăng dầu lấy từ các lán để xe kéo tới hướng “cái nhà” trụ sở.

Đoàn người bỗng nhận ra Auguste. Khoảng năm sáu cu-li xách mác tách ra, nhào tới phía gã mộ phu. Auguste mở hộp, chụp khẩu súng lục. Trong tầm bắn ba chục thước, gã bấm cò liên tiếp, trút hết băng đạn vào mấy người đi đầu. Đôi ba cu-li lao đảo ngã xuống nhưng chỉ khiến số còn lại tiếp tục phóng nhanh hơn và gào thét man dại hơn.

Toát mồ hôi lạnh, Auguste chạy dọc hàng hiên, lao mình vô đằng sau tay lái chiếc Citroësn. Xe nổ máy. Chiếc Citroësn lao xuống con đường bụi bặm nhưng người An Nam đầu đàn đã kịp nhảy lên chỗ đặt chân, sát cửa tài xế. Khi xe tăng tốc lực, người cu-li ấy dùng sống mác nện như điên lên kính chắn gió cho tới khi kính vỡ tung, bắn vô mặt gã mộ phu làm gã lòa mắt, quờ quạng. Xe bất ngờ sập xuống số thấp, đảo nửa vòng, húc trúng lườn đất bên kia đường, hất văng người cu-li.

Auguste bị cú đụng đó đập đầu bất tỉnh. Chỉ ít giây sau, với một đường mác thật ngọt, đầu của gã bị chặt lìa khỏi cổ. Những người cu-li còn lại đua nhau vung mác, bằm xối xả lên thân thể Auguste, ngay trên ghế tài xế. Rồi họ lăn tới một phuy dầu, tưới khắp xe, đoạn ném vào đó một miếng giẻ mồi lửa. Ít phút sau, thùng xăng của xe phát nổ. Trong trời bình minh, lửa từ chiếc xe vọt lên, lửa từ ngôi nhà quản đốc và “cái nhà” trụ sở bốc lên, sáng rực và chói lọi hơn hết thấy những tia nắng đầu tiên của vầng thái dương đang mọc.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 6 -

Đào văn Lật trầm ngâm đứng ngắm hình ảnh lửa thể của mình phản chiếu trong chiếc gương lớn treo dọc trước mặt và thêm lần nữa, cảm thấy lòng chan chứa tự hào trộn lẫn đôi chút băn khoăn. Rồi bỗng dung xúc động với cảm giác lâng lâng, anh thương cho vẻ ngoài ẻo lả của thể xác thấp nhỏ ấy khi thấy nó đang đối mặt với những nhiệm vụ to lớn sắp gánh vác.

Liệu đôi vai xuôi, hẹp và mảnh khảnh ấy có đảm đương nổi gánh nặng đè lên chúng trên con đường trước mặt? Liệu hai cánh tay khẳng khiu, cổ tay gầy guộc ấy có ôm xuể một tiến trình kiên định và lâu dài? Liệu khung xương chậu nhỏ hằn lên trên hai ống chân trợ xương và bắp đùi teo tóp ấy có nâng đỡ nổi những phần đầu của phần thân thể bên trên nó?

Đằng sau Lật, chiếc lồng đèn đỏ đón Tết treo lơ lửng trên trần nhà toả xuống ánh sáng mờ mờ và hồng đậm, làm da anh như được phủ lên một màu nâu nhạt. Mặt trước cơ thể anh, ở phần dưới bụng, là vùng ánh đèn không rọi tới và đầy u ẩn. Anh đưa tay vuốt từ bụng dưới xuống háng như để yên chí rằng thân xác mình vẫn còn nguyên mọi bộ phận.

Những câu đối kỳ vọng khang ninh trường thọ, được viết theo thư pháp chữ nho trên giấy hồng điều thắm đỏ như máu, dán trang hoàng trên vách căn phòng tối tàn anh hiện ở trọ, kế nhà in của tờ báo Hà Nội anh đang cộng tác. Cạnh chiếc gương lớn, những ngọn nến cháy bập bùng trên bàn thờ tổ tiên. Quanh chân nến bày biện các đĩa nhỏ lễ vật gồm thịt heo luộc, đồ chiên xào, canh miến và cơm cùng mấy chén rượu làng Vân. Phía bên vai phải anh, lò trầm và những chung đồng nhỏ chứa bột trầm hương đặt trên mặt bàn sơn son, khói thơm tỏa bóng bành thành những vòng tròn xoắn ốc, bay chậm chậm lên trần nhà.

Khi nhướng mắt nhìn thật kỹ mặt mình, Đào văn Lật thấy hai con

mắt đỏ ngầu như đang sốt. Khuôn mặt tròn, gò má cao, trông có vẻ trẻ thơ nhưng mang đài trán cao của người học rộng. Bộ mặt của một người hai mươi bảy tuổi với quyết tâm hành động triệt để và quyết chí chiến đấu tới cùng. Đó cũng chính là bộ mặt giá như gặp lại, Joseph và Flavia Sherman nhận ra ngay. Dù từ lần gặp gỡ đầu giữa hai mẹ con và người ký giả An Nam này vào dịp nguyên đán trong cung điện của vua Khải Định tới nay vừa đúng năm năm. Nhưng trong khoảng thời gian đó, nó ít biến đổi, nếu không muốn nói vẫn giữ nguyên những đường nét cũ.

Đào văn Lật tìm kiếm mắt mình và nhận ra trong đôi con ngươi ấy phản ánh những xung động hỗn tạp thường xuyên ám ảnh tâm tư. Lật cảm thấy kiêu hãnh về sức mạnh tinh thần vô hình đang kích động và khích lệ thể xác mảnh mai này khiến nó dám ôm ấp hoài bão hành động như một nghĩa vụ của chính nó. Nhưng đồng thời anh cũng cảm thấy sợ hãi rằng mình không đủ can trường chịu đựng gian nan đau đớn để đi tới tận cùng con đường chiến thắng.

- *“Lòng ta sắt đá há lung lay!”*

Giữa hai hàm răng siết chặt, Lật đọc thêm lần nữa câu thơ của Phan văn Trị, một thi sĩ sống giữa thế kỷ mười chín. Được viết ra gần tám mươi năm trước, khi các lực lượng cướp bóc của Pháp hoàn tất cuộc chiếm đoạt sáu tỉnh làm thành vùng lãnh thổ bao la Nam kỳ, từng chữ trong câu thơ ấy phản ánh một niềm tin bền vững và sâu xa của ông, rút tia từ kinh nghiệm toàn bộ và muôn hình muôn vẻ về vai trò tối thượng và tối hậu của tinh thần con người.

Không phải chính anh từng du học Pháp và thấy tại đó những con người văn minh tự nhận là thượng đẳng sống giữa những máy móc tối tân và những thể chế chính trị và xã hội tốt đẹp của họ sao?

Không phải anh đã từng đọc các triết gia của Pháp, Đức và các nước châu Âu khác sao? Không phải hết thấy những người ấy đều hoàn toàn đồng ý với Phan văn Trị rằng ta chỉ có thể tìm thấy những mầm mống chiến thắng ở trong tinh thần của con người sao? Rằng không phải tinh thần hy sinh, kỷ luật của con người Siêu Nhân của Nietzsche là biểu lộ tinh tế nhất của lý tưởng cao đẹp sao?

Nói cho cùng, không phải từ lúc mới bắt đầu, những chiến thuyền sắt thép và bất khả chiến bại, những vũ khí hung hãn, những cỗ máy dùng chỉ để xâm lăng của bọn đế quốc thực dân đều phát sinh từ tinh thần kiên quyết của người phương Tây sao? Chính tinh thần ấy với những hệ quả của nó đã đưa tới hiện tượng tại phương tây, cách đây nửa thế kỷ, đã hình thành triết lý về Siêu Nhân của Nietzsche, trong khi suốt mấy ngàn năm trước các nước á đông đã un đúc nên người Quân Tử hiếu để tín nghĩa. Rốt cuộc, khi đông tây gặp gỡ cũng chính là thời điểm bổ khuyết giáo huấn của Đức Khổng Tử cổ xưa bằng những luận thuyết của triết gia Nietzsche thời nay. Để hình thành con người phi thường, khắc kỷ và triệt để, mới có thể đáp ứng thỏa đáng các yêu cầu của cách mạng trong thế giới hiện đại, đặc biệt tại những nước chậm tiến và bị trị!

Lật nôn nao gật đầu như để khẳng định dòng suy tưởng ấy của mình rồi anh xoay nghiêng người cho ánh đèn chảy tràn lên phần trước thân thể. Anh lại nhìn hình ảnh mình trong gương từ vai xuống tới chỗ dưới bụng, và thấy sự biểu lộ nam tính nhất, về mặt thể xác, lúc nào cũng xuất hiện nơi khu vực tầm thường và teo tóp nhất của cơ thể, như một bổ khuyết cho cân bằng.

Thêm lần nữa, Lật lại thắc mắc về sức mạnh vĩ đại và vinh quang của sự sống đang tuôn tràn mãnh liệt và bất tận qua cơ thể mảnh khảnh và không chút đẹp đẽ của mình. Những đam mê vũ bão và mang tính hủy diệt đó dường như khó có thể tuôn trào bất tận từ một hình hài chẳng mấy hứa hẹn này! Lật lắc đầu nhẹ nhẹ, tỏ vẻ chẳng chút tin tưởng. Nhưng anh biết rằng mình không còn có thể lùi bước. Mình chẳng còn chọn lựa nào khác nếu muốn phấn đấu vượt qua những thềm muốn nhục dục đang hằng ngày ám ảnh và cám dỗ tâm trí xao lãng nghĩa vụ, và hơn nữa, nếu muốn dâng hiến trọn vẹn cuộc đời để giải phóng đất nước khỏi sự cai trị tham tàn của bọn Pháp.

Lật bóp chặt hai bàn tay, vận hết sức gồng cứng hai bắp tay và ép sát chúng vào cạnh sườn như để làm tăng thêm sức chịu đựng cho quyết định ấy. Nếu muốn nương theo lời giảng của Nietzsche và Khổng Tử để hoàn thành con người Siêu Nhân Quân Tử phương đông, mình phải chuyên chú, đặt trọn vẹn thân xác cùng tâm trí

vào công cuộc duy nhất trước mặt và gạt sang một bên hết thảy những tơ tưởng khoái lạc và thỏa mãn tính dục.

Lật nhắm mắt, tập trung trí óc nghĩ tới mối cừu hận của mình đối với giặc Pháp. Sau lưng anh, chúng nó gọi anh là tên “*jaune: da vàng*” — tiếng “*da vàng*” ấy rõ ràng hàm ý là “*hèn nhát, bạc nhược*”. Nếu cảm thấy lịch sự hơn, chúng nó gọi anh là người “*An Nam*” — nhưng như thế không phải chính xác là có ý nói tới những kẻ thuộc một xứ thuở xưa từng bị giặc Tàu đô hộ cả ngàn năm và bị bọn chúng xem là đất thần phục, “*Phương Nam Ôn Định*” sao?

Quả thật đất nước này từng bị Trung Hoa đô hộ trong chín thế kỷ dài đằng đằng — nhưng không phải sau cùng, chính con tim “*như sắt và đá*” của chúng ta đã đập tan gông xiềng của giặc Tàu khi nhà Đường sụp đổ sao? Không phải chính chúng ta từng đánh đuổi quân Mông Cổ ra khỏi biên cương đất nước và đánh bại những đạo quân xâm lược của các hoàng đế suốt bốn triều đại Tống, Nguyên, Minh và Thanh sao? Không phải Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn đã được Viện Khoa Học Hoàng Gia Anh nhất trí bầu là vị thống soái lỗi lạc nhất của loài người thời Trung cổ sao?

Không phải đối với dân tộc này, tính chính thống của các triều đại được thiết lập và minh định chủ yếu bằng sự nghiệp hiển hách chiến thắng ngoại xâm, bảo vệ độc lập của tổ quốc sao? Không phải từ cả ngàn năm trước, nhà Lý từng đem quân ra ngoài biên giới, phương bắc tới tận Khâm Châu và Liêm Châu, phương nam vượt Chiêm Thành vào tới tận đất Chân Lạp ở Phan Thiết và Bình Tuy sao? Không phải chỉ mới cách đây một trăm bốn mươi năm, Đại đế Quang Trung chỉ trong mấy ngày, đánh tan hai mươi vạn quân Thanh, tạo uy lực cho việc đòi thu hồi miền đất bao la của tổ tiên là hai tỉnh Quảng Đông và Quảng Tây sao? Cuối cùng, vào một trăm ba mươi năm trước, khi Hoàng đế Gia Long vĩ đại khởi nghiệp từ đồng bằng sông Cửu Long rồi thống nhất toàn thể dân tộc từ Sài Gòn tới Hà Nội, không phải ngài đã đổi danh hiệu của vương quốc này thành Việt Nam sao? Và rằng đó chính là điều phải khắc sâu trong tâm khảm!

Bọn thực dân Pháp đến đây vài thập niên sau đó chỉ tạo thêm cơ

hội cho dân Việt chứng tỏ tinh thần bất khuất của mình. Bọn người tây dương da trắng ấy có thể chia cắt và cai trị đất nước này trong bảy mươi năm nhưng sự việc đó không thể biến đồng bào chúng ta thành lũ “da vàng” hoặc bọn “An Nam”.

Cách đây bốn ngàn năm, người Việt phương nam đã dựng nước Văn Lang ở vùng đất giao lưu này. Chúng ta là giống nòi “Việt Giao Chỉ”! Chúng ta là dân nước “Việt Nam”! Chúng ta là “Người Việt Nam”! Chúng ta hùng cứ một cõi, uy linh một phương! Trong tinh thần của chúng ta tiềm tàng bất diệt một sức mạnh đang ngủ và sức mạnh đó có khả năng khiến chúng ta thêm lần nữa làm người kiêu hãnh và tự do! Sức mạnh kết tinh trong bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước đó phải được giải tỏa để nó phóng tới. Đúng, Đào văn Lật này phải đi tiên phong, phải nêu gương, phải là ngọn sóng đại dương gây hứng khởi cho đồng bào mình.

Lật mở mắt xem chiếc đồng hồ đặt bên giường. Chỉ năm giờ nữa tới giao thừa. Ngày đầu tháng đầu của năm Canh Ngọ đang cận kề. Theo lịch phương Tây thì năm 1930 này cũng bắt đầu một thập niên mới — đúng thời điểm cho một khởi đầu mới.

Cảm xúc mãnh liệt được kích động thêm bởi dòng suy tưởng ấy làm hơi thở Lật dồn dập. Anh bước thật lẹ tới kệ sách kê ở đằng kia phòng, kế bên bàn thờ tổ tiên. Ngón tay Lật rà lẹ làng trên gáy những cuốn sách do thân phụ để lại hoặc được chính anh mang từ phần bên kia địa cầu về. Những cuốn sách này được cất giữ bất hợp pháp kể từ lúc người Pháp không những chỉ kiểm duyệt báo chí mà còn ra sắc lệnh qui định loại sách nào anh và đồng bào anh được luật pháp cho phép đọc. Trên kệ, có những tác phẩm của Flaubert, Kant, Platon, Nietzsche, đặt bên cạnh Tứ Thư, Chiến Quốc Sách, Sử Ký Tư Mã Thiên, Vạn Kiếp Bí Truyền, Hồ Trướng Khu Cơ...

Rút ra một tập sách đóng bìa da mỏng, cuốn *Thus Spake Zarathustra*: Zarathustra Đã Nói Như Thế, của Nietzsche, Lật đem tới phía có ánh sáng từ một trong các ngọn nến đang cháy bập bùng trên bàn thờ. Cuốn sách sờn gáy ấy mở đúng ngay trang có nhan đề “Về Sự Trinh Nguyên”. Mối Lật mấp máy đọc, xuyt xoạt thành tiếng như thì thầm cho mình nghe một đoạn:

“Và hãy nhìn những gã đàn ông kia! Đôi mắt chúng thú nhận một điều — rằng chúng chỉ biết tới cái vô tích sự nhất cõi đời là ngủ với đàn bà!

Vùng đất linh hồn chúng tục tũn dơ dáy. Ôi không biết có chút trí tuệ nào trong sự tục tũn dơ dáy của chúng không!

Ít nhất người cũng phải hoàn hảo như mãnh thú, loài mãnh thú thơ ngây!

Có phải ta khuyên người giết chết giác quan của người? Không, ta khuyên người hãy làm cho giác quan người ra thơ ngây!”

Đề cuốn sách tự động gấp lại trong lòng bàn tay, Đào văn Lật nhìn lên bàn thờ gồm ba chiếc bàn sơn mài cao thấp khác nhau. Ở góc trước của bàn thờ, những đường nét chạm trổ trau chuốt các đám mây, những con rồng và cỏ cây quấn quít nhau. Trên mặt bàn thờ cao nhất đặt chiếc tráp sơn son thiếp vàng trong đó đựng cuốn gia phả được bắt đầu ghi chép từ nhiều thế kỷ trước. Với cảm xúc mãnh liệt và sâu xa, ánh mắt Lật dán chặt vào chiếc tráp như thể cưỡng bách hương hồn tổ tiên thấu hiểu những tư tưởng ngoại lai anh vừa đọc. Rồi anh nhắm mắt, thì thào sôi sục:

- Zarathustra đã nói như thế!

Trong khi thì thào lời ấy, từ hai hàng mi khép lại nước mắt anh trào ra, chảy xuống má.

Lật đứng bất động trong đôi ba phút rồi mở mắt, hít một hơi thật sâu cho tới khi lòng lắng xuống. Với vẻ gần như kính ngưỡng, anh đặt cuốn sách của Nietzsche lên lại kệ sách rồi đi vào nhà bếp, mở một ngăn kéo. Lật rút ra con dao dài, lưỡi dao lóe lên lấp lánh dưới ánh sáng của các ngọn nến trên bàn thờ. Ngắm nghía con dao trong một lúc, anh lấy từ trong ngăn kéo ra hòn đá mài. Lật bắt đầu dùng hòn đá chà vuốt lên cạnh sắc của lưỡi dao vốn đã bén như dao cạo.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 7 -

Cùng lúc đó, cách căn phòng nhỏ tồi tàn nơi Đào văn Lật đang nghiền ngẫm về hành động tự hiến nhân dịp Tết âm lịch Canh Ngọ — năm 1930 — chưa tới một cây số rưỡi, tại bản doanh Nha Liêm Phóng Đông Dương ở Hà Nội, Jacques Devraux tiếp tục nán lại bên bàn giấy dù đã quá giờ làm việc.

Trán Devraux cau lại thành những đường lằn lo nghĩ và hấn nổi cáu, gan ruột rùng rùng, trong khi chăm chú đọc loạt báo cáo mới nhất của mật báo viên. Hôm nay, lại tìm thấy một địa điểm cất giấu vũ khí thô sơ ở Tiêu Sơn, trong vùng châu thổ sông Hồng — cũng vẫn những thanh gươm thợ rèn và loại lựu đạn xi-măng tự chế tại nhà riêng. Như thế, chỉ trong vòng hai tuần lễ, đây là lần khám phá thứ sáu. Rõ ràng có một âm mưu nổi dậy đang được tiến hành êm thấm song Nha Liêm Phóng vẫn chưa nắm được chút cụ thể nào về kế hoạch bạo loạn đó.

Devraux xoay người trên ghế quay, trầm ngâm ngược nhìn tấm bản đồ Bắc bộ treo trên vách, sau lưng mình. Hấn đã cắm lên đó các lá cờ nhỏ màu đỏ đánh dấu những địa điểm che giấu vũ khí bị khám phá trước đây nhưng chúng nằm rải rác trên một địa bàn mênh mông, dàn trải từ vùng châu thổ cận duyên gần Hải Phòng tới các rặng núi đá vôi vùng thượng du Bắc kỳ. Hấn đứng dậy, cắm thêm một lá cờ nữa lên bản đồ rồi ngồi xuống xoay ghế lại ngay ngắn, nghiền cứu kết quả.

Theo lời đề bạt của Toàn quyền Đông Dương, cách đây ba tháng Jacques Devraux được bổ nhiệm làm thanh tra thường trực. Hôm nay, vào đêm trừ tịch này của người An Nam, hấn không chỉ là viên chức duy nhất của sở mật thám còn ở lại làm việc. Đèn điện vẫn sáng trong nhiều văn phòng khác vì càng ngày càng có nhiều bằng chứng cho thấy khắp miền bắc sự bất ổn đang trỗi lên trên bề mặt.

Tại phòng tàng trữ hồ sơ tối mật ở hầm nhà ngay dưới chân Devraux, năm sáu thư ký đang gấp rút cập nhật hóa hai chục ngàn hồ sơ mật cùng năm chục ngàn phiếu tham khảo được nhân viên mật thám của Liêm Phóng Pháp tại châu Á và châu Âu miệt mài sưu tập suốt mười năm qua về những người An Nam bị tình nghi là mối đe dọa cho nền đô hộ của Pháp tại Đông Dương.

Cửa văn phòng Devraux bật mở, đi vào một quan chức cao cấp của Nha Liêm Phóng Đông Dương, ủy viên đặc trách chính trị sự vụ.

Người cựu hướng dẫn viên sẵn bần lập tức nhận ra gã đặc ủy đang cặp dưới nách xấp hồ sơ dày cộm nhất trong toàn bộ hồ sơ lưu trữ.

Trên bìa hồ sơ có đóng triện lò lò bốn chữ lớn màu đỏ: “*Bí mật Quốc gia.*” Ném xấp hồ sơ xuống bàn, ngay trên tờ giấy thăm mực trước mặt Devraux, gã đặc ủy cúi kính thờ hất thành tiếng. Gã vừa ngồi lên mép một góc bàn giấy vừa làm rầm gắt gỏng:

- Jacques này, gã đối thủ xảo quyệt của anh lại vượt khỏi tay người của chúng ta ở Quảng Đông! Từ hôm qua, chẳng thấy tăm hơi của hắn tại những địa điểm hắn thường lui tới.

Những năm tháng làm công tác do thám cả ngày lẫn đêm đã khắc họa lên khuôn mặt xương xẩu của gã đặc ủy hình ảnh hai con mắt cú vọ, soi mói canh chừng và xem xét từng li từng tí. Đằng sau làn khói toả lên từ chiếc tàu thuốc làm bằng đá bọt, gã nhướn con mắt uy hiếp ngó chăm bẵm Devraux như thể chưa từng ngó ai theo kiểu đó.

Xấp hồ sơ trước mặt Devraux mang tiêu đề “Nguyễn Ái Quốc” với những chữ dịch ra tiếng Pháp nằm trong ngoặc kép phía dưới:

“*Nguyen Le Patriote.*” Trên bìa hồ sơ còn dính một bản liệt kê cả chục bí danh An Nam, Tàu và Nga, được biết đối tượng thường sử dụng trong suốt hai mươi năm hoạt động cách mạng bí mật tại á đông, Liên Xô và Tây Âu. Devraux hiểu chúng rất rõ, không kém gì hiểu họ và tên của chính hắn. Hắn ngẫm nghĩ khi kéo xấp hồ sơ về phía mình: tháng nào cũng có thêm báo cáo khiến mỗi lần sờ tới là thấy nó dày cộm thêm. Hắn mở xấp hồ sơ, liếc tấm ảnh gắn nơi mé trong bìa trước, cho thấy một người An Nam có bộ mặt mưu trí, gầy và dài, dài trán cao, với hai con mắt to tinh nhanh và kiên định, một bộ mặt Devraux đã bỏ ra nhiều ngày nhiều đêm để rình

rập.

Devraux từng lần theo dấu vết của người mang tên Nguyễn Ái Quốc ấy khi ông cạo trọc đầu và nguy trang trong chiếc áo cà sa màu vàng đất, giả dạng một nhà sư Phật giáo tại Bangkok. Hắn đã bí mật canh chừng khi người An Nam ấy ngồi bán diêm quẹt suốt ngày trên một góc phố tại Singapore. Hắn đã thấy ông trà trộn với nông dân Tàu ở Quảng Đông, vai vác đồng đưa chiếc cày. Tất cả các vai trò ấy đều được giả dụ rằng Nguyễn Ái Quốc — kẻ nhiều lần tiết lộ với một số đảng viên thuộc ba phe phái cộng sản An Nam về vai trò phái viên Cộng sản Quốc tế Đệ tam của mình — đang nguy trang để nỗ lực tiến hành công tác xây dựng các nhóm cộng sản ở khắp Viễn Đông.

Cho tới bây giờ, sau khi đã bỏ ra nhiều công sức bám chặt vết chân ông, Devraux thấy mình hiểu quá ít về hoạt động của ông. Tài liệu lưu trữ của Liêm Phóng trung ương ở Paris ghi nhận rằng Nguyễn Ái Quốc là bút danh và nhân danh giao dịch chung của nhóm Ngũ Long gồm Phan Chu Trinh, Phan văn Trường, Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn An Ninh và Nguyễn Tất Thành; rồi sau đó, Nguyễn Tất Thành chiếm làm danh xưng cách mạng cho riêng mình. Có người bảo chính Nguyễn Ái Quốc là kẻ chủ mưu bán Phan Bội Châu cho Pháp tại Thượng Hải năm 1926 để lấy tiền thưởng 20 vạn quan kim làm sinh hoạt phí cho Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội; tranh quyền lãnh đạo cách mạng với những người theo chủ nghĩa dân tộc; và kỳ vọng rằng diễn tiến giam cầm, xét xử và có thể xử tử họ Phan sẽ kích động tinh thần chống Pháp của người An Nam lên cực điểm. Có người lại bảo thật ra Nguyễn Ái Quốc không được Mát-cơ-va hoàn toàn tín nhiệm trong vai trò phái viên quốc tế ở á đông vì họ đánh giá ông chưa gột thật sạch cảm tính dân tộc chủ nghĩa, cộng thêm lối lý luận tùy tiện, và khi thực hiện công tác lại có khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa, xây dựng thành tích cá nhân.

Toàn là những thông tin tới nay chưa ai có thể kiểm chứng cụ thể. Các mật báo viên khác của Liêm Phóng cũng chẳng thu lượm được kết quả khá hơn. Nhưng có một điều Devraux, kẻ săn thú hàng đầu đánh hơi được, là so với hồ sơ của những người An Nam chống

Pháp từ mấy chục năm nay, Nguyễn Ái Quốc là người tinh nhanh nhất, có óc quyền biến nhất, với những đức tính và năng khiếu chính trị của một kẻ được huấn luyện kỹ lưỡng.

Devraux lắc đầu cúi tiết khi lướt mắt thật lẹ lên tờ giải mã bức điện tín mới nhất đánh từ Quảng Đông, gần ngay trang đầu của tập hồ sơ. Nó đơn giản cho thấy đã thêm lần nữa, mất dấu vết của Nguyễn Ái Quốc tại những địa chỉ của ông trong tỉnh: *“Thảm vận một đảng viên Cộng sản An Nam tại Quảng Châu. Giả thiết là hắn đã lên đường đi Hồng Kông. Tin là hắn hiện theo lệnh của Quốc tế Đỏ Tam từ Mát-cơ-va để củng cố và kết hợp các phe nhóm đang tranh chấp nhau của phong trào Cộng sản An Nam, nhằm thành lập Đảng Cộng sản Đông dương.”*

Sau cùng, Devraux ngược mắt nghe gã đặc ủy chậm chậm cất cao giọng:

- Jacques ạ, tôi có nghĩ tới việc phái anh qua Hồng Kông để thu thập dấu vết của hắn bởi anh biết rõ thói quen của hắn hơn ai hết. Nhưng rồi tôi lại nghĩ lúc này cũng đã khá rõ rằng cộng sản chưa làm hại chúng ta lắm vì ba phe bọn chúng đang bận rộn gấu ó nhau và nói cho cùng, chúng phải đi theo sách lược cùng nghị trình của Mát-cơ-va. Có lẽ chỉ cần anh gởi cho người của chúng ta ở Hồng Kông một bản chỉ dẫn thật gọn. Ở đây cần anh hơn.

Hắn đảo mắt nhìn từng cụm cờ nhỏ cắm ở tám bản đồ trên vách rồi nói tiếp:

- Hôm nay vừa tìm ra một hầm vũ khí nữa của Quốc Dân Đảng phải không? Liệu chúng ta đã có ý niệm rõ ràng hơn về địa điểm, phương án và cách thức bọn chúng dự tính nổi loạn chưa?

Devraux lẹ làng lắc đầu, thở ra với vẻ chán nản:

- Chưa. Nhưng tôi nghĩ sáng nay chúng ta đã có một sợi dây dọi. Chúng tôi vừa bắt được một kẻ tình nghi — một cô gái, giáo viên hương thôn ở ngoại thành Hà Nội. Tôi đã đích thân thẩm vấn con đó nhưng cho tới lúc này nó không chịu thừa nhận là đảng viên của cái đảng đó. Có một tên chỉ điểm báo cáo với chúng tôi rằng tối nay có buổi họp quan trọng của một chi bộ ở một chùa chiền nào đó tại Hà Nội — nhưng tới giờ này ta chưa biết ra địa điểm.

Trong một phút, gã đặc ủy im lặng bập bập tẩu thuốc, đưa mắt nhìn

mông lung trần nhà. Kế đó, hấn hạ ánh mắt, nhìn Devraux thêm lần nữa. Tròng mắt hấn đột nhiên đứng yên, đầy tính toán. Hấn nói, giọng thật thấp:

- Jacques này, chúng tôi rất mừng rằng anh đã đồng ý dẹp qua một bên chuyện săn bắn để tới làm việc thường trực với chúng tôi. Chúng tôi cần người có năng lực để có thể đích thân ra tay trong mấy tháng sắp tới. Mọi việc có vẻ xấu — xấu như chưa bao giờ thấy.

Ngừng nói, hấn bập bập tẩu thuốc nhanh và mạnh hơn:

- Chúng ta không còn có thể đối xử mềm mỏng với lũ “da vàng” nữa. Trước đây, chưa bao giờ thấy có cái gì đó giống như những kho vũ khí này. Rõ ràng lần này chúng nó muốn ăn thua đủ. Chúng ta phải tóm cổ những tên đầu sỏ trước khi chúng kịp thời nổi loạn, bằng không, biến cố đó sẽ lan rộng khắp nơi, nhanh như chớp. Thật không tốt đâu nếu cứ câu nệ hoặc băn khoăn về cái gì mình nên làm hoặc không nên làm, làm chỗ này thì được nhưng chỗ nọ thì không. Sinh mạng người Pháp đang bị đe dọa. Có thể cái đầu của anh — thậm chí của tôi nữa — sẽ bị chặt lìa khỏi cổ nếu lần này chúng ta thất bại.

Gã đặc ủy đưa ngón tay trở lên lia ngang cuống họng, rồi nhìn Devraux, và lại bập bập tẩu thuốc:

- Jacques ạ, qua hồ sơ quân bạ tốt của anh và qua những công tác anh đã thực hiện, tôi biết rằng anh không chỉ là người cứng cỏi — còn là người có chí khí nghị lực, thêm nữa, có lòng tôn trọng công lý. Nhưng trong cách thức thi hành công vụ đôi khi anh cũng nên nhắm mắt làm như mình chẳng biết gì cả!

Không hiểu thật rõ cấp trên ngụ ý gì trong lời nói đó, Devraux dựa ngửa người ra ghế nhìn gã, vẻ mặt hơi cau lại, hoang mang. Gã đặc ủy tiếp tục nói, tránh ánh mắt của thuộc cấp:

- Tôi khám phá một điều rằng chúng ta không thể không khai thác triệt để bất cứ đứ đờ tình nghi nào bị chúng ta đem về đây. Chúng nó giữ những tin tức quan trọng — và chúng ta cần tin tức đó, cần ghê gớm. Tôi có một gã thẩm vấn đặc biệt. Hấn được điều từ cục công an trong Chợ Lớn ra ngoài này — một “gã lai” ngoại hạng. Hấn nổi tiếng ghê gớm — người ta nói ở Chợ Lớn hấn có khả năng làm

cho xác chết biết nói. Tôi sẽ bảo hấn tới đây gặp anh.

Sau khi thổi ra một hơi khói dài vẽ thành hình xoắn ốc cuộn lên trần nhà, gã nhắc người khỏi bàn giấy, bước ra phía cửa:

- Hãy dùng hấn, Jacques ạ — hấn sẽ làm cho con đó phun ra hết với anh những gì anh muốn biết.

Gã đặc ủy mở cửa, đứng lại một chút trước khi bước ra hành lang:

- Anh hiểu rồi chứ?

Không đợi câu trả lời, gã xoay lưng, bước rất nhanh về phòng mình, để lại đằng sau vai một luồng khói thuốc bông bênh.

Vài phút sau, có tiếng gõ cửa rụt rè. Viên phụ tá người Pháp của Devraux dẫn vào một “gã lai” Pháp-An Nam thân hình phốp pháp, nặng nề. Tay gã cầm một cái hộp trông giống hộp đựng kèn trom-pét của Pháp. Với bộ mặt á-âu nung núc thịt, thái độ cung kính và cảnh giác, gã đứng im lìm trước bàn giấy, đầu hơi cúi tới phía viên thanh tra Nha Liêm Phóng. Người Pháp phụ tá giới thiệu với giọng đều đều, mắt không nhìn về phía gã lai, như thể chỉ mong sao sớm được rút lui để khỏi phải ngó thấy gã lâu thêm một giây:

- Thưa ông, đây là Lung, thẩm vấn viên đặc biệt, vừa từ Chợ Lớn ra.

Nói xong câu giới thiệu, anh ta quay mình lui ra cửa. Devraux im lặng, chăm chú quan sát kẻ mới đến. Chân tay lòng không, hai vai xệ và khòm, gã lúng túng ngượng nghịu như thể cảm thấy ngộp thở bên trong cái thân xác kèn càng tạp chủng. Trong khi chờ đợi, ánh mắt gã e dè lướt từ mặt của người Pháp xuống tới đầu mũi ủng của mình. Trước con người gã, Devraux cảm thấy tởm lợm. Để che giấu, hấn xoay nghiêng người nhìn lên tấm bản đồ treo trên vách và hỏi gọn lỏn:

- Lung này, anh có biết nhiều về Việt Nam Quốc Dân Đảng không?

- Thưa, chỉ biết nó là một trong nhiều hội kín mơ làm giặc.

Gã lai trả lời bằng tiếng Pháp. Giọng xuyt xoạt, đều đều và nguội ngất của gã chỉ làm Devraux thêm cáu tiết.

Hấn bản gắt:

- Có thể trong Sài Gòn, nó trông có vẻ như vậy. Ở ngoài bắc này, Quốc Dân Đảng là cái gì đó còn hơn hấn một hội kín điên rồ.

Hắn dừng lại, vung tay về tấm bản đồ:

- Trong hai tuần lễ vừa qua, chúng tôi phát hiện sáu hầm vũ khí rải rác khắp các tỉnh châu thổ sông Hồng. Chúng đang âm mưu một loại nổi loạn đẫm máu nào đó. Chúng tôi nghĩ đảng đó có thể có tới một ngàn rưởi đảng viên có mặt khắp miền bắc. Chúng nó tổ chức thành từng chi bộ nhỏ, mỗi chi bộ gồm khoảng mười lăm hoặc hai mươi đảng viên, nên thật khó theo dõi và tóm bắt chúng, trong khi đó chúng ta không còn bao nhiêu thời gian. Anh hiểu chứ?

Devraux đưa mắt liếc gã lai thật lạ. Gã ngộ nguậy khó chịu dưới cái nhìn của hắn rồi gật đầu. Hắn tiếp:

- Chúng tôi tin rằng khuya nay có cuộc họp quan trọng của một chi bộ ở đâu đó tại Hà Nội — nhưng không biết chính xác chỗ nào. Sáng nay, chúng tôi bắt được một phần tử tình nghi là đảng viên của cái đảng đó nhưng cho tới lúc này chúng tôi chưa moi ra được thứ tin tức mình muốn.

Lần đầu tiên, trong cái nhìn đờ đẫn của gã lai loé lên tia lửa thích thú:

- Vậy đứa tình nghi đó là đàn ông hay đàn bà, thừa ông?

- Thiếu nữ — giáo viên trường làng, mười chín tuổi.

Đột nhiên một nụ cười tươi nở làm bộ mặt lầm lì, gờm gờm của gã lai giãn ra, khoan khoái hẳn. Gã lè lưỡi lệ làng liếm môi, nuốt nước miếng:

- Thế thì quá dễ. Em sẽ làm cho con đó khai ngay với ông.

Devraux ngó gã đàn ông trước mặt mình với vẻ ghê tởm không thèm che đậy. Gã lai vẫn nắm chặt cái hộp kèn trong tay như thể nó nặng chình chịch. Devraux hỏi thật nhanh trong khi mắt nhìn qua chỗ khác, tay đưa lên mặt bàn viết xếp các giấy tờ vào nhau:

-Anh dùng phương pháp nào?

Có tiếng khoá mở lách cách làm Devraux ngạc nhiên. Hắn nhướng mắt, thấy gã lai vừa quì xuống bên hộp kèn vừa nói:

- Lúc nào em cũng mang đồ nghề theo bên mình. Em biết rõ trong bàn tay em chúng nó có cảm giác ra sao. Ông sẽ thấy, sở dĩ em tự tin vì trong quá khứ những thứ này luôn luôn được việc cho em.

Giọng của gã lai bỗng trở nên hào hứng, giàu âm điệu. Lúc ấy,

Devraux mới biết tại sao gã dùng hộp kèn cũ. Máy chiếc roi da trâu buộc cẩn thận quanh chỗ phình ra của hộp kèn. Một loạt dụng cụ khác được gắn bằng móc, cài chặt vào lớp nhung bên trong hộp. Trong khi Devraux nhìn chăm chú, gã lai gỡ một chiếc roi ra khỏi móc, đưa nó lên cho hắn thấy rõ dọc theo chiều dài của thân roi có buộc một sợi dây điện nhỏ. Gã đưa tay chậm chậm vuốt dọc từ thân roi lên tới đầu mũi nhọn của roi rồi nói:

- Cái này dành cho đứa tình nghi nào ngang đầu cứng cổ. Có thể nối nó với ổ cắm điện, luồng điện chạy làm cho đứa đó nổi đau nổi đón lên gấp mấy chục lần, phọt bí mật ra ngay.

Gã ngừng một chút, dò xét phản ứng của Devraux. Thấy người Pháp nhìn hộp kèn, mặt không biểu lộ chút cảm xúc nào, gã hiểu lầm rằng sự im lặng đầy bứt rứt của Devraux có nghĩa là chấp thuận. Gã xoay mình, đặt một tay lên cái mở nút chai có một đoạn thép dài hơn một tấc, xoắn như ruột gà. Gã nói tỉnh queo:

- Nếu thọc cái này chậm chậm vào dương vật rồi thỉnh thoảng rút ra thật mạnh, kêu bứt một tiếng, thì thường thường lấy lời khai của đàn ông không khó mấy. Còn mấy cái kẹp còn con này...

Gã vừa nói vừa đưa ngón tay chỉ vào một cặp càng cua lớn bằng sắt:

- ... có thể kẹp vào hai bên màng tang, khiến cho đứa tình nghi có cảm tưởng hai con mắt của nó nhảy lộn lạo trong đầu nó trước khi vọt ra ngoài. Hoặc ở đây, trong cái hộp đen này, em có mang theo ổ kiến lửa. Nếu đứa tình nghi là đàn bà, ta trói hai chân hai tay nó thật chặt, rồi cứ đặt ổ kiến lửa này ngay cửa mình...

- Đủ rồi! Đóng hộp lại!

Devraux thỉnh thoảng la lớn làm gã lai giật mình. Gã ngó lên, cảnh giác. Trong một lúc, căn phòng im lặng, căng thẳng. Máy điện thoại kể bên khuỷu tay Devraux bỗng reo vang. Hắn giật dử chụp máy. Mắt vẫn dán chặt mặt gã tra tấn, hắn nhắc cái đầu nghe có hình quả chuông lên khỏi giá máy. Giọng gã đặc ứy cục lóc:

- Jacques, anh có gì mới về cuộc họp tối nay của bọn chúng chưa? Thời gian trôi qua như chớp đấy!

Trong một hai giây Devraux tiếp tục ngó đăm đăm hình dáng gù gù của gã lai trong khi gã đóng hộp đồ nghề. Đột nhiên quai hàm

sấn lại, hấn thấp giọng trả lời:

- Tôi hi vọng mình sẽ có cái đó ngay.

Hấn nhún vai, móc quả nghe vào giá với vẻ bất cần. Vẫy tay bảo gã lai theo mình, Devraux soãi bước ra khỏi phòng. Mặt hấn bình tĩnh lại, hấn rõ nét khắc nghiệt.

Cả hai đi xuống hầm chứa bên dưới tòa nhà. Viên quản ngục người An Nam cầm chùm chìa khóa đi trước dẫn tới khu xà lim thăm vắn. Bước chân của họ vang khô khốc suốt hành lang quét vôi trắng. Cai tù mở cửa. Họ thấy đằng sau cánh cửa hình dáng một thiếu nữ nhỏ nhắn, ngồi co chân trên chiếc giường ván không trải chiếu. Khi cả hai đi vào, cô gái vẫn ngồi yên, nhướn đôi mắt đen nhánh lên nhìn họ với ánh mắt e ngại và buống bình.

Không ngó cô gái, gã lai đưa con mắt chuyên nghiệp dò quanh phòng. Kế đó, gã cầm hộp đồ nghề quay trở ra, đi dọc hành lang cho tới khi tìm được ổ cắm điện. Gã tháo cuộn dây điện thả dài tới xà lim. Xong, không nói một tiếng, gã túm hai chân cô gái đang run rẩy, kéo giật lên, còng chặt hai cổ tay. Đẩy cô gái nằm sấp xuống mặt ván, gã tuột mạnh chiếc quần vải bông rẻ tiền của cô, rồi cởi áo. Gã cột hai mắt cá chân cô, cuộn ngược người cô lên, trói giật cánh cô lại.

Mặt cô gái mở lớn khiếp đảm trong khi gã tháo cuộn dây đồng ra, kẹp chặt một đầu dây điện vào phần trên cánh tay cô. Khi gã ấn đầu dây kia vào giữa hai bắp đùi cô, cô thét lên một tiếng eng éc, đau đớn. Vẫn không nhìn cô, gã lấy trong hộp kèn ra cái “hộp hoá ngục” trông giống như một ngòi nổ cực nhạy thu nhỏ, nối nó vào đầu hai sợi dây điện, rồi quay qua nhìn Devraux, thăm dò. Người Pháp vừa nói vừa xoay mình đi ra cửa:

- Hỏi nó Quốc Dân Đảng tối nay họp chi bộ ở chùa nào? Tôi ra bên ngoài chờ.

Gã lai lặp lại câu hỏi ấy bằng tiếng An Nam, tay cầm “hộp hoá ngục” đưa sát vô mặt cô gái để cô có thể thấy rõ cái cơ phận ấn xuống của nó. Gã gật đầu nói với:

- Trong vòng ba phút, em trình ông câu trả lời.

Khi người Pháp đóng sập cánh cửa thép nặng nề lại sau lưng mình, hấn nghe tiếng rú thứ nhất của cô gái, cao hết cỡ, thê thiết và rùng

ron. Với ngón tay run rẩy, Devraux châm điếu thuốc. Hắn đứng yên, dăm dăm nhìn ác liệt vào bức tường trắng bên kia hành lang trong khi cô gái rú lên dữ dội, càng lúc càng quằn quại, thất thanh. Chưa tới ba phút, không còn nghe tiếng rú. Gã lại bước ra hành lang, cười rất điệu nghệ và nói cho biết tin tức, đúng như lời gã vừa hứa.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 8 -

Tại Hà Nội, trong giờ sinh hoạt bình thường, các con đường hẹp lát đá nơi khu vực cổ ba mươi sáu phố phường của người bản xứ tấp nập tới tận khuya. Người đi kẻ lại từng đoàn. Xe bò chở hàng, xe kéo tay và thỉnh thoảng, xe hơi bóp còi inh ỏi. Nhiều khi thậm chí còn có mấy thớt voi chở gỗ súc, đu đưa lúc lắc, nặng nề và đứng đĩnh bước giữa chốn kinh kỳ phồn hoa thanh lịch. Nhưng vào tám giờ tối trong đêm giao thừa này, đúng lúc Jacques Devraux nhận được báo cáo của gã lai trong tầng hầm Nha Liêm Phóng, những hàng phố cổ xưa ấy lại im lìm vắng vẻ. Chỉ có chiếc xe kéo bánh niêng sắt chở Đào văn Lật tới cuộc họp bí mật của chi bộ tại ngôi chùa nhỏ đằng sau phố Đồng Nhân khuấy động không gian yên tĩnh ấy khi nó lóc cóc đều nhịp khua vang mặt đường lát đá.

Lật biết rất rõ, theo truyền thống của dân tộc, vào giờ này hầu hết chín chục ngàn cư dân Hà Nội đều quây quần quanh bàn thờ gia tiên, chuẩn bị cúng giao thừa, thành kính đón rước hương hồn ông bà tổ tiên về ăn Tết với con cháu và nghênh đón xuân Canh Ngọ. Thoạt đầu, anh định thuê xe kéo bánh bọc cao su, loại được người Pháp ưa dùng, để việc âm thầm di chuyển trên đường đêm vắng vẻ được kín đáo và thuận lợi. Nhưng sau đó, anh nghĩ lại rằng nhân viên mật thám của Liêm Phóng hẳn không thể nào ngờ một chiến sĩ cách mạng dám ngang nhiên đi lại trong khu vực nội thành bằng xe kéo bánh sắt. Do đó anh quyết định nên chọn chiếc xe khua rộn ràng nhất mình có thể gọi được.

Chiếc xe kéo chở Lật chạy lóc cóc qua những hàng phố có bảng đường nền xanh chữ trắng, được đặt tên theo ngành buôn bán và nghề thủ công cha truyền con nối từ hàng trăm năm nay, sống quần tụ thành hội thành phường hai bên một đường phố cổ. Phố Hàng Ngang song song phố Hàng Thuốc Bắc, cùng gặp phố Hàng Bò, Hàng Quạt, Hàng Gai và nhiều phố khác nữa. Mỗi phố tiêu biểu

một mặt hàng hoặc một ngành nghề khác nhau.

Chiếc xe kéo chở Lật ngừng bánh ở đầu phố Đồng Nhân, trước một căn phố có những áo quan sơn son thiếp vàng sắc sỡ được đặc biệt đóng cho thi hài những người Hoa giàu có, chất thành từng dãy cao bên trong cửa sổ. Lật trả tiền cho phu xe rồi lẻ làng biển mình vào bóng tối. Anh đứng yên mấy phút trên lối vào bên hông nhà người đóng áo quan, đưa mắt nhìn xuôi ngược cả hai hướng đường, tìm dấu hiệu của một chiếc đuôi nào đó. Hài lòng thấy mình không bị theo dõi, Lật chuồn êm vào một ngõ hẻm mặt đường lát bằng đá phiến, dẫn tới cổng tam quan hai bên có cột trụ chống đỡ, mặt trước của một ngôi chùa nhỏ.

Khi Lật tới gần, đằng sau cột trụ bỗng nhô ra một dáng người lơ mờ. Rồi có tiếng phụ nữ cất lên, thăm thì và dè dặt:

- Anh Lật đó phải không?

Người vừa hỏi là một thiếu nữ đầu choàng khăn san, mình mặc áo khoác mỏng bằng vải tuyền đen bên ngoài chiếc áo cụt cũng màu đen và quần dài màu nhạt hơn, để dễ lẫn với bóng tối. Dù ánh sáng ban đêm không nhìn rõ nét, Lật vẫn nhận ra đó là Liên. Lời chào hỏi của nàng nghe êm ái, làm anh cảm thấy ấm lòng. Anh cười khe khẽ và trả lời:

- Đúng, anh đây. Em không nghe anh tới bằng chiếc xe kéo khua điếc lỗ tai đó sao?

Chúi người tới trước, Lật áp nhẹ mũi mình lên má nàng. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi, cả hai để cho hơi thở quyện vào nhau theo lối hít âu yếm cổ truyền của nam nữ người Việt. Rồi họ rời nhau, mỗi người đi riêng một lối vào chùa. Ngang sân chùa, Lật vừa đi vừa gỡ kính đeo mắt, lau sương đêm, khiến anh suýt va người vào cây lộc được nhà chùa chuẩn bị sẵn cho khách thập phương sáng mai mừng một Tết tới chùa lễ Phật và hái lộc.

Trên tầng cấp tiền điện, nơi ánh nến lung linh chiếu lên những bức tượng màu sắc lòe loẹt của Quan Thánh: Thần Chiến tranh, và Diêm Vương: Vua Địa ngục, chú tiểu giữ cửa đang chờ sẵn để nhận thật kỹ đúng mặt từng người. Trong khi cả ba đang nhìn tận mặt nhau, sau lưng họ có ba bóng người khác cũng âm thầm đi vào chùa.

Lật và Liên thì thầm trao đổi với Ngô văn Lộc và hai con trai của anh: Đồng và Học. Cũng như mọi đảng viên khác trong chi bộ, ba cha con phu cạo mũ trốn thoát khỏi đồn điền cao su Vĩ An bốn tháng trước nay chỉ được các đảng viên khác biết tới bằng bí danh. Ngô văn Lộc là Sơn Thủy: Nước trên non; Đồng, con trai cả của anh là Lam Giang: Dòng sông màu lam; trong khi Học, con trai thứ, là Mạnh Tùng: Người vâng phục; bản thân Lật được tôn là Giáo Nhân: Thầy dạy học; và Liên là Trinh Chinh: Trinh nữ chinh chiến.

Sau khi xác định tất cả đều đúng mặt, chú tiểu chấp tay, cúi đầu tóc ba chòm xuống chào và dẫn họ đi ngang qua các liếp cửa đóng và chánh điện, nơi những bức tượng thiếp vàng của Phật A di đà và Phật Thích Ca trầm lặng nhìn xuống tế phẩm gồm vô số hoa quả chất cao trên bàn thờ, ngay dưới chân tượng. Mọi sự nơi chánh điện tinh tươm và trang trọng hơn ngày rằm và mùng một bình thường, vì nhà chùa đang chuẩn bị đón năm mới.

Qua hết chiều ngang của chánh điện, chú tiểu đưa tay chỉ cho họ đi về mé hậu liêu, phần sau của chùa, nơi có căn phòng nhỏ thường được các nhà sư dùng để hội ý những chuyện lật vật trong chùa.

Tại đó, họ thấy đang có hơn chục người khác tụ họp quanh bàn. Ánh sáng từ ngọn nến gắn trong hốc tường làm căn phòng bớt tối tăm nhưng vẫn tờ mờ, để không ai có thể nhớ rõ mặt ai.

Bí thư chi bộ ngồi ở đầu bàn là một nhà giáo người Bắc kỳ, đeo kính trắng, được các đảng viên trong chi bộ biết với bí danh Thanh Giang: Dòng sông trong trẻo. Tuổi trạc ba mươi nhưng vẻ mặt anh trông trẻ trung như một thiếu niên với hai má phúng phính và chiếc mũi hơi hếch. Khi năm người mới tới ngồi yên chỗ, Thanh Giang bứt rứt, mắt nhìn mãi về hướng chiếc ghế cuối cùng còn trống, được dành sẵn cho cô gái lúc này đang đau đớn, khóc rầm rức và xót xa trong nhà ngục của Nha Liêm Phóng. Anh thấp giọng hỏi:

- Có đồng chí nào biết rõ lý do vắng mặt của đồng chí Minh Quyên không?

Không có tiếng trả lời. Thanh Giang sốt ruột xem đồng hồ tay:

- Chúng ta không thể chờ thêm nữa. Biết đâu lúc này có thể tất cả chúng ta đang lâm nguy. Các đồng chí hãy nghe kỹ những gì tôi

cần phải thông báo.

Anh ngừng một chút cho bớt vẻ gay cấn rồi nói tiếp:

- Các đồng chí, cuối cùng đã tới thời điểm mà vì nó tất cả chúng ta hoạt động tích cực suốt hai năm nay. Lãnh đạo đảng vừa quyết định rằng nay là lúc chúng ta cho nổ bùng cuộc tổng khởi nghĩa đánh đuổi thực dân Pháp — không thể để trễ hơn nữa!

Từ trong ghế ngồi, các đảng viên hồi hộp, rướn người. Vài kẻ mở miệng rồi ngậm lại ngay như cổ nuốt tiếng thốt kinh ngạc của mình. Đằng sau tròng kính trắng, đôi mắt của người họ chỉ biết là Thanh Giang đột nhiên sáng rực và long lanh khác thường:

- Sau hai năm kiên trì thực hiện công tác binh vận những người anh em chúng ta đang đi lính trong các binh đoàn của bọn Tây, nay những anh em ấy đều sẵn sàng hành động! Từ Lao Cai giáp ranh Trung Hoa tới khắp châu thổ sông Hồng, lúc này, những anh em binh sĩ ấy sẵn sàng khởi nghĩa, quay hướng mũi súng về phía bọn quan Tây chỉ huy. Nhưng các đồng chí ạ, để nổi dậy, họ cần tới sự lãnh đạo của chúng ta. Vì thế, mỗi chi bộ đảng được lệnh phụ trách công tác lãnh đạo một binh đoàn tại một địa điểm binh biến riêng biệt. Nếu hết thấy chúng ta đều dũng cảm hành động, chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ tiến đoàn quân chiến thắng vào Hà Nội và Hải Phòng!

Anh ngừng một chút, nhìn xuống một vỏ bao thuốc lá có vẽ quạch quạc mấy nét, đặt trên bàn trước mặt:

- Chi bộ chúng ta được chỉ định lãnh đạo cuộc khởi nghĩa ở địa điểm chủ lực là Yên Bái, cách Hà Nội khoảng một trăm cây số, trên mạn ngược sông Hồng. Tại đó có bộ chỉ huy Tiểu đoàn Hai của Trung đoàn Bốn thuộc Khinh Binh Khố Đỏ Bắc kỳ. Chúng ta phải huy động một lực lượng gồm sáu mươi nghĩa quân. Vũ khí đã chế tạo xong và đang được giấu sẵn ở gần đồn binh Yên Bái. Tôi đã từng nhiều lần đích thân tới tham quan binh đoàn và kiểm tra thực tế công tác để lên kế hoạch cụ thể. Có bốn đại đội người anh em chúng ta — một ngàn người — tất cả đều có cảm tình với chính nghĩa của dân tộc!

Anh cầm vỏ bao thuốc lên, đưa về phía có chút ánh sáng:

- Chỉ có tám thằng quan Tây, dưới quyền chỉ huy của thằng Tiểu

đoàn trưởng Le Tacon. Chỉ huy trưởng các đại đội là trưởng quan ba Jourdain và trưởng quan ba Leonnard, trưởng quan hai Caspian và trưởng quan hai Devraux.

Thanh Giang lại ngược mắt, sôi nổi nhìn mọi người:

- Các đồng chí ạ, chỉ bốn ngày nữa thôi, hết thầy bọn quan Tây và lũ đội xếp của chúng sẽ ném mùi vị tàn sát ác liệt của các vũ khí hiện đại và những thanh kiếm sắc đã được chúng ta trui rèn trong các xưởng quân khí bí mật từ mấy năm nay.

Danh sách sĩ quan Pháp đã được đọc xong nhưng Ngô văn Lộc người vẫn cứng trong ghế, chưa hết nổi gai ốc. Rồi anh cảm thấy Đồng, cậu con lớn, kéo tay áo cha. Anh khẩn trương chồm người tới, cắt ngang lời của bí thư chi bộ:

- Đồng chí, xin cho biết đầy đủ tên tuổi của trưởng Devraux.

Thanh Giang cau mày nhìn xuống lần nữa các mảnh giấy ghi chú:

- Trưởng quan hai Devraux, hai mươi ba tuổi — tốt nghiệp học viện quân sự St Cyr. Yên Bái là đơn vị đồn trú đầu tiên của nó.

Đọc xong, anh bỗng nhìn Lộc với tia mắt sắc bén:

- Tại sao đồng chí hỏi như thế? Bộ đồng chí có quan hệ với nó?

Lộc vội vàng lắc đầu:

- Xin lỗi. Tôi nghe lầm. Nhưng đồng chí ạ, tôi muốn nói rõ là tôi và hai đứa con đều xin được bố trí vào toán xung kích đầu tiên.

Bí thư chi bộ vừa trả lời rất nhanh vừa nhìn quanh bàn:

- Tốt, tốt lắm! Cảm ơn đồng chí Sơn Thủy. Tôi hy vọng hết thầy các đồng chí ở đây đều hăng hái tình nguyện tham gia công tác, không thua kém ba cha con đồng chí chút nào!

Bỗng nhiên, Đào văn Lật đưa bàn tay lên xin nói. Không chờ

Thanh Giang tỏ ý chấp thuận, anh phát biểu với giọng nhẹ nhàng:

- Theo tôi, ai liều tính mạng cho cái mà đồng chí gọi là tổng khởi nghĩa nhưng thực chất chỉ là một cuộc phiêu lưu nóng vội, đó là người điên. Đồng chí Thanh Giang ạ, quyết định khởi nghĩa lúc này là không đúng. Thời gian chưa chín muồi cho việc khởi nghĩa. Dân chúng chưa sẵn sàng.

Ý kiến phản đối không úp mở của Đào văn Lật làm bầu không khí hậu liêu choáng váng, im lặng. Bí thư chi bộ sửng người ngó anh rồi thỉnh linh, mặt trắng bệch giận dữ:

- Tôi đã đích thân làm công tác binh vận tại Yên Bái. Nhiều binh đoàn khác cũng đang sẵn sàng khởi nghĩa. Lãnh đạo đảng nắm đủ bằng chứng cụ thể.

- Bộ bạn Tây cũng không có bằng chứng về những âm mưu của chúng ta sao! Việc đó không còn bí mật nữa khi nhiều kho cất giấu vũ khí của ta bị địch khám phá và tịch thu. Lúc này, hẳn bạn Tây cũng đang đề phòng.

Hít vào một hơi thật sâu, Thanh Giang kèm giọng và chậm rãi giải thích:

- Chính vì thế chúng ta chỉ còn con đường duy nhất là tổng khởi nghĩa. Từ sau vụ ám sát gã mộ phu Bazin và vụ phản bội của đội Dương, ta phải rút vào hoạt động bí mật hơn. Bạn Tây cài được nhiều Việt gian vào hàng ngũ của chúng ta. Chúng ta có nguy cơ bị tan rã vì khủng bố trắng. Chỉ có một cách cứu vãn là khởi nghĩa.

Đào văn Lật cao giọng:

- Nhưng khởi nghĩa như thế là tự sát. Vẫn còn có giải pháp là co về thế thủ, bảo toàn và củng cố lực lượng để tiến hành vận động đồng bào cả nước, còn hơn nổ ra lác đác ở một số địa điểm ngoài bắc này để rồi bị cả quân lực của bạn Pháp tràn tới bóp chết. Chỉ mới bị khám phá một số vũ khí tự chế thì đã sao?

Điên tiết vì thâm quyền lãnh đạo bị thách thức dai dẳng, Thanh Giang dậm mạnh nắm tay xuống mặt bàn:

- Vâng, đúng là có một số vũ khí bí mật bị khám phá! Bạn Tây và bạn quan lại Việt gian lấy cớ đó bắt bớ bừa bãi, tra tấn tàn tệ những ai chúng nghi ngờ hoặc có ác cảm. Hiện nay, khẩu hiệu số một của chúng là thà bắt lầm hơn bỏ sót! Chúng dùng khủng bố để làm nhụt chí cách mạng! Đồng chí có chắc rằng co cụm là không bị bóp chết? Để tránh trước tình trạng đó, chúng ta có nhu cầu phải hành động thật gấp. Nếu lúc này chúng ta không nổi dậy, sẽ tổn thất thêm nhiều vũ khí, bị bắt thêm nhiều đồng chí. Thêm nữa, nếu chúng ta trì hoãn, lòng dân chúng khao khát khởi nghĩa chống thực dân Pháp sẽ mòn mỏi dần!

Lật trả lời bình tĩnh và quả quyết:

- Nếu những kẻ mà đồng chí gọi là “người anh em chúng ta” nổi dậy lúc này, chắc chắn họ sẽ không tránh khỏi bị tàn sát. Đảng viên

Quốc Dân Đảng hiện chỉ mới được vài ngàn người.

Người bí thư chi bộ cất cao giọng:

- Nhưng toàn là những người sẵn sàng xả thân vì đại nghĩa. Họ hiểu rằng cây cách mạng phải tưới bằng máu. Họ biết rằng thành trì của các chế độ bạo ngược sẽ bị lung lay qua các cuộc khởi nghĩa, và gốc rễ sẽ bị đánh bật lên trong một cú chót. Họ thà chết như những người dũng cảm, liều tính mạng cho chính nghĩa, còn hơn sống theo cái kiểu đồng chí muốn cho chúng ta sống, sống làm những thằng hèn. Nếu chẳng may thất bại, ít ra chúng ta cũng gieo mầm và đắp bồi thêm con đường đấu tranh của dân tộc, để lại gương hy sinh và gương chiến đấu cho những người khác noi theo, đồng thời chúng ta cũng đã thể hiện đầy đủ nhân cách, giữ trọn vẹn nhân phẩm của mình. Đảng trưởng đã nói: “*Không thành công thì thành nhân.*”

- Một thủ lĩnh khôn ngoan hơn chắc chắn sẽ quyết định rằng thà là chờ đợi — sống để chiến đấu vào một ngày nào khác. Tự đưa mình vào tình trạng bị tiêu diệt trong khi chưa chuẩn bị đầy đủ, chúng ta sẽ chẳng gặt hái được thành quả nào. Những người cộng sản của Nguyễn Ái Quốc từ chối tham gia với chúng ta hẳn cũng vì lý do đó — vì họ có thể thấy là thời gian chưa chín muồi cho một cuộc toàn quốc khởi nghĩa.

Thanh Giang khinh mạn tuôn một hơi:

- Đồng chí nói phải lắm! Nguyễn Ái Quốc yêu nước lắm, yêu nước quá tới độ hai chục năm nay không đặt bàn chân của ông ta lên đất nước này! Ông ta là công cụ của Bôn-sê-vich tại Mát-cơ-va. Ông ta sợ không dám về quê hương. Ông ta không xứng đáng tự nhận mình là người Việt Nam yêu nước. Ông ta chỉ là một trong vô số kiểu bào hủi ngoại trên khắp thế giới, tệ hơn nữa, ông ta thuộc thứ kiểu bào chỉ nướng nấu ngoại bang để rung chuông gõ trống trong khi đồng bào trong nước chịu giết chóc, tù đày. Chính cụ Phan Châu Trinh cũng đã khuyên ông ta hãy về nước mà đấu tranh. Chỉ có những ai hai chân bám trụ đất nước, chia ngọt xẻ bùi với dân tộc, sống đau sống nhọc với đồng bào, mới biết chỉ duy nhất còn một đường sống là chiến đấu cho độc lập và tự do của dân tộc.

Viên bí thư chi bộ Quốc Dân Đảng ngừng lại, đưa ngón tay lên lòn

vào lau lau trông kính rồi gằn giọng:

- Thêm nữa, giữa Nguyễn Ái Quốc với chúng ta đã có lần ranh rạch rồi. Các đồng chí ở Quảng Châu đề quyết rằng chính ông ta là Lý Thụy, kẻ chủ mưu mượn tay Lâm Đức Thụ bán đứng cụ Phan Bội Châu cho bọn Tây tại Thượng Hải. Nguyễn Ái Quốc đấu tranh theo chủ nghĩa cộng sản, dựa vào Quốc Tế Đệ Tam, còn chúng ta đấu tranh theo chủ nghĩa tam dân, chỉ dựa vào sức mình, vào dân tộc. Nguyễn Ái Quốc đi tìm giải pháp cho Việt Nam trong giải pháp chung của quốc tế do Mát-cơ-va chủ động, chúng ta tìm giải pháp trên căn bản quốc gia, do chính chúng ta nỗ lực chủ động. Người cộng sản mạnh hoặc yếu theo với tình hình vô sản quốc tế; người dân tộc trưởng thành trong sinh mệnh của tổ quốc. Người theo cộng sản chủ nghĩa không bao giờ hiểu và không bao giờ chịu tìm một mẫu số chung với người dân tộc chủ nghĩa.

Thanh Giang siết giọng, nắm lấy tay xuống mặt bàn:

- Đồng chí nắm vững lý thuyết hơn tôi, rằng kẻ bản chất bôn-sê-vich chỉ xem độc lập tự do của dân tộc là chiêu bài vận động. Họ sống và chiến đấu cho Quốc tế Đệ tam. Thậm chí, có tin đồn thời gian vừa qua, một số tên trong phái Đông Dương cộng sản đảng còn thâm độc rỉ tai bọn mã tà lính kín về sinh hoạt của chúng ta, mượn tay bọn Tây làm cho Quốc Dân Đảng suy vong, để từ đó, dành quần chúng về phía họ. Vậy đó, chúng ta không muốn có sự đồng thuận nào của Nguyễn Ái Quốc và của những kẻ đi theo ông ta.

Giữ yên ánh mắt, Lật nhìn chăm chặp vào mặt Thanh Giang:

- Đồng chí nói gì thì nói, nhưng tôi nghĩ ít nhất Nguyễn Ái Quốc cũng hiểu được điều mà đồng chí và các lãnh tụ cao hơn của Quốc Dân Đảng không chịu hiểu — rằng số lượng làm thành sức mạnh. Lập trường của tôi là ta có thể dựa vào bất cứ chủ nghĩa nào, bất cứ lực lượng nào, dù trong nước hoặc ngoài nước, miễn sao vận động và tổ chức được quần chúng tham gia nhiệt liệt cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc. Có quần chúng là có tất cả. Một khi có quần chúng trong tay, ta sẽ đủ sức thu hồi được nền độc lập, và sau đó, nếu cần, sẽ thừa sức hóa giải các thế lực ngoại bang muốn nô lệ hóa dân ta thêm lần nữa. Tôi kiên quyết vận động cho bằng được

toàn thể đồng bào chúng ta. Nếu làm được điều đó, chúng ta là cả triệu người chống lại chỉ mấy ngàn thằng Tây. Và lúc ấy, chắc chắn chúng ta chiến thắng.

Lật dừng lại một chút, dựa lưng vào thành ghế, mặt xanh mét và bình tĩnh:

- Đồng chí Thanh Giang ạ, bởi những lẽ ấy, tôi từ chối tham gia lần khởi nghĩa này của các đồng chí. Và đó là điều duy nhất tôi thấy mình buộc lòng phải nói ra.

Thanh Giang thấy Liên bóp bóp cánh tay Lật khi Lật thôi nói.

Lòng Lật dịu lại, miệng nở nụ cười biết ơn cử chỉ bày tỏ thiện cảm của nàng. Và Thanh Giang, người xem kết quả cuộc họp hôm nay là thành quả xuất phát của dự tính tổng khởi nghĩa và là thể diện lãnh đạo của mình trong hệ thống đảng, gay gắt sôi giận thêm một nấc nữa, không biết có phải vì đã nhẫn nhục giải thích mà Đào văn Lật vẫn ngoan cố không chịu chấp hành hoặc vì thấy những biểu lộ chung đụng nam nữ trong một cuộc họp sinh tử. Anh nói giọng lạnh lẽo:

- Quốc Dân Đảng không cần tới những ai chỉ tìm kiếm vinh quang cá nhân và tranh đấu một cách màu mè vô bổ. Kẻ nào muốn, trên tất cả mọi sự, làm cho cá nhân hắn được nhìn dưới ánh sáng anh hùng giả tạo bởi những “tiểu thư khuê các” trưởng giả được nuông chiều trong vai trò như là “Trinh nữ chinh chiến”, kẻ đó nên thể hiện khả năng hùng biện rộng tuếch của hắn ở một nơi nào khác. Đặc biệt những kẻ thiếu dũng khí, không dám đối mặt với sự đau đớn và cái chết cho tổ quốc của mình!

Hai nắm tay của Lật đang đặt trên bàn trước mặt đột nhiên siết lại.

Giọng Lật ngùn ngụt đam mê, rung động theo từng tiếng nói:

- Nay đồng chí, tôi yêu tổ quốc còn hơn chính sự sống của tôi.

Chẳng bao lâu nữa thôi đồng chí sẽ thấy...

Có tiếng chân chạy dồn dập rồi nghe rõ hơn nơi bóng tối trong chùa làm Lật bỏ lửng câu nói. Vài đảng viên đang ngồi quanh bàn đứng bật dậy lo lắng. Chú tiểu được cất đặt canh chừng nơi cổng vào lót đá trước chùa, mặt tái mét, nhô người ra chỗ lờ mờ sáng, thở hồn hển chỉ ngược lại đằng sau:

- Có hai xe mật thám chạy vào đầu phố. Bọn chúng đang tới!

Bí thư chỉ bộ đứng lên, khoát tay, không nói một lời. Anh dẫn cả nhóm im lặng rút ra phía cửa hông. Mỗi đảng viên đã được sắp xếp sẵn một lối thoát, qua những con hẻm giảng mắc chằng chịt, dẫn tới một tầng hầm hoặc một căn phố nào đó đã ấn định trước. Chỉ một phút sau lời báo động, ngôi chùa vắng lặng và trong vòng tám trăm thước quanh chỗ chỉ bộ vừa họp, không một bóng người qua lại.

Khi Jacques Devraux dẫn hơn hai chục lính kín An Nam của Nha Liêm Phóng ập vào ngôi chùa lung linh ánh nến, hắn thấy chùa vắng tanh. Vài chiếc ghế nằm lỏng chỏng vì các đảng viên lật đật bỏ đi và một nửa điều thuốc còn tỏa khói trong chiếc gạt tàn trên bàn. Đứng vài giây trong bóng tối thoang thoảng mùi hương trầm, Devraux lầm bầm chửi thề. Chưa nguôi giận, khi đi ra, hắn co chân đá tróc gốc cây lộc giữa sân chùa. Rồi hắn sải bước trở lại chiếc xe trống rỗng đang đậu một cách vô tích sự cách đó một trăm thước, trong bóng tối hàng cây trước đền Hai Bà.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 9 -

Khi cả hai đặt hần chân vào phòng trọ của Đào văn Lật, anh vội vàng xoay người khóa trái cửa. Tuy đã an lành thoát cuộc vây bắt, anh và Liên vẫn chưa lảng cơn hồi hộp. Nén hơi thở dồn dập, Lật vừa cởi khăn san cho Liên vừa ôm nàng vào lòng. Anh cảm thấy dưới lớp lụa mỏng, bộ ngực nhỏ nhắn của người mình yêu nhấp nhô rung động, ép sát ngực anh. Và anh nghe như từ trong cổ mình vọng lên khe khẽ tiếng thì thầm nhục cảm. Cả hai im lặng tựa vào nhau, môi chẳng tìm môi, thay vào đó, cánh mũi phập phồng cùng hít mùi hương thoang thoảng của da thịt nồng ấm quyện vào nhau làm thành một nhịp điệu đầm thắm của tâm hồn và cơ thể.

Sau cùng, hai người rời nhau. Với ánh mắt long lanh những cảm xúc phát xuất từ một niềm yêu thương chân thật, Liên mỉm cười ngược nhìn khuôn mặt Lật. Nàng thì thầm:

- Tối nay những phát biểu của anh rất thẳng thắn và em nghe thật xúc động. Em sung sướng được là người yêu và đồng chí tâm đắc của kẻ em tin chắc sẽ trở thành một nhà yêu nước vĩ đại và lưu lại tên tuổi trong lịch sử.

Trong một chốc Lật nhìn lại nàng, không mỉm miệng cười, rồi ánh mắt anh hạ xuống:

- Đêm nay là một đêm trọng đại nhất trong cuộc đời anh. Anh đã nói những gì phải nói và anh sẽ làm điều cần làm. Liên ạ, anh dự tính sẽ biến đêm nay thành một đêm thật đặc biệt — cho chúng ta và cho tổ quốc của chúng ta. Anh rất mừng vì em có thể ở lại đây với anh tới quá giao thừa đêm nay.

Chợt cảm thấy lo ngại trước lời lẽ khó hiểu và vẻ mặt u uẩn của Lật, Liên nhú đôi lông mày tằm lại thành nét băng khuâng:

- Anh nói vậy là có ý gì, anh Lật?

- Em yên tâm đợi. Anh chưa thể nói với em ngay lúc này.

Lật quay mình đi tới chiếc giường lớn làm bằng gỗ cẩm lai, thuộc

loại dành cho giới quan lại, trước đây là của thân phụ anh. Từ chiều, anh đã trải sẵn trên gối sành và mặt giường một tấm nệm và chăn bông bọc lụa. Ngồi lên giường, anh lại nở nụ cười nồng ấm với Liên và dịu dàng yêu cầu:

- Em đem dùm anh bình điều của cha anh tới cho anh hút trong khi chờ em pha trà cho chúng mình? Cảm thấy an lòng vì nụ cười của người yêu, nàng gật đầu. Mắt Lật không rời bước chân Liên khi nàng đi tới góc phòng, quì xuống bên chiếc rương sơn mài đã cũ, loại để mang theo khi đi đường. Thân thể nàng di động uyển chuyển và duyên dáng. Mắt Lật rục lên vẻ thèm muốn khi Liên cúi xuống chiếc rương, tìm trong các ngăn kéo và mấy hộc nhỏ từng có thời chứa bút lông và mực xạ, thiệp báo danh, trầu cau và vôi — tất cả những vật dụng linh tinh và thiết yếu cho cuộc sống hằng ngày của một vị quan lưu động.

Quay lại chỗ Lật ngồi, Liên mang theo chiếc điều bát bằng đá cẩm thạch màu lý bên trong chứa sẵn nước và cái xe điều cong vòng bằng trúc. Vân vê vài sợi thuốc Lào, nàng ấn nhẹ lên nõ, xong quì xuống bên giường, quẹt diêm, chờ cho cháy hết chất lưu huỳnh rồi mới thuốc cho anh. Điều bát nhẹ nhẹ sưởi ấm và kêu ròn rã. Lật hít thật sâu khói thuốc đậm đà, nén khói mấy giây đoạn chậm chậm thở ra một hơi thật dài, mắt lim dim. Liên vẫn quì, mỉm cười âu yếm ngắm người mình yêu đang ngửa mặt, lơ mơ bengah bengah. Kế đó, trước khi nhón gót nhẹ bước ra khỏi phòng, nàng kéo vào sát thành giường chiếc bàn chạm trổ nhỏ, dùng làm chỗ sẽ đặt khay trà.

Ít phút sau, từ nhà bếp đi ra với hai tách trà khói bốc nhẹ, toả hương thơm ngát, nàng thấy Lật ngồi xếp bằng tròn giữa giường, trên người chỉ bận chiếc quần bà ba màu nâu. Ngồi xuống bên Lật, tránh nhìn bộ ngực trần của anh, Liên ý tứ và e lệ ngó xuống tách trà của mình trong khi tìm lời dò ý Lật:

- Em còn cả một đêm dài với anh. Có gì đâu phải gấp gáp như vậy. Lật không trả lời, chỉ đưa tay dịu dàng ử bàn tay nàng. Khi ngược lên nhìn Lật lần nữa, Liên thấy anh đang rảo mắt quanh phòng, ngắm những đồ trang trí và vật dụng do thân phụ để lại: mấy chiếc hộp sơn mài khảm xà cừ, đồ gốm thanh nhả, những cuộn tranh

thủy mặc trong đó về hình Đức Phật tản bộ trên núi, tọa thiền bên bờ suối hoặc thiền sinh mục đồng dắt trâu. Nàng nói dịu dàng và nhích sát vào người anh hơn:

- Anh Lật ạ, tối nay trông anh có vẻ là lạ. Anh đang suy nghĩ chuyện gì vậy?

Lật nói hào hứng:

- Suy nghĩ con đường chúng ta đi. Suy nghĩ tới những gì tồn tại và những gì sẽ mất. Anh suy nghĩ rằng chúng ta chớ bao giờ buông bỏ cái bản thể sinh động, cái cốt tủy của dân tộc và của quê hương mình. Chúng ta phải học của phương tây, đúng, để đánh bại bọn Tây! Nhưng chúng ta phải luôn luôn vẫn chân chính là mình, vẫn chân chính là người Việt Nam. Bằng không, hết thảy những hy sinh của chúng ta đều không mang lại chút kết quả nào.

Lời nói sôi nổi không ngờ của Lật làm Liên rút người lại. Thấy vậy, Lật để tách trà chưa cạn xuống, đặt tay lên vai nàng. Anh kéo khuôn mặt Liên tới sát bên mình và nói sôi nổi hơn nữa:

- Liên ạ, anh muốn em không bao giờ quên điều anh có ý nói với em lúc này. Em có hiểu tình yêu anh dành cho em sâu xa hơn mọi thứ trong đời anh không?

Mắt Liên lại càng ánh vẻ băng khuâng:

- Dĩ nhiên em hiểu, Lật ạ. Thế tại sao anh lại nghĩ tới chuyện em sẽ quên tình yêu của anh?

Lật quay nhìn chỗ khác:

- Vì có những điều người đàn ông phải làm cho đất nước của hấn... Anh dừng lại một chút, hơi lạc giọng:

- ...mà có thể đàn bà không phải lúc nào cũng hiểu.

Liên nhìn Lật hoang mang. Khi xoay mình lại và thấy vẻ mặt nàng, Lật thả lỏng bàn tay mình tuột khỏi vai nàng. Anh đứng lên.

- Nhưng người yêu xinh đẹp của anh ơi, đây không phải là lúc đắm mình trong những ý tưởng như thế. Em tha lỗi cho anh. Đây là dịp Tết, ngày hội ban sơ của một bình minh mới, thời điểm của hy vọng tái tạo và tươi nguyên.

Lật khắc khoải nhìn quanh phòng, tìm cái gì đó có thể làm tươi rạng tâm tư mình. Mắt anh bắt gặp trên tường dán vuông giấy điều nhỏ trong đó anh viết một bài thơ chữ nho theo lối chân phương:

- Em có thích bốn câu thơ của vua Trần Nhân Tông anh đã chọn và chép ra cho chúng mình không?

Anh quay lại nao nức nhìn Liên, thêm lần nữa nắm tay nàng:

- Mình cùng nhau đọc nhé...

Dù bối rối sâu xa về tâm trạng thay đổi quá nhanh của Lật, vẻ mặt Liên vẫn ánh lên nụ cười và nàng gật đầu. Anh đọc câu đầu rồi dừng lại chờ Liên đọc câu tiếp; kế đó, cả hai chia nhau đọc câu ba và chung nhau đọc câu cuối:

XUÂN HIẾU

- *Thụy khởi khải song phi,*

- *Bất tri xuân dĩ quy.*

- *Nhất song...*

...bach hồ điệp,

- *Phách phách sấn hoa phi.*

[Tạm dịch:

BUỔI SỚM ĐẦU XUÂN

Đẩy cửa nhìn sân trước,

Mới hay xuân về đây.

Bướm lượn...

... đôi cánh trắng,

Tìm đài hoa, ngất ngây.]

Lật nhìn vào mắt Liên, nhẹ nhàng mỉm cười và nhích sát người vào nàng hơn, trên giường. Anh nói giọng thật êm, kề mặt mình vào má Liên cho tới khi hai hơi thở nhập vào nhau. Từng ngón tay Lật dịu dàng mân mê theo đường vân áo lụa trên ngực nàng, và anh cúi hôn lên ngấn cổ nàng mềm mại. Lật thì thầm âu yếm vào tai Liên:

- Em là đài hoa anh ngất ngây. Em là Liên, là đoá sen anh phơi phơi bay tới. Những cánh này điểm tô đoá sen ngất ngây của anh; chúng thanh mảnh quá làm anh hầu như không dám chạm tay vào. Nhưng đêm nay, anh muốn với chính bàn tay mình, mở tận cùng em ra.

Hai má Liên bắt chợt bùng lên ngọn lửa nóng. Nàng e then gật đầu, mắt chẳng nhìn người yêu. Đưa tay ra sau mái tóc mình, Liên gỡ mấy chiếc kẹp nhỏ đang giữ cho tóc thành những đường gọn sóng tinh tế. Khi mái tóc đen mượt mà xỏa thành một dòng suối chảy xuống vai Liên, Lật mở cúc, kéo chiếc áo ngoài lên quá vai nàng. Nhưng khi chạm trúng khuy quần sa tanh, bàn tay Lật bắt đầu run lẩy bẩy tới độ anh chẳng thể nào gỡ được hai tay áo chèn của nàng đang vướng vào đôi xuyên đeo nơi cườm tay. Bứt rứt, lúng túng, Lật làm rách lụa. Và khẽ kêu lên hồi tiếc, anh đứng dậy:

- Anh vụng về quá. Liên tha lỗi cho anh. Bàn tay anh quá lỏng ngóng. Cái này cần những ngón tay con gái dịu dàng. Em giúp anh với.

Liên đứng lên và tự mình cởi hết phần y phục còn lại. Khi nàng khoả thân lặng yên đứng trước mặt anh, Lật bỏ nốt chiếc quần trên người rồi quì xuống dưới chân nàng. Nhẹ vòng đôi cánh tay quanh hông Liên, anh úp mặt vào làn da bụng nàng đang rung động. Nhưng khoảnh khắc sau, Liên sững sốt thấy Lật cầm lặng khóc, với những tiếng nấc ngắt quãng như không thể nín. Giọng nàng bỗng thảng thốt:

- Anh sao thế? Chuyện gì vậy anh Lật?

Lật ngược khuôn mặt đầm đìa nước mắt nhìn lên nàng:

- Anh yêu em quá đời!

Nàng đưa hai tay vuốt mái tóc đen nhánh của anh, vỗ về và ép sát mặt anh vào phía dưới rốn mình, như ngăn không để giọt nước mắt thầm lặng của Lật rơi xuống đất:

- Anh đâu có thể yêu em quá đời! Làm sao anh yêu em quá đời được? Em biết vậy, em chấp nhận và em sung sướng khi được cùng anh sống hết mình cho lý tưởng quốc gia dân tộc.

- Nhưng anh phải yêu em đêm nay cho đủ suốt một đời anh.

- Em vẫn chưa hiểu, anh Lật ạ.

Anh tiếp tục quì và vuốt ve nàng với hai bàn tay run rẩy:

- Liên ơi, da em đẹp tuyệt vời hơn cánh hồng nhung lung linh trong nắng sớm. Thân thể em yêu kiều êm mát mịn màng hơn cả lụa là.

Kêu thành tiếng nho nhỏ, Lật ảm Liên lên, mang nàng tới giường.

Rất đời dịu dàng, anh hôn lên ngực lên đùi lên hai cánh tay lên

từng ngón chân nàng. Vừa hôn nàng anh vừa thì thầm những lời yêu thương và đam mê, chan chứa thành một dòng mênh mang chảy mãi không ngừng. Rồi gieo mình xuống bên nàng, anh nói thật nhỏ vào tai nàng:

- Liên ơi! Lần này, em làm tất cả cho anh! Làm hết nghe em! Làm đi em!

Lật nhắm mắt lại, ngửa mình trên mặt giường cảm lai khi Liên hơi thở lên anh, kêu gọi các giác quan của anh bùng vỡ, dậy suốt châu thân. Anh cảm thấy miệng nàng dịu ngọt trên mình, cảm giác bàn tay và những ngón tay nàng âu yếm mơn trớn thịt da anh. Và bỗng dưng khi biết ra rằng mình ném trái hoan lạc như thế này là lần cuối trong đời, anh thấy phát sinh trong mình một rung động rạo rực sôi nổi và thắm thía tới tận cùng mọi đường gân sớ thịt. Mở mắt ra, Lật vòng hai cánh tay quanh vai Liên, đầm thấm kéo nàng sát xuống người anh. Trong một lúc thật lâu anh nhìn thật sâu vào đôi mắt đen như nhung của nàng. Rồi anh duỗi người bên nàng và chuyển động rất chậm rãi. Hai người thở ra một hơi thật dài trong trạng thái hòa hợp khi hai cơ thể hiệp vào nhau.

Ban đầu, cả hai yêu nhau dịu dịu rồi chậm chậm vươn lên tới cực điểm buông lơi. Cảm giác hưng phấn của Lật dần ra thật rộng, dâng lên thật cao, hết phút giây này sang phút giây khác. Không một ray rút cũng chẳng chút hối tiếc nào len vào, cho đến khi cuộc đam mê của cả hai đi vào cơn quẫn quại chung cuộc. Rồi trong vài giây qua mau, nổi thống khổ và niềm hân hoan chảy ra, tuôn tràn, hoá thành hiệp nhất và vô tận trong thân tâm Lật.

Sau cùng, Liên lại mở mắt, chỉ thấy ánh nến lung linh trên bàn thờ gia tiên của Lật. Rồi chậm chậm, những gì còn lại trong căn phòng bắt đầu tái hiện và rõ nét hơn trong mắt nhìn của nàng. Chính ngay lúc nhận ra mình bị bỏ nằm cô đơn, nàng nghe có tiếng rú vang lên thật dài từ phòng kế bên. Kế đó, nhớ lại nỗi e sợ hồi tối, Liên run rẩy chỗi dậy, bước xuống giường.

Trong nhà bếp, nàng thấy Lật nửa nằm nửa ngồi, cúi mình bên dưới một ngăn kéo đang mở. Tay phải vẫn nắm chặt con dao. Lưỡi dao nhuộm máu đỏ thắm. Sự gan dạ của Lật đã đưa anh đi tới tận cùng.

Người Liên nổi cơn cuồng loạn, không mở miệng nói. Nàng chết sững, nhìn chăm chú, trong khi người Lật giật nảy lên một lần rồi lật nhào qua một bên, trong vũng máu đầm đìa của chính mình. Kế đó cửa phòng bật tung, hai người bạn thân của Lật ào vào. Một người mang túi thuốc tây, quì xuống và ấn đồ băng bó đã chuẩn bị sẵn vào vết thương khủng khiếp tự mình gây ra cho mình giữa háng của Lật.

Người thứ hai nắm cánh tay Liên và bắt đầu nói với nàng thật nhanh. Nói đi nói lại cũng chừng ấy tiếng, nhưng cơn mê sảng đang siết chặt Liên, cuốn nàng trôi thật xa. Ban đầu nàng không biết người ấy lắm nhảm câu gì. Nàng nghe mơ hồ bên kia cánh cửa mở, những tiếng pháo đầu tiên nổ lẹt đẹt chào mừng năm Canh Ngọ. Chỉ dần dần, ý nghĩa những lời người ấy nói mới thấm vào óc nàng:

- ...Lật yêu cầu tôi nói với chị... anh làm như vậy là vì Việt Nam...vì nước Việt Nam mới! Anh đã thề dâng hiến trọn cuộc đời mình để giải phóng xứ sở khỏi tay bọn Tây... Anh sợ những thềm muồn xác thịt và lâm lụy tình cảm sẽ gây trở ngại cho mình... anh ấy hi sinh vì đại nghĩa của dân tộc!

Hai lần môi tái nhợt ấy vẽ thành những hình thù giống nhau, lặp đi lặp lại không dứt. Trên bộ mặt tái mét ấy nói hoài nói mãi những câu rõ ràng được sắp sẵn với nhau để biện minh cho một dự tính khủng khiếp vừa được thực hiện, không có chỗ cho nàng và không một chút xót thương nàng.

- ...Anh ấy phải thề không bao giờ sống chung với phụ nữ nào... Anh ấy làm như thế này không phải vì không yêu chị... Anh ấy làm như vậy vì anh ấy yêu chị vô ngần...

Cuối cùng, khi qua cơn mê loạn, Liên oà khóc tức tưởi, không kềm chế nổi. Vì trên người vẫn không quần áo, nàng dễ dàng vượt mình khỏi bàn tay nắm chặt của kẻ ấy. Xoay người nhìn quanh, Liên sững sờ đứng ngó thân thể trần truồng và mảnh khảnh của Lật vẫn nằm co quắp trên sàn nhà. Rồi thình lình, căn phòng chao nghiêng dưới chân Liên. Và khoảnh khắc kế đó, nàng sụm xuống bất tỉnh bên cạnh Lật, trong vũng máu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 10 -

Khi đêm mùng 9 tháng Hai năm 1930 không trăng và đầy mây chầm chậm phủ lên đồn binh trên đồi Yên Bái và chỗ khúc quanh của sông Hồng nơi đồn binh ấy án ngữ, Thanh Giang kéo đoàn dân quân của anh gồm sáu mươi nghĩa quân trang bị vũ khí thô sơ, đi vào vùng cây cối tối đen mịt mù bên bờ hồ, phía dưới đồn binh. Trong bóng đêm, anh thăm thò với các nghĩa quân đang đứng vây quanh, giọng đều đều và điềm đạm:

- Bọn quan Tây chắc chắn phải há hốc mồm miệng, chết tươi trên giường ngủ. Đây là lệnh của đảng! Các đồng chí phải giữ thật im lặng, đi chân đất tấn công khắp trại binh. Ban đầu chỉ dùng gươm và mác. Không để sót một khu vực nào. Tất cả nắm vững chưa? Dù đêm đen đặc không nhìn rõ mặt người Thanh Giang vẫn có thể cảm thấy tâm trạng sợ hãi của các nghĩa quân khi họ gật đầu đáp ứng câu hỏi của anh cùng với lời họ nói giữa hai hàm răng cắn chặt rằng họ sẵn sàng tiến hành công tác. Trên ngực và trong cổ họng người thủ lĩnh, các bắp thịt bỗng co giật khác thường, khiến càng gần tới giờ tấn công, anh càng có cảm giác khó thở.

Nhận thấy có vài ba chiếc đèn hình như lưỡng lự khi ngoảnh về vòng tường thành lơ mờ bọc quanh đồn binh trên đỉnh đồi, Thanh Giang cố dẫn mình, trấn an họ bằng giọng nói tự chủ, trầm tĩnh và rất quả quyết:

- Các đồng chí chớ sợ khi thấy những bức tường đó cao. Bên trong vòng tường, đang có sẵn hai người cai chờ hiệu lệnh của tôi để mở toang cổng cho ta vào. Trong đồn binh trên đỉnh đồi chỉ đóng hai đại đội lính khố đỏ — các anh em ấy cũng đang chờ sẵn để đón chúng ta vào và quay mũi súng nhắm vào bọn quan Tây chỉ huy họ.

Ngừng một chút Thanh Giang đưa tay chỉ về phía có toà nhà dài hai tầng ở chân đồi:

- Hai đại đội lính khố đỏ khác nữa — gồm năm trăm anh em của chúng ta — đang đóng trong trại binh dưới đồi với mấy thằng đội xếp Tây. Tại đó, các anh em cũng đã đồng ý mở toang cổng cho ta vào. Các đồng chí ạ, trong kho vũ khí của trại binh có nhiều súng máy và súng trường đang chờ chúng ta tới làm chủ. Lấy xong súng đạn, ta sẽ dẫn hai đại đội anh em binh sĩ tấn công ào ạt lên đồn binh trên đồi!

Lời nói tự tin của Thanh Giang đạt kết quả mong muốn. Một số nghĩa quân cảm thấy nhẹ nhõm, khúc khích cười. Anh đưa mắt tìm trong số những bộ mặt gần mình nhất và hỏi:

- Nhưng mọi sự tùy thuộc đợt xung kích đầu tiên do đồng chí Sơn Thủy chỉ huy đánh thẳng vào khu cư xá của sĩ quan trong trại binh. Đồng chí Sơn Thủy và các anh hùng Vị An đâu nhỉ?

Đang im lặng đứng một bên với hai con trai, Ngô văn Lộc bước lên nửa bước, tới sát bên bí thư chỉ bộ, mặt hằn nét quả quyết. Anh đeo bên hông hai quả lựu đạn tự chế sẵn sùi, vỏ làm bằng xi-măng, trong hai túi vải tự mình may. Bàn tay phải của Lộc nắm chặt cán thanh gươm sắc cạnh được rèn bí mật trong một bình xưởng tạm thời ở thôn quê. Những vũ khí này đã được lén lút gánh lên Yên Bái bằng cách vùi trong các thúng đựng muối hoặc lúa gạo.

- Đồng chí Sơn Thủy không việc gì phải tỏ vẻ lo lắng quá như thế. Nói xong câu trấn an, Thanh Giang xoay người chỉ cho Ngô văn Lộc thấy cụm nhà một tầng, tường trát vữa, nằm san sát trong trại binh nơi chân đồi:

- Kia kìa, đồng chí có thấy mấy bức tường bao quanh khu vực cư xá của bọn quan Tây chỉ thấp ngang vai người! Còn không có cả lính gác. Ở vùng heo hút hẻo lánh này bọn Tây rất chảnh mắng. Từ lúc xây xong đồn binh trên đỉnh đồi và trại binh dưới chân đồi này tới nay đã bốn chục năm, chưa hề xảy ra sự cố quân sự nào tại đây. Ngô văn Lộc im lặng gật đầu đáp lại. Bên cạnh anh, Học, cậu con thứ, đang hồn nhiên nhoẻn miệng cười. Cậu vẫn mang theo ngọn mác đã dùng ở Vị An. Thanh Giang công nhận hành động dũng cảm của Học ở đồn điền nên chọn cậu làm người cầm đảng kỳ khởi nghĩa. Đó là một cây sào, đầu mũi đeo gọt như một cây trường thương nhưng dài gấp đôi bình thường. Lúc này thay vì

quần một ngù lông dưới mũi thương, nó được trang trí bằng các dải lụa xẻ hai đầu như đuôi cá, nhuộm màu vàng và màu đỏ của Việt Nam Quốc Dân Đảng. Cũng như các nghĩa quân khác, Học quần quanh trán một dải lụa đỏ và đeo trên tay áo một băng vải đỏ viết hàng chữ màu sắc đỏ thắm: “*Lực Lượng Cách Mạng Việt Nam*”.

Bí thư chi bộ Thanh Giang cũng tự mình mang theo một đảng kỳ lớn màu đỏ và màu vàng nhưng cuộn lại. Màu vàng tượng trưng cho dân tộc và màu đỏ tượng trưng cho quật khởi. Để kích động đồng đội, anh đưa cuộn cờ lên cao quá đầu và nói:

- Lấy xong đồn binh, chúng ta sẽ cắm ngọn cờ đảng này bay phất phới trên đồn, rồi tràn xuống, chiếm lĩnh hết thảy các doanh trại, đồn bót trong tỉnh lỵ Yên Bái. Chỉ có đàn bà, trẻ con và cổ đạo được tha mạng. Đêm nay, trên toàn cõi Bắc kỳ này, các đoàn nghĩa quân khác cũng đang hỗ trợ những anh em mặc binh phục của bọn Tây đứng lên làm cách mạng, chiếm các cứ điểm quân sự của bọn Tây. Các đồng chí, cuộc khởi nghĩa của ta sẽ lan rộng khắp nơi. Tại Yên Bái này, các đồng chí là những người tung cú đấm chủ lực để cùng với cả chục địa điểm khác khắp Bắc kỳ đêm nay khởi động cho cả nước đứng lên làm cách mạng giải phóng tổ quốc. Bằng cử chỉ cực kỳ kiên quyết, thêm lần nữa Thanh Giang đưa cuộn cờ lên quá đầu. Khắp chung quanh anh, các nghĩa quân vùng gươm lên cao phụ họa. Anh ra lệnh:

- Khi kim đồng hồ chỉ đúng con số mười hai, chúng ta tấn công. Trong thời gian chờ đợi, các đồng chí tản vào chỗ ẩn nấp. Cứ nghỉ ngơi dưỡng sức — và sẵn sàng hành động cao cả vì độc lập của tổ quốc và tự do của dân tộc Việt Nam!

Trong lúc nơi chân đồi nghĩa quân tản vào đám cây cối ven hồ, ngay trên đỉnh đồi, trung úy Jacques Devraux, sĩ quan trực, nhanh nhẹn rảo bước qua sân đồn binh, kết thúc vòng tuần tra thường lệ. So với lúc còn phụ việc hướng dẫn săn bắn cho cha, hai vai Paul giờ đây vạm vỡ hơn. Dáng điệu kiêu hãnh, búp nịt và ủng da bóng loáng cùng chiếc mũ cối màu trắng không chút tí vết. Lúc này mọi thứ trên người anh đều phản ánh sự huấn luyện vô song của trường võ bị St. Cyr, được anh mang theo mình ra vùng đồi núi Bắc kỳ. Cũng so với cha, vẻ mặt anh hồn nhiên, tươi tắn và đẹp trai hơn.

Suốt ba năm ở học viện quân sự Paul nổi bật là một sinh viên sĩ quan có tương lai sáng lạn. Nhưng đêm nay, khi rảo bước về phía phòng trực, không hiểu sao trán anh lại u ám vẻ cau có bồn chồn. Để khuây khỏa, anh tự ý làm một vòng xem xét đồn binh trên đỉnh đồi cùng trại binh dưới chân đồi. Trong khi tuần tra, nhiều lần anh cố dẫn con lo ngại nhưng lòng vẫn cảm thấy không yên.

Suốt ba tháng vừa qua, Paul nhận thấy trong khí hậu nóng bức và dễ suy kiệt tại nơi đồn trú thuộc tỉnh ly heo hút này, thật không dễ dàng phấn đấu giữ đúng những tiêu chuẩn nghiêm ngặt của St. Cyr. Anh cũng nhận thấy dường như các sĩ quan thâm niên và các hạ sĩ quan của binh đoàn đang ngày càng quá quen thuộc với tình trạng chênh mảng trách vụ nhà binh của họ. Nhưng vì là sĩ quan ít thâm niên nhất Paul quyết định không phát biểu và chỉ tự mình để ý hơn tới kỷ luật tự giác. Trong đơn vị, có một số sĩ quan công khai trêu chọc anh về nhiệt tình tuổi trẻ ấy, nhưng đêm nay, anh chắc chắn những nghi ngại lúc này của mình không đơn giản chỉ vì mình quá tích cực.

Tại phòng trực, Paul gặng hỏi viên trung sĩ Pháp tóc ngã muối tiêu rằng hắn nhận thấy có điều gì bất thường không nhưng hắn chỉ lúc lắc đầu, vừa ngáp vừa đưa anh chùm chìa khoá. Đầu con đường dẫn xuống khu cư xá của sĩ quan, anh tần ngần đứng lại nơi cổng đồn binh mở toang hoác. Phía tỉnh ly bên dưới, đây đó còn le lói vài ánh đèn. Dọc những đường phố nhỏ và tối tăm của tỉnh ly, đèn đường đã tắt như thường lệ. Mọi sự có vẻ bình thường nhưng trong lòng Paul vẫn dằng dặc cảm giác có điều gì đó bất thường.

Cứ điểm quân sự này là một trong ba cứ điểm được lập theo hình vòng cung dằng ngang vùng thượng du núi rừng rậm rạp mạn bắc Bắc kỳ, làm thành tuyến phòng ngự thứ nhất bảo vệ thành phố Hà Nội, chống lại sự xâm phạm từ Trung Hoa băng ngang biên giới. Qua những nghiên cứu của mình khi còn thụ huấn ở St. Cyr, Paul biết rằng cứ điểm Yên Bái được Thống chế Joffre xây dựng vào ba mươi năm trước thời điểm ông đưa các lực lượng Pháp tới chiến thắng lừng lẫy trong Trận Marne năm 1914. Thuở đó, Joffre là một đại úy công binh năng động. Và lúc này, đột nhiên viên trung úy trẻ Paul Devraux thấy mình đang tự hỏi nếu vị thống chế ấy chỉ nổi

tiếng nhờ công trạng duy nhất là xây dựng cứ điểm Yên Bái với một đồ hình kiểu như thế này, theo đó đồn binh lập riêng một chỗ, tách biệt quá xa trại binh, hẳn ông ta khó có thể trở thành vị anh hùng của nước Pháp. Đứng từ cổng đồn binh nhìn xuống chân đồi, Paul thấy cả trại binh lẫn khu cư xá của sĩ quan đều tro vơ, không có gì phòng ngự. Anh bắt đầu nhận ra nếu xảy tới một cuộc đột kích, binh đoàn hầu như lâm vào tình huống cực kỳ sơ hở, không có khả năng liên hoàn tiếp ứng nhau.

Một bàn tay thân mật vỗ vai Paul. Quay lại, anh thấy xuất hiện trước mắt mình bộ mặt cười tươi rói của trung úy Francois Clichy, một sĩ quan trẻ trong Đại đội Tám. Clichy người Breton, mới lập gia đình, và vợ vừa từ Pháp sang chung sống với chồng.

- Paul này, có phải cậu vẫn băn khoăn làm sao có thể biến bọn lính khổ đở nặng mùi nơi Yên Bái này thành lính thị vệ lông lẩy, tương xứng với nhiệm vụ nghi lễ ở Điện Élysée?

Paul cố rặn ra trên môi một nụ cười đáp trả và anh nghiêm trang trở lại:

- Không, không đúng. Nhưng Francois này, anh không nhận thấy tối nay, trong cách cư xử của bọn lính có cái gì đó không bình thường sao?

Viên sĩ quan có vợ ấy bông đùa hỏi lại:

- Không bình thường ư? Bộ không phải bọn lính khổ đở nặng mùi của chúng ta lúc nào cũng cư xử quái đản sao? Chúng tôi biết cậu nghĩ rằng chúng nó cũng là người, nhưng Paul ạ, cậu phải thừa nhận rằng đó chỉ là quan điểm của một thiếu số. Không ai có thể giữ cho bộ óc của mình khỏi bị méo mó nếu phải sống cả chục năm ở Sài Gòn và nói thứ ngôn ngữ của bọn chúng như cậu.

Paul quả quyết:

- Tôi không đùa đâu. Tôi có cảm giác tối nay đang diễn ra điều gì đó trục trặc.

- Đương nhiên là có: một ngàn cuộc đánh bạc vi phạm quân kỷ.

- Francois ạ, vấn đề chính là ở chỗ đó. Tối nay bọn chúng không đưa nào đánh bạc. Anh đã biết chúng thường xuống tỉnh lỵ sách nhiễu mấy chủ quán rượu địa phương như thế nào... Đúng, tối nay hầu như bọn chúng không đưa nào rời ba-rắc. Hết thấy lính của

Đại đội Bảy và Đại đội Tám đều có mặt trong đồn binh. Chúng ngồi im thinh thít trên chiếu hay trên sạp. Khi tôi kiểm tra đột xuất, chúng nhìn tôi với vẻ mặt rất lạnh lùng, không cười lấy lòng như mọi lần. Vài người nằm ngủ hoặc giả vờ ngủ. Tôi xuống dưới trại binh thấy tình hình của Đại đội Năm và Đại đội Sáu cũng y hệt như vậy. Một số ngồi tùm năm tùm ba thì thầm nói chuyện nhưng hầu hết bọn chúng đều làm như đang ngủ — sớm hơn thường lệ hai giờ.

Trung úy Clichy nhún vai:

- Đối với tôi, nghe chẳng có vẻ gì bất thường. Cậu đã báo cáo những cái cậu nghi ngờ đó với ông già chưa?

Paul gật đầu than thở:

- Rồi, nhưng ông ấy nổi cáu, lại nhạo rằng tôi đem cái linh tính thợ săn ra đánh hơi tụi lính thổ dân khổ đỏ. Cũng như anh, ông bảo tôi rằng tôi có nhiều điều phải học về tụi bản xứ hèn kém. Ông nói ông sắp đi ngủ sớm và yêu cầu tôi nên làm y như thế.

Cười lớn, gã thanh niên Breton vỗ vai Paul lần nữa:

- Lời khuyên đó cũng tốt đẹp cho luôn cả tôi nữa, trung úy Devraux ạ. Tại sao cậu không làm theo? Tôi nghĩ mình cũng sắp làm y như thế. Thật chẳng tốt chút nào khi để Monique một mình vì cô ấy vượt vạn dặm từ Paris qua đây cốt để sưởi ấm mừng mền cho tôi, phải không?

Paul mỉm cười chúc Clichy ngủ ngon trong khi hấn vội vã đi như chạy xuống sườn đồi. Trong một lúc, anh đứng nhìn bóng tối bao phủ vùng đồi chung quanh. Những đám mây tụ lại trên bầu trời đang dần dần che khuất ánh le lói của các vì sao. Sau khi ra lệnh cho viên trung sĩ đóng cổng và gài lại, anh đi xuống sườn đồi.

Tay đặt sẵn trên nắp bao súng lục, Paul bước chầm chậm qua những con đường vắng vẻ của tỉnh lỵ Yên Bái. Rồi thấy không có gì đáng nghi, anh rào bước quay về khu cư xá sĩ quan.

Paul ngồi bòn chòn trên giường suốt nửa giờ, lau chùi và nạp đạn khẩu súng lục. Sau đó anh đứng lên, ấn chốt ở chân cánh cửa phòng xuống, kéo tủ quần áo tới chặn cửa. Anh nhét thanh gươm để yên trong vỏ xuống dưới gối và để nguyên quần phục nằm lên giường, buông mình vào giấc ngủ chập chờn.

Tới nửa đêm, bóng tối phía dưới trong vùng cây cối bên hồ đen như mực. Khi các nghĩa quân Quốc Dân Đảng rời chỗ núp và tập hợp, Thanh Giang phải bấm ngọn đèn pin leo lét lên để kiểm tra lần nữa kim đồng hồ đeo tay. Đúng mười hai giờ. Thanh Giang liếc thật lẹ xuyên qua các hàng cây bên hồ. Đồn binh trên đồi và trại binh dưới đồi nằm im lìm đen đui, không cửa sổ nào còn ánh đèn. Trong bóng đêm anh âm trầm rít lên, giọng siết lại, cực kỳ khẩn trương:

- *Giết! Giết! Tiến lên giết sạch giặc Tây!*

Ngô văn Lộc đứng bên Thanh Giang chờ sẵn. Khi nghe bí thư chỉ bộ phát lệnh, Lộc vỗ mạnh vai con trai thứ. Học nghe thấy tiếng trái tim đập thành thạch trong lồng ngực, thúc cậu xông tới trước, hoa đăng kỳ, phát các dải lụa vàng và đỏ tung thật cao lên trời. Lập tức, đoàn người sáu mươi nghĩa quân từ trong các lùm cây ào ra theo sau Học, tay nắm chặt gươm và mác. Im lặng, họ lẹ làng bung đôi chân trần vào bóng đêm, lao về phía các nạn nhân của mình đang say ngủ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 11 -

Khi sáu đảng viên Quốc Dân Đảng theo bèn gót Ngô văn Lộc lao vào phòng ngủ của Trung úy Francois Clichy, viên sĩ quan yêu đời ấy đang cùng cô vợ trẻ Monique đầu gối lên cánh tay nhau, ngủ rất say và rất êm. Bên giường, trên bàn ngủ, leo lét ngọn đèn dầu hạt đậu Monique vẫn chong thâu đêm vì mới từ Pháp sang, nàng chưa yên tâm với bóng tối đặc quánh của vùng thượng du Bắc kỳ.

Tiếng chân rầm rập và đột ngột của các sát thủ gâyĩ chấn động căn phòng làm ngọn đèn hoa kỳ chao nghiêng, ngã xuống, dầu bắt lửa phụt cháy.

Monique ngủ trong chiếc váy mỏng manh nàng từng mặc suốt tuần trăng mật mới đây tại Pháp. Mắt vừa mở, chưa thấy rõ các nghĩa quân, nàng đã bị họ túm chặt, lôi ra khỏi vòng tay chồng. Phía trên những bộ đồ nâu hoặc đen là các bộ mặt xanh tái gay cấn, răng cắn chặt điên tiết thù hận, trán quấn dải lụa vàng và đỏ, thêm nữa, những cánh tay vung gươm loang loáng sẵn sàng chém xuống. Đối với Monique, mọi hình ảnh ấy y hệt những tình tiết trong một ác mộng thuở nàng còn thơ dại. Bên ánh lửa chập chờn, những chiếc bóng khổng lồ của sáu người bản xứ ấy in lên trần nhà và các bức vách sau lưng khiến họ trông có vẻ lùn tịt. Monique cất tiếng rú kinh hoàng. Để làm cô vợ trẻ ấy im bật, một kẻ tấn công đưa tay bịt miệng nàng, kéo tuột xuống đất.

Ngay lúc đó trung úy Clichy choàng tỉnh. Tưởng có đám lính khô đỏ say rượu nào đó toan làm hỗn vợ mình, hấn hét lớn, vùng vẫy dữ dội cố gỡ mình khỏi tấm vải trải giường đang quấn quanh người:

- Đồ khốn kiếp, cất bàn tay bẩn thỉu khỏi người vợ tao. Chúng mày là thứ gì mà dám vào nhà tao!

Bất ngờ chứng kiến cảnh một người Pháp đang nằm ôm ấp vợ đầm, Ngô văn Lộc buột nhói, trong đầu chột hiện lên ấn tượng vợ

mình chết quạnh hiu trong nhà tù tối tăm và lạnh lẽo. Mắt tóe lửa, Lộc lao mình lên, đích thân vung nhát đầu tiên. Hai tay nắm chặt thanh gươm to bản, anh chẻ dọc, ngay giữa sọ viên sĩ quan Pháp. Clichy vừa gục xuống, người vắt ngang giường, hai con trai của Lộc và các nghĩa quân còn lại cùng nhào tới. Khoảng thời gian chờ đợi căng thẳng vừa qua đã làm con e sợ trong người họ càng lúc càng dâng cao, rồi cuộc nó tới phút giây vỡ òa thành cơn say máu và hoang dại không kèm chế nôi.

Họ vung gươm và mác chặt xối xả viên trung úy. Rồi họ xé đôi người hắn, thẳng từ vai xuống háng. Xong họ mổ bụng hắn. Trong mê loạn, họ vằm họ chém tới độ máu của nạn nhân bắn tung toé lên quần áo, mặt mày của các sát thủ nhưng tay họ vẫn không chịu ngừng. Tiếp tục, họ hướng ánh mắt cuồng dại sang người vợ trẻ của viên trung úy, vừa bị làm cho thành họ kẻ goá bụa. Thấy vậy, Ngô văn Lộc nhảy tới, dang hai tay trước mặt Monique:

- Không được giết đàn bà! Các đồng chí phải chấp hành mệnh lệnh của đảng!

Quát xong lệnh, Lộc ra hiệu cho kẻ đang túm chặt vợ của Clichy buông nàng ra. Rồi anh dẫn các nghĩa quân im lặng rút khỏi phòng. Còn lại một mình, Monique không la, cũng không khóc. Trong một hồi lâu, nàng kinh hãi tới độ tê cứng cả người. Tiếp đó, Monique bò tới bên Clichy, đặt đầu chồng lên đùi mình, áp ả. Choáng váng đờ đẫn, nàng kéo mền đắp lên thi hài còn ứa máu của chồng, dùng tay mình bịt lên các lỗ thủng khủng khiếp trên đầu chồng nơi não đang theo đó rỉ ra. Mắt Monique lạc thần, nhìn thờ thần khung cửa phòng, chờ giờ những kẻ vừa sát hại chồng quay lại giết luôn mình.

Trong ngôi nhà bên cạnh, các con của viên sĩ quan thường vụ kinh hoảng thức giấc khi nghĩa quân lung sục các căn phòng không đèn đóm để tìm cha chúng. Từ trên giường ngủ, hai bé trai và một bé gái nhảy xuống đất, đứng ôm chân mẹ, và hãi hùng chứng kiến cảnh đầu của cha mình bị những kẻ xâm nhập chặt lia khỏi cổ. Thêm lần nữa chấp hành nghiêm ngặt mệnh lệnh của đảng, các nghĩa quân không đụng tới bốn mẹ con.

Trong dãy cư xá của hạ sĩ quan, một toán nghĩa quân khác im lặng

di chuyển thật nhanh trong bóng tối. Họ đạt kết quả không ngờ. Viên trung sĩ tóc ngã muối tiêu — kẻ hời tở bị trung úy Devraux khiển trách về việc ngáp trong phòng trực — đang nằm ngáy ầm ầm. Hắn ngủ say tới độ tiếng động của các sát thủ xung phong tới kế bên vẫn không làm hắn thức giấc. Từ bên ngoài mừng họ bấm xối xả. Kẻ đang say ngủ quẫy lộn với chấn màn, người co giật như điên rồi mới chết, như cá vùng vẫy khi mắc lưới. Gần đó, nghĩa quân giết chết tươi một viên trung sĩ khác, không để hắn kịp thức giấc. Sau đó, họ lột da đầu, mổ ruột hai viên trung sĩ ấy và chặt đứt chân tay cả hai cái xác không hồn.

Cả thầy bốn người Pháp — một trung úy, một sĩ quan thường vụ và hai trung sĩ — bị hạ sát ngay lúc mới phát khởi cuộc tấn công. Tốc độ nhanh lẹ và hành động âm thầm kín đáo của những người xâm nhập khiến các nạn nhân đầu tiên không có cơ hội thoát thân. Nhưng rồi tiếng ồn ào chém giết càng lúc càng tăng làm các sĩ quan thức giấc.

Đang nằm lơ mơ ngủ Paul Devraux nghe tiếng la khóc xa xa của vợ con viên sĩ quan thường vụ. Ban đầu âm thanh ấy hình như phát ra từ giấc ngủ vật vờ của anh. Rồi tiếng huỳnh huých của những bàn chân trần chạy dọc hành lang bên ngoài làm anh tỉnh hẳn.

Tiếng chân dừng lại trước cửa phòng Paul. Dù có ai đó cố ý nói thật nhỏ, với giọng thì thầm, nhưng qua lớp vách làm bằng ván mỏng, anh vẫn nhận ra tiếng cậu con vụ Bắc kỳ của mình trả lời: - Đó, phòng của quan hai Devraux đó!

Paul nghe tiếng nắm cửa xoay cót két khi có bàn tay vô danh nào đó nhóm thử ổ khoá. Tiếp đó, một câu rửa tặc bằng giọng Nam bộ. Chụp khẩu súng lục trên mặt bàn cạnh giường ngủ, anh đứng lên, rón rén đi tới, ép mình sát bức vách kế bên khung cửa, và chờ.

Bên ngoài, Ngô văn Lộc khoát tay ra hiệu hai con và hai nghĩa quân khác rút về phía cuối hành lang. Anh lúi trong túi vải bên hông ra quả lựu đạn xi-măng chế tạo ở nhà quê. Dùng răng cắn chốt để làm nảy bộ phận đánh lửa thô sơ, Lộc lặn quả lựu đạn tới trước cánh cửa rồi chạy lùi lại, núp bên cạnh các con. Quả lựu đạn phát nổ, nháng lửa và xịt khói. Miếng ván cửa sát mặt đất bị rạn vỡ nhưng mảnh đạn và hơi ép không đủ mạnh để phá tan cánh cửa

vốn được làm cho vững chắc thêm nhờ kê sẵn chướng ngại vật bên trong. Thấy sức công phá quá tệ, Ngô văn Lộc xẵng giọng làm bầm rửa tục, rồi ra lệnh cho hai con đứng canh hai bên cửa, còn anh đi tới kho vũ khí lấy súng máy.

Bên trong phòng, nghe tiếng lựu đạn lăn tới trước cửa, Paul nhào người nằm rạp xuống đất. Sau tiếng nổ, anh đứng lên, hai chân loạng choạng và ho sặc sụa, oẹ mửa vì khói lựu đạn bốc lên cay xè. Mắt nhắm mắt mở, anh lật đật kéo chiếc rương nhiều ngăn của mình tới chêm thêm một lớp bên trong chướng ngại vật cho chắc chắn hơn, dù thấy nó chịu đựng nổi cú nổ vừa rồi.

Vài phút sau, nghe có tiếng kêu lèng kèng của cái giá súng máy ba chân kéo lết trên hành lang, Paul chạy tới góc phòng xa cửa nhất, co mình núp. Từ bên ngoài, khẩu súng máy khai hỏa. Sức công phá của đạn làm nứt bức vách, gỗ bay tứ tung. Nhưng không thể làm cánh cửa bật tung vì bị hai lớp chướng ngại vật ép sát bên trong. Paul thở ra, cảm thấy nhẹ nhõm đôi chút vì tạm thời cái tủ và chiếc rương vẫn đứng vững, chẹn kín cửa.

Trong lúc nghỉ quân dưới quyền của Ngô văn Lộc tấn công khu cư xá của sĩ quan và hạ sĩ quan, Thanh Giang dẫn bộ phận chủ lực chạy lên đồn binh trên đỉnh đồi. Hai hạ sĩ mở toang công trại đúng theo kế hoạch hợp đồng từ trước. Cũng theo hợp đồng từ trước với cách mạng, người lính kèn đồng thổi lên bài “*Générale*”. Nghe bài kèn ấy, viên trung sĩ Pháp phụ trách việc giữ vũ khí tướng sĩ quan của mình hạ lệnh giải toả vũ khí như mọi lần, y vội vàng theo thói quen chạy tới mở khóa các giá súng. Hai trăm năm mươi lính khổ đỏ của Đại đội Bảy lập tức chụp súng lấy cá nhân, cùng nhau lao ra sân đồn.

Viên đại úy chỉ huy trưởng đại đội thấy lộn xộn và thấy có kẻ xâm nhập, y cố tập hợp lính khổ đỏ lại để phòng vệ. Những người nổi loạn bắn chết y tại chỗ rồi cùng nhau kéo hết xuống trại binh dưới chân đồi. Tại đó, đáp lại hiệu lệnh của bài kèn “*Générale*”, Đại đội Năm và Đại đội Sáu cũng chụp lấy súng của mình. Lính khổ đỏ thuộc hai đại đội đó, được Thanh Giang vận động từ trước, mở toang công trại, hân hoan chào đón nghĩa quân và đồng đội vừa từ trên đồi kéo xuống. Với tâm trạng phấn chấn mê loạn, lính khổ đỏ

và nghĩa quân cùng nhau hò hát, nhảy múa và nổ súng lên trời. Một số người bắt đầu chạy vào đường phố của tỉnh lỵ để phân phát truyền đơn và cùng nhau hô to các khẩu hiệu đã in sẵn: “Giết sạch giặc Tây!”

Rồi họ hô lớn:

- *Đông Dương vùng lên muôn năm! — Muôn năm!*

- *Nhân dân Yên Bái cương quyết ủng hộ khởi nghĩa! — Cương quyết!*

- *Đồng bào nhiệt liệt tham gia cách mạng! — Nhiệt liệt!*

Xuyên qua cửa sổ nhỏ và độc nhất, trổ ở mé cao trên vách thẳng đứng với giường ngủ, lúc này đã bị bít kín bằng chiếc tủ nhỏ thường ngày kê sát đầu giường, Paul nghe xa xa rền vang tiếng hô khẩu hiệu, cùng với tiếng đùa giỡn la hét của quân khởi nghĩa; tim anh chùng xuống. Thỉnh thoảng trong khu vực các ba-rắc kế cận, có tiếng lựu đạn nổ bùm bụp cùng tiếng súng máy vang lên ròn rã từng chập làm Paul tin chắc các sĩ quan khác cũng lâm vào tình thế như anh, bị bó tay mắc kẹt trong phòng của mỗi người. Mấy phút trôi qua, khẩu súng máy chĩa vào cửa phòng Paul đang bắn ròn rã bỗng im bặt; anh đoán có lẽ nó bị hóc. Nhưng, với tiếng thầm thì nghe lọt qua vách ván, Paul hiểu rằng những kẻ tấn công anh chưa buông tha con mồi.

Ngoài hành lang, Ngô văn Lộc cô tháo hai dây đạn đang kẹt nhau trên ổ súng. Gỡ không được, anh hất khẩu súng vô dụng qua một bên rồi bước tới trước cửa phòng Paul.

Thanh Giang xuất hiện ở cuối hành lang trong lúc Lộc đang nằm ép bụng sát đất, bắt lựu nhòm lớp chướng ngại vật ngoan cố. Mặt trắng bệch, người thủ lĩnh cuộc tấn công cứ điềm Yên Bái vầy vầy Lộc:

- Đồng chí Sơn Thủy, tới đây mau. Đồng chí giúp tôi một tay. Lính khó đỡ Đại đội Tám vẫn ở đồn binh trên đồi, không chịu hưởng ứng. Chúng ta phải tập hợp người của mình kéo lên tấn công. Cứ để cho các đồng chí khác canh chừng mấy phòng này.

Lộc ra hiệu cho hai con ở lại giữ hai bên cửa rồi cùng hai nghĩa quân kia chạy theo Thanh Giang. Đằng sau chướng ngại vật Paul cảm thấy lên tinh thần một chút. Những lời Thanh Giang nói vang

tới tai anh nghe khá rõ, cho anh một tia hy vọng nhỏ. Lính Đại đội Tám của anh không tham gia cuộc nổi dậy. Ít nhất cũng có viên ảnh phản công nào đó từ đồn binh trên đồi phóng xuống. Đứng bất động giữa căn phòng tối hơn đêm thượng du không trăng, Paul căng tai nghe ngóng, tìm cách cắt nghĩa từng âm thanh lao xao từ đêm đen bên ngoài lọt tới tai mình — và cầu nguyện.

Phải mất khoảng thời gian khá lâu, Thanh Giang và Ngô văn Lộc mới tổ chức được đợt tấn công thứ nhất xung phong lên đỉnh đồi. Giờ đây, khi hay biết hai trăm đồng đội kia quyết định ở lại đồn binh bên cạnh các sĩ quan Pháp, anh em lính khổ đở khởi nghĩa bắt đầu xuống tinh thần. Mặt họ mất dần vẻ hào hứng phấn chấn ban đầu. Quay vũ khí đi theo các nghĩa quân từ Hà Nội tới là một chuyện; tấn công ngược lên đồi trong đêm tối, chống lại những anh em của mình trong Đại đội Tám có vũ trang và được chính tiểu đoàn trưởng đích thân chỉ huy lại là chuyện hoàn toàn khác.

Lính khổ đở khởi nghĩa không vượt qua được tâm lý dè dặt ấy nên đợt tấn công đầu tiên của họ lừng khừng và rời rạc. Thêm nữa, dù có sử dụng súng máy nhưng sự chỉ huy thiếu chuyên nghiệp của Thanh Giang không tạo nổi phấn chấn cho binh sĩ dưới quyền.

Cuối cùng họ bị đẩy trở lại chân đồi. Trong nửa giờ kế đó, Thanh Giang dẫn quân xung phong nhiều đợt lên đồi nhưng đợt nào cũng bị đẩy lùi dễ dàng.

Bên trong đồn, tiểu đoàn trưởng người Pháp dần dần lấy lại tinh thần. Lúc mới bắt đầu cuộc nổi dậy, hấn choáng váng khi thấy mình đang cận kề cái chết, ngay chính trong bàn tay của binh sĩ thuộc quyền. Kế đó, việc có một đại đội khổ đở không theo loạn quân khiến hấn bình tĩnh lại. Tới lúc các sĩ quan Pháp đẩy lùi được những đợt xung phong của nghĩa quân, hấn lại càng vững tin có thể giữ đồn cho tới khi trời sáng.

Lòng tin ấy được củng cố thêm khi có một liên lạc viên người bản xứ băng ngang phòng tuyến, tìm được đường lên đồi và thông báo rằng hết thảy người Pháp dân sự dưới tinh lý đều bình yên. Viên công sứ Pháp đã tập kết họ vào doanh trại kiên cố của bọn lính khổ xanh vẫn trung thành với hấn.

Tới hai giờ sáng, một sĩ quan trong khu cư xá thoát được lên đồi,

sau khi tử thủ trong phòng với các chương ngại vật. Lúc trời chưa rạng sáng, có một số lính khố đỏ từ ba đại đội nổi dậy lúc đầu, lục tục về lại công đồn, năn nỉ xin được tái thu nhận. Họ trình cho thấy các túi đạn vẫn y nguyên, như một bằng chứng rằng mình vô tội. Cứ thế, viên đồn trưởng Pháp lúc này đủ táo bạo đề gởi một toán thám sát nhỏ xuống đồi tìm những quân nhân Pháp sống sót.

Trong trại binh, Thanh Giang kiệt sức, lả người ngồi ủ rũ trên băng ghế. Anh nản lòng, khóc thầm tức vì thấy mình không đủ năng lực hoàn thành kế hoạch đánh chiếm. Ngô văn Lộc đứng tần ngần bên anh, lắng nghe tiếng súng ròi rạc từ bên ngoài vọng vào do một số nghĩa quân vẫn chỉ huy các toán lính khố đỏ tấn công lên đồi. Đột nhiên, Ngô văn Lộc nhận ra rằng dù còn vài giờ nữa trời mới rạng sáng nhưng tính tới lúc này, sự thất bại của cuộc nổi dậy là điều không thể tránh khỏi. Anh lại ngó xuống, thấy Thanh Giang giờ đây gục đầu vào hai lòng bàn tay, không còn quan tâm tới những gì diễn ra chung quanh. Lộc xoay người chạy trở lại khu cư xá sĩ quan.

Đồng và Học vẫn đứng canh hai bên cửa phòng Paul, tay nắm chặt thanh gươm và ngọn mác khô máu. Bức vách và cánh cửa lỗ chỗ vết đạn nhưng mấy lớp chương ngại vật vẫn ngăn không cho ai vào. Điên tiết, Lộc đá văng khẩu súng máy bị hóc đạn đang nằm trơ trên giữa hành lang. Khẩu súng vừa lật qua một bên, anh bỗng thấy bộ mặt cậu cần vụ của Paul Devraux lấp ló trong nhà bếp cách đó mấy thước và đang run rẩy nhìn ra. Trong một thoáng Lộc nhú mào, ngó người Bắc kỳ nhỏ thó ấy, rồi anh tuốt thanh gươm dắt trong dải vải đỏ quần quanh hông, vẩy tay ra hiệu cho cậu cần vụ mặt đang xanh rờn bước lại phía mình.

Hai phút sau, Paul giật mình nghe trên cánh cửa gỗ nứt nẻ có tiếng gõ nhẹ nhẹ. Ngô văn Lộc nói bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Paul, lúc này ông có thể an toàn ra khỏi phòng. Tất cả những kẻ ở đây đều đi hết rồi.

Nghe giọng nói hình như quen thuộc, viên sĩ quan Pháp thấy vững bụng đôi chút:

- Ai đó?

- Ông không nhận ra tôi sao? Lộc đây! Chú “bồi” trại săn, người

tài xế của cha ông đây. Lúc này tôi có thể giúp đưa ông lên đồi. Các sĩ quan khác hầu hết đều bình an, đã lên tập hợp trên đó. Lính Đại đội Tám của ông vẫn trung thành với ông và với tiểu đoàn trưởng.

Mặt Paul lộ vẻ hoang mang. Anh nhận ra giọng nói của người bồi “nhiều biến hóa và đa năng đa hiệu” dù từ khi gặp nhau lần cuối tới nay đã năm năm. Nhưng hành tung trước đó và sự có mặt bất thường của anh ta tại trại binh này làm Paul không khỏi nghi ngại:

- Lộc này, anh làm cái gì ở đây, anh chung một lũ với bọn người nổi loạn phải không?

Bên ngoài im lặng một lúc. Rồi có giọng Lộc nói như tỏ ý hồ thẹn:

- Vâng, đúng vậy Monsieur Paul ạ. Nhưng ông từng là bạn tốt của các con tôi và tôi. Khi biết được ông là sĩ quan ở đây, tôi hiểu rằng mình có nghĩa vụ phải giúp ông. Tôi bảo đảm chắc chắn rằng ông sẽ an toàn. Tôi sẽ đích thân đưa ông lên tận cổng đồn binh.

Ngừng một chút, Lộc xuống giọng dỗ dành:

- Monsieur Paul, cuộc nổi dậy của chúng tôi đã thất bại. Nếu lúc này tôi giúp ông, biết đâu sau này ông có thể giúp lại tôi...

Người Pháp hỏi lại, vẫn dè dặt:

- Làm sao tôi tin nổi anh?

- Anh cần vụ của ông đang ở đây với tôi. Anh ta sẽ nói cho ông biết.

Tay kẹp chặt hai vai gầy guộc, Lộc miết lưỡi guơm vào cần cổ cậu cần vụ. Cậu ta nói ngay, giọng thì thảo ghenghệt:

- Vâng, vâng, thưa trung úy, đúng vậy. Lúc này ra ngoài không sao cả. Bọn người kia đi hết rồi.

Paul mở khuy gài chuôi kiếm. Tay phải cầm súng lục, anh bắt đầu tháo gỡ chướng ngại vật. Sức công phá kết hợp của quả lựu đạn xi măng và khẩu súng súng máy làm nứt nẻ cánh cửa và rạn vỡ tủ áo. Khi Paul kéo chiếc tủ tan nát qua một bên, cánh cửa đổ sập vào bên trong làm anh chớp mắt. Chính trong chớp mắt đó, Paul bắt gặp cảnh cậu cần vụ đang đứng trông nhìn anh từ bên kia hành lang. Ngô văn Lộc một tay bịt chặt miệng cậu ta, tay kia ấn thanh guơm khô máu vào cuống họng đang lầy bầy co giật. Người bồi cũ trại săn kẹp cứng người Bắc kỳ nhỏ thó đứng trước mình, dùng tấm

thân eo uột của cậu làm khiên che cho mình. Dù Paul, theo phản xạ, nâng mũi súng lên ngay lúc chợt nhận ra mình mắc bẫy nhưng nguy cơ bắn chết cậu cần vụ khiến ngón tay anh chững lại trên cò. Cũng ngay chớp mắt ấy, từ chỗ núp bên cạnh cửa, Đồng lao ra vùng gươm chém vào cánh tay người Pháp, cắt phăng một đoạn tay áo và làm khẩu súng lục văng khỏi tay Paul. Cùng một lượt, cậu em Học từ bên kia khung cửa, phóng người vùng mác lên xả xuống. Dù viên sĩ quan Pháp vặn người cúi đầu tránh được cú chặt thẳng xuống sọ nhưng lưỡi mác phập vào u thịt trên vai.

Lảo đảo Paul vọt ngược vô phòng. Tay anh vừa tuốt được kiếm, hai thiếu niên An Nam đã nhào vào người anh, hất thanh kiếm văng khỏi tay anh, vật anh xuống giường. Học lại vùng mác lên, rõ ràng muốn xả thêm một nhát nữa xuống cái đầu vô phương tự vệ của Paul. Lúc ấy Ngô văn Lộc nhảy vào giữa hai anh em, mặt méo mó vì thù hận:

- Khoan! Giữ nó đó cho cha. Cha sẽ giết chết con trai của thằng Jacques Devraux bằng chính tay cha.

Hai cậu bé đề lên người viên sĩ quan Pháp, gài giật cánh anh lại. Mặt Paul trắng bệch, choáng váng, nhể nhại mồ hôi. Máu từ các vết thương trên vai, trên cườm tay ứa ra ướt đầm chiếc áo nhà binh. Thấy bộ mặt hung ác của cả ba cha con, Paul thì thào kinh hãi:

- Tôi đã từng đối đãi với các người như bè bạn. Tại sao các người giết tôi? Tại sao, anh Lộc, tại sao?

Người An Nam đưa thanh gươm lên, dí mũi gươm vào chỗ lõm nơi cổ họng viên sĩ quan:

- Cha mày giết vợ tao!

Paul lặp lại những tiếng ấy của người bồi cũ bằng giọng lúng búng, kinh hoàng:

- Cha tôi... giết... vợ anh? Chuyện đó không đúng!

Ngô văn Lộc rạch mũi gươm nhọn hoắt vào bộ ngực đang bị kẹp cứng, ưỡn vòng lên của Paul. Xuất hiện thêm một lần máu rỉ rỉ chảy.

- Cha mày đem vợ tao vô giam ở Sài Gòn — rồi để cho tội tra tấn của hắn giết chết.

Cố giọng người lên, Paul nói trong tuyệt vọng:

- Anh Lộc, anh nghe tôi nói đây. Ba tôi kể với tôi rằng ông tìm thấy giấy tờ bị mất tại chỗ của vợ anh. Hiến binh phải thẩm vấn chị Mai. Sáng hôm sau, ba tôi phải đi ngay ra Hà Nội nhận nhiệm vụ mới. Chúng tôi hoàn toàn không biết gì việc chị Mai bị chết.

Lộc dữ dằn rạch thêm một đường gươm nữa:

- Mày có láo khoét tới mấy cũng không cứu nổi mạng mày! Vợ tao đã chết — bị nước Pháp giết — và mày sắp chết vì tội ác đó! Một cuộc cách mạng sắt máu đã bắt đầu...

Không nhìn bộ mặt ngây ngất hận thù của người cha nữa, Paul quay qua ngó hai con trai của Lộc đang liên thủ ghì chặt vai anh xuống giường. Máu của các nạn nhân lúc nửa đêm đang khô trên quần áo của Đồng và Học. Những con mắt kẻ sát mặt của hai anh em làm Paul chớp nhoáng nhớ lại những lần anh dạy chúng bắt chước tiếng hót của lũ chim rừng bằng cách thổi vào cạnh cọng cỏ. Lúc này, từ những bộ mặt tiều tụy, khắc khổ và bê bết máu, những con mắt ấy đang nhìn lại anh, ngây ngất và long lanh hận thù man dại. Paul bắt đầu nói bằng tiếng An Nam, giọng sâu lắng:

- Học ơi, Đồng ơi, nghe anh nói đây. Hai em không hiểu...

- Câm họng!

Tiếng Lộc thét lớn. Bộ mặt Lộc rúm ró trong khi miệng anh gầm gừ. Rướn người cao hết cỡ, hai tay Lộc ác liệt hoa thanh gươm lên và chậm chậm chém xuống đầu viên sĩ quan Pháp.

Trong gọng kềm siết chặt của hai thiếu niên An Nam Paul vùng vẫy dữ dội nhưng các vết thương đã lấy mất sức mạnh của anh. Anh chỉ còn biết bất lực nhìn lưỡi gươm của Lộc đang từ từ chẻ xuống! Vì mắt Paul dán chặt vào lưỡi gươm nên không thấy một trung sĩ Pháp từ đồn binh trên đồi xuất hiện nơi ngưỡng cửa, theo sau có hai lính khố đỏ trung thành trong Đại đội Tám của anh. Paul chỉ nghe vang mấy tiếng súng lục nổ. Liền đó, anh cảm thấy, sát bên anh, thân thể Học rùng lên khi bị đạn cấm phập vào người. Rồi thỉnh linh căn phòng nhỏ vỡ oà với những thân người quyết liệt va đập vào nhau. Hai lính khố đỏ chĩa lưỡi lê nhào vô Lộc và Đồng trong khi viên trung sĩ nạp đạn khẩu súng lục. Hai người An Nam chống cự dữ dội, mở được đường chạy ra hành lang. Viên

trung sĩ vừa rượt theo vừa bắn nhưng hai cha con đã vọt qua một khung cửa sổ vỡ nát, thoát khỏi ba-rắc, biến mình vào vùng đồi tối đen mịt mù và hỗn độn bên ngoài. Cậu bé Học vận hết sức hơi, nhấc chân lên cố chạy theo cha và anh nhưng vết thương trên vai làm cậu hoa mắt xây xẩm mặt mày. Viên trung sĩ Pháp quay lại căn phòng. Thấy trung úy đại đội trưởng của mình lúc này nằm bất tỉnh trong bộ quân phục đầm máu, hấn cung cả hai tay, đâm cậu bé An Nam té ngửa xuống sàn nhà. Dù Học vẫn rên rỉ đau đớn, bộ mặt viên trung sĩ không lộ chút xót thương. Thù hận tràn trề hai mắt, hấn gườm gườm nhìn xuống Học trong một lúc rồi chân hấn bắt đầu tàn bạo đá tới tấp vô đầu cậu, vô người cậu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 12 -

Mồ hôi ứa ra nhễ nhại rồi chậm chậm đọng thành từng giọt, lăn xuống đầy mặt Ngô văn Học khi cậu bụm kín hai tai bằng cả hai bàn tay, nằm co ro trong nhà giam tại doanh trại Lính Bảo An Khố Xanh của tỉnh lỵ Yên Bái. Lúc này chỉ mới bốn giờ sáng ngày 17 tháng Sáu năm 1930, không khí xà lim ẩm thấp, ngột ngạt, nồng nặc hơi đất và mùi lá cây thối rữa lâu ngày.

Học ấn chặt thêm hai lòng bàn tay vào tai để đừng nghe ra tiếng búa chan chát từ cánh đồng bên ngoài vọng vào. Lúc nãy, vừa bắt đầu nghe tiếng búa thứ nhất, cậu lật đật đu mình lên song sắt cửa sổ, nhìn sâu vào bóng đêm bên ngoài. Và người bỗng chới với tê dại khi thấy công việc toán cu-li đang làm ngay giữa cánh đồng. Dù với ánh sáng mờ mờ của mấy ngọn đèn bão treo trên mặt ruộng, chỉ có thể thấy một phần bộ phận giàn giá cao, hai cột trụ song song thẳng đứng họ vừa dựng nhưng Học chẳng còn chút hồ nghi nào.

Công trình ấy xác định chính xác nỗi sợ hãi trùm kín Học tối qua, lúc cậu và mười hai người tù Quốc Dân Đảng bị áp tải lên chuyến xe lửa có lính canh gác cẩn mật, sau khoảng thời gian bốn tháng bị giam giữ ở nhà tù Hỏa Lò Hà Nội. Không ai nói cho biết người ta chở họ đi đâu nhưng khi bánh tàu nghiêng ken két, bắt đầu cuộc hành trình dài năm tiếng đồng hồ ngược châu thổ sông Hồng và dừng lại trên sân ga Yên Bái vào lúc quá nửa đêm, những người tù câm lặng ấy bắt đầu đoán ra sự thật.

Sau cùng, tiếng búa ngừng, Học cất tay khỏi màng tang và đứng dậy. Trong một hai phút cậu đi loanh quanh, xoa xoa chỗ dưới bả vai nơi viên đạn bắn trúng trong đêm khởi nghĩa. Vết thương nay đã lành nhưng Học vẫn cảm thấy râm nhức mỗi khi phải gặp người. Thỉnh thoảng, Học dừng chân nghe ngóng; chỉ có tiếng râm ran của lũ ve sầu trên các lùm cây chung quanh cánh đồng và đôi

khi, tiếng ếch nhái kêu ồm ộp làm lay động cảnh đêm dài tịch mịch.

Học thả mình nằm xuống mặt giường ván, cố dỗ giấc ngủ, nhưng chốc lát sau, có tiếng động khác làm cậu lại bật dậy, chạy tới đờ người lên cửa sổ. Cậu thấy dưới ánh sáng bập bùng của mấy ngọn đuốc có năm sáu cu-li đang lui cui đẩy chiếc xe bò chở thứ gì đó rất nặng vào sân nhà giam. Khi giở hàng họ đã không gượng nhẹ còn nặng tay thả những chiếc rương vừa dài vừa rộng xuống mặt sân lát đá. Tới khi chúng được xếp liền nhau thành hàng ngang Học mới nhận ra đó là những cỗ áo quan sần sùi, làm bằng gỗ tạp. Cậu chậm chậm đếm rồi tim rụng xuống đáy lồng ngực: cả thấy mười ba cái.

Rên thành tiếng khốn khổ, Học buông chân song, người té phịch, mặt úp lên sàn xi-măng của xà lim, co hai chân không hơi sức lên và hai cánh tay khằng khiu ôm thân thể tiều tụy. Cậu nằm yên trong tư thế ấy, mắt mở thao láo, cho tới gần hết đêm. Mãi tới lúc trời gần sáng, trí óc tê dại và thể xác cùng kiệt, cậu mới mơ màng thiếp ngủ đôi chút.

Trong giấc mơ, Học chập chờn thấy mình về lại xà lim cô đơn lạnh lẽo và tối tăm ở đồn binh Ngã Ba Ông Đồn, bị tổng biệt giam thêm lần nữa vì cô trốn khỏi đồn điền cao su Vị An. Nhưng dù chiếc cùm sắt rất nặng và cơn sốt làm toàn thân run lẩy bẩy cậu vẫn cảm thấy mừng hóm. Rốt cuộc, cậu không sắp bị chết. Chẳng bao lâu nữa, cậu và anh Đồng lại được ở bên nhau trong nhà lán mái dột, rúc vào người nhau trong bóng tối, giúp nhau vượt qua những gian nan cơ cực từng ngày trong cuộc sống phu cạo mủ. Thậm chí những bức tường đá sần sùi của xà lim Ngã Ba Ông Đồn, trước đây cậu chỉ sờ vào chúng chứ chưa bao giờ thấy rõ, cũng có vẻ thân mật và quen thuộc. Hai bàn chân sưng vù vì bị roi quất nhưng toàn thân cậu chẳng có vết thương nào do đạn bắn trúng. Học đưa tay bóp chỗ phía dưới bả vai mình thật mạnh, thấy không, chẳng rēm nhức chút nào! Tất cả chỉ là một ác mộng kinh hoàng. Bỗng có tiếng động âm trầm, rầm rập và nhịp nhàng từ một chốn rất xa vọng tới, trong bóng tối hình như nghe càng lúc càng vang hơn, dội tới gần hơn. Tuy không biết đó là thứ âm thanh gì nhưng nó

làm cậu sợ hãi. Cậu lật đật trở người, tin chắc rằng mình đang bị nó đe dọa.

Học choàng tỉnh, nhận ra giấc mơ đã dứt hẳn nhưng tiếng động âm trầm ấy vẫn kéo dài. Run lấy bầy, cậu ngồi lên, thấy bóng tối xà lim đã bớt dày đặc. Lim dim đôi mắt, tập trung hết tâm trí, cậu nghe ra đó là tiếng thỉnh thịch của một ngàn bàn chân đang nối gót nhau đi đều bước bên ngoài nhà giam. Ba đại đội của Tiểu đoàn Hai Trung đoàn Bốn thuộc Khinh Binh Khố Đỏ Bắc kỳ vừa từ đồn binh trên đồi rầm rập đi xuống — chính họ là những người anh em từng được Thanh Giang và các nghĩa quân của Việt Nam Quốc Dân Đảng kỳ vọng sẽ đứng lên khởi động cuộc toàn quốc khởi nghĩa — nay vâng lệnh các sĩ quan Pháp, nhịp bước chân ngoan ngoãn và đều đặn trên mặt cỏ ẩm ướt, tới tập hợp làm thành một vòng đai chung quanh bãi hành quyết!

Học lại đu người lên song cửa sổ. Trong trời tờ mờ, cậu thoáng thoáng thấy họ. Súng trường ngay ngắn trên vai, nón hình tam giác thẳng thớm trên đầu, từ đầu gối tới cổ chân quần xà cạp xanh. Năm trăm lính khố đỏ im lặng, đứng ngay ngắn theo đội hình, đưa mắt bất động nhìn vào điểm chính giữa thửa ruộng.

Tiếng chân quân hành của các lính khố đỏ vừa lắng xuống, Học nghe dọc hành lang nhà giam bỗng vang lên tiếng đế giày nện côm cộp và tiếng chìa khóa kêu lách cách. Tiếng một cánh cửa xà lim kéo kẹt mở và lọt tới tai cậu những giọng nói bằng tiếng Pháp đầy hơi gió, đều đặn và rất thì thầm. Sau một hai phút, những bàn chân ấy cất bước. Lại một cánh cửa kéo kẹt mở và những giọng ấy lại nói thì thầm. Khi những tiếng chân đó chậm chậm tới gần xà lim của Học, cậu bật khỏi giường, lóng cóng đứng lên, ngay giữa xà lim, rồi chờ người chờ đợi.

Cửa tù bật mở, hiện ra viên công sứ Pháp tỉnh Yên Bái, người gầy, đeo kính trắng, ria thưa thưa. Không nhìn Học, y đưa một tờ giấy lên trước mặt và đọc bằng giọng trịnh trọng, đều đều, khô khốc: “Tổng thống đã ký Sắc lệnh ngày 10 tháng Sáu bác bỏ mọi đơn xin khoan hồng. Do đó, bản án của Hội Đồng Đề Hình sẽ được thực hiện ngay lúc này.”

Người thông ngôn An Nam dịch chưa xong lời tuyên bố ấy, công

sứ đã lật đật xoay mình bước ra khỏi xà lim, không thèm xem phản ứng của tử tù.

Học mãi ngo theo viên công sứ, không để ý tới một hình bóng mặc áo chùng thâm của linh mục tuyên úy nhà tù Hoả Lò Hà Nội vừa nhẹ nhàng bước lên, điền vào chỗ đứng của công sứ. Ông làm xàm trong cổ họng điều gì đó Học nghe không ra, nhướn lông mày dò hỏi. Sau khi người thông ngôn dịch những lời ấy ra tiếng An Nam Học vẫn không hiểu mình đang bị hỏi về cái gì. Nhưng cậu lơ quờ gật đầu, hi vọng nhờ ung thuận mình được ân xá hoặc ít ra cũng được tạm hoãn đôi ba phút.

Thấy Học gật đầu, linh mục ra hiệu cho cậu quì xuống trước mặt mình. Ông rảy nước thánh lên vầng trán run rẩy, động mồ hôi lạnh của Học, và đặt vài hạt muối lên chót lưỡi cậu. Ông vừa làm vừa lầm rầm đọc lời làm phép rửa tội cho cậu trở thành tín hữu của Hội thánh Công giáo La mã. Kế đó, như một cái máy, Học vẫn dờ dẩn tiếp tục gật đầu trong suốt nghi lễ xá tội tân tòng được cử hành cho hợp thể thức. Khi xong mọi sự, linh mục thấp giọng hỏi cậu có nguyện vọng chót nào muốn thông báo cho gia đình không. Và ông dịu dàng nói thêm:

- Nếu con muốn gởi thư ta sẽ tìm cách chuyển cho.

Từ lúc bị bắt tới nay Học không biết chút tin tức nào về cha và anh. Tại Hà Nội, cậu bị tra diện cho tới khi khai địa chỉ căn buồng nhỏ ba cha con thuê ở chung trên xưởng của một người dệt chiếu trong phường Thanh Nhàn tại ô Đống Mác. Tuy sau đó các tù nhân khác kể với cậu rằng cha cậu và Đồng không bị bắt và đã tránh không về lại địa chỉ đó nhưng Học vẫn tự thấy rất hổ thẹn và hối hận về sự phản bội của mình. Lúc này, nghi ngờ rằng đây chỉ là một trò gian xảo mới nhằm lường gạt và giăng bẫy để cậu giúp họ bắt cha và anh, Học lắc đầu lia lịa.

Linh mục đi ra. Một thợ hớt tóc đi vào. Các cai ngục giữ chặt Học ngồi yên trên ghế trong khi người thợ bôi xà phòng, cạo sạch mớ tóc sau gáy của cậu. Lúc người thợ làm xong, những giọt nước mắt tuyệt vọng của cậu ứa ra đầm đìa mặt. Học đứng im lìm bất động khi theo đúng truyền thống, người ta đưa cho cậu một ly rượu mạnh. Rồi họ lấy một sợi lòi tói bện bằng dây gai buộc vào hai cổ

chân Học, nôi lỏng không giữa hai chân để cậu chỉ có thể đi bước ngắn. Xong, họ để cậu ở lại một mình trong xà lim. Tới năm giờ thiếu mười lăm phút, đã hoàn tất mọi thủ tục chuẩn bị cho cuộc hành quyết tập thể; nhà giam lại bị trùm kín bởi bầu khí im ắng kỳ dị.

Bên ngoài, một đám không đông lắm người Bắc kỳ đứng tụ tập trên một mô đất cao ngó xuống thửa ruộng hành quyết, trong đó có cha và anh của Học. Đồng đứng trầm ngâm nhìn, mặt khắc khoải tái xanh. Minh trần, đầu quấn khăn xếp thổ cẩm cải trang làm dân quê vùng thượng du Bắc kỳ, và không khác những đàn ông chung quanh, hai cha con cầm cuốc. Từ chỗ đứng trên cao, họ có thể phóng tầm mắt qua đầu hai đại đội lính khổ đỏ bản xứ để nhìn rõ hiện trường. Cảnh tượng những người lính châu Phi cao lớn, chủ lực của Bộ binh Thuộc địa Pháp và những chiếc mũ lưỡi trai của Đạo binh Lê Dương đứng sát nhau làm thành một vòng tròn an ninh chung quanh đoạn đầu đài là một nhắc nhở xốn xang cho hai cha con về dự tính táo bạo trong những ngày sắp tới nhằm trả thù nhà và giải phóng tổ quốc, bất chấp sự thất bại mới đây của cuộc khởi nghĩa Yên Bái.

Tới rạng sáng, các sĩ quan Pháp và Đại đội Tám lính khổ đỏ trung thành với Pháp từ đồn binh trên đỉnh đồi kéo xuống đánh tan tác nghĩa quân một cách dễ dàng. Bộ binh Thuộc địa và lính Lê dương tiếp viện được xe lửa nhanh chóng chở từ châu thổ sông Hồng lên mạn ngược, chặn đường rút của nghĩa quân. Bản thân Thanh Giang bị bắt. Ngô văn Lộc và con trai ở trong số ít ỏi những người thoát được, xuôi theo sông Hồng về tới địa điểm an toàn trong một khu vực ba mươi sáu phố phường đông đúc của Hà Nội.

Ở đó, lần đầu tiên họ hay tin đảng trưởng Nguyễn Thái Học, thủ lĩnh toàn quốc của Quốc Dân Đảng, vào giờ chót đã cố hoãn cuộc khởi nghĩa nhưng người liên lạc không thể báo kịp cho các nghĩa quân ở Yên Bái.

Tại vùng thượng du, có phóng ra những cuộc tấn công dùng dằng khác và cũng bị thất bại. Những cuộc đột kích rải rác bằng lựu đạn ném vào các cơ sở chính quyền tại Hà Nội ngay hôm sau đó cũng không gây được tác động nào. Tuy nhiên, tiếp liền vụ tàn sát đẫm

máu các sĩ quan ở trại binh Yên Bái là một luồng sóng kinh tởm tràn qua Đông Dương và Pháp. Và nó giáng xuống đầu Quốc Dân Đảng một cuộc báo thù ghê rợn.

Quốc hội ở Paris hằng ngày ngân vang tên Yên Bái, đã biểu quyết nhiều biện pháp trả thù khốc liệt. Toàn quyền Đông Dương tới cử điểm Yên Bái dự lễ an táng các nạn nhân. Bên mồ họ và trước mặt các quả phụ mặc tang chế, hấn lớn tiếng thề sẽ phục hận cho họ.

Vài ngày sau đó, khi thủ lĩnh Nguyễn Thái Học phóng ra cuộc tấn công tuyệt vọng vào một đồn Lính khố xanh ở vùng trung du, lực lượng nghĩa quân của chính anh trở thành nạn nhân cho trận oanh tạc đầu tiên tại Đông Dương. Năm chiếc máy bay cánh hai tầng bằng gỗ và vải, hiệu Potez 25 của Không Quân Pháp, sà xuống làng Cổ Am nơi các nghĩa quân đang ẩn núp, dội tan nát những ngôi nhà tranh, bằng sáu chục quả bom loại mười ki-lô.

Khi nghĩa quân và dân làng sợ hãi chạy ra khỏi những ngôi nhà đang bốc cháy, các phi công dùng súng đại liên Lewis xoay đủ bốn hướng, đặt trong khoang lái, bắn xối xả và bừa bãi xuống các nạn nhân. Khoảng hai trăm đàn ông đàn bà và trẻ em bị giết. Cùng với Cổ Am, trong khi truy lùng nhằm bắt giết thêm nghĩa quân hoặc người giúp đỡ hay che giấu các đảng viên Quốc Dân Đảng, Pháp triệt hạ thêm mười làng quanh vùng. Hôm sau, Thống sứ Pháp ở Bắc kỳ tuyên bố công khai trên báo chí rằng “Bất cứ làng nào cho bọn nổi loạn ẩn núp đều sẽ bị chúng tôi oanh tạc không chút xót thương như thế.”

Vì không đành lòng rời xa tổ chức và không chịu vượt thoát sang Tàu, bản thân đảng trưởng Nguyễn Thái Học cũng bị bắt tại làng Cổ Vịt, Đông Triều, Hải Dương. Dựa theo tin tức gạn lọc từ các cuộc tra khảo và lần theo đường dây mật thám của mã tà lính kín, Nha Liêm Phóng tiếp tục bắt hàng trăm đảng viên thường. Trong số đó, tám mươi đảng viên bị kết án tử hình và năm trăm đảng viên khác bị kết án cấm cố chung thân hoặc khổ sai biệt xứ.

Thế là phân rã cơ ngơi của một hội kín có tổ chức qui củ nhất và mạnh mẽ nhất tính từ đầu thế kỷ 20, đánh dấu con đường vận động giải thực từ trung quân sáng ái quốc. Khi sa cơ, Nguyễn Thái Học mới 29 tuổi. Anh quê làng Phổ Tang, phủ Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh

Yên, nay là Vĩnh Phú. Con đường cách mạng của anh tiêu biểu cho lối đi của người đương thời theo đuổi chủ nghĩa dân tộc. Từ hoài bão thu hồi độc lập, đấu tranh cho tự do bằng cách thể ôn hòa với những đề nghị cải cách, anh bị nhà cầm quyền ép phải buộc lòng chuyển sang giai đoạn chọn lựa bạo động làm cách thể duy nhất. Thuở còn sinh viên trường Cao Đẳng Sư Phạm rồi trường Cao Đẳng Thương Mại Đông Dương ở Hà Nội, anh từng viết thư yêu cầu nhà cầm quyền Pháp sửa đổi về xã hội và chính trị, cải tổ nền hành chánh thuộc địa, ban hành tự do ngôn luận, v.v. Các sáng kiến ấy chẳng những không được xem xét nghiêm chỉnh, bản thân anh còn bị nghi ngờ, theo dõi. Kế đó, anh cùng các bằng hữu thanh niên trí thức thành lập Nam Đồng thư xã để in những sách báo nhằm nâng cao dân trí, khích lệ tinh thần yêu nước, ý thức dân tộc trong nhân dân, đồng thời làm nơi thu hút và tụ họp trí thức, thanh niên, sinh viên tại Hà Nội.

Năm 1926 là điểm mốc thời gian với hai biến cố chấn động. Một năm trước đó, Phan Bội Châu, người chủ trương giải pháp bạo động và là ngôi sao sáng nhất trong các nhà vận động cách mạng ở hải ngoại, bị bắt tại tô giới của Pháp ở Thượng Hải. Ban đầu Pháp định âm thầm thủ tiêu ông nhưng bị lộ, phải đem về Hà Nội đưa ra xử trước Hội Đồng Đề Hình và kết án khổ sai chung thân. Sự việc ấy khích động nhân dân toàn quốc đấu tranh đòi ân xá cho ông. Pháp phải đưa ông về an trí tại Bến Ngự, Huế. Sự việc thứ hai là Phan Châu Trinh, người chủ trương giải pháp ôn hòa, có ảnh hưởng lớn lao trong các nhà trí thức cự học lẫn tân học, vừa từ Pháp về nước được một năm thì từ trần tại Sài Gòn. Giới trí thức thanh niên vận động cả nước để tang ông. Ngoài đám tang lớn chưa từng thấy ở Sài Gòn còn có các buổi lễ tưởng niệm ông tại các thủ phủ và trường học lớn trên khắp nam trung bắc; tất cả là cơ hội tự phát để dân chúng toàn quốc dưng cảm biểu lộ và đề cao lòng yêu nước.

Cao trào ái quốc đó đưa tới việc ba năm trước đây, Nguyễn Thái Học cùng các đồng chí thanh niên tân học thành lập Việt Nam Quốc Dân Đảng, mô phỏng đảng cương tam dân chủ nghĩa của Trung Hoa QĐĐ — “dân tộc độc lập, dân quyền tự do, dân sinh

hạnh phúc” — tiếp tục theo đuổi giải pháp đấu tranh bạo động để giải phóng đất nước, nhưng chủ yếu dựa vào nội lực bản địa. Thật ra, ba năm trước cũng đã có một đảng lấy tên ấy. Năm 1924, tại Quảng Châu, cụ Phan Bội Châu cải tổ Việt Nam Quang Phục Hội thành Việt Nam Quốc Dân Đảng và đặt tổng bộ tại đó, đồng thời phát triển cơ sở quốc nội. Cán bộ nòng cốt là Tăng Bạt Hổ, Nguyễn Thượng Hiền, Nguyễn Thượng Thuật, Đặng Sư Mặc, v.v. Sau vụ cụ Phan bị Nguyễn Ái Quốc cùng Lâm Đức Thụ chỉ điểm cho Pháp bắt, lấy số tiền trị giá 100.000 đồng bạc Đông Dương, tổng bộ VNQDD ở Quảng Châu dần dần mất liên lạc với quốc nội. Các thanh niên Việt Nam nào tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố mà không đồng ý gia nhập tổ chức Việt Nam Thanh Niên Cách Mạng Đồng Chí Hội của Nguyễn Ái Quốc — vốn là hậu thân Tâm Tâm Xã của cố liệt sĩ Phạm Hồng Thái và là tiền thân của chi phái Việt Nam Cộng Sản Đảng — đều không dám hồi hương. Hễ về tới biên giới họ bị Pháp bắt ngay vì Nguyễn Ái Quốc đã báo cho Lâm Đức Thụ ở Hồng Kông biết để chỉ điểm cho Pháp. Họ chỉ còn cách ở lại Tàu, gia nhập đoàn quân cách mạng Dân quốc của Trung Hoa. Vì thế VNQDD ở quốc nội tan rã dần, phải chờ tới khi Nam Đồng thư xã xuất hiện mới thành lập trở lại.

Thừa hưởng ngọn gió yêu nước từ sau vụ hai cụ Phan, Việt Nam Quốc Dân Đảng thổi được luồng sinh khí mới vào lớp người tân học, được sự ủng hộ nồng nhiệt của các giáo chức, binh sĩ là hai cây cột chống đỡ mái nhà Đông Dương của Pháp. Ngoài ra, đảng còn phát triển rộng rãi trong giới trí thức, sinh viên học sinh, công chức, những người làm nghề tự do, nhiều thân hào nhân sĩ ở nông thôn. Địa bàn hoạt động chính của đảng là Bắc kỳ và một số chi bộ ở Trung Kỳ, Nam kỳ và Lào. Nhưng phát triển càng nhanh rộng, càng khó tránh khỏi mỏng manh và càng có kẽ hở cho mật thám Pháp cài người vào.

Tại Bắc kỳ và Trung kỳ, tổ chức quần chúng không phải là điều dễ dàng. Dân quê tuy căm thù Pháp nhưng phần đông sợ hãi chuyện “quốc sự”, chỉ muốn nhà nước để yên cho mình an phận làm ăn. Bên cạnh hệ thống mật thám của Liêm Phóng Pháp là guồng máy quan lại nam triều ngày càng ra mặt lộ liễu làm tay sai cho Pháp,

bắt bớ và đối xử tàn tệ những ai thoáng bị họ nghi ngờ. Phản ứng giận dữ của Pháp sau vụ tên mộ phu cao su Bazin bị một đảng viên Quốc Dân Đảng manh động ám sát vào tháng 2.1929, cùng với sự phản bội của một vài đồng chí ở cấp bộ quan trọng khiến hàng loạt đảng viên và quần chúng có cảm tình với đảng bị bắt, dồn đảng vào thế bị động. Việc bảo tồn cơ sở và huy động quần chúng ngày càng khó khăn vì thế đảng quyết định phải phát động khởi nghĩa bằng con đường binh biến. Nếu thành công, sẽ gây chấn động, phong trào lan khắp nước. Nếu thất bại, cũng gây được tiếng vang trên dư luận trong và ngoài nước, đem máu xương của người yêu nước góp sinh lực vào vận mệnh dân tộc. Nói cho cùng, kinh nghiệm lịch sử cho thấy công cuộc giải phóng đất nước bao giờ cũng gồm một chuỗi các cuộc khởi nghĩa. Dù lớn hoặc nhỏ, cuộc trước xô đẩy cuộc sau, cứ thế tới ngày nào đó làm thành cơn sóng thần đánh sập thành trì của chế độ vốn đang bị lung lay bởi một quá trình gồm nhiều cuộc khởi nghĩa diễn ra qua nhiều thời điểm và nhiều địa phương khác nhau.

Sau khi để cho bị bắt ở Đông Triều và giải về Hà Nội, Nguyễn Thái Học đổi mặt với tên Tổng đốc Hoàng Trọng Phu. Gã Việt gian ấy hỏi xác xược:

- Lúc ở Cổ Vịt, nhà thầy sẵn khí giới trong tay sao không giết bọn tuần phiên mà lại chịu để cho chúng bắt?

Câu trả lời của Nguyễn đảng trưởng đầy chính nghĩa và nhân hậu:

- Khí giới trong tay tôi là để giết bọn tham quan ô lại bán nước hại dân, nữ nào tôi lại giết những người vô tội.

Cũng với tấm lòng nhân hậu và đầy chính nghĩa như thế, khi bị giam ở ngục Yên Bái ba tháng trước đây, Nguyễn Thái Học viết hai bức thư gửi Toàn Quyền Đông Dương và Quốc Hội Pháp.

Trong đó anh thừa nhận trách nhiệm của mình về mọi hoạt động của VNQDD suốt ba năm qua, yêu cầu Pháp chỉ xử tử một mình anh hoặc nếu cần thì tru di tam tộc nhà anh, đừng giết những người tuân theo lệnh anh và nhất là đừng bắn phá, thiêu đốt bừa bãi các làng mạc và sát hại lương dân để trả thù. Anh kêu gọi người Pháp hãy nghĩ đến danh dự, công lý và nhân đạo. Đồng thời anh cảnh báo người Pháp nếu không thay đổi chính sách tại Đông Dương thì

chính họ sẽ phải khốn đốn vì những phong trào cách mạng. Phản ứng lại lời lẽ hào hùng cùng sự cảnh báo nghiêm trọng ấy, thực dân Pháp nhất quyết tỏ rõ quyền lực của mẫu quốc và đưa ra một hình ảnh dứt khoát, tượng trưng cho lập trường dứt điểm Việt Nam Quốc Dân Đảng. Họ quyết định hành quyết các thủ lĩnh cao cấp và các nghĩa quân Yên Bái tại nơi có cứ điểm quân sự mà cuộc khởi nghĩa đẫm máu ấy bị thất bại.

Trong ánh sáng xám của buổi rạng đông tháng Sáu ấy, tử tù đầu tiên xuất hiện là một người An Nam nhỏ thó. Ngô văn Lộc và Đồng nghễn cổ lên nhìn cho bằng được khuôn mặt lơ mờ của anh khi anh bước lên đỉnh cao con dốc từ nhà giam dẫn ra bãi hành quyết. Tay đeo còng, người mặc áo chùng trắng như tuyết, tử tù bị áp tải bởi sáu người lính Madagasca đen thui và cao lớn của Bộ binh Thuộc địa, lưng lững đi sau anh như sáu cái tháp.

- Chính là Bùi “Liên lạc viên”!

Đồng thở hổn hển, giọng thì thào khản đặc. Bên cạnh Đồng, cha cậu gật đầu khốc liệt.

Trong không khí im lặng rờn rợn, toán người ít ỏi ấy đi ra thừa ruộng với hình dáng nhanh nhẹn của công sứ Pháp đi dẫn đầu. Kế bên đoạn đầu đài ghê rợn, một đao phủ người An Nam vai rộng, béo lùn, đứng khoanh tay chờ. Khi tới trước mặt hắn, những người lính Phi châu không hề dừng chân, bước vội qua một bên. Và đây là lần đầu tiên họ thả cho tử tù đứng riêng một mình.

Đao phủ, vốn được một người Pháp chuyên nghiệp hành quyết huấn luyện kỹ lưỡng, lập tức túm hai vai, hung hãn đẩy Bùi Tư Toàn vào giá máy chém. Đó là một tấm ván có bản lề, đổ xuôi tới đằng trước trong tiếng va chạm loảng xoảng dưới tác động của thân thể người sắp bị chém. Anh bị chuôi xuống nằm úp mặt vào lỗ ngàm hình bán nguyệt. Đao phủ lệ làng sập miếng gỗ bán nguyệt ở ngàm trên xuống, gài lại. Rồi hắn cẩn thận chắn ngay ngắn chiếc khiên che ba phía quanh người hắn để giữ cho không bị những giọt máu oan nghiệt và xúi quẩy từ thân thể nạn nhân bắn trúng.

Khắp cánh đồng trùm kín một bầu không khí im lặng ghê người. Những người đang đứng trên sườn đồi dăm dăm nhìn xuống đều nghe rõ tiếng clic của mấy cái chốt bật mạnh để nhả con dao ra. Từ

trên cao, lưỡi thép sắc như dao cạo, nặng tới ba mươi bảy ki-lô và có ròng rọc, theo đường rãnh xẻ dọc hai thân cột rùng rùng lao xuống, chặt đứt đầu Bùi Liên lạc viên ngay, không một chút gián đoạn xung động, rồi dừng sừng lại ngang tầm mặt đất. Chiếc đầu khốc liệt của Bùi Tư Toàn rút gọn vào cái thúng hứng sẵn đằng trước giàn giá. Hai người An Nam phụ tá hành quyết lập tức lật cái xác cụt đầu đầm máu của anh cho vào chiếc áo quan đầu tiên đã đặt sẵn một bên.

Bùi Liên lạc viên qua đời không một tiếng than, không tỏ chút sợ hãi. Trên sườn đồi, trong đám đông phụ nữ có tiếng một người bật lên rồi nhiều người hòa theo khóc rầm rức. Trong khoảnh khắc ấy, Ngô văn Lộc nhắm mắt lại cho chìm hẳn hình ảnh chiếc máy chém rùng rợn đang ở chính giữa thửa ruộng và anh choàng cánh tay run rẩy qua vai Đồng. Lộc biết rằng, cũng như anh, đứa con trai lớn của anh hẳn cũng đang mừng tượng hai cha con anh làm sao chịu đựng nổi khi thấy chiếc cổ gầy guộc của Học bị gài vào lỗ ngàm. Nắp áo quan của Bùi Tư Toàn chưa kịp đập, công sứ và lính tùy tùng đã vội vã đi trở lại hướng nhà giam. Trong khi mặt trời sáng dần lên đằng sau vùng đồi phía đông, y lon ton chạy lui chạy tới nhà giam, điều hết người này tới người khác đoạn đầu đài, với sự năng nổ của viên chức hành chánh đứng đầu một tỉnh thượng du vốn hiểu rất rõ những kỳ vọng của các quan chức và các ký giả từ kinh kỳ Hà Nội lên.

Jacques Devraux đứng trong phái đoàn quan sát từ bao lon toà nhà dùng làm doanh trại Lính khố xanh. Hắn là một trong ba thanh tra của Nha Liêm Phóng tình nguyện tháp tùng phái đoàn quan chức cao cấp do Đặc ủy Hành Chánh Chính trị Bắc kỳ và Đại úy Chỉ huy trưởng Hiến binh dẫn đầu. Thỉnh thoảng hắn ngó xuống danh sách cầm trên tay trong đó ghi tên những tử tù đang bị họ chứng giám, kèm theo vài hàng chữ giải thích. Nguyễn văn A... Hà văn Lao... Nguyễn văn Thịnh... Đào văn Nhật... Hắn vạch dấu và gạch tên từng người một khi người thủ lãnh khởi nghĩa ấy chứng chạc bước lên đoạn đầu đài, hàm bạnh ra để biểu dương ý chí và cũng có thể, để làm nguôi nỗi sợ tự nhiên trong lòng mình.

Đứng bên cha trên bao lon, Paul Devraux cũng im lặng dăm dăm

nhìn đám rước quyết liệt ấy. Anh đã tái tục làm công tác nhẹ nhưng cánh tay mặt vẫn phải đeo dây quàng màu trắng. Nét mặt Paul tái xanh cho thấy vết thương gây tổn thất khá trầm trọng.

- Paul này, nhìn đằng xa từ chỗ này, con có thấy bọn chúng trông y hệt một lũ học trò con trai?

Viên thanh tra Liêm Phóng lúc lắc đầu, bình thản nói với con trai khi xuất hiện hình dáng của Thanh Giang, người tuy thấp nhỏ nhưng chân lẹ làng sải bước trên đầu dốc con đường dẫn từ nhà giam ra:

- Có thể chúng ta vừa gặp may vì chúng áp dụng những khái niệm đầy mơ mộng của các học sinh đang chơi trò tổ chức một cuộc nổi dậy. Bằng không, hẳn không dễ gì đánh bại được chúng.

Paul trầm lặng đáp:

- Con không chắc rằng trong mưu định này của họ không tiềm tàng cái gì đó báo hiệu điềm xấu. Dường như họ có đức tin không lay chuyển về định mệnh của họ. Không quan trọng gì mưu định ấy nông cuồng tới đâu hoặc gặp bất lợi to tát dường nào, họ vẫn lao đầu vào mà không cần suy nghĩ tới lần thứ hai.

Người cha nhướn đôi mắt từng trải và cặp lông mày khinh mạn lên với con trai mình:

- Nhưng không phải cái đó chỉ chứng tỏ rằng bọn chúng điên rồ sao?

Viên trung úy trẻ trả lời với giọng đều đều:

- Không phải điên rồ mà là cực đoan, một phẩm chất còn cực kỳ nguy hiểm hơn điên rồ.

Jacques Devraux nhún vai ngó chỗ khác, không trả lời. Trong một thoáng Paul nhìn dáng đứng nghiêng nửa người của cha. Anh tưởng chừng những nếp hằn tuổi tác trên bộ mặt cha tự nhiên rõ nét hơn và có cái gì đó giống như những đường nét khắc nghiệt mới quanh miệng và mắt cha. Anh hỏi nhẹ giọng:

- Ba ạ, có bao giờ ba khám phá ra lý do vợ của Lộc bị chết ở trong tù không?

Người cha lắc đầu, không nhìn con:

- Con đã biết chuyện đó xảy ra khi ba đã ra ở Hà Nội. Từ Hà Nội ba đã cố dò hỏi. Giấy khai tử ghi: lý do tự nhiên — đau tim. Đó là

tin tức độc nhất chúng ta có được.

- Liệu có đúng như vậy không?

Jacques vẫn không quay mặt nhìn Paul:

- Không có lý do gì khiến chúng ta không tin vào lời giải thích chính thức, phải không? Xà lim nhà tù không phải là nơi hợp vệ sinh. Thỉnh thoảng vẫn có người chết ở trong đó.

- Đúng vậy, nhưng vợ của Lộc...

Viên trung úy thỉnh thoảng ngưng bật vì không khí im lặng kỳ dị nơi pháp trường từ lúc bắt đầu cuộc hành quyết tới giờ này bị phá tan tành bởi những tiếng hét náo động bằng tiếng An Nam, phát lên từ chính giữa thửa ruộng:

- *“Cho tôi nói! Cho tôi nói!”*

Hai cha con nhìn ra, thấy phía trước đoạn đầu đài, Thanh Giang Nguyễn vẫn Khôi vung vẩy thật mạnh, cố thoát ra khỏi người lính Lê dương đang một tay túm chặt anh còn tay kia đưa lên bịt miệng anh khi anh bắt đầu hét lớn bằng tiếng mẹ đẻ: *“Cho tôi nói!”*

Tên lính Lê dương cố trấn áp cho Thanh Giang im bật trong khi gã đao phủ An Nam đề người anh vô lễ ngăm. Nhưng vừa được buông ra, người thầy giáo Bắc kỳ mở miệng ngay và bắt đầu hét lớn hết sức mình:

- *“Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam!”*

Tiếng hét dồn dập của người Việt Nam Quốc Dân Đảng ấy bùng lên như điện giạt, rền vang khắp cánh đồng tịch mịch. Và khi nghe tiếng clic trên đầu báo hiệu lưỡi dao được mở chốt, người chỉ huy cuộc khởi nghĩa Yên Bái còn hô lớn hơn nữa, át cả tiếng rùng rùng của con dao đang lao xuống:

- *“Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam!”*

Những tiếng hô ấy chừng lại khi con dao máy chém chặt đứt lìa đầu anh nhưng tiếng vang hùng tráng của chúng đã lọt tới tai bảy tử tù còn lại trong xà lim. Và khi từng người một bị điệu ra giữa ruộng, bước lên đoạn đầu đài, lại vang lên những tiếng hô mới đầy thách thức: *“Việt Nam! Việt Nam!”* dội lên vang rền, phát xuất từ chôn thẳm sâu trong lồng ngực họ.

Người thứ mười một là một thanh niên hai mươi ba tuổi quê vùng Bắc Ninh: Phó Đức Chính. Anh là một Cán sự Công chánh từ Lào

về nắm công tác an ninh nội bộ của đảng. Khi đao phủ bước tới để đẩy anh nằm xuống, anh quắc mắt ra hiệu y giữ yên tám ván. Chính bước lên, nằm ngửa. Người anh trôi về lỗ ngàm. Tự tay mình đóng sập miếng gỗ hình bán nguyệt, anh ra hiệu đao phủ mở chốt lưỡi dao rồi ưỡn cổ. Bằng đôi mắt sáng như sao, anh nhìn lên trời cao, nhìn thẳng lưỡi dao. Lưỡi dao rùng rùng chạy xuống không át nổi tiếng anh hô vang:

- *Việt Nam vạn tuế!*

Đảng trưởng Nguyễn Thái Học, thủ lĩnh toàn quốc của VNQDD, là một trong vài người trong nhà tù từ chối phép rửa tội gia nhập Hội thánh Công giáo. Chậm rãi bước từng bước lên đoạn đầu đài, anh đưa khuôn mặt chữ điền nhìn xuông hàng lính Lê dương và lính Bộ binh Thuộc địa Pháp đứng quanh pháp trường, xong anh nhìn tới doanh trại Lính Khố xanh, nơi có phái đoàn Hội đồng Đề hình, Hiến binh và Liêm Phóng từ Hà Nội lên. Vị thủ lĩnh mỉm cười, ngâm to mấy câu thơ bằng tiếng Pháp:

- *“Mourir pour sa patrie
C’est le sort le plus beau
Le plus digne... d’envie...”*

[Về sau, có đồng chí của anh dịch là:

“Chết vì tổ quốc,
Cái chết vinh quang,
Lòng ta sung sướng,
Trí ta nhẹ nhàng...”]

Ngâm xong, anh im lặng vài giây, rồi trang trọng cúi đầu chào đồng bào trên đồi. Kế đó, anh hô thật lớn: “*Việt Nam!*” một lần, bằng giọng rền lên thật lớn trước khi anh chịu tử nạn.

Những người An Nam dự khán cúi đầu, tưởng rằng vị thủ lĩnh đảng là nạn nhân cuối cùng của chiếc máy chém. Nhưng khi họ bắt đầu giải tán, sắp sửa bỏ đi, Ngô văn Học bỗng xuất hiện. Trong vài

khoảnh khắc ngắn ngủi, cha và anh của Học đã khắp khởi mừng thầm, tưởng rằng vào giờ thứ mười một cậu có thể được hoãn vì tuổi còn quá non nớt. Thật ra, Học bị vô ý để lại sau cùng vì công sứ quá tất bật, quá lo lắng chu toàn nhiệm vụ đáng ghét của mình nên y không để ý tới sự có mặt của cậu bé trong xà lim. Hậu quả là người lính Madagasca tùy tùng của y được lệnh dẫn Học đi thật gấpĩ ra đoạn đầu dài, càng lẹi càng tốt.

Học vì thế phải lật bật lê đôi chân lỏng không thông dây của mình chạy theo cho kịp những người lính châu Phi đang sải những bước dài. Hoạt cảnh ấy và tấm áo chùng màu trắng trinh nguyên trông vào chiếc cổ gầy guộc làm nổi bật thêm vẻ ngoài thơ đại của cậu. Một người đàn bà An Nam trong đám đông, xúc động tốt cùng vì tình cảnh trước mắt, bỗng gào lên đau đớn:

- Ôi con ơi! Tội nghiệp con tôi!

Trong cơn mê thiết, Học tưởng chừng đó là tiếng mẹ mình kêu con. Chân đang đi bước nhảy thành lình cậu đứng lại, quay mình ngược cổ về hướng người đàn bà ấy. Một người lính áp tải Học vấp vào người cậu; một người lính té xuống đất. Học vừa mê vừa sáng cổ vọt người chạy về phía có tiếng gào đó nhưng vì vướng sợi dây trông hai cổ chân, cậu bị lính chụp lại dễ dàng. Khi họ cố quây kín mít người Học, cậu khởi sự đâm đá gào thét như điên như dại. Sau cùng, một tên lính Madagasca nhấc bổng người Học, ôm cậu lên máy chém.

Vừa thấy cạnh sắc của lưỡi dao trên đỉnh đoạn đầu dài phản chiếu lập loè ánh mặt trời, Học hoảng hồn im thinh thít. Khi đao phủ nắm cánh tay Học, lôi cậu ra khỏi người lính, cậu thôi không chống cự nữa.

Đao phủ nói điềm tĩnh bằng tiếng bản xứ:

- Đừng sợ. Cậu sẽ chẳng cảm thấy gì đâu.

Nói chưa xong, hắn đã ôm cứng người Học, vật xuống. Một tay hắn đè Học nằm yên trên mặt ván, một tay hắn nâng vôi tẩm ván lên. Học trơ vơ trôi người tới đằng trước, cổ tuột đúng vào ngàm hình bán nguyệt của máy chém. Trên bao lơn doanh trại lính Khố Xanh, Paul Devraux quay đầu sang chỗ khác, nhìn trống rỗng vào khu rừng mờ mờ nơi sườn đồi xa xa. Trong đám đông An Nam

đang ngó chăm chặp, Đồng và Ngô văn Lộc cúi đầu, đau xé ruột và âm thầm khấn vái ông bà tổ tiên.

Khi một nửa miếng gỗ ngàm trên sập xuống ngay ngắn, mắt Học nhắm nghiền. Khuôn mặt người mẹ khuất núi đột nhiên lướt qua trong bóng tối trước mặt cậu. Kế đó, khi nghe tiếng clic của máy chém và hai chiếc cột dọc kêu rùng rùng hai bên vai mình, Học mở mắt nhìn vào những hạt bụi lốm đốm nhảy múa trong nắng trước mặt rồi cuồn cuộn hô lớn:

- “*Việt Nam! Việt Nam! Việt Nam!*”

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 13 -

Gió dịu dịu sớm mai cuối tháng Sáu thổi gợn sóng lăn tăn mặt nước Hồ Hoàn Kiếm, trái tim của kinh kỳ Hà Nội ngàn năm văn vật, khi Đào văn Lật đi qua Tháp Bút, đặt chân lên cầu Thê Húc màu đỏ như son bắc sang hòn đảo nhỏ ở sát mé đông bờ hồ. Tay thì lên lan can cầu, mắt không rời những cụm sen đỏ và trắng đang lao xao mặt hồ lóng lánh xanh màu ngọc bích, anh cố làm lắng dịu cảm giác nôn nao đang mỗi lúc một dâng cao trong lòng.

Từ nửa khuya đêm qua, Lật thức giấc và triền miên nghĩ tới cuộc gặp gỡ bí mật sắp diễn ra giữa anh với một nhà cách mạng nổi tiếng nhất thời đại anh. Và cũng vì quá xúc động, anh đến sớm trước giờ hẹn mười lăm phút. Chính anh chủ động chọn địa điểm này để tiếp xúc, vẫn theo đúng nguyên tắc táo bạo anh đã áp dụng khi dùng chiếc xe kéo bánh sắt tới dự cuộc họp chi bộ Quốc Dân Đảng tại ngôi chùa đằng sau phố Đồng Nhân vào sáu tháng trước. Lật lập luận rằng địa điểm cuối cùng hẳn Liêm Phóng không ngờ các nhà cách mạng mưu tính gặp gỡ nhau là ngay cạnh Hồ Hoàn Kiếm yên tĩnh, trong ánh sáng ban mai chan hòa. Nhưng nguyên cơ đó chỉ mới thuộc phần lý luận, nguyên cơ còn lại thuộc phần tâm thức và cảm tính: Tháp Rùa nhỏ trên cồn đất chính giữa mặt hồ, thường chỉ bắt đầu đỏ rực như san hô khi mặt trời mọc, cả ngàn năm nay vốn là biểu tượng bền vững cho tình yêu độc lập và tự do của dân tộc Việt.

Năm thế kỷ trôi qua kể từ ngày, theo truyền thuyết dân gian, chiếc hồ này trao thanh kiếm thần diệu của nó cho một người đánh cá.

Từ đó, với kiếm báu trong tay, Bình Định Vương Lê Lợi gây dựng một đạo quân nông dân vĩ đại nhất, lật đổ nền thống trị của Minh triều Trung Hoa và dựng lên một triều đại mới, mở ra một kỷ nguyên vinh quang trong lịch sử nước non Việt.

Lật tin chắc cuộc gặp gỡ sắp diễn ra tại đây sẽ minh chứng niềm

xác tín mãnh liệt của anh rằng lúc này, tháng Sáu năm 1930, thời gian đã chín muồi cho một Lê Lợi mới xuất hiện và chỉ huy đạo quân nông dân thời hiện đại chống lại những kẻ xâm lăng đến từ phương trời tây xa lạ! Anh chắc chắn rằng không thể nào chậm trễ hơn nữa và anh quyết định lao mình vào cuộc thách đố ấy.

Ai sẽ là Lê Lợi thời nay, vị anh hùng của Việt Nam hiện đại? Liệu sau hai mươi năm lưu vong rồi cuộc Nguyễn Ái Quốc có trở về để dẫn đầu nông dân — hoặc ông ta vẫn tiếp tục lẩn lút bí mật ở nước ngoài thêm hai mươi năm nữa? Nếu ông ta vẫn không trở về, lúc đó nông dân phải có một thủ lĩnh mà sự hiện diện của người ấy sẽ kích động hào khí của họ. Và anh, Đào văn Lật, chính anh sẽ cầm lên thanh bảo kiếm cách mạng đứng vào vị trí của người ấy!

Đắm chìm trong dòng suy tưởng, Lật bỗng nhận ra lúc này mình thiếu sự cảnh giác tối đa như đáng lẽ phải có để giữ an toàn cho chính mình và cho người sắp tiếp xúc. Anh vội vàng đưa mắt xem xét Đại lộ Francis Garnier cặp sát bờ hồ phía đông, cố ý tìm tung tích của Liêm Phóng qua một chiếc Citroën hay chiếc Peugeot nào đó như một dấu hiệu cho thấy mình đang bị theo dõi, nhưng anh không thấy gì cả. Anh lại quay mình nhìn ra mặt hồ.

Sáng nay Lật mặc âu phục trang trọng. Bộ vét-tông vải lanh cài chéo màu xám. Chiếc mũ nỉ mịn màng sụp xuống tận mắt. Từ bên dưới vành mũ, anh thăm dò kỹ lưỡng các con đường chạy sát ba mé hồ kia và tự hỏi Nguyễn Ái Quốc sẽ theo hướng nào đi tới. Anh từng nghe đồn về tài cải trang của ông nhưng làm thế nào ông có thể che giấu nhân dạng trong một thành phố từ bao năm nay đặt bản doanh cấp Đông Dương của Liêm Phóng, kẻ thù đang săn lùng ông khắp Việt Miên Lào và Quảng Châu Loan.

Cuộc gặp gỡ này do Đào văn Lật đề nghị và được sắp xếp qua nhiều trung gian. Nếu đúng theo lời đồn, Nguyễn Ái Quốc chưa một lần về lại xứ sở của mình kể từ chuyến đi châu Âu trên một con tàu chở khách của Pháp lúc còn là một thanh niên hai mươi tuổi thì có lẽ giờ đây ông không đủ can trường để trở lại lúc tuổi đã bốn mươi, khi nhiều tỉnh ở mạn bắc Trung kỳ và mạn nam Bắc kỳ bỗng dưng sôi sục sau các cuộc nổi dậy của quần chúng, ngoài sự chờ đợi của mọi người. Hoặc có thể Nguyễn Ái Quốc cũng đang

sửng sốt vì sự xoay chuyển quá bất ngờ của các biến cố. Đúng với sự thẩm định của Lật và anh cảm thấy xót xa cay đắng cho đại cuộc, đồng thời cảm phục những đồng chí cũ vừa anh dũng nhập hương linh vào hồn thiêng sông núi, bản thân Đào văn Lật chứng kiến trong tháng Hai và tháng Ba vừa qua rằng lời đoán trước của anh về cuộc khởi nghĩa của Quốc Dân Đảng đã thành sự thật. Sự thất bại ấy cho anh thấy rõ một thực tế rằng giờ đây đã chấm dứt thời kỳ đấu tranh bằng vũ lực vốn bắt đầu từ thuở mất lục tỉnh Nam kỳ tới nay. Thế rồi tiếp liền đó, anh sửng sốt trước tốc độ đổi thay nhanh như chớp trong điều kiện sinh sống của người dân trên khắp đất nước An Nam với tình trạng càng ngày càng xuống dốc tệ hại.

Cuộc phá sản của Wall Street dẫn tới sự rút lui nhanh chóng vốn liếng đầu tư của người Pháp trên khắp Đông Dương. Người An Nam lao động cực nhọc nơi hầm mỏ hoặc hãng xưởng bị mất việc làm hoặc bị cắt bớt tiền lương. Nhiều vụ mất mùa nối tiếp nhau trong khi lúa gạo lại bị sụt giá thê thảm cùng những vùng rộng lớn đất đai sản xuất bị bỏ hoang. Nạn đói lan tràn mau lẹ, đi kèm với nó là đình công và nổi loạn. Tại một số tỉnh, lính khố xanh và lính Lê dương được lệnh nổ súng bắn vào đám đông; rất nhiều người biểu tình bị tử thương.

Với nghị lực dồi dào và quyết tâm sau xa, Lật lao mình vào công cuộc phát triển một phong trào nông dân do chính anh tổ chức, lấy tên là Đồng Tâm Hội. Anh đã vượt quá bên kia tính địa phương và vượt lên trên vóc người nhỏ bé của mình để nhanh chóng nhảy vọt, trở thành một thủ lĩnh cách mạng nhiều kinh nghiệm. Lời đồn đãi về hành động tự thiện dũ dằn của anh cũng lan truyền rất nhanh đưa tới hệ quả có nhiều thành viên của phong trào cực kỳ kính ngưỡng anh.

Sáng nay Lật đã nhìn vào đồng hồ của mình tới lần thứ hai mươi. Chỉ vài phút ngắn ngủi nữa là tới tám giờ, giờ hẹn gặp gỡ. Thêm lần nữa anh nhìn quanh hồ, không thấy có chút dấu hiệu nào của nhà cách mạng kỳ bí anh đang nôn nao chờ.

Ánh mặt trời bắt đầu ran rát trên lưng Lật nhưng vì hôm nay Chủ Nhật nên đường phố Hà Nội vẫn vắng lặng. Ngoại trừ một cu-li

lung còng đang kéo xe, chân bước cao bước thấp khỏ nhọc đi dọc con đường sát bờ hồ cách chỗ Lật đứng khoảng hai trăm thước và đang tới gần chiếc cầu đỏ như son lúc này vẫn chỉ có một mình anh.

Chống khuỷu tay lên lan can cầu, nhìn mặt nước lốm đốm vệt nắng, Lật thả ý nghĩ trở lại với Kim Qui, vị thần rùa vàng hộ quốc thiu thiu ngủ mà truyền thuyết lịch sử cho rằng đã và đang dùng hồ này làm chiếc hang huyền thoại của nó.

Lật lim dim mắt tưởng tượng hình dáng Lê Lợi trong bộ quần áo màu lam khói núi khi ông tung lưới xuống nước rồi kéo lên và sừng sốt thấy mình chài được một thanh kiếm lấp lánh, trong đó vị thần của nó đã chuyển hóa thành chính nó. Và Lật thấy khắp trên mặt hồ lúc này chỗ nào cũng lập lòe ánh lửa. Có tới hàng ngàn người “nhà quê” từ chốn đồng ruộng đứng lên, lũ lượt đi theo kiếm báu, đi theo người đeo nó, đi suốt mười năm nằm gai nếm mật chiến đấu cho độc lập dân tộc chống lại Trung Hoa.

Những vần thơ của một thi sĩ được Lật nhớ mãi, từ ngày còn bé, lúc này hiện lên trong tâm trí anh như minh họa cho hùng vĩ thêm hình ảnh đoàn dân quân và vị thủ lĩnh của nó. Anh nhẹ nhàng ngâm lên thành tiếng lời thơ ấy:

*“Lũ ngoại xâm sẽ kinh hồn tháo chạy
Khi người dân nô lệ tuốt gươm thiêng
Của hồ này, trong cừu hận đứng lên
Cả dân tộc vì tự do: chiến đấu!”*

Lật ngẫm nghĩ, nơi về sau đắp thành chân đài rêu phong của ngọn Tháp Bút hiện nay, biểu tượng cho niềm khao khát hoàn thành sứ mệnh muôn thuở viết lên trời xanh của sĩ phu Bắc Hà, hẳn ngày xưa là chỗ người đánh cá ấy, kẻ mười năm sau, khi lên ngôi hoàng đế đặt bàn thờ để cáo yết và lễ tạ vị thần hồ. Chính vào giờ khắc đó kiếm báu được rút khỏi vỏ, loáng lên thành một ánh chớp, tự tái tạo chính nó để quay về với vị thần rùa vàng vĩ đại đang há miệng quẫy mình tung sóng nước hồ thiêng, trước mặt đám đông dân

chúng kinh hoàng, rồi lao xuống và biến mất trong những chón sâu thăm và xanh thăm của hồ này. Đồng thời, truyền thuyết kể, ngay lúc ấy giữa hồ hiện lên một cồn đất nhỏ trên đó về sau được dựng lên chiếc tháp để đánh dấu điểm đó. Tháp Rùa và Hồ Gươm. Ngay lúc Lật quay mình nhìn về chiếc tháp, có tiếng nói qua vai anh, nặng nặng giọng Trung kỳ xứ Nghệ của anh :

*”Như nước Việt ta từ trước
Vốn xưng văn hiến đã lâu
Cõi bờ sông núi đã riêng
Phong tục Bắc Nam cũng khác...”*

Nhận ra đó là những lời được hoàng đế Lê Thái Tổ tuyên đọc trong chiến thắng đại cáo của dân tộc bên hồ này, Lật chậm chậm quay người lại.

Anh giật nảy mình khi bỗng thấy đang đối mặt với người cu-li xe kéo lưng còng, hai tay vẫn nắm hai càng xe sau lưng. Nhưng thay vì trên nhân dạng của người cu-li ấy xuất hiện một bộ mặt nhăn nhoe luống tuổi như Lật đã tưởng, anh lại thấy phía dưới đài trán cao và yên tĩnh ấy, một cặp mắt sâu hoắm đang long lanh mãnh liệt nhìn anh. Mớ tóc đen bù xù vuốt ngược ra sau để lộ một khuôn mặt dài, đỉnh ngộ, trái ngược với ấn tượng sai lầm về sự già nua toát ra từ dáng đi lom khom và cơ thể gầy gò dẹp lép. Người An Nam này chỉ cao hơn thước sáu một chút, râu cạo nhẵn thín. Trong khi chờ phần đáp của Lật, đôi mắt ông lảng xuống thành một nụ cười yếu ớt và khiêm tốn, hợp thể với lối hóa trang cu-li xe kéo của ông.

*“...Tuy cường nhược có lúc khác nhau,
Song hào kiệt thời nào cũng có!”*

Lật nhẹ giọng đáp lại, hoàn tất những câu trích dẫn được chọn ráp thành mật khẩu cho cả hai người.

Trong một chốc người đứng giữa hai càng xe ấy không nói gì, chỉ liếc nhìn bốn phía chung quanh ông với vẻ ngẫu nhiên và thành thạo của một người đã quen với việc bị theo dõi. Lật nói thấp

giọng:

- Thật khó tin được rằng cuối cùng tôi đang đối diện với Nguyễn Ái Quốc nổi tiếng. Có thật ông là Nguyễn Ái Quốc?

Người An Nam đáp lại, tròn mắt lấp lánh:

- Làm sao một cu-li xe kéo hèn mọn có thể đáp lại câu hỏi đó? Chỉ bản thân Nguyễn Ái Quốc mới có khả năng đưa ra câu trả lời thích đáng.

Lật nhìn ông, nửa tin nửa ngờ. Anh lại hỏi, giọng bỗng thách thức:

- Nếu bản thân Nguyễn Ái Quốc thật sự có mặt ở đây, ông ấy sẽ khuyên những người yêu nước nhất của dân tộc chúng ta phải làm gì lúc này?

Người An Nam mò mẫm trong túi quần cụt bạc màu, lấy thuốc sợi và giấy ra, vắn cho mình một điếu. Như thể đáp lại sự căng thẳng thấy rõ trong lòng kẻ đang đối mặt, ông cố tình cử động thật khoan thai và rất chậm rãi. Ông giữ vị trí đứng bên dưới những cành liễu đang vươn ra mặt hồ và đưa lưng về phía mặt trời đang mọc. Trong bóng râm ấy Lật khó thấy rõ vẻ mặt quyền biến của ông. Rồi ông nói:

- Anh gạt hái được nhiều tiếng tăm cho tên tuổi của mình vì hành động tự hiến can trường của anh. Anh đã chứng tỏ một quyết tâm đeo đuổi tới cùng.

Dù lời nói ấy có vẻ ca ngợi, Lật vẫn nhận ra trong lời phát biểu vô cảm đó tiềm ẩn một giọng điệu rõ ràng không tán thưởng. Anh không trả lời.

- Nhưng quyết tâm tự chính nó không đủ — nó lúc nào cũng phải được điều tiết bởi một trí phán đoán tốt. Bộ các lãnh tụ Quốc Dân Đảng không có quyết tâm phát động, bắt đầu từ Yên Bái, một cuộc tổng tấn công hầu đưa tới tổng khởi nghĩa trên cả nước sao?

Lật lạnh lùng trả lời:

- Trí phán đoán của tôi tốt. Tôi đã từ chối không tham gia việc đó. Tôi đã cảnh báo họ rằng dân chúng chưa sẵn sàng. Đôi mắt sẫm màu ấy lấp lánh dưới bóng lá. Ông chậm chậm gật đầu:

- Ít ra như thế cũng là khôn ngoan. Vậy anh cho rằng lúc này nhân

dân sẵn sàng rồi sao?

- Vâng. Từ sáu tháng nay tôi sinh hoạt với nông dân. Hàng ngàn người nườm nượp tham gia Đồng Tâm Hội của tôi.

Một nụ cười có vẻ châm biếm nhếch lên bên khoé miệng của người lớn tuổi hơn ấy:

- Đối với các thành viên, họ chỉ hiểu đó là Hội Đào văn Lật thôi, đúng không? Còn nữa, tôi thấy những lời thề và những nghi lễ trong các hội kín của chúng ta có tính cách kích động các cậu bé. Nó giống chuyện Vườn Đào Kết Nghĩa trong Tam Quốc Chí ở ngoài đời. Tôi nghe nói những người đi theo anh còn đặt hình lãnh tụ của họ lên bàn thờ và quì sấp mình trước tấm ảnh đó giống như thành viên các hội kín xa xưa, có đúng như thế không?

Lật trả lời câu kính:

- Tôi cấm họ làm chuyện đó, nhưng các nông dân xứ ta làm theo cái họ nghĩ là phù hợp nhất với những truyền thống thời quá khứ bị hiểu theo cách của họ.

- Nhưng họ có thật sự biết rõ đường hướng, lộ đồ và sách lược của anh không? Họ có ý kiến gì và họ có biết anh đang dẫn họ đi tới đâu không?

Lật trả lời sôi nổi:

- Tới chủ quyền, tới độc lập tự do!

- Họ không thể ăn chủ quyền hoặc uống độc lập — cũng không thể trồng lúa trên chủ quyền và độc lập. Họ cần một lời hứa về đất đai, một cái gì đó mà họ cảm giác được và sờ mó được — bằng không khi hết đói họ cũng hết quan tâm.

Lật phản đối, đỏ bừng mặt giận dữ:

- Họ có lòng tin không lay chuyển vào sự lãnh đạo của tôi.

Người đứng giữa hai còng xe nhả nhin thở ra, mỗi điều thuốc thô tháp vừa vắn. Trong một chốc ông vừa rít mạnh hơi khói vào phổi vừa nhìn trống không qua phía bên kia hồ:

- Vâng, lẽ xưa thói cũ vốn bảo thủ tới cùng. Nhưng chúng ta phải chiến đấu chống sự áp bức hiện đại bằng lối suy nghĩ và những phương tiện đề kháng hiện đại. Các hội kín và các nghi thức cổ truyền ít có tác dụng đối với các khẩu súng máy và những quả bom từ trên trời thả xuống.

- Thế thì cái gì là tốt hơn?

- Trong khoảng thời gian Yên Bái thất bại, tôi có tổ chức một cuộc họp giữa đại biểu ba phe phái cộng sản từ trong nước qua — trên những tầng cấp đông đúc khán giả của một sân vận động bóng đá ở Hồng Kông!

Ngừng nói một chút, ông vừa nhớ lại vừa mỉm cười hóm hỉnh:

- Nhờ tiếng hò hét vang dội của đám đông chung quanh cuộc họp át đi những khác biệt của ba phe phái mà chúng tôi thành công và lập được một Đảng Cộng Sản Việt Nam thống nhất.

Lật chen vào với giọng châm biếm:

- Và lúc này, tôi giả dụ tất cả những vấn đề của chúng ta đã giải quyết xong. Thế thì, vị thần linh đầy phù phép nào đang độ trì cho cái đảng sinh ra trong một trận đá bóng ở Hồng Kông đó?

Gió ban mai lay nhẹ các cành liễu la đà chao bóng trên vai người lớn tuổi khi ông điềm đàm chúí người về phía Lật:

- Chúng tôi đã nhất trí cùng hoạt động để lật đổ nền đô hộ của thực dân Pháp và lập nên một chính quyền của nông dân, công nhân và binh sĩ. Nhưng điều quan trọng hơn hết là, cái đảng mới của chúng tôi theo chủ nghĩa Mác và chủ nghĩa Lênin này được sự ủng hộ của vô sản quốc tế — của tất cả các dân tộc bị áp bức trên khắp thế giới. Dựa vào quốc tế, chúng tôi vượt ra ngoài khuôn khổ quốc gia, nhận được sự hậu thuẫn mọi mặt, sự huấn luyện chuyên nghiệp về đấu tranh cả chính trị lẫn quân sự, có tổ chức và có sách lược.

Chúng tôi hơn hẳn các “hội kín” dùng dằng và rời rạc của những thành phần tiểu tư sản theo chủ nghĩa dân tộc. Đảng này và các mục tiêu của nó sẽ tiếp tục sống dù cá nhân các lãnh tụ có chết. Nếu anh bị giết hoặc bị bỏ tù, cái gì xảy tới cho hội kín của anh?

Lật mãnh liệt đáp trả:

- Kẻ nào có ý chí sắt thép thì không dễ gì bị hủy diệt!

Người tự xưng là Nguyễn Ái Quốc ấy chậm rãi hút tiếp điếu thuốc rồi bỗng nhiên mặt ông sáng bừng vẻ chói lọi như trẻ thơ. Ông nói nhẹ nhàng:

- Một người “kach mệnh” chân chính không thể là một người sắt thép. Cây roi sắt có thể bị người ta đánh gãy bằng chỉ một cú thôi. Người làm cách mạng nên giống như cây tre của chúng ta: uốn

mình trước gió rồi bật thẳng lên. Việt Nam cần những nhà cách mạng uyển chuyển và quyền biến, những nhà cách mạng không có tự cô lập mình với cuộc đời, nghĩa là những nhà cách mạng bén nhạy với chiều gió của các biến cố và nhu cầu của nhân dân.

Phương tiện nào cũng tốt miễn sao đạt tới cứu cánh.

Nhức buốt vì lời lẽ hàm ý quở trách ấy Lật bùng giận nhìn trừng trừng người đứng trước mặt mình:

- Lúc này, nhu cầu lớn lao nhất của dân chúng là một thủ lĩnh dũng cảm bước đi tiên phong và công khai dẫn đầu họ — chứ không phải là một kẻ cứ tiếp tục lẩn tránh ở nước ngoài!

Anh ngừng một chút, ngực phập phồng lên xuống dồn dập theo nhịp kích động của mình, rồi tiếp:

- Các tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh đang sôi sục nổi dậy. Ông có dự tính tới đó lãnh đạo nông dân không?

Trước khi trả lời, người lớn tuổi hơn ấy thêm lần nữa trầm tĩnh xem xét tất cả các ngã đường dẫn tới chiếc cầu:

- Tôi là người làm “kach mệnh” chuyên nghiệp. Quốc tế Đệ tam bảo đảm rằng mọi đảng của nó trên thế giới đều càng ngày càng vững mạnh nhờ sự ủng hộ của quốc tế vô sản. Tôi luôn luôn tuân theo những mệnh lệnh nghiêm ngặt. Lộ trình của tôi đã được ấn định kỹ lưỡng.

Lật không thể giấu vẻ chiến thắng trong giọng nói của mình:

- Vậy ông không đủ niềm tin vào cuộc cách mạng dân tộc của quần chúng để lưu lại trên đất nước này thêm một thời gian nữa sao?

- Chúng tôi làm việc kiên nhẫn cho năm năm huấn luyện các cán bộ của chúng tôi tại Học Viện Thợ Thuyền Đông Phương ở Mát-cơ-va và tại Trường Võ Bị Hoàng Phố ở Quảng Đông — đang bắt đầu cho thấy có vài kết quả nhỏ. Nhưng chúng tôi phải tiến hành thận trọng. Tổ chức của chúng tôi vẫn còn nghèo khó đủ thứ.

Ông ngừng nói, trên mặt ánh lên một nụ cười buồn bã:

- Vẫn còn nhiều nông dân cho rằng lá cờ búa liềm là cờ của một chính phủ phương tây nào đó. Như thế, con đường phải dài — và anh có lý — chúng tôi cần thêm nhiều người có năng lực để lãnh đạo phong trào của mình.

Thêm lần nữa ông cười. Mặt ông tỏa hơi ấm và hồn nhiên khiến

Lật dù giận dữ cũng cảm thấy ngơ ngai một cách kỳ lạ. Lật nói bộc trực:

- Giả dụ tôi gia nhập cái đảng mới ấy của ông thì sao? Và đi Nghệ An giúp tổ chức nông dân? Lúc này chúng ta thiếu vũ khí nhưng bọn Pháp làm gì được nếu mười lăm triệu người Việt Nam trong các hăng xưởng, trong hầm mỏ, trên các thửa ruộng đều đồng lòng không cầm tới dụng cụ sản xuất?

Anh ngừng lại một chút rồi giọng anh càng nói càng sôi nổi:

- Giả dụ những người bếp, những người bồi, những cu-li trong các thành phố hưởng ứng, tham gia các cuộc biểu tình tuần hành phản đối ôn hòa thì sao?

Người đứng giữa hai còng xe kéo cảnh giác, nhìn qua vai Lật:

- Chúng ta phải tiến hành cẩn thận. Phong trào không thể bền vững và liên tục bằng bất cứ biện pháp manh động nào. Đừng liều lĩnh không cần thiết.

Tới đây ông lệ làng mỉm cười:

- Và nhất là chớ sắp xếp thêm cuộc gặp gỡ nào nữa giữa ban ngày ban mặt trên bờ Hồ Hoàn Kiếm.

Lật thấy đôi mắt của người ấy nhìn chăm chú Đại lộ Garnier. Quay ngoắt theo cái nhìn của ông, anh thấy chiếc Citroën đen bóng loáng của Nha Liêm Phóng đang chậm chậm hướng mũi dọc theo đường bên hồ.

Làm như vắn lưng chống mũi, Nguyễn Ái Quốc chậm chậm đưa cánh tay lên về hướng đền Ngọc Sơn. Lật tức một người đàn bà nhà quê lưng còng từ cửa đền khập khễnh đi ra, loay hoay với một thúng rất nặng, đầy lá sen và hoa sen mới hái. Người An Nam cởi chiếc áo sơ mi xơ xác bạc màu ra, lệ làng quần quanh đầu thành chiếc khăn xếp tạm thời. Ông ở trần, chậm chậm sải chân bước về phía người đàn bà.

Khi bà ta leo lên xe kéo, ông quay mình, cúi đầu thật thấp, nặng nhọc kéo chiếc xe lết bánh qua cầu. Vai khòm xuống, chân khập khễnh bước cao bước thấp giữa hai còng xe. Chỉ trong vài giây, ông hoá thân thành một dáng người lưng còng và tiều tụy, trông bề ngoài già xấp xỉ hai lần số tuổi bốn mươi của ông.

Lật lại dựa người vào lan can cầu chật hẹp, mắt giữ nguyên trông

liếc theo chiếc xe kéo. Anh thấy xe hơi của Nha Liêm Phóng chạy tuần tra chậm chậm tới bên chiếc xe kéo bé nhỏ và tòi tàn ấy rồi vượt qua, không dừng lại. Trên ghế sau, thanh tra Jacques Devraux đang đọc báo. Hắn cũng không ngước mặt lên nhìn dáng người lộm khộm giữa hai càng xe.

Lật nán lại trên cầu, đưa lưng ra đường cho tới khi chiếc ô-tô biến mất ở chốn xa xa. Còn một mình đột nhiên anh cảm thấy phần chân và đầy tự tin. Anh sẽ chứng tỏ cho Nguyễn Ái Quốc thấy giữa ông ta và anh ai đúng! Anh sẽ chứng minh cho ông ta thấy rằng thân trọng quá nhiều hoặc quá ít cũng đều nguy hiểm như nhau. Hàng triệu nông dân lúc này đang khao khát một sự lãnh đạo mạnh mẽ và gan dạ. Nếu Nguyễn Ái Quốc muốn đặt ưu tiên cho những sứ vụ bí mật của ông ta ở hải ngoại thì anh, Đào Văn Lật, sẽ chứng minh con đường công khai của mình tại quốc nội. Và có thể qua những hành động quả quyết của mình, anh còn chiếm lĩnh được chỗ đứng thứ nhất trong lòng dân tộc như Bình Định Vương Lê Lợi đã làm năm trăm năm trước. Lịch sử đã chứng minh tính nhạy cảm sâu xa và vô biên của dân tộc đối với nền độc lập của nó, và vì thế, chiến thắng ngoại xâm là tiêu chí chính thống cho các đảng anh hùng khai sáng triều đại.

Rạo rực với ý nghĩ đó, Lật quay mình nhanh nhẹn sải chân bước dọc bờ hồ phía tây, thỉnh thoảng nhìn xuống mặt nước hồ lấp lánh. Anh nhắc nhở mình, một cách quyết liệt, rằng Thân Kim Qui vẫn ở đó, trong những vực sâu đầy bóng tối, đang chờ để tái hiện thành thanh kiếm phục hận dũng mãnh.

Rùa vàng vẫn vô hình trước đôi mắt của những ai không đủ niềm tin và không đủ quyết tâm để nhìn ra nó! Và anh chắc chắn không kém rằng con rùa vàng ý chí sắt thép của anh đang tiềm phục chờ đợi trong lòng anh. Nó ở đó, sẵn sàng quảy mạnh để thêm lần nữa bung ra ngoài.

TRĂNG HUYẾT

TẬP I - Phần Thứ Hai - Hận Thù Của Triệu Cu-Li - 1929-1930

- 14 -

Con đường hẹp và lộng gió, chạy dài giữa những cánh đồng bỏ hoang của xứ Nghệ An, một tỉnh mạn bắc Trung kỳ, sáng lờ mờ dưới ánh trăng lưỡi liềm khi Đào văn Lật nhắm hướng bắc, ra sức đạp xe thật nhanh trong trời đêm chưa rạng ngày 12 tháng Chín năm 1930.

Còn một giờ nữa mới tới bình minh. Nơi phía bắc, các đỉnh nhọn Đèo Ngang khi ẩn khi hiện dưới ánh trăng nhàn nhạt, nhìn xa xa tựa một hàm rồng lờm chờm và âm u. Cảnh núi non bao giờ cũng làm dấy lên trong lòng Lật những xúc động bồi hồi. Tại rất nhiều nơi trong tỉnh này, nơi chôn nhau cắt rốn của Lật, có đầy đầy những rặng núi dương mồm đá xương xẩu lên trời rồi dòn đuối nhau chạy là đà xuống mặt biển.

Lật luôn luôn có ấn tượng rằng núi non và ruộng vườn xứ này là những cột rễ vững chãi của đời mình. Bị ép sát giữa núi cao và biển sâu, đất đai canh tác nơi đây chỗ nào cũng chật hẹp lại đầy sỏi đá, không chút phì nhiêu so với các tỉnh châu thổ quanh Hà Nội hoặc vùng đồng bằng lục tỉnh quanh Sài Gòn. Có lẽ bởi thế, qua nhiều thế hệ, từ xứ này phát sinh các dòng dõi của những con người có sức bật và tính bất khuất mà Lật tự hào mình được làm hậu duệ. Họ quen đấu tranh khắc nghiệt để sống sót. Gần như hầu hết thủ lĩnh các cuộc khởi nghĩa của nông dân trong lịch sử dân tộc đều phát xuất từ xứ Thanh Nghệ này — kể cả, Lật ngầm nghĩ một cách cay đắng — Nguyễn Ái Quốc.

Suốt ba tháng vừa qua, cuộc gặp gỡ của Lật với lãnh tụ cộng sản dưới lốt cu-li xe kéo ấy tiếp tục sống mạnh mẽ trong trí nhớ anh. Cùng với thời gian dần trôi, hình bóng cụ thể và có sức thôi miên lạ lùng của người ấy để lại trong anh một ấn tượng ngày càng sâu sắc. Nhưng trên tất cả, những lời bình phẩm vừa mỉa mai vừa hóm

hình của ông tiếp tục ray rứt tâm trí Lật. Bên cạnh đó, hệ quả sự thất bại của Việt Nam Quốc Dân Đảng khiến hàng ngũ những người theo dân tộc chủ nghĩa gần như phân rã, địa phương hóa, vì bị bắt bớ, xử tử, khổ sai, kềm kẹp, trơ vơ hoặc thất chí. Riêng Đào Văn Lật, với nghị lực mãnh liệt, anh sẵn sàng tiếp nhận và dấn thân vào một vai trò mới trong Việt Nam Cộng Sản Đảng. Trong những phiên họp của Ban Thường Vụ Tỉnh Đảng Ủy Nghệ An, anh quyết tâm chứng minh rằng chủ trương và sách lược của Nguyễn Ái Quốc đang ngày càng sai lầm.

Nhờ tiếng tăm của mình, Lật được chỉ định vào ngay cấp ủy đó tuy chỉ mới gia nhập đảng. Suốt thượng tuần tháng Chín, gần như ngày nào đảng viên cũng hội họp tại các ngôi chùa bên trong hoặc chung quanh thành phố Vinh, thủ phủ của Nghệ An. Mục đích là tranh thủ chủ động kiểm soát làn sóng bất mãn lớn rộng của nông dân đang làm rung động toàn tỉnh. Tới lúc này, khoảng một phần ba dân số cả nước An Nam đang mỗi ngày một chịu thêm ảnh hưởng của nạn đói.

Việc các cu-li dưới sự lãnh đạo của cộng sản cầm cờ búa liềm ở khu công nghiệp Bến Thủy và khu mỏ Hòn-gai trong ngày Quốc Tế Lao Động vừa qua chứng tỏ rõ rệt rằng tình trạng bất ổn đã lên tới một đỉnh cao mới. Bạo động lan tràn tại Nghệ An và tỉnh Hà Tĩnh kế cận. Nông dân vũ trang thô sơ bằng giáo mác bắt đầu đốt trụ sở chính quyền cấp huyện, giết địa chủ và quan lại thân Pháp. Các viên chức tổng xã người An Nam hoảng sợ bỏ chạy về tỉnh lỵ ngày một đông. Tại nhiều nơi, đang diễn ra một hình thức cai trị gần như vô chính phủ.

Để nắm vững quyền lãnh đạo trước cơn hỗn loạn ngày càng tăng và đưa mục tiêu cho tình trạng bất mãn này, Lật đề nghị một cuộc biểu tình tuần hành bất bạo động của dân chúng kéo vào thành phố Vinh nhằm phản đối thuế nông nghiệp, do anh đích thân phụ trách tổ chức và lãnh đạo. Anh làm việc cả ngày lẫn đêm trong suốt một tuần, điều năm mươi hội viên xuất sắc nhất của Đồng Tâm Hội qua hàng ngũ đảng cộng sản để tiếp tay anh thực hiện công tác và cùng với anh ra sức tập hợp một đoàn người gồm ít nhất hai chục ngàn nông dân hai huyện Hưng Nguyên và Nam Đàn.

Hôm nay đúng ngày tuần hành. Từ lúc trời còn lâu mới rạng sáng, Lật phóng xe đạp từ làng này sang làng khác, kiểm tra xem nông dân tập trung đầy đủ chưa, phân phối những tờ đơn thỉnh nguyện được viết một cách mộc mạc để họ đem theo và đồng thời đưa ra các mệnh lệnh giờ chót.

Trong hai giờ vừa rồi, Lật đã ghé qua Lộc Châu, Lộc Hải và hơn mười làng. Anh hài lòng nhận thấy đằng sau lũy tre xanh cao chót vót như những bức bình phong bọc kín các làng mạc trên phần đất Trung kỳ, nông dân đang chấp hành mệnh lệnh, tập trung thành hàng trăm nhóm kiên định và có kỷ luật, dưới con mắt trông coi của những người cầm đầu do chính anh tuyển chọn cẩn thận.

Lật cũng đang mang trên mình chiếc áo cụt với quần dài bằng vải nâu rẻ tiền của nông dân; một bên vai khoác chiếc mũ lác hình vỏ ốc. Mộp sát người trên tay lái xe đạp và lấy hết sức mình nhấn bàn đạp, Lật cảm thấy sinh lực tuôn trào như vô tận vì sự đóng góp tích cực và hữu hiệu của anh vào thành quả trước mắt của cuộc biểu tình. Đôi khi tiếng gió ngược chiều thổi phất áo và mũ của Lật làm thẳng thốt giạt mình lữ diệc đang từng đôi vục đầu rĩa nhái trong vũng nước dưới ruộng. Chỉ trong chớp mắt, lữ chim ấy vỗ cánh lao vào bóng đêm khiến cánh đồng đang yên tĩnh bỗng rộn ràng tiếng kêu quang quác.

Xe đạp của Lật vừa lăn bánh ngang một cánh đồng mất liên tiếp ba vụ mùa nhưng tới giờ này người Pháp vẫn tiếp tục thu thuế nông nghiệp quá cao như những thời kỳ bình thường. Tại vùng này, anh đã phải vận dụng hết khả năng miệng lưỡi mới thuyết phục được các nông dân tuy đói mà an phận, chịu tham gia tuần hành tới Vinh để đưa đơn thỉnh nguyện giảm thuế.

Kế đó, Lật tới làng thứ mười bốn trên danh sách. Vừa nhảy xuống, dắt xe đạp đi dưới các bụi tre chuyển mình kêu răng rắc trong gió sớm, anh nhoèn miệng cười khi thấy từ trong bóng tối nhô ra hình dáng quen thuộc của Ngô văn Lộc. Chưa cất tiếng chào Lật hỏi ngay:

- Đồng chí Lộc, được bao nhiêu bà con rồi đây?

Chưa xong câu hỏi Lật đã có thể nghe vọng lại tiếng rì rầm của một đám rất đông người đang tập họp trên sân đình chính giữa

làng. Lộc cười rộng miệng:

- Đồng chí khỏi lo! Lần tôi kiểm tra vừa rồi cách đây mười lăm phút, đếm được tới bảy trăm người.

- Tốt!

Lật nhìn xuống bản ghi số đếm rồi ngược mặt, lắng nghe tiếng rì rầm mỗi lúc một lớn:

- Khi bắt đầu di chuyển, mọi sự phải tuyệt đối trầm tĩnh và ổn định. Đồng chí Lộc nghe rõ không? Cuộc tuần hành phải theo kỷ luật chặt chẽ. Phải diễn ra hoàn toàn yên lặng.

Lộc trả lời với vẻ chấp hành triệt để:

- Vâng, đồng chí Lật. Tôi đã nhiều lần căn dặn bà con mình như thế. Tôi cũng sẽ bảo cháu Đồng loan báo thêm lần nữa khi tất cả tập hợp đầy đủ.

Lật đã thuyết phục được người “bồi” cũ của trại săn và con trai là Đồng cùng theo anh vào Nghệ An khi họ tình cờ gặp lại nhau trong chợ Bắc Qua, đằng sau chợ Đồng Xuân, bên một sạp bán chè chén, thuốc Lào và nước vối. Lúc ấy, lòng hận thù của Lộc đang lên tới cực điểm khi chứng kiến đứa con trai thứ hai của mình cùng tử nạn với các thủ lĩnh hàng đầu của Việt Nam Quốc Dân Đảng dưới máy chém ở Yên Bái.

Kể đó Lộc sụt sùi thương cảm khi nghe tin tử tiết của Nguyễn Thị Giang, hôn thê của Nguyễn Thái Học, và là kẻ lo việc giao liên, tuyên truyền vùng Tây Bắc cùng vận chuyển vũ khí cho cuộc tấn công Yên Bái. Lộc còn thấy như mới hôm qua hình ảnh của Giang cùng Nguyễn Thị Bắc và Nguyễn Tỉnh, cả ba chị em đều là đảng viên, cười nói sinh động trong những ngày miệt mài chuẩn bị ở xưởng quân khí tại nơi chôn nhau cắt rốn của họ là tỉnh Bắc Giang. Đôi má lúm đồng tiền trên khuôn mặt phơn phớt đỏ hoa của Giang đỏ hồng, lông lánh mồ hôi lúc nàng vừa hát những khúc dân ca quan họ Bắc Ninh vừa lấy nhịp gõ trong khi tiếp tay thụt lửa vào lò rèn binh khí. Trong các nữ đảng viên Quốc Dân Đảng, Giang là người chịu thương chịu khó, quán xuyến và ăn nói duyên dáng thuộc loại nhất. Hôm hành quyết ở Yên Bái, anh đã ngờ ngợ và sau này được xác nhận là đúng, rằng Giang cải nam trang đến tận pháp trường để chứng kiến cái chết oanh liệt của hôn phu và các đồng

chí.

Rồi nơi Học tử nạn, Giang về thẳng quán trọ, viết hai bức thư, một gửi cho cha mẹ mình, một gửi cho hương hồn người yêu, và làm bài thơ lục bát tuyệt mệnh. Hôm sau, nàng về làng quê của Nguyễn Thái Học, báo tin cho thân nhân anh, xin chút khăn tang, quì lạy bàn thờ gia tiên của Học và đốt bức thư gửi cho vị hôn phu quá cố. Rồi Giang một mình ra cánh đồng gần đó, trên người vẫn mặc chiếc áo dài truyền thống màu trắng dùng làm áo tang. Nàng tới dưới một gốc cây bồ đề, hướng về Bắc Giang, quì lạy song thân, rồi rút súng lục tự vận, đi theo Nguyễn Thái Học. Như trong bức thư nàng viết cho anh, “để về dưới suối vàng chiêu binh rèn súng đánh đuổi quân thù” và như lời trong bài thơ tuyệt mệnh:

*- ... Bây giờ hết kiếp thơ đào,
Gian nan bỏ mặc đồng bào từ đây!
Dẫu rằng chút phận thơ ngây
Sở đồng chí đã có ngày ghi tên.
Chết đi dạ những buồn phiền...*

Tiếp đến, khi chứng kiến tình cảnh khổ nạn và phân rã của những người theo chủ nghĩa dân tộc, tâm trạng Lộc ngày càng thêm u uất. Rồi tình cờ gặp lại đồng chí Giáo Nhân Đào Văn Lật, Lộc đồng ý theo Lật ngay. Hai cha con cùng tham gia Đồng Tâm hội và sau đó, được Lật điều sang hoạt động cho tỉnh đảng bộ Cộng sản Nghệ An, đặc biệt trong cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh hiện nay, như một cách thể cụ thể để tiếp tục cuộc tranh đấu trả thù giặc Pháp và thu hồi độc lập tự do của dân tộc.

Lộc hãnh diện được góp phần thực hiện công tác quần chúng này, và cụ thể, chịu trách nhiệm điều động điểm tập trung đông đảo nhất của cuộc tuần hành. Âm thầm vận động, cha con anh đã làm hết sức mình, tập hợp được một đám rất đông người. Thấy Lật tới, mắt Lộc sáng lên, hân hoan báo cáo thành quả đang đạt.

Lật vừa cười vừa vỗ vai Lộc, và rút từ trong tay áo ra một cuộn đơn thỉnh nguyện:

- Đồng chí Lộc, giờ đây đồng chí đã thật sự thấy dân chúng đồng một lòng đứng lên! Nó không giống chút nào cuộc nổi dậy quân sự dùng đảng và non yếu vừa qua! Lần này, cấp lãnh đạo có lý đấy nhé!

Lộc gật đầu, cầm xấp giấy Lật đưa rồi rọi đèn pin, nhìn lướt qua các tờ đơn:

- Đồng chí ạ, những cái này rất trung thực.

- Tôi có được chúng chính là nhờ các nông dân ít học trong hội của mình viết ra. Đồng chí đưa chúng cho những nông dân nào trông có vẻ chất phác nhất. Khi thời điểm tới, đồng chí lẫn mình vào giữa họ nhưng phải làm sao cho họ biết chắc chắn chỗ đồng chí đứng để đồng chí có thể chủ động họ.

Lộc gật đầu thêm lần nữa. Lật hỏi:

- Đồng chí có bao nhiêu đàn bà và trẻ em?

- Tôi ước lượng khoảng trên hai trăm.

- Tốt. Đồng chí xếp tất cả những người ấy lên các hàng đầu và dọc hai bên rìa đội hình. Đoàn của đồng chí sẽ dẫn đầu suốt cuộc tuần hành. Bọn lính sẽ không dám nổ súng khi chúng thấy các toán đi đầu chỉ gồm toàn đàn bà và trẻ em.

Lật liếc nhìn đồng hồ tay:

- Nửa giờ trước khi trời rạng sáng ta bắt đầu di chuyển ra đường cái. Trước khi trời sáng hẳn, rà soát vũ khí thêm lần nữa. Không đòn xóc, không móc, không gì cả. Chỉ có các đội viên tự vệ đi dọc hai bên đội hình là được mang theo dao phay và gậy. Đồng chí hiểu rồi chứ?

- Dĩ nhiên hiểu, đồng chí.

Lật trở đầu xe đạp. Quàng chân qua yên xe rồi ngừng lại, anh vỗ vai Lộc thật lẹ:

- Đồng chí thực hiện công tác rất tốt. Cứ tiếp tục như vậy nhé.

Hôm nay đồng chí đang ở trong một biển cả chống đối vũ bão — một biển cổ vĩ đại nhất bọn Tây chưa bao giờ được thấy!

Vẫy tay chào, anh quay mình lẹ làng đạp xe sang làng bên theo đúng thứ tự trong danh sách.

Trong trời đêm còn mờ mờ tối, tất cả các đoàn nông dân đã bắt đầu từ từ bước ra khỏi lũy tre làng, cùng nhau kéo ra đường cái cách thành phố Vinh khoảng mười lăm cây số. Tới lúc rạng sáng, họ tập trung đầy đủ đội hình. Đoàn người dàn rộng tới hai bên lề con lộ, trải dọc trên một quãng đường dài hai cây số, hai bên là những cánh đồng chia manh xẻ mún với những thửa ruộng nhỏ bé và bằng phẳng. Chầm chậm đội hình di chuyển trong yên lặng, cất bước nhắm hướng thủ phủ Vinh. Khi tới địa giới huyện Hưng Nguyên, cửa vào thành phố Vinh, dòng người được bổ sung thêm, đông đảo hơn. Lúc này lên tới ba chục ngàn người đi thành hàng dài tới mấy cây số.

Người Pháp nhận ra đoàn người tuần hành khi mặt trời đã vươn hẳn lên trên bầu trời phía đông. Kẻ đầu tiên bắt gặp cảnh tượng ấy là sĩ quan phi hành trưởng lái chiếc máy bay chiến đấu hai tầng cánh loại Potez 25 của Không Quân Pháp. Hắn đang bay chuyển tuần thám thường lệ đầu tiên trong ngày. Ban đầu, từ đằng xa, hắn tưởng mình thấy một dòng sông đặc sệt bùn nâu trước đây hắn chưa từng biết nó có ở đó. Khi máy bay tới gần, hắn sững sốt nhận ra đó chính là một dải dài thân hình con người ta đang trôi đi trong yên lặng.

Những chiếc nón rộng vành trên đầu nông dân dàn thành một vòm mênh mông với vô số điểm lấm chấm hình khối. Bay tới gần hơn, viên phi công thấy vòm ấy trải ra đằng sau thành một đường băng chuyển động gọn sóng lẫn tăn, chầm chậm và dài dằng dặc. Cả vòm vành nón mở hé lên trên để lộ ra bên dưới chúng hàng chục ngàn bộ mặt phẳng lặng và trơ vơ, trông như một đạo quân nghiêm sò ốc hén nằm dưới đáy đại dương và đang cùng nhau há miệng. Dưới ánh nắng chói chang, những nông dân Nghệ An ấy nheo mắt nhìn trống không lên hình thù xa lạ của chiếc máy bay chiến đấu Pháp nhỏ bé khi nó bay là đà dọc theo chiều dài của đội hình.

Vì máy bay chỉ thi hành nhiệm vụ trinh sát, các giá bom đằng dưới bụng máy bay còn trống rỗng và hai khẩu đại liên Lewis đặt mé sau buồng lái không có xạ thủ. Khi viên sĩ quan phi hành bình tĩnh lại, hắn dùng máy vô tuyến trong buồng lái gọi căn cứ của mình ở gần Vinh:

- Thật không tin nổi!

Hắn nói đi nói lại không biết bao nhiêu lần vào cơ phận liên hợp nhỏ bé của máy truyền tin:

- Thật không tin nổi! Có hàng ngàn nông dân đang tuần hành tới thành phố Vinh, sắp qua ngã Hưng Nguyên — nhưng họ không cầm vũ khí, không mang biểu ngữ. Và họ đi rất chậm — mọi sự hình như cực kỳ quái đản...

Dưới đất, Lật xuống xe đạp, đứng yên bên vệ đường quan sát đoàn người đang di chuyển và ngó theo chiếc máy bay mất hút trên bầu trời phía đông. “Rút lui trong bối rối” — anh nghĩ một cách thích thú rồi quay lại nhìn các bộ mặt nông dân đang đều bước đi ngang chỗ anh đứng, cách chưa đầy một thước. Đàn ông cũng như đàn bà và trẻ em, má hóp sâu vì đói nhưng di chuyển trên đường với bước chân sải dài vững chải. Lật cảm thấy người mình rung lên theo ngọn sóng phấn khởi đang vỗ rạt rào trong từng đường gân sói thịt. Nó hữu hiệu! Một luồng thủy triều gồm những con người ta đang trào về thủ phủ hành chính của bọn Tây. Luồng thủy triều quần chúng này sở dĩ hình thành là do bởi trí tuệ của anh, Đào văn Lật. Bằng nghị lực và quyết tâm của chính mình, Đào văn Lật mang giấc mơ có “đoàn dân quân những người ‘nhà quê’ ấy” vào hiện thực!

Khi nông dân lê những bước chân đều đặn và nặng nề đi ngang chỗ Lật đứng, họ ngó anh với con mắt không gợn lên chút tò mò nào.

Anh tự hỏi liệu họ có biết rằng họ biểu tình là do bởi chính anh, Đào văn Lật, kẻ quyết định rằng họ nên làm như thế, vì đó là phương cách thực tế nhất và hữu hiệu nhất để khởi động cách mạng. Rồi Lật thấy có một bộ mặt bên dưới chiếc nón rộng vành đang nhìn anh chăm chặp với vẻ đăm chiêu khác thường. Người ấy cũng mặc quần áo nâu bạc màu của nông dân vùng này giống như Lật, vì thế trong một hai giây anh không nhận ra đó là Liên.

Kể từ đêm giao thừa tới nay đã tám tháng hai người không gặp nhau. Lúc này Liên đang nhìn Lật bằng đôi mắt đau đáu. Dù biết chắc chắn Lật có thấy mình, nàng vẫn không tỏ vẻ đã nhận ra anh. Và nàng vội vàng quay mặt sang thì thảm điều gì đó vào tai một thanh niên trắng trẻo đi bên cạnh.

Lật đứng yên trong một lúc, chờ nàng trở lại tư thế cũ. Nhưng Liên không xoay đầu về phía anh nữa. Kế đó, anh vội vàng nhảy lên xe, đạp tới các phụ tá của mình đang đi hai bên rìa đội hình, để truyền lệnh mới. Nhưng khi đạp xe dọc theo đoàn người tuần hành Lật nhận ra mình không thể xua khỏi trí óc vẻ đau đớn không giấu giếm anh vừa bắt gặp trong mắt Liên. Ánh mắt đau đớn ấy như xoáy vào lòng anh, làm bất chợt trào lên một niềm hồi hận và thương cảm. Nó mãnh liệt tới độ anh không thể đè nén dù đang giữa thời điểm quan trọng của cuộc tuần hành. Khi truyền xong lệnh, anh lật đật quay lại đoạn đầu của đội hình tuần hành. Xác định được vị trí của Liên, anh yêu cầu một tự vệ đẩy dùm chiếc xe đạp rồi anh len qua đám đông, đi tới bên nàng.

Lật nói, giọng dịu dàng:

- Đồng chí Liên, thật quý hóa khi có được đồng chí cùng đi biểu tình với chúng tôi hôm nay.

Liên quay lại, có vẻ giật mình nhưng không nói. Dù đang mặc quần áo màu nâu bạc théch và đội chiếc nón bện bằng lá chuối vành rộng như bánh xe, vẻ thanh tú trên mặt nàng vẫn để lộ góc gác của một thiếu nữ khuê các, chào đời và lớn lên trong một gia đình thượng quan ở Huế. Cũng có thể những đường nét xinh đẹp, dịu dàng và thanh tú trên khuôn mặt Liên nổi bật thêm lên nhờ bộ quần áo dân giả mộc mạc này. Và Lật cảm thấy tim mình đập rộn ràng khi nhớ đến tình yêu cả hai từng một thời chia xẻ.

Chỉ vào người thanh niên, Liên nói đáp ứng:

- Đây là đồng chí Hào, bí thư chi bộ cộng sản trường Thuốc.

Người tuổi trẻ bên cạnh Liên mỉm cười. Anh tránh qua một chút, chừa chỗ cho Lật có thể len vào đi giữa hai người.

- Có phải cả hai người đến Nghệ An chỉ để dự cuộc biểu tình của tôi?

- Vâng.

Liên gật đầu nhưng khi trả lời mắt nàng vẫn ngó xuống đất. Lật nói với Hào bằng giọng ngắn gọn:

- Đồng chí chắc chắn là người nhiệt tình thực hiện công tác của đảng. Vậy tôi có thể nhờ đồng chí tiếp một tay, được không?

Trông Hào có vẻ chỉ mới ngoài hai mươi tuổi, với đôi mắt sáng

quắc và háo hức trên bộ mặt non trẻ. Anh chừng chặc nhìn lại Lật:

- Anh cứ bố trí. Em sẵn sàng.

- Vậy trong khi tôi nói chuyện riêng với đồng chí Liên, đồng chí hãy lấy xe của tôi đạp đi trước tới Hưng Nguyên, cách đây ba cây số. Rồi cho tôi biết ở đó có bao nhiêu lính Lê dương và bao nhiêu lính khố xanh đang gác!

Hào nghiêm mặt chấp hành:

- Tuân lệnh đồng chí. Em đi ngay.

Nói xong, Hào quay mình, lách qua đám đông và lập tức phóng lên xe đạp. Tuy Hào đi rồi Liên vẫn tiếp tục đều bước theo nhịp tuần hành, mắt không nhìn Lật và Lật cũng chẳng biết nói tiếp với nàng như thế nào.

Trong vài phút hai người im lặng đi bên nhau. Bỗng dưng có một lần, ai đó đi đằng trước vấp chân khụy xuống làm đám đông dồn lại và Lật bị đẩy mạnh ép sát vào người Liên. Ngực Lật chạm chỗ da thịt mịn màng trên cánh tay Liên, người anh cán vào hông nàng và anh cảm thấy khắp châu thân nhói lên một nỗi đau xót xa và dịu dàng. Liên sau đó, đám đông chung quanh họ giãn ra, hai người rời nhau nhưng Liên kịp cảm nhận Lật đang rung động biết bao qua khoảnh khắc gần gũi chạm vào mình nhau.

Lật mở lời rồi ngập ngừng, tiếng nói như nghẹn lại trong cổ:

- Liên... Liên...anh xin lỗi.

Và chợt rất vội, anh đưa tay cầm bàn tay Liên, nhìn nàng, mắt anh nóng bỏng. Liên để yên tay mình trong bàn tay Lật, nàng nói rất nhỏ:

- Xin lỗi thì đã quá trễ anh Lật ạ.

Lật cảm giác có vật gì rơi, chạm nhẹ lòng tay mình. Nhìn xuống, anh thấy chiếc xuyên vàng anh tặng Liên năm ngoái tuột khỏi chỗ che giấu trong cườm tay chiếc áo cụt nàng đang mặc. Liên nhìn xuống và cũng thấy nó. Rồi nàng nhìn vào mắt Lật, cố nở nụ cười. Nhưng trên viền mắt nàng nước mắt bỗng ứa ra rồi ướn sùng.

- Đồng chí Lật! Đồng chí Lật!

Có tiếng gọi hốt hoảng khiến Lật ngược mặt nhìn lên. Anh thấy Ngô văn Lộc đang bươn bả qua đám đông đi thẳng tới chỗ anh và nói:

- Bọn lính Lê dương ở bót gác đằng trước ra lệnh cho một tên tay sai thông ngôn tới hỏi chúng ta định làm cái gì. Mấy người đàn bà ở hàng đầu nói chúng tôi đi nạp đơn thỉnh nguyện về thuế...

Lật cắt ngang, cúi kính:

- Đúng. Đúng. Thì đã sao?

- Nó bèn nói rằng chúng ta phải đứng lại tại chỗ này, phía ngoài quận lỵ Hưng Nguyên, rồi cử một đại biểu vào thành phố Vinh mà đệ đơn.

- Còn nếu chúng ta không đứng lại thì sao?

- Nó nói thì bọn lính sẽ bắn chúng ta.

Lật khịt mũi khinh khỉnh:

- Đàn bà và trẻ con vẫn dẫn đầu cuộc tuần hành đấy chứ?

- Vâng. Các hàng đầu hoàn toàn vững vàng. Nhóm thứ nhất có hai ba trăm đàn bà và trẻ em.

Ngay lúc ấy, Hào về tới. Nhảy xuống xe đạp và cố sức kèm hơi thở hổn hển, anh thở dốc:

- Đồng chí Lật, chỉ có khoảng hơn một chục thằng lính Lê dương và năm sáu chục thằng lính khổ xanh.

Đội hình tuần hành đang đi lên một con dốc. Ngoảnh ra sau nhìn, Lật thấy một dải thật dài nông dân tuần hành đang bước ve vạy dọc đường cái kéo ra tới khoảng bốn cây số. Lòng bồi hồi xúc động trước cảnh tượng đó, Lật chậm chậm hít vào một hơi dài:

- Một tá thằng Tây và năm sáu chục tên lính nguy chống lại ba vạn nông dân Việt Nam! Vậy mà chúng cả gan dám ra lệnh cho chúng ta dừng bước!

Lật nhìn lần lượt những người chung quanh mình: nét mặt Lộc căng thẳng e ngại trong khi Hào đang chờ quyết định của Lật với ánh mắt đầy vẻ kính sợ. Liên cúi đầu làm Lật không thấy rõ mặt nàng dưới chiếc nón rộng vành nhưng anh tưởng như mình thấy đôi vai mảnh mai của nàng đang rung lên trong thổn thức thẳm lặng. Bất thần, người anh bị siết chặt bởi một cơn thịnh nộ bùng vỡ:

- Láo xược! Chúng nó làm sao chặn nổi chúng ta! Chúng ta cứ thẳng đường đi tới Vinh theo đúng kế hoạch! Bảo thằng tay sai về thông ngôn cho chúng như thế!

Nửa giờ sau, chiếc máy bay Potez 25 nhỏ bé vừa trinh sát đoàn tuần hành hồi tảng sáng, nay xuất hiện trở lại. Lúc đó, đoạn đầu của đoàn người đang ở cách rào cản chặn đường của lính Lê dương Pháp dựng lên bên ngoài Hưng Nguyên chưa tới bốn trăm thước. Theo chỉ thị của Lật, đoàn tuần hành bước nhanh hơn. Lần này, chiếc máy bay chiến đấu hai tầng cánh ấy không còn làm nhiệm vụ tuần thám. Phía ngoài và ngay dưới bụng máy bay bằng gỗ và vải, hai giá bom gắn đủ mười hai quả bom loại mười ki-lô. Mė sau buồng lái ngồi sẵn một trung sĩ xạ thủ, đang xoay ngang hai khẩu đại liên Lewis chia thẳng nòng ra ngoài, sẵn sàng bóp cò, quét đạn xuống khi tới gần mục tiêu. Ngoài ra, còn có thêm hai chiếc Potez 25 khác của phi đội Không Quân Vinh đang bay, một chiếc đằng trên nó, một chiếc đằng sau nó, cũng ngồi sẵn xạ thủ và gắn đầy đủ bom như thế.

Ba chiếc máy bay như những chấm nhỏ trên bầu trời đầy tử khí, hiện lên trong tầm mắt ngay đằng trước đội hình tuần hành một hai phút trước khi Lật nghe ra tiếng máy của chúng. Các nông dân có vẻ đang im lặng bước đi nhưng thật ra từ đầu tới cuối đoàn người, họ vẫn nói chuyện với nhau vừa đủ nghe. Ban đầu, tiếng kêu xa xa của lũ máy bay chỉ khiến tiếng chuyện trò rì rào của đám đông đang đi cất lên mạnh hơn, hoà lẫn với tiếng máy bay. Rồi tiếng kêu vù vù của các động cơ Lorraine mạnh trên bốn trăm năm chục sức ngựa ấy càng tới gần càng gầm rú dữ dội và bắt đầu nghe rõ mồn một, không thể nào lẫn lộn.

Ba chiếc Potez 25 bay đến theo hướng mặt trời đang mọc, ánh nắng từ đằng sau đuôi chúng chiếu tới loang loáng. Lật và các nông dân tuần hành nheo mắt ngó lên bầu trời chói lọi. Ban đầu anh không thấy rõ chúng. Rồi thỉnh lnh sát bên Lật, Ngô văn Lộc thét lớn vô tai anh:

- Đồng chí Lật! Nhớ Cổ Am không! Giống Cổ Am đấy!

Lật giật mình, nhìn quanh, hoang mang, tuyệt vọng. Đoàn người tuần hành đang chen chúc nhau thành một khối người đông đúc, dàn ra trên một quãng đường dài dằng dặc và hai bên toàn là cây mọc lè tè với những thửa ruộng ngập nước. Phải cần tới một hai tiếng đồng hồ may ra mới phân tán nổi họ vào các đường mòn nhỏ

hẹp có chút cây cối ở hai bên đường cái. Ngay cả việc hối thúc họ chạy cho mau xuống các thửa ruộng trồng trái cũng không kịp nữa — rồi chắc chắn sẽ chấm dứt trong thất bại, tang thương và nhục nhã thôi!

Lật gay cần nhìn lên bầu trời lần nữa. Tiếng động cơ của ba chiếc máy bay mỗi lúc một lớn hơn. Khi độ cao bỗng nhích hẳn lên cho thấy rõ ràng chúng chuẩn bị lao xuống, anh hốt hoảng thét lớn vào mặt Lộc:

- Tản họ ngay! Bọn chúng sắp bỏ bom chúng ta!

Lật xoay người chạy xuống một thửa ruộng ngập nước bên đường. Anh gào thét lớn, khoát cả hai tay về phía đầu và phía cuối dọc theo đội hình:

- Tản ra! Tản ra ngay! Bọn Tây ném bom đấy!

Thay vì làm theo lời Lật chạy ào xuống ruộng, các tự vệ và nông dân đứng gần anh đều chôn chân tại chỗ, ngây mặt ngó, ngơ ngác nghi ngại. Trước nhìn anh, kế đó nhìn ba vệt tối thui của lũ máy bay từ phía mặt trời quáng gà bay tới, sắp nhào xuống đầu họ.

Cách một trăm hai mươi thước phía trên đoàn tuần hành, viên sĩ quan phi hành trong chiếc Potez 25 đầu đàn siết nắm tay lên cần kiểm soát rồi kéo nhẹ cần vô giữa hai bắp đùi. Khi chiếc máy bay hai tầng cánh chúi xuống hết độ thấp và bắt đầu vọt lên cao mười lăm thước trên đầu những nông dân tuần hành, trái bom thứ nhất trườn trên giá bom. Mười ki-lô chất nổ hạng nặng bọc thép lạnh nảy ra và rơi thật êm, làm thành một vòng cung rồi rớt xuống phần dày đặc con người ta nhất của đội hình, ngay mé bên trong những hàng đi đầu của đoàn người. Khi chạm đất, bom nổ tung và lập tức đánh văng lên khỏi mặt đất một trăm người tuần hành, hầu hết là đàn bà và trẻ con.

Tiếng nổ úp chụp đoạn đầu của đội hình làm tỏa lên một bức màn trắng mù mịt. Trong màn sương khói chết chóc, những kẻ sống sót mù lòa lê lét trên hàng đông tử thi tan nát cháy đen đang nằm ngهن lỏi giữa đường. Chớp mắt sau, hai chiếc máy bay kia lần lượt thả thêm một trái bom xuống đoạn giữa rồi thả một trái bom nữa xuống đoạn cuối của đội hình. Hai tiếng nổ ấy lấy thêm một trăm mạng người nông dân tuần hành nữa.

Mê sảng, những đàn ông, đàn bà và trẻ con đứt chân cụt tay nhưng chưa gục hẳn, lão đảo mò xuống mặt ruộng để nằm chờ chết. Chẳng mấy chốc, cánh đồng ngập nước hai bên đường cái nhuộm đỏ thâm máu của nông dân.

Trong khi ba chiếc máy bay vọt lên và nhào xuống, thả thêm bom và cào nát những người biểu tình còn lại bằng những tràng đạn từ các họng súng đại liên Lewis trong khoang lái, Lật lội bì bõm, chân như dính chặt dưới mặt bùn đặc quánh. Anh tuyệt vọng ra sức vẫy tay phân tán các đám đông nông dân đang quá đỗi hãi hùng, chỉ còn biết bấu chặt nhau. Trong xây xẩm và tê dại, họ không còn thấy đường hoặc nhắc nổi chân tay để làm theo hiệu lệnh của Lật. Sau vài phút, Lật thôi hò hét, chỉ đứng sững người, nhìn cảnh tàn sát chung quanh mình, nước mắt chảy ràn rụa, đầy mặt.

Lật thấy Ngô văn Lộc chơi vơi đưa hai tay lên rồi sụm xuống bất động khi một chiếc máy bay lừng lừng bay qua mặt ruộng, là đà ngang ngọn cây, xả súng liên thanh vào những nông dân quỳnh quáng đang vấp lên té xuống giữa những bà con thương vong và tử nạn của mình.

Một tiếng bom nổ khác xoáy tung bùn đất lên, khoan thành một lỗ sâu như lòng giếng trong thửa ruộng phía bên kia đường nhưng Lật không thụp người xuống tránh. Khi khói loãng dần, anh thẳng thốt và mù lòa, loạng choạng lê bước tới khúc đường chỉ mới một phút trước đây đoạn đầu của đội hình dừng lại. Tới được chỗ đó, anh thấy mặt đường nhầy nhụa, sền sệt máu. Với trái tim nặng như đá tảng, Lật lục lội một đồng thi thể vỡ nát nằm đè lộn xộn lên nhau. Nhiều xác người trong đồng này không còn nguyên mắt mũi. Bộ mặt họ bị cào bằng vì vỡ nát và cháy đen thui. Trước khi thấy chiếc xuyên vàng trên một khúc cánh tay vô danh văng ra xa, đứt lìa và cụt mất bàn tay, Lật đã biết chắc Liên không thể nào sống sót. Tử thi bị cắt cụt khủng khiếp của đồng chí Hào, kẻ ngã gục ngay trong tiếng bom thứ nhất, nằm phủ lên trên che nửa người Liên.

Sau khi lẫn xác người bí thư trẻ tuổi ấy qua một bên Lật thấy mái tóc dài, óng ả của Liên nay xỉn đục và bê bết máu. Một phần mặt nàng và một con mắt nàng không còn nữa. Miệng Liên há to tựa

miệng một con thú và méo xẹo khủng khiếp như thể đang thét lên dữ dội, tiếng thét phản kháng ấy chưa kịp thoát ra đã bật lại khi phải chịu một cái chết kinh tởm đến thế này.

Kế đó, Lật cảm thấy có viên đạn hay mảnh bom nào đó cắm phập vào cạnh sườn mình. Anh gục xuống, nằm trơ vơ, đầu kê lên phần thân thể còn lại của Liên. Và phi đội Pháp vẫn liên tục gầm rú, vờn lui vờn tới khắp bức màn khói được điểm xuyết bằng những tiếng nổ đì đùng tai, để thả thêm nhiều bom và quạt thêm vô số tràng đạn súng máy xuống quãng đường đang ngập máu.

- HẾT TẬP I -

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

TẬP II - Phần III - 1 -

Vào năm 1930, vùng đất thuộc địa Đông Dương được hưởng một kỷ nguyên mới, yên lành và ổn định. Bắt đầu từ năm 1932, Pháp hoàn toàn dẹp tan những phong trào của người An Nam chống đối thực dân đô hộ; đồng thời kinh tế thịnh vượng trở lại. Cũng năm đó, Bảo Đại từ Pháp hồi loan lúc 19 tuổi, ngồi yên trên ngai vàng và đóng đúng vai trò do Pháp đào tạo là làm một hoàng đế nghi lễ, trưởng giả và vô hại. Tại Bắc kỳ và Nam kỳ, tây thuộc địa tiếp tục được cấp nhiều ruộng đất. Ngoài việc lợi nhuận tăng gần như gấp đôi do các đồn điền cao su mang lại, người Pháp còn ồ ạt kinh doanh các ngành khai thác mỏ, dệt, và đặc biệt, thuốc phiện, rượu và muối. Nhưng trên bề mặt yên tĩnh chừng nào thì ở bề dưới lòng căm thù người Pháp lại càng sâu sắc dữ dội chừng nấy do những hành động cực kỳ tàn bạo của Pháp khi ra tay đàn áp các cuộc nổi dậy năm 1930 và 1931.

Ngoài Nghệ An và Hà Tĩnh, phong trào “cộng sản dậy” còn diễn ra tại Quảng Ngãi. Ở huyện Đức Phổ và đặc biệt huyện Sơn Tịnh, lính Lê dương bắn thẳng súng máy vào đoàn nông dân biểu tình. Nó cũng lan vào Nam kỳ với các cuộc tuần hành của nông dân ở Bà Hom, Hóc Môn, Đức Hòa cùng ba tỉnh Sa Đéc, Long Xuyên và Long An. Sài Gòn ban đêm tràn ngập truyền đơn dập bằng bản kẽm do công nhân xưởng thủy binh Ba-son in lậu.

Thế giới nói chung ít biết tới các biến cố đó nhưng người An Nam ước tính rằng trong hai năm bạo động vừa kể, có tới hơn mười ngàn đồng bào bị hành quyết, tra tấn tới chết, hoặc bị giết bằng máy chém, bom, súng và lưỡi lê. Cuộc oanh kích những người tuần hành không vũ trang ở Vinh tháng Chín năm 1930 làm chết 217 người, bị thương 125 người, cháy rụi 277 nóc nhà, riêng hai làng Lộc Châu và Lộc Hải bị san thành bình địa. Tiếp đó, thực dân Pháp và Nam triều đưa khoảng 2000 người lên máy chém mà

không đem ra toà án xét xử. Khoảng hai mươi ngàn người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc hoặc theo chủ nghĩa cộng sản bị bắt giam hoặc bị đày biệt xứ ở đảo Côn Lôn, Lao Bảo, Sơn La, v.v. Cuộc đàn áp làm rung động toàn cõi Đông Dương. Khắp nơi chật ngất bầu không khí khủng bố rùng rợn. Chỉ cần nghe có người ám chỉ xa gần tới ba tiếng “quốc sự phạm” là ai nấy đều xanh mặt, sợ bọn hào lý vu oan giá họa hoặc bọn mã tà lính kín tình nghi, bắt bớ. Nhưng kích thước thật sự của sự tàn ác ấy chỉ lộ ra khi có những tên lính trong Binh đoàn Lê dương Hải ngoại của Pháp bị đưa ra toà. Tới lúc ấy người ta mới biết rằng lính Lê dương thường bắt bớ bừa bãi mỗi làng mười người rồi giết hết chín, sau đó mới thăm vắn kẻ sống sót còn lại. Đôi khi chúng tra khảo tù nhân theo từng cặp, chặt đầu người này và bắt người kia cầm chiếc đầu đã chặt đó trong lúc bị chúng tra khảo. Lính Lê dương thường đối xử cực kỳ hung ác với tù nhân ngay trong xà lim mà không cần lý do. Chúng dùng lưỡi lê cắt tai, khoét mắt và để các tù nhân - theo một báo cáo đương thời - “lắm bê bết món nước sốt hổ lớn kinh tởm gồm máu, nước tiểu và các thứ do tù nhân ói mửa ra.”

Tuy nhiên không chỉ có người Pháp mới phạm các hành vi cực kỳ tàn ác như thế, còn có người An Nam cộng sản nữa. Trong một vài tỉnh, đặc biệt tại Nghệ An và Hà Tĩnh, các chi bộ đảng cộng sản và tổ chức Nông hội đỏ dựng lên các “sô-viết” nông thôn. Họ bắt chước những khu vực nông dân cai trị do Mao Trạch Đông thiết lập đầu tiên ở Hoa Nam, và họ dựa theo những hiểu biết sơ sài về chính quyền sô viết của Nga được họ tiếp thu qua tài liệu huấn luyện và báo chí của đảng. Các lực lượng “tự vệ” của họ, vũ trang bằng gậy và dao, sử dụng chiến thuật khủng bố để trấn áp kẻ thù của đảng. Nông dân nào không chịu tham gia hoặc ai bị kết tội phản bội sự nghiệp cộng sản thì bị họ ám sát. Quan lại thân Pháp và địa chủ An Nam bị họ treo cổ hoặc thắt cổ trước công chúng hoặc cho vào rọ tre rồi dần dần đá ném xuống sông lạch hoặc ao hồ. Đồng thời, những nạn nhân họ đặc biệt ghét cay ghét đắng đều bị họ xẻo đứt mũi, nhổ trụi răng và thiêu rụi râu rồi mới bị đem đi giết.

Nguyễn Ái Quốc, lãnh tụ nổi loạn và khó truy bắt của cộng sản, rất

cuộc bị Pháp kết án tử hình vắng mặt vì là kẻ xúi giục và lãnh đạo từ xa các cuộc “cộng sản dậy”. Nhưng dù trải qua một thời gian ngắn ngủi trong nhà tù của người Anh tại Hồng Kông, ông tiếp tục lần tránh Liêm Phóng Pháp và vì nhận thấy cơn thủy triều cách mạng đang hồi rút xuống, ông thêm lần nữa biến mất vào bóng tối mịt mù ở Mát-cơ-va. Tại đó, vào năm 1932, ông được báo chí cộng sản chính thức tường thuật là đã chết. Hầu hết các đảng viên hàng đầu của Phong trào Cộng sản do ông thành lập đều bị bắt và những xà lim đông đúc, đặc biệt ở đảo Côn Lôn, ngoài khơi bờ biển Nam kỳ, trở thành đất huấn luyện cho một thế hệ mới của cộng sản An Nam; đúng như lời trong một bài hát thường được tù nhân cộng sản ca vang: “Chốn lao tù là nơi ta rèn tâm chí; đây cũng là chiến trường mà ta không cần vũ khí!”

Lẽ ra những người tù ấy phải triển miên chờ đợi dài ngày hơn trong ngục tối Côn Lôn nhưng việc Hitler lên cầm quyền tại Đức khiến Đảng Cộng sản Pháp bị buộc lòng phải hợp tác với phe xã hội và phe ôn hòa để thành lập liên minh chống Phát xít ở Paris. Chính quyền Mặt trận Bình Dân mới lên này hợp pháp hoá Đảng Cộng sản Đông Dương. Vào những tháng đầu năm 1936, Pháp tuyên bố ân xá chính trị phạm đang bị giam ở Côn Lôn. Cách thức đàn áp của Pháp tại Đông Dương có thay đổi tùy ba miền, khiến tình hình tương đối thuận tiện cho những hoạt động đấu tranh dưới nhiều hình thái khác nhau.

Tại Hà Nội, vận động cách mạng chuyển sang vận động văn hóa và xã hội, tiếp nối các hoạt động cổ động cho tân học và đổi mới tư duy được phát động và cổ vũ trước đó bởi Đông Dương tạp chí của Nguyễn văn Vĩnh và Nam Phong tạp chí của Thượng Chi Phạm Quỳnh, nhà văn Nguyễn Bá Học, Nông Sơn Nguyễn Can Mộng, v.v. Báo chí và các cơ sở xuất bản nở rộ: báo Thanh Nghị với Vũ Đình Hòe, Dương Đức Hiền, v.v.; An Nam Tạp Chí của Nguyễn Khắc Hiếu; Tiểu Thuyết Thứ Bảy... Xuất sắc nhất là Tự Lực Văn đoàn với cơ quan ngôn luận Phong Hóa (1933) và Ngày Nay (1936) cùng các cây bút kiệt xuất như Nhất Linh, Hoàng Đạo, Khái Hưng, Tú Mỡ... Họ đã làm được công cuộc cách mạng về văn học, mở đầu lối viết trong sáng và giản dị để truyền bá tư tưởng,

khuyến khích thanh niên phải có lý tưởng và đem hết nghị lực tham gia sinh hoạt xã hội, đòi hỏi phá bỏ những cổ tục lỗi thời, nhất là quan niệm trọng nam khinh nữ. Đặc biệt TLVĐ khéo lồng vào các tiểu thuyết tình yêu nam nữ những lời kêu gọi yêu nước, đòi hỏi nhân quyền, nhiệt tình lãng mạn cách mạng. Và như một hệ quả của kỳ vọng “không thành công thì thành nhân” của các liệt sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng, họ đã góp phần bồi đắp con đường sáng cho thế hệ mới, gây được làn sóng ngầm để tạo nên những triển sóng cuộn cuộn chuẩn bị cho các biến động mùa thu 1945. Tại Huế, nổi bật là Huỳnh Thúc Kháng với tờ Tiếng Dân phát hành suốt từ năm 1927 tới 1943. Vợ chồng Đào Duy Anh với Quan Hải từng thư. Tuy thế, chương trình cải cách của nam triều bế tắc với sự từ chức thượng thư đầu triều của Ngô Đình Diệm, và sau đó, người thay thế ông là Phạm Quỳnh với chủ trương Pháp Việt đề huê và quân chủ lập hiến - trước sự lấn lướt thô bạo của người Pháp và tinh thần khiếp nhược của quan lại nam triều - chỉ có giá trị như những tiếng vang cho một niềm ước vọng của những phần tử theo dân tộc chủ nghĩa, chủ trương tranh đấu ôn hòa. Những đổi thay ở Paris làm sinh hoạt chính trị tại Sài Gòn rộn rịp hẳn và trở thành hạt nhân đấu tranh cho cả nước. Nó là nơi qui tụ các thanh niên và trí thức năng động, các tổ chức sinh hoạt trong khung luật pháp thuộc địa, tương đối qui củ, có qui chế báo chí thoáng hơn Hà Nội và Huế. Đợt đầu là 19 sinh viên ở Paris bị Pháp trục xuất vì biểu tình trước điện Elysée đòi ân xá Nguyễn Thái Học và 12 đồng chí VNQDD, trong số người hồi hương ấy, có những khuôn mặt kiệt xuất như Tạ Thu Thâu, Huỳnh văn Phương, Phan văn Chánh, Hồ văn Ngà, Trần văn Giàu, Nguyễn văn Tạo... Rồi tới thế hệ đảng viên CS Đông Dương được Liên Xô đào tạo, lấy vùng Hóc Môn Bà Điểm làm địa bàn cho các hoạt động nổi, như Lê Hồng Phong, Hà Huy Tập, T.V. Giàu, N.V. Tạo, Dương Bạch Mai, Nguyễn thị Minh Khai... Các đảng Lập Hiến của Bùi Quang Chiêu, VNQDD Kỳ bộ Miền nam, Thanh Niên Cao Vọng Đảng của Nguyễn An Ninh và sự manh nha thành lập các giáo phái nhập cuộc chính trị như Cao Đài, Hòa Hảo. Nhưng nổi bật hơn hết là tờ báo La Lutte - Tranh Đấu - của khuynh hướng CS

Quốc tế Đệ tứ dưới danh xưng Tân tả Phái như Nguyễn An Ninh, T.T. Thâu, Phan văn Hùm, Trần văn Thạch... kết hợp với một số nhân sĩ độc lập và đảng viên CS Quốc tế Đệ tam. Đây là cuộc kết hợp độc nhất vô nhị trên thế giới của hai quốc tế cộng sản. Dù khác nhau về khuynh hướng chính trị hoặc phương thức hành động, hoặc đôi khi động cơ cá nhân, nhưng mục tiêu chủ yếu của những nhân vật kiệt xuất ấy là đấu tranh cho công cuộc giải phóng đất nước khỏi nền đô hộ của thực dân Pháp. Những sinh hoạt ấy đưa tới cao điểm là Đông Dương Đại Hội Nghị năm 1937 của các tổ chức chính trị người An Nam từ Sài Gòn lan ra tới miền trung, yêu cầu Pháp cải cách chính trị và phóng thích đại trà các tù nhân chính trị. Bị áp lực của Paris, nhà cầm quyền Pháp tại Sài Gòn đành chấp nhận sửa đổi đường lối đôi chút và thả tù quốc sự phạm.

Khi những người tù chín muồi căm thù và nôn nóng hoạt động ấy bắt đầu trở về Sài Gòn, Hà Nội và Huế, nhân viên mật vụ và mật báo viên của Nha Liêm Phóng lại bị đặt vào tình trạng báo động, âm thầm rình rập, theo dõi những dấu hiệu của một mưu đồ chống Pháp mới, có triển vọng thâm sâu và lan rộng khắp nước.

- 1 -

Bước nhàn tản trên những con đường Sài Gòn đầy bóng mát lần thứ nhất kể từ năm 1925, Joseph tự hỏi phải chăng anh đang bị chính giác quan của mình đánh lừa. Trên đầu anh, hàng me hai bên đường Catinat héo hắt như đang chết rũ trong cái nóng ngột ngạt tháng Tư nhưng ngược lại, không khí thấm đẫm ẩm ướt ứ đọng nơi cổ họng dường như tạo ra trong anh một cảm giác ngàn ngật và kích động, vừa bồn chồn vừa mơ hồ dễ chịu. Cùng lúc ấy, toàn bộ hệ thần kinh trong người cũng có vẻ như đang giãn ra và dần rộng để hấp thu càng nhiều ấn tượng càng tốt về cái thành phố từng sống quá đời buốt nhói trong ký ức anh suốt mười một năm nay, kể từ lần ghé lại trước đây.

Ở tuổi hai mươi sáu sung mãn, thân hình cao lớn, vai rộng, vẻ mặt còn đôi nét trẻ thơ nhưng đầy đặn của thanh niên đang thời kỳ

trưởng thành, khuôn mặt Joseph thuộc loại đẹp trai như tượng tạc, so ra không kém chút nào về mặt từng được trời ban cho người anh quá cố của mình.

Joseph vừa đi vừa thầm nhủ có lẽ mình cũng từng cảm xúc y như thế này trong một kỷ niệm không thể nào quên. Có thể đó là chuyến đi xe kéo đầu tiên với Chuck chạy qua mấy đại lộ của thành phố dù lúc này, thật ra anh chẳng còn nhớ chính xác cảm giác của mình trong buổi chiều xưa ấy ra sao. Cũng có thể sự đánh thức lại cơn đau đớn anh đã chịu khi nghe tin Chuck tử nạn khiến lúc này, cảm giác và nhận thức của anh bốc lên cao lạ thường.

Sau khi một mình dùng bữa tối tại Khách sạn Continental, Joseph thơ thẩn đi dạo qua những con đường vắng lặng trong khu vực cư dân phía bắc nhà thờ Đức Bà. Anh tưởng chừng mình có thể phân biệt chính xác trong hương đêm đậm đà những mùi toả ra từ các vườn hoa rậm rạp bên trong vòng rào quanh các biệt thự sang trọng kiểu Pháp - mùi mốc ẩm ướt từ hầm nhà xông lên làm phai bạc những bức tường màu xám nhạt, mùi thối rữa của đất ẩm và lá khô. Những mùi ấy quyện với hương thơm nồng nàn của hoa lài, hoa anh thảo, đu đủ và vô số hoa quả nhiệt đới khác mà anh không bao giờ biết rõ tên từng loại, cùng nhau xông thẳng lên đầu làm ngất ngây trí não.

Joseph nghe văng vẳng bên tai những giọt dương cầm thánh thót và trong trẻo từ một bao lơn lặng khuất nào đó, kèm theo là tiếng cười của nhiều người Pháp và tiếng ly cụng vào nhau. Những âm thanh ấy kéo dài trong một lúc và vang lên rõ hơn bởi không khí ẩm ướt chung quanh như làm nổi bật thêm trong anh tính chất nguy hiểm về sứ *mạng khai hoá* của các tây thuộc địa ở Đông Dương.

Dưới mắt Joseph, tại những đường phố trong khu vực người bản xứ chung quanh chợ Bến Thành, lề đường dường như ngất ngây sinh động với màu sơn ta mộc mạc và đậm đà. Trong ánh sáng lập loè của những ngọn đèn khí đá, da thịt người nhà quê An Nam ở trần óng ánh như vàng khi họ cúi mình bên những ụ cao rau quả nhiệt đới xanh biếc bóng lường. Tại các tủ cho vay tiền bên lề đường, các phụ nữ Ấn Độ, quần xà-rông đỏ và vàng loè loẹt quanh

thân thể màu nâu khi ẩn khi hiện, mặt đầy vẻ thuần phục. Dọc rãnh nước bên đường, những người An Nam huyền náo khác đang chơi cờ bạc bằng hột xí ngầu hoặc bài tây, và các cu-li xe kéo co ro ngồi nghỉ mệt, xúc cơm đưa lên miệng bằng bàn tay cầm thìa đầy bụi bặm. Trước các tiệm mặt đường đang mở cửa, những nhà buôn béo phệ người Tàu lấp bắp quảng cáo hàng hoá của mình bằng tiếng Quảng Đông xuyt xọat.

Giữa tất cả những tiếng đời huyền náo và rộn ràng ấy, Joseph bắt gặp thấp thoáng sau cánh cửa hé một bàn thờ lung linh ánh nến, bên trên an vị mấy pho tượng Phật bằng đồng và bài vị tổ tiên. Anh dừng chân nhìn vào và thấy một người An Nam khoác áo thụng bằng lụa màu lam, râu cằm thưa thưa, đang thắp hương rồi bắt đầu tụng thời kinh tối. Vẻ mặt chan hòa an tĩnh và tràn đầy cung kính của ông lão khi phủ phục hình hài mảnh khảnh xuống mặt chiếu khiến tâm trí Joseph bỗng nhớ lại, một cách sống động, cuộc lễ khấu đầu bày tỏ lòng trung quân trong ngày Tết Nguyên đán thuở nào anh đã cùng mẹ chứng kiến tại Điện Thái Hoà ở cố đô Huế. Tới lúc này Joseph hiểu rõ hơn bao giờ hết rằng trí óc non nớt mười lăm tuổi của mình đã chịu ảnh hưởng sâu đậm biết bao bởi những nếm trải trong chuyến đầu tiên ghé lại xứ sở này. Đột nhiên anh nhận ra, một cách sắc nét, rằng chính đôi ba phút ngất ngây bên ngai vàng của Hoàng đế Khải Định đã khiến anh không thể nào chấp nhận cuộc sống quân ngũ theo ý muốn của cha mình. Các cảnh tượng ngoại lai Á Đông tại kinh thành xưa cũ của An Nam đã như những liều thuốc kích thích xông thẳng lên não anh. Rồi chúng lắng xuống và đọng lại trong tâm tư khiến lòng mê say lịch sử trước đó của anh tự nó đặt trọng tâm và cố định vào phương Đông. Có lẽ nhờ thế, anh được tuyển vào đại học Harvard, nổi tiếp bước chân người anh đã khuất.

Tối nay Joseph cũng nhận ra rằng việc mình quyết định chọn chuyên đề lịch sử Á Đông chỉ có thể phát xuất từ khoảnh khắc tiếp xúc với một trong những nghi lễ đẹp mắt của nước An Nam có quá khứ nhuốm đầy tinh thần Khổng Mạnh. Anh học ngôn ngữ Trung Hoa để có thể làm việc trên bản nguyên văn của những tài liệu thời cổ và của những hoàng đế vĩ đại thuộc các triều đại Hán Đường

Tổng Nguyên Minh và Thanh, những người trước đó anh đã đọc rất kỹ. Rõ ràng, tất cả những gì tái hiện trong con mắt tâm trí của Joseph chỉ là các biến thái từ hình ảnh được điểm trang bằng châu ngọc của Khải Định, vị quốc chủ ngồi trên ngai vàng lộng lẫy khi anh vào quan chiêm Điện Thái Hòa mười một năm về trước.

Sau khi ra trường, nỗi ám ảnh dai dẳng về vấn đề đó đã đẩy Joseph vào một công trình nghiên cứu sâu xa hơn. Anh bảo vệ xong luận án tốt nghiệp tiến sĩ về các quốc gia triều cống “Trung Hoa: nước trung tâm” gồm Triều Tiên, Miến Điện, Xiêm, Mông Cổ, Tây Tạng và An Nam - suốt trong nhiều thế kỷ đều công nhận quyền tối thượng của hoàng đế Trung Hoa qua những cống phẩm thường kỳ bằng bạc và nhiều loại châu báu. Nghiên cứu ấy sắp được xuất bản thành sách.

Khi tiếp tục bước nhàn tản qua trung tâm thành phố Sài Gòn oi ả Joseph chợt có ý nghĩ rằng chính đề tài ấy đã được quyết định vào năm 1925, trong cuộc thăm viếng lần đầu và có tính định mệnh của anh tại xứ sở An Nam này. Qua sự chọn lựa chuyên đề các chư hầu của Đế quốc Trung Hoa phải chăng chính tiềm thức của anh đã tìm lý do để đưa anh quay lại vùng đất đang sống mãi trong anh bằng những hồi tưởng vừa xót xa vừa cay đắng?

Chính Joseph tự đề xuất ý kiến rằng anh cần tiến hành thêm một số nghiên cứu trong các văn kiện lưu trữ của Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bác Cổ ở Hà Nội để có những am hiểu vững vàng và thâm quyền hơn cho những chương viết về An Nam trong lần xuất bản sắp tới. Sau khi ý kiến ấy cùng các kế hoạch nghiên cứu đề tài được giáo sư bảo trợ tại Đại học Harvard chấp thuận, Joseph mới mơ hồ nhận ra rằng động cơ của việc anh ao ước quay lại xứ sở này có lẽ không chỉ đơn thuần là nhiệt tâm học thuật.

Trong những tuần lễ trước khi bắt đầu chuyến vượt đại dương dài ngày, Joseph thấy mình càng lúc càng suy nghĩ tới cuộc săn bắn đã kết thúc cực kỳ bi thảm với cái chết của người anh mà mình vừa ganh tị vừa ái mộ. Tuy họa hiem lắm Joseph mới ghé thăm Nhà Bảo Tàng Chuyên Ngành Vạn Vật Học Sherman tại Washington nhưng trước ngày rời Hoa Kỳ anh có tạt ngang đó, ngắm nhóm động vật trâu rừng, hươu và min do Chuck và cha anh bắn hạ.

Thấy những con thú ấy được trưng bày như chúng đang sống trong môi trường rừng nguyên sơ, lòng Joseph lại nao nao những xúc động tưởng đã đào sâu chôn kín suốt hơn mười năm qua.

Rồi trong cuộc hành trình dài ngày từ Vancouver đi Hồng Kông trên con tàu khách của hãng Thái Bình Dương Canada, Joseph thấy mình mỗi ngày một thêm băng khuâng. Kế đó, anh đi tiếp đến Sài Gòn trên một con tàu chạy bằng hơi nước của Công ty Vận tải Đường biển của Pháp xuất phát trước đó ở Marseilles. Khi bắt gặp hai ngọn tháp song đôi của Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn thấp thoáng nháy nhót trên các ngọn cây bên dòng sông Lòng Tảo khúc khuỷu và lồng gió, Joseph thêm lần nữa cảm nhận về mê hoặc dị thường của xứ nhiệt đới từng làm ngây ngất tâm trí thơ dại của anh nhiều năm trước đây.

Quang cảnh Rừng Sác xanh thắm ăn tràn ra mé nước hai bên dòng sông mang bong bênh trở lại tâm trí Joseph những ký ức lằng lằng lâu năm ở tận đáy sâu tiềm thức. Lệ bắt đầu trào lên mắt khi anh nhớ lại người anh quá cố từng hào hứng sôi nổi biết bao về viễn tượng săn bắn tại đây, trong buổi sáng đầu tiên hai anh em cùng đứng dựa lan can con tàu đi ngược dòng sông này. Kế đó, dù với nụ cười gượng gạo, Joseph vẫn nhớ tới một khoảnh khắc hạnh phúc hơn và cảm giác hưng phấn lớn lao tiếp theo cuộc khai hoàn thâm lặng của bản thân mình nơi sóc Mọi. Cùng với những hoài cảm ấy, Joseph còn cảm thấy có linh cảm bồn chồn bứt rứt, như báo hiệu một điềm gở có thể lúc này đang lơ lửng đâu đó trên vùng đầy bóng tối bên ngoài ký ức của anh.

Trong thời gian con tàu từ cửa Cần Giờ lần đường cập bến cảng Sài Gòn, Joseph có một giấc mộng không lớp lang, lẫn lộn lung tung các hình ảnh đầy xáo lộn của những gã tây thuộc địa người Pháp hung ác, con trâu rừng bị bắn gục, những ông quan khẩu đầu trong cung điện bằng vàng, Và vật vờ giữa cảnh tượng hỗn mang đó là hình ảnh của Chuck cùng cha mẹ anh như những bóng ma hồn lìa khỏi xác, không thể hoặc không muốn thấy anh hoặc không giao cảm được với anh.

Chơi với và hoàn toàn bị bỏ lại cô đơn trong giấc mộng, Joseph thêm lần nữa ném trải cảm giác choáng váng cực độ và hoang

mang hiu quạnh anh từng phải chịu trong cơn bão nửa đêm nơi trại săn trong rừng. Rồi anh choàng tỉnh trên giường, toàn thân đầm mồ hôi lạnh.

Vừa tới Sài Gòn Joseph ngạc nhiên thấy chuyến ghé lại thứ nhất đầy bất hạnh của gia đình Sherman không bị người đời hoàn toàn quên lãng. Một nhà báo Pháp lanh lợi thường để ý khách mới đến, nhớ ra danh tính gia đình người Mỹ nổi tiếng với thảm kịch được đăng trên trang nhất năm 1925. Joseph liền bị phỏng vấn và chụp hình ngay trong phòng mình ở Khách sạn Continental Palace cho một tờ báo thuộc địa.

Bài phóng sự đó kèm theo hình của Joseph xuất hiện trên ấn bản buổi tối, viết đại khái những nét chính về chuyến viếng thăm hiện nay của anh và đề cập tới những con thú do cha và người anh quá cố của anh đã bắn được ở An Nam thuở ấy, nay là những vật triển lãm chủ yếu tại Nhà Bảo tàng Sherman ở thủ đô Washington.

Joseph mang theo mình một tờ khi đi dạo. Lúc về lại khách sạn, anh thả người xuống chiếc ghế mây kê sát cửa sổ nơi tầng trệt, đưa mắt đọc lướt bài báo lần nữa trong khi chờ người hầu bàn bưng thức uống ra.

- Thì ra anh đã trở về đây để xem nàng công chúa Mọi nhỏ bé có còn mong ngóng mình nơi cung điện ám khói trong rừng, phải không Joseph?

Có giọng nói bằng thứ tiếng Anh chưa đủ trọng âm sát bên tai làm Joseph giật nảy người. Anh quay lại, thấy trước mắt mình bộ mặt tươi cười hớn hở của một đại úy Bộ binh Thuộc địa Pháp. Trong một thoáng Joseph ngơ ngác nhìn khuôn mặt đẹp trai rậm nắng, dí dỏm với bộ ria cắt tỉa gọn ghẽ, đôi ủng cao cùng búp nịt bóng loáng và bộ quân phục ủi thẳng nếp, không một tí vết.

- Chớ nói với tôi là “*chàng thanh niên Mỹ đa tình*” không nhận ra kẻ tháp tùng anh ta trong chuyến đầu tiên lên đi gặp đàn bà.

Viên đại úy vừa nói vừa làm bộ tức tối giở chiếc mũ màu trắng xuống để lộ mái tóc quăn dày và sẫm màu.

- Cũng chớ nói với tôi là lần này anh không chịu đi. Tôi đã chuẩn bị sẵn ô-tô cùng ngựa. “*Già làng*” đã mở sẵn nắp ché “*rượu cần*”... Tiếng cười sang sảng của người Pháp ấy khiến mọi người đang có

mặt trong tầng trệt ngoảnh đầu về phía hai người. Joseph tần ngần kéo ghế đứng lên, rồi chìa tay. Anh nói áp ứng:

- Tôi khó mà tin nổi! Thật Paul Devraux đây sao?

Viên sĩ quan Pháp nồng nhiệt đưa cả hai tay mình ra chụp lấy bàn tay của Joseph:

- Thật, thật đấy. Vừa thấy hình anh trên báo tối nay, tôi đi thẳng một mạch tới đây ngay.

Vẫn toét miệng cười Paul nghiêng đầu sát hơn, nói vô tai Joseph, làm bộ như thâm thì:

- Có lẽ tôi phải báo động cho anh trước khi tụi mình rời chỗ này đi lên bản Mọi - đàn bà ở đó mau già lắm. Nàng béo rất lẹ và lúc này tóc bạc phơ, không ít hơn “già làng” một sợi. Nhưng nàng vẫn đợi chờ anh trong cái lều thơm phưng phức đó, không bao giờ quên anh, không bao giờ yêu người khác. Nàng nói với già làng rằng chưa từng có ai hợp ý và vừa với bụng nàng hơn “chàng Mỹ đa tình” của nàng.

Paul lại khoái chí rộ lên cười còn Joseph cảm thấy bút rút dưới tia mắt của những người chung quanh, không cười theo. Việc nhìn thấy mặt Paul lần đầu tiên từ khi rời trại săn trong rừng làm Joseph bỗng, cực chẳng đã, nhớ lại buổi sáng đầy tủi thân sau đêm mưa bão. Đột nhiên, mặt nóng bừng bối rối, Joseph âm thầm tự hỏi không biết Paul có ý niệm mơ hồ nào về những gì xảy ra trong đêm ấy không.

Paul tiếp tục nói, cũng với cái giọng giả vờ thâm thì nhưng cố ý cho người ngoài nghe rõ từng tiếng. Và anh cười tươi rói vỗ vỗ tờ báo trên bàn:

- Tôi cho rằng ba cái thứ tào lao nói trong tờ báo này về việc anh sắp đi Hà Nội để nghiên cứu lịch sử, chỉ là cái vỏ che đậy thôi.

Anh không thể thừa nhận trắng trợn với báo chí rằng anh vượt Thái bình dương tới đây cốt chỉ để thăm cô bạn Mọi năm xưa.

Nét hồn nhiên sung sướng chào đón cùng với vẻ tươi cười rạng rỡ không tan biến chút nào trên khuôn mặt đôn hậu và rám nắng của Paul lập tức xua tan những nghi ngại trong lòng Joseph. Anh nói, cố ý giữ bộ mặt rất nghiêm trang:

- Tôi biết anh vẫn ghen tức hơn bao giờ hết dù đã mười một năm

rồi, phải không Paul?

Nụ cười của người Pháp thoáng chút mờ đi:

- Ghen? Anh có ý nói gì vậy Joseph?

- Rằng tôi đã xót mắt cô nàng xinh đẹp nhất!

Cả hai cùng rộ lên cười ngặt nghèo. Paul vừa nong nhiệt vỗ vai Joseph vừa thả người xuống chiếc ghế bên cạnh. Ngay lúc ấy người hầu bàn bước tới với ly bia đậm bạc trước đó Joseph đã gọi. Thấy vậy Paul xua tay, mặt tỏ vẻ góm ghềnh và chế giễu. Anh lớn tiếng ra lệnh bằng tiếng Pháp:

- “*Xin anh bồi vui lòng*” mang ra cho chúng tôi một chai sâm-banh! Chúng tôi uống mừng một biến cố lịch sử - chuyển trở lại Sài Gòn của một trong những người tình vĩ đại nhất thế giới!

Trong lúc Paul và Joseph cười rũ rượi nhắc lại và thêm mắm giặm muối cho chuyện cả hai ghé bản Mọi, người hầu bàn trở ra với chai sâm-banh Perrier-Jouet và hai chiếc ly. Cả hai nhìn nhau, cùng ngạc nhiên và cùng sung sướng chẳng kém gì nhau khi thấy thời gian trôi qua không làm suy xuyễn chút nào tình bạn của họ dù sợi dây bằng hữu ấy chỉ được đan kết trong đôi ba ngày niên thiếu và suốt hơn mười năm nay chẳng còn được người nào nhắc nhở. Ngồi bên nhau khi đã quá đôi mươi, Joseph và Paul vẫn cảm thấy khoan khoái dễ chịu không thua gì thuở mới mười mấy tuổi.

Dần dần những bốn cột bông đùa qua đi, nhường chỗ cho lời thăm hỏi đứng đắn về những năm cả hai không gặp nhau. Paul vừa rót rượu vào ly lần thứ hai vừa nhoèn miệng cười trêu mếu rồi nói với Joseph:

- Joseph này, anh biết không, vẻ ngoài của anh thay đổi quá nhiều. So với lúc anh còn là một cậu bé, tôi thấy lúc này anh giống hệt ông anh Chuck của anh - nhưng anh đẹp trai hơn. Vừa thấy anh tôi cứ tưởng...

Paul chột ngừng nói, chờ cho sâm-banh đầy ly rồi liếc thật nhanh người bạn Mỹ:

- Tôi xin lỗi - mình đã không gặp nhau kể từ tai nạn khủng khiếp ấy. Anh rời cuộc săn trước ngày xảy ra chuyện đó, đúng không?

Joseph lẹ làng gật đầu và xua tay:

- Không sao đâu Paul. Chuyện xảy ra đó ai cũng biết hết.

Rồi đang nâng ly rượu đầy ắp lên môi anh bỗng ngừng lại:

- Nhưng thú thật, việc trở lại nơi này làm tôi nghĩ tới anh Chuck nhiều hơn những năm vừa qua. Hẳn anh hoàn toàn hiểu rõ anh ấy trong mấy tuần lễ hai người đi săn với nhau, phải không?

Trong một thoáng trầm ngâm nhìn xuống đám đông đang đi dạo buổi tối dưới những hàng me trên vỉa hè đại lộ Catinat sát thêm khách sạn, Paul trả lời:

- Vâng, đúng vậy. Anh của anh là một thanh niên rất gan dạ và bắn giỏi. Cũng là một người bạn đồng hành cực kỳ hoà nhã. Cái chết của anh ấy làm ba tôi và tôi bị sốc rất nặng.

Lần đầu tiên Paul và Joseph im lặng. Trong một hai phút cả hai ngồi yên nhấp rượu, không ai nói với ai lời nào. Sau cùng Paul nói tiếp:

- Những buổi tối ở trại săn chúng tôi chuyện trò rất nhiều. Có một đêm Chuck nói tới một điều mà về sau nó bám riết trí óc tôi rất lâu.

- Điều gì vậy?

- Chuck nói cha anh kỳ vọng rằng anh ấy sẽ là một chính khách và còn có cao vọng rằng một ngày nào đó anh ấy có thể trở thành tổng thống Mỹ. Khi nói với tôi như thế, anh ấy nhe răng cười và thú thật rằng mình không quan tâm chút nào tới chính trị - tôi nghĩ có lẽ chính vì thế tôi nhớ mãi điều đó. Những gì xảy ra vào mấy ngày sau dường như làm cho điều đó hoá ra buồn bã vô cùng.

Thoáng chút ngần ngại, Paul nhìn thẳng vào mặt Joseph ở bên kia bàn:

- Ba anh có chuyện kỳ vọng đó qua cho anh không? Anh có sắp đi vào chính trường không?

- Tôi nghĩ là không.

Joseph trả lời thật lẹ, gần như trước khi người bạn hỏi xong câu.

Anh từng mơ hồ nhận ra cái chết của Chuck khiến anh sinh lòng thèm muốn được sáng chói trong mắt cha để điền vào chỗ của anh mình và việc nhận ra ấy làm anh bối rối.

Tại đại học Harvard, Joseph lao vào hoạt động thể thao để có chứng tỏ thể chất mình kiên cường, đó là cái anh thường nghi ngờ sẽ không bao giờ tự nó bộc lộ dưới cái bóng tài giỏi về thể thao và điền kinh của Chuck. Trong những năm học ở đó, anh trở thành

cầu thủ ngoại hạng của đội bóng bầu dục và là một tay bơi lội hàng đầu, tuyển thủ quần vợt hàng đầu. Khi cha anh rủ anh tham gia những chuyến đi săn thường lệ, Joseph kinh ngạc thấy mình có thể nổ súng vào con mồi với lòng không chút băn khoăn. Nhưng kết quả những việc đó không làm thay đổi nhiều lắm bản chất mối quan hệ giữa hai cha con, và vì một lý do nào đó, anh không ngạc nhiên, cũng không đặc biệt thất vọng về mức độ quan hệ ấy. Cuối cùng anh nhận thấy thật vô ích khi nỗ lực tái tạo một hình ảnh phản chiếu các tài nghệ của Chuck - nhưng thật trái ngược, sự nhận biết ấy không cất bỏ hoàn toàn tình trạng chính anh tự mình thúc ép mình, một cách phi lý, phải tiếp tục những nỗ lực như thế. Cuối cùng, Joseph nói với Paul bằng giọng nhẹ nhàng, cố che giấu cảm xúc của mình về vấn đề đó:

- Cũng y như anh Chuck, tôi nghĩ mình không có phẩm chất và khả năng thích hợp với chính trị. Và dù sao chú em của tôi có vẻ sẽ là người được cha tôi yêu thương hơn bất cứ ai trong nhà.

Cặp lông mày Paul nhíu lại thành một vệt nhăn dò hỏi:

- Anh có em trai sao Joseph?

Joseph nói thật nhanh, mắt nhìn xuống ly rượu:

- Tên nó là Guy, đứa không ngờ mà có. Lúc này nó lên mười. Nó sinh vào cuối cái năm anh Chuck qua đời. Tôi nghĩ nó giúp rất nhiều cho cha tôi trong thời gian ông cố gắng vượt qua tấn thảm kịch; nó làm cho cha tôi bớt phần nào suy nghĩ ủ ê.

Nói xong, anh vội vàng liếc về mặt của viên sĩ quan Pháp nhưng không thấy có dấu hiệu nào chứng tỏ Paul đọc được ý nghĩa đặc biệt trong thông tin ấy.

- Và ông ấy có hoàn toàn bình phục không? - ý tôi muốn nói tới cha anh đấy.

Joseph gật đầu, mặt vẫn không ngược lên:

- Ông ấy mất một cánh tay, tôi tưởng anh biết rồi. Nhưng cha tôi là người rất quyết tâm - tôi giả dụ anh có thể nói là thậm chí ngoan cố nữa. Ông vẫn đi săn bằng một tay còn mạnh - và không tệ chút nào. Dĩ nhiên dùng súng trường loại rất nhẹ và không bao giờ còn bắn hạ con gì lớn hơn con nai. Tôi nghĩ, ban đầu cha tôi cảm thấy phiền muộn rằng ông đã chẳng làm được gì hơn nữa để cứu Chuck.

Rồi thì dường như cái làm cho ông bức bối là Chuck đã không hành động đúng với tính cách của anh ấy. Anh tôi là một người gan dạ, đúng như anh nói, nhưng anh ấy không bao giờ liều lĩnh đại dốt. Suốt một thời gian dài, cha tôi gần như tự trách mình rằng chính ông là người có lỗi vì đã không phản ứng nhanh nhạy hơn khi Chuck cứ nhất quyết đuổi theo con mìn bị thương ấy vào trong lùm tre gai, trái với mệnh lệnh của ông.

Paul nhóm người lên trên ghế, hít một hơi thật lẹ như thể sắp nói điều gì đó nhưng rồi đổi ý. Thay vào đó, anh cầm ly rượu đưa lên miệng. Đang vừa nói vừa bứt rút bóp bóp chiếc ly của mình, Joseph nhìn lên và kịp thấy vẻ tằn ngằn trên mặt viên sĩ quan Pháp. Giữa cả hai thoáng chút lẩn tránh rồi Joseph hỏi để phá tan bầu khí im lặng:

- Còn anh thì sao Paul? Kể từ lần cuối mình gặp nhau, anh đã trải qua những gì?

Người Pháp nhún vai và nhăn mặt để che lấp tình trạng không thoải mái của mình:

- Nhiều và ít - cuộc sống khá buồn nản của một quân nhân ở thuộc địa. Chẳng bao lâu sau khi anh đi, tôi rời Sài Gòn trở về Pháp - vào St. Cyr. Sau ba năm ở đó, đơn vị bổ nhiệm đầu tiên của tôi là về lại đây, ở Bắc kỳ, tại một cứ điểm có tên là Yên Bái. Tới năm ba mươi hai tôi đi châu Phi cho một nhiệm kỳ ba năm rồi quay lại Sài Gòn theo đơn xin của mình - chỉ mới sáu tháng nay thôi.

Joseph háo hức hỏi và nhú lông mày cố nhớ:

- Vậy ra anh ở đây vào lúc xảy ra những biến động hồi năm ba mươi và ba mươi mốt? Báo chí bên chúng tôi có một số bài tường thuật về các cuộc nổi dậy đó. Phải chăng đã có một loại khởi nghĩa nào đó ở Yên Bái?

Paul chậm chậm gật đầu nhưng không đưa ra chi tiết. Joseph nói tiếp:

- Trên chuyến tàu tới đây tôi có hỏi một người đồng hương về chuyện đó. Ông ta nói đó chỉ là một cơn bão trong tách trà: “Vài gã bôn-sê-vich của Joseph Stalin tính chuyện thừa cơ lợi dụng đôi ba vụ mất mùa.” Tôi cho rằng đó chỉ là cách diễn tả của ông ta thôi. Ông ta còn nói họ cố lén lút đưa một ít công thức cách mạng rỗng

tuếch cho những người bản xứ nhẹ dạ nhưng không tiến xa lắm.

Nói như vậy có đúng không?

Lắc đầu và nhóm hăn người tới trước, Paul hạ thấp giọng để không ai có thể nghe lén:

- Joseph nàyi, nó còn tệ hại hơn bất cứ ai ở thế giới bên ngoài có thể biết tới. Máu đỏ rất nhiều và không cần thiết. Đối với tôi, nó xuất hiện hoàn toàn như một cú sốc cực kỳ. Tại Yên Bái, cuộc nổi dậy gần như sắp thành công. Những kẻ nổi dậy bầm nát năm sáu sĩ quan đồng đội của tôi. Và lần đầu tiên tôi tận mắt thấy chính xác rằng trong nhiều người An Nam lòng căm thù người Pháp quả thật sâu xa, không bờ bến.

Joseph khắc khoải hỏi:

- Anh có dính líu trực tiếp không Paul?

Paul gật đầu:

- Chẳng may là có Joseph ạ.

Paul lại đưa mắt xem xét kỹ lưỡng vĩa hè Catinat đông đúc sát mé dưới tầng trệt khách sạn. Anh nói và bất giác xoa xoa vai bên mặt làm Joseph nhớ lại cử chỉ cần cái của Paul anh từng nhận ra mỗi khi Paul nhắc ly rượu lên.

- Tôi nghĩ mình may mắn thoát chết. Tôi lãnh một vết thương trên vai nay thỉnh thoảng còn bị nó hành. Nhưng có lẽ cái tệ hại nhất là thấy những người An Nam mình từng đối xử như bạn thiết nay bỗng chốc trở thành kẻ căm thù mình dữ dội.

- Anh có ý nói tới lính bản xứ của anh?

- Không - còn tệ hại hơn nữa.

Ngừng một chút Paul quay lại nhìn Joseph:

- Anh còn nhớ Ngô văn Lộc, người “bồi” trại săn của chúng ta không?

Joseph gật đầu.

- Chính việc đó. Lộc và hai con trai của anh ta xuất hiện trong số những người nổi dậy ấy. Cả ba vùng gươm và mác lên, thét lớn đòi máu của tôi, cùng với những người khác...

Joseph giật mình không tin nổi:

- Anh có ý nói hai đứa nhỏ đùa giỡn với chúng ta nơi trại săn?

Paul gật đầu cay đắng:

- Té ra suốt trong những năm đó Lộc cùng vợ anh ta hoạt động cho phong trào chống đối này nọ. Anh biết không, vào lúc chúng tôi gặp gia đình anh, ba tôi thỉnh thoảng có phụ trách một ít công tác mật cho Liêm Phóng, còn vợ chồng Lộc được gài vào nằm vùng để theo dõi chúng tôi. Trong thời gian xảy ra các biến động ấy, ba tôi đang là viên chức làm việc thường trực cho Nha Liêm Phóng. Hiện ông là phó tổng chỉ huy cơ quan đó, kiêm nhiệm phân sở Trung kỳ tại Huế.

- Rồi sau đó Lộc và hai con trai của anh ta ra sao?

Trong một thoáng Paul nhìn Joseph với vẻ mặt đau đớn:

- Học, chú bé nhỏ nhất, bị bắt và sau đó bị hành quyết công khai bằng máy chém cùng với mười hai người nổi dậy khác.

Nghe đến đây, Joseph kinh hoàng, chầm chậm lúc lắc đầu:

- Thật không tin nổi Paul ạ.

Người bạn Pháp xoa một bên hàm, cử chỉ tỏ vẻ khích động:

- Chuyện không chỉ có vậy. Nói ra nghe buồn lắm. Trước đó, vào một ngày nọ, ba tôi để ý thấy trên bàn viết mất một số giấy tờ, rồi ông tìm thấy chúng trong nhà của người giúp việc. Lúc ấy Lộc đi xa vì vợ của anh ta bị hiến binh bắt giam để điều tra.

Paul ngừng lại, rõ ràng đang đau lòng vì những gì mình nói, và thêm lần nữa anh đưa mắt xem xét đường phố:

- Chị ta sau đó chết trong tù... theo lời của công an là “trúng gió”.

Vậy anh thấy, rốt cuộc của tất cả những cái đó... gia đình Ngô văn Lộc có cơ sở để không thương mến gì chúng tôi.

- Rồi xảy tới chuyện gì nữa cho người cha với cậu con lớn ấy?

- Sau đó, Lộc gia nhập Đảng Cộng sản và cuối cùng, nghe nói anh ta bị thương trong một cuộc nổi loạn đâu đó ở mạn bắc Trung kỳ.

Và rồi hình như anh ta lại tham gia những vụ “cộng sản dậy” ở Bắc kỳ hoặc ở lục tỉnh Nam kỳ. Nhưng tôi biết chắc rằng khoảng bốn năm trước đây, anh ta bị bắt và bị cho lên tàu chở ra làm tù khổ sai ở đảo Côn Lôn cùng với cả ngàn đảng viên cộng sản khác. Ngoài ra, tôi không biết chuyện gì xảy tới cho Đồng.

Người bạn Mỹ trầm giọng hỏi:

- Có phải những việc ấy để lại trong anh cảm giác cay đắng về người An Nam?

Viên sĩ quan Pháp chậm chậm nhấp rượu. Và anh ngả lưng ra ghé với tia nhìn xa xăm trong mắt:

- Cũng khá lạ lùng là nó tác động ngược lại. Cuối năm ba mươi mốt, sau khi mọi biến động ấy lắng xuống, tôi muốn rời nơi đây đi thật xa - nhưng tại châu Phi tôi lại thấy mình thường xuyên nghĩ tới người An Nam hơn là nghĩ tới người châu Phi.

Mặt Paul hằn nét suy tư trong khi anh tìm cách diễn đạt những cảm xúc phức tạp có lẽ chính anh cũng không thể hiểu cặn kẽ:

- Tôi khám phá ra rằng xứ sở này và dân tộc này dù sao cũng đã lậm vào máu của tôi. Tôi quả thật không thể giải thích nổi điều đó. Dù đó là cái gì đi nữa, nó cũng khiến tôi xin thượng cấp được chuyển về lại đây.

Anh nhìn Joseph, mỉm cười rầu rĩ:

- Đối với anh thì có vẻ điên rồ khi một sĩ quan quân đội lại suy nghĩ theo cách đó, nhưng giả dụ tôi cảm thấy nước Pháp, bằng nhiều cách thức khác nhau, đã làm nhiều điều sai trái ở đây - người ta đã có thể và nên ứng xử tốt hơn. Dĩ nhiên, đang có nhiều cải tiến. Liên minh Mặt Trận Bình Dân ở Paris đã hợp pháp hoá Đảng Cộng Sản ở đây và người ta bắt đầu phóng thích các tù nhân chính trị hiện bị giam ở đảo Côn Lôn. Lúc này, thậm chí có tới bốn người cộng sản trong hội đồng thành phố Sài Gòn; không khí chính trị tương đối khoan nhượng tới độ người của Trotsky và người của Stalin hợp tác được với nhau. Đó chỉ là mới bắt đầu, tôi biết...

Paul nhún vai như thể thừa nhận rằng anh không có khả năng giải thích cảm xúc của mình một cách tỉ mỉ hơn:

- Có lẽ tự tay mình tôi không làm được gì nhiều - nhưng dù sao tôi cũng đang ở đây...

Joseph mỉm cười, cảm thấy ấm lòng vì sự chân thành và thẳng thắn của người sĩ quan ấy:

- Paul ạ, tôi nghĩ là tôi hiểu. Lúc này tôi cũng đang ở đây. Tôi có thể thấy sâu trong tiềm thức mình rằng tôi lúc nào cũng muốn trở lại đây. Dù không dính líu theo cách hiện nay của anh, tôi vẫn cảm thấy xứ sở này và dân tộc này có điều gì đó làm mình say mê.

Nghe vậy, Paul nhún miệng cười trở lại và nói:

- Thì ra tôi nói giỡn lại trùng y chóc hơn tôi tưởng. Này, nói tóm

lại, có phải thật ra anh bị lôi trở lại đây là vì nhớ tới bộ ngực trần của mấy nàng Mọi đó? Hay là anh đã lập gia đình?

Joseph lắc đầu, tới lượt anh nhoẻn miệng cười:

- Chưa. Tôi chưa có vợ.

- Sao lại chưa? Một chàng tuổi trẻ độc thân đẹp trai con nhà giàu như anh đương nhiên bị các người đẹp Mỹ quốc săn đuổi ráo riết, đúng không?

Joseph hơi ngượng vì câu hỏi thẳng thừng đó. Thoảng chút lưỡng lự, anh cố làm cho rõ tâm trạng của mình nhưng không nổi:

- Nói thật Paul ạ, tôi thấy hầu hết phụ nữ đều không thật lòng. Tôi nghĩ mình chưa gặp được thiếu nữ nào mình hoàn toàn tin tưởng để có thể kết hôn.

Viên sĩ quan Pháp lại vừa căn vặn vừa cười:

- A, té ra bên Mỹ, phụ nữ bạc bẽo cũng là một chủng loại thông thường, phải không?

- Nó không là một hiện tượng toàn cầu sao?

Paul lại quay nhìn xuống đường phố, ngắm hai thiếu nữ An Nam mảnh mai đang bước đi tha thướt trong chiếc áo dài cao cổ nhẹ như tơ:

- Có thể... có thể... cho dù các tiểu thư Sài Gòn con nhà gia giáo dĩ nhiên vẫn thích mang trình tiết của mình bước tới bàn thờ.

Joseph nhìn theo mắt Paul, mỉm cười:

- Các chú rể ở đây có còn chơi cái trò trải vương lụa trắng trong đêm động phòng không đấy?

Người Pháp cười lớn:

- A, Joseph, trí nhớ của anh tuyệt vời. Anh nhớ không sót một tí gì tôi đã dạy cho anh. Vâng, đúng đấy, người An Nam vẫn đánh giá rất cao trình tiết và thủy chung.

Paul quay bộ mặt tinh quái lại ngó người bạn Mỹ:

- Có lẽ tôi nên thú nhận sự thật, tuyên bố chính xác và thành thật khai báo với anh rằng lý do duy nhất khiến tôi quay lại nhận nhiệm sở ở xứ này là để ngắm những tạo vật bằng vàng và thú vị ấy ngày nào cũng lướt bành bồng qua mắt tôi trong gió Sài Gòn phiêu diêu thổi.

Người Mỹ trả lời hóm hỉnh:

- Căn cứ vào những gì chính anh đã kể về anh khi tôi ghé lại đây lần trước, tôi không ngạc nhiên chút nào về chuyện đó.

Háo hức rướn người qua bàn vỗ vỗ cánh tay Joseph, viên đại úy Pháp nói:

- Tôi chỉ nói giỡn một nửa thôi Joseph. Hãy nhận lời khuyên này của một người bạn già hơn anh ba tuổi đời - nếu anh có thể mang được một trong những người đẹp An Nam kia về làm phu nhân thì tốt hơn rất nhiều so với hết thảy mọi đại sự anh đang dự tính làm ở đây. Bản thân tôi suy nghĩ chuyện đó hoàn toàn nghiêm túc.

Paul lại hoác miệng ra cười trong khi dốc hết phần sâm-banh còn lại trong chai vô hai chiếc ly vừa cạn:

- Tôi sẽ để cho anh tự mình nhận ra điều tôi có ý nói, nếu anh muốn. Chiều mai, tại Câu lạc bộ Thể thao, người ta đấu trận chung kết giải vô địch quần vợt hằng năm của chúng tôi. Lúc này nó là cuộc thi đấu hỗn hợp, đúng với tinh thần thời đại. Và lần đầu tiên có một tay vợt An Nam vô chung kết đơn nam. Anh ta có một cô em gái đẹp tuyệt trần và tôi được hân hạnh tháp tùng cô ấy xem trận đấu. Tại sao anh không cùng đi với tôi? Anh sẽ thấy cách chúng tôi thực thi công cuộc “sứ mạng khai hoá” của mình bằng tác phong hiện đại - cùng lúc ấy, anh sẽ được gặp một trong các thiếu nữ đáng yêu nhất Sài Gòn.

Joseph đồng ý, cười và đưa ly lên môi:

- Được thôi. Chúng ta uống mừng chuyện đó.

Khi cả hai cạn xong ly, Paul mỉm cười đưa một ngón tay lên cảnh cáo:

- Nhưng lần này, tôi nhất định rằng “*Người Mỹ Đa Tình*” cần giữ ý tứ hơn. Tôi biết tình bạn của chúng ta vì cái khởi đầu độc đáo của nó - tuy vậy cách riêng dịp này, chớ có tính chuyện chia chung cái ngăn chuồng của tôi.

Nói xong anh đứng dậy và cười vang, vỗ vai Joseph:

- Nghe rõ chưa?

- Nghe rõ!

Joseph đáp lại, nồng nhiệt bắt tay bạn. Rồi anh đứng nhìn theo Paul với cảm giác triu mến chân thật khi vóc dáng nhà binh vai ngang ấy khuất dần trong đám đông đang dạo tới dạo lui tấp nập

đường Catinat vào buổi tối. Thân hình thẳng đứng của người sĩ quan Pháp khiến Joseph nhận ra Paul càng ngày càng giống hệt cha.

Bỗng dưng Joseph lại thấy thêm lần nữa trong tâm trí mình hình dáng anh hùng kỳ bí và im lặng đầy kính sợ thuở nào, trước đôi mắt của cậu bé Joseph mười lăm tuổi, đang lắc lư cứng cỏi và thẳng lưng trên yên dẫn đầu đoàn kỵ mã trong chuyến đi đầu tiên và ngất ngây của họ vào rừng xanh. Ký ức ấy lại nhen nhúm một chuỗi hồi tưởng khác, cuối cùng dẫn trở lại những khoảnh khắc kinh hoàng bên ngoài túp lều của Devraux, trong cơn mưa bão. Sau khi không còn đám đông đi lại tấp nập trên đại lộ bên ngoài cửa sổ, Joseph nằm thao thức rất lâu trong phòng khách sạn Continental, vật vờ thêm lần nữa với những âm vang xao xuyến và lệ làng của quá khứ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 2 -

Vào buổi chiều chung kết giải quần vợt, đại úy Paul Devraux thay y phục nhà binh bằng một bộ vét-tông dân sự vải bông trắng và chiếc mũ cũng màu trắng. Joseph không dễ tìm ra bạn mình trong đám đông tây thuộc địa mặc quần áo cùng kiểu với Paul và y hết nhau, đang tụ tập đông đảo bên những bãi cỏ cắt xén gọn gàng và trên các bậc thềm cao của Câu lạc bộ Thể thao Sài Gòn.

Tọa lạc trong công viên thành phố, còn gọi là vườn Ông Thượng hay vườn bờ-rô rợp bóng cây và tiếp giáp với khuôn viên Dinh Toàn quyền Đông Dương hùng vĩ xây bằng đá cẩm thạch, bình thường Câu lạc bộ chỉ dành riêng cho giới tinh hoa da trắng sinh sống tại thuộc địa. Nhưng vào dịp tranh giải quần vợt này, những qui định thường lệ ấy được nói lỏng, cho phép người không phải hội viên vào dự. Dù vậy, khi đi loanh quanh tìm Paul trong đám đông, Joseph nhận thấy các thanh niên thiếu nữ An Nam đến đây vẫn chỉ gồm những người y phục chỉnh tề, phong thái hoà nhã, tỏ cho thấy họ là con cháu các gia đình giàu có người An Nam và người Hoa.

Vợ và con gái của người Pháp hội viên đều mặc áo đầm trắng tươi mát, đội mũ trắng loại rộng vành hoặc che dù để bảo vệ làn da màu trắng nhạt của mình, chống lại ánh nắng buổi chiều chói chang và ran rát. Khi đi lại giữa những người ấy Joseph bỗng dừng tự thâm hỏi chẳng biết phụ nữ Pháp có đang chung diện theo một qui định bất thành văn nào đó hay không nhằm tự phân biệt rõ nét họ với các thiếu nữ An Nam nước da màu như vàng trong những chiếc áo dài tươi vui và nhiều màu sắc.

Muốn lựa cho ra Paul, Joseph phải nhìn thật kỹ bên dưới các vành mũ cối hoặc mũ nỉ đàn ông Pháp đang đội. Cuối cùng chính người sĩ quan mặt mày tươi rói ấy tìm ra anh trước. Paul ranh mãnh nhú mày, liếc thật nhanh các đám đông đang đứng chung quanh hai

người, rồi nói:

- Joseph này, tôi sung sướng thấy anh đang chú ý kỹ lưỡng tới thực trạng rằng lúc này xã hội Sài Gòn đã trở nên hoàn toàn dân chủ. Cuộc tụ tập này dù hỗn hợp đa chủng, vẫn không che đậy nổi nếp độc quyền và ưu thế của người da trắng và Joseph nhoen miệng cười, hơi có vẻ dí dỏm, như để tán thưởng nhận xét ấy của mình. Anh nhìn kỹ nét mặt các thiếu nữ An Nam đang khép nép đứng gần đó. Cô nào cũng có người cùng chủng tộc đi kèm:

- Càng đi tìm anh tôi càng cố nhìn lăm lét để tự mắt mình tìm cho ra tạo vật phương đông nào đang yêu anh say đắm. Nàng đâu?

Paul cười, đặt bàn tay cảnh cáo lên vai Joseph:

- Chờ chút, ông bạn, đừng nóng ruột! Nhưng anh nói như thế hơi quá đáng. Có lẽ đêm qua tôi quá hấp tấp. Tôi không có ý nói rằng trái tim nàng đã bị chinh phục, đã khuất phục và chẳng còn gì để bàn tới nói lui nữa. Ở đây Má-mì và Đát-đi, như cách gọi bên Mỹ của anh, vẫn có rất nhiều quyền ăn nói về kẻ sẽ kết hôn với con cái của họ. Cha nàng, theo tôi, có ý thích tôi - ông ấy rất thân Pháp. Nhưng ý tưởng đó có lẽ chưa nhập vô đầu nàng. Tôi chỉ có thể nói nó mới nhập vô cái đầu của tôi thôi. Ở đây, thời gian trai gái tìm hiểu nhau vẫn còn theo tục lệ cứng như đá - rồi mình còn phải phá cho tan cái rào cản thường kèm cặp các nàng. Cho tới nay, lúc nào đi theo nàng cũng có bà mẹ - hoặc một cô bạn gái.

Paul chạm nhẹ cánh tay Joseph để hướng sự chú ý của bạn tới một thanh niên và một thiếu nữ Á Đông tuổi mới ngoài hai mươi đang di chuyển qua đám đông, đi về phía hai anh:

- Trong trường hợp này là ông anh của nàng!

Joseph ngược mắt, thấy một thiếu nữ mảnh mai trong chiếc áo dài cao cổ bằng lụa phơn phớt màu lam ngọc đang khép nép đi bên cạnh một người An Nam mặc âu phục. Nàng đội nón lá bông, mái tóc kẹp giãn dẹt, gọn gàng thả qua vai trái, rủ dài ra đằng trước làm thành một suối tóc đen tuyền mượt mà chảy xuống một bên ngực. Từ xa xa, vẻ đẹp nổi bật trên khuôn mặt như vàng của nàng đã hiển hiện trước mắt chàng thanh niên Mỹ.

Trên môi Joseph lập tức thoát ra tiếng thở rất dài và rất nhẹ, đầy ngưỡng mộ. Anh nức nở thì thào trước khi hai anh em ấy tới trong

tâm nghe:

- Paul ơi, anh chẳng nói quá một tí nào. Nàng ấy đẹp quá!

Paul sung sướng, phơ phới bước tới một bước, miệng cười nồng ấm và tươi rói. Nâng bàn tay thiếu nữ lên môi, anh thì thầm lời chào hỏi bằng tiếng Pháp rồi thân thiện bắt tay anh của nàng. Tiếp tục nói bằng tiếng Pháp, Paul vừa cười vừa nhìn vào mắt nàng, rồi hướng về Joseph:

- Tôi xin được giới thiệu, Joseph Sherman, một người bạn tốt của tôi vừa từ Mỹ sang. Và đây là Trần thị Kiều Lan... và đây là ông anh của cô ấy, Trần văn Tâm.

- Rất hân hạnh, thưa cô.

Những ngón tay con gái nhỏ bé mỏng mảnh như học trò của Lan đặt vào lòng bàn tay Joseph và so ra anh bỗng thấy tay mình có vẻ kềnh càng to lớn quá. Hai má Lan phơn phớt hồng, có thể vì thoa chút phấn nhật hoặc chỉ do màu da tự nhiên. Nhưng trái với những phụ nữ Pháp chung quanh, nàng không chút điểm trang.

Vẻ tươi mát thơ ngây trên khuôn mặt trẻ trung của Lan khiến Joseph ngó lâu hơn thông lệ một chút. Và nàng nhẹ khép đôi mắt, nhìn xuống. Lo lắng cứ vẩn thái độ đường đột của mình, Joseph bắt tay người anh của nàng rất nồng nhiệt. Anh gào lên vui vẻ, vừa lắc lắc bàn tay vừa bóp bóp khuỷu tay của người An Nam:

- Monsieur Tâm, chúc mừng anh vô tới chung kết!

Tâm trả lời với tiếng cười khúc khích:

- Chẳng may tôi không có cơ hội chiến thắng! Chính Kim, chú em tôi, mới là tay quần vợt đó chứ không phải tôi. Nó đang lo đậu xe ngoài kia, chỉ chút nữa thôi nó vô tới.

Paul và thiếu nữ em của Tâm cùng bật lên cười trước vẻ tên tò của Joseph. Nhưng chỉ ngượng nghịu một thoáng, Joseph bỗng hết bối rối. Anh sững người nhìn hai anh em:

- Có phải anh vừa nói tên người em của anh là Kim?

Người An Nam gật đầu, tiếp tục cười khúc khích. Joseph tần ngần hỏi:

- Vậy nếu anh là Trần văn Tâm...

Anh dừng một chút, quay sang người thiếu nữ đang hé miệng cười:

- ...và nếu cô là Kiều Lan... là Lan, thì thân phụ của hai người hẳn

là Monsieur Trần văn Hiếu, quan sứ thần.

Thiếu nữ An Nam lại gật đầu, mỉm cười nhìn Joseph với vẻ mặt dè dặt.

- Thế thì trước đây tất cả chúng ta đều đã gặp nhau! Cô còn nhớ cái ngày con khi nhỏ của cô suýt làm vỡ chiếc độc bình của ông thống đốc?

Chậm chậm, trên mặt Lan hiện một nụ cười. Nàng đưa tay lên miệng như thể đã nhận ra:

- Có phải ông là cậu bé Mỹ mang trở lại con khi nhỏ cho chúng tôi?

Joseph gật đầu vui sướng:

- Đúng. Lúc đó cô chỉ là cô bé Lan.

Paul đập mạnh vào vai Joseph, rú lên cười:

- Trời ơi là trời! Dĩ nhiên rồi! Thế tại làm sao tôi lại quên lửng cái trò cứu khỉ của anh - một kẻ đi sẵn ưa dùng độc bình đời Minh để đoạt giải thưởng tươi sống hơn là dùng tới súng ống!

Cả bốn người lại rộ lên cười. Nhưng khi tiếng cười lắng xuống, người đầu tiên cất tiếng nói là Lan:

- Monsieur Sherman ạ, có thể hôm nay nhớ lại thấy nó có vẻ buồn cười nhưng thuở đó cha tôi giận lắm. Chúng tôi bị quở trách một trận nên thân, phải quì thẳng lưng hơn một tiếng đồng hồ. Cha tôi thường nói nếu không có cậu bé Mỹ cứu chiếc độc bình chúng tôi còn bị phạt nặng hơn thế nữa. Vậy ông thấy đó, chúng tôi rất biết ơn việc ông đã làm cho ba đứa bé ngỗ nghịch...

Đúng lúc đó, đằng sau họ xuất hiện một thanh niên An Nam tay xách túi thể thao tay cầm áo bọc vọt đánh banh. So với dáng người tầm thước và đầy đà của Tâm, người này thân hình nhỏ con hơn một chút nhưng chắc nịch. Mặt anh khó đăm đăm, gần như lúc nào cũng cau có giận dữ. Anh hờ hững bắt tay Paul. Khoa tay về phía Joseph, Tâm háo hức hỏi:

- Chú Kim có đoán ra ai đây không?

Người An Nam trẻ tuổi hơn ấy mặt nguội ngất, lướt mắt ngó

Joseph từ đầu tới chân rồi nhún vai. Tâm nói tiếp:

- Chính là Joseph Sherman, con trai của Thượng nghị sĩ Sherman, nhớ không - người Mỹ đã cứu con khi nhỏ bị chú lén đem vô

khuôn viên dinh thống đốc. Lúc này là dịp tốt để chú cảm ơn ông ấy đây.

Trong một lúc Kim chăm chú nhìn kỹ bộ mặt của Joseph rồi chìa bàn tay, cố tỏ vẻ nhã nhặn:

- Monsieur Sherman, không có sự can thiệp của ông chắc chắn chiếc độc bình quý giá của quan thống đốc ấy bị bể tan bể nát, không cứu vãn nổi. Và chắc chắn tôi với cha tôi cùng cả nhà tôi bị dày chung thân khổ sai vô hạn tới nơi đảo Côn Lôn rồi.

Nói ngang đó, mặt người An Nam thoáng chút mỉm cười nhưng giọng vẫn đầy vẻ châm biếm:

- Nếu không nhờ ông, giờ này chắc chắn chúng tôi còn ở trong đó, không làm sao có trận đấu hôm nay và một cuộc tái ngộ như thế này.

Tâm đưa mắt áy náy nhìn về phía Paul, cố rặn cho ra một nụ cười:

- Kim này, giả dụ có tệ hại đến như thế đi nữa, rõ ràng thế nào cũng có cuộc gặp gỡ hôm nay. Chúng ta thế nào cũng được trả tự do trong đợt khoan hồng này. Không phải chuyến tàu phóng thích đầu tiên đã về tới Sài Gòn tới qua sao? Và một chuyến nữa sẽ cập bến tới nay. Như vậy, rốt cuộc mọi sự sẽ hoàn toàn đầu vào đó.

Nói xong, Tâm cười bứt rứt. Paul lịch sự cười đáp trả và vỗ vai

Tâm, nhưng mặt Kim vẫn lạnh tanh. Không nhìn viên sĩ quan

Pháp, Kim nghiêng đầu thêm lần nữa về phía Joseph:

- Monsieur Sherman, xin cảm ơn ông lần nữa. Bây giờ xin bỏ qua cho, tôi phải đi thay quần áo để ra sân đấu. Tạm biệt.

Anh xoay người đi thẳng tới phòng thay áo, làm như không biết tới sự có mặt của Paul. Lan nói, giọng thật thấp, ngay lúc Kim vừa đi:

- Monsieur Sherman, tôi phải xin lỗi ông về khuynh hướng hài hước không giống ai của ông anh tôi. Thỉnh thoảng anh ấy nói mà không cân nhắc kỹ lời mình nói. Với lại tôi nghĩ có lẽ hôm nay anh ấy căng thẳng quá. Trận đấu này đối với anh Kim rất quan trọng.

Cảm động trước vẻ mặt áy náy của nàng, Joseph mỉm cười trấn an:

- Cô Lan ạ, có gì đâu mà lỗi với xin. Tôi hiểu.

Tâm lại bứt rứt đưa mắt liếc viên sĩ quan Pháp và giải thích:

- Monsieur Sherman, chú em tôi cũng như tôi đây, cả hai đều được cho hưởng ưu đãi đi du học ở Paris. Hai anh em chúng tôi đều theo

ngành luật nhưng có lẽ nó dùng không đúng lắm một số thì giờ với những kẻ làm cho đầu óc của nó xáo trộn lung tung. Những kẻ đó học đòi các lý thuyết bất nhân của Karl Marx, của Lênin và thậm chí của Nguyễn Ái Quốc nữa. Tôi không chắc nó bị nhiễm nặng tới mức nào vì xem ra lúc này nó vẫn thích hưởng thụ những thú vui của cuộc sống tư bản. Nhưng khác xa với tôi, việc nó nghiên cứu chủ nghĩa Marx đôi khi làm nó suy nghĩ lệch lạc.

Anh ta lại quay qua Paul, cười nheo nhỏ và căng thẳng:

- Anh cũng hiểu rõ như vậy phải không, quan ba Devraux?

Viên đại úy Pháp mỉm cười:

- Dĩ nhiên tôi hiểu. Tâm đừng lo. Lúc này tại Sài Gòn, mọi người đều được phép tin những gì mình thích - và việc nghiên cứu chủ nghĩa Marx đâu có gì là bất hợp pháp.

Liếc chung quanh, Paul thấy đám đông bắt đầu đi tới các khán đài ở bốn phía quanh sân cỏ quần vợt được chuẩn bị cho trận đấu, anh thúc giục:

- Nào, lên. Tôi nghĩ đã tới lúc chúng ta vào chỗ ngồi.

Trên đường đi tới sân đấu Tâm lại bứt rứt ngó quanh, nhìn kỹ mặt những người An Nam khác. Trong khi cả bốn người bước vào một hàng ghế, anh ta nói thấp giọng:

- Tôi biết Kim lại bừa bãi, mời nhiều người làm tờ La Lutte. Tôi hi vọng họ không dự tính gây lộn xộn ở đây.

Khi cả bốn người ngồi yên chỗ Joseph hỏi nhỏ:

- La Lutte là cái gì vậy Paul?

- Một tờ báo cánh tả xuất bản ở Sài Gòn. Hầu hết những người viết cho nó là thanh niên trí thức An Nam có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa không kiểu này thì kiểu nọ. Một số theo Trotsky như Tạ Thu Thâu, Phan văn Hùm, Trần văn Thạch...

Joseph nhìn quanh các khán đài lúc này đã nhanh chóng ngồi đầy các tây thuộc địa và rải rác vài nhóm người An Nam. Ở hàng ghế đằng sau anh có khoảng ba chục thanh niên An Nam. Cũng giống các đồng bào của mình đang có mặt trong một môi trường xa lạ, họ giữ thái độ nhẫn nhục đồng thời không có ý chuyện trò với những người Pháp ngồi chung quanh. Lúc hai đấu thủ bước ra sân, họ nồng nhiệt cổ vũ Kim nhưng không gây ồn ào.

Khi hai đấu thủ đứng vào vị trí ở vạch cuối phần sân của mỗi người, trong khán giả Pháp có ý kiến rì rào và thích thú về tầm vóc của mỗi tay quần vợt. Jules Pinot, nhà quán quân Pháp, trợ tá một chủ đồn điền trà gần Sài Gòn, có tác người cao lớn vạm vỡ. Còn Kim chỉ có chiều cao của một người An Nam trung bình nên so với đối thủ, anh có vẻ nhỏ nhắn ẻo lả.

Trận đấu gồm nhiều nhất là ba “sét” nếu hai sét đầu hòa nhau. Khi đôi bên chỉ mới bắt đầu dượt banh làm nóng người, tay quần vợt Pháp đã tỏ rõ không tính tới chuyện sẽ nhường đối thủ nhỏ con của mình một điểm nhỏ nào. Anh ta giao banh và đánh banh dài, xuôi tay rồi ngược tay, khai thác hết sức mạnh của hai vai đồ sộ. Còn Kim giao banh ngắn và xoáy mạnh, chạy lẹ làng khắp sân để đánh trả bằng những cú xoay cổ tay nhuyễn và khéo léo hơn.

Sau đôi ba phút quan sát, Joseph nêu ý kiến:

- Người của anh coi bộ rất tự tin đó Paul. Anh ta đánh rất chắc banh.

Paul gật đầu rồi nhìn Lan, cười gây cảm tình:

- Chẳng may Kim gặp một đấu thủ không dễ nuốt. Pinot hiện giữ chức vô địch giải ba năm liên tục. Anh có thể thấy hẳn không nghĩ là hẳn sẽ thua.

Lan ngấm khuôn mặt cương nghị của anh mình trong một lúc. Dù điểm hơn thua chưa cách biệt lắm nhưng vẻ mặt Kim quyết liệt, tập trung hết tinh thần, với những di chuyển lao tới và vợt lui khắp sân, vọt các đường banh dài và chéo của người Pháp. Lan thở ra nhẹ nhẹ, nói nho nhỏ:

- Đúng vậy. Tôi e rằng so với anh Kim, Monsieur Pinot cho thấy có sức vóc hơn. Nhưng anh Kim biết rõ anh là người An Nam đầu tiên vào chung kết - anh ấy sẽ chống chọi tới cùng.

Sét thứ nhất với các ván khai trận đúng y lời Lan đoán trước.

Thỉnh thoảng giữa hai điểm số của một ván, nàng cười cam chịu với Paul và Joseph. Ở set thứ nhất, người Pháp dẫn trước ba không. Cú giao banh rất nhanh và những cú đánh banh sát đất phá vỡ thế phòng ngự của Kim. Khắp chung quanh Joseph và các bạn anh, đám tây thuộc địa vỗ tay hoan hô Pinot, tung búng bày tỏ thiện cảm. Chỉ trong những dịp hiếm hoi Kim kiếm được một điểm họ

mới vỗ tay một cách lịch sự để tỏ ra cũng có cảm tình với kẻ yếu thế. Tuy nhiên, người thanh niên tuyển thủ An Nam cực kỳ ngoan cường, tiếp tục tranh từng điểm một. Anh nhanh nhẹn lao mình từ đường biên mé bên này sang tới đường biên mé bên kia sân cỏ, đuổi theo banh không biết mệt dù không mấy kết quả. Tới lúc vào trận sâu hơn, anh bắt đầu nhập mình tốt hơn theo tốc độ và các hướng banh của đối thủ.

Dù đã bắt kịp đều điểm, Kim vẫn thua liên tiếp bốn ván. Nhưng sang ván thứ năm, hai người dằng co đều điểm một lúc lâu và Kim thoát ra khỏi tình thế bị dẫn điểm trước bằng những cú cắt banh khéo léo, thả banh rơi vào điểm chết sát mé lưới bên phía đối thủ. Về mặt của tay quần vợt Pháp tới sầm lại khi phải từ vạch cuối sân liên tiếp lao người lên gần lưới để đón đỡ những cú quả nhỏ trên người của Kim. Và bằng việc đổi qua chiến thuật khôn ngoan đó, Kim có thể gài bẫy đối thủ to con hơn mình với nhịp độ càng lúc càng tăng.

Trong khi cố gắng ngăn không cho Kim thắng ván này bằng một cú đánh ngược tay hiểm hóc nhưng không thành công, Pinot cúi tiết lao người lên phần sân trên và bị trượt, té chuôi cả người vô chân lưới. Khi gỡ được mình ra và đứng lên, chiếc áo thun trắng của anh ta lấm bết màu cỏ xanh lem luốc. Nhóm người An Nam ngồi đằng sau Paul lập tức đứng thẳng người lên, vỗ tay và lớn tiếng hoan quả thắng điểm đầy mưu trí và đầu tiên ấy của Kim. Vài người vẫy vẫy trên đầu mình tờ báo La Lutte cuộn tròn. Thấy vậy, những người An Nam ngồi trong các lô khác cũng đứng hẳn dậy, nhập cuộc hoan hô ầm ỉ.

Joseph liếc về phía Lan, thấy nụ cười rạng rỡ của nàng mờ dần và biến thành vẻ lo lắng khi tiếng hoan hô mừng rỡ của những người An Nam khác vẫn tiếp tục. Đầu và vai Lan giữ thật thẳng, không nhúc nhích, cho thấy lòng nàng đang căng thẳng. Nhận ra điều đó Paul đưa tay nắm tay Lan, nhẹ nhàng trấn an. Nhưng chỉ chút sau, Joseph thấy nàng rút tay ra, ngồi yên lặng giữa Paul và Joseph, dăm dăm nhìn sân đấu trong khi các ủng hộ viên Pháp lạnh lùng ngó các ủng hộ viên của Kim đang vui sướng hoan hô.

Thắng ván ấy khiến Kim thêm tự tin trong khi cú té nặng vừa rồi

làm đối thủ Pháp rung động. Khi trận đấu tiếp tục, người An Nam bắt đầu đánh banh chính xác hơn trước. Hễ Kim thắng được một điểm, đồng bào của anh lại bùng lên hoan nghênh bằng những tiếng khen nức nở. Nhiều tây thuộc địa bắt đầu quắc mắt, cảm râm cáu kỉnh với nhau. Kim thắng ván kế đó rồi thắng thêm hai ván nữa một cách dễ dàng, đạt tới bốn đều. Và thêm lần nữa, những người ủng hộ Kim lại hò hét vang rền.

Tới ván thứ chín của set đầu, Kim thận trọng giao banh ngắn và mạnh, mặt đầy vẻ tập trung. Không biết bao nhiêu lần anh bỏ nhỏ sát lưới rồi lại lóp những đường banh cao và khéo léo khiến người Pháp cuống cuống lao ngược từ giữa sân xuống cuối sân. Với nhịp nhảy đầy xáo trộn ấy, trận đấu võ, Pinot bắt đầu phạm hết sai lầm này tới sai lầm khác. Những đường banh nhanh, qua lại đều đều liên tục rồi bỗng dừng giật ngắc theo kiểu đột nhiên bỏ nhỏ, phá tan lối đánh giập giòn bay bướm của châu Âu. Kim thắng ván đó và ván kế tiếp một cách dễ dàng, lấy được set đầu với tỉ số sáu-bốn giữa tiếng hoan hô như vũ bão của những người An Nam cuồng nhiệt.

Vào set thứ hai, diễn biến so với set đầu hoàn toàn đảo ngược. Trước cơn tung bùng như mê như sáng của đồng bào mình, Kim dẫn trước năm-không. Anh nhảy nhót lanh lẹ khắp sân, đánh banh rất tài tình về những hướng không đoán nổi, làm đối thủ Pháp toát mồ hôi đầm đìa, chân nặng như chì và nổi khùng. Mặt càng lúc càng đỏ gay, Pinot bắt đầu lúc lắc đầu và lảo bầm giữa hai điểm số.

Các tây thuộc địa nhìn chăm chặp rồi rơi vào im lặng, rõ ràng đang chia xẻ sự bẽ bàng của nhà quán quân Pháp. Nhảy cảm trước tình hình càng lúc càng căng thẳng của khán giả, Lan và Tâm thôi không còn hoan hô người anh em của mình mỗi khi Kim thắng điểm. Cả hai ngồi nín lặng bên Paul và Joseph. Về mặt hai anh em vừa trầm trọng vừa e ngại.

Lúc bắt đầu ván thứ sáu của set hai, Pinot càng lúc càng tuyệt vọng khi thấy thế trận bị nghiền nát. Thêm lần nữa, trong khi phóng người không kết quả để vớt một cú gậy nhẹ và khéo léo sát lưới của Kim, Pinot lại ngã. Khi đứng lên, chân anh ta bước khập khễnh

rất nặng và rõ ràng thất bại chỉ còn là vấn đề thời gian.

Khai thác triệt để lợi thế địch thủ bị chấn thương Kim tiếp tục lẹ làng nhảy nhót khắp sân, đập nhẹ và vuốt nhẹ banh với độ chính xác điên người, chỉ cách một chút ngoài tầm với của đối thủ Pháp đã què sấn. Và khi Kim thắng bằng một cú bỏ nhỏ khéo léo khác để vào điểm kết liễu trận đấu, người An Nam trong các đám đông lại tung bừng hò reo náo nhiệt hơn bao giờ hết.

Ra sức dứt điểm trận đấu, Kim chuẩn bị giao banh cực hiểm. Anh tung banh lên rất cao với dự tính giạt cổ tay đập mạnh để đường banh bay xoáy thật nhanh, rơi sát vạch giữa và nảy xéo lên vượt ngoài tầm tay của đối thủ Pháp. Khán giả im lặng căng thẳng chờ. Thành linh phía trước Joseph, một người Pháp mang kính một mắt đứng bật dậy, khoát tay về phía trọng tài. Ông ta hét lớn với giọng điên tiết giận dữ:

- Thật xấu hổ ! Phải loại hẳn ra! Hẳn chơi xấu, phản thể thao.

Những người Pháp còn lại trong đám đông trên các khán đài như thể nhẹ nhõm cả mình mấy khi có ai đó đưa ra một lối giải vây, cũng nhảy nhồm lên hét lớn, khiếu nại với trọng tài về sự “không có tinh thần thể thao” của Kim khi dùng những “đường banh bỏ nhỏ” và những “cú giao banh cụt ngùn, nặng tay”.

Những tiếng thét: “Loại hẳn ra!” từ cổ họng của người Pháp vang lên khắp mọi góc khán đài. Trên sân đấu, ngay lúc Kim vừa tung banh lên cao để giao banh, Pinot đột nhiên đứng yên, đưa bộ mặt thảm nảo ngó về phía trọng tài.

Vội về mặt căng thẳng tập trung, Kim búng người lên quật vào banh thật mạnh và thật chính xác. Banh qua lưới, rơi đúng vạch giữa, nảy xoáy lên vượt ngoài tầm tay trái của đối thủ Pháp đang bất động. Kim ngậy ngất ném vợt lên trời, dang hai tay chạy tới một nhóm người An Nam đông đảo đang ngồi một bên sân. Thế nhưng viên trọng tài người Pháp lại hô lớn trên đầu đám đông đang hỗn loạn: “Giao banh lại!” Và có ra lệnh cho Kim trở ra sân để chơi lại điểm đó.

Đột nhiên một người An Nam ngồi ngay sau lưng Joseph và Lan thét lớn bằng tiếng Pháp:

- “Tây bắn thiêu! Tây bắn thiêu!” Tụi bây không có quyền bắt ngừng

hoặc chơi lại trận đấu chỉ vì tội bây bị đánh bại bởi một trong những “tên nô lệ” của tội bây!

Joseph quay đầu ngo, kịp thấy hai người Pháp nổi khùng đứng bật dậy đâm gục người An Nam ấy. Một thanh niên khác gần đó vươn tay qua ghế đỡ người bạn đang ngã xuống và la lên:

- Tội Tây chó cả bây. Ngay cả trên sân quần vợt tội bây cũng chỉ muốn áp bức người An Nam!

Khắp các khán đài, nữ giới hét hoảng rú lên, vùng vẫy thoát thân. Trên chỗ ngồi đằng sau Joseph, một người Pháp động vô mặt một người An Nam. Máu từ chiếc mũi bể của anh ta vọt ra bắn trúng áo vét-tông trắng của Joseph. Một khán giả Pháp ngồi cùng hàng ghế xông tới chụp cổ họng Tâm. Thấy vậy, Paul vừa lao người qua giúp Tâm gỡ tay kẻ tấn công vừa thét ngược ra đằng sau:

- Joseph, đem Lan đi khỏi đây! Mau! Đưa cô ấy về nhà!

Cung tay hoa quanh mình để bảo vệ Lan, Joseph xông vào đám đông mở đường đưa người thiếu nữ đang run rẩy ấy ra phía cổng. Tới được bên ngoài, Joseph vẫy một xe thổ mộ đang chạy ngang. Kế đó, anh ngồi im lặng bên Lan trong khoang xe chật hẹp bằng gỗ khi ngựa phi nước kiệu, chạy khoan thai qua những đường phố buổi chiều yên ắng, hướng về cư sở có tường thành bao quanh của quan sứ thần ở Tân Định, phía bắc quảng trường nhà thờ Đức Bà. Trong một lúc lâu Lan ngồi im, mắt nhìn thẳng tới trước. Các ngón tay của nàng run run bấu lấy vành chiếc nón đang úp trên đùi. Sau cùng nàng quay sang Joseph, thở ra và cố mỉm cười rất nhẹ:

- Monsieur Sherman, cảm ơn ông tử tế lo cho tôi. Rất tiếc là đã xảy ra chuyện ghê sợ đến thế, ngay trước mắt ông.

Lan cắn môi nhìn qua chỗ khác rồi nói tiếp:

- Thật chẳng may có nhiều người An Nam lòng tràn đầy thù hận. Ngồi bệt trên sàn xe, sát một bên người thiếu nữ Á Đông tươi mát trong lòng xe chật hẹp, Joseph cảm thấy lòng xao xuyến mon man. Trong khi xoay sở trên con đường dằn xóc và buộc lòng phải quàng cánh tay mình qua đôi vai mảnh mai, anh xúc động bồi hồi trước vẻ mỏng manh của Lan. Vừa rồi, khi Joseph vùng vẫy đưa Lan thoát qua những chỗ mắc kẹt vì người ta say máu đánh nhau, nàng khi giữ ý cố gỡ khỏi tay anh khi tin tưởng chúi người vào

ngực anh tìm sự bảo vệ. Lúc này, trên xe thổ mộ, Joseph nhìn thật gần đáng nghiêng nghiêng mềm mại của Lan, thấy trên khuôn mặt màu vàng êm dịu của nàng những đường nét xinh đẹp, dịu dàng gợi cảm và dường như bất chợt nổi bật thêm lên nhờ sự thân cận không ngờ của hai người. Joseph nói thật đầm thắm:

- Tôi sung sướng thấy mình có thể hữu ích cho một thiếu nữ xinh đẹp như cô. Phải thú thật tôi rất ganh tị với Paul.

Lan quay sang nhìn anh, mắt ánh vẻ kỳ quặc:

- Monsieur Sherman, quan ba Devraux là một người bạn tốt... chỉ vậy thôi.

Mỉm cười với nàng thêm lần nữa Joseph nói:

- Nhưng anh ấy rất mến yêu cô... anh ấy nói với tôi như vậy.

- Cha tôi trọng nể anh ấy. Cha tôi tin rằng quan ba Devraux là một sĩ quan tốt, đồng thời cũng hết sức ngưỡng mộ thân phụ của anh ấy lúc này làm phó tổng giám đốc Nha Liêm Phóng.

Nét mặt Joseph thoáng sấn lại khi nghe nhắc tới tên Jacques Devraux, rồi anh lại mỉm cười:

- Tôi chắc chắn Paul là một sĩ quan ưu tú. Nếu có nhiều người Pháp giống như Paul có lẽ đã tránh được chuyện xảy ra chiều nay ở Câu lạc bộ Thể thao.

Trên vầng trán Lan lập tức lại hiện lên nét âu lo khi nghe Joseph nhắc tới cuộc rối loạn. Nàng cất tiếng, gần như tự nói với mình:

- Cha tôi sẽ rất bực mình. Cha không muốn anh Kim dự giải này chút nào.

Joseph nói nhẹ nhàng, cố lái ý nghĩ của nàng ra khỏi tâm trạng khắc khoải về cuộc hỗn chiến:

- Xin cô vui lòng chuyển lời thăm hỏi của tôi tới thân phụ cô. Tôi không bao giờ quên sự tử tế thân phụ cô đã dành cho tôi tại hoàng cung Huế.

Lưỡng lự một chút, Joseph nôn nao nói tiếp:

- Cô Lan ạ, hẳn tôi sẽ vui mừng được trân trọng mời thân phụ cô. Tôi đang viết về lịch sử đất nước cô và tôi sẽ rất vui khi có dịp được đàm đạo với ông.

- Ông ở lại Sài Gòn trong bao lâu?

- Tôi đang trên đường ra Hà Nội để tra cứu tại tàng thư ở đó -

nhưng tôi có thể ở lại Sài Gòn thêm một hai ngày.

Lan cười có vẻ như xin lỗi:

- Vậy e rằng ông không thể gặp cha tôi. Sáng mai, việc đầu tiên của cả nhà chúng tôi là lên đường ra Huế. Hoàng đế Bảo Đại sắp làm lễ Tế Trời ba năm một kỳ vào cuối tuần này. Cha tôi phải dự cuộc tế lễ ấy.

Joseph ngạc nhiên nhìn Lan. Trên mặt anh bỗng rạng một nụ cười vui sướng:

- Thật vô cùng may mắn! Tôi không nhận ra là sắp tới thời điểm cử hành lễ đó. Tôi không thể bỏ lỡ dịp may này - đã hơn hai mươi lăm năm tính từ ngày vị hoàng đế Trung Hoa cuối cùng làm lễ Tế Trời ở Bắc Kinh trước cuộc cách mạng Tân Hợi - tôi có thể đi Huế ngay, không gặp trở ngại nào.

Joseph ngừng nói, nôn nao nhìn Lan. Đột nhiên trong không gian tù túng của lòng xe nhỏ hẹp, anh tưởng chừng mình có thể phân biệt được mùi hương thơm ngát hoa hồng trên da nàng hay trong tóc nàng. Xe đang lướt đi dưới con đường lổm đổm bóng lá các hàng sao. Bên trong xe thỏm, ánh nắng phản chiếu loang loáng như đang đùa giỡn trên mặt Lan, làm đậm màu và rực rỡ thêm đôi mắt đen tuyền cùng những đường nét Á Đông mềm mại, say đắm trên hai gò má màu hồng phách của nàng khiến giác quan Joseph lẫn lộn như ngây như ngất. Anh hồi hộp hỏi, không kèm nổi những âm vang run rẩy trong giọng nói của mình:

- Cô Lan ạ, tôi có thể cùng cô quan chiêm cuộc tế lễ ấy không?

Trong một thoáng Lan dăm dăm nhìn lại Joseph. Bộ mặt đẹp trai của chàng thanh niên Mỹ với quai hàm mạnh mẽ và mái tóc hung vàng kỳ dị cũng thật lạ lùng và gợi cảm đối với nàng, chẳng kém chút nào đáng vẻ của nàng đối với anh. Vẻ chân chất trong đôi mắt xanh nhạt và sự ngượng ngùng không che giấu trong hai con mắt ấy khiến nàng, không hiểu tại sao, cảm thấy hai má mình ửng hồng và ấm áp. Lan quay nhìn nơi khác trước khi trả lời ngại ngùng:

- Monsieur Sherman, tôi cũng sẽ đi Huế, theo cha mẹ mình.

Joseph dai dẳng:

- Nhưng biết đâu trong thời gian đó tôi có thể được đi chung với cô, không nhiều thì ít. Tôi còn có thể đến trước cuộc lễ một ngày

và chúng ta có thể cùng nhau ngắm hoàng cung thêm lần nữa. Tôi chưa bao giờ quên lần ghé thăm trước đây, cách nay mười một năm. Cô biết không? Lúc đó, tôi được đứng sát ngai vàng của đức vua Khải Định! Và Hoàng đế Khải Định bắt tay tôi trước khi chúng tôi ra về. Hễ mỗi lần đọc về các hoàng đế Trung Hoa, tôi lại thấy ông ấy trong tâm trí mình - và hễ mỗi lần hình dung một ông quan, tôi lại nhớ tới nội tổ và thân phụ của cô đang cử hành nghi lễ “làm lạy” trên sân Điện Thái Hoà.

Những lời háo hức tuôn ra dồn dập từ cửa miệng Joseph và vẻ nhiệt tình như trẻ thơ của anh làm Lan mỉm cười. Rồi nụ cười ấy chậm chậm tan dần và nàng lưỡng lự :

- Tôi yêu thích những cuộc lễ cổ truyền của xứ sở tôi và tôi cũng sẽ sung sướng nếu được giải thích với ông. Nhưng chỉ có cha tôi mới là người có quyền mời.

Joseph sung sướng nhoẻn miệng cười thêm lần nữa:

- Cô Lan đừng lo. Tôi sẽ ra Huế bằng mọi cách. Và cô có thể làm cho tôi một việc này không? Cứ gọi tôi là Joseph. “Monsieur Sherman” nghe trịnh trọng quá, phải không, vì hai chúng ta biết nhau đã mười một năm.

- Tôi sẽ thử...

Nở nụ cười bối rối Lan quay đầu nhìn qua vai người xà ích lúc xe thổ mộ rẽ vào con đường toạ lạc cư sở của quan Sứ Thần. Khi nàng bảo người xà ích dừng xe trước lối đi dẫn vào chiếc cổng sơn son có hình trăng rằm đầy đặn ở mặt ngoài tường thành cao, Joseph nhảy xuống đường trước. Anh lại lần nữa cảm thấy bàn tay nàng mỏng mảnh như tay một bé gái giữa lòng bàn tay to lớn của anh.

Bước đi bên Lan thanh nhã trong trang phục gọn sóng màu ngọc lam và lụa trắng giữa buổi chiều có nắng gió và bóng mát của Sài Gòn, hốt nhiên đối với Joseph, người thiếu nữ Á Đông ấy gần như hiện thân của một nữ tính thiêng liêng, chân thật và thuần khiết bao năm nay tiềm thức anh hằng chờ đợi, trong lãnh đạm và nghi hoặc mọi người nữ từ sau đêm mưa bão nơi trại săn. Tới cổng, khi Lan quay mình cảm ơn Joseph, trên môi anh bất giác vọt ra những lời lẽ bốc đồng. Càng nói anh càng ấp úng và vấp vấp:

- Lan ạ, từ khi tôi tới Sài Gòn này... tôi cảm thấy có cái gì như định mệnh mang mình trở lại đây... Tôi không quên cuộc gặp gỡ cô và hai anh của cô tại dinh ấy... Nhưng có lẽ... có lẽ chúng ta được định phận gặp lại nhau...

Lần này mặt Lan bừng đỏ hỏn. Và Joseph nhận ra những lời mình vừa nói nghe điên rồ biết mấy. Anh lại buột miệng nói khi nàng nghiêng mình mở then cổng:

- Cô Lan, tôi xin lỗi. Nói như vậy ngốc quá nhưng quả thật tôi hy vọng chúng ta còn có thể gặp nhau nữa.

Trước khi khép cổng, nàng ngưng lại một chút rồi thêm lần nữa mỉm cười e lệ, và nói dịu dàng:

- Anh Joseph ạ, *que sera sera* - cái gì tới thì sẽ tới. Tạm biệt!

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 3 -

- Cha, tại sao cha có thể nói rằng con làm xấu hổ gia đình mình - cha không biết con đã đánh bại thằng Tây vô địch đó một cách ngay thẳng sao?

Từ trong thư phòng của Trần văn Hiếu, qua khung cửa sổ mở, giọng Kim sang sảng vang ra tới chỗ Lan đang ngồi bên cạnh hồ sen, nghe rõ từng tiếng. Suốt nửa giờ vừa qua, Lan không thể nào gạt khỏi tâm trí hình ảnh cậu bé Mỹ nhiệt tình và gan dạ ngày xưa nay là người thanh niên tuấn tú và chân thật đã đưa nàng về nhà chiều nay. Nàng cảm thấy lòng băng khuâng lạ thường mỗi lần nhớ lại lúc đôi mắt xanh ấy nhìn vào mắt mình với vẻ ngưỡng mộ và nồng ấm. Nhưng rồi giọng Kim cất lên càng lúc càng cao đưa Lan về với thực tại, làm nàng thấp thỏm thu mình lại. Tay giữ mái tóc, tay ôm ngực nàng ngồi yên trên ghế đá và nghiêng đầu về hướng thư phòng, lắng tai nghe ngóng.

Với giọng quyết liệt Kim nói tiếp:

- Con đã chơi đúng luật và con thắng. Đúng lẽ công bằng chiếc cúp bạc phải thuộc về con!

Kế đó, nghe lời nói chậm rãi, thận trọng đầy cân nhắc của cha, Lan biết ông đang nén giận:

- Nhưng cách chơi của con xúc phạm nặng nề người Pháp. Nó phản thể thao và khiêu khích - không đúng với cách chơi quần vợt truyền thống của họ. Họ có lý khi ra lệnh cho con chơi lại trận chung kết. Còn cha, cha cấm con không được chơi theo kiểu đó thêm lần nữa.

Kim nói, giọng thì thầm ngờ vực khiến Lan phải nín thở mới nghe ra:

- Cha! Con không tin nổi hai tai mình. Có phải cha đang có ý ra lệnh cho con “hợp tác” với bọn Tây để tự đánh bại mình?

Trần văn Hiếu nói lạnh lùng:

- Sự nhiễu loạn đó của đám đông là do bởi thái độ của con và vì vậy gây thành dư luận xấu kinh khủng cho gia đình ta! Cha cho con quyết định làm cách nào tốt nhất để bảo đảm không tái diễn sự xấu hổ ấy.

Kim phản đối:

- Con không chịu trách nhiệm về việc người trong các đám đông đó đã làm. Người ta chỉ phản ứng trước sự bất công trắng trợn của bọn Tây. Con không chấp nhận chơi lại! Con đã thắng sòng phẳng. Và con đã đồng ý với ông Nguyễn An Ninh rằng con sẽ viết một bài báo ký tên mình trên tờ La Lutte, công kích việc bọn Tây áp bức luôn cả cái sân quần vợt!

- Con lúc nào cũng ngoan cố không nghe lời cha. Con đã tham dự giải quần vợt trái với lời khuyên của cha. Trên tất cả mọi sự, con chỉ muốn thách thức cha và chỉ muốn gây rắc rối.

Sự giận dữ trong cung giọng cất cao của cha làm Lan như mất thở. Nàng hồi hộp, cực lòng trong khi chờ nghe câu trả lời của anh. Sau cùng, Kim nói với tiếng cười nho nhỏ và giọng gào:

- Lúc này con đã thấy ra! Từ đầu tới cuối chắc chắn cha chỉ mong sao cho con bị đánh bại! Đó là lý do cha từ chối đi xem. Con thật điên rồ khi nghĩ cha có thể hãnh diện về con - hãnh diện rằng rốt cuộc con đã tìm kiếm được một sự tôn trọng và ngưỡng mộ chân thành nào đó giữa dân tộc mình! Lúc này con đã biết rất rõ! Dù con có làm gì đi nữa cha cũng không bao giờ hãnh diện về con. Ngay cả việc dành được một chiến thắng nhỏ nhoi trên bọn Tây chúa tể của chúng ta cũng làm cha thất vọng, có đúng như vậy không?

- Đúng! Vì bản tính của con bao giờ cũng mưu sự thành công bằng thách thức và đối đầu. Cha đã nhiều lần dạy con rằng nếu mình lùi một bước, tự nhiên sẽ yên ổn, sẽ sống êm thấm với mọi người. Cha luôn luôn ra sức hướng dẫn con và Tâm như thân phụ của cha đã hướng dẫn cha - để có sự tôn trọng thích đáng và đầy tinh thần Khổng Mạnh đối với người lớn tuổi, đối với đức vua và đối với các bậc quan quyền. Thằng Tâm học thuộc bài học đó, còn con, con lúc nào cũng chọn con đường làm loạn - đó là lý do cha xấu hổ về con!

Kim nói lớn, giọng như thể gào lên:

- Cái luân lý được Khổng tử cổ võ đó chính xác là loại tinh thần nô lệ ngoan ngoãn chính bọn Tây chủ nhân ông muốn chúng ta có. Chúng ta sẽ mãi mãi làm thân trâu ngựa cho bọn chúng nếu chúng ta chỉ nghe theo những lời giảng dạy đó.

Trước lời phê bình bất kính và vô lễ lộ liễu ấy tiếng hơi thở rít vào đột ngột của cha làm Lan đứng bật dậy, tim đập rộn ràng. Dù trong khu vườn chỉ lờ mờ sáng nhưng qua khung cửa sổ nàng vẫn thấy rõ cha đang ngồi sau bàn viết, trước hai bức trướng bằng lụa đỏ treo trên vách trong đó thêu chỉ vàng hai chữ nho “*Nhẫn*” và “*Hoà*”.

Chứng chắc, tóc hai bên thái dương lốm đốm bạc theo số tuổi ngoài năm mươi, ông mặc chiếc áo thụng màu lam vẫn thường mặc buổi tối để thấp nhang và vái lạy trước bàn thờ tổ tiên. Đầu và vai rung rung cho thấy ông đang cố dằn mình để làm chủ cơn thịnh nộ. Tâm đứng sát bên ông còn Kim đứng phía bên kia bàn. Anh vẫn mặc bộ quần áo chơi quần vợt, đăm đăm nhìn cha và Tâm. Sợ cha và hai anh có thể quay ra thấy mình đang nghe lén, Lan lùi lại nép sau cánh mạn bên ngoài cửa sổ.

Trần văn Hiếu cất tiếng, rất điềm đạm:

- Con lại xúc phạm nặng nề thêm khi nói với cha theo kiểu đó. Cha yêu cầu con về phòng mình, chuẩn bị cho chuyến đi Huế ngày mai. Có lẽ việc quan chiêm cuộc tế lễ cổ truyền sẽ nhắc cho con nhớ di sản kế thừa đáng hãnh diện của chúng ta, khiến từ đó con không còn cư xử rồ dại hoặc phi lý nữa. Con hãy ngẫm nghĩ về những lời lẽ và hành động của mình trong thời gian vừa qua. Vài ngày tới, cha sẽ nói chuyện với con thêm.

Kim đáp trả ngay, giọng run run:

- Con không đi Huế với cha! Sau khi nghe những lời cha vừa nói tối nay, con thấy con không còn lý do để tiếp tục giấu giếm cha quan điểm thật sự của con.

Lan thấy cha ngược lên nhìn Kim, mặt lộ vẻ choáng váng. Rồi ông nói với giọng sỉ nhục, lạnh như nước đá:

- Như vậy, bằng sự dâng hiến mình cho những lý thuyết điên cuồng của chủ nghĩa bôn-sê-vich con không chỉ làm ô danh cha của con, tổ tiên của con - con còn sẵn sàng quay lưng với đất nước

từng sinh ra con và với tất cả những giá trị đất nước ấy đang cổ võ.

- Không! Cha nói như vậy không đúng! Để yêu đất nước của cha, cha không cần phải yêu cái hình nộm giá áo mạ vàng chuyên trình diễn nghi lễ cổ xưa và đánh mất toàn bộ ý nghĩa của nghi lễ đó!

Cha không cần phải bỏ ra hàng giờ đứng ngó các ông quan cử động như những cái giá móc những chiếc áo bào đủ màu sắc. Nhân dân ghét cay ghét đắng sự tồi bại của quan lại, cha không thấy sao? Nếu thực dân Pháp không tới đây, cơn thủy triều lịch sử cũng đã cuốn phăng từ lâu rồi nhà vua và triều đình thối nát của ông ta - đúng như nó đã làm bên Trung Hoa hai mươi lăm năm trước đây.

Mặt Kim tái nhợt, hai bàn tay hết nắm chặt lại xòe ra hai bên hông trong khi miệng anh tiếp tục tuôn những lời lẽ nóng bỏng:

- Nhân dân biết rằng ông vua này và đám triều thần của ông ta chỉ là những con rối ngoan ngoãn nhảy múa khi Toàn quyền Đông Dương hoặc Thống đốc Nam kỳ hoặc Khâm sứ ở Huế hoặc Thống sứ ở Hà Nội giật sợi dây. Họ biết rằng những kẻ đó không có quyền hành thật sự trong Hội đồng Thuộc địa hoặc Cơ mật viện. Họ biết khá rõ rằng những “kẻ hợp tác” được tưởng thưởng hào phóng vì sự phản bội dân tộc của chúng. Nông dân căm ghét các địa chủ không cư trú tại nơi có ruộng đất của mình như chúng ta, cha không hiểu sao? Sống kiêu như cha “thối nhất bộ tự nhiên an”, chỉ có nghĩa là làm bù nhìn nhần nhục bọn tây để được làm kẻ cho vay nặng lãi và kẻ đầu cơ tích trữ ăn bám vào sự bất hạnh của người dân...

Tâm chuyển người lạ như chớp làm Lan sững sốt. Tiếng bàn tay Tâm tát bóp vào mặt Kim làm nàng đội người lùi lại ngay nơi đang núp. Kim lão đảo rồi lạ làng lấy lại thăng bằng và đứng yên tại chỗ, mắt rực lửa nhìn anh. Trong một chốc có vẻ Kim sắp trả đòn nhưng trấn tĩnh được. Tâm nói, thở hổn hển:

- Tao biết đó là cái người cha kính mến của tao muốn làm cho mày nhưng cha kiên quyết giữ đúng nguyên tắc danh dự và ghê tởm sự mất tự chủ. Vậy tao rất hân hạnh được thay thế cha làm cái việc đó.

- Tôi đồ anh dám làm như vậy ở bên ngoài phòng này.

Kim nói gần từng tiếng. Tâm ngần ngại, chập chờn đưa mắt nhìn

về phía cha. Trần văn Hiếu vẫy người con trai lớn qua một bên:

- Đủ rồi, Tâm! Em của con quên rằng cái tài sản và địa vị bị nó cực kỳ khinh bỉ này đã giúp nó có khả năng sang Pháp du học. Nó quên rằng ngay chính trên đất Pháp, nó đã khám phá “đức tin” mới ấy. Nó quên hoặc nó quá nông nổi và điên rồ tới độ không thấy rằng đối với một xứ sở nhược tiểu như xứ sở này, chúng ta phải tiến từng bước một cách rất thận trọng. Về mặt chính trị, trong lúc dân chúng chưa trưởng thành được như nó thì sự bảo hộ và hướng dẫn của người Pháp là hết sức thích hợp, so với những nhà cai trị thiếu thận trọng xuất thân từ quân phiệt Trung Hoa - hoặc thậm chí từ phát xít Nhật.

Kim đáp trả, giọng lúc này khinh mạn thấy rõ:

- Nếu cha là thân phụ của Bình Định Vương Lê Lợi, con chắc chắn rằng cha sẽ khuyên con “tôn kính” bọn Tàu xâm lược mà sau đó đã bị ngài oanh liệt đánh bại trong thế kỷ mười lăm. Nếu cha là thân phụ của Quan Nội Hầu Phạm Ngũ Lão, con chắc chắn cha cấm con không được dùng chiến thuật “lấy đoản binh chống với trường binh” để đánh quân Mông Cổ vì đó không phải là cách đánh của đối thủ! Cha từng dạy con tôn kính những anh hùng liệt sĩ của chúng ta nhưng cha vẫn cấm con tích cực noi gương họ. Tự thâm tâm con, con biết rằng ngày nay con đường độc nhất cho người yêu nước chân chính là phải trở thành người làm cách mạng.

- Và cha giả dụ rằng con sẽ đơn thương độc mã trở thành vị cứu tinh đất nước của chúng ta.

Kim trả lời tự tin:

- Kẻ cứu tinh không chỉ một người mà là nhiều người. Đảng Cộng sản Đông Dương được sự ủng hộ của hết thảy các dân tộc bị áp bức trên toàn thế giới và được lãnh đạo bởi Nguyễn Ái Quốc sẽ giải phóng chúng ta. Con hy vọng mình sẽ đóng vai trò của mình - bằng cách đó, đúng, bằng cách đó con sẽ trở thành một trong những kẻ cứu tinh đất nước mình.

Tâm nói dứt khoát:

- Nguyễn Ái Quốc đã chết. Chính báo chí cộng sản ở Mát-cơ-va và Paris tường thuật như vậy.

- Họ làm. Ông ấy còn sống và đang đang phục hồi.

- Vậy lúc này ông ta ở đâu?

- Điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là ông ấy sẽ không ở Huế để cùng tham dự trò chơi Tế Trời vô ích và vô bổ. Ông ấy vẫn đang làm việc với nhiều đồng chí khác để bảo đảm rằng những lý thuyết hiện đại cực kỳ ưu việt của Marx và Lenin, hơn hẳn và không chế các ý tưởng lạc hậu của Không tử.

Lan thấy cha ngẩng đầu. Vẻ mặt ông đột nhiên đau đớn và buồn thảm hơn giận dữ. Trong một lúc Trần văn Hiếu nhìn lần lượt từng đứa con trai của mình. Rồi ông nói với giọng trầm tĩnh:

- Không có gì nguy hiểm hơn việc hoàn toàn phủ định quá khứ.

Ngày nay, hoàng đế vẫn còn quan trọng như một trọng điểm biểu tượng cho nền văn hoá của chúng ta và một đặc điểm của dân tộc chúng ta. Nếu muốn quốc gia của chúng ta tồn tại, chúng ta phải phối hợp cái tốt nhất trong những lý tưởng có tính tín ngưỡng của chúng ta với cái tốt nhất trong những lời giảng dạy khoa học mới của phương tây. Chúng ta phải hoà hợp những cái cũ với những cái mới và để cho quá khứ và hiện tại gặp gỡ nhau một cách cân bằng. Kim ạ, con đang bị lôi kéo bởi những lời nói huênh hoang rỗng tuếch và phóng túng của cậu Lật con. Cậu ấy bị ám ảnh bởi các tư tưởng ngoại lai - nhưng nếu chúng ta để mặc cho lương tri dân tộc bị nhận chìm trong đại dương các kiến thức ngoại lai, chúng ta sẽ đánh mất quốc tủy và đặc biệt quốc hồn.

Vị quan dùng một từ ngữ An Nam đầy xúc động: “*quốc hồn*”, để diễn tả linh hồn đất nước với sự trân trọng và đầy âm vang:

- Chúng ta lúc nào cũng giữ truyền thống của mình dù nhiều phen bị mất độc lập - ban đầu vào tay Trung Hoa và bây giờ vào tay Pháp. Con thừa biết rằng người ta không thể sống nếu mất linh hồn thì dân tộc cũng thế. Với quốc hồn, dân tộc sống theo chiều dọc, vượt thời gian và không gian, làm một cùng hương linh tổ tiên và khí hùng sông núi. Nếu con và cậu Lật hy sinh “*quốc hồn*” cho chủ nghĩa bôn-sê-vích để đổi lấy độc lập thì sau đó con sẽ thấy không tồn tại một dân tộc thật sự để cho mình làm hồi sinh. Trong Cuộc Khủng Bố Đỏ năm 1931 tại bắc Trung Kỳ, các “bạn” của con phạm những hành động hung ác. Khi giới hạn con người trong quan hệ kinh tế và chính trị, tại chỗ và nhất thời, các “bạn” ấy đã

phủ nhận cuộc sống tâm linh. Tiếp tục hành động theo quan điểm không tưởng đó sẽ làm hư hoại tình tự và đạo lý của dân tộc vì khiến người dân chỉ còn quan hệ với nhau bởi các giá trị trần tục, thời cơ và giai đoạn.

Nhìn lên bàn thờ, nơi khói nhang đang bốc lên theo hình xoắn ốc, Trần văn Hiếu trầm ngâm một chốc. Rồi ông nhìn lần lượt vào mặt từng đứa con trai:

- Tây học dạy các con phải chọn cái này hoặc cái kia nên dễ bị thiếu cái nhìn toàn bộ và vì thế, nóng vội với lối giải quyết cục bộ. Chúng ta dựa vào lời giảng huấn của Đức Khổng để củng cố gia đình, tổ chức xã hội, sống hữu trách và tích cực. Chúng ta dựa vào lời thuyết pháp của Đức Phật để nguôi khoai khi đau khổ, sống từ bi cho tới bên kia cái chết. Chúng ta dựa vào đạo học của Lão Trang để hoà hợp với thiên nhiên và thanh thoát giữa cuộc thế. Chúng ta sắc phong các anh hùng liệt sĩ làm thần nhân và thờ cúng chư vị tại các đền miếu, đình làng để quốc được hộ, dân được an, đề tri ân và giáo dưỡng. Những cái đó hiệp với cuộc cộng sinh mấy ngàn năm nay của một dân tộc thuần chủng, chung ngôn ngữ khiến chúng ta tin mình thừa khả năng dung hợp, với một tâm linh kim cương bất hoại. Quốc gia có suy có thịnh, lịch sử hết trầm lại thăng, nhân tâm khi đồng khi dị nhưng dân tộc phải như một gia đình, lấy bao dung đoàn kết làm phương châm. Sự phân chia dân tộc ra những thành phần đối nghịch và khẳng định rằng chúng đang loại trừ nhau khiến các “bạn” của con không chùn tay khi tàn sát đồng bào của mình. Họ từng chứng tỏ rằng họ không ngần ngại xé tan nát các bộ phận của dân tộc để “cứu nguy dân tộc”.

Trong một hồi lâu Kim im lặng đắm chiêu nhìn với vẻ mặt đắn đo. Như thể có phần rất nhỏ nào đó trong anh vẫn theo bản năng, kính trọng sự khôn ngoan trong những lời cha vừa nói. Kế đó, bất chợt nét mặt Kim vắn vẹo với vẻ quạu cọ như sôi máu theo một cơn thịnh nộ phi lý. Anh chồm người tới trước, nắm tay thật mạnh lên mặt bàn viết của cha:

- Cha và anh Tâm mù quáng, không thấy ra hoặc nói một đường làm một ngã. Trong giai đoạn lịch sử này, ưu tiên tối thượng là thu hồi nền độc lập và tự do cho dân tộc. Muốn thế, phải có một chủ

nghĩa chính trị đầy khoa học và đạt tới đỉnh cao trí tuệ. Phải có một đảng cách mạng có tổ chức, sinh hoạt chặt chẽ và đấu tranh chuyên nghiệp. Bên ngoài, đảng đó phải có chỗ dựa quốc tế. Bên trong, đảng đó phải có các đảng viên hiểu biết kỹ thuật đấu tranh, suốt ngày đêm chỉ nghĩ tới việc đảng, triệt để chấp hành lệnh đảng, xem đảng còn hơn mạng sống của mình. Nghĩa là phải có một đảng cách mạng thường trực. Đi theo chủ nghĩa bôn-sê-vich là đáp ứng đầy đủ cả hai yêu cầu thu hồi độc lập dân tộc và thiết lập công bằng xã hội. Trước mắt, chỉ một mình học thuyết của Lenin thôi cũng đủ để có thể giải phóng các dân tộc thuộc địa như chúng ta. Sâu xa hơn, chỉ có chủ nghĩa Mác-Lê mới có khả năng giải thoát chúng ta khỏi sự sỉ nhục suốt đời nô lệ và nghèo đói trước mặt bọn ngoại nhân đáng kinh tởm!

Trần văn Hiếu nhìn con trai, mặt không để lộ cảm xúc:

- Con cũng biết khá rõ rằng có những người Tây tốt - như quan ba Devraux - họ có lòng thương mến sâu xa xứ sở chúng ta. Tình trạng quá lệ thuộc vào người Pháp là một thực tế kéo dài sáu bảy chục năm nay, đã ăn thành nếp trong trí óc con người và phần thành giai tầng xã hội nên không dễ chấm dứt hay xóa sạch trong một thời gian ngắn. Nhưng lúc này mọi sự đang thay đổi. Nếu chúng ta hoạt động bình tĩnh và có phương pháp thì Hoàng đế Bảo Đại có thể trở thành vị quốc chủ hiện đại đầu tiên - được người Pháp cổ vũ nhưng do mình cai trị với quyền hành độc lập rộng rãi hơn. Phải tránh bạo động hoặc gây quá nhiều xung động trong dân tộc, đưa tới cảnh nội chiến, máu đổ thịt rơi. Thà chấp nhận đường lối Pháp-Việt đề huề để phục hưng đất nước, nâng cao dân trí, chấn hưng dân khí, cải thiện dân sinh. Bước đầu tiên mà cha đang cùng với đồng liêu ở Trung kỳ cũng như các nhân sĩ ở Nam kỳ vận động là yêu cầu người Pháp tái cứu xét, thực hiện đúng theo các điều khoản được qui định trong Hiệp ước Patenôtre năm 1884, tăng quyền cho Hoàng đế, từ đó tiến tới một chế độ quân chủ lập hiến. Kim khịt mũi chế nhạo:

- Thật ảo tưởng và thơ ngây khi trông chờ lũ thực dân đế quốc giúp dân tộc bị đô hộ thu hồi độc lập, tự lực cánh sinh! Cũng thật không tưởng và tham lam khi vừa muốn làm một nhà cải cách vừa muốn

ôm riết những đặc quyền đặc lợi bất chính của dòng họ mình, của giai cấp mình! Bọn Tây sẽ chỉ mãi mãi sử dụng chúng ta như chúng ta sử dụng con trâu con ngựa. Chúng tôi chỉ thương mến những tài nguyên phong phú chúng tôi có thể moi móc từ đất đai của chúng ta.

Mắt Kim bỗng nhiên bốc lửa khi anh nhìn xuống cha. Rồi anh thọc tay vào túi quần soóc móc ra một tờ giấy bạc nhãn nhúm. Anh kẹp tờ năm đồng ấy giữa hai ngón tay, vuốt cho thẳng rồi ve vẩy nó trước mặt:

- Đây là cái độc nhất mà bọn tây thuộc địa có lòng thương mến sâu xa. Và cha cũng có lòng thương mến sâu xa nó. Ngoài cái này ra, tất cả những cái khác chỉ là đạo đức giả!

Kim xoay tờ giấy bạc trong tay rồi chỉ vào tấm hình nổi in chân dung Bà Mẹ Pháp đang dang đôi tay nhân ái che chở trên vai hai người An Nam bản xứ:

- Cha có biết tấm hình này có ý truyền đạt cái gì không? Nó cho thấy một bà mẹ lôi những gã con trai An Nam khốn khổ ra nơi chợ búa - để bán chúng như những tên nô lệ! Và con là thằng con trai của những tên môi giới càng ngày càng mập ú nhờ tiền lãi đó.

Kim dừng lại một chút rồi đột ngột vung tay ném tờ giấy bạc thẳng vào mặt cha:

- Cha có thể không sẵn sàng chấm dứt việc bán nhân dân chúng ta cho bọn Tây vì lợi ích riêng tư, còn con, con sẵn sàng - con không còn là kẻ tham dự vào những hành động đáng xấu hổ như vậy nữa. Trần văn Hiếu rúm người lại và nhắm mắt khi tờ giấy bạc đập giộp xuống trên bàn trước mặt ông. Khi ông mở mắt ra, ánh mắt ông rơi thẳng lên tấm hình in nổi. Sau cùng ông mở miệng, giữ mắt không nhìn con trai. Ông nói bằng giọng siết chặt giữa hai hàm răng:

- Con đi khỏi nhà này ngay. Chừng nào ta còn sống thì chờ bao giờ trở về.

Từ bên ngoài cửa sổ Lan nghe rõ ràng hơi thở Kim hít vào thật nhanh. Bên cạnh cha, Tâm đứng bất động như một hình nhân bằng sáp, mặt không còn sắc máu. Trần văn Hiếu tiếp tục nói với giọng trầm tĩnh:

- Trong bất cứ hoàn cảnh lịch sử nào, gia đình và dân tộc phải là một. Nếu gia đình mất dân tộc cũng sẽ mất. Kim ạ, cuối cùng, giả dụ chủ nghĩa bôn-sê-vich thành công, con sẽ đem sự tan nát tới cho đất nước con, cho gia đình con và cho chính bản thân con! Đi ngay!

Lan không kèm nổi tiếng thồn thức khe khẽ thoát ra trên môi. Khi Kim bước rất lẹ ra khỏi phòng, nàng lật đật nhảy lên các tầng cấp chạy theo vào nhà. Lan gặp anh trong phòng khách lớn đầy bóng tối nhưng Kim lướt qua rất nhanh, không biết tới sự có mặt của em gái.

Oà khóc nức nở, Lan chạy vào thư phòng của cha, thấy ông gục mặt ảm đạm nhìn thật sâu lòng ghế. Quì xuống bên cha, nàng nắm bàn tay ông hôn lấy hôn để. Trên ngưỡng cửa, mẹ nàng im lặng xuất hiện; lúc ở nhà sau bà đã nghe rõ từ đầu tới cuối cuộc cãi vã và xô xát. Tâm đến bên mẹ. Bà vòng tay ôm con trai và kéo sát vào mình. Trên mặt bà nước mắt đang chảy thành suối.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 4 -

Khi những người tù An Nam tiều tụy kế tiếp nhau xuất hiện và lần lượt đặt chân lên tấm ván dài bắc từ kè đá xuống con tàu chở họ từ đảo Côn Lôn trở về, người ta thấy ai nấy đều mang chung một bộ mặt hốc hác và xanh xao vàng vọt. Có một số kẹp nách vài miếng giẻ cuộn thành bó, có người không mang theo gì cả. Trong hai con mắt rừng rực căm hờn của họ ánh lên tia nhìn cảnh giác như một ám ảnh thường trực của những kẻ bị áp bức tới độ phải chịu đầy ải, giam cầm đằng sau chân song sắt trong một thời gian rất dài.

Cầu ván oằn xuống dưới sức nặng của các tù nhân trong khi Joseph Sherman đứng trên kè đá, chăm chú xem xét cận kề mặt từng người một. Dù tâm trí anh vẫn lưu giữ rõ nét hình ảnh của Ngô văn Lộc nơi trại săn trong rừng nhưng khi hàng chục người tù bước cao bước thấp đặt chân lên bờ, anh bắt đầu nghi ngờ khả năng nhận diện của mình. Mười một năm trước, Lộc mang về mặt thường thấy của một người giúp việc trong nhà, lúc nào cũng sẵn sàng nở nụ cười sẵn đón và vâng phục. Nhưng lúc này, trên những bộ mặt cay đắng và đầy uất hận kia, Joseph không tìm thấy đôi chút phản ánh nào đó hợp với trí nhớ của anh.

Con tàu nhỏ này, chiếc thứ hai cập bến Sài Gòn, chở khoảng năm chục người tù cộng sản và quốc dân đang được phóng thích theo lệnh ân xá. Cùng lúc đó, cũng khoảng chừng ấy con số hiến binh Pháp và An Nam mặc cảnh phục rầm rộ đóng chốt trên bến tàu, giám sát việc lên bờ. Để việc thực hiện công tác thêm phần dễ dàng, họ gắn đèn hồ quang chói sáng quắc dọc chỗ tàu cập bến. Trong lúc những người tù vừa được phóng thích rời cầu tàu với đôi mắt quáng gà nheo nheo chớp chớp, ngay bên kia con đường thênh thang chạy dọc theo bờ sông, từ hàng hiên quán Cà phê La Rotonde cuối đường Catinat, một nhóm người mặc thường phục, hỗn hợp Pháp có An Nam có, đang lỏ mắt âm thầm theo dõi họ.

Thỉnh thoảng có người trong nhóm thong thả đứng lên tách khỏi đồng bọn, lật đặt bước xuống những đường phố tối tăm, âm trầm đi theo một tù nhân lẻ loi hoặc một tốp tù nhân nào đó. Các nhân viên mật thám ấy của Liêm Phóng bao giờ cũng cẩn thận giữ một khoảng cách an toàn giữa mình và kẻ bị theo dõi để bảo đảm không bị phát hiện.

Joseph vừa nhìn tỉ mỉ từng bộ mặt tiêu tụy nối tiếp nhau đi qua vừa cảm thấy tức ngực và khó thở, y hết cái cảm giác trong người lúc anh mới trở lại Sài Gòn hai hôm trước. Đêm lại thêm lần nữa nóng bức, nham nháp và ẩm. Theo phản ứng tự nhiên của một người không quen với cái nóng ngầy ngật của xứ nhiệt đới, anh cố xua đuổi cảm giác đó nhưng đồng thời lại ngờ ngợ rằng chính các biến cố xảy ra hôm nay và sự kiện anh bỗng đồng quyết định ra bến tàu này đang làm thần kinh anh căng thẳng.

Cuộc rối loạn ở Câu lạc bộ Thể thao và tiếp đó, chuyến ngồi chung khoang xe thổ mộ với Lan làm Joseph cảm thấy lòng mình sôi nổi lạ thường, tới độ anh không còn biết đói và không thể một mình ngồi trước bàn ăn tối trong khách sạn. Paul điện thoại tới cảm ơn anh đã hộ tống Lan về nhà bình an và kể rằng cuộc rối loạn đã được dẹp yên, không người nào bị thương nặng. Vì đêm nay Paul phải trực nên cả hai hẹn sẽ gặp nhau ngày mai, cùng dùng cơm trưa.

Lúc mặt trời sắp lặn, Joseph đang ngồi một mình nơi tầng trệt của khách sạn bỗng thấy trong tờ báo buổi chiều bức ảnh chụp nhóm tù nhân đầu tiên từ đảo Côn Lôn trở về. Nhìn thật gần các bộ mặt nhòe vết mực in ấy một hồi rất lâu, anh bỗng giật mình nhận ra mình đang bắt gặp tìm kiếm Ngô văn Lộc. Nơi phần cuối bài phóng sự, tờ báo loan tin rằng hy vọng nhóm thứ hai sẽ về tới vào một lúc nào đó tối nay. Anh liền đứng lên, lật đặt ra bến tàu.

Tiếp theo là hai tiếng đồng hồ trôi qua trong tẻ nhạt và bức bối. Trong khi bồn chồn đi tới đi lui dọc mé nước tối tăm và ngắm tàu vào tàu ra, Joseph có cảm tưởng trí óc mình đang chia làm hai phần trái ngược nhau, liên miên xung đột nhau tùy theo từng thôi thúc và từng cảm xúc. Một phần của trí óc - cái tôi lý trí - cứ thôi thúc anh bỏ đi, đừng chờ tàu cập bến. Liệu việc tìm kiếm người

“bồi” trại săn ngày cũ có ích lợi gì không? Dù sao đi nữa quá khứ ấy cũng qua hẵn rồi - liệu có thu lượm được thành quả nào không hay chỉ mở ra những vết thương ngày cũ? Và liệu khi tìm thấy Ngô văn Lộc mình có đủ can đảm phóng những câu hỏi đau xót vào một người mình gần như không biết rõ, lại là người vừa thoát cảnh tù khổ sai đầy khắc nghiệt và lâu năm? Anh tự đặt cho mình những câu hỏi ấy cả trăm lần rồi nhưng vẫn không chịu rời bờ sông Sài Gòn oi ả.

Suốt thời gian chờ đợi dài đằng dặc, tâm trí Joseph lại bị ám ảnh bởi vẻ ngoài cứng cỏi khắc nghiệt của Jacques Devraux, hình ảnh bà vợ của Lộc trần truồng ôm manh quần áo che ngực vừa khóc tẩm tức vừa lao mình vào cơn mưa bão, quỵệt với âm thanh những tiếng rên rỉ nghiền nghệt xuất thần của mẹ anh. Thêm lần nữa, trong dữ dội và điên đảo, Joseph nhớ lại cơn rối loạn choáng váng và hoang mang do các biến cố đó gây ra trong anh lúc anh mới mười lăm tuổi. Từ đó, trong khi anh càng ngày càng khôn lớn và càng hiểu thêm về cuộc đời, cảm giác mơ hồ của anh trong cơn mưa bão rừng khuya đó về sự bất định, khả năng phản bội và sức mạnh của bản năng con người, theo với thời gian, đã ăn sâu vào tiềm thức anh, đồng thời để lại trong anh một di sản đầy hoài nghi và cảnh giác đối với con người, đặc biệt đối với phụ nữ.

Nhưng tới nay, trên bến cảng bên sông này, Joseph nhận ra mình chưa bao giờ hoàn toàn buông bỏ niềm hi vọng rằng ở bên kia trí tưởng tượng của anh có thể hiện hữu một giải thích nào đó về những gì đã xảy ra, một giải thích dù thế nào đi nữa, cũng có thể giải toả nỗi băn khoăn khắc khoải đã và đang in hằn tâm trí anh suốt mười một năm nay, kể từ phút giây mưa bão ghê rợn ấy.

Joseph mơ hồ nhận ra rằng một hy vọng như thế là cực kỳ mong manh nhưng anh hiểu rõ, chính khả năng hắt hiu đó đang níu giữ anh tiếp tục có mặt trên bến tàu trong bóng đêm nóng và ẩm này, chân bước sải đi tới đi lui, áo sơ mi đầm mồ hôi dán sát lưng.

Cuối cùng, vừa thấy con tàu xuất hiện Joseph vội vàng chạy tới đứng chung với nhóm người An Nam ít ỏi, hình như là thân nhân ra đón tù trở về. Đúng lúc ấy, một nhân viên mật vụ Liêm Phóng băng ngang đại lộ lần đầu tiên để ý tới sự có mặt của Joseph. Và

khi anh bước tới gần cầu ván để nhìn cho rõ hơn các tù nhân đang rời tàu, từ đằng sau quán cà phê La Rotonde, viên thanh tra chỉ huy chiến dịch bí mật này âm thầm ra lệnh cho một người Pháp vạm vỡ giám sát anh ngay lập tức.

Sau khi số lượng người tù rời tàu được hơn một nửa, Joseph mới thấy có kẻ hao hao giống Ngô văn Lộc. Tuy vậy thật khó nhận diện vì cũng giống mọi tù nhân khác, vẻ mặt người ấy lơ mờ xanh xao vàng vọt do bị giam hãm lâu ngày. Người ấy khoác trên thân hình trơ xương chiếc áo vải bông màu đen xác xơ mòn trơ chỉ với chiếc quần ống thấp ống cao. Joseph để ý thấy cạnh sườn anh ta lắt léo một cánh tay tàn phế. Vừa đặt chân lên bờ, anh ta thờ ơ nhìn bộ mặt của người Mỹ rồi sắp lưng đi thẳng.

Trong một giây, Joseph nghĩ mình lầm. Rồi bỗng nổi cơn thôi thúc, anh bước tới sau lưng người ấy, chạm tay vào vai anh ta. Joseph thấpi giọng hỏi bằng tiếng Pháp:

- Xin lỗi, có phải anh là Ngô văn Lộc?

Người tù vừa được thả ấy quay lại nhìn Joseph, có vẻ giật mình, mắt ánh lên tia nhìn e ngại lẫn nghi kỵ và không trả lời. Anh ta thận trọng liếc xéo bộ mặt của các hiến binh mặc cảnh phục đang tụ tập đông đảo quanh bờ và trên bến tàu rồi quay lại nhìn Joseph thêm lần nữa. Cảm thấy thất vọng, Joseph hỏi tiếp:

- Có phải anh từng là người “bồi” trại săn của Jacques Devraux?

Trong một chớp mắt phù du Joseph tưởng chừng bộ mặt hốc hác của người An Nam nhá lên vẻ sừng sốt. Nhưng anh ta không nói và quay lưng bước thật lẹ, bắt cho kịp một người tù khác vừa được thả chung thuyền. Joseph đứng ngó theo hai người băng ngang đại lộ rồi lại quay nhìn con tàu. Nhưng trong số những người còn lại chẳng có bộ mặt nào đáng cho anh để ý. Anh bất chợt quyết định và vội vã băng qua bến tàu, lật đật bước theo hướng đi của người An Nam có cánh tay bại liệt.

Đường phố tấp nập. Sợ mình có thể mất dấu, Joseph nhắc chân chạy. Mắt anh thoáng bắt gặp anh ta và người bạn đồng hành khi cả hai rẽ sang con đường dẫn thẳng tới chợ Bến Thành. Nhưng tiếng bước chân chạy của Joseph làm hai người An Nam ngoái đầu nhìn lui. Và đáp ứng cơn hót hổi của anh, cả hai thấy mình đang bị

theo dõi cũng bắt đầu co chân chạy.

Trước một vòm cửa hình vòng cung của nhà lồng chợ, họ lại gay cán ngoái đầu về phía Joseph thêm lần nữa rồi biến mất vào bên trong. Không chút ngần ngại Joseph vào theo. Dù khung cảnh tù mù tối tăm rồi đen đặc, anh vẫn nghe rõ tiếng chân đang chạy và hơi thở phì phò của hai người An Nam. Joseph hồi hải nói lớn bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Lộc, xin đứng lại. Tôi chỉ muốn hỏi anh một hai câu thôi.

Tiếng của Joseph vang lên, dội ồm ồm trong nhà lồng với bốn phía vách chỗ lồi chỗ lõm của ngôi chợ về đêm vắng lặng, nhưng hai người ấy không dừng bước. Anh lao mình về hướng có tiếng chân của họ. Khi đứng lại lần nữa, lắng tai, anh sững sốt thấy chẳng nghe ra được gì ngoài tiếng thở hỗn hển của chính mình.

Cảnh giác hơn, Joseph tiếp tục bước xuyên qua bóng tối vắng lặng đang bốc lên mùi trái cây nhũn và mùi cá ươn. Thỉnh thoảng anh gọi tên Lộc nhưng vẫn không có tiếng trả lời. Rồi anh sững người khi có cánh tay ai đó kẹp chặt cuống họng mình đồng thời anh cảm thấy từ đằng sau, mũi nhọn của một con dao dí ngang hông mình. Giọng của một người thì thầm bằng tiếng Pháp sát tai anh:

- Mày là ai? Tại sao đi theo tui tao?

Người Mỹ thở hỗn hển, vùng vẫy để làm lỏng cánh tay đang siết cứng cần cổ mình:

- Tôi tên là Joseph Sherman. Jacques Devraux từng hướng dẫn gia đình tôi trong một chuyến đi săn, lúc đó Ngô văn Lộc làm việc cho ông ta.

Joseph nghe hai giọng đàn ông thì thầm liên thoắng với nhau bằng ngôn ngữ của họ nhưng sức ép trên cần cổ anh vẫn không giảm và thêm một lưỡi dao nữa chọc mạnh vào mạng mỡ anh:

- Có phải thằng Devraux hiện sống tại Sài Gòn?

- Không. Ông ấy đang chỉ huy Sở Liêm Phóng ở Huế. Có phải anh là Ngô văn Lộc?

- Phải!

Đèn một chiếc xe hơi chạy ngang cửa nhà lồng chợ hắt vào chút ánh sáng le lói và ngay lúc ấy cần cổ anh được thả ra. Joseph quay

lại thấy Lộc vẫn cầm con dao trong bàn tay còn lạnh lặn, đứng thủ thế. Bên cạnh anh, một người An Nam khác đang trong tư thế khom lưng lấy đà, sẵn sàng nhảy xổ vào người Joseph để không chể lãn nữa. Giọng nói của Lộc vẫn đầy hăm dọa nhưng pha chút tò mò:

- Tại sao anh biết chỗ tìm tôi? Tại sao anh biết tôi ở tù?

Joseph trả lời, tay xoa cổ họng:

- Tôi nói chuyện với Paul Devraux. Anh ấy ở trong quân đội tại đây. Paul nói với tôi rằng anh ấy nghĩ anh đang ở tại đảo Côn Lôn. Joseph lại nấn nấn cổ mình rồi lưỡng lự:

- Paul cũng kể tôi nghe chuyện bi thảm về cậu Học con trai anh. Tôi rất buồn khi nghe chuyện cậu ấy chết.

- Thằng Học không “chết” - nó bị bọn Tây sát hại bằng máy chém! Bộ thằng Paul không kể với anh rằng chúng nó giết cả vợ tôi nữa sao? Và rằng một cánh tay của tôi trở thành vô dụng khi tội phi công gan dạ của bọn chúng bỏ bom và quạt súng máy xuống những nông dân không có gì tự vệ ở Vinh sao? Hắn không kể cho anh nghe rằng bọn Tây giết mười ngàn người An Nam vì họ dám thách thức sự cai trị tham tàn bạo ngược của bọn chúng sao?

Joseph nói một cách tuyệt vọng:

- Paul cảm thấy ân hận sâu xa về tất cả những chuyện xảy ra đó. Anh ấy xem anh và các con của anh là bạn thiết.

Lộc khịt mũi khinh bỉ:

- Có phải chính hắn sai anh tới đây để kể cho tôi nghe những lời láo khoét đó?

- Không, anh ấy không biết tôi đi gặp anh.

- Vậy anh muốn nói với tôi chuyện gì?

Đột nhiên Joseph cảm thấy không thể diễn tả thành lời như mình muốn. Anh nói một cách ngần ngại:

- Anh Lộc ạ, đây chỉ là chuyện riêng. Tôi chỉ muốn nói với một mình anh.

Hai người An Nam thì thầm với nhau vài lời rất nhanh bằng tiếng bản xứ. Joseph chờ cho tới khi hình dáng đen đui của người đi chung với Lộc bước ra khỏi chỗ tối, tới đứng cạnh phía trong vòm cửa chợ gần nhất, anh mới cất tiếng, giọng run run:

- Anh Lộc ạ, anh có nhớ cái đêm mưa bão thật lớn nơi trại săn lúc mới bắt đầu cuộc thám hiểm của gia đình tôi không? Anh còn nhớ chuyện gì xảy ra đêm đó không?

Trong bóng tối không vang lên tiếng trả lời nào nhưng Joseph nghĩ mình có thể cảm giác được vẻ căng thẳng trên mặt người nghe tuy anh không thấy rõ. Anh tiếp:

- Tôi không ngủ được và ra ngoài đi lang thang trong mưa. Tôi đi ngang lều của Monsieur Devraux thì thấy vợ anh từ trong đó lao ra, vừa chạy vừa bung mặt khóc.

Nói tới đây bỗng dưng Joseph cảm thấy trái tim trương lên trong lồng ngực làm anh sắp nghẹt thở. Cùng lúc ấy anh nhận ra mùi hôi nồng nặc, buồn mửa, của những thứ thối rữa trong nhà lồng chợ tối thui:

- Tôi muốn hỏi...

- Không được hỏi gì về đêm đó!

Sự hung tợn trong trong cung giọng ré lên của Lộc làm Joseph rùng mình. Anh cảm giác sát bên anh, trong bóng tối, người An Nam ấy đang run lẩy bẩy:

- Năm năm trời trong xà lim đảo Côn Lôn, ngày nào tôi cũng phải ăn nằm với sự khốn khổ của chính mình. Và trong giấc mơ tôi thường thấy người vợ đã chết hiện ra với bộ mặt lên án tôi!

Trong một lúc lâu, Joseph và Lộc yên lặng đứng đối mặt nhau trong bóng tối nồng nặc mùi hôi ác liệt. Sau cùng Joseph thì thầm:

- Anh có ý nói gì vậy anh Lộc?

- Tôi ép buộc bà ấy phải làm chuyện đó. Rốt cuộc chính vì lỗi của tôi mà bà ấy rơi vào tay bọn Tây hiếu sát.

Lộc ngưng nói, hơi thở rối loạn, rồi giọng anh thấp xuống thành tiếng thì thào:

- Như thế, ông thượng nghị sĩ và tôi có chung một cái với nhau, phải không? Có phải ông ta cũng có những con ác mộng?

Joseph giật mình khi bất ngờ nghe nhắc tới cha:

- Anh Lộc, tại sao cha tôi lại phải như vậy?

- Chính sự ngu xuẩn của tôi đưa tới cái chết của vợ tôi - và cũng chính sự ngu xuẩn của cha anh gây ra cái chết cho người anh của anh, không đúng sao?

Joseph nói, cao giọng ngờ vực:

- Cha tôi đã cố cứu Chuck. Trong khi ra sức cứu anh tôi, ông bị thương rất nặng. Ông mất một cánh tay.

Tiếng cười của Lộc rộ lên không một chút khôi hài làm Joseph giật nảy người:

- Có phải chính ông ta kể với anh như vậy?

- Đúng.

- Chuyện xảy ra hoàn toàn khác hẳn.

Joseph khắc khoải cúi người tới trước. Đột nhiên anh nhớ lại vẻ lưỡng lự trên mặt Paul khi anh nhắc tới tai nạn đó:

- Anh giả thuyết ra sao anh Lộc?

- Monsieur Sherman, tôi không “giả thuyết, giả dụ” gì cả. Chuyện xảy ra đúng một trăm phần trăm như thế này. Anh của anh bị giết trong khi ra sức cứu ông thượng nghị sĩ. Lúc đó cha anh bị sốt rét - ông bệnh không đủ sức đi săn. Ông nốc rượu kèm với thuốc tây ông mang theo và ông ngu xuẩn rượt theo con mìn bị thương vô bụi tre gai rậm rạp đó trái với lệnh của thằng Devraux. Anh của anh bỏ mạng trong khi cố cứu mạng cha anh.

Miệng Joseph vọt ra một câu nói trước khi anh kịp cân nhắc mình có ý nói gì:

- Chắc chắn anh nói dối!

Người An Nam hỏi bằng giọng lạnh lùng:

- Tại sao tôi lại phải nói dối?

Thêm một chiếc xe chạy ngang cửa vòm. Dưới ánh sáng của đèn xe phản chiếu trong nhà lồng chợ, Joseph thấy người An Nam kia quay mình chạy rất lẹ về phía hai người. Trong một thoáng Lộc lắng nghe tiếng thì thào báo động của đồng bạn rồi quay người qua phía Joseph, Lộc xằng giọng kết án:

- Có hai thằng mã tà Liêm Phóng đang canh máy cửa chợ. Vậy tóm lại, mày cũng chung một bè một lũ với bọn chúng nó.

Joseph giật mình phản đối nhưng người An Nam không chịu đứng yên nghe. Sau khi văng tục mắng chửi anh thậm tệ bằng tiếng An Nam, họ bỏ chạy theo hai hướng ngược nhau, còn lại Joseph một mình trong bóng tối ngập ngụa mùi thối rữa. Trong vài phút anh đứng chôn chân tại chỗ, vật vã với hành động khủng khiếp của cha

do Ngô văn Lộc vừa tiết lộ. Rồi anh bàng hoàng rời nhà lồng chợ, chậm chậm quay về khách sạn Continental.

Joseph lầm lũi bước, không nhìn hai bên đường phố mình đi qua và không để ý hai nhân viên mật thám Liêm Phóng đang làm cái bóng của anh. Hai phút sau khi Joseph lên phòng khách sạn, họ ngang nhiên bước vào phòng lễ tân. Thấy bộ mặt lầm lì nguội ngất của họ, người thư ký lo việc tiếp tân đưa cho họ danh sách khách trọ, không một chút thắc mắc. Qua kinh nghiệm trước đây, anh đã biết họ muốn gì nơi anh.

Anh quay mình vội đầu vào một công việc tẻ nhạt nào đó trong khi nhân viên mật vụ có thân hình vạm vỡ chép vào sổ tay tên và địa chỉ của Joseph Theodore Sherman, Đồn điền Sherman, Hạt Charles, Virginia, H.K.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 5 -

- Vì dòng sông này quá đổi êm đềm và vô cùng tịch lặng nên các bậc hiền giả bảo rằng có thể nghe ra nhịp đập của trái tim An Nam trên hai bờ của nó.

Lan nở nụ cười đầm ấm rồi quay sang nhìn Joseph khi thuyền lướt nhẹ trên mặt nước sông Hương lấp lánh, ngược dòng lên hướng tây của Huế. Nàng nói tiếp:

- Đó là lý do khiến liệt vị hoàng đế chọn những vùng đồi cỏ mọc đáng yêu bên ngoài kinh thành để làm nơi an nghỉ sau cùng.

Joseph cười đáp lại lời nàng và đưa mắt nhìn chung quanh, lòng sững sờ trước cảnh vật thiên nhiên dư dật màu sắc. Dưới bầu trời xanh trong vắt dòng sông cũng xanh như chiếc áo dài lụa màu xanh Lan mặc trên người và những hàng dương liễu xanh xanh hai bên bờ như tỏ lòng khiêm cung, nghiêng mình rũ lá cùng tơ tóc lướt thướt xuống triền nước rồi mềm mại xoả thành những gợn sóng lăn tăn. Cuối trời tây, dòng sông nương náu trong dãy Trường Sơn, nơi có mái lá ngọc bích choàng lớp áo xanh biếc đậm đà lên vai những núi cùng non đang dồn dập đuổi theo nhau trên những cạnh sườn mơ màng, vượt qua các thung lũng xanh thẳm rồi trườn xuống bãi bờ xanh ngát ven sông.

Từ chỗ ngồi một bên mạn thuyền Trần văn Tâm nói nhã nhặn:

- Monsieur Sherman ạ, chắc hẳn anh đã biết người An Nam chúng tôi tin rằng hương hồn tổ tiên vẫn tiếp tục sống giữa con cháu sau khi chử vị khuất núi. Thêm nữa, chúng tôi còn tin rằng phúc âm của dòng họ hoàn toàn tùy thuộc vào sự an hưởng của hương linh tổ tiên, vì thế chúng tôi có nghĩa vụ phải làm sao để mọi hương hồn thoả nguyện. Đồng thời chúng tôi cũng phải cư xử giống y như thế đối với dân tộc mình. Đó là lý do tại sao vùng đất này, nơi có lăng tẩm của liệt vị hoàng đế, là nơi xinh đẹp nhất và thiêng liêng nhất trên đất nước chúng tôi.

Joseph gật đầu cười cảm tạ. Trong chuyến viếng thăm lăng tẩm các vua này Tâm có nhiệm vụ tháp tùng Lan. Và để cho nhiệm vụ ấy bớt vẻ đường đột, Tâm đem theo người thiếu nữ anh ta vâng ý sẽ thành hôn theo lệnh song thân. Mộc mạc và e lệ, đức hạnh chủ yếu của nàng là tiểu thư của một gia đình quan lại giàu có và nàng chỉ mở miệng khi nào có lời Tâm bảo. So sánh thiếu nữ ấy với Lan, dường như vẻ đẹp của Lan quyến rũ hơn bao giờ hết trong mắt nhìn đắm đuối và nôn nao của Joseph.

Vừa tới Huế vào buổi sáng, Joseph lập tức đi gặp Lan và ngay lúc ấy, anh bỗng thấy đôi má nàng chột ửng hồng phơn phớt. Lan không thể giấu vẻ xao xuyến khi thấy Joseph xuất hiện nơi cư sở chính thức của thân phụ nàng cạnh hồ sen gần cửa Hữu, bên trong vòng thành cao bằng gạch đỏ đất của Kinh Thành. Và qua cử chỉ xúc động của Lan khi anh đến đón để cùng nhau đi dạo chiều nay, Joseph thấy trong nàng vẫn còn nguyên tâm trạng ấy.

Nhưng sau khi đặt chân xuống thuyền, ánh mắt Lan bắt đầu long lanh. Tới lúc trạo phu chèo cho thuyền đi xa dần thành phố, Lan háo hức chỉ tới những hình bóng cổ kính đang lung linh hiện ra rồi dần dần rõ nét trên các vùng đồi chung quanh:

- Thuyền vừa rời khỏi bến Văn Lâu, đi qua cầu Bạch Hổ và các bến nước Kim Long. Kia là Chùa Thiên Mụ... Tháp Phúc Duyên... và Joseph này, anh có thấy miếu Đức Không tử nhỏ xíu, gần như ẩn mình trong vùng cây xanh ngát đằng kia không? Đó là Văn Thánh, đền thờ nho học và là nơi đặt bia tiến sĩ nhà Nguyễn.

Mỗi lần như thế Joseph chỉ biết mỉm cười hưởng ứng và dĩ nhiên trí óc anh không thể nào hoàn toàn hiểu hết những lời Lan đang nói. Điều quan trọng nhất là anh cảm thấy mình sung sướng khi được thêm lần nữa sớm ở bên Lan và anh đang cố hết sức giữ cho mắt mình khỏi nhìn nàng chăm chăm.

Suối tóc đen tuyền mượt mà chảy xuống lưng thỉnh thoảng nhẹ nhàng vờn bay trong gió chiều khiến Lan phải lúc lắc đầu một cách dễ thương và duyên dáng khi đưa tay rẽ mấy sợi tóc vương trên mắt. Những cử chỉ ấy, đối với Joseph, dường như cực kỳ đáng yêu và thanh nhã tuyệt vời. Thỉnh thoảng Lan mỉm miệng cười ý nhị với Joseph như tỏ vẻ không hài lòng trước làn gió đang nhẹ nhàng đùa

giỡn mái tóc nàng, Và Joseph chợt nhận ra tâm hồn anh lúc này áp ủ một cảm giác ấm cúng, đơn sơ và hạnh phúc.

Trong đêm khuya thao thức sau lần gặp Ngô văn Lộc, Joseph quyết định đi Huế bằng chuyến xe lửa sớm nhất có thể được. Cuộc trò chuyện với Lộc làm phát sinh những hình ảnh dần vật mới về một thời đã qua. Suốt đêm dài dằng dặc, trong khi trí não chập chờn những hình ảnh u uất ấy, ký ức về khuôn mặt màu vàng xinh đẹp và tươi thắm của Lan trong lòng xe thổ mộ bắt đầu tái hiện. Và càng lúc càng thường xuyên hơn, cho tới khi nó hoàn toàn chế ngự anh và biến thành một sức mạnh đầy ám ảnh. Trong tâm trí anh, giữa cơn xáo trộn của đối trá và ngờ vực, Lan bỗng dường như hiện thân cho sự đầm thắm và thanh khiết mà thiên hướng Joseph hằng khao khát.

Trước lúc trời rạng sáng, Joseph chỗi dậy sửa soạn hành lý, sẵn sàng lên đường đi phương bắc. Anh để lại cho Paul Devraux mấy chữ giải thích chuyến đi vội vã của mình, rằng không người nghiên cứu lịch sử Á Đông nào đành lòng để vuột mất cuộc tế lễ của hoàng đế. Sự thật chỉ mới một nửa đó làm Joseph cảm thấy đắc tội và áy náy khi lật đật ra ga xe lửa nằm xéo bên tay phải chợ Bến Thành.

Rời Sài Gòn trước giờ ăn sáng, con tàu nhỏ chạy bằng củi đốt phải mất gần ba ngày mới nuốt hết tám trăm cây số đường sắt ra Huế. Mỗi đêm tàu đều dừng lại để hành khách xuống ngủ ở quán trọ bên đường. Đã chịu đựng một cuộc hành trình dài và chậm, Joseph lại thấy khổ sở hơn nữa vì ý nghĩ mình đang phản bội lòng tin của Paul. Nhưng khi con tàu càng tới gần Huế, lòng Joseph càng nôn nóng. Viễn ảnh sẽ gặp Lan thêm lần nữa làm ý nghĩ đắc tội đó chìm dần, cuối cùng nó được hoàn toàn thay thế bởi lòng lo lắng mỗi lúc một tăng rằng không biết mình sẽ được tiếp đãi như thế nào tại kinh đô của An Nam.

Rồi Joseph cảm thấy nhẹ nhõm. Trần văn Hiếu, thân phụ của Lan, lịch sự chào đón anh tại ngôi nhà từ đường của ông trong thành nội ngào ngạt hương sen, kế bên đàn Xã Tắc, nơi nhà vua tế đất đai sông núi, dù anh đến không báo trước và chưa được mời. Sau khi vấn tắt thăm hỏi sức khoẻ của gia đình Joseph và thêm lần nữa hết

lòng cảm ơn anh đã cứu con khi nhỏ mười một năm về trước, chính Trần văn Hiếu gợi ý rằng có lẽ mối quan tâm đặc biệt của bất cứ ai nghiên cứu lịch sử Á Đông là được ít nhất một lần viếng thăm các lăng tẩm. Ông vừa mỉm cười vừa cảnh giác:

- Đừng tưởng đó chỉ là những ngôi mộ cổ ảm đạm và buồn hiu hắt. Vì các đức vua đích thân trông nom việc xây lăng cho mình, và lúc còn sống thường dùng lăng làm nơi để tới trầm tư trong an hòa tịch lặng và gần gũi với thiên nhiên. Nên tại những nơi đó anh sẽ khám phá các công trình điêu khắc và mỹ thuật phương đông được kết hợp hài hoà với vẻ thiên nhiên tuyệt mỹ, cũng như được an bài theo đúng các nguyên tắc về phong thủy.

Sau cùng, người phu chèo cầm sào và buộc con thuyền bên rừng cây đa linh thiêng và già cổ. Joseph nhớ lại những lời cảnh giác của Trần văn Hiếu khi bốn người sắp viếng thăm lăng tẩm đẹp nhất, đó là của vua Minh Mạng, người thừa hưởng giang sơn và kế vị ngai vàng của Hoàng đế Gia Long.

Một không khí tịch lặng nín thở dường như treo lơ lửng bên trên những đình tạ với dãy cột sơn son bắc qua chính giữa mặt nước dàn trải theo hình lưỡi liềm của hồ Trùng Minh. Giữa lòng hồ, những đoá sen vươn lên từng cụm phủ kín mặt hồ, tươi tắn và trinh nguyên như hoa tuyết mới từ lưng chừng trời rơi xuống phủ thành một lớp dày đặc và tinh tuyền. Xa xa hiện rõ những đỉnh nhọn của núi đồi, xanh thắm với rừng cây, được bao bọc đậm đà bởi màu lục chan hòa và trùng điệp của cỏ cây mọc lan ra tận bờ hồ.

Khi cùng Lan đặt chân trên những bậc đá cẩm thạch xanh dẫn lên một cửa điện, Joseph nói với giọng run rẩy:

- Lan ạ, tôi nghĩ từ nay tới hết đời mình sẽ chẳng bao giờ còn được thấy cảnh sắc nào đẹp hơn thế này nữa. Nó dường như không có thật.

- Khi tôi còn nhỏ, hề mỗi lần cảm thấy trong lòng có điều gì bức rút, tôi liền đến viếng lăng này với bà bảo mẫu - và rồi những bức rút ấy trước sau gì cũng tan biến. Nhưng anh Joseph ạ, sao giờ đây lòng tôi không tìm thấy thanh thản, và tôi đang tự hỏi phải chăng nơi này không còn cái sức mạnh huyền bí ấy nữa.

Nói tới đây, vẻ mặt đầm thắm của Lan bỗng rười rượi buồn. Trong

đôi mắt đen trong sáng của nàng chột thấp thoáng tia nhìn rất xa vắng. Đưa mắt ngó quanh, Joseph thấy Tâm và cô vợ tương lai đang bước xuống các bậc đá đằng trước, cách khá xa Lan và anh. Joseph thấp giọng hỏi:

- Có phải Lan đang có chuyện gì buồn?

Lan vội vàng lắc đầu và mỉm cười:

- Không - nhưng có phải hễ mình càng lớn khôn thì càng có nhiều cái bị thay đổi, tựa như mình được cái này thì phải mất cái nọ. Đã biết như thế nhưng tôi vẫn buồn ngủi tiếc nuối, cảm thấy mình không sống lại được những cảm xúc ngày trước. Nhất là khi tôi có cảm giác những người thân thương ruột thịt cứ bị cuộc đời đẩy cho xa nhau dần; những bình an và hạnh phúc chung quanh mình ngày càng ngắn ngủi và mong manh. Tâm hồn tôi quá yếu đuối và bàn tay tôi quá nhỏ bé, biết lấy gì để nắm giữ và làm sao để cứu vãn. Lời tâm sự chân thật, ngậm ngùi và đầy tín nhiệm của Lan làm Joseph cảm động thấm thía. Anh đi sát nàng hơn. Mắt Lan lắng đọng và nàng đưa tay hoa nhẹ qua hướng bên kia hồ như cố xua tan những lời vừa nói. Kế đó, Lan đưa Joseph đi dọc chiếc đài rộng chạy qua chính giữa mặt hồ:

- Anh có thấy khoảnh đất an táng ngay chỗ đồi xanh ngát với cỏ cây rậm rạp và giếng mắc lộn xộn với nhau ở đằng kia không? Để tới chỗ đó, chúng ta phải đi qua cửa Hiền Đức. Bên trong ngôi đền kia, chúng ta sẽ thấy những tấm bia ghi công đức của đức vua và hoàng hậu. Hai vườn hoa ở hai bên mé dưới kia được lập theo hình chữ Thọ viết lối triện...

Lan ngưng bật khi nhận ra Joseph đang chăm chú ngắm nàng thay vì nhìn theo ngón tay nàng. Về ngưng đọng trong đôi mắt xanh biếc của anh làm mặt nàng ửng đỏ. Joseph thêm lần nữa nói thật tha thiết:

- Chắc chắn chưa từng có hoàng hậu nào xinh đẹp hơn Lan. Nhìn cô ở đây, giữa những đền đài cổ kính và xinh đẹp này, tôi chợt có ý nghĩ rằng song thân cô khi đặt cô tên Kiều Lan hẳn lấy ý từ nhân vật nữ chính trong ‘Truyện Kiều’.

Anh dừng lại và thêm lần nữa cười với Lan:

- Cô có nhớ mấy câu thơ tả Vương Thúy Kiều tôi được đọc trong

một bản dịch tiếng Pháp, có ý nghĩa như thế này...

Trong khi Joseph đọc bằng tiếng Pháp, Lan chớp mắt. Những dòng thơ lục bát ấy hiện lên trên tấm màn hình trong tâm trí nàng, từng chữ Việt, chậm chậm, xôn xao. Và hai mắt Lan khép lại, hơi thở lơ lơi một nhịp:

*“Làn thu thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành...”*

Dứt mấy câu thơ Kiều, Joseph tiếp tục đắm đắm nhìn Lan, mắt ngây ngất về ngưỡng mộ:

- Lan ạ, hình như những câu thơ ấy được viết ra để rõ ràng nói đến cô...

Trong một chốc Lan sững sờ nhìn Joseph rồi quay mình gần như bỏ chạy xuống các bậc đá. Sợ nàng té Joseph lật đật bước theo, đưa tay giữ khuỷu tay nàng. Anh nói như nín thở:

- Lan ạ, từ lần gặp Lan vừa qua ở Sài Gòn, tôi lúc nào cũng nghĩ tới Lan. Đêm nào tôi cũng mơ thấy Lan.

Lan không trả lời cũng chẳng nhìn Joseph. Khi hai người xuống tới bậc đá dưới cùng, anh bèn chồm nhìn ra đằng trước để chắc chắn lời của mình không lọt tới tai Tâm:

- Dường như tôi không thể nào gạt được hình ảnh Lan ra khỏi tâm trí mình, dù chỉ một phút.

Mặt Lan chợt đỏ bừng:

- Joseph, anh nói những lời như vậy đối với tôi là không phải.

Chúng ta gần như không biết nhau.

- Nhưng chúng ta quen nhau đã mười một năm!

Joseph lại mỉm cười, một nụ cười hân hoan rạng rỡ và đối với Lan, nó mạnh như thể một vòng tay kéo nàng vào lòng anh. Nàng xao xuyến nhìn hai hoa viên cân đối sóng đôi nhau. Lặng vắng về trù mây thị vệ áo đỏ đang đi tuần trên các bậc thềm cao. Thỉnh thoảng

xuất hiện một quan hộ lẫn mặc áo bào xanh, bước đi cung kính giữa đền đài và trang trọng làm những việc lật vật cho người ngoài các hương hồn vương giả. Còn ngoài ra, đình Điều Ngư cổ kính vẫn đứng yên lặng bên mặt hồ mơ màng như thể đang ủ kín từng lời nói của nàng và Joseph. Lan nói bồi rồi:

- Joseph ạ, anh phải hứa với tôi rằng sẽ không nói những lời như thế nữa. Bằng không, chúng ta sẽ không còn đi riêng với nhau và phải có anh Tâm đi kèm.

Joseph cảm thấy tiếc nuối và tuyệt vọng:

- Xin thứ lỗi cho tôi! Được gặp lại cô tôi sung sướng quá nên không giữ nổi mình.

Lan đột ngột quay người và bước lên, đi trước Joseph mấy bước. Giữa không khí trầm lắng này, nàng sợ Joseph có thể nghe ra tiếng tim đang đập dồn dập trong lồng ngực nàng. Phút giây này Lan tưởng chừng bàn tay anh vẫn còn chạm vào người nàng và vỗ về nàng như có làn cánh tay ấy đã quàng qua vai nàng trong những khoảnh khắc bất chợt run rẩy tại Câu lạc bộ Thể thao hỗn loạn hay trong lòng xe thổ mộ êm đềm đầy bóng lá.

Từ lúc nơi lòng thuyền, Lan đã bắt giác cảm thấy an tâm khi có mặt Joseph. Nàng thấy mình rung động sâu xa trước bộ mặt rậm nắng mạnh khỏe, nụ cười đôn hậu và đôi vai thanh thang. Tất cả tạo cho Joseph đáng vẻ dồi dào sức sống so với vóc người nhỏ bé của Tâm anh nàng. Tình trạng gần gũi Joseph lúc này làm Lan có lại cảm giác mơ hồ về một sự cường tráng thể lực, y như cảm giác lần đầu ngồi sát bên anh trong lòng xe thổ mộ. Thêm nữa, chính nụ cười rất dịu dàng của Joseph khi đọc mấy câu thơ chan chứa tâm thức Việt tính của Nguyễn Du khiến Lan cảm thấy rộn ràng trong từng mạch máu. Và vì thế nàng lại càng quyết tâm giữ cho mình đừng đi gần Joseph nữa, để làm im lặng những xao xuyến trong lòng.

Lan cúi xuống, làm như thể đang tập trung tinh thần đọc kỹ những dòng chữ khắc trên tấm bia công đức dựng giữa những hàng cột lim trong Điện Sùng Ân. Rồi nàng giả vờ kinh ngạc khi đặt ngón tay mình lên những con hạc đồng cao lêu khêu trước một bàn thờ khác, và cố ý nhìn thật gần những cây kiểng lá ngọc cành vàng,

những lư hương đỉnh trầm bằng đồng đen và chóa sứ bá hoa tôn trong các phòng trưng bày đồ đặc, như thể trước đây chưa bao giờ nàng trông thấy chúng. Nhưng từ đầu tới cuối, Lan lúc nào cũng biết Joseph đang ở bên mình và nàng cảm nhận bén nhạy từng bước chân của anh.

Còn Joseph vì sợ làm tổn thương Lan thêm lần nữa nên anh cẩn thận giữ một khoảng cách đẳng sau nàng khi lang thang qua các hoa viên và đình tạ. Anh cũng giả vờ xem xét tỉ mỉ các bảo vật trong lăng, những ông quan cao ngang người sống đứng thành hàng bất động, những con voi tạc bằng đá trắng dật dờ trước ánh mắt nhìn mà không thấy của anh. Những con rồng chạm trổ và những con thú thần thoại khác đang uốn mình trên mái điện và quần quanh các lan can, trong thực tế, chỉ được anh đưa mắt liếc sơ qua.

Khi Joseph theo Lan chậm chậm băng ngang lòng hồ đi về phía vùng vương mộ cây mọc như rừng, được gọi là Bảo Thành, nơi nung nấu êm đềm và cổ kính của di thể lẫn linh hồn vương giả, anh vẫn không để ý mình đang đi đâu. Đối với anh, những đình tạ ấy chỉ là hậu cảnh tuyệt vời cho vóc dáng mềm mại và gợi cảm đang di chuyển đẳng trước anh với mái tóc thề đen tuyền mượt mà rủ xuống lưng và những bước đi uyển chuyển nao nao lòng người. Rồi trong nội điện u trầm, nghĩ rằng không ai nhìn mình, Lan vội vàng quì xuống trước bàn thờ và bắt đầu khấn vái. Từ hoa viên bên ngoài Joseph chột nhìn vào, bắt gặp cảnh tượng ấy và tim anh chao đảo lạ kỳ. Úp mặt giữa hai lòng bàn tay, vóc dáng mỹ miều thanh lạng đang quì ấy như toả bát ngát lòng mộ đạo chất phác cùng tính chân thiện mộc mạc. Và ngay lúc ấy Joseph biết rằng mình yêu nàng.

Sự nhận biết đó làm rung động toàn thân Joseph. Anh thêm biết mấy được chạy tới bên Lan, kể cho nàng nghe những gì lòng anh đang cảm xúc ngất ngây. Nhưng nhớ lại vẻ thảng thốt và bứt rứt trong mắt Lan mấy phút trước đây, anh dần lòng nôn nao xuống và ở yên chờ bên ngoài cho tới khi nàng đứng lên.

Rồi Joseph lặng lẽ bước đến bên Lan, thấy trong gần gũi nhau này một cảm xúc mới. Và bên nhau, cả hai cùng ngắm những vật dụng

thiết thân của vua Minh Mạng - long sàng gỗ tếp với chiếc gối sứ dài có hoa văn; các vũ khí và đồ châu báu được ông ái mộ nhất; các bàn thờ sáng nào quan giữ lăng cũng phải đặt lên đó những đĩa thức ăn mới nấu cùng với thức uống thuở sinh tiền nhà vua thích ngự hưởng nhất.

Cả hai không nói thêm lời nào cho tới khi cùng đứng giữa hai hoa viên chữ Thọ, nơi những cây đồ quyền, cây sứ, phượng màu da cam đua nhau đâm hoa kết lá quanh hai hồ sen nằm kế bên nhau. Nắng đầm ấm và cảnh tịch mịch, thỉnh thoảng chỉ xôn xao tiếng thẳm lặng của một con le le từ mặt hồ phía dưới. Joseph nói thì thẳm kính sợ:

- Thiên đường cũng chỉ thế này thôi Lan ạ. Lăng này không mất đi chút nào sức mạnh huyền bí của nó, phải không?

Lan lắc đầu. Trong nụ cười của nàng vẫn còn dấu vết phiền muộn:

- Nó vẫn còn là chốn đầy quyến rũ - nhưng có lẽ khi chúng ta càng lớn lên lòng lo âu lại lớn hơn gấp bội. Lần này thật ra tôi không trông mong lời cầu khẩn của mình được chấp nhận.

Joseph cau mày, nhắc lại ý của câu đã hỏi một lần:

- Có chuyện gì đang làm bận lòng cô vậy?

Lần này Lan gật đầu và không mỉm cười:

- Có...

Lan bỏ lửng câu nói, bắn khoả nhìn theo những bậc thềm điện đài cho tới khi thấy rõ Tâm và hôn thê đang theo hướng khác, bước lên các tầng cấp cửa Hiền Đức:

- Tôi đang cố gắng đừng nghĩ tới chuyện đó nữa... nhưng... cha tôi rất lo ngại về chuyện rối loạn ở Câu lạc bộ Thể thao hôm nọ. Tính sôi nổi của anh Kim đã từng gây ra những trục trặc trước đó giữa cha tôi và anh ấy. Rồi sau trận đấu quần vợt, anh Kim và cha tôi cãi nhau dữ dội. Anh Kim sỉ nhục ông và thề sẽ trở thành một người cách mạng bôn-sê-vich. Cuối cùng cha tôi ra lệnh anh ấy đừng bao giờ trở về ngôi nhà của chúng tôi nữa.

Việc nhắc lại chuyện đó làm Lan thêm bồn chồn. Nàng xúc động vuốt mạnh chiếc vòng ngọc thạch màu lý trên cườm tay trái:

- Chuyện đó dĩ nhiên làm cả nhà chúng tôi cảm thấy lo ngại.

- Tôi có thấy sáng nay hình như cha cô không giấu nổi vẻ tư lự.

Lan gật đầu, tay vẫn bắt giắc tiếp tục vuốt vuốt chiếc vòng, mạnh hơn:

- Nó ảnh hưởng lên cha tôi nhiều nhất. Tôi nghe kể rằng những vụ lộn xộn của cộng sản sáu năm trước đây là cái gì đó rất tệ hại cho xứ sở chúng tôi. Có lần tôi hy vọng những vụ ấy đã qua hẳn nhưng nay rõ ràng là chưa. Cha tôi sợ rằng tới một ngày nào đó sẽ có nội chiến.

Lan thở dài, mắt đắm chiêu nhìn lên những mái đèn màu vàng lung linh trong nắng:

- Tại chốn xinh đẹp như thế này mà cứ lo âu mãi thì có vẻ như đang tưởng tượng một chuyện không có thật. Khi thuyền sắp cập bến lằng này, tôi đã ao ước rằng vào đây mình sẽ thoát khỏi những ám ảnh ấy và lòng thanh thản trở lại.

Cầm bàn tay Lan bỗng nhiên Joseph nói một hơi:

- Lan ạ, tôi muốn cho Lan thấy xứ sở của tôi. Lan có muốn thấy nước Mỹ không?

Anh nói trước khi kịp nhận ra mình đang nói gì. Thêm lần nữa Lan giật mình thảng thốt, mặt lộ vẻ bất rút. Nàng rút tay về và nói thật nhỏ:

- Joseph, anh bỏ tay ra. Anh Tâm có thể thấy đấy.

Joseph miễn cưỡng buông tay Lan. Nàng quay mình, bắt đầu bỏ đi lên một trong ba chiếc cầu nhỏ dẫn trở lại Điện Sùng Ân. Nhận ra chỉ ít phút nữa thôi cả hai phải theo Tâm về thuyền, Joseph vội giữ Lan lại giữa cầu, dịu dàng nắm cánh tay nàng:

- Lan ạ, tôi nghĩ là Lan cũng có tình cảm đối với tôi. Tôi tự tin mình có thể đọc được tình ý ấy trong mắt Lan. Tôi biết Lan cần thời gian... nhưng tôi có thể quay lại Sài Gòn làm việc trong ít lâu. Đó là cách chúng ta có dịp tìm hiểu nhau nhiều hơn. Lan có muốn tôi làm như vậy không?

- Cha tôi sẽ không bao giờ chấp nhận việc đó.

Lan nghiêng người lách khỏi anh, nhìn qua bên kia hồ. Joseph thấy nàng lại bất rút vuốt mạnh vòng cẩm thạch.

- Tại sao không?

- Vì anh Kim! Có thể anh không hiểu - nhưng lúc này cha tôi cần tới lòng hiếu thảo của anh Tâm và tôi hơn bao giờ hết. Trong hoàn

cảnh như thế này tôi không thể ích kỷ chỉ nghĩ cho riêng mình.

- Nhưng tôi thấy...

Đột nhiên Lan kêu lên thất thanh. Nàng nhào người ra ngoài lan can cầu, hốt hãi ngó xuống mặt hồ bên dưới. Sợ nàng có thể lọt xuống nước, Joseph níu vai nàng:

- Lan, chuyện gì vậy?

Lan quay lại nhìn anh. Mặt trắng bệch, nước mắt ràn rụa, nàng đưa cổ tay lên cho anh xem:

- Chiếc vòng của tôi! Nó rơi xuống hồ rồi!

Joseph dỗ dành:

- Lan đừng lo. Tôi sẽ mua tặng Lan chiếc khác.

- Anh không thể.

- Tại sao không?

- Chiếc vòng ấy là một vật không thể thay thế. Mẹ tôi đưa cho tôi vào ngày tôi hai mươi một tuổi. Nó vốn là của chúa Nguyễn ban tặng cho một tổ phụ của tôi và trở thành bảo vật của dòng họ, truyền từ người mẹ qua con gái, đã hơn hai trăm năm nay.

Joseph bắt lực nhìn vẻ mặt rạn vỡ của Lan:

- Tôi sẽ cố tìm một chiếc y hệt như vậy.

Lan thì thầm khiếp sợ:

- Lại thêm một điềm gỡ!

Cả hai nghe có tiếng chân, Lan ngược lên thấy anh nàng. Rõ ràng Tâm đã nghe tiếng thét của Lan và đang vội vã chạy tới. Lan ứa nước mắt năn nỉ:

- Joseph này, xin anh đừng kể với anh Tâm nhé. Xin anh chớ để cha mẹ tôi hay biết chút nào việc mất chiếc vòng.

Joseph nao nao gật đầu. Khi Tâm tới nơi Lan cười gượng gạo, nói mình cảm thấy chóng mặt muốn té, như vừa bị trúng gió. Tâm bảo hôn thê dìu nàng đi suốt chặng đường trở về thuyền. Từ đầu đến cuối chuyến dò về lại đế đô nàng là người ngồi yên không nói.

Joseph đành phải chuyện trò lan man với Tâm về lăng tẩm, cảnh sắc và phong tục xứ Huế.

Sông Hương vẫn êm đềm và xinh đẹp không kém trước đây nhưng khi ánh sáng dần dần phai, bóng tối bắt đầu len vào các thung lũng, Joseph với tâm trạng chán nản cảm thấy trên những núi non lỏm

chờm kia có cái gì đó dường như đáng ngại mà trong ánh nắng chói chang trên chuyến đò khởi hành chiều nay anh đã không nhận ra.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 6 -

Vào buổi sáng bắt đầu cuộc Lễ Tế Trời, Joseph thoát đầu chỉ cảm thấy có chút lờ mờ quen nào đó trên nét mặt của người Pháp đang nhìn anh với ánh mắt chăm chú và nghi hoặc khi hắn bước vào phòng lễ tân của khách sạn Morin nơi anh trọ. Rồi với sự linh hoạt của ký ức, anh bỗng dưng nhớ tới người lạ lưng khòm anh từng gặp trên đường phố Sài Gòn mười một năm trước, ngay khi vừa chứng kiến cảnh những người tù An Nam kéo xe chở đá thải, chân tay xiềng xích và bị đánh đập tàn tệ.

Kể trong phòng đợi sáng nay cũng có nước da giống y như thế, tựa thứ da khô khan và bệnh hoạn, dính hờ hững trên khuôn mặt xương xẩu. Đôi mắt vàng khè chìm sâu trong hai hốc mắt u tối.

Khi hắn tới gần, Joseph có cảm giác mình ngửi ra cái mùi kéo ngược mình lùi trở lại mười một năm về trước, cũng một mùi xỉn mốc y như thế trong y phục của hắn, để lộ cho thấy hắn là kẻ ghiền á phiện.

Kể đó, với cảm giác choáng váng thấy rõ, Joseph biết ra mình lầm. Bộ mặt già nua, hư hao cằn cỗi này và cái mùi đó không phải là của gã tây thuộc địa khinh khỉnh từng cao giọng lên lớp Chuck và anh trong một thoáng chiều tà trên đường phố Sài Gòn vào năm 1925, vì kẻ anh hiện thấy tại Huế trước mắt mình lúc này chính là Jacques Devraux.

Người Pháp ấy không hạ ánh mắt dò xét xuống cho tới khi Joseph dừng chân trước mặt hắn. Rồi hắn đưa tay ra và cười như thể xin lỗi:

- Bỏ qua cho việc tôi đã nhìn anh như thế. Nhưng khi anh vừa bước vô cửa, tôi thấy giống hệt người anh ruột của anh. Trong một lúc tôi cứ tưởng mình nhìn lầm.

Joseph ngần ngại, không muốn có bất cứ sự đụng chạm thân thể nào với người đàn ông đứng trước mặt. Anh đã kỳ vọng một cách

vô lý rằng Jacques Devraux vẫn y nguyên như ngày cũ - để anh còn soi thấy trong hắt một hình ảnh anh hùng và im lặng, ngay mấy ngày đầu mới gặp, đã tự nó ghi khắc sâu đậm vào tâm trí mười lăm tuổi đầy nhạy cảm của anh, đặc biệt trong chuyến dong ngựa đầu tiên vào rừng.

Dù ý tưởng thấy lại con người ấy thêm lần nữa gây cho Joseph tâm trạng phiền muộn và chua xót nhưng sự sa sút đáng ngạc nhiên trong diện mạo của kẻ từng có thời là người hướng dẫn sẵn bản tính mắt làm nảy sinh và tràn ngập trong anh một cảm giác mới: khinh miệt. Theo sự dồn ép của bản năng, Joseph định phớt lờ cử chỉ chào đón ấy của người Pháp nhưng rốt cuộc quán tính đã thắng. Anh miễn cưỡng chìa bàn tay và nói:

- Việc đó chẳng thành vấn đề. Tôi đã quá quen với chuyện người ta nói tôi giống anh Chuck. Paul cũng nói y như vậy.

Trong không khí im lặng ngượng nghịu tiếp đó, Joseph thấy đôi mắt của Devraux bám lơ lửng trên bộ đồ lặn còn ướt đẫm, quần trong chiếc khăn tắm anh cặp dưới nách, rồi vờn lên mái tóc chưa khô hẳn của anh:

- Dù sao Joseph ạ, đó cũng là một trải nghiệm không mấy thích thú. Tôi xin lỗi.

- Chẳng có gì quan trọng. Xin phép cho tôi hỏi, làm thế nào ông biết tôi đang ở Huế.

- Paul đánh điện từ Sài Gòn ra cho tôi. Nó bảo tôi rằng anh đang viết một cuốn sách.

Devraux nói bằng thứ tiếng Anh lơ lửng trước đây nhưng với giọng đều đều chậm chạp như thể lúc này hắt không muốn hao hơi tốn sức. Thỉnh thoảng lời của hắt vấp vấp:

- Paul năn nỉ tôi phải bảo đảm kiếm cho anh một chỗ thuận lợi nhất để xem thật rõ cuộc tế lễ. Hôm qua tôi có để lại đây mấy chữ, nói rằng tôi có thể sắp xếp một chỗ như vậy cho anh. Tôi tin anh đã nhận được.

- Vâng, tôi có thấy nó. Cám ơn ông.

Tờ giấy đánh máy hôm qua chuyển cho Joseph lúc anh vừa từ lãng Minh Mạng trở về, đại ý ghi rằng: “Chỉ huy trưởng Liêm Phóng Trung kỳ đã chờ anh tới qua và sẽ gọi lại sau bữa ăn sáng nay”.

Joseph đã quyết định nếu không thể tránh gặp mặt, anh sẽ cố chỉ giữ về lịch sự, không hơn không kém.

Bên ngoài khách sạn, đường phố Huế treo đầy cờ long tinh và các biểu ngữ với những câu chúc tụng và loan báo điềm lành, đang nhanh chóng tràn ngập các đám đông dân bản xứ nườm nượp kéo tới để có thể xem cảnh đám rước và chiêm ngưỡng long nhan thấp thoáng của Hoàng đế Bảo Đại. Joseph hoa tay về phía cửa sổ, theo hướng những đoàn người đang đi:

- Đã khá trễ. Tôi tới đó bằng cách riêng của mình có lẽ tiện hơn; chỉ cần đôi ba phút sửa soạn.

Devraux nhún vai:

- Xin tùy anh. Nhưng theo lời yêu cầu của Paul, tôi có chuẩn bị phương tiện đặc biệt cho gia đình họ Trần, và thật sung sướng nếu được đưa anh vào chung nhóm với họ. Nếu đi riêng anh chỉ có thể thấy khoảnh khắc rước vua với một chút nghi lễ và quang cảnh vĩ đại ở Ngọ Môn khi nhà vua rời Kinh Thành thôi. Còn nữa, nếu đi một mình qua bên kia sông Hương anh không thể nào theo đám rước quay về bờ nam sông bên này vì trước khi nhà vua qua sông và ngay sau đó, cầu Tràng Tiền bị cấm đi lại suốt hai tiếng đồng hồ. Tôi đã sắp sẵn một chiếc thuyền để đưa gia đình họ Trần và tôi về lại bên này sông. Sau đó, có xe của Sở Liêm Phóng chờ sẵn, chở chúng ta tới quan chiêm ở Nam Giao. Tôi cũng đã dành sẵn chỗ cho anh và gia đình họ Trần bên trong tầng thứ nhất trên tể đàn để đêm nay xem giai đoạn cao điểm của chính lễ.

Joseph chỉ lưỡng lự một giây - rồi viễn ảnh được gặp lại Lan làm rung chuyển quyết định của anh. Tại Trung Hoa, nghi lễ Tế Trời có từ ba ngàn năm trước và đã không còn được cử hành từ sau cuộc cách mạng lật đổ chế độ quân chủ ở Bắc Kinh vào năm 1911. Như vậy, Huế là nơi độc nhất trên thế giới còn cử hành lễ tế thái cổ vốn được thừa hưởng từ các hoàng đế Trung Hoa ấy. Dường như chẳng bao lâu nữa chắc chắn truyền thống này cũng sẽ tàn lụi.

Thêm nữa, vì những nghi lễ công phu và phức tạp này chỉ cử hành ba năm một lần nên Joseph hiểu đây là cơ hội có một không hai trong đời mình. Việc ngắm nhìn đám rước long trọng ra khỏi Tử cấm thành và đi theo nó qua sông Hương tới đàn Nam Giao chắc

chấn là một nệm trải không thể nào quên.

Đối xứng với Xã Tắc ở nội thành là đàn tế đất, Nam Giao, đàn tế trời, là một quần thể thiêng liêng có tường đá bao quanh, tương tự Tế Thiên Đàn mái xanh ở Bắc Kinh, nơi Hoàng Đế phải trải qua trọn một ngày trăm tư mặc tưởng trước giờ cử hành các nghi lễ thiêng liêng. Joseph quyết định rằng họa có điên mới bỏ qua cơ hội hiếm hoi này để được chứng kiến trọn vẹn quang cảnh lộng lẫy ấy từ một vị trí quan sát ưu tiên. Anh vừa nói thật lẹ vừa chạy tới chân cầu thang:

- Vâng, nếu ông không phiền lòng chờ tôi một chút hoặc có thể lâu hơn một chút. Tôi rất sung sướng nhận lời mời của ông.

Thành quách kinh đô rực màu đỏ thắm dưới ánh mặt trời đang mọc khi mười lăm phút sau đó, Joseph và Devraux đặt chân lên cây cầu Tràng Tiền hiện đại sáu vài mười hai nhịp bằng sắt đan vào nhau, trông xa như thể hơn chục chiếc lưới cùng tung lên, thấp thoáng giăng ngang và uốn lượn mờ màng trên mặt nước sông Hương êm đềm.

Mỗi đầu cầu đứng sẵn một thớt voi của nhà vua, phủ bành vàng và che lọng vàng, được điều khiển bởi hai quân tượng người An Nam mặc triều phục màu xanh dài tới cổ chân. Người và voi đang chuẩn bị cắt đường lưu thông ngay khi có tiếng nổ của chín khẩu thần công bên trong Hoàng Thành báo hiệu đức vua sẵn sàng rời hoàng cung. Tuy thế, còn mười phút nữa mới có dấu hiệu ấy. Và lúc này, bốn phía chung quanh Joseph và chỉ huy trưởng Liêm Phóng, đông đảo dân chúng nao nức, náo nhiệt và lũ lượt kéo nhau đi qua cầu sang bờ bắc.

Trong các đám đông chen chúc ấy có một chiếc xe kéo tồi tàn, không gây chú ý cho ai, đang chở con người tiều tụy của Ngô Văn Lộc. Khuôn mặt anh núp dưới chiếc mũ nỉ rộng vành. Anh khoác trên thân thể còm cõi của mình chiếc áo cộc trắng và quần dài đen của một thư ký sở tư người An Nam bị anh và Đồng, con trai anh, phục kích và trấn lột đêm qua trong một con đường chật hẹp bên rìa khu dân cư bên kia cầu An Cựu.

Đồng ở trần, ung dung nhảy nhót giữa hai càng xe kéo. Trên đầu

anh quần chiếc khăn rằn mở quạ kiểu người lao động từ trong Quảng ra Huế kiếm sống. Nếu người Pháp và Joseph có quay lại nhìn cũng không nhận ra đó chính là cậu bé mười ba tuổi từng nô đùa huyền não nơi trại săn trong rừng. Đồng ngày nay đã thành một thanh niên hai mươi bốn tuổi, cao lêu khêu nên phải làm ra vẻ lưng còng để giữ cho còng xe kéo nằm ngang hông. Dù đang sắm vai cu-li xe kéo với đôi mắt đầy cảnh giác và nhẫn nhục, Đồng vẫn tỏ ra rất tự tin vào thể lực và chiều cao quá cỡ của mình.

Từ trên ghế xe, Lộc chúí người tới trước nói nhỏ bên tai con:

- Cha chắc chắn nó chính là thằng Mỹ đã nói cho cha nghe chuyện thằng Devraux lúc này đang ở Huế. Có vẻ cả hai thằng đang trên đường đi tới Ngọ Môn. Đừng tới gần, đừng làm gì hết. Chung quanh chỗ này đông người ta quá.

Đồng gật đầu vâng lời, chân bước chậm lại. Sáng nay, trước khi hai cha con bắt đầu theo dõi Devraux từ nhà của hắn, Đồng có hứa hoàn toàn làm theo lời cha vì chính cha là người quyết định thời điểm tốt nhất để ra tay hành động. Đằng sau anh, Ngô văn Lộc sửa lại thế ngồi trên xe kéo, dùng bàn tay lạnh lặn nâng cườm tay bại liệt lên đặt thoải mái trên đùi.

Khi hai cha con tiếp tục qua cầu Tràng Tiền, nhiều lần Lộc nhìn về bờ nam nơi trước đó cả hai đã thấy Devraux cho đậu hai chiếc ô-tô Renault của Sở Liêm Phóng trước khi hắn tạt vào khách sạn Morin gặp người Mỹ. Trong một lúc, Lộc nhú lông mày suy tính. Rồi anh chạm nhẹ báng thép khẩu súng lục Beretta lặn nơi lưng quần và đưa mắt tìm kiếm chờn vờn trong đám đông phía trước, cho tới khi ánh mắt của anh yên chí đậu lại và bám riết chiếc lưng lúc này hơi khòm, phủ bằng áo vét-tông trắng của Devraux.

- Không giao hợp... không ăn tối... không uống rượu... tắm nước nóng nhiều lần và cầu nguyện - Đó là những phép tắc “Đại Trai Giới” buộc nhà vua phải giữ từ ba hôm nay, hoặc ít nhất lý ra phải giữ.

Bộ mặt tàn tạ của Devraux vắn vẹo thành một nét cười châm biếm khi hắn liếc người thanh niên Mỹ đi bên cạnh:

- Sau khi đã trải qua thời gian mười năm trẻ tuổi sống phóng túng

tại Paris, đức vua bị nhiều phe nhóm trong tôn nhân phủ và triều đình nghi ngờ vợ vẫn rằng chẳng biết hoàng thượng có giữ nổi “Đại Trai Giới” hay không - dù chỉ vòn vẹn có ba ngày!

Joseph nghe nhưng không trả lời. Devraux nói tiếp:

- Dù gì cũng phải giữ thôi. Đó là nhiệm vụ căn bản và tối thiểu mà các chủ nhân cần ông ta thi hành: thỉnh thoảng thực hiện vai trò tư tế của một đảng quốc chủ. Dù sao đi nữa, những kẻ viết vở tuồng quân vương cho ông ta đóng đã dự kiến rằng ông ta có khả năng đáp ứng nhu cầu đông phương huyền bí của thần dân.

Đang bực mình tự hỏi không hiểu tại sao lúc này Devraux lại nói nhiều đến thế, Joseph mừng rỡ khi thấy hiện ra quang cảnh chiếc cầu đá bắc ngang hào thành dẫn vào cửa Thượng Tứ. Trước tiên, mắt Joseph bắt gặp thấp thoáng những mái hoàng cung màu vàng từng làm anh mê mẩn khi còn là một cậu bé. Từ hôm qua đến nay, tâm trí anh vẫn nguyên vẹn cảm giác ngất ngây trước vẻ đẹp thanh nhã u trầm đầy quyến rũ của lăng Minh Mạng và lúc này, lời chế giễu của Devraux đào sâu thêm sự thương tổn anh đang cảm thấy khi ở cạnh hắn:

- Monsieur Devraux ạ, ông nói vậy nghe có vẻ như nước Pháp có lý do để hãnh diện về sự hư hoại do chính nó đem tới cho người An Nam.

Joseph không màng giấu sự thù nghịch trong lòng mình và Devraux liếc anh thật sắc. Thêm lần nữa, Joseph thoáng thấy trên vẻ mặt của người Pháp có dấu vết ngạo nghễ dữ dằn của một người lính, cái ngạo nghễ từng có thời làm hắn nổi bật trong mắt anh và mọi người.

Liền đó, Devraux nhún vai, quay mặt qua chỗ khác:

- Joseph ạ, thời đại đang thay đổi. Sớm muộn gì mọi sự cũng thay đổi.

Joseph nói sôi nổi:

- Ông có biết rằng suốt mấy ngàn năm nay, sức mạnh của Lễ Tế Trời mang tới cho dân tộc này ý nghĩa của sự sống. Đối với họ, trong cuộc sinh tồn, Trời luôn luôn là cha và Đất lúc nào cũng là mẹ. Họ bao giờ cũng tin tưởng rằng ân phúc của những thần linh vĩ đại cai quản vũ trụ có thể được ban xuống cho họ qua công đức

của hoàng đế và các tiên vương - đó là lý do khiến nhà vua phải được nhìn như một nhân vật thần bí và tách biệt khi ông ấy cứ ba năm một lần làm chủ tế tiến dâng các lễ vật thiêng liêng. Nếu nước Pháp làm cho niềm tin ấy bị lâm nguy bằng cách giữ đức vua của họ ở Paris suốt một nửa cuộc đời thanh xuân của ông ấy, theo tôi, thật khó có thể hãnh diện về một việc làm như thế.

Devraux cảm thấy càng lúc càng giận Joseph nhưng vẫn thêm lần nữa mỉm cười:

- Có thể anh có lý. Nhưng bản thân nhà vua hình như không phản đối việc đó. Tôi nghi ngờ rằng vào giờ này hẳn ông ta thích ngồi đánh xì dách hoặc chơi xì phé hơn. Ông rất yêu chuộng các lá bài - và ông cũng là một thanh niên hai mươi bốn tuổi đánh gôn rất cừ. Ông phóng quanh đồi núi vùng này trên chiếc xe thể thao đắt tiền của Pháp, mặc áo thun quần soóc và cố gắng vượt lên trên Huế.

Devraux hoa tay như muốn chỉ vòng qua tường thành cao sáu thước, nói với giọng dung tục:

- Hình như ông ta muốn tìm cách quên lãng một điều gì đó. Vì cũng như các thâm cung đầy bí sự của bậc vua chúa, trong tôn nhân phủ người ta rỉ tai nhau rằng tiên vương Khải Định không có khả năng “đi lại” với phụ nữ nên Bảo Đại là đứa con gây giống của một hoàng thân chữ Hường, thứ bậc cách hai đời trưởng thượng so với Khải Định vốn thuộc hàng chữ Bửu. Có lần gã hoàng thân chữ Hường ấy say rượu, đòi nhập cung thăm con, bị thị vệ chặn lại, đuổi về. Người ta còn bảo tên thật của đức vua lý ra phải là Ứng Thụy...

Cảm thấy bực giận vì lời nói của Devraux, Joseph cắt ngang:

- Thì ra gia phả hoàng tộc cũng thuộc tầm nghiên cứu đặc biệt của Nha Liêm Phóng! Nhưng thâm cung bí sử không là chuyện độc quyền của các dân tộc phương đông. Theo chỗ tôi biết, ở bất cứ nước nào và bất cứ thời nào, thần dân không bao giờ xem hoàng đế, hoàng gia và hoàng tộc là những kiểu mẫu đạo đức. Họ cần đáng quân vương như một biểu tượng công đức, một giá trị truyền thống, một kênh giao tiếp với đất trời và tượng trưng cho sự ổn định của quốc gia để họ yên tâm sinh hoạt. Giả dụ điều ông vừa nói là chính xác, tôi thấy, đó không phải là điều gây hổ thẹn cho cá

nhân đức vua, ngược lại, nó còn cho thấy vị quốc chủ An Nam này quả thật rất bất hạnh.

Devraux nín lặng. Hắn chạm nhẹ cánh tay Joseph, có ý bảo rẽ đường vào cổng thành, rồi dịu giọng:

- Kể cũng đáng thương thật nếu nhìn theo con mắt người cha. Bảy tuổi bị phụ vương bắt sang làm con nuôi của Khâm sứ, có lẽ như một cách ủy thác tín vật nhằm củng cố ngai vàng. Chín tuổi phải sang ở xứ người, gọi là du học. Mười năm chịu sự uoán nắn dạy bảo theo ý người ta, thành quả chuỗi ngoài vàng trong trắng. Tôi không biết khi hồi loan cách đây bốn năm, ông ta có thấy mình lạ lẫm với dân tộc không. Nhưng tôi biết chắc ông ta là người ham hoạt động và thông minh. Cũng là người có óc thực tế. Ông ta hiểu rõ rằng người ta thật ra không thể sống trong quá khứ.

Joseph không trả lời. Khi cả hai đi vào quăng đường trống giữa Kinh thành và Hoàng thành Đại Nội, Joseph bắt gặp đông đảo triều thần y bào lộng lẫy, đứng thành hàng ngũ chỉnh tề bên ngoài Ngọ Môn đang khiêm cung ngóng đợi hoàng thượng.

Mái lầu Ngũ Phụng trên Ngọ Môn lợp ngói hoàng lưu ly, kiến trúc y theo kiểu Thiên An Môn tại Bắc Kinh, lấp lánh như chim phượng rung cánh trong nắng sớm. Lính thị vệ đội nón chóp cắm que nhọn màu vàng đang đứng xen kẽ với các quan mặc lễ phục, các nhạc công và những người khiêng án và kiệu. Giữa họ là những tướng lãnh An Nam mặc võ phục bằng gấm thêu lông lánh kim tuyến màu lục màu tím, cỡi trên những con ngựa nhỏ chân ngắn và khỏe. Từ bên trong thành Đại Nội, Joseph nghe vọng ra tiếng chiếc kèn nghi lễ dài ngoằng kiểu Tây Tạng bắt đầu đột ngột cất lên, rất cao và rền rĩ vượt trên tiếng trống và đồng bát. Theo bản năng, anh cất bước thật lẹ và nói háo hức:

- Đức vua đã sẵn sàng lên đường. Chúng ta tới vừa kịp.

Vào lúc Joseph và Devraux biến mất trong bóng tối vòm cửa Thượng Tứ, Ngô văn Lộc chòm người tới mé trước xe kéo, đập tay lên vai con trai:

- Chạy lẹ về lại cầu Tràng Tiền, trước khi nó bị cắt không cho ai qua. Chúng nó phải đi thuyền về lại bờ nam để lên ô-tô. Cha con mình sẽ ra tay ngay chỗ đó.

Đồng lập tức trở đầu xe, phóng nước đại. Anh tới đầu cầu kịp lúc tiếng súng thần công từ trong thành lũy kiên cố bắt đầu vang ra. Xe kéo của anh là chiếc cuối cùng được phép qua cầu sang bờ nam. Vài giây sau, hai quân tượng An Nam nài thốt voi của mình vào vị trí chặn hai đầu cầu lại.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 7 -

Tiếng chiếc chuông đồng độc nhất từ lan can thiếp vàng của lầu Ngũ Phụng trên cửa Ngọ Môn ngân vang báo hiệu đoàn hộ giá của đức vua ra tới. Joseph thấy tiền đội xuất hiện từ bóng tối sâu thẳm dưới vòm cong hai bên Ngọ Môn. Cùng với tiếng chuông ngân vang ấy, sáu người mặc triều phục, lưng đeo cân đai, đầu đội mũ nhỏ và đi chân trần, khiêng kiệu long liễn dưới mắt canh chừng của lính thị vệ. Tiếp đó, một số tướng lãnh ngồi trên lưng ngựa, di chuyển chậm chậm, theo sau ngự giá những chiếc long đình khác bên trong đặt lễ phục và lễ vật cá nhân của nhà vua: áo cổn, trầm hương, chung rượu bằng vàng, gương và đèn lồng.

Một đoàn người dài gánh chiêng trống và các nhạc công tấu nhã nhạc nỉ non réo rắt bằng đàn đá. Rồi trong nắng mai chói lọi chập chờn hiện ra những người vẽ mặt trịnh trọng, tay cầm phướn loan diềm lạnh; cờ ngũ hành kim mộc thủy hỏa thổ, vũ, phong, lôi; cờ nhị thập bát tú, nhật quang, nguyệt quang, thất tinh; án “Phúc Tửu” bên trên che hai lọng vàng; v.v.

Từ các hương án bên đường, khói trầm và nhựa thơm xông lên ngào ngạt, xoáy tròn rồi lan tỏa lừng lờ thơm ngát trong gió nhẹ sớm mai. Các đội ngũ triều thần áo bào lộng lẫy lần lượt hiện ra nơi cổng thành Đại Nội trong tiếng nhạc inh ỏi của đồng bát và chiêng làm Joseph cảm thấy mình bênh bồng trôi dạt về một thời quá khứ huyền bí của Á Đông.

Kế đó, Long Xa được kéo bởi tám con ngựa đực và Long Kỳ - cả

hai đầu để trống trong cuộc hành trình từ nội cung ra ngoại thành. Theo sau có đàn ngựa trắng đông đảo được nuôi trong chuồng ngựa của đức vua, không người cỡi. Đi bên chúng là những lính giữ ngựa mặc đồng phục, tay giơ cao lọng vàng che lưng ngựa không yên, chỉ phủ vải vàng. Xong, lại tới nhiều vũ công, nhạc công và người khiêng kẻ gánh đi lượn lờ qua cổng môn quan, chuyển động thành một làn thủy triều sắc màu loè loẹt.

Rồi bỗng rền lên tiếng chiêng tiếng trống. Nghe âm thanh báo hiệu đó, các đám đông khán giả đang chờ vội vàng nghênh cổ tìm bóng dáng đấng quân vương dù biết rằng chỉ có thể thấy thoáng long nhan.

Trong bầu không khí yên lặng và trịnh trọng trông ngóng ấy, Joseph không cưỡng nổi cảm dỗ, quay đầu về phía Lan. Nàng đứng với Tâm và mẹ chỉ cách Joseph một hai thước trong cùng một lô bốn phía có rào ngăn, dành cho viên chức cao cấp Pháp và các gia đình thượng quan An Nam.

Nhón gót và đang cố giữ thăng bằng, Lan đưa tay che mắt, chăm chú nhìn về hướng Ngọ Môn, chờ đấng quốc chủ An Nam và thân phụ nàng trong số các quan tháp tùng. Sáng nay, nàng mặc áo dài bằng tơ màu tím Huế dài trang, trên ngực và nơi chéo áo điểm hoa văn cầm chướng sắc hoa cà tao nhã. Joseph nghe như mọi giác quan của mình bừng lên rộn ràng khi thấy làn vải sa mỏng manh và nhẹ nhàng ấy theo ngọn gió nhẹ dán sát lên cơ thể mảnh mai của nàng.

Bàn tay của Joseph thọc sẵn trong túi áo vét đang nắm vuông khăn lụa gói chiếc vòng ngọc thạch và anh tự hỏi không biết bao giờ mới có cơ hội trao cho Lan. Lúc vừa tới nơi này Lan chào anh, chân phương và trang trọng không kém cái chào của mẹ nàng và Tâm. Rồi trong khi chờ đám rước xuất phát, tuy anh ngóng mãi và chưa một lần bắt gặp ánh mắt Lan nhìn lại, Joseph vẫn có cảm tưởng nàng chưa dứt khỏi tâm trạng rã rượi chiều hôm qua. Anh dự định bằng cách nào đó sẽ âm thầm dúm thật nhanh chiếc vòng ngọc vào tay Lan để thấy trên mặt nàng ánh lại vẻ cười - nhưng rồi anh vẫn chưa dám vì sợ không khéo mình chỉ làm nàng giật mình thảng thốt.

Tiếng thì thầm háo hức truyền rì rào qua đám đông kéo sự chú ý của Joseph về lễ môn. Anh quay người lại, kịp thấy xuất hiện từ bóng tối cửa chính giữa Ngọ Môn, ngự liễn - kiệu đức vua ngồi - đặt trên vai khiêng của mười hai ngự lâm quân cao lớn. Kiệu là phẩm vật của vua Louis XVIII tặng Hoàng đế Gia Long, khung thiếp đen bóng loáng, chạm lộng bằng vàng lộng lẫy và hai bên che bốn lọng vàng. Thịnh thoảng tia nắng mặt trời chói lọi lọt qua tàn lọng làm kiệu chớp ánh hào quang rực rỡ.

Lúc ngự liễn đi ngang Joseph, anh thấy thấp thoáng vóc dáng thanh tú của Bảo Đại trong hoàng bào rực rỡ, khi ẩn khi hiện nơi bóng tối trong lòng kiệu. Đầu nhà vua chít khăn lụa trang nhã cùng màu và ông ngồi bất động trên ngự kỷ. Không khí im lặng sâu lắng bao phủ đám đông, chỉ nghe tiếng bước chân nhè nhẹ của lính khiêng kiệu đang đi rón rén trên mặt đường lót đá.

Những thành viên trưởng thượng của tôn nhân phủ và các quan thượng phẩm triều đình theo sau kiệu nhà vua, trên những chiếc xe có mui do gia nhân kéo, trân trọng giữ một khoảng cách tôn kính. Joseph thấy Lan kín đáo kéo tay áo mẹ lúc Trần văn Hiếu đỉnh đạc và ngồi yên lướt qua, đầu đội mào cánh chuồn.

Khi quay sang phía Joseph đứng, mặt Lan vẫn nguyên vẻ hân hoan với nụ cười rạng rỡ. Thừa dịp may mắn ấy, anh vừa cười lại thật tươi vừa bước vội tới bên Lan:

- Tôi có thể nói chuyện riêng với Lan một chút không?

Nói xong và trong khi chờ câu trả lời, thêm lần nữa Joseph nắm chặt chiếc vòng ngọc thạch trong túi áo. Hai người đứng bên nhau khá lâu, lưng dựa về phía mẹ nàng và Tâm, cùng nhìn hậu đạo chậm chậm đi qua hết và đang ở nửa quãng đường giữa Ngọ Môn và cửa Thượng Tứ. Khi tiếng chiêng trống nổi lên báo hiệu tiền đạo đã tới đầu cầu Tràng Tiền và bắt đầu sang sông, Lan vẫn không trả lời.

Rồi đột nhiên vang tới tai Joseph tiếng động cơ xăng dầu nổ chát chúa và lạch lổng. Anh nhìn quanh, thấy một đoàn xe hơi Citroën đen bóng loáng từ Ngọ Môn phóng ra; trên xe chở Toàn quyền Đông Dương với đoàn tùy tùng. Bên trong những chiếc xe thùng dài ấy, các quan chức người Pháp ngồi im lặng, không nhúc nhích,

chỉ có hai con mắt là nhìn thẳng tới trước y như hoàng đế. Nhưng trên da mặt trắng nhợt của họ tỏ rõ nét kiêu căng ngạo mạn, tương phản với vẻ bần khổ bứt rứt trên khuôn mặt màu ô liu của vị quốc chủ An Nam.

Đột nhiên Jacques Devraux xuất hiện bên khuỷu tay Joseph và nói: - Nếu anh muốn có mặt ở Nam Giao cho kịp nhìn lúc đám rước tới nơi, chúng ta phải rời khỏi đây ngay để qua sông.

Vài giây sau Lan cũng cất bước, đi giữa mẹ và Tâm. Joseph chỉ còn biết cố ra vẻ tự nhiên đi theo sau với Devraux.

Dưới bóng râm của một cây me xương xẩu trên bờ nam sông Hương, Ngô Văn Lộc vươn thẳng lưng trên ghế lót nệm của xe kéo khi anh bắt gặp con thuyền của Jacques Devraux đang hướng mũi ra giữa sông. Hình dáng mặc vét-tông trắng của viên chỉ huy Sở Liêm Phóng nổi bật bên mạn thuyền khi hấn ngồi cạnh người thanh niên Mỹ. Cách khoảng hai trăm thước trên con đường dọc bờ sông, Lộc có thể thấy hai tài xế Liêm Phóng đang đứng canh chừng kẻ bên hai chiếc xe du lịch đen hiệu Renault.

Sau khi thận trọng liếc chung quanh xem có ai chú ý tới mình không, Lộc lộn ngược lưng quần lấy khẩu Beretta ra, nhét xuống dưới nệm xe. Rồi gật đầu đầy ý nghĩa với con trai đang ngồi chồm hổm trên bãi cỏ cạnh gốc me, Lộc leo xuống xe, cất bước chậm chậm như đang thờ thần đạo mát dưới hàng me bên sông, đi về phía hai chiếc xe Renault của Sở Liêm Phóng. Chờ cha đi khá xa, Đồng đứng dậy, khoác lên mình chiếc sơ-mi sòn rách rồi tới nâng hai càng xe lên và bắt đầu kéo xe nước kiệu, cũng chạy về phía hai chiếc ô-tô ấy.

Dưới thuyền, Joseph có thấy chiếc xe kéo đang chạy men theo bờ sông nhưng không để ý. Đôi mắt lẳng đặng của anh tiếp tục hướng tới vóc dáng mảnh mai của Lan đang ngồi bên mẹ ở gần đầu mũi thuyền. Tuy vẫn nghe tiếng chiêng và tiếng đồng bát chói tai lan trên mặt nước sông xanh nhưng vào lúc này, lòng Joseph không còn háo hức với đoàn người y trang lộng lẫy đang bước đi như một luồng hoa giấy lễ hội ở chốn xa xa kia. Anh đang để đầu óc mình xiêu lạc trong những nghĩ tưởng về Lan.

Lan ngồi nhìn tới đàng trước thuyền. Trời chưa thật nóng nên chiếc

nón bài thơ vẫn úp trên tà áo. Trong dịp lễ hội này, nàng trang trọng búi tóc lên, cài ngang búi tóc chiếc trâm ngọc. Joseph lặng người ngắm mấy sợi tóc buông lơ lửng, bay lùa xoà trong gió nhẹ làm Lan cứ phải đưa ngón tay lên vuốt lại, nhưng chỉ được một thoáng rồi tóc nàng lại lỏng lơ lửng bay. Thấy vậy, Lan cúi thấp đầu và nghiêng đôi má ra đằng sau xuôi theo chiều gió, có lẽ cố ý chờ cho những sợi tóc mây lùa xoà ấy cùng theo nhau rũ xuống một lượt để nàng tiện hất ngược lên chỉ một lần. Đúng lúc ấy Lan thoáng bắt gặp ánh mắt của Joseph. Anh liền mau mắn mỉm cười như có ý hỏi han nhưng rồi lại thất vọng, vì có vẻ như không thấy anh, Lan nhẹ nhàng xoay mặt về hướng cũ.

- Cha anh xoay sở thế nào với thương tật ông ấy phải chịu sau tai nạn?

Joseph giật thót người vì tiếng nói của Jacques Devraux vang lên bên tai. Anh trả lời dè dặt:

- Cha tôi không bao giờ chịu gấn gằng tay giả. Ông rất ngoan cường, không để cho nó ảnh hưởng nhiều tới cuộc sống hằng ngày. Với chỉ một tay, ông làm hầu hết những công việc đòi hỏi hai tay. Người Pháp gặt đầu:

- Cha anh là người rất cương quyết.

Đăm đăm nhìn viên chỉ huy Sở Liêm Phóng trong một lúc, Joseph nói thật điềm tĩnh, cố giấu sự quan tâm đang bùng lên mãnh liệt trong lòng mình:

- Monsieur Devraux ạ, thật ra tôi không kỳ vọng gặp lại ông. Nhưng dù sao cũng đã gặp nhau, xin ông vui lòng kể cho tôi nghe chính xác trong hôm tai nạn đã xảy ra những gì?

Thay cho câu trả lời, người Pháp quay đầu nhìn xuống mặt sông rồi ngoảnh tới hướng có đám rước và dành thì giờ chăm một điệu xì-gà nhỏ, loại hai đầu cắt bằng nhau. Sau cùng, hấn thở khói chậm chậm ra đằng mũi và nói:

- Tôi hi vọng cha anh đã duyệt xét kỹ lưỡng toàn bộ việc đó rồi, đúng không? Tôi không trực tiếp liên can.

- Nhưng không phải chính ông là người chịu trách nhiệm về sự an toàn của cha tôi sao?

Thêm lần nữa người Pháp không trả lời thẳng:

- Chỉ đúng như thế nếu trong hoàn cảnh bình thường. Nhưng trưa hôm đó, cha anh đã công khai quyết định tự một mình ông ấy chịu hoàn toàn trách nhiệm.

- Tại sao?

- Cha anh đang bị sốt rét hành. Tôi đã cố hết sức khuyên ông ngưng việc đi săn trong cái nóng ban trưa. Ông quyết định bỏ ngoài tai lời khuyên của tôi.

- Và có phải đó là lý do gây ra tai nạn?

Giọng Joseph run run khi anh đặt câu hỏi ấy, và lần đầu tiên Jacques Devraux quay mặt lại nhìn anh. Hắn hỏi lại, thận trọng:

- Anh có từng thảo luận việc này với Paul không?

- Không - hoàn toàn không.

Người chèo thuyền chậm chậm điều chỉnh mũi thuyền khi tới gần bên đá. Trong một lúc lâu người Pháp nhìn thật kỹ bộ mặt căng thẳng của Joseph:

- Cha anh và Chuck, anh của anh, tiếp tục tự mình đi trước... Khi tôi theo kịp thì đã trễ.

Hắn lại rút mạnh điều xì gà rồi ném nó xuống nước:

- Tôi chỉ có thể kể với anh thế thôi.

Cách đó năm mươi thước dọc theo mé nước ở hướng ngược lại, theo chân cha đang bước đi đằng trước từng bước dài tuy vẫn có vẻ như thơ thẩn, Đồng kéo xe chạy về phía hai chiếc ô-tô Renault của Sở Liêm Phóng. Thấy chiếc thuyền chèo Devraux sắp cập bến, anh dừng chân xoay lưng cúi mình lần tay vào nệm xe kéo. Khi Đồng đứng thẳng người lại, áo sơ-mi của anh phồng lên ngang chỗ thắt lưng nơi lặn khẩu súng lục.

Lúc thấy Devraux đỡ người đàn bà An Nam lớn tuổi bước lên bậc đá sát mé nước, Đồng bắt đầu kéo chiếc xe không người chạy đều bước và khởi sự tăng tốc độ khi viên thanh tra Liêm Phóng dẫn nhóm người đi theo hắn tới chỗ đậu ô-tô. Trong một thoáng, Đồng tưởng mình tính sai khoảng cách nhưng anh nhẹ người khi thấy Devraux ra hiệu cho hai người An Nam trẻ và mẹ họ lên ghế sau của chiếc xe thứ nhất rồi đứng giữ cánh cửa trước cho Joseph chui vào.

Đồng nghe Devraux ra lệnh cho tài xế chở cả bốn người đi theo

con đường đất gằn dưới chân núi Ba Tầng, bên cạnh đàn Nam Giao, để lên thẳng chỗ dự khán. Tới lúc chiếc Renault ấy rồ máy chạy, Đồng cũng bắt đầu chạy hết tốc lực rồi chuẩn bị quành chiếc xe kéo để vọt xéo qua đại lộ rộng lớn, chạy qua mé đường đậu chiếc ô-tô còn lại của Sở Liêm Phóng đang chờ Devraux bước lên. Ngay lúc ấy, có một tài xế người Pháp đang lái chiếc Citroësn phóng nhanh ở giữa đường, ngay sau chiếc xe kéo của Đồng. Thấy có gã cu-li xe kéo thành linh vọt ra choán ngay trước mặt mình để quành xe, y lập tức gập người bóp còi inh ỏi. Tuy có thể thắng ô-tô lại dễ dàng nhưng hình như y nổi cáu vì sự đổi hướng điên cuồng của gã cu-li xe kéo. Nghe tiếng còi, Đồng liếc ngoái thật nhanh, cổ hết sức phóng thật lẹ cả người lẫn xe qua bên kia đường, nhưng không còn kịp.

Chiếc đèn мая kèn bên trái đầu xe Citroësn móc trúng gờ sau của chiếc xe kéo, húc nó lật nghiêng. Trong chớp mắt, càng trước của chiếc ô-tô tông vào chiếc xe kéo, nghe rắc một tiếng thật lớn. Sức va chạm mạnh tới độ hất Đồng văng qua mé đường bên kia, té lộn ngược. Khẩu súng lục nhét nơi lưng quần dưới lớp áo sơ-mi tung lên không rồi rớt xuống, kêu rồn rảng trên mặt đường nhựa trong bầu không khí chừng lại im lặng sau tai nạn. Súng văng tới gần bên chân của Devraux. Người tài xế sững sốt lợm lên, đưa cho hấn. Choáng váng vì bị húc nặng, Đồng lão đảo đứng dậy. Vai anh bị rách một lần dài và sâu. Máu ứa ra ướt đầm mảnh áo rách còn lại trên người. Thấy Devraux giận dữ chỉ chỗ về hướng mình và thét bảo tài xế của hấn tới tóm bắt, Đồng quay người cất chân bỏ chạy ngược trở lại hướng vừa rồi. Ngay khi ấy, một đám đông dân chúng đổ dồn tới, trở mắt nhìn kết quả của cái họ tưởng chỉ là một tai nạn giao thông đơn giản. Ngô văn Lộc tê cóng, nín thở, im lặng lẫn vào đám đông trong lúc người tài xế rượt kịp Đồng đang chạy cà nhấc, tóm chặt hai tay anh, đẩy về phía chiếc Renault.

Ngô văn Lộc đứng khá gần, đủ để nghe Jacques Devraux ra lệnh gọn lỏn cho người tài xế còng tay Đồng, mang thẳng về trụ sở Liêm Phóng để thẩm vấn. Và khi chiếc ô-tô của mật vụ lăn bánh chạy khuất, Lộc quay mình chờ đản bỏ đi. Anh thất thểu bước dọc

con đường nhỏ men theo bờ sông, cố nuốt những giọt nước mắt
thương cảm và thất vọng, uất hận và chua xót.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 8 -

Ngàn chiếc lồng đèn nhỏ treo cao bên trên vòng thành bằng đá bọc quanh đàn Nam Giao lung linh sáng như những vì sao giữa bầu trời đen nửa đêm. Bên trong tế đàn thiêng liêng, một ca đoàn gồm quan xướng lễ và những ca nhân cung đình cất tiếng loan báo và truyền bảo vạn vật thình lặng. Tiếng hát của họ vang lên trong trời đêm mát dịu, vượt qua bên kia vòng tường đá, nghe rõ từng âm thanh, lan xa trên những con đường thành phố đang im ngủ. Đàn có bốn cổng vào. Trên mỗi cổng treo một lá cờ đuôi nheo lấp lánh chữ nho thêu vàng, đánh dấu rõ rệt bốn phương đất trời: cờ màu đen xác định phương bắc, màu trắng phương tây, màu xanh phương đông. Ba cổng ấy đều đóng kín. Chỉ riêng lá cờ đỏ như màu máu lay động uể oải trong gió nhẹ trên cổng phương nam đang mở sẵn mà theo lý thuyết thờ phượng thời thái cổ, cổng này dẫn thẳng tới Thiên đình.

Ngay chính giữa đàn, những chiếc đèn dầu dùng làm đèn canh thức, đặt trên mũi các ngọn sào cao, đã được thắp sẵn, toả ánh sáng màu da cam lung linh và tràn ngập các bậc cấp dẫn lên đàn.

Đàn có ba tầng. Trên tầng thứ ba, cao nhất, hình tròn là Thanh Đàn, các án thờ dành cho Hiệu Thiên Thượng Đế là Trời, Hoàng Địa Kỳ là Đất và Liệt Tiên Vương nhà Nguyễn, được bày biện bên trong màn trướng làm bằng da thú nhuộm màu xanh đậm, cho thấy việc thờ cúng từ thời thái cổ này có những phát tích giữa các dân du mục trong hoang mạc vùng Trung Á. Từ khe hở độc nhất nơi đàn trướng thiêng liêng rọi ra một chùm ánh sáng lớn, thoát về phương nam trong đêm tối. Thấp một chút ở phía dưới, vô số vũ công và ca công im lặng đứng dọc theo các bậc cấp của tầng thấp nhất, kéo dài xuống cổng nam đang mở và tràn ra chỗ bóng tối bên ngoài.

Joseph và Lan đứng chung với nhóm quan khách đặc biệt gồm

những kẻ tham gia đoàn tùy tùng của Toàn quyền Đông Dương ở tầng thứ nhất hình tròn, sơn màu đỏ, gọi là Viên Đàn, ngay bên dưới tầng thứ hai, hình vuông, sơn màu vàng gọi là Phương Đàn. Joseph thuộc trong số những người vào đàn sau cùng nhưng khi tiếng hát của ca đoàn xướng lễ chưa kịp cất lên, anh đã lách mình len lỏi qua đám đông chật ních, tới cho bằng được phía trên các bậc cấp để đứng bên cạnh người thiếu nữ An Nam và Tâm, anh nàng.

Trong bầu không khí im lặng sâu lắng tiếp đó, mọi con mắt đều dồn về Trai Cung, nơi đức vua sống một mình từ mười bốn giờ trước. Lúc đám đông kiểng chân lên nhìn, Joseph cảm thấy bờ vai áo lụa mượt mà của Lan, trong khi nhón gót, vô tình chạm nhẹ cánh tay anh. Anh nhìn xuống nàng thật nhanh, thấy vì lúc này ban đêm nên Lan đính trên đầu chiếc khăn lụa màu xanh nhạt. Và trong ánh đuốc chập chờn, đôi má nàng lóng lánh màu hồng phách mịn màng.

Từ hương án bên cạnh, khói hương trầm toả lên thành vòng xoắn ốc như những đám mây nhỏ rồi quyện vào nhau dập dềnh trong không khí vốn đã làm Joseph ngây ngất chơi vơi, nay cộng thêm cái nhìn mới mẻ của anh về nhan sắc của Lan cùng với sự mềm mại và kích thích trong khoảnh khắc phù du da thịt cọ xát đó làm lòng anh lại càng nao nao mê đắm hơn nữa.

- “Chuông! Trống! Thiên tử giá lâm!”

Giọng quan xướng lễ lại thêm lần nữa cất cao lạnh lẽo. Rồi tiếng nhạc khí của đông đảo nhạc công vang lên réo rắt nghênh đón trong khi một hàng đuốc bập bùng xuất hiện, chập chờn trong gió, lượn lờ qua những hàng cây thông làm thành Rừng Thông Công quanh Trai Cung. Khi kiệu vàng của đức vua hiện lên trong tầm mắt, Joseph nghe Lan thở ra thành tiếng, khe khẽ dồn dập và đầy kính ngưỡng.

Joseph nhìn lên thấy Hoàng đế Bảo Đại lộng lẫy trong phẩm phục đại lễ cổ kính và trang nhã theo kiểu thức đã có từ mấy nghìn năm trước. Bên ngoài hoàng bào, ông khoác áo Cỏn màu tía, tay áo rộng và dài, thân áo có thêu hình mặt trời, mặt trăng, sông núi, bát quái và chim trĩ - những hình này biểu trưng cho vũ trụ, chỉ có

đáng quốc chủ mới có quyền mặc.

Dưới áo Cổ là xiêm giáp khảm ngọc và thêu chỉ bằng vàng. Nhà vua quần quanh hông chiếc đai lưng tô điểm bằng châu ngọc với vàng bạc, và theo nhịp kiệu di chuyển, đai rung tiếng leng keng đẽ yểm tà thần. Trên mũ Miện hình vuông nam ngọc, đóng đưa dưới vành trước và vành sau mỗi hàng mười hai tua kết bằng ngọc, tượng trưng cho điềm lành kéo dài suốt mười hai tháng trong năm. Hia màu tía, đế dày, ống cao. Hốt bằng ngà nam ngọc Trân quế. Khuôn mặt trái xoan của nhà vua trẻ xanh xao và căng thẳng nhưng trong khoảnh khắc đầy vẻ tôn nghiêm này, đám đông vẫn cảm thấy sững sờ kính sợ. Nhân cơ hội trang trọng ấy, Joseph rút chiếc vòng cẩm thạch ra khỏi túi. Thấy không ai để ý, anh chuôi nó vào tay Lan rồi cẩn thận khép các ngón tay của nàng lại để giữ chặt nó trước khi nàng kịp nhận ra việc anh anh vừa làm.

Chiếc vòng ngọc vẫn gói kín trong vuông khăn lụa; Lan ngược mắt hoang mang lên nhìn Joseph rồi đưa khăn lên sát một bên mắt. Kế đó, có lẽ đoán ra vật bên trong, nàng dè dặt quay mặt sang hướng khác, để tránh cho Tâm khỏi chú ý.

- “Tiền nhập lễ! Khởi chiêng! Khởi trống!”

Đức vua được kiệu chậm chậm lên tầng đàn thứ hai, nơi bày sẵn các án thờ phụ. Nét mặt Lan sôi nổi hẳn. Nàng chạm nhẹ cánh tay Joseph để hướng sự chú ý của anh tới hình dáng của thân phụ nàng mặc áo bào và đi hia, đang cùng những thượng phẩm triều thần khác bước từng bước lên bậc cấp thêm đàn. Tất cả đều phẩm phục lộng lẫy y như nhau với lễ bào màu xanh, lục hoặc xám, quanh lưng đeo dây đai có các tua bằng vàng bạc rung leng keng theo mỗi bước chân đi.

Tiếng xướng lễ và tiếng nhạc khí tiếp tục hòa theo cho tới khi nhà vua và triều thần thắp từng cùng vào bên trong màn trướng màu xanh trên Thanh Đàn. Kế đó, khắp ba tầng tế đàn Nam Giao chìm trong tịch lặng. Chỉ riêng các quan chức người Pháp đứng chung quanh Joseph và Lan bắt đầu ngọ nguậy và lập tức cất tiếng trò chuyện xì xào.

Người thiếu nữ đang cầm chiếc khăn gói kín vòng ngọc quay sang anh nàng, thì thầm:

- Anh Tâm ạ, trước khi bắt đầu các nghi lễ sau cùng em muốn chỉ cho Monsieur Sherman xem cây thông của dòng họ mình nơi Rừng Thông Công trong khuôn viên đàn Nam Giao. Được không anh?

Tâm hoan hỉ gật đầu. Lan quay qua cười với Joseph:

- Thật hết sức vinh hạnh cho dòng họ nào được trồng một cây thông trong rừng thiêng Nam Giao - nó giống như huy hiệu gia tộc do Hoàng đế nước Pháp ban cho một dòng họ vậy.

Lan chỉ về hướng một trong các lò thui bằng củi vừa dùng để chuẩn bị thịt nghé tế lễ. Lúc này, lửa bập bùng như thể sắp tắt nhưng vẫn còn le lói trên hậu cảnh đen thẫm của những hàng thông kế cận:

- Cây ở đằng kia, anh có muốn tôi chỉ cho xem không?

Joseph rạo rực gật đầu rồi sung sướng dò từng bước đi theo Lan trong khi nàng dẫn anh len lỏi qua đám đông vũ công và ca công, lần về phía rừng thiêng. Tới nơi, Lan dừng chân, chỉ vào một thân cây mờ mờ sát bên nàng:

- Đây là cây thông có đeo thẻ danh tánh dòng họ Trần. Cụ cố của tôi trồng nó vâng ý thánh chỉ khâm ban của Hoàng đế Đồng Khánh... Nhưng... xin anh chờ chút.

Lan ngoái nhìn xem Tâm có ngó theo hai người không rồi vội vàng mở vuông lụa và thấy chiếc vòng ngọc. Khi ngược lên, mắt nàng phản chiếu ánh lửa lấp lánh:

- Joseph ạ, vòng này trông có vẻ giống với cái của tôi. Anh mua nó lúc nào vậy?

- Tôi không mua. Đó chính là chiếc vòng ngọc của Lan.

Lan đưa vòng ngọc về phía có ánh lửa lò thui. Nàng xem xét thật kỹ những vân huyết dụ long lanh trên nền cẩm thạch màu lý mịn màng, rồi dăm dăm nhìn Joseph với ánh mắt nghi hoặc:

- Nhưng làm thế nào anh có thể lấy lại nó?

Joseph cười thật tươi:

- Hôm nay, tôi thuê ca-nô của Câu lạc bộ Thể thao Huế và lái chạy ngược sông Hương, lên ngã ba Tuần rồi lên vào lãng trước khi trời rạng sáng. Vừa lúc mặt trời mọc, tôi bơi qua hồ, tới đứng phía dưới chiếc cầu ngay chỗ Lan đánh rơi chiếc vòng. Tôi gặp may - đáy hồ không nhiều bùn và đặc, chỉ lặn năm sáu lần là tay tôi chạm trúng

nó.

Lan lúc lắc đầu kinh ngạc:

- Joseph ạ, thật tôi không dám tin anh đã làm một chuyện quá tử tế như thế.

Joseph cầm lên chiếc vòng trong bàn tay Lan và đeo vào cổ tay trái nàng:

- Tôi rất sung sướng khi được góp phần làm cho Lan mỉm cười trở lại.

Lan đưa cườm tay ra xa, ngắm nghía vòng ngọc. Nàng xoay rất nhẹ chiếc vòng và trên môi tự nhiên toả sáng nụ cười hạnh phúc:

- Joseph ạ, em không biết phải cảm ơn anh bao nhiêu lần và trong bao nhiêu lâu mới đủ. Hình như mỗi lần em gặp chuyện không may đều có anh xuất hiện và em được cứu. Lần đầu tiên tại dinh thống đốc Nam kỳ rồi tới trận đấu quần vợt ở Sài Gòn và bây giờ tại Huế.

Thêm lần nữa Joseph cảm thấy bồi hồi, lòng rung rung se thắt như hôm qua khi nghe nàng thăm thì năn nỉ. Đột nhiên anh nắm tay nàng:

- Lan ạ, anh làm như vậy chỉ vì anh yêu em. Anh yêu em rất nhiều. Anh biết anh bắt đầu yêu em lúc thấy em lặng yên quì gối khăn vái trong lăng Minh Mạng... Em thuần khiết quá, rất chân thật, thiện hảo và đẹp tuyệt vời. Anh muốn lúc nào cũng được ở bên em... để cùng săn sóc và bảo vệ nhau. Chẳng bao giờ anh muốn chúng mình xa nhau.

Những lời ấy từ đáy lòng Joseph trào lên ấp úng nhưng dồn đẩy nhau cơ hồ thành một dòng nước chảy xiết. Bỗng dưng Joseph lại sợ Lan cảm thấy nổi đam mê của anh làm tổn thương nàng nhưng rồi anh kinh ngạc thấy Lan im lặng. Joseph tưởng chừng nhận ra Lan đang rung mình như chớm lạnh. Rồi nàng dịu dàng rút bàn tay ra khỏi lòng tay anh, cúi người tới trước, tay ôm ngực, tay tì vào thân cây thông như để giữ cho mình đứng vững. Kế đó, Lan đưa cườm tay lên day day lông mày với vẻ khổ sở và nói trong hơi thở:

- Joseph ạ, em cảm thấy chóng mặt và tức ngực. Có lẽ tại khói và mùi nhang...

Joseph nắm cánh tay nàng, mặt đăm chiêu lo lắng:

- Tại sao chúng ta không đi ra thở chút không khí trong lành nơi con đường bên ngoài.

Lan lặng lẽ gật đầu. Cả hai cùng đi về phía cửa nam đang mở sẵn để chờ đón ân phúc trên Thiên đình tuôn xuống.

Vào lúc Joseph và Lan bước ra con đường nhỏ hai bên mượt mà cỏ cây dẫn xuống sông Hương, Jacques Devraux cũng lần thứ hai bước xuống hầm nhà ẩm ướt dưới bản doanh Sở Liêm Phóng ở mạn đông thành phố, cách đàn Nam Giao gần ba cây số.

Trên vách hầm quét vôi trắng bong vữa lâu năm, vẫn còn loang lổ vết tay cào bầu lên vách, xước thành từng vết lấm tẩm màu thâm đen lâu năm của máu bầm và màu lục của rêu xanh. Mới đặt chân vào Devraux bất giác nhăn mũi tỏ vẻ kinh tởm mùi mồ hôi chua nồng quặng với mùi nước tiểu tởm lợm lâu ngày và hơi đất ngai ngái thấm đẫm không khí.

Nhà hầm gần mé sông, sát bên Đập Đá, nền sàn xi-măng nứt nẻ và không bao giờ khô ráo, lúc nào cũng sền sệt những vũng nước sóng sánh dưới ánh sáng của một ngọn điện duy nhất không có chụp đèn. Một cây xà gỗ xuyên ngang hai bức vách và sát trần hầm, trên đó đang treo ngược hai gót chân của Đồng, trói bằng dây gai sần sùi. Hai ông quyền của Đồng sung bầm vết roi, hai tay bị cột quặt ngược ra sau lưng, đầu và vai chà sát sàn nhà, chịu được phần nào sức nặng của thân thể gầy ốm và dài ngoằng. Nhưng cứ mỗi lần gã cai tù chà-và lại quặt cây đoản côn bằng mây lớn như cây ba-toong vào hai bàn chân đẫm máu và sưng vù của Đồng, thân thể anh lại rung động, oằn người co giật quằn quại làm đầu anh nảy lên đập xuống mặt sàn kêu bình bịch.

Devraux cởi áo vét để lại trong phòng làm việc ở tầng trên nhưng vẫn mang trên mình chiếc quần màu trắng của bộ vét-tông hần mặc lúc xem đám rước nhà vua rời Kinh Thành sáng nay. Còn cách người tù đôi ba thước, hần đứng lại. Kinh nghiệm dạy cho hần rằng với khoảng cách đó, người hần không bị máu vọt trúng.

Về mặt cứng trừng và cần cỗi của Devraux không để lộ dấu hiệu xúc động nào mỗi khi thấy cây đoản côn của gã lai hoa lên quặt xuống. Nhưng tới cú nện thứ mười hai, hần bước tới, vồ vồ cánh tay tên chà-và, ra hiệu ngưng lại. Lập tức những tiếng thét đau đớn

của Đồng lắng xuống thành tiếng rên rỉ liên tục. Khi Devraux đi vòng tới bên người bị tra tấn, Đồng mở mắt ngóc đầu ngó lên mặt hắn. Devraux vùng mũi giày nhọn lên quạt một cú đá tạt ngang quất trúng cạnh sườn của Đồng:

- Mày là ai? Ai sai mày? Bọn cộng sản phải không?

Vết thương trên vai Đồng do chiếc Citroësn gây ra khi húc trúng sáng nay chỉ được băng bó sơ sài, lúc này cú đá lại làm nó bị động, hoác miệng, ứa máu loang ra ngoài lớp vải băng. Mắt Devraux nhìn không chút xót thương thân thể bị trói và treo ngược của Đồng rồi đá mạnh hơn nữa vào mạng mỡ anh:

- Bọn đồng lõa với mày là ai?

Đồng cắn răng, ngậm miệng, như anh đã ngậm miệng suốt mười bốn giờ qua. Thành linh người Pháp mất kiên nhẫn, bước tới gần Đồng, lặp lại mấy câu hỏi đó với giọng hăm dọa hơn. Nhưng thay cho câu trả lời, người vừa bị Devraux đá lạng đầu qua một bên, nhỏ toẹt một bãi nước bọt lôm đóm máu lên chiếc quần trắng tinh của hắn.

Viên chỉ huy Sở Liêm Phóng đứng yên không nói. Trong một lúc lâu hắn ngó chăm bẵm kẻ láo xược đang vắn vẹo chậm chậm đầu sợi dây treo. Kế đó hắn quay sang nói với gã lai bằng giọng nguội ngất:

- Bây giờ cho nó tí nước.

Gã lai nói đầu dây treo rồi kéo thật căng, rút hai gót chân Đồng lên sát xà gỗ hơn. Sau khi gút thật chặt, gã đi lấy thau nước và một miếng giẻ lớn ướt sũng, để sẵn trên chiếc bàn cuối góc hầm. Xách nước và giẻ tới, gã quì xuống sát bên người bị tra khảo. Gã nhúng giẻ vô thau nước rồi lấy ra, đưa giẻ vô mặt Đồng, trám lên miệng anh rồi đè thật chặt để ép nước trong giẻ ra. Nước giẻ chảy như suối vào hai lỗ mũi lộn ngược của Đồng.

Cử động của gã lai nhanh nhẹn, thành thạo. Một tay đè chặt trên mặt, một tay túm gáy người An Nam kèm cứng. Trong khi đó Đồng ngộp thở vùng vẫy quần quai trên sợi dây treo. Sau hai lần trấn nước như thế gã lai lặp lại câu hỏi nhưng Đồng vẫn nín thinh. Devraux thần nhiên ra lệnh:

- Cho nó thêm tí nước nữa.

Gã tra tấn len lét nhìn cấp trên và nói:

- Em nghĩ là nó không chịu khai đâu. Chắc nó thà bị chết đuối.

Devraux trả lời với giọng uể oải:

- Không thằng nào không chịu khai. Tao từng thấy cả trăm đứa không hé răng cho tới khi bị trấn nước như thế. Cho nó thêm tí nước.

Người Pháp đứng xem thêm một lúc rồi sốt ruột ngo đồng hồ, hần nói giọng cáu kỉnh:

- Tao phải đi dự tiệc có chiêu đãi rượu sâm-banh của quan Toàn quyền ở Nam Giao. Khi về lại đây, tao sẽ thẩm vấn nó nữa. Nhớ chỉ việc trấn nước nó thôi.

Lúc Devraux lật đật bước lên các bậc cấp hầm nhà hần nghe tiếng nước vỗ trong thau khi gã lai nhúng miếng giẻ. Chỉ chớp mắt sau, Đồng lại bắt đầu ngộp thở.

Những chiếc đèn lồng treo nơi cạnh cây phía trên các hương án bên đường rọi những vệt bóng nhảy múa khi mờ khi tỏ trên mặt Joseph và Lan lúc cả hai khoan thai đi về phía bờ sông trong trời đêm dịu dịu và thơm ngát. Sắp tới mé nước Bến Ngự, Lan dừng bước bên một hương án, đưa tay chỉ hai chữ nho màu vàng trên một vuông vải viền lụa. Nàng thì thầm:

- Vạn Tuế! Joseph ạ, chẳng biết đức vua có thật sự sống khang an được tới mười ngàn năm không nhưng dù sao đây cũng là một lời chúc tụng tuyệt đẹp, phải không anh?

Đi sát bên Lan trong bóng đêm ngan ngát hương trầm, Joseph đáp lại:

- Mình cũng có thể tiếp nhận mỹ ý ấy. Đêm nay, anh có cảm tưởng như thể chúng mình sống tới một vạn năm.

Đưa tay chạm nhẹ cây thông mọc bên hương án, mắt Lan long lanh:

- Anh biết không, thông là loại cây tượng trưng cho trường cửu.

Joseph cũng sờ tay vào thân cây đó:

- Vậy đêm nay anh cầu mong cho chúng mình có chung một cuộc sống hạnh phúc và bền vững.

Hai người nhìn nhau và cười vào mắt nhau. Joseph sung sướng thấy trong đôi mắt Lan long lanh ánh rạo rức, một biểu lộ quá đời

mặt thiết, như có ý bày tỏ rõ ràng với anh rằng nàng cũng đang rung cảm mãnh liệt trước vẻ ngây ngất của đêm. Trong trời đêm tĩnh mịch từng chuỗi âm thanh trong trẻo của những chiếc chuông bằng bạc từ tầng Thanh Đàn trên cùng ngân tới chỗ hai người đang đứng. Joseph ngược mặt lên nghe và nói dịu dàng:

- Lan ạ, lại bắt đầu các nghi lễ. Vậy lúc này mình có quay về tế đàn không?

Lan nghiêng đầu lắng nghe trong một lúc rồi nàng khẽ nhún vai và nhú mày:

- Người ta đang chôn lông và huyết của con nghé tế phẩm. Được khỏi thấy việc đó là em sung sướng rồi. Vẫn còn phải làm vài loại nghi lễ nữa trước khi đức vua bắt đầu cử hành Chính Tế.

Hai người rẽ qua một con đường lớn ra tới bờ sông Hương, và bước chậm chậm bên hàng phượng. Lan nhắm mắt ngửa mặt đón gió từ sông nước thổi lên vờn nhẹ đôi má:

- Joseph ạ, lúc này trời dịu hơn. Và dòng sông đẹp tuyệt vời. Có phải trong không khí nơi đây đang có điều gì đó quá đời huyền diệu?

Joseph gật đầu rất hạnh phúc:

- Thanh long và bạch hổ rõ ràng đang hoà hợp nhau trong đêm nay.

Joseph nhìn xuống và thấy Lan đang ngược mặt nhìn lên anh với nụ cười đầm ấm không ngờ. Xa cách mọi cấm kỵ và không còn chút ngại ngùng nào, nàng đi sát vào người anh hơn và anh đưa tay quàng lên đôi vai mảnh mai của nàng.

Đò đậu ven bờ thành từng cụm nhỏ. Một số treo đèn lồng hình bánh ú tù mù, soi le lói khoang đò chật hẹp. Bên trong sàn đò lót gỗ nọ màu nâu phơn phớt đỏ và giữa sàn có trải chiếu hoa. Có mấy con đò đậu khuất trong chỗ tối. Mũi Joseph nhăn lại khi ngửi ra một mùi thơm vừa ngai ngái vừa ngọt ngào lẫn đượm quyện với hương cỏ cây. Một chủ đò lí nhí nói điều gì đó bằng tiếng bản xứ khi Joseph và Lan đi ngang. Lan cười ngượng ngịu.

- Anh ta nói gì vậy Lan?

- Anh ta hỏi không biết monsieur có muốn hút một hai điếu thuốc phiện trong khi chờ nghe tiếp nghi lễ không. Anh ta nói monsieur

có thể thuê dò của anh ta, rất sạch sẽ. Chỉ năm các thôi.

Joseph cười. Rồi anh đứng lại, chạy lui nói chuyện bằng tay với chủ dò và hai bên trao đổi tiền lẻ. Khi quay lại bên Lan, Joseph hớn hờ hoác miệng ra cười, vừa nói vừa dang tay:

- Lan này, em có muốn một chuyến dạo mát trên sông không? Dứt khoát không đụng tới á phiện. Anh hứa.

Mặt Lan ám bóng mây ngại ngùng:

- Joseph ạ, em một mình đi thuyền với anh trên sông thật không hợp thể giá chút nào. Thật ra, việc đó chẳng trở ngại gì nếu có anh Tâm cùng ở đây với mình.

Joseph cầm tay Lan, nhìn vào mắt nàng và cười:

- Chỉ vài phút thôi. Trước khi chúng ta quay về Nam Giao. Biết đâu gió nhẹ trên sông sẽ thổi tan những tơ nhện hương khói đang giăng lưới trong đầu em.

Nàng cười tần ngần:

- Thôi được, vì anh là khách ghé Huế nên em phải đóng vai nữ chủ nhân hiếu khách. Mình chỉ đi thuyền một lát thôi nhé.

Lan để cho Joseph đỡ nàng xuống dò. Anh chờ nàng vào ngồi yên trong khoang rồi bước ra sau lái. Người chủ dò sung sướng cười tươi rói khi Joseph nhét thêm tờ năm đồng vào tay anh ta, và phụ anh ta chống dò ra xa bờ.

Không thấy Joseph quay vào khoang, Lan ngoảnh đầu nhìn lui.

Thấy anh đang đứng sau lái, mặt nàng bỗng lộ vẻ hoảng hốt:

- Joseph anh đang làm gì vậy? Anh có từng một mình chèo thuyền chưa?

Joseph vừa cời áo vét vừa sung sướng cười lớn. Tiếng cười anh rền theo sóng nước:

- Chưa - nhưng có vẻ như không đáng sợ lắm. Anh đang để ý xem người ta chèo và anh thềm muốn chết được chính tay mình chèo thử, để chở em đi. Có lẽ chẳng khó lắm đâu.

Kế đó, Joseph cạy mái chèo cho con dò dài xoay sang trái, mũi hướng về nam. Và dò chuyển mình:

- Đó! Thấy chưa!

Tiếng cười tự tin của Joseph làm Lan an tâm. Nàng dời người ra mé sau khoang, ngồi xuống chiếu, mặt nhìn thẳng mặt Joseph.

Người Joseph nghiêng nghiêng in bóng trên bầu trời đầy sao, tay anh khoan thai đưa mái chèo càng lúc càng nhịp nhàng. Lan lặng yên ngắm Joseph, lòng kinh ngạc trước vẻ uyển chuyển và cường tráng của anh. Trong mấy phút, Joseph chèo đò ngược dòng sông và đò lướt đi êm đềm dưới mấy hàng liễu bên bờ đang nghiêng mình soi bóng nước. Khi con sông uốn mình theo một vòng cung mềm mại về hướng đông nam, Joseph chỉ tay vào đất liền:

- Lan nhìn kia, em có thấy nơi phương nam ánh sáng đang ngời lên từ Thanh Đàn không?

Joseph nao nức đưa tay nắm tơ tóc của một cành liễu rũ, níu cho thuyền dừng lại. Lan rời khoang, ra đứng bên anh, nhìn theo ngón tay thon dài và lấp lánh sáng của anh chỉ tới bầu trời phương nam. Có tiếng chiêng nghe như văng vẳng bên tai hòa cùng tiếng trống tiếng kèn xa xa vọng tới. Lan nói theo âm thanh xôn xao của đoàn nữ ca đang lướt trên tiếng nhạc và vang lên hân hoan:

- Người ta đang hát “Triệu Thành Chi Chương”: Khúc ca báo điềm lành.

Chung quanh hai người liễu dương xào xạc thì thầm trong gió nhẹ. Joseph nói chẳng đành lòng:

- Anh nghĩ đã tới lúc chúng ta quay về.

Lan không trả lời. Joseph nhìn xuống. Anh thấy khuôn mặt đẹp tuyệt vời của nàng khi rõ nét khi mờ ảo dưới ánh sáng của muôn ngàn ngôi sao, dường như chưa kịp tan loãng đã tái hiện và chập chờn không ngừng giữa trập trùng tơ liễu. Từ đàn Nam Giao xa xa, tiếng đoàn nữ ca lại nỉ non cất lên một khúc hát nữa. Lan mơ màng thì thầm:

- Đó là “Mỹ Thành Chi Chương”: Khúc ca tuyệt vời. Đang tiến dâng ngọc và lụa.

Con thuyền đong đưa êm đềm theo nhịp sóng. Joseph nhẹ nhàng vòng tay qua vai Lan để giữ cho nàng thăng bằng. Anh cũng thì thầm:

- Chúng ta phải đi ngay nếu muốn nhìn cao điểm của cuộc tế.

Vừa nói xong, Joseph giật mình sửng sốt khi thấy Lan quay lại nhìn anh và đặt bàn tay nàng lên bàn tay anh đang níu cành dương liễu. Tiếng Lan thật êm:

- Joseph ạ, từ chỗ này chúng ta vẫn có thể theo dõi nghi lễ thiêng liêng ấy. Những vị thần của dòng sông tuyệt đẹp này dường như cũng đang tiếp thụ cuộc tiến dâng đó.

Trong một lúc Joseph chỉ biết đứng yên đắm đắm ngắm khuôn mặt nàng mờ mờ khuất trong bóng tối. Rồi anh lẹ làng quấn sợi dây thuyền quanh gốc liễu:

- Được, nếu chắc chắn đó là ý muốn của em.

- Chúng ta có thể nghe không sót một tiếng nhạc lời ca nào. Em biết rõ toàn bộ nghi lễ ấy. Để em cắt nghĩa cho anh.

Khi Joseph nâng bàn tay Lan và hôn lên từng ngón, nàng im lặng để yên. Môi anh nồng ấm chạm nhẹ vào làn da nàng làm nàng có cảm tưởng linh hồn đang chảy tan trong lòng mình. Toàn thân nàng run rẩy một nỗi niềm bơ vơ và ngọt ngào. Nàng thêm được cảm giác sức mạnh đôi cánh tay anh vòng quanh người nàng, thêm được vui mặt vào ngực anh. Anh vừa thì thầm vừa kéo nàng vào lòng mình:

- Lan ạ, anh yêu em, anh yêu em. Em có cảm thấy như vậy không? Ban đầu anh tự hỏi không biết có phải mình đang có ảo giác bởi nhịp chuyển động êm đềm của con thuyền hiệp với ánh sao khi mờ khi tỏ hòa cùng những cành liễu đong đưa. Nhưng sau đó không còn nghi ngờ gì nữa. Dù không bày tỏ một lời, rõ ràng nàng đang nhẹ nhẹ gật đầu như một cử chỉ hiệp ý và gật ngậy.

Bên trong màn trướng tầng Thanh Đàn cao nhất, không khí nóng lên dần. Khói trầm hương sục sục, tràn ngập rồi bùng bùng trong ánh sáng ngàn ngọn đèn sáp ong khi đức vua, lần thứ ba và cũng là lần sau cùng, tiến lên phủ phục trước án thờ Hiệu Thiên Thượng Đế. Cùng lúc ấy, các quan thượng phẩm, các thị lập, các chấp sự hiện diện trên đàn và tất cả những quan viên phục dịch ở hai tầng đàn bên dưới và trên các bậc cấp đều sắp mặt xuống chiếu tể lễ của mình.

Khi quan xướng lễ hô lớn: “Tâu... Thụ... Hồng... Ân...!” nhà vua chậm chậm đứng lên đón khay phần thịt ghé được chia cho mình. Ông nâng khay lên ngang trán rồi giữ yên và nhắm mắt trong vài giây trước khi trao cho quan chấp sự.

Rồi quan xướng lễ cất tiếng hô sau cùng, kéo dài và ngân nga âm

cuối: “Tâu... Thụ... Phúc... Tửu...!”

Nhà vua tiếp nhận chung rượu do một quan thị lập cực kỳ cung kính tiến dâng và ông nâng chung lên cao. Khắp Thanh Đàn chìm lắng trong yên lặng và sự yên lặng ấy lan đi xa hơn, vượt quá bên kia vòng tường bằng đá, phủ lên toàn bộ đế đô đang dường như nín thở. Trong quãng thời gian huyền nhiệm ấy, hoàng đế, kết hiệp với những đức tin đã được thử thách từ lúc có lịch sử, được tiếp dẫn vào cuộc hiệp thông trang trọng vô ngần với Ngọc Hoàng Thượng Đế, Đấng Chí Tôn.

Trong bóng tối nơi lòng khoang nhỏ hẹp, sàn gỗ nạm trái chiếu hoa của con đồ đựng gần tế đàn và khá xa bờ sông Hương, Lan run rẩy khi Joseph xao xuyến nắm tay nàng. Nét khóa thân vô cùng thanh tú của nàng làm khắp châu thân Joseph bùng lên rừng rực một sức mạnh rừng rực huyết quản. Nhưng đồng thời vẻ đẹp mong manh của nàng lại khiến trong lòng anh xôn xao một cơn bão nhỏ dịu dàng, ngăn bớt sức mạnh ấy và giữ nó trong giới hạn thuần phục. Dưới ánh sáng chập chờn của ngọn đèn nhỏ, đôi mắt hai người sừng sờ gặp nhau. Không biết bao nhiêu lần, cả hai miên man thì thầm những lời tình tự. Rồi cơn rung động đầm thắm ấy dần dần dâng cao và tràn bờ. Joseph và Lan say đắm quyện vào nhau và cùng kêu lên hân hoan trong trạng thái hoà hợp.

Sau cùng, khi hơi thở về lại nhịp bình thường, Joseph nằm nhìn lên và chợt thấy có con nhện đỏ như lửa đang chậm chậm bò theo hình chữ chi phía bên trong mũi đồ. Lan vẫn gối đầu lên cánh tay anh, quay mặt ra ngoài, nong nàn và ẩm cứng. Mái tóc huyền buông lơ lửng thành một y trang sống động như tơ lụa đen tuyền đắp lên nửa thân thể mượt mà của nàng.

Đò vẫn dong đưa nhẹ nhàng theo dòng sông Hương êm đềm. Trên đầu Joseph và Lan, liễu dương vẫn tiếp tục rũ cành, buông lá xanh và xoả tóc tơ mơn trớn những thân dừa. Và sau cùng, Joseph thở ra nhẹ nhõm khi con nhện lửa leo chậm chậm lên hết mũi đồ bằng tre, bò ra khỏi bức màn trúc và biến mất trong đêm đen mượt như nhung.

Nơi màn trướng trên Thanh Đàn, người ta thiêu các sớ lễ và tế

phẩm. Khoảnh khắc huyền nhiệm đã qua. Đấng thiên tử chậm
chậm lên kiệu trở lại Trai Cung.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 9 -

Suốt tuần lễ thứ nhất ở Hà Nội, nhiều lúc Joseph cảm thấy anh có lý do để tự hỏi phải chăng đang có người nào đó cố ý đi theo mình. Đã mấy lần, anh để ý thấy cũng vẫn chỉ một gã thanh niên Pháp ấy. Người gã lừ đừ, bước thơ thẩn dọc vỉa hè sau lưng anh khi anh đi đi về về giữa Khách sạn Métropole và thư khố của Trường Pháp Quốc Viễn Đông Bắc Cổ. Trong khi dạo qua những con đường rải sỏi trong các hàng phố tiểu công nghiệp nơi khu vực cổ vùng bắc thủ đô, quanh hai chợ Đồng Xuân và Bắc Qua, anh cũng xác định ra gã thanh niên đó. Gã mang kính râu, khoác áo măng-tô đen dài ngang đầu gối, đội mũ nỉ mềm, và rõ ràng đang giả vờ đi lang thang không mục đích trong cùng một khu vực anh lai vãng. Nhưng sự ngờ vực ấy còn mơ hồ và nửa nghi nửa không. Chẳng bao giờ Joseph nghĩ rằng việc mình có mặt tại chốn kinh kỳ này lại có thể trở thành một mối quan tâm nào đó cho giới hữu trách an ninh của Pháp. Hơn nữa, vì tâm trí lúc này quay cuồng với những ý nghĩ rạo rực về Lan và những gì anh mới phát hiện trong các hồ sơ lưu trữ, Joseph chưa bao giờ tập trung toàn bộ chú ý vào việc mình có thể đang bị giám sát.

Từ lúc Joseph rời Huế, hình ảnh Lan choán ngợp đầu óc anh, khi thức cũng như khi ngủ. Với những hình ảnh được ghi khắc đậm nét và lưu dấu vĩnh viễn trong tâm thức, anh thấy lại không biết bao nhiêu lần nụ cười hạnh phúc của Lan tại Rừng Thông Công ở tế đàn Nam Giao khi nàng xoay nhẹ chiếc vòng ngọc vừa tìm lại được. Anh miên man nhớ tưởng vóc dáng Lan khỏa thân gối đầu lên cánh tay anh trong giây phút ngất ngây trên dòng sông Hương, thấy lại Lan e lệ bên anh hôm sau, giữa khu vườn thoang thoang hương sen, nơi tọa lạc ngôi nhà từ đường của thân phụ nàng, bên hồ sen trước cổng đàn Xã Tắc trong nội thành màu đỏ của kinh thành. Và lòng anh nao nao ngậm ngùi khi hình dung lại bàn tay

Lan như một búp sen trắng, sau cùng, đưa lên vẫy chào tạm biệt dưới vòm cổng có giàn ti-gôn khi cả hai phải đành lòng xa nhau để anh đi Hà Nội.

Vào những ngày tiếp theo đêm trên sông nước, trong bầu không khí lễ giáo của gia đình, Lan trở lại thái độ cẩn trọng giữ ý tứ với Joseph. Nàng dứt khoát rằng anh phải luôn luôn theo đúng qui cách đặc biệt của người An Nam trong giai đoạn nam nữ chưa chính thức được cha mẹ hứa hôn cho, thậm chí cả những lúc chỉ có riêng hai người với nhau.

Tuy không nói rõ nhưng qua lối cư xử cố tỏ ra chừng mực, cũng là một cách biểu lộ với ngụ ý tâm tư Lan đang dằn vặt vì thái độ nhẹ dạ đêm ấy, có điều nổi ray rút đó không đủ mạnh để làm lắng xuống những rung cảm nàng dành cho Joseph. Hơn một lần, Lan nhìn Joseph với ánh mắt rạo rực, tỏ cho thấy lòng nàng vẫn đang xao xuyến không kém đêm ấy chút nào. Và bên ao sen nhỏ trong vườn nhà nàng, khi không ai nhìn thấy, Lan để cho Joseph cầm tay nàng một chút. Trong những lúc như thế, anh muốn lập tức thừa nhận chuyện hôn ước với cha nàng nhưng Lan cứ nhất quyết rằng cả hai phải để cho ông có thời gian lấy lại tinh thần sau biến cố Kim bỏ nhà ra đi. Cuối cùng, Joseph miễn cưỡng thuận theo khi nàng đề nghị hãy đợi cho tới lúc anh xong công việc ở Hà Nội, vào lại Sài Gòn.

Trong lần gặp gỡ chót, Joseph lo lắng hồi hộp khi Lan nghiêm trang tuyên bố rằng nàng phải hỏi anh một vấn đề vô cùng trọng đại, đó là các thời điểm chào đời của anh. Thấy mặt Lan giữ mãi vẻ nghiêm trọng, Joseph không dám căn vặn lý do, cũng không dám bông đùa để làm nhẹ vấn đề. Nghe anh nói cho biết anh sinh vào giờ đó ngày đó tháng đó năm đó dương lịch, nàng lẩm nhẩm bấm mười đầu ngón tay một lúc rồi tiết lộ rằng anh sinh đúng vào năm Canh Tuất, tuổi con chó.

Lan bảo anh:

- Tại xứ sở em, điều quan trọng nhất là phải biết người dự tính ăn đời ở kiếp với nhau sinh vào năm âm lịch nào. Trước khi cân nhắc chuyện cưới xin, hai bên cha mẹ đều tính xem con trai con gái của họ có hợp tuổi nhau không.

Joseph thấp thỏm hỏi:

- Em sinh năm nào vậy Lan?
- Năm 1915 - Ất Mão, tuổi con mèo.

Anh lặp lại và hoảng hốt:

- Em con mèo? Vậy chó người sinh năm con Mèo và người sinh năm con Chó có sống hoà thuận nổi với nhau không?

Trong một lúc thật lâu, Lan để nguyên vẻ mặt nghiêm trọng làm trái tim Joseph không dám nhúc nhích. Rồi nàng cười thật tươi, vừa kể vừa giải thích cho anh nghe:

- Joseph biết không, khi Ngọc Hoàng Thượng Đế triệu tập hết thủy loài vật tới trước mặt ngài để ngài lấy tên chúng đặt cho các năm, chỉ có mười hai con vật tới trình diện. Nhưng trong tứ vi của người An Nam, các con vật ấy không cư xử với nhau giống như ngoài đời. Ở ngoài đời, chó và mèo có thể cắn nhau - nhưng các nhà chiêm tinh nói rằng nếu “Mèo” là âm thì nó có thể mang yên ổn và thanh nhàn tới cho cuộc đời của “Chó” là dương.

Joseph thở phào và bóp chặt tay Lan hơn. Đột nhiên anh cảm thấy mình có yêu nàng tới mấy cũng còn thiếu, và Lan sung sướng nhoẻn miệng cười với anh.

- Như vậy con mèo của em và con chó của anh, cả hai cầm tinh của chúng ta có triển vọng sống với nhau tốt!

- Nó mới có vẻ như vậy thôi Joseph ạ... Muốn biết chắc chắn, phải chuyển các thời điểm chào đời của anh qua âm lịch để có một lá số chi tiết, an cả trăm ngôi sao, chính có phụ cô, do một thầy giỏi tử vi chấm và giải.

Gia đình Lan đang chuẩn bị về Sài Gòn cùng một ngày với Joseph đi Hà Nội nhưng muộn hơn. Nàng và anh chia tay nhau dưới vòm đầy hoa li ti hình trái tim màu tím nhạt phủ lên chiếc cổng bằng đá có chạm trổ, thẳng lối vào vườn cây. Joseph lại đắm thắm hôn lên những ngón tay Lan như anh từng hôn trên sông nước đêm nào. Trong một thoáng, mắt Lan mờ và hoen những giọt lệ hạnh phúc.

Joseph nao nức hứa:

- Từ Hà Nội anh sẽ viết thư cho em mỗi ngày.

Rồi khi Joseph vội vã lên đường ra ga xe lửa, người thiếu nữ An Nam vẫn đứng dưới vòm cổng đẹp màu hoa ti-gôn, bên hàng rào

xanh đậm lá, tay giữ mái tóc tay đưa lên vẫy và môi cười nhìn theo cho tới khi bóng dáng người thanh niên Mỹ khuất tầm mắt.

Trên đường ra phương bắc, Joseph tưởng như tình yêu anh dành cho Lan sâu đậm thêm từng giờ. Chưa đặt chân xuống Hà Nội, lòng anh đã nhói đau nhớ tưởng và ngất ngây khát khao nàng. Hội ngộ kinh kỳ phương bắc trong nhiệt độ oi ả với cái nóng trái mùa khiến ban ngày khó tập trung tinh thần và ban đêm gần như ngủ không yên giấc, nhưng thời tiết khắc nghiệt đó không ảnh hưởng lên thể lý của Joseph. Nó chỉ làm tâm lý của kẻ đang xa người mới yêu thêm quay quắt.

Vì ý nghĩ của Joseph chỉ quanh quẩn bên Lan, anh thấy mình thường đưa mắt nhìn theo các thiếu nữ An Nam bước đi uyển chuyển và duyên dáng giữa các đám đông trong thành phố. Hồng hạp quyến rũ, bờ nghiêng thanh tú của gò ngực nhỏ, giọng nói nhiều âm điệu như chim hót, tiếng bước rất êm của đôi chân trần trên vỉa hè, tất cả như gợi lên những biểu hiện giống nhau và cùng kích động tâm não Joseph.

Nhiều khi Joseph bước chân đi với tiếng nhuyển âm âm ừ trong cổ họng như thể anh gật gù tự hỏi phải chăng mình đang lang thang tìm kiếm Lan trong từng thiếu nữ An Nam ấy? Tuy thế, xa cách và nhớ nhung cũng là khoảng thời gian thuận tiện để Joseph có phần nào lắng đọng cảm xúc, nhìn thật kỹ tâm tư mình.

Tình anh yêu nàng có quả thật rất mực thuần khiết, chân chính và tôn trọng, hay đó chỉ là cơn sốt bùng bùng của giác quan nơi miền đất nhiệt đới kích động nhục cảm như anh từng chứng kiến hơn mười năm trước, và ngày nay, chính anh đang biến thành con mồi cho những thèm muốn nhục dục không kèm chế nôi? Có phải từ ngày ngồi bên Lan trong lòng xe thổ mộ ở Sài Gòn, thành kiến hoài nghi phụ nữ trong anh tự nhiên vơi dần, và vì thế về sau, tại Huế, anh bắt đầu yêu Lan, như yêu một người nữ hiện thân cho chân thiện mỹ mà tiềm thức anh hằng khao khát? Có phải từ tình yêu của Lan, anh như người được vớt lên khỏi vùng bóng tối ở đó quá trình thành toàn nhân cách bị khập khểnh giữa nhu cầu phải có một nhân sinh quan hài hòa và tâm trạng triền miên ngờ vực khả

năng của con người, đặc biệt của phụ nữ, khi chế ngự khía cạnh hủy diệt của bản năng để sống vị tha và chung thủy. Giữa đam mê của một người tình sôi nổi và tỉnh táo của một kẻ quen sinh hoạt hàn lâm, Joseph thấy mình khó có câu trả lời khách quan và thấu đáo cho các vấn nạn tự nêu đó. Nhưng nhìn sâu vào tâm tư, anh thấy Lan và tình yêu của nàng đang khôi phục trong anh hình ảnh của người nữ chân chính từng bị nhạt nhòa kể từ đêm mưa bão trong trại săn. Và dần dà, anh cảm thấy bao dung khi nghĩ về mẹ, hướng thượng khi nhớ tới Lan, đồng thời nhận ra mình đang vui sống hồn nhiên và độ lượng, yêu người và yêu đời hơn. Trong thư hằng ngày viết cho Lan, anh nao nức kể với nàng những khám phá, những cảm xúc đó. Có lần anh hân hoan nắn nót mấy hàng chữ: “Đêm cùng em dự lễ tế trời ở Nam Giao cũng chính là đêm phục sinh niềm vui sống tươi trẻ từng bị héo úa trong cuộc đời anh. Đêm đó, bên em, anh biết đời mình vừa được cứu chuộc.”

Nỗi ám ảnh tình yêu Lan cũng ảnh hưởng sâu xa lên công việc của Joseph. Thay vì tập trung vào chuyên đề lịch sử bang giao giữa An Nam với Bắc Kinh, Joseph thấy mình ngày càng bị cuốn hút đào sâu hơn các hồ sơ đầy bụi của thư khố như một nỗ lực mở rộng thêm tầm hiểu biết về đất nước và dân tộc của Lan. Anh bỏ ra nhiều tiếng đồng hồ cố sức khám phá các nguồn gốc của chủng tộc nàng và ngôn ngữ của nó trong vô số bộ lạc bản địa và các bộ lạc phương bắc đã tràn xuống phía nam bán đảo Hoa Ấn trong buổi bình minh của lịch sử.

Joseph phát hiện rằng: sau khi dõi theo những mắt xích mơ hồ liên quan tới các dân tộc thuộc chủng tộc mê-la-nê-diên gồm những kẻ định cư tại vùng đa đảo Thái Bình Dương, các học giả Pháp không thể minh định những gốc rễ thật sự của người An Nam và văn hóa của giống người này. Theo những dữ kiện văn bản và di chỉ khảo cổ thu thập được cho tới nay, giả thuyết tương đối hợp lý và có căn cứ nhất cho rằng người An Nam là sự kết hợp chủng tộc giữa dân bản địa mã lai đa đảo và một tộc trong Bách Việt ở Hoa Nam, bên này sông Dương Tử. Thế nhưng các nhà nhân chủng học Trung Hoa, có lẽ vì động cơ nhất thống chính trị, lại liệt Bách Việt vào

tộc Hoa để làm thành năm tộc được tiêu biểu trên lá cờ ngũ tinh là Hoa, Tạng, Mãn, Hồi và Mông. Joseph thấy mình có thể chấp nhận giả thuyết sự kết hợp chủng tộc từ thời tiền sử, như đã phát hiện ở trên, làm thành giống Việt Giao Chỉ, tổ tiên của người An Nam ngày nay. Họ từng lập nên nước Văn Lang của người Giao Chỉ hơn bốn ngàn năm trước. Với vật tổ là chim Lạc, thời thái bình an lạc Hồng Bàng của họ, theo truyền thuyết, kéo dài hai ngàn năm. Họ cũng đã từng cùng với một số Bách Việt, thiết lập một quốc gia riêng biệt - Nam Việt - tại Lưỡng Quảng và vùng duyên hải phía nam Trung Hoa. Sau đó, họ lại lập quốc riêng cho nòi Giao Chỉ của mình, với nhiều quốc hiệu khác nhau, tại dải đất duyên hải dài và hẹp đông bắc bán đảo Hoa-Ấn trong hơn ngàn năm, trước lúc người Pháp đặt chân đến.

Tiếp đó, suốt dòng lịch sử dài đằng đẵng và đầy xáo trộn của mình, dân tộc này đã chiến đấu không mệt mỏi để lật đổ ách thống trị của Trung Hoa. Ưu thế của họ là thuần chủng, và từ nam chí bắc, họ nói chung một ngôn ngữ. Nhìn bề nổi, họ có vẻ chung một nền văn hóa với Trung Hoa do bị ảnh hưởng phương bắc đô hộ cả ngàn năm. Nhưng nhìn thật sâu vào lối sống dân dã và những phong tục tập quán có dấu vết cổ đại, người ta phải công nhận họ có một nguồn mạch văn hóa riêng biệt với những nét đặc thù rất sâu và rất khác với văn hóa Trung Hoa. Có lẽ vì thế, ưu tiên tối thượng của họ là độc lập dân tộc. Họ sẵn sàng hy sinh tính mạng và tài sản, quyết chiến với các đạo quân viễn chinh phương bắc để bảo vệ văn hoá của dân tộc và giữ gìn độc lập của tổ quốc. Chính Quang Trung, vị đại đế đệ nhất anh hùng của họ, cách đây 150 năm đã khẳng định chân lý ấy trong bài hịch tướng sĩ của ông trước khi ra trận: đánh cho để dài tóc, đánh cho để đen răng, đánh cho sử sách biết nước nam anh hùng này có chủ! Trong lịch sử thế giới từ trước tới nay, chưa có dân tộc nào nhạy cảm với vấn đề ngoại xâm cho bằng dân An Nam. Cuộc tranh đấu ấy kéo dài tới hơn ngàn năm nhưng trong thời gian đó, họ cũng mở rộng lãnh thổ xuống phương nam bằng những cuộc chiến tranh chinh phục tới độ hủy diệt một dân tộc yếu hơn và hiếu hòa, được biết tới là Chăm hoặc Champa.

Joseph ngạc nhiên nhận thấy mặc dù các hoàng đế An Nam tự ý

nap cống vật cho Bắc Kinh suốt nhiều thế kỷ liên tục nhưng trong thời gian đó họ vẫn xây dựng được ưu thế quyền lực của mình trên bán đảo này khiến tới lượt họ đòi buộc các vua chúa của Lào và Khmer phải nạp cống vật cho họ. Riêng về cống vật được các vua An Nam nạp cho Bắc Kinh, chúng chỉ có giá trị tượng trưng, như một tiêu biểu cho tinh thần hoà hiếu và thần phục “thiên triều”. Nó như một hình thức thể hiện châm ngôn của tổ tiên để lại cho hậu duệ một nước nhỏ mà định mệnh bắt buộc phải ở kề một nước không lồ có máu bành trướng: không tin cậy Trung Hoa như bằng hữu, cũng chẳng đối đầu với Trung Hoa như kẻ thù. Cống vật không hào phóng tới mức gây thiệt hại nhiều cho công khổ. Ngược lại, hề mỗi lần sứ bộ An Nam sang triều cống, Trung Hoa phải chịu phí tổn gấp mấy lần cống vật vì việc đón tiếp và chiêu đãi sứ bộ cả trăm người tại các dịch quán, trên lộ trình dài vạn dặm từ Hà Nội tới Bắc Kinh. Tất cả chỉ là những hình thức tạo cơ hội cho “thiên triều” khẳng định và phô trương thanh thế của mình lên các tiểu lân bang phen dậu. Khi người Pháp từ phía bên kia địa cầu đến vào giữa thế kỷ mười chín để xâm lăng rồi đô hộ họ, nước Đại Nam ngoan cường lúc ấy đang ở tư thế vững vàng trong cuộc bành trướng lãnh thổ của mình ra xa hơn qua những lần xâm lăng bằng quân sự hai dân tộc láng giềng là Lào và Khmer.

Joseph cũng tìm được nhiều tài liệu và văn kiện cho thấy chính quyền bảo hộ Pháp bị lôi kéo như thế nào bởi những tay thương buôn mạo hiểm và các quân nhân, những kẻ trước tiên tìm kiếm đất đai và quyền lực cho chính họ rồi sau đó mới thuyết phục Paris ủng hộ họ, như công nhận “sự đã rồi”. Một văn thư quan trọng được viết vào năm 1790 bởi một trong các lính đánh thuê, thúc giục Pháp nắm lấy Hoa-Ấn vì kẻ thù lớn của nước Pháp là Anh đã làm chủ Ấn độ và Miến điện. Văn thư ấy quả quyết rằng nếu nước Pháp muốn tránh sự sỉ nhục và vẫn tồn tại là một đối thủ tranh đoạt quyền lực và tranh giành ảnh hưởng trên thế giới, nó phải nắm lấy một lãnh thổ nào đó tại Á Đông. Joseph ghi chú: “Không đề cập gì tới lý tưởng cao nhã ‘sứ mạng khai hóa’ cho tới rất lâu về sau, khi nước Pháp đã dựng lên Đông Dương vì những lý do có tính cách quyền lực hèn hạ hơn rất nhiều”.

Các thư tịch lưu trữ cũng vén lộ rằng chưa bao giờ có được một kế hoạch lâu dài, trước sau như một, và cũng chưa bao giờ hình thành trước tại Paris một phương thức điều hành thuộc địa này. Các sách lược bị bám víu và biến hóa một cách may rủi với sự bổ nhiệm các Toàn quyền Đông Dương kế tiếp nhau. Và hình ảnh nổi bật qua hàng trăm tài liệu được Joseph nghiên cứu là một hình ảnh ngẫu nhiên và lộn xộn, được dẫn dắt dần dà bằng những biện pháp tự chúng không đòi phó nổi sự bóc lột thô bỉ một dân tộc vốn có một quá khứ văn học và đạo lý mà chỉ có các nước tiên tiến của châu Âu may ra mới có thể sánh bằng.

Joseph cũng tìm thấy những nghiên cứu của các học giả Pháp phân tích những giai đoạn tàn bạo và khát máu trong lịch sử An Nam hiện đại và các hồ sơ về vấn đề này được cập nhật hóa nhờ những tài liệu do Nha Liêm Phóng Đông Dương cung cấp về Cuộc Khủng Bố Đỏ được gọi là “phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh” các năm 1930-1931. Những nguyên bản cung khai trong các cuộc thẩm vấn của Liêm Phóng, đính kèm thành những tập sách nhỏ, kể chi tiết những cách thức đâm máu được cộng sản dùng để tàn sát và hành hạ các địa chủ, quan lại và thậm chí những người từng ủng hộ họ nay quay ra phản bội. Và Joseph rùng mình khi đọc những tài liệu đó. Nội dung những cung khai ấy cho thấy đàn ông đàn bà bị thiêu, chặt, chôn sống và trấn nước với tình trạng say máu kéo dài, có tính chất dã man thời trung cổ. Và bằng cách nào đó, những kinh hoàng Joseph đọc ấy mang trở lại tâm trí anh âm thanh kinh khiếp rùng rợn trong cung giọng của Ngô văn Lộc khi anh ta ré lên với Joseph giữa khung cảnh tối tăm nơi nhà lồng chợ Bến Thành về cách người Pháp đã giết hai ngàn đồng bào của anh ta trong các cuộc nổi dậy năm 1930 và năm 1931 và đem tù đầy phát vãng gần hai chục ngàn người.

Qua những tài liệu đọc được đó, thâm tâm Joseph càng lúc càng xác tín rằng người An Nam là một dân tộc bất hạnh, có số mệnh phải gánh chịu hết bạo lực này tới thảm kịch khác suốt chiều dài lịch sử của họ. Và những ý nghĩ đó đè nặng trĩu tâm tư anh.

Tới cuối tuần lễ thứ hai, để gây hưng phấn cho tinh thần mình, vào

một buổi xế chiều, Joseph quyết định đi tìm yên tĩnh trong khung cảnh tịch lặng của Đền Quạ, một miếu đền Nho giáo nổi tiếng, do vua Lý Thánh Tông khởi công xây dựng vào năm 1070 để đặc biệt dâng hiến cho sự nghiệp văn học, được gọi là Văn Miếu Quốc Tử Giám, trường đại học đầu tiên của những người theo học đạo thánh hiền và văn chương cử nghiệp. Miếu được xây dựng bên một hồ lớn của thủ đô và bốn bề vắng vẻ khi Joseph đến. Một đàn quạ đông đảo, cánh đen bóng lưỡng - từ ngàn năm nay đêm nào cũng tá túc nơi rừng muỗm trong khuôn viên miếu - lúc này đang hoạt động bằng cách say mê lượn những vòng cuối cùng trước khi đậu lại và yên nghỉ qua đêm. Nhưng dù đang ở bên trong những vòng tường cổ xưa ấy, Joseph vẫn không được yên thân.

Khi Joseph chậm chậm đi qua năm chiếc sân nối tiếp nhau trong khuôn viên miếu, anh nhận ra có ai đó đang đi theo mình. Lúc dừng lại xem xét các bia đá ghi tên và quê quán hơn 1.300 nhà nho thi đậu tiến sĩ trong suốt ba trăm năm vinh quang của triều đại nhà Lê, dù sau khi thi đậu họ ra làm quan hay quay về quê sống đời ẩn sĩ. Nhưng ngay từ thuở nhỏ sinh vừa làu thông kinh sử, tham dự vào hàng ngũ kẻ sĩ của dân tộc, mắt họ đã hướng về Văn Miếu kinh đô. Đó đền miếu kinh đô của nho giáo, chốn linh địa của giới sĩ phu An Nam và là nơi ẩn chứng hiền tài, bồi đắp nguyên khí của quốc gia. Họ gồm hàng vạn nhà nho, đăng khoa hay lỡ vận, sống rải rác và hoà mình với dân chúng từ thành thị đông đúc tới thôn làng heo hút. Họ làm thầy đồ dạy dỗ con em, làm kiêu mẫu đạo đức cho làng nước và là lương tri của dân tộc.

Đang ngẫm nghĩ Joseph giật mình nghe sột soạt tiếng chân đi rón rén sát sau lưng. Anh đột ngột quay lại và bắt gặp cũng chính gã thanh niên hình dung tiêu tụy đã làm chiếc bóng của anh từ hôm đầu tiên anh ghé lại Hà Nội. Trong cùng một lúc, mắt Joseph và mắt gã gặp nhau. Và gã thanh niên Pháp ấy móc túi lấy kính đeo mắt, nhìn Joseph cười mỉm, gần như tỏ vẻ chế nhạo trước khi bỏ đi khuất tầm mắt anh rồi mất dạng sau những chiếc cột lớn sơn son thiếp vàng ở sân bên trong.

Bên kia các cửa sổ đang mở, hình dáng đen đui của lũ quạ liệng rất nhanh và kêu quang quác trong trời tối lơ mờ. Joseph bỗng cảm

thấy mất tinh thần - vừa do không khí ẩm đạm nơi miếu cổ vừa bởi gã thanh niên rõ ràng đã tới lúc theo dõi anh không thềm lén lút. Việc đọc các biên bản thẩm vấn của Liêm Phóng suốt chiều nay để lại ấn tượng dữ dội trong tâm trí Joseph về sự âm trầm tàn độc của guồng máy mật thám. Và bỗng nhiên Joseph chắc chắn rằng vì những lý do nào đó anh không hiểu, anh hiện bị theo dõi sát nút bởi một trong các nhân viên an ninh của nó.

Nhón gót đi thật chậm về phía Khuê Văn Các, Joseph đột ngột quay lui, bước vòng quanh cột, chỗ anh vừa thấy gã thanh niên lần vào. Anh hỏi thẳng thừng bằng tiếng Pháp:

- Tại sao anh theo dõi tôi?

Gã thanh niên Pháp không tỏ vẻ kinh ngạc cũng không tính chuyện trả lời hoặc bỏ đi. Thay vào đó gã lại kéo kính đeo mắt lệch xuống sống mũi, chăm chăm nhìn lại Joseph, không chớp mắt, với vẻ mặt ngang nhiên xác xược. Bất lực, người Mỹ quay gót đi thật lẹ ra khỏi Văn Miếu. Tới lưng chừng con đường dọc theo một đại lộ hai bên có hàng cây dẫn tới cổng miếu, Joseph quay mình nhìn lui. Gã mật thám cũng đã ra khỏi hàng cột nơi cổng miếu, đang đứng ngang nhiên ngó theo anh, lắc các và lộ liễu.

Lát sau, một chiếc xe Citroesn đen trông có vẻ kiểu quan chức từ một hướng khác chạy trờ tới trước sân miếu. Gã mật vụ rón rén bước tới gần xe. Cửa sổ sau bên hông xe đã hạ sẵn kính xuống và gã khom lưng cúi xuống cửa xe ấy. Trời không đủ sáng cho Joseph nhìn rõ mặt người đang ngồi nơi ghế sau nhưng anh thấy gã mật thám trong khi nói, hất đầu một hai lần về phía anh. Rồi gã rón rén bước lui và kính xe lại được quây lên. Chiếc xe chậm chậm chạy cùng hướng với Joseph.

Xe vừa chạy quá người Joseph bỗng tấp vào lề. Cửa sau xe thình lình bung ra chặn ngang lối anh đi và anh sững sốt thấy trước mắt mình hiện lên bộ mặt cần cỗi hóc hác của Jacques Devraux.

- Joseph, chúng ta có thể tránh được sự hiểu lầm không cần thiết nếu anh nhận lời tôi đề nghị chở anh về khách sạn.

Giọng của Jacques Devraux đều đều, trống rỗng. Hắn đưa hai con mắt âm u nhìn qua vai người Mỹ trong khi chờ câu trả lời. Joseph quắc mắt giận dữ nhìn viên chỉ huy Liêm Phóng:

- Lý ra tôi phải biết chính ông là người chịu trách nhiệm việc theo dõi tôi. Có phải đây là một sự bắt giữ chính thức?

- Tôi chỉ muốn nói chuyện với anh.

- Đề xin lỗi về việc theo dõi tôi mà không có lý do?

- Anh kết luận như vậy có vẻ hơi quá sớm.

Joseph nhìn hắn một cách sắc bén:

- Ông muốn nói với tôi chuyện gì?

- Vào xe rồi hãy nói!

Joseph miễn cưỡng leo lên ghế sau. Devraux ra hiệu tài xế tiếp tục cho xe chạy. Viên thanh tra Liêm Phóng dựa ngửa người ra ghế, mắt vẫn nhìn thẳng tới trước và nói:

- Tôi sẽ không phí chút thì giờ nào. Tôi muốn biết tại sao ở Sài Gòn anh gặp và nói chuyện với tên tù mới được thả Ngô văn Lộc? Joseph quay qua, nghi ngại nhìn đăm đăm bộ mặt không cảm giác của người Pháp:

- Ông theo dõi cả lúc đó nữa phải không?

- Anh gặp một tên cộng sản có tiếng, từng can dự vào các âm mưu lật đổ chính quyền ở đây. Anh thảo luận với hắn về vấn đề gì?

Joseph vẫn nhìn chăm chú:

- Đó là chuyện của tôi. Tại sao nó làm ông quan tâm?

Giọng Devraux lạnh lùng xa vắng như thể hắn không màng tới câu hỏi của Joseph lẫn sự kiện người Mỹ đòi hỏi phải tôn trọng quyền riêng tư của con người.

- Có phải hôm đó anh không thảo luận về chính trị?

- Tôi từ chối trả lời câu hỏi đó. Nó hoàn toàn không phải việc của ông.

Devraux uể oải ngã lưng ra nệm ghế da, châm một điếu xì gà rồi hạ cửa kính, ném que diêm vào bóng tối. Khi hắn kẹp điếu thuốc giữa các ngón tay Joseph để ý thấy bàn tay hắn run nhè nhẹ:

- Nếu tôi kể với anh rằng có kẻ âm mưu lấy mạng tôi ở Huế, liệu điều đó có đủ để khiến anh nghĩ rằng tôi có quyền đặt cho anh một số câu hỏi?

Joseph lặp lại mấy tiếng ấy với vẻ không tin:

- Một âm mưu lấy mạng ông? Ông có biết kẻ đó là ai không?

- Ngô văn Đồng - con trai của thằng Lộc.

- Nhưng tại sao việc đó lại liên can tới tôi?

- Trong cuộc thẩm vấn, thằng Đồng khai rằng cha hắn và hắn biết được hành tung của tôi ở Huế là do anh nói, đúng không?

Chiếc xe thùng dài chạy dọc Kè Clemanceau, hướng mũi về Hồ Gươm. Joseph ngó ra cửa sổ, nhìn vào bóng đêm đang tụ về trong im lặng hãi hùng. Cuối cùng anh nói, nhỏ giọng:

- Đúng, tôi giả dụ là đúng... nhưng đó chỉ là tình cờ - chỉ là một phát biểu ngay tình.

- Nhân viên của chúng tôi thấy anh chờ trên bến cảng Sài Gòn suốt hai tiếng đồng hồ. Phải chăng anh kỳ vọng chúng tôi tin rằng chỉ vì tình cờ mà anh đến xứ thuộc địa này của chúng tôi đúng vào thời điểm có đông đảo tù nhân cộng sản được tha về?

Devraux rít một hơi dài xì gà trong khi chờ câu trả lời. Đằng sau đốm lửa loé lên sáng rực, hắn lại liếc Joseph thật lẹ với con mắt dữ dội của một người hướng dẫn săn bắn, kẻ từng hướng dẫn đoàn thám hiểm của Joseph mười một năm trước.

- Đúng, đó chỉ là tình cờ. Paul kể với tôi rằng anh ấy nghĩ là Lộc đang ở đảo Côn Lôn - và tôi thấy trên báo tin tức về một chuyến tàu sắp cập bến.

- Nhưng tại sao anh muốn gặp thằng Lộc?

Người Pháp đặt câu hỏi đó với giọng đều đều, không quay sang nhìn anh. Joseph lưỡng lự rồi trả lời chậm chạp:

- Tôi muốn hỏi anh ta về một việc riêng.

Bên cạnh Joseph hình như người Pháp ngồi không nhúc nhích:

- Ý anh muốn nói tới cái chết của người anh của anh?

Cổ họng Joseph bỗng khô rang. Anh ngạc nhiên thấy mình gật đầu thừa nhận:

- Đúng. Chính Lộc đã kể với tôi rằng anh Chuck chết trong khi cố cứu cha tôi.

Devraux nhướng người trên ghế rồi hạ mình xuống:

- Tôi nghĩ rằng lúc này mình đã hiểu.

Trong một lúc, cả hai ngồi im lặng. Rồi Joseph lại cúi mình tới trước ghế:

- Nhưng có phải ông thật sự tin rằng tôi dự vào âm mưu giết người? Và tôi giả dụ các nhân viên mật thám của ông tại Hà Nội

kỳ vọng sẽ tìm thấy tôi ở đâu đó trong Văn Miếu đang âm mưu lật đổ nền cai trị của nước Pháp tại Đông Dương.

Devraux nhắm mắt lại như thể mỗi một:

- Tôi không muốn tin điều đó. Nhưng đã xuất hiện những ý tưởng quá khích không kém ý tưởng đó. Các phái viên nguy trang của Quốc tế Đệ tam đang hoạt động khắp Á Đông - trong số họ có nhiều kẻ là người Âu. Vậy tại sao lại không có người Mỹ? Ở đâu và thời nào cũng thế, hầu hết những tên có lý tưởng Mác-xít đều xuất thân từ các gia đình trung lưu hoặc giàu có. Chúng tôi không dám đoán chắc rằng hết thảy các vị khách da trắng tới Đông Dương đều là những kẻ cảm phục và hiến thân cho nước Pháp.

Joseph nói chua chát:

- Giá như chính quyền của ông đừng bóc lột dân tộc này tàn tệ quá thì họ đã không muốn nổi dậy chống lại các ông. Giá như đồng bào của ông không bòn rút đất đai để lấy hết cao su, than đá, lúa gạo, những thứ mà họ có thể sờ tay vào được, và không đánh đập cu-li xe kéo trên đường phố thì Ngô văn Lộc và những người giống như anh ta đã không tính tới chuyện giết ông.

Devraux mở mắt, trầm ngâm rít điều xì gà:

- Joseph ạ, anh đã biết qua những hồ sơ mà anh đọc trong thư khố của chúng tôi, rằng lịch sử của An Nam đầy máu đổ và tàn bạo. Có một tính chất tàn bạo trong con người của dân chúng xứ này.

Hắn ngừng nói, chậm chậm thổi khói ra phía cửa sổ:

- Nhưng đồng thời, chúng cũng là một chủng tộc bị bọm. Chúng thích làm ra vẻ thụ động ngoài mặt để đánh lạc hướng người khác.

Joseph rung động tâm can, nhận ra rằng cả trong việc anh nghiên cứu loại văn bản nào cũng bị Liêm Phóng giám sát. Trên môi anh bỗng trào lên lời phản kháng nhưng anh kịp thời nuốt xuống.

- Thằng Ngô văn Lộc và vợ hắn do thám tôi nhiều năm trước khi chúng bị tôi phát hiện. Thằng Học, con trai thứ hai của chúng, vô cớ giết một quản đốc đồn điền cao su - kẻ đó ba cha con chúng nổi loạn ở Yên Bái và ra sức làm chuyện sát nhân giống y như thế đối với Paul. Dường như chúng đang theo đuổi một cuộc trả thù cá nhân đẫm máu và vô nghĩa đối với cha con tôi.

Devraux ngừng nói, và lần đầu tiên hắn quay sang nhìn Joseph

chăm chấp:

- Thằng Đồng bị bắt không có nghĩa làm cho chúng nó dụ xuống. Từ khi thằng đó bị biệt giam, người của tôi nhận ra có một hai âm mưu nhằm giám sát việc đi lại của tôi. Những tên giúp việc trong nhà tôi bị hăm dọa và bị dò hỏi tin tức...

Giọng Devraux kéo rề rề như thể không thềm quan tâm rồi hất bỏ lưng, nhún vai và lại quay mặt ngó qua chỗ khác.

Xe vào tới đại lộ Beauchamp chạy dài sát một bên Hồ Hoàn Kiếm.

Nhìn qua cửa sổ xe, Joseph thấy trăng bắt đầu lên. Một luồng ánh sáng trắng mênh mang chan hòa mặt nước hồ bao la và yên lặng.

Joseph bỗng chỉ muốn lập tức ra khỏi xe. Anh nói cụt ngắn:

- Monsieur Devraux, nếu ông không bắt giữ tôi... tôi muốn xuống xe. Tôi muốn thở chút không khí trong lành trước khi ăn tối.

Lập tức Devraux ra hiệu tài xế dừng xe rồi mở cửa. Hắn để cho Joseph ra khỏi xe nhưng khi người Mỹ quay lại chào từ giã, anh thấy người chỉ huy Liêm Phóng cũng theo chân anh bước xuống. Sau khi ra lệnh thật lẹ cho tài xế bằng tiếng Pháp, Devraux bước tới bên Joseph. Hắn vừa châm một điếu xì-gà vừa liếc Joseph qua luồng khói lửa mới ấy và nói:

- Anh kể với tôi rằng anh nói chuyện với thằng Ngô văn Lộc là hoàn toàn ngay tình. Được, vậy tôi cảnh cáo anh rằng tại Đông Dương này, sự ngay tình hay ngây thơ vô hại có thể đưa tới nhiều nguy hiểm. Người An Nam không “ngây thơ”, chúng nó là một dân tộc cực kỳ quỷ quyệt.

Joseph cảm thấy không thích trả lời. Cả hai yên lặng bước chậm dưới những hàng cây xương xẩu mọc sát mé nước. Người Pháp nói dụ giọng:

- Khái niệm của anh về chủ nghĩa thực dân cũng khá ngây thơ, nếu anh bỏ qua cho việc tôi dùng từ ngữ đó. Có thể những ứng xử của người da trắng đối với phương đông luôn luôn bị thúc đẩy bởi một động cơ căn bản và không thể bào chữa, đó là lòng tham lam; và có thể tới một ngày nào đó, chúng tôi phải trả giá cho cái đó.

Nhưng tại đây, nước Pháp không bao giờ hoạch định một chương trình độc dữ và có tính toán. Quản trị xứ thuộc địa bao giờ cũng là loại công việc phức tạp nhưng nó cũng hoàn toàn không phải là

con đường một chiều. Với phần công chính của linh hồn mình, người Pháp lúc nào cũng cảm thấy mình bị thúc bách phải cống hiến, một cách vị tha, cho người bản xứ sự khai sáng và nền giáo dục tại chính quốc. Kết quả là những người An Nam có trí óc minh mẫn nhất được xuất dương sang Pháp du học, thấy rõ văn minh của nước Pháp, thấm nhuần kiến thức của chúng tôi, rồi hồi hương tổ chức cách mạng bạo động chống lại chúng tôi. Thậm chí có người còn mỉa mai rằng con đường sang Pháp du học cũng chính là con đường chống lại nước Pháp.

Cảm thấy động lòng quan tâm và không còn phân biệt đâu là chuyện của ai nữa, Joseph hỏi:

- Nhưng tại sao tới lượt mình, dường như chúng ta không tự mình học được cái gì ở đây?

- Anh có mặt ở xứ sở này đây là lần thứ hai phải không? Anh từng ở trong rừng, thăm viếng các miếu đền, bước đi trên những đường phố tập nập. Anh từng cảm thấy sức mạnh kỳ bí của phương đông làm máu anh sôi bọt như rượu sâm-banh, phải không? Người phương tây nào tới đây cũng cảm thấy như thế. Đây là vùng đất của những cái đối nghịch nhau vô cùng sâu xa và cực kỳ khác biệt với Virginia Mỹ của anh hoặc Normandy Pháp nơi sinh trưởng của tôi, tới độ chúng ta không bao giờ học được cách thích ứng. Núi non và rừng rú mang tính thù nghịch, các đồng lúa bất tận - cái nóng dữ dội và khí hậu ẩm ướt lúc nào cũng thúc bách cho vạn vật tăng trưởng tới tận cùng giới hạn của chúng và kích động quá độ hệ thần kinh và cảm xúc của chúng ta. Đất đai phong phú với quá nhiều sức sống khiến cái chết dường như không thành vấn đề. Thú vật giết thú vật, người giết thú vật, và thậm chí người giết người. Nó hoàn toàn nằm trong một diễn tiến tàn bạo. Bạo lực là chuyện bình thường, chuyện xảy ra hàng ngày, và các giác quan của chúng ta lúc nào cũng ngây ngậy say với toàn bộ sức sống rộn ràng này. Chúng ta đáp ứng cái nóng này giống như những con thiêu thân đáp ứng ánh đèn. Đây là đất làm giác quan rực cháy chứ không làm trí tuệ bùng sáng. Đó là lý do tại sao chúng ta không học được gì. Đây là đất có quá nhiều sức mạnh thiên nhiên tới độ không sớm thì muộn mọi người đều để lời thú tính của mình ra. Không người

nào được miễn trừ.

Giọng nói của Devraux ngằn ngật và cay đắng, gần như nhức nhối và thù hận, như thể trong khi nói hắn đang sống lại quá khứ của chính hắn. Bàn tay Devraux càng lúc càng run rẩy thấy rõ trong khi hắn tiếp tục rít xì-gà. Và Joseph tưởng chừng mình đang cảm nhận được sự căng thẳng mỗi lúc một tăng trong con người hắn.

- Tối lúc ấy lũ dân này làm anh tức tối. Vì chúng nó nhỏ nhắn uyển chuyển và dường như chúng sở hữu cái hay cái đẹp sâu xa hơn chúng ta. Dường như chúng nó khéo tay quá, tinh tế quá, phải không, và khiến cho chúng ta có cảm tưởng rằng bên cạnh chúng nó chúng ta thô thiển và vụng về, phải không? Vì chúng triền miên là nạn nhân của những sức mạnh thiên nhiên hết đời này sang đời nọ nên chúng tu dưỡng con người nội tâm tới mức thượng thừa. Những lời giảng của Phật Thích Ca có vẻ như chứng minh sự phù phiếm của cả tham lam lẫn sám hối. Và những nghi lễ bí nhiệm chúng thường cử hành dường như cho chúng sự tiếp cận các bí mật của linh hồn, còn chúng ta thì bị chặn lại tại chỗ. Toàn bộ sự tận hiến cho tịch lặng, sống đời dung dị thuận với thiên nhiên và hòa hợp tâm linh này mang tính quyến rũ cực kỳ đối với những linh hồn bất an mới đặt chân tới nơi này, từ châu Âu và châu Mỹ là nơi thân xác được ngưỡng mộ trên tất cả mọi thứ khác. Nhưng có lẽ cái nổi bật nhất ở đây là vóc dáng màu vàng và mỏng manh của phụ nữ, phải không? Họ gần như thể món đồ chơi dễ thương và thích mắt, với bàn tay và bàn chân quá đỗi nhỏ nhắn. Vẻ đẹp thụ động của họ cũng thế, nó làm ta bốc máu, trong khi đàn bà các xứ khác không làm được như vậy.

Người Pháp ngừng nói, nhướn cặp lông mày ngạo mạn lên ngó Joseph:

- Điều tôi vừa nói đó có làm tổn thương tình cảm của anh không?

Joseph chăm chăm nhìn hắn, sững sốt vì câu hỏi đầy dụng ý của người Pháp:

- Thì ra ông cũng theo dõi tôi suốt đêm hôm ấy ở Huế?

Người Pháp lơ câu hỏi đó. Joseph cảm thấy giận bùng mặt:

- Monsieur Devraux, có lẽ ông nên giải thích rõ ràng tại sao ông lại nói với tôi tất cả những điều vừa rồi.

- Tôi cho anh cơ hội suy nghĩ về việc anh đang làm. Mê mẩn các ấn tượng đầu tiên thì chưa hết đâu. Tại phương đông, tình yêu quá đáng đối với nhục cảm có thể hủy diệt một người da trắng phương tây. Nhiều người tưởng rằng họ sẽ rời khỏi nơi đây với linh hồn còn nguyên vẹn - nhưng sau đó, ngay tại quê hương mình, họ thấy bản thân bị biến đổi sâu xa bởi những ném trái ở xứ sở này mà chính họ cũng không biết. Họ trở thành kẻ sống bên lề dân tộc mình vì tại đất nước họ mọi sự dường như vô cùng tẻ nhạt so với phương đông. Rồi thông thường, họ bị quyến rũ trở lại đây thêm lần nữa bởi tiếng gọi mê đắm của những cái trước đó đã hủy hoại họ. Hãy cố nhìn mọi sự như chúng thật sự là chúng. Hãy ở lại đây lâu như tôi ở và anh sẽ thấy rằng sự ngất ngây đầu tiên đó chuyển hoá thành sự bạc nhược và cái kính nhiệt đới. Toàn bộ sự tự chế và kỷ luật tự giác của anh có thể bị tan tành ở đây. Xứ nhiệt đới cũng thường làm khô kiệt nghị lực và làm thối rữa mọi cơ năng đạo đức của những người tốt lành. Rồi càng ngày họ sẽ càng khinh miệt sự tinh tế bản xứ mà lúc ban đầu họ thấy rất quyến rũ, chỉ vì họ không thể nào làm cho bản thân mình hòa hợp với nó.

Dừng một chút, Devraux hít vào một hơi dài:

- Joseph này, đối với những người mang nước da trắng, đất này cực kỳ không mến khách - và cái đó cũng dồn ép khiến họ rất thường phạm phải những hành động mà họ không thể tự hào về chúng.

Cả hai đã tới sát chiếc Citroesn do tài xế tuân lệnh trước, đậu chờ sẵn Devraux bên đường. Hắn dừng lại cạnh xe, tay dí bệp nát đầu mẩu xì-gà vào một thân cây bên hồ. Tàn thuốc lấp lánh rơi xuống đất như một chùm đóm sáng. Sau một giây đăm chiêu nhìn tro tàn, Devraux đưa chân hất hất mẩu thuốc thừa rồi bắt giắc ngoáy ngoáy thật mạnh để giày trên mặt đất mềm. Joseph nói, cố ý thấp giọng mình xuống:

- Có phải ông có ý nói giống như đêm mưa bão nơi trại săn trong rừng của chúng ta?

Devraux đã mở cửa xe nhưng hắn chẳng người, chậm chậm quay lại đối diện với Joseph. Dưới ánh trăng chiều thẳng vào người, mặt hắn trông như một xác chết. Joseph vừa nói tiếp vừa quan sát

Devraux thật gần:

- Đêm đó tôi không ngủ được. Và có lẽ ông cũng nên biết rằng tôi có một thằng em - lúc này nó mười tuổi. Cuối năm đó mẹ tôi sinh con trai.

Devraux nhìn chăm chặp người Mỹ. Vẻ sững sốt làm bộ mặt tái xám của hắn chậm chậm vặn vẹo. Hắn nói gần như thì thào:

- Tôi xin lỗi. Nói với bà ấy tôi xin lỗi.

Dứt câu, hắn vội vàng quay mình, chui vào xe, không một tiếng từ già.

Ánh sáng đỏ rực của đèn sau chiếc Citroen xa dần theo đại lộ dọc bờ hồ và viên chỉ huy Liêm Phóng chỉ còn là chiếc bóng nhỏ lơ mờ ở ghế sau. Nhưng Joseph có thể thấy hắn ngồi rụt cổ xuống, hai tai ngang với hai vai. Trong thái độ của hắn có điều gì đó hình như gọi ra một tâm trạng vô vọng và tuyệt vọng.

Vào lúc chiếc xe biến mất, một cơn khắc khoải mơ hồ và cấp bách bao phủ lấy Joseph. Trong hồi lâu, anh đứng bất động, nhìn một cách khốn quẫn qua phía mặt hồ bên kia. Nơi có hòn đảo nhỏ với tháp bút viết lên trời xanh bên cạnh cây cầu vòng cung bằng gỗ, đỏ như son; và chính giữa hồ có còn đất thấp thoáng màu cỏ lục. Đèn cũ và tháp xưa, những biểu tượng của một Á Đông cổ sơ và bí nhiệm, đứng nghiêng nghiêng rõ nét trên vầng trăng đang lên như một chiếc đĩa màu vàng nhạt.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Ba - Sông Hương - 1936

- 10 -

Joseph sốt ruột kéo dây chiếc chuông đồng nhỏ gắn dưới vòm mái cong bên trên chiếc cổng sơn son khép lại thành hình trăng rằm trước cư sở của quan sứ thần ở Sài Gòn. Đôi cánh cổng mở ra lần thứ hai và thêm lần nữa xuất hiện chị giúp việc người An Nam, kẻ trước đó trong ngày đã không để cho anh vào.

Chị khép nép mỉm cười chào Joseph, cũng với nụ cười khôn dò y như sáng nay khi báo với anh rằng Mademoiselle Lan và thân phụ nàng không thể tiếp khách đến thăm. Lần này, anh lo sợ chị cũng sẽ chuyển cho anh một lời nhắn y như vậy. Nhưng rồi, anh nhẹ người khi chị lùi mấy bước và ra hiệu mời anh vào bên trong.

Tọa lạc cuối con đường đầy bóng dừa và im mát nhờ những hàng sao cao vút, ngôi nhà của quan sứ thần được xây theo kiểu cổ truyền An Nam. Tường quét vôi màu nhạt, tô vữa. Trên đầu tường là mái ngói màu đỏ lộng lẫy. Nền nhà cao với hàng hiên mái cong có hai dãy cột sơn son chống đỡ.

Vừa theo chân chị người làm bước vào vườn, Josep nôn nóng tìm kiếm dấu hiệu tỏ cho thấy Lan đang đi ra chào đón anh. Nhưng các bậc cấp bên dưới hàng hiên vẫn không vang lên tiếng chân nào. Tới cuối hàng hiên, anh được dẫn đi qua sân nhà bằng gỗ tếp bóng lưỡng, ngang một dãy phòng dịu mát bên trong trưng bày trang trọng đồ mạ vàng hoặc chạm bạc đời nay của Pháp chung với những vật trang trí phương đông bằng điêu khắc gỗ hoặc những hoành phi đối trướng bằng lụa. Trong phòng chính, đồ đạc thừa thớt, nổi bật là bàn thờ gia tiên bên trên đặt các bài vị màu vàng, các bức ảnh đóng khung và nhang đèn. Ở đó, Joseph thấy một người giúp việc đang trang trọng cắm hoa tươi vào độc bình và còn một người nữa đang kính cẩn chưng lên bàn thờ các khay trái cây mới hái.

Sau cùng, chị người làm đưa Joseph vào một căn phòng bày biện

ngay ngắn nhiều kỉ trà bằng gỗ chạm lộng; bên cạnh mỗi kỉ trà có kê một chiếc đôn sứ. Anh bị để lại đó một mình trong vài phút. Khắp toà nhà tràn ngập không khí im lìm sâu lắng khiến trong khi chờ đợi, Joseph càng lúc càng linh cảm rõ nét một điềm gở. Chuyến xe lửa dài năm ngày khởi hành từ Hà Nội hầu như bò chậm rì và thở phì phò một cách khốn khổ. Vừa đặt chân xuống đất Sài Gòn sáng nay, Joseph lật đật đi thẳng tới nhà Lan, không một lời báo trước. Sự cự tuyệt của chị giúp việc và lời chị yêu cầu anh quay lại chiều nay lập tức làm tăng thêm cảm giác thấp thỏm và phiền muộn vốn bắt đầu hành hạ anh từ sau cuộc nói chuyện với Jacques Devraux bên bờ Hồ Hoàn Kiếm. Đêm đó, mỗi khi nhớ tới từng lời trì chiết của Devraux, anh lại thấy hình ảnh con nhện đỏ như lửa bò chậm chậm phía trong mũi thuyền trên sông Hương khi anh đang hạnh phúc bên hơi ấm của Lan.

Vì tâm trạng khắc khoải không chịu nổi, Joseph kết thúc cuộc nghiên cứu ngay sau hôm gặp Devraux và thu xếp vào nam lần nữa bằng chuyến xe lửa sớm nhất có thể được. Trên con tàu, anh không thể gạt khỏi trí tưởng mình ý nghĩ về một điềm bất tường nào đó dù anh đã lý luận và phân tích cặn kẽ rằng nỗi hân hoan rộn ràng và niềm hạnh phúc ngất ngây anh từng bắt chợt bắt gặp tại Huế hoàn toàn không có triệu chứng thay đổi nào. Và hiện tại, lòng khát khao được hứa hôn với Lan rồi gấp rút mang nàng tới một xứ sở nào đó an toàn và quen thuộc với anh hơn đã trở thành một ám ảnh không nguôi.

Trong khi một mình ngồi đợi nơi căn phòng tịch mịch này, sắp sẵn lời lẽ để trình bày dự tính ấy với thân phụ của Lan, Joseph biết rằng mình đang ở rất gần phút giây quyết định. Và anh cảm thấy lòng bàn tay ướt đầm mồ hôi. Vì tâm trạng đang quá căng thẳng nên thoát đầu anh không để ý thấy Lan và Trần văn Hiếu thâm lặng xuất hiện trên ngưỡng cửa.

Khi ngược lên, Joseph giật mình bắt gặp đứng ngay trước mặt là vị quan An Nam đang trang trọng cúi đầu chào trong y phục giản dị gồm chiếc áo thụng bằng lụa đen và mũ trùm đầu cũng màu đen. Joseph lật đật đứng lên chào đáp lễ. Đứng kế bên, Lan có vẻ ngập ngừng rồi nghiêm trang mỉm cười trước khi đặt mình ngồi xuống

chiếc đôn sứ cạnh cha.

- Tôi tin chắc chuyến đi Hà Nội của anh thế nào cũng thu lượm rất nhiều kết quả tốt đẹp.

Trần văn Hiếu mỉm cười lịch sự, lên tiếng trước bằng thứ tiếng Pháp nhiều hơi gió nhưng Joseph lập tức nhận thấy thái độ của ông có vẻ như đang co mình lại. Anh đáp:

- Thưa, hai tuần lễ cũng khá đủ. Đất kinh kỳ ấy thật quyến rũ.

Người An Nam từ tốn gật đầu. Joseph liếc Lan thật lẹ. Anh dự tính nói với Lan rằng xa cách nàng trong chừng ấy ngày như thế là dài đằng đẳng. Anh sẽ cầm tay Lan, gọi cho nàng kể hết những cảm xúc thương nhớ anh. Anh biết rõ đối với một thiếu nữ An Nam, lại có tâm tánh như Lan, nếu có cực lòng không kém gì anh vì phải xa nhau trong quãng thời gian lâu đến thế, nàng cũng chẳng dễ lộ thành lời nếu anh không gọi chuyện.

Chiều nay, Lan mặc chiếc áo dài màu tối bằng lụa nâu, mặt không trang điểm. Trong mắt Joseph, chính vẻ ảm đạm đó lại khiến sắc đẹp nàng tăng thêm phần tươi mát. Dù biết thế nào Lan cũng cảm nhận được tia nhìn quán quít của mình, Joseph thấy mắt Lan vẫn tiếp tục nhìn cha, làm như thể cơn mê luyện quán quít dịu dàng giữa nàng và anh đêm nào trên sông Hương chỉ xảy ra trong trí tưởng tượng nóng bỏng của anh.

Vị quan An Nam nói giọng ngậm ngùi:

- Monsieur Sherman, xin anh bỏ qua cho tôi về việc không tiếp anh sớm hơn nhưng tin tức bi thảm từ Huế về thân phụ của quan ba Devraux làm cá nhân chúng tôi vô cùng đau đớn - tôi chắc rằng anh cũng thế.

Joseph bỗng ngồi thẳng người:

- Tin gì vậy?

Trần văn Hiếu trông có vẻ giật mình:

- Monsieur Sherman, xin tha lỗi cho tôi, tôi nghĩ là anh đã biết...

- Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Đêm qua cộng sản sát hại thân phụ của quan ba Devraux.

Nói tới đây nét mặt người An Nam thoáng bừng lên vẻ bức rứt:

- Một tội ác khủng khiếp và vô nghĩa! Nó làm cho tất cả những người An Nam có danh dự đều cảm thấy cực kỳ hổ thẹn.

Lan môi run run, nhìn xuống sàn nhà. Joseph thấy mặt nàng tái nhợt. Đúng lúc ấy chị người làm đi vào, đặt lên trên chiếc kỉ cạnh mỗi người một tách trà bốc khói, dậy hương thơm ngát. Joseph hỏi, giọng thì thào choáng váng:

- Ông ấy bị giết như thế nào?

- Ông ấy bị bắn nhiều phát ngay trên giường. Không có dấu vết chống cự nào. Chắc lũ sát nhân đột nhập vào phòng lúc ông đang ngủ.

Vị quan ngưng một chút rồi nói tiếp, giọng đều đều như tuyên bố một điều đã sắp sẵn, trong khi Joseph kinh hoàng nhìn ông không chớp mắt:

- Gia đình tôi và tôi buồn bã cách riêng vì chỉ mới hai ba hôm trước đây, quan ba Devraux bày tỏ với tôi những tình cảm anh ấy dành cho Lan, con gái tôi. Nhưng chẳng may thân phụ của anh ấy qua đời trước khi hay biết hai gia đình chúng tôi chẳng bao lâu nữa sẽ kết thành thông gia.

Nói xong những lời ấy Trần văn Hiếu nhìn Joseph bằng ánh mắt sắc bén rồi nâng tách sứ lên nhấp một ngụm trà đang bốc khói. Bên cạnh cha, Lan ngồi cúi đầu yên lặng, mắt vẫn nhìn thẳng xuống sàn nhà. Một bàn tay nàng đặt lên áo, năm ngón tay cùng quần rút đi rút lại một sợi chỉ lỏng trên tà áo. Nhưng ngược lại mặt Lan không lộ chút cảm xúc nào.

Joseph nói giọng trống rỗng:

- Cháu không biết phải bày tỏ như thế nào. Thật choáng váng kinh khủng khi nghe tin như thế vào lúc lý ra cháu nên đưa lời chúc mừng Paul và Lan.

Nói xong, Joseph cố hớp một ngụm nước trà nóng bỏng nhưng bàn tay bắt đầu run lẩy bẩy, anh phải đặt tách trà xuống. Trần văn Hiếu đáp lại, giọng tự tin:

- Monsieur Sherman ạ, dĩ nhiên tôi sẽ cùng với toàn gia quyến ra Huế dự tang lễ. Chẳng may chuyện xảy ra như vậy khiến tôi không có thì giờ giúp anh trong việc nghiên cứu lịch sử.

Ông mỉm cười điềm đạm nhìn con gái rồi nói ý nhị:

- Lan đã tự ý kể hết cho tôi về đề tài anh dự tính nêu ra với tôi hôm nay.

Joseph vội vàng liếc Lan nhưng lần này anh thấy mắt nàng đã chuyển từ nhìn đăm đăm xuống sàn nhà sang nhìn đăm đăm xuống vạt áo. Joseph đột nhiên cảm thấy người ớn lạnh và buồn nôn. Như bị siết chặt bởi một cơn bốc đồng điên tiết, anh chỉ muốn đá tung mấy chiếc kỉ trà nhỏ chạm trổ này và nổi cơn thịnh nộ với vị quan An Nam điềm đạm kia và cô con gái đang im lặng ngồi sát bên ông. Anh muốn đập vỡ sự tĩnh lặng của họ bằng những tiếng thét thật lớn bất chấp tất cả những luật lệ gò bó về phép tắc xã giao của người An Nam.

Mới đêm nào trên sóng nước sông Hương, trước hôm nay chỉ vừa đúng hai tuần, anh và Lan cùng nhau cam kết và thành toàn tình yêu sâu thắm của hai người. Cả hai vẫn yêu nhau thắm thiết và anh đang quyết tâm mang nàng sang Mỹ để thành hôn với anh! Nàng không chút nào yêu Paul Devraux. Và anh, Joseph Sherman, anh sẽ không để nàng làm đám cưới với một sĩ quan Pháp chỉ vì lòng hiếu thảo làm lạc với cha nàng, một “kẻ hợp tác” với người Pháp!

Joseph muốn phá tan tành đồ đạc, đập nát tách trà và kéo Lan ra khỏi ngôi nhà này. Nhưng sự trầm tĩnh kiên định trên khuôn mặt Trần văn Hiếu khi ông ngồi yên trên chiếc đôn sứ chỉ cách anh trong gang tấc và đang thỉnh thoảng nhìn anh làm tê liệt ý muốn hành động của anh. Sau cùng Joseph hỏi lạc lõng:

- Thưa, đại úy Devraux vẫn còn ở Sài Gòn không ạ?

Vị quan An Nam đáp với giọng đều đều:

- Quan ba Devraux đã đi Huế sáng nay để lo liệu việc tang lễ cho thân phụ. Nếu anh có lời nào muốn nhắn với anh ấy, tôi xin được hân hạnh chuyển dùm.

Joseph khốn quẫn nhìn tới nhìn lui hết người cha sang người con nhưng Lan vẫn cố tình lảng tránh ánh mắt anh. Anh nói bằng giọng không âm sắc:

- Xin ông vui lòng nói với Paul rằng cháu buồn bã sâu xa biết mấy khi hay tin thân phụ của anh ấy qua đời. Cháu mới gặp Monsieur Devraux tại Hà Nội ngay trước hôm cháu vào nam. Và xin ông nói thêm với Paul rằng cháu sẽ viết thư cho anh ấy.

Giọng của Trần văn Hiếu bỗng trở nên linh hoạt và có lớp lang, như tuần tự nói thành lời những ý tưởng sắp xếp đã lâu:

- Thế nào chúng tôi cũng sẽ chuyển những lời ấy. Tôi nghĩ chắc hẳn con gái tôi đã kể với anh rằng Kim, anh của nó, đã chọn sự tự sỉ nhục mình bằng việc công khai gia nhập phong trào bôn-sê-vich của cộng sản quốc tế. Không cần phải nói, nó làm hết thảy chúng tôi cực kỳ đau lòng. Gia đình chúng tôi vốn có truyền thống theo chủ nghĩa dân tộc và chống lại mọi hình thức bạo động. Hiện nay, tôi là người của nam triều, theo đường lối quân chủ lập hiến với phương châm Pháp-Việt đề huề để nâng cao dân trí và chấn hưng dân khí. Lúc này, qua hành động ám sát Monsieur Devraux, từ phía bọn cộng sản đã khởi động mối đe dọa đến sự ổn định của đất nước chúng tôi. Đây chính là lúc tất cả những người An Nam yêu nước nên dành hết tâm trí để làm nổi bật tinh thần hoà hiếu và trách nhiệm của mình đối với nước Pháp đang bảo hộ. Và đó là lý do, ngoài những cân nhắc riêng tư, tôi đặc biệt cảm thấy hân hạnh rằng qua cuộc hôn nhân này, gia đình chúng tôi giờ đây được nối kết với một gia đình đáng trọng của nước Pháp.

Trong khi nói những lời biện giải có vẻ khập khểnh như thế, mắt của Trần văn Hiếu an vị không chút nao núng trên khuôn mặt Joseph. Trong lời nói đầy cân nhắc thận trọng của ông có điều gì đó làm Joseph nghĩ rằng ông đã biết lý do thật sự của việc hôm nay anh đến viếng thăm ngôi nhà này.

Vị quan tiếp tục, cũng với giọng hoạt bát không kém:

- Monsieur Sherman ạ, chẳng may vụ ám sát này tạo thêm cho tôi những công việc cần phải làm trong vai trò đại diện chính thức của triều đình Huế tại Nam kỳ. Do đó, tôi không thể bỏ ra nhiều thì giờ như mình từng mong muốn để đàm đạo với anh. Tôi hy vọng anh cho tôi gửi lời vấn an vị thân phụ đáng kính cùng toàn gia đình của anh tại Hoa Kỳ.

Trần văn Hiếu đứng lên, rõ ràng có ý nói không muốn gặp lại anh nữa, và sẵn sàng rời phòng. Trong một thoáng Joseph nghĩ rằng Lan sẽ ở lại một mình trò chuyện với anh. Nhưng người An Nam đã chạm tay vào cô con gái đang ngồi yên với một dấu hiệu không thể nào cắt nghĩa khác. Và Lan tuân lệnh đứng lên bên cha.

Joseph cũng đứng lên, vừa tuyệt vọng nhìn Lan vừa cảm thấy trong lòng mình đang dấy động điều gì đó gần như kinh hoàng vì sự bất

lực, không thể nào bẻ gãy cái rào cản vô hình ngăn cách anh với Lan. Đột nhiên Joseph quyết định tại chỗ và nói:

- Cháu hy vọng mình sẽ lên đường trong chuyến tàu thủy đầu tiên vào ngày mai, vậy lúc này cháu cũng xin chào từ giã.

Trần văn Hiếu cúi đầu xuống một chút tỏ ý đáp tạ rồi quay qua cô con gái đang ngẩng đầu lên chỉ vừa đủ để chào vĩnh biệt Joseph bằng một nụ cười đúng phép xã giao:

- Monsieur Sherman, tôi cùng với Lan xin chúc anh một chuyến về nhà bình an. Nếu anh có dịp viếng xứ sở này lần nữa, xin mời anh ghé lại thăm chúng tôi.

Ông đứng qua một bên. Và như thể có một mệnh lệnh không ai thấy, chị người làm dẫn Joseph vào nhà lúc này nay lại xuất hiện để đưa anh ra cổng. Joseph đưa mắt nhìn Lan lần cuối, thấy trong đôi mắt nàng cũng vẫn chỉ một vẻ xa cách ấy. Anh khổ sở quay ngoắt người, đi theo chị giúp việc ra cửa.

Khi con tàu chạy bằng hơi nước mang Joseph ra khỏi Sài Gòn trườn mình xuôi theo dòng sông Lòng Tảo lộng gió vào rạng sáng hôm sau, anh đứng trên boong đắm đắm nhìn trở lại hai ngọn tháp xám nhạt của Nhà thờ Đức Bà cho tới lúc không còn có thể thấy chúng nữa. Sau cùng, khi hai đỉnh tháp nhọn và song đôi ấy chìm lìm dưới quang cảnh một đại dương bao la cỏ cây, Joseph đi về buồng, vật mình nằm dài ra giường.

Bên trong tâm trí của Joseph buông xuống một bức màn quạnh hiu và đen đúa. Toàn bộ sức sống dường như vừa thoát sạch khỏi người anh. Bên ngoài, Rừng Sác bừng sáng lung linh vươn mình ra tận bờ sông, xâm thực thêm nữa và đang ngấu ngiến thức ăn hàng ngày của nó là cái chết dữ dội.

Dần dần, ánh sáng tự chuyển sang màu xanh kỳ quái rồi tới lượt cái xứ sở vừa làm Joseph mê đắm vừa khiến anh kinh hãi ấy cũng bắt đầu trôi đi. Đối với Joseph, dường như anh đang được mang sâu hơn vào một đường hầm xanh biếc, đậm đà và rất hẹp, hẹp tới độ chính nó siết chặt quanh thân tàu khi con tàu cố sức ép mình làm một chuyến hải hành ra biển cả đang thênh thang rộng mở.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

TẬP II - Phần IV - 1 -

Mùa xuân năm 1940, Đức tràn quân qua Đan mạch, Na uy, Hà lan, Bỉ và tới tháng Sáu, buộc được nước Pháp đầu hàng. Tại Á Đông, quân đội Thiên hoàng Nhật lúc ấy đang tung ra những cuộc tấn công nhằm mở rộng phạm vi kiểm soát tại Trung Hoa và phối hợp nhịp nhàng với những chiến thắng của Đức Quốc xã tại châu Âu. Việc chính quyền Vichy của Pháp hợp tác với Đức đưa tới hậu quả Toàn quyền Pháp tại Đông Dương - cách nước Pháp hai mươi ngàn cây số - gần như mất liên lạc với Paris, và noi gương chính quốc, phải tự mình xoay sở.

Tháng 8.1940, Pháp và Nhật Bản ký hiệp định Tokyo trong đó Pháp cho Nhật dùng các sân bay để tiến công miền Nam Trung Quốc, và đem nền kinh tế Đông Dương phục vụ cho guồng máy chiến tranh của Nhật. Tuy thế, chỉ hơn hai mươi ngày sau, Nhật vẫn vượt biên giới vào Bắc kỳ, đánh chiếm Lạng Sơn, ném bom Hải Phòng, đổ bộ lên Đồ Sơn, bắt đầu cho sự có mặt của lính Nhật trên toàn cõi Đông Dương.

Sau đó, chiến tranh ngày càng kéo dài. Chính quyền Pháp tại Đông Dương hợp tác êm thấm với Nhật, cung cấp cho Nhật lúa gạo, than đá, cao su và các nguyên liệu khác. Sự kiện một nước Á Đông buộc được nước Đại Pháp phải gánh chịu nhục nhã đưa tới hậu quả hủy diệt hoàn toàn hình ảnh bất khả chiến bại của thực dân da trắng - một hình ảnh từng kéo dài suốt gần một thế kỷ - đồng thời tạo niềm khích lệ mới mẻ cho các nhóm chống Pháp ở Nam kỳ, Trung kỳ lẫn Bắc kỳ, và cách riêng, cho người cộng sản bản xứ.

Sau một thập niên phân tán, những người An Nam theo chủ nghĩa dân tộc qui tụ lại để chống Pháp trong các đảng phái thiếu tổ chức chặt chẽ, thiếu vận dụng các phương pháp đấu tranh một cách triệt để và khoa học. Họ nương theo quân đội Nhật Bản để từ Trung

Hoa nhập Việt. Thế nhưng, sau khi điều đình xong với Pháp và nắm quyền chủ động ở Đông Dương, người Nhật không thật tâm ủng hộ các phong trào đòi độc lập dân tộc. Phục Quốc Quân của Trần Trung Lập vừa theo Nhật đặt chân về nước liền bị Nhật để cho Pháp đánh tan ở Lạng Sơn; chủ tướng bị bắt và bị xử bắn cùng với hàng trăm đồng chí.

Trước đó, lại thêm một cuộc “cộng sản dậy” tại Nam kỳ vào tháng 11.1940. Nhiều tổng xã trong một số tỉnh và huyện ở Nam kỳ đồng loạt nổi dậy. Đa số những người lãnh đạo cuộc nổi dậy ấy theo bên-sê-vich, xuất thân Học Viện Thợ Thuyền Đông Phương KUTV của Stalin, đã chọn phương pháp đấu tranh chẳng khác gì Xô viết Nghệ Tĩnh năm 1930. Cán bộ cộng sản sát hại bằng cách mổ bụng đồn trâu thả trôi sông, chém giết nhiều viên chức chính quyền tổng xã, đại diện chủ thân Pháp, các hương chức có thành tích bắt bớ hoặc từng đánh đập những ai bị nghi ngờ hoặc thật sự có hoạt động quốc sự, và những trí thức nông thôn thường phê bình cộng sản qua thông tin của tôn giáo hay tài liệu họ có được... Ngoài ra, đảng viên cộng sản còn diễn thuyết, sách động nông dân đốt phá trụ sở làng, đốt phá hồ sơ, sổ sách... Sự dùng dằng và lúng cùn giữa Trung ương Đảng ở miền bắc và Xứ bộ Nam kỳ khiến hàng chục đảng viên lãnh đạo cấp cao bị Pháp bắt và xử tử, trong đó có cả Nguyễn Văn Cừ, tổng bí thư đảng, và hàng ngàn đảng viên trung ương lẫn địa phương bị đưa đi đày ở đảo Côn Lôn, khiến cơ sở đảng tại xứ Nam kỳ thuộc địa gần như tê liệt.

Ngoài ra, còn có cuộc nổi dậy lẻ tẻ tại Bắc kỳ ở Bắc Sơn và binh biến Đô Lương ở Nghệ An, nhưng đều bị dập tắt nhanh chóng vì thiếu sự tham gia của đông đảo quần chúng.

Trên khắp An Nam, tình thế rối ren hơn bao giờ hết. Dân chúng cực kỳ khó khăn vì phải nạp thóc vừa cho quân đội Nhật sử dụng trong khi đánh Đồng Minh, vừa cho chính phủ Đông Pháp dự trữ để chờ sự đổ bộ của quân đội Đồng Minh. Một phần lớn ruộng đất bị trưng dụng để trồng thầu dầu, đay, gai, hầu cung ứng cho kỹ nghệ chiến tranh của Nhật. Quan lại nam triều thừa dịp ấy bóc lột nhiều thêm khiến dân chúng từ thôn quê tới thành thị đều bị đói kém, cơ hồ hết sức chịu đựng.

Những người An Nam làm cách mạng chịu hai tầng trần áp. Một mặt, trong khi nhân nhượng quân Nhật và đề phòng người bản xứ nổi loạn, người Pháp lùng bắt và đưa đi an trí hàng chục ngàn người bị họ xét thấy là nguy hiểm cho nền cai trị đang lúc yếu thế của họ. Một mặt, người Nhật và các quan lại nam triều, trên thực tế hầu hết chỉ là tay sai của Pháp và khiếp sợ Nhật, muốn dẹp yên những phần tử khích động quân chúng chống lại chính sách vơ vét tài nguyên bản địa của Nhật và Pháp. Các đảng phái có gốc từ hậu duệ Quốc Dân Đảng như Đại Việt Dân Chính hoặc Đại Việt Dân Xã, Việt Nam Ái Quốc Đảng, đều được thành lập nhân chiêu bài “châu Á của người châu Á” và “Đại Đông Á” của quân phiệt Nhật với đa số đảng viên là trí thức, công chức và sinh viên chưa già dặn thủ đoạn chính trị. Họ cũng bị Nhật để mặc cho Pháp tha hồ lùng bắt khắp nước nên hầu hết các lãnh tụ phải lưu vong sang “thánh địa” Quảng Châu và Côn Minh.

Tháng Sáu năm 1941, Hitler xé bỏ Hiệp Ước Bất Tương Xâm từng ký kết hai năm trước đó với Liên bang Xô viết và xâm lăng Liên Xô. Hành động ấy biện minh cho việc quay ngoắt quan trọng về chiến tuyến của người cộng sản An Nam, vì chỉ qua một đêm và đi theo lập trường mới của Mát-cơ-va, họ biến thành đồng minh của các đạo quân Âu Mỹ đánh lại lực lượng khối Trục.

Lúc này địa bàn hoạt động chủ yếu của đảng Cộng Sản Đông Dương chuyển từ Nam kỳ ra Bắc kỳ, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Nguyễn Ái Quốc tại Pắc Bó, một sào huyệt ở Cao Bằng, nằm kề biên giới Trung Hoa. Ông về Pắc Bó lần thứ nhất vào tháng 2.1941 với tính cách đại biểu của Quốc tế Cộng sản. Ông chủ trì đại hội bầu Trường Chinh làm tân tổng bí thư, đồng thời đích thân phục hoạt Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội (gọi tắt là Việt Minh), một tổ chức của những người theo dân tộc chủ nghĩa, do hai chiến hữu cũ của Phan Bội Châu là Nguyễn Hải Thần và Hồ Học Lãm thành lập ở Nam Kinh năm 1936, và từng được Quốc Dân Đảng Trung Hoa thừa nhận. Tổ chức Việt Minh ấy hầu như đã bị rơi vào quên lãng từ lâu, nhưng nay dưới sự phục hoạt của Nguyễn Ái Quốc, nó là tổ chức duy nhất trong nước có quan hệ với các tướng lĩnh Trung Hoa. Tháng 8.1942, Nguyễn Ái Quốc

sang Tàu cốt để gặp Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc của Mao Trạch Đông nhưng ông bị phe Tưởng Giới Thạch bắt giam cho tới tháng 9.1943. Ở trong tù, ông thuyết phục được tướng Trương Phát Khuê là ông có khả năng huy động Việt Minh hợp tác tích cực với Trung Hoa.

Một năm sau khi ra khỏi nhà tù và sinh hoạt với các thành phần dân tộc chủ nghĩa tại Liễu Châu, Nguyễn Ái Quốc lại về Pắc Bó lần thứ hai vào tháng 10.1944, với danh xưng mới là Hồ Chí Minh, một cái tên xa lạ với quần chúng quốc nội. Mục đích chính của họ Hồ là dương cao khẩu hiệu “Đánh Nhật và đuổi Pháp”, sử dụng Mặt trận Việt Minh để che giấu nguồn gốc cộng sản của những thành viên và cơ sở chủ chốt, đồng thời nguy trang với diện mạo của người theo chủ nghĩa dân tộc để dễ dàng tiếp cận quần chúng trong nước và tranh thủ sự ủng hộ của lực lượng đồng minh phương tây. Trong khi đó, thành phần chủ lực của các đảng phái theo dân tộc chủ nghĩa đang lưu vong ở Trung Hoa không có liên hệ chặt chẽ với quốc nội và lúng túng trong thái độ đối với Đồng Minh vì e rằng ủng hộ tích cực Đồng Minh tức là gián tiếp mở đường cho Pháp trở lại đô hộ như cũ. Một vài tổ chức chính trị mới được thành lập ở trong nước, nương theo sự hiện diện của quân Nhật, chỉ phát triển hạn hẹp trong giới nhân sĩ, trí thức, sinh viên. Các nhân sĩ và giáo phái cũng như tổ chức thanh niên tiên phong ở Nam kỳ có quan hệ mật thiết với Nhật, nhất là sau ngày Nhật đảo chánh Pháp.

Trước đó, suốt những tháng cuối năm 1941, Nhật dùng Đông Dương làm bàn đạp để tập trung sức mạnh trên đất liền và biển cả; rồi trong tuần lễ đầu tiên của tháng Mười Hai, họ tiến quân ồ ạt và dữ dội vào Mã Lai, Hồng Kông, Guam, quần đảo Phi Luật Tân, Indonesia thuộc Hà Lan và các đảo vùng Nam Thái Bình Dương.

Vào đêm mùng 6 tháng Mười Hai, oanh tạc cơ Nhật ồ ạt bay tới Hawaii, tập kích căn cứ hải quân Hoa Kỳ tại Pearl Harbour (Trần Châu cảng), cùng lúc ấy, các đơn vị bộ binh Nhật bao vây tất cả những binh đoàn đã qui thuận sẵn của Pháp tại Đông Dương để đề phòng bạo loạn; và các binh sĩ Pháp không đề kháng chút nào.

Ngay chiều hôm sau, Thứ Hai 8.12.1941, Tổng Thống Franklin D. Roosevelt yêu cầu họp khoáng đại Thượng nghị viện Hoa Kỳ tại thủ đô Washington để tuyên chiến với Nhật Bản - một hành động đưa tới việc nhiều người Mỹ can dự vào các sự vụ tại Á Đông trong những năm tiếp đó.

- 1 -

Khi tám mươi hai thượng nghị sĩ - thể theo lời yêu cầu của Franklin D. Roosevelt họp để tuyên chiến với Nhật Bản - từng người một từ tiền sảnh Toà nhà Quốc Hội bước vào nghị trường ở cánh bắc Điện Capitol với vẻ mặt quyết liệt, kim chiếc đồng hồ mặt vàng trên tường đằng sau ghế của Phó Tổng Thống Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ kiêm Chủ tịch Thượng nghị viện chỉ đúng mười hai giờ bốn mươi bảy phút trưa Thứ Hai ngày 8 tháng Mười hai năm 1941.

Trên bao lon bao quanh ba mé nghị trường, các hàng ghế dành cho công chúng Mỹ chật ních những người mất tinh thần. Họ vừa lũ lượt kéo nhau vào Điện Capitol để chứng kiến thời điểm long trọng công bố việc tổ quốc mình can dự vào cuộc khủng hoảng đang lan rộng khắp thế giới. Trong hàng ghế dành cho gia đình nghị sĩ, Joseph Sherman ngồi giữa Temperance, vợ anh, và Guy, cậu em mười sáu tuổi của anh, yên lặng quan sát cha đang chống cây gậy làm bằng cành cọ, đầu bịt bạc, khập khểnh đi tới chỗ ngồi của ông, sát bên chiếc bục cao dành cho phó Tổng Thống.

Tuổi lục tuần với đầu tóc xù cùng bộ ria rậm bạc trắng như tuyết, nhưng đó không là vẻ độc nhất làm vị thượng nghị sĩ lâu năm của đảng Dân Chủ ấy nổi bật giữa các chính khách đồng viện. Một bên bộ mặt hồng hào của Nathaniel Sherman nhăn nhúm vì những lần sẹo mờ nhạt. Cổ tay áo trái nhét vào túi áo vét theo cách cố ý phô ra cho người ta thấy. Bả vai phía trên cánh tay vốn bị cắt cụt ở Sài Gòn mười sáu năm trước, lẹm vào rất sâu. Phải khó nhọc lắm ông mới buông được thân mình xuống lòng ghế đằng sau chiếc kệ nhỏ bằng gỗ màu nâu đỏ dành cho mỗi thượng nghị sĩ.

Tuy bị thương tật đến thế thượng nghị sĩ Nathaniel vẫn thích mặc y

phục hào nhoáng. Vào dịp nghiêm trọng này ông chọn cho mình chiếc cà-vạt lụa màu sẫm, áo sơ mi cổ còn trắng cùng áo vét mặc buổi sáng, kiểu thời Hoàng đế Edward nước Anh bốn mươi năm trước.

Trong khi nghe xướng danh, Nathaniel tì lệch một bên người lên mép kê, ghi chú nguệch ngoạc và không ngược mắt nhìn cho tới khi thư ký Quốc Hội đọc xong lần thứ hai bản dự thảo nghị quyết của Quốc Hội có nội dung chính thức tuyên bố xác nhận Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ đang lâm vào tình trạng chiến tranh với chính quyền Thiên Hoàng Nhật Bản.

Tiếp đó, Phó Tổng Thống kiêm Chủ tọa hỏi:

- Quí đồng viện nào có ý kiến phản bác bản dự thảo nghị quyết khoáng đại vừa đọc xin vui lòng phát biểu?

Không một tiếng đáp lại. Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại của Thượng nghị viện đứng lên và lập tức cất tiếng:

- Thưa Chủ tọa, tôi xin yêu cầu không một chút trì hoãn rằng những phiếu thuận và phiếu chống...

Phát biểu chưa hết câu ông bỗng chứng lại khi bất chợt thấy Nathaniel Sherman vừa lóng cống đứng dậy vừa nói thật chậm rãi:

- Nếu vị thượng nghị sĩ Texas đáng kính có lòng quảng đại nhường lời cho tôi... tôi xin trình bày ngắn gọn ý kiến của mình về bản nghị quyết khoáng đại...

Chủ tịch Ủy ban Quan hệ Đối ngoại lập tức đáp lại, không màng giấu vẻ bức bối:

- Thưa Chủ tọa, vào thời điểm lịch sử này, cả hai phía đối lập của nghị trường đều đã cùng thông hiểu nhau tới độ không phía nào bảo lưu những ý kiến không cần thiết. Tôi hy vọng sẽ không có ý kiến nào...

Hướng nụ cười đầy tôn kính về phía Chủ tọa, Nathaniel Sherman tiếp tục đứng:

- Thưa Chủ tọa, nhưng nếu vị Chủ tịch Ủy ban chịu nhường lời trong chốc lát thôi, tôi đoán chắc rằng mình sẽ không đối lập sâu sắc với những gì vị ấy đang có trong tâm trí.

Trên hàng ghế tham quan Guy toét miệng cười với anh và háo hức chồm người tới trước. Kề vai bên kia của Joseph, Temperance

cũng nhìn xuống nhạc phụ với vẻ ngưỡng mộ. Năm năm trước, nàng mê mẩn phong thái miền nam đầy quyến rũ của Nathaniel ngay hôm đầu tiên Joseph mời nàng tới thăm gia đình anh ở ngôi nhà đồn điền Queen Anne bên bờ sông James. Và vì thái độ hoà nhã ông đã tỏ ra với nàng từ lúc đó, nàng càng ngày càng quý mến ông.

Tuy thế, đối với Joseph, giọng nói miền nam phong phú âm điệu của cha vang lên giữa nghị trường Thượng viện lại khiến lòng anh phát sinh một phản ứng khác. Hiếm khi anh tham dự những sinh hoạt chính trị của gia đình vì anh khó gạt khỏi tâm trí mình cái ấn tượng rằng động lực chính của cha không hẳn là duy trì sâu xa những xác tín chính trị mà chỉ là khát vọng làm dáng cùng với lòng khao khát được nổi bật trước công chúng.

Một đôi lần Joseph tự hỏi phải chăng mình có thái độ quá cay nghiệt đối với cha, thế nhưng ấn tượng ngò vức ấy vẫn dai dẳng mãi trong lòng anh. Và lúc này, quan sát kỹ tất cả những dãy ghế xếp thành hai phía rạch ròi trong nghị trường bên dưới, phân theo con số nghị sĩ của hai đảng đối lập, anh tưởng chừng có thể thấy rõ hết thấy các thượng nghị sĩ của cả hai phía đều cau mặt như nhau. Tuy thế, cha anh vẫn buống bình đứng yên bên chiếc kệ của ông. Và Joseph tin chắc ông hiểu rất rõ rằng chính những thương tật của tai nạn năm xưa giờ đây làm cho bộ mặt ông mang đầy vẻ gay cấn và khích động.

Thượng nghị sĩ Chủ tịch Ủy ban nói lạnh nhạt:

- Dĩ nhiên vị thượng nghị sĩ Virginia có quyền phát biểu nếu ông ấy cứ nhất quyết yêu cầu được lên tiếng. Nếu ông ấy từ chối việc không bảo lưu ý kiến như mọi đồng viện khác, tôi chẳng còn chọn lựa nào khác hơn nhường lời.

Nathaniel Sherman đáp trả bằng một nụ cười nồng ấm rồi cúi đầu thật sâu về phía phó Tổng Thống, tỏ ý biết ơn:

- Thưa Chủ tọa, tôi biết ơn về việc đã cho tôi được đưa ra những ý kiến sau đây. Lúc này, đột nhiên tôi nhận ra rằng Thượng nghị viện Hoa Kỳ là một bộ phận vĩ đại nhất, qui tụ những người không dễ tìm thấy ở bất cứ nơi nào trên địa cầu - và cũng là một bộ phận tập hợp những con người trung thực nhất, hơn bất cứ nơi nào trên thế

giới. Đó là lý do hôm nay, trong khi lập quyết định có tính lịch sử này, chúng ta phải hết sức minh bạch tỏ rõ những cảm xúc chân chính của mình.

Nathaniel dừng lại, ngửa người ra sau một chút để gây tác động rồi đưa mắt nhìn chăm chặp khắp hội trường:

- Thừa Chủ tọa, từ bầu trời xanh thanh bình ngày Chúa Nhật và không một lời cảnh báo, Nhật Bản đã phóng ra một cuộc tấn công bỉ ổi nhất và hèn nhát nhất trong toàn bộ lịch sử nhân loại. Nhật Bản đã xâm phạm chủ quyền của chúng ta, tàn sát công dân của chúng ta, và hành động đê hèn ấy phơi bày một tham vọng điên cuồng sắc mùi ô nhục. Đối với Nhật Bản, thừa Chủ tọa, chúng ta nên trả lời một câu như thế này: “Các người đã tuốt gươm ra, các người sẽ chết bởi chính lưỡi gươm ấy!” Và đối với Tổng Thống của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ, câu trả lời của chúng ta nên như thế này: “Để bảo vệ những gì chúng ta đã và đang gìn giữ một cách thiêng liêng, chúng ta trịnh trọng đứng lên chào màu cờ tổ quốc và sẵn sàng tiến bước!”

Dừng lại thêm lần nữa, Nathaniel đặt bàn tay độc nhất lên mặt kệ và bạnh hàm một cách hùng hổ:

- Chúng ta sắp bỏ lá phiếu quan trọng nhất, lá phiếu mà từ trước tới nay chúng ta chưa bao giờ được yêu cầu sử dụng tới. Chúng ta sắp làm điều mà không một ngành nào khác của chính quyền có thể làm, đó là tuyên chiến. Hiến pháp trao cho Quốc Hội quyền hành lớn lao ấy và hôm nay, chúng ta phải tỏ rõ cảm xúc của mình một cách cực kỳ minh bạch. Trong mấy tuần lễ vừa qua, tại nghị trường này đã nhiều lần vang lên tiếng nói bất đồng ý kiến đầy tai hại.

Những tiếng nói “Hoa Kỳ phải lo cho mình trước đã” từng được cất lên rất thường xuyên bởi những kẻ chủ trương cô lập. Và tôi tin rằng chính ý kiến đó chịu trách nhiệm trực tiếp việc khuyến khích kẻ thù thực hiện những hành động đáng khinh bỉ của chúng. Chúng đang trông mong nội bộ của chúng ta suy yếu - chính vì thế, hôm nay chúng ta phải tỏ ra cho chúng thấy rõ rằng, trên tất cả mọi sự, chúng ta cương quyết siết chặt hàng ngũ của quốc gia chúng ta và chúng ta phải biểu lộ sức mạnh ý chí và quyết tâm của chúng ta.

Đó là hai hòn đá nền tảng và song sinh, trên hai tảng đá ấy lập nên

sự thắng lợi của chúng ta. Trong giờ phút đen tối này, chúng ta lo âu cho toàn cả địa cầu biết rằng một trăm ba mươi triệu người Mỹ hiện đang đoàn kết và kiên quyết chiến đấu. Thế giới phải biết rằng Hoa Kỳ ghét chiến tranh nhưng Hoa Kỳ sẵn sàng và luôn luôn chiến đấu một khi tổ quốc của mình bị xâm phạm... Giọng thượng nghị sĩ âm ập xúc động khi ông hâm nóng đề tài của mình. Trong lô khán giả, Temperance rõ ràng đang bồi hồi, nhích sát hơn vào người Joseph và đưa tay bóp bóp tay chồng. Thân thể Temperance vốn thon thả và trông rất thể thao lúc cả hai mới gặp nhau, giờ đây đầy đặn và chín muồi do hậu quả lần mang thai thứ hai. Mái tóc nâu màu hạt dẻ với những gợn sóng óng mượt vẫn mịn màng ôm đôi má trong thời kỳ rực rỡ nhất của chức năng làm mẹ. Khi Joseph quay qua nhìn vợ, anh thấy dù đang để hết tâm trí vào vấn đề, nàng vẫn chan chứa vẻ thanh thản định tĩnh của một người nữ vừa qua kỳ sinh nở và trên bộ mặt không một vết nhăn của nàng tràn trề mãn nguyện. Anh cảm thấy lòng nao nao thương cảm, và đáp ứng lại, anh dịu dàng triu mến siết chặt tay vợ. Joseph và Temperance gặp nhau tại Baltimore trong một cuộc triển lãm nghệ thuật phương đông, chỉ một hai tuần sau ngày Joseph từ Sài Gòn trở về. Anh tìm thấy nơi nàng một bản sắc Mỹ nồng nhiệt và đơn giản, làm lòng anh dịu lại sau cơn xúc động và rối loạn anh vừa chịu ở Á Đông. Temperance là con gái của một luật sư mộ đạo. Ông đặt tên cho hai người chị của nàng là Faith: Đức tin, và Charity: Bác ái, còn tên nàng Temperance: Trung dung. Mới ghé thăm hạt Charles lần đầu, Temperance đã mê thích toà nhà của dòng họ Sherman nơi đồn điền Queen Anne. Nàng thở hắt trước vẻ vĩ đại của tiền sảnh và chiếc cầu thang chạm trổ, bóng loáng, làm bằng gỗ óc chó. Nàng tuyên bố có thể nhận ra hai tai và mũi của Joseph trong những bức chân dung đóng khung mạ vàng vẽ chín thế hệ dòng họ Sherman treo trên các bức vách dán pa-nô. Và Temperance còn dẫn dụ được thân phụ của Joseph cho phép nàng ngủ đêm đầu tiên ấy trong chiếc giường lớn thường kêu kè kệt, bốn góc cắm bốn cọc cao dùng để mắc rèm. Đó là chiếc giường đặc biệt, được gia đình Joseph trịnh trọng xác nhận rằng chính Robert E. Lee, vị đại tướng lừng danh thời nội chiến Nam

Bắc một trăm năm trước, khi còn trẻ từng ngủ ở đó trong không biết bao nhiêu lần ông ghé thăm.

Dù Joseph chưa bao giờ thừa nhận nhưng anh biết rằng quyết định cầu hôn của mình bị tác động sâu xa bởi chính mối thiện cảm mộc mạc và say đắm Temperance dành cho thuở vàng son của Virginia, một thời đại từng phai nhạt rất nhanh trong tâm trí Joseph khi lòng anh ngày càng mê mẩn phương đông cổ đại.

Vào tháng Sáu năm 1936, trong thời kỳ rảnh rỗi sau khi hoàn tất bản thảo cuốn sách về các nước triều cống Trung Hoa, Joseph cực chẳng đã phải chấp nhận phụ trách quản lý nhà cửa và đất đai của đồn điền theo lời cha yêu cầu: “chỉ một vài năm thôi”, để thượng nghị sĩ có thể dần thân trọn vẹn hơn cho những nghĩa vụ chính trị tại Washington.

Tempe, tên thân mật gia đình dùng để gọi Temperance, vừa học luật xong và rùng mình trước viễn ảnh trở thành đệ nhất phu nhân của một trong các toà nhà trang nhã nhất và nổi tiếng nhất

Virginia. Cả hai kết hôn mùa thu năm đó với một đám cưới trọng thể diễn ra trên các bãi cỏ nhìn xuống dòng sông James xinh đẹp.

Vì thiện cảm đặc biệt với Tempe, thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman biến hôn lễ ấy thành một biến cố xã hội lớn nhất trong năm. Ông thuê hai ban nhạc và mời nhiều nhân vật chính trị hàng đầu từ Washington đến dự. Và ngay lúc đó Joseph bứt rứt nhận ra rằng chính những khổ đau thâm thía anh đã chịu khi từ Đông Dương trở về đã ảnh hưởng lên việc anh hấp tấp lập gia đình. Tuy thế, không bao giờ anh kể cho Tempe nghe chuyện tình quá khứ, và theo năm tháng trôi qua, tâm tư Joseph phôi pha dần những ký ức buốt nhói ấy.

Một năm sau, Gary, đứa con trai đầu lòng chào đời. Nó là nam nhi Sherman thứ ba mươi lăm của dòng họ nội, kế tục nhau bắt đầu cuộc đời nơi toà nhà đồn điền cổ kính này. Trong khi nghị lực của Joseph bị cuốn hút hết ngày này sang ngày nọ vào việc nắm vững những vấn đề anh chưa quen thuộc như quản trị bất động sản và mùa màng của đồn điền, Tempe cho phép mình thưởng thức mùi vị của công tác tổ chức “đạo quân” nhỏ bé gồm những người giúp việc da đen vẫn giữ lối sống theo phẩm trật gia đình và xã hội của

người Virginia thuộc giai cấp của họ.

Giữa cuộc sống gia đình xuôi theo năm tháng hình thành những lề thói không thay đổi, Joseph thỉnh thoảng vẫn cảm thấy lòng nao nao một nỗi ngậm ngùi nào đó nhưng nói chung, năm năm hôn nhân đánh dấu một tình trạng mãn nguyện và bình lặng. Cả anh lẫn Tempe đều sung sướng khi Mark, đứa con trai thứ hai, chào đời vào đầu mùa thu năm 1941 này.

Những tường thuật đầu tiên về lực lượng quân sự trấn áp của Nhật Bản đóng chung quanh Sài Gòn tới Hoa Kỳ vào đầu tháng Mười Một khiến Joseph chợt nhận ra rằng từ một hai năm nay, anh hoàn toàn không nghĩ tới người thiếu nữ An Nam xinh đẹp cùng với cuộc tình đã tàn lụi.

Rồi hình ảnh một nước Nhật điên cuồng đang điều hành những binh đoàn hiện đại của nó khắp xứ sở cổ đại ấy, nơi Joseph từng mê mẩn vì quá khứ của nó, làm anh tự hỏi không biết Lan và gia đình nàng đang trong tình trạng như thế nào. Rốt cuộc nàng có thành hôn với Paul Devraux không? Và nếu cả hai còn ở đó, tình trạng của Paul lúc này ra sao? Anh ấy có còn là quân nhân dưới sự giám hộ chặt chẽ của người Nhật không?

Những ý nghĩ như thế vờ vờ lui tới trong tâm trí Joseph suốt mùa thu nhưng thời gian trôi qua đã hầu như làm phai nhạt mối quan tâm của anh. Anh tự nhủ rằng những gì mình đang cảm thấy thật ra chỉ có tính cách hiếu kỳ về những con người và những biến cố không bao giờ còn tác động lên thực tế cuộc sống của mình nữa.

Tuy nhiên, cũng y như mọi người, Joseph choáng váng trước các biến cố trọng đại xảy ra hôm Chúa Nhật đầu tháng Mười Hai. Tin tức về những con tàu rực cháy, vỡ nát và những người lính thương vong được đài phát thanh loan báo lúc anh và cả nhà vừa thoải mái dùng xong bữa ăn trưa trong phòng ăn vách dán pa-nô. Chúng làm anh và hết thảy những người Mỹ khác bỗng chốc nhận ra rằng Thái Bình Dương bao la, hoang vu và trống trải kia không còn có thể che chắn cho họ tránh được những hỗn loạn của cuộc chiến tranh đang lan tràn khắp Á Đông.

Suốt Chúa nhật đó, Joseph và Tempe thì thâm thảo luận về những gì cả hai vừa ghi nhận, để tiếng nói của họ không lọt tới tai cậu con

tra nhỏ Gary. Nhưng không phải đợi tới lúc ngồi lắng nghe cha phát biểu hùng hồn trên diễn đàn của Thượng nghị viện về việc trả đũa Joseph mới nhận biết trọn vẹn phản ứng của anh từ đầu chí cuối thật ra là gì: đó là cảm giác hào hứng đang bị dồn nén!

Trận oanh kích Trân Châu Cảng cũng sẽ buộc Hoa Kỳ dần sâu vào trận chiến ở Á Đông. Và xét theo bản năng của mình, Joseph biết rằng trước sau gì anh cũng sẽ tham dự. Thế nào cuộc chiến này cũng sẽ mang anh trở lại vùng đất nơi thiên nhiên và lịch sử của nó đã mê hoặc anh trong một thời gian rất lâu.

Lòng Joseph lâng lâng khoan khoái trước viễn ảnh đó. Đây là lần đầu tiên anh hiểu tận tường rằng cuộc sống thôn dã đang làm mình cảm thấy tù túng biết bao. Ngượng ngùng về sự bất chợt nhận ra những cảm xúc thật sự ấy, Joseph liếc Tempe thật lẹ. Anh sợ mình đang để lộ ra mặt phần nào ý nghĩ dắc tội đó nhưng rồi anh cảm thấy nhẹ nhõm vì vợ vẫn không chú ý tới anh. Tempe đang dồn hết tâm trí vào cha chồng lúc này vẫn phát biểu ở nghị trường bên dưới.

- ...Suốt một thời gian rất dài, Nhật Bản ngênh ngang tung hoành gây chiến khắp cõi Á Đông nhưng lúc này, thưa Chủ tọa, hãy cho Nhật Bản thấy rõ rệt rằng nó đang lâm phải một cuộc chiến tranh chân chính trong tầm tay! Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ sẵn sàng củng cố lực lượng hải quân để không chế hữu hiệu cả Đại Tây Dương lẫn Thái Bình Dương và củng cố lực lượng không quân để tiến hành thắng lợi mọi trận không chiến trên khắp các bầu trời châu Âu và châu Á. Bằng hành động tấn công Trân Châu Cảng, có thể Nhật Bản hy vọng kèm chân chúng ta để chúng ta chỉ phòng ngự nội trong phạm vi lãnh thổ của mình. Nhưng, thưa Chủ tọa, hôm nay, từ nghị trường này, chúng ta có thể đồng loạt nói rõ và nói thẳng với Nhật Bản rằng: “Chúng tôi sẽ không quanh quẩn bên trong ngôi nhà của mình - và chúng tôi sẽ không cố thủ!”

Nathaniel Sherman thêm lần nữa dừng lại khá lâu để đẩy lên thật cao tác động của lời ông nói. Trong sự đột ngột im ắng tiếp đó, rõ ràng toàn thể Quốc Hội và công chúng trên các hàng ghế tham quan đều bị mê hoặc bởi khả năng hùng biện điêu luyện của ông. Rồi sau cùng, ông tiếp tục phát biểu với giọng trầm tĩnh hơn

trước:

- Thừa Chủ tọa, không còn nghi ngờ gì nữa và đã hoàn toàn rõ ràng rằng cuộc chiến tranh này giờ đây là cuộc chiến tranh của chúng ta - và rằng chúng ta không những chỉ chiến đấu tại châu Á, chúng ta cũng sẽ phải chiến đấu tại châu Âu - và trên khắp cả hai đấu trường đó, chúng ta sẽ chiến thắng. Hôm nay, chúng ta tuyên bố rằng: “Nhân dân Hoa Kỳ sẽ chủ động và khi dứt điểm xong bọn xâm lược, thế giới sẽ có một trật tự mới. Và trật tự đó đặc biệt dành cho các quốc gia cướp bóc, nghĩa là: Các người hãy tôn trọng công pháp quốc tế! Hãy duy trì hoà bình thế giới! Hãy giải tán các tập đoàn cướp bóc! Hãy quay về biên giới của chính xứ sở các người - và hãy ở lại bên trong ranh giới đó.”

Vừa dứt câu nói, Nathaniel ngồi xuống ngay, đưa mắt ứng chiến ngược lên nhìn lá cờ Hoa Kỳ cắm đằng sau Phó Tổng Thống.

Tuy việc vỗ tay bị cấm nơi nghị trường nhưng từ khu vực tham quan của công chúng vẫn có tiếng vỗ tay lác đác. Thậm chí vị thượng nghị sĩ Texas, kẻ vừa miễn cưỡng nhường diễn đàn cho Nathaniel, cũng nhìn về phía ông gật đầu tán thưởng. Bốn phía nghị trường râm ran tiếng thì thầm ủng hộ cho tới khi Phó Tổng Thống ra lệnh đọc lại bản dự thảo nghị quyết thêm một lần nữa rồi trịnh trọng đặt câu hỏi:

- Quý đồng viện có thuận thông qua nghị quyết này không?

Không có thêm ý kiến nào. Khi thượng nghị sĩ Sherman vừa bỏ phiếu “thuận” xong, chính ông cũng là người đầu tiên đứng bật lên, rời khỏi chỗ ngồi.

Trong lúc Nathaniel khập khễnh bước giữa hai dãy ghế để đi ra cửa, toàn thể hội trường im phăng phắc, như thể hình dáng xiêu lệch của ông đang tác động và thôi miên hết thảy những người có mặt.

Ông đi qua rồi nhưng hai lá cửa tự động vẫn bật vào bật ra trong vài ba giây trên bản lề của chúng. Tiếng gõ lọc cọc của cây gậy Nathaniel chống dội lại rõ mồn một trong nghị trường tĩnh lặng, hoà nhịp với tiếng bước chân ông chậm chậm xa dần dọc theo hành lang lát gạch bên ngoài.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-
1945

- 2 -

Gió chiều lạnh buốt quét dọc sân thềm Mặt Đông Điện Capitol, thốc từng cơn như cổ chích cho thủng, xuyên cho qua mấy lớp quần áo chống rét dày cộm của Tempe, Joseph và Guy khi cả ba đứng chờ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Lơ lửng và nổi bật giữa bầu trời xám nhạt là nóc điện lộng lẫy xây bằng đá màu kem trắng với ánh đèn sáng rực và huy hoàng từ bên trong vòm chiếu ra.

Chiều mùa đông còn hiu hắt sáng đôi ba giờ nữa nhưng dọc bao lon đối diện Khu Thương mại, dãy đèn lồng trên các cột thép màu đen đã lung linh tỏa ánh sáng vào cuộc đời. Guy vừa nhảy cà tưng cho ấm người vừa háo hức nói:

- Chắc chắn bố biết cách nói một bài diễn văn sao cho thật tuyệt diệu, đúng không?

Joseph trả lời chua chát:

- Không những bố biết cách làm như thế nào - ông ấy còn biết rằng làm ở đâu và làm lúc nào để có thể gây ảnh hưởng tối đa cho bản thân. Ông luôn luôn cân nhắc cái đó trên tất cả những cái khác. Guy nhìn thật kỹ nét mặt anh, và cậu bắn khoăn cau bộ mặt mười sáu tuổi của mình lại. Cậu hỏi với giọng bút rút:

- Anh Joseph này, tại sao anh hình như lúc nào cũng tìm cách làm giảm giá trị của bố?

Joseph vẫn đắm chiêu nhìn dọc theo Khu Thương mãi cho tới phía đài tưởng niệm Tổng Thống. Gió chích vào mặt làm anh nheo mắt.

- Guy ạ, chỉ nên nói rằng anh không có cái như em có, một nhiệt tình lãng mạn không tưởng nói chung về chính trị và người làm chính trị.

Cậu bé vẫn kinh ngạc nhìn chăm chú anh một lúc, rồi nghe tiếng gậy gõ碌碌 trên thảm đá, cậu nhún vai, quay ra sau. Có tiếng nói của Nathaniel Sherman cùng một nhịp với bàn tay ông âu yếm vỗ vỗ lưng Guy. Ông nháy tí mắt với cậu:

- Nay cậu út, cậu có thích bài diễn văn chiến đấu ấy của con chiến mã già đang thở phì phò này không? Con nghĩ là mình đã làm khá rõ quan điểm của dòng họ Sherman chưa?

- Thật tuyệt vời bố ạ.

Cậu bé mười sáu tuổi trả lời rồi đi sánh bước bên Nathaniel khi bốn cha con bắt đầu bước xuống vùng đất cỏ mọc xanh rì và mênh

mông quanh Khu Thương mãi.

Liếc Joseph với ánh mắt thận trọng hơn, thượng nghị sĩ nhận ra sự im lặng của anh có ngụ ý phê bình. Ông nói trầm lặng:

- Joseph ạ, bố thật thích thú khi thấy con lại có mặt trên khu vực dành cho người dự khán. Mấy năm rồi con mới trở lại chỗ đó, phải không?

Joseph nghiêm nghị gật đầu nhưng không nhìn cha. Nathaniel nói tiếp:

- Bố nghĩ rằng hôm nay là cơ hội khá đặc biệt để đập tan lễ xưa thói cũ cho dù nó có thể là cái gì đi nữa.

Tempe nhích sát người vào thượng nghị sĩ hơn, hôn lên má ông và vội vàng góp ý:

- Hết thấy chúng con đều rất ngưỡng mộ lời phát biểu của bố. Thật lạ lùng hết sức - như thể bố nói trúng y chóc những gì đang ở trên chót lưỡi của mọi người.

Nathaniel dừng chân. Ông trù mến vỗ vỗ bàn tay con dâu:

- Cảm ơn con gái của bố. Con bao giờ cũng cố làm cho trái tim già nua đang đập dồn dập này có cảm tưởng mình trẻ lại.

Trong lúc cả bốn cha con bước vội vàng xuống mấy bậc thêm rộng, Joseph âm thầm liếc cha thật nhanh. Đôi mắt ông vẫn còn rực sáng, long lanh vẻ hào hức khi ông phát biểu trong Thượng nghị viện và Joseph lại thấy thêm lần nữa nao nao tự hỏi phải chăng ông vẫn còn niềm hứng khởi thuở thanh xuân khi cố nắm

bắt mọi cơ hội để chiếm lĩnh ánh đèn sân khấu.

Joseph ngẫm nghĩ, người khác nếu có những thương tật lộ lộ và hãi hùng như ông đã chịu trong tai nạn đi săn, hẳn họ nhụt chí, tìm cách lánh xa cuộc sống công cộng, nhưng đối với cha anh thì khác. Lúc này anh chắc chắn ông biết rất rõ rằng ngoại hình thương tật ấy luôn luôn gợi lên những thiện cảm bất biến của người khác. Và ông không ân hận chút nào về việc khai thác những vết thương ấy nhằm phục vụ cho cứu cánh riêng của mình.

Năm năm trước đây, khi vừa từ Sài Gòn trở về Mỹ, Joseph cảm thấy lòng sôi giận và có nỗi thôi thúc phải đối chất với ông về tai nạn đã gây ra cái chết của Chuck. Nhưng rồi dù sao đi nữa, hình ảnh những vết thương đang hủy hoại thân thể của cha tự chúng lúc nào cũng làm anh cảm thấy nản lòng. Cuối cùng, anh không bao giờ tự động đề cập tới những gì anh đã nghe Ngô Văn Lộc và Jacques Devraux nói.

Khi cả bốn người im lặng đi xuống gần tới Quảng trường Union, trong tâm trí Joseph vẫn chần vờn câu hỏi khó trả lời của Guy. Anh bứt rứt kết luận rằng có lẽ chính sự thiếu can đảm đối chất ấy khiến thái độ thù nghịch của anh đối với cha càng ngày càng ngấm ngấm và làm cho anh có khuynh hướng tránh gần gũi ông. Khi anh và Tempe vừa đồng ý phụ trách việc cai quản ngôi nhà và đồn điền, mẹ anh mừng rỡ quá, vội vàng dọn tới ở hẳn tại Georgetown. Kể từ đó, mỗi năm anh chỉ có đôi ba dịp gặp gỡ cha mẹ.

Có tiếng Guy cất lên làm dòng suy nghĩ của Joseph bị chứng lại,
lôi tuột anh về với thực tại:

- Bố có nghĩ quân Nhật sẽ thật sự xâm chiếm California không?
Con nghe đài phát thanh nói có dư luận lòng vòng ở miền Tây là
bọn chúng đang làm như vậy.

Họ đang đi ngang bức tượng cỡi chiến mã của Ulysses S. Grant
trong Quảng trường Union. Cả bốn cha con đều có vẻ nhỏ bé trước
những hình nhân bằng đồng kích thước giống y người thật của
Grant và một toán quân thời nội chiến trong phút giây sững người
thăng thốt khi đối mặt những khẩu đại bác có bánh xe và bầy chiến
mã đang lao tới.

Đột nhiên Nathaniel đứng lại bên các bức tượng không lồ ấy rồi
quay nhìn về Điện Capitol. Trên đỉnh cột cờ lơ lửng giữa trời, lá
quốc kỳ đỏ, trắng và xanh của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phát phới
bay trong gió lộng, khi uốn lại thành gợn sóng khi bung ra thẳng
cánh trông thật đẹp mắt, nổi bật lên trên hậu cảnh vòm điện với
những thanh trụ nhỏ và tròn. Joseph thấy cha mím môi xúc động.

Sau một chút trầm ngâm, ông nói:

- Guy ạ, không ai biết trước một cách chính xác rằng cuộc chiến
này sẽ đưa tới những cái gì. Trước khi cuộc chiến kết thúc, nó có
thể làm thay đổi toàn bộ cuộc đời của chúng ta. Bố hy vọng rằng
cuộc chiến này sẽ chấm dứt hẳn trước ngày con tới tuổi tham
chiến - nếu không được như thế, con chớ bao giờ quên rằng chúng

ta là những kẻ thừa kế nhiều truyền thống cao cả.

Nathaniel quay mình sang hướng đông, nhìn dọc Khu Thương mại rồi nhìn tới ngọn bút tháp bằng đá, nhọn và mảnh mai của Đài

Washington:

- Trước đây, chúng ta từng bị thử thách nhiều lần và chưa bao giờ chúng ta thấy rõ ràng ý chí của mình như thế nào. Giờ đây, có lẽ cuộc thử nghiệm vĩ đại nhất đang đến. Con hãy nhớ rằng hết thảy mọi biểu tượng chung quanh chúng ta đây, ngay tại con tim này của thủ đô, chắc chắn sẽ góp phần kích động chúng ta bảo vệ những di sản đáng tự hào.

Nói xong Nathaniel lập tức nhấc chân đi rất nhanh. Ông bước thật dài, khập khểnh và lộp cộp với sức đỡ của cây gậy, dưới những cành tiêu huyền đang lay động. Trong gió mạnh, đầu ông vươn tới trước, hai vai khòm xuống. Tempe và hai con trai của ông phải sải chân mới bắt kịp ông.

Rồi Nathaniel đi chậm lại cho tới khi cả bốn người tới Nhà Bảo tàng Chuyên ngành Vạn vật học Sherman đang nằm im dưới bóng những chiếc tháp sa thạch của toà lâu đài vĩ đại kiểu gô-tic dùng làm trụ sở của Viện Smithsonian Institution chuyên nghiên cứu lịch sử, nghệ thuật và khoa học.

Nhà Bảo tàng Sherman được kiến trúc theo mô hình dinh thự thời Phục hưng Florence và hoàn tất vào đầu năm 1923, với các vòm cung tròn và những hàng chấn song bao lơn mộc mạc bằng đá cẩm

thạch trắng phơn phớt hồng vùng Tennessee, tiếp với màu đá hoa cương hồng của Trung tâm Triển lãm Nghệ thuật Freer Gallery of Art kế bên. Dù được tài trợ biệt lập bởi quỹ tài trợ của dòng họ Sherman, Nhà Bảo tàng này cũng giống mọi toà nhà khác tọa lạc dọc theo Khu Thương mại, đều thuộc quyền quản trị của Viện Smithsonian Institution.

Lúc này nơi cánh đông của Nhà Bảo tàng có một khu vực xây bằng đá còn nguyên vẻ bóng loáng và tươi rói cho thấy nó mới được chấp thêm cho dài hơn.

Khi thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và các con vô tới bên trong Nhà Bảo tàng, họ thấy đã có mặt sáu thành viên nổi tiếng của Hội đồng Quản trị Viện đang đứng chung với đông đảo các quan khách đặc biệt. Nathaniel thân mật chào hỏi từng người bằng tên riêng. Rồi khi đi qua đám đông, ông vội vã bắt tay ông Chánh Thâm Tối cao Pháp viện, ba bốn thượng nghị sĩ và năm sáu dân biểu Quốc Hội, như một dấu hiệu chứng tỏ ông có nhận biết và ông ghi nhớ sự có mặt của họ.

Bên một lối đi có giăng ngang một băng vải đỏ dẫn tới cánh đông nơi khu vực mới chấp thêm của Nhà Bảo tàng, kê sẵn chiếc bục diễn thuyết nhỏ. Và ở mé bên kia là hình dáng đồ sộ của một con voi đen châu Phi trông rõ từng nét, đứng ngay chính giữa bệ, thân mình và hai chân trước chồm lên trong tư thế hùng hổ thịnh nộ. Ngay trên vòm cửa ra vào nơi khu vực triển lãm mới chấp thêm có

một hàng chữ mạ vàng khắc theo kiểu gô-tic: “Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman.”

Một người tham dự giúp Nathaniel Sherman cởi áo khoác mùa đông. Có tiếng vỗ tay lấp đóp khi thượng nghị sĩ bước lên bục thuyết trình. Ông cất tiếng với nét mặt kiên quyết và trang trọng:

- Thưa quý vị, sáu tháng trước đây, khi chúng tôi quyết định chọn hôm nay làm ngày khánh thành khu vực trưng bày mới được chấp thêm này của Nhà Bảo tàng, lúc ấy không ai trong chúng ta biết rằng hôm nay lại trở thành một ngày ảm đạm cho Hoa Kỳ. Tuy thế, tôi thấy không có vấn đề hoãn lại lễ khánh thành nhỏ bé này và chúng tôi cảm ơn tất cả quý vị đã đến tham dự vào lúc đất nước chúng ta đang lâm phải một cuộc khủng hoảng rất sâu xa... Như hầu hết quý vị đã biết, khi phụ thân tôi qua đời năm 1922, cụ để lại di chúc trong đó có việc thành lập Nhà Bảo tàng Sherman. Từ đó đến nay, Nhà Bảo tàng này tự nó đã có thể chứng tỏ giá trị hỗ trợ của nó cho một cơ sở lớn lao hơn, đó là Viện Bảo tàng Vạn vật học Smithsonian tọa lạc đối diện nó trong khuôn viên Khu Thương mại này. Để bảo đảm đặc tính môi trường của nhà bảo tàng này, chúng tôi luôn luôn chú tâm sưu tập và trưng bày các loại dã thú quý hiếm - và có lẽ nhiều người trong quý vị đã biết rằng khi tiến hành việc sưu tập các bộ dã thú đầu tiên, gia đình chúng tôi đã chịu một tổn thất bi thảm tại rừng thẳm Đông Dương...

Nathaniel dừng lại một chút rồi đưa mắt nhìn xuống bục diễn

thuyết dù vẫn nói với giọng đều đều:

- Thừa quý vị, đó là lý do khu vực trưng bày mới chắp thêm này được đặc biệt dành để tưởng nhớ Charles, đứa con trai đã qua đời của tôi. Khoảng thời gian trước ngày từ trần trên ngưỡng cửa đời mình, Charles đang biểu lộ một tương lai đầy hứa hẹn. Và tôi tin rằng cái chết không đúng lúc của nó không chỉ là một tổn thất cho gia đình của chúng tôi mà còn là một mất mát cho xứ sở của chúng ta. Charles mang nhiều hoài bão lớn lao về chính trị và niềm khát khao mãnh liệt được phụng sự đất nước chúng ta. Nhưng trước hết và trên hết, Charles là một thanh niên cực kỳ can đảm và cũng là một người đi săn tuyệt vời. Nó đã đảm trách việc sưu tập nhiều dã thú mà suốt mười sáu năm qua, khách tham quan nhà bảo tàng này thích thú thưởng lãm.

Ông dừng lại thêm lần nữa. Và khi ông ngược mắt lên, những người đứng gần bục diễn thuyết có thể thấy hai mắt ông bỗng đắm lệ.

- Hẳn nhiều người trong quý vị đang có mặt tại đây cũng từng biết rằng bản thân tôi chịu những vết thương này trong tai nạn đã lấy đi cuộc đời của Chuck và thừa quý vị, thời gian trôi qua không làm lòng tôi nguôi ngoai nỗi nhớ thương đứa con ấy. Chính cảm xúc triền miên mất mát đó đưa tôi tới quyết định bày tỏ thêm lòng tiếc nuối - dưới hình thức một hoạt cảnh hỗn hợp những dã thú tuyệt vời nhất mà con tôi đã bắn hạ ở Đông Dương. Đây là lần đầu tiên

những con thú trưng bày ấy được gom lại trong một khu vực mang tên Charles và chúng lập thành một đài kỷ niệm công cộng về lòng dũng cảm và tài năng của nó.

Nathaniel thêm lần nữa dừng lại rồi sung sướng hướng nụ cười thật tươi về phía gia đình mình đang đứng, gồm Joseph và Tempe, mẹ anh, Guy và cô em gái Susannah của anh.

- Thưa quý vị, nhân đây tôi xin nói thêm là, để tạo một ngạc nhiên nho nhỏ, cho tới lúc này tôi vẫn giấu không cho gia đình mình hay biết về hoạt cảnh trưng bày mới mẻ này. Nhưng toàn thể gia đình tôi đều yêu thương và hãnh diện về Chuck không kém gì tôi. Và tôi hy vọng cả nhà cũng muốn chia sẻ với tôi niềm tự hào về việc thành lập một khu tưởng niệm cách riêng và thường trực để tưởng nhớ Charles.

Tới đây, thượng nghị sĩ cầm lên chiếc kéo nghi lễ và bước xuống bục diễn thuyết:

- Như thế, tôi xin được vô cùng hân hạnh tuyên bố khánh thành Khu vực Tưởng nhớ Charles Sherman mới lập nên trong Nhà Bảo tàng này.

Tiếng vỗ tay lịch sự vang lên khắp đám đông tụ họp khi Nathaniel Sherman cắt băng khánh thành. Ngay sau đó, mấy người phục vụ mặc đồng phục xuất hiện, tay nâng khay thức uống và bánh ngọt. Joseph lướt qua họ thật lẹ, không đưa tay lên cầm một thứ gì. Anh vội vàng vượt qua đám đông, đi vào khu vực trưng bày mới.

Joseph dừng chân trước hoạt cảnh tưởng nhớ và lặng người nhìn chăm chặp con min đen khổng lồ đã giết anh mình. Cặp sừng dài tàn sát của trâu hạ xuống trong tư thế tấn công. Chân trụ bám chặt nền đất rừng. Xuyên qua đám cỏ dưới chân, hai mắt trâu xanh biếc hung tợn nhìn thốc lên giận dữ. Rồi tới con trâu rừng đỏ mà cách hai trăm thước Chuck đã hạ bằng chỉ một viên đạn vào hôm trước ngày tử nạn, đang hất đầu vênh qua một bên, đầy thịnh nộ. Và ở mé bên kia, con trâu đen do Joseph định vị khi leo lên cây, đang dữ dần hạ thấp cặp sừng xuống như hai lưỡi mã tấu, nghênh chiến và sẵn sàng lao tới.

Chung quanh những con thú ấy, dàn dựng một hậu cảnh đồng cỏ và rừng xanh ven sông y như thật. Dưới vạt cỏ sát chân con min có một tấm bảng đồng nhỏ với mấy dòng chữ: “Charles Sherman, lúc hai mươi một tuổi đã can trường hy sinh đời mình để giết mẫu nguyên sinh của con min đực này khi sưu tập dã thú triển lãm cho Nhà Bảo tàng Môi trường Vạn vật học Sherman, tại rừng thẳm Nam kỳ năm 1925. Con trâu đen và con trâu đỏ được trưng bày trong hoạt cảnh đặc biệt tưởng nhớ này đều là hai con thú toàn vẹn trong mẫu nguyên sinh của chúng và bị bắn hạ bởi cùng một người đi săn ấy.”

Đôi mắt Joseph đắm đắm nhìn con min, tâm trí choáng ngợp với hình ảnh ghê rợn của anh mình đang bị quật tới chết dưới cặp sừng của nó. Anh nhắm mắt để làm mờ tan hình ảnh của con thú. Ngay

lúc ấy, Joseph cảm thấy có một bàn tay đặt lên cườm tay áo mình.

Quay sang, anh thấy mẹ đang đứng kế bên, mặt bà trắng bệch.

Joseph hỏi mẹ với giọng thì thầm ngỡ vực:

- Sao ông ấy lại làm một việc như thế này?

Trong một lúc, Flavia Sherman không trả lời. Với năm mươi lăm tuổi đời, bà chỉ còn lại đôi chút dấu vết nhan sắc rực rỡ từng sở hữu thuở thăm viếng Sài Gòn. Việc sinh hạ Guy lúc tuổi trung niên đã cướp đi phần lớn sức lực của Flavia. Thân hình thanh mảnh của bà không bao giờ lấy lại được vẻ uyển chuyển duyên dáng trước đó. Vẻ mặt Flavia ngày càng uể oải, mang đường nét thần thờ của người lâu ngày giấu mặt và thu mình vào lối sống trú ẩn bên trong những suy tư thầm kín của đời mình.

Trong khi mắt đăm đăm nhìn hoạt cảnh trung bày ấy, môi Flavia mím lại với vẻ kinh tởm. Và Joseph thấy mẹ sắp trào nước mắt. Bà

thầm thì với giọng hầu như không nghe rõ:

- Joseph ạ, đây là miếng dền dành cho sự bạo động của đàn ông và cho sự kiêu hãnh nam nhi điên khùng của bố con - nó không có chút gì là tưởng nhớ Chuck cả.

Joseph dịu dàng nắm tay mẹ an ủi. Nhướng mắt lên, anh thấy cô em Susannah đang lật đật bước tới, trên tay cầm hai ly nước. Cũng y như mẹ thuở còn trẻ, Susannah nay đã trưởng thành với nước da sáng, mịn màng và đáng yêu. Nàng cũng chăm chú nhìn các con thú nhồi bông nhưng mặt nhúu lại, ám vẻ lo lắng. Qua nét mặt của

mẹ và anh, Susannah cảm nhận được điều gì làm hai người xúc động khi nhìn hoạt cảnh trung bày này.

Thấy lệ đoanh tròn mắt mẹ, Susannah bồn chồn ngoái đầu ngó về hướng cha. Đứng giữa Guy và người chồng lịch thiệp ân cần của Susannah, Nathaniel Sherman đang múa gậy, chỉ chỗ con voi châu Phi trên bệ chính giữa rồi sung sướng mỉm cười quay đầu về phía ba mẹ con. Ấn ly nước vào tay Flavia, Susannah vừa nâng khuỷu tay mẹ kéo qua chỗ khác vừa xuống giọng năn nỉ Joseph:

- Anh Joseph, vì danh dự chung xin anh đừng nói gì với ông ấy trước mặt mọi người. Chúng ta phải nhịn một chút vì bố. Bố không có ý gì tệ đâu.

Joseph lùi mấy bước trong khu vực trung bày mới, giữ một khoảng cách vừa tầm và nheo mắt chăm chú nhìn hoạt cảnh. Rồi anh quan sát cha đang dẫn Guy và chồng của Susannah tới gần lồng kính. Nathaniel bắt đầu nói sôi nổi về những con thú đã chết ấy. Thỉnh thoảng ông vung gậy lên hạ gậy xuống. Guy đứng thật sát thượng nghị sĩ và rõ ràng đang nuốt chửng từng lời nói của ông. Cả ba người nổi bật rõ nét trên hậu cảnh rừng xanh sinh động trong khi Joseph đứng nhìn chòng chọc.

Trong một lúc, Joseph không hiểu tại sao mình lại nhìn như thế, rồi anh nhận ra chính vì thân hình cao lớn và thẳng lưng của cậu em trai. Bên cạnh vẻ người lòng không của thượng nghị sĩ, Guy có dáng đứng thật thẳng như cây thông nòng sủng. Joseph bỗng thấy

thêm lần nữa vóc dáng vai vuông của Paul Devraux đang lướt qua đám đông trên đường Catinat Sài Gòn trong bộ quân phục đại úy, và cũng thêm lần nữa, thấy Jacques Devraux đang kiêu hãnh ngẩng cao đầu dẫn trước đoàn kị mã khi họ vào rừng xanh Đồng Nai. Mái tóc đen tuyền của cậu em tương phản sống động với mái tóc trắng như bông của thượng nghị sĩ.

Bỗng dưng trong lòng Joseph, mỗi uất hận cũ bốc lên và đầy ứ với một sức mạnh mới. Anh bước vội vào đám đông tìm Tempe rồi lật đật túm tay nàng. Không một lời giải thích, Joseph lẹ làng kéo Tempe ra khỏi Nhà Bảo tàng, đi vào buổi chiều tháng Mười Hai lòng lộng gió.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 3 -

Trên chiếc limousine dài có tài xế lái chở ra nhà ga trung tâm Union Station, hai vợ chồng tuy ngồi chung băng ghế sau nhưng Joseph thu mình tách biệt trong một góc xe, đưa đôi mắt trống rỗng miên man nhìn những công thự hùng vĩ của thủ đô Washington. Thậm chí khi đã cùng Tempe lên chuyến xe lửa về Richmond và ngồi yên trong lòng toa, Joseph vẫn không nói một tiếng.

Cảm thấy chồng muốn được một mình với những nghĩ tưởng riêng tư, Tempe không dám đánh bạo hỏi chuyện. Thay vào đó, nàng im lặng đan tiếp chiếc khăn len cho đứa con vừa chào đời. Trong lúc đan, Tempe thỉnh thoảng bắt gặp chồng nhìn mông lung cặp que ngà. Hễ lần nào ánh mắt của hai vợ chồng gặp nhau nàng đều thăm lặng mỉm cười với chồng nhưng cử chỉ triu mến ấy không làm cho tâm trạng của Joseph nguôi ngoai chút nào. Anh vẫn câm nín cho tới lúc con tàu xuyên qua bóng tối đang hội về trong buổi chiều mùa đông lạnh giá, chạy gần tới Richmond.

Sau cùng, Joseph đưa tay cầm tay Tempe như một cử chỉ ân hận rồi nói:

- Tempe ạ, anh xin lỗi. Quả thật anh không thể ở lại trong khu vực trưng bày đó thêm chút nào nữa.

Tempe âu yếm mỉm cười, ngừng tay đan:

- Em biết. Anh không bao giờ thích nhà bảo tàng đó, đúng vậy không? Có phải nó làm anh nhớ lại quá nhiều điều bất hạnh?

Joseph dăm dăm nhìn Tempe, ngạc nhiên nhận ra rằng hình như bằng trực giác nàng đã nhìn thấu suốt cảm xúc của chồng:

- Làm sao em biết như vậy? Chưa bao giờ mình nói với nhau về điều đó.

- Trước đây, mình chỉ ghé qua đó có một lần. Sau ngày anh và em mới quen nhau, anh nhớ không, khi em khám phá ra anh là người

thuộc dòng họ Sherman của cái nhà bảo tàng nổi tiếng ấy, em liền yêu cầu anh đưa em tới đó. Anh giải thích mọi sự một cách lịch sự nhưng lúc ấy em thấy anh có vẻ bứt rứt - y hệt cái vẻ bứt rứt của anh chiều nay khi chúng ta vừa đặt chân vô đó.

- Anh nghĩ nó làm anh nhớ rõ nét cái chết của anh Chuck - nhưng anh không biết rằng mình đã để lộ ra mặt quá như vậy.

Tempe áp bàn tay của Joseph trong hai tay nàng:

- Anh không để lộ ra mặt chút nào - anh chỉ đánh giá thấp khả năng trực cảm của phụ nữ. Em có cảm giác rằng cái làm cho anh hôm nay cảm thấy ảm đạm không phải chỉ là chiến tranh và sự thiếu tế nhị của bố...

Tempe ngáp ngừng, đưa mắt nhìn xuống:

- Joseph ạ, em nghĩ có lẽ con thú ấy còn làm anh nhớ tới cái gì khác nữa, phải không?

- Em có ý nói gì vậy?

- Em gặp anh lần đầu tiên vào lúc anh vừa từ Đông Dương trở về. Thuở ấy, anh căng thẳng, bứt rứt trong một thời gian rất dài - kể cả sau khi mình đã thành hôn ít lâu.

Joseph trả lời thật lẹ:

- Một người Pháp hướng dẫn gia đình anh đi săn chuyến đầu tiên bị giết ở đây. Mỗi lần nghĩ tới sự việc đó, anh cảm thấy bức bối hơn mình đã tưởng vào lúc nó vừa xảy ra. Càng suy nghĩ tới nó, vết thương cũ về việc anh Chuck tử nạn lại càng làm anh đau đớn - chỉ vậy thôi.

Tempe buông tay chồng và đan tiếp:

- Joseph ạ, đôi khi em tự hỏi biết đâu tại xứ sở đó anh đã có một mối tình bất hạnh.

Trong một hai giây Joseph sững người nhìn Tempe chăm chặp:

- Tại sao em lại đoán như vậy?

Tempe nhú mày và đột nhiên cúi xuống gỡ đoạn chỉ len lòi ra một bên mé khăn đan:

- Joseph ạ, chỉ có chuyện như thế mới có thể khiến cho đàn ông có thái độ giống như của anh. Thuở ấy, em không hỏi anh về chuyện đó vì những gì xảy ra trước khi chúng mình quen nhau đều không phải là việc của em, tuy em thường cảm thấy anh hay nghĩ ngợi xa

xăm. Và chiều nay, từ lúc chúng ta rời nhà bảo tàng, nó lại xảy ra giống y như vậy - như thể bằng một cách nào đó, em lạc mất anh. Joseph đắm đắm nhìn Tempe và bối rối nhận ra nàng đang đặt tay lên một sự thật trước đây anh không chịu thừa nhận, kể cả đối với chính mình.

Tempe bỗng hỏi:

- Nói về cô ấy có phiền lòng anh không?

Joseph vội vàng quay mặt, ngó ra cửa sổ con tàu:

- Tất cả đã thuộc về một thời rất xa.

- Cô ấy là ai vậy?

- Một thiếu nữ An Nam - con của một vị quan ở Sài Gòn.

- Cô ấy yêu anh chứ?

Joseph tần ngần rồi lắc đầu. Anh tiếp tục đưa mắt trống rỗng nhìn qua khung cửa sổ đầy bóng tối như đang phản chiếu tâm tư u uất của mình:

- Không... anh nghĩ là cô ấy... không yêu anh.

- Nhưng anh yêu cô ấy?

Joseph lại lắc đầu, thở dài thành tiếng:

- Có thể anh đã yêu... anh thật chẳng biết nó như thế nào nữa.

Nhưng anh nghĩ em có lý, anh đã áp ủ hình ảnh cô ấy trong một thời gian.

Tempe vừa chỉnh xong một mũi đan bị lệch. Joseph quan sát bàn tay nàng tiếp tục chuyển động nhịp nhàng trên đui.

- Anh có từng ăn nằm với cô ấy không?

Tempe hỏi câu đó với giọng hầu như thì thầm. Trong một lúc, như thể bị thôi miên, mắt Joseph vẫn nhìn không rời hai bàn tay thoăn thoắt đan của vợ. Rồi anh nói chậm chậm:

- Không. Không có. Các gia đình quan lại người An Nam rất nghiêm khắc về các sự việc thuộc loại như vậy.

Tempe không ngược lên. Joseph cảm thấy chuyển động đồng đưa của thân tàu bắt đầu đổi nhịp khi tàu chạy chậm dần, gần tới Richmond. Anh vừa đứng lên mặc áo lạnh vào vừa nói:

- Mình quên hết chuyện đó đi, được không Tempe? Tất cả đã thuộc về quá khứ. Lúc này, chuyện Trân Châu Cảng cũng đủ làm mình lo nghĩ rồi.

Sau khi xuống tàu, hai vợ chồng đi bộ một đoạn đường dài hơn cây số giữa hai hàng bạch dương cao vút trồng dọc bên đường. Qua màn đêm sương phủ họ thấy rõ ánh sáng toả ra từ toà nhà nơi đồn điền Queen Anne. Lúc Joseph và Tempe bước vào tiền sảnh, bà vú da đen chào lại cả hai với nụ cười mang vẻ trấn an rằng con của họ đang ngủ ngon. Dù vậy, Tempe vẫn lật đật chạy lên chiếc cầu thang xoắn ốc làm bằng gỗ óc chó, nhìn vào phòng của con trẻ. Khi trở xuống ngồi với Joseph trong phòng ăn vách dán pa-nô, đôi mắt Tempe nhoà lệ. Nàng cất tiếng, rất dịu dàng:

- Anh Joseph ạ, em nghĩ rằng âm thanh êm đềm nhất thế gian là tiếng thở thì thầm của đứa con mình đang ngủ. Nghĩ tới hạnh phúc của chúng ta có thể bị hư hoại vì chiến tranh, em thấy mình không chịu đựng nổi.

Vừa rồi, trong khi Tempe còn ở tầng trên, Joseph đã mở máy phát thanh nơi phòng sách. Lúc này anh lơ đãng gật đầu với nàng trong khi lắng nghe phát thanh viên đọc bản tin tường thuật chi tiết những cuộc xâm chiếm mới của quân Nhật ở Hồng Kông và Mã Lai. Tại châu Âu, người Nga tuyên bố đang đẩy lùi các đạo quân của Hitler chung quanh Rostock nhưng năm chục sư đoàn của Đức vẫn được tường thuật hiện đang gây sức ép chung quanh Mát-cơ-va.

Mãi tới khi vai Tempe rung động Joseph mới nhận ra vợ mình đang khóc. Anh quàng tay ôm nàng an ủi. Trong vài phút, Joseph và Tempe cùng im lặng lắng nghe tin tức rồi ra hiệu chuẩn bị bữa ăn khuya. Nhưng lúc thức ăn được dọn lên, hai vợ chồng không ăn được mấy chút.

Khi người giúp việc dọn xong chiếc đĩa cuối cùng, Joseph nói giọng đều đều:

- Dĩ nhiên anh phải đi.

Từ đầu bàn đằng kia, Tempe đờ đẫn gật đầu, nhận ra chẳng còn chọn lựa nào khác:

- Anh chọn binh chủng nào?

- Anh nghĩ là không quân - nếu người ta chấp nhận anh.

Sau đó, trong khi Joseph ngồi đằng sau chiếc bàn giấy mặt phủ da

thú trong phòng sách viết đơn ghi danh vào không lực và xin thụ huấn phi hành, Tempe tới sau lưng ghế, choàng tay qua vai chồng. Vừa ấn một vật mềm mại vào lòng bàn tay phải của Joseph nàng vừa thì thầm:

- Mark mới nói với em rằng nó muốn tặng anh cái này để giữ cho bố được an toàn ở bất cứ nơi nào bố đi.

Joseph mỉm cười khi nhìn xuống thấy chiếc chân thỏ cầu may nhỏ xíu móc vào sợi dây chuyền vàng, được cha của Tempe đưa cho hai vợ chồng, làm quà của ông ngoại tặng đứa con trai thứ hai của họ nhân dịp rửa tội. Và vì lễ rửa tội mới cử hành cách đây sáu tuần nên bùa hên này vẫn còn treo trên tao nôi của chú bé. Joseph khẽ cười và hỏi:

- Em có chắc chắn Mark chịu nhường cái này cho bố không đó?

Tempe chớp chớp mắt cố nuốt nước mắt:

- Nó cứ nhất quyết đòi là phải đưa cho anh. Nó nói nó cảm thấy có một đất-đi tốt lành như bố là đủ may mắn cho nó rồi - và bố cần tới vật này hơn nó.

Joseph nhét chân thỏ vô túi:

- Xong ngay. Anh biết tốt nhất chớ có cãi nhau với một gã nam nhi Sherman hai tháng tuổi. Nếu anh làm nó tức mình khóc oé lên, nhà này thế nào cũng sập.

Sau khi Tempe rời phòng sách, Joseph ngồi lại bên lò sưởi, nghe trong lòng lò vang ra tiếng nổ lách tách và đọc lại lá đơn mới viết. Đọc xong, anh cảm thấy thêm lần nữa khắp châu thân lâng lâng niềm hứng khởi. Dù sao đi nữa chiến tranh cũng hứa hẹn nhiều điều. Nó sẽ mang anh đi thật xa, xa khuất cuộc sống tối ngày triền miên quanh quẩn nơi hạt Charles này. Và vì cái đó, cuối cùng anh biết ơn các tay quân phiệt Nhật Bản.

Joseph gấp lá đơn, cho vào phong bì và dán lại. Đột nhiên có tiếng động dồn dập trong ống khói làm anh giật nảy người. Kế đó, một trận mưa bồ hóng tuôn như thác xuống vĩ lò làm lửa tắt ngúm và căn phòng ngập ngụa khói. Từ bên trong ống thông hơi cũ kỹ vang ra một tràng tiếng rít ghèn ghẹt. Joseph phóng mình ra sân, nhìn lên mái nhà.

Ngay trên miệng ống khói nổi bật bóng dáng một vật hình cái nệm,

đen đũi và rõ nét giữa ánh sáng trời đêm lơ mờ. Khi Joseph nhìn kỹ, cái bóng ấy hình như mỗi lúc một phình to hơn. Lại một tràng tiếng rít nữa vang lên rộn ràng khắp vùng đồng quê Virginia tĩnh mịch. Tim Joseph bỗng đập thật nhanh khi anh nhận ra đó là một con công đồng bằng. Nó vừa bay tới đậu giữa mái nhà anh và đang xoè đuôi múa trên ống khói. Cuống cuống, Joseph hốt sởi. Anh ném hết nắm này tới nắm khác lên nóc nhà cho đến khi con công hoảng hốt kêu rít lên, vỗ cánh bay vào bóng đêm.

Sau khi tắt lò sưởi trong phòng đọc sách, lên tầng trên Joseph thấy Tempe đang ngồi trên chiếc ghế vú em trong phòng nuôi trẻ. Dứa con trai mới sinh đang sung sướng bú một bên vú mẹ còn mẹ nó mặt tái mét vì lo lắng:

- Joseph, em ngửi ra mùi gì cháy - tiếng gì kêu dễ sợ vậy?

Joseph cố giữ giọng tự nhiên:

- Một con công tới đậu trên ống khói. Nó làm rơi một ít bồ hóng xuống phòng đọc sách của anh, chỉ vậy thôi.

- Nhưng, có phải anh từng kể với em rằng dòng họ anh luôn luôn gặp điềm không may khi có chim công bay tới đậu trên mái nhà? Tempe hỏi như líu lười. Và đột nhiên tròn xoe mắt sợ hãi, người nàng rướn thẳng lên trên ghế. Cử động ấy khiến đầu vú tuột khỏi miệng đứa nhỏ làm thằng bé ré lên khóc. Joseph liền quì xuống cạnh hai mẹ con, vỗ về mái tóc của Tempe trong khi nàng sửa con lại cho ngay ngực mình. Anh thì thầm:

- Cả mẹ lẫn con thư thả nào. Hình như có một lần anh có nói với em chuyện đó - nhưng đó chỉ là chuyện điên khùng của mấy bà già. Em đừng lo.

Mấy phút sau, Mark thiếp ngủ. Tempe chuyển nó cho Joseph. Anh nhẹ nhàng đặt thằng bé vào nôi.

Khi Tempe với Joseph cùng ở trong chiếc giường bốn góc có cột treo rèm đã được nàng tân trang cho hai vợ chồng dùng từ đêm tân hôn, nàng vẫn đầm đìa nước mắt, ôm chặt chồng trong bóng tối. Tuy Joseph vẫn nghe trong đầu mình tiếng rít ghen ghét của con công trên mái nhà nhưng cơ thể làm mẹ mọng chín và ấm áp của Tempe ép chặt vào người anh làm cơn hừng khởi trong anh nổi lên

và càng lúc càng bốc cao. Trước khi ngủ, Joseph làm tình với nàng. Lúc nào cũng thì thầm những lời dịu dàng bày tỏ lòng yêu thương và dâng hiến, tuy tự trong chốn sâu thẳm của tâm hồn, Joseph biết rằng mình không thật sự cảm thấy.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 4 -

Từ không phận Trung Hoa, chiếc máy bay oanh kích Curtis P.40 Warhawk của Không đoàn Mười bốn Hoa Kỳ vọt lên cao và lướt tới trong gió mạnh thàng Chạp rồi chao cánh trên đoàn tàu tiếp tế của Nhật đang gan lì rẽ nước băng qua Vịnh Bắc Việt để vào bến Hải Phòng.

Hai con tàu bị đánh trúng bốc cháy phừng phực. Đàn máy bay Phi đội 308 lao qua màn khói, dội bom và bắn phá những chiếc còn lại. Đúng vào lúc từ cự ly cao nhất đại úy Joseph Sherman chúc đầu chiếc P.40, quành mũi máy bay thêm lần nữa để lao xuống, con tàu thứ ba, rõ ràng chở đạn, bỗng nổ tung, phụt lên trời cao một cột ánh sáng màu da cam rồi lửa văng tung toé ra mọi hướng.

Bay là đà trên bờ biển và quan sát những đám lửa khổng lồ đang đốt cháy con tàu, Joseph thấy rõ từng chút một các thủy thủ Nhật như những con kiến li ti lao mình xuống nước. Chỉ trong mấy chớp mắt những bóng hình lơ lửng ấy chao nghiêng, nổi bật trên nền lửa rồi biến mất trong biển cả.

Chẳng chút mủi lòng, Joseph đẩy cần lái ra đằng trước để thêm lần nữa chúc mũi chiếc P.40 vào biên độ tấn công. Rồi anh kèm chặt tay lái cho máy bay lao tới những con tàu đang dẫn đầu cuộc chạy đua tàn khốc với mục tiêu duy nhất là làm sao về tới bến cảng an lành.

Các ụ súng cao xạ của Nhật từ những chốt ven bờ biển phụt lên trời những lưỡi lửa đỏ rực, cố liềm cho trúng đàn máy bay Warhawk của phi đội lúc các phi công sà xuống lượn vòng theo những con tàu đang chúi mũi chạy. Đối với Joseph, đã từ lâu anh không còn cảm thấy căng thẳng khi ở quá gần lưới lửa phòng không. Trong một hai giây anh thậm trọng quan sát rồi điều chỉnh độ bay, nhích cần lái từng chút một, lấy độ dốc để lao xuống. Anh tính toán, thả xong hai trái bom, mỗi trái nặng một trăm ki-lô, đeo

hai bên cánh phi cơ, mình sẽ vọt lên, kịp thời thoát khỏi làn đạn của súng cao xạ Nhật từ trên bờ bắn theo.

Đúng lúc chiếc P.40 của Joseph vừa tập trung tốc độ, một quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay làm rung chuyển thân tàu nhưng không chặn nổi đà lao xuống của nó.

Joseph trút cả hai trái bom xuống một con tàu đã trúng đạn sẵn và kịp thời quét sạch đài chỉ huy của chiếc chạy đằng trước nó bằng mấy hòng súng đại liên Browning 12.7 li gắn nơi cánh máy bay.

Trong khi phi cơ của Joseph vọt lên cao, từ đằng sau đuôi tàu có một đám lửa rực cháy, chiếu ngược vào khoang lái, chứng tỏ hai trái bom anh vừa thả đã rót trúng mục tiêu. Ra ngoài tầm đạn phòng không của bến cảng, anh liền ngoái mặt lui, thấy con tàu ấy bốc cháy dữ dội.

Joseph nhìn lửa cháy với cảm giác dửng dưng và hài lòng, như thường lệ. Con tàu đang phát hoả ấy trông không khác lắm những con tàu anh từng chứng kiến trong gần ba năm lái máy bay chiến đấu. Lúc này anh ngó nó như thể ngắm những ngọn đèn lồng xuất hiện và lung linh lướt qua vòm kính chắn gió của máy bay. Đạn bom nổ ì ùng. Các con tàu, xe bọc sắt, xe tải, v.v. làm mồi cho lửa.

Khói và lửa sặc sụa mùi dầu quyện vào nhau, bốc lên dữ dội, và chỉ khoảnh khắc sau, chúng biến dạng rất nhanh không kém khi xuất hiện. Vòm kính chắn gió của chiếc máy bay oanh kích

Warhawk lại lập tức bị bao quanh bởi da trời tươi mát màu xanh nhạt, mặt biển xanh thẳm và thậm chí có thể cả chiếc áo choàng đen thẳm của đêm đang trùm kín cảnh tượng mặt đất bên dưới.

Cảm giác dửng dưng ấy khiến Joseph thường có ấn tượng như thể anh đã tham chiến trong một quãng thời gian dài hơn ba năm. Đôi khi anh chẳng nhớ nổi ngoài việc bỏ bom và bắn phá mình có còn làm thêm việc nào khác nữa không.

Cuối tháng Năm 1942, vừa thụ huấn xong phi hành Joseph liền được điều tới Midway để lái chiến đấu cơ P.40 thuộc Phi đội 495. Vì tình hình khẩn trương, các giai đoạn học tập sơ cấp, căn bản và chuyên ngành thay vì bảy tháng như thường lệ, bị rút ngắn còn chưa tới sáu tháng. Lúc này thật khó cho anh xác định nguyên có nào đưa đẩy một thiếu úy mới ra trường lập được chiến công đầu là

“hạ sát” một hộ tổng hạm trong hạm đội khổng lồ của Nhật khi chúng kéo đến Midway với ý đồ nghiền nát đôi phương để rồi bị đánh tan tác trong trận hỗn chiến nổi tiếng vào đầu tháng Sáu. Joseph kinh ngạc thấy trong những ngày đầu tiên ấy mình tình nguyện xung phong lái chiến đấu cơ, để rồi sau đó, hễ lúc nào chạm tay vào cơ bầm của súng đại liên gắn hai bên cánh hoặc vào cần nhả bom, anh nệm trái trở lại cái cảm giác tàn sát gớm ghiếc từng cảm thấy một cách sâu xa khi cầm khẩu súng săn trong tay vào những ngày niên thiếu nơi rừng xanh Đồng Nai gần hai chục năm trước. Nhưng sau cùng, sự quyết chí mãnh liệt phát sinh trong lòng Joseph từ sau ngày Chuck qua đời đã khắc phục thiên hướng đó, biến anh thành một trong những phi công chiến đấu lập nhiều chiến công nhất vùng Thái Bình Dương.

Trận không tập tàn khốc ở Midway đập tan huyền thoại bất khả chiến bại của hải quân Nhật và là bước đầu chuyển làn nước thủy triều Thái Bình Dương thành lợi thế cho Hoa Kỳ. Nó còn là một cuộc thanh tẩy Joseph bằng lửa để sau cùng, khi Thủy quân Lục chiến Hoa Kỳ đánh bật lực lượng bộ binh của kẻ thù ra khỏi đảo Guadalcanal vào đầu năm 1943, phi đội của Joseph được điều tới đó để tiếp tay dồn quân Nhật vào thế thủ.

Những phi vụ cất cánh liên tục từ đảo Salomon làm Joseph quen với việc oanh tạc. Gần như ngày nào anh với các phi công đồng đội cũng giáng bom đạn xuống các mục tiêu của Nhật trên đất liền và trên biển cả. Tiếng tăm của Joseph ngày càng vang xa nên khi Nhật phóng ra cuộc tấn công ào ạt tại Trung Hoa vào mùa hè năm 1944, anh được vinh thăng đại úy, tăng phái cho Phi đội 308 thuộc Không đoàn Mười bốn. Đó là một binh đoàn không quân đóng căn cứ tại Côn Minh ở mạn Nam Trung Hoa. Với danh xưng là đoàn “Phi Hổ”, nó được thành lập từ một nhóm từng có tiếng tăm lừng lẫy từ thời tiền chiến gồm những phi công tình nguyện chung quanh hạt nhân là thiếu tướng Claire Lee Chennault.

Nhật tung hai triệu quân vào các mặt trận trên đất Trung Hoa. Trong nhiều tháng trời suốt ngày đêm chạy đua với kim đồng hồ, phi công thuộc các phi đội “Phi Hổ” tiến hành phi vụ oanh kích những mục tiêu trên không và dưới đất, đánh phá các tuyến đường

tiếp tế huyết mạch dẫn tới Trung Hoa và Đông Dương. Joseph từng bay vài chuyến trên vùng trời Bắc kỳ và Hoa Nam để oanh kích cầu cống, đường xe lửa, kho tàng tiếp liệu dành cho Quân đội Thiên Hoàng. Những vách núi đá vôi cheo leo ở Bắc kỳ, được che phủ bởi rừng già rậm rạp, trở thành cảnh tượng quen thuộc với Joseph lúc anh tung cánh bay đi bay về căn cứ của mình tại Côn Minh.

Trong đêm trung tuần tháng Mười hai năm 1944 này, lúc Joseph quành mũi chiếc P.40 qua hướng tây bắc nhằm phía biên giới Trung Hoa, bầu trời không trăng và bóng tối lẹ làng phủ xuống một vùng rừng núi trải dài trên ba trăm hai mươi cây số, khoảng cách giữa Phi đội 308 đang bay với địa điểm căn cứ hạ cánh.

Trong cơn mưa đầu mùa rơi nặng hạt và gió thổi quần quật, phi đội tái lập đội hình chậm hơn thường lệ. Trong khi đó sau lưng họ ánh lửa bốc lên từ những con tàu ngoài cảng Hải Phòng càng lúc càng xa và leo lét dần.

Joseph cẩn thận lắng nghe từng phi công lần lượt báo cáo sự có mặt của mình với phi đội trưởng. Sau khi nắm vững phi vụ này không gây tổn thất nhân mạng nào, trong máy truyền tin liền rộ lên lời các phi công đùa giỡn châm chọc nhau. Vài phút kế đó, Joseph thấy kim báo tình trạng động cơ chiếc Warhawk của mình bắt đầu dao động nhưng thoát đầu anh không cảm thấy lo ngại nhiều.

Trước đây Joseph từng nhiều lần lái phi cơ bay khắp khinh về căn cứ với tiếng máy nổ cà rịch cà tang và sau khi đáp xuống bình yên anh mới phát hiện cánh và thân máy bay lở chỗ vết đạn. Nhưng lúc này, khi động cơ ngập ngừng rồi khục khặc, tự nhiên Joseph có cảm giác da trên cổ đang cọ vào mấy sợi lông của chiếc chân thỏ được anh móc chung vào sợi dây chuyền đeo thẻ bài. Mỗi lần cất cánh, Joseph đều nhớ mang theo chiếc bùa hên ấy. Và suốt ba năm qua, anh ngày càng gắn chặt vào nó với một lòng mê tín cực kỳ.

Giờ đây, chiếc chân thỏ cọ vào da cổ khiến Joseph bỗng nghĩ tới Tempe và các con sau hơn một năm không gặp nhau. Và anh chợt nhớ trong quãng thời gian rất dài ấy, mình đã quên lửng cả ba mẹ con. Tính từng đứa, lúc này Gary lên bảy, còn Mark được ba tuổi. Cả hai biết rất ít về bố. Những thời kỳ dài xa cách cùng những mệt

nhọc do bởi vô số trận oanh kích liên miên dường như đã làm mù mắt mọi cảm giác. Tình trạng vô cảm ấy khiến Joseph nhiều lần tự hỏi chẳng biết bây giờ mình có còn lo lắng cho ai không, kể cả bản thân.

Với ba mươi tư tuổi đời, Joseph già hơn hầu hết các phi công trong phi đội, nhưng sau giờ quân vụ, anh uống nhiều rượu, không thua bất cứ phi công nào nhỏ tuổi hơn, dù anh chưa bao giờ say trước mặt họ. Lập trường của anh là tránh những cuộc rong chơi tìm của lạ xác thịt và anh cố giữ vững nó. Nhưng những căng thẳng do từng ngày đối mặt với cái chết và nguy cơ suýt chết đôi lúc làm Joseph kín đáo buông xuôi theo những mời gọi của nhục dục. Thế rồi sau đó, anh cảm thấy mình nhầy nhụa, với cảm giác nhòe mờ không nguôi, vì nó gây cho anh ấn tượng rằng mình không tôn trọng vợ và tình cảm của mình dành cho Tempe không đủ mạnh. Gần đây, trong những lần về phép hiếm hoi, việc làm tình giữa Joseph và Tempe đã hoá ra gượng gạo, không còn hứng thú tự nhiên. Và dù vẫn giữ tình nghĩa vợ chồng với nhau, hình như mỗi người đang tự thu mình lại. Vì lý do ấy, chuyến đi phép vừa rồi thay vì về nhà, Joseph tới nghỉ dưỡng sức ở Hawaii suốt mười ngày. Tại đó, anh uống rất nhiều rượu, và sáng nào cũng thức dậy với một khuôn mặt trên chiếc gối bên cạnh, khác với khuôn mặt hôm qua nhưng giống hệt nhau ở nét lơ mơ và vẻ vô tình vô cảm.

Joseph lại bóp mạnh chân thỏ. Chỉ lát sau, động cơ chiếc Warhawk ổn định trở lại với tiếng máy nổ bình thường. Trong bóng tối khoang lái anh gượng gạo mỉm cười với ý nghĩ ít ra chiếc bùa hên vẫn còn nguyên phép màu nhiệm của nó. Rồi gần như ngay lúc ấy, giữa những mặt số dạ quang màu lục nằm trước mặt Joseph, ngọn đèn nhỏ màu xanh lại bắt đầu sáng rực lên từng đợt báo hiệu máy đang nóng quá sức chịu đựng. Và lần đầu tiên, anh cảm thấy rung mình ớn lạnh với cơn kinh hãi từ mé dưới thắt lưng bò dọc lên theo từng đốt xương sống.

Joseph chợt nhớ tới quả đạn phòng không phát nổ ngay đằng trước mũi máy bay khi anh bắt đầu lao xuống lần thứ hai. Anh đoán chắc là mảnh sắc của quả đạn đã xuyên thủng nắp động cơ và có lẽ làm

hông cánh quạt. Hơn mười lăm phút kể đó, vận tốc chiếc P. 40 tụt thật lẹ xuống dưới hai trăm năm mươi cây số một giờ. Và dần dần, các máy bay khác chung phi đội lướt qua anh, rồi từng chiếc một theo nhau mất dạng trong đêm đen lộng gió.

Bấm nhẹ nút truyền tin trên máy liên lạc, Joseph báo cáo ngắn gọn với phi đội trưởng tình cảnh hiện nay của mình. Rồi anh hoàn toàn tập trung tâm trí, cố tìm cách đưa chiếc máy bay hỏng hóc của mình về căn cứ. Chẳng bao lâu, việc rán sức giữ cho máy bay thăng bằng giữa trời đêm đang nổi lên từng đợt gió mạnh, làm mồ hôi anh vã ra ướt đầm bên trong áo bay.

Lúc này, ngọn đèn đỏ chớp nháy khi mờ khi tỏ bắt đầu rực sáng liên tục. Một hai giây sau, Joseph nhận thấy có lưỡi lửa nhỏ liếm quanh nắp động cơ. Anh dự tính thả lỏng cánh quạt trong một thời gian ngắn, chờ tới khi lửa may ra tắt lụi, sẽ cho máy nổ lại. Nhưng tiếng máy lại lần nữa khục khặc khiến Joseph biết chắc chắn chính mảnh của quả đạn phát nổ đã phá hỏng chiếc P.40.

Joseph cũng biết dứt khoát rằng, với những cơn gió trên cao này, tới khi máy bị liệt hẳn, phi cơ sẽ đâm xoáy đầu xuống đất, tự biến thành chiếc quan tài ngùn ngụt lửa và anh không thể nào thoát thân ra ngoài. Lúc này, đang nằm trên độ cao thăng bằng, máy bay chỉ còn có thể chuồi tới trước vài giây nữa. Joseph hiểu rõ nếu muốn sống sót mình phải mở vòm kính, leo ra một bên thân máy bay, nhảy dù xuống khoảng không đen ngòm đang gào rú bên dưới.

Xét theo bản đồ, Joseph biết dưới đây của khoảng không đen ngòm kia chỉ toàn núi rừng lởm chởm bị cắt ngang bởi những khe cùng suối chảy xiết, phát tích từ sông Kỳ Cùng. Anh ước tính mình đang ở tọa độ xa khoảng hơn ba chục cây số phía nam biên giới Trung Hoa và có lẽ xa khoảng một trăm sáu chục cây số phía bắc Hà Nội, nơi hình như cách đây một triệu năm anh đã trải qua hai tuần lễ miệt mài nghiên cứu các tài liệu cổ trình bày cặn kẽ việc cống nạp Bắc Kinh của các hoàng đế An Nam thuở xưa.

Nhìn vòm kính đang bảo vệ mình khỏi đêm đen thù nghịch bên ngoài, Joseph choáng người chới với khi nghĩ tới việc phải lùa nó ra đằng sau. Nhưng phút giây này, lửa cháy lan quá lẹ, tiến độ của phi cơ chậm lại, gần như đứng yên một chỗ. Cảm thấy mũi máy

bay bắt đầu chúc xuống, anh chụp lệ tay nắm vòm kính, giật mạnh. Bộ phận mở vòm kính kẹt cứng, không nhúc nhích. Joseph ngồi ngó sững bàn tay của mình đang túm chặt tay nắm, với những đốt ngón tay trắng bệch, không tin nổi mắt mình. Bằng cả hai tay, Joseph vận hết hơi sức, cố giật thêm lần nữa nhưng vòm kính vẫn kẹt cứng. Và rồi chỉ trong chớp mắt, chiếc P.40 lật ngửa, rơi lao đảo.

Thân máy bay xoay chậm chậm như con cá thoi thóp sắp phoir bụng chờ giờ chết, đang chìm dần xuống mặt nước đêm đen như màu mực. Trong vòng xoáy của thân tàu, các giác quan trong người Joseph sỏi lên thành một lớp bọt nhận thức dần vật và khổ sở tới ngây ngất.

Rõ ràng số phận nghiệt ngã đang xé nát chiếc P.40 của anh ngay trên bầu trời và trên mặt đất An Nam với một sự tính toán hơn thiệt tốt cùng. Tại xứ sở này và chỉ trong một đêm, sự phản bội không hiểu nổi của người mẹ đã biến niềm hưng phấn thanh xuân đầu đời của anh thành nỗi tuyệt vọng thê thảm. Rồi hơn mười năm sau đó, khi anh thôi không còn hoài nghi lòng dạ phụ nữ và buông mình thuận phục tìn nhiệm với nỗi hân hoan rạng ngời của một tình yêu chân thành và chất ngất, thì tới lượt chính Kiều Lan, người anh yêu tha thiết và anh nghĩ cũng yêu anh không kém, lại là kẻ đột nhiên phản bội anh. Trong trạng thái vừa chói với vừa sáng suốt giữa cơn lâm nạn này, Joseph nhận ra cái cảm giác trống trải và hiu quạnh chưa một lần buông tha anh kể từ giờ khắc bị Lan làm mất lạ, giờ đây lại trỗi lên từ rừng già núi thẳm bên dưới.

Bỗng dưng Joseph thấy rõ rằng việc cuộc đời anh bị kết liễu nơi đây và việc rừng già này nuốt chửng xác thân anh cùng chiếc Warhawk đều hoàn toàn thích đáng. Anh chắc chắn mình sẽ chết. Ruột anh quặn thắt với cảm giác điên cuồng hối tiếc rằng mình sẽ chẳng bao giờ được thấy lại Lan thêm lần nữa. Và lúc này, trong khi máy bay xoáy đầu rơi xuống kéo những ngọn lửa ở một bên cánh bay theo nó, cảm giác ấy dần trải thật rộng cho tới khi dường như nó tràn ngập châu thân anh.

Dù tâm trí bị hoàn toàn khống chế bởi những nghĩ tưởng cay đắng ấyĩ chân tay Joseph vẫn theo phản xạ vật lộn với các cần kiểm soát,

cổ điều chỉnh cơn rơi xoáy ốc của chiếc Warhawk.

Anh tự động giật mạnh cần lái ra sau hết tầm tay. Vì máy bay vẫn xoáy về bên phải, anh đạp cần lái bên phải tới đằng trước hết cỡ. Joseph biết mình phải giữ sao cho chiếc P.40 lặn như thế này ít nhất bốn vòng nhưng trong bóng tối đen đặc anh không biết mặt đất đang ở cách mình bao xa, nên sau vòng xoáy thứ ba, anh đẩy mạnh cần lái tới trước, đồng thời co chân tổng hết sức vào chiếc cần phía bên kia. Kết quả, chiếc chiến đấu cơ thăng bằng trở lại trong khi lao tới một trong các mỏm núi cao nhất vùng. Và nó lướt êm vài giây trước khi đâm sầm vào các ngọn cây làm thành một góc chênh chênh.

Cánh máy bay đang đỏ rực lập tức vỡ tan. Xăng trong thùng nhiên liệu phụt cháy, lửa văng tung toé như mưa làm sáng rực một dải rừng rộng lớn. Cánh thứ hai của máy bay đứt lìa, văng ra xa, vỡ thành từng mảnh trên một triền núi cách đó khoảng trăm thước. Khoang lái với vòm kính bị kẹt cứng giờ đây bể nát, gác trên một thân cổ thụ. Và trong khoảnh khắc ấy, tâm thần Joseph bùng vỡ thành một vòng đai ánh sáng trắng. Vài giây sau, những gì còn lại của thân chiếc máy bay P.40 nằm an nghỉ trên một sườn đồi thấp hơn, mũi cắm xuống mặt đất ẩm ướt và đuôi gác trên một cành cây cao đầy những dây leo chằng chịt.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 5 -

Dưới ánh lửa bập bùng phát ra từ những bó đuốc kết bằng cỏ, một toán người sắc tộc Nùng thân hình lùn và mập, nhướng mắt kinh hãi ngó chiếc Warhawk tan nát. Ngó chưa đã mắt, đám người sơn cước ấy đã vội vàng rút chân, thụt lùi và nói líu lo với nhau.

Họ thấy thân thể một phi công da trắng trong chiếc ghế lái có buộc dây an toàn, treo lắt léo ngay bên dưới khoang lái bể nát. Gió thổi mạnh làm người anh ta xoay tròn và đong đưa chậm chậm. Khi hình nhân ấy xoay về phía họ, họ nhận ra một bộ mặt trắng bệch, máu dính bê bết thành từng bệt trông rất dễ sợ, và một cánh tay co quắp cứng trũng, quặt ngược nơi cạnh sườn làm thành một góc lệch.

Đứng đằng sau toán dân sơn cước ấy có một thầy Mo, kẻ cùng đi với họ từ bản làng nhà sàn cách chỗ máy bay rớt gần hai cây số.

Ông đang trịnh trọng làm lễ đứng với nghi thức cổ truyền. Cứ đôi ba giây, ông lại đưa dao quắm lên cao chém chém vào không khí bên trên đầu mình để xua đuổi lũ ma quỷ đang bu quanh chiếc máy bay lâm nạn. Thấy vậy, đám người Nùng tự động lùi ra xa hơn, đứng như xếp hàng ngay sau lưng ông để được ông bảo vệ.

Một dân bản làng đưa mắt nhìn lăm lét chiếc Warhawk rồi nói thật nhỏ, giọng như thì thầm:

- Chắc hẳn về với thần núi thần mây rồi. Mình đi thôi.

Hạ thấp con dao rừng, thầy Mo đứng yên một lát, nghe ngóng.

Tiếng động của sáu tên lính biên phòng Nhật đang đi tuần càng lúc càng vọng tới rõ hơn, cho biết chúng đang tiến đến gần khu vực máy bay lâm nạn và như thế, chứng tỏ chúng cũng đã thấy chiếc Warhawk cháy đỏ rực, rơi xuống như một bó đuốc. Thầy Mo nói chậm chậm:

- Chết cũng được, sống cũng được. Có nhớ cái ông già ròm ở Pắc Bó hứa sẽ giải phóng chúng ta không. Cái ông già ké đó đã nói

rằng muốn chúng ta giao cho ông hết thầy những người bay da trắng. Mau cắt dây đưa nó xuống.

Giọng nói đầy quyền phép của thầy Mo làm đám người Nùng vững bụng. Nhanh như chớp, họ leo thoăn thoắt lên cây, vung dao quắm chặt đứt sợi dây an toàn gắn quanh ghế phi hành. Phải cần tới sáu người dân sơn cước vạm vỡ mới gánh nổi thân xác kẻ lâm nạn về khu nhà sàn của bản làng. Trong lúc họ oằn lưng dưới gánh nặng và bước loạng choạng, thầy Mo đi một bên, rầm rì đọc thần chú để làm nguôi giận thần lửa, thần trời, thần sấm sét... những vị thần đầy uy lực được họ tin là các đấng tạo dựng đất đai cùng sông núi. Khi đoàn người về tới bản, dân làng ủa nhau chạy tới bu đầy ngôi nhà sàn ám khói của thầy Mo. Họ đứng im lặng, mắt xoe tròn kính sợ ngó ông sửa soạn chiếc đĩa nhỏ bày mấy ngọn lá trầu và mấy hạt gạo, để đặt vào miệng thi hài, đúng với nghi lễ tiễn đưa người chết của sắc tộc Nùng. Trước khi cử hành nghi thức tẩm liệm, thầy Mo ra hiệu đem tới cho ông một ché nước trong vắt, múc về từ một lòng suối bên sườn núi. Kế đó, ông lấy dao rạch bộ đồ bay bê bết máu, cởi hết ra và vứt bỏ. Đang rửa máu nơi bụng và lưng của thầy ma, thầy Mo bỗng ngừng tay. Ông lẩm bẩm mấy tiếng thật lẹ rồi cúi xuống, áp đầu sát lồng ngực kẻ chết.

Lúc ngẩng lên, ông liền thoảng ra lệnh cho người phụ việc:

- Sửa soạn cáng tre lập tức. Người da trắng này tim còn đập. Mau sai người chạy thật lẹ qua Pắc Bó, nói với họ bên đó ra chờ sẵn nơi bờ suối.

Dân bản cùng nhau ồ lên mừng rỡ. Chen chúc nhau vây quanh thầy Mo, họ đưa nhau múa máy chân tay nói cười, trong khi ông bắt đầu rít cỏ, đập lá và bó những chỗ Joseph bị thương lúc máy bay rớt. Cùng với cánh tay mặt lật lều, một chân của anh gãy thấy rõ. Cấp cứu xong các vết thương, thầy Mo lấy một chiếc áo tể lễ của mình quấn quanh người Mỹ, rồi dùng dây rừng bó hai chân Joseph lại và cột chặt người anh vào cáng tre. Sáu sơn dân lực lưỡng lúc nãy gánh Joseph từ chỗ bị nạn về bản làng nay lại nhấc bổng chiếc cáng lên vai. Cùng với hơn chục dân bản làng cầm dao quắm đi theo hộ tống, họ kéo nhau hồi hải tuột xuống mé núi.

Sau đó nửa giờ, toán lính biên phòng Nhật đi tuần tiểu rút cuồi cũng lần theo dấu máu tới được bản làng ấy. Tìm mãi không thấy thi thể hoặc dấu vết của viên phi công, bọn chúng nổi giận, bóp cò súng. Thầy Mo và hai dân làng chết tại chỗ. Mười người khác bị thương. Trước khi bỏ đi, lính Nhật thiêu rụi tất cả nhà cửa và lôi xềnh xệch theo chúng năm sáu thiếu nữ trong bản, mặc cho các cô khóc la giã giụa.

Mãi hơn một giờ sau, toán quân Pháp biệt lập từ đồn biên phòng Sóc Giang cách đó khoảng năm cây số, mới cỡi ngựa đi tuần tới chỗ chiếc Warhawk lâm nạn. Cũng như mọi binh sĩ Pháp trú đóng tại Đông Dương, họ có lệnh của Nhật phải tìm bắt và giải giao tất cả những phi công Mỹ bị bắn rơi trên khắp lãnh thổ. Vì nhận lệnh ấy với lòng căm ghét nên khi khám thấy khoang lái trống rỗng, lính Pháp chỉ nhún vai vài lần rồi trở đầu ngựa, quay về đồn.

Trong lúc đó, Joseph đang nằm lênh đênh trên chiếc bè nửa do Đào VănLật và hai thanh niên du kích quân cộng sản chèo chống. Bè nhắm hướng tây, đi dọc theo một nhánh chênh vênh dốc đứng của sông Kỳ Cùng.

Khi được dân Nùng báo tin vừa cứu về một phi công Mỹ, từ căn cứ của Đảng Cộng sản Đông Dương tại một nơi bí mật và hiểm trở có tên là Pắc Bó, Đào VănLật, con người cách mạng sôi sục nhiệt tình, kẻ từng cầm đầu cuộc tuần hành bất hạnh tại Vinh năm 1930, tất tưởi chống bè nửa ngược dòng suối đi đón.

Sau khi tiếp nhận người lâm nạn, Lật vội vã chống bè trở về Pắc Bó. Trên chiếc bè mỏng mảnh, một trong hai dân quân trẻ tuổi đi chung với anh quì đằng mũi, tay đưa cao bó đuốc sáng bập bùng để soi lối chỉ đường chống bè qua thác xuống ghềnh sỏi đầy bọt nước. Trong khi ấy, người dân quân thứ hai lom khom bên chiếc cáng cột Joseph, hai tay ôm chặt khẩu súng kíp cổ lỗ.

Dòng suối bắt đầu chảy siết hơn khi bè sắp ra sông cái. Tiếng nước kêu rào rạt bắt đầu thấm từ từ vào óc não ngằn ngặt của Joseph nhưng anh chỉ mới tỉnh lại đôi chút. Hình ảnh lơ mờ của chiếc bè lao vun vút trong tiếng nước, tiếng gió và bóng tối chập chờn bọc kín chung quanh khiến Joseph kinh hoảng. Anh thét lên mấy tiếng thật lớn, rời rạc, và vùng vẫy rất mạnh, cổ quấy cho đứt mấy sợi

dây rừng. Thấy thế, Lật sợ bè lật, vội vã ra lệnh cho anh du kích đang lom khom bên chiếc cáng trở báng súng, đập vô đầu Joseph. Joseph lập tức lại rơi vào cơn hôn mê. Nhưng những tiếng thét quá lớn của anh đã vang tới tai toán tuần phòng thứ nhì của Nhật lúc này đang ở mé cao trên sườn núi đá vôi sát bên bờ suối. Chỉ chớp mắt sau, lính Nhật nổ súng. Đạn bắn như vãi xuống lòng suối làm nước văng lên tung toé quanh bè nửa. Lật cuống cuồng chống cây sào dài vào các mỏm đá, thúc cho bè lao như điên để quật lẹ vào một khúc suối rộng hơn đang sủi bọt trắng xóa giữa hai vách đá lởm chởm.

Đồng thời Lật hồi hả quát lớn, ra lệnh cho anh du kích đang canh giữ Joseph nổ súng bắn trả quân Nhật. Nhưng chưa kịp lên đạn và kê báng khẩu súng kíp lên vai, người thanh niên ấy đã bị đạn bắn trúng ngực. Anh chúi mũi, văng cả người xuống lòng suối, không kêu lên được một tiếng. Trong chỉ vài giây ngắn ngủi, thi thể người dân quân trẻ tuổi trôi lên trên mặt nước sủi bọt, cách bè nửa một quãng ngắn, rồi thỉnh thoảng bị dòng nước cuộn cuộn nuốt chửng. Lần này chìm hẳn.

Lát sau, khi bè ra hẳn sông cái, Lật hạ lệnh cho người dân quân còn lại tắt đuốc. Lập tức đằng sau họ tiếng súng im bật. Thất thần, mặt trắng bệch vì vừa mất một người bạn, anh thanh niên du kích đi lom khom ra đằng sau bè, tới gần chiếc cáng để kiểm soát xem người nằm trong đó có bị trúng đạn hay không.

Bè nửa trôi chậm chậm trên mặt sông rộng, mát và êm ả. Thở ra nhẹ nhõm, Lật nhấc sào lên quá mặt nước, tìm người nghỉ mệt trong khi ngực vẫn cảm thấy tung tức. Khi hơi thở đều trở lại, Lật nghe người du kích trẻ tuổi hỏi với giọng thều thào run rẩy:

- Tại sao mình phải chịu nguy hiểm quá như thế này để cứu một phi công người nước khác?

Lật nhả nài trả lời:

- Vì nước Mỹ rất hùng mạnh. Họ dẫn đầu các nước đánh nhau với Nhật. Và quân đội của họ sắp thắng trận giặc thế giới này.

Người thanh niên chờ mặt suy nghĩ và lại hỏi:

- Nếu nước Mỹ hùng mạnh nhất như đồng chí nói, tại sao họ lại cần chúng ta giúp đỡ. Chúng ta ít người quá, với lại súng ống của

chúng ta thô sơ quá.

Lật chậm rãi cắt nghĩa:

- Nước Mỹ không cần chúng ta chút nào. Nhưng tới khi quân Mỹ đuổi được bọn Nhật ra khỏi xứ sở của chúng ta thì đối với nhân dân chúng ta, người Mỹ là anh hùng chiến thắng - và nếu nhân dân thấy chúng ta chiến đấu bên cạnh người Mỹ thì họ cũng xem chúng ta là anh hùng chiến thắng. Đồng chí hiểu chưa. Khi bọn Nhật về nước rồi, chúng ta có thể quay trở lại cuộc chiến đấu thật sự của mình là đánh nhau với bọn Tây. Việc chúng ta cứu sống phi công Mỹ thoát khỏi tay bọn Nhật, hoặc cho dù chúng ta chỉ lấy được xác mà thôi, cũng sẽ góp phần giúp chúng ta chiếm được cảm tình bè bạn của nước Mỹ - đó là lý do đêm nay chúng ta liều chết để cứu anh phi công Mỹ này. Đồng chí hiểu rồi chứ.

Người thanh niên chậm chậm gạt đầu trong khi Lật lại bắt đầu chống sào xuống lòng sông, lái bè nửa rẽ qua một nhánh sông nhỏ. Khi bè cập bến, trên bờ có một toán chừng năm sáu du kích quân võ trang súng kíp và dao quắm đứng sẵn, đón họ. Các du kích quân tự động quảy chiếc cáng lên vai. Lật dẫn đường đi lên, qua liên tiếp nhiều thửa ruộng bậc thang rồi đi vào một lũng nhỏ, bọc kín chung quanh là các vách đá vôi cao ngất, dựng đứng và lởm chởm, với những dòng suối chảy siết qua nhiều thế kỷ khiến đá vôi lởm thành hang động. Sau cùng, họ khiêng cáng tre đi vào một kẽ nứt sâu hoắm làm thành một hang tối. Qua khỏi miệng hang khuất sau một thác nước, họ hạ cáng xuống sàn cát.

Thấy Josep bắt đầu lên cơn sốt và run lẩy bẩy, Lật ra lệnh các dân quân khác nhóm một đồng lửa kế bên cáng trong khi anh lấy quần áo cũ xếp thành gối và dùng hai chiếc mền rách đắp lên thân người Mỹ. Anh làm chưa xong công việc đó đã thấy một người đàn ông gầy gò, luống tuổi, xuất hiện thăm lặng nơi mé bên ngoài vòng ánh sáng hắt ra từ đồng lửa.

Trong bóng tối, người tuổi đã luống ấy trông có vẻ lom khom yếu ớt nhưng khi đi tới cáng tre, bước chân ông dài và lẹ. Lửa hắt lên cho thấy một chòm râu thưa màu xám và mái tóc thưa lấm tấm bạc. Trên bộ mặt dài và tiêu tụy long lanh hai con mắt sáng quắc kỳ lạ. Trong phong thái của ông có một vẻ định tĩnh tự chế khác

thường khiến mọi người đứng trong hang đều im lặng kính cẩn, tự động rẽ ra hai bên nhường lối cho ông đi vào.

Joseph thoát tiên mở mắt và thấy ông lão An Nam gầy gò ấy cúi xuống trên người mình. Vì trạng thái mê sảng do cơn sốt gây ra cùng những đau đớn cực độ do các vết thương hành hạ nên đối với anh, trong ánh sáng chập chờn màu da cam phát ra từ đồng lửa, bộ mặt hốc hác với chòm râu thưa ấy dường như không thật.

Nhưng khi người ấy đưa cái ca sắt đựng nước dừa âm ỉ vào môi Joseph, anh nốc ừng ực hết hớp này tới hớp khác.

Nằm nghỉ ngơi trong đêm đầu tiên lạnh lẽo và dài dằng dặc nơi rừng núi, cứ mỗi lần lơ mơ tỉnh lại đôi chút, Joseph lại thấy cũng chính bàn tay ấy đưa lên môi anh chất nước dịu ngọt hoặc lau mồ hôi trán cho anh. Và cũng chính bộ mặt ấy, với vẻ định tĩnh đáng kinh ngạc của nó và tia nhìn đăm đăm đầy thông cảm, có vẻ như liên tục hiện ra rồi tan biến rồi lại hiện ra trước đôi mắt bùng bùng sốt của Joseph. Tay ấy, bộ mặt ấy và tia nhìn ấy như thể thuộc về một vị thần núi phúc hậu và đầy tình phụ tử. Và khi Joseph chập chờn lơ lửng bên bờ tử sinh, đối với anh, hình ảnh ấy trở thành một niềm an ủi khiến lòng anh yên tĩnh lạ thường.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 6 -

Người An Nam cất giọng xuyt xoạt, đầy tự tin dù ông phát âm tiếng Anh chưa đủ độ nhấn:

- Đại úy Sherman ạ, cá nhân tôi bao giờ cũng ngưỡng mộ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Trong thế giới hiện đại, đó là xứ thuộc địa đầu tiên giành được độc lập bằng một cuộc cách mạng. Tôi hy vọng tới ngày nào đó, đất nước nhỏ bé của chúng tôi cũng có thể thi đua thành tích can trường và nhẫn nại với quý quốc. Hết thấy chúng tôi đây đều phải học hỏi rất nhiều về sự chịu đựng ngoan cường của người Mỹ. Và đó chính là lý do khiến chúng tôi liều mạng sống của mình để cứu anh thoát khỏi nanh vuốt của bọn Nhật.

Đối với Joseph, suốt ba ngày vừa qua, bộ mặt có chòm râu thưa thưa vốn chỉ xuất hiện lơ mờ qua màn sương mù mê sảng lúc này định hình rõ nét. Lần đầu tiên bộ mặt ấy nở nụ cười với anh; vẻ biểu lộ đó làm những chỗ hốc hác tiêu tụy của nó sáng lên. Đối với Joseph trong tình trạng người rã rời vì đau nhức khắp mình mẩy, nó truyền cho anh cảm giác ấm cúng hiếm hoi và lòng quan tâm quý báu.

Người ấy lại nhìn lên, miệng mỉm cười hóm hỉnh:

- Có thể anh cho rằng hai xứ sở của chúng ta chỉ giống nhau đôi chút - nhưng có lẽ anh không biết rằng cách đây tám mươi năm, khi nước Pháp bắt đầu xâm lăng xứ sở của chúng tôi, hoàng đế nước An Nam thời đó đã cầu viện chính phủ của quý quốc. Sự thật là thế, tin hay không xin tùy anh. Triều đình Huế đã gửi quốc thư cho Tổng Thống Abraham Lincoln, đề nghị một hiệp ước hữu nghị - nhưng tôi cho rằng không thể trách ông Lincoln về việc bỏ qua lời kêu cứu nhỏ nhoi ấy. Tôi tin rằng vào lúc đó ông ấy đang để toàn tâm toàn trí vào việc đối phó với các vấn đề cấp bách hơn trong cuộc nội chiến của quý quốc.

Người An Nam đi chân trần và nghiêng mình bên đống lửa. Ông

mặc áo bốn túi bằng vải ka-ki bạc màu và quần rộng thùng thình. Thỉnh thoảng ông cầm lên cành cây nhỏ, trầm ngâm cời than hồng. Rõ ràng ông không trông chờ phản ứng nào của Joseph vì lúc này anh nằm trên chiếc giường làm bằng lá gồi và đang là người kiệt sức với những cơn sốt dai dẳng.

Trong lúc bị cơn sốt hành Joseph lơ mơ nhận biết có một người An Nam nữa thường hay vô ra hang động này. Đào Văn Lật lo liệu việc chăm sóc anh suốt ngày suốt đêm. Một bác sĩ bị quân du kích bắt cóc gần tỉnh lỵ Cao Bằng rồi bị mất dẫn về sào huyệt, đã bó nẹp chân tay gãy của Joseph và khâu những vết rách trầm trọng nhất trên đầu và thân thể anh. Lấy một loại rễ cây rừng được gọi là nụ áo, họ nướng cho hơi cháy rồi sắc thành một thứ thuốc nam. Cứ mỗi giờ họ lại đổ nước thuốc ấy vào miệng anh, qua hai môi sưng vù vì phỏng nặng.

Cuối cùng, tới đêm thứ ba, cơn sốt đạt tới điểm tột đỉnh của nó. Lúc trời vừa rạng sáng người luống tuổi gầy gò tất tả bước vào hang. Bưng trên tay một đĩa nhỏ đựng bắp và chuối nghiền, ông bảo mọi người đi nơi khác còn mình tự tay dùng muỗng đút cho anh. Kế đó, ông ngồi xỏm bên đồng lửa, bắt đầu gọt chuyện. Ông nói, mắt vẫn nhìn đồng lửa với vẻ trầm ngâm:

- Bản thân tôi từng viếng thăm quý quốc cách đây rất nhiều năm. Tôi rời Đông Dương lúc hai mươi tuổi, làm một chân phụ bếp trên tàu viễn dương đi châu Âu và châu Mỹ. Tôi cũng đã kiếm sống bằng công việc đốt lò sưởi và xúc tuyết tại Luân Đôn. Tôi cũng từng làm phụ bếp hoặc mấy lần làm bồi bàn ở Boston và khu da đen Harlem. Tôi rất buồn khi thấy cuộc sống tương phản trong các khách sạn giữa những khách giàu có và đám dân nghèo phải làm nô dịch trong nhà bếp để chuẩn bị bữa ăn sang trọng cho họ. Tôi cũng đã thấy vô số người da đen nghèo sống chật hẹp ở khu Harlem.

Vừa nhìn đăm đăm đồng lửa ông vừa thở dài:

- Đại úy Sherman ạ, tôi rất ngưỡng mộ lý tưởng dân chủ cao cả của Hoa Kỳ nhưng rủi thay, ánh sáng chiếu ra từ ngọn đuốc Tượng Nữ thần Tự do của quý quốc không toả đều lên hết thảy nhân dân Mỹ, phải vậy không?

Joseph chống tay nhòe dậy một cách khó nhọc. Anh vẫn cảm thấy yếu ớt và đầu vầng vất khi vừa trải qua một cơn sốt hành. Việc rán sức nhẹ nhàng nhất ấy cũng làm giác quan của Joseph choáng váng. Anh hỏi, giọng run run:

- Tôi đang ở đâu đây? Làm sao tôi lại tới đây?

Người An Nam nở thêm một nụ cười, trông như thể tiên ông:

- Đại úy chớ bận tâm. Anh đang ở giữa bè bạn. Tôi đích thân tới đây để đảm bảo với anh điều đó. Đây là vùng hang động Pắc Bó ở phía cực bắc Bắc kỳ. Chúng ta chỉ cách biên giới Trung Hoa một cây số. Anh được người sơn cước thuộc dân tộc Nùng kéo ra khỏi chiếc máy bay vỡ nát. Họ cứu anh thoát cuộc tuần tiễu của bọn Nhật - và của quân Pháp, những kẻ cũng được lệnh bắt giữ anh để trao cho bọn Nhật. Người Nùng liên lạc với chúng tôi và tiếp tay với chúng tôi đem anh về đây. Tới khi nào anh đủ sức khoẻ lên đường, chúng tôi sẽ lén lút mang anh qua mặt lính biên phòng Nhật để vào Trung Hoa. Và người của chúng tôi sẽ đưa anh an toàn trở về với tướng Chennault cùng các bạn “Phi Hổ” lừng danh của anh.

Ông lại mỉm cười khi thấy mắt của Joseph ánh lên vẻ sùng sốt:

- Đại úy ạ, tôi biết tên anh vì tôi đã đọc “thẻ bài” trên cổ anh.

Ông uốn lưỡi phát âm hai chữ tiếng lóng “dog tag” của Mỹ dùng để chỉ thẻ bài với vẽ hóm hình thấy rõ, rồi nói tiếp:

- Và những chiếc răng nhe ra dữ dằn đầu mũi chiếc Warhawk lâm nạn của anh nói cho chúng tôi biết anh là một “Phi Hổ”.

Joseph ngẩng đầu nhìn chăm chú người An Nam ngồi bên ánh lửa chập chờn, rồi anh thả lưng xuống mặt giường lá gồi:

- Ông là ai? Và tại sao ông giúp tôi?

- Hết thảy chúng tôi đây đều ở trong Mặt Trận Việt Minh. Chúng tôi là những người quốc gia, theo chủ nghĩa dân tộc. Cũng y như Hoa Kỳ, chúng tôi chiến đấu chống bọn Nhật hiếu chiến và xâm lăng. Chúng tôi đang tiến hành chiến tranh du kích, đánh các đồn bót của chúng trong xứ này.

- Việt Minh là cái gì vậy?

- Việt Minh là tên gọi tắt của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh Hội được những người theo dân tộc chủ nghĩa thành lập tám năm trước

đây tại Quảng Châu. Hiện nay, nó là một liên minh của những người yêu nước đang chiến đấu giải phóng tổ quốc chúng tôi. Trước tiên chúng tôi đánh đuổi bọn Nhật - rồi tới một ngày nào đó, đánh đuổi luôn cả người Pháp. Pắc Bó là bộ chỉ huy tạm thời của chúng tôi.

Joseph nhắm mắt và nhắm mắt. Sự rần rức tập trung chú ý vào thông tin đơn giản với quá nhiều danh xưng đó đủ làm anh thấm mệt. Khi gương người trở mình đôi chút trên giường, anh rên nhức khắp mình mẩy. Thấy vậy, từ mé bên kia đồng lửa, người An Nam vội vàng bước qua và lật đặt quì xuống bên Joseph. Dù trông ông có vẻ ảo lả nhưng khi ông giúp Joseph sửa lại thế nằm cho thoải mái hơn, anh cảm thấy bàn tay ông nắm vai mình vững và mạnh. Ông kéo mền lên đắp ngang vai Joseph và dỗ dành:

- Đại úy cứ nằm nghỉ. Tôi thấy chúng ta còn rất nhiều ngày giờ để chuyện trò với nhau cho thỏa lòng. Tôi chỉ muốn bảo đảm với anh một điều, rằng anh đang an toàn trong vòng tay bằng hữu.

Sáng hôm sau, Joseph lại sức đôi chút và được mang ra khỏi hang. Anh rên thành tiếng khi Đào Văn Lật và ba người khác nâng chiếc cáng lên. Tới bên ngoài, phải mất mấy phút mắt Joseph mới quen với ánh mặt trời ban mai chói lọi. Sát bên thác nước, một lớp lau sậy mọc rậm rạp che kín mít lối vào hang. Rồi khi được đặt trên tảng đá lớn kế bên cửa hang, Joseph sững sờ ngắm các mỏm đá cao vời vời vượt hẳn lên trên rừng rậm nhiệt đới dày đặc. Xa xa bên kia biên giới Trung Hoa, những dãy núi cong cong và đẹp tuyệt vời, trông như hình vôi ồ bánh mì ngọt, càng lúc càng hiện rõ trong sương buổi sớm đang tan.

Joseph thở ra:

- Thì ra đây là nơi tôi rơi cánh. Chấn chấn quý vị đã chọn địa điểm tuyệt đẹp này để ẩn tránh quân Nhật.

Đứng bên Joseph, Lật cũng dăm dăm nhìn - nhưng không phải để ngắm cảnh sắc ngoạn mục kia. Dưới ánh nắng chan hoà, Lật thấy rõ nét mặt của Joseph hơn trước đây lúc còn ở trong hang. Người An Nam nhỏ thó đưa đôi mắt sáng quắc nhìn Joseph chòng chọc rồi hỏi với giọng ngập ngừng, bằng một thứ tiếng Anh rất sỏi:

- Trước đây đại úy đã từng ở trong xứ sở của chúng tôi, đúng vậy

không?

Joseph quay lại nhìn Lật, lòng phát sinh thêm một tò mò mới:

- Đúng. Tôi biết Sài Gòn và Huế - và có lần tôi ở Hà Nội. Tại sao anh lại hỏi như vậy?

Lật trả lời háo hức:

- Rất nhiều năm trước đây, tôi có gặp tại Huế một thiếu niên Mỹ. Tôi thấy trông anh hình như khá giống cậu ấy.

Kể đó, cả hai cùng lặng yên trong ít phút. Tâm trí Joseph cũng bắt đầu loé sáng, anh nói chậm chậm:

- Tôi có mặt tại hoàng cung lúc cử hành lễ Tết năm 1925. Rồi tới năm 1936 tôi có quay lại thăm viếng Huế và Hà Nội. Có thể chúng ta từng gặp nhau tại một trong hai nơi đó.

Lật reo lên hoan hỉ:

- Vậy, tôi nhớ ra rồi. Mình từng gặp nhau ở Huế. Lúc ấy anh đi với mẹ.

Joseph sững sốt gật đầu. Lật nói ngay:

- Tên tôi là Lật - Đào VănLật. Anh nhớ không. Tôi là người viết báo đứng trò chuyện với mẹ anh và anh sau cuộc lễ “làm lay”.

Tình trạng thiếu thốn phải chịu trong những năm dài tù đầy nơi đảo Côn Lôn còn ghi dấu trên hình hài của Lật cộng thêm hành vi tự thiến trước đó của anh tạo cho anh nét mặt khắc khổ khác thường. Trông anh lúc nào cũng căng thẳng, nhưng qua đôi lông mày của một người học rộng và tia nhìn long lanh dữ dội trong cặp mắt ấy, Joseph vẫn có thể nhận ra anh. Người An Nam này đúng là Đào VănLật năm xưa, một người chỉ biết sống cho lý tưởng, kẻ đã phát biểu với Joseph và mẹ anh những câu nói ngùn ngụt căm hờn nơi khách sảnh trong cung điện của hoàng đế Khải Định.

Sau khi nhúu mày lục lợi quá khứ và thấy ra kết quả, người Mỹ nói:

- Tôi nhớ ra anh rồi. Tôi nhớ lúc ấy anh nổi cơn thịnh nộ về tính đạo đức giả của nghi lễ bày tỏ lòng trung quân. Tôi còn nhớ anh có kể với chúng tôi rằng anh không được phép viết ra những gì anh muốn.

Lật mỉm cười ngậm ngùi rồi nghiêng mình xuống bên Joseph, nồng nhiệt bắt tay người Mỹ:

- Có thể anh có lý. Lúc ấy tôi non trẻ và bồng bột. Giờ đây tôi sung

sướng hơn bao giờ hết vì giúp được người Mỹ, lại là một bạn cũ. Tới lượt Joseph mỉm cười và lúc lắc đầu, rất lấy làm lạ về sự trùng hợp ngẫu nhiên này:

- Anh Lật ạ, anh thôi làm nhà báo và trở thành chiến sĩ du kích từ lúc nào vậy?

Đào Văn Lật nghiêm nét mặt, càng nói càng tỏ vẻ trầm trọng:

- Vào dịp Tết năm 1930, tôi quyết định dâng hiến trọn đời mình cho cuộc chiến đấu giải phóng tổ quốc khỏi bàn tay bọn Pháp. Sau đó tôi bị bắt trong cuộc nổi dậy ở mạn bắc Trung kỳ và trải qua năm năm trong ngục tối nơi đảo Côn Lôn. Sự huân nhục đó càng khiến tôi không thể nào để yên cho nước Pháp tiếp tục đô hộ dân tộc tôi. Sau khi được phóng thích, dù gian khổ tới mấy đi nữa, tôi tiếp tục cuộc chiến đấu.

Lật dừng lại, hít vào một hơi thật sâu để lấy lại điềm tĩnh:

- Chắc anh cũng biết, những năm tháng này thật cam go. Lúc mới bắt đầu cuộc chiến tranh thế giới lần thứ hai, dù bọn Pháp đã dâng nộp Đông Dương cho bọn Nhật nhưng Tokyo vẫn cho phép bọn Pháp tiếp tục đàn áp những người đấu tranh cho quốc gia dân tộc. Chúng tàn sát sáu ngàn đồng bào chúng tôi trong các cuộc hành quân giết chóc ở Nam bộ và đốt cháy nhiều làng mạc ra tro than. Trong khi quí quốc và phần còn lại của thế giới bên ngoài lâm chiến với Nhật và Đức thì tại đây, các chủ nhân ông thực dân Pháp vẫn tiếp tục đối xử với chúng tôi theo cung cách họ từng đối xử suốt tám mươi năm qua. Thực tế, một cổ chúng tôi chịu tới hai tròng Pháp và Nhật. Đó là lý do tại sao Việt Minh được phục hoạt từ năm 1941, chỉ để thực hiện hữu hiệu lý tưởng đánh Nhật và đuổi Pháp.

Trong khi Lật nói, Joseph trông thấy người An Nam gầy gò thường đến thăm anh mỗi tối, lúc này từ một hang động đang nhô mình ra chỗ đất trống bên dưới tảng đá anh nằm. Ông đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, mặc bộ quần áo dày bằng vải ka-ki nâu bạc màu, tay cầm gậy trúc. Joseph nhìn ông lần bước tới bên bờ một con suối nhỏ chảy ngang sào huyết và bắt đầu cởi áo xắn quần.

Nhìn theo ánh mắt của Joseph, Lật nói:

- Sáng nào cụ cũng tắm trong nước suối lạnh như nước đá và tập thể dục mười phút trước khi ngồi vào bàn làm việc. Khí hậu và đời sống nơi rừng núi này rất khắc nghiệt. Bằng kỷ luật tự giác, cụ làm gương cho tất cả chúng tôi.

Ngay dưới chân tảng đá, lòng suối phình ra thành một chuỗi ao nhỏ. Dọc hai bên bờ suối, nhiều phiến đá tuyệt đẹp nổi lên chênh vênh và buông xuống những thạch nhũ lơ lửng trên mặt nước. Lật chỉ mấy phiến đá bằng phẳng nhất rồi nói:

- Đó, chỗ dưới đó là bàn viết của cụ. Cụ làm việc suốt ngày, lo tổ chức cuộc chiến đấu chống phát xít Nhật và thực dân Pháp. Sáng nay, cụ đang viết bài cho tờ báo nhỏ của chúng tôi, tờ Việt Lập - Việt Nam Độc lập.

Ngay lúc ấy người An Nam gầy gò nhướng mắt nhìn lên phía trên tảng đá và vẫy gậy trúc lên chào. Rồi với vẻ cường tráng đáng kinh ngạc, ông bước xuống lòng suối và khoát nước suối lạnh buốt lên cơ thể mảnh khảnh của mình, hết vốc này tới vốc khác.

- Ông ấy là ai vậy?

Lật sững sốt, nhìn chăm chặp người Mỹ:

- Tôi tưởng anh biết rõ cụ. Cụ là lãnh tụ của chúng tôi. Trong nhiều năm trời cụ có danh xưng là Nguyễn Ái Quốc - nhưng giờ đây cụ lấy tên mới, một bí danh thời chiến: Hồ Chí Minh. Tên ấy có nghĩa là “Người vô cùng sáng suốt, họ Hồ”.

- Anh biết ông ấy bao lâu rồi?

- Lần đầu tiên tôi gặp cụ là ở Hà Nội năm 1930. Dịp đó, cụ cải trang làm cu-li xe kéo để đánh lừa Sở Liêm Phóng Pháp - và ngay cả tôi lúc đó cũng không biết chắc chắn cụ là ai. Cụ là người lỗi lạc. Thân phụ thi đỗ tiến sĩ và từng làm quan. Cụ từng đi khắp thế giới. Cụ nói được nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Nga, Đức, Nhật, Tiệp - và ba phương ngữ Trung Hoa. Cụ người cùng quê hương bản quán với tôi, tỉnh Nghệ An, Trung kỳ.

Lật ngừng lại một chút rồi mỉm cười kiêu hãnh:

- Có một ngạn ngữ rằng: “*Dân xứ Nghệ lệ gì cũng chống!*”

- Và lúc này anh cũng là một thủ lĩnh của Việt Minh, phải không anh Lật?

Về mặt Lật lập tức nghiêm trang trở lại:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hãnh diện khi nói rằng tôi là một trong những đồng chí gần gũi nhất của cụ Hồ. Đã có thời tôi khá điên rồ khi nghĩ rằng mình biết rành rẽ hơn cụ về phương cách lãnh đạo phong trào quần chúng. Đã có thời tôi cho rằng một người có ý chí sắt thép và có đầy đủ nghị lực, sẵn sàng dâng hiến trọn cả tâm hồn và thể xác cho chính nghĩa, trước sau gì anh ta cũng hoàn toàn đạt được kết quả như ý. Chính cụ đã cảnh cáo tôi rằng một thủ lĩnh chính trị phải bén nhạy với tâm trạng và nhu cầu của quần chúng, nhưng thời đó tôi không đủ khôn ngoan để nghe theo lời cụ. Ngừng một chút, Lật không nhìn Joseph, và quay mặt qua chỗ khác,:

- Hết thấy các biến cố xảy ra đã chứng minh rằng cụ đúng còn tôi sai. Tôi không bao giờ quên bài học đó. Và kể từ lúc ấy, tôi học thêm được nhiều bài khác nữa. Thông thường, khi chúng tôi đi ngang một làng mạc nghèo khổ, cụ dừng lại, bỏ ra nửa giờ tắm cho một em bé có bà mẹ quá bận bịu - hoặc chất dùm một đồng củi lớn cho kẻ bị đau lưng không thể cúi xuống. Cụ quan tâm hết sức sâu xa tới nhân dân - đó là lý do ai trong chúng tôi đi theo cụ cũng gọi cụ là Cụ Hồ. Họ biết cụ chăm lo cho họ như thể họ chính là người trong gia đình của cụ.

Cảm thấy lòng hiếu kỳ càng lúc càng tăng, Joseph hỏi:

- Ông ấy bao nhiêu tuổi? Ban đầu tôi tưởng ông già lắm nhưng lúc này...

Lật nói với giọng cung kính:

- Không, cụ chưa già, cụ năm mươi tư tuổi. Nhưng mới đây những khổ sở cùng cực cụ vừa chịu trong các nhà tù bên Trung Hoa làm cụ già trước tuổi. Cụ vượt biên giới sang Tàu năm 1941 để đề nghị Tưởng Giới Thạch liên kết với Mặt Trận Việt Minh đánh bọn Nhật. Nhưng tên tổng tư lệnh xảo quyệt ấy tống cụ thẳng vô nhà ngục. Chúng lấy cớ sắt xiềng cả hai chân cụ, tròng gông vô cổ cụ, giải cụ đi bộ hàng trăm cây số trên đất Trung Hoa. Chỉ nội một năm, cụ bị nhốt trong ba chục nhà tù khác nhau. Cụ lâm bệnh nặng tới nỗi khắp người phù thũng và rụng nhiều răng. Ban đêm trong xà lim lạnh cóng, nhiều tù nhân nằm kế bên cụ bị chết. Rồi tới một ngày kinh hoàng nọ, chúng tôi nhận được tin cụ đã lìa đời. Chúng

tôi tổ chức lễ tang tại Pắc Bó này và để tang cụ. ai nấy đều tê dại vì đau đớn.

Trong khi hồi tưởng, trên mặt Lật toát ra vẻ khổ sở. Anh nói tiếp:
- Rồi tới nhiều tháng sau đó chúng tôi nhận được một tờ báo xuất bản bên Tàu. Bên lề trang báo có một bài thơ viết tay. Đó chính là nét chữ của cụ. Xét theo ngày tháng phát hành tờ báo, chúng tôi có thể đề quyết rằng cụ còn sống. Hết thấy chúng tôi đều vui mừng không tả xiết. Đại úy Sherman ạ, để kỷ niệm ngày đó, chúng tôi học thuộc lòng bài thơ viết tay ấy. Anh có muốn tôi đọc bản tôi dịch sang tiếng Anh cho anh nghe không?

Joseph lơ đãng gật đầu, mắt vẫn dõi theo người An Nam gầy gò khi ông leo lên bờ suối. Lật đọc:

MỚI RA TÙ, TẬP LEO NÚI

Núi ấp ôm mây, mây ấp núi

Lòng sông gương sáng, bụi không mờ

Bồi hồi dạo bước Tây Phong Lĩnh

Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa

[Nguyên văn phiên âm ra Việt Hán

TÂN XUẤT NGỤC HOẶC ĐĂNG SƠN

Vân ủng trùng sơn, sơn ủng vân

Giang tâm như kính tịnh vô trần

Bồi hồi độc bộ Tây Phong Lĩnh

Dao vọng Nam Thiên ức cố nhân.]

Joseph ngược lên nhìn Lật. Anh thấy trong khi đọc bài thơ ấy mắt Lật mờ dần. Lật nói, giọng khản đặc vì xúc động:

- Biết được cụ vẫn “*Trông lại Trời Nam, nhớ bạn xưa*” là tin vui nhất mà chúng tôi hằng khao khát. Trong ngục tù, cụ còn sáng tác nhiều bài thơ nữa để tự giúp mình sống sót trong cuộc thách đố dài dằng dặc ấy - bài nào cũng viết bằng chữ nho và làm theo lối cổ thi. Tôi đã dịch tất cả các bài thơ ấy ra tiếng Anh và tiếng Pháp. Anh dừng lại và rút từ túi áo trên ngực ra một tập giấy có nhiều nếp nhăn:

- Đây là một bài thơ khác của cụ viết về những kinh hoàng trong cuộc tù đầy dài ngày ấy...

BỐN THÁNG RỒI

“Một ngày tù, nghìn thu ở ngoài”.

Lời nói người xưa đâu có sai...

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TỨ CÁ NGUYỆT LIỄU

“Nhất nhật tù, thiên thu tại ngoại”.

Cổ nhân chi thoại bất sai ngoa...]

Joseph nhắm mắt, thả người nằm xuống trong ánh nắng ấm áp. Ngoài tiếng Lật nhịp nhàng đọc thơ, âm thanh duy nhất là tiếng nước thác đang rơi rì rào và chảy tràn mặt đá như vỗ về cơn trớn. Dần dần, không khí tĩnh lặng u tịch của núi cao hiệp với tình trạng đuối người mệt lã do thân đau và cơn sốt gây nên, tất cả đem lại trong anh cảm giác bình an và thanh thản sâu lắng.

Đột nhiên, những chuyện vào sinh ra tử và những cuộc oanh kích trong ba năm qua giờ đây dường như thuộc về một thế giới nào khác, rất xa xăm và quá đổi diệu vợi. Lòng Joseph càng lúc càng cảm thấy biết ơn sâu nặng những kẻ cứu thoát mình. Anh thấy rõ mình chừng như đang bị cuốn hút cách riêng vào người An Nam gầy gò và phúc hậu như một người cha, đang đứng ở khoảng đất trống dưới kia. Từ người ông toát ra sự ấm áp và mộc mạc, rõ ràng đang ràng buộc toán du kích quân Việt Minh ít ỏi này vào với ông bằng một sợi dây mạnh mẽ như một gia đình ruột thịt.

Trong chốc lát, Joseph tưởng như thấy mơ hồ trong tâm trí anh cảm giác ân hận rằng mình đã không yêu thương người cha ruột nhiều hơn. Nhưng cảm giác ấy không đủ mạnh để làm xáo trộn những xúc động canh tân và hạnh phúc lúc này đang lan tỏa và tràn ngập châu thân anh. Anh trôi trong nắng ấm bênh bồng vào một giấc ngủ yên bình và tươi mát.

Tới xế chiều, cùng với mặt trời đang xuống, Joseph bắt đầu ra khỏi giấc ngủ. Ban đầu anh tưởng mình nghe hàng loạt tiếng súng máy

nổ ran trong một cơn mơ. Rồi cảm thấy Lật nhẹ nhẹ lay vai mình, Joseph nhận ra tiếng súng nổ chát chúa từng phát một. Và tiếng bắn trả hàng loạt của nhiều khẩu súng máy ấy là âm vang của một trận đánh thật sự từ một nơi gần đó vọng lại. Vẫy tay gọi mấy người lo việc khiêng cáng tới gần, Lật nói thật gấp với Joseph:
- Vòng đai bảo vệ bên ngoài đang đụng độ bọn lính tuần tiểu Pháp. Chúng tôi phải dời đi ngay.

Joseph ngó xuống thấy bãi đất trống rộng rãi với các dân quân Việt Minh chạy lúp xúp. Ngay lúc ấy, thân hình đội mũ cối của Hồ Chí Minh nhô ra khỏi bàn đá chỗ ông ngồi làm việc. Ông truyền hết lệnh này tới lệnh khác bằng giọng dứt khoát và đĩnh đạc. Rồi chỉ nội trong vài phút, toàn trại lên đường.

Joseph được cáng đi men theo một khe núi cao. Qua những ghềnh đá lởm chởm kế tiếp nhau rồi tới một bìa rừng âm u mọc đầy những lùm cây rậm rạp và đan nhau chằng chịt. Bên dưới vòm lá rừng sinh động đã dựng sẵn năm sáu túp lều trú ẩn làm bằng mây đan với lá gồi. Lập tức các du kích quân bố trí đầu vào đó và lại bắt tay ngay vào việc.

Xa xa, tiếng súng vang lên từng chập trong khoảng nửa giờ rồi cuối cùng im bật. Về sau, Lật kể cho Joseph biết có hai lính Pháp bị quân du kích giết trong cuộc chạm trán kịch liệt và khá đầy đủ nhằm kéo dài thời gian cho căn cứ nơi hang động kịp thời sơ tán. Sau khi hoàn thành công tác chặn địch, các du kích bảo vệ ấy lần vào núi đồi trùng điệp và chờ lúc đêm xuống mới kéo nhau về khu trại mới này.

Joseph trải qua đêm ấy nghỉ ngơi thoải mái trong một túp lều lá gồi. Hôm sau, anh thức giấc lúc trời vừa rạng sáng và thấy một đám du kích quân đông hơn số người hôm qua, đã tập hợp sẵn trên bãi đất trống để chuẩn bị thao diễn theo đúng quân cách. Họ được trang bị bằng nhiều loại vũ khí cổ lỗ. Một người An Nam khôi ngô và linh hoạt đang di chuyển lanh lẹ giữa các du kích quân, khi điều chỉnh tư thế cho người này khi sửa lại y phục cho người nọ. Người ấy mang bên hông một khẩu súng lục để yên trong bao. Chân đi giày quân xà cạp trắng. Đầu đội mũ phớt đen. Mỗi lần lấy mũ

xuống, để lộ một mái tóc đen nhánh chải không thành nếp và rủi loà xoà xuống trán,

Lật ngời xôm xuống bên cạnh Joseph, thấp giọng kể:

- Đó là đồng chí Võ Nguyên Giáp. Anh tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố và là chỉ huy trưởng quân sự của chúng tôi. Tuy anh ấy là cựu sinh viên luật Đại học Hà Nội, phải bỏ dở sau năm thứ hai, nhưng lại thích nghiên cứu các trận đánh lừng danh trong lịch sử thế giới. Anh có thể vẽ theo trí nhớ các kế hoạch hành quân tất cả những trận đánh của Napoléon. Anh căm thù Pháp cực độ vì chị dâu của anh bị Pháp xử tử và vợ anh chết trong nhà tù của Pháp. Joseph quan sát lực lượng ít ỏi ấy. Trong khi họ xếp thành đội ngũ anh đếm được ba mươi bốn người, trong đó có ba người nữ. Một nửa nắm chặt những khẩu súng kíp cổ lỗ còn hầu hết những người khác được trang bị bằng súng trường lỗi thời, loại bật cơ bằm nạp từng viên đạn rồi bắn từng phát một. Có hai người đeo súng lục ngang thắt lưng. Chỉ có một người hãnh diện ôm chặt khẩu tiểu liên độc nhất vào ngực. Áo chèn và quần ka-ki màu phân ngựa hay màu xanh đậm của họ đều sờn và bạc màu. Nhiều người là dân sơn cước thuộc sắc tộc Tày hoặc Nùng trong vùng và đi chân đất. Ai nấy đều khoác chéo qua thân trên một ruột tượng, có lẽ để chứa lương thực và vật dụng cá nhân khi đi rừng. Đằng sau họ, trong ánh nắng ban mai chói lọi, giập giờn trên đầu một chiếc cột là lá cờ đỏ chính giữa điểm ngôi sao vàng. Lật đưa tay chỉ và nói:

- Đó là ngọn cờ của chúng tôi - lá cờ Việt Minh. Lá cờ này xuất hiện lần đầu tiên trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa của nhân dân Nam bộ cách đây bốn năm. Chúng tôi quyết định rằng đã tới thời điểm bắt đầu xây dựng quân đội để một ngày nào đó sẽ giải phóng toàn bộ xứ sở. Chúng tôi tập hợp lại đây những chiến sĩ xuất sắc nhất từ các nhóm rải rác khắp vùng đồi núi Bắc kỳ. Đại úy Sherman ạ, hết thấy những người anh thấy đằng kia, tới một lúc nào đó họ sẽ là thủ lĩnh các toán võ trang cứu quốc quân của chính họ - họ đều là những chiến sĩ dũng cảm, những kẻ khăng định mình bằng hành động.

Joseph ngó ngoáy, co người ngồi lên và xem xét thật kỹ đám đông đang tập hợp đó. Tuy tất cả ba mươi bốn du kích quân đều hãnh

diện đứng thẳng người dưới tia mắt chăm chăm của vị chỉ huy trưởng nhỏ thó nhưng nếu bảo rằng đó là một lực lượng chiến đấu thì họ mong manh quá.

Joseph cảm thấy kinh ngạc về tinh thần cực kỳ kiên quyết, rõ ràng đang làm sinh động đám người vừa ít ỏi vừa xộc xệch này. Trong khi anh quan sát, hình dáng gầy gò của Hồ Chí Minh từ một lều cỏ bước ra. Joseph đoán ông xuất hiện để duyệt binh. Lúc này ông vẫn đội chiếc mũ cối móp méo làm bằng ruột bần, một tay vẫn cầm gậy trúc còn tay kia cầm ngọn cờ đỏ sao vàng có cán dài. Sau khi trình trọng trao ngọn cờ ấy cho một người đứng ở hàng đầu - Đào Văn Lật nói với Joseph rằng đó là chính trị viên của đội - ông nghiêm trang đi qua đi lại trước hàng quân. Kế đó, ông bước tới đứng cạnh cột cờ, bắt đầu nói chuyện với họ với giọng chậm rãi và thân tình. Joseph lắng nghe lời dịch của Lật.

Hồ Chí Minh vừa nói vừa lần lượt nhìn chiếu cố vào mặt từng du kích quân:

- Ngay từ lúc mới bắt đầu, tất cả mọi người đều phải hành động kiên quyết và hành động lẻ làng. Chúng ta phải động viên hết thảy nhân dân cả nước, kêu gọi họ cùng nổi dậy với chúng ta - vì thế, chúng ta phải tập trung tâm trí, chú ý tối đa và ưu tiên cho các hoạt động chính trị tuyên truyền hơn là các chiến dịch quân sự. Nhưng hễ đã tấn công kẻ thù thì phải đảm bảo rằng ta ra tay cú đầu là thắng ngay! Xuất hiện bất ngờ - rồi biến đi nhanh như chớp, không để lại dấu vết nào cả!

Ông ngừng lại một chút. Trong khoảnh khắc ngắn ngủi đó, một nụ cười rạng rỡ toả sáng khắp bộ mặt hốc hác của ông:

- Hôm nay là ngày 22 tháng Mười hai năm 1944. Tất cả các chú các cô trong đơn vị này là những thành phần lâu năm của một gia đình mà càng ngày sẽ càng lớn mạnh. Tới một ngày nào đó chiến trường hành quân của nó sẽ là cả nước Việt nam - từ phương bắc xa xôi xuống sâu tới tận phương nam bao la. Các chú các cô phải bảo đảm rằng tác phong phục vụ của mỗi người sẽ là gương mẫu cho hết thảy những người đi theo mình!

Nói xong những lời ấy, ông đứng yên bên cột cờ tiếp nhận “Mười lời thề danh dự” của toàn đội do chính trị viên tuyên đọc. Các du

kích quân quì xuống. Sau mỗi lời thề, họ đưa nắm tay quả quyết lên trời, đồng thanh lớn tiếng hô thề hứa. Kế đó, không thêm một nghi thức nào, Võ Nguyên Giáp, kẻ tổ chức và lãnh đạo toán quân ấy, nhanh nhẹn dẫn đầu họ đi đều bước theo lá cờ trên tay chính trị viên, ra khỏi bãi đất trống. Người mà họ gọi là “Cụ Hồ” đứng chăm chú nhìn theo bước chân của họ. Họ vừa biến mất trong rừng rậm, Hồ Chí Minh thả bộ tới bên lều của Joseph, mỉm cười với anh rồi ngồi lên một gốc cây cụt cạnh cửa. Nâng cao sắt cùng uống chung nước dừa với người Mỹ và Lật, ông lên tiếng trước:

- Đại úy ạ, hôm nay anh được ưu tiên lớn lao, đó là chứng kiến sự ra đời của “Đội Việt Nam Tuyên Truyền Giải Phóng Quân” đây.

Ông dừng lại, nở một nụ cười hóm hỉnh và nói tiếp:

- Cái tên to tát cho một lực lượng còn con, có lẽ vậy - nhưng chúng tôi có cao vọng rằng phát xuất từ những khiêm tốn này nó sẽ lớn mạnh rất nhanh. Lúc này chiến lược của chúng tôi là làm công tác tuyên truyền khắp nơi và đoạt lấy vũ khí tốt hơn của bọn Pháp và bọn Nhật. Anh thấy đó, chúng tôi cần vũ khí, cần ghê gớm.

Hồ Chí Minh trầm ngâm nhấp từng hớp nước dừa. Trong một lúc, ông không nhìn Joseph:

- Chúng tôi đã tranh thủ được các dân tộc miền núi. Người Nùng và người Tày thuộc trong số những chiến sĩ giỏi nhất của chúng tôi. Việt Minh hứa cho họ tự trị khi đất nước được giải phóng và vì thế họ lũ lượt kéo tới tham gia đại nghĩa.

Nói tới đó ông ngược mắt nhìn Joseph và mỉm cười:

- Đại úy Sherman ạ, họ giữ đúng lời hứa của họ và anh thật may mắn. Chính người Nùng đã cứu mạng anh.

Joseph nở nụ cười ấm áp với vị cao niên hơn mình:

- Tôi hết lòng biết ơn sự giúp đỡ của ông. Tôi hy vọng có một lúc nào đó và bằng cách thức nào đó tôi có thể đền đáp.

Hồ Chí Minh nghiêng mình về phía chiếc cang, dịu dàng vỗ vai Joseph:

- Đại úy không cần phải nghĩ tới việc đền đáp chúng tôi. Việc giúp được một người Mỹ trở lại cuộc chiến đấu với bọn Nhật tự nó là phần thưởng đầy đủ cho chúng tôi rồi.

Và thêm lần nữa ông nở nụ cười rạng rỡ:

- Chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ đưa anh về lại đơn vị. Đồng chí Lật đã cho tôi biết hai người là bạn cũ. Và đồng chí ấy nghĩ rằng anh đã khá mạnh để có thể bắt đầu chuyển đi sang đất Tàu ngay sáng nay. Tôi muốn đi bộ với đại úy tới biên giới, để được nói lời tạm biệt anh bằng câu chúc “lên đường bình an”, có phiền anh không?

Joseph lúc lắc đầu, cười hớn hờ:

- Không - nhưng hầu như tôi luyện tiếc phải rời khỏi nơi này. Tôi bắt đầu thích sự bình an và tĩnh lặng tại chốn mật khu rừng núi của ông.

- Thế thì đại úy cứ trở lại đây thêm lần nữa - nhưng lần tới mình mấy đừng có đau nhức nữa.

Hồ Chí Minh vừa nói vừa cười khúc khích và đứng lên:

- Tôi phải đích thân đi kiểm tra những thứ tiếp liệu đang được chuẩn bị, để bảo đảm anh có đủ lương thực đi đường.

Vị lãnh tụ Việt Minh đi sát bên chiếc cáng của Joseph, leo trèo suốt quãng đường dài dẫn tới điểm vượt biên. Đích thân đeo túi xách đựng lương khô cho Joseph, ông còn tiếp tay với Lật cùng những người khiêng cáng khác đang đỡ mồ hôi nhễ nhại những lúc họ vấp vấp hoặc trượt chân khi băng qua hẻm núi đá lởm chởm. Lúc nào Hồ Chí Minh cũng gợi chuyện để làm Joseph quên cơn đau xóc mỗi lần chiếc cáng nảy lên dẫn xuống. Ông nói về những kinh nghiệm của mình tại Mỹ, về lịch sử của đất nước ông và của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Ông hỏi han Joseph về gia đình anh, chăm chú lắng nghe khi anh, qua hai hàm răng cắn chặt nhin đau, nói tới nghề nghiệp chính trị của cha mình và về công trình nghiên cứu lịch sử Á Đông của mình.

Khi đoàn người tới điểm vượt biên trên đỉnh một ngọn núi và dừng lại trong hơi thở hỗn hển, Hồ Chí Minh nhìn sang đất Trung Hoa.

Ông phát biểu với giọng đầy vẻ thán phục:

- Đại úy ạ, đối với tôi, nghe như thể anh biết căn kẽ hơn tất cả chúng tôi đây về mảnh đất này của thế giới. Anh cũng biết rất rõ rằng chúng tôi đã chịu biết bao nhiêu thất bại trong cuộc đấu tranh giành tự do. Thật đáng tiếc anh không thể ở lại đây lâu hơn để giảng dạy lịch sử cho các thành viên mới tuyển mộ của

Việt Minh.

- Có lẽ phải chờ tới lúc xong cuộc thế chiến này.

Joseph mỉm cười đáp lại trong lúc những người vừa khiêng cáng lên núi chuyển nó cho sáu du kích quân võ trang khác đang chờ sẵn để mang anh xuống thung lũng đi sang đất Tàu. Khi Đào VănLật chìa tay chào từ giã, Joseph bắt bằng cả hai bàn tay của mình và niềm nở cảm ơn. Lật nói đậm âm:

- Đại úy Sherman ạ, tôi hy vọng tới ngày giải phóng chúng mình lại gặp nhau nữa.

Vẫn áp bàn tay người An Nam trong tay mình Joseph ngập ngừng hỏi:

- Anh Lật ạ, thuở đó, lúc chúng ta gặp nhau, anh cùng đi với quan sứ thần ở Sài Gòn, anh còn nhớ không?

Lật gật đầu:

- Làm sao quên được. Ông ấy là anh rể của tôi.

Joseph cố giữ cho giọng mình như thể buột miệng mà nói:

- Anh có biết hiện nay Monsieur Trần VănHiếu và gia đình ông ấy ra sao không? Trong lần ghé lại trước đây, tôi có gặp hai con trai của ông ấy và Lan, cô con út.

- Trần VănKim hiện là thành viên xuất sắc của Việt Minh. Cậu ấy đang hoạt động chìm ở Phúc Yên, phía nam nơi này.

Joseph gợi thêm:

- Còn Tâm và Lan, cả hai ra sao?

Lật nhún vai, mắt nhìn xuống đất, bối rối:

- Đại úy ạ, tôi e mình chẳng biết gì về hai anh em ấy. Đã nhiều năm nay tôi không liên lạc gì với chị tôi và các cháu - cả đồng chí Kim cũng thế. Thời gian này thật khó khăn cho tất cả chúng tôi.

Joseph lẹ làng gật đầu:

- Hiển nhiên là vậy, tôi biết.

Tới lượt Hồ Chí Minh cầm tay Joseph và nói:

- Đại úy ạ, khi anh đã an toàn về tới Côn Minh, xin vui lòng trình bày với các sĩ quan cao cấp rằng Hoa Kỳ đang có tại vùng rừng núi Bắc kỳ những đồng minh sẵn sàng tiếp tay với mình. Việt Minh rất hân hạnh sát cánh với người Mỹ để đánh bọn Nhật. Bằng việc phá hoại các đường tiếp liệu và các kho vũ khí, ta sẽ đạt được rất nhiều

kết quả tốt.

Joseph vừa siết chặt bàn tay người An Nam vừa hứa:

- Tôi sẽ trình lên cấp trên. Họ sẽ biết ơn những gì ông đã làm cho tôi.

Trên khuôn mặt của Hồ Chí Minh toả sáng một nụ cười triu mến và chân tình:

- Chúng tôi giúp bất cứ phi công nào lỡ bị bắn hạ trong vùng rừng núi này và quý vị có thể trông cậy vào chúng tôi. Anh là vị khách Mỹ đầu tiên nên anh luôn luôn chiếm một vị trí đặc biệt trong lòng chúng tôi. Tại Côn Minh, nếu người của Nước Pháp Tự Do hoặc của Tưởng Giới Thạch vẫn cứ tiếp tục ngoan cố qui kết chúng tôi là cộng sản bôn-sê-vich, xin anh chớ bao giờ tin vào lời của họ. Xin anh vui lòng nói với họ rằng Việt Minh là một liên minh của những người yêu nước, lập ra cách đây tám năm, từng được Trung Hoa Quốc Dân Đảng công nhận. Và Việt Nam của chúng tôi hôm nay cũng y hệt Hoa Kỳ của quý vị năm 1775 vậy. Đối với dân tộc chúng tôi, không có gì quý hơn độc lập tự do. Và chúng tôi hoan nghênh sự tham gia của tất cả những ai muốn chiến đấu cho độc lập và tự do của dân tộc.

Joseph hỏi, và nhìn thẳng vào mắt người An Nam ấy:

- Ông có bao giờ là người cộng sản?

Hồ Chí Minh cười thật tươi:

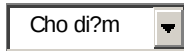
- Đại úy ạ, nếu có người nào thắc mắc về hoạt động chính trị của tôi, xin anh cứ giản dị nói với người ấy như thế này: “Đảng phái của ông ta là đất nước của ông ta, chương trình của ông ta là nền độc lập.” Dù có xảy tới điều gì đi nữa, chúng tôi vẫn tiếp tục chiến đấu cho nền độc lập - và nếu cần, con cháu chúng tôi sẽ kế tục chúng tôi chiến đấu. Chúc anh “lên đường bình an”.

Trong khi các du kích quân trầm trầm trật khiêng chiếc cáng của Joseph xuống núi, vấp chân trên những lối mòn đá lởm chởm và chênh vênh dẫn sang đất Tàu, Joseph nhắm nghiền mắt, nghiền chặt răng nhin đau.

Đoàn người khăn trương đi tới chỗ kín đáo trong rừng nơi mé dưới sườn núi. Thịnh thoảng Joseph không nín được, phải thét lên đau đớn. Khi họ xuống tới vùng cây cối rậm rạp, Joseph ngoái đầu nhìn

lui. Anh bắt gặp hình dáng lơ mờ sau cùng của người An Nam đang đứng nghiêng bóng trên bầu trời xanh ban mai đầy ánh nắng chói lọi. Joseph đưa tay lên vẫy. Ở đỉnh núi trên cao, hình dáng gầy gò ấy cũng đưa chiếc mũ cối và nâng cây gậy trúc lên quá đầu mình làm thành một cử chỉ giã biệt nhau lần cuối.

Đã xem 441785 lần.



120 Phiếu

Tiểu Thuyết

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 7 -

Tới cuối tháng Hai năm 1945, mặt ngoài lớp bột bó từ hông xuống mắt cá chân phải của Joseph chỉ chít chữ ký và những câu đùa giỡn tục tĩu. Chúng được viết nguệch ngoạc lên đó bởi các “Phi Hổ” khác cũng bị thương và cùng nằm điều trị với anh tại quân y viện của căn cứ Côn Minh. Trong số đó có cả chữ ký của thiếu tướng Claire Lee Chennault, vị tư lệnh mặt ó lừng danh của Không đoàn. Ông tạm ngưng một chút việc chạy theo kim đồng hồ chỉ huy cuộc không chiến suốt ngày suốt đêm với quân Nhật để đích thân tới thăm Joseph và nghe anh kể chuyện làm thế nào một trong các phi công tài ba nhất của ông đã từ cõi chết trở về như một phép lạ. Sau gần ba tuần lễ mất tích, đúng đêm giao thừa Tết Tây, Joseph được một chiếc xe tải ọp ẹp, không mui không ghế, chở tới thả xuống trước cổng bộ tư lệnh Không đoàn Mười Bốn. Và để làm cho chuyến trở về của Joseph tăng thêm vẻ kỳ bí, hai du kích quân tháp tùng anh từ biên giới tới đây đã âm thầm lên đi thật nhanh để bắt đầu cuộc hành trình dài về lại Bắc kỳ. Chiếc cáng nằm đó trước con mắt sững sốt của lính gác cổng. Họ hè nhau khiêng Joseph vô căn cứ. Và chuyến trở về kỳ thú của anh khiến cho cuộc liên hoan mừng năm mới của Phi đội 308 vốn âm ỉ

sẵn lại náo nhiệt thêm. Tuy vậy, bản thân Joseph lại không thể tham dự cuộc vui đó vì y sĩ không đoàn đã vội vàng bắt tay ngay vào việc khám lại anh, bó bột xương bắp đùi bị gãy và những chỗ xương nứt nơi ông quyền chưa được phát hiện trước đây.

Sáng hôm sau, khi tướng Claire trong bộ đồ bay bạc màu trận mạc và trên vai lấp lánh hai ngôi sao bạc cấp thiếu tướng, sải bước vào khu điều trị, các phi công bị thương khác vỗ tay rào rào hoan hô Joseph và hè nhau cất giọng vịt đực hát ông ông bài đồng ca triu mến: “Why Was He Born So Beautiful! - Sao Sinh Ra Hấn Tuyệt Vời Đến Thế!”

Nét mặt sẵn sù của vị tướng không quân vốn nổi tiếng là một chiến binh Mỹ lừng danh nhất tại châu Á dịu xuống thành một nụ cười hài lòng khi Joseph kể làm thế nào quân du kích An Nam che giấu anh thoát khỏi tay quân Nhật và chăm sóc anh tại một khu trên núi của họ rồi sau đó, lén lút đưa anh an toàn vượt biên giới sang đất Trung Hoa. Bằng giọng trọ trẹ đặc sệt miền nam in đậm dấu vết sinh trưởng vùng Louisiana, tướng Chennault nói rề rề:

- Chắc chắn chúng ta cần tới loại giúp đỡ ấy. Lúc này tại chiến trường Miến Điện-Ấn Độ, mạng của phi công Đồng Minh trị giá ngang với trọng lượng số vàng cân theo người anh ta. Joseph ạ, chúng tôi ai nấy đều vui sướng thấy anh trở về nguyên vẹn - và chúng tôi còn vui sướng hơn nữa khi thấy anh lại tung cánh giữa trời.

Trong khi thương tích của Joseph ngày càng thuyên giảm, bên ngoài khu điều dưỡng, tiếng gầm rú của phi cơ vận tải hạng nặng, oanh tạc cơ và chiến đấu cơ bay lên đáp xuống liên tục suốt ngày suốt đêm. Đạo quân xâm lược khổng lồ của Nhật vẫn băng ngang Trung Hoa, tiến về hướng tây, đe dọa luôn cả Côn Minh. Đồ quân nhu huyết mạch Đồng minh tiếp liệu cho binh lính Trung Hoa vẫn được chở bằng máy bay từ Ấn Độ vượt qua “Đỉnh Bướm” Hi Mã Lạp Sơn để xuyên thủng vòng vây phong tỏa của quân thù.

Trên chiến trường châu Âu, các đạo quân Anh Mỹ và Nga từ hai cánh tây và đông tràn vào nước Đức không chút xót thương. Có vẻ cuộc xung đột toàn cầu đang đi tới giai đoạn cực điểm của nó.

Joseph ngạc nhiên thấy mình không còn cảm thấy nôn nóng muốn

được ra trận lần nữa như trước đây anh thường cảm thấy. Anh nhận ra rằng sau lần có cảm giác mình chắc chắn sẽ chết ấy nay anh đang cân nhắc một cơ hội nào đó để bảo đảm mình sống sót. Hình ảnh những ngày chung đụng với quân du kích An Nam chôn vùi trong tâm tư Joseph và kéo trí óc anh về lại những thoáng gặp gỡ thuở nào với xứ sở ấy. Với lòng cảm mến không nguôi anh vẫn nhớ tới vị lãnh tụ du kích bí hiểm, kẻ đã tỏ ra tận tình săn sóc anh tại Pắc Bó. Nhưng khi một y công đưa vào cho Joseph mảnh giấy nhỏ trên đó người viết ghi ngắn gọn là xin được tới thăm anh hôm nay, vào tuần lễ đầu tháng Ba này, anh nhướng mắt nhìn chăm chặp chữ ký và phân vân.

Joseph xem xét nét chữ loằng ngoằng như con nhện trên mảnh giấy màu lục làm bằng bột dó rồi nhúu mày nhìn người y công, dò hỏi:

- C.M. Hoo? Tôi không quen người nào có tên này. Ai đưa anh mảnh giấy này vậy?

Anh y công nhún vai:

- Một ông Tàu lớn tuổi. Trông lão giống một loại hành khát nào đó. Lão nói chúc anh mau lành mạnh và kể là lão từng gặp anh một lần ở một chỗ nào đó. Lão nói tên chỗ đó bằng tiếng Tàu nhưng tôi không nhại lại nổi.

- Tốt nhất là anh đưa ông ta vào đây.

Joseph nói hờ hững. Nhưng một phút sau đó, anh giật nảy người trên giường khi thấy một hình dáng quen thuộc trong bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ cối móp méo, đang nghiêng mình chống gậy trúc đi khập khểnh xuống khu điều dưỡng. Khi người An Nam ấy bắt tay Joseph, ông cười hóm hỉnh:

- Thật mừng khi thấy ở đây anh được chữa trị tốt hơn ở Pắc Bó rất nhiều, đại úy Sherman ạ. Tôi hy vọng lúc này anh sắp lành hẳn.

Joseph nhìn ông, không tin nổi mắt mình. Anh nói:

- Tôi không nhận ra cái tên ông ghi trên tờ nhắn.

- À, đúng rồi, tôi viết tên mình theo lối người Mỹ thích viết - ghi tắt tên và để nguyên họ, có thêm một chữ o. Tôi quên lửng anh là người rất quen thuộc các lễ thói phương đông.

- Nhưng ông Hồ ạ, ông đang làm gì ở Côn Minh này vậy?

Trước vẻ mặt băn khoăn của Joseph, người An Nam tiếp tục mỉm

cười:

- Đại úy ạ, đối với Côn Minh tôi không phải là người lạ. Vì ở gần biên giới Bắc kỳ nên “Thành phố mùa xuân bất tận” này suốt nhiều năm nay thường được người theo chủ nghĩa dân tộc của nước tôi dùng làm nơi lưu vong tị nạn.

- Và ông sang đây tị nạn sao?

Người An Nam lúc lắc đầu, mặt vẫn cười tươi rói:

- Không. Thỉnh thoảng tôi tới đây để tìm hiểu những gì xảy ra trên các vùng đất còn lại của thế giới. Tôi thích đọc các số báo Time cũ, một tạp chí xuất sắc của quý vị, tại phòng đọc sách của Cơ quan Thông tin Chiến sự Hoa Kỳ - nhờ đọc chúng, tôi cập nhật hoá được tin tức.

- Và làm thế nào ông tới được đây?

- Tôi đi bộ qua biên giới tới Tỉnh Tây.

Miêng Joseph há hốc:

- Nhưng đoạn đường đó dài ít ra cũng ba trăm hai chục cây số!

Người An Nam nói giản dị:

- Đúng đấy, có thể hơn nữa. Nó làm tôi đi mất hai tuần lễ. Chân tôi bây giờ hơi sưng nhưng tôi đã quen đi bộ lúc bị tù ở Trung Hoa rồi.

Joseph phản bác:

- Có điều ông không đi hết quãng đường xa xôi như thế chỉ để đọc các số báo Time cũ.

Đôi mắt đen sồi nổi đang nhìn người Mỹ bỗng lấp lánh hơn, Hồ Chí Minh gật đầu đồng ý:

- Đại úy ạ, dĩ nhiên anh có lý. Tôi tới đây để hiến cho tướng Chennault những công tác Việt Minh làm được. Tôi nghĩ rằng chúng tôi có khả năng cứu thoát thêm nhiều phi công nếu chúng tôi có vũ khí tốt hơn và vài ba chiếc máy truyền tin, nhưng Cục Công Tác Chiến Lược OSS của quý vị tỏ ra không quan tâm. Họ nói rằng không thể trao vũ khí cho chúng tôi trong tình trạng chúng tôi dùng chúng để đánh Pháp, một đồng minh của quý quốc tại châu Âu. Họ sẽ không cho tôi, dù chỉ một khẩu súng lục Colt .45 thôi - và cũng không để cho tôi tiếp xúc với thiếu tướng của anh.

- Ông không nói cho họ biết là ông từng cứu thoát một phi công

Mỹ sao?

Người An Nam gật đầu:

- Tôi có nói nhưng tôi nghĩ là họ không tin.

Hồ Chí Minh vẩy vẩy bàn tay bắt mỡ lên bộ quần áo lấm lem bụi đường của mình và mỉm cười rầu rĩ:

- Có lẽ anh không nên trách họ. Ngó tôi như thể tự cứu thân mình còn không xong làm sao cứu nổi ai.

Khi Joseph phá lên cười và người An Nam cười theo. Sự chân chất duyên dáng của ông làm dâng tràn trong lòng người Mỹ một niềm mến cảm mới. Hồ Chí Minh tiếp tục nói, mắt vẫn lấp lánh:

- Anh thấy đó, đầu óc của các viên chức OSS đầy đầy thành kiến rằng có thể chúng tôi là cộng sản. Họ chỉ nghe lời của Tưởng Giới Thạch và đám tình báo của Nước Pháp Tự Do. Không phải chính tôi đã từng cảnh giác anh về điều đó sao?

- Rồi ông nói với họ như thế nào?

- Tôi nói rằng người Pháp thích kết án cộng sản hết thảy những ai muốn Đông Dương được độc lập. Và vì Tưởng Giới Thạch đang bỏ công chống Mao Trạch Đông nhiều hơn chống bọn Nhật nên ông ta cũng nóng vội kết án Việt Minh là cộng sản.

Joseph buột miệng nói:

- Tôi sẽ đích thân trình lên tướng Chennault. Tôi có kể với ông ấy về những gì người của ông đã làm cho tôi. Lời ông yêu cầu gặp tướng Chennault có thể sẽ không bao giờ lọt qua các sĩ quan phụ tá của ông ấy.

Hồ Chí Minh cau mày, đặt bàn tay mình lên cánh tay Joseph. Ông nói với vẻ can ngăn:

- Xin anh đừng vì tôi mà rước rắc rối vô mình. Anh phải nghỉ ngơi tĩnh dưỡng. Tôi tới đây không phải để làm rộn anh.

Joseph vỗ vỗ bàn tay người An Nam và mỉm cười quả quyết:

- Sau những gì ông đã làm cho tôi, đối với tôi chẳng còn gì gọi là rắc rối nữa.

Hồ Chí Minh nói thật gấp:

- Nếu có được một cuộc gặp gỡ như vậy với thiếu tướng hẳn tôi sẽ rất sung sướng khi nhận được một vật kỷ niệm giản dị của ông ấy. Tôi nghe nói thiếu tướng có dành sẵn các bức ảnh chân dung in

trên giấy láng dùng để tặng cho những ai ngưỡng mộ tài năng lãnh đạo của ông ấy. Tôi thật rất biết ơn nếu anh có thể thuyết phục được thiếu tướng ký tặng tôi một tấm.

Joseph cười lớn:

- Một tấm ảnh giấy láng là cái hết sức tối thiểu ông sẽ nhận được, ông Hồ ạ. Tôi xin hứa như vậy. Riêng cá nhân tôi, như một lời cảm tạ, tôi sẽ kiếm cho ông vài khẩu Colt .45 với một hai thùng đạn.

Thêm nữa, tôi nghĩ tướng Chennault sẽ đồng ý gặp ông khi tôi trình lên ông ấy rằng ông là ai và cả những việc ông đang làm. Ông còn ở Côn Minh bao lâu nữa?

- Một hoặc hai tuần. Tôi thuê phòng nhỏ bên trên một tiệm làm đèn cầy.

- Vậy tuần sau, xin ông trở lại đây gặp tôi.

Người An Nam đứng lên và mặt bỗng lộ vẻ nghĩ ngợi:

- Cảm ơn đại úy... Thật vui mừng hết sức về những khẩu Colt .45 đại úy vừa nói tới. Đặc biệt nếu anh có thể cho tôi tiếp nhận loại súng chưa hề khai ra, còn trong vỏ và nguyên xi bao bì. Giờ đây tôi phải đi trước khi làm anh thấm mệt vì trò chuyện quá nhiều.

Hồ Chí Minh bắt tay Joseph thật chặt và dợm chân đi thẳng.

Nhưng rồi ông tần ngần quay mình lại, mở nút một trong những túi áo ka-ki bạc màu. Bộ mặt nhăn nheo của ông thoáng một nụ cười ngượng ngịu:

- Đại úy Sherman, xin anh đừng chấp lão già đa cảm này nếu tới lượt mình đến đáp lòng tử tế của anh, già xin tặng anh một bài thơ mọn già vừa làm.

Hồ Chí Minh đưa về phía người Mỹ một tờ giấy dó màu lục gấp làm tư. Xúc động trước cử chỉ đó, Joseph trả lời:

- Tôi rất sung sướng tiếp nhận. Ở Pắc Bó, anh Đào VănLật có đọc cho tôi nghe mấy bài thơ của ông. Lúc đó, tôi rất ngưỡng mộ.

- Tôi làm bài thơ này trên đường băng núi đi bộ từ Bắc kỳ sang đây. Trong khi làm, tôi nghĩ tới anh và cầu mong anh chóng bình phục. Trong chiếc máy bay lâm nạn, anh đã kề cận cái chết và anh sống sót. Điều đó làm tôi nhớ lại bản thân mình cũng từng thoát khỏi bàn tay của tử thần - tôi gần như sắp lìa đời lúc ở trong nhà ngục tại Trung Hoa.

Joseph mở tờ giấy, thấy bài thơ có tám câu, viết với nét chữ loảng ngoảng như chân nhện từng được anh xem xét trong tờ nhắt lúc nãy. Bài thơ ghi bằng tiếng Anh, và rõ ràng được dịch từ một nguyên bản chữ nho. Anh đọc thấy:

TRỜI HÙNG

*Sự vật vẫn xoay đà định sẵn:
Hết mưa là nắng hừng lên thôi;
Đất trời một thoáng thu màn ướt,
Sông núi muôn trùng trái gấm phơi;
Trời ấm, hoa cười chào gió nhẹ,
Cây cao, chim hót rộn cảnh tươi,
Người cùng vạn vật đều phơi phới:
Hết khổ là vui, vốn lẽ đời.*

[Nguyên văn phiên âm ra Việt-Hán:

TÌNH THIÊN

*Sự vật tuần hoàn nguyên hữu định,
Vũ thiên chi hậu tất tình thiên;
Phiến thời vũ trụ giải lâm phục,
Vạn lý sơn hà sái cảm chiên;
Nhật noãn phong thanh hoa đới tiếu,
Thụ cao chi nhuận điều tranh ngôn;
Nhân hoà vạn vật đô hưng phấn,
Khổ tận cam lai lý tự nhiên.]*

Xúc động vì tính lạc quan mộc mạc của bài thơ, mắt Joseph rời trang giấy ngược lên định cảm ơn kẻ sáng tác. Nhưng người An Nam ấy đang khập khểnh đi ra khỏi khu điều dưỡng. Dù mắt Joseph vẫn mãi miết ngó theo Hồ Chí Minh suốt quãng đường dẫn ra tới cổng, ông đi thẳng không ngoái đầu nhìn lui.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 8 -

Vị khách xuất hiện kế tiếp bên giường bệnh của Joseph năm ngày sau là người anh chưa từng quen biết, một đại tá tóc đỏ tuổi mới ngoài bốn mươi. Ông cho quây quanh giường bệnh một vòng bình phong che chắn cẩn mật rồi đưa mắt nửa đùa nửa thật, ngó chăm chăm những lần mực nguệch ngoạc trên lớp bột bó chân Joseph.

Sau khi ngó đã đời, ông nhăn nhó cười gằn và chìa bàn tay:

- Đại úy này, khi cái chân khỏi hẳn, anh nên giữ lại phần bó bột này, đưa cho viện bảo tàng quân đội. Nó là bằng chứng tuyệt vời giúp các thế hệ mai sau biết rõ những ám ảnh tình dục của người lính Mỹ bình thường trong thế kỷ hai mươi. Tôi là đại tá John Trench. Anh không biết tôi, còn tôi, tôi biết nhiều về anh - hầu hết qua ông bạn già người An Nam của anh. Ông ta nói với tôi rằng ông đã thật sự lết từ Bắc kỳ tới đây bằng cả hai chân lẫn hai tay.

Joseph cười thú vị:

- Đại tá gặp ông ấy ở đâu vậy?

- Kẻ thích tự xưng là C.M. Hoo đó mấy tháng nay thường lui tới phòng đọc sách của Cơ Quan Thông Tin Chiến Sự. Mãi cho tới lúc tướng Chennault chuyển cho tôi mảnh giấy của anh viết về ông ta, chúng tôi vẫn thường đem chuyện ông ra đùa giỡn, cho rằng ông là một thứ người An Nam quái đản cứ thích vẽ vời nói đi nói lại chuyện cứu phi công Mỹ nơi rừng sâu núi thẳm. Nhưng khi bọn Nhật thành linh phong tỏa Đông Dương, ngay sau hôm chúng tôi thấy mảnh giấy của anh, chúng tôi lật đật chạy tới tiệm làm đèn cầy được anh ghi trong giấy. Và chúng tôi trò chuyện với ông ta rất lâu.

Ngừng một chút, viên đại tá nhướn cặp lông mày dò hỏi:

- Đại úy có theo dõi tin tức không?

Joseph gật đầu. Suốt ba ngày nay, các bản tin loan qua đài phát thanh đều tường thuật đầy đủ chi tiết việc Nhật bắt thần đảo chánh

Pháp tại Đông Dương. Vào ngày 9 tháng Ba, lực lượng Nhật gồm sáu mươi ngàn lính thiện chiến tấn công các binh đoàn thuộc địa có quân số tổng cộng chỉ bằng một nửa. Tất cả các cơ sở chính quyền, đài phát thanh, xưởng máy và ngân hàng đều bị chiếm đóng. Quân Pháp tại Sài Gòn, Huế và Hà Nội có kháng cự lẻ tẻ nhưng bị dập tắt ngay. Hết thầy binh lính Pháp, sĩ quan và hàng trăm công chức cao cấp đều bị nhốt trong các doanh trại và các trại tập trung đặc biệt. Vài đơn vị Pháp bỏ trốn. Và theo các bản tin mới nhất, phần đoạn hậu của các đơn vị ấy vẫn chống trả vô vọng với quân Nhật trên đường rút sang Lào.

Joseph hỏi:

- Đại tá nghĩ lý do nào khiến Tokyo đột nhiên trở mặt với Pháp lẽ như vậy?

- Chưa biết ra sao nhưng theo tôi, có vẻ như thể bọn Nhật nghĩ rằng lúc này Chú Sam sẵn sàng đổ bộ vào bất cứ lúc nào lên bờ biển Đông Dương dài trên ba ngàn hai trăm cây số. Có lẽ bọn Nhật cho rằng người Pháp cũng đang sẵn sàng đá vào đít chúng.

- Và cái gì gợi cho họ có ý tưởng đó?

Viên đại tá lại nhăn mặt cười, tỏ dấu hoài nghi:

- Sau năm năm hợp tác chặt chẽ với bọn lùn da vàng, nay người Pháp khá nóng ruột. Họ muốn quất roi ngựa để tỏ ra rằng từ đầu chí cuối họ vẫn là kẻ trung thành và ủng hộ Nước Pháp Tự Do của De Gaulle. Kể từ lúc Paris được giải phóng, khắp Đông Dương họ dán hình De Gaulle lên vách tường và vẽ lung tung các khẩu hiệu ủng hộ Nước Pháp Tự Do trên mọi đường phố.

- Nhưng phải chăng chúng ta đang có dự tính đổ bộ lên Đông Dương?

Trong một chốc viên đại tá đưa mắt ngó xuyên qua các tấm bình phong quây chung quanh giường bệnh rồi thấp giọng:

- Đại úy ạ, nếu nước Mỹ có tính tới chuyện đó thì cũng chẳng ai bỏ công nói cho tôi hoặc cho bất cứ nhân viên nào trong bộ phận Tình báo Đặc Biệt ở Côn Minh này biết.

Ông lại toét miệng cười với Joseph khi buột miệng nhắc tới Cục Công tác Chiến lược OSS (Office of Strategic Services). Là phi công, Joseph biết rất ít về vai trò của OSS tại Trung Hoa. Anh cho

rằng các phái viên cải trang của OSS đang tổ chức những toán kháng chiến tại bất cứ địa điểm nào có thể, ở đằng sau phòng tuyến của Nhật, đúng theo loại hoạt động thông thường của OSS. Và ngoài những công tác ấy, các hoạt động khác của cơ quan đó được bảo mật tối đa.

Joseph vừa nói vừa thăm dò thật kỹ vẻ mặt của viên đại tá tình báo:

- Ông Hồ có nói với tôi rằng OSS không để ý mấy chút tới ông ấy hoặc tới Đông Dương. Ông ấy nói rằng quý vị quá bận khoản về những liên hệ có thể dính dáng tới cộng sản - và quý vị không cứu xét việc đưa vũ khí hoặc đồ thiết bị cho nhóm của ông ấy vì ngại rằng họ sẽ dùng chúng để chống lại người Pháp, đồng minh của chúng ta.

Trench gật đầu:

- Đúng vậy đó đại úy, nhưng chỉ đúng cách đây một tuần thôi.
- Vậy cái gì làm quý vị đổi ý?
- Cuộc đảo chánh của Nhật ở Đông Dương! Nguồn tin tình báo chìm đang dò dào bỗng tắt tịt như có tay ai khoá vòi nước. Thành linh chúng tôi chẳng nhận được chút tin tức nào về những gì mình cần biết như mục tiêu dội bom, căn cứ phòng không, những vụ chuyển quân... Với hơn sáu chục ngàn lính Nhật đang trụ chân sau, chòm người tới trước trong tư thế ứng chiến ở đồng bằng châu thổ thì điểm nổi bật lúc này là mạn ngược thượng du. Ngày nào cũng phải tăng thêm các cuộc oanh kích, và giờ đây bộ chỉ huy OSS ở Trùng Khánh ra mệnh lệnh ưu tiên số một: “Hãy thiết lập lệ lên một loại hệ thống tình báo khốn kiếp nào đó ở miệt dưới đó.” Vì thế chúng tôi tuyển mộ ông Hoo bạn anh làm một trong các cụm tiêu tổ tình báo của chúng ta. Mã danh công tác của ông ta là “Lucius”. Tối nay, chúng tôi sẽ cho máy bay chở ông ta về biên giới với một máy truyền tin thu phát hai chiều và một chuyên viên điện đài người Mỹ gốc Hoa. Nếu ông ta có một tổ chức chính trị gồm mấy trăm người rải khắp Bắc kỳ như anh nói và biết điều động hợp lý, hẳn ông ta có khả năng cung cấp những tin tức tình báo chúng ta đang cần.

Cười thật tươi, viên đại tá đột nhiên từ người vào thành giường bệnh, đưa ngón tay trở gồ nhẹ nhẹ lên ngực Joseph:

- Và đó chính là địa điểm đại úy Joseph T. Sherman, cựu phi công Không đoàn Mười Bốn Hoa Kỳ, sẽ được biệt phái tới - để giúp xử lý công tác. Cho tới khi ông già An Nam ấy mở mắt cho chúng tôi, không ai ở đây nhận ra rằng chúng ta đang sử dụng một người am hiểu lịch sử Á Đông, thông thạo cả tiếng Pháp lẫn tiếng Tàu để làm phi công đội bom và nã súng vào bọn Nhật. Rồi khi đọc lý lịch của anh và biết ra rằng anh có xuất bản một cuốn sách mỏng về người An Nam, tôi vội vàng chạy tới gặp Đại Bàng của Phi Hồ để xốt anh cho các chiến dịch của OSS tại Đông Dương. Ông ấy giao tôi quyền thuyết phục anh cho tới khi nào anh gật đầu thì thôi. Anh nói gì, đại úy?

Joseph cảm thấy hốt nhiên ở đâu đó sâu trong lòng mình vang lên rộn ràng những tiếng đập háo hức:

- Thừa đại tá, chính xác ông muốn đề nghị tôi làm loại công tác nào?

- Bắt đầu với việc tiến hành nghiên cứu và phân tích tin tức dự trữ tại Côn Minh. Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ thả người nhảy dù xuống Bắc kỳ.

Ngừng nói, ông gật gật đầu nhìn xuống chỗ chân bó bột của Joseph:

- Khi anh bỏ hẳn được cái bộ sưu tập loãng ngoảnh những nét vẽ này, có thể chúng tôi sẽ phái anh tới đó với một toán đầy đủ nhân viên để anh vùng vẫy ngang dọc khắp chôn núi cao rừng sâu đó. Có thể là tổ chức huấn luyện và phá hoại kiểu biệt kích. Ông bạn già An Nam của anh ca ngợi anh hết lời. Ông ta coi anh là Người Số Một và nói sẽ rất vui mừng được sớm nghênh đón anh ở chôn đồi núi đó. Anh thấy việc đó có hấp dẫn không?

Joseph bật cười, đáp lại:

- Ăn đạn dưới đất có thể là một thay đổi đáng hoan nghênh hơn ăn đạn trên trời, lúc này tôi chỉ nghĩ thế thôi.

Đại tá Trench cười theo, vỗ vai Joseph:

- Tốt. Anh có thể chống nạng đi tập tễnh được rồi phải không?

Trước lúc ông Hoo lên đường, tôi có sắp xếp cho anh đi với ông ta chiều nay đến gặp thiếu tướng. Tôi cũng sẽ có mặt tại đó.

Trong khi viên đại tá OSS khởi sự dọn dẹp các tấm bình phong

chung quanh giường bệnh, Joseph nói thật lẹ:

- Tôi có một điều kiện tối hậu.

- Điều kiện gì?

- Tôi cần nửa tá súng Colt .45 còn nguyên xi trong bao bì với một hoặc hai thùng đạn - và cần ngay hôm nay.

Cặp lông mày của Trench nhướng nhướng trêu chọc:

- Đại úy ạ, chuyện vùng vẫy dọc ngang là để cho về sau. Người trong tình trạng như anh lúc này muốn ba cái thứ đó để làm gì chứ?

- Tôi muốn làm quà tặng cho ông Hồ bạn già của chúng ta - như một loại đền đáp riêng tư của Phi đội 308.

Với vẻ mặt cực kỳ trầm trọng Trench làm bộ cứ xét lời thỉnh cầu của Joseph rồi nói:

- Thôi đành vậy, đại úy, tôi thua anh. Nhưng về phần anh, anh phải ra sức bảo đảm rằng trước khi cuộc chiến này chấm dứt, sáu khẩu Colt đó đáng giá với công tác của OSS.

Chiều hôm đó cả ba người bị giữ ngồi chờ bên ngoài phòng làm việc của tướng Chennault nửa tiếng đồng hồ trong lúc các sĩ quan Mỹ và Hoa với vẻ mặt khẩn trương, tất bật ra vào hội ý cấp tốc với vị tư lệnh của mình. Nơi phòng khách, người An Nam chào hỏi Joseph bằng cái bắt tay nồng nhiệt và nụ cười rạng rỡ như thường lệ. Joseph để ý thấy vào dịp này chiếc áo bốn túi bạc màu của ông được mạng và ủi thẳng nếp. Đại tá Trench khi vào có xách theo một xác-cốt kéo phéc-mơ-tuya lên kín miệng. Ông nháy nhó làm bộ làm tịch về hướng Joseph rồi đặt xác-cốt xuống sát chân ghế mình ngồi.

Dù vách tường thuộc loại cách âm người ngồi trong phòng vẫn nghe vọng vào tiếng gầm rú của máy bay cất cánh và hạ cánh nơi phi đạo bên ngoài. Cuối cùng, cả ba được đưa vào văn phòng của Chennault. Họ thấy vị tướng tư lệnh đang ngồi làm việc đằng sau chiếc bàn to tướng với giấy má bề bộn trên mặt bàn. Sát bức vách sau lưng ông, cắm lá cờ Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ. Mé trên túi áo ngực bên trái của chiếc áo khoác nhà binh lấp lánh ba dây tua huy chương sáng loáng.

Chennault lập tức đứng dậy, chìa bàn tay chào đón người An Nam, và nói nhã nhặn:

- Mừng được gặp ông, ông Hoo ạ. Đây là cơ hội cho tôi được nói lời cảm ơn cách riêng của mình về việc cứu thoát một trong các phi công xuất sắc nhất của tôi.

Trên bộ mặt khoằm khoằm của vị tướng nhá lên một nụ cười.

Nhưng thái độ của ông vẫn trầm ngâm như thể tâm trí đang phân vân cân nhắc làm cách nào mưu trí nhất để sử dụng số nhân sự, súng ống và đồ tiếp liệu hữu hạn trong tay mình mà đánh bại quân Nhật.

Người An Nam nghiêng đầu đầy vẻ tôn kính:

- Thưa thiếu tướng, chính tôi mới là kẻ được đặc ân cực độ. Chưa bao giờ tôi dám có ý nghĩ rằng mình có đủ may mắn được bắt tay một chiến binh Hoa Kỳ lừng danh như thế này. Tôi ngưỡng mộ thiếu tướng từ nhiều năm nay, ngay từ thuở số lượng các “Phi Hổ” tình nguyện chưa được bao nhiêu người, ông đã cùng họ dũng cảm đánh đuổi các oanh tạc cơ của Nhật ra khỏi bầu trời đầy mây đen vần vũ trên các thành phố Trung Hoa.

Lời nói tiếng Anh văn vẻ không ngờ của vị khách mặc quần áo tòi tàn và sự nồng ấm chân tình trong lời lẽ của khách lập tức khiến bộ mặt của vị tướng Mỹ bừng nở thật tươi một nụ cười thú vị và khoáng đạt. Ông lật đặt kéo ghế, ra đứng hẳn một bên bàn giấy và trả lời một cách sáng khoái:

- Thưa ông, tôi xin cảm ơn lời khen ngợi đầy thiện ý của ông. Tôi ngạc nhiên khi thấy nơi xứ sở của ông lại có người biết tới những chuyện như thế.

Liếc thật lẹ tấm bản đồ Trung Hoa và Đông Nam Á trên vách phía sau người Mỹ, Hồ Chí Minh nhìn thẳng vào mắt vị tướng, miệng mỉm cười:

- Thưa thiếu tướng, hầu như khắp Á Đông không ai không nghe nói tới một con người đã và đang chứng tỏ mình là trở ngại độc nhất và lớn nhất cho cuộc xâm lăng Trung Hoa của bọn Nhật. Nay gặp thiếu tướng tôi mới hiểu tại sao một số phi công dưới quyền ông đã nói về ông như là “kẻ thân cận nhất của Chúa mà tới nay người ta mới biết.”

Mọi người Mỹ có mặt đều bật cười hể hả và thân thiện trước việc Hồ Chí Minh sử dụng tinh tế tiếng mẹ đẻ của họ. Và khi một nữ

thư ký xinh đẹp trong bộ quân phục ka-ki bung vào các tách trà có đầy nắp theo kiểu Tàu, cả chủ lẫn khách cùng ngồi xuống, trò chuyện bông đùa tỏ mở về việc cứu thoát Joseph và chuyển trở về Côn Minh đầy kinh ngạc của anh.

Họ cũng đề cập tới khả năng giải cứu phi công trong tương lai.

Nhưng người An Nam giữ đúng lời khuyên cáo của đại tá Trench, thận trọng né tránh những ngõ ngách có thể dẫn tới việc thảo luận về chính trị. Khi viên đại tá OSS thấy Chennault liếc đồng hồ, ông liền đứng dậy tỏ dấu rằng đã tới lúc từ giã.

Thêm lần nữa Hồ Chí Minh mỉm cười duyên dáng và nói:

- Thưa thiếu tướng, tôi xin hạ mình cảm ơn ông đã bỏ chút thì giờ tiếp kiến tôi. Nhưng trước khi ra về liệu tôi có thể xin ông một chút đặc ân không ạ?

Chennault nôn nóng ngó xấp giấy tờ thư ký vừa đặt lên bàn trước mặt ông và lơ đãng gật đầu. Hồ Chí Minh nói thêm thật nhanh:

- Thưa thiếu tướng, đây chỉ là lời thỉnh cầu có vẻ như của một học sinh đang trên ghế nhà trường. Nhưng tôi muốn có một vật kỷ niệm lần được diện kiến ông hôm nay. Khi kể lại với kẻ khác việc mình từng gặp người Mỹ đã xây dựng Phi Hồ thành một lực lượng không quân vũ bão và hiện đại, tôi muốn mình có thể trưng ra cho họ thấy một tấm ảnh của thiếu tướng.

Chennault mỉm cười nhẹ nhõm với một chút ngượng ngịu. Ông ra hiệu thư ký mang tới chiếc cặp hồ sơ trong đó đựng một xấp ảnh giấy láng. Khi cầm tấm ảnh từ nữ thư ký trao, Hồ Chí Minh bước tới bàn giấy, đặt tấm ảnh lên tờ giấy thấm:

- Và thưa thiếu tướng, nếu ông vui lòng ký tặng thì thật hân hạnh gấp bội cho tôi.

Chennault mở nắp bút máy, viết nguệch ngoạc ngay phía dưới tấm ảnh: “Người bạn chân thành - Claire L. Chennault”, và trao lại cho người An Nam. Xong, ông nói với giọng dứt điểm:

- Ông Hoo ạ, nắm vững công tác nhé.

Khi các vị khách theo nhau chưa bước ra khỏi văn phòng, ông đã quay trở lại với đồng hồ sơ của mình.

Ở phòng đợi bên ngoài, Joseph trao chiếc xác-cốt đựng sáu khẩu Colt .45 và một ngàn viên đạn cho Hồ Chí Minh. Bộ mặt của

người An Nam sáng lên rạng rỡ với vẻ biết ơn. Ông siết chặt tay Joseph bằng cả hai bàn tay mình và nói:

- Đại úy Sherman ạ, anh trả cho tôi gấp bao nhiêu lần cái việc nhỏ nhoi tôi đã làm cho anh. Đại tá Trench có nói với tôi rằng tôi có thể hi vọng một ngày nào đó sẽ được gặp lại anh khi anh hoàn toàn bình phục. Tôi vô cùng sung sướng trông mong mau tới ngày ấy. Hai giờ sau, chiếc máy bay chuồn chuồn nhỏ L-5, loại có thể đáp xuống chỗ đất trống và hẹp trong rừng, cất cánh rời Côn Minh bay về phương nam, vượt qua vùng đồi vòng đai xanh của thành phố Tĩnh Tây, mang theo “C.M Hoo”, một máy truyền tin hai chiều của OSS và một kỹ thuật viên điện đài người Mỹ gốc Hoa.

Khi máy bay vừa đáp xuống, cả hai hành khách liền thay quần áo kiểu dân Nùng sơn cước, giả dạng làm kẻ buôn lậu vùng biên giới và lao mình vào cơn mưa, lội bộ xuyên qua bóng đêm tìm đường về Bắc kỳ. Người Mỹ gốc Hoa đeo chiếc ba lô to tương chứa cơ phận máy truyền tin, còn người An Nam gầy gò tự mình vác xác-cốt đựng những chiến lợi phẩm quý báu, biểu hiện cho sự sở đắc đầy mưu trí lập trường ủng hộ của Hoa Kỳ: mấy khẩu súng lục còn nguyên si trong bao và tấm ảnh có chữ ký của Chennault.

Vì kể từ ngày đảo chánh, Tokyo đặt các sư đoàn Nhật tại Đông Dương trong tình trạng báo động biên phòng suốt ngày suốt đêm nên cả hai buộc lòng đêm đi ngày núp, làm chuyến trở về Pắc Bó phải mất gần hai tuần lễ. Nhưng kể từ khi đặt xong máy truyền tin, những tin tức tình báo nhanh nhạy và chính xác về các mục tiêu quân sự và các cuộc chuyển quân của Nhật bắt đầu được chuyển dồi dào về Côn Minh và được mau lẹ phân phối cho các đồng minh của Mỹ.

Hai tháng sau, đại úy Joseph Sherman hoàn toàn bình phục. Vào lúc anh được chính thức chuyển từ Phi đội 308 sang văn phòng của bộ chỉ huy OSS tại Côn Minh, các máy truyền tin, vũ khí và đồ tiếp liệu được thả dù đều đặn xuống rừng già Bắc kỳ. Đồng thời phái viên người An Nam, mã danh “Lucius”, kẻ tự xưng là Hồ Chí Minh, trở thành đầu não của một trong những mạng lưới tình báo quân sự hữu hiệu nhất của Mỹ tại Á Đông.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 9 -

Qua khung cửa sổ bên hông chiếc máy bay chuồn chuồn nhỏ bé một động cơ, trung úy David Hawke chăm chú nhìn theo tám đồng đội OSS vừa tung người ra khỏi chiếc máy bay vận tải C-46, nhảy xuống ngay bên trên các thửa ruộng bậc thang nằm theo một sườn núi vùng Bắc kỳ, cách Hà Nội khoảng một trăm ba mươi cây số hướng tây bắc. Hawke nín thở chờ cho tới lúc tám cánh dù bung đủ hết mới ngồi lại ngay ngắn, nhìn qua vai phi công, ngó thẳng vào tấm kính chắn gió khi chiếc L-5 liệng vòng.

Trước mũi máy bay hiện lên và trải dài những ngọn đồi đá vôi lởm chởm với những lũng sâu phủ một màu rừng xanh mượt. Đưa hai con mắt lo lắng nhìn thật kỹ cảnh núi rừng hoang dã cố tìm dấu hiệu của một bãi đất trống và bằng phẳng, Hawke quay sang Joseph, cười nhăn nhó và nói:

- Đại úy ạ, lúc dự dõ tôi gia nhập đơn vị này người ta nói với tôi rằng họ muốn có những chàng trai “coi thường nguy hiểm một cách có tính toán”. Nhưng nếu ông hỏi quan điểm của tôi lúc này, tôi sẽ thừa thốt rằng chồn này liều mạng có thừa nhưng tính toán mấy cũng không đủ. Nếu không chính mắt mình chứng kiến, tôi không tin nổi cái bao diêm biết bay này có thể đáp xuống đó không bị sút mẻ chút nào, rồi lại có thể cất cánh bay về.

Joseph cười mỉm. Anh đang quan sát các thùng chứa súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, các-bin, súng phóng lựu được tống ra khỏi cửa chiếc C-46 bay đằng sau và rơi thẳng xuống đất.

- Đừng lo Dave. Người của Không đoàn Mười Bốn có nhắm mắt cũng vô ra lên xuống chồn này như đi dạo mát.

Nghe lời tán tụng ấy, viên phi công trẻ tuổi đang lái máy bay toét miệng cười trong khi ung dung lượn chiếc phi cơ nhỏ của mình bay là đà ngọn cây. Mắt anh ta nhìn chăm chú đằng trước, tìm dấu vết vạt đất trống vừa được du kích quân Việt Minh âm thầm phát

quang để làm bãi đáp.

Hôm đó là ngày sau cùng của tháng Bảy năm 1945. Đằng sau ba người, mặt trời đang xuống ngang đỉnh núi phương tây. Trong vùng rừng nhiệt đới rậm rạp bên dưới, đầu đó ẩn kín sào huyết mới của Mặt Trận Việt Minh, mục tiêu tìm đến của mười quân nhân toán đặc nhiệm Phòng Hành Quân Đặc Biệt OSS do Joseph Sherman làm trưởng toán. Với mã danh “Đoàn Hươu”, toán đặc nhiệm này phụ trách công tác huấn luyện và trang bị cho Việt Minh để đánh phá ngầm theo kiểu biệt kích các đường lộ và đường xe lửa nối liền Hà Nội với các cứ điểm quân sự của Nhật tại mạn nam Trung Hoa.

Kể từ tháng Ba năm nay, quân Đồng Minh càng ngày càng dồn Quân đội Thiên Hoàng vào thế thủ nhưng cho tới lúc này đối phương chưa có dấu hiệu sụp đổ như các đạo quân của Hitler tại châu Âu đã rút cuộc phải buông súng đầu hàng vào đầu tháng Năm vừa qua. Như thế, cuộc chiến đấu của Đồng Minh để khuất phục quân Nhật vẫn nằm trong viễn ảnh gian nan và dài ngày. Từ Nhà Trắng đã phát đi một mệnh lệnh tối thượng: “Hỗ trợ cho bất cứ ai có khả năng giúp đỡ chúng ta bắn vào bọn Nhật.”

Bên dưới máy bay bỗng lộ ra một bãi đất trống tự nhiên, tuy nhỏ nhưng đã được phát rộng, dài gần trăm rưỡi thước. Khi xác định có nhóm nhỏ quân du kích đang tụ tập ở một đầu bãi, trung úy Hawke bật ra lời thở than ngao ngán:

- Bãi đáp gì khốn nạn, không lớn hơn sân bóng chày mấy tí.

Trong lúc phi công sà cánh bắt đầu lượn vòng tìm cách đáp xuống, Hawke thở dồn dập:

- Đại úy ơi, tôi thấy thà mình nhảy dù còn sướng hơn - trong máy bay có dù không đấy?

Bộ mặt trẻ thơ của chàng thanh niên hai mươi ba tuổi tốt nghiệp khoa luật Đại học Boston hồi hộp đỏ gay. Nụ cười tự trấn an của anh ta không tương xứng với vẻ khẩn trương quá đáng đang toát ra đầy mặt. Sáu tháng sau khi hoàn tất khóa học tiếng An Nam cấp tốc của Đại học California tại Berkeley và còn đang tiếp tục theo học ở đó, Hawke được tuyển làm thông dịch viên cho OSS. Thêm lần nữa anh nôn nóng quay qua Joseph và nói:

- Đại úy có nhận ra “Lucius” trong số những người đang ra đón mình ở dưới đó không. Tôi đang căng hai con mắt chờ coi ông ta đây.
- Tôi không thấy có ông ấy. Công điện truyền tin vừa nhận được nói ông lại ngã sốt rét. Ông làm việc cật lực, sức khoẻ lại kém.
- Có phải ông già đó đúng là một câu đố bí hiểm kiểu Tàu không? Mấy tháng nay, người Mỹ nào được thả xuống làm việc chung với ông ta cũng đều ca ngợi như điên về sự “dịu dàng” và “bản tính mềm mỏng” của ông ta. Nhưng việc ông ta không để cho lính tráng Nước Pháp Tự Do lén phéng tới Bắc kỳ thì chẳng mềm mỏng chút nào. Việc áp tải trở lại biên giới một người Pháp do chúng ta phái tới và hăm dọa bắn tĩa hoặc bỏ đói bất cứ người Pháp nào lò mò sang đây, theo tôi, những hành động ấy chẳng giống chút nào tác phong của một ông già “dịu dàng”.

Joseph nói điềm tĩnh:

- David ạ, người An Nam ghét người Pháp là có lý do chính đáng. Tôi nghĩ rằng anh sẽ thấy mình dễ dàng thông cảm họ khi anh chuyện trò với “Lucius” và một số người theo ông ấy.
- Khi chiếc L-5 bay qua khỏi các ngọn cây sát mép bãi đất trồng, phi công cho nó rơi thẳng như một trái banh. Máy bay chạm mặt đất, nảy lên, lăn bánh một quãng chừng hai mươi thước rồi đứng yên. Joseph leo ra ngoài. Anh lập tức nhận ra người An Nam nhỏ thó linh hoạt với mái tóc lò xo đang lẹ làng bước hẳn ra đằng trước toán du kích quân để nghênh đón anh.

Võ Nguyên Giáp tươi cười chìa bàn tay và nói bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman, hoan nghênh anh trở lại với chúng tôi lần nữa. Chắc anh đã hoàn toàn bình phục.

Joseph trả lời, gọi Võ Nguyên Giáp bằng mã danh của OSS:

- Cảm ơn Monsieur Văn, lúc này tôi đã khá. Chân cử động còn hơi cần cái nhưng thật thoải mái khi trở lại đây với anh, đi đứng bằng hai chân của mình. Mọi sự ở đây ra sao rồi?
- Mấy người Mỹ nhảy dù xuống đều an toàn. Người của tôi đang xuống thung lũng giúp họ gom đồ tiếp liệu rồi dẫn họ về trại.
- Riêng Monsieur Hồ thế nào?

Bộ mặt Võ Nguyên Giáp chợt tối sầm lại với vẻ lo lắng:

- Đại úy ạ, cụ Hồ bệnh nặng lắm. Chuyển đi bộ tới Tỉnh Tây rồi lại lội bộ về đây dưới trời mưa làm sức lực cụ cạn kiệt. Anh mang theo bác sĩ chứ?

Joseph lắc đầu:

- Không. Nhưng trong số những người nhảy dù có một y tá. Anh ta có đem theo thuốc men.

- Có lẽ khi anh ấy tới ta bắt tay vô khám bệnh ngay.

Nói xong, người An Nam quay mình cất bước, lẹ làng dẫn đường ra khỏi bãi đất trống rồi đi dọc theo một lối mòn nhỏ trong rừng.

Trại của quân du kích gồm những túp lều lợp lá gồi, cột sần sùi, dựng lộn xộn bên sườn đồi trong một rừng tre rậm rạp bên đèo Kim Lũng. Khi toán nhảy dù tới nơi, Võ Nguyên Giáp lập tức dẫn Joseph và người lính y tá trẻ tuổi vô một túp lều. Ở đó họ thấy Hồ Chí Minh đang nằm trong góc lều, run rẩy dữ dội. Lúc này ông gầy trơ xương, nước da vàng vố bệnh hoạn. Ông rên rỉ, la hét trong tình trạng nửa mê nửa tỉnh và rõ ràng ông không còn nhận ra ai nữa.

Trong khi người y tá Mỹ cúi húi đếm nhịp tim và cặp nhiệt người An Nam, Võ Nguyên Giáp thì thào vào tai Joseph:

- Suốt đêm qua tôi ở bên cụ. Hễ mỗi khi hồi tỉnh được đôi chút, cụ chỉ cực kỳ khẩn trương nói tới những việc Mặt Trận Việt Minh cần làm ngay. Cứ mỗi lần nghĩ ra một điều gì đó, cụ vội vàng thúc giục chúng tôi chớ quên điều ấy. Tôi e cụ tin rằng đó là những ý nghĩ trời trần của mình.

Cả hai nhìn chăm chú vẻ gay cấn của y tá khi anh chẩn bệnh. Lúc anh đứng lên, bộ mặt anh chùng xuống. Joseph hỏi gọn lỏn:

- Bệnh ra sao?

- Chắc chắn sốt rét và kiết lỵ. Theo như tôi biết, có thể ông ta mắc hết một nửa các loại bệnh nhiệt đới. Tôi nghĩ chắc ông ta không qua khỏi.

- Liệu anh có làm được gì cho ông ấy không?

- Tôi có thể cho ông ta ký-ninh và lưu huỳnh nếu ông ta còn đủ sức cầm cự - nhưng tôi không hứa sẽ có phép lạ...

Joseph nhìn xuống bộ mặt xanh mét hốc hác ấy và ngắt lời:

- Được. Làm đi.

Khi y tá sửa soạn xong ống chích, anh quì xuống tiêm thuốc vào

mé trên cánh tay của Hồ Chí Minh nhưng đột nhiên người An Nam vùng vẫy dữ dội làm mũi kim trượt ra ngoài.

- Để tôi làm cho! Sửa soạn ống chích khác.

Joseph nóng nảy ra lệnh và quì xuống. Túm chặt vai người An Nam đang quần quai, anh cúi sát mặt người bệnh, miệng nói chậm chậm, gần từng tiếng bằng Anh ngữ và giữ cho khuôn mặt mình yên một chỗ, thẳng và ngay chính giữa hai con mắt nhìn của người hấp hối:

- Xin nghe kỹ đây. Tôi là Joseph Sherman. Tôi đem thuốc của Mỹ từ Côn Minh tới. Ông không chết đâu. Cứ để tôi giúp ông.

Gần như ngay lúc ấy đôi mắt đang trợn ngược bỗng dần dần nhắm xuống và người An Nam thôi không lăn lộn trên giường. Joseph ra hiệu đưa ống chích cho mình. Anh đặt nó giữa lòng bàn tay còn lại, tiêm thuốc vào cánh tay của Hồ Chí Minh, đúng chỗ bắp thịt tiếp giáp y tá vừa chỉ. Trong một hai phút, Joseph tiếp tục quì bên giường, giữ yên hai bàn tay ướt đầm mồ hôi lạnh đang rối loạn búa chặt tay anh. Rồi khi hai bàn tay ấy lịm hẳn, Joseph đứng lên. Anh bảo y tá:

- Anh trực bên ông ấy cho tới hết đêm nay. Thỉnh thoảng tôi vào thăm chừng.

Bên ngoài lều, Võ Nguyên Giáp đưa mắt lo lắng dò hỏi vẻ mặt của Joseph:

- Đại úy Sherman, anh thấy liệu cụ có khoẻ trở lại không?

Joseph trả lời:

- Chúng ta chỉ có thể hy vọng và cầu nguyện cho ông ấy chịu thuốc. Nhưng nhân viên của tôi nghĩ rằng anh nên chuẩn bị cho khả năng xấu nhất có thể xảy tới.

Khắp chung quanh họ, du kích quân An Nam ì ạch kéo vào trại những thùng vũ khí và chất nổ vừa theo chân các lính nhảy dù OSS rơi rải rác khắp các thửa ruộng. Võ Nguyên Giáp xin phép rút lui để ra lệnh cất giấu những vũ khí ấy. Một phụ tá của Võ Nguyên Giáp đưa toán OSS tới mấy chiếc lều mới cất, sàn lót tre và dựng sát nhau, phía trước đã nhóm sẵn một đồng lửa.

Sau khi tắm trong lòng suối chảy xiết gần đó, Joseph quay về lều của mình. Anh ngửi ra mùi thịt nướng từ một bãi đất trống đầy

bóng tối thoáng tới, thom phưng phức. Thoáng thấy có bóng người An Nam đứng nơi ngưỡng cửa, Joseph ngược lên. Người ấy vội vàng nói bằng tiếng Pháp, giọng thân mật:

- Chúng tôi có mổ bò ăn mừng các anh tới đây. Chúng tôi mong ước những chiến hữu Mỹ mới tới sẽ thưởng thức thịt bò thui, món ăn ưa chuộng của các anh, ngay trong đêm đầu tiên các anh sống chung với chúng tôi.

Joseph nhìn khuôn mặt của người ấy và sửng sò. Dù đã ngoài ba mươi tuổi, vẻ thanh tú của anh ta vẫn không chút biến đổi, trông giống như trẻ thơ và mang nét của một người nữ. Bên ánh lửa trại bập bùng âm cúng, những dấu vết ấy phẳng phất vẻ đẹp Lan và hai anh nàng thừa hưởng của mẹ, và lúc này, chúng khuấy động trong lòng Joseph một nỗi nao nao nhớ tưởng. Trong chớp nhoáng, qua con mắt tâm trí của mình, anh chợt thấy loé lên hình ảnh Lan với đôi mắt e lệ nhìn xuống và hai gò má cao ửng hồng như mặt ấm phản chiếu ánh lửa hắt ra từ các giàn thiêu tế bên đàn Nam Giao. Joseph lật đật bước ra và bất giác nòng nân siết chặt bàn tay Trần VănKim:

- Anh Kim, thật lâu ngày quá. Lần cuối tôi thấy anh là ở Sài Gòn, lúc anh đánh bại tay vô địch quần vợt người Pháp.

Nét mặt Kim rạng lên một nụ cười duyên tiếc:

- Đại úy ạ, chuyện đó lúc này có vẻ như thuộc về một phần đời nào khác. Từ khi cậu Lật kể với tôi rằng có gặp lại anh ở Pắc Bó; kể mỗi lần nhớ tới anh tôi lại ân hận mình đã cư xử không lịch sự lắm ở Câu lạc bộ Thể thao.

Joseph cười lớn, vỗ vai Kim:

- Đừng nghĩ tới chuyện đó nữa. Tôi có hỏi anh Lật cả nhà anh ra sao nhưng anh ấy nói nhiều năm rồi cả hai cậu cháu không liên lạc gì với gia đình.

Kim gật đầu xác nhận, mặt thoáng buồn:

- Đúng vậy. Chẳng may cha tôi với tôi không hợp ý nhau. Ông ấy tin rằng tương lai của xứ sở chúng tôi tùy thuộc vào người Pháp - có lẽ lúc này vẫn còn tin như vậy. Vì thế, tôi phải hy sinh mối quan hệ gia đình để chiến đấu cho độc lập tự do của tổ quốc.

- Vậy anh không hay biết Lan ra sao ư? Chẳng hạn cô ấy đã lập gia

đình chưa?

- Bạn bè ở Sài Gòn có nói với tôi rằng Lan đã lập gia đình với một người Pháp.

- Có phải đại úy Devraux?

Kim lắc đầu, tỏ vẻ vội vã:

- Tôi xin lỗi. Thật tình tôi không biết. Tôi nghĩ nó chấp nhận đám cưới đó chỉ để làm vừa lòng cha tôi.

Kim nắm cánh tay Joseph và đưa tay mời mấy người Mỹ khác rồi dẫn họ ra một chiếc bàn tre sơ sài đặt cạnh đồng lửa, trên bàn bày sẵn thức ăn. Anh ra hiệu lấy thịt mời người Mỹ còn mình chỉ dùng cơm với muối mè và giá.

Trong khi mọi người ăn, Kim nói:

- Đại úy Sherman ạ, bảy tháng vừa qua kể từ lần đầu tiên anh tới đây, lực lượng của chúng tôi mỗi ngày một lớn mạnh. Cách đây hai tháng rồi, chúng tôi đã thành lập được hạt nhân lực lượng Giải Phóng Quân ở các tỉnh từ nam ra bắc. Hiện nay chúng tôi có ba ngàn dân quân du kích được trang bị súng ống. Kể từ lúc bọn Pháp bị bọn Nhật giam giữ, chúng tôi kiểm soát được sáu tỉnh cực bắc Bắc kỳ. Toàn miền này là “vùng giải phóng” và Hà Nội chỉ cách nơi đây chừng một trăm ba chục cây số thôi. Chúng tôi cũng tịch thu được nhiều quân trang quân dụng tốt hơn trong các kho tàng của bọn Pháp bỏ lại, có điều chúng tôi đang nôn nóng muốn học cách sử dụng những vũ khí tối tân anh vừa mang tới.

Ngay lúc đó Võ Nguyên Giáp đến ngồi vào bàn ăn. Có Hawke thỉnh thoảng góp phần thông dịch, Võ Nguyên Giáp bắt đầu thảo luận về chương trình huấn luyện sử dụng vũ khí do nhân viên OSS phụ trách việc hướng dẫn. Cuối bữa ăn, người ta mang ra những chai bia vừa tịch thu được của quân Nhật và cùng nhau mở nắp ly uống mừng ngày đánh bại cái xứ sở đã sản xuất thứ bia đó.

Khi toán đặc nhiệm chia nhau ai về lều nấy, Joseph cầm tay Trần Văn Kim kéo qua một bên:

- Kim ạ, thời gian thắng trận chung kết ở Sài Gòn anh là người tin tưởng tuyệt đối vào chủ nghĩa cộng sản. Nay anh có còn như vậy không?

Người An Nam lắc đầu quầy quậy:

- Tôi hiện nay là người Việt Minh. Chỉ có bọn Pháp và tụi Tàu Tưởng mới tuyên truyền khắp nơi rằng Mặt Trận Việt Minh là cộng sản - vì bọn Pháp vẫn mơ có ngày đô hộ trở lại chúng tôi. Còn bọn Tàu thì đang cố dựng lên ở đây một thứ đảng phái gọi là quốc gia nhưng thực chất chỉ là bù nhìn của chúng tôi. Cụ Hồ đã nói nhiều lần rằng cụ không còn có khuynh hướng làm cách mạng khuynh đảo. Cụ Hồ từng có lần tin vào chủ nghĩa cộng sản nhưng cụ sẽ đích thân nói cho anh biết lúc này cụ đã nhận ra rằng đối với xứ sở chúng tôi lý tưởng đó không thực tế chút nào. Tôi chia sẻ với cụ niềm tin mới mẻ ấy. Giờ đây, chính nhân dân là kẻ quyết định lựa chọn thể chế chính trị hợp với nguyện vọng của họ. Anh có thể gọi chúng tôi là người cộng hoà theo chủ nghĩa dân tộc, nếu anh muốn. Nếu nhân dân muốn theo thể chế quân chủ lập hiến, giữ lại một nhà vua chỉ có tính cách tượng trưng, chúng tôi sẽ không chống.

- Nhưng những thành phần khác của Mặt Trận Việt Minh thì sao? Quý vị hiện có bao nhiêu thành viên là cộng sản?

Kim cau mặt rồi cười chậm chậm:

- Đại úy ạ, lúc người Mỹ chiến đấu chống người Anh để giành độc lập, tại Hoa Kỳ có bao nhiêu đảng phái khác nhau? Lúc này, chín mươi phần trăm nhân dân Bắc kỳ ủng hộ chúng tôi. Họ hầu hết là nông dân thất học, chẳng hiểu chút gì về chính trị. Nhưng vì là người yêu nước, họ hiểu rất rõ hai tiếng “tự do” và “độc lập” - và vì cả hai cái đó mà hết thảy chúng tôi chiến đấu, cho dân tộc.

Joseph gật đầu:

- Hẳn nhiên rồi, tôi có thể hiểu điều đó. Xin cảm ơn đã làm thịt con bê béo chiêu đãi chúng tôi.

Anh vào lều, viết gấp bản báo cáo hạ cánh để truyền tin về Côn Minh. Nội dung như sau:

“Đoàn Hươu đáp an toàn với đầy đủ đồ tiếp liệu. ‘Lucius’ bệnh rất nặng, ngoài ra mọi sự tốt đẹp. Ngày mai bắt đầu huấn luyện sử dụng vũ khí. Hãy quên ngay con cáo ộp cộng sản. Mặt Trận Việt Minh đấu tranh cho tự do và nhằm cải cách những khiếm khuyết do người Pháp gây ra. Việt Minh là một tập hợp của hết thảy các đảng phái đang sinh hoạt. Lúc này, nó tuyên bố có dưới quyền ba

ngàn người và sự ủng hộ của chín mươi phần trăm dân số Bắc kỳ. Việt Minh không phải - xin lặp lại, nó không phải - là cộng sản, hoặc bị cộng sản kiểm soát, hoặc bị cộng sản lãnh đạo. 'Lucius' không phải là một gã say máu cách mạng, nhưng theo quan điểm của tôi, ông ta là một lãnh tụ thành thật và có năng lực; ông ta muốn một chế độ tự trị vì nhân dân, và ông ta phát biểu trung thực cho nhân dân."

Vừa mới hoá xong bức điện trên loại giấy chỉ dùng một lần, Joseph nghe có tiếng chân bên ngoài lều. Ngước mắt lên, anh thấy Kim cười bối rối, đưa tay chỉ về phía bãi đất trống. Joseph bước ra ngoài lều. Anh thấy có hai thiếu nữ An Nam mảnh mai đang nghiêng mình trên những thanh củi leo lét cháy nơi đồng lửa tàn và nhẹ tay khuấy một chiếc nồi. Kim nói ngượng ngập:

- Đại úy ạ, chúng tôi chỉ muốn anh ở đây được thoải mái. Sợ rừng già làm anh cảm thấy khó ngủ, chúng tôi có chuẩn bị cho anh dùng một loại thức uống cổ truyền của các dân tộc miền núi.

Ánh lửa hắt lên soi rõ hai thiếu nữ còn trẻ, có lẽ chỉ mới ngoài đôi mươi. Cả hai đều mặc áo dài cao cổ màu sậm, loại dân chúng miền bắc thường mặc. Mái tóc đen tuyền và mượt mà buông lơ xuống vai. Kim nói giọng thật thấp:

- Cả hai làm nghề chiêu đãi viên ở Hà Nội. Hôm qua, chúng tôi mang họ vượt phòng tuyến Nhật để kịp lúc các anh tới đây.

Nghe giọng nói của Kim, trung úy Hawke từ một chiếc lều xé đó vọt ra. Anh cười miêng hoác tận mang tai và nhìn chăm chặp đồng lửa, giọng thì thảo đầy vẻ ngờ vực:

- Thiệt không tin nổi!

Rồi Hawke bắt đầu tuôn một tràng những câu thật nhanh hỏi Kim bằng tiếng An Nam. Lúc quay lại nhìn Joseph, anh cười thêm lần nữa, miêng rộng hơn bao giờ hết:

- Họ đang sắc một liều thuốc cường dương bằng củ ngải rừng và đủ thứ - trong đó có cả lộc nhung và dược thảo nữa. Biết làm sao đây hỡi trời!

- Này trung úy, xin anh nhớ cho rằng chúng ta có mặt tại đây là để phục vụ Quân đội Hoa Kỳ đương đầu với kẻ thù. Vì thế, bản thân trung úy cần đầu óc thật tỉnh táo và hãy ngủ cho nhiều vào.

Joseph vừa nói vừa cười gằn. Anh túm chặt vai Hawke, đẩy viên trung úy trẻ tuổi vào túp lều lá gồi tới om của anh ta. Quay sang Kim, Joseph cười xin lỗi:

- Cảm ơn lòng tốt của anh - cũng xin anh cảm ơn các cô dùm. Và xin nói với họ rằng chúng tôi ai nấy đều đang quá mệt.

Kim đi rồi, Joseph cho đánh bức điện mã hoá về Côn Minh. Sau đó, anh nằm thao thức lắng nghe âm thanh của đêm trong rừng tre. Việc nhìn thấy hai thiếu nữ An Nam bên đồng lửa mang tâm trí anh bèn bồng trở lại những nhớ tưởng đầy xao xuyến về Lan, cả cay đắng lẫn ngọt ngào. Anh chợt nhớ mái tóc nàng mềm mại như lụa và thấy lại màu tươi sáng dịu dàng trên cơ thể óng ánh vàng của nàng khi nàng nằm khoả thân, nồng nàn và ấm áp trong cánh tay anh giữa lời kinh tiếng nhạc văng vẳng theo gió nước sông Hương.

Đêm thượng du phủ kín bốn bề đen mướt như nhung. Càng về khuya Joseph càng trần trọc. Hai lần anh chỗi dậy, thăm lặng đi qua bãi đất trống, vào lều của Hồ Chí Minh. Lần nào anh cũng thấy ông đang ngủ thật bình an. Anh chỉ ở lại vừa đủ để giám sát việc tiêm thêm lưu huỳnh và ki-ninh.

Mãi tới khi trời gần sáng, Joseph mới rơi vào giấc ngủ mệt lã và mơ thấy Lan, một Lan sinh động gấp bội lần anh từng thấy nàng ngoài đời thuở trước. Kế đó, những âm thanh chối nhau của lũ chim rừng kêu vang làm tan giấc ngủ thiu thiu. Anh thức dậy, cảm thấy lòng mình được an ủi và khuây khoả lạ thường nhờ những hình ảnh tươi mát của khuôn mặt người rất yêu dấu.

Tới khi hoàn toàn tỉnh ngủ, một cảm giác thú vị hài hoà không cắt nghĩa nổi lan toả trong anh kèm với ý tưởng rất giản dị. Rằng mình đang thêm lần nữa về lại xứ sở của nàng, về lại nơi mình từng bắt chợt hiểu thế nào là hạnh phúc mê đắm bên người mình thật lòng yêu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 10 -

Suốt tuần lễ đầu tiên của tháng Tám năm 1945, hằng ngày Joseph và các toán viên của mình thức dậy khi trời vừa hừng sáng. “Đoàn Hươu” dẫn hai trăm quân du kích Việt Minh xuất sắc nhất tới bãi tác xạ trong khu rừng bên cạnh. Từ năm giờ rưỡi sáng tới năm giờ chiều, các lính Mỹ liên tục hướng dẫn đám người An Nam xộc xệch cách tháo ráp và bắn súng các-bin, súng trung liên, súng chống tăng không giật ba-zô-ca, súng phóng lựu, nghĩa là sử dụng các loại vũ khí họ vừa mang từ Côn Minh sang.

Người của OSS mặc áo đi rừng bốn túi không gắn phù hiệu, quần soóc dài tận đầu gối, chân mang ủng đi rừng và đầu đội mũ tai bèo rằn ri, loại các dân quân du kích Á Đông nhỏ con thường đội.

Chẳng bao lâu, các quân nhân Mỹ, những kẻ nhiệt tình với nhiệm vụ của mình, đều nảy sinh lòng mến cảm các học viên. Lòng mến cảm đó càng lúc càng rạt rào, gần như trở thành một loại tình huynh đệ giữa đôi bên.

Trong thời gian tiến hành huấn luyện, Joseph bắt đầu phá vỡ các tổ tuần tiểu hỗn hợp Mỹ-Việt ra ngoài thám thính những mục tiêu của Nhật. Từ chỗ ẩn núp, họ quan sát các đoàn xe tải tiếp liệu đang đổ dồn xuống Đường Thuộc địa số 3, và xa hơn, theo quốc lộ chính Hà Nội-Lạng Sơn về hướng bắc, dẫn sang đất Tàu. Sau cùng, họ lên kế hoạch để tuần tới, tung ra vài cuộc phục kích đầu tiên.

Tại mảnh đất núi rừng heo hút nằm đằng sau phòng tuyến của Nhật, nơi cùng nhau chia xẻ hiểm nguy và những bữa ăn đạm bạc chỉ gồm cơm với muối mè và giá, những người lính OSS tinh thần cao độ và các bạn đồng minh An Nam lòng đầy nhiệt huyết nhanh chóng phát triển một tình chiến hữu mật thiết, bắt rễ sâu xa trong sự kính trọng lẫn nhau. Người An Nam nể sợ sức lực, thân xác to lớn và vũ khí tinh xảo của người Mỹ. Về phần người lính OSS, họ tìm thấy nơi du kích quân những học trò háo hức và không hề biết

mệt.

Cuối tuần lễ thứ nhất, huấn luyện viên trưởng môn vũ khí của OSS nói với Joseph rằng đã đạt tiến bộ ngoài mức mơ tưởng của mình. Anh ta lúc lắc đầu nhận xét:

- Khả năng học hỏi của mấy ông bạn nhỏ xiu này thật đáng kinh ngạc. Chỉ cần nhìn người hướng dẫn biểu diễn một lần là họ nắm được ngay. Họ chuyển từ con dao thợ rèn và súng kíp cổ lỗ sĩ sang súng phóng lựu mà mặt mày tỉnh queo!

Trong hai ngày huấn luyện đầu tiên, thỉnh thoảng Joseph lên về trại để kiểm tra tình trạng đau ốm của vị lãnh tụ Việt Minh. Nhưng chẳng bao lâu, các cuộc thăm bệnh ấy không cần thiết nữa.

Với một tiến độ làm sững sốt người Mỹ lẫn người An Nam, Hồ Chí Minh bắt đầu hết sốt. Ông thò người ra ngoài lều và đi ngúc ngắc quanh trại. Dù da vẫn vàng vọt, mặt chưa thôi hốc hác và má còn hóp sâu, mắt ông nhanh chóng lấy lại ánh tinh nhanh trước đây. Và khi ông mỉm miệng cười, vẻ nồng ấm lại làm sáng rõ bộ mặt tiêu tụy.

Cuối tuần lễ ấy Hồ Chí Minh làm việc trở lại. Joseph nhận thấy có rất nhiều tốp người An Nam lạ mặt và bất tận, suốt ngày suốt đêm kể tiếp nhau âm thầm tới trại, vào lều của Hồ Chí Minh thảo luận với ông.

Tuy thế, trong những lúc nghỉ giải lao giữa giờ huấn luyện, Hồ Chí Minh phá lệ, đi tới chuyện trò đùa giỡn với hết toán viên OSS này tới toán viên khác. Giữa những lời ân cần hỏi han từng người về gia đình họ, ông chêm vào mấy câu thảo luận hào hứng về chính trị, như thể ông tin rằng cá nhân mỗi người lính ấy đều có khả năng mang thông điệp của ông tới tận Nhà Trắng. Kèm theo nụ cười rất thân thiện, lời yêu cầu thông thường nhất của Hồ Chí Minh là:

“Tôi chỉ yêu cầu một điều độc nhất, xin anh vui lòng nói cho thế giới bên ngoài biết tin tức về Đông Dương.” Trong mọi cuộc trò chuyện ấy, ông không ngừng ca ngợi Hoa Kỳ vì “những lý tưởng chính trị cao cả của quý quốc”.

Rồi tới một ngày vào cuối tuần lễ, khi thấy rõ mình đang dần dần khoẻ lại, Hồ Chí Minh mời Joseph cùng đi dạo tới ven rừng tre mé trên thung lũng, nơi có các thửa ruộng bậc thang được Đoàn Hươu

dùng làm bãi đáp nhảy dù mấy ngày trước đó.

Mặt trời xế chiều đang lặn bên kia đồi toả ánh nắng chảy tràn lên phong cảnh một màu vàng đẹp mắt. Hồ Chí Minh ngồi xuống, trên một gốc cây cụt, trầm ngâm ngắm thung lũng và các nông dân đầu đội nón rom rộng vành, chân đi lủng thừng từ ruộng nương về nhà mình, trên vai vác lủng lẳng cuốc cùng cày. Cuối cùng, quay sang Joseph, ông nói với vẻ mặt phơn phớt nụ cười:

- Đại úy Sherman ạ, có phải cuộc đời thật lạ kỳ. Tám tháng trước đây tình cờ tôi góp phần cứu anh thoát khỏi bàn tay của bọn Nhật - rồi giờ đây anh trở lại đây để kéo tôi ra khỏi hàm răng của thần chết.

Nụ cười của Hồ Chí Minh nở rộng hơn. Ông đưa bàn tay lên khi Joseph tỏ vẻ không đồng ý:

- Anh chớ nhún nhường, đại úy ạ. Các đồng chí của tôi đã kể hết cho tôi nghe chuyện đó như thế nào. Họ đoán chắc rằng tôi đang hấp hối cho tới khi anh tiêm cho tôi mũi thuốc thứ nhất.

Joseph nói:

- Khả năng phục hồi của ông rất đặc biệt. Rõ ràng ông có quyết tâm ghê gớm để hoàn thành sứ mạng do ông tự đặt ra cho mình.

Hồ Chí Minh mỉm cười:

- Có thể đúng như thế. Nhưng tôi biết quả thật mình đang chịu một ơn huệ phải trả đổi với anh và Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

Joseph nói trầm lặng:

- Việc tốt lành nhất người này có thể làm cho người khác là hết lòng giúp đỡ lẫn nhau. Tôi sung sướng khi thấy sự giúp đỡ của mình có thể lan tới nhiều người khác qua tài năng đặc biệt của ông. Tôi có biết ít nhiều về những khổ nạn xức sớ ông phải chịu trong bàn tay của người Pháp, và tôi ngưỡng mộ những gì ông đang ra sức thực hiện.

Người An Nam ngồi yên đăm đăm nhìn xuống thung lũng, không quay đầu lại. Cuối cùng ông hỏi với giọng thật thấp:

- Đại úy lập gia đình chưa?

- Tôi có hai con trai nhỏ.

- Vậy anh kỳ vọng điều gì cho chúng sau khi cuộc chiến tranh này chấm dứt.

Joseph nhíu mày, cảm thấy lòng nhói lên ân hận việc mình ít khi nghĩ tới gia đình hoặc tới tương lai lâu dài của con cái:

- Điều duy nhất tôi nghĩ tới lúc này là mong cho chúng được lớn lên trong thanh bình và tự do.

Hồ Chí Minh chậm chậm gật đầu đồng tình:

- Tôi nghĩ chúng ta đang chia xẻ những niềm hy vọng giống nhau theo các cách thức khác nhau đại úy ạ.

- Ông có gia đình không?

Hồ Chí Minh tiếp tục đăm đăm nhìn mấy tốp dân quê đang đi trên con đường về nhà trong ánh chiều tà. Ông nói với giọng không chút cảm xúc:

- Tôi cống hiến trọn đời mình cho tổ quốc. Tôi xem hết thấy mọi người, cả nam lẫn nữ đang làm lưng vắt vả dưới kia, là gia đình của tôi. Bản điều lệ của Việt Minh đã xác định cụ thể chương trình cứu nguy dân tộc của chúng tôi, gồm hai điểm. Một là làm cho đất nước hoàn toàn độc lập. Hai là làm cho nhân dân sống tự do hạnh phúc. Tôi ao ước mọi người dân đều được sống trong thanh bình và tự do, y hệt những gì anh mong muốn cho các con của anh.

Hồ Chí Minh chợt chuyển giọng sang ngậm ngùi:

- Cũng may những người dân anh đang thấy ở dưới kia hiện được sống trong vùng giải phóng nên họ bớt cơ cực. Khắp đất nước tôi, từ bao nhiêu năm nay, người dân sống trong đói rét, khổ nhục và kềm kẹp, không bút mực nào tả xiết.

Joseph hỏi ngập ngừng:

- Nhưng tôi nghe nói từ hơn bốn tháng nay, lần đầu tiên nước An Nam ra tuyên ngôn độc lập, tái lập thống nhất cả nam trung bắc và có một chính phủ tự quản của người Việt. Nhiều người bảo đó là một chính phủ nhiều thiện chí và có năng lực.

Bộ mặt khắc khổ và bệnh hoạn của Hồ Chí Minh ánh lên vẻ mai mĩa. Ông đưa đôi mắt long lanh nhìn lên dãy núi xa xa, rồi lại mơ màng ngó xuống làng mạc bên dưới:

- Đại úy ạ, tôi hoàn toàn biết rõ chi tiết sự việc đó. Dư luận nhân dân đánh giá rằng tất cả chỉ là do bọn Nhật đạo diễn, kể cả lời tuyên bố gọi là độc lập và tình trạng gọi là thống nhất ấy. Người hiện nay giữ chức thủ tướng tại Huế là một học giả. Ông ấy làm

chính trị như một kẻ nghiệp dư và lạc đường, theo mẫu mực quân tử hủ lậu hoặc kẻ sĩ lỗi thời. Phần lớn các bộ trưởng là những chuyên gia, trí thức tân học ở Pháp về, sống trong tháp ngà từ bao nhiêu năm nay. Thêm nữa, dù họ có nhiệt tình tới mấy đi nữa cũng không thể phục vụ hữu hiệu khi phải múa may quay cuồng trong lòng bàn tay của bọn Nhật và phải núp dưới cái bóng của một ông vua xem việc đánh bài tây quan trọng gấp bội việc đấu tranh với người Pháp.

Hồ Chí Minh cười chúm chím như để làm nhẹ bớt lời kết án của mình:

- Cho tới nay, việc tốt nhất và duy nhất họ làm được, có lẽ là ngay khi chưa họp hội đồng nội các phiên thứ nhất, họ đã thả hết các chính trị phạm ra khỏi các trại giam cấp tỉnh và các nhà tù lớn. Thành thật mà nói, Mặt Trận Việt Minh được hưởng rất nhiều lợi ích từ hành động ấy. Tuy nhiên, đại úy tin tôi đi, chỉ cần đôi ba ngày sau khi bọn Nhật bại trận, chính phủ ấy bốc hơi ngay.

Nói tới đây, ông lại ngược mắt nhìn Joseph và bỗng nở nụ cười thật tươi:

- Nhân đây, không biết đại úy có thể đọc cho tôi nghe vài dòng về tự do, trích từ bản Tuyên Ngôn Độc Lập của quý quốc không?

Joseph cười tươi rói và niềm nở:

- Tôi có thể trình bày tức khắc với ông những điểm cốt lõi. Ở trường tiểu học, chúng tôi đều được học thuộc lòng bản tuyên ngôn ấy.

Anh nhắm mắt tập trung trí nhớ:

- Chúng tôi tin những chân lý này là hiển nhiên, rằng: tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng; Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc...

- Tuyệt vời! Xin anh vui lòng lặp lại đoạn đó một lần nữa, chậm chậm cho tôi có thể chép.

Joseph mở mắt. Anh thấy người An Nam rút từ túi áo trên ra một mảnh giấy dó nhỏ màu xanh lục. Anh lặp lại những câu đó thêm lần nữa, chậm rãi hơn. Chờ cho người lớn tuổi chép xong, anh hỏi:

- Tôi xin phép hỏi tại sao ông quan tâm tới bản Tuyên Ngôn Độc

Lập ấy?

Hồ Chí Minh vừa mỉm cười bí hiểm vừa đút giấy bút vô túi áo:

- Đại úy ạ, tôi hy vọng anh không phải chờ đợi lâu ngày mới khám phá ra.

Mặt trời khuất hẳn đằng sau rặng núi, soi những vệt bóng dài trườn qua thung lũng. Trong đôi ba phút, hai người im lặng ngồi bên nhau, cùng đắm chiêu nhìn ngày đang phai dần. Rồi người An Nam thở ra một hơi thật dài:

- Đại úy ạ, hể nghĩ tới tương lai tôi lại e rằng anh có nhiều cơ hội đạt ý nguyện hơn tôi.

- Tại sao ông nói như vậy?

- Vì tôi chắc chắn rằng người Pháp sẽ cố sức trở lại xứ sở này và dùng vũ lực để đô hộ dân tộc chúng tôi thêm lần nữa. Tôi biết tâm trí của người Pháp thao tác như thế nào. Người Pháp là một dân tộc cao ngạo nhưng bất định. Chỉ có một hy vọng nhỏ nhoi là họ tôn trọng các quyền của chúng tôi và giải quyết một cách hoà bình. Nhưng nếu họ ra sức tái áp đặt bằng vũ lực thì sẽ có đổ máu ghê gớm.

Hồ Chí Minh đưa cằm về phía thung lũng:

- Những người dân đang ở dưới kia cũng giống như các con trai của anh đang ở Mỹ, họ không muốn có cách mạng. Đó là lý do tôi quyết tâm vận dụng hết khả năng của mình để điều đình với Pháp một cách hoà bình. Nhưng nếu việc đó tỏ ra không thể tiến hành được, nhân dân sẽ chiến đấu - nếu cần trong mười năm hoặc hai mươi năm - vì độc lập của tổ quốc, vì tự do của bản thân họ và tự do của các thế hệ mai sau.

- Nhưng tại sao ngay lúc này ông lại lo nghĩ tới điều đó?

- Vì chúng tôi cần sự ủng hộ tinh thần của nhân dân Hoa Kỳ yêu chuộng tự do. Chúng tôi biết nhân dân Hoa Kỳ tin rằng quốc gia nào cũng có quyền tự do chọn lựa thể chế chính trị của mình. Quý vị cần nhận biết những sự việc đã thật sự xảy ra ở đây dưới chế độ đô hộ của người Pháp. Nếu người Mỹ hiểu thấu đáo những sự việc đó, tôi cảm thấy chắc chắn rằng chúng tôi sẽ có được sự ủng hộ của họ. Không biết anh có thể giúp cho chúng tôi không?

Joseph nhún vai như một hình thức xin lỗi:

- Xin ông nhớ cho rằng chúng tôi chỉ là quân nhân, không phải nhà ngoại giao. Tôi có thể trình lên bộ chỉ huy những lời ông vừa nói nhưng mọi sự thì...

Nghe có tiếng chân chạy đằng sau mình, Joseph quay ngoắt nhìn quanh, thấy viên trung sĩ phụ trách kỹ thuật điện đài đang từ trong rừng ào ào chạy ra. Khi sắp tới trước mặt họ, anh thở hổn hển, mặt đỏ rần háo hức:

- Bọn Nhật coi bộ cuối cùng chịu hết nổi rồi!

Joseph hỏi, giọng thắc mắc:

- Trung sĩ nói cái gì vậy?

- Trình đại úy, chúng ta động bể đầu bọn chúng bằng một thứ vũ khí mới mẻ và bí mật - thứ gì đó gọi là “bom hạt nhân”! Chúng tôi vừa nhận một điện văn của bộ chỉ huy ở Côn Minh. Trọn cái thành phố khốn nạn đó tan ra từng mảnh. Chỗ đó tên là Hiroshima...

Viên trung sĩ truyền tin chum môi phát âm một cái tên lạ hoắc rồi nói tiếp:

- Người ta nghĩ là đã giết được ít nhất tám chục ngàn người. Đại úy tin nổi không, tám chục ngàn mạng. Côn Minh nói chỉ vài ngày nữa thôi bọn Nhật sẽ đầu hàng.

Khi tỉnh người lại, ra khỏi cơn sững sốt ban đầu và viên trung sĩ đi rồi, Joseph rầu rĩ mỉm cười nói với Hồ Chí Minh:

- Nếu điện văn ấy quả đúng thật, tôi đoán rằng nơi này sẽ không còn phòng tuyến nào của Nhật để chúng ta cùng hoạt động - và như thế Đoàn Hươu sẽ trở thành thừa.

Hồ Chí Minh cười rạng rỡ, chìa bàn tay:

- Không, không đâu đại úy! Anh và người của anh phải huấn luyện cho xong và cùng đi với chúng tôi xuống Hà Nội. Vì dù sao đi nữa, lúc này Hà Nội ở gần các anh hơn Côn Minh.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 11 -

Vào hôm thứ mười sau ngày Hiroshima bị thành bình địa, Võ Nguyên Giáp dẫn đoàn dân quân du kích thứ nhất ra khỏi trại, hăm hở tiến bước về Hà Nội. Là toán tiên phong hạ sơn của Lực Lượng Giải Phóng Quân, họ kiêu hãnh vác trên vai các vũ khí mới nguyên xi của Mỹ: súng phóng lựu, súng ba-zô-ca và súng máy và các-bin, v.v. Cùng tiến bước bên họ có đại úy Joseph Sherman và các toán viên khác của Đoàn Hươu OSS.

Khi đoàn quân xuyên qua vùng thung lũng đầy đặc cây rừng đi dần xuống, họ được đón chào khắp nơi, bởi các đám đông tay phất cao lá cờ lâm thời của Việt Minh, màu đỏ thắm chính giữa điểm ngôi sao vàng tươi. Tại các bản làng lưu cư của các sắc tộc thiểu số miền núi, phụ nữ thượng du mặc y phục cổ truyền thổ cẩm nhiều màu sắc và đồ nữ trang bằng bạc mang hoa giúi vào vào tay, cắm vào ngực những người Mỹ cao lớn.

Tại các làng xã nghèo mạn trung du, dân quân địa phương cầm dao mác mã tấu hoặc súng trường han gỉ kéo nhau ra xếp hàng đi theo họ. Người ta nhét vô tay họ mấy món quà đơn sơ như trứng, chuối hoặc khoai, sắn. Tại một số thôn xóm, khi họ đi qua, có các toán nhi đồng họp nhau ca vang những bài hát yêu nước và ngợi ca tự do, mừng giải phóng.

Trong không khí tung bừng liên hoan ấy, các toán du kích được nhiệt liệt chào đón như một đạo quân chiến thắng. Joseph và các quân nhân Mỹ trong Đoàn Hươu thở ra nhẹ nhõm vì trên hết mọi sự, cuối cùng những ngày dài chiến tranh đã chấm dứt. Lây lan niềm vui, họ cũng vừa đi vừa huýt sáo, miệng ca vang những bài hát của người Mỹ và tay vung vẩy theo nhịp quân hành.

Trên các ngã đường họ đi qua, có đôi nơi còn lở chỗ hầm hố hay mô đất, và hầu hết cầu cống đều bị đánh sập. Giữa các giao lộ trọng yếu, người ta thấy còn y nguyên những thân cây to lớn trước

đây bị đốn ngã để làm ụ cản trở lưu thông. Đi bên cạnh Joseph, Trần VănKim đưa tay chỉ những các chương ngại vật ấy, mặt tỏ rõ vẻ hãnh diện. Anh giải thích:

- Hết thấy những thành tích này đều do các toán đặc công của chúng tôi ra tay trước đây. Chỉ với hai bàn hai tay, chúng tôi đào hầm đắp mô, giật sập cầu cống để ngăn không cho bọn Nhật sử dụng đường sá.

Qua máy truyền tin, các mật báo viên nằm vùng ở Hà Nội đánh điện văn báo cáo rằng lực lượng Nhật ở thủ đô dường như bàng hoàng vì sự đầu hàng đột ngột của các nhà lãnh đạo nước họ. Họ chấp nhận đầu hàng và hiện đang giữ thái độ trung lập thụ động. Kết quả là - theo báo cáo của các mật báo viên - thủ đô rất yên tĩnh.

Trong ngày xuất quân đầu tiên, đoàn dân quân du kích không gặp cuộc tuần tiễu nào của lính Nhật. Đội hình tiếp tục nhanh nhẹn tiến bước, di chuyển công khai, ngang qua những cánh đồng ngập nước ở vùng châu thổ nơi lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh bay phất phới trên những cột điện thoại hai bên đường.

Cũng có đôi lần đoàn quân an lành ấy đi ngang những làng mạc đổ nát với các đồng tro tàn còn âm ỉ cháy và nhiều xác chết nằm rải rác trên đường quê. Joseph ngạc nhiên thấy Võ Nguyên Giáp không hề ra lệnh dừng quân để điều tra ai là thủ phạm, dù chỉ một lần. Sau cùng, Joseph nhận thấy đoàn quân hạ sơn cả An Nam lẫn Mỹ được dẫn đi vòng sang một bên mỗi khi thấy xa xa có một thôn xóm đang bốc khói, tựa như vừa bị đốt. Anh hỏi: - Chuyện gì xảy ra ở những làng vừa đi ngang vậy? Ngó họ như thể mới bị ai tấn công.

Trần VănKim vừa lật đật đi lên đầu đội hình vừa ngoái cổ trả lời cụt ngủn:

- Bọn Nhật đấy. Chúng trả thù khi rút quân.

Đang bước đều nhịp với Joseph, trung úy Hawke nhướn cặp lông mày thắc mắc lên nhìn đại úy chỉ huy rồi hất đầu về phía sau.

Joseph gật đầu và Hawke đi chậm lại. Chọn một khoảnh khắc thích hợp không ai để ý hay nghi ngờ, anh lẻ làng tách mình ra khỏi hàng, làm như mắc đại tiện, để tìm cách đi ngược đường, rẽ vào

xóm nhà tranh lúp xúp đang bốc khói.

Nửa giờ sau, Hawke bắt kịp Joseph. Mặt anh đánh lại, giọng lạc hẳn:

- Trình đại úy, suốt mấy tuần nay chẳng có một mống lính Nhật nào lui tới vùng này. Tôi gặp một ông lão An Nam đang đi quanh các đồng đồ nát trong làng. Ông ta kể rằng hôm qua một toán dân quân tiền trạm của các du kích quân bằng hữu với chúng ta đã đi tới làng này, mang theo cờ đỏ sao vàng - và làng ấy không chịu hợp tác với họ. Ông lão nói với tôi rằng bắn phá làng xong họ đốt cháy ra tro để khủng bố các làng khác trong vùng, bắt phải ủng hộ họ. Con trai và cháu trai của ông lão đều bị giết sạch.

Dừng lại mấy giây, Hawke hít vào một hơi thật sâu:

- Còn nữa, ông lão không đề cập gì tới Mặt Trận Việt Minh. Khi nghe tôi hỏi ai làm ra chuyện khủng khiếp này, ông chửi rủa không biết bao nhiêu mà kể, rồi la lớn: “Cộng sản Đảng! Cộng sản Đảng!”

Thông tin ấy làm Joseph choáng váng. Lúc đội hình du kích quân dừng lại bên ngoài tỉnh lỵ Thái Nguyên, anh đi kiếm Trần Văn Kim và hỏi liệu lúc này mình có thể tìm thấy Hồ Chí Minh ở chỗ nào.

Kim nói với giọng xin lỗi:

- Đại úy ạ, tôi e rằng lúc này cụ Hồ bận rộn lắm. Cụ phải sắp xếp nhiều công chuyện lớn lao - nhưng tôi sẽ chuyển lời nhắn của anh rằng anh mong muốn được nói chuyện với cụ.

Khi Joseph đề cập bóng gió tới những nghi ngại của anh trong điện văn báo cáo đánh về Côn Minh, bộ chỉ huy OSS liền ra lệnh cho anh dừng Đoàn Hươu lại tại Thái Nguyên, không đi thêm nữa.

Thượng cấp cho anh biết rằng vì tình hình chính trị bất ổn trong đó có những xáo trộn mang mầm mống chiến tranh nên một toán OSS mới, mã danh là “Đoàn Chim Cút” đang được phái từ Côn Minh qua Hà Nội, do đại tá John Trench đích thân chỉ huy. Nhiệm vụ ưu tiên của Đoàn Chim Cút là xác định địa điểm và giải thoát các quân nhân Đồng Minh bị bắt làm tù binh đang nằm trong tay quân Nhật, và chuẩn bị cho ngày đến của Ủy Ban Đồng Minh Tiếp Nhận Đầu Hàng nhưng đồng thời nó cũng thu thập tin tức tình báo. Côn Minh còn nói rằng một toán OSS tương tự cũng đang được phái từ

Calcutta tới Sài Gòn. Khi Joseph hỏi liệu Đoàn Hươu có thể tiếp nhận sự đầu hàng của lính Nhật tại địa phương không, anh chỉ được trả lời gọn lỏn:

- Không tiếp nhận đầu hàng - ở yên tại chỗ. Nhiệm vụ của Đoàn Hươu đã chấm dứt theo với cuộc thế chiến.

Sau một khoảng thời gian nghỉ ngơi ngắn ngủi, đoàn dân quân du kích xuất phát từ Pắc Bó chia làm hai. Joseph đứng nhìn theo Võ Nguyên Giáp dẫn đầu lực lượng xung kích nhỏ bé ra khỏi tỉnh lỵ Thái Nguyên tiến về Hà Nội với những vũ khí Mỹ chiếu lấp loè trên vai. Số dân quân còn lại lập vòng vây bao quanh một doanh trại kiên cố, bên trong có đơn vị đồn trú địa phương của Nhật đang thu mình. Thình thoảng vài dân quân nổ súng vào quân đồn trú ấy, chỉ để thử vũ khí mới tinh của mình hoặc đỡ ngựa ngáy tay chân. Joseph xin được sử dụng một ngôi nhà lớn ở khu vực ngoại ô làm nơi tạm trú cho mình và các đoàn viên OSS. Trong khi binh sĩ thuộc quyền nằm tắm nắng sau vườn, anh nôn nóng và cáu kỉnh vì đã hai ngày trôi qua vẫn không nghe tin tức gì về Hồ Chí Minh. Tới ngày thứ ba, vào lúc chạng vạng tối, đột nhiên Trần Văn Kim xuất hiện trong ngôi nhà toán OSS ở. Mặt sung sướng rạng rỡ Kim hăm hở nói:

- Đại úy Sherman ơi, chắc chắn lịch sử sẽ công nhận hôm nay là ngày vĩ đại của dân tộc chúng tôi. Chúng tôi vừa nhận được điện văn của Võ Nguyên Giáp báo rằng lực lượng xung kích của chúng tôi đã nắm quyền kiểm soát tất cả các cơ sở chính quyền ở Hà Nội. Bọn Nhật sững sờ khi thấy dân quân Việt Minh tiến vào thủ đô với những vũ khí mới tinh và tối tân. Chúng giao nạp gần như không một chút kháng cự. Chúng tôi chỉ phải nổ vài phát súng thị oai. Bây giờ thủ đô Hà Nội là của chúng tôi. Dân chúng đang ào ra đường như thác đổ. Tay người nào cũng vẫy cờ Việt Minh!

Joseph yên lặng đón nhận tin đó. Nỗi hoài nghi ray rứt rằng anh và Đoàn Hươu bị lợi dụng và bị lừa dối nay càng lúc càng trở nên chắc chắn. Kim tiếp tục cười phơ phới, nói tiếp:

- Dân chúng Hà Nội cực kỳ hồ hởi. Chỉ một cú độc nhất thôi, họ được giải phóng, được thoát khỏi cả bọn Nhật lẫn bọn Pháp. Thấy bộ đội chúng tôi mang vũ khí Mỹ, họ vui mừng không sao tả xiết,

vì họ cũng thấy sức mạnh của Hoa Kỳ đang ở về phía những người giải phóng họ.

Bị xâu xé giữa lòng cảm mến dành cho Hồ Chí Minh cùng những người đi theo ông và cơn thịnh nộ vì bị họ lừa dối, Joseph chỉ nói chậm rãi:

- Quả thật là một ngày trọng đại cho dân tộc An Nam.

Kim trả lời, với giọng trách móc nhẹ nhàng:

- Đại úy có lý, chỉ trừ một chi tiết nhỏ nhưng cực kỳ quan trọng - đây là ngày trọng đại cho dân tộc “Việt Nam”. Chúng tôi nay không còn là người An Nam nữa. Đất nước của chúng tôi nay không còn bị chia cắt thành ba kỳ bắc trung nam, hai “bảo hộ” và một “thuộc địa” nữa. Lúc này, xứ sở của chúng tôi lại là “Việt Nam”. Cuối cùng, tám mươi năm bạo quyền đã chấm dứt! Các lực lượng của chúng tôi từ nay được đổi thành danh xưng là “Việt Nam Giải Phóng Quân”!

Joseph nói với giọng tự chế:

- Tôi thật sự chúc mừng anh và toàn thể dân tộc anh nhưng tôi vẫn muốn nói chuyện với Hồ Chí Minh càng sớm càng tốt.

Kim nắm cánh tay người Mỹ, dẫn ra cửa:

- Chính vì lý do đó tôi tới đây, để đem anh đi gặp cụ Hồ. Cụ đặt bản doanh bí mật tại một chỗ ở bìa rừng cách đây không xa, vì cụ lúc nào cũng cảm thấy hạnh phúc khi được ở nơi giản dị nhất.

Nửa giờ sau, Kim đưa Joseph vào một túp lều mái tranh, vách nứa và cột tre trong một khu vực đồn điền Cát Hanh Long bên ngoài tỉnh lỵ. Từ sau chiếc bàn vương vãi giấy tờ, Hồ Chí Minh đứng lên, chào đón anh với nụ cười tươi rói. Bằng cử chỉ thân tình, ông tóm lấy cánh tay Joseph và nói:

- Đại úy Sherman ạ, thật mát lòng thoả dạ cho tôi khi được gặp lại anh thêm lần nữa. Tình hình mười ngày vừa qua chuyển động dồn dập, nhanh như cơn bão đầu mùa. Cuối cùng, tôi hy vọng anh đã nghe tin vui từ Hà Nội.

Mặt không ánh lên một vẻ cười, Joseph nói:

- Ông đã lừa chúng tôi một quả tới nơi tới chốn. Ông sử dụng vũ khí của chúng tôi và dùng sự có mặt của chúng tôi bên cạnh ông đằng sau phòng tuyến Nhật để làm ra vẻ như thể Hiệp Chúng Quốc

Hoa Kỳ đứng đằng sau cú cướp chính quyền của ông. Theo như những gì tôi biết, ông đã lạm dụng thiện chí của chúng tôi.

Nụ cười thân thiện của Hồ Chí Minh không nhạt đi chút nào:

- Đại úy ạ, uống bát nước chè xanh Thái Nguyên ngon nhất Việt Nam đã nào. Nó là thức uống làm người ta hạ nhiệt đảáy.

Quay lưng lại, ông quì xuống cầm chiếc ấm khói ám đen sì đang sôi lèo xèo trên cái bếp kê bằng mấy cục đá:

- Tôi lúc nào cũng hết lòng ngưỡng mộ xứ sở của đại úy. Rồi nhờ quen biết anh và người của anh mà lòng ngưỡng mộ đó biến thành tình mến cảm. Tôi cảm thấy buồn bã vô cùng khi anh không hiểu cho điều đó.

- Có phải đó là lý do khiến ông cũng cảm thấy buộc lòng phải lừa dối chúng tôi? Ông không thể nói mình chẳng biết chút gì. Người của tôi và tôi không thể không thấy ở trong rừng ông đã tiếp xúc với rất nhiều người lạ suốt cả tuần lễ huấn luyện vũ khí. Có phải từ đầu tới cuối ông đã sắp mưu tính kế như thế để qua mặt chúng tôi?

- Đại úy ạ, nhưng tôi làm sao biết trước bọn Nhật đầu hàng quá nhanh như vậy. Cũng giống như anh thôi, tôi chẳng biết chút gì về bom hạt nhân. Chúng tôi đã chuẩn bị để cùng anh đánh bọn Nhật trong một năm, hai năm - và nếu cần thì lâu năm hơn nữa.

Hồ Chí Minh đứng lên, rót nước chè vào hai bát nhỏ bằeng sứ men lam Huế. Ông trao Joseph một bát và trầm ngâm hớp nước chè trong bát mình:

- Đại úy Sherman ạ, có phải tôi từng nói với anh rằng đảng của tôi là xứ sở của tôi? Đúng như thế, lời nói đó quả thật không lừa dối chút nào. Ba mươi lăm năm trước đây, tôi rời quê hương trên một con tàu viển dương để ra đi tìm đường cứu nước. Tôi đã lê gót chân đi hầu như khắp nơi trên thế giới. Khi dừng lại ở Paris, tôi xông xáo, loay hoay, và thật sự bế tắc sau những ngày hoạt động hết mình bên cạnh các nhà đại trí thức người Việt, kể cả với một người rất nổi tiếng, bạn đồng tiến sĩ đồng khoa với thân phụ tôi.

Chúng tôi làm báo, vận động kiều bào, đệ nạp thỉnh nguyện thư lên các tổ chức quốc tế để lên án thực dân Pháp và khẩn cầu họ hỗ trợ chúng tôi thoát khỏi thân phận làm một dân tộc thuộc địa.

Hồ Chí Minh dừng lại, châm một điếu thuốc quắn sẵn và nói theo

hơi khói thở ra:

- Thực tế, gần như không một nhà nước phương tây nào chú ý tới các văn bản và lời thỉnh cầu đó, kể cả hội Quốc Liên, kể cả Tổng Thống của quý quốc. Không một chính quyền tự nhận là văn minh nào giúp chúng tôi có điều kiện thu hồi độc lập. Bỗng chốc tôi nhận ra rằng vừa làm vừa tự học trên hai chân mình hoặc bằng các kiến nghị, với các sĩ phu lỗi thời và các trí thức thuần lý thuyết, sẽ không bao giờ đạt được ý nguyện của mình. Trong khi đó, người dân tiếp tục bị vắt kiệt trên đồng ruộng, trong nhà máy, và những người có tâm huyết tiếp tục bị đày ải trong ngục tù. Tôi cần phương thức mới, cần ghê gớm. Tôi cần học hỏi những khả năng đấu tranh chính trị có tính khoa học và hiện đại, cũng ghê gớm không kém. Tôi cần sự hỗ trợ cụ thể của quốc tế, cần kinh khủng. Ông nhấp một ngụm nước chèø, nhìn ra xa quá hàng cau bên kia chiếc sân đất, đắm chìm trong hồi tưởng:

- Rồi cũng tại Paris trong những ngày bế tắc ấy, tôi gặp Lênin, đúng hơn, tôi bắt gặp những dòng chữ của ông ấy. Tôi khởi sự ngưỡng mộ Lênin vì tôi khám phá ra Lênin là một nhà yêu nước vĩ đại muốn giải phóng những đồng bào nghèo khổ của ông ấy. Khi lần đầu tiên đọc “Luận cương về các vấn đề dân tộc và thuộc địa” của Lênin, tôi quá đỗi vui mừng, tới độ phát khóc. Dù chỉ ngồi lồm bồm đọc nó một mình trong căn buồng tôi trọ ở Đường Bonaparte, tôi vẫn phải nhảy dựng lên và kêu lớn: “Hỡi tiền nhân liệt sĩ! Hỡi đồng bào bị dọa đày đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta! Đây là con đường giải phóng dân tộc chúng ta!”

Ông ngừng nói một chút, mỉm cười nhớ lại:

- Như thế, tôi trở thành một trong các đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Pháp. Rồi vài năm sau, tôi được Quốc tế Đệ tam huấn luyện và hỗ trợ để xây dựng cơ sở của Đảng Cộng sản Đông Dương, một tổ chức đấu tranh chính trị chuyên nghiệp, có huấn luyện và hơn hẳn các đảng phái, các phe nhóm chia rẽ và dửng dăng ở trong nước. Đại úy ạ, hết thảy các hành động ấy của tôi được thúc đẩy bởi chỉ một động cơ duy nhất: tôi tin chắc rằng đất nước chúng tôi yếu nhược; nếu muốn lật đổ nền đô hộ mạnh mẽ của Pháp, chúng tôi phải cần tới sự hỗ trợ từ bên ngoài. Ngài

George Washington của anh đã chấp nhận sự hỗ trợ của Pháp để đánh bại người Anh, đúng không? Đối với tôi, cái mà anh gọi “Phong trào Cộng sản Quốc tế Đệ tam” chỉ là cái đã dạy cho chúng tôi, những người bị áp bức tự tổ chức và tự huấn luyện để chống lại những kẻ áp bức mình. Bài học đó đáng giá. Và hiệu nghiệm. Rồi chót hết, sự hỗ trợ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ suốt năm sáu tháng vừa qua, cũng chứng minh rằng nó có tầm quan trọng lớn lao bậc nhất cho chúng tôi. Chúng tôi tán thưởng tinh thần quảng đại Hoa Kỳ đã và đang cống hiến cho chúng tôi. Nhưng đại úy ạ, đồng thời tôi cũng không vì thế phản bội chính nghĩa của mình - đảng của tôi, như anh thấy, nó quả thật là xứ sở của tôi.

Joseph hơi ngần ngại, rồi hỏi thẳng:

- Còn về tấm ảnh của tướng Chennault và những khẩu súng tôi đã biếu ông thì sao? Chúng được dùng vào việc gì?

Đôi mắt của Hồ Chí Minh có vẻ như cười:

- Đại úy ạ, vào thời điểm đó, những người Việt Nam lưu vong ở Liễu Châu vừa thành lập chính phủ Cộng hòa Việt Nam lâm thời do Trung Hoa Quốc Dân Đảng ủng hộ, đang tranh chấp với Mặt Trận Việt Minh do tôi phục hoạt. Khi trở về với tấm ảnh có ký tặng đó và đưa sáu khẩu súng lục cho những người đang kỳ vọng chính phủ lâm thời thấy, tôi chỉ để yên cho họ có cảm tưởng rằng Việt Minh được sự ủng hộ mật thiết của vị tướng lãnh Hoa Kỳ lừng danh ấy và rằng các khẩu súng lục là đặc ân của ông ấy dành riêng cho cá nhân tôi. Sự nhập nhằng nhỏ nhoi ấy cho phép Việt Minh phô trương thanh thế và bản thân tôi nắm trọn quyền kiểm soát phong trào Việt Minh trong thời điểm quan trọng đó, chẳng còn ai dám thách đố chúng tôi nữa.

Nói tới đây, bộ mặt của Hồ Chí Minh sáng lên một cách cực kỳ tinh quái tới độ Joseph đang bức mình cũng phải bật cười. Ông vuốt chòm râu thưa thưa, mặt bỗng lộ vẻ cực lòng:

- Đại úy ạ, tôi lấy làm tiếc là anh cảm thấy thiện chí của anh bị lạm dụng. Những sự việc như thế này có lẽ khó nói, nhưng không phải tất cả chúng ta, không cách này thì cách nọ, đều không ít thì nhiều, phải dùng tới những kẻ có cảm tình với mình sao? Và việc anh biết ra điều chúng tôi đã làm đó có thật sự gây trở ngại tới độ chúng ta

chẳng còn có thể tiếp tục mến cảm nhau một cách sâu xa không? Tôi có cảm tưởng rằng anh đang bị lôi cuốn vào đất nước và dân tộc chúng tôi; và tôi hy vọng rằng trong những việc tôi làm, sẽ không có điều gì làm thay đổi sự lôi cuốn đó. Tôi muốn giữa hai xứ sở chúng ta có tình thân hữu bền chặt - và tôi cũng muốn tình thân hữu giữa hai con người chúng ta tiếp tục càng ngày càng thêm thắm thiết.

Joseph nói nghiêm giọng:

- Để sự hợp tác hoặc tình thân hữu ngày càng lớn mạnh, cả đôi bên đều phải có sự tín nhiệm lẫn nhau. Lý ra trước đây ông nên báo với chúng hoặc có thể kể cho tôi nghe những bí mật ấy của ông!

Trong một chốc, vị lãnh tụ người An Nam nhìn Joseph chăm chú. Dù cơn bạo bệnh vừa qua tàn phá gương mặt ông ra hốc hác thâm nhum bộ mặt ấy vẫn hằn vẽ quyết tâm và định tĩnh. Joseph lại thấy rõ hơn nữa rằng mình bất lực trước cái cá tính mạnh mẽ và hiem hoi đang giữ vững ông. Hồ Chí Minh nói điềm đạm:

- Đại úy ạ, không phải bất cứ lúc nào ta cũng có thể làm được những gì mình muốn. Vì tôi đánh giá cao tình thân hữu của anh, và mong ước rằng thông qua những bằng hữu quý báu như anh, quan hệ giữa quý quốc và chúng tôi sẽ tiến những bước tích cực hơn nữa, nên tôi sắp kể cho anh nghe chính xác những gì xảy ra nơi mặt khu trong rừng suốt mấy ngày gay cấn vừa qua.

Hồ Chí Minh dừng lại như để chuẩn bị sự chú ý cho Joseph, rồi ông nói tiếp:

- Đó là khoảng thời gian chúng tôi bận túi bụi lo việc tổ chức cho tương lai của quốc gia mình. Chúng tôi biết rõ dân chúng chỉ nghe nói tới Mặt Trận Việt Minh một cách mơ hồ và chúng tôi chỉ có vài ngàn cán bộ được huấn luyện. Tình huống đó có nghĩa chúng tôi phải làm việc thật gấp và không để lỡ một cơ hội, không bỏ phí một giây một phút nào. Sự đầu hàng đột ngột của quân Nhật tạo ra một lỗ trống vì các chủ nhân ông người Pháp của chúng tôi vẫn còn ở trong các trại giam. Khối Đồng Minh họp ở Potsdam đã quyết định rằng Đông Dương sẽ bị Trung Hoa và Anh cùng chiếm đóng - nhưng phải mất vài tuần nữa, quân đội của hai nước đó mới tới. Trong khoảng thời gian ấy tổ chức ít ỏi của chúng tôi phải thực

hiện một mưu chước ảo thuật vĩ đại. Phải làm sao cho Mặt Trận Việt Minh xuất hiện trước dân chúng và trước khối Đồng Minh như một tổ chức lớn rộng và mạnh mẽ, một tổ chức của những người yêu nước, tha thiết với độc lập dân tộc và có năng lực tự cai quản xứ sở của mình. Chẳng bao lâu nữa Việt Minh sẽ như thế nhưng cho đến ngày xảy tới điều đó chúng tôi phải tạo ra một ảo giác. Chúng tôi phái số cán bộ ít ỏi của mình đi khắp mọi miền đất nước để sách động quần chúng, in cờ và khẩu hiệu, tổ chức biểu tình. Trước khi chúng tôi bắt tay vào việc, thật khó có thể giải thích mọi sự với anh - nhưng lúc này anh đã thấy một số thành quả trong những làng mạc anh vừa đi qua, đúng không?

Joseph gật đầu:

- Vậy có phải tất cả những cái đó đều do bởi cán bộ tuyên truyền của ông bịa ra?

Hồ Chí Minh mỉm cười, chậm chậm lắc đầu:

- Không đúng như vậy đâu đại úy. Không “bịa ra” chút nào. Chắc chắn nội dung các diễn tiến, không ít thì nhiều, không lọt qua nỗi tai mắt đoàn quân báo của đại úy. Như tôi đã nói, vì tình bạn giữa anh và tôi, tôi sẽ kể sơ lược một số chi tiết, như một lời tâm sự đầy thiện chí và riêng tư của một người bạn chân tình đối với một người bạn thân thiết.

Đưa tay đề lên nắp ấm còn nóng, Hồ Chí Minh châm thêm vào hai bát nước chè rồi nhìn thẳng vào mắt người Mỹ:

- Năm ngày sau khi quả bom hạt nhân của quý quốc biến

Hiroshima thành bình địa, chúng tôi lập tức họp đại hội toàn quốc ở Tân Trào và ra lệnh tổng khởi nghĩa trên cả nước. Như đại úy đã biết, ngày 14 tháng Tám Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng. Hôm sau, các nước đồng minh quyết định duy trì nội các của nhà học giả, mà tôi có lần nặng lời phê bình với anh, để làm chính phủ chuyển tiếp, nhưng hành động ấy của họ chậm mất một bước. Trong tuần lễ đó, người của chúng tôi đã tranh thủ quần chúng hoặc cướp chính quyền tại nhiều tổng huyện trên toàn quốc. Cuộc tranh thủ quần chúng ấy đạt tới đỉnh cao nhất vào ngày 17 tháng Tám vừa qua tại Hà Nội.

Hồ Chí Minh ngừng lại một chút, rồi mắt lại long lanh như đang

cười hóm hỉnh:

- Hôm đó, hưởng ứng lời kêu gọi của thủ tướng học giả họ Trần và Khâm sai Bắc Việt họ Phan, Tổng hội Công chức hô hào dân chúng lũ lượt kéo tới Nhà Hát Lớn để ủng hộ chính phủ. Khí thế dân chúng sôi nổi với khát vọng độc lập tự do. Và ngay lúc ấy, trước con mắt ngạc nhiên của 15 vạn người tham dự, cờ đỏ sao vàng xuất hiện phát phới và cán bộ Việt Minh chiếm diễn đàn. Chúng tôi đọc Bản Hiệu Triệu của Việt Minh, trình bày khát vọng của đồng bào là muốn được Đồng Minh giúp đỡ để Việt Nam hoàn toàn độc lập. Đồng thời chúng tôi hứa hẹn một viễn ảnh nếu Việt Minh lên cầm quyền, dân không phải đóng thuế nữa, được hoàn toàn tự do và có nhiều hạnh phúc. Sung sướng quá, dân chúng hoan hô, nhất là thanh niên, tiếng rền vang như sấm dậy. Hai hôm sau, cũng ngay tại Hà Nội, Mặt trận Việt Minh tổ chức một cuộc mít-tinh còn lớn gấp bội, với hàng vạn nông dân và nhân dân nội ngoại thành cùng các đoàn tự vệ cứu quốc hô hào thành lập chính quyền nhân dân, rồi kéo nhau đi chiếm các cơ quan của chính phủ. Châm thêm điều thuốc, Hồ Chí Minh cười mãn nguyện:

- Giờ đây dân chúng khắp nơi tự động chấp nhận quyền lãnh đạo của chúng tôi. Không có cuộc biểu tình nào ủng hộ Việt Minh là bịa đặt. Và chắc chắn đại úy cũng đồng ý với tôi rằng không thể nào thành tựu được thực tế đó nếu không đi đúng với khát vọng của quần chúng, vận dụng cơ hội, quyết tâm cao độ và tổ chức khoa học. Ngay lúc này, nếu anh có mặt ở Hà Nội, trái tim của Việt Nam, anh sẽ thấy cờ đỏ sao vàng bay rợp phố phường, còn rộn ràng tung bừng gấp bội những cảnh tượng anh vừa thấy trên đường từ Cao Bằng tới Thái Nguyên này.

Đặt tay lên cườm tay của Joseph, Hồ Chí Minh trầm giọng:

- Là người từng nghiên cứu lịch sử và xuất thân từ một gia đình có truyền thống làm chính trị, đại úy ạ, anh thừa biết rằng việc truyền bá sâu rộng chính nghĩa trong quần chúng đòi hỏi phải tổ chức kỷ lưỡng và hoạt động gian khổ - nhưng những cái đó sẽ không đưa tới đâu nếu tập thể quần chúng không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ.

Joseph rút tay về, bưng bình phản bác:

- Như vậy, phải chăng dân chúng trong các làng mạc tan hoang đã không đáp ứng bằng chính tâm hồn của họ. Người của tôi khám phá ra rằng ông sát hại đàn ông con trai của họ và đốt cháy nhà cửa của họ chỉ vì họ không chịu tham gia với ông.

Hồ Chí Minh nói thẳng thừng:

- Chẳng may những thí dụ như thế thì hiếm, đại úy ạ. Không ích lợi gì khi cứ nói đi nói lại mãi chuyện đó. Nếu đồng bào của anh bị làm nô lệ cho cường quyền ngoại bang trong suốt một trăm năm, rồi đột nhiên, anh thấy trước mắt mình đang mở ra một thời cơ để giải phóng họ, phản ứng của anh sẽ như thế nào? Liệu anh có để cho vài kẻ nghi hoặc đứng yên trên lối đi của anh không? Liệu anh có dám tuyên bố rằng mình yếu nhược và mình chẳng có ai là bạn hữu đầy sức mạnh? Liệu anh có chịu lùi bước, ngồi xuống và cam chịu rằng: “Tổ chức của mình không đủ mạnh”? Hoặc phải chăng anh cũng hành động y hệt như tôi đã hành động?

Trong một chốc, Joseph đắm đắm nhìn mấy cục than hồng trong bếp lửa. Anh nói chậm chậm:

- Tôi cho rằng hẳn mình cũng làm những gì ông đã làm.

Một nụ cười rạng rỡ làm sáng lên vẻ mặt tiêu tụy của Hồ Chí Minh. Ông tóm cả hai bàn tay của Joseph:

- Đại úy, cảm ơn anh. Hãy để tôi mời anh thêm một bát nước chè nữa.

Vẫn mỉm cười tươi rói, ông quay mình và thêm lần nữa cúi húi với chiếc ấm khói ám đen sì.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 12 -

Trời tờ mờ sáng, trên cánh đồng Hương Trà còn ướt đầm sương đêm, số người tụ tập để tuần hành vào Huế đã lên đến trên mười ngàn. Bộ quần áo bà ba màu lam hoặc nâu lênh lặn nhất trên mình của người may mắn nào đó cũng không khỏi bị giẫm đôi ba chỗ vá. Họ gồm những nông dân đứng tuổi khắc khổ, khuôn mặt hốc hác, nước da tái tái; các thanh niên hai mắt long lanh, tay chân không ngót mùa men; và các thiếu nữ má hây hây đỏ, tóc cột gọn gàng thả xuống sau lưng hay một bên ngực. Từ các tổng làng xa cả chục cây số, họ thức dậy lúc ba bốn giờ sáng, ăn qua loa vài củ khoai sắn và ém vội mo cơm độn, kèm theo muối ruốc, rồi nườm nượp kéo nhau về đây tập trung theo lời kêu gọi của Ủy Ban Khởi Nghĩa. Từ chỗ này, họ sẽ cùng nhau đi bộ tới Sân Vận Động Huế tham dự buổi mít-tinh đón tiếp phái đoàn đại biểu Việt Minh từ Hà Nội vào tiếp nhận sự thoái vị của Bảo Đại.

Hôm đó là ngày 29 tháng Tám. Cuộc nổi dậy cướp chính quyền bùng lên từ huyện Phong Điền mười một ngày trước, tới nay đã lan khắp các huyện trong tỉnh. Khí thế cách mạng đêm ngày cuộn cuộn như nước nguồn từ dãy Trường Sơn hằng năm đổ về. Tên Hồ Chí Minh xuất hiện và mang đầy vẻ bí ẩn trên cửa miệng thì thầm của những người có hoạt động quốc sự, làm lòng họ thêm nôn nao hy vọng. Tuy thế, nhiều người vẫn tự hỏi có quả thật ông ấy là Nguyễn Ái Quốc, một người chống Pháp đòi độc lập tự do cho dân tộc, mà tên tuổi đã đi vào truyền thuyết. Hầu như không người nào trong họ biết rõ “cách mạng” là gì nhưng không hiểu sao âm thanh của hai tiếng ấy làm tim họ đập rộn ràng. Nó như hiệu lệnh thúc họ đứng lên chiến đấu, để chấm dứt những ngày dài nô lệ đói rét, để mọi người được ăn no mặc ấm, và để đất nước từ nay sạch bóng bọn tây đô hộ cùng đám tham quan ô lại và cường hào ác bá. Trong lúc lâng lâng với những ý nghĩ đó, họ cảm thấy rung mình,

như có linh cảm mơ hồ về những gian nan sắp tới. Là người sống bằng mồ hôi của chính mình, họ biết việc gì trên đời cũng có cái giá của nó. Cách mạng, nếu như thế, cũng có thể đưa tới chiến địa, tù ngục và huyết mộ dành cho con cái họ, thậm chí bản thân họ. Riêng với thanh niên, hai tiếng “cách mạng” nghe rất nôn nao, như thể sắp có một cuộc đổi đời, say sưa và tích cực. Đầu họ ngẩng cao thách thức. Chân đi trên thửa ruộng còn đầy gốc đay mới đây bị trồng thay lúa, mà máu huyết cứ rần rật sôi trong người. Sợi gân sau cổ chân cứ co giật, muốn bung lên về phía trước, xung phong lao tới một đối phương đang đợi sẵn. Cách mạng, nghe rất quốc sự và đầy ước vọng, như thể cuộc đời họ sắp được kéo lên từ chốn hiện tại mịt mù nhất, đem họ đi thật xa, ra khỏi nơi thôn làng tù túng và cơ cực. Họ sẵn sàng hiến dâng tâm hồn, thể xác và tuổi xuân cho cách mạng. Họ hân hoan chấp nhận cuối con đường quang vinh đó có thể là huyết mộ. Nhưng được chết ngửa mặt với vũ khí trong tay còn hơn chết bần bật tù đầy hoặc sống đầy đọa với sưu cao thuế nặng. Và họ tin tưởng, như đinh đóng cột, rằng những kẻ đang kêu gọi họ đứng lên đấu tranh kia là người cùng chung thân phận, cùng da vàng máu đỏ, và hơn nữa, đồng một bào thai dân tộc, nên sẽ không bao giờ lường gạt hoặc phản bội họ.

Hôm nay ngọn gió sớm mai mùa thu từ phương đông thổi tới cánh đồng phơi phới lạ thường. Tới bảy giờ, cả vạn người ấy vào hàng ngũ chỉnh tề, xuất phát theo hiệu lệnh. Lá cờ đỏ sao vàng lớn như mái nhà đi dẫn đầu, được cầm cứng cỏi bằng cả hai tay của những thanh niên lực lưỡng luân phiên nhau. Kế đó, một biểu ngữ đỏ thắm giăng ngang mặt đường do đôi trai gái rạng rỡ dương cao, với hàng chữ màu vàng: “Nhân Dân Tỉnh Nguyễn Tri Phương Nhiệt Liệt Tham Gia Cách Mạng”. Từ mấy ngày qua, danh xưng tỉnh Thừa Thiên - nghe đầy vẻ phong kiến và thần phục - đã được Ủy ban Cách mạng đổi thành tên của vị danh tướng sinh trưởng ở tỉnh nhà. Ông từng chống giữ hai thành Gia Định và Hà Nội vào những ngày đầu cuộc xâm lược của thực dân Pháp. Chẳng may bị bắt, ông chọn cái chết như một hình thức tuân tiết để bày tỏ lòng yêu nước và không đội chung trời với giặc tây dương.

Đi sau biểu ngữ đỏ thắm ấy là hàng trăm thanh niên nam nữ cứu

quốc. Quần xắn cao, một tay cầm vũ khí tự trang bị gồm mác, hoặc lô ô vót nhọn, giáo và gươm, một tay cầm cờ đỏ sao vàng do gia đình hoặc thôn xóm tự may. Thịnh thoảng có vài thanh niên hoa mã tấu theo thể tả hữu hoành đao mới học. Tiếp đó là những nông dân đứng tuổi, đàn ông đàn bà và các thiếu niên, đi theo sau biểu ngữ ghi rõ tên tổng xã của mình. Đoàn người cờ xí rợp trời kéo dài tới mấy cây số, vừa đi vừa hô vang khẩu hiệu theo giọng xướng oang oang từ những chiếc loa làm bằng lá nhôm mỏng hoặc mo cau cuộn lại:

- *Đả đảo phát-xít*
- *Quét sạch giặc Tây*
- *Triệt để ủng hộ Việt Minh*
- *Cương quyết tham gia cách mạng...*
- v.v...

Tiếng họ gào lên thật lớn, rền vang tường thành kinh đô và dội lại trên sông nước Vạn Xuân khi đi ngang bãi hành quyết bên kia cầu An Hoà rồi tiếp bước dọc con hào nép sát tường thành cao vờn vờ. Qua cửa Chánh Tây rồi cửa Hữu, dưới hàng ngàn dây cờ đỏ sao vàng bay phát phới và các biểu ngữ có cùng nội dung với các khẩu hiệu, đoàn người dừng chân gần cầu Bạch Hổ. Tại đây, họ nhập chung một đoàn hàng ngàn người dân khác cũng đang tung bừng khí thế, từ Văn Thánh Kim Long kéo xuống. Thay vì chọn con đường ngắn nhất qua cầu Bạch Hổ, đoàn người rẽ về hướng đông, tiến bước trên con đường rộng thênh thang giữa sông Hương và hoàng thành, dẫn tới cầu Tràng Tiền.

Tiếng hô khẩu hiệu lại tràn lên tường thành và dội xuống, lan xa mặt nước khiến dòng sông Hương thường ngày trầm lặng hôm nay bỗng như rừng mình, nghiêm trọng chứng kiến những giờ phút đổi thay của lịch sử. Ngang Phú Văn Lâu, các thanh niên thiếu nữ phấn chấn hô khẩu hiệu to hơn khi thấy trên kỳ đài đã phát phới lá cờ đỏ sao vàng thay cho cờ vàng của nhà vua và chính phủ. Từ mấy ngày nay, Ủy ban Khởi nghĩa đã hạ cờ vàng xuống, kéo cờ đỏ lên trước khí thế dũng mãnh của dân chúng kinh đô và sự hoang mang co rút của nhà vua cùng nội các. Lính Nhật đang đóng cửa trại chờ quân Trung Hoa tới giải giới. Lính Pháp vẫn bị cầm giữ trong Mang Cá

từ ngày Nhật đảo chánh. Lính khố đỏ rã ngũ từ năm tháng trước. Lính khố xanh, khố vàng và lính hộ thành đã ngã theo cách mạng. Phố xá Huế hôm nay không mua bán nhưng nhộn nhịp khác thường với cờ xí đỏ rợp trời. Nhà nhà đua nhau may cờ, may biểu ngữ. Đường phố tấp nập người đi lai. Có kẻ cầm trên tay thanh đại đao sáng quắc. Có kẻ cầm khẩu súng mát-cơ-tông dài thòng thường bị dân địa phương gọi đùa là “đùi giữ vịt”. Không một ai ra đường hôm nay với thẻ ngà đeo trước ngực. Cầu Tràng Tiền rung lên theo nhịp chân đi. Hai bên thành cầu, những bức tranh cổ động trên đó vẽ cánh tay cầm búa vung lên đập tan xiềng xích cũng rung theo như có hàng chục chiếc búa quật mạnh trong nắng mai đập dòn sóng nước.

Vừa qua khỏi cầu đoàn người đã thấy rộn rịp từ xa thêm ba đoàn người nữa cũng đang rầm rập kéo đến như họ. Một từ Hương Thủy tập trung ở cánh đồng Dạ Lê kéo ra, qua cầu An Cựu. Một từ Nam Giao và Long Thọ tập trung ở Ga Huế kéo xuống. Một từ Phú Vang tập trung ở cánh đồng Nam Phổ kéo lên qua ngã Đập Đá; đoàn thứ tư này khí thế oai mãnh nhất. Đi đầu đoàn là cả trăm nam nữ thanh niên tay cầm dao phay hoặc trường côn, chân bước rầm rập như tiêu biểu cho khí thế và tinh thần chuộng võ của thanh niên xứ thần kinh. Họ là môn sinh võ phái gốc Việt chính tông Bạch Hổ Sơn Quân của dòng họ Nguyễn Hữu từng sản sinh nhiều danh tướng bảo vệ xứ Đàng Trong. Về sau, một môn sinh ưu tú là Giáo Hiến đã mang vào dạy cho anh em Tây Sơn, làm thành võ Bình Định. Nó cũng theo chân Lễ Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh và đoàn lưu dân vào nam lập nên võ học Tân Khánh Đồng Nai. Bốn đoàn nông dân gồm trên bốn vạn người, như bốn dòng nước nguồn chảy cuộn cuộn về Sân Vận Động. Ở đó, cả bốn nhập làm một trong tiếng loa, tiếng máy phóng thanh oang oang giọng của chủ tịch Ủy ban Khởi Nghĩa, đồng thời cũng là Ủy ban Nhân dân Cách mạng, một thanh niên thi sĩ mới ngoài hai mươi tuổi. Anh say sưa báo tin từng giờ từng phút bước chân của phái đoàn đại diện Việt Minh đang theo con đường cái quan vào gần tới Huế. Hai giờ chiều hôm đó, tại Thế Miếu thờ vua Gia Long và các tiên đế, tọa lạc bên hữu điện Thái Hòa, sau nửa giờ chờ đợi “văn võ bá

quan” nhưng cuối cùng chỉ có mặt bốn cận thần nội cung, hoàng đế Bảo Đại ra hiệu cho quan nghi lễ đại thần đốt trầm rồi thấp nhang đưa cho mình. Ông cầm lên nắm nhang, vái ba vái và quì xuống, lâm râm cáo yết liệt tiên đế về dự tính thoái vị. Sau khi dâng hương xuống chiếu bốn lần, ông đứng dậy và vái ba vái. Thay vì trao nắm nhang cho quan chấp sự, ông đích thân lần lượt cắm từng cây nhang vào lư hương trên bầy án thờ. Rơm rớm nước mắt, không biết vì xúc động hay vì không quen nhang khói, ông đưa lưng bàn tay lên chà xát đôi mắt. Lòng âm thầm tự hỏi phải chăng đây là lần cuối được làm lễ tại tôn miếu của các đấng tiên vương.

Bước ra khỏi Thế Miếu, nhà vua tần ngần đứng nhìn chín cái đỉnh đồng chạm hình mặt trời, mặt trăng, núi sông hoa cỏ, các giống động vật, thực vật và đồ binh khí, xe thuyền của nước Việt. Mỗi cái đỉnh lấy chữ trong miếu hiệu của một tiên vương. Cửu đỉnh tượng trưng cho tính chính thống của thiên mệnh. Sức nặng của chúng tượng trưng cho trường trị. Đưa tay rà theo lưng chiếc đỉnh chạm hình núi sông, nhà vua hít vào thật sâu và tự hỏi, lúc này câu “Hoành sơn nhất đại vạn đại dung thân” chẳng còn linh nghiệm, liệu rằng Ất Dậu năm nay có ứng với câu “Thân Dậu niên lai kiến thái bình” không, hay lời sấm ấy mãi mãi chỉ là nỗi hoài mong để làm nguôi ngoai những điều linh của một dân tộc mấy trăm năm nay sống trong chia lìa, loạn lạc?

Hoàn tất lễ cáo yết, Bảo Đại quay về lầu Kiến Trung trong Tử cấm thành. Ở đó cùng hoàng hậu Nam Phương và thái tử Bảo Long, ông ngồi cho bốn cận thần làm lễ cáo biệt như một thể thức bày tỏ lòng trung quân sau cùng, thay mặt “văn võ bá quan” lúc này hoang mang lo sợ tới độ không dám đặt chân vào Đại Nội. Hoàng đế cố giữ nét mặt thản nhiên trong khi hoàng hậu có vẻ cảm động rơm rớm nước mắt. Nhìn viên Tổng lý ngự tiền văn phòng Phạm Khắc Hòe cúi mình vái thật thấp Ngài Ngự rồi Ngài Hoàng trong khi Nam Phương không muốn ngó thẳng mặt kẻ vái biệt mình, Bảo Đại tự hỏi không biết họ Phạm kia là người thành tâm với vận nước hay chỉ là kẻ đón gió.

Qua những lần đi lại như thoi đưa với Việt Minh, suốt mười ngày nay họ Phạm dai dẳng thúc giục đức vua thoái vị, trao quyền cho

Mặt trận Việt Minh. Dẫn chứng câu sấm bảo là của Trạng Trình caùch đây 300 năm: “Đụn Sơn phân giải, Bò Đái thất thanh, Nam Đàn sinh thánh”, nghĩa là: “Khi nào núi Đụn Sơn tự tách ra, khe Bò Đái mất tiếng kêu, thì có thánh nhân ra đời tại huyện Nam Đàn”, họ Phạm thuyết phục rằng chính Hồ Chí Minh, người Nam Đàn, là vị thánh nhân đó.

Khi thấy họ Phạm đích thân kiểm tra từng chút một tài sản trong Đại Nội, Bảo Đại đã hỏi thấp giọng:

- Thầy nói cho Trẫm biết việc tái kiểm kê các thứ tài sản để chuẩn bị giao cho chính quyền cách mạng tới đâu rồi?

- Tâu đã hoàn tất. Chỉ là xác nhận bản kiểm kê lập mỗi dịp lễ Phát thức hằng năm. Quý giá nhất vẫn là các đồ vật bằng vàng bạc ngọc ngà châu báu của liệt tiên vương, hiện cất trong hầm lớn dưới mái sau của điện Càn Thành. Chờ tới lúc Ngài Ngự ban xong Chiếu Thoái vị là trao ngay danh sách cho đoàn đại biểu chính phủ Việt Minh.

Lưỡng lự đôi chút rồi đức vua hỏi băng quơ:

- Không biết những bảo vật này rồi sẽ ra sao nhỉ?

Phạm Khắc Hòe trả lời tươi tỉnh:

- Tâu, đại diện Việt Minh đã cam kết với thần rằng chúng là tài sản văn hóa của dân tộc. Chúng sẽ được chính quyền cộng hòa bảo quản nghiêm minh và đưa hết vào viện bảo tàng.

Thụ lễ cáo biệt xong, Bảo Đại ra lệnh bí thư họ Phạm ở lại để cùng ông duyệt lần chót Chiếu Thoái vị. Nam Phương hoàng hậu rời lầu Kiến Trung, bắt đầu dạo Ngự Viên như mọi ngày. Bà đi thơ thẩn ngắm các hòn giả sơn. Ánh nắng xiên khoai buổi chiều mùa thu không chói chang nhưng cũng đủ làm lấm tấm mấy giọt mồ hôi hai bên thái dương dưới mái tóc búi. Hoàng hậu thở dài, đặt chân xuống con đường sạn dẫn tới chiếc cầu nhỏ bắc qua Tiểu Ngự hà. Những hạt sỏi trên mặt đường cồm cộm dưới đế giày cườm như nhắc nhở Nam Phương rằng đây hẳn là lần cuối cùng còn bước đi giữa khu vườn xinh đẹp này. Chỉ ngày kia thôi, hoàng gia sẽ dời sang cung An Định, bên bờ sông An Cựu.

Trong nắng chiều vàng nhạt, màu trắng của chiếc quần sa tanh và

màu đỏ của chiếc áo vóc làm bà nổi bật lên giữa màu tía của Tử cấm thành, màu vàng của Đại nội và màu của ngàn hoa vẫn khoe sắc trong Ngự Uyển. Bỗng dưng hoàng hậu lắc lắc đầu như muốn xua đi giấc mơ đêm qua. Ở một nơi rất xa, trong trời tờ mờ sáng tại một làng nhỏ vùng bắc nước Pháp, và từ một góc thật sâu đâu đó, hình như bà hoặc linh hồn của bà thấy người ta khiêng chiếc quan tài màu đen vào ngôi nhà thờ nhỏ. Những ngọn nến đỏ lung linh. Cha sở mặc áo đen. Bài kinh Requiem đã cũ được ca đoàn áo đen, khăn quàng cổ trắng, hát lên bằng tiếng la-tinh nghe thật luyến tiếc. Chung quanh di thể bà chỉ có mặt mấy người con, hai người hầu và các phụ nữ Pháp. Phải chăng đó là viễn tượng ngày lìa đời của một người không thật sự muốn làm hoàng hậu. Bà không biết. Nhưng trong nắng quái chiều nay, những chiếc áo đen và điệu nhạc cầu hồn ấy nhắc bà nhớ tới chiếc áo thiên thanh và điệu nhạc khiêu vũ mười hai năm trước.

Khi Marie Thérèse Nguyễn Hữu thị Lan cùng người cậu ruột vượt qua mấy đoạn tầng cấp hai bên xếp dọc những chậu cây thiên tuế, đặt chân lên thềm Khách sạn Langbian Palace, buổi dạ vũ đã bắt đầu từ lâu; tua vũ nhạc vừa sang vòng thứ hai. Gió hồ Xuân Hương thổi lên lành lạnh, tỏa vào sương đêm mùi hương hoa cỏ Đà Lạt lan xa từ vườn hoa thành phố dưới chân đồi cù, mé bên kia mặt hồ. Viên đốc lý người Pháp - thị trưởng Đà Lạt - mừng rỡ chạy ra đón hai cậu cháu và vội vàng dẫn vào trình diện nhà vua trẻ đang ngồi hờ hững trong chiếc ghế bành-tô một đầu sảnh đường. Đó là một đêm mùa hạ năm 1933, thời khắc mở đầu cho cuộc hôn nhân vương giả. Nguyễn Hữu thị Lan khép nép quì một gối, cúi đầu sát sàn nhà, vái chào nhà vua chỉ hơn mình một tuổi. Bảo Đại xao xuyến nhìn vị tiểu thư miền nam với vẻ đẹp sắc sảo phương tây và nét đơn sơ trong chiếc áo dài màu xanh da trời mộc mạc. Cách đây một năm, hai người chung chuyến tàu hỏa hương nhưng không có cơ hội quen nhau. Một đảng là quốc chủ một nước. Một đảng là tiểu thư vừa tốt nghiệp trường nữ trung học Couvent des Oiseaux nổi tiếng của Paris, thích thể thao và cuộc sống ngoài trời. Nàng lại thuộc một dòng họ giàu sang nhất miền nam, cháu ngoại vị huyện quan từng bỏ tiền xây một thánh đường tuy không lớn

nhưng thuộc loại đẹp nhất Sài Gòn. Cô tiểu thư ấy không bao giờ có ý nghĩ mình sẽ là hoàng hậu. Tối nay, nể lời người cậu lỡ hứa với thị trưởng, nàng dự tính chỉ ghé qua cuộc dạ vũ, vái chào đức vua rồi ra về. Vừa lúc người cậu nâng Marie Thérèse đứng lên và nhạc trời tango, nhà vua trẻ hào hoa đưa tay mời ra sàn nhảy. Từ đó, tiếng nhạc đập diu ấy đi vào cuộc đời của hai người, và mãi mấy năm sau hoàng hậu mới biết tất cả đều do sự dàn dựng của Toàn quyền Đông Dương và triều đình.

Qua năm sau, Nguyễn Hữu thị Lan nhận lời cầu hôn với điều kiện đám cưới cử hành theo nghi lễ Công giáo, được phong làm hoàng hậu, để ràng buộc nhà vua sống đời một vợ một chồng. Bảo Đại hân hoan đồng ý và ban tặng danh hiệu Nam Phương, bà hoàng miền nam có nhan sắc phương tây.

Về với hoàng triều khi vừa hai mươi tuổi, khoác áo chim trĩ lên người để làm nữ chủ nhân Tử cấm thành, bà dần dà thu phục được lòng mến cảm của tôn nhân phủ vốn sùng bái đạo Phật cùng đạo Tổ tiên, đa nghi đạo Công giáo, và cảm thấy “điềm gở” của hai tiếng “hoàng hậu.” Từ thời Minh Mạng, các tiên vương đã tuân theo di ngôn ngũ bất lập: không lập hoàng hậu, không lập đông cung, không lập tể tướng, không lập trạng nguyên và không phong tước vương. Chỉ tới triều Khải Định, nhà vua mới phong cho hoàng tử Vĩnh Thụy làm đông cung. Và sang triều này, Nam Phương mới được phong hoàng hậu.

Mười một năm làm hoàng hậu, Nam Phương sinh cho đức vua hai hoàng tử và ba công chúa. Thường ngày, ngoài việc giáo dưỡng các con bà thỉnh thoảng phải cùng quan chức bộ Lễ bàn thảo các lễ lạc trong cung đình, lo việc cúng giỗ liệt tiên đế, vấn an các bà Tiên cung và mẹ chồng, bà Từ Cung Hoàng thái hậu. Dần dà, dáng đi uyển chuyển, khuôn mặt thùy mị và giọng nói miền nam mềm mại như chim hót của bà chinh phục được hầu hết triều thần, đặc biệt khi họ thấy bà tuyển cho nhà vua những cận thần chính trực để làm quan nghi lễ hay quan ngự tiền. Họ hiểu ra rằng hoàng hậu muốn nhà vua hành xử đúng với đế hiệu Bảo Đại là xây dựng một “triều đại huy hoàng vĩ đại.”

Nhưng rồi khi thấy những khích lệ của mình không cũng cố nổi

người chồng thiếu bản lĩnh quân vương, bà bắt đầu can thiệp tích cực hơn và có những hoạt động riêng của mình. Bà hiện diện nhiều hơn trong các buổi đón tiếp quốc khách, tham dự công tác xã hội, thăm các trường học, hội nam nữ hướng đạo, v.v. Bà vận động đưa môn nữ công gia chánh vào học đường và khích lệ các nữ sinh sánh vai với nam giới. Bà cổ vũ tinh thần yêu nước, xem ba miền đất nước cũng chỉ thuộc về một dân tộc. Bà là hoàng hậu đầu tiên của nhà Nguyễn có những hoạt động văn hóa xã hội bên ngoài hoàng thành và tạo được sự trọng nể của đám tây thuộc địa kiểu cách. Khi học giả Trần Trọng Kim thành lập nội các, chính Nam Phương là người gợi ý cho ông đưa nhiều phụ nữ vào các hội đồng chính phủ.

Hai ngày sau khi Nhật đảo chánh chính quyền Pháp ở Đông Dương và muốn Bảo Đại thành lập thể chế quân chủ lập hiến theo kiểu Thiên Hoàng, đức vua đã cùng các thượng thư trong nội các Nam triều đồng ký Bản Tuyên ngôn Độc lập do Phạm Quỳnh soạn; tuyên bố nước Việt Nam đã thoát khỏi sự đô hộ của người Pháp; thống nhất nam trung bắc; và hủy bỏ tất cả các hiệp ước Pháp Việt trước đây. Nhà vua trao cho nhà giáo kiêm học giả Trần Trọng Kim chức thủ tướng và quyền lập chính phủ của Việt Nam. Đây là một chính phủ đa nguyên, với thành phần bộ trưởng hầu hết là trí thức, chuyên gia yêu nước, phát xuất từ các địa phương và các khuynh hướng chính trị khác nhau. Ngày trình diện nội các ở điện Cần Chánh, vị thủ tướng đầu tiên của Việt Nam mừng rỡ khi nghe nhà vua nhắc đi nhắc lại ba chữ “Dân Vi Quí” kèm theo lời hứa từ nay Trẫm đích thân lo việc nước. Chỉ một tháng sau, lời hứa ấy chìm dần vào những cuộc đi săn và những trò tiêu khiển phóng túng quen thuộc của nhà vua.

Nội các của họ Trần bề ngoài gồm những người đủ tài đức nhưng sâu bên trong họ là những trí thức theo chủ nghĩa dân tộc, không làm chính trị theo lối thủ đoạn và họ thật bụng tin người đồng chủng. Trong bốn tháng chấp chánh ngắn ngủi, họ gây được niềm hứng khởi cho trí thức, thanh niên và dân chúng. Họ làm được khá nhiều việc, như phóng thích tất cả chính trị phạm, cải tổ và Việt hóa giáo dục, cổ động và tiến hành bãi trừ quan lại tham ô, phát

động phong trào thanh niên dần thân và phục vụ, cổ vũ nữ quyền, xóa nạn mù chữ, v.v. Nhưng đó chỉ là một nội các thời bình, không biết tới hai chữ thời cơ. Họ chưa có kinh nghiệm để có những cái nhìn chính trị thực tế và sâu sắc cùng những biện pháp uyển chuyển trước một Hồ Chí Minh đầy quyền biến mưu lược và là kẻ tự động chọn họ làm đối thủ.

Chỉ mới nghe Mặt trận Việt Minh cam kết đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc và dù chưa biết rõ Hồ Chí Minh là ai, nhưng khi thấy quần chúng tung bừng ủng hộ cờ đỏ sao vàng họ đã cảm thấy mình ở thế yếu. Chưa đầy một tuần sau vụ cướp diễn đàn của Việt Minh tại Nhà Hát lớn Hà Nội, họ phần vì e ngại viễn ảnh một cuộc nội chiến Bắc Nam, phần vì mặc cảm có xuất xứ từ ảnh hưởng của Nhật, đã vội vàng chuẩn bị từ chức. Họ vừa thụ động vừa yên chí chờ Hồ Chí Minh vào Huế lập chính phủ để bàn giao, cũng trong khuôn khổ thể chế quân chủ lập hiến với Bảo Đại tiếp tục làm hoàng đế.

Sau đó, không khí Tử cấm thành chết lặng khi biết ra Hồ Chí Minh chính là Nguyễn Ái Quốc, một phái viên quốc tế bôn-sê-vich, và thể chế sắp tới sẽ là Dân chủ Cộng hòa. Bảo Đại và hoàng gia lo lắng chờ đợi cái chết chắc chắn sẽ xảy tới như của gia đình Nga Hoàng Nicholas II sau năm 1917 hoặc vua Louis XVI cùng hoàng hậu sau cuộc cách mạng Pháp 1789. Cách đây bốn ngày, sau khi đánh điện cho hai Khâm sai Bắc Việt Phan Kế Toại và Nam Việt Nguyễn Văn Sâm bàn giao chính quyền cho Việt Minh, nội các Trần Trọng Kim từ chức. Và mãi tới sáng nay, tại lầu Kiến Trung, nhà vua mới thở ra nhẹ nhõm khi nhận được sự bảo đảm chính thức của chính quyền cách mạng địa phương rằng sẽ không xâm phạm tính mệnh và tài sản của hoàng gia, giữ gìn lăng tẩm, cung điện, đền miếu của các vua nhà Nguyễn. Như vậy có nghĩa, ngay sau khi làm lễ thoái vị, ông phải ra khỏi Đại Nội; những của cải thật sự của cá nhân ông, hoàng hậu và hoàng thái hậu thì được mang theo và tự do sử dụng; còn tất cả các tài sản của Hoàng đế và Triều đình đều thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Cách mạng.

Trong khi ngồi nghe họ Phạm đọc từng chữ trong Chiếu thoái vị, Bảo Đại như thấy lại quãng thời gian hai mươi năm làm vua mà

thật ra chỉ có mười ba năm trên ngai vàng. Ông tự đánh giá mình không làm lợi gì cho dân cũng chẳng làm hại người nào. Hầu hết tiên vương trước khi làm vua đều được quan thái bảo dạy cho thuật trị quốc an dân, còn ông chỉ là kẻ lớn lên và làm vua trong lòng bàn tay của người Pháp, như một thành phẩm cao cấp nhất của “sứ mạng khai hóa” của họ. Người ta kèm cặp ông, sử dụng ông làm quân bài thì ông lấy việc săn bắn và những lá bài làm vui. Nói cho cùng, ông sống sót.

Không còn đóng vai quân vương, tương lai của ông vẫn ung dung hơn hai huynh đệ khác thuộc chi Hoàng tử Cảnh. Kỳ Ngoại Hầu Cường Để tận tâm tận lực bôn ba cách mạng phục quốc từ ba chục năm nay. Chiêu Thánh, thơ hay học giỏi, ngạo khí cao, mộng lớn nhiều, được Pháp đào tạo cùng lượt với ông như chuẩn bị sẵn hai quân bài trong cuộc cờ vua; cuối cùng, lá bài vua rơi vào tay Bảo Đại. Giờ đây, Kỳ Ngoại Hầu long đong ở Nhật còn Chiêu Thánh cũng đang xung vương với triều đình văn võ nhỏ như một gánh hát đình miếu, ở vùng Hòa Hưng, Sài Gòn, và sống bằng trợ cấp chính phủ Pháp dành cho kẻ được phong tước “Hoàng tử Thi ca” của Viện Hàn lâm Văn chương Pháp.

Phần mình, ông đã tính toán kỹ lưỡng với viên quan Tổng lý họ Phạm rằng cả hai sẽ lui về đồn điền trồng chè của riêng ông ở Blao. Tại đó ông vui sống điền viên với Nam Phương và các con. Ông sẽ giải quyết sinh kế bằng sản xuất trà và săn bắn, vui thú những bữa ăn có thịt rừng. Và biết đâu, thỉnh thoảng còn bắn được cọp. Sau khi đã bán cao giá các món da hổ, thịt hổ, răng hổ, móng chân hổ... bộ xương hổ sẽ đặc biệt dành cho gia đình của viên quan họ Phạm kia nấu cao hổ cốt. Giã từ vương miện và hải hốt, ông sẽ khinh khoái đuổi theo những con thú trong rừng trên đôi dép râu làm bằng lớp xe và ruột xe được ông cùng tay thanh niên thiện xạ Hồ Gióng ở Đốc Sơ sáng chế, và cả hai thú vị đặt cho nó cái tên là “dép Bình Trị Thiên”.

Dưới mái lầu Ngũ Phụng lợp ngói thanh lưu ly im mát, chạy dài năm cánh suốt chiều ngang bên trên Ngọ Môn đang mở rộng cửa, Hoàng đế Bảo Đại đứng bên cạnh chiếc long kỷ đặt nơi chính giữa,

bồn chồn ngóng đợi. Ông đưa mắt nhìn ra khi hai chiếc xe cắm đầy cờ đỏ chở Trần Văn Kim và phái đoàn Việt Minh vừa xuất hiện khỏi vòm cửa Thượng Tứ trong tiếng hoan hô nhiệt liệt của đồng bào và chạy giữa một rừng cờ đỏ sao vàng vẫy phát phới. Khắp các ngã đường, dân chúng kéo về đây từ lúc hai giờ chiều ngày 30 tháng Tám. Họ đến càng lúc càng đông, lúc này lên tới khoảng một vạn người, đứng chen nhau trên bãi đất thênh thang giữa Ngọ Môn và Kỳ đài.

Từ trên cao nhìn xuống, người ta thấy cả một biển người với đầy đủ màu sắc. Những tà áo tím áo xanh thướt tha giữa những thầy giáo quần đen áo trắng. Những nông dân mặc bộ bà ba sồn mồn năm ba miếng vá đứng giữa những kẻ cổ cùn cà vạt mới toanh và những người khăn đóng áo dài tề chỉnh. Những nam nữ học sinh tuổi xuân mơn mớn sát cánh các cụ già bà lão tóc bạc phơ và râu cũng bạc phơ... Rõ ràng mọi tầng lớp xã hội đều có mặt đầy đủ. Đàn ông chọn bộ quần áo mới giặt và thơm tất nhất. Phụ nữ giữ đúng phong tục xứ thần kinh, hở ra đường là mặc áo dài, dù đi gồng gánh bán buôn. Người nào mặt cũng tươi, mắt phấn khởi long lanh như say men, tấm mình trong bầu không khí cách mạng.

Cột cao ba khúc kỳ đài không còn treo cờ đỏ sao vàng. Sáng nay, Ủy ban Khỏe nghĩa đồng ý cho treo lại lá cờ trước đó, để làm lễ thoái vị của nhà vua. Lá cờ vàng này ở giữa có ba vạch đỏ: hai vạch bên ngoài liên lạc còn vạch ở giữa bị ngắt đều thành hai, theo hình quả Li, và theo cái nhìn dân giả, nó đứt đoạn như một điềm gờ. Màu vàng biểu hiệu cho dân tộc. Màu đỏ và quả Li biểu hiệu cho phương nam, thuộc Hỏa. Đây là lá cờ mới xuất hiện từ tháng Tư năm nay, sản phẩm của chính phủ Trần Trọng Kim và được công nhận là quốc kỳ, thay cho lá cờ long tinh của nhà vua. Cùng với lá quốc kỳ mới là bản quốc ca mới, trưng dụng đoàn ca của Tổng Hội Sinh viên Hà Nội, bài “Tiếng gọi thanh niên” của Lưu Hữu Phước, một nhạc sĩ người miền nam có tinh thần chống Pháp. Khi Trần Văn Kim và phái đoàn tới trước cửa Ngọ Môn, đồng hồ điểm bốn giờ. Hai chiếc xe chạy thẳng vào cửa chính giữa của Ngọ Môn rồi dừng lại dưới chân tường thành Đại Nội, sát mé ngoài của cầu Trung Đạo. Phái đoàn vừa xuống xe, một hoàng thân đứng tuổi

cùng Tổng lý ngự tiền họ Phạm trình trọng bước tới, dẫn đường lên lầu. Bảo Đại ra tận đầu cầu thang đón Trần Văn Kim. Ông đứng trong khi nói mấy câu chào hỏi và suốt buổi lễ, ông vẫn đứng cạnh long kỷ. Trái ngược với y phục thứ dân của phái đoàn Việt Minh, vị quốc chủ mặc áo bào vàng thêu kim tuyến, quần trắng, đầu chít khăn đóng màu vàng và chân đi hài vàng có thêu rồng.

Bên cạnh ông, một thượng quan lạnh lợi, phụ trách nghi lễ cung đình, vận hết hơi sức bê chiếc gôì nhưng bên trên đặt sẵn các báu vật tiêu biểu cho sức mạnh của vương quyền phát tích từ thời cổ đại: quốc ấn bằng vàng nặng mười ki-lô, và quốc kiếm cắm trong vỏ bằng vàng nam ngọc. Ông đặt chiếc gôì lên một mặt bàn phủ khăn đỏ rồi lui ra. Còn Trần Văn Kim, khi đưa mắt nhìn và bắt gặp vẻ căng thẳng trên bộ mặt của nhà vua cùng ánh lấp lánh của quốc kiếm, anh cảm thấy tim mình đập rộn ràng.

Phái đoàn Việt Minh đến Sân Vận Động Huế lúc hai giờ chiều hôm qua trong cờ xí rợp trời và tiếng reo hò của bốn chục ngàn đồng bào. Sau đó, phái đoàn về nghỉ tại Trụ sở Ủy Ban Cách Mạng Tỉnh tại toà nhà trước đây là Toà Khâm Sứ Pháp, ở mạn nam sông Hương. Từ lúc rời Hà Nội trên chiếc xe tải nhà binh trưng dụng của quân Nhật và vội vã vượt đường trường xuôi nam để vào Huế, tâm trí Kim cứ triền miên ngẫm nghĩ đến giây phút trọng đại này.

Con người tượng trưng cho sự hợp tác lâu dài với bè lũ thực dân Pháp, con người tiêu biểu sự sỉ nhục tám chục năm nay tổ quốc gánh chịu, con người đó sắp sửa đầu hàng ngay trước mặt anh và đích thân chuyển giao quyền cai trị. Nhân dân Việt Nam, những kẻ trong thâm tâm bén rễ sâu xa lòng kính ngưỡng “Mệnh Trời” của hoàng đế, chẳng bao lâu nữa sẽ biết rõ rằng chính đức vua đã nhường cái “thiên mệnh” ấy cho Mặt Trận Việt Minh, nghĩa là giao truyền tính chính thống cho chính phủ của Hồ Chí Minh ở Hà Nội.

Riêng Kim, bản thân anh hẳn vô cùng mãn nguyện khi thấy rõ rằng rốt cuộc, trận cãi vã dữ dội với thân phụ đã đi đến một kết luận dứt khoát: anh đúng và cha anh sai! Các biến cố đã chứng minh điều đó. Giá như lúc này cha anh được phép tham dự để tận mắt chứng kiến sự kiện hoàng đế đầu hàng đưa con trai của ông, kẻ chín năm

trước bị ông khinh miệt hạ lệnh đuổi cổ ra khỏi nhà!
Dù quyết định thoái vị dễ dàng của Bảo Đại nhằm nghênh đón việc Việt Minh nắm chính quyền ở Hà Nội được dân chúng ca ngợi nhưng nó vẫn làm sững sốt Trần VănKim và các thành phần lãnh đạo khác của Mặt Trận. Sự việc ấy bắt đầu khi một chiến dịch tuyên truyền được dàn dựng kỹ lưỡng bằng những cuộc biểu tình tuy nhỏ nhưng rất ồn ào. Chúng được tổ chức chặt chẽ, tuần hành qua các ngã đường treo đầy cờ Việt Minh với các khẩu hiệu vừa được may vội vã. Từ đó, chúng lệ làng bùng nổ thành cuộc liên hoan của nhân dân với số người tham dự càng ngày càng đông đảo thêm lên tại các thị thành và làng mạc suốt chiều dài đất nước. Những đám đông tung bừng ấy không quan tâm tới màu sắc và lập trường chính trị của những kẻ có vẻ như thể trong cùng một lúc, giải phóng nhân dân thoát khỏi tay cả Nhật lẫn Pháp. Họ chỉ biết lòng mình đang rộn ràng phơi phơi với độc lập dân tộc, và họ rủ nhau hàng triệu người tuôn ra đường. Còn Bảo Đại, trong cuộc gặp gỡ riêng với đại diện của Ủy ban Khởi nghĩa địa phương tại lầu Kiến Trung vào ngày 25 tháng Tám, ông tuyên bố từ bỏ ngai vàng, ngay khi Hà Nội chưa kịp thành lập chính phủ lâm thời. Kết quả, Kim được chỉ định khẩn cấp dẫn đầu một phái đoàn đi Huế để tiếp nhận sự thoái vị của nhà vua.

Trần VănKim cân nhắc rất kỹ lưỡng. Anh ra lệnh cho các thành viên trong phái đoàn khi tới hội kiến phải mặc quần soóc, áo sơ-mi, đi xăng-đan theo kiểu họ thường mặc trong rừng. Khi xe lăn bánh qua cửa Ngọ Môn, Kim thấy lòng mình rung động mãnh liệt. Cửa chính giữa của Ngọ Môn nguyên thủy chỉ dành riêng cho một mình Hoàng đế. Sáu mươi năm trước, việc một Thống tướng người Pháp đòi đi qua cửa này bị triều đình xem là hành động sỉ nhục quốc thể, và đó là một trong các lý do gây ra cuộc đụng độ quân sự tại Huế, đưa tới cuộc thất thủ kinh thành năm 1885.

Các thành viên của phái đoàn, trong đó hơn một nửa là đảng viên Cộng sản, cùng theo Kim chân bước ung dung, đầu ngẩng cao, quyết tâm chứng tỏ mình không lệ thuộc vương quyền. Nhưng khi vừa bước lên lầu Ngũ Phụng, nhìn qua bên kia sân Đại Triều Nghi và bất chợt bắt gặp quang cảnh uy nghi của điện Thái Hoà, Kim

kinh ngạc nhận thấy trong lòng mình bỗng trỗi lên một cảm giác e sợ, có tính phản xạ và tiềm ẩn. Anh đã lớn lên trong đức tin vào sự bí nhiệm của “Mệnh Trời”, được biểu thị trong con người đức vua, đáng cai trị từ Điện Thái Hoà ấy, nơi cọp trắng và rồng xanh cùng trú ngụ trong một trạng thái hoà hợp hoàn hảo.

Lần đầu tiên Kim được lên lầu Ngũ Phụng thuở còn là một cậu bé tuổi rất nhỏ, hồi hộp bấu chặt tay cha khi thấy khuôn mặt xanh xao bồn chồn của Ngài Ngự Khải Định trên bộ y bào lông lầy trong lúc cha anh hãnh diện và cung kính vì được nhà vua hạ cố hỏi han.

Mười ba năm sau, anh xỉ vả người con của vị hoàng đế ấy là hình nộm mạ vàng - khi anh càng ngày càng tin tưởng tuyệt đối rằng chỉ có Chủ nghĩa Cộng sản Lê-ni-nít mới cứu nổi quê hương thoát khỏi bàn tay của thực dân Pháp. Nhưng lúc này, khi Kim đứng trước mặt Bảo Đại, những bản năng thời thơ ấu đó dường như chiếu dội trong anh; anh phải cố giữ tỉnh táo để ngăn không cho mình nghiêng đầu trước một hoàng đế.

Kim có mang theo trong túi quần soóc một huy hiệu Việt Minh nhỏ màu đỏ chính giữa có ngôi sao vàng, với dự tính sẽ gắn lên áo bào của nhà vua như một cử chỉ tối hậu nhằm xác định quyền tối thượng của Việt Minh. Thế nhưng khi nhìn thẳng vào mặt Bảo Đại, anh vẫn giữ thái độ im lặng có tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng, cố ý đẩy nhà vua lâm vào tình trạng cực kỳ bức xúc và khắc khoải.

Mở đầu, phụ tá phó trưởng phái đoàn của Kim bước tới mi-crô tuyên bố với dân chúng ý nghĩa của cuộc lễ, loan báo việc Hồ Chí Minh cùng chính phủ sắp ra mắt tại Hà Nội và đọc danh sách chính phủ lâm thời Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà. Trong tiếng vỗ tay và hô khẩu hiệu kéo dài tới mấy phút của dân chúng, hoàng đế Bảo Đại căng thẳng đưa mắt trống rỗng nhìn người trưởng phái đoàn. Sau khi liếc mắt bồn chồn về phía vị thượng quan mặc áo the đen đứng gần đó, ông tằng hắng rụt rè. Kế đó, ông mở ra một cuộn giấy và bắt đầu đọc với giọng thật trầm:

“Vì hạnh phúc của dân tộc Việt-Nam,

Vì nền độc lập của Việt-Nam,

Để đạt hai mục đích ấy, Trẫm đã tuyên bố sẵn sàng hy sinh tất cả, và ước mong rằng sự hy sinh của Trẫm đem lại lợi ích cho Tổ

quốc.

Nhận định rằng sự đoàn kết toàn thể đồng bào chúng ta vào giờ phút này là một sự cần thiết cho tổ quốc chúng ta, ngày 23 tháng 8, Trẫm đã nhắc lại cho toàn thể nhân dân là: Ở giờ phút quyết định này của lịch sử, đoàn kết có nghĩa là sống, mà chia rẽ là chết.

Chiều đà tiến dân chủ đang đẩy mạnh ở miền Bắc nước ta, Trẫm e ngại rằng sự tranh chấp giữa miền Bắc với miền Nam khó tránh được, nếu Trẫm đợi sau cuộc trưng cầu dân ý, để quyết định thoái vị. Trẫm hiểu rằng, nếu có cuộc tranh chấp đó, đưa cả nước vào sâu hỗn loạn đau thương, thì chỉ có lợi cho kẻ xâm lăng.

Trẫm không thể không ngậm ngùi khi nghĩ đến các tiên đế đã chiến đấu trên bốn trăm năm để mở mang bờ cõi từ Thuận Hóa đến Hà Tiên. Trẫm không khỏi tiếc hận là trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm không thể làm gì đem lại lợi ích đáng kể cho đất nước.

Mặc dầu vậy, và vững mạnh trong sự tin tưởng của mình, Trẫm đã quyết định thoái vị, và Trẫm trao quyền cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa.”

Nhà vua ngừng lại một chút, đưa mắt nhìn thẳng Trần VănKim rồi nhìn từng người trong phái đoàn Việt Minh, giọng ông trầm tĩnh và đầy âm sắc:

“Trước khi từ giã ngai vàng, Trẫm chỉ có ba điều muốn nói:

Thứ nhất: Trẫm yêu cầu tân chính phủ phải giữ gìn lắng tâm và miếu mào của hoàng gia.

Thứ hai: Trẫm yêu cầu tân chính phủ lấy tình huynh đệ đối xử với các đảng phái, các phe nhóm, các đoàn thể đã chiến đấu cho nền độc lập của đất nước, mặc dù không theo cùng đường hướng dân chủ của mặt trận, như vậy có thể giúp cho họ được tham gia vào sự kiến thiết đất nước, và chứng tỏ rằng tân chế độ đã được xây dựng trên tình đoàn kết dứt khoát của toàn thể nhân dân.

Thứ ba: Trẫm yêu cầu tất cả các đảng phái, phe nhóm, tất cả các tầng lớp xã hội cũng như toàn thể hoàng gia phải đoàn kết chặt chẽ để hậu thuẫn vô điều kiện cho Chính phủ Dân chủ Cộng hòa, hầu củng cố nền độc lập quốc gia.”

Tới đây, giọng nhà vua bỗng run run nhưng trong khi phát biểu ông cố giữ vẻ điềm tĩnh và đĩnh đạc. Tự nhiên Kim chợt cảm thấy

xót xa cho tình thế bẽ bàng của ông. Bảo Đại tiếp tục đọc, giọng ông dần dần lấy lại vẻ quả quyết:

“Riêng về phần Trẫm, trong hai mươi năm ở ngôi, Trẫm đã trải qua bao điều cay đắng. Trẫm muốn làm Dân một nước tự do, hơn làm Vua một nước bị trị. Từ nay, Trẫm lấy làm sung sướng được là dân tự do, trong một nước độc lập. Trẫm không để cho bất cứ ai lợi dụng danh nghĩa Trẫm, hay danh nghĩa hoàng gia để gieo rắc sự chia rẽ trong đồng bào của chúng ta.”

Bảo Đại kết thúc với giọng lớn hơn một chút:

- *Việt Nam độc lập muôn năm!*

Rồi cuối cùng, với giọng nghẹn ngào và căng thẳng, ông thêm:

- *Việt Nam dân chủ cộng hoà muôn năm!*

Bảo Đại vừa đọc xong Chiếu thoái vị, trên kỳ đài, lá cờ vàng cũ bị hạ xuống. Lá cờ mới tươi như máu đỏ, long lanh năm cánh sao vàng được một đảng viên Cộng sản trong Mặt trận Việt Minh kéo lên, giữa những tràng khẩu hiệu gào lên như sấm sét và tiếng vỗ tay rào rào như mưa bão. Kế đó, đám đông lặng yên nghe 21 phát súng lệnh vang lên, như chào từ giã một quá khứ quân chủ và đón tiếp một kỷ nguyên cách mạng. Tiếng súng lệnh vừa dứt, không nhìn Trần Văn Kim, Bảo Đại bê chiếc gối trên tay vị thượng quan. Bước tới, ông đặt những vật biểu tượng vương quyền xưa cổ đó lên đôi tay của nhà cách mạng trưởng phái đoàn.

Bất giác Kim sững sốt khi thấy hai bàn tay mình bắt đầu run rẩy dưới sức nặng của quốc ấn; cây quốc kiếm nam ngọc gần như tuột khỏi chiếc gối, sắp rớt xuống sàn điện. Anh gay cần xoay khuỷu tay ép thanh kiếm lại, rồi vội vàng chuyển chiếc gối nhưng cho người phó trưởng phái đoàn. Bước tới sát micrô, Kim bắt đầu đáp từ. Cố ý giữ giọng sang sảng để che giấu những cảm xúc rối loạn trong lòng mình:

- Công dân Vĩnh Thụy, thay mặt chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, chúng tôi rất vui lòng chấp nhận quyết định và ba điều thỉnh cầu của ông. Sự thoái vị của ông giải thoát cho nhân dân Việt Nam khỏi những sợi dây nô lệ ràng buộc nhân dân với thực dân Pháp suốt tám mươi năm dài và mới đây thôi, với phát xít Nhật. Sự thoái vị của ông cũng giải thoát cho nhân dân khỏi một hệ thống

chính quyền sâu mọt mà từ lâu đã ngăn chặn bước tiến hóa của lịch sử.

Nhìn xuống đám đông đang đứng lan ra tới nhà trưng bày súng thần công gần cửa Thượng Tứ, rồi nhìn lại Cự hoàng Bảo Đại, Kim cất cao giọng hơn:

- Thắng lợi Cách mạng Tháng Tám này là kết quả của hàng chục năm tranh đấu anh dũng, kiên cường và bền bỉ của nhân dân cả nước. Nhân danh chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, tôi tuyên bố chấm dứt vĩnh viễn chế độ quân chủ, và thêm lần nữa, nhân mạnh chính sách của chính thể Việt Nam Dân chủ Cộng hoà là đại đoàn kết mọi tầng lớp quốc dân để giữ nước và dựng nước. Việt Nam độc lập và dân chủ muôn năm!

Bước tới gần nhà vua, Kim thò tay vào túi quần soóc móc ra cái huy hiệu nhỏ. Bảo Đại lặng lẽ ngược nhìn quá trên vai Kim khi anh thọc cây kim vào chiếc áo bào thêu lông lầy. Còn Kim tay run rẩy dữ dội tới độ anh phải mím môi móc lui móc tới mấy lần mới cài được huy hiệu. Và sau cùng, khi Kim lùi lại, huy hiệu lá cờ đỏ có ngôi sao vàng ở giữa lại sút đầu gài, nằm dính lỏng không và lệch lạc trên ngực áo nhà vua.

Trước sự ngạc nhiên của Kim, Bảo Đại đưa bàn tay về phía anh. Trong một thoáng, anh đứng yên ngó bàn tay ấy chăm chăm, sững sờ. Rõ ràng là nó được chìa ra cho một cái bắt tay nhưng Kim biết rằng trong lịch sử từ xưa tới nay, chưa hề có vị hoàng đế nước nam nào bắt tay thần dân của mình! Thấy Kim hoang mang, Bảo Đại mỉm miệng cười. Và Kim cảm thấy hai má nóng bừng bối rối, lật đật túm bàn tay đang chìa thẳng đó. Khi Kim bắt bàn tay ấy, trong lòng anh những bản năng thời thơ ấu cuối cùng lại thắng thế. Anh chột bàng hoàng thấy mình cúi thấp đầu về phía đức vua trong một cử chỉ thủy chung và tôn phục.

Sau đó, Kim đứng bên cạnh cự hoàng, trò chuyện và nhìn xuống cả vạn người dân đang hân hoan ngó lên kỳ đài có lá cờ đỏ thắm lượn sóng trong ánh nắng buổi chiều chiều đỏ rực gạch đá kinh thành. Các cán bộ Việt Minh đang đứng chung với quần chúng lại bắt đầu hô khẩu hiệu cho dân chúng hô theo:

- *Hoan hô tinh thần dân chủ của Vĩnh Thụy!*

- *Hoan hô các đại biểu của Chính phủ Lâm thời!*

Kim đưa tay lên quá đầu mình hưởng ứng, mặt nở nụ cười thật tươi tỉnh vì trong lòng đang ngây ngất cảm giác mãn nguyện sâu xa. Khi ngược mắt nhìn lá cờ đỏ như máu tung bay trên đỉnh kỳ đài, anh vẫn không thể rút mình ra khỏi những cảm xúc trái ngược nhau, vừa buồn bã vừa bâng khuâng ngậm ngùi khi nghĩ tới thế giới quen thuộc của cha mình, nơi anh lớn lên. Thế giới đó đã bị hủy diệt mãi mãi.

Chờ tiếng hoan hô tung bừng của dân chúng lắng xuống một nhịp, Trần VănKim chuyển đến Bảo Đại lời của Hồ Chí Minh mời công dân Vĩnh Thụy ra bắc làm cố vấn tối cao cho chính phủ. Khi nghe Kim dặn dò chuẩn bị ngày đi Hà Nội để ở bên cạnh chính quyền mới, Cựu Hoàng cảm thấy cay cay nơi góc mắt và khắp người lâng lâng một nỗi niềm khó tả. Cuộc đời ông sắp đi vào một khúc quặt mới, và xem ra đoạn đời trước mặt, bên kia ngã rẽ đó, cũng chẳng có chút nào chủ động, tuy ông vừa thực hiện nghĩa cử quan trọng bậc nhất và đầu tiên trong đời làm vua. Đó là đặt quyền lợi của bản thân và hoàng triều phong kiến dưới quyền lợi của dân tộc đang thời sục sôi cách mạng. Nhưng, thay vì chính thức gởi lời mời đến ông bằng văn bản, vị chủ tịch tự phong ngoài Hà Nội kia chỉ chuyển đến ông một lời mời qua miệng viên phụ tá trưởng phái đoàn. Trần VănKim lại không để cho ông kịp trả lời, cũng không mất thời gian trình bày với ông chủ trương đường lối của chính phủ Việt Minh. Anh ta chỉ tự động ấn định ngày đưa ông lên đường. Bỗng dưng Cựu Hoàng mỉm cười buồn bã khi mừng tượng mình trong khúc quặt mới ấy: lại đóng vai trò nghi lễ và đem bản thân làm yếu tố chứng minh tính chính thống của một chế độ!

Bảo Đại đưa mắt hiền lành nhìn xuống những “công dân cự thần dân” đang đứng vẫy cờ và hô khẩu hiệu trên bãi cỏ giữa Kỳ đài và Ngọ môn. Rồi ông liếc thật nhanh viên cựu quan ngự tiền họ Phạm lúc này đang hít mạnh, ưỡn ngực và không còn nhìn ông bằng ánh mắt tôn kính. Cựu Hoàng nhìn lên trời và chột bâng khuâng tiếc nuối giấc mộng điền viên chốn đồn điền trà Blao. Ông nén tiếng thở dài khi nghĩ rằng kinh kỳ Hà Nội ba mươi sáu phố phường kia

rồi cũng chẳng khác gì Cố đô Huế. Mọi con đường là những lần ngang vệt dọc đan ô thành một bàn cờ, cờ tây hay cờ ta cũng thế thôi, vì loanh quanh trên đó ông chỉ là quân cờ. Dù quốc chủ hay cố vấn, dù thông minh nhạy cảm và vô hại tới bao nhiêu đi nữa, cũng mang thân phận một quân cờ, bị tay người đặt lên hay đẩy tới, để sống cho hết một đời thụ động.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 13 -

Trong thời gian ấy, dù ở yên một chỗ tại Thái Nguyên, Joseph và nhân viên OSS vẫn biết rõ tin tức những gì đang xảy ra tại Hà Nội và các thành thị khác qua máy truyền tin và đài phát thanh. Rốt cuộc, tới sáng mùng 2 tháng Chín, “Đoàn Hươu” được phép đi cùng với đoàn du kích quân chót hết đi vào thủ đô miền bắc. Họ không khỏi sửng người kinh ngạc trước sự chào đón tung bừng của dân chúng.

Sau khi đi bộ qua khỏi cánh đồng Phù Lỗ và đặt chân tới vùng ngoại ô, toán OSS lên xe hơi và xe tải không mui chạy vào thành phố, len lỏi giữa những đám đông đang reo hò tỏ mừng. Xe chạy qua những đường phố chật đầy cờ Việt Minh và giăng la liệt các biểu ngữ bằng tiếng Việt Nam, Anh, Hoa và Nga, lặp đi lặp lại các khẩu hiệu:

- *Nhiệt liệt chào mừng quân đội Đồng Minh*
- *Hoan nghênh hòa bình đã tới*
- *Nước Việt Nam là của người Việt Nam*
- *Thà chết còn hơn làm nô lệ*
- *Độc lập hay là chết*
- *Cương quyết đào mồ chôn đế quốc Pháp*
- v.v.

Xe kéo tay và xe điện cũng chật đầy những câu khẩu hiệu cách mạng giống y như vậy. Lũng lảng bên dưới các cửa sổ và đóng đưa giữa hai hàng cây dọc đường phố lớn là hàng trăm bức chân dung bằng sơn mộc vẽ thô thiển. Đó là bộ mặt có chòm râu thưa của “Cụ Hồ”, người lần đầu tiên Joseph thấy dật dờ trước mắt mình giữa từng đợt sóng tới mê mẩn của tại Pắc Bó tám tháng trước. Tình cảm dạt dào không bờ bến của quần chúng và sự bất ngờ được bốc lên thành anh hùng dân tộc của những du kích quân xộc xệch từng sống chung với mình gần tháng trời nay trong rừng, làm

các toán viên OSS Hoa Kỳ kinh ngạc. Càng đi vào gần trung tâm thành phố Hà Nội họ càng lúc lắc đầu không ngừng, không tin nổi. Trung úy Hawke nhe răng cười tinh quái với Joseph:

- Có lẽ người ta cũng nên treo hình của đại úy Sherman lên trên đó, kế bên chân dung của Cụ Hồ. Tôi đoán chắc chắn người ta sẽ làm như vậy nếu họ biết chính ông đã cứu cái mạng của cụ ấy bằng một mũi tiêm kịp thời.

Joseph cười lại với vẻ khá hồ hởi. Hawke ngược mắt nhìn chăm chú những biểu ngữ chống Pháp và lấy làm ngạc nhiên:

- Đại úy ạ, tôi nghĩ là lúc này mọi sự đã càng lúc càng sáng tỏ, phải không? Rõ ràng “Lucius” của chúng ta sẽ không để cho bất cứ cuộc tiến quân nào của Nước Pháp Tự Do vào Bắc kỳ khi chính lão ta bày mưu tính kế chi li từ đầu tới cuối những cuộc liên hoan này. Joseph lơ đãng gật đầu. Khi toán OSS di chuyển chậm chậm qua những đường phố lữ lượt người đi như trẩy hội, anh đang phân chia tâm trí mình ra để cố thấy lại thêm lần nữa trong tiềm thức cái thành phố anh từng thấy chín năm trước đây, trong chuyến viếng thăm với tâm hồn ngất ngây hạnh phúc.

Và Joseph thất vọng vì cũng một nơi chốn đó nay sao hầu như anh không còn nhận ra. Các cửa hàng thanh lịch của người Pháp trên những đại lộ chính giờ đây mặt tiền bị bịt kín bằng ván. Những con đường được đặt tên người Pháp để vinh danh các anh hùng trong cuộc chinh phục thuộc địa nay bằng tên bị hạ xuống, đập tan tành, và thay vào đó bằng bảng tên những anh hùng cách mạng của Việt Nam thời quá khứ.

Joseph để ý thấy Đại lộ Henri Rivière nay trở thành Đại lộ Phan Bội Châu, để tưởng nhớ một nhân vật vận động quần chúng chống Pháp, mới qua đời năm năm trước đây. Đường Mirabel được đặt tên lại là Đường Trần Nhân Tôn, để tưởng nhớ một vị vua của Việt Nam, người đã triệu tập đại hội toàn dân đầu tiên của dân tộc, đó là Hội nghị Diên Hồng.

Trong khu vực ba mươi sáu phố phường, những bảng tên hàng phố màu xanh và trắng bị bôi bỏ phần phụ chú tiếng Pháp, chỉ còn lại phần tên An Nam nguyên thủy viết bằng chữ quốc ngữ, một loại chữ viết đang được cả nước sử dụng, ký âm theo mẫu tự la-

ting mà mắt Joseph không đọc nổi ý nghĩa. Cờ đỏ của Việt Minh phát phới tung bay trong gió nhẹ thảng Chín trên Kỳ đài Hà Nội cao sáu chục thước và những cột cờ trong khuôn viên dinh toàn quyền. Đột nhiên Joseph nhận ra trong hàng ngàn câu khẩu hiệu treo lơ lửng ngang đường phố không có câu nào viết bằng tiếng Pháp.

Hawke hỏi trong tiếng cười gượng gạo:

- Theo như lần trước ông ở đây thì nay cũng khá thay đổi, phải không đại úy? Ngó ông như thể đang muốn quay ngược kim đồng hồ lại. Hay ông vẫn còn băn khoăn về cái lấu cá ma mảnh của lão cáo già “Lucius” có biệt hiệu là “Cụ Hồ”?

Joseph trả lời thoái thác:

- Có lẽ mỗi thứ một chút Dave ạ. Nhưng việc ông ta quyền biến ra sao thì chẳng quan trọng chút nào. Nay đã khá rõ ràng rằng ông ta đang tự nhận mình là kẻ phát biểu cho dân chúng, đúng không? Pháp đã dày ải người ta làm thân trâu ngựa trong một thời gian dài dằng dặc. Tôi nghĩ một khi đã đeo đuôi con đường này mà có đôi chút trí xảo thì cũng đáng được tha thứ.

“Đoàn Chim Cút” từ Côn Minh đã bay về Hà Nội mấy ngày trước lúc này đang lập bản doanh trong những lô phòng hạng nhất của Khách sạn Métropole. Chỉ huy trưởng của đoàn, đại tá John Trench, qua máy truyền tin, sau cùng đã chấp nhận cho “Đoàn Hươu” kéo nhau vào Hà Nội.

Khi Joseph và Hawke gõ cửa phòng của Trench, ông đích thân mở cửa. Với tâm trạng vui vẻ, ông cao hứng một tay tóm chặt chai sâm banh nguyên chất Perrier-Jouet, một tay vẩy cả hai ngò xuống quanh chiếc bàn thấp đã bày sẵn ly. Qua cửa hé, họ có thể thấy kỹ thuật viên truyền tin đang dàn linh kiện điện đài trên một chiếc giường trống.

Đại tá Trench vừa hoa tay rót rượu đầy ly vừa nói:

- Chào mừng hai anh tới Hà Nội. Ngay lúc này, có lẽ con mắt của thế giới không ngó ngang gì tới thành phố này - và có lẽ trước đây không một người Mỹ nào bên ngoài khách sạn này từng nghe nói tới nó. Nhưng sâm banh Pháp quá tuyệt vời, ở đây lại có cả đồng - vậy ta cứ thoải mái nâng ly lên mừng chiến tranh chấm dứt!

- Mừng chiến tranh chấm dứt!

Hawke và đại tá uống cạn còn Joseph bước tới cửa sổ, trầm ngâm nhấp ly rượu của mình và đắm đắm nhìn xuống dưới phố.

Từ chỗ này Joseph có thể thấy cái sân thêm nhỏ, trong lần ghé lại trước đây, gần như chiều nào anh cũng viết thư cho Lan khi ngồi thơ thẩn ở đó, bên ly rượu Pernod. Cũng vẫn những chiếc ghế mây và những chiếc bàn mặt đá cẩm thạch đó, bày ngay ngắn bên dưới cũng vẫn những tấm vải bạt có sọc che nắng loại đó. Joseph còn có thể chỉ ra chính xác anh đã ngồi ở góc nào. Âm vang niềm hoan lạc đắm say triền miên quần quít anh thuở ấy giờ đây vắng vắng vọng về. Và trong khoảnh khắc, anh nghe tiếng nói của hai sĩ quan đồng ngũ loáng thoáng tới tai mình:

- ...trung úy này, tôi e chừng anh ta chưa nuốt nổi cái sự kiện mật báo viên “Lucius” mà anh ta tìm ra cho chúng ta trong một hang động nằm đằng sau thác nước nay bỗng chốc trở thành kẻ sẽ là chủ tịch nước... đúng vậy không Joseph?

Tiếng cười ròn rã của đại tá Trench cắt ngang dòng nghĩ tưởng của Joseph. Anh quay mình lại, thấy viên sĩ quan cao cấp ấy đã đứng sát sau lưng:

- Tôi có chuyện trò với ông ấy đôi ba lần. Anh biết không, ông ta vẫn đội cái mũ cối móp méo và mặc bộ đồ ka-ki bạc màu như hồi gặp ở Côn Minh. Việt Minh đã chiếm dinh toàn quyền nhưng Hồ Chí Minh vẫn ở trong một nhà trệt nhỏ trong vườn.

Trench lại phá lên cười:

- Lúc này ông ta vẫn cứ khẳng khẳng nhất quyết rằng ông ta không phải là một gã cộng sản bôn-sê-vich, và để chứng minh điều đó, ông ta hứa sẽ chung diện đôi chút để đọc bài diễn văn vĩ đại của mình chiều nay tại vườn hoa Ba Đình. Tất cả chúng ta đều được mời thắp bộ cánh đẹp nhất để đứng chung với ông ta trên khán đài. Joseph này, ông ta có hỏi tôi mấy lần rằng không biết anh có tới đó không.

Joseph cau mày khó xử và hỏi lại:

- Bộ không ai bắn khoản rằng chúng ta tới đó tức là Hoa Kỳ nồng hậu chúc phúc cho cái mưu đồ chính trị lươn lẹo của ông ấy sao?

Trench thân mật vỗ vai Joseph:

- Joseph, thư thả nào. Hãy cứ có thái độ cư xử như người khách danh dự, được chứ? Không phải ai ở đây cũng được người ta trải thảm đỏ ra mời. Toán “Đặc Nhiệm Số Năm” của Nước Pháp Tự Do vừa từ Côn Minh tới đây liền bị lập tức quản thúc tại gia. Hiện họ vẫn còn bị canh giữ trong toà nhà cũ của họ. Anh không nhớ sao, Tổng Thống Roosevelt trước khi qua đời đã nói với Bộ Chiến Tranh rằng ông nghĩ nước Pháp vắt sữa Đông Dương đủ lâu rồi. Công việc của chúng ta không phải là giữ lập trường chống lại một chính quyền bản xứ rõ ràng đang có sự ủng hộ của dân chúng. Anh nhìn xuống dưới đó mà coi.

Một đám đông tuần hành vừa đi vừa hô khẩu hiệu và dương cao chân dung của Hồ Chí Minh. Biểu ngữ Việt Minh tràn ngập những con đường dẫn tới vườn hoa Ba Đình. Trong khi đó, dọc theo vệ đường, những đám đông khác đứng hoan hô. Tất cả ờ giống như mọi cuộc biểu tình Joseph đã thấy từ lúc vào đến thành phố. Chúng đều có vẻ tự phát và tự tại.

- Joseph này, mọi sự ở đây rồi sẽ đâu vào đó, vậy anh đừng để cho trí óc bị quấy rầy nữa. Chỉ nội tuần này thôi, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa sẽ tới đây dưới quyền điều động tổng quát của tướng Wedemeyer tại Trùng Khánh. Đang có quyết định rằng người ta sẽ tôn trọng tình trạng hiện nay. Rõ ràng quân Trung Hoa sẽ cướp bóc nhẹ nhàng đôi chút, như họ lúc nào cũng phóng tay như thế, nhưng bù lại, họ sẽ tiến hành việc giải giới và hồi hương bọn Nhật. Nếu anh muốn chăm lo đôi chút cho những người An Nam thân thiết của anh thì có một mảnh đất dư dật cho anh, xa hơn ở phương nam, tại Sài Gòn.

Joseph nhìn thật nhanh viên đại tá khi nghe nhắc tới Sài Gòn:

- Trong đó đang xảy ra cái gì vậy?

- Ngồi xuống đây làm thêm một ly sâm banh nữa rồi tôi nói cho anh nghe về những công việc dành cho anh và trung úy Hawke, hiện đang nằm sẵn trong đầu của tôi.

Joseph sốt ruột chờ trong khi Trench lại múa tay rót thật đầy ba ly rượu. Từ trên mép ghế, anh chúì người tới trước, nôn nóng nghe:

- Các chàng trai OSS của ta vừa từ Calcutta đặt chân xuống Sài Gòn là gợi ngay tín hiệu “cầu cứu” nóng hôi hổi. Các cậu chỉ là

một toán ít ỏi có tên “Phân đội 404”, đang tiến hành rất tốt việc xác định vị trí giam giữ các tù binh Đồng Minh nhưng lại điều đứng trên mặt trận quân báo. Trích yếu báo cáo của họ thì tình hình chính trị “lộn tùng phèo và bốc mùi như hủ mắm” và họ dám đánh cược chắc ăn một trăm phần trăm rằng thế nào cũng nổ ra nội chiến.

Joseph ngồi thẳng người trên ghế:

- Tại sao vậy?

- Bắt đầu là như thế này. Khoảng một ngàn rưỡi quân nhân Pháp thuộc Trung đoàn Mười một Bộ binh Thuộc địa vẫn tiếp tục bị nhốt kỹ như cũ còn quân chiếm đóng của Anh thì đang lên đường từ chiến trường Miến Điện-Ấn Độ, phải mất vài tuần lễ nữa mới tới nơi. Lúc này Ủy Ban Nam Bộ của Việt Minh kiểm soát Sài Gòn, nhưng các thành viên của nó đang bận cãi nhau chí chóe. Cách đây vài ngày, họ tổ chức một cuộc biểu tình thật lớn, tuần hành qua các đường phố để mừng việc thành lập Lâm Ủy Hành Chánh Nam Bộ. Rồi, chuyện xảy ra còn hơn một cuộc liên hoan tập thể nữa. Cuộc biểu tình tuần hành ấy biến thành một cuộc dương oai diễu võ của nửa tá các lực lượng võ trang biệt lập nhau, chẳng ai chịu ai.

Trench thở ra, nuốt thêm mấy ngụm sâm-banh:

- Có một gã lãnh tụ cộng sản bôn-sê-vich họ Trần nào đó làm chủ tọa cuộc họp của các phe phái, thay vì để người ta cãi nhau cho hết lý lẽ, hắn lại vỗ vô bao súng lục dọa người ta. Có vài giáo phái kỳ quái tên là Cao Đài và Hoà Hảo hăm he cắt cổ họng người nào dám trái ý mình, và một hội kín tội ác được gọi là Bình Xuyên cũng đang cố nhúng tay vô mọi việc. Hết thầy bọn họ đều vũ trang vì lính Nhật đào ngũ từng bày chịu đang bán vũ khí cho ai trả tiền nhiều nhất. Nói chung, “bọn lùn da vàng” chẳng chịu bỏ công tốn sức giữ gìn luật pháp và trật tự. Hầu hết bọn chúng chờ cho xong giờ quân vụ, lập tức vọt thật lẹ vô các quán rượu trong phố Tàu Chợ Lớn nốc cho say khướt.

Joseph hỏi:

- Thế thì dân Pháp ở Sài Gòn phản ứng ra sao?

Trench nhún vai:

- Sự kiện nổi bật nhất là một đại tá của Nước Pháp Tự Do vừa nhảy dù xuống và đang cố điều đình với Ủy Ban Hành Chánh Lâm Thời Nam Bộ để tái lập quyền kiểm soát thuộc địa của Pháp thêm lần nữa. Phân Đội 404 cho biết tình hình tồi tệ hết chỗ nói. Khắp nơi, tượng đài người Pháp bị giật sập. Khoảng hai chục ngàn công dân Pháp lập chướng ngại vật chung quanh nhà ở, và hầu như suốt ngày không dám ra đường. Họ đang cầu nguyện cho quân Anh tới kịp thời, trước khi thầy họ bị vằm nát.

Trench dừng lại một chút và bồng hoác miệng ra cười tới tận mang tai:

- Cả một thùng thuốc súng khôn nạn đang chờ mồi lửa. Phân đội 404 không ai biết nói tiếng An Nam, cũng chẳng có người nào am hiểu Sài Gòn. Tôi nghĩ biết đâu hai anh có thể tình nguyện vô trong đó giúp họ.

Viên đại tá nhìn Hawke:

- Trung úy nghĩ thế nào?

Hawke nốc cạn ly, chép chép miệng và đưa ly chờ rót đầy lần nữa:

- Thưa đại tá, sâm banh ở Sài Gòn có ngon như ở đây không ạ?

Đại tá gật đầu, và rót thật nhiều rượu cho tới khi bọt sủi trào ra vành ly.

- Vâng, tôi sẵn sàng lên đường ngay.

Chàng trai Boston nói xong, cười tươi rói, nâng ly rượu đầy áp lên miệng. Trench đưa chai rượu về phía Joseph, nhướn lông mày dò hỏi:

- Còn đại úy thì sao?

Joseph đặt ly xuống bàn và đẩy tới trước, mắt không nhìn vị sĩ quan thượng cấp, sợ để lộ ra mặt con hưng phấn anh cảm thấy đang bùng lên khắp châu thân. Anh nói thật tỉnh:

- Thưa đại tá, tôi cũng sẽ chẳng nói không.

Ba giờ đồng hồ sau, Joseph đứng bên cạnh đại tá Trench và trung úy Hawke nơi một bao lon mé trên vườn hoa Ba Đình, nhìn xuống một biển cả nửa triệu người Việt Nam tụ tập bên dưới. Khi vị chủ tịch mới mẻ và tự bỏ nhiệm của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà xuất hiện, trong đám đông rền lên tiếng hoan hô. Hồ Chí Minh mặc

áo bốn túi cao cổ màu sậm. Chòm râu cằm lưa thưa rung rung trong gió chiều khi ông bước tới trước máy vi âm. Mắt liếc xuống xấp giấy ghi chép, Hồ Chí Minh bắt đầu nói. Giọng ông rõ ràng và dứt khoát, bằng tiếng của nước mình:

- Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng... Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.

Mắt Hồ Chí Minh rời xấp giấy, ngược nhìn lên và trong một khoảnh khắc phù du, bắt gặp ánh mắt của Joseph. Rồi ông nhìn xuống đám đông:

- Lời bắt hủ ấy ở trong bản Tuyên Ngôn Độc Lập năm 1776 của nước Mỹ...

Đằng sau Joseph và viên đại tá, Hawke thấp giọng dịch lại rồi há hốc miệng:

- Sao, nhị vị khoái chí không? Ông ta còn trung dụng luôn cả bản Tuyên Ngôn Độc Lập của chúng ta để dùng vào việc riêng của mình.

Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Bản Tuyên Ngôn Nhân Quyền và Dân Quyền của Cách Mạng Pháp năm 1791 cũng nói: Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi... Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được. Thế mà hơn tám mươi năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta...

Đám đông vang dậy tiếng gào thét đồng tình. Hồ Chí Minh nhẫn nại chờ cho tới khi tiếng gào thét lắng xuống. Rồi ông tiếp tục cất tiếng, giọng thỉnh thoảng run run xúc động:

- Về chính trị, chúng tuyệt đối không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào. Chúng thi hành những luật pháp dã man. Chúng lập ba chế độ khác nhau ở Trung, Nam, Bắc để ngăn cản việc thống nhất nước nhà của ta, để ngăn cản dân tộc ta đoàn kết... Về kinh tế, chúng bóc lột dân ta đến xương tủy, khiến cho dân ta nghèo nàn, thiếu thốn, nước ta xơ xác, tiêu điều... Chúng cướp không ruộng đất, hầm mỏ, nguyên liệu. Chúng lập ra nhà tù nhiều

hơn trường học. Chúng thẳng tay chém giết những người yêu nước thương nòi của ta. Chúng tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những biển máu. Chúng ràng buộc dư luận, thi hành chính sách ngu dân...

Hồ Chí Minh cất cao giọng thành tiếng thét phẫn nộ khi ông đọc tới đoạn cuối bản liệt kê tội ác của Pháp, và đám đông không lơ hững ứng bằng tiếng gào la giận dữ.

- Mùa thu năm 1940, phát-xít Nhật đến xâm lăng Đông Dương để mở thêm căn cứ đánh Đồng Minh, thì bọn thực dân Pháp quì gối đầu hàng, mở cửa nước ta rước Nhật.

Thấp giọng xuống một cách đầy kịch tính, ông nói tiếp:

- Từ đó dân ta chịu hai tầng xiềng xích: Pháp và Nhật. Từ đó dân ta càng cực khổ, nghèo nàn. Kết quả là cuối năm ngoái sang đầu năm nay, từ Quảng Trị đến Bắc kỳ, hơn hai triệu đồng bào ta bị chết đói.

Tới đây, Hồ Chí Minh cúi đầu xuống trước máy vi âm và đám đông dăm dăm nhìn ông, thỉnh lặng bàng hoàng.

Hawke vừa dịch xong câu đó, Joseph hỏi ngay:

- Có quả thật ông ta nói tới hai triệu?

- Thật đó - hai triệu! Trong một năm nay xảy ra nạn đói từ các tỉnh miền bắc vào cho tới cao nguyên miền trung.

Joseph và các nhân viên OSS khác trên bao lon lắc đầu kinh hãi.

Hawke thì thêm ác liệt:

- Một trong các phụ tá của ông ấy nói với tôi rằng dân chúng tại những vùng đó bị mất mùa liên tiếp - nhưng bọn Nhật và Pháp vẫn đòi buộc phải cung cấp đủ con số lúa gạo do chúng ấn định.

Hồ Chí Minh lại nói, thêm lần nữa cất cao giọng thành tiếng thét:

- ... Sự thật là dân ta đã lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật chứ không phải từ tay Pháp. Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần một trăm năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập... Tại đây và lúc này, chúng tôi tuyên bố rằng kể từ hôm nay, chúng tôi thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.

Thêm lần nữa đám đông dân chúng vang tiếng hoan hô những lời đang cất cao của vị chủ tịch mới mẻ. Trong một hai phút, tiếng hoan hô rền vang khắp nơi. Sau cùng, khi quảng trường lắng xuống trở lại, người ta nghe xa xa vẳng tới tiếng động cơ máy bay, và cùng nhau ngược mắt nhìn lên.

Joseph nhận ra hình dáng quen thuộc của phi đội thám thính P-385 thuộc Không đoàn 14 Quân lực Hoa Kỳ đang băng qua bầu trời buổi chiều nắng chói lọi, trực chỉ hướng bắc bay về Côn Minh.

Chăm chú ngó lên, anh họ thấy phi đội đột nhiên quành lại, bắt đầu sà xuống thấp để quan sát gần hơn cái đám đông khổng lồ mà lúc này, từ cự ly trên cao, phi công đã ghi nhận được.

Ngước mắt lên nhìn các phi cơ đang bay tới gần, Hồ Chí Minh tiếp tục:

- Chúng tôi tin rằng các nước Đồng Minh đã công nhận những nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở các hội nghị Têhêrăng và Cựu Kim Sơn, quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam. Một dân tộc đã gan góc đứng về phe Đồng Minh chống phát-xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!

Hồ Chí Minh ngừng nói và lại ngược mắt nhìn lên. Những nền tròn xanh cùng ngôi sao bạc trên cánh và thân máy bay của phi đội P-385 càng hiện ra rõ nét khi đội hình máy bay tới gần hơn, cho thấy đúng là máy bay của Hoa Kỳ. Và người của OSS nhận ra - có lẽ lúc ấy Hồ Chí Minh cũng nhận ra - rằng đúng vào khoảnh khắc thích hợp nhất, chuyến bay thám thính của các trinh sát cơ Mỹ đã đặt vào lòng bàn tay ông một quả may mắn ngoạn mục nữa. Như vậy đối với toàn thể thế giới, những máy bay ấy xuất hiện là để bay biểu diễn qua khán đài nhằm gián tiếp bày tỏ sự ủng hộ của Đồng Minh, dành cho tân chế độ Việt Minh.

Hồ Chí Minh lại thêm lần nữa cất giọng lên thật cao để được nghe rõ hơn, vượt lên trên những tiếng gầm rú của máy bay:

- Vì những lẽ trên, chúng tôi chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, trịnh trọng tuyên bố với thế giới rằng: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do, độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết

định đem hết tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải, để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.

Khi tiếng hoan hô lại bắt đầu rộ lên, Hồ Chí Minh lùi khỏi máy vi âm một bước. Nắm chặt bàn tay đưa lên cao quá đầu, ông chào kiên quyết.

Trước sự ngạc nhiên của đám người OSS, ban nhạc trỗi lên bài The Star-Spangled Banner - Ngọn Cờ Điểm Sao, quốc thiều của Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ. Trong khi đó các đoàn dân quân du kích mang vũ khí Mỹ mới toanh, bắt đầu diễn hành qua quảng trường bên dưới. Thấy thế, đại tá Trench cười đưa tay lên lịch sự chào và giữ nguyên bàn tay trong tư thế chào khi các ống kính quay phim chĩa vào ông, thu hình phút giây lịch sử này.

Làm theo vị chỉ huy trưởng, Joseph và các quân nhân OSS cũng đưa tay lên chào. Đám đông cuồng nhiệt vỗ tay khi Chủ tịch Hồ Chí Minh hướng nụ cười rất nồng ấm về phía các ân nhân Mỹ đầy sức mạnh của ông, những kẻ vô tình đóng vai trò quan trọng trong việc đưa ông và những người ủng hộ ông lên nắm quyền lực.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 14 -

Dù lúc này Sài Gòn không còn là một thành phố thuộc địa và yên tĩnh như Joseph từng biết tới trước đây nhưng anh vẫn nhận ra vẻ thanh thản thuở nào trên chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đầy đặn nơi mặt ngoài vòng tường bao quanh cư sở của quan sứ thần. Anh thấy nó vẫn y nguyên như chín năm trước, không một chút thay đổi. Dưới vòm cổng nhỏ mái cong ấy vẫn treo chiếc chuông đồng ngày cũ. Thậm chí từ trên ghế ngồi đằng sau tay lái chiếc xe díp đậu sát lề đường, Joseph còn có thể ngửi ra mùi thơm nồng nàn, ẩm ướt và ngào ngạt xông thẳng lên tận óc của những chùm cây trái nhiệt đới sai quả cùng những bông hoa đang toả hương từ khu vườn bên trong vòng tường.

Trời bắt đầu xầm xẩm tối. Khi Joseph tắt máy xe, con đường dọc theo hai hàng cây ở hướng bắc quảng trường Nhà thờ Đức Bà bỗng thình lạng hẳn. Trong một chốc sự im ắng ấy làm anh hụt hẫng rồi bỗng có tiếng súng nổ lạch tách ở một nơi xa nào đó phá vỡ không khí yên tĩnh và thật kỳ lạ, nhờ thế anh cảm thấy dễ chịu hơn. Anh nhận ra rằng những âm thanh hỗn loạn và xung đột ấy dù sao cũng giúp cho mình cảm thấy bớt đặc tội về quyết định thực hiện chuyến viếng thăm này.

Hai tuần lễ trước đây, kể từ lúc chấp nhận biệt phái vào Sài Gòn, Joseph biết rằng anh không thể cưỡng nổi cơn cám dỗ phải tìm cách gặp lại Lan một lần. Dù biết gần như chắc chắn rằng nàng đã thành hôn với Paul Devraux và dù nhận thấy rõ rệt rằng hành động cố quay ngược chiều kim đồng hồ là một việc làm điên rồ và chẳng chút lợi ích nhưng anh vẫn không thể không đi gặp nàng. Joseph biết rằng xét theo cả hai mặt tình cảm lẫn lý trí, mình nên quên hẳn quá khứ ấy. Nhưng cảm giác tiếc nuối, đăm đuổi và tủi hận từng làm lòng anh quặn thắt trong chiếc máy bay Warhawk đang bốc cháy khi nghĩ rằng mình phải chết mà không bao giờ còn được gặp

Lan lần nữa, lúc này đánh đập mọi lập luận và lý lẽ.

Tại Hà Nội, trong khi sốt ruột chờ lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tới, và tại Côn Minh, trong khi dự những buổi thuyết trình vất vả, đúng theo qui định chính thức của OSS, về tình hình mới ở Sài Gòn, tâm trí Joseph đã nếm trải trước không biết bao nhiêu lần khoảnh khắc anh sẽ đứng bên ngoài chiếc cổng sơn son này và đưa tay kéo dây chiếc chuông nhỏ kia.

Trước lúc rời Hà Nội, Joseph đã cố tìm cho ra Kim, hỏi anh ta có nhắn gởi gì với gia đình không, hầu tìm cho mình lời biện hộ chính đáng về việc tự động đến thăm gia đình họ Trần. Kim đỏ mặt, cố giấu vẻ bối rối rồi tránh không nhìn Joseph. Anh ta nói thẳng rằng chẳng có gì nhắn, chỉ cần nói cho gia đình biết anh mạnh khỏe và đang hân hạnh được sát cánh với Chủ tịch Hồ Chí Minh chiến đấu cho chính nghĩa độc lập tự do của dân tộc.

Nhưng lúc này, khi vừa rút chân khỏi ghế, sắp bước xuống xe díp, Joseph lại lưỡng lự và chợt thấy lòng đầy tràn phân vân lẫn e ngại. Dù chiếc cổng sơn son còn đóng kín, anh tưởng như mình có thể nhìn xuyên qua nó, thấy rõ hai hàng cau kiểng thân thẳng đứng, mọc đều đặn và lá đan vào nhau thành vòm, vẫn y nguyên như lần anh ghé lại chín năm trước.

Anh thấy thêm lần nữa trong tâm trí mình căn phòng im mát thuở nào với đồ đạc sẫm màu bằng gỗ tẻch và những hoành phi đối xứng trên tường. Ở đó, bên kỷ trà, anh đã choáng váng khi nghe tin Jacques Devraux chết vì bị ám sát, đồng thời gần như trong cùng khoảnh khắc ấy, thấy rõ sự ruồng rẫy của Lan. Và lúc này lại trào lên trong lòng Joseph điều gì đó tuyệt vọng anh từng cảm thấy trong thời trai trẻ đó. Nỗi tuyệt vọng ấy thêm lần nữa tươi rói với một sức mạnh mới, nhắc cho anh nhớ, một cách cụ thể, rằng cuộc đời của hai người đang đổi thay biết bao trong những năm tháng không gặp nhau vừa qua. Anh giờ đây có vợ và hai con trai nhỏ ở Virginia và Lan lúc này có lẽ cũng đang xây dựng một gia đình vững chãi.

Dù trí óc sôi nổi với những nghĩ tưởng đó Joseph vẫn không cho xe nổ máy trở lại. Ngồi do dự nhìn đăm đăm chiếc cổng sơn son, anh biết rằng một khi đã vào tới bên trong cổng, dù mình có ngỡ

ngang và thất vọng tới mấy đi nữa cũng không còn là vấn đề. Anh không thể bỏ đi mà không tìm cách gặp lại Lan, dù chỉ một phút một giây. Anh biết rằng mình không thể tiếp tục sống nốt phần đời còn lại với tâm hồn yên ổn nếu không tìm cách khám phá cho ra rằng những ngày yêu thương xa xưa kia là chân tình của cả hai hay chỉ là cơn mơ điên rồ của riêng anh, và rằng cái cảm giác âm ứ và ray rứt triền miên bám riết anh kể từ ngày đánh mất Lan tới nay là một cảm giác có cội nguồn rất thật hay chỉ do anh tưởng tượng. Một hai phút sau khi kéo chuông, Joseph vẫn không nghe bên trong vắng ra âm thanh nào. Có vẻ ngôi nhà im lìm bất động. Anh bỗng tự hỏi tại sao mình lại tưởng sẽ tìm thấy gia đình họ Trần còn ở yên tại nhà này trong khi Sài Gòn đang diễn ra quá nhiều biến động.

Ngay hôm sau khi quân Nhật ở Đông Dương đầu hàng, ngày 14 tháng Tám, các tổ chức Thanh niên Tiền phong, tôn giáo và đảng phái quốc gia tại Sài Gòn thành lập Mặt trận Quốc gia Thống nhất do Hồ Văn Ngà làm chủ tịch, để tìm cách điền vào khoảng trống quyền lực. Vì mặc cảm đa số thành viên của mình trước đây thân Nhật trong khi hiện nay cần chuẩn bị đón tiếp quân Đồng Minh, họ cần một thành viên mới để làm phái viên. Họ nghe nói tới Việt Minh, muốm móc nối và mong được hợp tác với tổ chức ấy dù chỉ mới nghe đồn rãeng đó là một mặt trận toàn quốc của người Việt Nam “đánh Pháp đuổi Nhật”, đấu tranh cho độc lập tự do. Một tuần sau, họ tổ chức cuộc biểu tình hai chục vạn người tham dự, với cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền Phong bay rợp trời. Mãi tới chiều hôm đó, truyền đơn của Việt Minh mới xuất hiện nhưng có rất nhiều xe cẳm cờ đỏ sao vàng, có trang bị loa phóng thanh, chạy khắp Sài Gòn và hô vang khẩu hiệu ủng hộ Việt Minh.

Thế rồi bốn ngày sau, 25 tháng Tám, đột nhiên xuất hiện một Ủy ban Hành Chánh Lâm thời, gọi tắt là Lâm Ủy Hành Chánh, của Việt Minh tại Bồn Kền trước Hôtel de Ville - Tòa thị chính cũ - được sự ủng hộ của Thanh niên Tiền phong là lực lượng quân chúng chủ lực của Sài Gòn và sự bảo vệ của Bình Xuyên, một hội kín xã hội đen và hung hãn tàn bạo nhất. Ủy ban này gồm 9 người do Trần Văn Giàu, chủ động Xứ ủy Nam bộ của Đảng Cộng Sản

Đông Dương, làm chủ tịch, cùng với Dương Bạch Mai và năm sáu vị trí then chốt nằm trong tay những người từng học ở Liên Xô về. Các đảng viên Mặt trận Quốc gia vừa mới liên kết với Việt Minh và nhượng bộ Việt Minh đều bị loại trừ. Việt Minh huy động nông dân ngoại thành và các tỉnh phụ cận tràn về Sài Gòn dự cuộc mít-tinh vĩ đại ra mắt Lâm Ủy Hành Chánh. Các ngã đường cắm đầy cờ đỏ sao vàng, treo đầy biểu ngữ “Chính quyền về tay Việt Minh”. Người người trùng điệp đông như kiến, đi lại cười nói ồn ào và hô vang khẩu hiệu dưới một đại dương rực cờ đỏ sao vàng của Việt Minh, làm thành một quang cảnh từ trước tới nay chưa hề thấy. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm tuân lệnh chính phủ trung ương ở Huế, bàn giao chính quyền Sài Gòn cho Mặt trận Việt Minh qua Lâm Ủy Hành Chánh. Thế là chính quyền về tay Việt Minh.

Dĩ nhiên Lâm Ủy ấy gặp sự chống đối quyết liệt của các đảng phái quốc gia và các giáo phái. Xung khắc quyết liệt, sắp nổ ra nội chiến. Tổng bộ Việt Minh ở Hà Nội phải cử tới hai cán bộ trung ương vào dàn xếp. Sự kiện quân Anh đang trên đường tới Sài Gòn để giải giới quân Nhật khiến mọi phe nhóm quốc gia lẫn cộng sản, đệ tam lẫn đệ tứ đều phải ngồi lại với nhau. Họ cải tổ Lâm ủy Hành chánh thành Ủy ban Nhân dân Nam bộ, đưa một luật sư nhân sĩ lên làm chủ tịch. Tuy trong Ủy ban chỉ còn bốn đảng viên cộng sản nhưng Mặt trận Việt Minh ngày càng chủ động vì họ là những cán bộ có huấn luyện và lão luyện, có tổ chức chặt chẽ và không chừa một loại thủ đoạn nào.

Cho tới giữa tháng Chín, cờ đỏ sao vàng đã hoàn toàn thay thế cờ vàng sao đỏ. Dưới màu đỏ thắm ấy là những xung đột hằng ngày; một bên là các đảng phái quốc gia, các trí thức cộng sản đệ tứ và các giáo phái vũ trang, một bên là cán bộ cộng sản đệ tam muốn khuynh loát được sự hỗ trợ của các nhân vật Thanh niên Tiền phong trước đây và đồ đảng Bình Xuyên. Nhưng giờ đây, cả hai bên lại phải đoàn kết với nhau vì có nguy cơ người Pháp đang âm mưu đòi lại chủ quyền để tiếp tục làm chủ nhân ông như tám chục năm vừa qua. Lúc này, Việt Minh hoàn toàn thắng lợi vì chiếm được mặt nổi và tính chính thống. Gạt qua một bên những xung

khắc nội bộ, người ta dần dần đồng hóa Ủy ban Nhân dân Nam bộ với Mặt trận Việt Minh Nam bộ.

Hôm qua, chiếc xe chở Joseph và trung úy Hawke từ sân bay vào thành phố lẫn bánh bên dưới các biển ngữ: “Nhiệt liệt hoan nghênh người Anh và người Mỹ - ở đây không có chỗ cho bọn Pháp”. Dọc hai bên đường, những người lính mắt ti hí mặt ủ rủ của Quân đội Thiên Hoàng đứng gác trong binh phục bèo nhèo, mũ nhà binh lỏng thong hai mảnh vải che tai và bấp chân quần xà cạp.

Đằng sau họ, trên vỉa hè, những đám đông dân chúng nồng nhiệt chào đón các toán tiền phương của Sư đoàn Mười hai Ấn Độ thuộc Quân đội Anh vừa được không vận từ Rangoon Miến Điện tới với mục đích giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận. Trong thời gian chờ đợi lực lượng Đồng Minh tập trung đủ cấp số đảm đương công tác, người ta đành phải trưng dụng bốn mươi ngàn lính Nhật để lo liệu việc tuần tiễu trong thành phố đầy xáo trộn này. Do đó, lính Nhật thực hiện nhiệm vụ bảo an ấy một cách hờ hững và miễn cưỡng.

Không có dấu hiệu màu cờ tam tài của Pháp trong vô số những lá cờ Anh, Mỹ, Trung Hoa và Nga nườm nượp giăng ngang đường phố. Bên ngoài Toà Thị Chính cũ, tọa lạc đầu Đại lộ Charner, nơi Ủy ban Việt Minh Nam bộ dùng làm đại bản doanh, Joseph thấy dân quân Việt Nam đứng gác với vẻ mặt đầy thách thức. Các đơn vị quân đội thuộc địa Pháp vẫn bị giữ chặt bên trong vòng rào kẽm gai của những trại tập trung, nơi quân Nhật đã gom họ vào đó kể từ cuộc đảo chánh của Nhật hồi tháng Ba.

Trên đường Catinat, lúc này được đổi tên thành “Đường Công Xã Paris”, các cửa tiệm của người Pháp từng có thuở rất thời thượng, giờ đây lem luốc và cửa đóng kín mít. Đã bắt đầu xảy ra chuyện hôi của trong các tư gia người Pháp tọa lạc biệt lập tại những khu vực hẻo lánh. Chuyện đó không hề xảy ra suốt sáu tháng vừa qua, kể từ ngày người Nhật giam giữ các quân nhân công chức và cảnh binh Pháp. Đã thấy lác đác đôi ba người, trong số hai chục ngàn thường dân Pháp không bị Nhật giam giữ, bình an đi lại trên đường phố trong tình trạng không có lính da trắng bảo vệ họ. Một bộ phận ít ỏi của Quân đội Anh gồm lính Ấn Độ và lính Népal vừa được

không vận đến đã tiếp quản và canh gác phi trường, các nhà máy điện, ngân hàng, đồn cảnh sát. Riêng đại bộ phận chủ lực còn lại của lực lượng Anh đang chờ vận chuyển bằng đường biển, phải vào đầu tháng Mười mới tới Sài Gòn.

Sau khi trình diện bộ chỉ huy đơn vị OSS, Joseph và trung úy Hawke bắt đầu lái xe tuần thám khắp thành phố. Cả hai thấy chợ Bến Thành nằm im lìm vắng vẻ vì Việt Minh ra lệnh đình công phản đối việc viên tư lệnh Anh không chịu điều đình với họ. Đã ban hành lệnh giới nghiêm suốt ngày suốt đêm nhưng lính Anh không đủ quân số để thi hành đúng mức. Những trận đụng độ nhỏ giữa các toán võ trang người Việt thuộc các phe phái khác nhau do đó, đang trở thành chuyện thường ngày.

Tiếng súng chạm trán kéo dài từ hướng Nhà Thờ Đức Bà làm Joseph quay đầu lại, nghe ngóng. Anh không để ý đằng sau mình, chiếc cổng sơn son hình trăng rằm đang thăm lặng mở ra một bên cánh bán nguyệt. Khi quay người lại, Joseph thấy hiện ra trước mắt mình bộ mặt vô cảm và trầm trọng của Tâm, anh ruột Lan. Trong một thoáng, cả hai nhìn nhau ngỡ ngàng. Rồi Joseph đỡ chiếc mũ lưỡi trai nhà binh:

- Tâm, tôi đây, Joseph Sherman đây! Anh có nhớ ra không?

Tâm nhìn chòng chọc bộ mặt đang toét miệng cười và cổ áo mang quân hàm đại úy của người Mỹ nhưng không có ý kéo rộng cửa.

Anh ta guồng gạo đáp lại bằng tiếng Pháp:

- Có, đại úy Sherman, tôi nhận ra anh. Nhưng tại sao anh trở lại Sài Gòn?

- Tôi được điều tới đây công tác trong một phái bộ của Hoa Kỳ.

Tôi mới đi máy bay vào đây hôm qua. Trước đó, ở Hà Nội, tôi có gặp anh Kim ở ngoài đó. Tôi muốn báo cho anh và cha mẹ anh biết tin anh Kim vẫn mạnh khỏe.

Mắt Tâm nheo lại khi nghe nhắc tới tên em mình. Còn ngoài ra, mặt anh ta không lộ phản ứng nào và miệng anh ta không thốt một tiếng. Joseph nói, ngập ngừng:

- Tâm ạ, tôi hy vọng song thân anh mạnh khỏe. Và còn cô Lan em của anh, cô ấy cũng khỏe chứ?

Tâm nói với giọng chán chường:

- Ở Sài Gòn lúc này chẳng ai mạnh khoẻ cả. Anh thừa biết trong thành phố này, chỗ nào cũng toàn là sợ hãi.

- Tâm ạ, bỏ qua cho sự đường đột của tôi nhưng tôi nghĩ thế nào quý vị cũng vui mừng khi có tin của anh Kim. Anh ấy nói với tôi rằng đã từ lâu không liên lạc với gia đình.

Tâm tần ngần đôi chút rồi kéo rộng cửa:

- Anh vào bên trong đợi. Để tôi hỏi xem mẹ tôi có muốn tiếp chuyện anh không?

Người Việt Nam đóng cổng, gài then cẩn thận xong bước lên trước Joseph, đi về phía ngôi nhà. Trong trời chạng vạng người Mỹ thấy khu vườn ngăn nắp cũ bây giờ như một vườn hoang. Cây cối mọc lung tung, mặt đất đầy cỏ dại và mặt nước hồ sen đầy rêu phủ kín. Joseph chưa đặt chân lên bậc thềm, Tâm đã biến mất vô trong nhà, để lại anh bứt rứt đứng chờ dưới tầng cấp.

Vài phút trôi qua. Rồi mẹ của Lan xuất hiện nơi ngưỡng cửa, đi như tựa vào vai con trai mình. Không nhìn vào mặt Joseph, bà nói rất trấn tĩnh, bằng tiếng Pháp:

- Đại úy Sherman ạ, sau những gì đã xảy ra giữa anh và con gái tôi, tôi rất lấy làm ngạc nhiên khi thấy anh còn đủ liều lĩnh để quay lại đây. Sở dĩ tôi ra đây tiếp chuyện chỉ vì Tâm bảo với tôi rằng anh có tin tức về đứa con trai của tôi.

Dưới ánh chiều nhạt nhoà Joseph bỗng dưng thấy vóc dáng mảnh mai của người phụ nữ Việt Nam ấy giống với con gái bà lạ lòng. Trong bộ đồ thêu sẫm màu cao kín cổ và ở độ tuổi trung niên, bà vẫn đẹp tuyệt vời. Bà đứng đó, mắt nhìn xuống, hai bàn tay buông trước thân mình và xoắn vào nhau. Đằng sau bà, xuyên qua cửa khép hờ, Joseph có thể nhìn thấy những ngọn nến đang cháy leo lét trên bàn thờ gia tiên như thể anh vừa làm lỡ dở buổi tụng kinh chiều của bà.

Joseph bắt đầu nói, giọng tần ngần:

- Madame, cháu xin lỗi. Cháu không hiểu...

Bà ngược mặt nhìn thẳng giữa hai mắt của Joseph. Lúc đó anh nhận ra nét mặt bà sẵn lại với vẻ thù nghịch không thể che giấu:

- Xin anh vui lòng cho biết anh có tin tức gì về Kim?

Joseph nói thật nhanh:

- Cháu làm việc chung với anh ấy suốt một tuần lễ ở mạn bắc Bắc kỳ. Kim là một phụ tá hàng đầu của Hồ Chí Minh và được đánh giá rất cao. Lúc này anh ấy đang công tác cho chính phủ mới ở Hà Nội.

Đôi mắt người phụ nữ Việt Nam ánh lên vẻ đau đớn. Bà quay đầu sang chỗ khác, im lặng. Joseph vẫn nói nhưng trong giọng nói của anh chồm lên vào chút liều lĩnh tuyệt vọng:

- Cháu hy vọng Monsieur Trần VănHiếu mạnh khỏe. Còn Lan, thưa bà, lúc này cô ấy ra sao rồi? Cô ấy có kết hôn với người bạn tốt Paul Devraux của cháu không ạ?

Quay lại nhìn Joseph lần nữa, Madame Hiếu cố nén những giọt lệ bắt đầu ứa ra trong góc mắt:

- Có, đại úy, nó đã thành hôn. Cả hai được một cháu trai.

Joseph cố mím miệng cười:

- Thật tốt lành quá! Và cả hai có đang ở Sài Gòn không ạ?

Không còn kèm nổi nước mắt, Madame Hiếu nhắm mắt và quay đầu, áp mặt vào vai con trai. Tâm vừa vòng tay che chở mẹ vừa nói:

- Đại úy ạ, cả nhà chúng tôi hiện sống trong tình trạng cực kỳ căng thẳng. Sau ngày thành hôn, Lan với chồng sống ở Sài Gòn, nhưng sáu tháng trước đây, thiếu tá Devraux cùng hết thầy quân nhân Pháp đều bị người Nhật giam giữ. Lúc này, anh ấy vẫn ở trong tù. Sau ngày chồng bị bắt, Lan và con trai về đây lánh nạn, sống chung với cha mẹ và gia đình tôi.

Cổ dẫn lòng xúc động, Joseph hỏi:

- Có thể cho phép tôi được gặp Lan không ạ?

- Lan không còn ở đây nữa, đại úy. Nó và cha tôi bị người ta đắm trúng trong cuộc hỗn loạn bạo động hôm mít tinh mừng ngày độc lập.

Joseph hoảng hốt ngó người Việt Nam:

- Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Việt Minh tổ chức một cuộc tuần hành rầm rộ để mừng lễ tuyên bố độc lập ở Hà Nội. Cha tôi và Lan đi xem, rồi hỗn loạn bùng nổ chung quanh Nhà thờ Đức Bà. Một linh mục Pháp bị bắn ngay nơi tầng cấp nhà thờ. Cha tôi và Lan bị đám đông xô lấn, đẩy té xuống

đất, rồi bị người ta đạp lên trên khi họ bỏ chạy tán loạn.

- Vậy, lúc này cả hai người đang ở đâu?

- Cha tôi nghỉ ngơi ở đây, tại nhà này, còn Lan vẫn nằm trong nhà thương. Nó bị chấn động não và hôn mê một thời gian.

Joseph lo lắng hỏi:

- Cô ấy ở nhà thương nào vậy?

Madame Hiếu cất bộ mặt đầm đìa nước mắt khỏi vai con trai mình và ngó thẳng mặt Joseph:

- Tôi cấm anh tìm cách gặp con gái tôi. Nó không muốn gặp lại anh. Anh gây bất hạnh cho nó như vậy đủ rồi. Chỉ mai mốt thôi nó sẽ xuất viện. Lúc đó, cả nhà chúng tôi đi khỏi thành phố này ngay. Lời lẽ dữ dội của bà làm Joseph sững người. Anh trơ vờ ngó người phụ nữ Việt Nam:

- Madame, cháu không hiểu bà có ý nói gì.

Tâm nghiêm giọng nói:

- Đại úy, em gái tôi không muốn gặp anh. Tôi nói như vậy hẳn đã quá rõ cho anh.

Joseph lắp bắp:

- Tôi xin lỗi. Nếu tôi có thể giúp được gì thì...

Giọng anh kéo dài lê thê và anh choáng váng quay mình. Đi được mấy bước, anh nghe đằng sau có tiếng Madame Hiếu gọi nhỏ tên Joseph. Bà hỏi với đôi mắt ràn rụa:

- Đại úy Sherman, con trai tôi có nhắn gì cho tôi không?

Joseph lưỡng lự rồi nói thật chậm:

- Anh ấy yêu cầu cháu nói với bà rằng anh ấy sung sướng được góp phần mang lại độc lập và tự do cho dân tộc.

- Nó còn nói gì nữa không?

Bà khắc khoải dò chừng vẻ mặt của Joseph trong khi môi run run ngóng câu trả lời của anh. Và Joseph trả lời, không biết tại sao mình lại nói dối:

- Kim nói rằng anh ấy rất buồn vì đã lâu năm không được gặp mẹ.

Kim nói anh ấy ngày nào cũng nhớ tới bà.

Madame Hiếu đưa hai tay ôm mặt, quay mình trở bước vào nhà, để lại tiếng khóc nức. Tâm ra hiệu cho Joseph đi ra cửa và nói:

- Đại úy ạ, tốt nhất anh nên đi ngay. Và vì mẹ tôi, xin anh đừng bao giờ tới nhà này nữa.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 15 -

- Chúng tôi không ngần ngại khi vì đạo mà cứu đời và vào đời để hành đạo. Đức Thầy ạ, ngài cũng thừa biết rằng đạo là nguyên lý điều hòa vũ trụ, là bản thể của vạn vật, là khởi điểm và cùng đích của nhân sinh; cứ theo đạo mà vận hành là đạt cứu cánh. Thời buổi này như trong Phong Thần diễn nghĩa nên phía Xiển giáo sẵn sàng tuân mệnh trời, phò chính nghĩa để đối đầu với bọn Triệt giáo đang tâm nghịch mệnh trời, phò bạo tàn. Chính Đức Thầy cũng thường nhắc câu nói bi trí dũng vô lượng của nhà Phật: Ta không vào địa ngục thì ai vào.

Hộ pháp Phạm Công Tắc nói với người ngồi đối diện bằng giọng chững chạc và trầm tĩnh. Thấy câu chuyện không còn liên quan tới mình, Phan VănHùm đứng dậy. Từ một lỗ tò vò sát mái Đình Ông Cọp gần chợ Phú Nhuận, anh ló đầu ra, ngó xuống mặt đường, xem Trần VănThạch tới chưa. Con mưa Sài Gòn chưa hết nặng hạt, lẽ đường còn lênh láng nước nhưng đã xuất hiện cả trăm dân quân võ trang bằng tầm vông vọt nhọn, giáo sắt và súng trường mua hoặc lấy của Nhật. Họ chia làm ba toán nhìn theo ba hướng. Một ngó dọc con đường vào nội thành chạy quá tới bên kia cầu Kiệu. Một ngó thẳng ra cánh đồng trống tiếp giáp cù lao trũng nước, đối diện với Đa Kao ở mé bên kia kênh Nhiêu Lộc. Toán thứ ba ít hơn, ngó về phía ngã tư Phú Nhuận chạy thẳng tới sân cù. Sau lưng nhà học giả 43 tuổi đời họ Phan, linh hồn của nhóm Tân Tả Phái kể từ ngày Tạ Thu Thâu bị dân quân Việt Minh thẩm sát tại Quảng Ngãi, cuộc trao đổi giữa hai vị giáo chủ một già một trẻ tiếp tục; xen kẽ các câu nói điềm đậm là những khoảnh khắc im lặng sâu lắng.

Người già có đài trán cao, sống mũi cương nghị, đôi mắt tinh anh và định tĩnh. Khấp người toát lên vẻ sâu sắc và uy nghi của một vị Hộ Pháp 55 tuổi, kiêm Quyền Giáo tông của một tổ chức có hai

triệu tín đồ, qui tụ đông đảo ở vùng Tây Ninh và miệt Tiền Giang. Hai mươi năm trước, Đức Cao Đài giảng khai một tôn giáo mới khi nhận thấy các tôn giáo lâu đời không còn bắt kịp thời nay. Bằng cổ vũ sự tôn thờ Đấng Thượng đế Chí tôn, đạo Cao Đài có hoài bão khôi phục nền luân lý trên căn bản kết tập những tinh hoa trong các nội dung Phật của Phật giáo, Tiên của Lão giáo, Nhân của Khổng giáo, và thêm vào đó Thánh của Thiên Chúa giáo và Thần của Thần đạo. Mục đích chính nhằm phổ độ chúng sanh trong Đệ tam kỳ Hạ Nguyên này để chuẩn bị Hội Long Hoa, một thời điểm được đề cập tới trong hầu hết kinh sách của các tôn giáo và là lúc những người sùng tín hiền minh đạo đức được sống trong một thế giới tràn đầy hạnh phúc. Với qui pháp cụ thể, đạo qui đạo lệnh nghiêm khắc và những giao tiếp chặt chẽ với thế giới thượng thiên bằng cơ bút, Cao Đài nhanh chóng thu hút được sự tham gia đông đảo của giới điền chủ, hào lý, tá điền, công chức và quan chức phủ huyện. Khi đất nước còn trong tay ngoại nhân thì lòng đạo không thể tách biệt với nỗi đời, nên Cao Đài dần thân vào cuộc thế, tham gia tích cực Việt Nam Quang Phục Hội do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để làm hội chủ. Và tình trạng chính trị sau ngày Việt Nam Quốc Dân Đảng thất bại lại khiến người ta tìm tới với đạo nhiều hơn.

Người Pháp rồi cũng nhận ra tình yêu nước lai láng trong những bài thơ giảng cơ, lời tổ chức giống Công giáo La mã với Tòa Thánh ở Tây Ninh và lòng vào hệ thống hành chánh khắp ba kỳ, nếp sinh hoạt tự xử lý nội bộ như một nhà nước độc lập, nên vào lúc bắt đầu Thế Chiến Hai, họ ra tay. Năm 1941, Phạm Hộ pháp cùng sáu chức sắc cao cấp bị Pháp đày đi đảo Madagascar ở châu Phi, mãi tới tháng vừa rồi mới được Nhật đưa về. Sự bách hại của Pháp đã đẩy Cao Đài vào thế phải tiếp cận với đạo quân của Thiên Hoàng dù biết rằng chủ nghĩa Đại Đông Á hẳn chỉ là khẩu hiệu đầu môi chót lưỡi của phát-xít Nhật. Cũng nhờ quan hệ ấy, Cao Đài có được hai vạn người được Nhật huấn luyện. Và nay, khi Nhật thua trận, những người ấy trở thành một lực lượng sẵn sàng quyết tử nếu người Pháp đặt trở lại bàn chân thực dân để làm chủ nhân đất nước này.

Người được Phạm Công Tắc gọi Đức Thầy là một thanh niên mà sáu năm trước, lúc mới 19 tuổi đã lập nên Phật giáo Hoà Hảo với hơn hai triệu tín đồ, hầu hết là nông dân vùng Thất Sơn Châu Đốc và miệt Hậu Giang. Chờ cho Phạm Hộ pháp ngưng nói để chiêu một ngụm nước trà còn bốc khói, Huỳnh Phú Sổ đặt ly nước lạnh đang cầm trong tay xuống bàn và trình bày nhỏ nhẹ:

- Tôi cũng thấy trước là những năm sắp tới thế nào cũng xảy ra “khởi trùm mặt đất nơi nơi, cửa nhà cây cỏ tơi bời sạch tan,” nên trước khi tránh không khởi cảnh thương tâm đó, tôi tâm niệm rằng chúng ta nên đoàn kết giữa người Việt để làm nhạt bớt cảnh máu đổ thịt rơi. Ngài cũng biết rằng đồng bào ta và ta có một liên quan mật thiết, không thể rời nhau, chẳng thể chia nhau và chẳng khi nào có ta mà không có đồng bào hay có đồng bào mà không có ta. Việt Minh dù lấn lướt hoặc ác tâm tới mấy đi nữa thì cũng là đồng bào ruột thịt với mình. Họ có sai lầm tới mấy đi nữa thì cũng có thể bàn lui tính tới với nhau. Và chúng ta không còn cách nào khác hơn là ngồi lại chung bàn để cùng ngăn bước chân của bọn tây dương mà chỉ ngày mai ngày một là người Anh để cho chúng tìm cách chiếm lại Sài Gòn trong tay của dân mình.

Cổ cao ba ngón, đôi lông mày thường nhíu lại đăm chiêu và khuôn mặt thông minh đỉnh ngộ, Huỳnh Giáo chủ thanh tú trong bộ đồ bà ba đen tương phản với y phục trắng của Phạm Hộ pháp. Mấy tháng trời bị Pháp nhốt trong nhà thương điên ở Chợ Quán không ảnh hưởng chút nào lên trí óc linh mẫn của ông. Ngược lại, ông ngồi viết hàng ngàn câu Sấm Giảng và cải giáo cho viên bác sĩ bị sai tới “chữa bệnh điên” cho mình. Xuất thân từ một gia đình hương chức mà thân sinh nguyên là người Công giáo bỏ đạo, người thanh niên họ Huỳnh này, theo như truyền thuyết, sau những ngày ốm đau tưởng lìa đời, đã được linh hồn của Đức Phật Thầy chuyển vào. Một trăm năm trước đây, trong khung cảnh miền nam khai hoang với những lưu dân tứ tán, sống trong điều kiện phong thổ khắc nghiệt, tính người chưa thuần, quan lại hà hiếp, trộm cướp chèo ghê đi quanh theo mùa nước nổi, và thường bị người “thổ” Cao Miên cướp phá hãm hiếp, v.v. tu sĩ Đoàn Minh Huyền xuất hiện với khả năng chữa bệnh, tổ chức khẩn hoang lập ấp và thuyết giảng

đạo lý. Từ đó xuất hiện Bửu Sơn Kỳ Hương như một tôn giáo hộ quốc và người khai sáng cũng là nhà ái quốc họ Đoàn ấy được dân chúng tôn sùng là Phật Thầy Tây An, với lời lưu truyền rằng hồn của Đức Thầy sẽ liên tục nhập vào các hoạt phật kế tiếp nhau để thường trực ở mãi với chúng sinh cho tới ngày Hội Long Hoa. Bằng chữa bệnh, trừ tà và những bài thơ mộc mạc đầy đạo tính, Huỳnh Giáo chủ hướng những tín đồ Phật giáo đi theo mình báo đáp Tứ Ân: ân tổ tiên cha mẹ; ân đất nước; ân Tam bảo Phật Pháp Tăng; và ân đồng bào nhân loại. Giáo thuyết huyền vi của Phật Thích Ca cũng được giản lược, chỉ nhấn mạnh trên sự bài trừ ba nghiệp chướng Thân, Khẩu và Ý, cùng đi theo Bát Chánh Đạo. Kinh sách là một tập Sám Giảng gồm hàng trăm bài thơ khuyên giáo và khuyến thiện của Đức Thầy. Không có tầng lớp tăng lữ. Không lập chùa chiền. Chỉ dựng Độc Giảng Đường nho nhỏ ở mỗi làng xã làm nơi tụ họp và để mỗi sáng mỗi chiều huynh đệ tỉ muội đọc cho nhau nghe lời Sám Giảng của Đức Thầy. Nghi lễ không dùng tới các hình tượng, không tụng kinh gõ mõ mà chỉ cúng nước lạnh, bông hoa và nhang. Trên bàn thờ chỉ trang trọng đặt một tấm vải nâu, gọi là trần dà; thờ Đức Phật, tổ tiên, ông bà cha mẹ và đặc biệt, các vị anh hùng của đất nước. Chỉ trong vài chục năm vui với mùi đạo từ Bửu Sơn tới Hoà Hảo, cuộc sống miền tây thay đổi hẳn, với những người dân bộc trực, tín nghĩa, không uống rượu, không hút thuốc phiện, không ăn thịt trâu bò, làm ruộng cực giỏi, sống thành đoàn ngũ và tham gia hết mình các cuộc khởi nghĩa chống Pháp, trong đó có các đạo nghĩa quân của những vị anh hùng như Thiên hộ Dương, Nguyễn Trung Trực, Nguyễn Hữu Huân... Thế rồi truyền thống nhập thế với ân đất nước và việc thờ anh hùng dân tộc cũng không tránh khỏi con mắt cú vọ của Pháp. Nhất là sau cuộc thất bại của Nam kỳ Khởi nghĩa và sự mất lòng tin vào phương pháp cộng sản cùng các cán bộ cộng sản lãnh đạo cuộc khởi nghĩa đó, dân chúng hướng về Phật giáo Hoà Hảo. Thế Chiến Hai nổ ra, Pháp lo sợ vì đang ở thế kém Nhật và để phòng ngừa bạo loạn, họ bắt hàng ngàn người, tôn giáo có, dân tộc có, cộng sản có. Khi Phạm Hộ pháp bị đày sang châu Phi, Phan Văn Hùm bị chửi ra đảo Côn Lôn thì Pháp đưa Huỳnh Giáo chủ lên nhà thương điên

ở Sài Gòn. Sau đó họ đem ông về an trí ở Bạc Liêu. Cách đây ba năm, khi Pháp tính hạ ngục Đức Thầy thì ông được người Nhật bảo trợ. Từ đó, trong khi buộc lòng phải tiếp nhận sự giúp đỡ của Nhật, tín đồ Hoà Hảo bắt đầu mài dao rèn kiếm tính chuyện cướp chính quyền.

Chờ mãi chưa thấy Trần VănThạch tới, Phan VănHùm quay mình trở lại bàn họp. Anh mỉm cười khi thấy búi tóc của Huỳnh Phú Sổ. Vị giáo chủ thanh niên thường tự xưng là Đạo Khùng, Đạo Xên ấy để một búi tóc trên đầu, được ông giải thích là có ý giữ kỷ niệm phong tục cũ của tổ tiên và tỏ cho thiên hạ biết mình không chịu ảnh hưởng của tây. Một già một trẻ, một quần áo trắng như tiên ông, một mặc bà ba đen như tu sĩ tại gia ở nông thôn. Nhưng trong cái vẻ siêu thoát mộc mạc và định tĩnh của cả hai hàm chứa một quyết tâm bất hoại, vì đời mà mang đạo đấu tranh cho độc lập của dân tộc, cho quyền được làm người tự do.

Người trí thức Phan VănHùm chỉ có con tim, khối óc và cây bút, còn hai vị giáo chủ ngồi đây mỗi người làm chủ một đạo quân. Mỗi đạo quân đông đảo, hàng chục ngàn người, có đầy đủ tướng lãnh, sĩ quan chỉ huy và vũ khí trang bị gồm súng ống mua của bọn Nhật hay được chúng tặng từ mấy năm nay. Và trên tất cả những quân khí ấy là lòng yêu nước được nâng cao thành bất tử với một niềm tin vững bền vào giáo chủ và tôn giáo của mình. Mỗi người trong đạo quân ấy đứng ở tâm điểm của chiều ngang là đồng bào đất nước và chiều dọc là tổ tiên và đạo pháp. Cùng chiến đấu với họ là quốc hồn quốc túy, thần thánh tiên Phật và tiền nhân liệt sĩ. Đối với họ, cái chết chỉ là một bước nhảy từ cõi đời này lên bàn thờ kia trong niềm ân phúc được sinh vi tướng tử vi thần. Sống làm nghĩa dân tận lực khuông phò xã tắc; chết thành thần nhân linh nghiệm phù hộ nhân dân.

Nhìn hai vị giáo chủ đầy quyền uy ấy, bất giác Phan VănHùm nghĩ tới bản thân. Những ngày học trường Công Chánh ở Hà Nội, lưu lạc ở Huế sống với vợ chồng Đào Duy Anh và được gần gũi cụ Phan Bội Châu. Bốn năm lưu li sang Pháp học triết ở Đại học Sorbonne rồi ngả theo tư tưởng cộng sản Quốc tế Đệ tứ, sau đó trở về Sài Gòn vừa dạy học vừa hoạt động. Những ngày tù đầy khổ

sai, bị sỉ nhục, bị tra tấn, kết Khảm Lớn tới đảo Côn Lôn. Anh vượt qua được tất cả những gian nan lưu lạc ấy có lẽ nhờ vào niềm tin sắt đá ghi trong tâm khảm rằng người trí thức của một xứ sở nhược tiểu không thể không thao thức với những vấn đề của đất nước và có nghĩa vụ dấn thân vào hành động, một cách tỉnh táo và quyết liệt, để phục vụ đồng bào và dân tộc, để cải tạo môi trường sống thành một chốn tốt đẹp hơn cho mọi người. Cùng với người anh xem như anh em là nhà cách mạng Nguyễn An Ninh, người bạn thông minh tuyệt luân Tạ Thu Thâu và ngòi bút bình luận sắc sảo Trần Văn Thạch, Phan Văn Hùm đã làm tờ La Lutte, rồi từ đó, được bầu vào Hội đồng Quản hạt Nam kỳ.

Đôi khi anh tự nhủ tại sao mình lại lao vào trường đấu tranh và cứ thế đi miệt mài qua bao năm tháng. Thật sự mà nói, tuy theo Tân Tả Phái nhưng khi đọc sách của Marx, của Trotsky anh thấy có nhiều lần cần. Lý thuyết cộng sản là phôi sản của lý thuyết Do-thái-Kitô-giáo qua sự thông giải của các nhà thần học kinh viện và các trí thức, triết gia châu Âu bị ám ảnh bởi giấc mơ cứu thế, quỵen với sự mất niềm tin vào tư bản chủ nghĩa, giáo hội Công giáo La mã và tầng lớp tăng lữ. Nhưng hình như cái giá trị nhất của nó chỉ dừng ở chỗ phê phán rốt ráo tư bản chủ nghĩa; những người sản sinh ra chủ nghĩa Marx gần như không có đông phương học, đặc biệt phi tâm linh. Như thế, phải chăng chỉ hữu ích cho người Việt khi biết du nhập nó với một tinh thần phê phán, chắt lọc, lấy ra những gì thích hợp với xã hội Việt Nam cổ truyền và đương đại; lúc ấy mới tránh khỏi tình trạng toàn trị và vết xe sắt máu của cuộc đại khủng bố những năm ba mươi tại Nga và những gì xảy ra tại Hoa Nam, Nghệ Tĩnh và trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa.

Thành thật mà nói, anh đọc sách, học hành, nghiên cứu chỉ cốt để nỗ lực tìm kiếm một tổng hợp tư tưởng đông tây cho dân tộc mình. Văn hóa Việt vốn chịu ảnh hưởng của cả hai nền văn minh Hoa và Ấn, nay nếu bằng các nào đó, dung hợp được những giá trị tích cực của châu Âu, nó sẽ trở thành nền tảng và chìa khóa giải quyết các vấn đề trọng đại lẫn cấp bách của dân tộc. Thế nhưng càng đi sâu vào học thuật anh càng thấy mình thiếu sót, càng suy nghĩ càng thấy chưa thấu đáo vì câu hỏi bao giờ cũng chứa đựng dồi dào nội

dung hơn câu trả lời. Phải tìm tòi thêm nữa để ngấm thật sâu, để chết đi trong tư duy mới có thể phục sinh trong tư tưởng, dù anh đang có trên kệ sách mấy cuốn của mình đã xuất bản, trong đó gồm những công trình nghiên cứu về Biện chứng pháp, Phật giáo, tâm học Vương Dương Minh, v.v.

Trong khi anh đang từ Tân Uyên, Biên Hoà xuống Sài Gòn chữa bệnh phù thũng, di căn ngực tù Côn Lôn, và dự tính trong thời gian này sẽ tiếp tục việc nghiên cứu triết học thì nổ ra chuỗi biến động từ một tháng nay. Nhất là khi Ủy ban Hành chánh Lâm thời của Cộng sản Quốc tế Đệ tam xuất hiện cướp chính quyền, rồi sau đó bị trung ương Mặt trận Việt Minh bắt phải cải tổ thành Ủy ban Hành Chánh Nam bộ. Người ta đã thăm dò mời anh tham gia một chân ủy viên nhưng anh từ chối vì kinh nghiệm làm tờ La Lutte và những năm ở tù chung nơi đảo Côn Lôn, anh biết rõ rằng khó có thể sinh hoạt chung với những người được đào tạo bởi Học viện Thợ Thuyền Phương Đông của Stalin, một học viện hầu hết sinh viên của nó chỉ cần trình độ tiểu học là được nhận vào học. Họ chỉ muốn gây mâu thuẫn, khai thác những xung khắc và khích động hận thù giữa các thành phần của dân tộc. Họ hô hào hoà hợp, đoàn kết nhưng thực chất chỉ muốn giành độc quyền lãnh đạo, khuynh loát và trấn áp hết thảy những ai không chấp nhận quan điểm và đường lối của họ. Ở Côn Lôn, chính tù nhân cộng sản đã hại chết Nguyễn An Ninh, người nhiều phen che chở họ tại nhà của mình ở Hóc Môn Bà Điểm và qua Thanh Niên Cao Vọng Đảng, đã tuyển lựa, giới thiệu cho họ những kẻ về sau là đảng viên cộng sản xuất sắc.

Chiều nay, phiên họp giữa hai vị giáo chủ, một có tính thần bí của Phật giáo dân giả, một có tính huyền học của Đạo giáo thời đại cùng với hai trí thức cách mạng hàng đầu của Sài Gòn, thuộc Tân Tả Phái Cộng sản Quốc tế Đệ tứ lại diễn ra trong một ngôi đình la liệt những hoành phi đối xứng, bàn thờ và hình tượng của Khổng giáo cùng linh vị của thần nhân Việt. Nhận xét đó, khiến Phan Văn Hùm mỉm cười. Và trong mơ hồ, hình như anh đang cảm nhận được bằng cách nào mình sẽ tổng hợp thành công một lý thuyết chủ đạo cho công cuộc đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc và

kiến thiết xứ sở.

Trung úy David Hawke giật mạnh chiếc xác máy truyền tin ra khỏi xe đíp rồi uể oải xách lên bậc thềm trước ngôi nhà được tạm cấp cho Phân đội OSS làm bộ chỉ huy, ở Phú Nhuận, vùng ngoại ô tây bắc Sài Gòn. Toà nhà này trước đây là tư thất của một người Pháp làm giám đốc Ngân hàng Đông dương, tọa lạc mé trong mép sân cù, và được một đơn vị quân Nhật đảm trách việc canh gác, theo lệnh của tướng Douglas Gracey, tổng tư lệnh lực lượng Anh chiếm đóng.

Joseph dẫn đầu đi lên bậc cấp và Hawke theo sau. Cả hai chào đáp lễ cái chào đầy oán ghét của gã lính Nhật đang đứng gác: tay đưa lên chào và mắt trợn ngó lưng trời. Vô tới bên trong tiền sảnh, Hawke giận dữ ném phịch xác máy truyền tin lên mặt bàn:

- Vì lý do quái đản nào mà tại Hội nghị Potsdam chúng ta lại chịu cho quân Anh tiếp quản nam Đông Dương từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống? Nếu cứ giao việc đó cho tướng Wedemeyer ở Hoa Nam thì chúng ta đã có quân Trung Hoa hiện diện đầy nhóc và các đơn vị quân Mỹ to con tràn ngập chỗ này lâu rồi.

Hawke vừa nói vừa góm ghieéc phúi phúi bộ đồ trần làm văng tung lớp bụi dày bám suốt cuộc tuần thám kéo dài từ ban chiều qua buổi tối:

- Thay vào đó, chúng ta chỉ mới có mấy ngàn tên lính Ấn với chư vị quý tộc Ăng-lê chỉ huy bọn chúng chạy lòng vòng ở đây và dùng quân thù làm cảnh sát - còn chúng ta thì thấy nguy cơ dàn ra trước mắt mà chẳng nhúc nhích ngo ngoe gì được.

Đột nhiên cửa một văn phòng ở tầng trệt bật mở, thò ra thân xác có bộ mặt đeo kính và cái miệng cười toe toét của viên thiếu tá chỉ huy phân đội. Thuở còn sống đời dân sự, anh ta là chuyên viên phân tích đầu tư xuất sắc của Phố Wall. Hiện anh ta vẫn cố sức áp dụng vào công tác quân báo những phương pháp lý luận và điều nghiên chi tiết cực kỳ thận trọng y như trước ngày nhập ngũ.

Nhưng rốt cuộc anh ta đành phải thú nhận mình hoa cả mắt trong hoạt cảnh chính trị đầy hoang mang tại Sài Gòn lúc này.

- Bộ chưa ai nói với trung úy rằng vào lúc kết thúc thế chiến, Ngài

quí tộc Thống chế Louis Mountbatten đã sửa lại tên của đơn vị ông ta? “SEAC” không còn viết tắt cho South East Asia Command – Bộ Tư lệnh Đông Nam Á nữa, mà là đang viết tắt cho Save England’s Asian Collonies – Cứu lấy các thuộc địa châu Á của Anh. Đó là lý do tại Potsdam, người Anh cứ khẳng khẳng đòi thủ cho bằng được vai trò tham gia công tác Đông Dương. Với Miến Điện và Ấn Độ ở sát nách Đông Dương, người Anh không thể để cho dân bản xứ ở đây gây quá nhiều lộn xộn - kéo chẳng may có tên thứ dân hèn mọn nào đó tại các xứ thuộc địa của họ bắt đầu tiếm nhiệm “các ý tưởng bậy bạ” ấy thì sao!

Trung úy Hawke thở hắt như bày tỏ ý kiến rằng cá nhân mình ghét tởm cách riêng người Anh. Thấy anh bắt đầu mở đai lưng bộ đồ trận, thiếu tá chỉ huy trưởng giờ tay chặn lại:

- Để yên nó đó trung úy, công tác hôm nay của anh đã xong đâu! Tôi cam đoan rằng đại úy Sherman thế nào cũng muốn anh tháp tùng anh ta cho một chuyến đi ngắn, tới Nhà thờ Chánh toà Sài Gòn.

Joseph nhìn cấp chỉ huy, thắc mắc:

- Thừa thiếu tá, tại sao tôi lại muốn đi Nhà thờ Đức Bà?

Thiếu tá mở túi trên áo sơ-mi, rút ra một bì thư nhàu nát:

- Cách đây một giờ, có một người Việt Nam bí hiểm đưa tới đây mảnh giấy này. Trong đó ghi: “Xin vui lòng ra lệnh cho đại úy Sherman có mặt ở nhà thờ chánh tòa tối nay, lúc chín giờ, nơi mấy dãy ghế đằng sau, phía nam.”

Thiếu tá đưa Joseph mảnh giấy học trò có kẻ ô vuông, viết nguệch ngoạc bằng tiếng Anh, chính tả sai be bét:

- Mảnh giấy ký tên “Ngô VănLộc”. Đại úy quen ai có cái tên đó không?

Joseph tự mình đọc mảnh giấy rồi với vể mặt kinh ngạc, anh ngược nhìn sĩ quan cấp trên:

- Thừa tôi có biết. Lộc là người tôi từng gặp ở đây lâu lắm rồi.

- Và có phải hắn đang dính líu tới các hoạt động chính trị tại đây?

Joseph trả lời dứt khoát:

- Tôi nghĩ có thể nói chính xác là như vậy.

- Tốt, thế thì anh đi gặp hắn. Có thể chúng ta sẽ tìm thấy điều gì đó

về những cái đang diễn ra lòng vòng ở đây mà chúng ta hiện vẫn không biết rõ. Trung úy Hawke đi theo anh và sẵn sàng nổ súng trong trường hợp người ta có ý định bắt cóc một người Mỹ làm con tin.

Nửa giờ sau, lúc Joseph và Hawke xuống tới Nhà thờ Đức Bà, Sài Gòn sắp vào giờ giờ nghiêm và đường phố vắng vẻ từ lâu. Khi cho xe díp đầu lại, cả hai nghe tiếng súng nổ đi từ hướng bên cảng bờ sông. Vài giây sau, một chiếc xe tải chở đầy lính Népal rú ga qua Công viên Bá-đa-lộc im lìm, chạy về phía có tiếng đùng độ. Bên trong Nhà thờ Chánh toà, khung cảnh ảm đạm với bức phần nào nhờ ánh sáng duy nhất của hàng nến dâng cúng trên bàn thờ và ngọn đèn nhỏ bên trên cung thánh, trước nhà tạm thánh thể trên cao. Mấy dãy ghế dài ở sát vách phía nam chìm sâu trong bóng tối, rõ ràng là chẳng có ai đang quì hoặc ngồi. Nhưng Joseph trước khi ngồi xuống đợi vẫn ra lệnh cho Hawke đứng canh chừng đằng sau chiếc cột gần đó, tay đặt sẵn trên băng khẩu súng lục đạn đã lên nòng.

Vài phút sau, khi Ngô Văn Lộc âm thầm xuất hiện sát một bên, Joseph không nhận ra anh ta. Người dân quê lần đầu tiên anh gặp gỡ năm 1925, còn là người “bồi” trại săn hèn mọn, lúc này đang trong lớp vỏ cải trang: mình mặc áo the đen, đầu đội khăn đóng theo kiểu người Việt Nam khá giả và dưới cằm gắn một chòm râu giả. Nhưng liền đó, Joseph để ý thấy cánh tay phải bại liệt của Lộc vốn bị dập nát vì trận dội bom của Pháp tại Vinh vẫn mắc lủng lẳng một bên người. Và khi Lộc liếc về phía Joseph, đôi mắt tối sầm, đầy nghi kỵ và cảnh giác ấy làm Joseph nhớ lại lần gặp nhau chín năm trước trong nhà lồng tối thui chợ Bến Thành.

Để hợp điệu với bộ quần áo cải trang của mình, Lộc quì một lúc như thể đang cầu nguyện rồi ngồi lên, với tay cầm cuốn sách lễ trên hàng ghế trước mặt và bắt đầu lật vài trang. Anh vừa lật vừa nói thật nhỏ bằng tiếng Pháp, giả bộ như đang đọc sách kinh:

- Đại úy Sherman, rốt cuộc anh trở lại Sài Gòn làm một tay quân báo. Có phải từ lần ghé lại trước đây của anh tới nay Sài Gòn đã biến đổi quá nhiều?

Joseph hỏi lại bằng giọng thì thầm tới độ chính anh cũng ngạc nhiên:

- Làm sao anh biết tôi có mặt ở đây?

- Chúng tôi nhận được tin từ Hà Nội điện vào cho biết. Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân báo cho chúng tôi rằng anh và các quân nhân Mỹ trong toán OSS đều có thiện cảm với chính nghĩa của chúng tôi.

- Có phải anh là cán bộ cao cấp của Mặt Trận Việt Minh?

Lộc gật đầu, mắt vẫn tiếp tục nhìn xuống cuốn sách lề:

- Tôi là ủy viên trong Ủy ban Hành chánh Nam bộ.

- Tại sao anh lại muốn thảo luận với OSS? Thật sự, chúng tôi chẳng có vai trò nào ở đây.

- Thằng đại tá Pháp Cédile vừa nhảy dù xuống và lúc này tự xưng “Cao Ủy”, là một thằng ngang bướng và ngoan cố. Thằng tướng Anh Gracey cực kỳ ngạo mạn trong việc điều đình với chúng tôi. Hắn giả vờ tiến hành việc thương thuyết với chúng tôi trong đôi ba ngày nhưng thực tế, hắn đang âm mưu ép buộc chúng tôi đầu hàng. Lộc tuôn ra một tràng bằng giọng khàn khàn giận dữ. Joseph phải nghiêng đầu thật sát mới nghe ra những gì Lộc nói:

- Cả hai thằng đó chẳng có thằng nào nhận ra những nguy cơ đang nằm ngay trước mặt chúng. Anh đã ở bắc bộ và anh đã từng chứng kiến nhân dân nhiệt liệt ủng hộ cuộc cách mạng dân tộc của chúng tôi như thế nào. Tại nam bộ này, chúng tôi thành lập khắp nơi các ủy ban cách mạng để thay thế các hội đồng hương chính và quan lại thối nát. Nhưng bọn Anh không hiểu điều đó và không chịu nghe chúng tôi nói. Chúng tôi sửa soạn phục hồi nền đô hộ của thực dân Pháp - chúng tôi biết rằng các đoàn tàu chở lính Pháp đã rời Marseilles với Calcutta, và đang trên đường tới đây...

Lộc đưa cho Joseph một tờ giấy in nhòe nhoẹt và nói:

- Đây, ngay cả cựu hoàng hậu Nam Phương, là vợ của Vĩnh Thụy hiện làm cố vấn tối cao cho chủ tịch Hồ Chí Minh, và là con cháu của những đứa máy đời hợp tác với thực dân Pháp. Bà ấy cũng viết thư gởi các chính phủ phương tây, trình bày rằng Pháp đã thật sự mất chủ quyền ở Việt Nam từ tháng Ba năm nay. Bà ấy yêu cầu quốc tế can thiệp đừng để lực lượng Anh tiếp tay cho thực dân

Pháp tìm cách đô hộ trở lại chúng tôi, làm máu tiếp tục chảy, hao tổn thêm sinh mạng của cải của người Việt và gây đau khổ thêm nữa cho đàn bà trẻ con Việt Nam.

Lộc ngừng nói khi phía trước bàn thờ xuất hiện hình dáng một linh mục Pháp trong chiếc áo chùng thâm. Anh dán mắt nhìn theo cho tới khi linh mục biến mất vào hậu liêu. Joseph xếp bản sao lá thư, cho vào túi quần và nhất quyết hỏi:

- Nhưng tại sao anh lại cố tình nói cho tôi nghe việc đó?

Lộc trả lời sôi nổi:

- Chúng tôi cần sự ủng hộ của Hoa Kỳ. Anh phải báo cáo cho chính phủ của anh biết về chúng tôi! Các nhà lãnh đạo chính trị của nước anh phải gây áp lực lên bọn Anh và bọn Pháp để chúng nó phải công nhận Việt Minh là chính quyền hợp pháp trên đất nước của chúng tôi.

Joseph nói trầm tĩnh:

- Chẳng quan trọng gì việc cá nhân tôi có thiện cảm tới mấy đi nữa với các nguyên cố của Việt Minh. Phân bộ OSS ở đây, tại Sài Gòn này, không thể đứng về một phía nào đó trong sinh hoạt chính trị nội bộ của quý vị. Ngay cả những tranh luận giữa các tổ chức lực lượng ở đây cũng là chuyện của quý vị.

Lộc quay sang ngó Joseph, giọng nóng nảy:

- Ngay sau hôm bọn Nhật đầu hàng, nhân dân Nam bộ đã móc nối và giao phó cho Trần Văn Giàu, người của Việt Minh, quyền đại diện họ để tiếp xúc với Đồng Minh, rồi sau đó, thành lập Lâm Ủy Hành Chánh. Khâm sai Nam Việt Nguyễn Văn Sâm cũng đã bàn giao chính quyền cho Lâm ủy Hành chánh mà Việt Minh là chủ chốt. Sau đó, mọi phe nhóm đã đoàn kết với nhau trong Ủy ban Hành Chánh Nam Bộ mà chủ động là Việt Minh. Hiện nay, dân chúng đang tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Mặt trận Việt Minh Nam Bộ. Việt Minh giúp Đồng Minh đánh bại Nhật trong khi bọn Pháp, bọn quốc gia, bọn giáo phái hợp tác với bại chúng, bộ việc đó không đáng kể chút nào sao? Bộ bọn Pháp và bọn Việt gian đó xứng đáng cho quý vị ủng hộ sao?

Joseph nhún vai bất lực:

- Tôi xin nhắc lại là OSS tại đây không có nhiệm vụ đi sâu vào

những vấn đề chính trị nội bộ của quý vị. Có một thực tế khác rằng Pháp và Anh là đồng minh của chúng tôi. Có quá nhiều xung khắc quyền lợi, đặc biệt tại châu Âu, khiến chính quyền Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ phải cân nhắc.

- Anh có ý nói rằng Việt Nam không có tầm quan trọng đáng kể nào sao? Và sẽ chẳng ai màng tới nếu có xảy ra chiến tranh ở cái xứ sở nhỏ bé và tầm thường như thế này sao?

Lộc vừa nói vừa dò xét vẻ mặt của Joseph trong một lúc rồi tự mình gật đầu lệ làng như để tự xác nhận những nghi hoặc của mình. Joseph nói chậm chậm:

- Một vấn đề chủ yếu là, trong thực tế chẳng ai hiểu rõ Việt Minh có phải là một tổ chức tiên phong và bí mật của cộng sản hay không. Trong Ủy Ban của anh có bao nhiêu ủy viên là cộng sản?

Lộc lùa các trang sách lễ bằng cử chỉ hấp tấp và nóng nảy:

- Nay đại úy, hơn bất cứ người nào khác, lý ra anh hiểu rất rõ rằng không phải chỉ có cộng sản mới biết căm thù những gì bọn Pháp đã làm ở đây. Ủy Ban của chúng tôi có mười bốn ủy viên, trong đó những kẻ các anh gọi là “cộng sản” chỉ có ba bốn người. Nhưng điều đó không quan trọng. Điều quan trọng là Việt Minh muốn điều đình với Pháp. Các lãnh tụ của chúng tôi ở Hà Nội đã nói cho anh biết điều đó. Chúng tôi biết xứ sở của chúng tôi nghèo, chúng tôi cần ổn định, chúng tôi cần hòa bình, chúng tôi cần những đầu tư thương mại của Pháp để giúp chúng tôi phát triển. Chính những phe nhóm quốc gia khác bên ngoài Việt Minh đang hối thúc Ủy Ban chúng tôi đánh nhau với Pháp. Và bằng việc từ chối điều đình với chúng tôi, bọn Anh và bọn Pháp đang nhất quyết gây chiến. Đại úy ạ, chúng tôi muốn có các cuộc điều đình nhưng nếu thực dân Pháp cứ ngoan cố trở lại đây mà không chịu điều đình thì sẽ đổ rất nhiều máu - chúng tôi sẽ không bao giờ từ bỏ nền độc lập chúng tôi vừa giành được.

- Anh Lộc ạ, có thể những nghi ngại của quý vị là quá đáng. Ở miền bắc, lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa tôn trọng chính phủ Việt Minh. Quân Anh tới Đông Dương chỉ để tổ chức việc hồi hương lính Nhật và tiếp nhận sự đầu hàng chính thức của Nhật. Họ chỉ nhận mệnh lệnh có thể thôi.

Lộc khè một tiếng điên tiết và gấp cuốn sách thật mạnh:

- Bọn Anh đã đóng cửa các tờ báo của chúng tôi. Mỗi giờ trôi qua chúng tôi càng hợp tác công khai thêm với bọn Pháp. Hôm nay, các mật báo viên của chúng tôi phát giác ra rằng tướng Gracey đang hạ lệnh in các bích chương tuyên bố thiết quân luật. Chỉ nội một hai ngày nữa thôi, chúng tôi sẽ bị tước bỏ toàn bộ tự do chính trị ngay trên chính xứ sở của mình! Bước kế tiếp là một nỗ lực dứt khoát nhằm phục hồi nền đô hộ của bọn Pháp.

Joseph xem xét dáng mặt nghiêng nghiêng của người Việt Nam bên cạnh mình. Bộ mặt xương xẩu hốc hác và bị tàn phá bởi tù đầy và gian khổ thể xác nhưng hề nhắc tới người Pháp là đôi mắt ấy long lên sòng sọc và ngùn ngụt lửa. Sau cùng, Joseph nói:

- Anh Lộc ạ, ngay sau khi chúng ta gặp nhau lần trước, con trai anh bị bắt tại Huế vì mưu sát Monsieur Jacques Devraux. Rồi sau đó một hai tuần, Monsieur Devraux bị hạ sát trong giường ngủ. Phải chăng anh có trách nhiệm về cái chết của ông ấy?

Trong vài ba giây người Việt Nam nhìn chăm chặp vào mặt của Joseph rồi nói:

- Đại úy, đó là vấn đề cá nhân. Tôi tới đây không phải để thảo luận chuyện đó. Tôi yêu cầu nói chuyện với anh vì hơn bất cứ ai, anh biết rằng ở đây, lòng đồng bào chúng tôi căm thù bọn Pháp sâu xa tới độ nào. Chúng cướp đi vợ tôi, con trai tôi. Và vì sự tàn bạo của bọn Pháp, có hàng ngàn hàng vạn gia đình mất người thân yêu của họ, giống hệt tôi đã mất. Đó là lý do chúng tôi chiến đấu tới chết để giành độc lập tự do.

Không một lời báo trước, người Việt Nam đứng bật dậy:

- Hãy nói cho các đồng minh của quý vị biết như thế - trước khi quá trễ.

Lộc biến mình vào bóng tối, cũng âm thầm không kém khi anh xuất hiện. Joseph ngồi lại, đăm đăm nhìn những mẩu còn sót của hàng trăm ngọn nến trông cây được thắp lên suốt ngày bởi những tây thuộc địa và gia đình đang run rẩy của họ. Từng đuôi chân nến rồi từng đuôi chân nến tàn lụi và ánh sáng hiu hắt càng lúc càng le lói giữa khung cảnh ảm đạm bên trong nhà thờ.

Cảm thấy có ai đó tới sát bên mình, Joseph quay qua và thấy David

Hawke đứng kế bên, đang nhét khẩu súng lục vào bao và bấm nút lại. Người thanh niên Boston hỏi với giọng điềm tĩnh:

- Thưa đại úy, có phải hẳn nói cho chúng ta biết điều gì đó đáng quan tâm?

Joseph chậm chậm gật đầu và đứng dậy:

- Đúng vậy. Tốt nhất là tôi quay về bộ chỉ huy ngay, viết bản tường thuật và thông báo cho người Anh biết. Tôi không nghĩ nó sẽ gây được tác dụng tốt nhưng Việt Minh nói rằng nếu Pháp không điều đình, họ sẽ không cản nổi những kẻ mạnh động đang muốn khai chiến.

Khi cả hai bước ra khỏi cửa mé tây nhà thờ, những ngọn nến dâng cúng cuối cùng chảy hết sáp và tắt lịm, để lại sau lưng họ nội thất nhà thờ chánh toà gần như chìm trọn vẹn trong bóng tối. Bên ngoài, những vì sao lung linh chiếu sáng trên vòm trời đêm nhưng khắp các đường phố tràn ngập một sự im ắng gượng gạo, như thể toàn bộ thành phố đang nín thở chờ đợi những tin tức chẳng đáng đón chào chút nào.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 16 -

Tối xế chiều hôm sau, ngày 22 tháng Chín, trong khi cho xe chạy dọc con đường trước đây mang tên Đại lộ Catinat, Joseph thấy lính Nhật đang dán một dãy các bích chương in sẵn lên vách ngoài của Khách sạn Continental Palace. Dừng xe dí sát lề đường, anh lật đặt bước lên vỉa hè, nhìn qua vai người lính. Đó là một cáo thị có đầu đề “Thông Cáo Số 1”, in chữ đen và đậm bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh. Sau khi đọc lướt nội dung cáo thị, Joseph cảm thấy mất tinh thần. Đúng như Ngô Văn Lộc báo trước, nó rốt cuộc là để tuyên bố tình trạng thiết quân luật.

Tờ thông cáo công bố rằng tướng Douglas Gracey, hiện xử lý với danh nghĩa Quan Tổng Tư Lệnh Lục Quân Đồng Minh Đứng Ở Miền Nam Đông Dương, là kẻ duy nhất đảm trách hết thảy các lực lượng quân sự, các toán vũ trang và các đơn vị cảnh sát tại phía nam Đông dương thuộc Pháp từ vĩ tuyến mười sáu trở xuống.

Quan Tổng Tư Lệnh cảnh báo cho dân chúng biết rằng trong tương lai, những kẻ cướp bóc, phá hoại và những kẻ có hành động sai trái đều bị bắn hạ tại chỗ mà không cần thông qua những thủ tục cần thiết và rằng kể từ lúc này về sau, mọi cuộc biểu tình, tuần hành và hội họp của công chúng đều bị nghiêm cấm. Kể từ thời điểm niêm yết sắc lệnh này, cấm hết thảy mọi người mang vũ khí bất kỳ là thứ nào, cho đến, gậy, giáo, tầm vông vọt nhọn, vân vân... ngoại trừ các binh sĩ Anh và Đồng Minh.

Khi bước về lại xe dí Joseph đưa mắt nhìn dọc theo đại lộ. Thông thường vào giờ này vỉa hè râm mát dưới các hàng me rộn rịp người qua kẻ lại nhưng lúc này gần như vắng tanh. Người dân Việt Nam sống trong thành phố cảm giác được cuộc khủng hoảng sắp tới nên càng lúc càng nườm nượp kéo nhau sơ tán về vùng quê. Một số tây thuộc địa người Pháp không còn dám mạo hiểm ra khỏi nhà.

Hôm nay, trong mấy chuyến tuần thám thường lệ với trung úy Hawke, Joseph chỉ gặp lẻ tẻ các toán tuần tiểu Nhật đi bộ và thỉnh thoảng một chiếc xe tải chở lính Népal thuộc quân đội Anh di chuyển trên đường phố. Từ lúc trời tờ mờ sáng tới chạng vạng tối, không thấy xuất hiện các nhóm võ trang của Cao Đài, Hoà Hảo và Bình Xuyên. Lúc này, cuộc đình công của Việt Minh đã đạt kết quả. Chợ búa đóng cửa toàn bộ. Quân Anh phải bắt đầu không vận đồ tiếp liệu và nhu yếu phẩm tới Sài Gòn.

Suốt hai ngày qua, cùng với đường phố mỗi lúc một thêm căng thẳng thấy rõ, Joseph cũng từng giờ từng phút vật vã với lương tâm mình. Việc biết ra Lan đang ở đâu đó trong thành phố và không muốn anh liên lạc với nàng khiến anh khổ sở tới độ nhiều lúc hầu như không chịu đựng nổi.

Joseph không thể xua khỏi tâm trí mình về mặt kết án của mẹ nàng khi bà đứng từ bên trên thềm nhà nói xuống với anh. Anh lại càng cảm thấy bức xúc hơn nữa khi biết rằng vợ của sĩ quan Pháp được điều trị, gần như chắc chắn, trong Quân Y Viện trung ương Đồn Đất ở đường La Grandière.

Một đôi lần, trong khi lái xe ngang bệnh viện ấy - một khu gồm mấy dãy nhà hai tầng cao, bốn phía có hàng hiên uể oải phơi mình trong nắng - Joseph định dừng xe và đi vào nhưng sự có mặt của David Hawke bên cạnh luôn luôn làm anh chùn chân. Tuy thế, trong buổi chiều đang xế này, khi một mình lái xe ra khỏi bộ chỉ huy, Joseph cảm thấy lòng mình bứt rứt lạ thường và mỗi giờ một thêm bức xúc, theo với tình hình và nhịp điệu căng thẳng càng lúc càng tăng cao trên đường phố.

Sau khi đọc tờ thông cáo của người Anh, Joseph ngồi thù người đăng sau tay lái chỉ một chốc, rồi cuối cùng anh quyết định dứt khoát. Việc đột nhiên phủ nhận mọi quyền chính trị của người Việt Nam vừa giành được độc lập tự do sẽ đưa tới một loại bùng nổ nào đó không tránh khỏi. Và như thế, lòng lo lắng cho Lan đánh tan tành quyết tâm trước đây của anh là sẽ cố hết sức thuận theo ý của mẹ nàng.

Khi lái xe ngang Toà Thị chính cũ, Joseph thấy dân quân Việt Minh vẫn đứng canh gác, tay nắm chặt vũ khí với vẻ mặt thách

thức lệnh thiết quân luật. Anh đạp chân ga thật gấp. Và tại Quân Y Viện, chỉ cần liếc sơ phù hiệu sĩ quan Hoa Kỳ của Joseph, các bác sĩ nhạy cảm người Pháp không chút ngần ngại, lập tức trả lời những gì anh muốn biết.

Sau khi xác định số phòng Lan đang nằm điều dưỡng, họ đồng ý để Joseph tới thăm nàng ngay. Người nữ y tá coi sóc khu bệnh của Lan giải thích rằng hiện nay nàng gần như hoàn toàn bình phục, không còn bị kích động và có thể xuất viện trong vòng một hoặc hai ngày tới. Bà tế nhị nói rằng lúc này Lan chỉ vừa mới chớp mắt, và rồi nhớ lại ánh mắt đầy ý nghĩa của bác sĩ trưởng khoa nhìn mình lúc nãy, bà liền mời Joseph cứ tự nhiên vào tận giường bệnh, chờ cho tới khi nàng thức dậy.

Tới trước cửa phòng Lan, Joseph lại cảm thấy tần ngần. Anh tự hỏi không biết vào khoảnh khắc tối hậu này mình có nên cưỡng lại cơn dồn ép phi lý đang cuốn hút mình tới đây không. Anh nghĩ đến Paul giờ này mỗi mồn ngóng đợi trong một xà lim tối tăm nào đó cách nơi này không xa. Anh băn khoăn không biết khi Paul và anh gặp lại nhau, anh sẽ giải thích thế nào về hành động này. Joseph tự nhủ tới khi đó anh sẽ chỉ nói rằng mình đến đây để xem thử có giúp được gì cho vợ của một người bạn cố cựu không. Thế nhưng toan tính dối trá ấy lại khiến Joseph nhắm mắt, lắc đầu và cảm thấy lòng thêm áy náy. Tuy vậy, trạng thái hoang mang bứt rứt tối hậu đó chỉ kéo dài trong mấy chớp mắt ngắn ngủi. Khi bước qua ngưỡng cửa, Joseph quên tất cả, và mắt lập tức mở lớn tìm kiếm chỗ Lan nằm.

Mái tóc dài óng mượt toả rộng trên nền gối trắng tinh vẽ thành những làn mây khói đậm đà. Trong giấc ngủ yên lành, vẻ đẹp mong manh trên khuôn mặt trái xoan trông vô cùng gợi cảm.

Joseph đứng sững người trước những đường nét đơn sơ như trong tranh thủy mặc, và con tim anh dường như bỗng chao đảo trong lồng ngực.

Đôi lông mày thanh tú, đôi mắt khép với hai hàng mi lá rậm, đôi môi như đang nhè nhẹ hé cười. Mọi đường nét ấy tạo cho Lan dáng vẻ một bức tượng thần nữ Á Đông với ánh mắt nhìn xuống đắm đắm và e lệ, như đang xác nhận một nỗi yêu niềm kính thiết tha

vượt quá bên kia những am hiểu của chính mình. Bàn tay đặt lên mặt khăn phủ giường, nhỏ nhắn như tay một nữ sinh, khiến Joseph phải cầm mình lại vì chợt cảm thấy lòng trào dâng nổi thôi thúc thêm được đắm thắm áp ủ bàn tay ấy trong hai tay mình.

Lan không tỏ dấu hiệu nào cho thấy nàng đã thức hay đang ngủ. Và sau cùng, Joseph nhấc chiếc mũ lưỡi trai nhà binh xuống, ngồi im lặng trên chiếc ghế đặt cuối chân giường. Suốt mười lăm phút, Joseph chỉ ngồi yên lặng ngắm Lan. Nàng nằm đầu kê cao trên gối, nhẹ nhẹ trở mình, và anh có thể thấy mạch máu nhỏ một bên cổ nàng đang đập mạnh. Joseph miên man thầm nói với mình: nàng thật tuyệt vời đúng như trong trí tưởng của tôi - có lẽ còn tuyệt vời hơn thế nữa. Nàng quá mộc mạc và rất đổi bình yên, sao tâm tư tôi dám nuôi dưỡng ý tưởng nghi hoặc những tình tự xưa là huyền mộng trong trí tưởng hay hiện thực giữa đời. Nàng có thật và nàng đang trước mặt tôi, như vừa bước ra từ cảnh tượng tiền đưa dưới giàn hoa ti-gôn tôi từng đào sâu chôn kín tận đáy tiềm thức suốt chín năm nay.

Lắng nghe tiếng nàng thở đều đều, Joseph cảm thấy trong lòng lại rộn ràng niềm thương yêu chan chứa và bùng lên nỗi đam mê ngất ngây của những ngày bên nhau ở Huế. Và bỗng dưng Joseph biết ra, dù sai trái mặc lòng, rằng anh đã và sẽ chẳng bao giờ yêu Tempe với một tình yêu mãnh liệt như thế này. Tim anh thất lại với cảm giác khắc khoải khi Lan bắt đầu tỉnh giấc. Và cuối cùng, mắt nàng hé mở, đầu xoay về hướng có anh, mặt không tỏ vẻ ngạc nhiên chút nào.

Nàng nói thật êm bằng tiếng Pháp:

- Joseph ạ, lý ra anh đừng đến.

Nghe gọi tên mình, tim Joseph chơi vơi. Chúi đầu về phía nàng, anh nói:

- Lan ạ, anh biết. Anh xin lỗi đã không tôn trọng nguyện vọng của mẹ em. Nhưng anh phải nhìn thấy em thêm một lần nữa. Em có quả thật đang bình phục hẳn?

Lan lẳng đặng gật đầu và mắt còn chớp chớp ngái ngủ:

- Joseph ạ, chúng ta chẳng còn gì nói với nhau. Phải để mọi sự đã qua ở yên trong quá khứ.

- Nhưng mẹ em nói rằng anh làm cho em ra bất hạnh. Anh không hiểu mẹ em nói như vậy là có ý gì.

Dần dà lấy lại đầy đủ tỉnh táo, đôi mắt Lan mở lớn với vẻ e dè:

- Hôm qua mẹ có nói với em là anh vừa trở lại Sài Gòn. Em biết mẹ cấm anh tới thăm em. Không hiểu sao vừa rồi, trước lúc tỉnh giấc, em mơ thấy anh đến đây.

- Nhưng Lan ạ, mẹ em nói vậy là có ý gì? Làm sao anh lại gây bất hạnh cho em?

- Mẹ nghĩ là anh hiểu. Mẹ tưởng rằng sau khi anh rời Sài Gòn em có viết thư kể cho anh nghe.

Joseph thắc mắc nhìn nàng chăm chú:

- Kể cho anh cái gì?

Ánh mắt Lan hạ xuống, dăm chiêu. Các đầu ngón tay nàng bắt đầu mơ hồ xoắn nhẹ khăn trải giường. Sau một lúc, Joseph thấy khoé miệng nàng run rẩy. Anh dịu dàng thúc giục:

- Lan, em nói đi. Kể cho anh nghe về cái gì?

- Kể rằng em có con với anh.

Joseph dội ngược, sững người. Trong một phút, anh nhìn Lan chăm chú, không mở nổi miệng. Kể đó anh rướn mình tới, đầu ngón tay anh chạm dịu dàng lên lưng bàn tay nàng.

- Lan ạ, giá như lúc đó em viết cho anh biết...

Nàng vội vàng lắc đầu thật nhanh, không nhìn Joseph:

- Lúc đó, nếu anh biết, hẳn mọi sự còn tệ hại thêm.

Trong một chốc, Joseph nhắm mắt lại:

- Nó là trai hay gái?

- Một bé gái rất xinh. Em đặt tên nó là Tuyết.

Nói xong lời đó, Lan ngược nhìn Joseph, đôi mắt ướn sùng:

- Không ai biết nó chào đời. Ngày đó, em đi khỏi nhà. Một năm sau, em thành hôn với Paul Devraux để làm vừa lòng cha. Paul và em có một con trai.

- Nhưng lúc này Tuyết ở đâu?

- Nó được một người giúp việc của mẹ em nuôi như con - đó là chị người làm từng đưa anh ra cửa hôm anh chào về Mỹ.

Joseph nôn nóng hỏi:

- Như vậy nó ở đây, tại Sài Gòn này sao?

Lan lệ làng lắc đầu và nhìn ra khung cửa sổ:

- Không. Mẹ nhất định không cho chị ấy và Tuyết ở trong nhà. Cả hai về sống tại làng chánh quán của mẹ em ở mạn bắc Trung kỳ. Về sau chị ấy lập gia đình và rồi cũng có mấy đứa con.

Joseph đứng lên, bồi hồi đi tới đi lui trong không gian chật chội của căn phòng điều dưỡng nhỏ bé, lòng quặn quại vì biết được chuyện oan nghiệt ấy. Rồi anh dừng bước, ngồi xuống ghế:

- Từ lúc sinh Tuyết tới nay em có gặp nó không?

Lan cắn môi, gật đầu:

- Có. Mẹ em chấp nhận lời em xin, mỗi năm đi với em về quê một lần. Ban đầu thì với lý do về thăm viếng nơi sinh thành của ông bà bên ngoại. Mẹ đi mà miễn cưỡng. Chính em là người có ý kiến nên giữ Tuyết ở quê ngoại để em dễ liên lạc và có thể theo dõi việc nuôi dưỡng nó. Nhưng mỗi lần em đi, chỉ gặp được nó một hai ngày.

- Hiện nay con bé vẫn sống ở ngoài đó?

Lan có vẻ đau đớn:

- Em không chắc. Suốt năm năm nay, kể từ khi người Nhật tới đây, em không đi ra ngoài đó được nữa.

- Tuyết...

Joseph nhắc lại với mình cái tên đó với tiếng thì thầm rối loạn và đưa mắt ngơ ngẩn nhìn Lan. Rồi như trong lòng có con sóng dịu dàng và thương yêu vỗ tràn bờ, anh rướn mình tới, nắm bàn tay nàng:

- Lan ạ, anh quả thật có lỗi với em. Nếu biết được sự thật như thế, anh đã trở lại Sài Gòn ngay lúc đó. Em biết mà, lúc đó, anh rất ao ước được lấy em làm vợ. Anh có nằm mơ cũng không tưởng tượng nổi chuyện lại xảy ra như thế này.

Trong một lúc Lan để yên bàn tay mình trong lòng tay nắm chặt của Joseph. Nước mắt nàng trào ra, chảy xuống má:

- Nếu em không vừa nằm mơ thấy anh em đã không kể cho anh nghe.

- Nhưng Lan ạ, theo em, lúc này mình có thể làm được gì?

Lan rút tay về, đưa lên má chấm nước mắt:

- Joseph, chúng ta chẳng làm được gì cả. Cũng chẳng có gì để nói

thêm. Anh phải đi ngay và đừng tính tới chuyện ghé thăm em nữa. Joseph bắt đầu tuyệt vọng:

- Nhưng Lan ạ, chúng ta chẳng thể làm như chưa hề xảy ra chuyện gì...

Anh ngưng bật và rụt mình lại khi nghe có tiếng chân bước rất vội ngoài hành lang. Chỉ mấy giây sau, một người Âu cao lớn, quần áo xác xơ, ào vô phòng. Phải mất một hai giây Joseph mới nhận ra người đó là Paul Devraux. Trên người Paul chỉ còn đồ trần bạc thếch bị buộc phải mặc trong suốt sáu tháng làm tù binh; người Nhật đã lột hết cầu vai đeo cấp bậc và mọi phù hiệu. Mặt Paul xám xanh, hốc hác và phờ phạc. Joseph lập tức đứng dậy, tránh ra xa giường.

Chưa kịp nhìn về phía Joseph, người sĩ quan Pháp vội vàng quì xuống nắm lấy tay vợ:

- Lan ơi, em không sao chứ?

Paul vừa nhìn chăm chặp về mặt của vợ vừa sôi nổi nâng bàn tay nàng lên áp môi mình:

- Anh vừa về tới nhà, được cha mẹ nói cho biết em bị thương hôm biểu tình bạo loạn.

- Em bị không nặng lắm, nay gần như khỏi hẳn rồi.

Lan nói, giọng thì thầm hân hoan như không nghe nổi. Rõ ràng nàng đang thu mình lại. Paul đưa tay chạm vào má vợ, cử chỉ âu yếm và đầy thương cảm. Vẻ mặt bơ phờ của Paul dịu lại thành một nụ cười tươi tắn. Anh vẫn quì, nhìn nàng rất ân cần:

- Anh vui lắm. Vừa rồi anh lo cho em quá.

Đau nhói trước cảnh Paul và Lan đoàn tụ, đồng thời cảm thấy sự có mặt của mình chỉ làm Lan bức rứt khó xử, Joseph rón rén nhấc chân tính đi thật êm ra khỏi phòng. Nhưng thình lình, Paul đứng bật dậy, lẹ làng xoay người lại, toét miệng ra cười tới tận mang tai:

- Đứng lại, anh bạn Joseph! Mẹ của Lan có kể với tôi rằng “Người Mỹ đa tình” đã trở lại Sài Gòn, làm đại úy OSS.

Joseph chưa kịp chìa tay, Paul đã nồng nhiệt chụp hai vai của bạn, rồi xúc động mừng rỡ dang hai tay ôm chầm bạn và cười lớn:

- Nhưng bà ấy không nói cho tôi biết rằng trong khi tôi ở trong tù thì ở đây, anh đang tính cuôm vợ của tôi!

Joseph bàng hoàng ngó sửng Paul nhưng người Pháp vui sướng quá vì mới được sống lại đời tự do, nói oang oang với Joseph câu đùa giỡn sống sướng và đầy tôn thương ấy. Anh mở miệng, tránh ánh mắt Paul:

- Tôi tới đây để xem thử mình có giúp được gì không. Mọi sự ở Sài Gòn có vẻ khá tệ hại.

Paul hào hứng vỗ vai người Mỹ lần nữa:

- Đừng lo, Joseph. Rồi mọi sự sẽ đâu vào đó ngay! Người Anh vừa thả trung đoàn của tôi ra. Giữa anh với tôi, tôi nói thật, rồi anh thấy chúng tôi sẽ đặt mọi sự trong tầm kiểm soát của mình mà chẳng mất bao nhiêu thời gian.

Nhìn kỹ bộ mặt vô tư và hớn hờ của bạn, Joseph lại cảm thấy ngoài tình bằng hữu rất rào, lòng anh còn cảm phục viên sĩ quan Pháp kiên cường này, kẻ rõ ràng đã chịu rất nhiều khốn đốn dưới bàn tay của người Nhật trong thời gian bị họ giam giữ. Nhưng giờ đây, tâm trí của Joseph vẫn đang thâm thía và vật vã quần quại với sự thật kinh khủng Lan vừa tiết lộ, nên phải mất mấy giây anh mới hiểu thấu những gì Paul có ý nói:

- Có phải anh vừa nói rằng các anh và người Anh sắp sửa đập tan chính quyền Việt Minh bằng sức mạnh vũ khí?

Paul gật đầu:

- Joseph ạ, thật quá đáng khi gọi cái đó là chính quyền.

Người Mỹ nói một cách nghiêm chỉnh:

- Nhưng dân chúng ủng hộ Việt Minh. Tôi đã ở miền bắc chung với các lãnh tụ của họ. Nếu anh từng chứng kiến những gì tôi đã chứng kiến, hẳn anh sẽ cảm thấy cách khác. Họ muốn điều đình - nhưng họ sẽ chống cự bằng tất cả mọi thứ họ có nếu các anh tấn công họ.

Paul ngồi xuống bên Lan, trên giường bệnh, và lại nắm tay vợ:

- Joseph này, ở đây chúng ta không có thì giờ tranh luận chính trị. Tôi nghĩ anh biết rất rõ cảm nghĩ của tôi đối với xứ sở này. Theo như tôi thấy cho tới nay, Ủy ban Việt Minh Nam bộ hầu hết là đang viên cộng sản trung thành với Mát-cơ-va. Tôi cũng như anh, chúng ta đều rất muốn cho dân chúng ở đây một ngày nào đó có độc lập - nhưng không phải tiến hành theo cách như thế này.

- Paul, tôi xin lỗi, bỏ qua cho tôi! Chuyện đó tôi thấy mình đường đột quá. Tôi rất vui vì những ngày gian nan của anh đã chấm dứt và anh đã vượt qua với tinh thần cực kỳ phấn chấn.

Joseph nồng nhiệt bắt tay viên sĩ quan Pháp thêm lần nữa và mỉm cười rất nhanh với Lan:

- Hãy cứ hy vọng hết thảy chúng ta sẽ có lúc quây quần bên nhau khi mọi sự đã trở nên tốt lành.

Trở lại đằng sau tay lái xe díp, Joseph cho xe chạy với tâm thần choáng váng mê mụ. Thoạt đầu, anh không còn lòng dạ để ý tới các nhóm tù binh Pháp của Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một vừa được phóng thích, đang lang thang trên đường phố trong giờ giới nghiêm.

Sự kiện gặp lại Lan sau những năm tháng dài dằng dặc và việc biết ra nàng đã sinh cho mình một đứa con, khiến lòng Joseph thoát đầu vui sướng ngây ngất như điên như dại. Nhưng kể đó, hình ảnh Paul bất ngờ đi vào, xơ xác trong bộ đồ tù bạc théch làm anh choáng váng. Tình trạng gian khổ đành rành mà người sĩ quan Pháp ấy đã chịu khi bị giam cầm làm Joseph càng lúc càng cảm thấy mình thật tội tệ vì giấu không nói cho Paul biết sự thật. Suốt một lúc, tâm trí anh tràn ngập những cảm giác trái ngược nhau tới độ anh không thể nghĩ tới điều gì khác.

Trong mấy phút đồng hồ, Joseph lái xe lang thang vô định qua những con đường trung tâm thành phố, cho tới khi anh bắt đầu đểu ý cách riêng tới các quân nhân Pháp vừa ra khỏi trại giam. Cũng giống như Paul, quân phục họ tả tơi, không cấp bậc, chẳng phù hiệu với bộ đồ trận ngày trước đã biến thành bộ đồ tù suốt mấy tháng vừa qua.

Joseph nhìn theo hướng có tiếng ẩu đả và thấy một nhóm người đứng lúp xúp, mang súng trường .303 mới toanh của Anh. Thoạt nhìn, đám lính ấy có vẻ như đang chuyện trò lớn tiếng và rất hào hứng, nhưng kể đó, anh sửng sốt khi thấy ngay chính giữa bọn họ có một người Việt Nam nằm quần quai. Và anh nhận ra rằng bọn họ đang tấn công bất cứ người Việt Nam nào tình cờ đi ngang.

Joseph đột nhiên nhớ ra rằng suốt hơn một tháng nay, kể từ lúc quân Nhật đầu hàng, hầu hết tù nhân Pháp đều do các cai tù Việt

Minh giám thị. Lúc này, trong khoảnh khắc đầu tiên say máu tự do, họ sẵn sàng đâm đá vô tội và bất cứ người nào có diện mạo giống những kẻ vừa mới hành hạ họ.

Tại đại lộ Catinat, Joseph thấy sáu lính Pháp đập tan tành tấm bảng ghi tên đường “Công Xã Paris” rồi dùng cột cấm bảng tên làm gậy đánh gục một thanh niên Việt Nam đang hốt hoảng. Trên đường về bộ chỉ huy OSS, anh thấy có hơn một chục thường dân Việt Nam bị lính Pháp mới ra tù dùng báng súng nện tàn bạo.

Rồi khi bóng đêm phủ khắp thành phố, thường dân Pháp lại dò dẫm bước ra đường và chính bản thân họ, được giải toả sau nhiều tuần lễ hoảng sợ, bắt đầu tiếp tay với lính tráng để hành hạ người Việt Nam nào chẳng may bị họ tóm được trên đường họ đi.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 17 -

Trong trời chưa rạng sáng ngày Chúa nhật 23 tháng Chín năm 1945, thiếu tá Paul Devraux thì thầm ra lệnh cho binh sĩ trong phân đội khẩn trương xuất phát theo mình, rồi anh bắt đầu nhắm hướng đông, lom khom chạy dọc các bồn cây long não trên lề Đại lộ Lura. Trong tình trạng sẵn sàng đụng độ, các quân nhân chạy đằng sau Paul hoàn toàn giống hệt cấp chỉ huy của mình: y phục rần rện và mặt người nào cũng bôi lem luốc mấy vệt sơn đen.

Tay phải nắm chặt khẩu súng lục đạn đã lên nòng, chốt an toàn bật sẵn, và trong tư thế cúi mình, Paul im lặng di chuyển, khai thác tối đa lợi thế bóng tối còn đặc bên dưới các vòm cây. Mục tiêu tấn công là Hôtel de Ville - Toà Thị chính cũ - trụ sở của Ủy ban Hành chánh Nam bộ. Cùng thời điểm ấy, khắp Sài Gòn, các phân đội khác tổng cộng một ngàn năm trăm binh sĩ Pháp mới được vội vã tập hợp đêm qua, cũng bắt đầu xuất phát, nhằm chiếm lĩnh nhanh gọn các đồn cảnh sát, trạm bưu chính, kho tàng, và bản doanh trước đây của Sở Liêm Phóng.

Lực lượng Pháp được đặt dưới quyền tổng chỉ huy của đại tá Jean Cédile - “Cao Ủy” của tướng De Gaulle - kẻ vừa nhảy dù xuống một thửa ruộng lầy lội bên ngoài Sài Gòn vào cuối tháng Tám. Mục đích tối hậu của Pháp là lấy lại quyền kiểm soát Nam Việt Nam từ trong tay Việt Minh, bằng một cú đảo chánh quân sự lẹ như chớp.

Trong số các chiến sĩ âm thầm chạy lúp xúp đằng sau Paul có một trăm lính dù thiện chiến cùng nhảy xuống một lượt với Cédile. Lúc cánh dù vừa chạm đất, hết thấy đều bị lính Nhật vây bắt tại chỗ. Nhưng sau cùng, họ được quân Anh phóng thích cách đây mười hai tiếng đồng hồ, cùng một lượt với một ngàn bốn trăm quân nhân thuộc Trung đoàn Bộ binh Thuộc địa Mười một.

Paul hiểu rất rõ rằng vì bị nhốt trong chuồng trại suốt sáu tháng

nay và bị đối xử như súc vật - ban đầu bởi lính Nhật rồi tiếp đó bởi giám thị Việt Minh - nên các binh sĩ Pháp lúc này cực kỳ khích động và đều nổi máu hiếu sát. Cũng như Joseph, tôi qua, Paul kinh hoàng trước cảnh tượng binh lính và thường dân Pháp tập kích những người Việt Nam vô tội trên đường phố. Vì thế, sáng nay, tại điểm tập trung dưới chân tường pháo đài cũ Vauban trong thành phố, anh nghiêm khắc ra lệnh và giải thích rành mạch cho binh lính thuộc quyền mình phải tránh mọi hành động trả thù đẫm máu. Nhưng dù hăm dọa toàn thể đơn vị rằng sẽ đưa ra toà án binh bất cứ kẻ nào vi phạm lệnh ấy, Paul có cảm tưởng lính chỉ miễn cưỡng nghe anh nói; lòng họ vẫn chưa nguôi buốt nhói bởi những sỉ nhục phải chịu suốt những ngày dài tù ngục.

Tới ngã tư Đường La Grandière và Đại lộ Lure, Paul ra lệnh cho lính dừng lại, nép vào mé tường cao trong khi anh dò xét con đường trước mặt để bảo đảm không có chướng ngại vật. Paul đưa mắt liếc thật lẹ Quân Y Viện Đồn Đất. Quang cảnh khu bệnh viện với mấy dãy nhà có hàng hiên bao quanh làm anh bất chợt thoáng tự hỏi không biết nơi căn phòng điều dưỡng ở trong ấy giờ này vợ mình còn ngủ hay đã thức. Hít vào một hơi, Paul vẫy người của mình vọt thật lẹ qua đại lộ, tiếp tục chạy tới. Ngay lúc đó, anh bỗng nhận ra rằng trong giờ vào trận, đối mặt với những cam bẫy vô lường, sao mình lại quá dao động với những cảm xúc riêng tư.

Đúng khoảnh khắc sắp chạm trán với dân quân Việt Minh, lòng tự tin quả quyết hôm qua của Paul giờ đây bị vây bủa bởi bứt rứt và nghi ngại. Anh nhớ lại vẻ mặt trang trọng của Joseph khi người bạn Mỹ nói tới những cuộc biểu tình rầm rộ của dân chúng ở phương bắc tung bừng ủng hộ Việt Minh, diễn ra ngay trước mắt anh ta. Và Paul tự hỏi biết đâu lúc này, có thể mình đang phản bội những thiên hướng trước đây của mình.

Thuở niên thiếu, việc chứng kiến những cách thức đối xử của thế hệ cha ông đã làm cay đắng mối liên hệ giữa nước Pháp của mình với người An Nam trong bao nhiêu năm trời, khiến Paul quyết định rất sớm rằng mình sẽ không bao giờ lặp lại các lỗi lầm ấy. Rồi sau đó, những xúc động trước cái chết thảm khốc của cha trong bản

tay những kẻ sát nhân người An Nam lại làm căng thẳng mối quan hệ giữa anh với người bản xứ. Còn một điều nữa anh không dám chắc vì cảm thấy nó quá hụt hẫng. Biết đâu chính nỗi khắc khoải muốn đền bù cho sự vô tình của thế hệ cha ông ấy lại, một cách vô thức, đóng vai trò trong việc anh quyết định kết hôn với Lan.

Dù yêu thương vô hạn Lan cùng đứa con trai của hai người, Paul vẫn nhận ra Lan dường như lúc nào cũng giữ vẻ dè dặt đối với anh. Mối quan hệ vợ chồng thỉnh thoảng bị chứng lại ở một điểm tinh tế nào đó, dù anh có cảm tưởng đôi bên đều cố gắng khắc phục nhưng cả anh lẫn Lan chỉ có thể lướt qua nó, không thể làm tan biến nó. Cứ thế, thỉnh thoảng anh lục lại cõi lòng mình và cay đắng tự hỏi phải chăng mình đã lập một quyết định không thể nào thực hiện. Lúc này, với hậu quả cuộc thế chiến, dân chúng An Nam đã ra khỏi tình trạng bi thảm và lần đầu tiên từ gần một thế kỷ nay, họ nắm quyền kiểm soát vận mệnh của mình. Còn chính anh lại là người sắp đập gãy vòng tay mong manh ôm bọc lập tự do của họ và đẩy họ thêm lần nữa trở lại làm người dân của một xứ sở nô lệ cho đám tây thực dân. Phải chăng hành động này của anh đang làm cho những gì anh từng tin tưởng trong quá khứ trở thành vô nghĩa trong hiện tại?

Xa xa, đằng cuối Đại lộ Charner, mặt tiền Toà Thị chính với hàng cột nổi chống thẳng lên tận mái hiện lơ mờ trong tầm nhìn. Khi ánh mắt Paul bắt gặp các dân quân Việt Minh áo quần xộc xệch đang đứng gác bên ngoài những khung cửa sổ sáng ánh điện, lòng anh se lại. Chắc chắn đây không đúng cách thức lý ra phải xảy tới! Phải chăng vì chủ trương của nhiều người An Nam muốn đề huề với Pháp lẫn lợi ích của những người trung thành với Pháp khiến những người Pháp có danh dự phải gánh vác nhiệm vụ trao cho xứ sở chậm tiến này một điểm khởi hành tốt hơn điểm xuất phát hiện nay của Việt Minh. Để từ đó, dân chúng An Nam được bảo hộ, bước từng bước hòa bình và ổn định trên con đường dẫn đến một nền tự do dân chủ chân chính? Phải chăng, dưới sự kiểm soát của Việt Minh, nền bảo hộ của Pháp sẽ bị thay thế bằng một cái gì đó sát máu và tệ hại hơn, đó là sự khống chế của Mát-cơ-va qua Cộng sản Quốc tế Đệ tam? Câu hỏi ấy làm Paul đột nhiên và nhanh

chóng lấy lại lòng tự tin rằng mình đang chọn lựa đúng. Anh đưa tay vẫy binh sĩ tiến vào con hẻm nhỏ cặp bên hông trụ sở của Việt Minh. Tâm trí Paul lại tập trung vào việc điều động sao cho thuộc cấp áp sát mục tiêu mà không bị phát hiện.

Lực lượng đột kích của Pháp không biết rằng hầu hết các ủy viên của Ủy ban Hành chánh Nam bộ đã rời Tòa Thị chính. Lúc mới chấp chánh, họ dùng Dinh Toàn quyền Đông Dương làm trụ sở cho guồng máy chính quyền cách mạng mới thành lập; sau đó, tướng Gracey buộc họ phải dời qua Tòa Thị chính. Công tác ngày càng nhiều và tình hình khẩn trương hiện nay khiến họ có mặt suốt ngày đêm tại đây, gần như không thiếu người nào. Nhưng tối hôm qua, dự tính tiến công bằng quân sự của Pháp không lọt khỏi tai mắt mạng lưới đặc vụ cảnh báo của người Việt Nam. Để bảo toàn lực lượng, các ủy viên - trừ một người - đều nường theo bóng đêm thoát về nhà mình. Ngô Văn Lộc tình nguyện làm người ở lại vì anh không có bà con ruột thịt nào ở Sài Gòn, nhưng động cơ chính là ngừa trước việc người Pháp có thể viện cớ rằng sự kiện không một ủy viên nào có mặt tại Toà Thị chính chứng tỏ Ủy ban Nam bộ đã bỏ phế guồng máy hành chính, có nghĩa là từ bỏ quyền cai trị Sài Gòn.

Trời sắp rạng sáng. Lộc nằm lơ mơ ngủ trong chiếc giường bố trên rầm thượng vắng vẻ, ngay dưới tháp chuông đồng hồ dùng làm chóp đỉnh của toà nhà thị chính già gần trăm tuổi; mặt tiền được trang trí bằng hàng chục phù điêu lấy sự tích từ thần thoại Hy Lạp và La Mã. Sát bên giường, trên sàn nhà, anh để sẵn một khẩu tiểu liên tự động báng ngắn, lấy cắp của quân Nhật. Trên chiếc ghế cạnh cửa ra vào, một dân quân Việt Minh trẻ tuổi, cận vệ của Lộc, ngồi ngủ gà ngủ gật, trên đùi gác khẩu súng cùng loại.

Cả ông thầy lẫn đệ tử đều giật mình choàng tỉnh khi nghe có tiếng súng nổ ròn ở đường phố bên dưới. Tiếng thét báo động chưa kịp thoát khỏi thanh quản, cả bốn dân quân Việt Minh gác mặt tiền đã bị lính dù đồn gọn bằng súng tự động. Vài giây sau, thầy trò Lộc nghe tiếng súng nổ thật gần và tiếng chân chạy rầm rập lên các tầng trên. Láng tai chốc lát, Lộc ra lệnh cho cận vệ vào núp bên

trong chiếc tủ lớn đựng ly tách kê ở cuối phòng. Kế đó, Lộc kiểm tra cửa rầm thượng. Hơi an tâm vì cửa tuy mỏng nhưng được khoá chặt, Lộc quay vào đứng trước mặt tủ, hờm sẵn súng thủ thế.

Chậm chậm, tiếng động của lính Pháp rõ dần khi họ đi lên theo ngả cầu thang. Lộc nghe loáng thoáng một mấy câu chửi thề bằng tiếng Pháp khi thấy trong toà nhà gần như không một bóng cán bộ Việt Minh. Tiếng lục lợi các tủ hồ sơ rồi tiếng đập đồ loảng xoảng vang tới tai Lộc. Kế đó, anh nghe tiếng bước chân hối hả chạy ngoài hành lang dẫn lên rầm thượng.

Cửa bị đá tung. Hai lính dù xuất hiện, đồng loạt khai hỏa, dù chưa thấy rõ trong phòng. Lộc nhào người xuống sàn nhà tránh loạt đạn quét đường, đồng thời anh buông súng. Một lính dù đưa chân giữ yên cánh cửa rồi cả hai bước hẳn vào phòng, hè nhau chĩa súng lên người Lộc. Cùng với viên thiếu tá đi theo họ, những bệt sơn trên mặt lem luốc như nhọ nôi tạo cho cả ba cái vẻ quái đản trong khung cảnh rầm thượng tranh tối tranh sáng.

Gã lính dù đứng gần nhất tung giày, đá một cú ác liệt nhắm thẳng mặt Lộc. Anh vắn người cố né nhưng không kịp. Mũi giày quất thẳng giữa trán làm Lộc choáng váng mặt mày. Trong mơ hồ, anh nghe tiếng Paul Devraux giận dữ, quát lính lui ra.

Vừa quì xuống một bên Lộc, Paul nhận ra ngay người “bồi” trại săn của cha mình thuở nào. Anh nói thật lẹ:

- Lộc ơi, tôi đây, Paul đây!

Cúi mình và luồn tay dưới hai vai còm cõi của Lộc, Paul nâng anh ngồi lên rồi lớn tiếng gọi quân y. Lính cứu thương vừa từ cầu thang vọt lên còn thở hổn hển, Paul liền chụp xác cứu thương, lấy miếng băng cấp cứu tẩm sẵn thuốc khử trùng ấn thật chặt lên lần nứt dài và sâu đang ứa máu trên trán Lộc, chỗ mũi giày chọc trúng. Máu tạm cầm, Paul để miếng băng qua một bên và thở ra, nói như ghen:

- Anh Lộc, tôi xin lỗi đã xảy ra chuyện như thế này.

Lộc quắc mắt nhìn Paul, không nói một tiếng. Da mặt Lộc tím lại thành chiếc mặt nạ đắp bằng hận thù và kinh tởm. Lộc hít vào một hơi thật sâu, có vẻ như đang gom hết sức lực để mở miệng nói một câu gì đó. Nhưng đột nhiên anh đổi ý, nhỏ toẹt một bãi nước bọt

bay thẳng vào chính giữa mặt Paul. Viên sĩ quan Pháp đội người lui, đưa tay áo lên chậm chậm quệt má. Anh nhún vai và nói, giọng rầu rĩ:

- Lộc ạ, anh đừng nên qui lỗi cho hết thầy người Pháp vì hành vi của một thiếu số. Tới một ngày nào đó, các anh sẽ được trao trả độc lập - nhưng cái đó đòi hỏi thời gian.

Diên tiết trợn con mắt đầy gân máu nhìn quanh rồi ngó trừng trừng gã lính dù vẫn đứng kèm súng tiểu liên chia thẳng vào đầu mình, Lộc xoay người lại quát thẳng vào mặt Paul:

- Láo khoét. Nhân dân tao căm thù bọn Tây chúng mày vô hạn. Mày sẽ thấy. Tụi tao quyết chiến đấu giành độc lập tự do cho tới hơi thở cuối cùng.

Kinh hoàng bởi hận thù ngùn ngụt trong hai con mắt của người Việt Nam, Paul đứng lên chậm chậm, cảm thấy tức ngực và tuyệt vọng. Anh quay lưng sắp bỏ đi bỗng nghe từ dưới sàn vang lên tiếng hét ra lệnh bằng tiếng bản xứ:

- *Giết! Giết thẳng quan tư!*

Ngoái mắt lui, Paul thấy cửa tủ ly tách nơi cuối phòng bật tung. Trong chớp mắt, khẩu tiểu liên báng ngắn của người dân quân trẻ khạc lửa. Paul cảm thấy đầu đạn trúng lỗ chỗ trên lưng mình, sức dội làm người anh xoáy vòng rồi hất anh văng tới đằng kia phòng. Loạt đạn ấy chưa dứt tiếng nổ, hai lính dù đã khai hỏa. Thân thể gầy gò của người thanh niên Việt Nam bị hơn một chục đầu đạn cắm phập vào. Kế đó, lính dù quay mũi súng sang Lộc, bắn và tiếp tục bắn vào ngực vào đầu anh cho tới khi hai chân hai tay của Lộc không còn co giật, và anh nằm lịm chết trong vũng lai láng máu của chính mình.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945 - 18 -

Trung úy David Hawke quành tay lái chiếc díp OSS sang phải rồi quặt trái, phóng xe chạy ngoằn ngoèo qua một ô phố đổ nát trên Đại lộ Catinat. Tiếng đạn súng cối nghe như giả gạo cùng tiếng đại liên đột ngột vang lên tạch tạch cách con đường chiếc xe vừa lao ra năm chục thước, báo cho Joseph và Hawke biết cả hai hầu như đang lọt vào khu vực đụng độ giữa một trung đội thuộc Đệ nhất Khinh binh đoàn Népal và một lực lượng đông đảo dân quân Việt Nam.

Những binh lính Népal nhỏ thó, da ngăm ngăm đen, đang ra sức đánh chiếm Đại lộ Galliéni, một đường phố ngang qua ga xe lửa gần chợ Bến Thành, chạy thẳng hướng nam vào Chợ Lớn. Nhưng dân quân vừa bị xua khỏi khu vực này liền lẹ làng xuất hiện và tức khắc lập nút chặn ở khu vực khác. Joseph nghe xa xa có tiếng nổ uỳnh uych của đại bác bắn đạn nặng hai mươi lăm cân Anh. Thỉnh thoảng anh thấy có mấy chiếc máy bay một động cơ loại Spitfire và Mosquito mang quân huy đỏ, trắng và xanh của Không lực Hoàng gia Anh, gầm rú lướt thật thấp, xạ kích một ổ đề kháng của Việt Nam.

Hôm đó 27 tháng Chín. Những cuộc tiến công điên cuồng và phóng ra từ khắp hướng của dân quân Việt Nam ở chính giữa trung tâm Sài Gòn đã sang ngày thứ tư. Các toán dân quân nguy trang xâm nhập những cơ sở trọng yếu nội thành, ra sức gia tăng những cuộc tập kích chớp nhoáng vào các bộ chỉ huy quân Anh và quân Pháp. Ba ngàn lính Anh chịu sức ép nặng nề phải cùng với đám lính Nhật bị lừa ra tham chiến, cố sức chặn đứng cuộc tiến công của Việt Nam. Phía bên kia, các dân quân chứng tỏ cho thấy họ là đối thủ rất khéo xoay xở và rất giỏi lẩn tránh. Giờ đây, họ không chỉ là những thanh niên mới gia nhập hàng ngũ Việt Minh và tập đoàn Bình Xuyên nữa, mà còn đông đảo gấp bội. Họ gồm các các

toán quân tự lập và tự lực của lực lượng vũ trang của các giáo phái, các đảng phái chính trị dân tộc chủ nghĩa, cùng Việt Minh mặc nhiên liên thủ với nhau.

Thấy một loạt đạn bắn ra từ một toán quân du kích núp đầu đó nổ ran, phá lỗ rỗ bức tường của một toà nhà cách mười thước trước mặt, Joseph kéo sụp mũ sắt xuống ngang mi mắt, miệng lẩm bẩm chửi thề và hụp người xuống phía dưới bửng chắn bùn. Quành xe vọt ra khỏi tuyến lửa và phóng thẳng tới công viên trước mặt nhà ga, Hawke lẩm bẩm giận dữ:

- Quỷ cắt ma theo hai hòn của lão Gracey đem mà làm thịt nướng! Lão nghĩ lão là thứ người gì chứ? “Chỉ có xe limousine của sĩ quan chỉ huy Anh mới được quyền cấm cò”! Nếu lá cò Sao Sọc được phép cấm trên chiếc xe díp khốn nạn này chắc chắn bọn bản xứ hung hăng sẽ thôi nổ súng vào chúng ta. Tôi có nên kiếm một lá cò Mỹ không đại úy?

Tiếp tục giữ mắt nhìn dè chừng con đường trước mặt, Joseph trả lời:

- Không thì tốt hơn. Lúc này người Anh đủ điên tiết để đưa chúng ta ra toà án binh vì tội bất phục tùng nếu chúng ta không làm đúng theo mệnh lệnh của họ.

Hawke miễn cưỡng gật đầu đồng ý. Suốt bốn ngày qua kể từ cú đảo chánh của người Pháp, cả hai quan sát với cảm giác giận dữ và thất vọng càng lúc càng tăng vì thành phố Sài Gòn bị nhận chìm trong các cuộc đụng độ. Sáng sớm Chúa Nhật, sau khi bị đánh thức bởi tiếng súng nổ liên tục, Joseph và Hawke lái xe vào trung tâm thành phố và thấy cò tam tài của Pháp bay phát phới trên cột cờ Toà Thị chính, Dinh Toàn quyền cùng tất cả các công thự khác. Rồi suốt hôm đó, cả hai chứng kiến những hoạt cảnh kinh tởm, y hệt họ đã thấy trong đêm trước đó, nhưng với mức độ rộng lớn hơn nhiều. Thấy Toà Thị chính vắng vẻ, lính Pháp bắt đầu lòng sục hết nhà này sang nhà khác. Vô số người Việt Nam bị đánh đập tàn nhẫn trên đường phố hoặc bị bắt giải bộ tới nhà giam, hai tay trói chặt, trong khi đó, lòng uất hận lâu ngày của binh lính và thường dân Pháp bùng nổ thành cơn thèm khát trả thù điên dại.

Trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ, người Việt Nam bị sĩ

nhục lập tức trả đũa. Họ tuyên bố đình công bãi thị toàn diện và chia mùi dùi tiền công rất kiến hiệu của mình vào nhà máy điện và nhà máy nước. Những ngôi chợ chính trong trung tâm thành phố rực cháy. Khắp các đường phố dựng đầy chương ngại vật. Chỉ nội một đêm, Sài Gòn trở thành một khu đất cô lập, không điện và không nước.

Trong tình trạng hoang mang và hỗn loạn đó, đồ đảng Bình Xuyên tung ra một cuộc tàn sát ghê rợn các viên chức dân sự Pháp cùng gia đình họ, tại một khu vực Sài Gòn đang được giao cho lính Nhật canh gác. Đêm ấy tàn bạo và man rợ tới cùng. Gần hai trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em bị đâm chém tới chết và bị hành hạ ngay trên giường ngủ. Hai trăm người khác bị bắt đem đi làm con tin. Sáng hôm sau, Joseph và Hawke chứng kiến hàng ngàn thương dân Pháp ào vào khách sạn Continental, lúc này trở thành một pháo đài cứ điểm. Tại đó, các tây thuộc địa và gia đình sống lẫn lộn trên sàn hành lang và các phòng sinh hoạt công cộng trong khi chung quanh họ, trên các đường phố bên ngoài, chiến cuộc mỗi giờ một dữ dội. Kinh hoàng vì sự xoay chuyển của các biến cố, chỉ hai mươi bốn giờ sau khi phóng thích các quân nhân Pháp, tướng Gracey ra lệnh phong tỏa họ lại trong doanh trại, đồng thời bắt giữ Bá tước Thống chế Terauchi, tư lệnh quân Nhật. Sau khi hăm dọa truy tố Bá tước như một tội phạm chiến tranh, Gracey ra lệnh cho vị tư lệnh quân Nhật ấy phải lập tức lùa binh lính của mình ra chiến tuyến đánh nhau với người Việt Nam. Từ đó, mắt của Joseph và của Hawke nhanh chóng làm quen với cảnh tượng quân Nhật võ trang đầy đủ nhào vào chiến đấu bên cạnh lính Népal của quân Anh. Trong mấy ngày đùng độ đầu tiên, lính Nhật tiếp tay giết được hơn một trăm người Việt Nam. Và Joseph choáng váng khi nghe các sĩ quan Anh ca ngợi tinh thần kỷ luật cùng khả năng tác chiến của quân Nhật, những kẻ lúc này đứng mũi chịu sào các tai biến.

Bên ngoài nhà ga, một đại đội Quân đội Thiên Hoàng Nhật đang leo lên xe tải dưới quyền điều động của một sĩ quan Anh. Thấy cảnh tượng đó, Joseph buột miệng kêu lên với vẻ mặt nhòm tởm: - Khốn nạn! Làm sao họ có thể sống với bụng dạ yên ổn khi dùng kẻ thù để đánh lại bạn hữu của mình? Những dân sơn cước Népal

nhỏ thó và gan dạ kia từng đánh chặn quân Nhật ở Miến Điện, nay cảm thấy ra sao khi khắp chung quanh họ đầy đầy những kẻ cách đây mới hai tháng đã giết các đồng đội thân thiết nhất của họ?

Mím miệng cười ác liệt, Hawke trả lời:

- Có lẽ tối nay đại úy sẽ có dịp hỏi họ. Cả thiếu tá, ông và tôi đều được mời dùng bữa tối với các sĩ quan của họ. Chắc chúng ta phải ngồi đưa tay lên bịt mồm bịt miệng mình lại, chứ ăn với uống cái nổi gì!

Joseph lắc đầu không tin nổi. Chàng thanh niên Boston nói thêm, phát âm nhại giọng Anh:

- Đại úy không biết sao, phải có cái gì đó lớn hơn cuộc chiến tranh thuộc địa nhỏ xíu này mới có thể làm cho người Anh thôi giữ thói phong nhã trong tập quán tiệc tùng và những bữa ăn tối tập thể.

Joseph gật đầu, cảm thấy sôi giận thêm vì sự bất lực của mình.

Làm khán giả khoanh tay nhìn thành phố Sài Gòn rơi vào tình trạng hỗn độn quả là một kinh nghiệm chua xót - không chỉ vì những xúc động quá chằng chịt và rất ràng buộc của bản thân anh đối với cuộc rối loạn này. Lòng buồn thấm thía vì chứng kiến thái độ tàn bạo và đáng hổ thẹn của người Pháp, suốt mấy đêm qua anh để nguyên quân phục đi ngủ, và chỉ chập chờn từng giấc ngắn.

Bên cạnh đó, kể từ lúc gặp lại Lan, Joseph cảm thấy lòng mỗi ngày một thêm xao xuyến. Con choáng váng khi nghe nàng nói cả hai có chung một đứa con gái tám tuổi hiện sống nơi làng quê heo hút phương bắc vẫn triền miên dày vò tâm trí anh cả ngày lẫn đêm.

Joseph khắc khoải thêm ghé thăm Lan lần nữa để được nghe nàng nói thêm về Tuyết, đứa con gái bé dại và cô cút, nhưng viễn ảnh thêm lần nữa lừa dối Paul khiến lòng anh đầy mặc cảm phạm tội.

Càng chứng kiến cuộc đụng độ lan rộng, Joseph thấy mình càng có thêm thiện cảm sâu xa đối với người sĩ quan Pháp ấy, kẻ để cho cuộc đời mình bị buộc chặt vào người An Nam vì những lý do vị tha.

Trong một lần ghé qua bộ tư lệnh của đại tá Cédile hồi đầu tuần, anh quẫn trí khi biết tin Paul bị thương ngay trong giờ phát khởi cú đảo chánh và được máy bay chở lên điều trị tại quân y viện trên Đà Lạt. Việc biết ra rằng cuộc đụng độ này đang gây nhiều tác hại sâu

rộng và làm Paul bị thương trầm trọng khiến Joseph cảm thấy thêm xót xa và vừa oán ghét vừa kính trọng cách người Anh giải quyết cuộc khủng hoảng.

Tâm trí Joseph văng vất những ý nghĩ đó khi anh ngồi xuống dùng bữa ăn tối tập thể với các sĩ quan Anh cao cấp bên bàn ăn cấp trung đoàn có những bộ đồ ăn bằng bạc lấp lánh, những ly tách bóng loáng và khăn trải bàn trắng tinh dẹt bằng vải lanh. Trong bữa ăn, bên vành ly rượu vang Tây Ban Nha màu nâu sẫm sáng, các sĩ quan Anh rôm rả và hóm hỉnh bàn luận về những khó khăn trong việc lần theo dấu vết của quân du kích khi họ rút lui và lần vào các làng mạc trong rừng bên kia ngoại biên thành phố.

Tới khi người ta mang ra món xúp đựng trong liễn có khắc phiên hiệu Sư đoàn Mười hai Ấn độ, một thiếu tá phốp pháp nêu vấn đề ấy ra lần nữa. Giọng anh ta sang sảng:

- Tôi nói với người của tôi rằng nếu thấy khó phân biệt bạn và thù thì cứ việc sử dụng tối đa lực lượng có sẵn để bảo đảm quét sạch không còn một móng địch quân nào - luôn luôn sử dụng lực lượng tối đa!

Uốn lưỡi nhắc lại mấy tiếng cuối đó với vẻ mặt khoái trá, anh ta tiếp:

- Nếu ta dùng quân số tối thiểu, chắc gì còn sống để mà kể chuyện - nhưng nếu ta dùng rất nhiều lính thì chẳng tổn thất gì lớn. Tôi nói như thế, thưa quý vị, có đúng không ạ?

Hỏi xong, anh ta cười khúc khích, nâng ly rượu chát lên nhấp một cách thú vị rồi nhìn lòng vòng chờ lời tán thưởng của mọi người. Quanh bàn ăn râm ran tiếng thầm thì nho nhỏ. Một đại tá mặt hồng hào và ngạo nghễ, đưa khăn ăn lên chấm hai bên mép bộ ria quặp màu hung:

- Hoàn toàn chính xác. Tôi còn viết cái đó vô nhật lệnh. Tôi bảo các chàng trai của tôi rằng thật hoàn toàn hợp pháp khi ta xử như kẻ thù đối với tất cả các dân địa phương mà ta tìm thấy ở bất cứ nơi nào gần hiện trường có nổ súng - vậy đó, toàn là thứ dân cực kỳ xảo trá. Tôi phải nói rằng cái lệnh thứ hai này cũng gặt hái kết quả đúng với yêu cầu.

Viên sĩ quan ngồi bên phải của Joseph, Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis, người đối tác tình báo với anh, nhượng đôi lông mày thú vị về phía Joseph. Ông ta nói phớt tỉnh:

- Đại úy ạ, có vẻ mấy ông bạn Việt Minh thân thiết của đại úy đạt được nhiều hơn cái mà họ muốn mặc cả, đúng không? Theo như bản tường trình của anh chuyển cho chúng tôi thì họ làm ồn ào cái chuyện muốn điều đình. Nhưng với cách đọc của tôi, tôi thấy thật ra họ chỉ muốn bám cò súng cho bùng nổ một cuộc chiến tranh kiểu cổ điển. Được thế, nó sẽ làm nổi bật vai trò của họ hơn và sẽ biến cuộc cách mạng hạng bét của họ thành có vẻ rất hiện thực. Từ giữa tháng Tám tới nay, mới vốn vẹn hơn năm tuần lễ, Việt Minh ở đây từ chỗ không ai biết đã độc chiếm sân khấu chính trị. Nhờ thế, họ chiêu dụ được nhiều thanh niên ra trận và cắt cổ mổ họng hằng trăm địch thủ người Việt của họ. Đại tá Cédile bảo đảm với tôi rằng đại đa số người An Nam ủng hộ Pháp và muốn thấy nền cai trị ổn định của người Pháp được phục hồi.

Joseph dăm dăm ngó Boyce-Lewis, không tin nổi mắt mình:

- Thưa đại tá, ông chẳng thể nào lầm lẫn hơn được nữa. Tất cả dân Việt Nam, dù có đứng chung hàng ngũ với Việt Minh hay không, đều căm thù Pháp vì họ có lý do chính đáng, trừ một thiểu số hết sức nhỏ. Họ bị tổn thương sâu xa vì người Anh đã tiếp tay lấy đi cái mùi vị độc lập tự do mà từ một trăm năm qua, nay là lần đầu tiên họ có được. Nhưng Việt Minh là những người có đầu óc thực tế - tôi biết như vậy vì tại miền bắc tôi đã đàm đạo với Hồ Chí Minh. Ông ấy là một lãnh tụ kiên cường và ông ấy biết người Việt Nam vẫn cần tới người Pháp. Việt Minh rất muốn, cực kỳ muốn được ngồi xuống điều đình sao đó với Pháp để Pháp công nhận chủ quyền tối thượng của họ.

Boyce-Lewis mỉm cười thương hại:

- Anh bạn đồng nghiệp thân mến của tôi ơi, công nhận chính quyền Việt Minh là việc của chính trị. Anh nhớ cho rằng chúng ta chỉ là quân nhân. Như anh hẳn biết, trong cuốn thủ bản lệ luật quân đội có ghi rõ rằng “người chỉ huy đạo quân chiếm đóng xứ sở nào thì phải ra sức tuân giữ luật lệ hiện hành của xứ sở đó”. Chúng tôi có mặt ở đây là để duy trì trật tự. Cuộc cách mạng nhỏ nhít của Việt

Minh gây xáo trộn cái trật tự tốt lành cũ. Tôi nghĩ rằng chúng tôi đang theo khá sát cuốn thủ bản nhà binh đó. Pháp là chủ quyền tối thượng, mọi luật lệ là Pháp, thế thôi, chẳng có gì đơn giản hơn. Trả lại quyền lực cho Pháp tức là phục hồi nguyên trạng. Việt Minh của anh không do ai bỏ phiếu bầu lên cả.

Joseph hỏi lại, giọng càng lúc càng uất ức:

- Vậy dân chúng xứ sở này có bỏ phiếu bầu người Pháp lên cai trị họ không? Dù có mở hết trí tưởng tượng ra tới mấy đi nữa, cũng phải thấy rằng kể từ năm 1941, Pháp đã mất chủ quyền tối thượng ở đây. Nếu người Anh tính chuyện đi khắp thế giới để phục hồi cái thứ nguyên trạng đó thì có xòe tay ra đếm hết cả mười ngón cũng không xuể.

Boyce-Lewis cúi đầu ngó muống xúp của mình, vẩy vẩy bàn tay còn lại như tỏ ý bác bỏ lời nói của Joseph:

- Ở miệt dưới của xứ An Nam này, Việt Minh chỉ là một phong trào rất thiểu số gồm những gã bôn-sê-vich hung hăng và quá khích - còn những gã khác có khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa thì bị đều khích động xúi giục bởi bọn Nhật là bọn chỉ muốn gây khó khăn cho chúng tôi thôi. Đó là lý do khiến bọn lùn lấy vũ khí đem cho những gã thuộc loại như Cao Đài và Hoà Hảo.

Đột nhiên giọng điệu khinh mạn của viên đại tá Anh làm bùng sôi mọi cảm xúc bị dồn nén bấy lâu nay trong lòng Joseph. Anh đứng bật dậy, làm chiếc ghế lật ngửa, đánh sầm xuống sàn nhà. Mắt ngó xuống Boyce-Lewis, Joseph nói sôi nổi:

- Ông có nhớ Hiến chương Đại Tây Dương năm 1941 không, thưa đại tá? Không phải Churchill và Roosevelt đều đã đồng ý rằng chúng ta tôn trọng quyền của mọi dân tộc được chọn thể chế chính trị của họ sao? Ông được phái tới đây để giải giới và hồi hương lính Nhật bại trận - nhưng thay vì làm việc đó, ông lại để cho lính Nhật tiếp tục giữ nguyên vũ khí để đập tan một quốc gia nhỏ bé vì dân chúng của nó chỉ có cái tội duy nhất là muốn được độc lập tự do.

Một sự im lặng choáng váng phủ khắp các bàn tiệc. Vài sĩ quan Anh há hốc miệng, chăm chăm nhìn Joseph trong khi anh nói tiếp:

- Quí vị có từng thấy lựu đạn tay của họ làm từ vỏ đồ hộp cũ

không? Quý vị có từng nhìn các mũi tên tẩm độc và gây tằm vông vọt nhọn của họ không? Những vũ khí đó thô sơ quá, đúng không? Nhưng chúng chứng tỏ rằng trong lòng họ, việc vứt bỏ các chủ nhân ông ngoại quốc là một cảm xúc hết sức sâu xa. Chúng ta cứ tưởng mình tham dự cuộc chiến tranh này là để bảo vệ tự do dân chủ - nhưng tất cả những gì chúng ta đang thực hiện ở đây chỉ là đặt lại cây roi chần bầy nô lệ vào lòng bàn tay của người Pháp. Đó không phải là cái quý vị nên lấy làm tự hào - trong thực tế, đó chỉ là một sự phản bội khốn kiếp hết thảy những gì nền dân chủ phương tây có hoài bão bênh vực.

Mặt tái nhợt, Joseph xoay mình bước một mạch tới cửa ra, để lại trung úy Hawke và viên thiếu tá OSS ngồi bối rối cân cái giữa các sĩ quan thuộc bộ chỉ huy người Anh. Trong một lúc, khắp phòng ăn im lặng, rồi Boyce-Lewis liếc nhanh về phía viên sĩ quan cao cấp nhất hiện có mặt, một thiếu tướng gầy gò, mặt cau có:

- Trình thiếu tướng, tôi đề nghị một cách tốt nhất để ứng xử với viên đại úy trẻ tuổi và nóng giận kia. Có lẽ ta nên tuyên bố anh ta là persona non grata - người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận - và lập tức gửi anh ta lên tàu về Calcutta, ông có đồng ý không ạ?

Thiếu tướng chậm chậm gật đầu rồi cầm lên ly rượu vang, trầm ngâm xoay xoay giữa ngón tay cái và ngón tay trỏ:

- Tôi sẽ làm y như vậy, đại tá. Tôi sẽ làm y như vậy.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945 - 19 -

Sáng hôm sau, khi Joseph và Hawke tới gần Bến Thành, chợ trung tâm của Sài Gòn, cả hai thấy từ vòm mái cong bị cháy nám trên khu nhà lồng chợ khói đen còn tuôn mù mịt. Chợ bắt đầu bị đốt và bốc cháy cách đây bốn ngày nhưng vì tình trạng kẹt độ xảy ra từng chập trên các đường phố chung quanh chợ nên không ai dám tính đến chuyện chữa lửa. Hawke cho xe chạy chậm chậm trên con đường hẹp bên hông ngôi chợ đang cháy và lắc đầu ngao ngán:

- Nếu chợ cứ đóng cửa mãi thế này và quân du kích tiếp tục chặn không cho đem thực phẩm vào thành phố, tôi đoán chẳng bao lâu nữa chúng ta bắt đầu chứng kiến tình trạng đói kém ở đây, ngay tại phương nam này...

Hawke đang nói bỗng có một thằng bé người Việt mặc quần áo cũ sòn, từ đầu một con hẻm lưng chừng đi ra giữa đường, làm anh phải đạp thắng thật gấp. Viên trung úy lật đật nhảy xuống xe, vói tay chụp thằng bé và nhấc bổng lên. Nó chỉ khoảng ba bốn tuổi.

Đột nhiên Joseph rướn thẳng người lên trên ghế, ngó chăm chăm thằng bé. Chỉ mấy giây sau, một người đàn bà, hình như là mẹ nó, từ một căn phố trong hẻm hốt hoảng lao ra. Bà giật thằng bé trong hai bàn tay đang lắc lắc hí hửng của chàng thanh niên Boston.

Hawke cười toe toét bước trở lại xe díp và bắt gặp Joseph đang đăm đăm nhìn mình bằng tia mắt kỳ lạ, vẻ mặt rúm rỏ như đang chịu một cơn đau dữ dội. Anh lo lắng hỏi:

- Đại úy, chuyện gì vậy?

Joseph trả lời, giọng thì thào thâm trầm:

- Nạn đói! Trời ơi trời, tại sao tôi lại quên lưng nạn đói!

Mặt Joseph trắng bệch, không chút sắc máu. Anh ngó không chớp mắt khoảng không trên đầu Hawke như thể viên trung úy không có ở đó. Hawke lại hỏi, phân vân:

- Đại úy có ý nói gì vậy?

- Nạn đói ở phương bắc.

Joseph nhắm mắt lại một lúc. Trong tình trạng hoang mang mấy ngày vừa qua, trí óc anh triền miên nhớ tưởng và mừng tượng nét mặt của đứa con gái tám tuổi anh chưa bao giờ gặp. Nhưng mãi tới lúc này, anh mới nghĩ đến cái làng quê vô danh nào đó ở phương bắc, nơi đứa bé con của anh được gửi cho người ta nuôi dưỡng. Và anh chợt nhớ rằng nó đang nằm trong khu vực có nạn chết đói hãi hùng tràn lan khắp vùng châu thổ Bắc kỳ và mạn bắc Trung kỳ.

Hiểu sai ý của Joseph, Hawke cười nhăn nhó, giẫy nảy:

- Tôi không đi theo đại úy đâu!

- Lên xe ngay - lẹ lên!

Joseph vội vàng chuyển người qua ngồi đằng sau tay lái, mặt hằn nét quả quyết. Hawke ngồi chưa ngay chỗ, anh đã nhún ga như điên, phóng hết tốc lực về phía Nhà thương Đồn Đất. Tới trước sân bệnh viện, Joseph kèm chân thắng, bánh xe nghiêng ken két rồi chững lại. Nhảy xuống, để mặc Hawke lo liệu thủ tục trình báo, anh vượt qua mấy người gác làm họ hoảng hốt dạt qua một bên. Joseph chạy tắt tưởi theo hành lang dẫn lên phòng của Lan. Vừa tới cửa, anh thở hồn hển, lướt qua người nữ y tá đang trực bệnh, không một lời giải thích tại sao mình có mặt. Rồi anh hốt hải thất vọng trước chiếc giường trống cùng căn phòng đã được dọn dẹp tươm tất, và vô hồn, không ánh lên chút dấu hiệu nào chứng tỏ Lan từng nằm ở đó.

Từ cửa phòng, giọng người nữ y tá vang lên nghe rõ từng tiếng:

- Thừa đại úy, bà ấy đã xuất viện ba hôm trước. Bà nói là để cùng với cả nhà kịp thời rời Sài Gòn.

Joseph chạy thẳng một mạch trở lại xe díp. Thêm lần nữa anh chụp tay lái. Với vẻ gay cần và khẩn trương không kém lúc lái xe tới nhà thương, anh phóng xe thẳng tới cư sở của quan sứ thần. Ở đó, Joseph thấy cánh cổng sơn son hình trăng rằm bị tung khỏi bản lề, nằm trơ vơ xiêu lệch. Tim chùng xuống, anh lê chân qua mấy mảnh ván.

Chưa vô tới hiên nhà, mắt Joseph đã bắt gặp đồ đạc vất ngổn ngang trên mấy bậc thềm, chứng tỏ nhà vừa bị cướp phá. Bên trong, bàn thờ gia tiên đổ nghiêng xiêu vẹo, lư hương sơn son và

những bức tượng thiếp vàng biến mất. Bộ bàn ghế kiểu đời Louis XIV nằm bẽ nát như gỗ vụn. Các bức tranh thủy mặc Tàu và An Nam cùng hoành phi đối tượng bị giật tung khỏi vách. Và ở phòng kế bên, chiếc giường lâu đời bằng gỗ cẩm lai kiểu nhà quan giờ đây ám khói, đen kịt một đầu.

Tại một phòng ngủ khác, Joseph tìm thấy vài chiếc áo dài lụa của Lan vẫn máng trên mắc áo trong một chiếc tủ sơn mài. Lòng anh bất chợt se lại với cảm giác tuyệt vọng mịt mù. Những y trang vẫn như mây này còn thoang thoảng mùi hương nàng. Đưa tay nâng nhẹ một tà áo, Joseph bùi ngùi vui mặt mình trong đó. Phải mấy phút sau anh mới cất nổi chân ra khỏi phòng rồi chậm chậm, anh thất thểu bước ra đường.

- Chuyện gì diễn ra ghê gớm vậy đại úy?

Bộ mặt Hawke nhú lại với nụ cười hoang mang. Joseph để ý thấy anh ta đã ngồi ngay ngắn đằng sau tay lái xe díp. Khi Joseph đi vòng qua cửa xe bên kia, viên trung úy trẻ đưa hai tay lên trời, làm ra vẻ kinh hoàng:

- Nếu đại úy muốn, tôi sẽ đưa ông về. Dây thần kinh của tôi banh từng khúc rồi. Lúc này, tôi chỉ muốn chúng ta về tới bộ chỉ huy với thân thể còn nguyên vẹn.

Gật đầu lẳng đặng, Joseph ngồi phịch xuống bên cạnh ghế tài xế. Cả hai im lặng cho xe chạy trong vài phút, dọc theo đường Paul Blanchy, hướng về bộ chỉ huy OSS ở sân cù Phú Nhuận. Hawke lái xe với vẻ cố ý tỏ cho mọi người thấy anh đang rất thận trọng. Khi xe tới gần ụ chương ngại vật đầu tiên là một đồng cây gỗ dùng làm trụ điện, loại được người Việt Nam chắt khấp các giao lộ dẫn vào thành phố để chặn xe hơi và bao vây lương thực, Hawke giảm tốc độ xuống dưới mười lăm cây số một giờ.

Từ ngày nổ ra cú đảo chánh tới nay, nhân viên OSS đã quen lái xe ngoằn ngoèo với vận tốc của người đi bộ, lách qua các ụ chương ngại vật bố trí theo hình chữ chi gần bản doanh của mình. Người Việt Nam lúc nào cũng vậy cho họ đi qua và rõ ràng họ biết kẻ ngồi trên xe đó là người Mỹ. Khi xe tới gần chương ngại vật cuối cùng, cách toà nhà OSS đặt bản doanh chưa đầy năm trăm thước, Hawke sau cùng hết chịu nổi cơn tò mò. Anh cười nhovn miệng và

nói:

- Đại úy ạ, ông đã liều cái mạng ngàn vàng của ông, liều luôn cả cái mạng khôn nạn của tôi, để tới cho bằng được hai chỗ đó. Vậy ông có phiền không nếu tôi hỏi rằng ông tìm cái gì trong nhà thương và trong cái nhà bị cướp phá tan hoang ấy?

Joseph thở ra một hơi dài:

- David ạ, tại Sài Gòn này, có một người từng một thời có ý nghĩa vô cùng lớn lao đối với tôi...

Anh dừng lại khi Hawke thêm lần nữa giảm tốc lực xe để bắt đầu dò dẫm vượt qua lớp chướng ngại vật trước mắt làm bằng một đồng cành lá rậm rạp và kín mít như một bụi rậm. Không giống các ụ chướng ngại vật khác, ụ này chẳng thấy có bóng dáng dân quân nào. Mắt không rời con đường, Hawke gật đầu và rộng miệng cười tươi tắn, mặt sáng rỡ:

- Lúc này thì rõ rồi - một vấn đề của con tim, có phải không đại úy?

- Tôi gặp lại cô ấy lần thứ nhất hôm Thứ Bảy vừa rồi - trong nhà thương...

Joseph vừa nói vừa đưa mắt trông chừng một ụ cành cây khác chất lưa thưa nơi nương nước bên vệ đường. Nó cùng loại với các bụi cây giả, dùng làm nút chặn, nhưng đột nhiên anh nhận thấy nó nhúc nhích.

Cùng khoảnh khắc ấy, Hawke cũng thoáng bắt gặp chuyển động đó, anh quay đầu nhìn kỹ hơn. Chiếc xe díp đang chạy rất chậm theo tốc độ người đi bộ, và rồi đã quá trễ, cả hai nhận ra mình đang là mục tiêu ngồi tại chỗ.

“Chúng tôi người Mỹ! Chúng tôi người Mỹ!” Hawke thất thanh hét lớn bằng tiếng Việt khi bụi cây ấy lật qua một bên nhưng không còn kịp. Tiếng hét của viên trung úy trẻ không chặn nổi khẩu súng trung liên ngụy trang khắc đạn thẳng vào anh và Joseph, ở một cự ly rất gần.

Loạt đạn thứ nhất ghim hết vào đầu Hawke, không sót một viên, thổi bay hàm dưới và làm sọ anh vỡ nát. Máu từ các vết thương khủng khiếp ấy vọt ra bốn phía, bắn tung toé lên kính chắn gió. Chiếc xe díp sau khi húc trúng một ụ chướng ngại, chầm chậm lật

ngiêng qua phía đường mương bên kia.

Joseph rơi sấp mình xuống mặt đất ẩm ướt, nằm đờ người, kinh hãi lắng nghe đầu đạn súng máy quét trúng gầm xe kêu lộp độp. Khi xoay ngửa người, anh thấy thân hình của Hawke mắc nơi bánh lái, treo lơ lửng phía trên. Bộ mặt không còn hình thù. Rõ ràng viên trung úy chết ngay lúc bị trúng đạn. Ngóc đầu lên khỏi mép đường mương, Joseph thấy có ba người Việt Nam bước ra khỏi chỗ núp và bắt đầu đi về hướng anh, cầm súng ơ hờ trên tay. Anh đoán có lẽ họ cho rằng cả anh cũng đã chết.

Theo lệ thường, mỗi toán hai người OSS khi đi tuần thám đều mang theo một cặp súng Colt .45 và một cặp súng trường Garand M-1. Joseph vớ khẩu súng trường và súng lục của mình rồi từ bên dưới xe díp anh bò ra, phóng mình vô rừng tre bên mép sân cù. Ba người Việt Nam đang băng ngang đường lập tức nổ súng. Joseph cảm thấy đạn vãi trúng vòm lá trên đầu mình kêu sần sật. Qua tới mé bên kia rừng tre, anh nhào người nằm rạp xuống đất, bắn đại về hướng những kẻ đuổi theo mình và ngạc nhiên nghe có tiếng người thét lên trước khi gục ngã. Hai người kia lập tức quay mình chạy trở lại nơi mai phục ổ súng trung liên. Thấy họ chạy, Joseph nhắm theo kỹ hơn nhưng súng bị hóc; anh chửi thề, liệng đi.

Trong khoảnh khắc tạm lắng tiếp liền đó, Joseph kiểm thấy mình có ba gắp đạn súng Colt .45, tất cả chỉ có 21 viên. Anh lật đặt nạp đạn. Một phút sau, anh hoảng hồn thấy có hơn chục người Việt Nam khác thận trọng ló mình ra khỏi vị trí núp quanh một ụ chướng ngại vật, bắt đầu bò về phía anh. Liếc mắt về hướng đông, anh thấy mình ở cách chỗ an toàn là toà nhà của OSS chừng năm trăm thước. Từ đây tới chỗ đó, các rừng tre chỉ che được một nửa khoảng cách, và như thế toán người Việt Nam có thể bắn trúng khi anh đang chạy. Nhưng anh thấy nếu tiếp tục trụ lại đây, mình không có cơ may sống sót. Hít một hơi thật sâu, Joseph bật người dậy, phóng mình chạy thật lẹ theo mép sân cù. Thấy ra anh, từ trong đám cỏ, toán du kích quân đồng loạt đứng bật lên, rượt theo, vừa chạy vừa bắn.

Chạy tới cuối rừng tre che chở mình, Joseph dừng lại. Anh nhận ra với khoảng cách còn lại quá trống trải hầu như chắc chắn mình sẽ

bị trúng đạn của dân quân nếu anh không làm cho họ chậm lại. Anh gay cấn nhìn quanh rồi phóng mình xuống nương nước. Khi mấy người chạy đầu chỉ còn cách chừng mười lăm thước Joseph nhô đầu lên, cầm súng bằng cả hai tay, trút hết gắp đạn Colt .45 về phía họ.

Thêm hai du kích quân bị trúng đạn ngã quỵ. Những kẻ còn lại lập tức nhào người nằm rạp xuống đất. Sử dụng chiến thuật bắn di động học được trong khóa huấn luyện ngắn ngủi của OSS ở Côn Minh, Joseph an toàn tới được cuối rừng tre rồi nhanh như chớp, lao mình ra khoảng đất trống. Quân du kích bắn theo, hết loạt này tới loạt khác trong cự ly bảy mươi thước. Nhưng Joseph chạy dặc dặc và một phút sau, anh tới được cổng trụ sở OSS, trên tay chỉ còn vòn vẹn hai viên đạn.

Khi chỉ huy trưởng Phân đội 404 OSS lao mình xuống bậc thềm đỡ anh vô nhà, Joseph thở hổn hển:

- Hawke bị giết rồi. Tôi nghĩ họ tưởng mình là người Pháp.

Viên thiếu tá vội vàng đặt lính canh trên mái nhà và gọi thêm lính Nhật ở một pháo đài gần đó tới gác. Khi hơi thở của Joseph điều hòa trở lại, sĩ quan cấp trên của anh nhẹ nhàng đặt tay lên vai anh:

- Đại úy ạ, nói cho anh biết lúc này thật không đúng thời điểm chút nào nhưng bộ tư lệnh quân Anh vừa thông báo với tôi rằng họ tuyên bố anh là người đối tác không được chính phủ của nước bạn chấp nhận. Họ không ưa quan điểm của anh - hoặc cách thức anh bày tỏ quan điểm tới qua. Anh phải bay về Calcutta trong vòng hai mươi bốn tiếng đồng hồ tới.

Vẫn còn choáng váng ngần ngật vì cái chết của Hawke và trận đánh tự cứu mạng vừa rồi, trong đó có thể anh đã giết tới ba người Việt Nam. Joseph dăm dăm ngó lại thượng cấp và chưa thật sự nắm được những gì anh ta vừa nói.

Viên thiếu tá kéo Joseph đi về phía phòng đợi bên trong một cửa lớn:

- Còn một việc nữa. Ở đây có một người Việt Nam muốn gặp anh. Anh ta chờ đã mấy tiếng đồng hồ. Anh ta cứ nằng nặc đòi chỉ nói chuyện riêng với anh thôi và không chịu nói cho bất cứ ai khác biết

anh ta muốn cái gì.

Khi Joseph vào phòng đợi, Trần Văn Tâm đang ngồi. Thấy Joseph, anh ta lạng quạng đứng lên. Quanh đầu Tâm quấn một vòng băng khô máu. Quần áo nhàu nát dơ bẩn và thái độ không có chút dấu hiệu thù nghịch nào như từng biểu lộ tại nhà của cha mẹ anh ta hồi tuần trước. Tâm nói, lấp bắp:

- Đại úy Sherman ạ, tôi tới đây với lời nhắn của em gái tôi. Lan nó muốn gặp anh, rất gấp. Nếu anh đi lúc này, tôi sẽ đem anh tới chỗ nó ở.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 20 -

Con đường ven biển dài hơn ngàn dặm và lộng gió từ Sài Gòn ra Hà Nội mà bước chân đầu tiên dẫm lên là của những trạm phu chạy công văn triều đình vào trước buổi bình minh của công nguyên, suốt hai ngàn năm nay lúc nào cũng khiến cho khách du có cảm giác thấp thỏm rằng mình đang gian nan đi qua một vùng đất đầy tai ương và thù nghịch.

Suốt hầu hết chiều dài của nó, Con Đường Cái Quan không chỉ bị đe dọa bởi rừng thẳm mịt mù thường mọc lan ra tận mép đường mà còn bởi hai kẻ thù thiên nhiên vĩ đại khác. Một từ mé tây, dãy Trường Sơn thỉnh thoảng chuỗi những tảng đá khổng lồ xuống chặn đường. Một từ mé đông, biển Đông thường xuyên tràn nước lên xuyên qua nhiều kẽ nứt của bờ biển Việt Nam rạt rào gió, làm con đường nhão nhoẹt và trơn trượt.

Vào đầu tháng Mười năm 1945, con đường này còn rất hẹp với chỉ một làn xe chạy và tuy vô số hố lớn đã được vá lại hoặc lấp bằng, mặt đường vẫn lổm đổm ổ gà, chỗ lồi nhỏ chỗ lõm to vì những trận oanh tạc dữ dội của Đồng Minh trong mấy tháng trước ngày kết thúc cuộc thế chiến. Con Đường Cái Quan cổ sơ ấy lúc này mang chiếc xe díp của đại úy Joseph Sherman an toàn chạy ra mạn bắc, vượt qua bàn chân xoải ra của núi và lướt trên những ngón tay búi chặt của biển, như nó từng mang vô vàn xe bò dân giả và kiệu cang vương giả trong rất nhiều thế kỷ trước đây.

Tới ngày thứ ba của cuộc hành trình, con đường đưa Joseph mất đồ au mệt mỏi vào vùng đất thuộc hai tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình, nơi không khí hăm dọa mơ hồ của mấy ngày vừa qua được thay thế bằng sự hoang tàn có thật và hãi hùng. Từ bầu trời thấp và nặng như chì, mưa ào ạt rơi trên những cánh đồng mênh mông hoang lạnh mới bị lũ lụt vì các cơn bão tràn tới ập lui suốt tháng Tám. Bốn bánh xe díp xoắn qua một biển bùn xám bất tận và không khí

ấm ướt buốt giá làm Lan đang ngồi trên chiếc ghế bên cạnh tài xế phải siết chặt vào mình hơn chiếc áo chùng thâm với mũ lúp trum đầu.

Cả Joseph lẫn Lan đều sững người khi thấy ngôi làng đầu tiên bị tàn phá: cột nhà cháy thành than và vách đất sạm đen vì khói là tất cả những gì sót lại của mấy xóm nhà mà Lan nhớ từng có thời là một làng trù phú. Xa đằng kia, một người nhà quê hốc hác đang ngồi chồm xồm và hờ hững bên vệ đường. Ông nói cho cả hai biết dân làng đã tháo nhà ra từng mảnh để làm củi sưởi ấm và trước đó, họ đã bán sạch mọi vật dụng của mình để mua gạo nấu cháo. Ông nói nhiều dân làng đã chết và người nào còn chút hơi sức đã phiêu bạt đi nơi khác để kiếm cái ăn.

Trong khi ông nói, chiếc chiếu cuộn tròn nằm trên mặt bùn cạnh người ông, mà bên trong có vẻ đang chứa chút của cải còn sót lại của ông, bỗng nhúc nhích. Nghe tiếng rên rỉ yếu ớt, Joseph tưởng đó là tiếng kêu của một con chó. Nhưng khi Lan hỏi trong đó có cái gì, ông mắt vẫn lơ quờ nhìn cánh đồng ngập nước bên đường, mở miệng nói rằng ông quán trong chiếu đứa con trai hai tuổi. Và cũng với giọng đều đều ấy, ông nói mình đang chờ nó chết hẳn để đem chôn.

Joseph nhảy xuống xe díp, mở một suất lương khô nhà binh, lựa ra những món để ăn và dúi vào tay người nhà quê. Ông gan lì từ chối, thậm chí không thèm ngó tới đồ ăn. Thay vào đó, với bộ điệu hăm dọa, ông xua tay đuổi Joseph tránh xa chiếc chiếu. Ông nói với giọng bướng bỉnh:

- Tui tui có lạ chi cái cảnh đói khổ mạt rệp như ri. Mụ vợ tui chết với ba đứa con rồi. Chừ mà hai cha con tui được chết quách theo mụ vợ với mấy đứa tê thì không chi tốt bằng mô.

Khi Joseph lên xe đi thẳng, người nhà quê đang chết đói ấy vẫn ngồi ôm đầu gối cạnh cuộn chiếu bên lề đường và nhìn mưa, mắt vô hồn. Các gói đồ ăn mở sẵn được Joseph nhất quyết để lại, vẫn nằm bất động trước mặt ông, trên mặt đất sũng nước. Sau tiếng rên yếu ớt phát ra từ cuộn chiếu, họ không còn nghe thêm âm thanh nào nữa.

Rồi cả Joseph lẫn Lan đờ đẫn, xây xẩm mặt mày, khi bắt gặp cảnh

tượng chiếc xe bò thứ nhất chở hơn chục xác người chết thành một đồng cao, mắc míu vào nhau. Từ trong đồng lộn xộn đó thò ra những cánh tay những cẳng chân không một tí thịt, đông đơ lắt lẻo trong khi con vật ỉ ạch kéo chiếc xe khủng khiếp và nặng nề ấy đi về phía họ, băng ngang con đường lầy lội của một làng mạc khác cũng hoang tàn không kém.

Con vật chùn chân vì chính nó cũng đang chết đói, bước đi chậm chạp mặc kẻ đánh xe bò lừa người hồi thúc và thỉnh thoảng vung roi tre lên quát xuống bộ sườn còm cõi trơ xương của nó. Chiếc xe bò dừng lại, tránh đường cho xe díp chạy qua. Và Joseph xanh mặt khi thấy trong đồng xác đó có một đầu người, tóc dài quện bê bết bùn và nước mưa, thỉnh thoảng co giật. Anh liếc Lan thật lẹ, thấy nàng nhắm mắt, quay đầu qua chỗ khác.

Joseph phanh xe, nhảy xuống và chạy lui lại dưới cơn mưa. Anh tóm vai người đánh xe bò lắc mạnh, hỏi hải chỉ cho anh ta thấy cái hình nhân vừa nhúc nhích. Vừa ra hiệu vừa nói bằng tiếng Pháp pha với tí tiếng Việt học lóm được của Hawke, anh cố hết sức làm cho anh ta hiểu rằng có một trong các “xác chết” ấy còn sống. Nhưng cũng giống như người nhà quê sắp chết ngồi bên lề đường lúc này, người đánh xe bỗng dừng nổi cơn giận dữ. Anh ta quát lên, lớn tiếng mắng chửi và chỉ vô hình nhân đó, lúc này nằm bất động như những xác chết khác. Rồi anh ta quay phắt người ngó về phía miếng đất thổ mộ gần đó, còn Joseph bước chầm chậm trở lại xe díp, cố nuốt xuống cảm giác buồn nôn.

Chẳng bao lâu, Joseph và Lan bắt đầu quen với những sườn nhà cháy thành than, những cảnh tượng ngổn ngang tan hoang và ảm đạm dọc đường quốc lộ. Thỉnh thoảng vài gia đình sống sót, chống đỡ mái nhà làm chỗ trú ngụ. Họ đi đứng lom khom như những con vật ngoan ngoãn trong một góc nhà vách còn tạm vững. Cả hai cũng thấy những chiếc xe bò chở xác khác, có vài đồng lên tới hai ba chục tử thi.

Có lần Joseph thấy thi thể trơ vợ không ai đoái hoài của một phụ nữ nhà quê còn trẻ, gục chết dưới một gốc cây trơ trụi và nám đen như thể bị sét đánh. Xác người ấy ở trần và chiếc quần tả tơi của chị bùn bê bết từng bết, gần như không phân biệt nổi hình người

với mặt đất bùn sinh nơi chị gục chết. Trên ngực chị, nằm co quắp một hài nhi khăng khiu chỉ chừng mấy tháng tuổi, trơ mắt ngó mẹ. Đứa bé sắp chết thều thào khan giọng khóc oe oe trong đôi cánh tay của người đàn bà đã chết. Và đôi môi khát sữa của nó day hoài day mãi núm vú mẹ teo tóp. Trong khi Joseph nhìn không rời mắt, xuất hiện một người đàn bà choắt cheo. Bà ta giật lấy đứa bé rồi biến mình trong màn mưa mờ mịt.

Joseph và Lan còn thấy những đồng xác người khác bên vệ đường, nằm như những cuộn giẻ rách xoắn vào nhau. Và người đang sống vật vờ đi như kẻ mộng du, cố giữ cho mắt mình ngó qua chỗ khác. Sau một lần toan tính phân phát các suất khẩu phần hành quân cho một đám trẻ con chống gậy đứng ăn xin bên lề đường, Joseph không còn dám mơ tưởng tới việc mình có thể làm một cái gì đó để giúp đỡ những con người khốn khổ ấy nữa. Những bàn tay trẻ con chìa ra và những đôi mắt thơ ngây tuyệt vọng khiến anh dừng xe. Và hình ảnh chiếc xe lôi cuốn những trẻ em bụng ỏng khác ủa nhau khắp khênh chạy ra từ những con đường mòn lộng gió len lỏi qua lũy tre rậm rạp bọc quanh và che khuất làng.

Joseph phát chưa xong hai gói đồ ăn nhỏ bé, bọn trẻ đã bắt đầu đánh nhau túi bụi. Đứa này cào sứt mặt đứa kia, khiến gói lương khô rách toạc, các thức ăn quý báu văng tứ tung trên mặt đất đầy bùn. Tiếng la hét của trẻ con lôi cuốn những người lớn mắt trũng sâu từ trong các bụi rậm chạy ra. Lan hoảng hồn kêu Joseph quay lại, nhảy lên xe phóng đi thật lẹ trước khi những người dân quê tuyệt vọng không cưỡng nổi cơn cám dỗ, tấn công hai người và cướp phá xe. Dù đang đói kiệt sức, trẻ con lẫn người lớn tuổi cố rượt theo xe, vừa chạy vừa gào rú. Xe đã chạy cách một quãng rất xa nhưng trong tai Joseph còn nghe lũng bùng những tiếng hú đáng thương ấy.

Mặc dầu xe của Joseph và Lan đã trở lại con đường quốc lộ trống trải, mùi của những kẻ tả tơi đang chết đói vẫn còn quện theo, ám mãi con người họ. Có vẻ nạn đói tạo ra một mùi vị ngòn ngọt tởm lợm của sinh vật thối rửa và ám khói, như thể cơn đói tự nó đốt cháy và làm ung thối lớp thịt tươi trên bộ xương thoi thóp của thân thể người ta. Dù Joseph không biết chắc điều đó có thật hay chỉ là

tưởng tượng, nhưng cái mùi vị đó như bám riết lấy xe díp trong khi xe tiếp tục chạy. Thậm chí hình như nó thấm thấu vào tận tâm trí của Joseph và anh cảm thấy mình càng lúc càng tuyệt vọng thẳm thía: giữa những hải hùng chắt ngất cả hai đang chứng kiến, không biết anh có còn cơ hội tìm thấy ở phương bắc còn sống đứa con gái cô cút, đứa con Lan đã sinh cho anh chín năm trước, khi anh hoàn toàn không hay biết.

Trong những lần về quê thăm con trước đây, Lan và mẹ nàng đều dùng xe lửa; chỉ lần này đi bằng đường xe hơi. Càng tới gần vùng quê mình Lan càng không thể nhận ra đường sá vì các bảng chỉ đường đã bị đập vỡ và lấy làm củi đốt. Kết quả, nàng và Joseph phải lùng sục khổ sở hết làng này sang làng nọ ở phía bắc Đồng Hới, trong khu vực sát bờ biển.

Đột nhiên Lan cất tiếng. Giọng nàng thảng thốt như ma ám trong khi mắt ngó qua kính chắn gió, dăm dăm nhìn đồng ruộng hoang tàn hiu quạnh dưới cơn mưa lê thê, lạnh lẽo và mờ xám:

- Lần nào em đi qua đây, lúa trên cánh đồng này không xanh mượt thì cũng vàng rục. Vào độ này, lý ra người ta đang chuẩn bị vào vụ chiêm cho mùa gặt tháng năm sang năm. Bây giờ, không chỉ chẳng có vụ nào cho mùa gặt tháng mười năm nay, mà cũng chẳng có thứ gì cho năm tới.

Joseph để ý thấy Lan ngồi bất động trong lòng ghê như tượng đá và anh sợ nếu kéo dài tình trạng này, chẳng mấy chốc nữa nàng sẽ nổi cơn mê sảng. Bầu trời đang xuống thấp, càng lúc càng tối sầm. Anh thấy điều quan trọng nhất lúc này là tìm một chỗ trú tạm qua đêm còn hơn cứ tiếp tục lùng sục những làng mạc hiu quạnh trong khi đêm sắp giăng lưới.

Từ khi lên xe ở Sài Gòn và gần như suốt dọc đường, Lan ngồi yên với vẻ cam chịu và xa vắng. Cả nàng lẫn Joseph hầu như chẳng chuyện trò với nhau khi họ ra khỏi thành phố, nhắm hướng đông bắc, qua Thủ Đức - Biên Hoà rồi đi vào vùng đất bạt ngàn những đồn điền cao su kế tiếp nhau như những đồn quân biệt lập.

Tâm trí Joseph cũng đang lang thang chốn nào đó, mơ hồ và hiu hắt. Anh cảm thấy dường như óc não mình đang quay về các

chuyến đi đầu tiên đầy phiền muộn trên Con Đường Cái Quan với mẹ năm 1925. Lần đầu tiên anh đi theo hướng bắc ra Huế trong trạng thái u uất thơ dại, rồi sau đó quay về Sài Gòn, sững sờ mê lịm khi nhận được tin Chuck tử nạn. Lúc xe díp lướt qua những hàng cây cao su và tiếp tục chạy vào các khu rừng nhiệt đới, nơi thuở nào Joseph cùng đi săn với cha và Chuck, anh lại bị ám ảnh dằng dặc bởi những hồi ức về gia đình bi thảm của Ngô Văn Lộc. Cả hai lên đường từ lúc trời chưa rạng sáng rồi vất vả lái xe suốt một ngày. Tới lúc trời sẩm tối họ vượt được khoảng bốn trăm bốn chục cây số ra tới Nha Trang. Ở đó, họ ngủ mỗi người một phòng nơi nhà trọ trước đây do người Pháp quản lý để phục vụ khách hỏa xa khi tuyến xe lửa nam bắc đậu qua đêm tại đây. Họ chỗi dậy lúc bốn giờ sáng. Lại vất vả cho xe chạy suốt ngày kể đó trước khi dừng lại, ngủ lơ mơ vài giờ cũng tại một nhà trọ hỏa xa tại Tourane, một hải cảng về sau được lấy lại tên Đà Nẵng.

Trước đó, khi xe chạy ngang Phan Rang, nơi có một ngã ba đường rẽ lên vùng cao nguyên Đà Lạt và khi xe chạy qua một rừng dừa trên cao, ngó xuống hải cảng thiên nhiên bao la ở Vịnh Cam Ranh, tâm trạng của Lan bỗng tươi lên. Nàng bắt đầu nói sôi nổi về thuở học trò bình dị ở trường Couvent des Oiseaux tại Đà Lạt.

Với ánh mắt tưởng tiếc, Lan tả lại cảnh sương mù hư ảo mỗi sáng buông màn tơ khói lướt thướt triền dốc, những hàng thông đưa hương ngan ngát, không khí núi đồi dịu dịu lâng lâng và vẻ đẹp vô ngần của tia nắng sớm mai soi mặt hồ lóng lánh:

- Ngày nào em cũng cùng với các bạn lang thang trong rừng quanh hồ, đọc thật lớn những câu thơ tuyệt vời. Lamartine... Apollinaire... Chateaubriand... Chúng em hái lan rừng và hát - sáng nào cũng hát bài *Les feuilles sont mortes* - Những chiếc lá chết - trong không khí tĩnh mịch bên hồ, và tiếng chúng em hát có thể lan theo mặt nước qua tới bờ bên kia hồ. Joseph ạ, lúc ấy dễ thương quá, lãng mạn quá.

Mắt nàng long lanh niềm sáng khoái khi nhớ lại:

- Thuở đó, em cứ tin trọn đời mình lúc nào cũng đầy hoa với mộng.

Joseph cảm động thắm thía bởi vẻ đẹp mộc mạc trong những lời

được nàng nói lên một cách hồn nhiên, không vương chút dấu vết u buồn. Nghe Lan tâm sự, anh bỗng cảm thấy mình cùng nàng đang đứng trên con đường dẫn vào cảnh giới nào đó mới mẻ, đầy cảm thông và rất gần gũi. Nhưng chỉ chút sau, nàng lại rơi lệ làng vào cõi im lặng không cất nghĩa nổi.

Thái độ của Lan bí ẩn và bất định y như lúc Tâm đưa Joseph tới gặp nàng vào hôm Hawke chết. Khi anh bước vào ngôi nhà Lan chung sống với Paul kể từ ngày hai người thành hôn, trông nàng có vẻ khắc khoải và bối rối. Nàng kể với Joseph rằng đứa con trai của nàng đã theo ông bà ngoại về một trang trại ở vùng quê yên ổn. Tâm bị mấy người Pháp say rượu đả thương trong những giờ hoang loạn ngay sau cú đảo chánh. Cay cú và thù hận, Tâm dao động lập trường và bị lôi kéo vào một phong trào “kháng chiến quốc gia” không cộng sản như hầu hết những người Việt Nam ôn hòa thân Pháp thời đó.

Lan thú thật nàng cảm thấy sợ. Với tình hình chiến trận và cướp phá ngày càng tồi tệ, việc Paul bị thương nặng phải nằm viện dài ngày, người thân yêu đua nhau tản cư, có vẻ như chung quanh nàng, toàn bộ thế giới đang sụp đổ, không còn ngõ ngách an toàn nào cho nàng ẩn tránh. Thêm nữa, nàng cảm thấy bế tắc trước sự dằn vặt của lương tâm. Để hoàn toàn đoạn tuyệt với Joseph, nàng buộc lòng phải làm một việc nàng không có quyền làm, đó là giầu anh tung tích của Tuyết. Nhưng Tuyết đâu chỉ là con gái của riêng nàng. Joseph có quyền biết, nếu anh đòi được biết, tên ngôi làng con gái anh được gởi ra nuôi dưỡng ở đó. Lan hiện lâm vào hoàn cảnh không thể chăm sóc Tuyết đầy đủ như trước trong khi Joseph có triển vọng làm một người cha tốt.

Chỉ một thoáng, Joseph quyết định ngay. Anh cầm tay Lan và nói: - Chúng ta sẽ cùng nhau đi tìm Tuyết. Em phải chỉ cho anh nơi con mình đang ở. Anh sẽ săn sóc và bảo vệ mẹ con em!

Lan ngần ngại, không đồng ý ngay, nhưng Joseph thuyết phục nàng hãy chờ cho tới khi anh quay lại sáng sớm hôm sau. Rồi anh hứa sẽ đem nàng tới bất cứ nơi nào nàng quyết định đi.

Tại bộ chỉ huy OSS, Joseph âm thầm chất các can xăng lên xe díp, tôi đã hết sức chở của nó, và tống vào xe bốn thùng suất ăn hành

quân. Chấp nhận cái hành động có nguy cơ về sau sẽ bị kết tội đào ngũ, anh quay lại nhà nàg vào rạng sáng ngày lý ra anh bị trục xuất về Calcutta.

Rồi Joseph khoan khoái thấy Lan tỏ ý thuận đi với anh, tuy nàng không nói thành lời. Các sự vụ lệnh giả do anh tự cấp cho mình - với sự giúp đỡ của một nhân viên đánh máy OSS - ghi rằng anh đi thanh tra tài sản của các nhà truyền giáo người Mỹ tại Đà Lạt và Huế, có vẻ thuyết phục nổi các toán tuần tiễu của Anh và Việt Minh mấy lần chặn anh lại trên đường quốc lộ bên ngoài Sài Gòn. Và anh mang Lan đi qua xuôi thuận trong chiếc áo chùng thâm như một nữ tu Công giáo đang trên đường trở về khu vực truyền giáo của nhà dòng.

Trong khi ngồi sau tay lái xe díp ra khỏi Sài Gòn, Joseph nhớ lại lời tán gẫu anh nghe được tối qua tại trụ sở OSS rằng song song với cuộc kháng chiến chống lại quân Anh, Việt Minh cũng đang lùng và diệt không chùn tay các đối thủ của nó mà nó gọi là “Việt gian”. Tuy có để ý xem bên ngoài Sài Gòn dân quê theo làn sóng cách mạng khủng bố có đang giết các địa chủ giàu có và các hương chức tham ô không, nhưng khi Joseph lái xe qua phần đất Nam kỳ còn lại, anh thấy cảnh sắc bên ngoài hình như chỉ thay đổi đôi chút so với những lần anh ghé lại trước đây. Mãi tới sau ngày kết thúc chuyến đi phương bắc này, ngồi yên ổn đọc lại báo chí, Joseph mới biết được kích thước rộng lớn và mức độ man rợ của cuộc tàn sát ghê gớm ấy.

Từ lúc rút khỏi Sài Gòn vào cuối tháng Chín để bắt đầu cuộc kháng chiến, Việt Minh đã sát hại các đối thủ chính trị của nó và những trí thức Sài Gòn và các tỉnh không đứng chung hàng ngũ với nó, bị nó tìm thấy và bắt được. Đối tượng là nhân sĩ trí thức, đảng viên các đảng phái dân tộc, lãnh tụ hay chức sắc của giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo, đặc biệt các đảng viên cộng sản Quốc tế Đệ tứ trong đó gồm hầu hết các tay bút của báo La Lutte. Và thậm chí người đã hợp thức hóa Việt Minh như Nguyễn Văn Sâm hoặc mời Việt Minh hợp tác như Hồ Văn Ngà. Họ bị hạ sát bằng đủ mọi hình thức: đâm chém, bắn chết, thắt cổ, chôn sống,

đập đầu, v.v. Số lượng người bị Việt Minh sát hại theo Trần Văn Giàu khi y chạy lánh nạn sang Bangkok vào năm 1946 thì trong khoảng thời gian ấy, đặc biệt tại Sài Gòn, là khoảng 2.500 người. Hậu quả trước mắt là nhờ thế, Việt Minh trở nên độc quyền trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Hậu quả lâu dài là về sau, Sài Gòn và Nam bộ bị khô cạn sinh lực trí thức và tiềm năng lãnh đạo.

Lúc này, mặt trời nhiệt đới toả ánh nắng chói lọi, đồng ruộng mạn nam Trung Kỳ phơn phớt xanh với mạ đang mơn mớn và đường sá tấp nập dân quê đi từng hàng, thông dong và quen thuộc, gánh vác thực phẩm hoặc gia súc tới các chợ nhà quê đông đúc.

Dù đường rầy xe lửa nằm song song với quốc lộ vẫn còn nguyên nhiều chỗ tả tơi manh mún vì bom của Đồng Minh nhưng những chiếc phà cổ lỗ nổi liền con đường thiên lý chở khách qua sông qua lạch vẫn hoạt động đều đặn. Chủ phà đưa xe díp lên phà không một lời thắc mắc. Người chống phà ẩn mình đâu đó, như có mặt sẵn ở đó từ bao thế kỷ nay, vẫn nghe ra tiếng người gọi phà bằng chiếc tù và sừng trâu mắc vào thân cây hoặc treo lơ lửng trên một cành cây bên bờ.

Nhưng dần dà, xe càng chạy ra phương bắc, khí hậu càng tối tệ.

Tới rạng sáng ngày thứ ba, khi cả hai tiếp tục men theo bờ biển, đi tới và qua khỏi Huế, xe của họ đi vào vòng đai mưa lạnh cực bắc.

Lính Trung Hoa ở trạm gác vĩ tuyến mười sáu tỏ ra lễ độ và tôn trọng lá cờ Mỹ nhỏ xíu bay phất phơ đầu mũi xe díp. Họ không tỏ vẻ tò mò khi Joseph chỉ mở miệng nói rằng anh đang cùng vợ đi ra bắc, tới Hà Nội, để trở về đơn vị cũ dưới quyền tư lệnh của tướng Wedemeyer.

Khi xe chạy vào tỉnh Quảng Trị, nơi dãy Trường Sơn cao sừng sững chỉ vươn mình thêm vài cây số là ra tới biển, họ bắt đầu để ý tới những biểu lộ đầu tiên của nạn đói. Nương rẫy bên triền núi bỏ hoang, nằm trơ trụi. Qua vài người dân quê luống tuổi còn ở lại, Joseph và Lan biết ra rằng dân chúng đã tìm đường về phương nam. Dấu hiệu hoang tàn càng tăng thêm khi họ tiếp tục ra bắc, cho tới cuối cùng, quang cảnh thôn dã êm đềm biến thành một vùng đất thê lương hiu quạnh.

Tối đêm thứ ba, trong bóng tối đặc quánh, đưa mắt nhìn qua kính chắn gió đầm đìa nước mưa, lòng Joseph rung động. Suốt quãng đường dài hơn mười cây số không tìm thấy dấu hiệu có quán trọ nào. Anh cảm thấy lạnh xương sống khi nghĩ tới việc phải ngủ lại tại một ngôi nhà đồ nát nào đó trong những làng mạc đầy tử khí này.

Cách phía nam thị trấn Rào Nậy vài cây số, xe lăn bánh xuống đồi, tới một bên phà bên bờ sông Gianh. Ánh đèn pha xe díp chiếu loang loáng mặt nước của một con sông mênh mông đang nổi bong bóng trong cơn mưa ào ạt. Bước xuống xe, Joseph thấy bờ sông vắng vẻ và phà đã hết giờ hoạt động. Rõ ràng cả hai phải kẹt lại đây cho tới sáng hôm sau. Có vẻ anh và Lan chỉ còn một chọn lựa duy nhất là phải qua đêm trong lòng xe díp chật hẹp và bất tiện. Nhưng rồi Joseph để ý thấy có vệt bóng mờ mờ của một ngôi nhà khá lớn trông giống kiểu nhà trệt châu Âu, có lẽ từng là một quán trọ khiêm tốn dành cho khách du lịch. Tường tróc sơn. Cửa sổ và cửa ra vào gài then bên trong. Chủ nhân người Pháp rõ ràng đã tản cư từ lâu. Sau khi rọi đèn pin xem xét, Joseph dùng cái nạy bánh xe díp cạy cửa sổ, leo vào nhà.

Bên trong trống trải và bốc mùi ẩm mốc vì đã lâu không người ở. Joseph may mắn tìm thấy một ít củi. Anh nhóm lửa nơi lò sưởi bằng đá trong nhà bếp kín mít còn phảng phất mùi rượu vang, mùi pho mát lâu ngày, quện với mùi rác. Rồi anh ra xe dìu Lan đang run lẩy bẩy vào và dịu dàng đặt nàng ngồi xuống chiếc ghế cạnh đồng lửa.

Joseph lại trở ra xe, mang vào ngọn đèn dầu, bếp cồn nhỏ, rồi đặt bếp trước lò sưởi, anh đun sôi một ít nước. Anh tìm được trong tủ ly tách một nửa chai napoléon còn sót lại. Dùng ca nhà binh, anh hoà một lượng rượu nhỏ vào nước sôi và đưa cho Lan. Trong khi nàng nâng chiếc ca bốc khói lên nhấp vài ngụm, anh bày hai suất lương khô ra, trên một tấm ván bên đồng lửa - vài khúc xúc xích nhỏ, ít trái cây, mấy miếng pho mát. Nhưng khi anh thúc giục Lan ăn, nàng lắc đầu, quay mặt nhìn ngọn lửa.

Trong gần một giờ, cả hai ngồi lặng im bên đồng lửa bập bùng trong nhà bếp bụi bặm. Những kinh hoàng hôm đó hình như làm

lìm chết giác quan, khiến họ không mở nổi miệng. Dù cái lạnh đang ấm lên, cái ướt át chậm chậm khô dần, sự tê điếng hãi hùng từ quang cảnh thê lương mấy ngày vừa qua họ chứng kiến tận mắt dường như lúc này làm thành một quyết định thúc đẩy số phận của họ phải mãi mãi ở bên nhau.

Không ai biết mình tới khoảnh khắc đó như thế nào khi cả Joseph lẫn Lan bỗng níu lấy nhau bằng đôi tay bần loạn của người đang bơi và sắp chết đuối. Cả hai mù lòa ôm chặt nhau. Chỉ biết rằng kẻ kia làm cho mình cảm thấy yên tâm rằng mình còn sống, còn nguyên vẹn. Và hai cơ thể run rẩy thành một với nỗi sợ hãi vô vọng rằng mình đã nhiều lần cận kề cái chết ở mức độ phi lý nhất và kỳ quặc nhất. Cả hai thu mình lại trước các hình ảnh không chịu đựng nổi được tạo thành bởi những xác chết nhào nhoẹt tả tơi. Và vì chẳng thể nào nuốt nổi chút lương thực nhỏ nhoi đang bày trước mặt, cả hai chỉ còn biết đem mình ra nuôi dưỡng nhau, người này bằng sự gần gũi của người kia.

Nỗi kinh khiếp khi nhìn những cái chết trần truồng lan chậm chậm khắp vùng đồng quê lạnh giá và ngập nước cũng làm những giọt nước mắt đông cứng lại bên trong mình khiến cả hai không khóc nổi. Sự kết liên điên cuồng của hai cơ thể cuối cùng thành một con bay bổng, thoát lên khỏi những ưu phiền và thống khổ tuy không diễn tả nổi thành lời nhưng dường như đủ sâu thẳm để hủy diệt Joseph và Lan nếu mỗi người ngồi tách rời nhau, trầm ngâm nghĩ ngợi về thảm kịch hãi hùng đang diễn ra bốn bề chung quanh trong đó đang lạc loài đứa con gái của tình họ yêu nhau.

Sau đó, cả Joseph lẫn Lan ngủ thật say trong vòng tay nhau, quần mình trong chăn trên sàn ngôi nhà hoang. Suất lương khô đạm bạc chưa ai ăn vẫn còn bày trên tấm ván trước than hồng và lửa đỏ. Họ không chạm tay vào nó cho tới khi trong ánh bình minh chói lòa, cả hai không ai nói với ai lời nào, cùng thức dậy để tiếp tục cuộc tìm kiếm nhói buốt của mình. Rồi Joseph và Lan ăn một cách máy móc, không mùi không vị, trước khi lật đật bước ra ngoài để thêm lần nữa đi vào màn mưa lạnh cóng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP II - Phần Thứ Tư - Chiến Tranh và Nạn Đói - 1941-1945

- 21 -

Hôm sau, khi trời chưa hửng sáng được bao lâu, Joseph và Lan tìm được làng bên ngoài của nàng ở ven biển. Cũng như hầu hết vùng nông thôn ở mạn bắc, bao quanh làng là một lũy tre dày đặc được trồng từ hàng trăm năm trước để bảo vệ an ninh và chặn đứng những đe dọa kinh niên của các toán giặc cướp lưu động và các dòng tộc thù nghịch nhau.

Dọc bờ biển ven làng mọc đầy những rừng dừa lả ngọn và những hàng cau quanh thân quấn quít dây trầu. Trước khi cả hai tới nơi, Lan có kể với Joseph rằng quê nàng là một làng trù phú trong vùng với những ngôi nhà ba gian thoáng mát được cất lên gần các ao sen xinh xắn, và vườn tược quanh nhà mọc đầy ổi và vả. Lúc còn nhỏ, trong những lần về quê, Lan thường chơi trò trốn tìm loanh quanh những con đường làng lóm đóm vệt nắng, chạy ngoằn ngoèo qua những lùm tre rậm rạp, trong tiếng gió thổi rì rào.

Thế nhưng sau cùng, khi quang cảnh làng ấy hiện lên trong tầm mắt, họ thấy nó chỉ có vẻ hơi giống với những điều Lan vừa tả. Gió lạnh buốt từ biển thốc lên và mưa từng cơn xối xả làm mịt mờ các đỉnh núi sừng sững ở hướng tây. Trên cánh đồng ban mai và trên con đường quê dẫn vào làng, cả hai không bắt gặp bóng dáng con người. Càng tới gần làng càng thấy không khí im lìm quanh quẩn. Chỉ có tiếng mưa rơi ào ạt trên quang cảnh điêu hiu kỳ dị. Chưa bước qua lũy tre dày đặc và ướm sừng, Joseph đã biết trước những gì mình sẽ chứng kiến.

Trong ao sen chính giữa làng, thi thể trương sinh của một người đàn ông thè lưỡi, nửa thân mình trôi lên mặt nước. Bộ mặt không sắc máu của anh ta trương phồng nứt nẻ, chung một màu với bùn sinh xám xịt. Khi cả hai đi ngang, Lan khóc tím tím. Một nửa số nhà tranh trong làng trơ cột kèo và rui mè gỗ đã cháy thành than và vô chủ. Một nửa số nhà còn lại chỉ là những đống tro sên sệt.

Ngôi nhà chủ tịch hội đồng hương chính, thường gọi là lý trưởng, một chức vụ từng có thời được ông ngoại của Lan đảm trách, nay khoá kín cửa và trống trơn.

Không mở nổi miệng, Lan chỉ đưa tay run rẩy chỉ tới một trong mấy ngôi nhà tranh cột còn đứng khá vững, cách bờ ao không xa. Một phần của ngôi nhà đã cháy xém nhưng gian cuối còn nguyên. Joseph ra hiệu bảo Lan đứng yên tại chỗ trong khi anh bước tới hiên nhà để nhìn vào bên trong. Vừa lê chân qua lớp bùn non dưới lùm cây héo úa anh vừa cảm thấy tim mình chao đảo trong lồng ngực. Mùi thịt thối rửa xông lên tởm lợm, nồng nặc trong không khí, và Joseph biết chắc chắn mình sẽ thấy chẳng người nào sống sót.

Tuy ánh sáng mờ xám xuyên qua màn mưa như trút nước không xua nổi bóng tối trong nhà nhưng khi ghé mắt nhìn qua cửa trước, Joseph vẫn bắt gặp một khuôn mặt phẳng phất vài nét quen thuộc - bộ mặt của chị giúp việc người An Nam anh từng thấy lần cuối tại Sài Gòn lúc chị mở cánh cổng trắng rằm sơn son cho anh vào và sau đó đưa anh đi ra. Chị nằm ngửa trên cái võng mắc giữa hai cột nhà. Chiếc đầu không còn sự sống của chị cao ngang tầm mắt của Joseph. Hai môi chị sấn lại trông thật gớm ghiếc, để lộ hai hàm răng nhe ra như thể đang thét không thành tiếng.

Vừa đặt chân vào nhà, Joseph bỗng nghe có tiếng động đậy riu rít rồi loạn. Anh không thấy, chỉ nghe có tiếng lũ chuột nhai ngấu nghiến rồi đua nhau nhảy tòm xuống nền nhà và lon ton chạy vào bóng tối. Sau cùng, khi Joseph bấm đèn pin và đưa lên soi quanh gian nhà, anh nổi cơn nôn oẹ. Dọc bức vách gần đó, một người đàn ông trạc tuổi chị, có lẽ chồng chị, nằm chết trên bộ ván trải rơm và không khác gì vợ, thi thể anh bị chuột gặm khoét tới hải hùng.

Joseph loạng choạng bước ra ngoài và kiệt sức, dựa lưng vào một thân cây khô. Đứng đầu trần, anh ngược mặt lên để những giọt mưa lạnh rơi đầm đìa hai má cho tới khi không còn cảm giác buồn mửa. Khi Joseph quay về bên Lan, nàng đưa mắt khốn khổ dò xét vẻ mặt anh trong một chốc rồi nàng tuyệt vọng cắn môi và quay mặt đi, không nói.

Một hai phút sau, có hình dáng lỏng lẻo của một ông lão Việt

Nam lưng còng râu thưa, tay cầm chiếc dù bằng vải dầu, chân đi bước cao bước thấp, từ chốn mù sương nhô ra và tới gần hai người. Chiếc áo dài sờn mòn và bèo nhèo cho thấy có vẻ ông là lý trưởng nhưng bên dưới vành khăn đóng của người chức việc, bộ mặt của ông choắt cheo vì đói.

Ông cúi đầu trình trọng chào Lan rồi nói:

- Gia đình mà cô tìm đó chết hết cả nhà rồi, không khác chi dân làng Bến Thượng đây. Trong lịch sử của làng chúng tôi cũng như của xứ này, xưa nay chưa từng có người nào biết tới cái thảm họa hãi hùng như thế này.

Ông nói bằng tiếng Pháp nhưng giọng ông như hụt hơi gió, đọng lại trong cổ họng. Trong khi nói, ông cúi đầu cố che giấu sự hổ thẹn về những gì mình phải nói:

- Nhiều người lũ lượt kéo nhau sơ tán về vùng quê này để tránh bom đạn. Chúng tôi đã phân phối hết sức dè sẻn lương thực tích trữ trong làng. Tới khi hết gạo, người ta ăn cám, ăn hạt tre. Chúng tôi phát hạt giống và cây giống ngũ cốc cho người ta trồng. Người ta nuốt hạt và chỉ trồng cuống trồng cọng. Rồi bẻ cọng ăn luôn.

Người ta ăn dây khoai lá khoai, ăn luôn cả lúa giống dành cho năm tới. Người ta ăn rau má mọc ngoài đồng, ngoài sinh - còn ăn tới cả cọng môn củ chuối. Khi mọi thứ hết sạch sành sanh, người ta đi mua bánh làm bằng đất sét ở ngoài chợ, dòn vô đầy bụng cho ruột gan bớt cồn cào.

Ông lão ngừng nói, che miệng thở gấp như lên cơn suyễn. Chân đứng không vững, ông tì người lên đầu chiếc gậy trúc được ông búi chặt bằng bàn tay năm ngón trơ xương như năm cái vuốt. Ông nói với Lan theo kiểu như thể ông có biết nàng dù ông không công khai thừa nhận. Khi ông ngẩng lên ngó Joseph, người Mỹ thấy hai hốc mắt kèm nhèm của ông long lanh nước mắt:

- Monsieur ạ, đang có vô vàn khổ đau và rất vô ích. Có những người cha người mẹ phải quyết định hoặc chính mình nhìn đói cho con cái sống sót - hoặc giữ đưng cho con cái thấy trong nhà có đồ ăn và đành lòng nhìn lũ con thơ đại chết ngay trước mắt mình. Một số trói con cháu vô cột nhà để giữ cho chúng đưng ăn cắp những thứ còn ăn được ở trong nhà.

Nói tới đó ông nhún vai tuyệt vọng:

- Những người đó mong cho mình sống đủ lâu để lại bắt đầu một gia đình mới... Cuối cùng cũng chẳng ai còn sống. Hôm nay, tôi là người duy nhất trong làng này còn sống và rồi chỉ mai một thôi, tôi sẽ chết.

Lan thêm lần nữa chỉ tới ngôi nhà gần bờ ao:

- Thưa ông, mấy đứa con của Nguyễn thị Thao chết hết rồi phải không?

Ông lão lò quờ xoay người ngo ngoi nhà rồi nói với giọng thật thấp, không nhìn lui:

- Ba đứa con chết hai tuần trước. Tuần vừa rồi chết cả cha lẫn mẹ. Cả nhà đó là những người chết sau cùng ở trong làng. Người chồng rất cuộc chịu không thấu, nổi điên, cào lũng cả hai con mất. Không còn ai sống để chôn cất họ.

Lan chóng mặt lão đảo. Joseph lệ làng choàng tay đỡ vai nàng. Khi tỉnh người, Lan thì thầm:

- *Nhưng mà họ có tới bốn đứa con!*

Ông lão chậm chậm gật đầu:

- Đứa thứ tư, đứa con gái da trắng như tây, sáu tháng trước đây họ gởi nó tới làng của chị cô Thao - ở Đồng Sanh, nơi phía nam, cách làng này sáu cây số. Họ cho là hoàn cảnh ở chỗ đó khá hơn ở đây.

Joseph khắc khoải hỏi:

- Người ta ở chỗ đó ra sao? Ở chỗ đó người ta có còn sống không?

Ông lão không trả lời ngay. Ông nhắm mắt lại hồi lâu như thể gom hết hơi sức cạn kiệt:

- Người ta chết khắp nơi. Chẳng ai muốn biết, cũng chẳng ai thèm để ý tới làng bên cạnh đang xảy ra chuyện gì.

Joseph tặng ông lão lương khô anh mang theo trong xe díp nhưng ông không chịu lấy thứ gì của họ. Khi cả hai đi ra khỏi làng, ông lão vẫn đứng dưới trời mưa ngay tại chỗ ông vừa trò chuyện với Joseph và Lan. Trước khi họ khuất tầm mắt, ông đưa dù lên vẫy một lần, như một lời chào vĩnh biệt thống thiết.

Phải mất một tiếng đồng hồ sau Joseph và Lan mới tới được Đồng Sanh vì đường quê ngập nước và quá xấu. Suốt chuyến đi, không

ai nói với ai lời nào. Giữa quang cảnh quanh hiu và hải hùng này mà còn biểu lộ chút hi vọng nào đó thì có vẻ như chộc cho nanh vuốt của số phận thêm sắc bén. Nhưng lúc tới nơi, cả hai cảm thấy lòng dịu lại vì dân làng này vẫn đang vật lộn để sống còn.

Khi họ vừa đặt chân vào làng, mưa ngừng rơi. Từ suốt mấy ngày nay lần đầu tiên trời thôi mưa. Những đám đông người Việt Nam nhỏ thó, rách rưới, chân cẳng khẳng khiu, bước ra khỏi nhà, xúm xít quanh cái chợ họp tạm, nơi có mấy người bán đồ ăn đang bày những chiếc đĩa trệt đựng cháo gạo nấu loãng. Những kẻ không tiền bu quanh đưa mắt thèm thuồng ngó trong khi những kẻ khác phải trả mấy đồng xu để được trút thứ nước hồ lỏng bỏng đang bốc khói đỏ vô cổ họng mình.

Từng đám con nít ăn xin, mình quăn chiếu hoặc mấy bó cỏ tranh khô buộc bằng dây chuối, lang thang lơ dờ giữa chỗ chẳng mấy người mua và quá nhiều kẻ bán các bàn thờ tổ tiên, cột nhà cháy hết một nửa và luôn cả cái áo tả tơi đang mặc trên người để lấy tiền mua chút gì ăn được.

Thỉnh thoảng Joseph và Lan thấy bên lề đường một hình nhân bất động cuộn trong chiếu, đang hấp hối hay đã chết. Thân xác nào người ta thấy rõ không còn sinh khí thì được đắp vội bằng tàu lá chuối theo lệnh của một tuần phu đang chống gậy tre lộp cộp lão đảo đi tới đi lui giữa đám đông.

Cả hai nhanh chóng tìm ra ngôi nhà xơ xác nơi người chị của Nguyễn thị Thao sinh sống nhưng lúc này nó đã trở thành nhà hoang. Một bà lão hàng xóm yếu ớt, gượng ngóc đầu lên trên tấm phản để nói cho Lan biết cả cha lẫn mẹ của gia đình ấy đã chết mười ngày trước. Bà lão gần như nói chẳng ra hơi nhưng khi Joseph thúc giục Lan gắng hỏi nữa, bà mới thều thào nói thêm rằng có thể mấy đứa trẻ con nhà đó còn sống. Bà nói, có thể chúng đang lang thang bụi đời đâu đó ở trong làng với lũ trẻ bị nạn đói làm cho mồ côi.

Joseph và Lan quày quả trở lại khu chợ. Ở đó, từng đoàn trẻ con đói ăn mắt mũi kèm nhèm vẫn đứng như bù nhìn giữ ruộng, giữa nơi ngồn ngang các đồ thờ tự sơn son thiếp vàng và vật dụng linh tinh, bày biện trên những manh chiếu ướt sũng. Mỗi lần cả hai tới

gần một bé gái, Joseph nhìn chăm chú vẻ mặt Lan, với tiếng tim đập thình thịch trong lồng ngực mình. Nhưng lần nào anh thấy đầu nàng cũng lắc. Một giờ sau, tim nhức buốt hết chịu đựng nổi, họ đành quay trở ra xe díp.

Khi cả hai sắp sửa bỏ cuôác và chuẩn bị cho xe chạy thẳng, chính Joseph là người để ý thấy có một hình dáng nhỏ nhoi đang quì một mình nơi tầng cấp dưới bên ao làng đầy bùn. Lòng không dám trông mong, anh chạm nhẹ cánh tay Lan. Cả hai thêm lần nữa xuống xe, thỉnh lạng đi ngược trở lại bờ ao.

Nhìn từ xa, mái tóc con bé bết bùn đặc, rối từng lọn cuốn vào nhau và rủ xuống vai. Nó gầy còm, trơ xương tới độ chẳng thể nào gầy hơn. Y phục độc nhất trên người là manh chiếu rách, ngang hông buộc một sợi dây lưng kết bằng cọng lá chuối. Con bé ngồi đầu rụt trong hai vai. Tới gần hơn, Joseph và Lan thấy nó đang lơ lơ nhìn mặt nước ao sền sệt.

Cách con bé vài bước, Lan dừng lại, ngó chăm chăm nhưng khi ngược mắt lên nhìn Joseph lần nữa, nàng cắn môi, và anh thấy khoảng thời gian năm năm xa cách cùng những tàn phá của nạn đói đã làm nàng trở nên bất định. Con bé quay đầu lại. Joseph bất giác bước tới phía nó rồi khụy chân quì xuống. Anh gọi bằng tiếng Việt, giọng rất nhẹ:

- *Tuyết, Tuyết...con đừng sợ!*

Nghe tiếng gọi tên đó, hình dáng nhỏ nhoi thảm hại ấy căng ra. Và đúng khoảnh khắc con bé quay người về phía Joseph, anh biết rằng cuối cùng, cuộc tìm kiếm của họ đã hoàn tất.

Dù thân thể còm cõi với hai con mắt rất to và bùng sốt rùng rục trên bộ mặt hốc hác, Joseph thấy vẻ mặt của nó rõ ràng có thừa hưởng nhan sắc của Lan. Quì gần bên nó, anh có thể thấy dưới lớp bùn bụi cáu ghét, da con bé nhợt nhạt hơn những đứa trẻ khác và độ nghiêng của mắt chỉ hơi xéch chứng tỏ cho thấy nó là một hòa trộn của dòng máu anh và dòng máu Lan. Đột nhiên hai bên thái dương của Joseph đập rộn ràng khi cơn khắc khoải dịu xuống. Anh dang hai tay trong một giáng điệu khản nài.

Con bé, rõ ràng hoảng hồn khi thấy bộ mặt trắng phau của người Mỹ, thụt lùi và gần như tuột khỏi bên nước, sắp ngã xuống ao.

Nhưng Joseph chếp miệng trần an thật dịu dàng. Châm chậm và kiên nhẫn, anh vươn người tới. Con bé mắc kẹt vì lưng sát mặt nước và nó quá yếu, không đủ sức chống chọi thêm nữa. Nó cúi đầu, để mặc Joseph đưa hai tay kéo lên. Bên trong manh chiếu, tấm thân gầy như que diêm của nó lay bầy lạnh run, và trong bàn tay to lớn của anh, nó hình như không có chút sức nặng nào.

Joseph điên cuồng gục mặt áp sát vào vai vào cổ của con gái. Hơi đất từ manh chiếu thổi rửa cùng với mùi vị ngòn ngọt tởm lợm của nạn đói thấm đẫm làng mạc miền đất xứ này nhận chìm giác quan của anh. Rồi sau cùng, khi anh đưa thẳng hai cánh tay nhấc bổng con bé lên ngang mặt mình, đôi mắt to thao láo và bùng bùng sốt của nó ngây ngô ngó lại anh. Nó cũng nhìn chăm chặp với, vẻ chẳng thể nào hiểu nổi, những giọt nước mắt, không chút ngưng ngừng, bắt đầu chảy đầm đìa xuống má Joseph.

- HẾT TẬP II -

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

TẬP III - Phần V - 1 -

Tới lúc người Anh chuyển giao trách nhiệm tại mạn nam Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở xuống cho Pháp vào đầu năm 1946, đã có hơn hai ngàn người Việt bị giết bởi binh lính thuộc các lực lượng Anh, Nhật và Pháp. Tại mạn bắc vào tháng Ba, rút cuộc lực lượng chiếm đóng của Trung Hoa cũng rút quân theo một hiệp ước với Pháp, trong đó qui định một số lượng giới hạn quân Pháp được để cho vào miền bắc, đổi lại Pháp từ bỏ các nhượng địa ở Trung Hoa (có Quảng Châu Loan) và bán lại cho họ tuyến đường sắt Vân Nam.

Trong khi đó tại Hà Nội, sau khi cướp được chính quyền, bước kế tiếp của Hồ Chí Minh là củng cố và độc chiếm quyền lực. Ông mua chuộc các tướng lãnh Trung Hoa Quốc Dân Đảng ở Hà Nội để được họ để yên. Ngày 11.11.1945, nhằm đổi vỏ bọc để chiêu dụ quần chúng, đảng Cộng Sản Đông Dương tuyên bố tự giải tán. Thực tế, họ chỉ tạm thời rút vào bí mật với danh nghĩa Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Các Mác do Trường Chinh làm chủ tịch và chuyển đảng viên sang sinh hoạt trong bộ khung của Đảng Dân Chủ. Hồ Chí Minh lập Mặt Trận Liên Việt để làm ngoại vi của Việt Minh, qui tụ và lung đoạn các tổ chức tôn giáo và quần chúng khác. Nó là tiền thân của Mặt Trận Tổ Quốc sau này. Sáu năm sau, ngày 19.2.1951, đảng CSDD lại ra công khai với tên đảng Lao Động do Stalin đặt. Và sau khi hoàn tất cuộc xâm chiếm miền nam, tháng 12.1976, đảng hoàn nguyên hình với tên Đảng Cộng sản Việt Nam. Tháng 1.1946 HCM cho tổ chức phổ thông bầu phiếu bầu Quốc Hội của VN Dân Chủ Cộng Hoà để chính thức công nhận chính phủ của ông và thông qua Hiến Pháp. Ngày 6 tháng 3, ông tự động ký Hiệp ước Sơ bộ với Sainteny, đại diện của Pháp tại Hà Nội, trong đó ông ngênh đón sự trở lại của Pháp, bù lại, Paris công nhận VNDCCH là một nước trong khối Liên Hiệp Pháp. Kết quả,

mười hai ngày sau, 1000 quân Pháp cùng 200 xe vào Hà Nội, và tại Nam Việt, Pháp cho thành lập "Cộng Hòa Tự trị Nam kỳ". Rảnh tay với Pháp, HCM quay qua đối phó với ""Việt Gian"", kẻ thù chính của ông. Các đảng viên cộng sản không chế chính phủ Việt Minh ra tay khủng bố và tiêu diệt kẻ nào không theo đường lối của cộng sản. Đối với các đảng phái vừa cùng Hoa quân nhập Việt, Võ Nguyên Giáp, chỉ huy trưởng công an và quân đội, theo nhíp quân Tàu rút lui, tung quân nổi gót chiếm lại tất cả các tỉnh lỵ và làng mạc nằm trong tay Việt Quốc (VNQDD) và Việt Cách (VN Cách Mệnh Đồng Minh Hội), sau những trận đánh nhau ác liệt. Tại Hà Nội, thực hiện lời tuyên bố của HCM lúc đó đang ở Paris: "Kẻ nào không đi theo đường lối tôi vạch ra, sẽ bị tiêu diệt", Việt Minh nguy tạo vụ Ôn Như Hầu để triệt tận gốc Việt Quốc và từ đó hạ sát địch thủ của mình càng nhiều càng tốt, đặc biệt các thành viên của Đại Việt QDD, ĐV Duy Dân, ĐV Dân Chính, Tân Tả Phái, Cao Đài, Hòa Hảo, v.v. khắp bắc bộ, nam bộ và trung bộ, bằng lối quen thuộc của họ như bắn, chém, ám sát, thắt cổ, chôn sống, cho vào bao vào rọ thả xuống sông hồ, v.v. Khoảng 900 trong số 1000 người tốt nghiệp trường võ bị Hoàng Phố và Liễu Châu bị giết. Trại giam Trung ương Đám Đùn không đủ chỗ chứa. Những lãnh tụ quốc gia sống sót và một số đảng viên nòng cốt phải rút sang Trung Hoa. Trong hàng ngàn người bị thủ tiêu, có những lãnh tụ có uy tín, được quần chúng hậu thuẫn như nhóm Tân Tả Phái của Tạ Thu Thâu, Phan Văn Hùm, Trần Văn Thạch, các nhóm Lập Hiến của Phạm Quỳnh, Ngô Đình Khôi, Bùi Quang Chiêu, Dương Văn Giáo, lãnh đạo tôn giáo như Huỳnh Phú Sổ, lãnh tụ các đảng phái quốc gia như Trương Tử Anh, Lý Đông A, Nhưộng Tống, Khái Hưng, Nguyễn Văn Sâm, Hồ Văn Ngà, v.v., và cả chục ngàn tín đồ Cao Đài.

Như thế, trong năm cầm quyền đầu tiên và bằng đủ mọi cách, HCM đã lập được nền tảng vững chắc cho chế độ độc đảng và kích động lòng yêu nước của thanh niên; lập những đoàn quân "nam tiến" tham gia cuộc kháng Pháp ở nam bộ. Nạn đói ở Bắc Việt và nạn bắc Trung Việt được khắc phục nhờ dân chúng tăng gia sản xuất và được mùa trong khung cảnh hòa bình sau Thế

Chiến.

Kể đó, những cuộc điều đình kéo dài cho tới mùa thu giữa HCM với giới lãnh đạo Pháp tại Paris mà lập trường ngoan cố của Pháp là không chịu trao trả hoàn toàn độc lập cho Việt Nam. Và rõ ràng đôi bên đều đang chuẩn bị một cuộc xung đột công khai. Tuy vậy, trong tình hình chính trị thế giới bấy giờ, Việt Nam vẫn là một vùng nước đọng không được để ý tới, và trong thời gian này, trước thế đứng dạng hai chân của Hồng Quân Sô Viết tại Trung Á và Đông Á, tổng thống Harry Truman lèo lái Hoa Kỳ kiên quyết hậu thuẫn Pháp vì tầm quan trọng của Pháp tại châu Âu, đấu trường chủ yếu trong cuộc Chiến Tranh Lạnh.

Hồ Chí Minh nhiều lần viết thư gửi Truman nhằm mưu tìm sự ủng hộ của Hoa Kỳ nhưng không thư nào được phúc đáp. Thực tế, Bộ Ngoại Giao Mỹ lúc nào cũng ủng hộ Pháp và không để mắt tới quan hệ giữa OSS và Việt Minh. Cuối cùng, Washington chính thức tuyên bố Mỹ có ý định tôn trọng chủ quyền của Pháp tại Đông Dương và phân bộ OSS bị đột ngột rút khỏi Hà Nội vào tháng Mười năm 1945. Mãi về sau, các nhà lãnh đạo Mỹ mới tự hỏi phải chăng họ đã để vuột cơ hội bằng vàng biến HCM thành một Tito châu Á thân thiện với phương tây.

Ngày 19.12.1946, nổ ra chiến tranh Việt Pháp. Trong bầu không khí tương bừng đánh Pháp, "một mùa thu năm xưa cách mạng tiến ra sa trường", toàn dân tham gia kháng chiến. HCM rời Hà Nội quay về các hang động đá vôi cố cựu tại Bắc Việt, nơi 16 tháng trước, ông đã từ đó khai hoàn hạ sơn. Bên cạnh việc dùng các phần tử bất hảo để bắt giết, giam cầm những kẻ không theo mình, mà họ gọi là "Việt Gian", HCM và các đảng viên cộng sản trong MT Việt Minh khích động lòng yêu nước. Kết quả là tầng lớp tiểu tư sản trí thức và nông dân lũ lượt đi theo Việt Minh để đánh Pháp, giành độc lập cho tổ quốc và tự do cho dân tộc. Do đó, khi chiến tranh mới bắt đầu, người Pháp nhận ra rằng dù với quân số 150.000 người tại Việt Nam, Pháp chỉ có thể kiểm soát các trung tâm thành thị và các đường giao thông giữa các thành phố lớn trong khi Việt Minh có ảnh hưởng sâu rộng hơn tại nông thôn và rừng núi.

Sau một ít chiến thắng ban đầu của Pháp, cục diện quân sự đạt tới thế dằng co ngang ngửa. Tình thế đó kéo dài tới tháng 11.1949, khi những người cộng sản theo Mao Trạch Đông chiến thắng cuộc nội chiến tại Trung Hoa và biến cố ấy làm phát sinh sự thay đổi lớn lao trong ngọn triều lịch sử thế giới. Biến cố ấy cũng cuốn hút cuộc chiến tranh Đông Dương vào vòng quay Chiến Tranh Lạnh giữa chủ nghĩa cộng sản và các nước phương tây.

Chỉ qua một đầu hôm sớm mai, Trung Quốc trở thành an toàn khu nằm dọc biên giới phía bắc Bắc Việt và các lực lượng du kích của HCM có thể an toàn lui quân về bên đó để thao luyện dài ngày dưới sự chỉ huy của tướng Giáp. Thực tế, từ năm 1947 tới 1949, với vũ khí thô sơ và lối đánh du kích, lực lượng Việt Minh cũng đã đạt được những bước tiến lớn lao. Tới đầu năm 1950, họ đã có thể lập những sư đoàn (đại đoàn) chính qui để chiến đấu với Pháp nhưng sự tiến bộ đó phải trả bằng giá máu ghê gớm. Thí dụ năm 1948, lực lượng chính qui mới của Việt Minh tung trận đánh đầu tiên vào đồn Phủ Thông do 100 quân Pháp trấn giữ; họ dùng tới 3.000 quân nhưng vẫn không chiếm nổi đồn.

Với viện trợ vũ khí, quân dụng, lương thực, huấn luyện và đặc biệt, sự kèm cặp của các cố vấn Trung Quốc từ trung ương xuống tới các đại đơn vị và từng chiến dịch, lực lượng Việt Minh vươn lên hẳn. Chỉ cần đôi ba tháng, dân quân du kích chuyển hóa thành các đội ngũ tác chiến hoàn chỉnh, trang bị vũ khí pháo binh hiện đại của Mỹ được tận dụng từ những kho súng đạn của bại quân Tưởng Giới Thạch và như thế, chiến thắng quân sự của Pháp trở thành một điều không thể nào đạt.

Vào cuối năm 1950, bốn mươi ba tiểu đoàn Việt Minh trong số những tiểu đoàn tân trang từ Trung Hoa ồ ạt tràn về biên giới, chọc thủng phòng tuyến yếu ớt của các đồn binh Pháp và giáng cho Pháp một đòn thất bại nhục nhã nhất tại một xứ thuộc địa, tính từ ngày tướng Montcalm bị thua và tử trận trong tay quân Anh tại Québec năm 1759. Bốn ngàn binh lính Pháp vừa bị giết vừa bị bắt làm tù binh, vô số vũ khí cùng phương tiện vận chuyển bị tịch thu. Rốt cuộc Việt Minh, với các thủ lĩnh cộng sản khổng lồ, công khai liên minh bền vững với Mát-cơ-va và Bắc Kinh. Họ kiểm soát

từ biên giới Trung Hoa tới cách Sài Gòn chưa đầy 150 cây số, chỉ trừ chu vi phòng thủ của Pháp quanh châu thổ sông Hồng và Hà Nội.

Chiến thắng của Mao Trạch Đông lại càng làm phương tây thêm sợ hãi chủ nghĩa cộng sản vốn đang bành trướng vững chắc. Nỗi sợ đó mang cuộc chiến tranh Đông Dương ra khỏi hoàn cảnh khuất lấp vì mãi đến lúc ấy các bên tham chiến vẫn còn quân thảo nhau trong tình trạng ít được công luận thế giới biết tới.

Tháng Giêng 1950, Liên Xô công nhận chính phủ HCM tại một căn cứ địa vùng thượng du của Việt Minh. Hành động ấy thúc bách Hoa Kỳ công nhận một chính phủ VN khác do Pháp bảo trợ và Bảo Đại làm quốc trưởng. Từ tháng 3.1946 nhân chuyển sang công tác Trùng Khánh và theo lời đề nghị của HCM, Bảo Đại ở lại Trung Hoa. Sau đó ông qua Hồng Kông. Tại đây ông được các nhân sĩ theo chủ nghĩa dân tộc móc nối rồi tiếp xúc với Pháp. Năm 1948, Cựu Hoàng về nước thành lập Chính phủ Lâm thời Việt Nam; Quân đội Quốc gia VN, v.v... Chế độ mới này qui tụ được nhiều thành phần không cộng sản, đặc biệt những người từng tham gia kháng chiến chống Pháp nhưng rồi bị cộng sản tìm cách đầu tở, loại trừ hoặc chính họ vỡ mộng, tự động rời bỏ hàng ngũ Việt Minh. Họ chính thức sử dụng danh xưng "quốc gia" (vốn có từ thời Hồ VănNgà) như một căn bản phân biệt với tính "quốc tế" của cộng sản,

Ngày 8.3.1949, tại Điện Elysée (Paris) Vincent Auriol nhân danh Tổng thống Cộng hòa Pháp kiêm Chủ tịch Liên hiệp Pháp cùng ký với Quốc trưởng Bảo Đại Hiệp định Elysée công nhận VN thống nhất và độc lập trong LHP. Nhưng mọi sự đã trễ so với tiến độ giành quyền lực của HCM; nhứt là sau 80 năm bị đô hộ, nhân dân VN đã quá hiểu người Pháp và không còn tin tưởng lá bài Bảo Đại. Người quốc gia lúc này bị lâm vào tình thế nan giải mới, chính nghĩa bị tổn thương trong tình trạng chia rẽ giữa các đảng phái, các giáo phái; không vận động nổi quần chúng làm hậu thuẫn bởi sự kiện Pháp vẫn nắm quyền chỉ huy guồng máy chiến tranh; và Bảo Đại chỉ quanh năm an dưỡng bên các thứ phi tại biệt điện ở Đà Lạt hoặc tại Cannes ở Pháp.

Sự chúc lành của Mát-cơ-va và Bắc Kinh đối với chính quyền HCM, theo nhận xét của Bộ Trưởng Quốc Phòng Mỹ Dean Acheson, đã "lột trần những ảo tưởng sau cùng về tính cách quốc gia dân tộc" trong cứu cánh của HCM và tỏ cho thấy ông ta là kẻ tử thù của độc lập dân tộc. Washington bắt đầu tuôn ào ạt viện trợ quân sự và kinh tế vào VN và các xứ khác tại Đông Dương để giúp Pháp ngăn chặn sự lan tràn của cộng sản. Và như thế, lập tức biến cuộc chiến tranh thuộc địa của Pháp thành cuộc thập tự chinh chặn đứng sự bành trướng của cộng sản tại châu Á, đặc biệt Trung Quốc Cộng sản của Mao Trạch Đông.

Những e ngại của phương tây về Đông Dương dâng cao thêm nữa vào tháng Sáu năm 1950 khi Bắc Triều Tiên xâm lấn người anh em miền nam. Dưới lá cờ Liên Hiệp Quốc, các lực lượng phương tây bị lôi kéo vào cuộc đụng độ với các đạo quân cộng sản của Bắc Triều Tiên và Trung Quốc. Hậu quả là tổng thống Truman cử một phái bộ quân sự từ Washington tới Sài Gòn vào mùa hè năm đó để giữ liên lạc mật thiết với Pháp. Hành động ấy đánh dấu khởi điểm cho sự dính líu có tính định mệnh của Hoa Kỳ vào Việt Nam.

Những giúp đỡ dưới hình thức viện trợ quân sự ngày càng tăng cho tới năm 1954, ba tỉ Mỹ kim đã được rót vào kho bạc quân sự của Pháp tại Đông Dương.

Năm 1953, ngưng bắn ở Triều Tiên giúp cộng sản rảnh tay tập trung mọi nỗ lực quân sự vào Đông Dương và quân viện của Nga Hoa cho các lực lượng của HCM tăng mạnh. Ngược lại, chính phủ thứ 19 của Pháp lên nắm chính quyền sau thời gian chín năm khủng hoảng tả tơi, đề ra nỗ lực đầy tuyệt vọng để tìm một con đường danh dự cho Pháp thoát ra khỏi cái nay đã trở thành một mục đích vô vọng và lẫn lộn.

Pháp chấp nhận kế hoạch của cấp lãnh đạo quân sự nhằm nhử đại bộ phận chủ lực quân nòng cốt của Việt Minh vào một cuộc chạm trán có dàn dựng trước và mang tính quyết định, nằm đằng sau phòng tuyến của Việt Minh tại Điện Biên Phủ. Đó là một thung lũng heo hút phương bắc nơi người ta cho rằng ưu thế về không quân và hỏa lực mạnh mẽ hơn của Pháp có thể tiêu diệt dễ dàng một đối thủ không sở hữu máy bay, xe tăng và chỉ có các phương

tiện vận chuyển rất hạn hẹp.

Trước đó, người Pháp đã có lần toàn thắng một cú táo bạo khi thả dù binh sĩ và quân khí xuống để thành lập cụm cứ điểm Nà Sản tại một thung lũng đá vôi chật hẹp đằng sau phòng tuyến của Việt Minh. Khi tướng Giáp thiếu chuẩn bị thích đáng đã vội tấn công cứ điểm ấy, ông mất trọn một đại đoàn trên các bãi mìn và giữa các hàng rào kẽm gai công sự phòng thủ. Lần này tư lệnh tối cao của Pháp tại Đông Dương hy vọng rằng kết quả đó có thể được lặp lại và mang tính quyết định hơn nữa. Nhưng thay vì đem đến chiến thắng dễ dàng và nhanh chóng, Điện Biên Phủ lại biến thành nơi dàn quân cho một trong những trận đụng độ định mệnh và có tính lịch sử nhất từ xưa tới nay giữa Đông và Tây.

- 1 -

Chiếc áo choàng xanh thẫm - qua hàng hàng thế kỷ, trong cái nóng và ẩm ướt, cây rừng rậm rạp đan quyện nhau dệt trên những sườn núi uốn lượn như lưng rồng - chỉ lộ ra từng mảng bên dưới các dải mây thấp khi chiếc máy bay bà già Dakota của Không lực Pháp ị ạch lướt mình dưới ánh bình minh xám xịt để bay vào Điện Biên Phủ trong một sáng tinh sương tháng Hai năm 1954.

Để tới được cái góc heo hút phía tây bắc Việt Nam và gần biên giới Lào này, phải mất tiếng rưỡi đồng hồ cho một chuyến phi hành chỉ dài ba trăm cây số. Trong thời gian đó, Joseph phải ngồi khom lưng trên chiếc ghế xếp bằng sắt đặt giữa một đồng đồ tiếp liệu gồm những tấm ván dùng để đóng quan tài, huyết tương, đồ hộp và một tá két bia Pháp chờ lậu. Trên đùi anh trải tấm bản đồ không thám cho thấy thung lũng Điện Biên như một ốc đảo nhỏ bé được tô màu xanh lá cây, nổi bật giữa một vùng mênh mông bất tận vây quanh nó, tô màu xám nhạt, tiêu biểu cho khối núi đá vôi bò lan ngồn ngang tại Bắc Việt.

Thung lũng có hình thể lòng chảo ấy chiều dài mười sáu cây số và chiều ngang chín cây số. Trước đây, nó là chốn lưu cư của khoảng hai chục bản làng với những nhà sàn làm bằng tre và tranh. Tới cuối tháng Mười một năm 1953, lính nhảy dù Pháp chiếm lĩnh và

biến nó thành một căn cứ quân sự. Xây dựng theo hình thức một tập đoàn gồm nhiều cụm cứ điểm, với chu vi phòng thủ là một vòng đai khoảng năm chục cây số. Kể từ lúc ấy, ngoài việc củng cố căn cứ quân sự và gia tăng quân số của binh đoàn phòng ngự lên tới mười ba ngàn quân, người ta còn thả dù xuống trọng pháo, xe tải và kể cả xe tăng.

Viên phi công Pháp nói, giọng khản trương, mắt vẫn nhìn thẳng tới trước:

- Monsieur, bám chặt ghế! Để đáp xuống cái bờ này ta phải vọt lên cao tránh các ổ súng cao xạ của Việt Minh, rồi xuyên qua mây, ta lao thẳng xuống theo tín hiệu độc nhất phát ra từ máy truyền tin ở dưới đất.

Siết dây nịt an toàn thêm một nấc nữa, Joseph mỉm cười trước lời khôi hài trắng trợn của viên phi công Pháp. Anh ta dùng chữ *pot de chambre* - cái bô nước tiểu - một từ ngữ dung tục được các đoàn phi hành Pháp dùng để gọi lòng chảo Điện Biên Phủ. Một nơi suốt hai tháng nay, họ phải hằng ngày bay xuyên qua màn sương mù và mưa bụi dày đặc để hạ cánh hoặc thả dù tám mươi tấn đồ quân dụng xuống cho tập đoàn cứ điểm.

Khi chuyện trò riêng với nhau, vài nhân viên phi hành không giấu việc họ xem thường phương án quân sự này của Tướng Navarre, Tổng tư lệnh quân đội Pháp tại Đông Dương. Và khi chiếc Dakota lao ra khỏi lớp mây dưới cùng, viên phi công khịt khịt mũi chế giễu:

- Đó monsieur, trước mắt ông là quang cảnh đầu tiên của cái mà các cấp chỉ huy của chúng tôi nhận thức theo trí tuệ của họ là "một căn cứ quân sự mang tính tấn công để từ đó đánh tập hậu đối phương".

Với vẻ châm biếm, anh ta hát hàm về phía kính chắn gió của máy bay và nói tiếp:

- Ngó coi bộ có lý khi nó nằm trong bản đồ treo trên vách văn phòng của tướng Navarre tại Sài Gòn. Nhưng ở đây, từ trên cao này nhìn xuống, ông có thể thấy thật ra nó là cái gì - một nhà tù mình dựng lên để tự nhốt mình vô đó.

Joseph thấp thỏm nhìn chăm chặp xuống những thửa ruộng đất sét

chấp vá, với những ổ súng máy trong các ụ bao cát và các giao thông hào đan nhau chằng chịt như những lần sọc rạch ngang rạch dọc. Dưới đáy thung lũng uốn lượn một dòng sông nước cạn. Hai bên bờ cuộn cuộn những hàng rào kẽm gai dài như vô tận. Anh có thể thấy những đám lính đông đảo dùng xẻng nhà binh đang tát bạt đào giao thông hào trên sườn các ngọn đồi thấp, trên đó, dựa theo địa hình thiên nhiên của chúng, người ta lập thành các cứ điểm phòng thủ bên trong vòng đai của tập đoàn cứ điểm.

Đưa mắt lần lượt quan sát các đỉnh núi cao vượt hẳn lên trên đang bọc quanh mọi phía lòng chảo, Joseph hít một hơi thật gấp:

- Anh có lý. Có một nguyên tắc hành quân cực kỳ cổ điển là "chờ bao giờ để đối phương chiếm giữ cao điểm ở phía trên quân ta", thế mà các đỉnh này lại hoàn toàn để dành cho Việt Minh!

Viên phi công gật đầu:

- Bây giờ hẳn ông đã hiểu tại sao chúng tôi gọi nó là cái bô nước tiểu? Từ các đỉnh núi ấy, lũ "da vàng" có thể đá lên trên hết thấy chúng tôi. Tướng Navarre và bộ tham mưu của ông ta chắc đang sống trong thế giới mộng mị. Họ nghĩ rằng quân địch từ trên các ngọn đồi chung quanh sẽ lại ào xuống, như chúng từng làm tại Nà Sản, để sẵn sàng đứng chôn chân trong dây kẽm gai cho quân ta có thể dùng máy bay tiêm kích và pháo binh nghiền chúng nát như cám - có điều tôi sẽ hết sức ngạc nhiên nếu tướng Giáp mắc bẫy cái trò lừa đó tới hai lần!

Joseph nói và gật gật đầu:

- Có vẻ chẳng ai lại điên rồ tới như thế!

Viên phi công khịt mũi thêm lần nữa rồi nhún vai. Anh ta lại ngó xuống những sườn đồi rậm rạp bên dưới thân máy bay khi chiếc Dakota sà xuống:

- Ba cái thứ đó đều dựa theo lý thuyết quân sự nơi trường lớp. Tại bộ tư lệnh, người ta chăm chỉ nghiền cứu các sa bàn nhỏ xíu và không kẻ nào tin rằng lũ "da vàng" có thể chuyển vận vũ khí và đồ tiếp liệu tới đây, vượt qua mấy trăm cây số đường núi, đủ để kéo dài một cuộc vây hãm thật sự. Nhưng nếu người ta sai lầm, tập đoàn cứ điểm này tới giờ cuối sẽ là miếng mồi ngon cho bọn Việt xơi tái.

Joseph tiếp tục xem xét từ cụm cứ điểm này sang cụm cứ điểm khác với con mắt chuyên nghiệp. Khi chiếc Dakota sà xuống thấp hơn, lông mày anh cau lại, hần rõ nét hơn. Cuối cùng anh nói:

- Dường như người ta đặt quá nhiều đức tin vào các đồi cứ điểm bên trong vòng đai phòng thủ. Nhưng nếu người Việt Nam tới được những chỗ đó, sẽ có cận chiến cực kỳ ác liệt.

Viên phi công gật đầu. Thêm lần nữa anh ta khoa tay chỉ qua kính chắn gió:

- Gần như mỗi ngọn đồi là một cụm cứ điểm. Ba đồi cực bắc thung lũng được đặt tên Gabrielle mà bọn Việt Minh gọi là Đồi Độc lập, Béatrice là Him Lam và Anne-Marie là Bản Kéo. Một đồi ở phía Nam được đặt tên Isabelle là Hồng Cúm và một nhóm nhỏ nằm rải rác bọc quanh trung tâm chỉ huy ở giữa, Claudine là 310, Francoise là Nà Ngọng, Elaine là A+, C+... Hugette là B+... Dominique là các cứ điểm E+, D+... và vị trí pháo binh 210.

Nói tới đây, anh ta liếc Joseph thật lẹ, mặt nhăn lại không chút đùa cợt:

- Nếu ông chưa từng nghe, có lẽ tôi phải kể với ông rằng đại tá De Castries, chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm này, được người ta đồn là kẻ đào hoa nổi tiếng. Binh lính của ông ấy tin rằng những ngọn đồi cụm cứ điểm được đặt theo tên các tình nhân hiện nay của ông ta - nhưng họ không thú vị lắm cái ý tưởng đó.

Qua kính chắn gió, Joseph nhận thấy có những luồng khói trắng phụt lên dọc thung lũng, sát đường băng hạ cánh. Giữa tiếng gầm của động cơ Dakota, anh nhận ra tiếng hú đặc biệt của các khẩu sơn pháo loại nhẹ 75 li. Anh chú ý người tới sát bên tai viên phi công và nói:

- Ngó như thể Quân đội Nhân dân Việt Nam đang nồng nhiệt chào chúng ta.

Người Pháp lại gật đầu ác liệt, không quay mình lại:

- Địch cũng sẽ pháo kích phi đạo khi chúng ta đáp xuống. Lúc này chuyện đó thành thông lệ. Hễ bánh phi cơ chững lại, ông phải lập tức phóng thật lẹ lên xe díp của bộ chỉ huy được người ta phái ra đón ông.

Khi chiếc Dakota sà xuống gần mặt đất, Joseph nhìn chòng chọc

từng chỗ đạn pháo nổ vang, bắn đất vàng văng tung toé dọc đường băng làm bằng vĩ sắt do người Nhật lót thời Thế Chiến Hai. Qua cửa sổ máy bay, anh có thể thấy một chiếc xe díp chỉ huy chạy dic-dắc giữa các loạt đạn pháo đang nổ. Dù ở cách xa một trăm thước, anh vẫn nhận ra một dáng người cao, vai vuông, thẳng lưng, ngồi bên cạnh tài xế. Trên mình người ấy mặc bộ đồ trận rằn ri và đội mũ bê-rê màu đỏ thẫm của Tiểu đoàn Dù Thuộc địa Số 2.

Trên mặt đất, tiếng uyênh uyech bùm bụp của đạn pháo khi nổ nghe lớn hơn nhưng không giống tài xế xe díp, viên sĩ quan ngồi cạnh anh ta chẳng màng đội mũ sắt. Trước vẻ can trường điềm tĩnh thấy rõ ấy, trong lòng Joseph, những ray dứt mơ hồ về mặc cảm đặc tội và ân hận càng ngày càng nhiều suốt hai ba năm nay lúc này bỗng dưng kịch liệt thêm.

Chiếc Dakota vừa chững bánh, Joseph lao mình ra cửa máy bay, khom người chạy thật lẹ về phía xe díp. Tài xế cho xe chạy chậm lại ứng nhịp với bước chân người đi bộ để Joseph có thể vọt lên xe. Sau đó, tài xế quành xe, chạy một mạch về những căn hầm kiên cố của bộ chỉ huy được lập sâu dưới mặt đất hai thước.

Túm bàn tay viên trung tá Pháp bằng cả hai tay mình, Joseph hét lớn:

- Tôi cứ tưởng thùng lũng này là một pháo đài rất vững chắc!
- Nó đúng là thế, ông bạn ạ, tôi bảo đảm với anh.

Paul Devraux trả lời, cười miệng rộng tận mang tai và hét thật to, cố át tiếng đạn pháo đang gầm rú, để cho Joseph nghe ra anh đang nói cái gì:

- Đừng lo! "Người Mỹ đa tình" sẽ không bị bắn rớt lại đây hai hòn bi ngọc ngà đâu - bọn chúng không cách gì lập nổi hàng rào hỏa lực thật sự hữu hiệu bằng mấy khẩu 75 li nhỏ xíu thứ ống thổi hột đậu của con nít đó!

Khi xe díp rít lên ken két rồi ngừng bánh trước giao thông hào dẫn xuống hầm trú ẩn kiên cố của Paul, từ chốn mịt mù bụi trời ra một chi đoàn xe tăng ầm ầm chạy ngang chỗ hai người. Paul chỉ hướng đông bắc và nói:

- Xe thiết giáp lên đường để xử mấy khẩu sơn pháo nơi các chân đồi đằng kia. Chỉ chút nữa thôi bọn chúng sẽ cầm họng. Nếu anh

muốn, chúng ta có thể đứng lại đây quan sát.

Một hai phút sau, Joseph và Paul nghe tiếng nổ rất sâu của các khẩu pháo trên xe tăng từ đầu kia lòng chảo vọng lại, rồi cuộc pháo kích của Việt Minh xuống phi đạo thành linh tất tịt. Paul nói với về hả hê và đưa tay triu mền quàng qua vai Joseph:

- Anh thấy chưa, tôi nói có đúng không? Đây không phải chỗ an toàn nhất trên toàn cõi Đông Dương thì nó là cái gì?

Joseph cười đáp trả nhưng không thể ngăn nổi mình cứ thỉnh thoảng lại đưa mắt nghi ngại nhìn lên các đỉnh núi bên trên thung lũng. Viên sĩ quan Pháp cười lớn rồi làm điệu bộ hoa tay nửa vòng, ra hiệu mời Joseph đi trước vào hầm:

- Nếu anh không tin tôi, tôi sẽ sắp xếp cho anh nói chuyện với đại tá Piroth, chỉ huy trưởng pháo binh của chúng tôi. Ông ấy sẽ làm anh yên lòng. Nhưng cái quan trọng hơn tất cả là tôi đang có một chai cô-nhắc thật ngon. Mình uống mừng sự đoàn tụ của chúng ta và chào đón anh tới Điện Biên Phủ.

Paul thêm lần nữa nồng nhiệt vỗ vai người Mỹ:

- Đã bao nhiêu năm rồi, Joseph ạ, nay gặp lại anh thật tuyệt vời.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 2 -

Trong lúc đó, cách căn hầm kiên cố của trung tá Paul Devraux nằm cây số, trên sườn núi rậm rạp, Ngô Văn Đồng - con trai lớn của kẻ từng có thời làm "bồi" trại săn cho thân phụ của Paul - căng người dưới sợi dây chèo dài bên bằng cây rừng đang cửa từng lần rướm máu trên hai vai trần của anh.

Miệng làm bầm, người nhể nhại mồ hôi, Đồng tiếp tay với một trăm bộ đội dưới quyền mình kéo khẩu trọng pháo Trung Quốc 105 li lên theo khe núi dựng đứng, dưới mắt nhìn khắc khổ của Đào Văn Lật. Lật mặc quân phục ka-ki, không đeo phù hiệu nhưng mái tóc sớm bạc và bộ đồ đại cán vừa vặn, thẳng nếp cho thấy anh là chính ủy cao cấp trong bộ tư lệnh của tướng Võ Nguyên Giáp và các cố vấn Trung Quốc.

Cứ mỗi lần khẩu đại pháo nòng dài thườn thượt nhích lên được vài ba phân trên triền dốc ngược, toán bộ đội pháo binh đang xúm quanh lại lật đặt chêm mấy khúc gỗ súc to tướng vô dưới bánh xe cao su để chặn không cho nó tuột trở lại. Mỗi lần như thế, Lật gật đầu tán thưởng và khích lệ. Sau mỗi lần đại đội dừng một chút lấy hơi, Lật lại cất giọng hò trầm bổng. Và bài hò ấy được lặp lại từ đầu tới cuối hàng người đầm mồ hôi, bằng những âm thanh cao thấp khác nhau, rồi tất cả lại hè nhau kéo pháo:

Hò dô ta... nào!

Kéo pháo ta vượt qua đèo!

Hò dô ta... nào!

Kéo pháo ta vượt qua núi!

Dốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi!

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù...!

Đồng hô lớn từng chặp: "Keéoo! Kéo mạnh naày! Keeéooo... "

Theo mỗi nhịp hô của Đồng, người trong đại đội lặp lại và ra sức kéo. Trên dốc núi đá lởm chởm họ rướn người căng cứng dưới

mấy sợi dây chằng. Bàn chân côát chặt đôi dép râu Bình Trị Thiên trượt rồi lại bám, bám rồi lại trượt. Cứ thế, khẩu pháo nặng nề nhích lên dần, từng chút một.

Suốt ba ngày nay đại đội của Đồng kéo khẩu trọng pháo nguy trang ấy lên núi. Mỗi phút nó nhích lên chưa đầy một thước. Mỗi ngày chỉ trườn lên được bảy tám trăm thước. Để tiện việc kéo pháo, người ta dùng sức người bừa xuống nền đá vôi, đào một con hào dài, và đan các tán lá rậm thành một tấm lưới nguy trang để giăng ngang che kín mặt hào và chuyền dọc bên trên khẩu pháo. Khẩu pháo đại đội của Đồng đang kéo là khẩu cuối cùng trong hai mươi bốn khẩu đại pháo 105 li được Đại đoàn Công pháo 351 của lực lượng Việt Minh âm thầm kéo thành công qua năm trăm cây số đường rừng núi từ biên giới Trung Hoa tới Điện Biên Phủ. Hai mươi ba khẩu pháo kia đã được giấu thật kín trên các mỏm núi khác. Đại đội của Đồng được trao cho vinh dự chuyển khẩu pháo cuối cùng này vào vị trí như một công nhận thành tích chỉ huy can trường của anh trong các trận đánh trước đó.

Cũng như hôm qua, Đồng và lính trong đại đội thức dậy từ lúc trời còn lâu mới rạng sáng. Dù lao tâm lao lực sẵn họ vẫn cố hết sức kéo pháo suốt mấy tiếng đồng hồ, và lúc này sức lực cũng như tinh thần bắt đầu kiệt dần. Lính trong đại đội đều biết rằng phải mất trọn một ngày nữa mới có thể kéo được khẩu đại pháo này lên tới chiếc hang nguy trang được bộ đội công binh khoét sẵn nơi đỉnh núi đá bên trên họ. Đưa mắt hỏi ý Lật và thấy chính ủy gật đầu, Đồng ra lệnh ngừng lại.

Trong số những người dưới quyền Đồng, nhiều bộ đội chỉ là thiếu niên mới mười mấy tuổi. Vừa có lệnh nghỉ ngơi ăn uống, các cậu lập tức cảm thấy mệt lã, nằm vật xuống các đồng đá trên sườn núi. Phải mấy phút sau, cả đại đội mới lê nổi thân mình dậy rồi ngồi nhai ngấu nghiến, nuốt lấy nuốt để suýt ăn gồm chỉ mấy nắm cơm vắt. Nhìn lính ăn, Đồng lại nghĩ tới một năm rưỡi trời tàn mạt anh đã trải qua trong đồn điền Vĩ An.

Cũng y hệt những chàng trai trước mặt, Đồng và chú em Học thường đói tới rã họng, bả người nằm vật xuống giữa hai hàng cây cao su, cố nhai nuốt suýt cơm còm cỏi. Nhưng thuở đó, điều độc

nhất hai anh em quan tâm tới là làm sao giữ mạng sống trong hoàn cảnh ăn ở và làm việc như súc vật do các chủ đồn điền tây thực dân an bài cho cu-li. Hôm nay, thế hệ trai trẻ mới này ít ra cũng được trao cho cơ hội chiến đấu giải phóng bản thân thoát khỏi bọn thực dân Pháp cừu thù đã đô hộ dân tộc Việt Nam trong một tám mươi năm dài đằng dặc. So với một Học cơ khổ và tử nạn, họ may mắn biết mấy! Chưa vào trận, gia đình họ đã được cấp ruộng sau đợt cải cách ruộng đất đặc biệt để tạo khí thế cho chiến sĩ Điện Biên. Giờ đây, dù sức lực gần cạn kiệt không kém Đồng và Học thuở trước nhưng họ đang có niềm hãnh diện và phẩm cách của người lính! Xúc động bởi những ý nghĩ ấy, Đồng bắt đầu trầm lặng đi tới đi lui giữa các chiến sĩ trẻ trong đại đội. Nhân lúc các cậu ngồi nghỉ thành từng cụm, Đồng lần lượt nói với mỗi nhóm đôi lời khích lệ. Nhóm nào cũng kính cẩn lắng nghe và gật đầu trước khi anh bước qua nhóm kế tiếp vì các cậu đã biết tới tiếng tăm của anh và đều xem anh như tiêu biểu cho hình ảnh một chiến binh anh hùng. Lính dưới quyền của Đồng biết rằng hai vai co rút và lưng cong như lưng tôm của đại đội trưởng mình là di chứng của những lần chịu tra tấn và những năm dài lom khom trong các xà lim ở đảo Côn Lôn nơi anh chịu khổ sai sau ngày bị bắt tại Huế vào năm 1936. Rồi sau đợt phóng thích năm 1945 và sau ngày cha hy sinh tại Tòa thị chính Sài Gòn trong diễn biến đảo chánh của Pháp rạng sáng 23.9 cùng năm, Đồng lập tức ra bắc tìm Đào Văn Lật, xin được trực tiếp chiến đấu trong hàng ngũ Việt Minh ở phương bắc. Anh được Lật cất nhắc đem vào học Trường Lục quân Trần Quốc Tuấn ở Sơn Tây với giáo quan là các võ quan Nhật Bản không chấp nhận ra hàng Đồng Minh, đào ngũ ở lại Việt Nam. Khóa của Đồng là khóa đầu tiên do tướng Võ Nguyên Giáp đích thân chủ tọa lễ khai mạc. Không bao lâu sau ngày bùng nổ cuộc kháng chiến vào tháng Mười Hai năm 1946, nhờ sự dũng cảm và lòng căm thù người Pháp tận xương tủy, Đồng được điều phối tác chiến trong các đại đoàn chủ lực quân của bộ đội Việt Minh. Khác với Lật lúc nào cũng dứt khoát với Việt Nam Quốc Dân Đảng, Đồng cảm thấy quá khứ ấy là cái gì đó thiêng liêng và trân quý. Nó triền miên vương vấn, ẩn thật sâu chôn thật chặt trong máu huyết, hòa thành nhân

cách và nhân phẩm của anh. Bên cạnh đó, tâm tư anh vẫn thoải mái vì thấy mình đang kế thừa sự chọn lựa hàng ngũ cộng sản của người cha liệt sĩ và của Lật, kẻ anh tôn kính như một người thầy. Vốn ít học, chỉ thích hành động, anh không muốn mình dao động thao thức với những điều anh xem là trừu tượng. Trong khi đó, khí thế bừng bừng của những ngày cách mạng mùa thu rồi trường kỳ kháng chiến choán chặt tâm tư anh và lôi cuốn thể xác của anh đi khắp các chiến trường. Việc trước mắt là phải làm sao hạ cho được đồn Tây và giữ cho mình sống sót. Bất chấp những lời nói ra nói vào của mấy người bỏ về thành, với anh và trước mắt anh chỉ Việt Minh mới có đủ khả năng giúp anh giết sạch bọn Tây, để vừa trả được thù nhà của cha và mẹ và chú em Học vừa chiến đấu cho đất nước được độc lập tự do.

Tám năm dài kháng chiến, với dáng người cao lêu khêu và hai vai xuôi Đồng trở thành một hình ảnh quen thuộc làm nức lòng đồng đội trong những cuộc chạm trán kiên cường của Trung đoàn 59 thuộc Đại đoàn 312. Và Đồng được cất nhắc ban đầu là tiểu đội trưởng rồi nhanh chóng lên tới đại đội trưởng. Suốt bốn năm chiến tranh qui mô nhất và rất đẫm máu vừa qua, Đồng bị thương nặng nhẹ không dưới chục lần. Lúc này anh vẫn còn mang trong vai mấy mảnh đạn không thể gắp ra của một quả lựu đạn nổ làm anh suýt tử trận trong chiến dịch Cao Bằng cuối năm 1950.

Trong lúc Đồng di chuyển giữa những người lính thuộc quyền với thái độ ân cần, Lật đưa mắt chăm chú nhìn theo anh và ghi nhận nét mặt của bộ đội biểu lộ vẻ tán đồng cùng khâm phục người chỉ huy của mình. Đi giáp một vòng, Đồng tới ngồi bên Lật. Nhè nhẹ vỗ vai người đại đội trưởng, viên chính ủy chiến dịch nói trầm giọng:

- Đồng chí chỉ huy rất tốt đại đội của mình, ăn ở với anh em rất khéo léo và biết cách triệt để động viên anh em.

Đồng gật đầu cảm ơn nhưng mặt vẫn hằn nét lo âu:

- Đồng chí chính ủy ạ, anh em trong đại đội có những người đứng không vững nữa. Ngó họ tôi nhớ lại những ngày niên thiếu của mình nơi đồn điền cao su. Bọn chủ Tây thường bắt chúng tôi làm việc cho tới khi ngồi không nổi - nhưng nay thời thế đã khác.

Chúng ta đang có trong tay đúng loại súng ghê gớm như thế này, để có dịp bắn trở lại và bắn tan xác bọn khốn kiếp đó.

Trong một chốc, Lật trầm ngâm nhìn con người chất phác vừa nói ra những lời chất ngất thù hận, rồi anh cất tiếng, giọng khuyến khích:

- Đồng chí Đồng ạ, tại sao anh không đem câu chuyện đó kể cho lính của anh nghe. Nó có thể giúp anh em quên hết mệt nhọc, làm anh em lên tinh thần và toàn thể đại đội ra sức phấn đấu hết mình. Đồng gật đầu tuân lệnh. Lột chiếc mũ lá gồi xuống, anh nhón chân đứng lên rồi huơ mũ trên đầu ra hiệu mọi người chú ý. Bằng giọng run run xúc động Đồng kể lại cuộc sống của mình nơi đồn điền. Ban đầu lấp bắp nhưng càng nói càng trôi chảy, anh tả lại những nhà lán mái lá dột nát, thân chết bám sát suốt ngày đêm trong từng cơn sốt rét ác tính, lần đào huyết chôn một đồng nghiệp qua đờn trong rừng ẩm đậm lúc trời tờ mờ sáng.

Lúc nói tới những trận đòn thù của gã cai Đức Anh dưới hai con mắt gườm gườm giám trận của lão Corse quản đốc đồn điền cao su, mặt Đồng xanh rờn căm thù. Khi kể tới đoạn cậu em Học vừa gào thét không ra hơi vừa bị lôi xềnh xệch ra khỏi nhà lán mái lá trong đêm mưa bão, giọng anh khản đặc và nghệt lại trong cuống họng. Trên khu đất quanh chỗ anh đứng, các bộ đội ngừng nhai cơm, ngóng chiếc cổ mệt rũ rời lên nhìn anh, chờ đợi.

Đồng tăng hắng mấy cái cho thông cần cổ rồi nói với giọng dữ dội:

- Học, chú em của tôi, bị một thằng Tây mộ phu mê trai hãm hiếp. Nhưng ngay sáng hôm sau, em tôi vùng lên. Với ngọn mác của chính mình, chú ấy chặt đứt cổ lão Tây Corse quản đốc ngay trước mặt mọi người. Rồi khi các cu-li khác tận mắt thấy hành động đó, họ hè nhau vùng lên tấn công bọn Tây còn lại. Nhưng vì chúng tôi ngu dốt và kém tổ chức, cuộc nổi loạn bị đè bẹp. Một năm sau, chú em tôi bị giặc Tây sát hại bằng cái máy chém bắn thủ của chúng. Mẹ tôi cũng bị giặc Tây giết trong nhà tù hôi hám. Tới năm 1931, cha tôi bị thương nặng suýt chết khi máy bay của bọn Tây dội bom và bắn súng máy vào giữa ba chục ngàn người tuần hành ôn hòa ở Vinh... Dù bị liệt một tay, năm 1945, ông vẫn tiếp tay lãnh đạo Việt Minh cướp chính quyền ở Sài Gòn. Lúc tôi mới được thả khỏi

đảo Côn Lôn mấy tháng, bọn Tây giết cha tôi và đánh phá chính quyền mới mẻ của chúng ta...

Lời của Đồng lúc này tuôn ào ào như dòng nước chảy xiết. Cảm thấy tức ngực, anh dừng lại lấy hơi thở. Trong lúc anh đứng ngó quanh chờ xem phản ứng của Lật, viên chính ủy khẽ gật đầu như kín đáo bày tỏ lòng chia xẻ và tán thưởng.

Quay lại nhìn các bộ đội của mình, Đồng tiếp tục:

- Các đồng chí ạ, câu chuyện đó không phải là chuyện hiem hoi, chỉ xảy ra cho riêng tôi. Các bộ đội đang có mặt ở đây, hầu hết đều có cha mẹ, chú bác hoặc anh em họ hàng cũng từng chịu đau khổ không kém gì tôi. Hiện nay tôi có vợ có con. Mỗi lần vợ tôi sinh một đứa con, tôi thề trên đầu đứa con ấy rằng nó sẽ không bao giờ chịu đau chịu nhục giống như tôi đã chịu. Vậy thì hôm nay, hỡi các đồng chí, có phải chiến trường Điện Biên Phủ này là nơi chúng ta hiên ngang chứng tỏ cho thực dân Pháp bản thủ thấy rõ những gì khốc liệt chúng ta đang sửa soạn sẵn cho bọn chúng trong suốt bao nhiêu năm trời căm thù và chờ đợi không?

Con bùng nổ mãnh liệt của Đồng làm các bộ đội dưới quyền anh choáng váng không nói nên lời. Nhưng dù mặt lộ vẻ xúc động, họ vẫn nhìn Đồng với ánh mắt còn đôi chút ngờ ngợ về tầm cảnh của cả nhà anh. Thấy thế, Đào Văn Lật lẳng lẳng bước tới bên Đồng, đặt tay lên vai viên đại đội trưởng. Lật nói với giọng điềm đạm, cân nhắc từng tiếng:

- Các đồng chí ạ, tôi có thể góp phần làm chứng cho câu chuyện rất cảm động và rất thật của người chỉ huy can trường của các anh. Tôi đã cùng sát cánh với hai cha con anh ấy trong cuộc tuần hành tại Vinh. Chúng tôi đã tận mắt ngó lên và thấy máy bay của bọn Tây nhào xuống, ném bom, rải đạn tàn sát ba vạn nông dân hiền lành, trong đó có thể có thân nhân họ hàng của vài đồng chí đang ngồi ở đây. Hàng trăm đàn ông, đàn bà và trẻ em vô tội bị giết - và các đồng chí ạ, trong số những người bị giết ấy, có một người tôi hết lòng thương yêu.

Lật ngừng nói. Thêm lần nữa anh dò xét cẩn thận nét mặt của từng người lính trẻ chung quanh. Mặt họ lộ vẻ chăm chú. Lật hài lòng thấy hành động can thiệp lão luyện của mình đã lập tức thu hút tâm

trí của họ. Anh nói tiếp:

- Các đồng chí ạ, đó là một người con gái rất trẻ và rất đẹp. Hơn nữa, người con gái ấy yêu nước nồng nàn và cực kỳ dũng cảm. Tôi yêu cô ấy và cô ấy yêu tôi. Sáng hôm đó tại Vinh, cô đi biểu tình bên cạnh tôi. Và cùng với các nông dân, cô hiến thân cho công cuộc bảo vệ ruộng vườn, giải phóng tổ quốc của chúng ta thoát khỏi sự tham tàn của bọn ngoại bang. Cái chết của cô làm tôi đau đớn cực độ và sâu thẳm vô cùng. Rồi kể từ giây phút đó, suốt đời này, hằng ngày tôi sống trong đau khổ và căm hận vì chính tôi là người phụ trách tổ chức cuộc biểu tình đó.

Trong vài ba giây Lật cúi đầu thật thấp, cố làm cho những hồi tưởng của mình lắng xuống. Khi ngước lên, đôi mắt Lật đỏ au và rực lửa như thể toàn thân anh đang sống lại cơn đau dữ dội ấy:

- Các đồng chí ạ, đối với tôi, nỗi thống khổ ấy thật không kể xiết vì trước hôm xảy ra chuyện kinh hoàng đó, chúng tôi đã cùng nhau lập một cam kết đặc biệt - tự mình chối bỏ những khoái cảm yêu đương xác thịt vì lợi ích của tổ quốc chúng ta! Thuở đó, tôi sợ rằng mình sẽ thường hay phung phí năng lực để đuổi theo những ham muốn nhục dục, vì thế, để hiến thân trọn vẹn cho chính nghĩa cách mạng, tôi đã cầm dao lên loại bỏ khỏi cơ thể đầy sức sống của mình cái phương tiện hưởng lạc hoang phí!

Đào Văn Lật dừng lại, đứng thật yên trong khoảng mười giây. Với dáng điệu gay cấn, anh nhìn chăm chú lên đỉnh núi, đồng thời khắp khuôn mặt toát lên nỗi đau đớn anh thật sự cảm thấy mỗi lần nhớ lại lần tự hiến đó. Các bộ đội trẻ, vốn từ trước đã có lòng ngưỡng mộ Lật theo tập quán xưa nay của dân tộc Việt dành cho những người học rộng và sống cách biệt, lúc này sững sờ vì sự đột ngột biểu lộ tâm tình và cảm xúc của vị chính ủy bộ tư lệnh. Khi ý nghĩa những lời Lật nói lắng sâu trọn vẹn trong tâm tư họ, họ dăm dăm nhìn lại anh, im lặng kính sợ.

Tới đây, Lật thấp giọng tâm sự:

- Đó là chuyện xảy ra hai mươi bốn năm về trước. Từ đó tới nay, tôi không bao giờ hối tiếc sự hy sinh lớn lao mình đã làm. Tôi cũng chưa bao giờ dao động cái quyết tâm giải phóng đất nước vào một ngày nào đó. Từ gần hai mươi lăm năm nay, tôi tự nguyện phục vụ

sát cánh với cụ Hồ và đồng chí Võ Nguyên Giáp. Và giờ đây, tại Điện Biên Phủ này, rốt cuộc chúng ta đang ở rất gần thời điểm nắm trong tay cái thành quả mà chúng ta mơ ước hằng ngày, từ thuở ban đầu cho tới suốt những năm dài đằng đẵng vừa qua. Lịch sử đang chọn các đồng chí và tôi để bảo vệ ruộng vườn của mình và đất nước của chúng ta. Lịch sử đang chọn hết cả chúng ta đây để hoàn thành kỳ vọng của hàng triệu người Việt Nam yêu nước đã chết trong gông cùm xiềng xích. Chúng ta không bao giờ để cho công lao của họ bị uổng phí!

Ngừng một chút, Lập nhìn rừng núi trùng điệp:

- Vào lúc các đồng chí ngồi đây, hàng chục ngàn đồng bào chúng ta, trong đó có anh em bà con của các đồng chí, đang thi gan cùng gian khổ, âm thầm bước từng bước dân công qua hàng trăm cây số đường rừng. Họ đang đẩy từng chiếc xe đạp, thồ gạo và đạn dược để tiếp tế cho chúng ta đánh thắng trận giặc này. Bọn giặc Tây tưởng rằng chúng ta không tiếp tế nổi cho một đạo quân năm chục ngàn bộ đội tại góc trời heo hút này của rừng núi Bắc Việt. Nhất là, bọn chúng cho rằng chúng ta không bao giờ đưa nổi loại trọng pháo này lên đỉnh núi trên cao kia. Nhưng bọn chúng lầm, lầm ghê gớm. Chúng ta xem kẻ nào nói tới hai tiếng thất bại tức là kẻ dám sỉ nhục chúng ta, vì ngay trên cơ thể của mỗi người ở đây đều có bằng chứng về xương máu của mình đã đổ ra. Các đồng chí có muốn xem bằng chứng cụ thể của tôi không?

Không chờ tiếng trả lời, Lập mở tung hàng nút đằng trước ngực áo ka-ki của mình. Anh cởi phăng áo, thả xuống đất sát một bên chân rồi ưỡn lồng ngực trơ xương ra trước mặt bộ đội. Những người lính trẻ sững sờ thấy một nửa thân thể còm cõi, héo hon và xanh xao của vị chính ủy chiến dịch.

- Các đồng chí, dù kiệt sức chúng ta cũng sẽ không phụ lòng những người đã đặt niềm tin vào chúng ta - và điều quan trọng hơn cả là - chúng ta sẽ không phụ lòng mình và phản bội lại lời hứa của mỗi người trước khi lên đường làm chiến sĩ Điện Biên, rằng sẽ đánh tan giặc Pháp và kiên quyết bảo vệ ruộng vườn làng mạc của mình. Đồng chí Đồng và tôi, chúng tôi đã khỗ nhục khôn xiết trong bàn tay của bọn Tây. Nay chúng tôi sẵn sàng đưa hết hơi sức cuối cùng

của mình ra để kéo khẩu pháo này lên đỉnh núi kia. Các đồng chí rất trai trẻ và rất dồi dào sinh lực, các đồng chí hãy tiếp chúng tôi một tay - làm ngay lúc này và làm bất cứ lúc nào trong trận đánh vinh quang sắp tới. Khi đó, chúng ta đuổi được bọn Tây ra khỏi quê hương Việt Nam, bảo vệ đất đai của tổ quốc, lấy lại độc lập tự do cho dân tộc, và đạt được cái chiến thắng vĩ đại sau cùng mà cha ông chúng ta đã mơ ước và đổ xương máu suốt cả trăm năm nay! Quay nghiêng người, Lật cúi xuống cầm lên sợi chèo cột sẵn vào khẩu đại pháo nòng dài. Luồn dây chèo vào hai vai trần và lồng ngực eo uột của mình, anh bầm chân, nhóm mình rướn lên núi. Nghe Đồng hét lên thật lớn, hô đại đội tiếp tay, các bộ đội bật đứng dậy, trăm người như một, reo hò tử mở. Chỉ mấy giây sau, tất cả lại oằn người, rướn hết sức mình, cùng nhau cất cao bài hò kéo pháo:...

Đốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao hơn núi!

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù...!

Khẩu pháo nặng nề lại chầm chậm nhúc nhích rồi giật mạnh, từ từ tiến lên phía hang đá. Từ chỗ trên đầu giặc đó, đúng thời điểm xung trận, nó sẽ bắn thẳng xuống và bắn ào ạt những quả đại bác đầy tử khí lên đầu giặc Pháp ghê tởm và cừ thù, đang bị bao vây trong lòng chảo bí bưng phía dưới.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 3 -

Đại tá một tay Charles Piroth, chỉ huy trưởng pháo binh căn cứ quân sự Điện Biên Phủ nói:

- Monsieur Sherman ạ, anh có thể tường thuật cho độc giả của tờ Washington Gazette rằng chúng tôi có những khẩu đội đại pháo 155 li rất hùng hậu. Ngoài ra, chúng tôi còn có hai chục khẩu trọng pháo 105 li và mười sáu khẩu súng cối hạng nặng. Tại đây, một lực lượng pháo binh như thế thừa sức giải quyết mọi công tác trong tầm tay của nó.

Joseph đang ngồi trên xe díp cạnh viên sĩ quan cao cấp Pháp phục phịch và hờ hững, kẻ chịu trách nhiệm việc bố trí hệ thống vũ khí phòng ngự chủ yếu của tập đoàn cứ điểm. Lòng mày sâu róm, da ngăm ngăm đen, đại tá Piroth nhét gọn ống tay áo rộng vào túi áo khoác nhà binh vì cánh tay trái của ông bị bắn bay mất trong Thế Chiến Hai. Trong khi trả lời những câu phỏng vấn của người Mỹ, thái độ của Piroth rõ ràng cố nén sự sốt ruột dù vẫn giữ đúng phép lịch sự.

Joseph vừa xem xét tỉ mỉ các ụ súng cả hai đang đi ngang vừa nói:

- Tại Triều Tiên, Hoa Kỳ tập trung pháo binh thành những khẩu đội khổng lồ với mục đích chặn đứng quân Trung Cộng và quân Bắc Hàn. Tôi hết sức lấy làm lạ rằng ở đây số lượng trọng pháo của ông ít quá.

Piroth nhún vai, mím môi ra vẻ khước bác:

- Người ta đã đề nghị đưa thêm đại bác từ Hà Nội lên đây cho tôi - nhưng đâu cần phải thêm. Tôi hoàn toàn hài lòng với phương án hỏa lực của mình, nó sẽ rất hữu hiệu.

Lúc này bụi của đợt Việt Minh pháo kích đã lắng xuống, xe tải bắt đầu chạy tới chạy lui ngang dọc khắp đáy lòng chảo. Lực lượng máy bay chiến đấu và máy bay oanh tạc B-26 ít ỏi của binh đoàn lại bắt đầu cất cánh bay đi bắn phá và thả bom xăng để đốt rụi các

vùng đồi người ta cho rằng đối phương có thể đang tập trung quân tại đó. Những chiếc Dakota chở đồ tiếp liệu và các toán quân miền cường rời Hà Nội quay trở lại Điện Biên Phủ, tiếp tục đáp xuống đường băng bằng đất bụi bay mù mịt.

Ngạc nhiên trước vẻ tự mãn của viên đại tá chỉ huy trưởng pháo binh, Joseph hỏi:

- Nhưng thưa đại tá, vấn đề toàn bộ các cụm cứ điểm đều bị núi cao bao vây bốn phía không làm đại tá lo lắng sao? Phải chăng ông có thể ngủ ngon suốt đêm trong khi biết rõ các mỏm núi kia đang nằm trong tay quân địch?

Bộ mặt chăm bẵm của Piroth thoáng cười mỉm:

- Monsieur Sherman này, tôi chắc nghề phóng viên cũng cho anh đôi chút kinh nghiệm để ít ra lúc này có thể nắm sơ qua chiến lược quân sự. Trung tá Devraux có nói với tôi rằng anh từng theo dõi cuộc nội chiến tại Trung Hoa cũng như tại Triều Tiên, đúng không đấy?

Joseph gật đầu. Anh tham gia tờ Gazette từ năm 1947 sau hai năm liền làm giáo sư môn nghiên cứu á đông tại Đại học Virginia ở Charlottesville. Tới khi được chỉ định làm phóng viên thường trực tại Viễn Đông cho tờ báo, anh cùng Tempe và hai con trai nhỏ dời sang Hồng Kông. Anh đến nơi kịp thời điểm theo dõi những trận đánh cao điểm nhất giữa các đại đoàn quân cộng sản của Mao Trạch Đông và các lực lượng sa sút tinh thần chiến đấu của Tưởng Giới Thạch.

Khi chiến tranh Triều Tiên bùng nổ năm 1950, Joseph tường thuật những nét cá biệt của các trận đụng độ ác liệt và các cuộc tàn sát tập thể diễn ra ngay trước mắt anh, trên những ngọn đồi trọc và hoang vu của bán đảo đông á ấy, nơi có địa hình địa vật rất khác với Đông Dương. Joseph trả lời với giọng đều đều:

- Đại tá ạ, những điều tôi biết về chiến tranh đều do kinh nghiệm hơn là dựa vào kiến thức sách vở trường lớp. Đối với tôi, việc dành cho đối phương các cao điểm ngay bên trên quý vị dường như chẳng bao giờ là một ý tưởng hay.

Piroth đáp lại bằng lời nói thông thả và chậm rãi, như thể đang giảng giải cho một kẻ chậm trí:

- Để tôi cắt nghĩa chi tiết hơn. Những đỉnh núi khiến anh lo lắng quá mức đó có độ dốc rất dựng đứng. Chúng lại nằm cách xa trung tâm lòng chảo này trong khoảng từ hơn ba tới gần năm cây số. Theo chiến lược pháo binh cổ điển, muốn giữ an toàn cho pháo đội, người ta phải đặt trọng pháo 105 li ở sườn núi phía bên kia rồi bắn đạn theo hình cầu vòng bọc qua đỉnh núi xuống căn cứ quân sự của chúng tôi. Nhưng từ trên máy bay, tôi đã điều nghiên rất kỹ các đỉnh núi ấy. Tôi đảm bảo với anh rằng dốc núi rất dựng đứng tới độ nếu lũ "da vàng" có đặt trọng pháo ở trên phía kia bên sườn núi, chúng cũng không thể bắn trúng bất cứ chỗ nào ở đây - chúng chỉ có thể bắn thẳng lên trời thôi! Nếu địch lùi súng ra xa phía bên kia sườn núi để có thể bắn cầu vòng qua bên này, đạn đạo sẽ đi rất dài. Chúng không thể nào rơi trúng tập đoàn cứ điểm. Nhưng giả dụ có xảy ra chuyện như vậy đi nữa, các khẩu đại pháo 155 li của chúng tôi thừa khả năng phản pháo, bắn đạn theo cầu vòng qua tới phía bên kia sườn núi và nghiền nát các pháo đội của bọn chúng đặt ở mé bên đó.

Joseph hỏi lại, giọng ngờ vực:

- Nhưng nếu họ đặt một số đại pháo ở phía bên này sườn núi, mé bên trong các đỉnh núi bọc sát vòng đai của tập đoàn cứ điểm, hoặc thậm chí đặt ngay trên các đỉnh núi kia, lúc đó thì sao ạ?

Piroth cãi lại:

- Thưa ngài kính mến, tôi đề nghị trên chuyên bay ra khỏi đây xin anh quan sát thật kỹ các ngọn núi kia. Tôi sẽ hết sức ngạc nhiên nếu tới lúc đó anh còn nghĩ rằng với các sườn núi đá dựng đứng như thế, con người ta dám kéo trọng pháo lên và có thể kéo tới được những chỗ anh vừa nói. Tuy nhiên, nếu lũ "da vàng" chứng minh rằng chúng có khả năng làm nổi phép lạ ấy, bộ anh tưởng chúng tôi không xác định được tọa độ đặt trọng pháo của chúng sao? Và trong khi bọn chúng đang oằn lưng khiêng trọng pháo lết lên những chỗ đó, bộ anh nghĩ rằng chúng tôi không bắn tan nát chúng ra, cho chúng về châu ông bà ông vải trước khi chúng kịp đưa súng tới các vị trí trên đó sao?

Joseph lại nhìn lên các đỉnh núi:

- Đại tá ạ, rừng rú khôn nạn kia rậm rạp quá, nó khiến cho mình

tưởng tượng rằng đối phương có thể mang được trọng pháo lên trên đó mà chẳng ai thấy nổi.

- Monsieur Sherman này, một kỳ công như thế có thể đưa nguyên cả con voi của Hanniban đi đứng đỉnh trong bóng tối mà băng qua dãy núi Alpe! Nhưng giả dụ điều anh tưởng tượng đó thành sự thật thì, khi đối phương vừa khai hoả và vì thế để lộ vị trí của chúng, chúng tôi sẽ đập cho chúng câm họng ngay bằng ưu thế hỏa lực phản pháo của mình.

Quay bộ mặt bệnh quái hàm về phía Joseph, viên sĩ quan Pháp nhướng đôi lông mày rậm lên nói tiếp:

- Có phải anh và các độc giả Mỹ của anh quên rằng chúng tôi đang đối phó với một đạo quân gồm toàn bọn lính nhà quê chỉ có thể di chuyển bằng hai chân lộ bộ? Chúng chỉ có vài ba chiếc xe tải của Nga, không xe tăng, không máy bay. Kho tàng quân nhu của chúng ở mãi tận Yên Bái, cách đây gần ba trăm cây số đường rừng. Để cung cấp gạo cho vài sư đoàn, và còn nữa, để chi tiếp tế đạn mà thôi, cũng phải cần tới một chiến dịch tiếp liệu phức tạp với những đoàn xe tải khổng lồ - với điều kiện đã có sẵn một mạng lưới đường sá hiện đại dẫn từ kho tàng đó tới thung lũng này, mà trên thực tế chúng hoàn toàn không có. Thêm nữa, không lực của chúng tôi có những chuyến bay thám thính liên tục; hễ phát hiện đối phương tập trung quân hoặc đồ tiếp liệu ở chỗ nào là sẵn sàng oanh kích lập tức. Đối với pháo binh hiện đại và sức mạnh không quân của chúng tôi, địch không có câu trả lời nào.

Joseph hỏi chậm rãi:

- Nhưng còn về gió mùa tháng Ba thì sao? Phải chăng nó không gây trở ngại cho các phi vụ của quý vị và tạo lợi thế cho những bộ đội nhà quê lộ bộ trên các ngọn đồi kia?

Piroth nhún vai trả lời:

- Chúng tôi đã đề ra đầy đủ phương án với sự thận trọng tối đa. Tới lúc lữ "da vàng" từ trên các ngọn đồi kia kéo xuống, anh sẽ thấy rõ tại sao lâu nay người của chúng tôi gọi Điện Biên Phủ này là "Chiến Dịch Máy Xay Thịt".

Viên đại tá Pháp ngẩng đầu ngó mông lung lên bầu trời. Được hướng dẫn qua những cụm mây thấp bằng một quả cầu khí tượng

neo dây từ mặt đất, những chiếc dù ny-lông màu trắng và vải kaki màu phân ngựa đang bung cánh trên bầu trời xám xịt như chì. Các thùng đồ hộp, đạn dược, cuộn thép gai, dụng cụ đào giao thông hào, mìn chống muối, giày trận và tất cả những thứ linh tinh cần thiết cho một căn cứ quân sự đang bị bao vây, tiếp tục bông bênh giữa trời nom như những bông tuyết, rồi rơi khắp mặt đất màu vàng của lòng chảo. Khi xe díp chạy từ pháo đội này sang pháo đội khác, Joseph thấy các toán lính Lê dương, lính Ma-rốc da sẫm của Bộ binh Thuộc địa, lính An-giê-ri và có cả lính bản xứ nhỏ thó của Quân đội Quốc gia Việt Nam trung thành với chính quyền Bảo Đại, từ các giao thông hào lon ton chạy ra thu lượm đồ tiếp liệu. Khi xe díp chạy qua ụ súng thứ sáu hoặc thứ bảy, Joseph thấy ở đó người ta đặt trọng pháo trên nền đất để có thể quay súng theo mọi hướng, nhưng chung quanh ụ súng không có gì che chắn. Anh hỏi:

- Đại tá ạ, phải chăng tất cả trọng pháo của ông đều được đặt trên nền đất trống trải bốn phía như vậy? Bộ ông không ngại nó dễ hỏng hóc khi bị trúng đạn trực tiếp sao?

- Các khẩu pháo được dàn theo cách đó để chúng có xạ trường tự do. Đó là cách có thể lệ làng xoay trở chúng đủ mọi hướng mà không vướng chướng ngại nào. Che chắn chung quanh chỉ làm giảm hiệu năng của chúng.

Nói tới đây, viên sĩ quan Pháp liếc đồng hồ đeo tay:

- Lúc này, Monsieur Sherman, xin thứ lỗi cho tôi, tôi còn phải làm cho xong mấy cuộc thanh tra nữa. Nếu còn có khía cạnh chuẩn bị pháo binh nào làm anh cảm thấy băn khoăn, xin cứ nói với các bạn đồng hương người Mỹ của anh trong phái bộ quân sự Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Các thành viên của phái bộ đều đã thanh tra Điện Biên Phủ - kể cả tướng O Daniel. Hết thấy họ đều đồng ý rằng mọi phương án phòng ngự tập đoàn cứ điểm và phi đạo của chúng tôi ở đây đều hoàn toàn hợp lý.

Không giảng giải thêm với Joseph, viên đại tá Pháp bảo xe díp dừng lại bên một ụ trọng pháo khác và leo xuống. Ông liếc thoáng ra lệnh cho tài xế chở Joseph về lại trung tâm chỉ huy, rồi quay mình rảo bước thật lẹ tới chuyện trò với các pháo thủ đang chờ sẵn.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 4 -

Tiếng o o của máy bay Dakota cất cánh tiến hành phi vụ thả trái sáng trên những vùng đồi tắm tối vắng vắng vọng vào căn hầm làm bằng gỗ súc và bao cát dành cho sĩ quan tham mưu trưởng của đại tá De Castries khi Paul Devraux cùng Joseph Sherman ngồi xuống đối mặt nhau trên hai chiếc giường xếp nhà binh. Lúc máy bay lướt trên đường băng gần hầm trú ẩn, mặt đất rung chuyển và Paul lệ làng đưa bàn tay úp lên ca thiếc của mình còn tay kia bịt miệng ca của Joseph trước khi bụi đất đỏ mịn màng từ trần hầm thấp kịp tuôn xuống như mưa.

Viên sĩ quan Pháp cười niềm nở, nâng ca chúc mừng:

- Joseph này, nếu anh chọn lối sống chui rúc như chuột, phải học vài mảnh lời của chuột chũi mới có thể chịu đựng nổi. Uống cô-nhắc hảo hạng Courvoisier bằng ca thiếc nhà binh đã không thể thưởng thức hết cái ngon của nó, mùi vị lại càng tệ hại hơn nếu bị pha với bụi đất đỏ Điện Biên Phủ. Nào, chào mừng!

- Chào mừng!

Joseph tươi cười nhắc ca lên cùng và uống, rồi chống cùi chỏ một mỗi ngã người ra sau. Anh vừa trải qua trọn một ngày tham quan các ngọn đồi và những chỗ bố trí quân khắp tập đoàn cứ điểm, với những người tháp tùng luân phiên nhau. Bộ quân áo phông viên chiến trường màu xanh lá cây theo anh lê bước khắp Trung Hoa và Triều Tiên lúc này bụi đóng từng quầng. Cuốn sổ tay nhét túi áo ngực ghi chi chút những cuộc trò chuyện của anh với hơn một chục sĩ quan trong nhiều binh chủng khác nhau thuộc Binh đoàn Tác chiến Tây-Bắc (GONO - Groupement Opérationel du Nord-Ouest). Chiếc máy hình lúc nào anh cũng đeo lưng lẳng trước ngực nay đã ngón hết mấy cuộn phim chụp theo thứ tự di chuyển trong ngày. Joseph cũng thấy lạc lõng giữa hàng hà sa số quân kỳ đơn vị và quốc kỳ tam tài của quân Pháp, mấy cọc cờ vàng sọc đỏ của đơn vị

cơ động nhảy dù thuộc Quân đội Quốc gia Việt Nam. Từ sáu năm nay, chế độ Bảo Đại dùng trở lại cờ vàng của chính phủ Trần Trọng Kim nhưng thay vì vạch giữa đứt làm hai theo đồ hình quẻ Ly trước kia, nay nó được nối liền lại. Lúc này, màu vàng và đỏ tượng trưng cho màu "da vàng" máu đỏ của dân tộc và ba vạch tượng trưng cho ba miền nam trung bắc. Còn quốc ca, cũng dùng lại bài "Tiếng Gọi Thanh Niên của Lưu Hữu Phước" tuy tác giả của nó giờ đây đang ở bên kia chiến tuyến, làm Trưởng đoàn Văn công Trung ương của Việt Minh.

Paul kê thêm cho Joseph một giường xếp đặt song song với giường của anh. Suốt nửa giờ vừa qua, Joseph quan sát viên trung tá Pháp tất bật và điềm tĩnh giải quyết công việc tham mưu trưởng với sự trợ giúp của một sĩ quan thuộc cấp. Máy chiếc máy truyền tin hành quân buộc dây da kê trên kệ đã chiến reo liên tục. Các chồng công văn tiếp liệu đến rồi đi. Paul thường xuyên đứng lên khỏi ghế, cầm các viên phấn khác màu nhau để cập thời hoá biểu đồ các nhà kho lên những bản đồ bọc giấy bóng kính. Mỗi lần đạn pháo rơi xuống một khu vực gần bộ chỉ huy, từng đám mây bụi đất đỏ từ trần hầm thấp tuôn xuống như mưa. Máy chiếc chiếu cói treo che vách không ngăn nổi hơi đất làm mùi đất ẩm ướt thấm đẫm mọi thứ trong căn hầm.

Chờ cho sĩ quan phụ tá ra hẳn bên ngoài, Paul rầu rĩ vẩy tay quanh phòng:

- Joseph này, không cần phải nói anh cũng thừa biết. Tại đây, chuyện lính tráng nên làm gì thì không thuộc tầm ý kiến của tôi. Tôi thà đi tuần ban ngày, bất cứ lúc nào, trên các ngọn núi kia còn hơn phải mất hàng giờ ngồi dưới hầm này. Nhưng tôi rất mừng khi thấy anh xuất hiện ở đây vì việc đó nhắc cho tôi nhớ rằng đã lâu lắm mình không được ra ngoài. Nói đúng ra, tôi đang thuyết phục đại tá De Castries cho phép tôi sáng mai đi với đoàn tuần tiểu đem anh vô sâu trong vùng đồi.

Joseph tươi cười:

- Được vậy thì tốt quá.

- Đúng vậy. Tôi có thể không rời mắt trông chừng anh - để bảo đảm anh không đi lạc vào ngôi nhà sàn thổ dân ám khói nào!

Paul vừa cười vừa đối đáp với niềm hân hoan chân thật. Ở độ tuổi sắp quá tứ tuần, viên sĩ quan Pháp không đánh mất chút nào bản tính sôi nổi dễ lây lan mà gần ba chục năm trước, nó đã tạo nên một tình bằng hữu bền chặt ngay từ lúc hai người mới gặp nhau lần đầu. Đầu tóc cắt cụt ngắn của Paul lúc này hai bên thái dương lấm tấm bạc nhưng thân hình anh vẫn thon thả cân đối dù trên khuôn mặt đã xuất hiện những đường nét cứng cỏi làm Paul giờ đây trông giống thân phụ hơn lúc anh còn trẻ.

Joseph nhe răng cười và hỏi:

- Vậy chứ mình có trông mong các bộ lạc thổ dân ấy giúp được gì không đây?

Cổ tình thở hắt ra thật mạnh, Paul lắc đầu:

- Không còn già làng Mọi thân thiết nào mời chúng ta rượu cần nữa. Thời ấy mãi mãi qua rồi.

Dù Paul nói cười tỏ mở Joseph vẫn cảm thấy có thể nghe ra âm hưởng buồn bã và cam chịu trong giọng nói của bạn. Và điều đó làm sống lại trong lòng Joseph cái mặc cảm phạm tội và ân hận, vừa tràn ngập vừa tươi rói.

Suốt mấy năm nay, Joseph tới Đông Dương có lẽ đã trên chục lần để theo dõi cuộc chiến. Những lần anh ghé lại trước đây, Paul đều đi khỏi Sài Gòn vì quân vụ trong Binh đoàn Viễn chinh Pháp. Mấy lần ghé lại lúc đầu, Joseph có ý mong được gặp Paul nhưng cùng với thời gian dần trôi, các lần sau đó đã trở thành những dự trù có tính toán cẩn thận để chỉ ghé lại những lúc Paul không có mặt ở Sài Gòn.

Dù không chủ định, cả Joseph lẫn Lan đều bắt đầu giữ trở lại cái quyết định được hai người trang trọng lập thành từ năm 1945 là mỗi người đi theo con đường riêng của mình. Sau tâm trạng hờn giận ngủi nhờ cùng nhau tìm ra Tuyết, cả hai buộc lòng phải đối mặt trước thực tế trần trụi rằng, với sự kết thúc cuộc thế chiến, họ phải thêm lần nữa bị chia cách theo lối đi riêng của mỗi người. Vì cả Lan lẫn Joseph đều đang có bạn đời và con dại tùy thuộc vào mình, và đang ở hai xứ sở cách nhau nửa quả đất nên sau cùng, cả hai chỉ còn một chọn lựa duy nhất. Lan đề nghị sẽ gởi Tuyết đến ở nhà của Tâm, anh nàng, để nhờ nuôi dưỡng. Còn Joseph, anh nhất

quyết rằng suốt thời gian gởi gắm đó, phải dành cho anh phần sắp xếp cung cấp tài chính cho Tuyết. Ngoài việc đó, cả hai quyết định chấm dứt liên lạc với nhau.

Tuy thế, năm năm sau, vừa quay lại Sài Gòn công tác chuyển đầu tiên cho tờ Gazette và chỉ mới gặp lại Lan trong năm ba giây, Joseph đã nhận ra một thực tế. Rằng cũng như anh, Lan vẫn bị dằng co giữa việc giữ lời thề chung thủy với Paul và những xúc động tình yêu nam nữ dành cho Joseph. Có lần, trong khi trò chuyện, Lan vô tình để lộ cho thấy cuộc sống vợ chồng của nàng không được nồng ấm. Trong những lần Joseph ghé thăm sau đó, tuy Lan hết sức tự chế để không có lời nói hoặc hành động phản bội công khai nào nhưng trong mắt nàng lấp lánh niềm vui tái ngộ. Và cứ thế, nàng tiếp tục để cho những cuộc âm thầm gặp gỡ ấy tiếp diễn. Chỉ chừng ấy thôi cũng đủ khiến Joseph cảm thấy mình cực kỳ đắc tội. Sau mỗi lần chia tay với Lan, anh không thể không nghĩ tới Paul. Một đằng cảm thấy ray rứt vì mặc cảm lừa dối bạn, một đằng lại có phần an tâm khi thấy giữa Lan và anh chưa xảy tới điều gì quá đáng, và nhất là thấy Paul chẳng hay biết gì về những cuộc gặp gỡ vụng trộm ấy cũng như về sự có mặt của Tuyết ở trên đời. Vài ngày trước khi ghé Điện Biên Phủ chuyển đầu này, Joseph biết tin Paul được chỉ định làm tham mưu trưởng cho chỉ huy trưởng tập đoàn cứ điểm. Ngay lúc đó, anh nhận ra rằng cuối cùng, một cuộc gặp mặt giữa Paul và anh tại căn cứ quân sự đang bị vây phủ ấy là điều không thể tránh. Joseph tự hứa tới lúc đó mình sẽ chọn thời điểm thuận tiện để kể hết sự thật với Paul. Dù hữu ý hay vô thức, cuộc tình tay ba giữa Lan, anh và Paul là một thực tế kéo dài tới nay đã mười tám năm. Nay tới lúc nó đòi hỏi phải có một giải pháp thực tế. Quan hệ giữa hai người đàn ông có danh dự và hơn nữa, tình bạn từ thời niên thiếu giữa hai người là nền tảng trên đó cả hai có thể tìm một giải pháp khả thi, vì cả hai đều yêu thương Lan và quý mến nhau. Nếu sự việc không đi tới đâu, anh tin rằng một khi Paul nắm được thực tế, sẽ cảm động trước lòng thành thật tự thú của anh, và sau khi lắng những xúc động ban đầu, sẽ vẫn tiếp tục xem anh là bằng hữu. Còn anh, ít nhất anh cũng nói lên được hoàn cảnh nan giải của Lan, và cả nàng lẫn anh giải tỏa được

một vấn đề lương tâm vì không còn lừa dối Paul. Nếu xảy tới tình huống tồi tệ nhất, anh sẽ cam chịu trước bất cứ phản ứng nào của bạn vì thật tâm mà nói, quan hệ giữa Lan và anh không là điều đáng hãnh diện. Nhưng giờ đây, khi được Paul hồn nhiên tiếp đãi trong hầm trú ẩn đầy bụi và hơi đất, Joseph thấy mình không thể nào giữ nổi lời tự hứa ấy.

Nhìn người sĩ quan Pháp tươi cười hơn hở bất chấp những nguy hiểm và thất bại sờ sờ trước mặt, Joseph chọn cho mình giải pháp đừng làm gì khiến bạn động lòng. Thay vào đó, anh hỏi một câu chẳng đâu vào đâu:

- Paul này, vết thương của anh hồi trước ở Sài Gòn nay còn hành anh nữa không?

Paul lúc lắc đầu:

- Nó không thể làm "dân dù" nhảy cà nhắc mãi. Đạn bắn trúng mé cao trên lưng; có hai viên xuyên qua người tôi bay tuốt ra ngoài. Tôi hên!

Trong một thoáng, Paul nhìn Joseph, cũng với ánh mắt long lanh tinh quái làm người Mỹ nhớ lại buổi tối tiếp tân tại dinh thống đốc Nam kỳ gần ba mươi năm trước. Rồi mặt Paul lấy lại vẻ cứng cỏi với những nếp nhăn nghiêm nghị:

- Nhưng có những thứ hành hạ khác tác động hơn những thứ thuộc về thể xác. Tôi không bao giờ quên nổi tia mắt hận thù tới chết trên khuôn mặt Lộc khi anh ta hét lên ra lệnh cho cậu dân quân bắn chết tôi. Kể từ ngày đó, tôi biết ra rằng mình hoàn toàn bất lực, không thể nào quét sạch khỏi ký ức người ta những điều thể hệ cha tôi đã làm trên đất nước này. Những thống khổ ấy lặn vào quá sâu rồi.

- Paul này, biết rõ thực tế như vậy, anh xoay xở cách nào để tiếp tục sống?

- Có lẽ bằng cách ra sức làm một quân nhân tốt và đừng suy nghĩ nhiều quá. Anh nhớ cho rằng người lính không có nhiệm vụ tranh cãi về lý do - anh ta chỉ có nhiệm vụ thi hành và chết.

- Nhưng ở vào vị trí của anh cách đó cũng chẳng dễ dàng gì. Trong Binh đoàn Viễn chinh không có mấy sĩ quan có quan hệ lâu dài với xứ sở này như anh.

- Đúng, thật không dễ. Thậm chí, nó còn không thể giữ cho cuộc sống của gia đình tôi khỏi bị nhiễm độc dần dần.

Joseph nhìn bạn thật lạ. Lan lúc nào cũng thẳng thắn từ chối thảo luận chi tiết với anh về mối quan hệ giữa nàng và Paul. Việc Paul bất ngờ và bộc trực thừa nhận rằng cuộc sống chung với Lan không hoàn toàn mỹ mãn làm tim Joseph đập rộn ràng. Anh buột miệng hỏi:

- Anh có ý nói gì vậy?

- Phải mất một thời gian rất lâu tôi mới nhận ra rằng có thể tôi thành hôn với Lan chỉ vì muốn chứng tỏ không phải hết thảy người Pháp đều là những gã thực dân muốn hãm hiếp và chủ nhân ông thích có nô lệ. Tôi nghĩ rằng thuở đó tôi quá lý tưởng với những nhận thức của mình lúc ấy. Một cách vô thức, tôi đã xem cuộc hôn nhân giữa tôi và Lan như một bằng chứng sống động cho sự cam kết của tôi - có thể dùng chữ cam kết nếu anh muốn - đối với người Việt Nam rằng tôi quyết tâm phải làm sao cho mọi sự thay đổi.

Paul nhún vai, cầm chai cô-nhắc lên rót thêm vào cả hai ca:

- Nhưng cũng có lẽ vì vậy nên lúc nào nó cũng thiếu một cái gì đó. Chúng tôi đều hết lòng yêu thương đứa con trai của mình nhưng cái từ ban đầu, về phần mình, tôi nghĩ là tình yêu, nó lại đâm chồi quá sâu trong sự suy nghĩ theo ý nguyện chứ không dựa vào thực tế. Đối với Lan, lúc này tôi hiểu rằng luôn luôn thiếu một cái gì đó. Xa xa có tiếng nổ ầm ầm làm căn hầm rung chuyển khiến trần hầm tuôn xuống thêm một cơn mưa bụi đỏ. Trên giường xếp, Joseph ngồi nhìn chằm chặp ca rượu, cố không để lộ cảm giác hy vọng mới mẻ đang chớm nở trong lòng. Paul cũng cố làm cho lời tâm sự của anh ra nhẹ nhàng nhưng anh không kềm chế nổi âm hưởng nuối tiếc trong cung giọng mình:

- Bằng một cách thức buồn cười, trong một thời gian dài, chính trị chen vào giữa chiếc giường chăn gối vợ chồng và ngăn nó làm đôi. Dù sao đi nữa cũng hoàn toàn thuận lý, thuận lý không chịu nổi! Trong một hai phút, Joseph và Paul ngồi im không nói. Cả hai lắng nghe âm thanh xa xa của những chiếc máy bay B-26 của binh đoàn đang oanh tạc các cao điểm chung quanh lòng chảo bằng bom xăng. Sau cùng, khi ngược mắt, Joseph thấy người bạn Pháp đang

mỉm cười nhìn mình với vẻ mặt biểu lộ một tình mến cảm chân thật.

Paul nói, giọng lắng đọng:

- Joseph này, anh biết không, thật ngượng ngoai khi có thể tâm sự với một người nào đó. Đây là loại chuyện tôi không thể nói ra một cách thoải mái với các sĩ quan đồng hương của mình.

- Tôi cũng nghĩ là chẳng thể nào nói ra dễ dàng.

Nói xong câu ấy, Joseph choáng váng nhận ra mình cũng chẳng thể dễ dàng nhìn thẳng vào mắt bạn. Anh vội vàng nâng ca lên miệng để giấu vẻ bứt rứt.

- Joseph, còn về phần anh thì sao, cuộc sống của anh hiện nay thế nào?

Nhìn lên thấy Paul chăm chú vừa ngó mình vừa hỏi, Joseph rần mỉm cười trả lời:

- Tôi nghĩ là khá ổn thoả. Tôi có hai đứa con trai ngoan ngoãn và chóng lớn. Nhà tôi với tôi khá hòa hợp. Tôi nghĩ chẳng có cuộc hôn nhân nào hoàn toàn vui vẻ.

Paul không đáp, tiếp tục ngó Joseph với ánh mắt thắc mắc:

- Joseph này, anh có chắc anh vẫn giữ đúng nguyên tắc ngày xưa của hai đứa mình là hoàn toàn nói thật với nhau? Ngó anh coi bộ hơi bối rối - cái đó thiệt là lạ!

Joseph lại cảm thấy căng thẳng, anh đưa ca lên hớp một ngụm rượu:

- Chẳng có việc gì đâu Paul. Tôi vẫn bình thường. Chính anh là người tôi đang lo lắng. Có bao giờ anh nghĩ tới việc từ nhiệm và ra khỏi chỗ này trước khi mọi sự quá trễ? Chẳng lẽ anh không thể đem Lan và con trai về Pháp, nơi chôn nhau cắt rốn của anh sao?

Trong khi ngóng câu trả lời của Paul, Joseph khắc khoải hỏi lòng phải chẳng bằng cách thay đổi đề tài câu chuyện, anh vừa phá hỏng một cơ hội để thuyết phục Lan cùng xây dựng tương lai với anh.

Nhưng rồi Joseph cảm thấy nhẹ nhõm khi người sĩ quan Pháp chậm chậm lúc lắc đầu:

- Ông bạn ạ, nghe có vẻ kỳ lạ nhưng lúc này tôi thấy mình khó có thể nghĩ tới nước Pháp như một quê hương của mình. Có lẽ tôi chẳng khác gì những người lính Lê dương nơi chiến hào ngoài kia

- có lẽ tôi không còn một xứ sở để gọi đó là quê hương của mình. Ở Pháp, tôi cảm thấy mình như cá ra khỏi nước. Trong đời tôi, tôi đã sống tại Việt Nam lâu hơn bất cứ nơi nào khác. Tôi không còn cân nhắc rằng mình phải làm điều này hoặc nên làm điều nọ. Tôi chỉ còn một việc duy nhất là cứ bình tâm nhìn xem nó diễn ra, từ lúc nó bắt đầu cho tới khi nó chấm dứt

- Nhưng để làm gì? Cho lợi ích của tất cả những tay thực dân cổ đông ở Paris, những kẻ vẫn cố hót cho hết lớp váng lợi nhuận qua việc buôn bán cao su, lúa gạo, than đá, dịch vụ ngân hàng của họ, và thậm chí rượu, thuốc phiện?

Lần này Paul lắc đầu dứt khoát hơn:

- Không. Vì cũng y hệt lý do khiến xứ sở của anh đang đổ ba tỉ Mỹ kim vào két bạc chiến tranh Đông Dương của chúng tôi - để chặn không cho Mát-cơ-va và Bắc Kinh nắm quyền kiểm soát xứ sở này. Lúc này, tôi nghĩ không phải tôi đánh nhau với dân tộc Việt Nam. Chúng tôi đang chống lại những kẻ quỷ quyệt, nhân danh độc lập tự do của dân tộc đó trong khi tay họ sử dụng vũ khí của Trung Cộng, được Trung Cộng huấn luyện và kèm cặp để bành trướng chủ nghĩa Cộng sản Quốc tế tại Việt Nam. Nếu chúng tôi có thể cản trở cộng sản để người Việt quốc gia có đủ thời gian thiết lập một thể chế vững mạnh, và tôi chắc chắn lúc đó họ có đủ khả năng tự mình xây dựng một loại tương lai mà tôi hằng hy vọng.

Joseph bật người đứng lên, bắt đầu khích động đi tới đi lui:

- Paul ạ, tôi không bao giờ cho rằng chúng ta nên nghĩ tới Việt Nam như một Triều Tiên thứ hai - mỗi nước có những vấn đề khác hẳn nhau. Chín năm trước đây, chúng ta có cơ hội để kết bạn với Hồ Chí Minh và chúng ta đã làm hỏng cơ hội đó. Nhưng qua những gì tôi quan sát hôm nay ở đây, nếu Điện Biên Phủ sắp là một kiểu mẫu dùng để đánh bại thế giới cộng sản thì phương tây thua cuộc rồi đấy.

Anh dừng lại, quay mặt ngó bạn với vẻ xin lỗi:

- Tôi xin lỗi. Tôi không có ý tỏ vẻ xem thường. Nhưng khôn nạn là cái tập đoàn cứ điểm này trông không khác gì một vị trí dùng để binh sĩ tự sát tập thể mà tôi chưa từng thấy trong đời mình.

Paul nhún vai:

- Dĩ nhiên tôi cũng có vài dè dặt của riêng mình nhưng nếu anh ở lại đây, hàng ngày anh sẽ nghe các sĩ quan kể với nhau rằng chúng tôi chỉ sợ độc nhất một điều là bọn cộng sản quyết định sẽ không ào xuống tấn công chúng tôi. Từ đầu cuộc chiến tranh cho tới lúc này, chúng tôi chưa bao giờ bầy được lực lượng chủ lực của quân đội chúng vào một địa điểm mà sẽ trở thành một mục tiêu tập trung. Lúc nào cũng như thể đi săn ma trời - anh biết cái trò đó mà. Tướng Navarre tin chắc, đại tá De Castries tin chắc, đại tá Piroth bảo đảm các phương án phòng ngự của chúng tôi đều hợp lý. Nói tới đây, Paul lại nhún vai:

- Tới lúc này thì chẳng còn chọn lựa nào khác. Chúng tôi phải chung lưng kê vai vô bánh xe mà đây.

Joseph vận lại:

- Nhưng các phi công của các anh không tin chắc. Và họ chính là mạch sống của các anh. Mưa mùa sẽ tới rất nhanh. Lúc đó, nếu việc hỗ trợ của không lực bị giảm thì...

Người Mỹ tần ngần, vẻ mặt của anh chỉ dấu cho thấy viễn ảnh ấy quá khủng khiếp, không thể diễn tả thành lời. Paul đứng lên khỏi ghế, cầm lơi lỏng cổ chai cô-nhắc và nắm cánh tay Joseph dẫn tới phía cửa ra có chắn bao cát:

- Ông bạn ạ, chúng ta leo ra ngoài kiểm chút khí trời rồi vào lại, được chứ? Trong này ngột quá!

Ra tới bên ngoài, cả hai cùng đứng trên nóc hầm nhìn chiếc Dakota đang lượn vòng trên các chóp núi làm nhiệm vụ thả trái sáng.

Thình thoảng một cỗ pháo của đại tá Piroth khai hỏa. Tiếng đạn đại bác nổ và có ánh chớp loé sáng một mảng rừng trên cao nơi sườn núi xa xa. Bên cạnh Joseph, Paul hít thật mạnh không khí ban đêm dịu mát vào đầy phổi. Sau cùng Paul nói trong tiếng thở phào:

- Joseph biết không, tại Việt Nam, Pháp không còn là dân tộc độc nhất làm chuyện điên rồ. Nếu hôm nay, "người Mỹ đa tình" đi kiểm nàng công chúa mờ mờ ảo ảo của hắc trong sóc mọi ngày xưa, anh có biết hắc sẽ tìm thấy cái gì không?

Joseph lắc đầu.

- Hắc sẽ tìm thấy nàng không còn kiêu hãnh phô bộ ngực trần của mình ra cho cả thế giới nữa. Những cảnh như thế làm xôn mắt các

nhà truyền giáo Hoa Kỳ của anh vừa mới tới xứ này, và Phái bộ Viện trợ Kinh tế của nước anh đã bỏ ra một ít tiền để tặng miễn phí nịt ngực cho phụ nữ Mọi. Một "sứ mạng khai hoá" mới đang được tiến hành - nay bắt đầu thâm nhập vào Việt Nam lối sống nâng cao trình độ theo kiểu Mỹ.

Joseph cười khúc khích trong cổ họng:

- Paul, anh hay nói giỡn!

- Ông bạn ơi, tôi nói thật đấy. Và không chỉ có vậy thôi đâu. Đồng bào của anh đang ra sức dạy người Mọi và dân quê Việt Nam giữ vệ sinh bằng thức ăn của phương tây - người ta phân phát phó-mát bọc trong giấy bóng kính cho các làng mạc, và dân quê không hiểu đó là thứ gì. Họ thử đủ kiểu đủ cách, kể cả việc dùng nó mà tắm vì họ thấy nó giống cục xà phòng. Anh biết nàng công chúa Mọi của anh đang ra thế nào không? Khi tìm ra nàng, anh sẽ thấy nàng ngồi trong một góc nhà sàn, khóc thút thít rằng bộ ngực xinh đẹp từng có thời rất kiêu hãnh và rất thông dong nay bị ép chặt trong nịt vú cột dây kiểu Mỹ. Còn thêm cái này nữa, khắp thân thể nàng nồng nàn mùi phó-mát Wiscousin vì nàng đã làm lẫn lộn lấy phó-mát mà rửa mình.

Tiếng đại bác bỗng ngưng ngưng. Các trái sáng thả từ máy bay Dakota từng đóm rồi từng đóm tắt lịm trong rừng núi thăm thẳm tối đen. Chậm chậm, lại nhìn thấy những ngôi sao trên bầu trời Điện Biên Phủ hiện ra rõ nét. Trong một lúc, tiếng cười của Joseph và Paul là âm thanh duy nhất trong trời đêm chợt im lặng.

Đặt bàn tay đầy thương mến lên vai Joseph và thêm lần nữa đưa cho bạn chai cô-nhắc không đầy nút, người Pháp nói:

- Nhắm nhò gì ba cái chuyện nhỏ đó. Cái quan trọng nhất là tôi cảm thấy rất thanh thản khi gặp lại anh

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 5 -

Hôm sau, đoàn quân xuất kích từ tập đoàn cứ điểm âm thầm lên đường lúc trời chưa rạng sáng. Như những hồn ma, lính dù lướt đi im lìm trong màn sương mù giá lạnh và ẩm ướt đang phủ kín vùng chân đồi. Bên kia Him Lam, cụm cứ điểm mé Đông Bắc lòng chảo, cây rừng lá thấp và rậm rạp tới độ những khinh binh dẫn đường dẻo dai của Tiểu đoàn Thái Số 3 phải dùng ngọn móc lưỡi dài và sắc lẹm chặt cành cây, phạt dây rừng để mở đường. Và vì thế lúc mới bắt đầu, đoàn quân di chuyển rất chậm.

Ở đoạn đầu của đội hình, Joseph thận trọng bước ngay đằng sau thân hình thẳng đứng của Paul Devraux. Khác với các binh lính chung quanh, anh không cầm vũ khí và không đeo ba lô quân dụng; hai tay anh trống rỗng, vung vẩy tự do. Trước lúc lên đường, Paul đề nghị Joseph mang theo súng lục nhưng anh thận trọng từ chối. Tại Trung Hoa và Triều Tiên, Joseph đã nhất quyết rằng phóng viên chiến trường lúc nào cũng phải đi với hai bàn tay không cầm vũ khí. Và anh ngoan cường giữ mãi quyết định đó dù đã vài lần chạm mặt với thần chết trong lưới lửa đường đạn của cả hai phe. Sáng nay, anh đội chiếc mũ lính bằng vải loại không vành, mặc quần áo màu xanh lá cây và đeo trước ngực các "vũ khí" độc đáo của mình: cặp ống nhòm Pháp và chiếc máy chụp hình.

Không có cuộc tiền pháo bằng đại bác 105 li hoặc 155 li của quân Pháp để xới nát vùng đất sẽ đổ bộ. Cũng không có xe tăng với những họng súng gầm thét cán tới rìa thung lũng như trước đây người ta thường tiến hành để dọn đường cho một cuộc tấn kích.

Paul nói với Joseph rằng lần này đơn vị hành quân xuất phát bất ngờ với mục đích bịt miệng đội sơn pháo hạng nhẹ nã đạn xuống đường bằng lúc chiếc máy bay chở Joseph hạ cánh hôm qua.

Khi thức dậy, Joseph thấy Paul đã nai nịt gọn gàng, vừa di chuyển lẹ làng quanh hầm vừa tự thưởng thức tiếng huýt sáo nhẹ nhàng của

mình. Paul đội lệch chiếc mũ bê-rê đỏ thắm một cách ngang tàng với vẻ bất cần đời và phong thái lảng lảng như thể đã cất khỏi mình một gánh nặng, ít ra trong tạm thời. Khi cả hai lê bước theo hẻm núi chật hẹp, có mấy lần Paul quay lại mỉm cười khích lệ Joseph. Trong ánh sáng nhạt nhoà của sớm mai đang rạng, bộ mặt gầy và sạm nắng của Paul bỗng dung bớt ưu tư và có vẻ trẻ trung hơn.

Khi đoàn quân dừng lại lấy hơi thở, viên trung tá Pháp nói giọng vui vẻ:

- Rừng núi nơi này là nhà của mấy bộ lạc sơn cước thuộc vài sắc tộc khác nhau mà những kẻ có "khuy nh hướng sưu khảo" như anh hẳn lấy làm thú vị. Người Mèo trồng cây á phiện trên những chỏm núi kia để giúp cho đời sống khắc nghiệt trở thành dễ chịu đựng hơn - nhưng anh hãy để ý tới người Xá sống nơi vùng đồi này! Họ là dân cổ sơ, lạc hậu, vẫn đang sinh hoạt như thuở Thời đại Đồ đá. Trông họ giống các sinh vật nơi rừng sâu núi thẳm hơn con người ta. Cách riêng đàn bà, trán họ vồ và hai cánh tay dài như vượn - giống kiêu tay của anh hơn của tôi!

Paul đâm nhẹ vào cánh tay của Joseph rồi cất chân đi trước, lảng lẽ cười một mình. Joseph bước theo, rần rần miệng cười để giấu nỗi xao xuyến càng lúc càng tăng trong lòng mình.

Tối qua, Joseph khủng hoảng tới mức cùng quẫn vì đã không mở nổi miệng để nói với Paul về mặc cảm phạm tội của mình trong quan hệ với Lan. Anh ngủ chập chờn, thỉnh thoảng lắng nghe tiếng thở êm đềm và đều đặn của Paul trong căn hầm tĩnh mịch. Việc nhận thấy cuộc viếng thăm của mình làm Paul vui sướng và người ngoài chỉ khiến Joseph thêm nhức nhối về sự phản bội trắng trợn anh sẽ phạm nếu rút cuộc anh và Lan quyết định kết hiệp cuộc đời của hai người thành một.

Khi đi theo con đường mòn lên dốc núi trong trời rạng sáng, Joseph cân nhắc trong tâm trí những lí do khiến mình không mở nổi miệng. Bỗng nhiên, anh đau nhói hỏ thẹn, nhớ lại cuộc trò chuyện với một hạ sĩ Lê dương trong lúc đi tham quan căn cứ quân sự chiều hôm qua. Khi Joseph đề cập tới việc sáng sớm hôm sau mình sẽ đi ra bên ngoài vành đai phòng thủ của tập đoàn cứ điểm

với một đơn vị hành quân, viên hạ sĩ người Đức ấy cười ra mặt. Anh ta bảo rằng những cuộc xuất kích như thế chỉ là trò tuần tiểu nhỏ nhặt nhằm mục đích đánh lừa các ký giả ghé qua Điện Biên Phủ. Với một cái nhún vai cam chịu, viên hạ sĩ ấy nói:

- Đối phương biết rất rõ rằng từ chỗ này chúng tôi không thể xuất kích mà thu lượm được thành quả nào vì rừng núi rậm rạp và vòng vây chặt chẽ của chúng. Chỉ cần làm một việc giản dị thôi, là chờ cho tới khi bọn chúng chọn thời điểm tràn xuống tấn công chúng tôi.

Joseph tự hỏi phải chăng lời thừa nhận bất chợt đó khiến anh thật sự tin rằng Điện Biên Phủ đã bị kết án tử hình? Phải chăng anh vẫn giữ yên lặng vì đang hi vọng rằng lúc bụi trên chiến trường này lắng xuống, anh không cần phải hỏi một kẻ đã tử trận rằng anh ta có phiền lòng không khi vợ của anh ta bị gã bạn thân cuỗm mất? Choáng váng vì sự việc có thể xảy tới như thế, Joseph bỗng ngừng bước. Trong một chốc anh đứng ngay giữa hẻm núi, đưa mắt đắm đắm nhìn tấm lưng mờ dần của viên trung tá Pháp và lòng quặn thắt với cảm giác tự mình ghê tởm mình cực độ. Liên khi ấy một lính dù đi sau Joseph vấp trúng người anh, cất tiếng rủa sả làm xàm. Joseph vội vàng xin lỗi và lật đật đi tiếp.

Cùng với bình minh đang tới, gió sớm mai nổi lên nhẹ nhàng làm lao xao lớp cỏ cao ngang hông người khi đoàn quân xuất kích tiếp tục con đường đi lên men theo hẻm núi. Rồi luồng gió êm đềm ấy bắt đầu thổi dào dạt làm tan dần màn sương mù dày đặc ban mai.

Xuyên qua một làn sương chập chờn trôi lượn, các bộ đội trong đại đội của Đồng chột thoáng thấy lính dù Pháp.

Cùng chung phòng tuyến với bốn đại đội khác thuộc Trung đoàn 59, lính của Đồng trấn giữ một trong nhiều chốt phục kích được chuẩn bị kỹ lưỡng nơi đầu hẻm núi bên trên lòng chảo. Từ các chốt an toàn dưới giao thông hào khuất trong cây rậm và cỏ cao, năm trăm bộ đội Việt Minh có thừa kín đáo khi theo dõi diễn tiến của đơn vị Pháp đang đi lên cách bốn trăm thước phía dưới.

Sau khi kéo khẩu trọng pháo cuối cùng tới hang đá dành sẵn cho nó trên đỉnh núi, đại đội của Đồng chỉ có phép nghỉ ngơi sáu tiếng đồng hồ nhưng họ được bồi dưỡng thêm một suất đường thẻ đặc

biệt để giúp lấy lại sức. Trong mấy tuần qua, nhiều vị trí vây quanh tập đoàn cứ điểm của Pháp được bộ đội Việt Minh canh giữ suốt ngày đêm. Và theo phiên luân chuyển thường lệ của các đơn vị, đại đội của Đồng được cắt cử tới vị trí này hồi tối.

Suốt mấy tiếng đồng hồ đêm qua họ quan sát ánh lửa bập bùng khắp các cứ điểm của tập đoàn trong bóng tối phía dưới. Họ nghe rất rõ tiếng chân của lính Pháp lội bì bõm trong dòng sông Nậm Rốm. Họ còn có thể hiểu được ý nghĩa lời các bài hát tục tĩu được lính Lê dương rống lên trước lúc sửa soạn đi ngủ. Thỉnh thoảng họ còn nghe trong gió đưa tới tai mình giọng đồng ca ồm ồm của lính dù Quân đội Quốc gia Việt Nam. Có vài bộ đội còn rất trẻ, kín đáo liếc chính trị viên đại đội rồi lẩm thầm hát theo. Các bài hát tiếng Việt vang lên từ bên dưới kia không xa lạ với họ. Chúng nhắc nhở tới một thời thiếu niên êm đềm với những buổi sinh hoạt ngoài trời, trong sân trường, cắm trại, hướng đạo: kết đoàn, ông với ông voi, cái cò cái vạc, con chuột, đàn vịt, thằng cuội, v.v.

Suốt đêm dài, Đồng ra lệnh cho bộ đội nghỉ ngơi trong các chốt điểm được bố trí cẩn thận. Riêng Đồng, trong giờ canh thức của mình, anh điêm tĩnh chuyện trò với đồng đội chung quanh để đảm bảo họ vẫn giữ nguyên cao độ cái tinh thần vừa giúp họ kéo nổi khẩu pháo nặng nề lên núi trong một thời gian kỷ lục.

Vì từ đôi ba tuần nay, rõ ràng quân Pháp ngưng hẳn những cuộc xuất kích cả lớn lẫn nhỏ nên Đồng và các đại đội trưởng những vị trí phục kích khác đều ngạc nhiên khi thấy có một đoàn quân di chuyển theo hàng một và đang cố leo lên núi tiến về hướng của họ. Qua chiếc ống nhòm đã chiến tích thu được của Pháp, Đồng xem xét tỉ mỉ suốt chiều dọc của đội hình khi nó băng qua một trảng đá lộ thiên chỉ cách bên dưới chỗ anh ẩn mình hai trăm thước. Đồng có thể xác định rõ rệt các lính Thái nhỏ con hướng dẫn đi đằng trước. Họ cũng thuộc sắc tộc miền núi chung một vùng với dân bản tại thung lũng này. Trông họ giống những kẻ vừa thức dậy, mặt còn ngái ngủ mà chân đã bước ra khỏi nhà sàn trong ánh sáng sớm tinh mơ. Họ di chuyển vừa nhanh nhẹn vừa căng thẳng đằng trước nhóm đi đầu của đoàn lính dù Pháp.

Đồng chĩa chiếc ống nhòm cực mạnh rà từng người một. Lướt qua

một dáng người cao, lưng thẳng, mặc đồ rằn ri, đầu đội mũ bê-rê đỏ, rồi tới một người dân sự nào đó mặc bộ quần áo bằng vải trơn màu xanh lá cây, Đồng không nhận ra đó là hai kẻ từng nô đùa với anh em mình nơi trại săn trong rừng gần ba chục năm trước. Đại đội của Đồng được phân công giữ vị trí tiền phương tại các điểm đóng chốt trên đầu con dốc nằm lưng chừng hẻm núi. Và anh đang cố tìm cho ra chiếc cần điện đài để có thể phân công cho mấy tay súng thiện xạ nhất của mình bắn gục tên lính truyền tin ngay lúc khai hoả. Sau cùng, Đồng định vị ra hấn. Thì thềm gọi mấy tay súng bắn giỏi tới bên mình, anh lệ làng ra lệnh cho những bộ đội còn lại đưa súng lên vai. Gần như nín thở, cả đại đội ghì súng nhắm xuống chỗ sương mù lao xao, chờ đoàn người da trắng lọt vào tầm tác xạ.

Ưỡn ngực rẽ lớp cỏ cao, Paul Devraux vừa lấy tay lùa qua một bên đám dây leo chằng chịt từ các cành cây rủ xuống vừa liên tục quan sát vùng đồi và những bụi rậm chung quanh bằng con mắt tỉ mỉ và lão luyện của một thợ săn lành nghề. Nhưng dù Paul đang tiến tới gần và có mấy lần nhìn thẳng lên phía hẻm núi nơi đại đội của Đồng đang ẩn mình hờm sẵn, anh vẫn không thấy giữa lớp sóng cỏ chập chờn kia có dấu vết hiện diện nào của đối phương.

Cuối cùng, khi tia mắt sắc sảo của Paul bắt gặp chỗ hai sườn đồi tiếp giáp nhau cách xa chừng trăm thước, anh quay sang Joseph, miệng cười dí dỏm và đưa tay chỉ lên:

- Nhìn lên - kia! Anh có thấy người Xá không?

Joseph nâng ống nhòm lên, chăm chú nhìn đám phụ nữ Xá ở trần vừa ló mình ra khỏi vùng cỏ cây rậm rạp và đang lướt qua một tảng đá trơ trụi. Trông họ di chuyển như loài vật, bò rất lẹ bằng cả hai chân hai tay khiến người xem bị cuốn hút bởi chuyển động kỳ dị ấy. Dọc hàng quân phát ra tiếng cười thô tục. Trong hẻm núi bỗng vang lên vài tiếng hét lớn chế nhạo khi có một người đàn bà trượt chân, hoảng hốt ré lên rồi té lăn xuống dốc đá dựng đứng.

Không một ai trong đoàn lính dù sắp đưa chân vào gọng kềm mai phục ấy có thể ngờ rằng: sự thật các nhóm dân bộ lạc Thời đại Đồ đá đỏ bị Việt Minh kềm giữ khắp thung lũng và chỉ thả họ ra với mục đích đánh lạc hướng quân Pháp.

Trong trường hợp sáng nay, mưu mẹo đó đạt kết quả không chệ vào đâu được. Đám người Xá không gây cho đoàn quân xuất kích chút nghi ngờ nào và làm họ lơ lửng cảnh giác trong vài ba giây. Đúng chớp mắt sau cùng, khi những người sơn cước bò lon ton ấy biến dạng vào một miệng hang, từ các vị trí mai phục, loạt súng đầu tiên nổ ran. Đạn bay xối xả lên đoàn quân xuất kích, quất sùm sùm hơn chục người. Những lính dù còn lại nhào mình núp vào lớp cỏ cao. Lập tức, hầu hết lính trong đại đội của Đồng từ bên trên hẻm núi đồng loạt đứng bật dậy. Họ vung tay ném và lựu đạn dày đặc như mưa đá theo hình vòng cung rơi xuống giữa đoàn quân Pháp. Joseph và Paul lẫn xuống rãnh nước trũng kế bên người lính truyền tin. Mặt anh ta lúc này đầm đìa máu và nát bét, như một cục bột nhão màu đỏ, vì trúng những phát súng khai hỏa chính xác của mấy tay thiện xạ Việt Minh. Khi cả hai choáng váng ép sát người vô vách đá, một trung úy trẻ trườn tới bên họ. Anh ta giật máy truyền tin khỏi tay hiệu thính viên đã chết và bắt đầu gọi máy bay cứu thương của quân y tới tản thương.

Núi rừng bỗng sống động hẳn lên với tiếng đi đùng của hàng loạt súng trường và súng máy khi lính Pháp bắt đầu bắn trả. Khắp chung quanh Joseph, tiếng rên la của kẻ bị thương hoặc đang hấp hối cất lên hoà với âm thanh náo loạn của cuộc đụng độ. Joseph kinh hoàng thở hổn hển khi quay mình lại, thấy thân xác người lính dù mấy phút trước đây còn làm xảm rửa sả anh lúc này gục xuống trên mép rãnh nước. Lòng ngực của anh ta toang hoác vì bị nhiều phát đạn đồng loạt bắn trúng. Một cánh tay bị lựu đạn thổi bay mất. Các ngón của bàn tay còn lại rõ ràng đang cố níu mép rãnh nước và co bóp liên tục như thể làm nhịp cho tiếng rên rỉ thều thào đau đớn thoát ra từ cửa miệng ứ máu trong phút giây từ biệt cõi đời.

Sát bên Joseph, Paul gào lên ra lệnh viên trung úy trẻ khởi sự rút quân lùi xuống hẻm núi hẹp. Khi người Mỹ quay đầu nhìn bạn, anh thấy máu từ một vết thương trên trán Paul chảy nhỏ giọt xuống mi mắt. Joseph há hốc miệng:

- Paul, anh bị bắn trúng!

Viên trung tá Pháp trả lời thật lẹ, chỉ tay xuống sườn đồi:

- Chỉ bị mảnh lựu đạn văng xước da thôi. Anh lùi xuống ngay. Cứ bò dọc rãnh nước, đừng ngóc đầu lên!

Đưa vệt tay áo trần lên quệt máu ngang lông mày, Paul chụp máy truyền tin, bắt đầu gọi máy bay B-26 khẩn cấp tới oanh kích và thả bom xăng xuống các cao điểm bên trên.

Joseph hụp người, bắt đầu trườn xuống theo rãnh nước nhưng có cái gì đó khiến anh dừng lại, ngoái lui nhìn. Paul vẫn cúi đầu vô vách đá, hét lớn vào máy truyền tin, không để ý có một bộ đội Việt Minh đang lao tới mép rãnh nước ngay bên trên anh. Đối phương trở khẩu súng trường có cắm sẵn lưỡi lê trên đầu súng. Trong chớp mắt, bóng anh ta in nghiêng lên bầu trời sớm mai.

Tay nắm chặt vũ khí chĩa xuống như một cây thương đầy tử khí, anh ta dặng hai chân, rùn người, dồn hết sức mạnh vào hông và hai cánh tay, chuẩn bị dí đầu lưỡi lê thọc tới. Nhưng trước khi anh ta kịp chuyển động, Joseph đã từ rãnh nước mé dưới lao ngược trở lại, hét lớn báo động. Chạm hai đầu gối, Joseph bung toàn thân về phía người bộ đội Việt Nam đứng lúc anh ta vừa lao mình đâm xuống Paul. Cả hai va vào nhau, loạng choạng níu lấy nhau và cùng ngã xuống, sát bên Paul. Người Việt Nam té xuống đất quá mạnh, súng văng khỏi tay và bị Joseph đè lên trên. Ngay lập tức anh ta tỉnh người lại, bắt đầu vùng vẫy vật lộn kịch liệt để cố thoát ra. Vừa lúc anh ta gỡ được hai cánh tay ôm chặt của Joseph, có hai lính dù từ sườn đồi ào lên yểm trợ cấp chỉ huy của mình. Còn anh ta vọt lên mép rãnh nước, lủi mất.

Sau khi người bộ đội Việt Minh thoát chạy, Paul nằm ngửa, mặt trắng bệch nhìn Joseph chằm chặp vì thỉnh linh biết ra mình suýt bị lưỡi lê đâm chết. Rồi anh cười miệng méo xệch:

- Ông bạn ạ, cừu binh mà động tác như thế là lạ lắm đấy! Tôi rất mừng là anh tới kịp.

Joseph không trả lời. Người bắt đầu run rẩy vì lúc này anh mới cảm thấy choáng váng. Khi một lính dù nắm cánh tay Joseph, bắt đầu đẩy anh xuống trở lại sườn đồi, anh đi không chút chống cự.

Anh biết rằng hành động đột nhiên giúp Paul vừa rồi là một cử chỉ phản xạ, làm theo bản năng chứ không phải là suy nghĩ tỉnh táo.

Và khi lý trí của Joseph hoạt động trở lại, anh nhận ra, với sự sáng

suốt đáng kinh tởm và nhói buốt, rằng sở dĩ anh có cơ hội liều tính mạng để cứu bạn như thế chỉ bởi vì lúc này, sâu trong thâm tâm - dù có vì thế mà anh khinh bỉ mình - anh ngoái nhìn lui là có ý xem Devraux bị trúng đạn chưa, đã chết hay còn sống.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 6 -

- Thật sự cha là cha của con sao? Đôi khi con khó mà tin có chuyện đó.

Tuyết nói với ánh mắt sáng rõ và tươi tắn như óng ánh một nụ cười. Nếu có người nào bất chợt đưa mắt nhìn qua chiếc bàn hai cha con đang ngồi nơi tầng trệt quán cà phê Chez Maria bên Đại lộ Barnet hẳn sẽ thấy trên mặt Tuyết dường như biểu lộ một tình cảm nồng ấm và chân thật. Nhưng đối với Joseph, anh càng lúc càng nhận ra vẻ trách móc, khó chịu và căng thẳng trong giọng nói của con gái.

Đạo mới mười bốn tuổi, tâm trạng thoát đầu của Tuyết là non dại, rất ít nói và hay bối rối. Rồi những thơ ngây ấy dần dần thay đổi theo tháng ngày, từ e ấp, dè dặt và rụt rè biến thành u uất, câm nín và tủi hận. Tới hôm nay, Tuyết mười bảy tuổi, xinh đẹp, với nước "da vàng" nhạt như tủa màu rực rỡ và lông lánh vẻ thanh xuân.

Nửa năm qua, trong đôi ba lần cha con gặp nhau mỗi khi Joseph ghé lại Sài Gòn, Tuyết giữ thái độ trách móc nhẹ nhàng. Nhưng đối với Joseph, anh cảm thấy trong thái độ ấy của con có một chọn lựa nào đó, như một cách thức cố ý chọc cho người cha chạnh lòng và nhức nhối.

Khi Joseph không thể chờ đợi thêm một phút nào nữa, sắp sửa gọi tính tiền, chuẩn bị đứng lên bỏ đi, đột nhiên Tuyết, từ một chỗ nào đó, xuất hiện và lẹ làng đặt mình xuống mặt ghế cạnh chiếc bàn anh đang ngồi. Thanh tú và mảnh mai như cành liễu, Tuyết ngồi hờ hững trên mép ghế, cầm lơ đãng tì lên lưng bàn tay và đưa mắt ơ hờ nhìn cha. Các thiếu nữ lai phương tây thường có màu da rất trắng nhưng mặt Tuyết chỉ hơi trắng, sắc da nhạt hơn người bình thường, với hai con mắt to hơn mắt mẹ nhưng nét đẹp Tuyết của làm xao xuyến lòng người, không thua gì mẹ. Điều đó được xác nhận khi có rất nhiều đàn ông từ những bàn bên cạnh quay đầu

nhìn sang hướng có nó ngồi. Tuyết mặc áo dài cao cổ màu vàng nhạt, may ôm sát eo lưng và bộ ngực mảnh mai. Nét duyên dáng tự nhiên của nó lại càng linh động hơn nhờ phong thái điềm tĩnh ít khi thấy nơi các thiếu nữ Việt Nam.

Joseph nói với giọng thật thấp, cố không để lộ tâm trạng nao nao xúc động anh thường cảm thấy mỗi lần gặp con:

- Tuyết ạ, cha cũng thấy khó mà tin nổi chuyện đó. Cho tới khi cha có cơ hội hiếm hoi được thấy khuôn mặt đáng yêu của con ở ngay trước mặt cha. Con càng lớn càng xinh đẹp không kém mẹ con chút nào.

- Nếu cha nghĩ mẹ đáng yêu đến thế, tại sao trước kia cha không ở lại đây làm đám cưới với mẹ?

Lúc lắc đầu, Tuyết nguây nguẩy phóng ra câu hỏi ấy, rất lạ như thể đã tập dượt hằng giờ trong các buổi học tiếng Anh tại trường trung học Pháp Marie-Curie. Joseph bỗng tự hỏi phải chăng trong giọng nói của Tuyết có đôi chút dấu vết của một tâm trạng quá đỗi kích động đúng như anh nhận thấy, hay đó chỉ là đòn hết can đảm để đặt những câu hỏi thẳng thừng và vô phép trước đây nó không bao giờ dám hỏi.

Một người hầu bàn tới gần nhưng Tuyết giận dữ lắc đầu xua tay.

Chờ cho người phục vụ ấy rút lui, Joseph đặt tay lên mặt bàn.

Trong một chốc anh im lặng ngó xuống hai bàn tay mình, rồi tăng hắng và nói gần như không thành tiếng:

- Tuyết ạ, thuở đó cha có nói với mẹ của con rằng cha rất muốn làm đám cưới, nhưng rồi mẹ không thể nhận lời cầu hôn của cha vì mẹ không muốn làm buồn lòng ông ngoại của con trong lúc gia đình đang gặp chuyện không may.

Joseph ngừng nói, quan sát vẻ mặt của con gái và không dò nổi phản ứng. Nó vô cảm không kém nửa giờ trước đây. Lúc đó, Tuyết xuất hiện trước cổng trường với đám bạn gái cười nói líu lo.

Joseph thấy nó đưa mắt nhìn qua bên kia đại lộ, thẳng tới hướng anh đang đứng chờ. Chắc chắn Tuyết có thấy mình. Nghĩ như thế, anh bước ra khỏi bóng mát dưới gốc me, đưa tay vẫy con. Nhưng Tuyết vội vàng quay mặt sang chỗ khác, làm như chẳng thấy ai.

Nó tiếp tục đi với các bạn gái cùng lớp. Cả đám tay cầm tay, chân

bước tung tăng và miệng tíu tíu chuyện trò, để mặc làn gió nhẹ nhẹ lay động những suối tóc mượt mà. Ở lề đường bên kia, Joseph chậm chạp đi theo Tuyết. Dõi theo tiếng cười khúc khích sôi nổi của con gái và chúng bạn trôi dạt lại trong tai mình, anh kiên nhẫn chờ nhưng Tuyết không ngoái nhìn cha.

Năm 1951, lần đầu tiên đến cổng trường của Tuyết lúc trời gần đứng bóng, dưới nắng trưa Sài Gòn đỏ lửa, Joseph cũng kiên nhẫn đứng chờ, trên tay cầm một tấm ảnh của Tuyết do Lan đưa. Nhờ tấm ảnh ấy, Joseph dễ dàng nhận ra con gái. Anh lật đặt băng ngang con đường trước trường, lách mình qua một đoàn xích-lô vào thời đó đã đạp loanh quanh đón khách trong thành phố, thay cho xe kéo cổ lỗ.

Khi Joseph tới gần, chạm vào cánh tay đưa con gái mười bốn tuổi, khuôn mặt của Tuyết cau lại với vẻ thật sự cảnh giác. Vẻ mặt ấy khiến Joseph nhớ lại tia nhìn e sợ chột lóe lên trong hai con mắt bùng bùng sốt của Tuyết bên bờ ao làng đầy bùn nơi cực bắc Trung kỳ sáu năm về trước khi lần đầu tiên gặp anh. Nhưng ngoài vẻ cảnh giác ấy, không còn dấu hiệu nào khác gợi cho Joseph nhớ tới đứa bé gái tuyệt vọng sắp chết đói được anh thuở đó ôm chặt vào lòng với trái tim đập rộn ràng của người cha tìm thấy đứa con thất lạc.

Sau đó, cứ mỗi lần đến thăm con, Joseph lại đứng ở phía lề đường đối diện với cổng trường, đưa tay lên vẫy và chờ đợi. Trong những lần hai cha con mới gặp nhau, Tuyết miễn cưỡng tách khỏi đám bạn và băng qua đường chào đón cha. Đôi khi hai cha con tản bộ tới Thảo Cầm Viên hoặc đi loanh quanh trong Vườn Ông Thượng mà lúc này có tên mới là vườn Tao Đàn, cách dinh thống đốc cũ một quãng, nơi anh gặp Lan lần đầu lúc nàng mới mười tuổi.

Rồi tới một giai đoạn Tuyết bắt đầu hoàn toàn không ngó ngàng đến cha dù Joseph vẫn đứng chờ bên kia cổng trường. Hôm bắt đầu xảy ra tình trạng đó là vào dịp Sài Gòn chuẩn bị đón tết Nguyên đán. Cảm thấy ngạc nhiên, anh lật đặt đi theo con gái. Tuyết cố tình dẫn anh lượn tới quanh lui không biết bao nhiêu lần giữa hàng chục quầy bán hoa của chợ hoa xuân đông đúc trên Đại lộ Charner thẳng trước Tòa Thị Chính, bên kia Bồn Kèn. Sau cùng, anh hoa

mắt và nó với đám bạn cười nói khúc khích rộn ràng ấy biến mất lúc nào không biết.

Từ lần đó trở đi, nếu thấy Tuyết làm như không nhận ra sự có mặt của cha phía bên kia cổng trường, Joseph sẽ đi theo con, giữ cách một quãng ngắn. Cứ thế thành thông lệ. Rồi thêm một thói quen nữa. Sau khi đi theo con, Joseph sẽ tới ngồi chờ nơi tầng trệt của tiệm cà phê Chez Maria gần đó, để tạo dịp cho Tuyết quay lại nói chuyện với cha nếu nó muốn. Có khi Tuyết đến, có khi không.

Từ đó đến nay đã ba năm, hai cha con gặp nhau có lẽ chỉ bảy tám lần. Không lần nào gặp nhau không cảm thấy lần gặp khó chịu.

Lần nào Joseph cũng cố làm sao cho con gái không còn thái độ bướng bỉnh và ánh mắt thù nghịch biểu lộ kể từ lần đầu tiên hai cha con gặp nhau trước cổng trường. Như một nỗ lực để gần gũi con hơn, Joseph bắt đầu học tiếng Việt. Nhưng nếu anh nói chuyện bằng tiếng Việt, Tuyết nhất quyết không ngó ngang tới cha và nặng nề buộc Joseph phải nói tiếng Anh.

Hễ Joseph mở miệng hỏi Tuyết về cuộc sống hiện tại của nó, thay vì trả lời trực tiếp, nó lại nhắc tới "Cậu Mợ Tâm" với những câu nói bày tỏ lòng quý mến sâu xa. Nó kể lể dài dòng và tỉ mỉ những cử chỉ thân ái được "Cậu Mợ" dành cho nó, như cố làm nổi bật tâm trạng tủi hận mà nó cảm thấy rất cụ thể và rất thấm thía việc cha mẹ không chịu trực tiếp nuôi nấng mình. Mỗi lần nhắc tới Lan, Joseph đều thấy thái độ của Tuyết lãnh đạm và dè dặt dù chưa bao giờ nó công khai biểu lộ lòng oán ghét mẹ.

Đã trăm lần Joseph quả quyết với Tuyết rằng lòng anh ân hận biết bao vì sự thể xoay chuyển ra như thế này. Nhưng lúc nào Tuyết cũng chỉ im lặng lắng nghe lời phân trần ấy, không để lộ chút phản ứng nào. Cho dù lối Tuyết xử sự với cha rất cách biệt, Joseph vẫn cảm nhận sắc nét rằng bên dưới chiếc mặt nạ nguội lạnh ấy, con gái anh đang vật vã với chính nó nhằm che giấu tâm trạng tủi hận của một thiếu nữ luôn luôn mang mặc bị tổn thương và bị phản bội.

- Vậy, có phải bất chấp những cái đó, cha vẫn còn yêu mẹ?

Joseph giật mình nhìn lên, dội ngược vì câu hỏi ấy của con gái.

Mắt Tuyết ngó thẳng mắt cha trong vài giây rồi bỗng như bối rối vì

sự táo bạo của mình, nó quay đầu nhìn chỗ khác. Joseph nhìn không chớp về mặt nghiêng nghiêng thanh tú của con gái, thấy nó giống Lan tới độ làm anh như nghẹt thở. Cuối cùng Joseph cất tiếng, trong giọng nói có đôi chút ghen ngào:

- Còn, Tuyết ạ. Cha yêu mẹ con nhiều lắm. Cha không bao giờ thôi yêu mẹ con. Cha vẫn nuôi hi vọng tới một ngày nào đó, cha và mẹ có cơ hội làm đám cưới.

Tuyết liếc cha thật lẹ, đôi mắt đen nhánh lộ vẻ giật mình nhưng không nói. Anh móc ví lấy ra tấm ảnh của Tuyết lúc mười bốn tuổi anh từng cầm theo khi lần đầu tới cổng trường của nó. Tấm ảnh giờ đây hơi nhàu. Trong ảnh, vẻ mặt Tuyết e ấp, rụt rè và phơn phớt buồn, trông rất tội nghiệp. Joseph đẩy tấm ảnh về phía con gái và nói:

- Và dù đi bất cứ nơi nào cha cũng đều mang theo tấm ảnh này.

Tuyết ạ, suốt ba năm nay, cha thấy vẻ mặt con lúc nào cũng giống như trong tấm ảnh. Cha muốn làm thế nào cho con cười thật nhiều và thật tươi. Nếu mẹ con và cha kết hôn, cha muốn mang hai mẹ con rời Việt Nam. Cha muốn cả ba chúng ta sống chung thành một gia đình.

- Chuyện đó lúc này không phải đã khá trễ rồi sao?

Tuyết nói và lúc lắc đầu, khinh khỉnh, không thèm ngó tấm ảnh đặt ngay trước mặt. Rồi nó quay đầu sang chỗ khác, nhìn mông lung tấm lưới giăng ngang trước tầng trệt. Đó là loại lưới mắt cáo bằng thép từ tám năm nay được dùng để che chắn các tiệm cà phê trong thành phố Sài Gòn kể từ ngày quân du kích Việt Minh đi xe đạp bắt đầu ném lựu đạn vào những hàng quán có khách nước ngoài.

- Cha hy vọng là không. Lúc này, rõ ràng cuộc chiến đang nghiêng phần thắng về phía cộng sản. Tại Điện Biên Phủ mọi sự càng lúc càng tệ hại - nhưng cha cho là không quá trễ. Nếu cộng sản thắng thì ở đây, ngay tại Sài Gòn này, nhiều cái có thể chẳng bao giờ còn y như cũ... Đó là lý do cha muốn nói chuyện với con.

Joseph vừa nói vừa sôi nổi chúi người tới trước để lôi kéo sự chú ý của con gái nhưng Tuyết hình như không nghe, mắt nó vẫn đắm đắm nhìn xuống đường phố.

Bên kia tấm lưới sắt đang bị Tuyết làm ra vẻ cố nhìn xuyên suốt,

Sài Gòn lúc này biến đổi thành một đô thị rộng mênh mông, khác với thuở đầu tiên Joseph ghé lại ba mươi năm trước. Dù vào ban trưa và vào quãng bảy giờ chiều, tầng trệt có lưới chắn bảo vệ của các quán cà phê vẫn đông đúc người Pháp vì thói quen khai vị của họ, hiện đã có khoảng trên một ngàn người Mỹ đồng hương của Joseph đang hàng ngày đi lại trên các đại lộ của "Paris Phương Đông". Lá cờ sao sọc trở thành hình ảnh quen thuộc trên nhiều đường phố trung tâm khi một số lượng hùng hậu gồm năm trăm người Mỹ đang bắt đầu kéo tới đây ngay sau quyết định trọng đại của tổng thống Truman là Hoa Kỳ giữ vững lập trường chống cộng sản ở á đông. Họ là nhân viên thuộc Đại sứ quán Hoa Kỳ, tăng cường thêm Phái bộ Viện trợ Kinh tế cùng cả chục cơ quan khác của chính phủ Mỹ.

Để có chỗ cư trú cho ngàn ấy người Mỹ, người ta vội vã nâng cấp các chung cư kiên cố và hiện đại lên cao hơn. Và chúng đứng sừng sững trước các biệt thự quét vôi màu lam nhạt kiểu Pháp. Thêm nữa, để ghi đậm lên thành phố dấu ấn cá biệt của lối sống Mỹ, các cửa tiệm dọc đường Catinat bắt đầu bày bán áo sơ-mi ni-lông cổ mềm cài nút, kem đánh răng the the mùi bạc hà cùng với coca cola và các hàng hóa khác được dân Mỹ ưa dùng hàng ngày.

Joseph biết rằng một đoàn quân nhỏ nhoi gồm các viên chức chính phủ Mỹ đã bắt đầu thao tác trong các giáo phái, các đảng phái của người Việt và các nhóm quyền lực bản xứ khác. Mục đích nhằm toan tính chuẩn bị một lực lượng, với sự hậu thuẫn của Mỹ, có khả năng cứu Việt Nam khỏi chủ nghĩa Mác-xít Lê-ni-nít khi rút cuộc người Pháp buộc lòng phải ra đi. Anh đã viết nhiều bài báo cho tờ Gazette, cảnh báo đồng hương của mình rằng họ phải rất dè dặt khi đặt chân lên xứ sở xa lạ và phức tạp này, vào lúc họ gần như chỉ mới bắt đầu tìm hiểu.

Cũng giống các ký giả nước ngoài ghé lại đây, Joseph phải gầy dựng, nuôi dưỡng và sử dụng những đường dây bí mật với các phái viên Việt Minh để theo dõi sát nút cuộc chiến. Họ là những người tuy mắt đầy cảnh giác nhưng lúc nào cũng long lanh sôi nổi giải thích các nguyên cơ chiến đấu của họ. Các cuộc tiếp xúc bí mật giữa họ với Joseph thường xảy ra tại các làng mạc trong rừng ven

biên Sài Gòn, hoặc trong các quán cóc ruồi bu kiến đậu chuyên bán cà phê bít-tát tại những khu vực nghèo nội thành. Những điều tai nghe mắt thấy ấy đủ để khiến anh lo sợ về những gì sẽ xảy ra sau cuộc chiến. Tình hình Việt Nam đang tới gần một điểm quặt quan trọng và trước mắt, đang có nhiều nguy hiểm và bất ổn.

Sau cùng, khi Tuyết chịu quay mặt lại nhìn cha, Joseph nói với giọng quả quyết hơn:

- Tuyết này, cha lo lắng về những cái hẫng sẽ xảy tới cho con nếu cộng sản thắng cuộc chiến tranh này. Có lẽ con không để ý nhiều tới chính trị nhưng Việt Minh muốn thay đổi lối sống của hết thảy mọi người ở đây, trong đó có cả con.

Nhẹ nhàng cười mỉm theo kiểu nửa tin nửa ngờ mà Tuyết biết sẽ làm người vừa nói cảm thấy rất bức mình. Vài giây sau, nó mới trả lời:

- Cho tới hôm nay, tại cái xứ sở sinh ra con này, con tự lo liệu cho mình rất ổn thoả. Cha lo xa cho con ư, thật tử tế quá! Nhưng nếu không có sự giúp đỡ của cha, con nghĩ con vẫn có khả năng tiếp tục sống trên cõi thế gian này!

Với tay qua bên kia mặt bàn, Joseph cầm tay con gái và ướm lời:

- Tuyết, con hãy để cha giải thích về dự tính cha đang có trong đầu. Con chịu khó nghe một chút, có mất gì đâu...

Tuyết giật tay về đặt trên đùi mình, và thêm lần nữa cười mỉm:

- Đúng, nghe thì có mất mát gì đâu. Nhưng chẳng may lúc này con không rảnh.

Nó đứng dậy, chìa bàn tay, làm như đang biểu lộ một hình thức chế nhạo:

- Monsieur Sherman, chào nhé, và xin cảm ơn.

Để tránh cho Tuyết khỏi ngỡ ngàng, Joseph miễn cưỡng đứng lên.

Trong khoảnh khắc ngắn ngủi hai bàn tay cha con chạm vào nhau, nó lại cười mỉm với anh thêm lần nữa, rất nhẹ nhàng.

Joseph vẫn đứng đăm đăm nhìn Tuyết đi thẳng một mạch qua tầng trệt đông đúc. Rồi khi con gái đi khuất, anh lại chậm chậm buông người xuống ghế. Trên mặt bàn, tấm ảnh Tuyết với vẻ mặt u uất vẫn nằm ngay phía trước chiếc ghế trống nó vừa ngồi, tấm ảnh nó không hề để mắt nhìn hay đụng tay tới.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 7 -

Khi trời hửng sáng trên khắp vùng nghỉ mát Đà Lạt vào ngày Thứ Bảy 13 tháng Ba năm 1954, những đồi thông bạt ngàn bao phủ cao nguyên Lang-Biang vẫn còn liễm kín trong sương mù. Không một ngọn gió làm lao xao không khí núi đồi mát lạnh, cũng không một tiếng chim hót làm rạn bầu khí tĩnh lặng lúc tinh sương. Khi ánh sáng le lói từ mặt trời chiếu xuống càng lúc càng rõ nét, mọi nơi trên bầu trời lóng lánh như xà cừ ngũ sắc bắt đầu lan toả một màu vàng dịu dàng và ấm áp. Và những vách đá lặng buồn trên cao, đen đũi nhô mình ra giữa chốn mù sương, tựa những hình dáng mờ mờ ảo ảo được vẽ phóng bút trên nền lụa xám nhạt trong một bức tranh tàu thủy mặc.

Cùng Lan chậm chậm bước dưới bầu trời cao nguyên Đà Lạt và trên bờ hồ Đa Thiện, Joseph mê mải ngược mắt nhìn lên các đỉnh núi. Bên anh, Lan hát nho nhỏ. Tiếng nàng hát nghe chan chứa ước vọng và không kém phần u uẩn, chất chứa trong lời ca của bài "Les Feuilles Sont Mortes" - Những Chiếc Lá Chết. Khoảnh khắc này đẹp tuyệt vời và âm hưởng của nó làm Joseph tự hỏi lòng phải chăng mình đang trong một giấc mộng.

Đi dưới những hàng thông ướt đầm sương mai, hai người dường như đang ở một cõi riêng giữa trần thế. Trên hồ chưa xuất hiện bóng dáng chiếc thuyền buồm nhỏ nhắn và kỳ dị với những cánh buồm sắc màu rực rỡ, thường khua sóng lan khắp mặt nước khi mang khách du sang chân đồi bên kia.

Vào giờ này cũng thế, rừng thông chưa thấp thoáng bóng người đi lại. Dây đớ dưới hàng thông cao, trong bóng tối, bất chợt long lanh một đoá lan vàng hoặc trắng chiếu thẳng vào mắt Joseph làm môi anh bật lên lời sùng sờ thảng thốt. Nhưng Joseph thường phải nén lại vì e rằng âm thanh ngợi khen ấy sẽ làm rạn vỡ quãng thời gian tinh sương ngăn ngui Lan đã mời anh cùng nàng chia sẻ.

Lẳng nghe tiếng Lan hát, dòng tưởng tượng của Joseph đưa anh trôi dạt về thuở thanh xuân khi nàng cùng chung bước dạo chơi nơi đây với các bạn cùng trường Couvent des Oiseaux, những thiếu nữ mắt mở lớn và lòng xao xuyến trước cuộc đời chỉ mới bắt đầu hé cửa. Anh nhớ mãi lời mô tả nhói buốt của Lan về những ngày đầy hạnh phúc lúc cấp sách tới trường ở Đà Lạt, được nàng kể cho anh nghe chín năm về trước, khi cả hai đang trên đường ra phương bắc tìm con.

Sau khi đáp máy bay rời lòng chảo Điện Biên Phủ rồi biết được Lan đã lên Đà Lạt và ngụ tại một biệt thự, trong vòng một tháng, để sống gần con trai đang theo học Trường Võ Bị Liên Quân Đà Lạt, Joseph lập tức vội vã rời Sài Gòn, tìm đường đi ngay lên cao nguyên.

Tới Đà Lạt, Joseph lấy phòng tại Khách sạn Palace Lang-Biang, nơi anh từng trọ lần đầu với mẹ vào năm 1925. Và rồi những ý nghĩ phiền muộn làm lòng anh xao xuyến lúc mới đặt chân trở lại chốn này tan biến thật nhanh khi anh, không một lời báo trước, tìm tới ngôi biệt thự Lan thuê làm chỗ tạm trú, và được nàng mừng rỡ đón tiếp.

Lan cứ nhất định rằng ngày mai hai người phải cùng nhau ngắm ánh bình minh chan hòa mặt nước hồ trên núi như nàng vẫn thường ngắm thuở còn đi học. Từ biệt thự về lại khách sạn, đêm ấy còn cao, Joseph không chợp mắt chút nào, và khi bên ngoài còn đầy bóng tối, anh chỗi dậy. Lúc trời chưa sáng hẳn, cả hai đã gặp nhau bên bờ hồ êm đềm này rồi tay trong tay, cùng im lặng đi bên nhau. Bỗng dưng Lan ngừng hát và cất tiếng nói. Cũng với giọng đầy u ải và chan chứa ước vọng như khi nàng hát:

- Joseph ạ, đêm qua em về lại dưới mái trường nội trú ngày xưa trong một tu viện. Em tìm cách vào nhà nguyện để nghe các dì phước hát Ca Nguyện Cuối Ngày. Rón rén chân, em đi thật êm. Rồi em vào quì gối trên sàn nhà nguyện, chung với các nữ sinh khác, như vẫn thường làm hồi còn đi học. Anh biết không, chẳng người nào phát giác ra em!

Không biết nói như thế nào nên Joseph chỉ mỉm cười bóp chặt tay Lan. Vẻ hồn nhiên trên mặt Lan trong ánh ban mai vừa rạng khiến

nàng trông như thể một thiếu nữ mới lớn. Và Joseph cảm thấy cổ họng mình se lại với ý nghĩ sao nàng và Tuyết giống nhau quá đời. Bằng những cách thức tuy khác nhau nhưng cả Lan lẫn Tuyết đều như né tránh anh. Có vẻ như cả mẹ lẫn con, lúc nào cũng chờn vờn anh khiến tay anh không làm sao với tới trong cuộc đời thật sự của mình. Và khi nhận ra điều đó, lòng Joseph ngất ngây một nỗi buồn thắm thía; càng nghĩ anh càng thấy cảnh sắc ban mai đột nhiên biến đổi.

Nhìn vẻ mặt phơn phớt buồn của Lan, Joseph băng khuâng tự hỏi phải chăng nỗi hoài cảm quá khứ đã làm mất nàng nhạt nhòa trước thực tại. Phải chăng Lan không nhận ra thực tế ngày nay, Đà Lạt, thành phố của mùa xuân vô tận, đã hoá thành một vùng đồi ngời mát phù hoa và đang mất dần vẻ xinh tươi của nó.

Được xây dựng vào những ngày cực thịnh trong thời kỳ thực dân Pháp đô hộ, Palace Lang-Biang một thời huy hoàng tráng lệ lúc này chỉ còn là chiếc bóng mờ và tiêu tụy của một cơ ngơi đại khách sạn thuở nào. Không còn phong thái sang trọng và xa hoa, thay vào đó là những tấm thảm sờn mòn, tường tróc sơn, vôi không rỉ nước và những người giúp việc Việt Nam phục vụ khách trong những căn phòng rộng thênh thang với điều thuốc lá phì phèo ngược ngạo trên miệng.

Vẫn còn đó những cây đào mảnh mai đứng thành hàng hai bên con dốc dẫn lên nhà hát trên đồi bên hông chợ. Hàng hoa tươi trước chợ vẫn dư dật màu sắc với những bông hoa mướt như nhung và đọng chút sương mai. Quán nước bên kia hồ Xuân Hương, nơi các cặp tình nhân đến thuê thuyền để được cùng nhau rung động theo sóng nước, vẫn ẩn hiện đằng sau hàng liễu đỏ mimosa lứt thướt. Mấy tu viện Công giáo vẫn tĩnh lặng trên các đỉnh đồi. Tháp chuông nhà thờ con gà vẫn vời vời nên thơ trong mù sương buổi sớm. Chuông chùa Linh Sơn vẫn trầm lắng giống tiếng thu không. Cựu hoàng Bảo Đại vẫn thường ngự tại một trong hai biệt điện dựa lưng núi đồi, nhìn xuống thung lũng đẹp tuyệt vời. Nhưng thành phố được xây dựng quá đồ sộ chung quanh con trăng lưỡi liềm hồ Xuân Hương lúc này mang vẻ mệt mỏi và nhếch nhác. Giống hệt những tay thực dân đã lập ra nó và hồi hải tặc tận hưởng niềm vui an

dưỡng sinh lực của nó, Đà Lạt đang chóng vánh đi tới giai đoạn chót cuộc sống hữu dụng của mình. Ngay trên bờ chiếc hồ vắng lặng này cũng chịu vô số dấu chân giẫm đạp chằng chịt lên nhau và giờ đây chỉ còn không khí lỏng lẻo và toàn cảnh các ngọn đồi xa xa là giống y nguyên trong trí nhớ của Joseph.

Anh cất tiếng nói với Lan, giọng dịu dàng:

- Lan ạ, anh không muốn làm mất vẻ quyến rũ của Đà Lạt đối với em nhưng anh không thể giữ im lặng khi cảm thấy thời gian Pháp ở lại Việt Nam không còn bao lâu nữa. Có lẽ cũng sắp chấm dứt trọn vẹn cái cung cách mà từ thuở trước tới nay gia tộc em đã chọn để sống theo đó...

Joseph nắm cánh tay Lan, có ý giữ nàng đứng lại nhưng nàng cười với anh thật lạ rồi tiếp tục bước đi dưới những hàng cây và nhìn xuống mặt hồ sương mù đang tan dần. Khi bắt kịp nàng, anh nói quả quyết hơn:

- Anh đã biết ngay từ lúc ngồi bên giường em trong nhà thương Đồn Đất. Lần đó, sau khi lại thấy tình yêu của chúng ta lấp lánh trên khuôn mặt ngái ngủ của em dù em cố đè nén, anh biết mình sẽ không bao giờ sống yên ổn cho tới khi chúng ta kết hiệp hai cuộc đời vào nhau. Từ ngày về Mỹ, anh đã cố quên - nhưng sâu trong lòng mình, anh lúc nào cũng biết rằng mình chẳng bao giờ có thể quên.

Lan tiếp tục bước. Mắt nhìn xuống đất với vẻ cam chịu và miệng nàng hơi mỉm cười:

- Joseph ạ, có nhiều cái để sống hơn tình yêu trên một khuôn mặt ngái ngủ. Có phải mọi người Mỹ đều lãng mạn tới độ hết phương cứu chữa như vậy?

Joseph nói trang trọng:

- Nếu việc bị tình yêu và con người của em cuốn hút là lãng mạn thì anh đã bị định phận làm người lãng mạn. Với anh, từ gần hai chục năm nay, chỉ có hai cái đó mới làm cho đời mình thật sự đáng sống. Sau khi chiến tranh kết thúc, anh trở về nhà; cứ mỗi lần nhắm mắt, anh thấy lại những gì trước đây đã xảy ra giữa anh và em. Lúc đó, anh biết anh vẫn yêu em và vẫn muốn em là vợ anh. Sau này anh lại thấy suốt chín năm xa cách nhau vừa qua, không

một ngày nào anh không yêu em. Rốt cuộc, anh nghĩ, đó chính là nguyên do khiến anh trở thành một phóng viên hải ngoại - để có cơ hội, có lí do trở lại Sài Gòn tìm em lần nữa.

Trong khi Joseph nói, cả hai vẫn không dừng bước. Anh nắm tay phải vào lòng bàn tay trái và âm thanh bất chợt ấy dội nhẹ trên mặt nước hồ loang loáng như gương:

- Lan này, tại sao chúng ta lại điên khùng như thế này? Lý ra thuở đó chúng ta phải thận trọng khi lập quyết định!

Cười buồn bã, Lan nói với anh:

- Joseph ạ, trước đây chúng ta đã hoàn toàn đồng ý không bàn tới chuyện này nữa. Có xem xét nữa cũng chỉ thấy mình loanh quanh. Chiều hôm qua, anh bảo rằng anh lên Đà Lạt gặp em để nói chuyện liên can tới Tuyết.

- Đúng, anh có nói như vậy - nhưng để giải quyết êm thấm chuyện đó, anh nghĩ trước hết phải dàn xếp ổn thỏa chuyện của anh với em.

Lần này Joseph nắm chặt vai Lan, xoay mặt nàng nhìn thẳng vào mặt anh. Trời ẩm và lạnh nên Lan mặc áo chùng đen, đúng chiếc áo nàng từng mặc năm 1945 trong lần cả hai đi phương bắc tìm con gái. Lúp trùm đầu lật ngược ra sau và khi đi dạo trong sương sớm, Lan để tóc buông xỏa xuống vai.

Joseph nhận thấy vào lúc tuổi gần bốn mươi, nhan sắc Lan trở nên huyền huyền ảo ảo - như mang một chiều sâu cô đơn của tâm hồn bên trong vẻ nhục cảm đậm đà, làm xao xuyến và say đắm thêm lên. Đôi mắt đen nhưng hình như buồn hơn, sâu lắng hơn và đôi môi Lan hình như đầy đặn hơn, gợi cảm hơn. Như thể độ chín chắn của tâm linh và độ mãn khai của cơ thể vén lộ cho nàng một bí mật định tĩnh nào đó của người nữ mà trước đây chính nàng và anh, người yêu nàng, đều chưa từng biết.

Suốt mấy năm nay, đây là lần đầu tiên Joseph được nhìn nàng thật gần gũi và thật mật thiết, giữa thiên nhiên hoa cỏ và kẻ cận bên mình. Càng nhìn anh càng tự hỏi lòng chẳng biết sức cuốn hút của mình đối với nàng có còn được như xưa. Trong ánh nhàn nhạt lúc trời vừa rạng sáng, Lan có vẻ đáng yêu hơn lúc nào hết. Và anh thấy mình khó có thể tin rằng lý do nàng có mặt suốt một tháng dài

tại Đà Lạt là chỉ để thăm đứa con trai lúc này cao lớn như một thanh niên và được đặc cách nhận làm sinh viên sĩ quan trong học viện quân sự Pháp tại đây.

Thấy trí óc Joseph bắt đầu nghĩ ngợi đầu đầu, Lan thúc giục anh về lại vấn đề:

- Em đang nóng lòng về Tuyết. Có phải anh vừa gặp nó?

- Phải, cách đây hai ngày - nhưng nó cư xử rất lạ. Nó hỏi không biết anh có thật sự là cha của nó không và tại sao lúc trước chúng ta không thành hôn với nhau. Nó còn hỏi anh, hỏi thẳng thừng, là anh có còn yêu em không?

Đôi lông mày mượt mà của Lan nhú lại với vẻ thắc mắc:

- Thông thường, Tuyết có thái độ rất xa cách và thu mình.

- Đúng, đúng như vậy. Nhưng lần này thật lạ kỳ - có vẻ như thể nó đọc được ý nghĩ của anh. Em biết không, anh quyết định rồi. Lúc này mọi sự đang ở trong một diễn tiến thay đổi.

Joseph siết tay Lan chặt thêm. Mặt anh thoáng buồn với vẻ mơ màng và hồi tưởng:

- Lan ạ, em còn nhớ một buổi chiều cách đây mười tám năm, trong lăng hoàng đế Minh Mạng. Lúc ấy anh đọc mấy câu dịch thơ Kiều chọt hiện lên trong ký ức anh khi anh so sánh vẻ đẹp của em và cái tên Kiều Lan. Em còn nhớ không?

Lan nhắm mắt lại, giọng run lẩy bẩy:

- Nhớ. Nhớ lắm Joseph. Kỷ niệm ấy theo em đi suốt một đời. Hôm đó, khi nghe anh đọc Kiều, em rung động tâm hồn em. Những câu thơ ấy mang anh tới thật gần em. Mẹ em thuộc lòng mấy ngàn câu thơ Kiều, không sót một chữ. Em chào đời và lớn lên trong tiếng ru Kiều của mẹ.

Joseph lùi lại một bước, xoắn hai bàn tay vào nhau:

- Chẳng biết có phải việc đọc mấy câu Kiều hôm đó là điềm không may, nó vạ vào cuộc tình của chúng mình hay không? Nhiều khi anh ngẫm nghĩ hình như số mệnh của Vương Thúy Kiều ẩn vào cái tên Kiều Lan của em. Ngày xưa Thúy Kiều vì chữ hiếu bán mình chuộc cha khỏi nơi tù ngục, ngày nay Kiều Lan cũng vì chữ hiếu phải kết hôn với người mình không yêu. Nhưng thật mỉa mai và cay đắng, chỉ vì cha muốn thăng tiến công danh và tích lũy thêm

của cái!

Hai mắt nhắm lại đau đớn. Dường như góc mắt ươn ướt theo nước mắt đang ứa ra. Lan đưa tay dụi mắt rồi nhìn xuống mặt hồ mù sương:

- Joseph ạ, anh đừng nghĩ như thế, cũng đừng bao giờ nói lời như thế nữa, nhất là về cha em. Đối với phụ nữ chúng em, Thúy Kiều là tấm gương hiếu thảo với cha mẹ, chung tình với người yêu, nhưng Thúy Kiều chưa bao giờ là kiêu mẫu trong cuộc sống. Mỗi khi gặp buồn tủi, những câu thơ Kiều về thân phận đàn bà làm chúng em cảm thấy được san sẻ và nguôi ngoai phần nào. Nhưng chẳng ai lại muốn đời mình giống như đời Thúy Kiều để mất hết mọi hy vọng và bị gian nan luân lạc suốt mười mấy năm...

Thở ra hơi dài và nhẹ, Lan đưa hai tay hất mái tóc, cố mỉm cười nói lảng:

- Joseph anh biết không. Chữ Kiều trong tên em chỉ có nghĩa mong cho con gái có vẻ đẹp sắc sảo mặn mà. Nó không hoàn toàn liên quan tới cái tên Vương Thúy Kiều. Người Việt mê thơ Kiều hơn câu chuyện Thúy Kiều. Và hầu như không ai đặt tên con cháu hoặc lấy biệt hiệu theo các nhân vật trong truyện ấy.

Không mỉm cười phụ họa, Joseph đặt tay lên vai Lan, xoay mặt nàng nhìn thẳng vào mắt anh. Lần này giọng anh lộ rõ vẻ quả quyết:

- Anh thật sự không có ý nói tới cha em và em như thế. Nhưng Lan này, chúng ta đã để mất nhiều cơ hội quý báu. Lý ra hôm xưa nơi cổng vườn nhà em tại Huế, anh phải làm sao cho em đồng ý kết hôn với anh. Và khi chúng ta lại tìm thấy nhau lúc cuộc thế chiến vừa chấm dứt. Đêm ấy bên bờ sông Gianh, chúng ta đã ôm chầm lấy nhau như hai kẻ rồ dại...

Lan định ngắt lời nhưng anh đưa tay lên không để cho nàng nói:

- Anh biết, em đang định nói rằng, "Nhưng Joseph này, không chỉ riêng chúng mình, cuộc đời của hết thảy mọi người đều bị chính cuộc thế chiến và nạn đói gây ra những chấn động hãi hùng như thế". Vâng, đúng vậy. Lúc đó chúng ta như thể hai kẻ sắp chết đuối

- chúng ta phải tìm cách bơi vào bờ để chắc chắn mình sống sót.

Thêm nữa, lúc đó, anh và em, mỗi người đều có một gia đình non

trẻ đang cần tới mình.

Joseph ngừng nói, nhìn vào mắt Lan và cười dịu dàng:

- Tất cả những cái đó đều đúng. Cả hai chúng ta đều biết rõ những gì đang cản trở và chúng ta cố tình chọn cho mình một tư thế là không ngược mắt lên đối mặt với tình yêu. Nhưng phải chăng chính cái đó đã lôi kéo anh trở lại á đông? Tại sao hiện nay, khi chúng ta gặp lại sau chín năm, nó như thể giữa anh và em chưa xảy ra chuyện gì khác - như thể tình yêu vẫn ở đó và thời gian đứng yên một chỗ.

Ánh mắt Lan chợt hạ xuống như có vẻ hổ thẹn vì việc Joseph nhắc tới nỗi đam mê vẫn sống mãnh liệt trong thời gian cả hai xa cách nhau và giờ đây lại bốc lên dữ dội trong lòng nhau:

- Joseph ạ, đó chẳng qua chỉ vì lỗi suy nghĩ của anh và em. Nó không có nghĩa chúng ta chỉ việc quay lưng lại với các nghĩa vụ của mình.

- Nhưng Lan ạ, lúc này mọi sự đổi khác. Cả hai chúng ta đã hy sinh rất nhiều. Anh và em đã thực hiện xong nghĩa vụ! Cả anh lẫn em đều không thể tiếp tục gặp gỡ nhau vụng trộm sau lưng Paul. Và anh không thể tiếp tục lừa dối Tempe, giả bộ như thể chẳng xảy ra chuyện gì. Chúng ta từng có hai cơ hội và chúng ta đã bỏ phí cả hai - lúc này anh muốn sửa chữa mọi lỗi lầm trong quá khứ trước khi quá trễ. Và cũng sắp quá trễ. Lan ơi! Thế giới đang thay đổi, Việt Nam đang thay đổi - nhanh hơn mình có thể nhận ra. Nếu cộng sản chiến thắng, không ai biết trước chuyện gì sẽ xảy ra cho Sài Gòn. Chỉ biết chắc một điều là mọi sự sẽ bị đảo lộn tận gốc rễ và Sài Gòn không còn chỗ cho con người sống chân thật và chí tình. Anh muốn đem em và Tuyết đi khỏi nơi này. Anh muốn mang mẹ con em tới một nơi nào đó để mình có thể sống mãi bên nhau. Có thể Singapore, có thể Tokyo, anh không biết chắc - bất cứ nơi nào anh có thể ra sức làm cho Tuyết hiểu rõ cha và mẹ nó yêu thương nó biết chừng nào. Ở đây, anh không thể gần gũi nó. Lúc nào nó cũng rất nghi kỵ, rất bướng bỉnh - rất tủi và rất hận.

Mặt Joseph bỗng mờ đi, như thể vì quá đau đớn:

- Đôi khi anh thấy rõ ràng rằng nó chắc chắn rất oán hận anh vì những gì anh đã làm. Và cái đó làm anh không chịu đựng nổi.

Cố tìm thật sâu trong mắt Lan một dấu hiệu nào đó cho thấy nàng đang dao động nhưng Joseph chỉ thấy cũng một vẻ hoài nghi và bất định giống như từ trước tới nay, không một chút thay đổi. Cũng vẫn kiên trì cái quyết tâm cứng cỏi nàng từng quyết định một cách tỉnh táo và quyết liệt mười tám năm trước, bất chấp nó đưa tới hậu quả tệ hại như thế nào.

Quay mặt sang chỗ khác, Lan thì thầm:

- Joseph ạ, lúc này không là thời gian thích hợp; Paul đang ở Điện Biên Phủ.

Trong một chốc, Joseph tần ngần nhìn Lan rồi anh ghé sát vào nàng hơn:

- Lan, xin em nghe kỹ đây. Tại Điện Biên Phủ, Paul và anh có nói chuyện về em. Anh ấy kể với anh rằng đã từ lâu mọi sự không ổn thỏa. Em luôn luôn giữ lòng cực kỳ chung thủy qua việc không nói với anh về khía cạnh đó trong cuộc sống của em. Nhưng lúc này, khi biết được mọi sự thật ra chẳng nồng ấm chút nào, anh cảm thấy những lần gặp gỡ của chúng mình khó có thể gọi là dối trá và phản bội.

Mắt Lan mở lớn, cảnh giác:

- Anh đã nói hết sự thật với Paul? Anh đã kể cho anh ấy nghe việc chúng ta gặp nhau?

Joseph lắc đầu nhìn chỗ khác:

- Không. Anh đã có ý định kể - nhưng anh không biết làm sao mở miệng.

- Vậy tại sao Paul đề cập tới tình trạng sống chung giữa anh ấy và em?

- Lúc đó, Paul và anh thảo luận tới những kỳ vọng của anh ấy về Việt Nam - rồi tự nhiên nó dẫn tới chuyện đó.

Mắt Lan lo âu dò xét vẻ mặt Joseph:

- Anh ấy có nghi ngờ chút nào chuyện giữa anh và em không?

Joseph lắc đầu, trong cử chỉ đó của anh có ít nhiều đau đớn:

- Không - anh gần như rất thêm được Paul nghi ngờ. Có như thế mới dễ cho anh nói ra, Lan ạ. Anh không chịu đựng nổi việc lừa dối anh ấy. Paul nghĩ về anh như một người bạn trung thành nhất. Và trong khi cả ba chúng ta đều đau khổ, Paul là nạn nhân không

cứu vẫn nổi vì em không yêu Paul, còn anh phản bội tình bạn của Paul. Chẳng bao lâu nữa anh lại phải bay tới Điện Biên Phủ để viết thêm một bài và anh thật khó biết lúc đó, mình làm sao đối mặt nổi với Paul. Tuy thế, mọi sự đang thay đổi. Anh phải kể hết cho Paul nghe sau khi bàn tính ổn thỏa chuyện này với em.

Lan đưa tay lên môi, kinh hãi nhìn chăm chặp Joseph:

- Nhưng Joseph, tại sao anh lại phải làm như vậy?

- Anh không thể tiếp tục sống dối trá như thế này nữa. Anh muốn em và Tuyết ở mãi với anh - tại một nơi an toàn nào đó.

Giọng Joseph xúc động run rẩy và anh cảm thấy mắt mình rom rớm:

- Lan, bộ em không hiểu ư? Anh muốn việc đó hơn bất cứ việc nào khác trên thế giới này.

- Nhưng còn vợ con của anh thì sao?

- Anh quyết định cũng sẽ kể hết mọi sự cho Tempe nghe. Cô ấy phải biết sự thật. Lúc này các con của anh cũng đã lớn và anh sắp sửa yêu cầu cô ấy li dị anh. Anh muốn làm như thế để tỏ ra cho em và Tuyết thấy rằng đối với anh hai mẹ con em có ý nghĩa biết bao. Trong một hồi lâu Lan nhìn mông lung mặt hồ lấp lánh, không nói một lời. Sau cùng, Joseph vừa hỏi vừa nâng bàn tay của Lan để nàng phải ngược lên nhìn thẳng vào mắt anh:

- Lan này, em trả lời như thế nào? Em có rời xa Paul và kết hôn với anh không?

- Anh Joseph, Paul là chồng của em.

Lan nói giọng thì thầm gần như không nghe được. Joseph phải cúi đầu xuống thật sát để nghe cho rõ lời nàng.

- Em không biết tương lai dành sẵn điều gì cho cho đất nước của em, gia đình em và bản thân em. Em cảm thấy sợ. Nhưng em lại càng sợ hơn khi không thể biết cuộc đời của em và Tuyết rồi sẽ ra sao nếu mẹ con em phải sống nơi xứ người xa lạ vì một quyết định sai lầm hôm nay. Thêm nữa, nếu từ bỏ Paul, em chẳng dám chắc mình sẽ không bị rơi vào hoàn cảnh sống với những dằn vặt mới trong lương tâm...

Lan ngừng lại một chút, mím môi, rồi nhìn thẳng vào mắt Joseph:

- Joseph ạ, em là người Việt. Tuy học trường Tây nhưng em sống

và suy nghĩ theo lối Việt Nam. Em chưa bao giờ có can đảm đoạn tuyệt với quan niệm cho tới nay của người Việt, xem hôn nhân với duyên đôi lứa nghĩa vợ chồng là trọng và nặng hơn tình yêu nam nữ. Phụ nữ người Việt chúng em ít có kẻ lấy bản thân và tình yêu làm nền tảng cho mọi dự tính trong cuộc sống. Hạnh phúc của chúng em tùy thuộc vào gia đình, và cảm thấy an ủi khi thân nhân và chồng con được yên ổn. Riết ra rồi cũng thành quen. Mơ mộng và lãng mạn thời còn con gái thì ai cũng có nhưng chúng em không suy nghĩ theo lối lấy cá nhân làm tâm điểm như người phương tây. Joseph bối rối đau đầu nhìn Lan. Rồi anh ngó quanh, lúng túng tìm thêm lời lẽ thuyết phục:

- Nhưng Lan ạ, em đối xử không công bằng với bản thân em. Em không nhớ có nhiều lần bên hồ này, em đã từng mơ tưởng đời em rồi sẽ tràn đầy hoa với mộng? Vậy không có lý do gì để làm chết đi niềm hy vọng ấy! Lan ạ, em hãy kết hôn với anh và anh sẽ làm cho em hạnh phúc hơn bao giờ.

Lan thêm lần nữa đưa mắt ái ngại nhìn Joseph:

- Joseph ạ, em đã nói hết với anh. Và hiện nay em lại càng không thể quyết định, nhất là đang trong tình cảnh như thế này.

Joseph thở dài, hai tay buông thõng xuống hai bên thân mình:

- Anh không nghĩ như vậy.

- Joseph ạ, em đâu có thể yêu cầu anh phải suy nghĩ giống như em. Em chỉ xin anh hứa với em một điều.

- Điều gì vậy?

- Khi trở lại Điện Biên Phủ, xin anh đừng chút nào đề cập chuyện này với Paul. Em xin anh đừng nói gì cả cho tới khi em gặp lại anh ấy.

Trong một thoáng, Joseph nhìn thật kỹ bộ mặt đầy lo lắng của Lan rồi anh mỉm cười:

- Được, Lan ạ. Anh hứa. Anh sẽ đợi cho tới khi nào xong Điện Biên Phủ.

Cả hai tiếp tục dạo bước cho tới lúc mặt trời lên rất cao trên núi đồi Đà Lạt. Họ im lặng đi bên nhau theo con đường mòn băng ngang các bãi cỏ và những mảnh vườn xanh tốt nơi người ta trồng loại dâu màu đỏ thắm, bắp cải tươi ngon và hoa lá a-ti-sô mà chở

xuống Sài Gòn bán rất được giá. Họ chia tay về nơi ở của mỗi người để ăn trưa và hẹn tới chiều sẽ gặp lại nhau.

Chiếc xe chở Lan và Joseph men theo con đường đèo ngoằn ngoèo trong gió thổi mơn man và lành lạnh, ngan ngát hương và chập chờn phần vàng của ngàn vạn cây thông mọc đầy triền dốc các lũng sâu hai bên đường rồi đi ngang thác Prenn rì rào, như con thuyền đưa cả hai từ cõi mùa xuân trên cao xuống một tầng trần thế.

Tiếp đó, xe xuôi chiều thung lũng ven sông để xuống Di Linh, một cao nguyên gần đó, ngang qua những ghềnh đá bên đồi sỏi bọt trắng xoá và những đồn điền trà hoặc thơm tinh tươm, nằm bạt ngàn nối tiếp nhau. Tiếng máy xe hơi khiến lũ bướm giật mình, tung cánh bay lên như đám mây vàng lơ lửng trên những khúc quanh vắng lặng có đôi ba đàn chim đa sắc lông màu sắc sỡ đang sà xuống những cành cây rừng la đà hai bên đường.

Khu vực đồi núi này còn hoang vu, chưa bị bộ đội Việt Minh lẫn binh lính Pháp để mất tới. Thoạt đầu, trí nhớ của Joseph bị đánh thức bởi những đám mây bướm. Rồi tiếp đó, khi thấy đàn ông và đàn bà sắc tộc Ra-đê mệt nhọc lê bước dọc hai bên vệ đường, đưa thân trần và chỉ quần khô ngang bẹn, người anh như lịm vào cơn mê hoài niệm chuyển đi săn định mệnh trong những khu rừng Định Quán Đồng Nai miệt dưới vùng này ba mươi năm về trước.

Vì không thể nói tới những gì đang trĩu nặng tâm tư nên hình như cả Joseph lẫn Lan đều mặc nhiên thoả thuận với nhau là sẽ không người nào mở miệng. Và niềm hạnh phúc Joseph thường cảm thấy mỗi khi nhìn khuôn mặt Lan lúc này có phần vui bớt vì một nỗi e sợ đang gặm nhấm lòng anh rằng đây có thể là kỷ niệm sau chót được cả hai cùng chia sẻ trong cuộc đời của mình.

Đêm ấy, có lẽ cảm nhận được những gì Joseph đang nghĩ ngợi, Lan đồng ý dùng chung bữa ăn tối với anh tại nhà hàng của Khách sạn Palace Lang-Biang nơi quốc trưởng Bảo Đại từng thường xuyên lui tới giải khuây.

Trái ngược với các khu vực nhếch nhác khác trong khách sạn, việc ẩm thực tại nhà hàng này vẫn còn tương xứng với một vị cựu hoàng. Dưới trần nhà cao sang lộng lẫy, Lan và Joseph cùng ngồi

lại bên bàn ăn, cạnh ánh nến lung linh, cho tới khi mọi thực khách khác đã ra về. Cả hai đắm thắm nhìn nhau, vừa ngọt ngào vừa xót xa và trong tâm tư ưu phiền của mỗi người, kẻ nào cũng biết rõ rằng đây có thể là lần cuối được ở bên nhau. Dùng bữa xong, hai người ra ngồi trên sân thềm cao dưới ánh sao lạnh lẽo. Joseph nhấp ly rượu gạo Việt Nam còn Lan uống nốt cốc vang đỏ trước khi dùng cà phê.

Joseph xoay xoay ly rượu trắng trong tay và nói:

- Anh từng ngồi nơi này với mẹ khi nghe tin anh Chuck tử nạn. Giờ đây, có vẻ giây phút ấy chưa bao giờ có thật. Nó mơ hồ như trong một giấc mơ đã xa thật xa - nói theo kiểu đông phương, nó như thể xảy ra trong một tiền kiếp nào đó.

Lan chạm nhẹ vào bàn tay còn lại của Joseph:

- Em cũng thế. Nhiều lúc em tự hỏi không biết một biến cố riêng tư nào đó có thật sự xảy ra trong quá khứ. Và em chỉ có câu trả lời khi trong trí tưởng, em ngửi lại được mùi hương cũ. Có phải anh rất thương anh Chuck?

Về mặt Joseph rười rượi buồn:

- Đúng, anh nghĩ thuở đó có lẽ trong gia đình anh là người thương Chuck nhất. Anh vừa thương vừa phục, đôi khi có chút ganh tị. Lúc đó, anh mới mười lăm tuổi và cũng khoảng thời gian đó, thế giới dường như sụp đổ chung quanh anh.

Lan nhìn Joseph với vẻ mặt đầy quan tâm. Nàng hỏi dịu dàng:

- Tại sao lại như thế? Đã xảy ra chuyện gì vậy?

- Cũng chẳng đáng cho mình nhắc lại - anh nghĩ rằng lúc đó anh xúc động quá đáng, như một cậu bé. Sau này nhìn lại, anh thấy nó khá ngớ ngẩn!

Joseph lại rơi vào im lặng, mắt đắm đắm nhìn những ngôi sao đêm đang tụ vào nhau như những đám mây lân tinh giữa khung trời màu tím trên đầu anh với Lan.

- Joseph ạ, em muốn nghe anh nói tiếp. Trước đây em chưa bao giờ được nghe anh nói nhiều về anh.

Mặt Joseph hằn rõ nét bối rối. Anh nhìn thật lâu vào bóng tối lúc này phủ kín mặt hồ Xuân Hương:

- Lan ạ, em biết không, anh Chuck lúc nào cũng sáng chói hơn anh.

Anh ấy là một lực sĩ xuất sắc, một người học rất giỏi - và rất chân chất. Anh sống dưới chiếc bóng của anh ấy. Cha anh không giấu giếm việc ông ấy thiên vị Chuck. Điều đó thường làm anh tủi lòng và có lẽ vì thế anh hướng về mẹ nhiều hơn.

- Và mẹ anh rất thương anh?

- Đúng thế, và rất thông hiểu chở che anh - nhưng trong khi gia đình anh ở xứ này, xảy tới một chuyện làm anh cực kỳ choáng váng. Và sau đó phải mất một thời gian rất lâu anh mới vượt qua nỗi.

Joseph quay mặt lại, cười buồn bã với Lan. Anh thấy nàng đang dăm dăm nhìn mình với vẻ chăm chú lạ thường.

- Nó xảy ra vào đêm thứ nhì nơi trại săn trong rừng. Đêm ấy trời mưa và bão, anh không ngủ được. Anh chỗi dậy đứng ngắm trời chớp - và lúc đó anh thấy bà ấy.

- Mẹ anh?

Giọng Joseph lắng xuống thành tiếng thì thầm. Anh quay nhìn khoảng không phía trước, mắt mơ hồ, vẻ mặt trống rỗng:

- Đúng, mẹ anh. Bà chạy băng qua trại, dưới trời mưa bão. Anh nghĩ rằng biết đâu bà có chuyện gì đó cần tới sự giúp đỡ của mình nên anh vội vàng chạy theo...

Joseph dừng lại, nhấp chút rượu trắng. Lan thấy bàn tay anh nổi gai ốc và run nhè nhẹ.

- Bà chạy tới chiếc lều dành cho cha của Paul. Anh chừng lại bên ngoài. Rồi anh không thể không nghe những âm thanh của hai người vang ra. Lúc ấy, anh không hiểu rõ lắm về những bản năng và mê đắm của con người, nhưng chuyện xảy ra đó dường như là một sự phản bội vô cùng khủng khiếp - không chỉ đối với người chồng mà còn đối với cả ba cha con anh. Nhất là, nó bóp nát trong tim anh hình ảnh người mẹ dịu hiền và tín nhiệm như một nơi anh nương náu.

Lan hẫ hẫ nhìn Joseph:

- Thật kinh hoàng quá đối cho anh!

Joseph giật mình tỏ vẻ có lỗi, như thể trong trạng thái mụ mẫm của mình anh hầu như quên lửng có Lan đang lắng nghe:

- Anh xin lỗi Lan, trước đây anh chưa bao giờ nói tới chuyện này.

Xúc động trước vẻ trơ vơ của Joseph, Lan đưa tay nắm các ngón tay anh:

- Joseph ạ, có gì đâu. Anh đang giúp em được chia sẻ với anh.
- Kể từ đêm xảy ra chuyện ấy, anh không còn tin tưởng vào con người vì thấy nó đam mê và quá bất định. Anh cũng không thể xóa bỏ thành kiến hoài nghi lòng dạ phụ nữ vì thấy nó yếu đuối và đầy cảm tính. Bên cạnh đó, kiến thức và tuổi đời cho anh thấy rằng anh đang sống với một tâm lý què quặt và rằng để có hạnh phúc, anh cần nuôi dưỡng một nhân sinh quan nhân ái và quân bình. Nhưng anh vẫn loay hoay, chưa thật sự tìm thấy niềm tin để mình tự cứu chữa - cho tới khi anh gặp lại em.

Joseph nâng bàn tay mềm mại của Lan bằng cả hai tay mình:

- Cô bé mười tuổi rụt rè đã trở thành một thiếu nữ xinh đẹp tuyệt vời. Lúc đó em dường như cực kỳ thanh khiết, rất chân thật và quá đỗi đáng yêu. Anh chưa từng quen biết người nào ngay lành và dịu dàng như em. Khi thấy em kính cẩn quì gối khấn cầu trong ngôi đền nơi lăng hoàng đế Minh Mạng, anh cảm thấy trong lòng có điều gì đó gần gũi và diệu vợi mình chưa từng biết tới.

Lan mím nhẹ môi, nhắm mắt, thở hơi vào thật sâu. Trong một hồi lâu cả hai ngôi không nói. Sau cùng, Lan phá vỡ sự im lặng. Nàng thì thầm:

- Chuyện đó, cha anh có biết không?
- Anh nghĩ là không. Anh nghĩ đêm đó ông say quá. Mẹ anh cũng chẳng biết rằng lúc đó anh chột thức...

Giọng Joseph lại ngập ngừng:

- Đứa em trai của anh, Guy, sinh vào cuối năm 1925. Mẹ anh không nói lời nào nhưng anh chắc chắn nó là em cùng cha khác mẹ với Paul.

Chung quanh Joseph và Lan, trên thềm cao đầy bóng tối, những giọng nói lào xào bằng tiếng Pháp dần dần rời rạc rồi bật hẳn. Thấy chỉ còn hai người, nàng đưa hai tay mình ủ bàn tay anh:

- Cái gì xảy ra thì đã xảy ra. Cái làm cho đời mình bị xoay chuyển thường hoàn toàn nằm ngoài tầm tay của mình. Em chẳng biết phải nói thế nào đây Joseph ạ.
- Lúc này, hãy tạm xem tất cả đều như nước đã chảy qua cầu.

Joseph nói như thế với nụ cười yếu ớt trên khóe miệng khi thấy vẻ mặt Lan càng lúc càng căng thẳng. Nghe vậy, nàng thì thầm:

- Joseph ạ, em biết mình lúc nào cũng cố giữ không để cho anh biết rõ cảm xúc của em. Em chưa bao giờ có đủ can đảm để có thể nói với anh rằng sau khi chúng ta tìm được Tuyết em đau đớn biết mấy vì không được sống chung với nó. Em biết ở với anh Tâm thì Tuyết không bao giờ xa hẳn em - nhưng điều đó cũng làm em đau lòng. Và lúc này em đã hiểu, lý ra em đừng nên làm như vậy. Em có cảm tưởng, cho tới nay cả ba chúng ta đều sống như chân không chạm mặt đất. Tuyết không thật sự có được một người cha. Em cũng chưa hoàn toàn là một người vợ, chẳng thật sự là một người yêu, và tệ hơn nữa, không đóng đúng vai một người mẹ của con anh và em. Hoàn cảnh anh cũng chẳng khá hơn em chút nào. Chúng ta càng muốn sống trung thực càng thấy mình cô đơn và cùng quẫn.

Môi Lan run run và Joseph thấy nàng sắp trào nước mắt. Để an ủi, anh áp hai bàn tay nàng chặt hơn trong tay mình. Rồi cả hai rơi vào im lặng. Sau cùng Joseph đứng lên, sửa soạn đưa Lan quay về biệt thự nàng trú ngụ nhưng rồi anh kinh ngạc thấy nàng nắm cánh tay anh và dịu dàng xoay người anh về hướng các cửa sổ kiểu Pháp dẫn lên phòng khách sạn. Joseph nhìn vào mặt Lan, thấy nàng đang chăm chú ngắm xuống đầu mũi xăn-đan của mình.

Trong phòng anh, nàng lùa qua một bên chiếc màn cửa màu đỏ tươi và rất dày đang che kín khung cửa sổ rộng để hai người có thể trông lên thấy rõ sao trời. Và qua cửa sổ, khi nhìn xuống đầu các ngọn cây thông, họ thấy mình có thể trông rõ ánh phản chiếu long lanh vẻ ngọc của chúng như trắng một lớp sơn đen mịn màng lên mặt hồ hình lưỡi liềm thoang thoang hương xuân. Cả hai đứng thật sát bên nhau hồi lâu, trong cảnh trọng và im lặng.

Và sau đó, không một vẻ e lệ, nàng trút bỏ y phục, xoả tóc buông lơng ngang lưng rồi bước vào hai cánh tay anh. Trên đôi chân trần, nàng bỗng nhiên nhỏ nhắn lạ thường. Thân thể từng một lần trong bóng tối có thể lên thật êm vào ngôi trường nữ sinh Couvent des Oiseaux và có mặt trong giờ tụ tập nơi nhà nguyện để nghe các nữ tu ca bài kinh nguyện lần thứ bảy trong ngày mà không ai trông

thấy. Thân thể ấy giờ đây hiện nguyên hình trước mắt anh với bộ ngực tròn đầy điểm hai chấm hồng và bờ hông mềm mại. Trong khi nàng đến với anh, anh nghe chừng những cảm xúc tích tụ mỗi ngày một sâu lắng và đầy tràn trong anh, suốt nửa đời người, như một chiếc đập bao la và mệnh mang nước giờ đây bắt đầu rạn vỡ. Nàng khoả thân, im lặng, và ánh mắt nàng long lanh làm anh rung động tới tận cùng. Và anh, dịu dàng khôn tả, sau cùng khép vòng tay mình lại quanh hình hài nàng đang run rẩy.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 8 -

Cùng lúc ấy, ở phương bắc cách Đà Lạt hơn một ngàn một trăm cây số, trong hầm trú ẩn làm bằng gỗ súc và bao cát của mình, trung tá Paul Devraux đang nằm chập chờn trên chiếc giường xếp nhà binh. Anh ngủ với nguyên bộ đồ trần rần rì lúc nào cũng mặc sẵn trên người và quanh trán vẫn quấn vòng băng cứu thương chứng tỏ vết thương khá nặng, cần chữa trị lâu ngày. Kế bên giường, trên thành ghế ngang tầm tay, móc sẵn chiếc mũ sắt. Máy chông công văn chất lộn xộn quanh dây máy truyền tin đã chiến bọc da đặt trên bàn làm việc cùng các biểu đồ treo trên vách và mọi thứ khác trong căn hầm ngậm đều phủ một màng bụi đỏ. Nhưng lúc này đã tạm ngừng những cơn mưa bụi trước đây từ trần nhà thường xuyên tuôn xuống.

Bên ngoài, đêm yên tĩnh một cách bất thường. Những cuộc pháo kích rời rạc của Việt Minh, vốn đã thành thông lệ từ mấy tuần qua, dạo này dần dần im bật. Có mấy sĩ quan trong ban tham mưu của Paul cười mỉm tiên đoán rằng giờ đây quân cộng sản nhận ra rằng chúng chẳng còn chọn lựa nào khác ngoài giải pháp sau cùng. Nghĩa là phải sửa soạn để dốc toàn lực bộ binh liều lĩnh tràn xuống tấn công các cụm cứ điểm trong lòng chảo Điện Biên Phủ.

Tuy vậy, những tiên đoán tràn trề hy vọng đó từ từ trôi theo nhiều ngày rồi nhiều tuần lễ. Paul đã quá quen thuộc với công tác chuẩn bị rồi lại chuẩn bị cho một cuộc tấn công không bao giờ xảy tới. Hôm nay, cũng như mọi hôm, sau khi chấp hành mệnh lệnh của đại tá De Castries, cẩn thận lên phương án điều chỉnh các kế hoạch hành quân đúng phương pháp tác chiến, Paul đặt mình nằm xuống, ngủ lơ mơ trong tiếng đồng hồ kêu tích tắc điểm từng phút rồi từng giờ lê thê trôi qua như bất tận.

Càng ngày Paul càng thấm mệt vì cứ phải cố đoán cho ra trên một diện địa chu vi gần năm chục cây số, đâu là điểm địch sẽ thọc mũi

tấn công xuất phát. Sau chín tuần lễ ăn ngủ dưới mặt đất, anh quen dần với trạng thái chờ đợi căng thẳng tới độ lúc này, dường như đó chỉ còn là một kích động nhỏ nhất, không hơn không kém. Hơn hai tháng trời bị tù túng trong lòng chảo đưa tới kết quả trí óc Paul ngày càng trở nên hạn hẹp và buông xuôi. Mãi tới sau khi có chuyến ghé lại của Joseph, anh mới ngấm ngấm đôi chút về những hệ lụy sâu xa của cuộc chiến.

Các công điện gửi đi từ bộ tư lệnh của tướng Henri Navarre tại Sài Gòn thường nhấn mạnh rằng Binh đoàn Viễn chinh Pháp vẫn nắm vững vùng châu thổ sông Hồng, rằng cuộc hành quân tấn công Việt Minh vừa được phóng ra trên cao nguyên trung phần đang tiến triển tốt đẹp và rằng thành công tại Điện Biên Phủ sẽ đẩy mạnh những thành quả kém ngoạn mục tại những khu vực khác, nhưng nếu chiến lược này không được thực hiện chính xác như đã hoạch định, nó sẽ chịu một thất bại lớn lao. Tất cả những lập luận đó dường như là quan điểm của bộ tư lệnh tối cao của Pháp tại Đông Dương, và Paul có bốn phận phải chia xẻ quan điểm ấy.

Sự kiện đối phương vẫn ở sát nách, chờn vờn một cách vô hình tại vùng rừng núi vây quanh lòng chảo và cho tới nay chúng chưa thể phóng ra cuộc tấn công có ý nghĩa nào đang ru Paul cũng như hầu hết sĩ quan cao cấp khác tại Điện Biên Phủ vào một tâm trạng ngủ thiếp. Họ chỉ còn lo ngay ngáy một điều duy nhất là vào khoảnh khắc sau cùng, tướng Võ Nguyên Giáp và lãnh đạo cộng sản có thể quyết định không dốc toàn lực tấn công. Và như thế, Binh đoàn Viễn chinh Pháp sẽ bị cướp mất cái chiến thắng ngoạn mục đã được bộ tư lệnh Pháp lên phương án từ đầu.

Ngủ được mười lăm phút, Paul thức giấc, nghe trong hàm chỉ có tiếng đồng hồ đeo tay của mình kêu tích tích. Bầu trời và cảnh vật ban đêm hoàn toàn im ắng tới độ khi ngồi lên mép giường xếp, trong lâu thật lâu, anh cố nghe cho ra một âm thanh nào khác.

Không một âm thanh. Ngay cả lực lượng không quân nhỏ bé của binh đoàn cũng hình như đang ngừng hoạt động. Uể oải đứng dậy, anh cho nước vào đầy soong sắt, đặt lên bếp cồn.

Đúng lúc Paul thọc chiếc muỗng xúc cà phê bột cho vào ca thiếc như thường làm cả chục lần mỗi ngày, căn hầm thỉnh thoảng

động bởi những tiếng ầm ầm điếc tai, như có một loạt sấm sét đang nổ rền bên trên. Trong bầu không khí tĩnh mịch, tiếng nổ ầm ầm ấy làm anh sửng người, choáng váng. Một hai giây sau, lại yên tĩnh. Và Paul cảm thấy mình đang có ý chờ nghe tiếng mưa dội ào ạt trên nóc hầm.

Nhưng rồi không khí yên tĩnh đó lập tức bị phá vỡ lần nữa bởi những tiếng nổ ầm ầm khác làm mặt đất chung quanh Paul rung chuyển. Ngay lúc đó, anh nhận ra, không lẫn vào đâu được, đúng là tiếng gầm rú của trọng pháo chứ không phải tiếng sấm sét.

Những tiếng nổ kinh hoàng ấy nối tiếp nhau làm thành hàng loạt, hàng loạt và càng lúc càng dồn dập. Qua cửa hầm có chấn bao cát, Paul nghe tiếng đạn pháo nổ uỳnh uỵch đình tai nhức óc và mảnh đạn bay rào rào.

Đứng chôn chân tại chỗ, lòng hồi hộp thấp thỏm, Paul nôn nóng chờ nghe tiếng gầm khai hoả phản pháo của pháo thủ Pháp từ mấy ụ súng gần trung tâm chỉ huy. Có lẽ chỉ chưa quá vài giây, loạt bắn trả đầu tiên đã nổ rền khắp chung quanh thung lũng, nhưng đối với anh, khoảnh khắc ấy dường như dài hơn một thế kỷ. Rồi không cần để ý lắm anh vẫn nhận ra ngay cả sau khi khai hỏa, những tiếng phản pháo của pháo binh tập đoàn cứ điểm có vẻ rời rạc, phối hợp chệch choạc.

Theo phản xạ, Paul lao tới máy truyền tin dã chiến. Anh muốn thu thập tin tức ngay để lập báo cáo trình đại tá De Castries về mức độ ứng chiến của các chỉ huy trưởng những đơn vị khác nhau tại các cụm phòng ngự của tập đoàn cứ điểm - nhưng anh rút tay lại. Từ lâu, các đơn vị trưởng đã chuẩn bị không biết bao nhiêu lần cho thời điểm trọng đại này. Nay trong lúc địch chỉ mới tấn công và ta chỉ mới có những phản ứng lúng túng ban đầu, sự vội vã nhúng tay vào của tham mưu trưởng chẳng khác nào làm nhục họ. Cũng như Paul, các sĩ quan khác lúc này hẳn đang choáng váng bởi cường độ và mức độ pháo kích dồn dập của đối phương, vì trước đây chính đại tá Piroth đã kịch liệt bác bỏ khả năng đó. Ông khẳng định nhiều lần rằng nếu muốn phóng ra một cuộc pháo kích, địch chỉ có thể bố trí trọng pháo ở mặt ngoài vòng đai, mé bên kia sườn núi, và như thế, đường đạn cầu vòng qua núi sẽ đi quá, không thể rơi trên

tập đoàn cứ điểm.

Paul lại lắng tai nghe và anh tự hỏi phải chăng lần đầu tiên đại tá Piroth làm. Nếu các cỗ trọng pháo của đối phương đặt ở mé bên kia sườn núi ngoài lòng chảo, chúng phải cách xa trung tâm chỉ huy ít nhất tám chín cây số, nhưng tại anh nghe có vẻ địch khai hoả gần hơn. Sau vài giây ngập ngừng, Paul đội mũ sắt lên rồi quay cần truyền tin dã chiến, gọi chỉ huy trưởng pháo binh.

Anh nói hết sức lớn, cố át tiếng đạn pháo, để đầu dây đằng kia nghe rõ:

- Charles này, hình như bọn chúng sử dụng pháo hiệu quả hơn chúng ta tiên liệu, tôi nói như vậy có đúng không?

Đầu ống liên hợp đằng kia kêu lách tách. Paul hét lớn hơn, gần câu hỏi chậm lại:

- Có phải bọn chúng đặt các khẩu 105 li trên sườn núi mé bên trong này. Hình như gần hơn ta tưởng.

- Đúng... nhưng tôi thấy ba cái chuyện nhỏ đó nhằm nhò gì.

Lần này Paul nghe rõ câu trả lời của Piroth. Anh cũng có thể nghe ra trong giọng nói của ông không còn âm điệu tự tin quen thuộc.

- Anh bạn ạ, anh nghĩ chỉ có mấy khẩu thôi sao?

Ở đầu dây đằng kia im lặng khá lâu. Sau cùng, Piroth trả lời, giọng không giấu nổi vẻ miễn cưỡng:

- Không, hình như địch không chỉ có vài khẩu 105. Tôi đoán địch còn đặt nhiều khẩu ở phía trên nữa, rất cao.

Paul thúc giục:

- Nhưng anh đang xác định vị trí của chúng, phải không. Bộ để chúng ho và khạc xuống chúng ta lâu thêm chút nữa à?

- Chúng tôi đang cố hết sức khoá mồm chúng.

Đường dây thành linh im bất nhưng rõ ràng giọng nói của Piroth rất thẳng thốt, dù chỉ nghe qua máy truyền tin dã chiến. Cảm thấy lo lắng tới thất ruột, Paul chụp kẹp hồ sơ, lao ra giao thông hào. Anh phóng tới hầm chỉ huy trưởng. Vừa ló mình vào anh đã thấy đại tá chỉ huy trưởng De Castries đứng cạnh bàn bản đồ, mặt ông trắng bệch. Đầu ông đang ngêng qua một bên, nghiêng tai lắng nghe tiếng gầm rú bất tận như một cơn bão sập cả bầu trời đen đặc bên trên lòng chảo.

De Castries hỏi, giọng thì thảo nhèn nghệt:

- Hỏa lực của đối phương mạnh hơn chúng ta tưởng nhiều, phải không?

Paul chào và nghiêm trọng gật đầu:

- Đại tá Piroth nói rằng bằng cách nào đó đối phương đã đưa được trọng pháo 105 li lên những cao điểm trên sườn núi mé bên này, sát ngay vành đai.

De Castries quần trí quay mặt không nhìn Paul. Ông bắt đầu loay hoay với cây thước gỗ:

- Nhưng hỏa lực phản pháo của chúng ta sẽ dập tắt chúng ngay tức khắc. Có phải tất cả các đơn vị đang sẵn sàng ứng chiến khi bộ binh đối phương tràn xuống?

- Trình đại tá, đương nhiên là vậy.

- Vậy chẳng việc gì chúng ta phải bắn khoả, đúng không? Anh liên lạc với chỉ huy trưởng từng cứ điểm để nắm tình hình và báo cáo ngay cho tôi, càng sớm càng tốt.

Sau khi Paul về lại hầm tham mưu trưởng, tiếng gầm thét liên tục của pháo Pháp và pháo Việt Minh khiến anh không thể ráp nối tình thế thành một hình ảnh rõ nét vì trận pháo mở màn đầy bất ngờ của địch đã phá hỏng đường dây truyền tin dã chiến.

Dù một số đơn vị báo cáo rằng sau những tuần lễ chờ đợi căng thẳng tinh thần, binh lính đang háo hức dàn chào cuộc tấn công của đối phương, hầu hết các chỉ huy trưởng lính Lê dương và lính dù đều không thể truyền tin về một cách thông suốt. Paul lo lắng gọi qua máy nhiều lần nhưng không nhận được câu trả lời nào rõ ràng. Khi nghe một tiếng nổ thật lớn, át hẳn các tiếng nổ khác, anh chạy ra chiến hào thông với cửa hầm, nhìn vào bóng đêm.

Mất Paul bắt gặp một cảnh tượng làm mê anh bất giác mím chặt, kinh hoàng. Một loạt đạn pháo của địch từ trên đỉnh núi bắn thẳng xuống trúng kho nhiên liệu và kho bom xăng na-pan của binh đoàn. Từ hai vị trí đó, phụt ra những ngọn lửa màu da cam và dần dần bốc lên cao trong bầu trời đen đui bên trên lòng chảo. Paul có thể nhìn thấy kể bên đám cháy, mấy chiếc máy bay đang bắt lửa hoặc đã bị thiêu rụi, thành một đồng tro khung sắt bên cạnh phi đạo nhỏ bé. Nhưng cái làm anh thật sự mất thở là cảnh tượng trên

các sườn núi bọc quanh thung lũng.

Trước con mắt quan sát của Paul, mé dưới các sườn núi sống động hẳn lên với từng đợt rồi từng đợt bộ đội cộng sản. Đối phương di chuyển như những đàn kiến đông vô số kẻ. Trong ánh lửa kho xăng bốc lên chiếu sáng rực, hàng ngàn lính Việt Minh đồng phục xanh lá cây đầu đội mũ trệt bằng tre đan, vọt ra khỏi giao thông hào trong rừng, ào xuống hai cụm cứ điểm Him Lam và Đồi Độc Lập, hai ngọn đồi trọng yếu được phòng ngự bởi các đơn vị thiện chiến lính Lê dương nước ngoài. Dù Paul cố sức liên lạc liên tục nhưng không một chỉ huy trưởng cứ điểm nào trong hai cụm cứ điểm đó trả lời anh. Và bỗng nhiên tình thế rõ ràng rằng đối phương đã dồn hết hỏa lực của trận pháo đầu tiên trút xuống hai cụm cứ điểm đó.

Đang chăm chú quan sát, Paul giật nảy mình thấy có một xe díp chạy tới, đậu lại bên ngoài căn hầm nằm xéo với hầm của anh. Trong ánh lửa màu da cam chói lọi, anh nhận ra thân hình cao lớn lực lưỡng của đại tá Piroth. Và anh sửng sốt khi thấy vị chỉ huy trưởng ấy lái xe từ bộ chỉ huy pháo binh về đây trên đầu không đội mũ sắt. Paul lớn tiếng gọi nhưng ông hình như không nghe, cứ lầm lũi bước xuống xe díp rồi đi loạng choạng tới hầm trú ẩn của mình.

Cảm thấy có điều không ổn, Paul nhảy lên mặt đất, lao tới túm vai Piroth:

- Charles, anh phải cẩn thận lo cho mình hơn mới được. Mũ sắt của anh đâu?

Khi người sĩ quan pháo binh một tay ấy quay đầu lại, Paul choáng váng vì diện mạo ông thành linh biến đổi kỳ lạ. So với vẻ ngạo nghễ thường thấy trong những lần anh gặp Piroth trước đây, bộ mặt bạnh quai hàm nay bỗng hốc hác phờ phạc với vẻ ám ảnh dữ dội của một kẻ biết mình đắc tội. Ánh mắt ông vô cùng xa xăm, gần như mù mẫm, và ông tỏ ra chẳng muốn trả lời chút nào.

Paul gần giọng đứt khoát:

- Đại tá tới hầm tôi ngay, tôi pha cà phê mình uống với nhau. Tôi cần anh cho biết ý kiến thẩm định về hỏa lực pháo của địch.

Piroth nhìn mơ hồ qua vai Paul:

- Đối phương đã làm được điều không thể nào làm nổi! Chúng đặt trọng pháo ngay ở những chỗ lõm chõm đá trên đỉnh núi. Chúng tôi không thể bắn bật chúng ra. Sẽ có tàn sát khủng khiếp. Chúng tôi không chận nổi chúng. Tất cả đều do lỗi của tôi.

Paul nói sắc giọng:

- Charles, bình tĩnh nào. Trách nhiệm là trách nhiệm chung. Vô hãm tôi đi, đừng quá khích động như thế nữa.

Anh cố níu chặt cánh tay còn lại của Piroth nhưng viên đại tá quần trí vùng thoát ra. Piroth nói thật lẹ:

- Tôi có việc phải làm gấp. Vài phút nữa tôi qua chỗ anh.

Paul đứng nhìn Piroth khòm lưng cúi đầu đi theo đoạn giao thông hào có chắn bao cát rồi chui vào hầm. Sau khi ông mất hút khỏi tầm mắt, Paul quay lại tiếp tục nhìn về phía lực lượng tấn công của địch lúc này bắt đầu tràn lên sườn đồi thấp nơi hai cụm cứ điểm phía bắc. Cuộc pháo kích thừa dần khi bộ đội cộng sản ào tới gần mục tiêu chính. Ngay lúc đó, anh nghe có tiếng nổ đơn độc vang ra từ bên trong hầm của Piroth.

Khi Paul nhảy xuống giao thông hào và chạy tới cửa hầm, anh ngửi ra mùi khói chua nồng do tiếng nổ ấy gây ra. Bên trong hầm, anh thấy chỉ huy trưởng pháo binh của Điện Biên Phủ nằm úp mặt xuống nền đất, ngay mé dưới chiếc giường xếp của ông. Khi lật ngửa người Piroth lên, Paul không còn nhận ra khuôn mặt của ông. Anh hiểu ra rằng trong cơn tuyệt vọng cùng cực, Piroth đã ôm vào lòng ngực mình một quả lựu đạn. Và khi nổ, nó thổi bay bàn tay còn lại và giết luôn ông.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 9 -

Chiếc Dakota sơn trắng của Hội Chữ Thập Đỏ chở Joseph thêm lần nữa vào lòng chảo Điện Biên Phủ bay thấp và lướt thật nhanh qua một kẽ núi rồi chao cánh quanh rất lẹ để tránh bay ngang khu vực Việt Minh đã đột kích, lẩn chiếm sâu vào bên trong vành đai phòng thủ.

Qua khung cửa sổ bên hông máy bay, cảnh tượng đầu tiên đập vào mắt Joseph là vô số giao thông hào dài như bất tận được đào vội vã trên khắp các sườn đồi, tựa những đường vành khăn chi chít khi quân cộng sản kiên quyết lẩn sâu xuống tập đoàn cứ điểm. Tại một số vị trí, anh thấy bộ đội Việt Minh đang tiến tới cách bộ chỉ huy trung tâm chưa đầy một cây số rưỡi. Ngay bên trong vành đai phòng thủ trước đây, máy bay và xe tải cháy rụi, vỡ nát, và những ụ đại bác tan tành là chứng tích bi thảm cho con số thiệt hại lớn lao do những trận pháo kích hàng ngày của đối phương gây ra cho quân cụ và vũ khí của Pháp.

Mang theo máu và huyết tương để giúp di tản những thương binh lúc này bệnh viện dã chiến không còn chỗ chứa, người y tá Pháp có bộ mặt khắc khổ nói:

- Hai cụm cứ điểm phía bắc - Him Lam và Đồi Độc Lập - bị tràn ngập trong mấy giờ đầu tiên địch tấn công. Kể từ lúc đó trở đi, trong suốt mười bốn đêm liền, bộ đội cộng sản liên tục bắn tan nát tập đoàn cứ điểm.

Nghiêng sát người hơn về phía Joseph anh ta đưa tay chỉ một điểm ngay chính giữa căn cứ Điện Biên Phủ, nơi có hàng đoàn binh lính và xe cơ giới lũ lượt vào ra:

- Bệnh viện dã chiến ở chỗ đó. Nó được lập ngầm dưới đất với chỉ bốn chục giường bệnh vì các tay tổ đã khôn ngoan nghĩ ra rằng có thể chở hết thầy thương binh về Hà Nội bằng máy bay. Lúc này pháo của quân cộng sản khoá chặt phi đạo, chỉ chừa mỗi ngày một

hai giờ. Hàng trăm thương binh nằm la liệt dưới các giao thông hào dẫn tới bệnh viện. Ban đêm, trời mưa làm hào ngập nước khiến dưới đó, bệnh hoại thư loang nhanh như muối tan trong nước.

Giọng người y tá phần uất tới độ chua chát và Joseph chẳng biết phải đối đáp thế nào. Dù tướng tổng tư lệnh quân viễn chinh Pháp từng thừa nhận ở Hà Nội rằng trận chiến Điện Biên Phủ diễn tiến không thuận lợi nhưng cảnh tan hoang trước mắt so với lần ghé lại trước đây làm anh choáng váng mặt mày.

Trong ánh sáng sớm mai Joseph có thể thấy cơn mưa bão suốt đêm qua để lại trên mặt đất một lớp bùn phủ dày, sền sệt, tạp nhạp xám xịt. Khắp thung lũng vút lung tung những chiếc dù lụa trắng bê bết bùn. Rõ ràng các kiện lương thực và đạn dược được thả từ trên cao lúc này rơi vào vùng đất của đối phương ở bên ngoài chu vi phòng thủ đang càng lúc càng co rút.

Và Joseph tự hỏi không biết Paul xoay xở ra sao trong suốt hai tuần lễ lúc nào cũng đầy bùn sinh và hỗn độn như thế này. Trong nửa tháng vừa qua, suốt ngày suốt đêm, chát ngất những cuộc chạm trán ác liệt. Tại Hà Nội, Joseph dự những cuộc họp báo và được biết rằng đã có mấy sĩ quan trong ban tham mưu của đại tá De Castries bị tử thương hoặc ngã quỵ vì quá căng thẳng.

Khi máy bay quay mũi hướng về phi đạo nát bấy, những khắc khoải Joseph vừa cố xua đuổi suốt chuyến bay dài dằng dặc từ Hà Nội lên đây lại thêm lần nữa tràn ngập tâm trí. Trong lúc tình hình quân sự suy sụp nhanh chóng với lợi thế nghiêng hẳn về phía Việt Minh, nỗi khao khát đưa Lan và Tuyết âm thầm đi thật nhanh tới một nơi an toàn nào đó tại á đông trở thành cơn ám ảnh đè nặng tâm trí anh suốt ngày suốt đêm. Anh vừa ngủ không yên giấc vừa mất nhiều thời giờ hơn mức cần thiết để săn lùng các bản báo cáo tình hình chiến sự và đuổi theo các manh mối quân sự tại Hà Nội nhằm thu thập tin tức. Cứ mỗi lần thêm một chiến công của Việt Minh được xác nhận, lòng Joseph lại thêm nôn nóng, cảm thấy chẳng còn được bao nhiêu ngày giờ. Cứ mỗi lần thấy thêm một cứ điểm tại Điện Biên Phủ bị sụp đổ nhanh chóng, lòng Joseph lại thêm tê điếng với nỗi sợ hãi mình sẽ mất hết mọi sự nếu không hành động kịp thời.

Những dấu hiệu tan nát của tập đoàn cứ điểm hiện ra bên dưới thân máy bay càng lúc càng rõ dần. Cùng với chúng là một sự liên tưởng kỳ quái nào đó khiến Joseph nhức nhối hơn bao giờ hết vì thấy mình đang phản bội Paul một cách tồi tệ. Sống trong căn hầm chật hẹp hôi hám và phần đầu can trường với những chênh lệch về hỏa lực cũng như về quân số, người sĩ quan Pháp ấy không nghi ngờ chút nào mối liên hệ đối trá và lâu dài giữa Joseph với vợ mình, cũng như không hay biết chút nào sự có mặt của Tuyết.

Nghĩ tới việc tự thú những năm dài cố tình lừa dối bạn dù trong thời gian làm như thế lòng mình cũng đau đớn không ít, Joseph cảm thấy hãi hùng chói với. Khi chứng kiến những giao thông hào lở lở và những hàng rào kẽm gai xiêu vẹo bên dưới thân máy bay, anh chợt nhận ra trong tâm trí mình đang có phần như thể trông mong sẽ tìm thấy Paul tử trận từ bao giờ. Dù biết rằng ý nghĩ ấy rất dễ tiện song Joseph vẫn cảm thấy mình đang tự hỏi lòng biết đâu có thể đó là một trò ma mãnh và tử tế nhất của định mệnh vốn đầy bất trắc.

Đã mất sạch ảo giác về tương lai của Việt Nam và về nỗ lực của bản thân nhằm sửa chữa những sai lầm của một thời quá khứ, làm sao Paul chịu đựng nổi sự thảm bại tới ba lần. Đó là cuộc thất trận Điện Biên Phủ kèm với cái tin bất hạnh rằng suốt bao năm trời nay, vợ mình phản bội, yêu thương chính người đàn ông lúc nào mình cũng tin tưởng và đối đãi như một bằng hữu trung thành và thẳng thắn. Toàn bộ sự thật ấy, đối với Paul, chắc chắn sẽ là một đòn trí mạng tối hậu. Joseph suy nghĩ một cách cùng quẫn và bỗng dưng trong lòng anh le lói một niềm hy vọng hoang dại. Vì biết đâu, nó sẽ không là một đòn như thế?

Biết đâu mỗi dây bằng hữu từng được Paul và anh chia sẻ gần ba chục năm nay lại bền chặt hơn nhờ sự thú tội thẳng thắn của anh. Biết đâu Paul sẽ càng thêm nể trọng anh vì lòng anh chân thật? Nói cho cùng, cuộc tình không may và lâu dài ấy là một thực tế, nằm ngoài tầm chủ động hoặc né tránh của cả ba. Dù người trong cuộc phủ nhận hoặc khước bác, biện minh hoặc qui trách, trước một thực tế bao giờ cũng đòi hỏi phải có giải pháp thích đáng. Joseph tự thấy lỗi lầm quan trọng nhất của mình là ngay từ đầu, không tìm

dịp nói thật với Paul. Thuở đó, anh đã suy nghĩ quá giản dị. Anh chỉ biết anh yêu Lan và Lan yêu anh, thế thôi. Anh đã tin rằng sau những ngày ở Huế, chỉ cần vài tuần lễ cầu hôn và kết hôn, anh sẽ được cha mẹ của Lan hoan hỉ chấp thuận cho đem nàng sang Mỹ ngay. Anh đã lòng giấc mộng tình yêu vào tâm thức giấc mộng Hoa Kỳ trong hoàn cảnh có những quan hệ Pháp Việt phức tạp và tế nhị.

Thế rồi mọi sự vượt ngoài tầm tay, hụt hẫng như một giấc mộng ban ngày. Sau thế chiến, anh đối diện với thực tế rằng Lan đã có con với anh trước ngày thành hôn với Paul theo lệnh cha. Hôn phối của hai người chưa bao giờ có chất kết dính là tình yêu. Chính Paul là kẻ đã thừa nhận rằng cuộc hôn nhân ấy thất bại từ lâu. Và như thế, chuyện gì phải tới thì sẽ tới. Cởi bỏ được gánh nặng một tương lai vô vọng với Lan, biết đâu Paul có thể nhìn cuộc chiến này và vai trò của chính mình trong đó với một viễn ảnh sáng sủa hơn? Lúc ấy, Paul sẽ nhận ra rằng rốt cuộc phải dứt khoát rút bản thân khỏi nước Việt Nam nơi lúc này đã trở thành một nguyên cớ thất bại và vô vọng. Từ đó, Paul sẽ nhìn về nước Pháp tìm kiếm cho mình một tương lai...

Tiếng pháo kích của súng cối thỉnh thoảng vang lên dàn chào chiếc Dakota đáp xuống phi đạo dội vào tâm tư rối bời của Joseph. Anh níu chặt hai bên thành ghế khi bánh máy bay chạm mặt đất đầy ổ gà. Nó thắng thật gấp, đứng chững lại. Trong lúc thương binh Pháp được hồi hả cẳng lên máy bay trong tiếng người rên rỉ và tiếng đạn pháo nổ chát chúa, Joseph luồn mình dưới bụng máy bay. Khi cửa máy bay đóng sập lại, Joseph nhảy lên một chiếc xe được tạm dùng làm xe cứu thương đang quay đầu trở về trung tâm chỉ huy, và bảo tài xế thả anh xuống hầm tham mưu trưởng.

Joseph tới Điện Biên Phủ lần này không báo trước. Khi anh đập tay lên cây cột một bên cửa hầm rồi vén tấm vải bạt che cửa và thò đầu vào, Paul đang ngồi trước mặt bàn ngổn ngang giấy tờ, ngược mắt lên, sững sốt. Viên trung tá Pháp đứng bật dậy, chụp lấy bàn tay đang đưa ra của Joseph:

- Chúa ơi, tôi không tin nổi! Mắt tôi chắc đang quáng gà! Trở lại chỗ này vào lúc này, anh hoặc là người rất can đảm hoặc là một gã

diên khùng ngoài sức tưởng tượng!

- Tờ Gazette quyết định họ cần có một bài phóng sự tại chỗ, nhìn từ dưới nhìn lên, ngay bên trong lòng chảo Điện Biên Phủ. Tôi lẹ làng chụp lấy cơ hội đó để tới đây uống thêm chút rượu cô-nhắc của anh.

Joseph vừa nói vừa toét miệng cười nhưng trong bụng ngỡ ngàng vì diện mạo của Paul. Trên đầu, phần lộ ra bên dưới mũ sắt, vòng băng quấn quanh đầu bạc thếp, loang lổ và cáu bần. Mắt Paul đỏ ngầu, mặt xanh mét mệt mỏi. Cử động của Paul cứng nhắc, chậm chạp cho thấy rõ anh vừa trải qua hai tuần lễ căng thẳng quá sức. Paul đưa cho Joseph một cái mũ sắt và chỉ vào chiếc ghế:

- Anh tạm ngồi nghỉ mệt. Khi nào đi quanh nhớ đội thứ này lên. Lúc này trong lòng chảo, trâu cũng phải đội mũ sắt.

Nói xong, Paul cũng thả mình ngồi xuống với nụ cười mệt mỏi. Từ bên ngoài bỗng vang lên tiếng cắc bụp của các loại vũ khí nhẹ, nghe càng lúc càng rõ hơn, xen lẫn với tiếng các loạt đạn pháo nổ ầm ầm. Joseph hỏi thăm dò:

- Tình hình coi bộ tệ hơn lần tôi ghé lại vừa rồi. Anh coi bộ cũng kiệt sức rồi đó Paul.

Người sĩ quan Pháp nhún vai:

- Có rán sức cãi lại anh cũng chẳng nói được nhiều, anh bạn ạ. Tình thế quyết liệt. Từ lúc mất Him Lam và Đồi Độc Lập, chúng tôi biết tại Điện Biên Phủ mình sẽ chẳng có chiến thắng thần kỳ nào. Đêm nào đối phương cũng rót trọng pháo xuống đầu chúng tôi, rồi tiếp liền đó là những cuộc tấn công "biển người", đông như kiến. Pháo binh của chúng tôi rõ ràng đã bị quất sụm. Việc phi trường Mường Thanh bị phá hủy hoàn toàn chỉ còn là vấn đề thời gian. Tới lúc đó, quân địch tha hồ muốn xử chúng tôi ra sao thì xử! Paul ngừng nói, chỉ một ngón tay vào Joseph cảnh cáo:

- Tôi khuyên anh chớ ở lại đây lâu quá. Sẽ chẳng còn mấy chuyến phi cơ bay thoát được ra ngoài.

Joseph lắc đầu thất kinh:

- Đại tá De Castries tính đối phó ra sao?

Paul trả lời, mắt bối rối:

- Tôi e rằng đại tá De Castries xử lý mọi sự không được tốt lắm.

Từ lúc bắt đầu bị tấn công, ông ấy hầu như chẳng ra khỏi hầm. Ông cũng không chủ tọa phiên họp các chỉ huy trưởng hằng ngày. Đại tá Pierre Langlais, sĩ quan dù người Bretagne, mới thật sự nắm việc chỉ huy. Chính ông ấy vạch kế hoạch phản công lên các cứ điểm C2, 505, 311 và Nà Ngọng, những đồi gần trung tâm chỉ huy nhất.

Ngừng nói, Paul chỉ tay lên tấm bản đồ treo nơi vách đằng sau anh trên đó chu vi co cụm được khoanh lại hằng ngày bằng mực đỏ:

- Nhưng như anh thấy đây, đối phương đang dồn chúng tôi ngày càng thu hẹp khu vực nhỏ nhoi của mình. Hễ chúng tôi cầm lại được cờ Pháp lên ngọn đồi này, lập tức Việt Minh cầm cờ của chúng lên ngọn đồi khác.

- Anh mất bao nhiêu người rồi?

Mặt Paul tối sầm:

- Có thể nói một ngàn người tử trận, người bị thương thì gấp đôi. Chúng tôi ước lượng quân địch bị giết nhiều tới gấp năm lần con số đó nhưng tướng Giáp nung quân một cách có tính toán và hẳn có quân số bổ sung vô hạn định. Vì gần như không còn dùng được phi đạo nên chúng tôi chỉ có thể điền khuyết số thương vong bằng lính dù nhảy thẳng xuống. Hầu hết lính người An-giê-ri và lính sắc tộc Thái đã đào ngũ và đang núp thật kỹ trong các hang hốc hai bên bờ sông. Chỉ có lính dù của Quân Đội Quốc Gia Việt Nam là bám trụ chiến đấu.

Paul so vai rồi rút người xuống sâu hơn trong lòng ghế. Bên ngoài, tiếng động của một cuộc tấn công mới trên ngọn đồi gần bộ chỉ huy nghe càng lúc càng rõ dần nhưng Paul không thém để ý tới sự việc đó. Anh nói:

- Joseph ạ, nếu tôi là anh, hễ có chiếc máy bay nào sắp đáp được xuống tôi đông liền. Để tôi gọi sĩ quan phụ tá lấy xe díp chở anh đi một vòng thật lẹ cho có cái để viết. Xong anh về Hà Nội ngay. Lẹ chừng nào tốt chừng nấy.

Nhắc máy truyền tin, Paul gọi xe rồi cười mệt mỏi với người Mỹ:

- Mọi sự có thể rất tệ hại nhưng chẳng có lý do gì để một người bạn tốt bị kẹt lại đây như chuột mắc bẫy.

Joseph ngồi im lặng tần ngần vài giây. Anh lắng nghe tiếng âm ì

của trận đánh đang diễn ra ác liệt bên ngoài và hít một hơi thật dài:

- Cám ơn Paul. Tôi rất cảm kích lòng sốt sắng giúp đỡ của anh. Nhưng tôi không chịu đựng nổi khi nghĩ anh phải ở lại đây, dưới cái hang hoả ngục này.

Người Pháp nhún vai không nói, tay lơ đãng lật lật xấp hồ sơ trên bàn rồi mắt ngược nhìn Joseph:

- Ông bạn ạ, trên thế giới bên ngoài mọi sự ra sao? Kể từ chuyện anh tới đây vừa rồi, có chuyện gì xảy ra cho anh không?

Joseph lưỡng lự và cảm thấy hoảng hồn, tự hỏi chẳng biết Lan có viết thư cho Paul kể chuyện gặp anh ở Đà Lạt hay không:

- Hầu hết thời gian của tôi chia đều, khi ở Sài Gòn khi ở Hà Nội. Tôi cố theo dõi tình hình chiến sự u u minh minh của đôi bên nhưng không thu lượm được mấy kết quả. Tôi rón tránh thủ nghỉ vài ngày ở Đà Lạt, nơi khách sạn Palace Lang-Biang. Lúc này, trên đó mọi sự đã thay đổi, nhưng khung cảnh vẫn đẹp tuyệt vời.

Paul lại băng quơ xóc xóc chòng hồ sơ:

- Tôi nghĩ lúc này Lan cũng đang ở Đà Lạt. Anh có gặp cô ấy đôi chút không?

Joseph thấy khó giữ cho giọng mình tự nhiên:

- Có. Khi nghe nói Lan có mặt trên đó, tôi ghé lại thăm đề kể chuyện tôi có gặp anh. Tôi nói với cô ấy rằng dù tình trạng ở đây khó khăn, anh vẫn mạnh khỏe.

Paul gật đầu, không nhìn lên:

- Vậy cô ấy ra sao rồi?

Joseph do dự, cảm thấy tim mình đập nhanh hơn:

- Paul ạ, lúc nào cũng đáng yêu. Và có vẻ rất quan tâm tới anh.

Paul nhướng nhướng mắt nhìn Joseph nhưng ngay lúc đó, có người vén tấm bạt che cửa và viên sĩ quan phụ tá đi vào. Paul nghehnh đầu, có ý lắng nghe tiếng súng trong khi khắp thung lũng đang yên lặng trở lại. Anh nói giọng nhanh nhẩu:

- Tốt nhất là anh đi xem một vòng lúc mặt trận còn tạm lắng. Khi anh về lại đây, mình sẽ uống rượu.

Cảm thấy nhẹ nhõm hẳn, Joseph theo sĩ quan phụ tá đi ra. Anh trèo lên bờ hào và leo vào xe díp, ngồi xuống kế bên ghế tài xế. Suốt một giờ tiếp đó, khi xe chạy quanh các vị trí phòng ngự còn lại,

anh vui mừng vì phải tập trung tâm trí vào lời dẫn giải của viên sĩ quan trẻ. Khi Joseph về lại hầm tham mưu trưởng, Paul đã khai sẵn một chai cô-nhắc mới, đưa chai lên rót thật đầy hai ca thiếc. Paul đẩy một ca tới trước mặt người Mỹ, cười cam chịu và nói với giọng đượm vẻ mai mỉa:

- Nào Joseph, anh có cảm tưởng ra sao về căn cứ Điện Biên Phủ oai hùng của chúng tôi? Anh thấy đã xảy ra vài biến đổi kể từ chuyến tham quan vừa rồi của anh, phải không?

Joseph buồn bã gật đầu:

- Tình trạng đúng y những gì anh nói trước khi tôi đi ra ngoài. Trông nó chẳng còn chút hứa hẹn nào.

Paul thêm lần nữa một mỗi, ướn người trên ghế:

- Vậy ông bạn ạ, ta hãy uống cho những thời kỳ tốt đẹp hơn trong tương lai. Như thế tốt hơn cứ mãi miết chúi đầu vào hiện tại. Có một chuyến máy bay tải thương đang trên đường tới đây. Sĩ quan phụ tá của tôi sẽ chở anh ra gặp nó; hôm nay không còn chuyến nào khác nữa.

Joseph gật đầu cảm ơn. Cả hai cùng uống rượu và cùng im lặng nhìn nhau. Paul nâng cao rượu lên, chăm chú nhìn Joseph qua mép ca:

- Anh bạn Joseph của tôi, tôi không khỏi không cảm thấy rằng ngoài cái cơ sự tan nát này ra còn có một cái gì đó đang làm anh bứt rứt. Trước đây mình luôn luôn cởi mở với nhau nhưng sao lúc này anh dường như biến thành một con người khác. Không một lần nào nhìn thẳng vào mắt tôi, anh có thái độ lén lút lút lút.

Joseph nói thật lẹ:

- Chỉ vì trận giặc khốn kiếp này thôi Paul ạ. Có thể phóng viên chiến trường tuy không đánh đấm chút nào nhưng cũng khổ sở một mỗi vì chiến cuộc.

- Anh có chắc hoàn toàn như vậy không?

Joseph tránh cặp mắt của Paul:

- Chắc, tôi chắc chắn.

Paul tiếp tục nhìn chăm chú Joseph. Dưới tia mắt ấy, Joseph cảm thấy mình cần cái nhấp nhòm. Rồi anh nghe tiếng của Paul, giọng rất điềm đạm:

- Ông bạn ạ, có thể cuộc sống trong cái hang thử lúc nhúc này làm lệch lạc khả năng đánh hơi của tôi nhưng theo con mắt của tôi, trông anh vờ vịt hơn bao giờ hết khi tôi hỏi anh về Lan. Có thể cô ấy đang làm điều gì đó tôi không được biết? Phải chăng cô ấy đang ngoại tình với ai đó?

Joseph vẫn đứng bên mép bàn, nhìn xuống Paul đang ngồi. Câu hỏi nửa đùa nửa thật ấy quất vào mặt anh như một lần roi, và anh quay nhìn chỗ khác. Anh hồi hải lục lợi tâm trí, tìm cho ra một lý do nào đó để nói lảng. Nhưng rồi nhận ra mình đang không trung thực với các cảm xúc của mình, anh chậm chậm quay lại, đối mặt với Paul thêm lần nữa. Joseph bắt đầu mở lời, giọng ngập ngừng nhưng rõ ràng cố gắng tự chủ:

- Paul này, việc sau cùng tôi muốn làm ở đây là nói với anh về chuyện đó. Thật ra Lan bắt tôi hứa đừng nói gì với anh cho tới khi xong trận Điện Biên Phủ. Nhưng Paul ạ, vì lúc này anh đã nói ra những gì anh suy nghĩ, có lẽ tốt hơn cho chúng ta khi anh biết được thực tế. Càng giữ không cho anh biết sự thật, tôi thấy tôi càng rất khổ tâm.

Người Pháp ngồi thẳng lưng lên ghế, mặt biến sắc:

- Anh đang nói tới chuyện gì vậy Joseph?

- Paul ạ, tới chuyện tôi, tôi yêu Lan. Tôi yêu Lan từ lúc tôi mới gặp cô ấy lần đầu tiên, cách đây gần hai chục năm.

Phản ứng duy nhất của Paul là nheo hai con mắt, ngoài ra, người anh vẫn ngồi bất động trên ghế.

- Tại Sài Gòn suốt một hai năm nay, thỉnh thoảng tôi âm thầm gặp gỡ cô ấy. Anh hiểu cho rằng tôi vô cùng phiền muộn vì những gì đã xảy ra.

Paul nhắc mũ sắt trên đầu xuống. Bàn tay ấn ấn lên lớp băng cứu thương cái bả, lem luốc, như thể nó đột nhiên làm anh đau đớn, nhưng vẫn không nói. Joseph tiếp tục, giọng cố rán:

- Chuyện đó không phải mới xảy ra gần đây. Lan và tôi từng là hai kẻ yêu nhau, cũng khá lâu trước khi anh thành hôn với cô ấy. Vậy đó. Mọi sự bắt đầu trước khi Lan đồng ý làm vợ anh. Tôi đã yêu cầu Lan kết hôn với tôi, trước khi anh cầu hôn, nhưng cô ấy từ chối.

Paul hỏi chậm từng tiếng:

- Hai người bắt đầu yêu nhau ở đâu vậy?

Joseph lưỡng lự, rồi hít vào một hơi thở nữa, thật dài:

- Tại Huế, trong thời gian có cuộc tế lễ ở đàn Nam Giao lần sau cùng. Lan xin tôi đừng kể cho anh nghe điều này nhưng tôi nghĩ anh nên nghe hết cả câu chuyện. Trước khi lấy anh, cô ấy đã sinh cho tôi một bé gái, con của tôi. Tôi không biết có nó trên đời này cho tới khi tôi trở lại Sài Gòn lúc chấm dứt cuộc thế chiến. Tôi chỉ biết khoảng nửa giờ trước lúc gặp anh ở Quân y viện Đồn Đất. Lúc ấy con bé tám tuổi và được gia đình của một người giúp việc bí mật nuôi dưỡng tại làng bên ngoài của Lan ở mạn bắc Trung kỳ.

- Hiện nay, nó vẫn sống ở đó?

Joseph lắc đầu:

- Trong khi anh dưỡng thương ở Đà Lạt, tôi lái xe cùng đi với Lan ra phương bắc kiếm nó. Chúng tôi tìm thấy nó kịp thời. Con bé hầu như sắp chết đói. Chúng tôi mang nó vào Sài Gòn. Từ đó nó được nuôi dưỡng âm thầm tại nhà của anh Tâm.

Paul và Joseph ngồi yên một hồi lâu. Cả hai im lặng nghe tiếng súng lại bắt đầu nổ ran bên ngoài. Đột nhiên, Paul nhìn Joseph chăm chăm, mặt sạm lại giận dữ:

- Thì ra suốt thời gian này, tại Sài Gòn, hai người vụng trộm với nhau sau lưng tôi!

Joseph gật đầu khổ sở:

- Paul ạ, tôi ghét việc lừa dối anh nhưng tôi không ngăn nổi mình. Lan và tôi không còn là tình nhân của nhau cho mãi tới khi chúng tôi gặp lại nhau tại Đà Lạt hơn mười ngày trước đây. Đó là lần thứ nhất, kể từ năm 1945. Trước đó, cô ấy lúc nào cũng kiên quyết tiếp tục chung thủy với anh. Nhưng giờ đây tôi tin chắc chúng tôi có thể sống hạnh phúc với nhau. Tôi muốn sửa sai quá khứ. Tôi đã yêu cầu Lan kết hôn với tôi. Và tôi cũng sẽ yêu cầu Tuyết sống chung một nhà với chúng tôi.

Bàn tay Paul đang đặt trên bàn bồng nắm chặt lại, các đốt ngón tay chột trắng bệch:

- Có phải cô ấy đã đồng ý rằng sẽ đi với anh?

- Cô ấy không chịu đưa ra quyết định nào cho tới khi...

Nói tới đây, giọng Joseph mắc nghẹn. Dưới tia mắt đau đáu của Paul, anh lại cảm thấy mình đắc tội:

- ...cho tới khi cô ấy gặp lại anh.

Paul chậm chậm đứng lên khỏi ghế. Vẻ mặt anh nhăn nhúm, co rút, thịnh nộ và lạnh lẽo:

- Anh có ý nói cho tới khi Lan biết được tôi ra khỏi chỗ này còn sống hay đã chết! Cả hai người đều chờ xem bọn cộng sản có quét sạch đường cho mình không, đúng không?

Giọng Joseph chột thấp xuống như thể nài nỉ:

- Paul ạ, chính anh đã nói với tôi rằng cuộc hôn nhân của anh từ lâu không mặn nồng. Anh không thấy sao, mọi sự đối với tôi thay đổi từ khi tôi biết ra tình trạng đó.

Paul nói qua hai hàm răng nghiến chặt:

- Lan là vợ tôi gần hai chục năm nay! Chúng tôi có một đứa con đã lớn. Không lẽ anh quên chuyện đó rồi sao?

Thấy vẻ mặt người Pháp sấn lại, Joseph cảnh giác lùi ra sau một bước:

- Không, tôi không quên.

- Lan yêu anh?

- Cô ấy không bao giờ cho phép mình nói ra điều đó vì lòng chung thủy đối với anh. Nhưng tôi chắc chắn Lan yêu tôi. Tôi nghĩ cô ấy yêu tôi từ đầu.

- Thế tại sao cô ấy kết hôn với tôi?

- Vì cha của cô ấy muốn như thế! Ông ấy muốn bày tỏ lòng trung thành với nước Pháp bằng con gái của mình, anh không thấy sao?

Lan chỉ làm theo nguyện vọng của cha cô ấy.

Khi những lời đó vừa vọt ra khỏi cửa miệng, Joseph hồi hận ngay. Paul giật mình lùi lại, ngó Joseph bằng cặp mắt bắt đầu rực lên ánh ghê tởm. Trong một hồi lâu, không ai nói với ai. Ở bên ngoài hầm, tiếng súng nổ càng lúc càng dồn dập. Mắt không rời khuôn mặt Joseph, Paul cho tay xuống nắp bao súng lục. Anh bật khuy, báng súng lòi ra:

- Joseph, chắc chắn anh không tin nếu tôi kể với anh rằng sau chuyến ghé lại vừa rồi của anh, tôi cảm thấy tình bạn của anh là một trong vài cái đáng giá nhất còn lại trong suốt cuộc đời của tôi?

Joseph cảm thấy quả tim mình chới với và trương lên trong lồng ngực. Bất giác anh bước một bước tới sát người Pháp:

- Paul ạ, tôi xin lỗi. Tôi ân hận vô cùng. Tôi là một thằng khốn kiếp đến thế...

Paul rút súng, lùi một bước, chĩa mũi súng vào ngực Joseph:

- Đừng bước tới gần tôi! Sẽ không ai thắc mắc bằng cách nào một nhà báo Mỹ điên rồ lại để cho hắn ta bị giết trong thời điểm như thế này.

Joseph nhìn xuyên qua mũi súng:

- Paul, hãy để tôi ở lại đây. Hãy để tôi cùng nhìn cùng chịu với anh cho tới cuối. Chuyện đã tới như thế này, tôi không đành lòng đi khi anh còn ở lại đây. Với lại, ở đây có vô số điều cho tôi viết.

Ngực Paul phập phồng đứt đoạn. Anh bỗng sắc giọng, mỗi tiếng nói như một viên đá ném vào mặt Joseph:

- Tới lúc này anh còn nghĩ rằng có thể thanh lý được lương tâm của anh sao? Anh còn nghĩ rằng có một lối thoát danh dự dành cho anh sao?

Tiếng máy bay gầm rú khi lướt qua thật thấp bên trên hầm tạm thời át tiếng súng bên ngoài. Nghe tiếng gầm rú ấy, Paul dang thẳng cánh tay tới trước, kèm cứng. Với sự cân nhắc kỹ lưỡng và điềm tĩnh, anh nâng súng lên ngang đầu Joseph. Ngón tay Paul ngoéo dần trong ổ cò.

Ngay lúc đó, miếng vải bạt che cửa bị vạch qua một bên, viên sĩ quan phụ tá của Paul ào vào. Anh ta há hốc miệng chăm chăm ngó cấp chỉ huy, mấy giây sau mới lấy lại được bình tĩnh:

- Trình trung tá, máy bay tải thương vừa đáp xuống. Nếu Monsieur Sherman muốn về theo nó, phải đi lập tức.

Vẫn nhìn chăm chăm vào mặt Joseph, Paul duỗi tay:

- Monsieur Sherman không chịu tuân lệnh tôi lên máy bay. Anh áp tải ông ta ra phi đạo, dí súng bắt lên tàu.

Viên trung úy trẻ lật đặt móc súng, đưa tay vẫy Joseph đi trước và nhảy lên trên bờ chiến hào. Năm phút sau, chiếc Dakota của Hội Chữ Thập Đỏ, không kịp chờ theo thương binh nào, chậm chạp cất cánh trên phi đạo lồi lõm và Joseph quay lại nhìn về phía cụm hầm của bộ chỉ huy. Anh thấy tám vải bạt che cửa hầm Paul bị vén qua

một bên rồi Paul trôi người ra, mắt chớp chớp dưới ánh sáng ban ngày.

Paul không đội mũ sắt. Dù giữ cho thân mình đứng thật thẳng, vòng băng cẩu bắn quần quanh đầu làm anh có vẻ dơ dáy và èo uột. Trong bàn tay phải của Paul, khẩu súng lục đóng đưa lỏng lẻo. Khi chiếc Dakota vọt thẳng lên, xuyên qua ánh chớp của đạn cối pháo kích, Paul ngược mắt trống rỗng nhìn lên bầu trời xám xịt. Chỉ khoảnh khắc sau, máy bay khuất bên kia đám mây thấp đang lơ lửng trên lòng chảo. Hình ảnh cuối cùng của Điện Biên Phủ Joseph mang theo là hình dáng tuyệt vọng và nhỏ dần của Paul đang đứng cô đơn chính giữa một căn cứ quân sự mà phần số đã được định sẵn.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 10 -

Đúng một tiếng đồng hồ trước nửa đêm mùng 6 tháng Năm 1954, Ngô Văn Đồng kéo chiếc mũ trận bằng tre đan, trệt và mỏng mảnh xuống ngang mi mắt, rồi thận trọng nhô đầu lên trên mép giao thông hào dẫn thẳng tới mặt trước của cứ điểm A1 trong cụm cứ điểm A+ và C+. Với tư thế ngồi lom khom trong lòng chiến hào đầy bùn sinh lầy lội, miệng khô rang và ngang ngực ôm chặt khẩu các-bin cầm sẵn lưỡi lê, anh sẵn sàng vọt lên mép chiến hào ngay nghe khi nổ ra hiệu lệnh xung phong.

Cũng như các bộ đội thuộc Trung đoàn 59 thuộc Đại đoàn 312 của Quân đội Nhân dân Việt Nam, Đồng mang khẩu trang bịt kín miệng và mũi vì sợ hít phải vi trùng trong các giao thông hào nhầy nhụa ngập ngụa bùn, nơi họ phải liên tục dẫm lên những xác chết đang thối rữa của đồng đội lẫn lính Pháp. Những hầm hố nối liền các giao thông hào và những lô cốt nơi binh lính hai bên quần thảo suốt năm mươi lăm ngày qua giờ đây nồng nặc mùi xác người, phân người lẫn mùi ối mưa, và trong cái nóng ban ngày, từng lớp ruồi nhặng giòi bọ bu đầy các thi thể trương sinh.

Dưới ánh sáng hoả châu lơ lửng do máy bay vận tải của Pháp vẫn từ Hà Nội lên thay nhau thả bằng dù, Đồng có thể nhìn rõ các đơn vị Việt Minh khác đang ào lên những chốt phòng thủ bên ngoài một cứ điểm nhỏ hơn trong cụm AC. Từ mấy đỉnh đồi phía trên, các toán lính Pháp cùng lính Lê dương co cụm và tuyệt vọng, đang ào ạt xả súng máy và bắn hàng loạt đạn súng cối xuống hàng hàng lớp lớp bộ đội nhưng vẫn không chặn nổi những người lính á đông đang cảm thấy chiến thắng trong tầm tay. Họ xung phong hết đợt này tới đợt khác, tràn qua thân thể đồng đội vừa ngã xuống và cố đè bẹp binh lính âu tây bằng sức mạnh quân số áp đảo.

Đội A1 nằm ngay trước mặt đại đội Đồng là pháo đài chính của cụm cứ điểm. Nó được trấn giữ bởi số lính còn lại của Tiểu đoàn

Dù Thuộc địa Số 1. Đối phương lập bộ chỉ huy tiểu đoàn trên đỉnh đồi, ngay trong ngôi nhà trước đây dành cho công sứ Pháp tại Điện Biên Phủ. Vì ngọn đồi này là cứ điểm chủ lực sau cùng của thung lũng vẫn còn trong tay quân Pháp nên mấy ngày vừa qua, công binh Việt Minh đã ra sức đào một đường hầm ngầm dẫn sâu vào bên trong sườn đồi. Sau đó, họ buộc cả ngàn ki-lô thuốc nổ lại với nhau, làm thành một quả bộc phá khổng lồ, rồi đặt sâu trong lòng đất, chỗ cuối đường hầm. Thời điểm bộc phá phát nổ được ấn định là 11 giờ khuya nay. Và trước đó nửa giờ, Đồng đã dẫn đại đội của anh thâm lặng di chuyển qua các giao thông hào đan nhau chằng chịt, tiến vào vị trí.

Trong số các bộ đội lúc này ngồi chung chiến hào với Đồng và đang hờm sùng chờ hiệu lệnh xung phong, chỉ còn sót lại vài người từng cùng anh tham dự những cuộc đụng độ ác liệt diễn ra suốt tháng Tư vừa qua. Khi chiếm xong cụm cứ điểm Nà Ngọng, lực lượng bốn đại đoàn tham chiến của tướng Võ Nguyên Giáp từ năm chục ngàn bộ đội sụt xuống còn ba chục ngàn. Giờ đây, nhiều bộ đội trong đại đội của Đồng là những thiếu niên mười sáu tuổi, mới được bổ sung tuần trước. Trong các buổi học tập chính trị nhồi nhét hằng ngày, chính trị viên phải liên tục nói cho họ in trí rằng binh đoàn mười ba ngàn quân của Pháp lúc này chỉ còn chưa tới một phần ba, và con số bốn ngàn quân thù sống sót ấy đều đang kiệt sức. Suốt mấy ngày vừa qua, người ta nói cả trăm lần với bộ đội rằng chiến thắng dứt điểm đang trong tầm tay. Thế nhưng khi bộ đội ngồi khom mình chung quanh Đồng dưới giao thông hào chờ quả bộc phá khổng lồ phát nổ, anh vẫn có thể cảm giác được sự sợ hãi và căng thẳng đang làm đánh mất và loạn nhịp thở của từng người lính trẻ.

Đồng cũng thế. Khác với các lần xung trận trước đây, anh đang rất kích động và căng thẳng. Những cuộc đánh giáp lá cà ác liệt diễn ra gần nửa tháng nay làm cả đôi bên, phía tấn công lẫn phía phòng ngự, đều chịu tổn thất kinh hoàng. Dù Đồng không cảm nhận thấu đáo nhưng cũng giống những bộ đội còn lại của quân Việt Minh, bản thân mỗi người quả thật sắp vượt quá giới hạn sức chịu đựng. Kể từ đầu tháng Hai tới nay, họ ăn cảm hơi mỗi ngày khoảng vài

ba nắm cơm tẻ nhạt và mỗi tuần một lần được nhai hơn chục hạt đậu phộng. Họ cũng đang sống với nỗi kinh sợ triền miên rằng nếu chỉ bị một vết thương nhẹ thôi, trước sau gì mình cũng chết. Phương tiện y tế tiền tuyến - chỉ năm sáu y sĩ và bác sĩ giải phẫu làm việc vất vả trong những túp lều lợp lá gồi cất lên vơi vãi sâu trong núi - thô sơ gấp mấy lần bệnh viện dã chiến của Pháp dưới đáy lòng chảo lúc này không còn chỗ chứa những quân nhân Pháp thương vong hoặc đang hấp hối. Hầu hết bộ đội tử thương vì bị đạn bắn trúng đầu khi vừa nhô lên vành mép chiến hào. Riêng Đồng, ngoài vài mảnh đạn pháo mới ghim vào vai trái và đã được băng bó, anh chiến đấu suốt mà không bị trúng đạn. Và lúc này, anh biết đang tới giờ cực điểm của cuộc bao vây dài ngày nên tự nhiên quên hết mệt nhọc.

Trong khi nôn nao chờ tiếng nổ phát ra từ lòng đất làm hiệu lệnh tấn công, Đồng bất giác nghĩ tới lần đầu tiên trong đời mình đã ngồi chờ tấn công quân Pháp như thế này, tại Yên Bái. Anh nghiêng chặt răng, người ớn ớn lạnh khi hình dung rõ nét khung cảnh đêm đó: ngồi sát hai bên vai anh là cha và cậu em Học. Lúc này, chỉ còn một mình anh chờ giờ xung phong, trên vai mang theo ba cái chết của cha lẫn mẹ và em. Nhìn những đốm đèn hỏa châu leo lét đang từ từ rơi xuống cuối sườn đồi sau khi soi sáng mặt trận, Đồng mừng rỡ tưởng đó là ba linh hồn thân yêu ở thế giới bên kia. Bỗng dưng anh cảm thấy co giật nơi mi mắt. Anh đưa hai tay lên xoa mắt thật mạnh, như một cử chỉ thề hứa rằng đây sẽ là đêm anh xả thân chiến đấu, quyết liệt hơn mọi đêm về trước. Hương hồn của cha của mẹ của em đang cùng anh ra trận, đòi lại món nợ máu của gia tộc, và đang phù hộ anh sống sót tới tận cùng con đường chiến thắng.

Cuối cùng, trễ vài phút sau mười một giờ, quả bộc phá khổng lồ phát nổ. Từ đỉnh đồi tới chân đồi rung chuyển như động đất. Đất đen vọt thẳng lên trời và khói phun cao, như phụt từ một lòng giếng vĩ đại. Kế đó, đêm ngất ngư với tiếng ầm ầm dội như thác đổ, bùn và sỏi đá bắt đầu rơi như mưa rào xuống khắp phòng tuyến Việt Minh. Con mưa đất đá chưa kịp dứt, Đồng bật người phóng lên mép chiến hào. Thét lớn "Xung phong! Xung phong!" anh lao

mình lên sườn đồi.

Chân phóng hết sức nhanh, miệng hô hết sức lớn, Đồng nghe mọi âm thanh phát xuất từ cơ thể mình hòa nhịp với tiếng chân chạy và tiếng gào xung phong của cả ngàn đồng đội. Tất cả phát xuất từ bầu máu nóng căm thù giặc tận xương tủy. Tất cả réo sôi ý chí quyết chiến quyết thắng. Tất cả biến mọi sự thành một trạng thái mê cuồng hiếu sát. Trượt chân rồi gượng, hết nhảy lại phóng qua những chiến hào lở lói, Đồng cảm thấy có một luồng sóng đang đẩy mình tới trước. Nó trào lên không ngừng và không cưỡng lại nổi. Đôi dép râu sút quai, tuột một chiếc. Đồng hất chân đá mạnh cho văng chiếc còn lại.

Thét lên mấy tiếng man dại và đặc thặng, Đồng thọc lưỡi lê lần lượt đâm chết tươi hai lính dù Pháp bị chấn thương trầm trọng, đang quẫy mình trong đám gạch đá ngổn ngang của một lô cốt vừa sập do cú nổ của quả bộc phá ngàn cân. Súng đại liên và trung liên còn lại của quân phòng ngự, từng khẩu rồi từng khẩu, nóng dần, nóng tới độ tay không sờ được không cầm nổi hoặc tắt tịt vì hóc đạn. Đồng và bộ đội diệt gọn vài lính Pháp sống sót sau tiếng nổ kinh hoàng, đang choáng váng chúi đầu sau bức vách phòng ngự làm bằng xác đồng đội tử trận trong những cuộc tấn công trước đó. Khi đang chạy dọc một kẽ nứt sâu hoắm và đen sạm do quả bộc phá vừa nổ làm toang hoác một bên sườn đồi, Đồng bỗng chững lại. Anh thấy năm sáu bộ đội trẻ vừa được tăng cường cho đơn vị mình rú lên rồi ngã vật xuống lòng hố vì trúng phải một loạt đạn súng máy từ ngôi nhà viên công sứ cũ bắn xuống. Dương hai con mắt đỏ ngầu thương hận, Đồng nhìn lên toà nhà kiên cố đang nằm quái đản trên đỉnh ngọn đồi.

Bỗng dung anh điên tiết với ấn tượng rằng toà nhà kiểu châu Âu đang án ngự đỉnh đồi quê hương kia là biểu trưng cho nền đô hộ khốn nạn của thực dân Pháp lên dân tộc. Không dừng chân suy xét lợi hại, Đồng phóng người qua mấy dãy chiến hào còn lại. Kéo đó, anh lẹ làng chạy xéo qua khoảng đất trống bọc quanh bộ chỉ huy Pháp. Áp sát vách toà nhà, rút lựu đạn cầm tay, Đồng lao mình xuống cầu thang dẫn tới một khung cửa le lói ánh đèn dưới hầm nhà. Ở đó, nghe có tiếng lính truyền tin Pháp đang khẩn trương gọi

bộ chỉ huy tập đoàn cứ điểm, Đồng đứng lại, thu mình nép một bên cửa, nghe ngóng.

Hiệu thính viên gào lớn, lặp đi lặp lại và nhấn mạnh nhiều lần lời cầu viện khẩn cấp, để giọng nói của anh ta át tiếng súng đạn đang vang vào điếc tai long óc:

- Trình đại tá Devraux ngay. Rằng đôi A1 không còn giữ được lâu, cần tiếp viện lập tức. Trình với đại tá Devraux rằng chúng tôi cần tiếp viện gấp - ngay tức khắc!

Mắt Đồng nheo lại, ghim thật kỹ vào óc não cái tên đó. Rồi anh nhảy bật người, đá tung cửa, bắn ba phát vào máy truyền tin cho nó tan tành hết sửa chữa. Anh lính truyền tin Pháp trẻ tuổi, vành tai vẫn đeo ống liên hợp, giật mình quay lại đã thấy một mũi lê dí sát ngực mình.

Đồng gầm lên bằng tiếng Pháp:

- Ai là thằng "đại tá Devraux" mày vừa gọi? Hắn chỉ huy đơn vị nào?

Anh lính truyền tin hãi hùng ú ớ. Đồng chích mạnh mũi lê vào ngực anh ta:

- Mày không nói, tao giết. Tên đầu của thằng Devraux đó là gì? Hắn làm gì?

Người lính Pháp run lập cập, thì thào:

- Ông ấy là đại tá Paul Devraux... Ông làm tham mưu trưởng cho thiếu tướng De Castries.

- Hắn biết nói tiếng Việt không?

- Tôi không biết. Tôi có nghe nói ông biết rõ Việt Nam - ông ở xứ này mấy chục năm...

Trên bộ mặt bùn đóng thành từng bệt của Đồng hai con mắt bỗng rực lửa. Với cử động toàn thân xóc tới, anh thọc lưỡi lê vô ngực chàng trai Pháp, lút cán.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 11 -

Sáng hôm sau, khi ánh bình minh toả rạng bầu trời nặng màu chì bên trên lòng chảo Điện Biên Phủ, Đào Văn Lật tháp tùng một nhân vật khổng lồ tầm thước và chắc nịch, chân bước ngắn và lẹ, tướng Võ Nguyên Giáp, tới đài quan sát tiền phương được bố trí cẩn mật trên một mé núi cao. Như thường lệ, vị tư lệnh khó tính của Việt Minh nhất định phải kiểm tra tới hai lần những dữ kiện mới nhất ông vừa nhận được. Lật nhẩn nại chờ trong khi Võ Nguyên Giáp xoay xoay cặp ống nhòm đã chiến loại cực mạnh, rà soát khắp mọi ngõ ngách chiến trường để nhìn đi nhìn lại, nhìn thật kỹ tập đoàn cứ điểm tan hoang của quân Pháp.

Thậm chí bằng đôi mắt trần, Lật cũng có thể thấy rõ rằng những đợt xung phong ào ạt bằng bộ binh theo sau những loạt pháo kích phủ đầu diễn ra liên tục suốt đêm qua đã dồn binh đoàn Pháp tới thời điểm hoàn toàn sụp đổ. Khắp nơi hỗn độn tràn lan và chất ngất những dấu hiệu tàn phá.

Con mưa mùa ào ạt trước lúc rạng sáng làm ngập ngụa thêm các chiến hào phòng ngự. Nước tràn vào các lô cốt sâu cả thước. Cái hố rộng mênh mông và sâu hoắm, hậu quả của quả bộc phá khổng lồ chôn trong đường hầm chân đồi A1, ngập nước tới một nửa.

Trên đỉnh đồi, lá cờ đỏ sao vàng của Việt Minh từ bên trong bức tường đổ nát của tư thất công sứ cũ chia thẳng lên trời, bay phấp phật trong gió. Rõ ràng quân Pháp không còn khả năng phản công tái chiếm cứ điểm A1, một vị trí trọng yếu nhìn xuống toàn cảnh trung tâm chỉ huy của họ.

Lật cũng có thể thấy khúc nước cạn của sông Nậm Rốm lúc này nghẽn đầy tử thi của cả hai phe. Dọc hai bên bờ, không còn chiếc xe vận tải hay xe cứu thương nào chạy. Dù máy bay Dakota cất cánh từ Hà Nội lên vẫn thả dù thực phẩm hành quân hằng ngày, không một lính Pháp kiệt sức và đói lả nào dám bò ra khỏi hố

phòng ngự sên sệt bùn để lượm đồ tiếp tế. Đằng sau phòng tuyến của Việt Minh, nơi bìa rừng, lô nhô lính Pháp bị bắt đêm qua, hai tay bị trói quặt bằng dây rừng. Cả mấy trăm tù binh ngồi xếp hàng thành từng cụm, im lặng cúi mặt chờ giờ giải tới chỗ tập trung sâu trong rừng.

Nhìn xuống lòng chảo, Lật không thể tiếp tục giấu vẻ hào hứng đang long lanh trong mắt:

- Rốt cuộc, chúng ta có thể đặt vào lòng bàn tay các đồng chí đại biểu tại Hội nghị Genève đúng lá bài các đồng chí ấy đang cần để mặc cả, đúng vậy không đồng chí đại tướng? Chắc chắn lúc này nước Pháp chẳng còn lối nào thoát.

Hạ ống nhòm đã chiến xuống, Võ Nguyên Giáp gật đầu:

- Đúng thế. Thời điểm tới lúc chín muồi. Rõ ràng đang có dấu hiệu hoang mang tốt độ trong hàng ngũ chúng nó.

Vừa nói Võ Nguyên Giáp vừa thêm lần nữa ngược mắt nhìn qua các đám mây đang bay theo chiều gió. Bên trên chúng thấp thoáng bóng Phi đội Hải quân Pháp vẫn thả bom xuống các giao thông hào có Việt Minh. Lật đoán hắn Giáp đang suy xét không biết vào giờ cuối này, các chiến đấu cơ khổng lồ của Mỹ có tham chiến để cứu vãn binh đoàn Pháp không.

Những tường thuật của báo chí phương tây trong mấy tuần lễ vừa qua cho thấy Pháp đang mưu tìm sự cứu viện khẩn cấp của Hoa Kỳ. Nhưng tại thủ đô Washington, cả tổng thống Eisenhower lẫn các nhà lãnh đạo quốc hội đều không muốn đi trước một bước bằng những cuộc không tập nặng nề xuất phát từ các căn cứ không quân ở Phi Luật Tân khi chưa có được sự ủng hộ hoàn toàn của Anh và các đồng minh hàng đầu trong Liên hiệp Anh.

Tuy nhiên, thủ tướng Anh Winston Churchill đã đích thân tuyên bố cương quyết chống lại sự can thiệp ấy vì một hành động như thế có thể châm ngòi cho một cuộc xung đột mới trên toàn thế giới. Và lúc này, các ngoại trưởng Hoa Kỳ, Anh, Pháp, Trung Quốc và Nga đã bắt đầu hội họp ở Genève để thảo luận về hoà bình tại châu Á. Các phái đoàn dành hai tuần lễ vừa qua cho vấn đề Triều Tiên, nơi các bên tham chiến đã ký kết ngừng bắn vào tháng Sáu năm 1953, nhưng họ vẫn không đúc kết được một thoả thuận nào cho xứ sở

đồng á bị phân chia một cách cay đắng đó. Và theo nghị trình, hội nghị sẽ xoay qua thảo luận vấn đề Đông Dương kể từ mùng 8 tháng Năm, đúng vào ngày mai.

Lật nói giọng trấn an:

- Đồng chí đại tướng ạ, nếu Mỹ có ý định gửi máy bay tới oanh tạc các vị trí của ta, chắc chắn chúng đã làm ngay sáng nay. Theo ý kiến của các đồng chí cố vấn Trung Quốc, nếu Mỹ đề qua tới ngày mai, khi ngồi vào bàn hội nghị với Liên Xô và Trung Quốc rồi mới đem bom đi thả, thì thật chẳng có ý nghĩa chút nào.

Trên vẻ mặt khắc khổ của Võ Nguyên Giáp nở một nụ cười xác nhận rằng người chính ủy bộ tư lệnh đã phát biểu chính xác tâm tư của mình. Ông thêm lần nữa nâng ống nhòm lên mắt, nói nhẹ nhõm, như thể đọc ý nghĩ của ông ra thành từng tiếng:

- Không có sự giúp đỡ từ bên ngoài, hầu như binh đoàn Pháp chỉ còn một chọn lựa độc nhất là đầu hàng.

Ông lại thận trọng rà soát tỉ mỉ khắp thung lũng. Cặp chân mày của ông nhíu lại, hằn nét suy nghĩ. Kế đó, ông cho ống nhòm vào hộp, đột ngột quay lưng lại với chiến trường. Ông mím chặt môi, gục gặc đầu rồi quay sang Lật, ông nói quả quyết:

- Chúng ta thực hiện quyết định tối hậu trong cuộc họp của các đồng chí cố vấn cùng bộ tư lệnh khuya qua: tấn công dứt điểm. Và đây là lệnh của tôi: "Bám sát quân địch!" Đồng chí cho truyền tin lệnh đó tới hết thầy các chính ủy đại đoàn và trung đoàn. Nói với các đồng chí ấy rằng phải bao vây thật chặt khi bộ đội ta tiến sát vào nhằm tiêu diệt chúng. Không để bất cứ tên địch nào chạy thoát.

- Thật sung sướng được truyền đi mệnh lệnh dứt điểm trận đánh như thế.

Lật nói với vẻ mặt rạng ngời một nụ cười mãn nguyện khi cả hai quay về bản doanh bộ tư lệnh ẩn sâu trong các hang đá bên cạnh một thác nước.

- Đồng chí đại tướng ạ, từ lúc xảy ra cuộc bỏ bom ở Vinh tới nay đã hai mươi bốn năm, tôi ngày nào cũng chờ đợi một bình minh như hôm nay. Suốt những năm dài ấy, hễ lúc nào thấy quyết tâm của mình dao động, tôi lại nhắm mắt mừng tượng những hình ảnh

kinh hoàng khi bọn Tây dội bom những nông dân đang tuần hành, trên tay không có vũ khí. Chừng nào còn sống chừng ấy tôi còn nhớ mãi vẻ mặt kinh hoàng và tiếng gào rú hãi hùng của những người tử nạn đó.

Võ Nguyên Giáp dừng chân, vỗ vai Lật:

- Vào thời điểm này, hẳn ai trong quân đội ta cũng đang hồi tưởng và mừng tượng những lần roi trong quá khứ - và những đau xót tiếc nhớ thuở trước giờ đây sống động trở lại, tươi rói. Anh có nhớ vợ tôi đã chết thảm trong một nhà giam của bọn Tây không?

Nhìn trần trời vị tướng tư lệnh, Lật tự hỏi phải chăng bằng trực giác, ông đang nắm bắt được những cảm xúc sâu xa và thiết thân anh cố không để lộ ra mặt. Lật nói với giọng đồng thuận:

- Có lẽ không thể tránh khỏi những hy sinh ghê gớm một khi đã quyết tâm cống hiến bản thân cho một nguyên cơ cao quý như chính nghĩa của chúng ta. Chính Hồ Chủ tịch là người đầu tiên làm cho tôi nhận ra điều đó. Nhưng ở đây, tại Điện Biên Phủ này, ta thấy rõ tất cả những năm dài đau thương ấy rất đáng giá.

Võ Nguyên Giáp gật đầu thừa nhận những tình cảm của Lật nhưng không trao đổi ý kiến. Mỉm cười tự tại, Lật đưa bọc giấy anh đang cầm trong tay lên:

- Nhưng cuối cùng, một chọn lựa dẫu sai lầm cũng có thể hữu ích. Nó giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản thân và những người chung quanh. Nó còn dạy cho tôi về tầm quan trọng của sự tinh tế. Tôi e mình phải xin lỗi đồng chí về việc trưng dụng một chiếc xe đạp thô quý báu của chúng ta, để mang cái này và một máy hát từ Hà Nội lên đây. Nhưng tôi hy vọng đồng chí sẽ đồng ý rằng việc làm ấy đáng giá.

Võ Nguyên Giáp nhú mày, có vẻ sốt ruột:

- Chính xác nó là cái gì vậy, đồng chí Lật?

- Nó là đĩa hát "*Chant des Partisans*" - "*Bài Ca Người Du Kích*", do Edith Piaf hát. Tôi nghĩ chúng ta nên phát nó vào máy truyền tin, theo tần số điện đài chỉ huy của địch, trước giờ bắt đầu cuộc tấn công dứt điểm.

Một nụ cười ngưỡng mộ chậm chậm toả khắp khuôn mặt của Võ Nguyên Giáp. Lật nói tiếp:

- Bài ca này nói tới một đạo quân ngoại xâm dã man - những con quạ đen - đang bay trên khắp xứ sở, và kêu gọi nhân dân đứng lên đánh đuổi bọn chúng - đồng chí có nhớ không?

Giáp gật đầu. "*Bài Ca Người Du Kích*" đã trở thành một bài dân ca của nước Pháp trong những tháng khép lại cuộc Thế Chiến Hai và được nhân dân Pháp biết tới như một hành khúc của Kháng chiến Pháp chống bọn Đức Quốc xã. Nhìn mặt đồng hồ đeo nơi cổ tay trái, tổng tư lệnh Việt Minh tính toán tâm lý thật lạ:

- Nửa giờ nữa bắt đầu cho phát thanh xuống lòng chảo - nó sẽ trùng với thời điểm xung phong tối hậu.

Ba mươi phút sau, Lật ngồi trước máy truyền tin, giám sát việc hiệu thính viên điều chỉnh cho máy hoà vào tần số điện đài chỉ huy của quân Pháp. Kế đó, anh lên giây thiều để máy hát chuẩn bị quay, rồi anh nói rất dịu dàng bằng tiếng Pháp vào ống liên hợp:

- Các cháu thân mến, khoan phá hủy máy truyền tin của mình. Cụ Chủ tịch Hồ Chí Minh muốn tặng các cháu một bản nhạc: "*Bài Ca Người Du Kích*".

Trong các hầm hố đầy bùn và các lô cốt sừng nước khắp trại quân co cụm, lính dù Pháp và lính Lê dương giật mình khi nghe một giọng nữ dòn dập, đầy âm hưởng, vang lên trong hệ thống truyền tin của họ, với tiếng tây ban cầm đệm theo, khích động dòn dập. Tiếng người nữ đệ nhất danh ca Pháp đã đi vào huyền thoại kháng chiến và âm nhạc: "*Đồng đội ơi, giờ đây tự do đang lắng nghe chúng ta...*"

Khi đĩa hát mòn vẹt và cũ kỹ ấy tiếp tục quay chậm chậm trên hang núi cao, Lật mỉm cười với hiệu thính viên, vỗ vai anh ta:

- Đồng chí ạ, hãy cứ chơi tới chơi lui trên tần số đó, chỉ một bản nhạc này thôi - cho tới khi xong trận!

Anh đứng lên, chuẩn bị ra khỏi hang nhưng chừng lại khi có tiếng gọi anh từ khu đặt dây máy truyền tin đã chiến. Ép ống nghe sát tai, anh nhận ra giọng của chính ủy Trung đoàn 59, một trong mười sáu người vừa mới mấy phút trước đây nhận được mệnh lệnh trận đánh sau cùng do anh truyền đi. Giọng ấy nói:

- Đồng chí Lật, một đồng chí đại đội trưởng trong trung đoàn tôi yêu cầu tôi chuyển tới đồng chí một lời thỉnh cầu. Đồng chí ấy

muốn tình nguyện tham gia công tác cắm cờ của ta lên nóc hầm của thằng tướng Tây chỉ huy trưởng nếu đồng chí có ý định thành lập một toán xung kích đặc biệt.

Lật trả lời ngắn gọn:

- Có. Chúng tôi đang tập hợp một biệt đội tình nguyện. Đồng chí đại đội trưởng ấy tên gì?

Chính ủy Trung đoàn 59 nói:

- Tôi nghĩ đồng chí có biết anh ấy. Đồng chí và người của anh ấy từng kéo khẩu pháo chót lên núi. Tên đồng chí ấy là Ngô Văn Đồng.

Lật trả lời không chút đắn đo:

- Dĩ nhiên biết. Đồng chí Đồng là chiến sĩ dũng cảm nổi tiếng. Anh ấy rất xứng đáng với vinh dự đó.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 12 -

Trong hầm tham mưu trưởng dưới mặt đất lòng chảo Điện Biên Phủ, đại tá Paul Devraux ngồi đưa mắt nhìn trống rỗng vào vách hầm phủ chiếc chiếu cói trước mặt bàn làm việc của mình. Dù cố không để ý tới nhưng giọng ăm ắp xúc động của người nữ danh ca Pháp đang hát "Bài Ca Người Du Kích" qua hệ thống truyền tin chỉ huy vẫn làm anh không tập trung nổi tâm trí để chú ý cách riêng vào bản báo cáo buổi sáng về tình hình mặt trận địch.

Khuôn mặt Paul mướt mồ hôi, hốc hác và hằn sâu nét mệt mỏi. Cứ một hai phút, với vẻ khích động, anh lại đưa tay lên ngang lông mày chà xát vòng băng quấn quanh trán.

"Giờ đây, quân thù sẽ biết ngay lập tức giá máu và giá nước mắt của chúng ta!

Vùng lên các bạn ơi, từ những thành thị tan hoang, vùng lên từ

những ngọn đồi...

Đêm nay tự do đang lắng nghe chúng ta!"

Qua liên lạc vừa rồi với các chỉ huy trưởng mấy cứ điểm chưa bị đối phương tràn ngập, Paul biết rằng bài ca xúc động này đang có tác dụng như thôi miên các quân nhân của binh đoàn. Trong lòng chiến hào, lính dù Pháp và lính Lê dương mù mẫm tâm thần, thậm chí còn quẫn trí hát theo đĩa nhạc. Trên các ngọn đồi thấp thuộc cụm cứ điểm A+ và C+, bài ca ấy rền vang trong tai những người lính Pháp sau chót đang chống trả, trong khi từng đợt xung phong của Việt Minh tràn qua các chiến hào và càn lên các lô-cốt theo với tiếng gió mùa thổi phàn phật. Từng chót rồi từng chót và rồi cả những pháo đài nhỏ kế tiếp nhau sụp đổ bất chấp sự chống trả rất can trường, một mất một còn, của quân phòng ngự. Và tới thời điểm này, vòng đai phòng thủ ở khu trung tâm bị thu hẹp lại, còn nhỏ hơn chu vi một sân vận động bóng đá.

Đang nghe hát, Paul bỗng nhóm chân vì có tiếng kêu lè xè của chiếc máy truyền tin đã chiến đặt sát bên khuỷu tay. Liếc xuống đồng hồ tay, anh thấy gần mười giờ. Không dừng lại để nhắc ông nghe, anh cầm xấp hồ sơ trên bàn lên, lật đặt chạy ra giao thông hào dẫn tới hầm chỉ huy trưởng.

Trên trụ cửa hầm, người ta mới gắn một tấm bảng nhỏ ghi rõ cấp bậc của De Castries lúc này là thiếu tướng. Ông vừa được những thượng cấp bắt lực ở Hà Nội thăng quân hàm mấy hôm trước, cùng với hết thảy các chỉ huy trưởng đơn vị ở Điện Biên Phủ. Thế nhưng các cầu vai mới toanh và sâm-banh thả dù xuống cho họ uống mừng cấp bậc mới, mĩa mai thay, lại rơi vào khu vực chiến hào của đối phương.

Vô tới trong hầm, Paul, lúc này là đại tá thực thụ, thấy De Castries ngồi thờ thần với điều thuốc lá ngậm hờ hững trên miệng. Mặc quân phục màu nâu, đội mũ nhà binh bằng vải mềm màu nâu đỏ không vành và có lưỡi trai, kiểu đặc biệt của Trung đoàn Ma-rốc ông từng làm chỉ huy trưởng, De Castries chào viên sĩ quan tham mưu trưởng của mình bằng một cái gật đầu lơ đãng.

Mắt nhìn xuống bản ghi nhận tình hình mặt trận, Paul báo cáo:

- Lúc này địch tập trung hai Sư đoàn 312 và 316 ở cạnh sườn phía đông của ta, cùng với hai trung đoàn tăng phái của Sư đoàn 308.

Chúng chỉ giữ lại một trung đoàn đối diện cạnh sườn phía tây của ta. Tổng cộng dường như địch có khả năng sử dụng khoảng ba mươi lăm ngàn quân. Pháo binh địch hiện vẫn là mục tiêu cho không lực ta. Lúc này, có bằng chứng rõ rệt rằng địch đang bố trí và sẽ dùng nhiều hỏa tiễn mới, loại Catiusa của Nga, để phóng vào chúng ta.

Nét mặt và giọng nói của De Castries mang vẻ cam chịu:

- Còn sức mạnh của chúng ta ra sao? Nghĩa là, nếu dùng chữ "sức mạnh" đúng với ý nghĩa của nó.

- Tôi đã bốn ngàn người còn khả năng chiến đấu.

Paul ngừng nói, trở mu bàn tay lên chậm chậm quệt ngang khuôn mặt đầm mồ hôi. Đầu anh nhúc nhúc như bị nện búa, mắt thấy lập lòe chớp nháy và thị giác thỉnh thoảng mờ hẳn:

- Nhưng ngay cả lính dù và lính Lê dương gan góc nhất cũng không thể chiến đấu lâu thêm nữa trong tình trạng thiếu ngủ thiếu ăn. Tóm lại, có lẽ ba đại đội Khinh binh Ma-rốc sẽ không chiến đấu nữa; các tiểu đoàn lính sắc tộc Thái cũng vậy. Chỉ có các đơn vị nhảy dù người Việt của Quân đội Quốc gia vẫn cố cầm cự.

Ngoài ra, chỉ còn hai đại đội của Tiểu đoàn 1 và Tiểu đoàn 2 Dù Lê dương cùng hai đại đội của Tiểu đoàn 8 Dù Xung Kích Pháp...

De Castries vẫy tay ra hiệu Paul dừng lại, với ngụ ý anh nên để lại xấp hồ sơ trên bàn cho ông đọc sau. Ông nói như lầm bầm:

- Với tất cả những gì hiện có, chúng ta phải chiến đấu bằng mọi giá để giữ vững bờ sông phía tây, bằng không, chúng ta không còn thức ăn và nước uống. Những đơn vị nào còn khả năng đột kích nên chuẩn bị khởi sự bung ra đêm nay.

Cảm thấy người xây xẩm lão đảo, Paul đưa tay chống lên mặt bàn, giữ cho mình đứng vững:

- Trình thiếu tướng, tôi e rằng hiện có nhiều người không còn đủ sức khoẻ để chiến đấu phá vòng vây và băng rừng - nếu giả dụ chúng ta còn cầm cự nổi tới lúc trời tối. Thiếu tướng thấy, trong một giờ đồng hồ vừa qua, ta thất thủ thêm ba đồi trong cụm cứ

điểm Elaine.

De Castries ngược mắt nhìn thật lạ tham mưu trưởng:

- Anh cảm thấy trong mình không được khoẻ?

Trước mắt Paul, bộ mặt của thượng cấp hình như rạn ra từng mảnh. Anh lắc lắc đầu để nhìn cho rõ:

- Trình thiếu tướng, cũng như những người khác, tôi nghĩ mình thiếu ngủ quá, chỉ vậy thôi.

De Castries nói trầm giọng:

- Có lẽ còn hơn thế nữa. Trông anh như thể đang sốt. Anh về hầm, rán ngủ một giờ. Tôi sẽ sai người qua đánh thức nếu có việc cần kíp.

Về lại hầm, Paul ngã người xuống giường xếp, kéo mền lên đắp và nằm run lập cập. Anh gần như rơi ngay vào một giấc ngủ lơ mơ và nhọc nhằn. Trong khi bình bồng giữa trạng thái chập chờn mê mụ nửa ngủ nửa thức, những ý nghĩ từng bị anh phẩn đấu nén kín kể từ lúc Joseph ra đi, giờ đây tràn ngập trở lại tâm trí anh.

Trong tám tuần lễ liên tục, đây là khoảnh khắc đầu tiên Paul thoát khỏi tình trạng căng thẳng thần kinh quá độ trong việc phụ tá chỉ huy công cuộc phòng ngự đầy tuyệt vọng tại lòng chảo. Vì thế, đây cũng là lúc anh ném trái thêm lần nữa nỗi đau đớn dữ dội trong cơn cuồng nộ hiêu sát từng siết chặt anh lần đầu khi tâm tư anh bắt đầu thấm thía ý nghĩa những lời thú tội của Joseph.

Tuy đã từ lâu, tình vợ chồng của Paul và Lan không mặn nồng nhưng sự việc này, dù bất chợt hoặc hữu ý, không giữ lời thề chung thủy, lại còn phản bội với một kẻ anh hằng cảm mến sâu xa, đã làm anh choáng váng tột độ. Rồi cơn cuồng nộ ban đầu ấy về sau hạ hỏa, hóa thành một tâm trạng u uất mịt mù. Từ đó, hình ảnh không chịu đựng nổi về những cuộc gặp gỡ vụng trộm của Lan và Joseph ám ảnh tâm trí Paul suốt ngày đêm. Và lúc này, trong cơn mê mẩn hấp hối, anh thấy chập chờn không biết bao nhiêu lần cả hai đang lỏa thể, đấm đuổi và quần quai trong vòng tay nhau. Thân thể hư hao vì thấm thía cảm giác bất lực và mất mát, Paul dậm ra thờ ơ với sự an nguy của bản thân từ lúc nào không biết. Mấy ngày vừa qua, khi cơn sốt thương vong của sĩ quan trong binh đoàn lên cao, anh tình nguyện đích thân chỉ huy cuộc phản công

lên cụm đồi cứ điểm Huguette. Sự liều lĩnh xem thường mạng sống của Paul đã chặn được phần nào cơn thủy triều đang dâng trên chiến địa và mang về cho đơn vị một chuỗi chiến công đáng kinh ngạc.

Cuối cùng, tình trạng quay trở về hành động ấy khôi phục trong Paul niềm tin rằng mình có khả năng làm lại cuộc đời. Rồi dần dà, trong anh phát sinh một quyết tâm mới mẻ và kiên cường rằng dù có xảy tới điều gì đi nữa, mình phải sống sót trong cơn nước lũ đang cuốn phăng Điện Biên Phủ. Và mình phải trở về Sài Gòn. Ở đó, anh sẽ đối mặt với Lan và Joseph. Anh sẽ làm cho Lan thấy vẫn còn một tương lai cho cả hai vợ chồng và đứa con trai, cho dù tương lai đó ở Pháp. Nếu cuộc hôn nhân được cứu vãn, nếu anh và Lan thoát khỏi tình trạng nứt rạn và liêu xiêu bởi chiến tranh và chính trị, anh sẽ thấy quả thật mình hợp tình hợp lý. Ít ra mình cũng chứng minh được rằng những thiên hướng của mình, ngay từ đầu, không sai lầm chút nào, và rằng từ nay, chắc chắn mình có khả năng làm lại và thế nào cũng sẽ đạt kết quả.

Cái làm cho Paul đau nhức không phải bởi vết thương trong các cuộc đụng độ dữ dội mấy ngày vừa qua nhưng bởi vết thương cũ trên đầu, xảy tới trong buổi sáng xuất kích với Joseph. Nó khiến anh càng ngày càng cảm thấy khó ở. Bác sĩ giải phẫu của binh đoàn rút cuộc đã phát hiện một miếng lựu đạn nhỏ li ti không đáng để ý, vẫn còn nằm trong xương sọ của anh. Dù người ta có gắp được nó ra, Paul vẫn tiếp tục bị nhức đầu tới độ mất đồ đom đóm. Nhưng quyết tâm sống sót và ý chí thực hiện các dự tính mới, giúp anh giấu được những người chung quanh cơn đau nhức đang hành hạ mình.

Vì lúc này bệnh viện đã chiến ngằm dưới đất và các giao thông hào chung quanh nó đầy ứ hàng trăm thương binh với một nhóm y sĩ giải phẫu lã người vì mõi xẻ, giữa hàng đống ghê rợn tay chân bị cắt bỏ, Paul chỉ còn một chọn lựa là đành phải tiếp tục phận vụ tham mưu trưởng của mình. Đương cự với cơn sốt bắt đầu hoành hành từ hai ba ngày nay, Paul chúm mũi vào công việc với một hy vọng mới. Anh kỳ vọng rằng nhờ thế mình sẽ tổng khứ được cơn sốt, nhưng giờ đây, nằng run lẩy bẩy trong chăn, anh biết mình

đang thua cuộc đấu.

Khi tiếng hát của người nữ danh ca kể lẻ và lặp đi lặp lại hình ảnh "bầy quạ đen đang làm u ám các cánh đồng" và "tiếng quê hương đang rên siết trong xiềng xích", Paul bắt đầu có ấn tượng mình đang nghe trong hầm trần ngập tiếng đập cánh báo hiệu đêm xấu cùng tiếng xích sắt đang kêu lách cách. Và khi cảm thấy có bàn tay ai đó thỉnh thoảng túm vai mình, anh bất giác thét lên, ngồi bật dậy, cảnh giác.

Viên sĩ quan phụ tá thâm thì:

- Trình đại tá, đã hơn ba giờ chiều. Bọn Việt bắt đầu vượt sông.

Tướng De Castries triệu tập họp khẩn cấp các chỉ huy trưởng cao cấp của binh đoàn.

Cảm ơn viên sĩ quan thuộc quyền, Paul vội vã dấp nước lên mặt rồi đi loạng choạng men theo giao thông hào tới dự cuộc họp bộ chỉ huy.

Tiếng đạn pháo rít trên đầu và tiếng bộc phá nổ ngay trên hầm chỉ huy trưởng làm mặt đất như găm rú và rung chuyển liên tục khiến rất khó thảo luận. Nhưng cảnh tượng những bộ mặt căng thẳng phờ phạc của các chỉ huy trưởng khác trong binh đoàn cũng đủ nói cho Paul biết, ngay từ lúc mới bước vào, rằng trong khi anh ngủ, tình hình suy sụp không cách gì cứu vãn.

Đại tá Langlais nói với giọng ảm đạm:

- Chúng ta không còn chọn lựa nào khác. Ở đây, ngay cả vị trí chính này, cũng sẽ không còn giữ nổi cho tới khi đêm xuống. Điều đó có nghĩa không thể nào tổ chức được cuộc đột phá vòng vây.

Thương binh và các đơn vị hết đạn sẽ bị tàn sát nếu chúng ta không báo cho đối phương biết rằng chúng ta có ý định chấm dứt ngay việc chống cự.

Paul đưa tay áo trần lên quệt mặt, mơ hồ lắng nghe lời thảo luận đầy bứt rứt về viễn ảnh cay đắng dường nào của sự thất trận mình sắp phải đối mặt. Khi cuộc họp giải tán, tướng De Castries ra hiệu cho anh đứng lại chờ:

- Anh còn đủ sức khỏe để xử lý tình hình tổng quát giờ chót không?

Ông hỏi với giọng cam chịu. Paul gật đầu.

- Tốt - vậy chuyển ngay quân lệnh này tới các đơn vị: "Thừa lệnh thiếu tướng chỉ huy trưởng, cuộc ngưng bắn sẽ có hiệu lực vào lúc năm giờ chiều nay ngày 7 tháng Năm năm 1954. Phải phá hủy mọi thiết bị và quân dụng để không có gì rơi vào tay quân địch!" Thế thôi.

Paul bắt đầu đưa tay lên theo tư thế chào đúng quân cách và chung cuộc nhưng De Castries mặt trắng bệch đằng sau cặp kính đêm ông vẫn đeo suốt cuộc họp, quay lưng lại, không để ý nữa. Tới khi Paul sắp sửa nghiêng mình lách qua màn cửa, ông nói, điềm tĩnh, không ngoái lui:

- Ông bạn ạ, đừng quên đốt chiếc mũ bê-rê đỏ trước khi chúng nó vô tới đây, nhớ không? Những người khác đều làm như vậy, và việc đó có thể cứu họ thoát chết. Đối phương có lý do chính đáng để chẳng yêu thương gì lính dù.

Trong một thoáng, Paul sửng người nhìn chăm chặp vào lưng vị chỉ huy trưởng nhưng De Castries vẫn không quay lại đối mặt anh. Rồi Paul lật đật đi ra, không nói một lời. Kể từ khi thức dậy sau giấc ngủ chập chờn, cơn sốt của anh hình như có giảm. Nhưng sau khi về lại hầm và truyền mệnh lệnh ngưng bắn cho mấy đơn vị ít ỏi đang cầm cự bên ngoài, anh bắt đầu run cầm cập; mồ hôi lại tuôn đầm dề.

Cô tập trung chú ý vào đồng giấy tờ bụi bặm trên bàn, Paul thấy mình đang đọc lại lời tuyên dương được Hà Nội gửi tới mười ngày trước đây khi toàn thể binh đoàn được thưởng Chiến công Thập tự Bội tinh, rằng: "Lòng dũng cảm của họ sẽ mãi mãi là gương mẫu". Nhưng khi nhìn hàng chữ ấy, Paul lại thấy chúng nhảy múa trước mắt. Anh chụp tờ tuyên dương, vừa lăm bắm chữ thề trong cổ họng vừa vo tròn thành một trái banh.

Bản "Bài Ca Người Du Kích" đang êm ái và miên man cất tiếng trong ống liên hợp máy truyền tin lúc này thường bị gián đoạn bởi giọng thảng thốt của lính dù và lính Lê dương. Họ báo cáo đang phá hủy vũ khí và máy truyền tin vì quân địch áp rất sát. Vũ khí bộ binh bị dí mũi súng xuống đất rồi bóp cò cho toác nòng. Lựu đạn được ném vào các pháo khẩu trên xe tăng và vào các cơ phận trọng pháo để làm chúng không sử dụng được nữa. Công điện từ các vị

trí còn giữ được ưu thế báo cáo bộ đội Việt Minh bắt đầu tràn qua chỗ cạn nước trên sông Nậm Rốm và rằng lính An-giê-ri, lính Ma-rốc trước đây đào ngũ núp trong các hang hốc dọc bờ sông giờ đây phát lá cờ trắng đầu hàng làm bằng những mảnh vải dù rơi rải rác. Vừa nghe báo cáo Paul vừa bóp chặt hai nắm tay lại rồi chậm chậm thả ra, buông dọc hai bên thân mình. Kế đó, anh vội vàng lục lọi trong đồng giấy tờ và biểu đồ cho tới khi mò ra tấm bản đồ nhỏ bằng lụa vùng tây bắc Bắc Việt, vẽ chi tiết những hẻm núi hẹp dẫn sang Lào. Cởi chiếc giày trần bên trái ra, anh cẩn thận quần bản đồ vào bắp chân, kéo bít tất phủ lên trên. Rồi anh nhét vào ống giày bên phải chiếc la bàn nhỏ.

Cử động rần rức đó làm Paul lại cảm thấy hoa mắt, phải thả người ngồi xuống cho qua cơn chóng mặt. Vẫn run lẩy bẩy, anh đốt các số tay cá nhân trong một cái soong thiếc rồi cho thêm vào ngọn lửa ấy một bó thư của Lan, từng tờ, từng tờ một. Trong khi lửa liếm những trang thư, vẻ mặt Paul đánh lại quả quyết. Thậm chí khi cảm lên tấm ảnh của vợ đang tươi cười, ánh mắt sốt bừng bừng của anh chỉ đậu lại trên gương mặt xinh đẹp ấy trong vài giây rồi anh cho luôn vào lửa.

Khi ngọn lửa sắp tàn, ánh mắt Paul rơi đúng chiếc mũ bê-rê đỏ nằm trên bàn, bên cạnh soong thiếc. Nhớ lại lời thúc giục sau cùng của chỉ huy trưởng, Paul đưa tay chạm vào mũ, nhưng anh rút tay. Đứng dậy, anh cẩn trọng đặt chiếc mũ bê-rê lên đầu và bất giác kéo lệch nó nghiêng một bên mắt theo kiểu cách ngang tàng anh thường đội.

Paul nghe bên ngoài có tiếng người nói lớn, rì rào và hoang mang. Rồi vài tiếng nói rời rạc bằng tiếng Pháp: "Chúng nó tới!" Một loạt đạn vang lên lác lổng. Tiếp theo, có tiếng chân dép chạy rầm rập trên nóc hầm. Paul rút súng lục, bước tới máy truyền tin. Sau khi xả hết kẹp đạn vào dải nút trắng, anh trở ngược nòng, dùng báng súng đập tan máy.

Vào khoảnh khắc đó, ngay bên trên hầm của Paul, Ngô Văn Đồng kẹp dưới nách trái lá cờ Việt Minh cuộn lại, đang chạy giữa một biệt đội mặc quân phục màu xanh lá cây vui mừng tổ mớ. Quanh

cổ Đồng quàng sợi dây đeo khẩu tiểu liên xung phong của Nga gắn sẵn băng đạn cong. Bàn tay phải anh nâng súng lên chĩa ra phía trước trong tư thế sẵn sàng nhả đạn. Vọt lên mái thép cong queo và các bao cát lỗ chỗ vết đạn, Đồng cầm ngọn cờ Việt Minh xuống mặt cát. Rồi anh dựng lên, giữ chặt trong khi đồng đội chêm bao cát và đồ dẫn dưới gốc cọc để giữ cho lá cờ đứng thật thẳng.

Lúc lá cờ đứng vững vị trí, ba bộ đội Việt Minh ở lại bảo vệ cờ, trong khi chỉ huy trưởng biệt đội dẫn Đồng và các bộ đội còn lại nhảy xuống giao thông hào dẫn tới hầm chỉ huy trưởng bên dưới. Khi bộ đội ào vào, thiếu tướng Christian Marie Ferdinand de la Croix de Castries đứng chờ sẵn trong bộ quân phục trắng nếp với đầy đủ mấy hàng tua huân chương. Thấy đối phương chĩa mũi súng tiểu liên ngay ngực mình, ông nói thật lạ:

- Đừng bắn!

Vài giây sau, De Castries bị đẩy ra giao thông hào và lúi lũi bò hào dưới ánh sáng ban ngày, bởi một đám quân thù chen chúc nhau, còn Ngô Văn Đồng tách riêng ra. Túm vai viên trung úy Pháp trẻ tuổi, anh chia súng bắt anh ta đứng lại chờ cho tới khi các bộ đội khác trong biệt đội xung kích đi khỏi tầm nghe.

Rồi Đồng gần giọng:

- Thăng tham mưu trưởng Devraux ở đâu? Vị trí của hắn ở đâu? Viên trung úy kinh hoảng, không nói lời nào, ngập ngừng đưa tay chỉ dọc giao thông hào. Lập tức Đồng lôi trong túi dết bên thắt lưng ra một quả lựu đạn và lao mình tới.

Bên trong hầm, Paul đang đứng lom khom bên máy truyền tin vỡ nát, cố gượng người trong một cơn choáng váng mới ập đến. Và lúc ấy, anh nghe có tiếng động nơi cửa hầm sau lưng mình. Chậm chậm Paul quay người lại, lơ mơ nhận ra một bộ mặt á đông, đầu đội mũ trận bằng tre đan có gắn phù hiệu đỏ với ngôi sao vàng.

Về phần mình, trong một thoáng, Đồng ngờ ngợ nhìn chăm chú viên sĩ quan Pháp kiệt sức và bệnh thấy rõ, quanh đầu quấn một vòng băng bản thủ sát dưới chiếc mũ bê-rê đỏ đội lệch. Kế đó, Đồng bước tới gần hơn, tay trái vẫn nắm chặt quả lựu đạn, và nhận ra Paul. Dù râu ria lởm chồm hai ngày chưa cạo, Paul càng lớn tuổi ngoại hình càng mang những nét giống cha, Đồng hít vào một hơi

thật lẹ rồi thở hắt ra:

- Devraux, mày đang ở trong tay Quân đội Nhân dân Việt Nam. Lúc này mày phải tuân lệnh tao.

Paul nheo mắt, cố tập trung tia nhìn vào bộ mặt người bộ đội Việt Minh. Khi nhận ra rõ ràng, anh chậm chậm lắc đầu, hoang mang:

- Đồng, ai sai anh tới đây?

Người Việt Nam đánh mặt lại, uất hận:

- Người mẹ đã chết của tao, người cha đã chết của tao - và Học, thằng em đã chết của tao. Quì xuống! Tao sắp giết mày!

Bên ngoài hầm, sự yên lặng đột nhiên phủ khắp Điện Biên Phủ lần đầu tiên kể từ hai tháng nay. Trong trạng thái mất loá lóa vì cơn đau Paul tự hỏi phải chăng cái mình đang thấy chỉ là ảo giác. Anh cảm thấy thân thể lại bắt đầu lão đảo, phải níu vào xà gỗ trần hầm để giữ cho khỏi té.

- Đồng ạ, anh đã thắng trận. Các anh xứng đáng với chiến thắng của mình. Cái đó chưa đủ cho anh sao?

- Nó không đủ cho cả nhà đã chết của tao. Quì xuống!

Paul buông tay khỏi xà gỗ và cất chân bước loạng choạng về phía người Việt Nam, hai bàn tay vẫn buông thõng hai bên người.

- Đồng ạ, cuộc chém giết xong rồi. Lúc này hết thấy chúng ta phải bắt đầu thu dọn chiến trường. Tôi là tù binh của anh - nhưng tôi sắp nhập bọn với các tù binh khác.

Đồng đứng chận lại. Mắt đỏ lửa. Đường gân xanh hai bên cổ sần cứng. Tiếng anh gầm lên nghèn nghẹt giữa hai hàm răng siết chặt:

- Tầm bậy! Ai cho mày sống mà làm tù binh? Mẹ tao, em tao, cha tao sa vào tay cha con mày, tại sao lại còn bị chúng mày giết? Tao bảo lần chót. Quì xuống!

Paul vẫn lão đảo bước. Dù vẻ mặt bắt đầu bồn chồn và căng thẳng, tới khoảnh khắc sau cùng Đồng bước sang một bên. Paul tiếp tục nghiêng người chậm chậm đi ngang qua Đồng, tới cửa hầm. Khi Paul đưa bàn tay lên sắp lùa tấm bạt qua một bên, người Việt Nam lại gầm lên, hét anh đứng lại.

Paul lại càng không thêm để ý tới lệnh đó. Và Đồng khai hoả. Với vẻ mặt méo mó quẫn quai, người Việt Nam ngoéo chặt ngón tay vào cò súng tiểu liên trong vải giầy. Và người sĩ quan Pháp té chúi

nhủi vào vách hầm rồi úp mặt xuống mặt đất đầy bùn, không một tiếng kêu và không bao giờ còn cử động.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 13 -

Vào sáng Thứ Sáu đầu tiên của tháng Bảy, ngồi bên bàn điểm tâm nơi vườn hoa lát gạch bên trong khu vực lộ thiên của Khách sạn Palace Continental ở Sài Gòn, Joseph cố tránh không nhìn xuống đồng hồ đeo tay. Thông thường, mỗi khi ngắm vẻ tươi tắn của mấy bụi hoa thơm ngát và đường nét trang nhã trên các bức tượng dựng xen kẽ nhau trong khu vực bày bàn ăn, anh cảm thấy lòng dịu lại. Nhưng giờ đây, sau một đêm trằn trọc trong phòng ngủ trần cao vời vời của khách sạn, lần đầu tiên anh cảm thấy buồn ngủ lạ thường dù trời vừa rạng sáng. Cảm giác đó có thể là kết quả của việc không quen thức dậy trễ cùng với tâm trạng bồn chồn nôn nóng sáng nay.

Người hầu bàn tới gần. Joseph gọi dâu tây với bánh mì nhỏ và cà phê như thường lệ. Nhưng khi chiếc đĩa nhỏ đựng loại trái cây màu đỏ thắm ấy vừa được đặt xuống trước mặt, hình ảnh của chúng làm loé lên trong tâm trí anh các vườn rau bậc thềm ngay ngắn, được chăm sóc cẩn thận trên cao nguyên Đà Lạt nơi chúng được trồng. Và anh cảm thấy mình chẳng thể nào nuốt trôi, dù chỉ một quả. Kể từ ngày Joseph và Lan trải qua những giờ phút thăm thiết bên nhau trên Đà Lạt tới nay đã gần bốn tháng. Và vì sáng nay là thời điểm chấm dứt mấy tuần lễ khắc khoải trông ngóng, lần đầu tiên Joseph bất giác tự hỏi, với lòng nhoi nhói e sợ, rằng làm sao mình chịu đựng nổi một cuộc sống không có Lan nếu sáng nay, ngược với mọi kỳ vọng của anh, nàng quyết định không chịu kết hôn với anh.

Sau đêm đậm đà bên hồ Xuân Hương, cả Joseph lẫn Lan đều đồng ý tránh không gặp nhau thêm trong thời gian chiến cuộc diễn ra ác liệt tại Điện Biên Phủ. Kể đó, sau khi hay tin Paul bị hạ sát đúng buổi chiều tập đoàn cứ điểm ấy hoàn toàn thất thủ, Joseph chờ thêm một tháng nữa mới liên lạc lại với Lan. Anh biết nếu làm

đám cưới tại Sài Gòn, Lan phải theo đúng phong tục của người Việt qui định việc tái giá của quả phụ chỉ hợp cách sau khoảng thời gian cư tang ba năm. Về phần Lan, nàng nói với Joseph rằng nàng cần ít nhất bảy tuần cúng cầu siêu cho vong hồn Paul, sau đó mới có thể thảo luận với gia đình về vấn đề đó. Nàng và cha nàng sẽ nói cho anh biết ý kiến dứt khoát sớm nhất vào đầu tháng Bảy này.

Từ Hồng Kông, Joseph đi bằng phi cơ tới Tân Sơn Nhứt tới qua, để lại Tempe với vẻ mặt trắng bệch nhưng trầm tĩnh cứng cỏi. Nàng đang chuẩn bị thu xếp hành lý trở về quê nhà của mình ở Baltimore. Dù Tempe rung động thấy rõ khi Joseph bất ngờ yêu cầu chấp thuận li dị, nàng phần đầu lướt qua và lấy lại được sự tự chế của mình. Sự trầm tĩnh của Tempe, thay vì giúp cho Joseph cảm thấy dễ dàng hơn khi ra đi, lại bằng cách nào đó làm tăng mặc cảm phạm tội và khổ sở vốn triền miên dày vò Joseph kể từ hơn ba tháng trước, khi anh đặt chân lên chiếc phi cơ ra khỏi lòng chảo Điện Biên Phủ.

Trong nhiều đêm mất ngủ tiếp theo sau chuyến cuối cùng ghé lại căn cứ quân sự suy sụp đó, Joseph không thể nào gạt khỏi tâm trí hình ảnh Paul đứng hiu quạnh bên ngoài hầm trú ẩn khi chuyến Dakota chót của Hội Chữ Thập Đỏ đưa anh lên thật cao, khuất sau những đám mây đang bay vùn vụt theo gió mùa. Rồi sau khi binh đoàn thất trận được vài ngày, lúc họ và tên của Paul xuất hiện trên danh sách quân nhân tử trận của Hội Chữ Thập Đỏ, Joseph cảm thấy đau đớn khủng khiếp. Anh nằm liệt giường suốt mấy ngày. Suốt hai tuần lễ kế tiếp, ngày nào Joseph cũng uống cho say, với một lượng rượu còn nhiều hơn thuở làm phi công thời chiến. Trong lơ mơ men rượu, anh gạt khỏi trí óc bất cứ ý nghĩ chớm xuất hiện nào có liên quan tới tương lai. Tới khi cơn đau đớn và nổi sầu hận lên tới đỉnh điểm, bắt đầu từ từ lắng xuống để chui thật sâu vào bên dưới lớp lớp tiềm thức, Joseph cảm thấy tâm hồn bắt đầu nguôi ngoai. Sau đó, anh phần chần trở lại với niềm tin mỗi lúc một mãnh liệt rằng có lẽ từ đầu chí cuối, định mệnh nhất quyết run rủi cho anh thành hôn với Lan. Theo anh, dù gì đi nữa đó là một thực tế đang đòi phải có giải pháp thích đáng, và rốt cuộc dường như

mọi sự đã được an bài. Và dần dần, Joseph tin tưởng rằng việc đem Lan và Tuyết đi khỏi Sài Gòn, càng sớm càng tốt, là giải pháp độc nhất để cả ba bỏ lại sau lưng những thảm kịch kinh hoàng của một thời quá khứ.

Tối qua, vừa tới khách sạn Continental, Joseph nhận được mảnh giấy báo tin rằng Lan đang chờ và hẹn sẽ gặp anh nơi tầng trệt của khách sạn này sáng nay lúc mười một giờ. Vì thế, chưa ra khỏi giường, Joseph đã cảm thấy bồn chồn, cứ vài phút lại nhìn kim đồng hồ đeo tay.

Cảm thấy thời gian lơ đãng trôi qua quá chậm và để làm lòng mình vui bớt nôn nóng, Joseph cầm lên tờ báo đặt sẵn trên bàn ăn, tờ Journal de Saigon - Sài Gòn Nhật báo, một tạp chí viết bằng tiếng Pháp, thường được các ký giả ngoại quốc vừa đặt chân tới Việt Nam lật ra để theo kịp các biến cố.

Nội dung bản tin chính nơi trang nhất bao gồm các chi tiết về phong trào cải cách ruộng đất và đấu tố địa chủ được phát động từ tháng Tư năm 1953 tại một số thí điểm ở miền bắc và liên khu 5 Nam Ngãi Bình Phú, thể theo yêu cầu của các cố vấn Trung Quốc. Lúc này, nó được tiến hành tổng quát tại nhiều nơi trên nửa nước Việt Nam phần phía bắc do cán bộ của Chủ tịch Hồ Chí Minh, những đảng viên Đảng Cộng sản đã ra sinh hoạt công khai cách đây ba năm, dưới danh xưng Đảng Lao Động. Đó là một cái tên do chính Stalin đề nghị, sau khi chấp nhận tiếp kiến Hồ Chí Minh và cho Pắc Bó lập quan hệ ngoại giao bình thường với Mát-cơ-va. Theo báo ấy, từ năm 1951, Việt Minh đã cử cán bộ sang Trung Quốc tập huấn cải cách ruộng đất theo đúng đường lối và phương pháp của Mao Trạch Đông. Khi họ về nước, chiến thuật khủng bố và giết chóc được áp dụng rộng rãi nhằm chống lại những thành phần bị qui kết thuộc giai cấp địa chủ. Cho đến nay, có tường trình rằng số người bị giết đã lên tới hàng trăm, trong đó có rất nhiều người từng hiến của cải tích cực ủng hộ kháng chiến, thậm chí có con là cán bộ quân sự cao cấp trong hàng ngũ Việt Minh. Điển hình là bà chủ đồn điền Cát Hanh Long ở Thái Nguyên.

Joseph thờ dãi nhớ lại những điều mình đã ghi nhận khi làm phóng viên thời chiến tranh Quốc Cộng ở Trung Hoa. Những phương

pháp có mục đích tối hậu là quốc hữu hóa đất đai, tẩy nã văn hóa, thiết lập và củng cố chính quyền gọi là vô sản của vị chủ tịch đảng Cộng sản Trung Quốc ấy đã đưa tới cảnh con người hủy diệt nhau tàn bạo hơn cả thiên tai và mãnh thú vì có tính toán và thâm hiểm. Ở tổng xã nào cũng có cảnh con giết cha, vợ giết chồng, anh em họ hàng giết nhau. Các cán bộ quân sự và chính trị bị qui là con cháu địa chủ, từng đóng góp xương máu cho thời kỳ chiến tranh của đảng, nay bị tước đoạt công trạng, trở thành những con cá nằm trên tấm thớt của những đảng viên tham tàn. Trong bối cảnh đó, căn bản tín ngưỡng, đạo lý và thuần phong mỹ tục ở làng xã vốn là đơn vị tạo thành sức mạnh của dân tộc, cùng với sự tín nhiệm và bao dung giữa người và người vốn là nền tảng của xã hội, cũng như cuộc sống phong phú tâm linh thanh đạm vật chất và tình nghĩa đồng bào của người á đông suốt mấy ngàn năm nay, đều bị đảng cộng sản phá hoại tới tận nền móng. Rốt cuộc, một khi tình làng khô héo, nghĩa nước cũng phai tàn và xã hội trở thành một lò lửa trên đó người thiêu nướng người đủ mọi hình thức.

Đặc biệt từ đầu, đảng cộng sản với chủ lực gồm những cá nhân bên ngoài có vẻ hiền lành chất phác, nhưng một khi ngồi với nhau thành guồng máy, dù chỉ ở cấp tiểu tổ, họ trở nên hiểm độc và tàn bạo. Họ từng thoải mái sử dụng những phần tử bất hảo làm nắm đấm trong cuộc lùng và diệt đối thủ từ lúc khởi đầu cuộc cách mạng mùa thu 1945, tại các thành phố lớn như Sài Gòn, Hà Nội và Huế cũng như tận các thôn làng heo hút. Sau đó, trong chín năm chống Pháp và vận động quần chúng nông dân, đảng trở thành một tổ chức khủng bố chuyên nghiệp. Lòng trong tuyên truyền sách động, chiến thuật chủ yếu vẫn là uy hiếp tâm lý và thể lý của dân chúng: khủng bố khắp nơi, mọi lúc và đủ mọi hình thức.

Là những kẻ đấu tranh chủ yếu bằng khủng bố nhân dân và hủy diệt đối phương, khi tiếp nhận chính quyền, đội ngũ lãnh đạo ấy chỉ thay đổi y trang trên phong màn mới trong khi tâm chất của họ vẫn y nguyên. Như thế, tình trạng trấn áp những người dân bất mãn, khác chính kiến hoặc không chung quyền lợi với giai cấp thống trị mới là điều không tránh khỏi, thậm chí sẽ diễn ra ở mức độ toàn diện, thô bạo và độc hiểm hơn trước đây. Những hành

động tham lam, nông cạn, giáo điều và trả hận của những kẻ có tâm chất khủng bố đó sẽ đưa tới đau thương tan nát cho vô vàn con người, gia đình và dòng họ. Rồi hận thù lại tiếp tục truyền hạt giống độc địa xuống nhiều thế hệ và lan tràn khắp Việt Nam, một xứ sở Joseph đã và đang gắn chặt mình vào định mệnh của nó với những hệ lụy đầy thương cảm.

Tới nay, Hội nghị Genève về Đông Dương của các nhà lãnh đạo thế giới thảo luận suốt hai tháng nay vẫn chưa đưa ra được một hiệp định chính thức. Nhưng rõ ràng chiến thắng Điện Biên Phủ của lực lượng Việt Minh đã buộc Pháp, kể từ thời điểm binh đoàn của họ bại trận, phải bắt đầu mưu tìm ngày đình chiến. Nắm được tình hình đó, cộng sản dùng võ lực để áp đặt nhanh chóng các chính sách khủng bố tàn độc tại những vùng đất rộng lớn nằm trong tầm kiểm soát của họ, cách riêng ở miền bắc.

Cũng đăng trên trang đầu của tờ Journal, một bản tin riêng biệt kể lại làm thế nào thậm chí tại đồng bằng sông Cửu Long ở miền nam, Việt Minh cũng đang mỗi ngày một tự tin hơn vào sức mạnh của họ. Đêm qua, một chương trình phát thanh bí mật loan tin rằng hiện ở những vùng xa khuất của đồng bằng sông Cửu Long, trong các khu vực giải phóng hoặc xôi đậu, cán bộ cộng sản đang thăm dò phản ứng quần chúng để có thể phát động phong trào cải cách ruộng đất. Nó sẽ được tiến hành theo từng giai đoạn một, nhằm triệt hạ các địa chủ, bá hộ, mặc dù hiện nay có vẻ Hội nghị Genève đang kết thúc bằng giải pháp Việt Nam dường như sẽ bị chia thành hai quốc gia với cộng sản cai trị miền bắc và những người không cộng sản cai trị miền nam. Cho tới bây giờ, trong ký ức của nhiều người nam bộ, vẫn còn tươi rói cảm giác kinh hoàng trước những hiện tượng sát máu xảy ra trong cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa năm 1940 và sau đó, ba năm giai đoạn đầu cuộc kháng chiến ở nam bộ, từ 1945 tới 1947.

Joseph cố ép cho mắt mình đọc cho hết các bản tin mới ấy nhưng anh thấy không tập trung nổi vào các chi tiết. Công việc chính của chuyến anh tới Sài Gòn lần này là nhằm chuẩn bị một phóng sự về tâm trạng của thực dân Pháp tiếp theo sau cuộc bại trận nhục nhã tại Điện Biên Phủ. Nhưng vì lòng quá lo nghĩ nên sau vài phút rà

soát cặn kẽ nội dung tờ báo, Joseph bút rút đứng lên rời bàn ăn. Đi xuyên qua tầng trệt của khách sạn, anh bước xuống đường Catinat với lời hứa thầm rằng sẽ dành riêng chiều nay để bắt tay vào việc chuẩn bị bài báo.

Joseph đi lang thang vô định suốt nửa giờ, đắm mình trong miên man suy nghĩ. Nhưng dù trí óc để tận đâu đâu, anh cũng không thể không thấy ngay trước mắt mình thành phố Sài Gòn từng quen thuộc với anh suốt gần ba mươi năm qua, lúc này thay đổi rất nhiều.

Từ năm 1945 đến nay, trong tám năm trời chiến tranh, ba chục ngàn tây thuộc địa người Pháp, những kẻ ngay sau Thế Chiến Hai tự tái lập mình lên làm chủ nhân ông của Sài Gòn, đang cố tình làm ra vẻ không quan tâm tới thời cuộc. Việc trong khi ngồi nhấm nháp cà phê với hai con mắt lăm lét nhìn ra ngoài coi chừng bộc phá hay lựu đạn, bị đánh giá là có "tác phong xấu". Người ta lúc nào cũng cố ý gạt qua một bên, kiêu từ hoặc xem nhẹ việc thảo luận với nhau về Việt Minh, đồng thời, coi các phong trào chống Pháp chỉ là tạp nham, chuyện nhỏ, không thích đáng với cuộc sống đô thị Sài Gòn. Nhưng rồi với biến cố Điện Biên Phủ, hết thấy những thái độ vừa kể thay đổi hẳn.

Khoảng mười ngàn tây thuộc địa đã lên đường bỏ lại Sài Gòn. Hiện nay, vị chủ nhân lúc nào cũng thích bông đùa và thích làm dáng của khách sạn Continental không còn đích thân ra tận tầng trệt chào hỏi khách tới uống cà phê, với vẻ hoa hoè thường lệ. Thay vào đó, Joseph thấy mặt ông nhăn nhú hẳn khi cúi xuống ghé sát một bộ mặt khó dăm dăm khác mà Joseph nhận ra đó là của viên thủ quỹ khách sạn.

Tại quán Cái Chùa - tiệm Café de la Paix - nơi tụ tập những tây thuộc địa kỳ cựu, và tại Bodéga, nơi chủ nhân và những người hầu bàn thường thoải mái rôm rả nói cười, lúc này tùm tùm thành từng nhóm nhỏ, mặt đầy lo lắng với mắt nhìn lén lút và miệng dè dặt. Thông thường, bản doanh Sở Liêm Phóng ngay đầu đường Catinat với những cửa sổ song sắt nặng nề, hoạt động rộn rịp. Nhưng lúc này, khi Joseph đi ngang, dường như nó đứng im với vẻ tịch mịch bất thường, ra vào chỉ có vài ba người Pháp hoặc người Việt. Sự

yên tĩnh vô hình chung đó cho Joseph có cảm tưởng đã tới lúc nó bỏ rơi những trận chiến bí mật và âm u từng được nó tiến hành trong một thời gian rất dài.

Trong dáng điệu của từng người Pháp Joseph gặp trên đường phố, đều mang ít nhiều dấu vết lo sợ. Ngược lại, Joseph thấy những toán người Mỹ càng lúc càng đông, từ Đại sứ quán Hoa Kỳ hoặc các cơ quan khác của chính phủ Mỹ, bước ra đường chân đi ung dung tự tại, không thêm đề ý tới tâm trạng của người Pháp. Với tiếng cười thoải mái và miệng cười tự tin, người Mỹ đang biểu lộ một niềm tin thiện cận và tự mãn rằng chỉ có người Pháp là đáng qui trách cho sự thất bại của Pháp tại một xứ sở chậm tiến như Việt Nam. Bằng thái độ ấy, họ có vẻ muốn nói lên một cách rõ ràng rằng nếu họ, những người Mỹ, tham dự cuộc chiến này, kết quả chắc chắn phải khác hẳn.

Khi bước đi trong nhiệt độ ban ngày càng lúc càng nóng, Joseph bắt đầu tự hỏi phải chăng xứ sở của anh đang chấp nhận, tới một mức nào đó, lối lập luận đơn giản và đầy nguy cơ ấy. Trong thời gian Hội nghị Genève lê mê kéo dài, quân đội Liên hiệp Pháp vẫn giữ vững vị trí tại vùng châu thổ sông Hồng, cao nguyên miền trung cùng với Nam Việt. Rõ ràng người Pháp vẫn muốn tiếp tục cuộc chiến tranh mà về mặt tâm lý, nó đã sụp đổ tại Điện Biên Phủ. Tại lòng chảo đó, không phải chỉ tình cảnh tử trận hoặc bị thương của con số hơn năm ngàn người, phim thời sự của Nga còn cho thấy khoảng mười ngàn người bị bộ đội Việt Minh giải vào trại tù binh với hình hài hốc hác như những bộ xương bê bết bùn. Và hình ảnh đó làm choáng váng nước Pháp và thế giới.

Tại chính quốc, trước đây người Pháp thường dửng dưng với cuộc chiến Đông Dương xa lắc xa lơ. Lúc này, sự đột ngột thay đổi ý kiến của công chúng do hậu quả trận đụng độ ở một thung lũng heo hút tận tây bắc Bắc Việt mang ý nghĩa chắc chắn rằng, rốt cuộc nước Pháp sẽ buộc lòng buông bỏ những tàn dư của chế độ thực dân tại vùng đất này.

Thế nhưng ở Genève, trong khi các ngoại trưởng Liên Xô, Anh, Trung Quốc và Pháp thảo luận về tương lai của Đông Dương, vị ngoại trưởng chống cộng kịch liệt của Hoa Kỳ, John Foster Dulles,

ngay từ lúc bắt đầu tiến trình thảo luận, lại dứt khoát không đích thân tham dự. Ông chỉ để phụ tá của mình giữ vai trò quan sát. Thái độ đó cho thấy Hoa Kỳ không sẵn lòng ưng thuận việc nhượng đất tại Đông Dương cho cộng sản. Và qua mức độ hiện diện ngày càng tăng của Hoa Kỳ tại Sài Gòn, Joseph nhận ra tín hiệu Washington đang dự tính tiếp nối cuộc chiến tại vùng đất lúc này dân chúng Pháp muốn bỏ mặc.

Trong thời gian binh lính phòng ngự Pháp và Việt quốc gia anh dũng chiến đấu tại Điện Biên Phủ để chặn đứng các đại đoàn Việt Minh đông đảo, Joseph thường nhớ lại làm thế nào anh và một nhóm ít ỏi nhân viên OSS đã huấn luyện các du kích quân hạt nhân xộc xệch, những kẻ chỉ trong vòng chưa tới chín năm, nhanh chóng phát triển thành một lực lượng bộ đội khổng lồ.

Joseph cũng thường tự hỏi sự thế sẽ chuyển biến ra sao nếu thuở đó chính phủ Mỹ phúc đáp những lời đề nghị có vẻ thành thật do Hồ Chí Minh đưa ra, đồng thời bắt đầu tin cậy và triển khai sự thiện chí được OSS sở đắc ấy. Giả dụ thuở đó, tổng thống Truman hồi âm một lá trong khoảng nửa tá thư Hồ Chí Minh đã viết để mưu tìm sự giúp đỡ của Hoa Kỳ, chống lại những toan tính của người Pháp nhằm hủy diệt cuộc cách mạng của ông ta - biết đâu giữa Mỹ và Hồ Chí Minh đã có được một loại tình hữu nghị nào đó. Khi Trung Hoa rơi vào tay cộng sản năm 1949, biết đâu tình hữu nghị ấy có thể quyền dự được Hồ Chí Minh và những kẻ đi theo ông xa lánh Liên Xô và Trung Cộng, như Tito đã làm tại châu Âu. Và hiện nay, lúc cuộc Chiến Tranh Lạnh ngày càng gia tăng xung động, tương lai của đất nước này sẽ ra sao một khi Hồ Chí Minh đã tuyên bố rõ ràng rằng vận mệnh của Việt Nam gắn liền với vận mệnh của Liên Xô và Trung Cộng?

Lúc này, những phỏng đoán để tìm cách trả lời các vấn nạn đó như thế rõ ràng là vô ích. Hiện có cơ hội mạnh mẽ để chính quyền Hoa Kỳ tiến hành việc điều chỉnh những sai lầm thuở trước, nhưng bằng cách mưu tìm một cuộc đối đầu trực tiếp hơn với Hồ Chí Minh! Trong những ngày thân hữu ngắn ngủi giữa Hồ Chí Minh và Joseph, ông đã thuyết phục anh rằng ông và những người do ông lãnh đạo quyết tâm sửa sai những bất công có thật và cực độ mà

nhân dân đã phải chịu trong thời Pháp đô hộ. Joseph hiểu rõ rệt rằng cảm giác sâu xa về những thống khổ truyền kiếp là động cơ quyết liệt cho việc mưu tìm chỗ dựa, chọn lựa phương thế và hình thành sức mạnh của họ. Như thế, đối với Joseph, hành động lao mình một cách bất cần vào vũng xoáy chính trị phức tạp nhằm đối đầu với Nga Hoa, như ngoại trưởng Mỹ có vẻ đang nhất quyết, dường như là một cuộc mạo hiểm đã bị kết án rằng sẽ thất bại. Những hồi ức âm ỉ chôn vùi trong tâm trí khi Joseph đi dạo chỉ khiến anh thêm phần tin tưởng mãnh liệt rằng mình phải đem Lan và Tuyết, nhanh hết sức có thể được, vượt thoát những nguy cơ cụ thể đang nằm trước mặt. Thành linh bị những ý nghĩ ấy khống chế, đang soãi bước Joseph bỗng chừng lại, quay ngoắt đi trở về khách sạn Continental.

Nhưng khi anh về tới, nơi tầng trệt khách sạn vẫn chưa có dấu vết nào của Lan dù đã quá mười một giờ. Joseph sốt ruột chờ thêm năm phút rồi lên vào phòng giải khát của khách sạn, cố nói với người gác-dan cho anh dùng máy điện thoại đặt sau quầy. Anh hồi hộp lắng nghe tiếng chuông reo hơn một phút mới có người trong nhà Lan nhắc ôâng nghe. Và anh hết sức thất vọng vì kẻ trả lời là một người giúp việc trong nhà. Với giọng Pháp lơ lớ, tiếng mất tiếng còn, chị cố giải thích rằng Madame Devraux đã ra khỏi nhà trước đó ít lâu để ghé lại nhà thân phụ có chuyện gấp. Chị chuyển lời Lan xin lỗi và nhấn lại nếu anh có điện thoại đến, hãy nói với anh rằng trong khoảng hơn mười một giờ rưỡi Mademoiselle Lan sẽ tới khách sạn Continental.

Không chịu đựng nổi việc đứng chờ lâu thêm nơi tầng trệt khách sạn, Joseph bước xuống đường Catinat và thêm lần nữa cất chân đi dạo. Lần này anh đi về phía bên tàu nơi bờ sông Sài Gòn. Tới cuối đường Catinat, anh đi thật lẹ qua các quán rượu nhỏ hẹp và diêm dúa của người Corse với âm thanh ồn ào vang ra làm náo động vỉa hè, rồi băng qua đường, anh tới kè đá kiên cố bên bờ sông.

Dựa lưng vào một cột trụ buộc dây tàu, Joseph đứng ngắm những con thuyền tam bản lũ lượt ngược xuôi giữa các tàu buôn vượt đại dương, với hi vọng hoạt động sông nước có thể làm lòng mình lắng dịu. Nhưng cảnh tượng rộn ràng náo nhiệt của tàu thuyền và

sông nước thay vì giúp tâm tư Joseph thư giãn lại khiến anh nhớ tới Hồng Kông. Rồi dù không nghĩ đến, Joseph lại thấy hình ảnh bộ mặt trắng bệch và ngoan cường của Tempe. Nàng hiện lên trong tâm trí anh, như từ dưới mặt nước ngó lên và nhìn chăm chặp vào mắt Joseph khiến anh dù cố hết sức cũng không thể gạt bỏ.

Trong ngôi nhà của Joseph và Tempe ở mồm Peak, Hồng Kông, nàng đứng đưa lưng về phía cửa sổ khi anh báo cho nàng biết cái tin kinh khủng đó. Trong lâu thật lâu Tempe mặt trắng bệch nhưng kiên quyết không hé miệng, cứ để mặc Joseph tiếp tục nói, càng nói càng lắp bắp cho tới khi anh thấy mình lạc lõng đuối sức. Những biện minh từng được Joseph nghĩ ra hoặc viện dẫn đều yếu ớt vì tận trong thâm tâm, anh biết rằng điều mình đang làm là một báo đáp tồi tệ cho lòng chung thủy và tình yêu Tempe dành cho anh từ trước tới nay.

Cuối cùng, Tempe mở miệng, có vẻ chua xót hơn giận dữ:

- Té ra cậu bé thuở nào tròn xoe mắt nơi nội điện đặt ngai vua Khải Định cho tới lúc này vẫn đi tìm một vương miện nam ngọc khác, phải không Joseph?

Tempe nói lời ấy với giọng thì thầm run run. Trong một thoáng, mặt nàng sắp co rúm nhưng rồi nàng lấy lại vẻ điềm tĩnh:

- Có phải anh luôn luôn cảm thấy em không làm anh mãn nguyện? Có phải vì em quá bình thường, cụ thể, còn anh, anh luôn luôn khao khát cái ngoại lai huyền ảo, cái không thể nào với tới? Có lẽ anh không đè nén nổi khát vọng đó. Có lẽ nó nằm ngay trong bản tính của anh. Rồi anh biến cơn mộng lãng mạn giữa trưa đó thành một mớ hồ lớn của tình yêu và ân phúc, đam mê và trách nhiệm? Tới một lúc khá lâu trước khi thành người lớn, hầu hết các cậu bé đều vứt bỏ mọi truyện thần tiên để cố sống theo cuộc đời thực tế - nhưng có thể mẹ anh quên dạy anh điều đó hay có dạy mà anh không nhớ!

Rồi vì sắp ứa nước mắt, Tempe bật cười thành tiếng ghen ghét trong cổ họng. Và thật kỳ cục, âm thanh ấy làm Joseph nhớ lại những tiếng nức đầy nhục cảm lúc nào cũng thoát ra trong cổ họng nàng những khi cuộc làm tình của hai người lên tới cực điểm. Tuy

không hoàn toàn ý thức nhưng Joseph thường cảm thấy âm thanh đó lúc nào cũng mon man kích thích mình. Rồi bỗng dưng nổi giận một cách phi lý, Joseph quay mặt chỗ khác để cố dần lòng xuống bằng cách tập trung mắt nhìn vào những chiếc thuyền mảnh và thuyền tam bản lũ lượt xuôi ngược ở chốn xa xa.

Tempe bước lại gần anh, giọng êm ái:

- Joseph ạ, có phải mười ba năm trước anh cô tình nói dối em? Anh có nhớ trên chuyến tàu trở về nhà sau buổi lễ khánh thành khu vực triển lãm mới chấp thêm trong nhà bảo tàng không? Hôm đó em hỏi rằng anh có ăn nằm với cô tiểu thư con quan ấy chưa? Em còn nhớ, rất rõ từng tiếng. Anh trả lời với giọng như thể anh hay cô ấy bị sỉ nhục, rằng: "Không. Không có. Các gia đình quan lại người An Nam rất nghiêm khắc về các sự việc thuộc loại như vậy".

Trong khi anh nói như thế, đứa con gái của cô ta sinh ra cho anh đã bốn tuổi, phải không? Kể từ giờ phút đó, anh du mình vào cuộc sống dối trá. Nếu hôm đó anh kể hết sự thật với em, anh thành thật với em, chưa chắc chúng ta bị lâm vào tình huống hôm nay.

Xoay mình lại đối mặt Tempe, Joseph chống chế một cách tuyệt vọng:

- Chín năm sau khi xa cô ấy anh mới biết ra mình có con. Em có hiểu như vậy không? Trước đó, anh có yêu cầu cô ấy thành hôn với anh. Ban đầu cô ấy có vẻ đồng ý. Nhưng sau đó hai tuần lại chấp nhận lấy người khác. Lúc ấy anh hoài nghi không biết cô ấy có quả thật chân tình với anh không.

Tempe cắn môi, gật đầu thật lẹ:

- Và anh quay về xứ sở Hoa Kỳ tìm kiếm một nơi ẩn náu để an ủi mình. Lúc ấy, tận trong thâm tâm mình, em cũng biết có điều gì đó không ổn khi anh muốn làm đám cưới thật gấp, nhưng em nghĩ mọi sự rồi cũng sẽ đâu vào đó. Joseph ạ, em đã cho anh những gì anh muốn và những gì anh cần - hai đứa con trai kháu khỉnh và một người vợ hết lòng! Một người đàn ông nhiều nghị lực thì đã vì thực tại trước mặt mà để quá khứ lại đằng sau.

Nàng lắc đầu thương xót:

- Nhưng chẳng may người đàn ông đó không phải là anh. Anh mê mãi những bức hình trong sách sử ký và phiêu lưu ký. Anh triền

miên khao khát những huyền ảo đầy ma lực của một phương đông đã hợp hồn anh lúc anh mười lăm tuổi. Giờ đây tuổi đã trung niên nhưng anh không thể nào chịu đựng nỗi việc mình không còn tiếp tục đi tìm lại cái lâu đài được anh xem là hoa lệ, phải vậy không. Cho dù trước cổng "lâu đài hoa lệ" ấy đang chát một đồng ba cái chết: của một tình bạn, của một người bạn, và của một tình vợ chồng mười tám năm!

Lúc ấy Joseph nhắm mắt lại để cảm thấy bớt đau và khỏi thấy vẻ chiếu cố không chịu nổi trên mặt Tempe. Anh thì thầm:

- Tất cả chỉ do bởi việc anh tình cờ trở lại Sài Gòn, biết ra mình có con gái, thấy rõ trong anh mối tình ấy không chút phai nhạt và cũng vì những cái đó, cô ấy không thể sống mặn nồng với chồng. Em hiểu cho anh! Tất cả chỉ là hệ quả của một khởi đầu có tính ngẫu nhiên của định mệnh.

- Joseph, đó cũng chỉ là biện minh. Nhưng em nghĩ rằng việc anh trở lại xứ đó không hoàn toàn do bởi tình cờ.

Nghe vậy, mắt Joseph mở lớn kinh ngạc:

- Em có ý nói gì?

Tempe lắc đầu bối rối:

- Em không biết. Nhưng có điều gì đó không tránh nổi về hết thấy cái chuyện đó. Em nghĩ là em hoàn toàn hiểu rõ rằng anh hẳn sẽ làm một cái gì đó đại loại như thế. Nếu không ở Sài Gòn và không phải với vợ của viên sĩ quan Pháp đó thì sẽ ở Trung Hoa, hoặc với một phụ nữ Ấn Độ nào đó. Anh sẵn sàng đem hết linh hồn mình dặt vào bàn tay một thần nữ mà anh nghĩ có khả năng phục sinh và cứu khổ cứu nạn!

Tempe nói câu đó trong khi cầm trên tay ly rượu vang Pháp. Trong một thoáng Joseph nghĩ có thể nàng đang vượt quá cá tính trung dung, uống một hơi tới đáy ly rượu. Nhưng rồi nàng thở dài, bàn tay run lẩy bẩy cố sức từ từ đặt ly xuống bàn như trong một khúc phim quay chậm, và bước ra khỏi phòng. Người nàng hơi chúi, hai tay ôm lấy mình nhưng mắt vẫn nhìn thẳng tới trước.

Một tiếng đồng hồ sau, lúc Joseph từ giã ra sân bay, Tempe điểm trang thật tươi tắn. Nàng lặng lẽ đưa anh một tờ giấy trắng vuông vắn với những dòng chữ nét đều đặn, có đôi chỗ bôi đi xóa lại.

Trong đó, nàng tỏ ý xin lỗi vì những câu nói vừa rồi có xúc phạm đến anh hoặc Lan. Nàng viết dù đã sống với nhau mười tám năm nàng vẫn không muốn và không thể níu kéo kẻ xem nàng là một chứng ngại tình cảm. Nàng chấp nhận thực tế ấy và tiến hành thủ tục li dị; anh nên dành cho nàng quyền bảo dưỡng hai con để nàng đem chúng về quê ngoại ở với nàng. Nàng chúc anh ra đi bình an trong Thánh ý Quan phòng. Chờ Joseph đọc xong và gật đầu, nàng đứng nhìn anh lên đường. Môi Tempe mím chặt, mặt xanh xao nhưng vẫn hoàn toàn tự chủ. Trên tất cả mọi sự, nàng nhất quyết không để nhỏ giọt nước mắt nào trước mặt Joseph và thậm chí, cho cả Joseph từ nay và về sau.

Và lúc này, khi nhớ lại sự ngoan cường ấy của Tempe, Joseph hồ thẹn tới độ anh không thể đứng lâu thêm trên bến cảng. Quay lưng với mặt nước, nhìn sang mặt tiền của quán cà-phê La Rotonde rồi nhìn dọc theo đại lộ Catinat, Joseph thấy mình đang thêm lần nữa thấy lại quang cảnh lần đầu tiên tới Sài Gòn khi con tàu Avignon chạy men theo lòng sông này ba mươi năm trước. Cũng vẫn hàng cây làm nơi nghỉ trưa cho các cu-li nhai trầu bồm bồm thưở ấy lúc này vẫn trải bóng trên những đường phố nóng nực. Cũng vẫn hai ngọn tháp song đôi của nhà thờ chánh toà nhô lên thật cao, trông rõ mồn một trên các mái nhà. Đột nhiên, Joseph nghe trong lòng mình trào dâng mối thương thân và thương cảm cho hết thảy những người có liên hệ tới anh.

Làm thế nào một cậu bé thơ ngây mười lăm tuổi, kẻ từng hiểu lầm những con người mệt mỏi kia là nạn nhân của một cuộc tàn sát, lại được người ta kỳ vọng rằng có thể ứng xử nổi những phức tạp đa đoan của một cuộc đời tiếp liền sau tuổi thơ đó? Người nào và bằng cách nào chuẩn bị cho đứa bé ấy có thể đối phó với hết thảy những cam bẫy khủng khiếp nằm trên con đường nó sẽ đi? Tempe bao giờ cũng tự chủ, trung dung, minh bạch, đúng với kỳ vọng của vị mục sư thân phụ nàng đã đặt vào cái tên cho nàng. Làm sao anh có thể kể hết với Tempe trọn vẹn câu chuyện có liên quan tới cha anh, mẹ anh, Guy và đêm rừng mưa bão làm mọi sự quay cuồng đảo lộn. Sống phản bội đứa trẻ thơ trong mình hay trung thực với

nó, phải chăng đều đưa tới hậu quả phức tạp và đáng trách. Tại sao diễn tiến của một đời người không khác chút nào diễn tiến của một tổ chức của con người: khởi đi với mơ mộng lý tưởng và hoài bão trách nhiệm, để rồi rơi vào tình trạng lạc lối vong thân, cuối cùng nếu không gây tổn thương thì may ra, chỉ còn đủ năng lực duy trì cái sống hiu hắt. Như thế, ai dám bảo con đường loài người đi ngày càng tốt đẹp khi các dân tộc phải kinh qua sa mạc chiến tranh và vũng lầy chính trị với nhiều tan nát của gia đình, xiêu lạc của tình yêu và khổ nạn của tuổi trẻ. Để rồi cuộc, như một chuyện thần thoại: tảng đá sau khi được vác nhọc nhằn lên đỉnh núi lại lăn ngược trở lại chân núi, và người vác đá lại tiếp tục cam chịu vác lên đỉnh, rồi đá lại lăn xuống, rồi người cứ vác đá cứ lăn tới thiên thu bất tận.

Trên đường thả bộ về lại khách sạn Continental, những ý nghĩ ảm đạm ấy mãi miết quay cuồng trong tâm trí Joseph. Khi sắp bước hẳn vào tầng trệt khách sạn, anh đột nhiên thấy Lan đang đi dưới hàng me về hướng anh. Lan mặc áo dài lụa trắng hoa văn gọn sóng, hai tà áo như hai cánh bướm vờn quanh chiếc quần trắng. Trên mái tóc thay vì đội khăn tang, nàng chít chiếc khăn lụa xanh nhạt, trông rất giống màu sắc và kiểu khăn đêm tế lễ ở đàn Nam Giao. Và trong khi đi, nàng tíu tít trò chuyện với ai đó đi bên cạnh. Phải mất một hai giây Joseph mới nhận ra người ấy là thân phụ của Lan. Tuổi gần bảy mươi, hồng hào phương phi nhờ những năm tháng sống an lành sung túc, Trần VănHiếu lúc này diện bộ vét-tông theo kiểu doanh gia phương Tây, may bằng vải lanh nhạt và đắt tiền, thay cho chiếc áo bào quan lại. Bên trên bộ mặt đầy đà, tóc ông bạc và hớt gọn gàng. Bộ mặt ông vẫn mang vẻ sắc sảo và đầy cảnh giác như thuở nào nhưng vì mãi tập trung tinh thần vào những gì con gái nói nên ông không nhận thấy Joseph đang từ đám đông người trên thềm cao bước xuống và sắp đi về phía mình. Thấy Lan nâng khuỷu tay cha, Joseph giật mình. Anh nhớ lại rõ ràng, không thiếu một chi tiết, cảnh nàng ngồi im lìm bên cha với thái độ từ khước anh khi anh từ Hà Nội vào lại Sài Gòn mười tám năm trước. Kể từ lúc đó tới nay, đây là lần đầu tiên Joseph trông thấy hai cha con nàng bên nhau, và điều đó làm tâm thần anh chói

với.

Kể đó, nhận thấy cả hai đang trò chuyện có vẻ tương đắc và vui vẻ, Joseph tin chắc rằng, rốt cuộc, Lan hẳn đã có quyết định có lợi cho anh. Không kềm chế nổi lòng nôn nóng, Joseph bước theo tầng cấp khách sạn xuống vỉa hè để đón cả hai. Và anh suýt ngã vì cú húc của một thiếu niên Việt Nam đang lóng ngóng chạy vội vã dọc theo mé trong vỉa hè.

Cậu thiếu niên ấy trượt chân rồi gượng người lại. Con mắt phóng viên của Joseph tự động dán chặt vào chiếc áo bà ba nâu rộng thùng thình, quần màu lam lem luốc và đôi dép râu mòn vẹt nó mang dưới chân. Thêm nữa, trong cách chạy của nó có điều gì kỳ quái lôi cuốn toàn bộ sự chú ý của Joseph. Lăn vãi quần áo bên ngoài của nó tự nhiên trương phồng lên, u một cục, như có một cục gì phình ra mé dưới hông. Và trong khi chạy, hai tay nó ép cứng một bên hông, giữ cho cục u đó nằm yên.

Nhớ lại bản tin đăng trên tờ Journal de Saigon sáng nay, Joseph hốt hoảng hét lên cảnh giác. Anh bắt đầu chạy theo nhưng các đám đông bên ngoài khách sạn không tức thời nhận ra như anh, rằng thiếu niên ấy là một phần tử thiện chiến của biệt đội cảm tử Việt Minh thuộc Trung đoàn 905.

Lúc này, cậu thiếu niên ấy chạy nhanh hơn để thực hiện cuộc ám sát đầu tiên và tiêu biểu nhằm cân đo phản ứng của quần chúng, lấy khí thế cho nghị quyết phát động phong trào cải cách ruộng đất vừa được ban hành. Và Trần VănHiếu, một kẻ hợp tác lâu đời, một địa chủ không ở tại chỗ và là chủ nhân những đồng ruộng mênh mông vùng châu thổ sông Cửu Long, chợt ngược mắt nhìn cậu đội viên cảm tử đúng khoảnh khắc nó vung cánh tay định mệnh lên vòng qua cổ ông.

Trong chớp mắt phù du, Joseph thoáng hy vọng là mình lầm - rằng cậu thiếu niên ấy chỉ bày tỏ lòng cảm tạ một ơn huệ nào đó mà Trần VănHiếu đã làm cho gia đình nó nơi đồng ruộng. Kể đó, Lan tránh qua một bên. Joseph thấy nụ cười khựng lại trên khuôn mặt nàng khi cậu thiếu niên nhà quê bỗng kẹp cứng cần cổ của Trần VănHiếu và cho bàn tay còn lại lòn vào vạt áo của nó rồi hung hãn giật một cái thật mạnh. Trong chốc lát, cậu bé nông dân ăn mặc tồi

tàn và một trong những nhà quý tộc giàu có bậc nhất Việt Nam làm thành một cặp không cân xứng. Cùng vùng vẫy quẫy lộn như điên trên hè phố, cả hai đang nhảy múa điệu khiêu vũ của thần chết.

Cánh tay người trẻ kẹp chặt cuống họng người già.

Đám đông kinh hãi bắt đầu dạt ra xa. Joseph thấy Lan đang cố lôi cậu thiếu niên ra khỏi cha nàng. Nhưng cậu bé kẹp cứng cuống họng Trần VănHiếu trong khuỷu tay cảm tử của nó, như cậu từng kẹp nhiều "nạn nhân" như thế trong những buổi thực tập tại trại huấn luyện trong rừng. Hai con mắt của người già bắt đầu tròn tròn khiếp đảm. Joseph cố lao mình về phía cả hai nhưng một người đàn bà bán hàng rong cũng hiểu ra sự thật, thất kinh quay lưng bỏ chạy. Đôi quang gánh xoay tròn quất vào anh làm anh té sóng soài xuống rãnh nước.

Quả lựu đạn miểng buộc nơi bắp đùi cậu bé phát nổ chát chúa. Nó hất tung toàn thân Trần VănHiếu và cậu bé lên khỏi mặt đất, rồi cả hai cùng rớt xuống thành một đồng nhầy nhụa. Nhiều người đi ngang cũng gục xuống chung quanh cả hai, dưới con mắt kinh hoàng của đám tây thuộc địa đang ngồi uống cà phê bên trong tầng trệt khách sạn Continental. Máu của người đi ngang trộn với máu của kẻ sát nhân và nạn nhân thành một vũng lênh láng trên vỉa hè. Nhờ té ngựa người dưới đất khi lựu đạn nổ nên Joseph thoát nạn. Nhưng khi đứng lên và đi loạng choạng tới vị trí vừa xảy ra cuộc ám sát, anh nhìn thấy Lan. Thân thể nàng nằm cách cha nàng khoảng nửa thước, co quắp và rạn vỡ. Anh không thấy được mặt Lan vì nàng nằm sấp trên vỉa hè nhưng chiếc áo lụa trắng nàng mặc biến lẹ làng thành màu đỏ thẫm trong ánh nắng chói lọi. Và từ trên đầu chít chiếc khăn xanh kỷ niệm tới khắp chân tay mảnh mai của nàng không có một dấu hiệu động đậy nào.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Năm - Điện Biên Phủ - 1954

- 14 -

Đi bên Joseph trong bóng nắng lốm đốm dưới hàng me thẳng tắp hai bên đường Catinat, Tuyết nói giọng rất nhỏ:

- Hẳn cha nghĩ con là người lạnh lùng và vô cảm vì cha chưa bao giờ thấy con khóc. Có lẽ cha nghĩ rằng con bất cần mọi sự, có đúng vậy không?

Xôn xang dưới tia nhìn chăm chặp và thách thức của con gái, Joseph trả lời:

- Không, cha không nghĩ như vậy. Cha nghĩ có thể có rất nhiều lý do khiến con muốn giữ kín cảm xúc cho riêng mình.

Joseph nhìn xuống, thấy Tuyết đang ngó lên anh không chớp mắt, và anh nhận ra mình không chận nổi tia mắt ấy.

Tuyết mặc áo dài lụa trắng, loại dày gần như vải bông và hoa văn rất mờ, đầu chít khăn tang trắng với hai đuôi khăn thả dài xuống lưng. Dù Tuyết trong bộ y phục cổ truyền Việt Nam dành cho người vừa mất thân nhân với kiểu thức có ý bày tỏ rằng trong thời gian thương khó, kẻ chịu tang cố tình không để ý tới việc điểm trang, Joseph vẫn thấy vẻ mặt đẹp tự nhiên của con gái làm anh hầu như càng nhìn càng thêm đau đớn.

Suốt buổi lễ mở cửa mộ Lan và thân phụ nàng, Joseph không dám đưa mắt nhìn về hướng con gái. Nhưng sau đó anh yêu cầu nó chiều nay tới gặp anh bên ngoài khách sạn. Lập tức Tuyết tới đúng y giờ đã định.

- Có lẽ cha cần nhớ rằng con đã tự luyện tập thật nhiều để giữ cho mình không khóc mỗi khi cảm thấy tủi thân hoặc gặp điều bất hạnh. Đó là cái có thể trở thành thói quen.

Joseph trả lời một cách khốn khổ:

- Cha có nhận ra cái đó. Và dĩ nhiên nếu con không cảm thấy cực kỳ choáng váng trước sự tử nạn của mẹ con giống hệt như cha cảm thấy, điều đó hoàn toàn chẳng có gì lạ. Nhưng trong lần cuối cùng

cha nói chuyện riêng với mẹ, bà ấy có nói với cha rằng thật bất hạnh cho bà vì con phải lớn lên trong hoàn cảnh không hiểu rõ mẹ mình.

Thay cho câu trả lời, Tuyết hất đầu lên, quay nhìn thật lẹ bên kia đại lộ. Nhưng Joseph kịp thấy ánh đau đớn trong mắt con. Anh tiếp tục nói thật êm và nhẹ:

- Nhưng cha yêu cầu con tới đây không phải để nói tới quá khứ và những bất hạnh mà cả cha và mẹ cũng như con đã chịu. Cha muốn bàn với con chuyện tương lai.

- Cha nói như vậy làm con ngạc nhiên. Con cứ tưởng sau tất cả những gì vừa xảy ra, cha sẽ không bao giờ muốn quay lại Sài Gòn.

- Chừng nào con còn ở đây chừng đó cha không bao giờ đi luôn.

Joseph nói câu đó với giọng cực kỳ kích động làm Tuyết kinh ngạc ngược mắt nhìn cha. Anh tiếp:

- Đó là cái cha muốn thảo luận với con. Con có nhớ trong lần gặp gỡ cách đây khoảng bốn tháng, cha có hỏi con một điều. Nhưng lúc nghe, con vội vã quá.

Tuyết lắc đầu bướng bỉnh:

- Không, con không nhớ.

Hít một hơi nhẹ và thật sâu, Joseph nói rất chậm:

- Lúc đó cha đã cố... cha đã tính hỏi con có thích rời Sài Gòn, sống chung một nhà với cha không.

Joseph nói xong, hồi hộp quan sát phản ứng của con. Nhưng Tuyết vẫn nhìn chăm chặp xuống đất, không trả lời. Anh nói thêm thật gấp:

- Cha không có ý nói là ở Hoa Kỳ. Chúng ta có thể sống ở á đông - có thể Singapore, Hồng Kông hay ngay cả Tokyo. Cha có thể thuyết phục tờ báo sắp xếp cho cha lấy bất cứ chỗ nào trong ba chỗ đó làm nơi thường trú. Cha muốn có một nơi nào đó cho con được sống hạnh phúc.

- Tại sao lúc này cha muốn sống với con trong khi suốt chín năm qua cha không bao giờ muốn rước rắc rối vào người? Có phải vì vụ nổ kinh khiếp đó làm cha không thể sống một mình với một lương tâm đắc tội?

Câu hỏi ấy được Tuyết phóng ra với vẻ mặt không thù nghịch.

Joseph choáng váng sâu xa vì nội dung và tác động của nó. Anh nghĩ thà mình bị Tuyết gào lớn bên tai cũng còn cảm thấy dễ chịu hơn.

- Tuyết ạ, cha lúc nào cũng lo lắng cho con - ngay từ giây phút cha biết ra con có mặt trên đời này. Kể từ lúc đó, cha luôn luôn gửi tiền cho con. Cha nghĩ con đã biết việc đó.

Tuyết mỉm cười, giọng thách thức:

- Tiền! Có phải hết thấy người Mỹ đều nghĩ cứ dùng tiền là có thể giải quyết mọi sự trên thế gian? Tiền trong trương mục ngân hàng có nghĩa lý gì khi con cái không được ở với cha mẹ, không được cha mẹ nuôi dưỡng!

Nhìn từng đoàn xe xích lô nối nhau đập qua, Joseph cảm thấy lòng trào lên cảm giác thất vọng:

- Tuyết ạ, cha ân hận kinh khủng vì trước đây mọi việc diễn ra sai lạc như thế. Trong đời mình, cha đã có vô số quyết định lầm lạc nhưng lúc này cha muốn làm một việc chính đáng cho con.

- Cha có thảo luận việc này với mẹ trước khi bà ấy qua đời không? Tuyết đặt câu hỏi đó với giọng lưỡng lự nhưng nó lại xem xét nét mặt cha với vẻ chăm chú khác thường.

- Có, cha có thảo luận. Cha và mẹ có nói tới việc này trên Đà Lạt. Cha muốn hai mẹ con tới sống hẳn với cha - cả hai mẹ con, con hiểu không? Cha muốn cả ba chúng ta sống chung với nhau vì đúng ra chúng ta phải sống như vậy ngay từ đầu. Cha muốn chúng ta cùng đi với nhau, thật sự đặc biệt hiểu biết nhau...

- Và ý kiến của mẹ ra sao?

Joseph nhìn qua chỗ khác:

- Mẹ con nói chúng ta phải chờ... cho tới khi chúng ta biết được chuyện Điện Biên Phủ kết thúc như thế nào.

- Nhưng chuyện đó đã kết thúc cách đây hai tháng.

- Cha biết. Nhưng con nên nhớ là chồng của mẹ con lúc ấy đang chiến đấu ở đó.

- Và mẹ không bao giờ cho cha biết câu trả lời của mẹ?

Nhìn vẻ mặt Tuyết, Joseph hiểu rằng đối với nó câu hỏi ấy quan trọng biết bao. Lòng anh bắt đầu chùng xuống:

- Cha nghĩ chắc chắn mẹ của con đã đồng ý.

- Nhưng mẹ không bao giờ nói với cha rằng mẹ đồng ý. Thực tế, cha thật sự không biết chắc chắn bà ấy muốn như thế nào.

Joseph lắc đầu bất lực:

- Không. Mẹ của con hứa sẽ cho cha biết lúc gặp cha hôm mẹ bị tử nạn - và rồi mẹ của con không bao giờ có cơ hội nói ra.

Hai cha con im lặng bước trong đôi ba phút. Joseph khốn quần lục lội trong tâm trí, tìm cho ra những lập luận mới hầu có thể làm cho con gái tín nhiệm mình. Anh thấy sát bên anh, Tuyết đang cắn môi dưới, lộ vẻ bối rối. Rồi đột nhiên nó mở miệng nói một hơi, với giọng ngờ vực:

- Lúc này, ngay cả con cũng không biết mình có thể tin vào cha hay không. Con không biết cha quả thật là ai và đang làm công tác gì. Con cũng không biết chút gì về lối sống của cha. Cha thuộc dân Mỹ tư bản, con dù có mang trong mình chút máu huyết của cha nhưng thực tế đời sống, con chỉ là một người Việt tầm thường. Con sống theo lối Việt. Bên cạnh đó, ở đây có người đang thật sự yêu thương con.

Joseph mất tinh thần, nhìn con chằm chặp:

- Cha biết cậu mợ Tâm rất tử tế, nhưng hình như con không hiểu...

Mắt Tuyết chợt sáng lên:

- Con không có ý nói tới cậu mợ Tâm!

Joseph đứng lại, nhìn con gái với vẻ thắc mắc:

- Thế con có ý nói gì?

Trong một chốc, Tuyết xoay xoay chiếc mũ đi nắng đang cầm trong tay. Rồi nó cẩn thận đội mũ lên đầu ngay ngắn và thắt gút hai dải lụa vào dưới cằm. Khi ngược mắt nhìn Joseph, khuôn mặt con gái trong bóng mát vành mũ làm anh nhớ tới Lan hơn bao giờ hết.

Tuyết nói với giọng hơi rạn vỡ:

- Con có một người bạn. Anh ấy không yêu thương cả người Pháp thực dân lẫn người Mỹ tư bản - nhưng anh ấy yêu thương con. Có thể anh ấy là người đầu tiên trên đời này thật sự yêu thương con, sẽ mang lại hạnh phúc thật sự cho con và sẵn sàng hy sinh vì con.

Đột nhiên Tuyết quay đi. Joseph bất lực nhìn xuống khuôn mặt của con gái, nhận ra nó sắp khóc.

- Con đi bây giờ. Đừng tính chuyện liên lạc với con nữa. Vĩnh

biệt...Cha!

Tuyết quay mình và chạy thật lẹ dọc theo đại lộ, một tay giữ yên chiếc mũ trên đầu. Nó vẫn tiếp tục chạy cho tới khi khuất tầm mắt cha. Joseph đứng đăm đăm nhìn theo vóc dáng mảnh mai của con gái. Anh ngóng cổ theo cho tới khi cuối cùng, hình bóng nó chìm hẳn trong các đám đông đang đi lại trước Nhà Hát Lớn giữa lúc xế chiều. Nhưng Tuyết không dừng chân hoặc ngoái đầu nhìn lui.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

TẬP III - Phần VI - 1 -

Trong lúc Hội nghị Genève bàn về Đông Dương, Quốc trưởng Bảo Đại chỉ định Ngô Đình Diệm, khi ấy đang ở Mỹ, làm thủ tướng với lời yêu cầu Diệm - trước cây thánh giá và sự chứng kiến của ông, tại Cannes một thành phố nghỉ mát ở vùng đông nam nước Pháp - "hãy thề là sẽ bảo vệ đất nước chống lại bọn Cộng Sản vô thần và nếu cần chống luôn cả người Pháp". Mang theo sự chuẩn y của Paris, Diệm về Sài Gòn và lập xong nội các ngày 7.7.1954. Đêm 20.7.1954 Pháp với Việt Minh ký Hiệp định Genève chấm dứt cuộc Chiến tranh Đông Dương Thứ Nhất bằng việc chia đôi Việt Nam ngang vĩ tuyến 17; lập khu phi quân sự tính từ lằn ranh năm cây số để làm trái độn; và cho phép lực lượng Liên Hiệp Pháp kéo vào tập trung ở phía nam trong khi lực lượng Cộng Sản tập kết ra phía bắc. Các đại biểu còn đồng ý rằng việc phân chia đó chỉ tạm thời, trong vòng hai năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước. Hậu quả chiến tranh Triều Tiên khiến Mỹ nhất quyết không nhượng thêm đất cho Cộng Sản nên không ký văn bản Hiệp định và còn khuyến khích chính quyền Diệm không ký, tuy vẫn tôn trọng nó. Liên Xô không phản đối mạnh mẽ và Trung Quốc áp lực Hồ Chí Minh phải chấp nhận, vì lúc ấy, ý đồ của LS là muốn hòa hoãn với phương tây và TQ, nước hưởng lợi nhất qua Hội nghị Genève, tạm thời bằng lòng với cơ hội xuất hiện lần đầu tiên trên diễn đàn quốc tế như một thế lực tay ba của thế giới.

Sau khi Hội nghị Genève kết thúc và trong lúc HCM từ vùng đồi núi Bắc Việt về tiếp thu Hà Nội, gần một triệu người miền bắc, gồm gia đình quân công cán chính, trí thức, cựu kháng chiến và dân chúng, trong đó có hơn một nửa là tín đồ Công Giáo, di cư vào nam; ngược lại, khoảng 90.000 người miền nam tập kết ra bắc - để Lê Duẩn trốn lại làm Xứ ủy Nam bộ và 10.000 người. Hiện tượng ấy góp phần chia VN thành hai phía đối nghịch: Cộng Sản

và Quốc Gia. Ở miền bắc, HCM tạm bằng lòng với việc củng cố chế độ toàn trị bằng cách rập khuôn diễn tiến và phương pháp được Mao Trạch Đông áp dụng tại Trung Hoa: - đấu tố cải cách ruộng đất (giết khoảng 100.000 người) để tạm chia cho nông dân rồi thu tóm vào tay nhà nước dưới hình thức tập thể hóa nông nghiệp; - không chế văn hóa văn nghệ; - độc quyền mậu dịch; - thiết lập chế độ quản lý hộ khẩu; - triệt để phân biệt lý lịch; - phân phối lương thực theo khẩu phần; v.v

Tại miền nam, tình hình phức tạp hơn rất nhiều. Ngô Đình Diệm là người Công Giáo, sinh tại Huế trong một gia đình thượng quan. Ông độc thân, cương trực, sống đời khổ hạnh, và lòng yêu nước, bảo vệ quốc thể của ông thì thậm chí các địch thủ của ông cũng phải nể trọng. Ông tranh thủ được sự giúp đỡ của phương tây, đặc biệt của Hoa Kỳ tuy ban đầu Nhà Trắng không có ý định ủng hộ ông. Thực hiện khẩu hiệu "bài phong (kiến), đả thực (dân), diệt cộng (sản)", trong mấy năm ổn định và hòa bình ngắn ngủi, Diệm đạt nhiều thành quả quan trọng như: - văn hồi trật tự tại Nam VN bằng cách đập tan những lực lượng võ trang của các giáo phái và đảng phái muốn cát cứ; - tổ chức trưng cầu dân ý ngày

23.10.1955, truất phế Bảo Đại; ba ngày sau ông tuyên bố thành lập chế độ Cộng Hoà do ông làm Tổng Thống; - quân Pháp hoàn toàn rút khỏi miền nam ngày 28.4.1956; - bầu cử Quốc Hội và ban hành Hiến Pháp; - xây dựng các hạ tầng cơ sở kinh tế, kỹ nghệ và giáo dục; - đào tạo các viên chức hành chánh và sĩ quan để thay thế dần những công chức tướng lĩnh thời thuộc địa; - tiến hành cải cách điền địa ôn hòa và bồi hoàn cho địa chủ; - lãnh mạnh hóa xã hội; - đặc biệt, thực hiện quốc sách Ấp chiến lược để cô lập cán bộ Cộng Sản, v.v.

Trước đó, tháng 8.1955, Ngô Đình Diệm bác bỏ việc hiệp thương nam bắc nhằm tổ chức tổng tuyển cử thống nhất đất nước như Hiệp định Genève qui định, vì theo ông: "Miền Bắc vẫn không cho phép người dân hưởng những quyền tự do dân chủ...khi nào Miền Bắc chấm dứt khủng bố và thực thi dân chủ, mới có thể tổ chức tổng tuyển cử được". Hậu quả, lằn ranh tạm thời về quân sự tại vĩ tuyến 17 trở thành một loại biên giới quốc gia. Về phần mình,

phản đối lời Khrushchev đề nghị Liên Hiệp Quốc thu nhận hai miền nam bắc VN làm hội viên, Hồ Chí Minh chuẩn bị phát động cuộc Chiến Tranh Đông Dương Thứ Hai. Mục đích của ông là thống nhất nam bắc; xóa hình ảnh ông đã nhượng bộ Nga Hoa và thỏa thuận với thực dân để chia đôi đất nước; và kích động tinh thần dân tộc của nhân dân miền bắc nhằm giải phóng một miền nam bị Hà Nội mô tả là đang sống trong cảnh tù đày, bị giết chóc vì máy chém kéo lê đi khắp nơi, dân chúng bị cướp bóc, hãm hiếp và sống đói rách cực độ dưới ba tầng áp bức của tư bản bóc lột, chế độ Diệm đàn áp và thực dân mới Hoa kỳ.

Năm 1957, Hà Nội hạ lệnh cho cơ sở Cộng Sản còn nằm lại ở miền nam thành lập 37 đại đội vũ trang tại vùng rừng sâu và sinh lầy ở đồng bằng sông Cửu Long, dùng các vũ khí đã chôn giấu vào năm 1954. Ngày 13.1.1959 Trung Ương Đảng Lao Động ra nghị quyết 15 nhằm "đánh đổ chế độ đế quốc và tay sai, giải phóng Miền Nam thống nhất đất nước". Hà Nội bắt đầu đưa những người trước đây tập kết ra bắc, theo đường mòn Trường Sơn xâm nhập trở lại quê nhà miền nam (Đoàn 759), và mở đường biển bí mật chở vũ khí vào nam (Đoàn 959). Được che giấu nhờ tình cảm ruột thịt của thân nhân, họ vừa tuyên truyền dẫn dụ dân chúng vừa tiến hành khủng bố đẫm máu: ám sát viên chức để làm tê liệt hệ thống chính quyền xã ấp, pháo kích thành phố, đặt chất nổ những nơi thị tứ, các tuyến đường bộ và xe lửa, cầu cống, phá hoại quốc sách Ấp chiến lược, chính sách cải cách điền địa của chính phủ, v.v trên khắp miền nam. Phản ứng lại, ngày 6.5.1959, Diệm ban hành Luật 10/59 đặt Cộng Sản ra ngoài vòng pháp luật.

Theo với thời gian, Ngô Đình Diệm ngày càng muốn lãnh đạo chỉ bằng quyền lực; không ngần ngại tham nhũng; và sự áp đặt các giá trị Kitô giáo bị phản tác dụng. Ông hầu như đặc biệt tin dùng tín đồ Công Giáo, người có gốc miền trung và đảng viên Cần Lao, một đảng tập hợp từ những nhóm chính trị và Công Giáo vận động cho giải pháp Ngô Đình Diệm từ đầu thập niên 1950, nay được tổ chức lồng vào hệ thống chính quyền và quân đội, tuy chưa xuống tới cấp đại đội hoặc quận huyện. Với sự can thiệp thô bạo của các anh em, kể cả em dâu, và sự xu nịnh của thuộc hạ, gia đình trị trở

thành một đặc trưng của chế độ mà lúc này nằm dưới ảnh hưởng của em ruột Tổng Thống là Ngô Đình Nhu, người tuy có tầm nhìn chiến lược nhưng là một trí thức kiêu căng, bá đạo, thích tổ chức và thiếu thực tế. Nhu dùng bộ máy an ninh mật vụ sách nhiễu các đối thủ đáng gờm, thậm chí còn đưa vào nhà tù những người chỉ trích nhẹ nhàng nhất. Và như thế, chính quyền Diệm tự hạ giá mình xuống ngang hàng với các tổ chức, lực lượng chính trị khác. Kháng thư ngày 26.4.1960 của 18 nhân sĩ nổi tiếng tại Khách sạn Caravelle, cuộc đảo chánh của các đơn vị Nhảy Dù và một số sĩ quan cao cấp và chính trị gia ngày 11.11.1960 là lời cảnh tỉnh cho chế độ nhưng nó không được nghiêm chỉnh lắng nghe. Sau đó, chiến tranh kéo dài góp phần khiến NDD sa lầy trong chính sách phân biệt đối xử theo tôn giáo và địa phương, gia đình trị và độc tài đảng trị, sự suy tôn lãnh tụ, v.v.

Ngày 20.12.1960, Mặt Trận Dân Tộc Giải Phóng Miền Nam được Hà Nội dựng lên với khẩu hiệu "giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước", theo nghị quyết Đại Hội III của Đảng Lao Động trước đó 3 tháng mà quyền lực rơi dần vào tay Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Mặt Trận dùng lại lá cờ của Đảng Dân Chủ năm 1945. Về mặt tuyên truyền, nó được Hà Nội giới thiệu như một tập hợp của người miền nam chống đối chế độ Mỹ Diệm vì quả thật, trong danh sách thành viên có vài nhân sĩ bất mãn chế độ hoặc thân cộng vừa được Diệm phóng thích. Nhưng bên trong, lãnh đạo nòng cốt của nó là cán bộ cao cấp Cộng Sản trực thuộc Trung Ương Cục Miền Nam, được ngụy trang dưới danh xưng đảng Nhân dân Cách mạng Miền Nam với chủ tịch là Võ Chí Công, Ủy viên Trung Ương Đảng Lao Động.

Nương theo sự thách đố của Khrushchev đối với Kennedy và tham vọng bành trướng lộ liễu của Mao, Hồ Chí Minh dưới danh nghĩa Mặt Trận GPMN, lao mình vào việc lật đổ "chế độ thực dân mới Mỹ Diệm". Các đơn vị du kích của Mặt Trận vũ trang thêm bằng các vũ khí Mỹ tịch thu được của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà, thường được gọi là lính Cộng Hoà. Đến năm 1962, Mặt Trận gây được tình trạng bất ổn tại bốn phần năm làng mạc miền nam. Trần Chánh Thành, bộ trưởng Thông tin của Tổng Thống NDD, đã đặt

cho hết thấy các thành viên của MTGPMN một cái tên quá đáng là Việt Cộng - Cộng Sản Việt Nam - dù phong trào đó, cũng giống như Mặt Trận Việt Minh trước kia, được tổ chức và lãnh đạo bởi chỉ một dàn cán bộ thiếu số và nòng cốt, gồm các đảng viên Cộng Sản cuồng tín, sử dụng lão luyện chiến thuật vừa khùng bố vừa tuyên truyền nhằm o ép các nông dân ít học thành người theo lý tưởng chống "đế quốc thực dân".

Bên cạnh đó, Diệm Nhu không đánh giá tình hình đúng với thực trạng và triển vọng của nó. Năm 1962, trong số 41 tỉnh trưởng có 36 quân nhân, nhiều người là Công Giáo hoặc gốc miền trung Bình Trị Thiên, là loại nhân sự NĐD thích tin dùng, nhưng họ sống cách biệt với quần chúng. Gia nhập đảng Cần Lao và theo Công Giáo là hai con đường tiến thân nhanh nhất. Đảng Cần Lao với thành phần chủ chốt là tín đồ Công Giáo, lộng hành trong quân đội và chính quyền, đưa tới những bất mãn, nghi kỵ và xa lánh của quần chúng, nhất là của giới Phật giáo có gốc miền trung và nhân sĩ các đảng phái quốc gia muốn tham gia tích cực hơn vào các sinh hoạt chính trị. Tình trạng đó khiến đa số dân chúng bất mãn hoặc thờ ơ với chính quyền Diệm. Và Hà Nội khai thác tận tình mâu thuẫn ấy để phát triển MTGP ngày càng sâu rộng tại nông thôn và trong giới trí thức thành thị.

Tuy thế, Washington cũng đánh giá quá đơn giản rằng MTGP mới được thành lập ấy chỉ là một tổ chức nguy tạo của Hà Nội dưới sự chỉ đạo của cả Mát-cơ-va lẫn Bắc Kinh nhằm bành trướng chủ nghĩa Cộng Sản tại Đông Nam Á. Và khi Tổng Thống John F. Kennedy nắm chính quyền năm 1961 với quyết tâm rằng Hoa Kỳ nên "trả bất cứ giá nào và chịu bất cứ gánh nặng nào để bảo đảm sự sống còn của tự do" thì Nam VN dường như là địa điểm thực hành chủ nghĩa lý tưởng đầy kiêu hãnh đó. Mục đích chính của Mỹ là ngăn chặn sự bành trướng của Trung Cộng xuống các nước phương nam, nhưng không có ý định giải thể chế độ CS tại Hà Nội. Chiến tranh xảy ra trong bối cảnh được HK mô tả: miền bắc VN là mũi dùi thọc xuống của thế giới Cộng Sản và miền nam VN là tiền đồn chống đỡ của thế giới Tự do.

Đội ngũ cố vấn Mỹ vốn được thành lập tại Sài Gòn từ năm 1950,

sang tới đầu năm 1961 mới chỉ vón vện bảy trăm người nhưng trong vòng mấy năm tiếp đó, được Tổng Thống Kennedy liên tục gia tăng số lượng. Tới năm 1963, mỗi ngày Hoa Kỳ chi tiêu hơn một triệu rưỡi Mỹ kim cho mặt trận quân sự nơi rừng núi và nông thôn, với khoảng mười sáu ngàn quân nhân "cố vấn" Mỹ tham gia chiến trường. Con số thương vong ngày càng tăng: trong năm 1961 chỉ có mười bốn người Mỹ tử thương nhưng tới cuối năm 1962, tăng lên tới hơn một trăm.

Trên mặt trận chính trị, tài trợ của Mỹ được dùng chủ yếu để cải cách điền địa và lập "Áp Chiến Lược" - những thôn làng được củng cố kiểu doanh trại, chung quanh quây dây kẽm gai và các vòng rào tre vót nhọn, mỗi lần nông dân ra đồng canh tác phải chịu sự lục soát cận kề của dân vệ. Tới năm 1963, có 10 triệu dân quê Nam VN, trong tổng số 15 triệu người, bị dồn vào những khu vực vây quanh bằng rào cọc gỗ. Người ta không thể phủ nhận tác động hữu hiệu của Áp Chiến Lược trong việc cách ly quân du kích với cơ sở giúp đỡ chính của họ là thân nhân, dồn được MTGPMN vào thế bị động, nhưng chúng cũng làm nông dân bất mãn không ít vì gây trở ngại cho việc mưu sinh của họ.

Mặc dù người Mỹ càng lúc càng can dự sâu xa vào mọi lãnh vực, vẫn có tình trạng căng thẳng làm tổn thương mối quan hệ sống chết trên chiến trường giữa các nhân viên quân sự Mỹ và người lính Á Đông nhỏ thó đang được họ ra sức cố vấn. Tổng Thống Diệm ngày càng bị ám ảnh về việc giữ sao cho binh lính ít tử thương, và vì ông giáng cấp viên chỉ huy nào để cho đơn vị chịu tổn thất vượt quá mức tối thiểu nên cố vấn Mỹ thường thấy mình sắp ra trận với những sĩ quan Cộng Hoà mang sẵn ý nghĩ tránh đừng đụng độ với đối phương. Tuy có những trở ngại đó, việc Mỹ đưa vào chiến trường máy bay trực thăng và giang thuyền vũ trang đã giúp cho quân đội Nam VN có được tính cơ động mới mẻ và cấp kỳ. Tới cuối năm 1962, lần đầu tiên Việt Cộng bắt đầu chịu thương vong to lớn vì những cuộc hành quân xuất kích chớp nhoáng lùng-và-diệt địch.

Trước những thắng lợi của Sài Gòn trên chiến trường và hiệu năng của chương trình Áp chiến lược cũng như mạng lưới cán bộ

thành tại các đô thị bị phá tan nát, Hà Nội bắt đầu phái vào Miền Nam những cán bộ chính trị cao cấp và các cấp chỉ huy quân sự từng chiến đấu tại Điện Biên Phủ để đẩy mạnh chiến tranh du kích và khủng bố, khoét sâu mối mâu thuẫn giữa chính quyền và các tổ chức chính trị, tôn giáo.... Tuy được thực hiện bí mật nhằm tiếp tục bao che lời tuyên truyền dối trá rằng việc nổi dậy tại Miền Nam chỉ là vấn đề địa phương của miền nam, công tác ấy cũng cũng có được sức mạnh của MTGPMN. Vào những tháng đầu năm 1963, ngay tại tâm điểm của đồng bằng sông Cửu Long và chung quanh vùng châu thổ sinh tử ấy, tình hình xung đột gia tăng nhanh và mãnh liệt khi các du kích quân có tổ chức tốt hơn cùng các lực lượng của Tổng Thống Diệm được Mỹ trang bị, lao vào một cuộc đụng độ mới để giành ưu thế cho phía mình. Trong khi tình hình chiến sự vẫn dai dẳng, Hoa Kỳ ngày càng nóng muốn chủ động lãnh đạo cuộc chiến, Phật giáo ngày càng gia tăng chống đối chế độ Ngô Đình Diệm, tin tức ghi nhận rằng đã có những cuộc tiếp xúc giữa các đại diện của Sài Gòn và Hà Nội để tiến tới việc hiệp thương Nam Bắc.

- 1 -

Gió từ chong chóng của hơn mười chiếc trực thăng võ trang H-21 của Không lực Hoa Kỳ quạt nước xoáy thành từng vũng trên vùng đồng ruộng rộng lớn và sền sệt bùn trong châu thổ sông Cửu Long, làm thành một đường lằn dài và dãy sóng khi đội hình máy bay lên thẳng ấy bay là đà mặt ruộng với độ cao ngang tầm ngọn cây. Nhìn từ xa, người ta chỉ thấy chúng như những con chuồn chuồn đang bay; hầu như không thấy rõ hai cánh quạt quay tít trong không khí nóng bỏng. Còn mặt ruộng ngập nước bên dưới chỉ phản chiếu hình ảnh thân máy bay như những quả chuối đang nhẹ nhàng lướt qua.

Bên trong chiếc trực thăng đầu đàn, hơn mười người lính Nam Việt Nam nhỏ thó và dẻo dai đang đưa mắt nhìn qua khung cửa mở ở hai bên hông tàu, ngó ra bên ngoài với vẻ mặt trống rỗng và đứng đưng. Lưng họ đeo ba-lô hành quân, đầu đội mũ sắt và hai

tay ôm chặt khẩu các-bin M-2 hoặc khẩu Garand M-1, loại súng cá nhân cổ lỗ thời Thế Chiến Hai của Mỹ. Họ ngồi chồm hổm trên sàn tàu bằng sắt tán ri-vê với thái độ hờ hững. Trông họ như thể những hành khách buồn chán đang đi trên một chuyến xe đò đường xa vắng vắng và tẻ nhạt. Họ hiếm lắm họ mới nói với nhau vài câu rời rạc về những gì mắt thấy.

Trái lại, hai viên sĩ quan da trắng người Mỹ đang khom lưng giữa đám lính Cộng Hoà ấy có thái độ khác hẳn. Cả hai đội mũ sắt, mặc đồ trận rằn ri, đều đưa mắt nhìn xuống, chăm chú xem xét từng chút một quang cảnh các thửa ruộng và các kênh xáng đang loang loáng biến đổi. Thân hình đồ sộ so với những người lính Á Đông vóc dáng mảnh mai, cả hai phân công nhau nhìn thật kỹ, ngó thật sát phía bờ rừng mé bên mình. Và đặc biệt họ chú ý tới những lùm cây người ta thường thấy mọc khắp nơi, quanh các làng mạc vùng châu thổ sông Cửu Long. Hai trung sĩ xạ thủ Mỹ ngồi nơi cửa trước và cửa hông, cũng đưa mắt soi mói quan sát không ngừng khắp mặt ruộng trong khi hai tay quay qua quay lại khẩu đại liên gắn sát bên trong mép cửa. Mũi súng chĩa xuống những điểm bị nghi có Việt Cộng ẩn nấp, đang dương sẵn nòng súng chực bắn tỉa. Thỉnh thoảng mấy người Mỹ da trắng to con và cả chục người Á Đông nhỏ con ấy chuyển ánh mắt chú ý vào bên trong khoang máy bay. Họ liếc thật lẹ người nữ phóng viên truyền hình Anh có nước da rất trắng với mái tóc dài màu hung cuộn trong chiếc mũ sắt không gắn phù hiệu, đang ngồi riêng một bên trên chiếc ghế có buộc dây nịt. Họ thấy nàng thỉnh thoảng nói nhỏ nhỏ với hai người Anh khác mặc quần áo dân sự đang lom khom bên cạnh, giữa các xác cốt, túi xách và thùng đựng đồ nghề quay phim và thu thanh, loại dùng cho vô tuyến truyền hình.

Ngoài mấy khoảnh khắc ấy, đôi mắt to màu xám của người nữ phóng viên vẫn nhìn thẳng vào khoảng không gian xa xa và lưng linh ánh sáng bên kia khung cửa máy bay để mở. Trên mặt nàng không có dấu hiệu sợ hãi nào ngoài vẻ hoàn toàn say mê phong cảnh đồng bằng sông Cửu Long, nơi ngày nay vẫn giữ nguyên tính cách mộc mạc có từ thời cổ đại. Và thậm chí nếu biết rằng bộ đồ trận thô nhám màu xanh lục đang mặc trên người vẫn không làm

giảm sức quyến rũ của một người nữ giữa đám người nam chung quanh, nàng cũng không để lộ ra mặt chút dấu hiệu nào.

Cũng như mọi người ngồi trong lòng chiếc trực thăng đang bay, nàng hiểu rõ cảnh tượng êm ả bất tận trên các thửa ruộng đang lướt qua dưới thân máy bay lúc này chỉ là vờ vịt. Những lớp phù sa màu mỡ của đồng bằng sông Cửu Long kia có thể đã được cày bừa từ thuở bình minh của văn minh, cũng bằng con vật có sừng và chiếc cày gỗ thô sơ ngày nay dân quê Nam Việt Nam vẫn sử dụng. Có lẽ không khác tổ tiên xa xưa của họ, các nông dân ấy giờ đây vẫn sống trong cỡ một kiểu nhà thuở trước. Cột là những thân tre hoặc tràm sần sùi, vách kết bằng lá dừa nước và mái lợp tranh hoặc rơm. Nhưng lúc này, bên dưới bề mặt có vẻ yên tĩnh ấy đang có nhiều thay đổi.

Nhìn bằng mắt người quan sát thấy có vẻ chẳng có gì đáng chú ý. Nhưng mọi người ngồi trong lòng máy bay này đều biết rằng lúc này dưới kia có thể ẩn núp các du kích quân kính ngưỡng Hồ Chí Minh và tin vào lời tuyên truyền cổ vũ của những kẻ trung thành với ông ta. Giấu mình dễ dàng ngay phía dưới mặt nước bùn sền sệt kia, họ đang thở bằng ống đu đủ hoặc ống nứa rỗng ruột. Hoặc có thể họ đang núp trong địa đạo bên dưới các làng mạc vùng châu thổ. Và nếu muốn, họ còn có thể ngồi hay nằm ở đó suốt ngày đêm để tránh đụng độ với những người lính đang tìm tới nhằm ""lùng và diệt"" họ nhân danh tự do và dân chủ, hoặc đơn giản, chỉ thực hiện nhiệm vụ của một người lính.

Ngược lại, nếu quân du kích quyết định sẵn sàng chạm trán, họ đã tập trung quân số đông gấp đôi gấp ba đối phương và đang ứng chiến trong những lùm cây bao quanh ấp Mộc Linh, nơi họ chủ động chọn làm chiến trường. Lính Cộng Hoà cùng "cố vấn" Mỹ chỉ có thể phát hiện họ ngay lúc vừa nhảy ra khỏi trực thăng, đặt chân xuống mặt ruộng ngập nước và bắt đầu xung phong vô ấp. Cũng vì lý do đó, khi sắp tới mục tiêu, trực thăng bay rất nhanh, chỉ cách mặt đất khoảng ba thước, để bất ngờ đổ bộ và gây nguy hiểm tối đa cho đối phương.

Đoàn quân phát xuất từ Mỹ Tho, nơi đặt bộ tư lệnh Sư đoàn 7 Bộ binh của Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà, một tỉnh lỵ cách Sài Gòn

khoảng bảy chục cây số về hướng nam. Suốt cuộc hành trình họ bay cách mặt đất gần ngàn thước, một độ cao đủ để tránh các tay súng bắn tỉa của Việt Cộng có thể đang ẩn mình đâu đó trong các lùm cây phía dưới. Khi tới gần khu vực đổ bộ Mộc Linh, phi công sẽ cho máy bay sà xuống là đà mặt đất, mượn vành đai cây cối rậm rạp và đầy thù nghịch của mục tiêu làm bình phong che tầm mắt của quân địch.

Càng xuống gần mặt đất, người ngồi bên trong chiếc H-21 càng cảm thấy có vẻ như máy bay lướt đi nhanh hơn. Khi sắp đến điểm đổ bộ, đàn trực thăng bắt đầu hụp lên hụp xuống tới độ chóng mặt bên trên các lùm dừa và các bụi chuối bao quanh mấy ấp gần Mộc Linh. Người nữ ký giả Anh đưa tay chạm nhẹ vai chuyên viên thu hình, nhắc anh ta bắt đầu quay cận cảnh những gì đang nổi tiếp nhau lướt qua khung cửa trực thăng. Rồi đột nhiên trong ống kính hiện lên mấy xóm nhà tranh vách lá.

Trong cảnh sắc mờ mờ bên kia khung cửa, xuất hiện những bộ mặt đàn bà và trẻ con giật mình ngó lên. Gà kêu quang quác và heo thét eng éc, đua nhau chạy trốn tiếng máy bay rền vang không khí bên trên. Kế đó, đà lao xuống của trực thăng dừng lại trên một mặt đê rộng cách xóm đầu tiên của ấp Mộc Linh khoảng hai trăm thước. Chong chóng vẫn xoay và đàn H-21 lơ lửng chờn vờn trên mặt đất. Lập tức lính Cộng Hoà cùng hai cố vấn Mỹ cao lầu khêu phóng người xuống mặt nước ruộng đục ngầu, cất chân lội thật lẹ về phía rừng cây.

Chiếc trực thăng đầu tiên vừa bắt đầu nhả quân, người nữ ký giả Anh và toán truyền hình lẹ làng bắt tay vào việc. Nàng nhảy xuống mặt đê, khụy đầu gối quì cách chiếc H-21 chừng hai chục thước để dùng thân máy bay khổng lồ bằng sắt làm hậu cảnh cho mình. Đằng sau nàng, lính Cộng Hoà nhỏ thó, đầu cột chặt chiếc mũ sắt Mỹ rộng quá cỡ, đang lội bì bõm trong cánh đồng ngập nước, hai tay nâng vũ khí lên quàu đầu. Người nữ phóng viên nhẫn nại chờ trong khi chuyên viên quay phim nhìn xéo qua vai nàng, điều chỉnh ống kính để thu trọn quang cảnh trước mắt. Khi thấy vừa ý, anh ta bấm cho phim chạy. Đồng thời, chuyên viên thu thanh ấn mi-crô vào tay người sắp nói rồi bước qua một bên, bật nút mở

máy ghi âm.

Bắt đầu nói bằng thứ tiếng Anh đúng tiêu chuẩn thường được dùng trong trường trung học, nàng cẩn thận uốn giọng khi lên khi xuống để khán thính giả nghe rõ tiếng người giữa tiếng máy bay trực thăng kêu phành phạch:

- Những thửa ruộng oi ả mà quý vị đang thấy đây, là tại một góc trời mờ mịt ở Đông Nam Á và là nơi đột nhiên biến thành tuyến đầu của cuộc chiến tranh nóng bỏng và mới mẻ giữa thế giới Cộng Sản và phương tây. Nhưng đây không phải là loại chiến tuyến mà bất cứ người nào từng chiến đấu trong Thế Chiến Hai hoặc Chiến Tranh Triều Tiên có thể nhận ra. Lúc này, những người lính Nam Việt Nam và các cố vấn Mỹ kia đang kỳ vọng sẽ bất ngờ chớp được một cuộc tập trung quân du kích Việt Cộng tại Mộc Linh, tên của cái ấp mà quý vị đang thấy đằng sau tôi - nhưng Mộc Linh chỉ là một trong năm ngàn làng mạc như thế tại miền châu thổ này. Và vì quân du kích ẩn núp dễ dàng trong rừng hoặc trà trộn giữa dân làng nên nhiều cuộc hành quân giống như thế này không tìm thấy dấu vết của họ. Dù tới giây phút này, cuộc đột kích vào tâm điểm này của vùng đồng bằng sông Cửu Long đã đạt được kết quả là gây bất ngờ cho Việt Cộng nhưng chúng ta vẫn chưa thể biết chính xác kết quả của nó sẽ ra sao - vì bao giờ cũng thế, sau một cuộc tấn công là quân du kích biến dạng vào rừng, kéo theo tất cả những đồng đội vừa tử trận...

Thình lình, từ hướng rặng cây vang lên một loạt súng nổ sắc và gọn, làm náo động thêm tiếng gầm rú của đàn máy bay trực thăng. Người nữ phóng viên hụp đầu qua một bên trong khi chiếc H-21 nhấc lên lưng chừng để các xạ thủ nơi khung cửa hai bên ra tay hành động. Những người lính QĐVNCH đi đầu vội thật lẹ, sắp sửa tới rặng cây. Chuyên viên quay phim thu hình họ trong vài giây bằng ống kính viễn vọng rồi lại chĩa máy về phía người nữ phóng viên. Nàng lại nhìn thẳng vào ống kính, bình tĩnh nói tiếp:

- Loạt đạn quý vị vừa nghe có thể do một tân binh quân dịch Nam Việt Nam vì quá căng thẳng mà bắn ra. Anh ta nổ súng có lẽ để tự trấn an hoặc khích động tinh thần xung kích của đồng đội. Chuyện như vậy thường xảy ra khi người ta truy lùng quân du kích, những

kẻ dường như xuất hiện hoặc biến mất lúc nào đều tùy vào ý muốn của chính họ. Trong tình trạng thách đố ấy thì câu hỏi chủ yếu là: liệu Hoa Kỳ với tài nguyên quân sự dồi dào và đầy ưu thế có giúp được cho người Nam Việt Nam tiêu diệt nhanh chóng một đối phương thường né tránh đụng độ và hay lẫn núp trong dân chúng, để người Mỹ không bị buộc càng ngày càng phải can dự sâu xa thêm vào cuộc chiến này, hoặc liệu cuộc chiến tranh nhỏ bé và nấn lòng này có thể là sự khởi đầu của một cái gì đó to tát hơn? Đó là điều mà chúng tôi đang tới tận nơi này để cố tìm hiểu cho ra... Nói xong, người nữ phóng viên rời bờ đê, bước xuống mặt nước ruộng sền sệt bùn và bắt đầu lội bì bõm tới phía rặng cây xa xa. Trong hơn một phút, chuyên viên quay phim tiếp tục thu hình bóng dáng xa dần của nàng, cho tới khi viên trung sĩ người Việt nhỏ thó và hay cười có nhiệm vụ bảo vệ toán truyền hình đưa tay vẫy anh ta đi theo. Giữ cho đồ nghề khỏi vấy nước, hai chuyên viên thu hình và thu thanh trườn mình lên mặt ruộng, mặt tỏ vẻ cực kỳ góm ghiếc và lê bước đi theo nàng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 2 -

Xóm thứ nhất vắng lặng khi đoàn quân ập vào. Chỉ có vài con gà te tua đang cào bới trong bóng mát bên lều tranh, ngoài ra không một âm thanh hoặc một dấu hiệu nào cho thấy có chút gì đó chuyển động. Tuân theo hiệu lệnh của đại úy Hoàng, chỉ huy trưởng đại đội hành quân, lính Cộng Hoà thận trọng bước qua các bụi cây, bắt đầu di chuyển chậm chậm từ nhà này sang nhà khác và tiến vào lục soát bên trong. Sau vài phút, họ chỉ có thể gom ra bãi đất trống ba người đàn bà nhà quê nhếch nhác, mặc quần áo đen dính đầy bụi đất và mặt mày cú rử.

Đại úy Lionel Staudt, sĩ quan Mỹ cố vấn trưởng, thờ dãi quay mặt ngó chỗ khác. Anh vừa lăm bằm chưỡi thề vừa nói lỏng quai mũ sắt và nổi quạu với viên sĩ quan mặt mũi non choẹt, tốt nghiệp trường võ bị West Point, đang đứng kế bên:

- Bây giờ trung úy thấy rồi chứ, tình báo QĐVNCH có giỏi tới mấy đi nữa cũng chẳng nhằm nhò gì so với tình báo Việt Cộng lúc nào cũng nhanh nhạy hơn. Có thể một tiểu đoàn chủ lực cơ động của quân du kích đêm qua ở đây - nhưng sáng nay nó đã vọt lẹ. Lúc này chắc chắn nó đang ở một nơi cách Mộc Linh tới bảy tám cây số.

Trung úy Gary Sherman hỏi háo hức:

- Chúng ta kết luận liền như vậy có phải vội quá không? Theo bản đồ, còn năm sáu xóm nữa nằm dọc con kênh này.

Viên cố vấn trưởng từng được thăng cấp tại mặt trận châu Âu và Triều Tiên nói như thể chiếu cố:

- Nó vậy đó con trai ạ! Nó lúc nào cũng khôn kiếp như vậy! Có vô tới xóm thứ mấy đi nữa cũng sẽ chẳng thấy một mống chủ lực quân Việt Cộng nào. Sau một năm ở đây, cậu sẽ hiểu rõ kiểu cách của bọn khôn nạn đó!

Nói xong, viên đại úy bộ binh Mỹ có dáng người cân đối và linh

hoạt ấy quay lưng đi ra khỏi xóm rồi lang thang qua các lùm cây. Thêm lần nữa anh bước tới rìa cánh đồng, đứng chờ toán truyền hình Anh. Trong một chốc, ánh mắt anh dừng lại trên thân hình thon thả của Naomi Boyce-Lewis lúc người nữ phóng viên lội về phía họ, trong mặt nước bùn xâm xấp ngang giữa cặp đùi dài.

Staudt nói thấp giọng:

- Và hôm nay nếu việc những đồng đội nhỏ thó kia bắn vô bóng tới cảnh báo cho đối phương chưa đủ để thử thách lòng kiên nhẫn của chúng ta, thì còn thêm một việc nữa. Đó là chúng ta phải nai lưng ra vác cô tiểu thư Anh Cát Lợi mới nứt mắt đã muốn chơi trò phiêu lưu kiểu Hemingway trên các thửa ruộng Á Đông này!

Nhìn theo ánh mắt của viên đại úy, Gary nói nghiêm trang:

- Tôi nghĩ cô ấy tới đây chẳng để chơi cái trò nào cả. Trong mấy ngày vừa qua, cô đã đi theo hai cuộc hành quân bộ binh xuất phát từ Mỹ Tho - nghe nói trong cả hai lần đó, cô lội bộ suốt từ đầu tới cuối. Cô ấy thật sự là người cứng cỏi. Cô sẽ làm đủ kiểu đủ cách để kiếm cho ra chuyện hấp dẫn đem kể cho dân châu Âu.

Về mặt Staudt dịu lại. Anh nheo nheo mắt, cười phóng đảng:

- Làm đủ kiểu đủ cách sao? Cậu có chắc chắn như vậy không?

Viên sĩ quan trẻ làm như không để ý tới lời nói bóng gió dung tục đó:

- Thừa đại úy, tôi có ý nói là cô ấy rất chuyên nghiệp và có nhiều tham vọng. Người ta nói lòng vòng nơi nhà ăn rằng cô xuất thân từ một gia đình giàu có. Cha cô là một tông Nam tước - cho tới khi ông ta bị giết ở đây vào cuối cuộc Thế Chiến Hai. Nhưng rõ ràng cô ấy nhất định chứng minh rằng những gì mình đang có là do chính bản thân - ngoại trừ tiền bạc của cha để lại.

Viên đại úy huýt sáo nhẹ nhàng:

- Té ra trên cái mông ăng-lê nhỏ nhắn và cao nhẽ đó còn có nguyên cả một bao bạc đề lên nữa! Tốt hơn hết chúng ta phải bảo đảm sao cho các "chiến hữu quý báu" Cộng Hoà kia chăm sóc cô ta tới nơi tới chốn.

Staudt đưa tay vẫy viên trung sĩ đang tháp tùng đoàn quay phim, có ý bảo đi lẹ lên. Nhưng viên hạ sĩ quan người Việt làm như không thấy, vẫn lội đều bước trên mặt nước bên cạnh những người

Âu cao lớn hơn mình. Anh ta tiếp tục cười nói ti toe bằng thứ tiếng Anh "ngắc ngư" với khẩu súng trường vác ơ hờ trên vai.

Khi người nữ phóng viên Anh sắp tới bờ đất, Staudt nhảy xuống mép ruộng, đưa tay ra chờ nàng vịn để leo lên cho khỏi trượt.

Nhưng nhẹ nhàng lắc đầu từ chối sự giúp đỡ, nàng tự mình nhanh nhẹn bước lên bờ đất, đi thẳng. Tới lúc Staudt bắt kịp, Naomi đã vô tới đầu xóm. Cả hai thấy vài người lính Cộng Hoà không có việc gì làm, bắt đầu đuổi theo mấy con gà của dân trong xóm, hi vọng bắt được một con làm thịt nấu bữa trưa.

Thoáng thấy hoạt cảnh đó, viên đại úy Mỹ hất cằm về phía chuyên viên quay phim sắp sửa thu hình mấy người đàn bà nhà quê đang ngồi vớ vể sợ sệt. Staudt nói với giọng giả vờ ă năn nỉ:

- Cô Boyce-Lewis ơi, chắc chắn tôi sẽ hoan nghênh hết mình nếu cô quyết định không thu hình cái cảnh bắt gà đó cho con cháu chúng ta xem. Chúng tôi đã cố dạy bảo những "chiến hữu quý báu" ấy rằng chẳng ai yêu thương nổi một quân đội cướp bóc - nhưng họ chỉ cười rúc rích rồi nói với chúng tôi rằng họ ăn không đủ no và lương lĩnh quá ít!

Ngừng nói, Staudt đảo tròn mắt:

- Có thể họ nói đúng. Các ông tướng ông tá của họ chỉ trả lương đúng qui định căn bản mỗi người một tháng mười lăm đô la Mỹ. Còn các thứ trợ cấp quân tiếp vụ linh tinh khác, kể cả trợ cấp thực phẩm hành quân, thường bị mấy ông ăn bớt, biến thành tiền bỏ vô túi riêng!

- Cảm ơn đại úy. Chúng tôi đang kiếm cái gì đó khá hơn một chút so với việc tường thuật cảnh rượt bắt mấy con gà đang co cẳng chạy.

Người nữ phóng viên Anh nói với nụ cười xã giao rồi quay sang quan sát Gary Sherman lúc đó đang lật đật băng qua bãi đất trống, bước về phía họ. Viên trung úy cầm trên tay một băng vải bèo nhèo nửa đỏ nửa xanh giữa điểm một ngôi sao vàng. Nét mặt trẻ trung của anh bừng sáng vẻ hào hứng:

- Trình đại úy, ông nhìn đây, bên quân báo có lý. Bọn chúng nó có ở đây!

Staudt trả lời châm biếm:

- Có ai bảo là bọn chúng không vừa ở đây đâu. Cậu tịch thu được một lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam đấy. Nhưng đây không phải là loại chiến tranh mà nhờ vào công trạng đó cậu được thưởng Chiến thương Bội tinh. Cái thật sự đáng kể là chúng ta phải tìm cho ra xác chết của một hai gã du kích vừa mới cầm súng bắn ì ùng ì xèo dưới lá cờ đó.

Viên trung úy phản đối:

- Nhưng ở nơi nhà tranh tôi tìm thấy cái này có cả một trạm tuyên truyền của Việt Cộng đặt tại đó. Trong hầu hết các nhà tranh này đều có chôn những cái lu đất thật lớn mà họ thường dùng để cho người ta chui vô đó trốn máy bay đổ bộ.

Gary ngừng nói, háo hức hoa tay về phía người lính Việt Nam đôi tác của mình, một trung úy trẻ của QĐVNCH, đang bắt đầu thẩm vấn ba người đàn bà cứ nhất định không chịu mở miệng:

- Trung úy Nguyễn Hanh Cát kể với tôi anh ta nghĩ rằng một người lính của anh ta đã tìm ra cửa hầm dưới một cái bếp - có vẻ lần này chắc chắn chúng ta đụng phải một áp cổ thủ của Việt Cộng.

Quệt ống tay áo ngang lông mày, Staudt chậm chậm nhìn quanh. Dù chỉ mới chín giờ rưỡi, trời buổi sáng đã nóng. Nắng lung linh trên các mái tranh và bầu không khí ngọt ngào nặng nề. Anh nói ồm ồm:

- Lạ thật, lạ thật! Trong tổng số năm ngàn áp ở khắp đồng bằng sông Cửu Long, chúng ta biết có cả ngàn cái được gọi là áp cổ thủ của Việt Cộng, không kiểu này thì kiểu nọ. Nếu thay vì vào hết thấy các áp đó, chúng ta chỉ việc thỉnh thoảng nhảy trực thăng xuống một áp rồi thấy nó chẳng có gì cả, thì tôi có thể đoán chắc rằng chúng thắng cuộc chiến tranh khốn kiếp này từ lâu rồi.

Bối rối đỏ bừng má, Gary quay mặt qua chỗ khác để người nữ phóng viên Anh không nhìn thấy. Staudt nói tiếp:

- Gary ạ, tôi chỉ vui thật sự khi chúng ta tìm ra loại kết quả về vang ấy vào lúc tôi kết thúc một năm phục vụ tại Việt Nam. Đó cũng là lúc bắt đầu một năm của cậu đấy.

Nói tới đây, miệng nở một nụ cười vờ vĩnh, Staudt quay sang bắt chuyện người nữ phóng viên truyền hình:

- Cô biết không, trung úy Sherman mới tới đây có hai tuần lễ. Chỉ

mười ngày nữa thôi tôi chấm dứt nhiệm kỳ mười hai tháng và hai mươi năm phục vụ trong Quân đội Hoa Kỳ, bắt đầu từ bãi biển Normandy. Theo tôi, việc bắt được một ấp Việt Cộng trống rỗng, một lá cờ dính đầy bùn và một trạm tuyên truyền cùng với những người lính Á Đông không bị tí thương tích nào như thế này là đủ lắm rồi, chẳng thể nào tốt hơn được nữa, đúng không cô?

Người nữ phóng viên Anh lạnh lùng hỏi lại:

- Thừa đại úy, như vậy có nghĩa ông đang dự tính chấm dứt nửa chừng cuộc hành quân này, phải không ạ?

Staudt lúc lắc đầu, cố ý nói với giọng thật chậm:

- Không, thưa cô, hoàn toàn không phải như vậy. Nhưng những "chiến hữu quý báu" của chúng tôi chẳng muốn gì hơn là gọi máy bay trực thăng quay lại đây ngay và bốc lập tức cái mông đít nhỏ nhít của họ ra khỏi chỗ này. Họ cũng rất thích sử dụng tin tình báo chính xác về việc chuyển quân của Cộng Sản để bảo đảm rằng họ đổ bộ quá trễ. Và đó là cách họ giữ cho thương vong ở mức thấp! Nhưng hôm nay, tôi sẽ dạy cho họ một bài học! Họ phải cất chân đi lùng sục hết thấy sáu cái xóm khốn nạn này và ít ra cũng phải làm việc toát mồ hôi trước khi quay về căn cứ - bằng không, tên tôi không còn là Lionel Staudt nữa!

Cầu kính, viên đại úy Mỹ trở gót, bước tới chỗ viên trung úy Cộng Hoà đang cật vấn người đàn bà thứ ba. Gary Sherman cùng toán truyền hình đi theo. Staudt hỏi cộc lốc:

- Trung úy Cát, mấy con mụ này nói ra sao về Việt Cộng?

Trên khuôn mặt đeo kính trắng và trắng trẻo như sinh viên của viên trung úy QĐVNCH, người vừa được chuyển tới đơn vị hôm qua, lập tức ánh lên vẻ thương tổn vì giọng điệu của Staudt. Dù hiểu rất rõ câu hỏi, anh vẫn cố ý chờ viên trung sĩ thông dịch viên đứng bên cạnh dịch hết câu đó ra tiếng Việt. Nghe xong câu dịch, Nguyễn Hanh Cát trả lời bằng tiếng Việt để Staudt phải đợi viên trung sĩ thông ngôn lại:

- Các phụ nữ này nói dối như thường lệ. Họ chỉ nói những lời người ta bảo họ phải nói - rằng hôm qua có mấy trăm quân du kích Việt Cộng đi qua làng; chúng làm cho đàn ông con trai trong ấp sợ quá, chạy vô núp trong rừng hết rồi...

Nghe chưa xong lời giải thích, viên đại úy Mỹ đã nhăn mặt, nổi nóng nói như quát:

- Trung úy Cát, không thể nào, không thể nào khốn nạn như vậy được! Đúng là anh chưa làm hết sức mình. Anh làm chưa đúng mức. Mạng sống của hết thầy chúng ta đây đều tùy thuộc việc anh thăm vấn mấy con mụ dạ xoa khốn kiếp này, nhớ chưa?

Hai con mắt của viên trung úy Cộng Hoà tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt bỗng long lên sòng sọc. Lần này anh ta trả lời thẳng bằng tiếng Anh:

- Xin lỗi đại úy, bộ chỉ có người Mỹ mới biết làm hết sức và biết quý mạng sống sao? Nghe giọng ông tôi biết ông chỉ mới ghét Cộng Sản theo lối nhà binh thôi. Tôi nói cho ông biết. Nếu ông có thù chúng nó cũng chưa bằng một góc của tôi đâu. Ông nghe đây này. Cách đây đúng mười năm ở ngoài bắc, bà nội tôi là người đầu tiên bị đảng Cộng Sản đem làm lễ tế cờ cải cách ruộng đất do có vấn Trung Cộng phát động. Bà ấy từng che giấu nuôi dưỡng trong đồn điền của mình, từ trước những năm bốn mươi, những thằng hiện nay ở trong bộ chính trị Hà Nội. Từ năm 1945 bà đem vô số vàng bạc của cải ủng hộ kháng chiến. Bà được phong Chủ tịch toàn quốc Phong trào Phụ nữ Yêu nước và được đích thân Hồ Chí Minh tặng danh hiệu Mẹ Chiến Sĩ. Bác tôi là Chính ủy trung đoàn và chú tôi là Đại đội phó truyền tin của Việt Minh. Khi bị qui kết địa chủ, bà đích thân viết thư cho Hồ Chủ Tịch, xin nói một tiếng. Lão già khốn nạn nín thinh. Cả bọn bộ chính trị khốn nạn nín thinh. Để mặc cho tòa án nhân dân mang bà nội tôi ra đấu tố rồi dí súng bắn chết tại chỗ. Chú bác tôi bị lột sạch công trạng, sống đau sống nhục. Có người còn bị hành tới xương vì dám khóc mẹ mình chết. Mẹ tôi phải trốn chui trốn nhủi rồi dắt tôi di cư vô nam. Vậy đó, nếu đại úy nghĩ rằng ông có lý do để vừa khinh vừa thù bọn Cộng Sản hơn tôi thì thưa đại úy, xin ông cứ việc tự nhiên với ảo tưởng của ông!

Trong một lúc, viên sĩ quan Mỹ nhìn sững rồi một nụ cười chậm chậm tỏa khắp bộ mặt dày dạn phong trần:

- Trung úy Nguyễn Hanh Cát ạ, chuyện ghê tởm và khốn nạn không ai tưởng tượng nổi! Anh có lý do chính đáng để căm thù lũ

Cộng Sản đều cáng và lão già mặt cáo đó hơn tôi. Tôi thành thật xin lỗi. Vậy chúng ta hợp tác với nhau một trăm phần trăm, được chưa? Chiều nay về Mỹ Tho tôi mời anh và Gary một chai Remy Martin.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 3 -

Trong lúc hai sĩ quan Mỹ và Việt đóp chát nhau, trong lòng địa đạo chật hẹp ngay dưới chân họ, Tuyết Lương đang bươn bả trườn người. Mặc bộ đồ bà ba đen miền nam mấy năm nay đã trở thành bộ đồ ra trận của Việt Cộng, và bằng những cử động thoăn thoắt thành thạo, Tuyết Lương chuôi người tới trước. Hai đầu gối và hai cùi chỏ ấn nhịp nhàng như bốn chiếc giầm chèo chỏi xuống lòng đất khô. Khẩu Colt .45 tịch thu được của Quân đội Hoa Kỳ nằm nguyên trong bao súng, được quấn chặt vào bắp đùi trái rồi thắt gút bằng một sợi dây rừng. Hai đầu mút dây chừa hai đoạn dài theo cách nòng thường dẫn mọi người trong trung đội xung kích đặc biệt phải làm. Để hể mình tử trận, đồng đội sẽ dễ dàng kéo xác ra khỏi khu vực đưng độ.

Vừa rồi, qua cửa trinh sát ngục trang dưới gốc một bụi tre cách mép bãi đất trống hai chục thước, Tuyết Lương thấy và nghe loáng thoáng viên đại úy Mỹ và viên trung úy Nam Việt Nam lời qua tiếng lại. Dù không biết chính xác họ đang cãi nhau chuyện gì nòng vẫn có thể dễ dàng nhận ra vẻ xung khắc rõ rệt trong giọng nói của cả hai vì nòng ở khá gần.

Khi lính Cộng Hoà bắt đầu tiến vào xóm, Tuyết Lương còn đếm được cả thấy có bao nhiêu người. Và khi bò trong lòng đất tối đen như mực, thêm lần nữa nòng nhắm tính trong đầu số lượng và các loại vũ khí vừa ghi nhận. Mười hai khẩu súng trường Garand M-1 nặng nề. Mười chín súng các-bin M-2 loại báng nhẹ. Một trung liên BAR. Hai súng phóng lựu kiểu mới M-79 với khả năng tác xạ khủng khiếp, có thể bắn tạc đạn chính xác với cự li ngoài một trăm thước. Hai sĩ quan Mỹ cũng mang theo tiểu liên xung phong AR-15 kiểu hiện đại như thường lệ. Nếu kế hoạch phục kích này thành công, chừng ấy vũ khí quả là một khối lượng dồi dào cho Tiểu đoàn 514 kiệt xuất của Quân Đội Giải Phóng.

Khi trườn tới một đoạn địa đạo rộng hơn, Tuyết Lương nhóm chân và bắt đầu khom lưng như người đang chạy để bươn bả lẹ hơn. Nàng nôn nóng muốn báo cáo càng nhanh càng tốt cho trạm chỉ huy cách đằng trước tám trăm thước, cũng đặt ngằm dưới đất. Hệ thống địa đạo bên dưới ấp Mộc Linh có độ dài tất cả gần mười cây số. Nó chẳng chịt như một cung mê với nhiều đường hầm toả ra mọi hướng. Tuyết Lương biết nó rất rõ, không kém các đường mòn trên mặt đất trong ấp vì suốt sáu tháng vừa qua, chính nàng đã tiếp tay với dân làng hồi hải đào chúng.

Cùng kiểu với mạng lưới địa đạo Củ Chi, một huyện cách Sài Gòn khoảng ba chục cây số, nhưng qui mô nhỏ hơn. Loại mạng lưới này được thiết lập trong lòng đất theo kỹ thuật du kích chiến lão luyện, khởi đầu được quân Cộng Sản của Mao Trạch Đông triển khai tại Trung Hoa và sau đó được hoàn thiện tại Triều Tiên. Kỹ thuật đào do chính các chuyên gia Bắc Triều Tiên sang Hà Nội trực tiếp truyền nghề qua các khóa tập huấn ở Bắc Giang. Chiến tranh du kích đi liền với địa đạo như hải chiến đi đôi với tàu thuyền. Nó biến đổi tùy mục đích dùng để ẩn núp, làm kho tàng hay mai phục đánh đòn thổ hoặc đôi khi là căn cứ địa tùy vào địa điểm chiến lược. Nó dài ngắn sâu cạn tùy tính chất đất, khí hậu và con nước và mức độ phản ứng của dân chúng địa phương đối với các hình thức huy động của Mặt Trận. Nói chung, nó biến hóa hơn rất nhiều so với óc tưởng tượng của QĐVNCH và đồng minh người Mỹ của họ.

Mộc Linh là một địa điểm đặc biệt vì thế đất khô, hầu hết trai tráng là du kích quân và vị trí chiến lược gần Rừng U Minh mệnh mông và lấy lợi. Tại đây, nó gồm một hệ thống địa đạo dẫn tới những cửa tẩu thoát trở ra nơi bìa rừng chung quanh làng, nhiều hầm kho tàng, nhiều đường trinh sát dẫn tới các cửa quan sát bố trí theo từng khoảng cách đều đặn dọc bờ kênh hoặc con đê bắc ngang cánh đồng với các lỗ châu mai được ngụy trang cẩn thận. Sáng nay, nếu các chốt hỏa lực từ những lỗ châu mai chế ngự mọi ngã đường vào ấp Mộc Linh đều nổ súng, có thể nhiều lính Cộng Hoà đã bị bắn gục khi họ đang lợi bì bõm giữa mặt ruộng trồng trái. Nhưng phương án kế hoạch là dụ cho họ tiến sâu vào tâm điểm của

Mộc Linh. Chỉ tấn công sau khi các phương tiện cơ giới dùng để đổ quân cùng máy bay trực thăng tháp tùng có trang bị hỏa tiễn và đại liên đã quay đầu trở về hậu cứ. Đó cũng là cách thường được Quân Đội Giải Phóng áp dụng để giảm thiểu số thương vong và tăng tối đa số lượng vũ khí tịch thu được.

Trong khi cúi mình lom khom bò như chạy, Tuyết Lương thận trọng tránh những lối vào có cắm ám hiệu, dẫn tới các đoạn đường hầm nghi trang cách riêng, chỉ dùng để dụ địch. Ở đó có gài mìn và đặt bẫy chông tầm độc - làm bằng tre vót nhọn, tầm phân người hoặc phân gia súc thối rữa vì để lâu ngày. Những đường hầm ấy được chuẩn bị kỹ lưỡng và chăm sóc đặc biệt để nếu đối phương có tìm thấy địa đạo rồi mò xuống, từ trong bóng tối, quân du kích có thể phục kích dễ dàng. Cho tới nay, Tuyết Lương biết rõ gần như áp cổ thủ nào trong vùng giải phóng cũng có địa đạo, không dài thì ngắn, nhưng ít khi đối phương dám xâm nhập. Lính Cộng Hoà thường tỏ ra chẳng thú vị việc phải xuống bất kỳ đường hầm nào bị họ phát hiện. Bom xông khói, súng phun lửa, lựu đạn cay được họ dùng, thường chỉ có thể trục ra vài du kích quân núp dưới đó. Và vì lính chính quyền không biết chắc sâu bên trong cửa hầm có những nguy cơ nào đang chờ đón họ nên họ thường bằng lòng với việc chỉ đánh sập cửa hầm.

Trạm chỉ huy ở Mộc Linh đặt trong một nhà bếp làm theo kiểu lò Hoàng Cầm, từng được sử dụng rộng rãi tại chiến trường Điện Biên Phủ. Đó là một căn hầm trong lòng đất, từ đó có những đường hầm nhỏ đào theo độ nghiêng, toả ra ngoài như nan hoa xe đạp để phân tán khói từ hàng chục bếp lò cho khói thoát ra ở những cửa lộ thiên đặt tận khu rừng rậm cách nhà bếp hàng trăm thước. Khi Tuyết Lương tới nơi, nàng ngạc nhiên thấy Ngô Văn Đồng, chỉ huy trưởng Tiểu đoàn 514 chủ lực quân cơ động, đang mài miết chuyện trò với một người lạ nhỏ thó mà trông rất có uy quyền.

Chẳng cần đợi hiệu lệnh mở miệng, Tuyết Lương nói ngay trong tiếng thở hổn hển:

- Báo cáo đồng chí tiểu đoàn trưởng, tại Cửa ra Số 17, tôi đếm được ba mươi bốn thằng lính Diệm, hai thằng sĩ quan nguy và hai

thằng giặc Mỹ. Bọn chúng mang mười hai khẩu Garand M-1, mười chín khẩu các-bin tự động M-2, một khẩu trung liên Browning, hai khẩu tiểu liên AR-15 - và hai súng phóng lựu M-79 kiểu mới. Thằng trung úy của Diệm cật vắn ba bà con được ta để lại trong xóm. Nhưng sau đó nó và thằng Mỹ cãi nhau. Rồi tôi thấy bọn chúng có vẻ lưỡng lự.

Dù ngoài năm mươi tuổi, Ngô Văn Đồng người vắn gầy nhom và cao lêu đêu, không khác chút nào so với thuở đóng vai phu xe kéo ở Huế. Anh cau mặt quay lại nhưng vẻ khó chịu vì câu chuyện bị vô phép phá ngang chợt dịu xuống khi nhận ra kẻ đang báo cáo.

Nghe xong, anh hỏi lại:

- Có phải đồng chí nói chỉ có ba mươi tư thằng lính ngự?

Vừa hỏi anh vừa bước thật lẹ tới tấm bản đồ vẽ Mộc Linh cùng các cửa địa đạo, được gắn trên chiếc chiếu cói che vách hầm. Chỉ vào bản đồ, Tuyết trả lời gọn gàng:

- Không. Tôi chỉ nói là riêng phần tôi, tôi thấy có ba mươi bốn thằng. Còn các trạm canh khác nơi mấy cửa hầm sát Cánh Đồng 13 có báo cáo với tôi rằng quân số địch từ trên máy bay lên thẳng đổ bộ xuống gồm đủ một đại đội với hơn một trăm thằng. Chúng nó đang tập trung tại chỗ này, ở xóm thứ nhất.

Đồng chăm chú nhìn vào điểm ngón tay Tuyết dỉ trên bản đồ:

- Tốt. Vậy chúng ta cứ thi hành đúng phương án và kế hoạch đã lên.

Đột nhiên anh mỉm miệng cười, xoay qua người tóc hoa râu đang đứng kế bên:

- Tôi chắc thế nào chú cũng từng nghe nói ít nhiều tới đồng chí Tuyết Lương, trung đội trưởng nổi tiếng của chúng tôi đây. Chị rất giỏi xoay xở, không biết sợ hãi là gì và đúng như những gì người ta thường kể về chị.

Nói tới đó, Đồng lại quay sang Tuyết:

- Vị khách của chúng ta đây là một đồng chí lãnh đạo cách mạng. Hôm nay đồng chí ấy tới quan sát cuộc hành quân của chúng ta. Ông là chiến hữu của cha tôi thuở trước - tôi cũng từng chiến đấu dưới quyền của ông tại Điện Biên Phủ. Vì lý do an ninh, chúng ta chỉ nên gọi ông là "Đồng chí Phạm".

Trong khi quan sát diện mạo Tuyết, bộ mặt da nhẵn như cổ gà của Đào Văn Lật nhúm lại thành một nụ cười âm áp. Bộ bà ba đen và hai gò má của Tuyết lem luốc đất địa đạo, mái tóc cắt ngắn ôm gọn khuôn mặt xinh xắn, nhưng ngược lại, dáng điệu nàng kiêu hãnh, thân hình cân đối và khẩu súng lục buộc chặt bên đùi tạo cho Tuyết thành một hình ảnh đáng nể. Lật nói, mắt không rời Tuyết:

- Đồng chí nổi tiếng dũng sĩ và đẹp. Gặp đồng chí mới biết quả thật lời nhân dân nói chẳng sai chút nào. Theo đồng chí, gan dạ và nhan sắc, cái nào có tác dụng hơn?

Tuyết trả lời câu hỏi thách thức ấy với nét mặt cứng nhắc:

- Báo cáo đồng chí, tôi thấy cái sau chỉ quan trọng chút ít so với cái trước. Điều làm tôi quan tâm không phải là những lời người ta đồn đãi về vẻ bên ngoài của mình.

Ánh mắt Lật chột lóe lên khi lướt qua chiếc áo bà ba đen mộc mạc, không che đầy hết đường nét mềm mại trên bộ ngực của Tuyết.

Chỉ một thoáng phù du, Lật cảm thấy đâu đó trong lòng mình âm thầm rung lên nỗi chua xót thường làm ruột anh co thắt, suốt nhiều năm trời, mỗi khi lâm vào khoảnh khắc như thế này. Trên vẻ mặt của Tuyết có điều gì đó không xác định nổi - có thể đó là sự hoà hợp hiếm hoi giữa thanh tú tuyệt vời và hiên ngang mãnh liệt, cũng có thể là lãnh đạm như sỏi đá và hận thù rực lửa - nó làm Lật lần đầu tiên, từ nhiều năm nay, lại nghĩ tới Liên. Và bỗng dưng Lật có cảm tưởng như thể đang có bàn tay ma quái nào đó cầm lưỡi dao lấp lánh và sắc lẹm ngày nào cứa mạnh vào da thịt mình thêm lần nữa.

Lật nói với giọng êm và nhẹ:

- Đồng chí ạ, đối với một phụ nữ yêu nước và can đảm thì cái sau có lẽ không quan trọng. Nhưng tôi chắc chắn rằng đối với các chiến sĩ trẻ tuổi và nhạy cảm dưới quyền chỉ huy của đồng chí thì cái sau rất tuyệt vời. Nó giúp cho họ thêm hào hứng để có những hành động dũng cảm.

Tuyết nhìn thẳng tới trước, không nói. Từ ngày tham gia lực lượng du kích tới nay, nàng cố tình giữ trạng thái lạnh lùng và đứng đưng trong mối quan hệ với nam giới chung quanh. Và nàng giữ mãi nguyên tắc giao tế đó với mọi người, không chừa một ai, kể cả đôi

với các cán bộ lãnh đạo. Tuy vậy, Tuyết có đủ nhạy cảm để có thể đoán ra "Đồng chí Phạm" này thuộc cấp bộ chóp đỉnh. Ông từ Hà Nội vào nam hẳn để góp phần củng cố tổ chức của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam đang hồi cực kỳ khó khăn vì hệ thống áp chiến lược cùng các cuộc càn quét bằng giang thuyền và trực thăng vận của Mỹ Diệm. Tuyết cũng biết rõ những người Cộng Sản kỳ cựu thường đánh giá nàng như một kẻ cá nhân chủ nghĩa thích phiêu lưu, một kẻ chỉ hành động bốc đồng theo cảm tính, nên không đáng tin cậy. Do đó Tuyết quyết định rằng sẽ chẳng thực tế chút nào nếu mình để mất thiện cảm của người đồng chí thượng cấp này. Tuyết nói nghiêm trang:

- Thừa "Đồng chí Phạm", nếu tôi được phép đoán thì, rõ ràng đồng chí từ xa đến Long An này để lãnh đạo chúng tôi thi hành những nhiệm vụ mới nhằm đối phó hữu hiệu với tình hình mới. Nếu quả đúng như vậy, tôi tin rằng công tác ấy sẽ được thực hiện hoàn hảo và đồng chí chắc chắn sẽ mang nhiều thắng lợi về cho trung ương. Đôi mắt Lật lấp lánh thú vị. Anh nói với vẻ tế nhị và nhã nhặn như thể anh chỉ phục vụ cho đường lối chính thức của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam:

- Tôi được phái đến đây chỉ để đóng góp tất cả năng lực khiêm tốn của mình vào công cuộc chiến đấu của nhân dân miền nam nhằm thiết lập một chế độ Cộng Hoà độc lập trung lập và hòa bình. Hết thảy chúng ta đều biết rằng tới một ngày nhất định, công cuộc đó sẽ đạt tới cực điểm của nó là một cuộc tổng khởi nghĩa của toàn thể nhân dân miền nam. Tôi hy vọng đồng chí và tôi sẽ có thể chung vai sát cánh hoạt động để cùng đạt tới cứu cánh đó.

Tuyết trả lời với giọng trịnh trọng:

- Tôi sẵn sàng thực hiện bất cứ công tác nào do trên đề ra. Nhưng lúc này, tôi phải quay về với nhiệm vụ trinh sát của mình.

Trong vài giây, Lật đắm nhìn theo lối địa đạo nơi Tuyết vừa chui vào. Rồi anh trầm ngâm bước tới đứng kế bên Đồng, sát tám bản đồ ghim trên vách. Trong khoảng thời gian hai người trao đổi ý kiến, các giao liên tấp nập vào ra, chuyển cho Đồng những mảnh giấy vuông, mỗi bề dài chừng một ngón tay trở, viết nguệch ngoạc. Hầu hết giao liên là các cháu nhi đồng chưa tới tám tuổi, chân tay

khăng khiu, trên mình mặc độc chiếc quần xà lỏn lem luốc, lưng quần buộc dây chuối. Trước khi xem xét cẩn thận tin tức chúng mang tới, Đồng xoa đầu, véo má khen ngợi từng đứa, cho mỗi đứa một cục kẹo. Trên mặt bàn kê sát mé dưới tấm bản đồ ghim nơi vách, những mảnh giấy thông tin ấy chất thành một đồng, chờ đốt bỏ. Đồng mỉm cười chỉ vào đồng giấy:

- "Đồng chí Phạm" ạ, diễn tiến đúng y kế hoạch. Các trinh sát báo cáo rằng bọn Mỹ Diệm đâm đầu vô bẫy của chúng ta. Lúc này, bọn chúng vào tới xóm hai, đang lục soát nhà dân và tra hỏi thêm mấy bà già. Chỉ cần mười mười lăm phút nữa, chúng sẽ đặt chân vào đúng vị trí ta dành sẵn cho chúng.

Gật đầu tán thưởng, Lật cầm chén trà nhỏ màu vàng đặc quánh do một cần vụ của Đồng mang tới. Ngồi xuống kế bên tấm bản đồ, anh trầm ngâm nhấp từng ngụm nước bốc khói:

- Đồng chí Tuyết Lương rõ ràng là một nữ du kích cốt cán và đặc biệt. Tôi nhớ hình như có nghe nói chồng chị bị người của Diệm tra khảo tới chết tại Sài Gòn - không biết tôi có đúng không đây?

- Đúng - chuyện đó xảy ra cách đây hai năm. Lúc đó, chị Tuyết thể sẽ trả thù cho cái chết của chồng. Anh ấy là liệt sĩ Triệu Hùng Lương, tham gia Việt Minh từ lúc còn đi học.

- Nhưng có phải đồng chí Tuyết mang hai dòng máu? Liệu cái đó có làm cho chị ấy khó có thể hoà đồng với người khác?

Đồng lắc đầu:

- Tôi nghĩ không có chuyện đó. Người nước ta nói chung, đặc biệt dân miền nam, thường không kì thị ngoại nhân nếu kẻ đó không tiếp tay cho ngoại xâm. Hơn nữa, từ mấy chục năm nay, hầu như người ta không còn có thành kiến đối với "con lai". Trên chiến trường, chị Tuyết ra tay không chút xót thương. Cái gan dạ của chị thậm chí nhiều đàn ông không theo kịp. Chị đã tự tay bắn chết nhiều thằng nguỵ. Có thể thái độ lạnh lùng là cách thức chị ấy dùng để làm chủ những xúc cảm quá sôi nổi trong lòng.

Vội vẻ nghĩ ngợi, Lật nhìn chăm chú người tiểu đoàn trưởng:

- Nhưng giai đoạn này đúng là có dấu vết cuồng loạn trong thái độ của đồng chí ấy. Tính cứng rắn đang trở thành tính dễ gãy.

Đồng nhún vai, mỉm cười:

- "Đồng chí Phạm" ạ, mắt của chú sắc bén hơn mắt của tôi. Tôi không nhận thấy gì cả!
 - Anh Đồng này, lý lịch trích ngang của đồng chí Tuyết như thế nào?
 - Mẹ đồng chí Tuyết xuất thân từ một gia đình quan to giàu có nhưng chị ra đời trước ngày cha mẹ thành hôn và được gởi cho họ hàng lén lút nuôi nấng, cho học trường Tây. Chị lớn lên vừa tủi thân vừa oán hận. Rồi tới năm mười bảy tuổi, chị bỏ nhà ra đi lập gia đình với đồng chí Lương. Họ có hai con. Dân làng kể lại chị hay nói với họ rằng đó là lần đầu tiên trong cuộc đời chị biết thế nào là được sống hạnh phúc với một gia đình cha mẹ con cái quây quần yêu thương nhau. Khi bọn Diệt ác ôn sát hại liệt sĩ Lương, đồng chí Tuyết phải đi tiếp nhận thi thể chồng - nhưng chị không khóc. Tại chỗ nhận xác và ngay lúc đó, chị chỉ nói một câu duy nhất rằng "Tao thề, từ nay tao chỉ biết sống để giết chúng mày".
 - Rồi đồng chí ấy làm đúng như vậy?
 - Đúng. Chị gài chất nổ dưới một bàn cà-phê, giết gọn hai thằng ác ôn tra khảo chồng mình. Sau đó, chị liệng lựu đạn vô hai thằng CIA Mỹ đã tiếp tay thăm vắn chồng chị - nhưng hai thằng giặc Mỹ đó chỉ bị thương không nặng lắm.
 - Bằng cách nào đồng chí Tuyết tham gia tiểu đoàn của anh?
 - Khi một tù nhân khác vì chịu không nổi tra tấn khai ra tung tích của chị, chị phải trốn khỏi Sài Gòn. Chị đem hai con về ở làng của mẹ chồng gần khu vực này nhưng rồi vẫn không thể sống yên thân với bọn ngụỵ xã ấp. Lúc đó cán bộ Mặt Trận địa phương giới thiệu chị tham gia tổ công tác đặc biệt. Chị đem tên chồng ghép với tên mình thành bí danh Tuyết Lương. Rồi chẳng cần chờ ai thúc hối, chị tiến hành liên tiếp mấy cuộc ám sát bọn ngụỵ quyền phản động thối nát trong các làng xã vùng này.
 - Anh chỉ nghe về chị Tuyết có chừng ấy sao?
- Đồng gật đầu:
- Vâng. Từ một năm nay, tôi giao cho đồng chí Tuyết chỉ huy trung đội xung kích đặc biệt. Vùng này nữ du kích chiếm tới hai ba chục phần trăm quân giải phóng. Trong tất cả các đơn vị chủ lực có nữ du kích, chị Tuyết gan góc nhất, xuất sắc hơn hẳn mọi người.

Lật uống cạn chén trà rồi đứng lên:

- Trận đánh này anh giao chị ấy công tác gì?
- Tôi giao chị chỉ huy hai trung đội gồm bốn chục chiến sĩ. Nhiệm vụ là băng ngang cánh đồng, diệt gọn những lính ngụy sống sót sau cú phục kích, rồi thu lượm vũ khí của chúng.

Chỉ tay vào bản đồ Đồng nói tiếp:

- Từ xóm ba vào xóm bốn có một đường đê dài tám trăm thước. Khi qua đó bọn địch phải đi hàng một. Con kênh chạy cặp một bên đê. Chúng ta bố trí súng liên thanh ở phía bờ kênh đối diện với chân đê bên này, ngay quãng giữa đường đê. Bọn lính Mỹ Diệm sẽ đi dàn ra theo hàng dọc nên khi xạ thủ của ta khai hỏa, bảo đảm sẽ không bắn trúng quá nhiều lính ngụy - chỉ bắn vừa đủ cho bọn chúng kinh hoảng, nhảy đại xuống khỏi mặt đê để núp ở mé ruộng phía chân đê bên kia.

Đồng ngừng nói, cười chậm chậm:

- Dọc theo chân đê bên kia chúng ta đã gài mìn, đặt bẫy chông và bố trí hai khẩu liên thanh khác ở cửa địa đạo có ngụy trang ngay hai đầu góc chéo khoảng ruộng đó để bắn quét dọc theo chân đê. Với cự li gần như thế, ta giết sạch những tên chưa bị sa hầm chông hoặc đập mìn mà chưa chết. Cùng lúc đó, Tuyết Lương sẽ chỉ huy người của chị xuất phát từ các cửa địa đạo ở bên kia cánh đồng, dẫn họ băng qua mặt ruộng, diệt gọn những đứa còn sống.

- Kế hoạch nghe thật tuyệt! Xứng danh "chiến sĩ Điện Biên!"

Lật nồng nhiệt vỗ vai Đồng và gật gật đầu nhìn vào huy hiệu Chiến dịch Điện Biên Phủ được người tiểu đoàn trưởng hãnh diện đeo thường xuyên trên ngực áo bên trái.

- Và làm thế nào đồng chí gài bẫy dụ được bọn chúng? Trước đây lực lượng địch chưa lần nào vào sâu vùng này sao?

- Báo cáo đồng chí, chưa. Hôm qua chúng tôi cho di chuyển bốn đại đội thuộc Tiểu đoàn 514 tới Mộc Linh để giả bộ làm mồi nhử. Chúng tôi phải bảo đảm sao cho thằng mật báo viên của ngụy mà chúng tôi biết rõ, thấy chắc chắn bốn đại đội đó, và tôi ra lệnh cho họ chỉ ở lại đây cho tới khi trời sắp rạng sáng. Rồi tôi điều họ di chuyển tới Rừng U Minh - lúc này, họ đang ở cách đây mười sáu cây số, ém quân sâu trong rừng. Các mật báo viên của ta nói với tôi

là cả một tiểu đoàn lính Diệm đang chờ để hễ có tin báo về là lên trực thăng vận nhảy xuống đây ngay - đó là lý do khiến tôi chỉ dám liều lĩnh bố trí một nhóm nhỏ các chiến sĩ của ta. Rồi đồng chí thấy, quân ta sẽ biến thật lẹ xuống các địa đạo trước khi địch kịp thời dùng máy bay oanh tạc hay đổ bộ thêm lính nguy tới tiếp viện. Nói tới đây, Đồng mỉm cười thêm lần nữa:

- Nói cho cùng, chỉ là một cuộc hành quân đơn giản thôi!

Ngay lúc đó, một cậu bé tóc bù xù, người mảnh dẻ, trên mình chỉ mặc quần xà lỏn, chạy ào vào dúi vô tay Đồng một mảnh giấy giao liên. Trong khi chờ hồi báo, nó vừa nhìn chăm chặp bộ mặt rúm ró già chát của Lật vừa ngậm kẹo, nhảy lò cò hết chân nọ tới chân kia. Đọc xong mảnh giấy, Đồng nói âu yếm:

- Ốc Tí tài lắm, chạy giỏi lắm. Bây giờ Ốc Tí co giò chạy thiệt lẹ tới đường hầm Số 11 - rồi Ốc Tí ở đó chăm sóc mẹ với chị cho tới lúc trời tối nhà.

Thằng bé sung sướng toét miệng cười, vụt chạy. Sau đó, Đồng quay qua Lật, vẻ mặt nghiêm trang trở lại:

- Lúc này bọn địch đã vô tới xóm ba. Tôi sắp ra lệnh cho Tuyết Lương đem hai trung đội xung kích vào vị trí.

Trong khi người tiểu đoàn trưởng viết vội vàng vào một mảnh giấy khác, Lật gọi thêm trà cho cả hai. Chờ Đồng viết xong, anh chuyển cho Đồng một chén trà. Lật vừa nói vừa cười:

- Nếu tôi không lầm, thằng nhỏ giao liên vừa rồi là con trai út của anh. Bộ dạng bên ngoài của nó ngó thiệt lạnh lẽo dai.

Đồng đưa chén trà lên miệng, vẻ mặt anh dịu lại:

- Đúng vậy. Nó tên Kiệt, nhưng như chú vừa nghe, người trong gia đình chúng tôi thường gọi nó là "Ốc Tí".

- Vậy nó còn một thằng anh nữa, phải không?

- Đúng vậy - thằng Minh, lúc này được mười sáu tuổi. Hôm nay lần đầu tiên nó ra trận với công tác bắn tỉa. Tôi ra lệnh cho nó núp trên một cành cây cuối cánh đồng để tiếp tay kéo hỏa lực địch về phía đó trong trường hợp phải ra mặt dụ cho đại đội nguy đi lên mặt đê.

Lật hỏi với giọng ngạc nhiên:

- Nhưng tại sao cháu nó mới ra trận lần đầu anh lại giao loại công

tác mạo hiểm đến thế?

Nét mặt Đồng thoáng rắn lại:

- Tôi không muốn có ai đó nghĩ rằng tôi đối xử đặc biệt với nó chỉ vì nó là con trai của tôi. Tôi muốn huấn luyện nó bằng gian khổ, giống như chúng ta thuở trước. Vả lại, cuộc đời của nó chỉ đáng sống khi hiến thân cho công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và thống nhất đất nước - đó là cách tôi dạy bảo nó. Nếu chú thấy khẩu súng trường Garand cũ kỹ của nó - bóng lờng hơn bất cứ thứ vũ khí nào tôi từng thấy trong đời mình.

Lật nói trầm giọng:

- Nhưng anh bạn thân thiết ạ, cứ việc nuôi dạy nó thêm một thời gian nữa đã sao. Không cần phải hoàn toàn khắc nghiệt với cháu Minh đến thế chỉ vì cả nhà anh đã chịu nhiều khổ nạn ở Yên Bái và Vinh.

Đồng ngồi nhìn đăm đăm tám bản đồ một hồi lâu, cuối cùng anh lên tiếng với giọng xúc động:

- Chính tại vùng đất này cha tôi có mảnh ruộng đầu tiên và duy nhất trong đời ông. Chính xã này là nơi tôi và Học được sinh ra - chỉ cách ấp Mộc Linh một cây số rưỡi. Mảnh ruộng đó bị tịch thu khi suốt mấy vụ mùa liên tiếp, chúng tôi không đóng nộp thuế và không vay đâu ra tiền để trả góp. Lúc đó cha mẹ tôi phải bỏ quê cha đất tổ mà đi, lang thang làm thuê ở mướn cho người ta. Có lẽ lúc này chú đã hiểu tại sao từ ngoài bắc tôi chụp ngay cơ hội tranh thủ vào lại đây. Ở đây, ít ra tôi cũng có thể thanh toán vài món nợ cũ mà người ta đã vay của cha tôi - và Minh cũng muốn làm tất cả những gì cháu nó có thể làm để tiếp tôi một tay.

Lật chậm chậm gật đầu và thở dài:

- Vâng anh Đồng ạ, tôi hiểu - cuộc đời quả thật rất mĩa mai, phải không? Cha mẹ anh có lần vì hoàn cảnh bắt buộc phải đi ở mướn như những người nô lệ cho một tay thợ săn Pháp và các thân chủ Mỹ giàu có của hãn khi họ tới rừng núi của chúng ta để chơi trò săn bắn. Giá như thuở ấy họ biết rằng tới một ngày nào đó, con trai của họ và hết thảy con trai của chúng ta đều trở thành những tay đi săn nơi rừng núi ruộng đồng này - và rằng ngày đó, chính người Pháp và người Mỹ lại là con mồi!

Đồng nhìn đồng hồ đeo nơi cườm tay, lẳng đặng gật đầu. Lần đầu tiên Lật thấy xuất hiện vẻ căng thẳng trên nét mặt khắc khổ của người tiểu đoàn trưởng. Kế đó, Đồng nói, giọng siết lại giữa hai hàm răng:

- Lúc này, hẳn các chiến sĩ bắn tỉa của ta đã vào vị trí.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 4 -

- Làm sao thắng được cuộc chiến tranh này khi mình tìm địch ra quân địch?

Đại úy Lionel Staudt lầm bầm qua kẽ răng khi đứng dặng chân giữa xóm ba. Lúc đó trời mười giờ rưỡi. Lính Nam Việt Nam lơ quờ tập hợp lại sau khi lục soát thêm vài nhà tranh trong xóm, cũng không tìm thấy gì. Như thường lệ, bà già và trẻ con bị gom thành một tốp để thẩm vấn nhưng rồi cũng chẳng ghi nhận được gì thêm. Ba-lô lính hầu hết treo lưng lửng một con gà hoặc một con vịt vừa cắt tiết. Rõ ràng họ chỉ mong mau tới giờ nghỉ trưa để lè phè nấu bữa ăn chính trong ngày vốn đã thành thông lệ trong các cuộc hành quân. Lúc này trên đầu mọi người, mặt trời tháng Tư phả hơi nóng hầm hập khiến ai nấy đều khật khờ, góp phần làm tăng thêm tình trạng căng thẳng giữa các sĩ quan Việt nhỏ thó và các cố vấn Mỹ mỗ hôi nhể nhại.

Bước vào bóng mát của một lùm dừa, Staudt đưa tay quạt lông mày. Viên đại úy Mỹ đứng nhìn trung úy Cát đang bàn soạn với đại úy Hoàng trong sân một túp lều tranh cuối xóm, anh lầu bầu: - Nếu chúng ta bỏ công sức ra đánh giặc cũng nhiều chẳng kém công sức bỏ ra đi tìm giặc thì cách đây một năm đã kết liễu được cuộc chiến tranh ruồi bu này rồi. Hoặc thực tế, có thể địch ai đi tìm giặc! Từ sáng tới bây giờ, đối tượng duy nhất bị "lùng-và-diệt" lòng vòng mấy chỗ này là mấy chục con gà con vịt trong chuồng! Toán truyền hình Anh vốn được đặc biệt chiếu cố, lúc này chất đồ nghề thành một đồng trong bóng mát dưới lùm cây và ngồi xuống nghỉ ngơi. Hai chuyên viên kỹ thuật miệng cười hớn hở. Chỉ riêng Naomi Boyce-Lewis trông có vẻ vẫn phớt tỉnh và trầm lặng, hình như không để ý tới cái nóng. Đưa mắt nhìn dọc con đê họ sẽ phải theo đó băng qua cánh đồng ngập nắng để vào xóm kế tiếp, Naomi hỏi Staudt:

- Xin đại úy vui lòng cho biết cuộc hành quân này sẽ kéo dài như thế nào?

Staudt cởi khẩu AR-15, dựa súng vào thân cây. Anh đưa bi-đông nước lên miệng tu một hơi rồi nói:

- Cô Boyce-Lewis ạ, bây giờ cô đã thấy rõ rằng trong cuộc hành quân này tôi không có quyền chủ động. Nếu người Mỹ trực tiếp chỉ huy chiến trường cô sẽ thấy chúng tôi đánh Việt Cộng nhanh nhạy hơn nhiều. Cách đây nửa giờ, tôi đã đưa ra lời cố vấn rằng chúng ta phải lập tức lùng sục khắp Mộc Linh - nhưng chúng tôi phải chờ mấy ông bạn đồng minh nhỏ thó kia quyết định họ sẽ chấp nhận nguyên con lời khuyên đó hay chỉ chấp nhận qua loa đôi chút thôi - hoặc chả chấp nhận tí ti ông cụ nào cả!

- Thừa đại úy, như vậy ông có cảm thấy chắc chắn người Nam Việt Nam cũng muốn chiến đấu chống Cộng Sản không kém gì ông không?

Đột nhiên đối với người Mỹ, cái giọng Anh ngữ gia giáo học đường đó dường như chỗi với cái nóng như thiêu như đốt và mùi gia súc tởm lợm của một thôn ấp quê mùa vùng đồng bằng sông Cửu Long. Nó gợi lên trong tâm trí anh những tấm mạng che mặt viên đảng-ten trang nhã, đồ sứ mỏng mảnh làm bằng hợp chất đất sét với tro xương, người quản gia khúm núm từ một phòng ăn mờ mờ tối có vách dán pa-nô bước ra với chiếc khay bạc trên tay.

Staudt nhìn Naomi, mắt ánh lên vẻ giễu cợt:

- Có thể có một vài người như vậy. Nhưng cô biết không, Tổng Thống Diệm của họ không bao giờ thật sự chịu thay đổi cái thói quan lại và thực dân cũ kiêu Pháp trong việc quản lý cái mảnh đất nhỏ xíu này của thế giới. Cả bảy bốn mươi một tỉnh vẫn do một nhóm các thiếu tá và đại tá cai quản - những ông quan mặc đồ nhà binh!

- Nhưng phải chăng việc đó nhất thiết ảnh hưởng tới phẩm chất của quân đội?

- Nếu cô cai quản một tỉnh hoặc một quận, có nghĩa là cô thu thuế, cô kiểm soát mọi sự, cô nhận được quà cáp biếu xén, và nhất là suốt thời gian đó, cô có thể chắm mút trong sô-đô viện trợ và đồ tiếp liệu Mỹ trị giá có khi lên tới bạc triệu. Lúc đó đối với cô,

có phải việc giữ tính mạng ông quan nhà binh của mình để làm giàu thì có lý hơn việc để cho mình tử trận vì đụng độ với Việt Cộng? Vì vậy hầu hết sĩ quan cấp quân đoàn của QĐVNCH chẳng muốn gì hơn là được làm một người ngồi đằng sau bàn giấy, có chức có quyền và có của cải. Đại úy Hoàng kia không là một ngoại lệ.

Người nữ phóng viên đưa mắt nhìn qua bãi đất trống, tới chỗ hai sĩ quan Cộng Hoà hình như đang thảo luận gay gắt với nhau. Nàng thấy đại úy Hoàng gọi lính truyền tin tới, rồi cầm ống liên hợp và bắt đầu nói liên thoắng.

Staudt thì thầm:

- Người ta giả dụ rằng tới mười ngày nữa, khi tôi lên tàu rời khỏi xứ sở này cũng là lúc đại úy Hoàng đã tiếp thu vào đầu hết tất cả những gì tôi học được ở Normandy và Triều Tiên - lý thuyết là như thế! Nhưng nếu cô hỏi tôi thực tế ra sao thì thưa cô nó như thế này. Đầu óc của anh ta chỉ nghĩ tới một văn phòng hành chánh tỉnh đường hoặc quận đường nhỏ bé và an lành nào đó, nơi anh ta có thể thu vén làm giàu cho cá nhân mình.

Vào lúc ấy, trung úy Gary Sherman quay lại nhập bọn và gật đầu đầy ngụ ý với Staudt. Theo lệnh của Staudt, viên sĩ quan trẻ đã âm thầm dùng máy truyền tin riêng của cố vấn Mỹ - không để cho lính Cộng Hoà nghe - truyền lời đề nghị của Staudt về cho viên thiếu tá Mỹ ở bộ tư lệnh Sư đoàn 7 rằng phải hối thúc đoàn quân lệ làng xuất kích tiến vào ba xóm còn lại. Gary biết rằng viên thiếu tá Mỹ đang ngồi sát một bên viên thiếu tá QĐVNCH chỉ huy trưởng cuộc hành quân này, có thể tiếp tay khai thông bất cứ sự lừng khờ nào của sĩ quan Cộng Hoà tại mặt trận và buộc họ phải tiếp tục hành quân. Cái gật đầu kín đáo của Gary có ý nói rằng bộ tư lệnh đã nhận được và hiểu rõ lời yêu cầu của viên cố vấn Mỹ. Với vẻ hài lòng, Staudt vỗ vai viên trung úy rồi cất chân đi thẳng tới chỗ đại úy Hoàng.

Cấp trên đi rồi, Gary Sherman nhả mặt cười rầu rĩ với người nữ phóng viên Anh. Anh lột mũ xuống, đưa tay vuốt mái tóc màu hung cụt ngắn và dầm mồ hôi. Sau khi thận trọng liếc quanh để biết chắc chắn không ai có thể nghe, Gary nói thấp giọng:

- Cô Boyce-Lewis ạ, tôi biết rằng đối với người ngoài, đại úy Staudt trông có vẻ hơi khó tính. Thật ra, đó chỉ là kiểu cách biểu lộ của ông ấy thôi. Ông là kẻ thừa nhận mình trước hết là một người lính, không phải một nhà ngoại giao. Nhưng bên dưới tất cả những lời lẽ cộc cằn đó, ông cũng giống mọi sĩ quan Mỹ tham chiến ở đây. Tất cả đều đặt hết lòng tin vào công cuộc chúng tôi đang ra sức làm.

Người nữ phóng viên Anh gật đầu mỉm cười cảm động vì lời nói chí tình của viên sĩ quan Mỹ nhỏ hơn nàng mấy tuổi:

- Tôi hiểu rất rõ trung úy ạ. Tôi có thể thấy công việc của quý vị chẳng dễ dàng chút nào.

- Tôi nghĩ ông đại úy của tôi có khuynh hướng đối xử khá cứng rắn với lính Nam Việt Nam - cũng như với các sĩ quan của họ. Nhưng không phải hết thấy họ đều là những người u ám như ông ấy tô màu. Họ có rất nhiều người, như trung úy Cát, có lý do rất chính đáng để không yêu thương gì Việt Cộng. Và họ cũng có khả năng chiến đấu giỏi không kém gì Việt Cộng, vì nói cho cùng, cả hai phía cũng chỉ là một dân tộc. Từ thời chiến tranh Việt Pháp, gia đình dòng tộc của họ đã bị chia phe bên này bên kia. Và toàn bộ vấn đề chung qui chỉ là việc họ có được cấp lãnh đạo quyết tâm và hữu hiệu ngang mức nào...

Nhìn tốp lính Cộng Hoà đang nấu ăn, Gary nói thấp giọng:

- Hầu hết họ là lính quân dịch mới ra trường, không được huấn luyện chu đáo như ở các quân trường phương tây. Vũ khí thuộc loại cổ điển, cách đây hai chục năm. Kẻ thù lại như bóng ma, tìm thì không thấy, chưa thấy đã bị bắn tĩa. Còn chuyện mấy con gà con vịt... họ chỉ suy nghĩ giản dị rằng thà mình làm thịt ăn còn hơn chừa lại để người ta tiếp tế cho quân du kích.

Naomi Boyce-Lewis lại mỉm cười, lần này vui vẻ hơn:

- So với người mới tới đây chỉ có hai tuần, rõ ràng trung úy là kẻ nắm tình hình cực nhanh và rất giỏi.

Bộ mặt đẹp trai và trẻ thơ của Gary Sherman chợt nhúu lại thành một nụ cười bối rối:

- Tôi xin lỗi cô Boyce-Lewis - tôi không cố ý tỏ ra mình là kẻ am hiểu. Tôi thấy vẫn còn nhiều cái mình cần phải học hỏi. Nhưng cha

tôi đã ở xứ này một thời gian. Ông từng làm phóng viên tại đây vào những năm năm mươi.

Gary ngừng nói, đưa tay quệt lông mày lần nữa. Trên mặt anh thoáng chút ngượng ngịu:

- Đã lâu tôi không gặp cha tôi, nhưng tôi nghĩ mình tiêm nhiễm sâu xa cái năng khiếu ấy của ông tuy mình không nhận ra.

- Vậy chắc chắn tôi sẽ tìm cách tham khảo ý kiến của anh vào lúc nào đó khi chúng ta có cơ hội bình tĩnh nói chuyện với nhau.

Naomi tỏ ra ưu đãi Gary bằng một nụ cười tâm phúc, thuộc loại sở trường, vốn từ lâu đã trở thành bản tính thứ hai của nàng khi trò chuyện với người nào có thể giúp mình điều này điều nọ để làm thành một bản tin sốt dẻo. Và quả đúng như nàng tính toán, người thanh niên Mỹ được tán tụng ấy hoác miệng ra cười sung sướng, tới tận mang tai:

- Thưa cô, tôi rất hân hạnh được giúp cô, bất cứ lúc nào.

Nhìn qua vai Gary, Naomi thấy đại úy Hoàng gọi thông dịch viên tới một bên và bắt đầu cao giọng sôi nổi nói với đại úy Staudt bằng tiếng Việt. Trong khi những lời ấy được dịch sang tiếng Anh, viên đại úy chỉ huy trưởng Việt giận giữ ngó chăm chặp viên đại úy cố vấn Mỹ:

- Tôi đã quyết định rằng chúng ta ngưng cuộc hành quân và rút về. Nhưng khi báo cáo dự tính đó với bộ tư lệnh thì tôi hết sức kinh ngạc là nó bị cấp trên bác bỏ. Họ nói lực lượng tiếp viện hiện vẫn ứng chiến; chỉ trong vài phút nữa thôi là sẽ có mặt tại đây.

Staudt hỏi với vẻ mặt hả hê không thềm che đây:

- Thế thì đại úy ạ, anh hạ lệnh sao đây?

Nét mặt của Hoàng cho thấy rõ ràng anh ta đã biết mình bị Staudt qua mặt. Quay đầu chỉ tới xóm kế đó, vằng trán cau có của Hoàng tối sầm:

- Chúng ta lập tức tiến quân vô xóm bốn. Tôi đã ra lệnh cho lính di chuyển thật nhanh trên đường đê, theo hàng một, không được đi sát nhau.

Staudt thất kinh ngó chăm chặp viên đại úy người Việt. Giọng anh ré lên với vẻ sùng sốt không tin nổi:

- Đại úy vừa ra cái lệnh gì vậy? Đại úy Hoàng này, bộ anh không

thêm ngó tới địa hình sao? Từ sáng tới bây giờ, mặt đê đó là nơi lộ thiên trống trải nhất. Nó là chỗ mai phục khỏi chê. Nếu đích thân tôi phục kích, chắc chắn tôi sẽ ra tay ngay chỗ đó. Người của anh phải xuống dưới mấy thửa ruộng khôn nạn kia mà đi. Dàn ra thật rộng theo hàng ngang mà đi.

Bộ mặt người Việt Nam vẫn cứng nhắc như chiếc mặt nạ. Dù biết chắc chắn viên sĩ quan Việt hiểu hết những gì vừa được nói bằng tiếng Anh nhưng viên đại úy Mỹ vẫn phải chờ câu trả lời, vì Hoàng nhất quyết buộc viên trung sĩ phải thông ngôn lời cô vắn của Staudt. Kế đó, đại úy Hoàng tuôn một tràng tiếng Việt và thông dịch viên lại ngập ngừng chuyển sang tiếng Anh:

- Lính của tôi mệt rồi. Trời quá nóng. Cánh đồng ở hai bên đê trống trải, chỗ đâu cho địch mai phục. Ra lệnh cho họ xuống dưới ruộng để thêm lần nữa lợi trong bùn sinh là điên rồ. Thưa đại úy cô vắn, lệnh của tôi đã phát ra rồi. Và lệnh đó không thay đổi.

Staudt sững người nhìn Hoàng. Rồi anh cúi kính thờ ra một hơi dài thườn thượt và cam chịu:

- Thế thì thôi - vậy ai đi đầu mũi?

Viên đại úy Việt Nam nghiêng chặt răng mấy lần, cô giấu cơn giận vì bị cật vắn:

- Đại úy Staudt này, việc người nào đi đầu có thành vấn đề không khi ta sẽ tới cái xóm rõ ràng là chẳng có ma nào kia?

- Có. Chắc chắn một trăm phần trăm đó chính là vấn đề! Người đó phải là kẻ giỏi nhất của anh ở đây! Trong tình trạng một trăm lính di chuyển dọc theo hàng một, người này sát ngay sau lưng người kia, thì chỉ một viên đạn đủ sức bay xa thôi cũng có thể xuyên chết cả lũ. Nếu đụng địch, chỉ hai người có khả năng bắn trả là kẻ đi đầu mũi và kẻ đi kế anh ta. Còn hết thảy những người kia nếu lúc đó nổ súng, họ sẽ bắn thùng dít nhau ngay!

- Vậy, trung úy Cát đi đầu mũi!

Sau khi thô lỗ khạc ra câu đó viên đại úy Cộng Hoà sắp lưng bước thẳng xuống đằng đuôi đội hình. Anh ta vẫy vẫy những người lính đang chờ, ra lệnh cho họ vượt qua mình. Với bộ mặt trắng trẻo khô ngô và không lộ chút xúc động nào, trung úy Cát chọn kẻ đi theo mình là một trung sĩ nhỏ con mà rắn chắc, mang súng phóng

lựu M-79. Và đại úy Staudt bất chợt nảy ra một quyết định. Anh hát hàm về phía Gary Sherman. Viên trung úy xuất thân West Point lập tức cởi ba-lô máy truyền tin PRC-10 xuống. Ba mươi giây sau, hai viên sĩ quan trẻ dẫn đầu đội hình bước lên con đê dưới ánh mặt trời chói chang của vùng châu thổ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 5 -

Xạ thủ Việt Cộng đang ẩn mình trong lùm dừa nước rậm rạp cách bờ kênh khoảng một trăm thước, móc ngón tay trở vào cò súng khi thấy đội hình lính Cộng Hoà từ trong bóng mát cuối xóm ba nhô người ra đầu mặt đê. Tuân lệnh của đại úy chỉ huy trưởng, các binh sĩ chính quyền cẩn thận đi cách nhau chín mươi bước. Đoàn người từ từ xuất hiện và bắt đầu bước ngang xạ trường của khẩu liên thanh mai phục. Trông họ như những mục tiêu nổi bật với một chuỗi hình nhân màu xanh lá cây cắm nghiêng và cách quãng đều đặn trên bãi bắn bia nơi thao trường.

Dưới ánh nắng lênh láng chói chang, mỗi người lính có vẻ còn nhỏ hơn cái bóng của chính mình. Nhưng xạ thủ liên thanh có thể phân biệt dễ dàng hai người Mỹ cao lớn dềnh dàng giữa các binh lính Á Đông nhỏ nhoi. Một người mũ sắt và vai nhô lênh khênh, bước dài chân ở mé đầu đội hình. Người đi giữa đoàn quân vạm vỡ hơn, lưng đeo ba-lô với máy truyền tin gồ lên như cái bướu.

Khẩu trung liên tịch thu của đối phương được người du kích xạ thủ chùi dầu mỡ và chăm sóc kỹ lưỡng hơn bất cứ vật sở hữu nào trong cuộc đời trai trẻ của mình. Anh kê chân súng đứng góc độ. Mũi súng nhắm vào đội hình hàng dọc lúc này đang tới nửa đường đê. Liềm hai môi khô rang, anh cố giữ cho mình đừng sốt ruột ngoéo cò ngay.

Đồng chí tiểu đoàn trưởng đã ra nghiêm lệnh phải đợi tới khoảnh khắc tên lính cuối cùng nhô hẳn người ra khỏi xóm ba. Để khi nghe tiếng súng, toàn bộ đội hình bị lâm vào tình thế hoảng hốt, phải nhảy xuống mé chân đê bên kia, nơi chôn sẵn năm chục quả mìn, mỗi quả cách nhau khoảng bốn thước. Mìn làm bằng vỏ đạn pháo 105 li tịch thu được của đối phương. Ngòi nổ đầu đạn đại bác được thay thế bằng mũ nỏ có dây nối với bộ phận kích nổ giấu kín trong bờ cỏ đầu xóm bốn. Tại đó, một du kích quân khác cũng

đang chờ đếm đúng ba mươi giây sau khi khẩu liên thanh khai hỏa, giật cho năm chục quả mìn cùng nổ một lượt.

Trước khi nhắc chân ra khỏi lùm cây đầu mặt đê, đại úy Staudt bất chợt lóe lên sáng kiến tối hậu. Anh điện về cho viên thiếu tá Mỹ ở bộ chỉ huy hậu cứ, yêu cầu điều khẩn cấp hai trực thăng vũ trang HU-1B tới hiện trường. Giữa trận địa Pháp năm 1944 và trên những ngọn đồi trọc Triều Tiên gần mười năm sau đó, thỉnh thoảng Staudt cảm thấy tóc mình cứng trũng như kim tiêm, chích đau nhói sau gáy. Và lúc này, anh thêm lần nữa xôn xang bứt rứt với cảm giác y hệt. Viên thiếu tá ở bộ tư lệnh cho biết trực thăng hiện bận yểm trợ một cuộc đụng độ lẻ tẻ tại địa điểm khác nhưng hứa sẽ điều chúng tới Mộc Linh ngay khi có thể.

Vừa đặt chân lên mặt đê, Staudt đưa mắt xem xét các thửa ruộng ngập nước nằm dọc hai bên đê, tìm dấu hiệu khả nghi. Khắp cánh đồng rộng thênh thang và dài như vô tận đang bao phủ một bầu khí im lặng bất thường. Staudt cảm thấy da đầu mình ngứa ngáy khó chịu trở lại, như có hàng trăm con kiến bò dưới chân tóc. Anh ngoái nhìn khúc cuối đội hình, tìm xem phản ứng của đại úy Hoàng lúc này đi áp chốt. Nhưng viên sĩ quan Việt làm như không thấy người Mỹ. Miệng anh ta mím lại buống bình, cố ý tỏ ra đang rất tự ái và dằn dỗi.

Vừa thở ra vừa lầm bầm chửi thề, Staudt quay người lại ngó đằng trước. Và ngẫu nhiên con mắt anh chiếu thẳng lùm dừa nước nơi kê kín khẩu trung liên, đúng khoảnh khắc nó khai hỏa. Thoạt đầu, Staudt thấy ánh chớp từ mũi súng phọt ra lia lia khi nó bắt đầu ria ngang từ đầu tới cuối đội hình bằng một loạt đạn dài và liên tục. Trong một hai tích tắc anh ngỡ người nhìn nó. Kế đó, trong tai vang lên tiếng rú của năm sáu người bị trúng đạn, Staudt nhào mình xuống đất, xoay mặt ngó về phía phục kích.

Giữ đầu thật thấp và quan sát qua vành mũ sắt, Staudt bắt đầu la lớn, hét những người lính nằm trước và sau anh bắn trả về phía lùm dừa nước, nhưng không một ai phản ứng. Khi khẩu súng máy lại bắt đầu ria ngược trở lại, cũng theo chiều ngang của đội hình, Staudt buộc lòng phải nhô người lùi khỏi mặt đê, trườn mình xuống ruộng.

Đằng sau Staudt năm chục thước, đại úy Hoàng vừa lặn người xuống chân dê bên kia ngay lúc khẩu súng máy mới khai hoả, vừa rít lên ra lệnh cho lính làm theo mình. Anh ta rớt trúng một hầm bẫy cắm tua tua chông tre dài cả thước. Có ít nhất một nửa số binh sĩ Cộng Hoà cũng bị sập bẫy như thế, đang gào la chửi thề âm ỉ. Chỉ mười giây sau, tiếng rửa sả của những người dẫm chông chìm lìm trong tiếng đinh tai nhức óc của năm chục quả "mìn ca-nông" nổ đều một lượt. Lửa phụt thành ngọn và đất tung lên trời thành một dãy cột tối thui rồi tung toé thành bùn sinh xối xả rớt xuống. Những thân người đang thét thất thanh và ngã gục bỗng chốc biến từ màu xanh lá cây sang màu đen đui của đất. Trước quang cảnh hoả ngục đó, hai khẩu đại liên giấu sẵn trong lỗ châu mai xéo góc ở hai đầu cánh đồng khai hoả, rải những loạt đạn sặc mùi chết chóc đều khắp từ bờ ruộng tới chân dê.

Trung úy Cát bị một quả mìn thổi bay hai chân, hất tung cả người anh lên trời, ngay trên đầu của Gary Sherman đang chơi với hải hùng. Đứng sững sờ như trời trồng, Gary đưa mắt dò dẫm ngo chung quanh tìm chỗ núp. Nhưng bất chấp lỗi lầm điên rồ đó - hoặc có thể chính nhờ nó - anh sống sót sau loạt đạn thứ nhất của cả hai khẩu súng máy. Cùng ở trung tâm bão lửa với Gary, viên trung sĩ người Việt nhỏ con mà rắn chắc cũng thoát chết, người không chút hề hấn. Anh ta vẫn nằm dưới đất, tê dại, mặt cứng trũng vì sợ hãi, trông như thể đang nhe răng cười ngây ngô.

Ở cuối đội hình, đại úy Hoàng, chỉ huy trưởng đại đội lại là người kém may mắn. Anh ta lặn lộn, dãy đành đạch như cá mắc lưới với bàn chân và bắp chân kẹt trong bẫy chông. Đang cố nhin đau rút chân ra, viên sĩ quan Cộng Hoà lọt vào tầm mắt của Ngô Văn Minh, cậu con trai non trẻ và hăng máu của tiểu đoàn trưởng Việt Cộng.

Ngồi thoải mái nơi chạc ba dành cho người bắn tỉa trên cành cây rậm lá giáp ranh xóm bốn, Minh nheo mắt quan sát đại úy Hoàng thật kỹ qua khung ngắm của khẩu súng trường Garand thời Thế Chiến Hai. Sau cùng, khi thấy viên đại đội trưởng rút được chân ra, đau đớn thở hỏn hển và nhoài lên nằm sấp nơi mép ruộng, Minh cẩn thận bóp cò súng, bắn từng phát một. Phát thứ nhất đạn đi

trượt, cách mục tiêu mấy tấc. Nhưng chậm chậm, cậu bóp cò thật trọng hơn. Lần này viên đạn thứ hai trúng lưng Hoàng, nơi phần dưới. Khi Minh bóp cò lần thứ ba, viên đạn trúng ngay giữa hai khúc xương đòn gánh trên vai Hoàng, giết anh ta chết tươi tại chỗ. Thấy viên chỉ huy lính Cộng Hoà bỗng dừng thôi nhúc nhích, cậu thiếu niên Việt Cộng cực kỳ khoái trá. Bất chấp mệnh lệnh nghiêm khắc của thân phụ và cũng là tiểu đoàn trưởng của mình, cậu bắt đầu tuột xuống khỏi chỗ núp.

Lúc này, hai khẩu súng máy tha hồ vãi đạn vào chân dê trống trải. Đại úy Staudt bị đạn bắn trúng ngực. Người rúm lại vì đau đớn, Staudt lồm bồm chửi rủa đám lính khốn nạn, các sĩ quan khốn nạn đang cùng chiến đấu với anh và cái xứ sở khốn nạn anh đang tham chiến. Anh nằm ba phần tư người chìm trong nước ruộng sền sệt bùn, dùng máy truyền tin báo cho bộ tư lệnh biết vị trí tọa độ của mình, và yêu cầu máy bay trực thăng cùng phóng pháo cơ T-28 tới ném bom xăng đặc xuống xóm bốn.

Sau khi gắn lại ống liên hợp vào máy, Staudt ngoái lui. Anh thấy toán truyền hình Anh đang cố trườn mình lên mép ruộng, lết tới đường dê. Và bất chấp tình huống hoàn toàn bất lợi, cả ba người đang gần như tới được chỗ núp. Một người trong toán, chuyên viên thu hình, đau đớn đi cà nhắc vì bị thương nơi chân. Staudt thấy Naomi Boyce-Lewis quàng tay qua vai anh ta dìu đi. Cách đó không xa, máy quay phim nằm nát bét vì mảnh mìn văng trúng.

Các cuộn phim bung ra như một mớ bong bóng rải tứ tung giữa các thân xác quần quai của của lính Cộng Hoà bị thương và đang hấp hối. Staudt thẩm ước lượng, cho tới khoảnh khắc này, con số lính Cộng Hoà thoát khỏi thương vong không quá hai mươi lăm người. Anh lại bốc máy yêu cầu trực thăng tới đón toán truyền hình.

Kế đó, Staudt lại bắt đầu hét lớn ra lệnh bắn thẳng vào ổ súng máy bên kia bờ kênh nhưng vẫn không ai có phản ứng. Một số lính Nam Việt Nam kinh hãi, chưa chết nhưng rõ ràng đang giả vờ chết với hi vọng làm như thế may ra thoát chết. Staudt mò khẩu AR-15 lúc nãy bị rơi xuống nước. Chưa kịp nâng súng lên anh đã thấy bùn bít kín mít ổ cò làm cơ bấm kẹt cứng. Ngoác miệng rủa sả khẩu AR-15 cùng đám lính hai bên mình, anh vứt súng.

Sau loạt trung liên thứ nhất từ bên kia bờ kênh quét ngang đội hình trái thảm cho năm sáu lính nằm chết tại chỗ hoặc đang hấp hối rải rác trên mặt đê, không khí chợt hoàn toàn im lặng một cách khó hiểu. Năm chục quả mìn với bảy chông có lẽ cũng giết hoặc làm què cụt thêm ba bốn chục lính khác. Đợt tàn sát thứ nhất tạm lắng với khoảng hai mươi lăm lính chưa bị thương. Hầu hết họ đã phóng mình xuống những chỗ trũng trong cánh đồng lầy lội để tránh đạn súng máy. Một ít người, giống như Gary Sherman, sau khi qua khỏi cơn bàng hoàng vì thấy mình còn sống, đã bò lùi lại đầu mặt đê, cố thoát ra ngoài lưới lửa đang như tiếng của tử thần réo gọi trước mặt.

Trong khi bò lui, Gary tóm lấy viên trung sĩ giữ khẩu M-79 đang chết đứng, lôi mạnh cả người anh ta lẫn súng ra khỏi mặt đê, rồi cả hai cùng tuột xuống mé có con kênh. Nằm thu mình, lồng ngực áp sát đất để bờ kênh che chắn cả hai bên, Gary đưa tay ra hiệu người lính Việt nạp đạn vào súng phóng lựu. Được các xạ thủ đặt tên là "súng voi", khẩu M-79 là một vũ khí tối tân mới được đưa vào chiến trường. Nó giống như khẩu súng bắn đạn chùm với nòng to tướng và quả đạn hình lựu đạn tròn có khả năng tạt miếng kim loại nóng bỏng ra mọi hướng và hủy diệt mọi sự trong bán kính hai chục thước.

Thấy viên trung sĩ nạp đạn xong, Gary đứng bật dậy bấm cò khẩu AR-15, bắn một loạt về hướng ổ súng liên thanh bên kia bờ kênh để che cho anh ta. Viên trung sĩ đột nhiên nhe răng cười - Gary không thể biết anh ta cười vì đã hết sợ hay đang lên cơn sợ - và kê khẩu súng chưa quen sử dụng lên vai.

Vì súng được thiết kế bắn trong biên độ vài trăm thước, viên trung sĩ nhỏ thó phải chỉnh lại ống ngắm và phải mất hơn một phút bắn thử mới chỉnh đúng tầm mục tiêu. Nhưng bởi Gary Sherman đang bắn che từng loạt và thúc phải làm thật nhanh, anh ta liên tiếp nạp đạn rất lẹ, đóng sập ổ súng và khai hỏa.

Quả đạn thứ năm của anh ta đứng cự li, nó bay lên thành một vòng cung rõ nét và rơi chính xác vào lùm dừa nước bên dưới tuyến hỏa lực đang nhắm thẳng vào họ. Lập tức khẩu súng máy im bật. Viên trung sĩ Việt lại quay sang Gary, nhe răng cười hết cỡ. Lần này rõ

ràng vì hân hoan đặc chí, không nghi ngờ gì nữa.

Nhưng vừa đưa tay vỗ vai chúc mừng xạ thủ M-79, viên trung úy Mỹ đột nhiên nhận ra lý do thật sự khiến khẩu trung liên bên kia con kênh đằng sau họ ngưng bắn. Liếc qua khoé mắt, Gary thấy có khoảng hai trung đội chủ lực quân Việt Cộng mặc đồ đen đang nhô mình lên từ những hồ cá nhân nguy trang ở mé bên kia cánh đồng, bắt đầu lao người qua mặt nước sinh, chạy tới phía anh.

Đôi với đại úy Staudt đang nằm sấp trong đồng phân chuồng sát mặt ruộng, hàng quân Việt Cộng rời rạc ấy có vẻ như đang lướt trên mặt nước. Anh vừa thấy đại úy Hoàng gục xuống nằm bất động nơi bờ đê, đồng thời không nghe từ đầu mũi đội hình phát ra mệnh lệnh nào, anh nghĩ chắc chắn trung úy Cát cũng đã bị loại khỏi vòng chiến. Cuối cùng, Staudt nhận ra mình đang có cái mình từng ao ước suốt một năm nhiệm kỳ vừa qua: được trực tiếp chỉ huy hành quân! Nhưng lúc này, hàng quân du kích Việt Cộng chỉ cách Staudt có hai chục thước. Khoảng cách đủ gần để anh thấy ra những đôi mắt nhỏ trên bộ mặt rúm ró vì sát khí khi họ bị bơm chạy về phía anh với lưỡi lê cắm sẵn đầu súng. Lúc đó, Staudt hiểu rằng khả năng chỉ huy hành quân của mình chỉ còn kéo dài đúng năm giây.

Rút súng lục ra khỏi bao, Staudt cẩn thận nhắm vào người du kích đang chạy vượt lên trước hàng quân. Rồi với cảm giác cực kỳ choáng váng, anh nhận ra đó là một phụ nữ. Ngón tay Staudt khựng lại trên cò súng. Chỉ một giây sau, từ họng súng lục của người nữ đó khạc ra mấy viên đạn, cắm gọn vào đầu vào ngực Staudt, giết chết viên đại úy Mỹ trong nháy mắt.

Nơi bờ kinh, trung úy Gary Sherman nâng khẩu AR-15 lên nhắm vào các du kích quân đang xông tới nhưng súng bị hóc, không bắn thêm được phát nào. Anh trở vờ ngó Việt Cộng kết liễu những người lính còn lại của đại đội. Một số Việt Cộng dùng súng trường hạ sát. Một số đâm bằng lưỡi lê. Còn một số khác chém xối xả bằng những cây mã tấu to bản và sần sùi do thợ rèn trong làng làm. Cuộc tàn sát diễn ra có bài bản. Đợt du kích quân xông lên trước bắt đầu gỡ súng trường, đạn dược, xác máy truyền tin của lính tử trận.

Theo lệnh của Gary, viên trung sĩ bên cạnh anh bắn hai quả đạn M-79 cuối cùng vào đợt xung phong thứ hai của đối phương. Nhưng tốc lực xóc tới của quân du kích biến họ thành mục tiêu khó nhắm. Dù có vài ba Việt Cộng ngã xuống bùn, số đông đảo còn lại vẫn tiếp tục xóc tới. Đám lính Cộng Hoà sống sót bắt đầu nhào xuống mé có con kênh, ra sức cố thoát khỏi cảnh chém giết sau cùng trên cánh đồng.

Gần như hết thấy lính Cộng Hoà đều vút vũ khí và họ làm như không để ý tới việc Gary đang gào hét sức lớn, hô họ tập hợp lại. Khi thấy còn một người duy nhất đeo khẩu các-bin M-2, Gary lao qua mặt nước, chộp khẩu súng. Chống cùi chỗ trên bờ kênh, anh nhắm vào tên Việt Cộng gần mình nhất, dáng người thon thả trong bộ đồ đen, ở đầu hàng quân, sắp chạy tới chỗ trung úy Cát nằm hấp hối.

Cũng y hệt đại úy Staudt hồi nãy, Gary cảm thấy choáng váng khi Tuyết Lương quay đầu về hướng anh. Cho đến lúc đó, Tuyết không để ý tới Gary và anh cảm thấy vẻ gay cán bùng bùng trên bộ mặt bất chợt đẹp kỳ lạ khi nàng nhìn sững vào đầu ruồi khẩu súng của Gary. Trong khoảnh khắc phù du ấy, Tuyết nhắm mắt và người Mỹ giật mình, chừng cò súng. Kế đó, Tuyết lẹ làng lùi mình xuống dưới bờ đê và biến mất khỏi xạ trường.

Chỉ chút sau, hai chiếc HU-1B được Staudt gọi phòng ngừa trước khi đặt chân lên đầu đê, đột nhiên xuất hiện trong tầm mắt, bên trên các lùm cây. Cánh quạt trực thăng xoáy mạnh, khuấy động không khí đang rung dồn dập bên trên chiến địa. Có tiếng còi vang lên lanh lảnh và các du kích quân vội dừng bàn tay tàn sát lại, cấp kỳ tản ra, bắt đầu chạy trở lại các miệng địa đạo nguy trang ở bờ bên kia. Phải mất vài giây trực thăng trang bị vũ khí nặng mới có thể quành lại. Khi chúng khởi sự tác xạ, hầu hết quân du kích đã biến mất, kéo lê chiến lợi phẩm theo họ.

Trên cánh đồng lúc này chỉ còn đơn độc hình dáng của Minh đang một mình vùng vẫy trong bùn. Từ chạc ba dành cho người bắn tỉa trên cành cây, Minh phải trải một quãng đường dài gấp đôi đoạn đường của hai trung đội du kích mới tới được nơi chém giết. Khi cậu chạy tới chỗ lính chính quyền đang nằm sấp mặt chưa được

mấy phút, trực thăng xuất hiện.

Trước đó, Minh đã thấy Staudt liệng khẩu AR-15 tối tân xuống ruộng. Sau khi Tuyết Lương bắn chết viên đại úy Mỹ ấy và vọt lên mặt đê, Minh kịp thời chạy tới. Cậu lật đật thò tay mò súng dưới lớp bùn sinh quanh đó. Tiếng còi thu quân nổi lên vài ba giây trước khi Minh tìm ra khẩu súng. Sau đó, cậu lật đật chạy theo các đồng chí. Trên người nặng trĩu khẩu Garand của mình và khẩu chiến lợi phẩm AR-15, Minh té lên té xuống mấy lần. Bị tụt hậu, cậu lội bì bõm qua cánh đồng, hơi thở hỗn hển chìm dần trong tiếng phành phạch của trực thăng quành lại. Còn cách miệng hầm một quãng khá xa, Minh nhìn lên thấy chiếc trực thăng Mỹ thứ nhất đang nhào xuống, ép chặt không khí bên trên và chúc mũi súng đại liên. Vốn chân dài không kém cha và là người chạy lẹ nhất tiểu đoàn, Minh tin chắc mình có thể, bất chấp sức nặng của hai khẩu súng đang mang trên người, chạy lắt léo một lúc rồi chạy nước rút để đánh lừa chiếc máy bay trực thăng dềnh dàng, khó xoay sở. Trong khi soãi chân chạy thật lẹ, cậu bỗng cảm thấy lòng bưng bưng cơn háo hức và tự hào không ngờ. Minh nhớ lại trước đây, không biết bao nhiêu lần mình đã nao nức nôn nóng sao cho mau lớn để được làm dũng sĩ như cha. Và kể từ giờ phút này, cậu có thể kiêu hãnh ngửa mặt vì đã hạ sát một đại úy của Diệm bằng phát súng thứ ba, rồi kể đó, lừa được bọn xạ thủ Mỹ trên hai con chuồn chuồn khổng lồ của chúng. Có thể mình đang bất tuân lệnh cha nhưng lúc nhìn thấy khẩu AR-15 tối tân này chắc chắn ông sẽ hãnh diện tại chỗ về đứa con trai của mình!

Khi những lần đổ dữ dần từ khẩu đại liên sáu nòng trên trực thăng HU-1B ngay trên đầu Minh xoi lỗ chỗ mặt nước sền sệt bùn, cậu bất thần lạng người qua một bên, cất chân chạy dic-dắc thật lẹ về một dãy cửa vào địa đạo cách đó khoảng năm chục thước. Thấy vậy, chiếc trực thăng thứ hai lạng qua cất đường chạy, trút xuống mặt ruộng một loạt đạn 7.62 li với khả năng tác xạ khủng khiếp một phút sáu ngàn viên. Nhưng thêm lần nữa, Minh lại bất thần lạng người tránh được rồi bước giật lùi khiến lần đạn đi quá đằng trước.

Trong khoang chiếc trực thăng thứ nhất, xạ thủ Mỹ ngồi kế bên phi

công khom người nhìn chăm chú qua kính nhắm. Nhếch mép cười gần với vẻ hả hê bắt đầu toả khắp mặt, y gần giọng:

- OK. Thằng oắt con kia ời! Tao nghĩ hôm nay có đủ trò chơi cho mày đây!

Đằng sau cậu thiếu niên Việt Nam đang thám một viên phi công Mỹ chậm chậm chúi trực thăng theo độ nghiêng gần như sắp đáp xuống đất. Xạ thủ cho xoay thật lẹ cả bốn khẩu đại liên gắn hai bên trực thăng. Y bấm nút điều khiển và các dây đạn nối liền với kho đạn đặt mé sau máy bay lồng lên, như bốn con rắn dài ngoằng quẫy mạnh khi cả bốn khẩu súng thêm lần nữa cất tiếng gầm rú. Minh lại vắn người, lạng qua lạng lại và càng lúc càng hết hy vọng. Cậu hoảng hốt đưa mắt nhìn quanh khi chiếc trực thăng chúc mũi rượt theo bén gót, sát ngay sau lưng. Cậu hết hồn, thấy lần này mình không thể nào tránh khỏi cơn bão lửa đang từ đằng sau quạt tới.

Một giây sau, Minh cảm thấy toàn thân bị nhấc bổng khỏi mặt đất rồi rơi thật êm xuống mặt nước sền sệt bùn, người gần như bị tiện ngang hông, cắt làm đôi. Trong khi nằm đó với ý thức lảng đãng rằng cơ thể đầm máu của mình đang tan ra từng mảnh và rải khắp mặt đất chung quanh, cậu bé du kích nếm trải một cơn đau nóng bỏng, thậm chí thống khổ tới cùng cực. Có phải cuộc đời mình tới đây là chấm dứt? Có quả thật nó đang kết liễu khi mình chưa kịp khởi sự trở thành dũng sĩ như cha trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc?

Khi Tuyết Lương trườn được tới bên trong cửa địa đạo tối om và ẩm ướt, nàng ngạc nhiên thấy tiểu đoàn trưởng đích thân đứng chờ ngay chân cửa hầm, mặt tái mét căng thẳng. Tuyết nhìn Đồng chăm chăm, không biết phải nói như thế nào vì nàng biết rất rõ rằng một chỉ huy trưởng cao cấp như Đồng thường phải ở tại khu vực an toàn cách rất xa nơi giao tranh. Và như vậy, sự có mặt của anh ở đây có nghĩa đang có điều gì đó không ổn.

- Minh đâu?

Đồng quát lớn câu hỏi ấy, mặt méo xệch vì giận dữ và lo lắng.

Tuyết hỏi lại:

- Bộ nó không núp lại trên cây như đã định sao?
- Nó cãi lệnh tôi, tham gia xung phong. Một giao liên thấy nó tuột xuống. Chắc lúc này nó còn ở ngoài đồng.

Tuyết trả lời chậm rãi:

- Tôi không thấy nó. Nhưng tôi nghĩ có ai đó đang bị máy bay cắt đường.

Nói chưa xong Tuyết đã bị Đồng hất qua một bên, lao mình lên cửa hầm. Khi Đồng bò tới mép cánh đồng chói chang chập chờn trong nắng, mọi sự yên lặng một cách đáng ngại. Trong một hai giây, anh nép mình bất động nơi miệng địa đạo, đầu ngược lên trời. Kế đó, anh chạy ra mặt ruộng, xem xét kỹ lưỡng mấy thi thể mặc đồ đen đang nằm vắt nửa người trên mặt nước lầy lội.

Cách mép cánh đồng chừng ba chục thước, Đồng tìm thấy con. Khuôn mặt và thân thể Minh bị đạn 7.62 li bắn tan nát không còn hình thù. Anh nhận ra con nhờ khẩu súng trường Garand bóng lưỡng được nó nâng niu mỗi ngày, lúc này nằm bên cạnh khẩu AR-15 nó vừa lượm. Nhưng mọi vật trong bán kính mấy thước quanh đó đều nhuộm đỏ máu của Minh.

Khi cúi xuống bỗng thi thể tan nát của con trai lên, Đồng bỗng nghe có tiếng cánh quạt đập phành phạch của một chiếc HU-1B khác xuất hiện bên trên rặng cây đằng xóm ba. Nó là chiếc thứ ba, bay tới theo lời yêu cầu của Staudt trước khi chết gọi qua máy truyền tin để báo toán truyền hình Anh. Đồng thấy nó nhô lên trước mắt mình, bên trên rặng cây, khi anh ôm thi thể tan nát của con tất tưởi vội về phía cửa địa đạo.

Bên trong chiếc trực thăng, người phi công phụ ngồi ngay đằng sau dàn nút phóng hỏa tiễn chỉ thấy một người nhà quê Việt Nam vô danh mặc bộ bà ba đen đang ôm một xác chết chạy tới một cái lỗ trên mặt đất. Naomi và toán truyền hình cảm thấy một luồng hơi nóng tạt lên dữ dội khi hai quả tên lửa cột dưới còng trực thăng phụt ra khỏi vỏ. Xạ thủ đã bắn trúng mục tiêu, rất chính xác. Mọi người bên trong trực thăng đều thấy chúng gầm lên. Và cùng với tiếng nổ ấy, nơi mép cánh đồng xuất hiện một hố sâu hoắm.

Đang cố hết sức kéo thi thể con trai vào miệng địa đạo, Ngô Văn Đồng bị bắn trúng. Trong chớp mắt, hai quả tên lửa làm nổ tung

thân thể hai cha con ra hàng ngàn mảnh. Một luồng khói trắng khổng lồ và đất đen phụt lên thành hình xoắn ốc, làm mù mịt nơi tử nạn. Và chung quanh họ, địa đạo sụp xuống, biến thành một nấm mồ chôn cả cha lẫn con.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 6 -

- Đồng chí Tuyết ạ, lòng kiêu hãnh đôi khi là vốn quý báu và lớn lao nhất của con người nhưng thông thường lại là kẻ thù tệ hại nhất của nó!

Trong bầu không khí thình lạng nơi trạm chỉ huy vắng vẻ, Đào Văn Lật thì thầm lời ấy một cách mãnh liệt nhưng trong giọng nói của anh có điều gì đó rạn vỡ. Khi anh quay mặt sang chỗ khác, Tuyết Lương kịp thấy đôi mắt người đồng chí lão thành mờ dần vì nước mắt.

- Nếu đồng chí Đồng dừng nhất quyết biến con trai của mình thành dũng sĩ khi nó chưa sẵn sàng, giờ đây có lẽ cả hai cha con vẫn còn có mặt ở đây với chúng ta!

Trên chiếc chông tre kê méu dưới tấm bản đồ ghim trên vách, Tuyết ngồi mặt trắng bệch, nhìn theo bước chân Lật bồi hồi đi tới đi lui trên sàn đất nện trong hầm. Mặt đất trên đầu họ thình thoảng rung lên vì chấn động của hàng loạt bom của mấy chiếc phóng pháo cơ T-28 do đại úy Lionel Staudt gọi lúc sắp tử trận, đang dội xuống.

Mùi xăng bom na-pan cay nồng khét lẹt loang sâu vào hệ thống địa đạo. Hai trung đội Quân Đội Giải Phóng vừa tham dự cuộc phục kích đã an toàn theo những ngả thoát dưới lòng đất sơ tán vào rừng. Nhưng cả Tuyết lẫn Lật đều hiểu rằng khoảng hơn một chục đàn bà và trẻ con trong xóm bốn, trước đây được lệnh phải ở lại trên mặt đất và không kịp chui xuống địa đạo, giờ đây có thể không qua khỏi cuộc oanh tạc ồ ạt này.

Lật dừng chân, đứng lại trước mặt Tuyết. Mắt anh tro vơ ngó xuống khuôn mặt nàng và nói:

- Khi đem tin này tới báo cho gia đình của đồng chí ấy, tôi biết chính xác những gì mình sẽ chứng kiến. Đứa con trai thứ hai, "Ôc Tí", đang thi hành nhiệm vụ "chăm sóc" mẹ với chị và đang sung

sướng chờ tin thắng trận - mà cho tới lúc này, đối với nó hoàn toàn chỉ như một loại trò chơi lớn. Nhưng rồi "Ốc Tí" sẽ thấy mẹ bắt đầu khóc không nguôi, và cuộc đời của nó từ nay về sau sẽ chênh vênh vì những gì xảy ra hôm nay tại đây. Con tim của nó sẽ càng ngày càng nặng trĩu hận thù và chất độc ấy sẽ còn truyền xuống các thế hệ khác nữa.

Lật ngừng nói, nghiêng đầu lắng nghe tiếng âm âm xa dần của cuộc không kích đang bắt đầu tàn lụi, rồi anh lại nhấc chân bước:

- Tôi từng hoạt động bên cạnh thân phụ của Đồng vào ngày đầu cách mạng và sống chung với đồng chí ấy nhiều năm trong tù. Cả gia đình tuy chịu khổ ải tốt cùng nhưng toàn là những người dũng cảm, và cái làm tôi cực kỳ đau lòng là thấy sự khổ ải ấy vẫn tiếp tục.

Anh cúi tiết siết hai nắm tay và cất cao giọng:

- Nhất là khi có thể hoàn toàn tránh được chuyện đó nếu tôi cảnh giác hơn.

Tuyết kinh ngạc hỏi:

- Nhưng thưa "Đồng chí Phạm", lúc đó ông làm được gì chứ? Ông đâu có thể thấy trước việc gì sẽ xảy tới cho Minh?

Lật vung vẩy mở hai bàn tay rồi thêm lần nữa tới đứng trước mặt Tuyết:

- Tôi đã làm ra vẻ như thể không biết tới tín hiệu nguy hiểm ấy. Lý ra tôi phải cương quyết phản đối Đồng khi tôi khám phá ra đồng chí ấy đã để cho lòng kiêu hãnh làm mờ mịt óc phán đoán về con trai của mình. Hiến thân cho chính nghĩa là điều quan trọng nhưng chúng ta không nên để cho nó làm mất mình mù lòa trước những nhu cầu nhân tính. Nếu để xảy ra sự việc đó, chúng ta có thể đánh mất cái gì đó còn quan trọng hơn cuộc chiến tranh này nữa.

Tuyết phản đối với giọng ngờ vực:

- Nhưng không có gì quan trọng hơn cuộc chiến tranh này. Làm sao đồng chí lại nói cuộc chiến tranh này là không quan trọng?

- Dĩ nhiên cuộc chiến tranh này rất quan trọng. Nhưng chúng ta lúc nào cũng phải cố tìm cho ra sự cân bằng giữa nó với những cái khác trong cuộc đời mình.

Lật lại im lặng và khốn quẫn đi tới đi lui trước mặt Tuyết. Rồi anh

dừng chân, nói với giọng ray rứt kẻ lẽ:

- Đồng chí Tuyết ạ, trước đây lâu lắm, tôi đã làm một việc rất điên khùng vì thuở đó tôi quá tự đắc và quá kiêu hãnh. Tôi đã tưởng rằng đối với tôi không có gì quan trọng hơn chính nghĩa của chúng ta. Và tôi đã rồ dại tới mức nghĩ rằng có thể đặt bản thân mình lên trên tất cả và vượt quá mọi cảm xúc bình thường. Kết quả, tôi làm thương tổn hết cứu chữa cho một người rất giống chị...

Lật để bàn tay phải của anh từ từ rơi xuống cho tới khi nó nằm yên trên vai Tuyết. Khi anh chạm tới, Tuyết nổi gai ốc, cứng người lại trong ghế, giữ cho mình không nhúc nhích. Cho tới khi Lật bắt đầu mở miệng tiếp tục nói, nàng vẫn thấy toàn thân chưa dần trở lại.

- Đồng chí Tuyết ạ, hiếm khi tôi nói tới chuyện đó nhưng lúc này tôi kể cho chị nghe vì ở nơi chị có điều gì đó làm tôi nhớ tới cô ấy. Cô ấy đẹp, và can đảm không kém gì chị tuy hình thức biểu lộ có khác với của chị.

Giọng Lật như nức lên xúc động rồi lắng xuống thành lời tâm sự:

- Chị biết không, thuở đó tôi cho rằng tình yêu của tôi đối với cô ấy có tác dụng khiến tôi xao lãng cách mạng. Thế rồi với con dao, tôi cắt xẻo của mình để kết liễu những cái bị tôi coi là những thèm khát phí phạm. Nhưng kể từ lúc đó, trong giấc mơ tôi thường bị ám ảnh bởi bộ mặt những đứa con, trai lẫn gái mà chúng có thể là con chung của tôi và cô ấy. Ngày nay, tôi nhận ra rằng việc không con không cái là sự hy sinh quá đổi lớn lao của tôi. Bằng tất cả tâm hồn mình, tôi hối tiếc việc tôi đã làm. Và tôi sẽ còn hối tiếc cho tới bên kia cõi đời này.

Tuyết cảm thấy các ngón tay của Lật bấm mạnh và co giật trên vai nàng. Nàng quay đầu ngược lên thấy người đồng chí lớn tuổi ấy đang nhìn xuống mình với ánh mắt thương cảm sâu xa. Tuyết hỏi với giọng hoang mang:

- Nhưng tại sao đồng chí lại kể lể với tôi những điều đó vào lúc như thế này?

- Bởi vì, đồng chí ạ, tôi có cảm tưởng chị đang phạm một loại sai lầm y hệt tôi đã phạm. Chị mất người chồng yêu quý và chị đau đớn tột độ. Chị dùng hết cả cuộc đời còn lại của mình lao vào bè lũ Mỹ nguy chỉ để trả thù. Nhưng bên cạnh ý thức về sự cam kết đó,

chị đang vô tình tự hủy hoại chị. Trong khi cố che đậy sự đau đớn ấy, chị làm chết ngạt mọi cảm xúc nhân tính. Nếu cứ tiếp tục như thế này, chị sẽ hoàn toàn quên hết những cách thức sống để cảm thấy yêu thương mình và yêu thương người, nhất là con cái. Hận thù có thể tàn phá chị từ bên trong tâm hồn chị. Rồi chẳng bao lâu nữa, đời sống của chị sẽ trở nên khô cằn không khác gì cuộc sống của tôi hiện nay.

Tuyết trả lời, giọng hoang dại:

- Kể từ khi anh Lương của tôi bị giết, tôi không dám để cho mình yêu thương bất cứ sinh vật sống động nào. Nếu để cho mình yếu đuối, tôi biết mình sẽ, bằng cách này hoặc cách khác, phải chịu thêm một sự mất mát kinh hoàng nào đó.

Lật hỏi thận trọng:

- Đồng chí Tuyết ạ, có phải con cái chị không xứng đáng với lòng yêu thương của chị? Có phải chúng không cần tới chị?

Tuyết đáp lại một cách quyết liệt:

- Các con tôi được bà nội của chúng chăm sóc tử tế. Nếu để mình suy nghĩ tới chúng, tôi sẽ không thực hiện nổi lời thề bắt bọn Mỹ Diệm phải trả giá tương xứng cái chết của chồng tôi và sự tan vỡ của gia đình tôi.

Nói tới đây, mắt Tuyết long lanh, giọng như nghẹn lại trong cổ họng:

- Và chắc chắn tôi không thể làm được cái việc tôi vừa làm hôm nay.

Lật xoay người lại, thêm lần nữa đối mặt với Tuyết:

- Đó là việc gì? Đồng chí hãy kể cho tôi nghe.

- Tôi đã giết thẳng trung úy của Diệm một cách lạnh lùng. Nhưng nếu tôi để cho cảm xúc của mình xen vào, có lẽ tôi không thể ra tay như vậy.

- Tại sao thế?

- Cả hai chân của nó bị thổi bay tới thất lưng vì một quả mìn của ta. Nó vẫn tỉnh. Khi tôi cúi xuống trên người nó để tước khẩu súng lục, nó cố mở miệng nói nhưng lời không thoát ra nổi mà chỉ kêu ục ục trong cổ họng. "Đồng chí Phạm" ạ, hai con mắt nó mở lớn, vừa đau đớn vừa tủi hận với bộ mặt đầy máu. Trong một thoáng,

tôi có cảm tưởng như đã gặp bộ mặt ấy đâu đó thuở còn niên thiếu. Tôi cầm khẩu súng của nó và quay mình bỏ đi, nhưng rồi lại nghe tiếng kêu ùng ục. Tôi nhìn quanh và thấy nó chỉ vào khẩu súng lục. Tôi sẽ không bao giờ quên nỗi tia nhìn van lơn trong mắt nó. Trên chiến trường, ta cứ nghĩ rằng mình sẽ thấy trên mặt đối phương chỉ toàn là hận thù - đằng này nó quả thật tỏ vẻ rất biết ơn nếu tôi chịu bắn nó chết ngay!

Tuyết nhắm mắt lại và Lật thấy nước mắt ứa ra dưới mi mắt của nàng. Khoảnh khắc sau, hai vai Tuyết âm thầm run rẩy:

- Ngay trước khi trực thăng xuất hiện, nó từ từ nhắm mắt đưa màng tang cho tôi bắn bằng chính khẩu súng lục của nó. Tôi nghe hình như có tiếng nó thở hắt trước khi lật người qua một bên...

Chưa dứt câu, lời nói Tuyết như bị tắc nghẽn. Úp mặt vào hai bàn tay, Tuyết run rẩy cả người với tiếng khóc tằm tức. Trong một chốc, Lật đăm đăm nhìn Tuyết rồi đưa tay vỗ nhẹ vai nàng, an ủi:

- Đồng chí Tuyết ạ, cuộc chiến tranh này sẽ cho thấy thêm nhiều thảm kịch nữa trước khi chúng ta thắng trận. Nhưng ở đây, chị công tác như thế đủ rồi. Lúc này, hãy để cho nỗi đau đớn ấy qua đi. Sự việc kinh hoàng hôm nay có thể là chuyện không may lại hóa hay. Với trình độ học vấn của chị, chị có thể phục vụ Mặt Trận tốt hơn trong công tác điệp báo. Chị hãy đi khỏi vùng đất này, mang theo cả hai cháu. Tôi sẽ bố trí cho chị một vị trí công tác mới. Hãy để quá khứ lại đằng sau và tính chuyện nhìn tới tương lai.

Tuyết ngược mắt nhìn Lật, im lặng gật đầu. Rồi không một lời báo trước, nàng nắm bàn tay Lật trong cả hai tay mình, đưa bàn tay ấy áp lên hai gò má đang đầm đìa nước mắt. Trong giọng nói rung rung của Tuyết có đôi chút ngùi ngoai:

- Kể từ ngày anh Lương qua đời, đây là lần đầu tiên tôi khóc. Thật đó, lần đầu tiên!

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 7 -

Mặt trời buổi sớm Thứ Ba ngày 11 tháng Sáu năm 1963 chiếu ánh nắng vàng tươi và chói lọi tràn ngập phố phường đô thành Sài Gòn. Ánh thái dương ban mai vốn không chút phân biệt, chan hoà tất cả các đại lộ lâu đời đầy bóng cây im mát và trang nhã kiểu Pháp lẫn hết thảy những chung cư cao ốc tân thời có gắn máy điều hoà nhiệt độ kiểu Mỹ. Nó cũng toả đều khắp những công trường đang chất từng đồng đá và gạch mới đúc cao vời vời lẫn những túp lều lụp xụp chen chúc nhau cuối xóm cùng những khu nhà ổ chuột tồi tàn cất túm tụm vào nhau theo tập quán muôn đời của Á Đông, nằm dọc hai bên những bờ kênh hẹp nội thành và những con rạch thuyền bè có thể qua lại.

Mặt trời buổi sớm ấy cũng toả ánh nắng lên một đội hình biểu tình tuần hành của người Phật giáo. Ánh hào quang của vàng thái dương biến tăng bào màu vàng nghệ của mọi nhà sư và ni cô tham dự thành những áo choàng lấp lánh quang kim. Trời vừa chín giờ sáng và trong nắng chói ban mai, những chiếc đầu nhẫn thín và cúi xuống của họ đều chung một dáng vẻ khi đoàn người ấy nhẹ bước chân đi, hai tay chấp trong tư thế cổ truyền, phản ánh những nguồn cội an tịnh và trầm lắng của niềm tin tôn giáo có phát tích từ thời cổ đại.

Bằng đôi chân trần, bốn trăm tăng ni bước đi không một tiếng động trên con đường đầy bụi trần gian dẫn từ Xá Lợi, ngôi chùa vị vọng của họ ra tới đường Phan Đình Phùng, một đường phố ở khu trung tâm đô thành nằm chênh chếch hướng bắc nam từng có tên là đường Richaud trong thời Pháp thuộc.

Tuần hành theo hàng tư và mang theo những biểu ngữ bằng vải chỉ trích chính quyền thiên vị Công Giáo của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, đoàn người tiến bước tới trung tâm thành phố. Nhưng dù đi qua đường phố trong giờ tấp nập giao thông, đoàn biểu tình vẫn

không gây được chú ý hoặc tạo được xúc động đặc biệt nào. Kể từ sau biến cố tại Huế vào đầu tháng Năm khi binh lính chính phủ dùng xe thiết giáp bao vây hàng ngàn Phật tử tụ tập quanh đài phát thanh Huế để yêu cầu chính quyền sở tại, như mọi năm, cho phát thanh cuộn băng tường thuật đại lễ Phật Đản cử hành hôm đó tại chùa Từ Đàm. Viên quản đốc đài phát thanh không dám tự mình quyết định vì trong buổi lễ ấy, Thượng tọa Thích Trí Quang, một vị sư đồng hương với Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã nghiêm trọng phản đối việc chính quyền cấm họ treo giáo kỳ, và nhân đó, ông đòi hỏi quyền bình đẳng tôn giáo. Trong khi đôi bên đang thương lượng bỗng có tám Phật tử bị sát hại tại hiện trường, bốn Phật tử bị thương. Theo tường thuật của Phật giáo Huế, cuộc thảm sát ấy do bởi viên thiếu tá phó tỉnh trưởng nội an, một người Công Giáo, đích thân ra lệnh cho binh sĩ thuộc quyền ném lựu đạn và cho xe thiết giáp cán. Giới tăng già Phật giáo và các cư sĩ trí thức xưa nay vốn thường nhẫn nhục nay bỗng cảm thấy bị sỉ nhục thêm lên vì biến cố ấy. Từ đó, họ phát động một làn sóng chống đối khắp Miền Nam Việt Nam. Và những cuộc biểu tình như thế hầu như đã trở thành sự kiện thông thường.

So với những cuộc biểu tình cùng loại, cuộc biểu tình sáng ngày 11 tháng Sáu này chỉ khác một điểm duy nhất - dẫn đầu đội hình là năm sáu nhà sư không tuân hành bách bộ như những tăng ni khác nhưng ngồi riêng trong một chiếc xe hơi hiệu Austin nhỏ và cũ kỹ. Cùng ngồi với những nhà sư ấy trên băng ghế sau có hoà thượng Thích Quảng Đức, một vị tăng khiêm tốn sáu mươi bảy tuổi, trú trì chùa Quán Thế Âm ở Phú Nhuận, ngoại ô Sài Gòn. Khuôn mặt gầy guộc, xương xẩu và nhăn nheo của ông phản ánh cuộc sống mộc mạc, khắc khổ của một hành giả suốt đời nỗ lực tri kiến chân như. Con người tục lụy lẫn lộn trong bốn bộ mặt: một là cái đang xuất hiện, hai là cái mình vọng tưởng, ba là cái nhân thể nghĩ về mình, bốn là bộ mặt thật, cái vốn có của mình. Và thiền chỉ đường cho người tu tập tự thấy bộ mặt thứ tư ấy để thoát khỏi sự ràng buộc với con người giả, để ngay trong những ngày trần gian, được giải thoát khỏi tình thế chên vênh xung đột với bản ngã, nghĩa là thanh lý dục vọng và chấm dứt khổ não. Con đường giác ngộ

nghĩa là tự lực tìm về tự tánh ấy chỉ có một lối đi độc nhất, đi qua cánh cửa chỉ mở một chiều và mở thẳng vào lòng của mỗi người.

Ra đời tại Khánh Hòa, xuất gia năm lên bảy, hòa thượng Quảng Đức thọ Tì kheo khi tuổi mới đôi mươi. Từ đó ông hành cước hóa đạo khắp các tỉnh Ninh Hòa, Sài Gòn, Gia Định, Bà Rịa, Định Tường, Hà Tiên và Cambodia. Ông xây dựng và trùng tu hơn 31 cảnh chùa, đào tạo nhiều sa di, viết một số sách về thực hành đạo Phật và tu thiền. Trong cõi đời bụi bặm với cảnh giới hiện tượng, hư vọng và ảo hóa, một ngày ông sống là một ngày tinh tấn trên hành trình đạt tới chân như, cái thể tính tuyệt đối cuối cùng của vạn sự.

Từ thơ ấu, thay vì vào tịnh độ tông, giữ nghiêm ngặt từng giới luật, thuộc lòng từng tờ kinh câu niệm để bước từng bước tiệm tiến lên đỉnh giác ngộ, ông theo sư phụ và cũng là người cậu ruột, đi trên đường thiền Lâm Tế. Thiền là một tông phái đại thừa được truyền từ Trung Hoa qua ngã bắc Việt Nam. Thiền chỉ lối cho hành giả trực nhận bản thể của sự vật và đạt giác ngộ. Bằng tọa thiền, trong định tĩnh, kẻ tu thiền thấy bản lai diện mục của mình, và thấy sự vật đúng với chính nó. Thiền quan tâm tới kinh nghiệm chứng ngộ, đả phá tích cực mọi nghi thức tôn giáo và mọi lý luận về giáo pháp. Thiền phơi phới vất bỏ những nghi thức rườm rà, những triết lý, luận văn chi li khó hiểu, nhưng không phủ nhận nội dung và tinh hoa của kinh sách. Đặc trưng của thiền là truyền giáo pháp ngoài kinh điển; không lập văn tự; chỉ thẳng tâm người; thấy tính thành Phật. Quán tưởng là con đường ngắn nhất cũng là con đường khó nhất đưa hành giả tới đốn ngộ, nghĩa là nắm bắt lập tức các chân lý của đạo Phật như dục vọng, khổ não, vô thường, vô ngã... Thiền tông có người cha Ấn độ nghiêm nghị khắc khe với ngón tay chỉ thẳng mặt trăng và người mẹ Trung Hoa với nụ cười thâm lặng thi vị. Khi được truyền sang Trung Hoa, thiền Ấn Độ hấp thu phần nào Lão giáo, cái cốt tủy của văn hóa và triết lý Trung Hoa. Rồi tới khi được truyền sang Việt Nam, tính an nhiên phơi phới và hiện sinh của thiền chuyển hóa theo tâm thức Việt, mang thêm tính lạc quan và nhập thế. Nó lạc quan với nhận thức rằng cuộc nhân sinh

không bao giờ tàn lụi, đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết vì sáng mai mở cửa vẫn thấy sân nhà nở thắm một cành mai. Nó nhập thể vì dòng thiền Việt Nam hòa vào dòng dân tộc. Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ưu thời mẫn thế, được khai sáng bởi đệ nhất tổ Trần Nhân Tông, vị vua từng đại thắng quân Nguyên. Và hơn năm trăm năm sau, ý chí vệ quốc ấy được ghi lại cụ thể trong tác phẩm của Ngô Thì Nhiệm, một sĩ phu và hành giả mà tài kinh bang tế thế từng giúp đại đế Quang Trung đại phá quân Thanh và đặt nền tảng cho hoàng đế Gia Long thống nhất đất nước. Suốt mấy trăm năm, các thiền phái khác đều ghi dấu ấn ít nhiều của Trúc Lâm Yên Tử vì người tu thiền cũng là con dân của dân tộc sống bên cạnh một nước láng giềng mạnh mẽ ở phương bắc, phải tích cực đấu tranh và thường trực cảnh giác mới sinh tồn.

Trong quan hệ hỗ tương, thiền Việt Nam gắn liền với lịch sử dân tộc qua các giai đoạn suy thịnh: thiền khởi sắc thì dân tộc hưng thịnh, thiền suy tàn thì dân tộc bại liệt. Và khi dân tộc lâm cơn tai biến, tình độ tông như một nơi an ủi cho cá nhân thì lạ lùng thay, thiền tông lại là một cửa cứu độ cho tập thể. Vì tương quan giữa thiền tông và dân tộc chặt chẽ đến thế nên người ta không ngạc nhiên khi thấy trong các giai đoạn đánh đuổi ngoại xâm, khôi phục cơ đồ, cửa chùa lúc nào cũng rộng mở để làm nơi tụ nghĩa cho người yêu nước.

Và sáng nay, hoà thượng Thích Quảng Đức hẳn là một hành giả nối tiếp con đường thiền gắn bó đạo giáo và dân tộc. Người bất động, hoà thượng nhìn cố định tới trước, qua kính chắn gió đầu xe. Nét mặt ông an tĩnh biểu lộ một trạng thái tập trung mà hư tĩnh. Đối với vài kẻ qua đường dừng chân đứng xem khi đoàn tuần hành đi ngang, vị sư già ấy chẳng có vẻ chút khác biệt nào so với các nhà sư khác đang ngồi chung xe. Nhưng tận chốn sâu kín trong tâm niệm mình, hoà thượng đang chuẩn bị những giây phút nhục thể sẽ trải qua cơn đau đớn dữ dội tới tận cùng sức người có thể chịu đựng - cơn đau đớn mà ông biết rõ chỉ có sự nhập diệt mới làm tĩnh lặng nó.

Trong khi đoàn người di chuyển chậm chậm dọc theo đường Phan Đình Phùng, để làm lắng xuống nỗi sợ đang dâng lên trong tâm

tưởng, hoà thượng Quảng Đức thâm hiểu rằng, hơn bao giờ hết, khoảnh khắc ông đem thân cúng dường tam bảo để cảnh giác chính quyền, tìm kiếm sự bình đẳng cho tôn giáo, đòi hỏi dân sinh dân chủ cho mọi người, cũng là khoảnh khắc ông tiếp cận thời điểm thức ngộ, khoảnh khắc nhận thức mang tính vũ trụ và cũng là cứu cánh tối hậu của một đời quán tưởng. Phải chăng toàn bộ động thái và hết thảy mọi nghĩ tưởng của mình từ những ngày niên thiếu cho tới hôm nay đều chỉ nhằm tới sự thành tựu trạng thái khó nắm bắt ấy? Phải chăng khoảnh khắc viên mãn sau cùng mà từ ngày đặt chân vào thiền môn, mỗi cử chỉ cúng dường đều đẩy mình tinh tấn trên con đường hướng tới nó, giờ đây đang ở trong tầm tay? Và phải chăng mình đang đi tới cùng con đường thiền của người Việt là đặt sự thức ngộ của bản thân trong sinh mệnh của dân tộc và đạo pháp?

Tập trung mọi định lực lớn lao nội tại, hoà thượng Quảng Đức niệm tâm trí chỉ an trú trong tưởng thức duy nhất ấy để thải loại mọi sự khác. Và dần dần nỗi sợ trong lòng ông bắt đầu nguôi dần, nhường chỗ cho định lực vô úy. Tay lần tràng chuỗi năm mươi tư thánh hạt bồ đề, miệng thì thầm lời tụng niệm Nam Mô A Di Đà Phật và trong khi môi mấp máy bất tận câu thiêng liêng ấy, ông cảm thấy lòng đầy tràn an lạc. Cuối cùng, trạng thái an lạc ấy chan chứa và sâu lắng tới độ ông thôi không còn biết tới cảnh giới chung quanh.

Tuy thế, đối với khách bộ hành đang đi trên vỉa hè sáng hôm đó, hoà thượng Quảng Đức vẫn còn là một nhà sư vô danh nơi bóng tối trong lòng xe và không ai để ý tới. Thậm chí cả chiếc xe Austin ấy cũng ít lời cuốn sự chú ý của kẻ qua đường.

Thoạt đầu, người chuyên viên quay phim làm việc với Naomi không màng thu hình chiếc xe. Đi ngược lên đầu đoàn tuần hành và chân vẫn hơi khập khểnh vì dầm bầy chông ở Mộc Linh, anh chỉ chú mục vào hình dáng chư tăng ni đang đi đều bước trong y trang chói lọi. Tới ngã tư Phan Đình Phùng và Lê Văn Duyệt, anh nhắc máy quay phim xuống khỏi vai để nghỉ một chút. Trong lúc tay anh đang quay cơ phận lên dây cót, Naomi Boyce-Lewis bước tới sát một bên và nói thầm vào tai anh:

- Jock này, nhớ bảo đảm thu hình thật rõ chiếc xe đang chạy tới ngã tư đó nhều!

Xoay bộ mặt nhể nhại mồ hôi về phía người nữ phóng viên, Jock trợn ngược mắt bức bối:

- Chiếc xe đó à? Cho tới lúc này tôi cố hết sức để nó không lọt vô ống kính! Một chiếc xe ăng-lê cà tàng sắp sụm tới nơi như vậy làm sao gợi nổi cho người ta thấy trung thực những nghi lễ Phật giáo dài lê thê này? Thật tôi hoàn toàn không hiểu tại sao mình lại phải quay phim đoàn tuần hành này. Nó đâu có gì đặc biệt so với hàng trăm cuộc biểu tình Phật giáo khác mà mình đã thấy.

Người nữ phóng viên thở ra và lắc đầu:

- Jock ạ, đâu phải ngày nào cũng có một nhà sư tới tận cửa phòng tôi ở khách sạn Continental vào lúc mới sáu giờ sáng để nói với tôi rằng "có một cái gì đó rất quan trọng sắp xảy ra". Chúng ta hãy cứ hết lòng tin vào lời của ông ấy mà thu hình mọi sự, cặn kẽ từng chút một, đúng không? Với lại, trong chiếc xe đó cũng có mấy nhà sư.

- Được rồi Naomi, biểu sao thì làm vậy! Tôi mất thì giờ quay phim chứ đâu có mất tiền!

Nháy nhó người chuyên viên thu thanh đang bận rộn chĩa mi-crô thu tiếng động trên đường phố theo hướng ống kính, người chuyên viên thu hình nhướng lông mày lên làm bộ cần nắn một cách thân tình. Kế đó, anh xoay lưng và bắt đầu quay phim cuộc tuần hành thêm một lần nữa. Lần này cẩn thận thu hình luôn cả chiếc xe Austin.

Khi đoàn biểu tình băng ngang ngã tư ồn ào, thấp thoáng trong đám đông ít ỏi đang tụ lại xem mà hầu hết là người Việt, Naomi nhận ra vài ký giả báo chí Mỹ và vài phái viên thông tấn quốc tế đang thường trú tại Sài Gòn. Rõ ràng không phải chỉ một mình nàng là người độc nhất có tên trong sanh sách thông báo sáng nay của nhà sư. Nhưng Naomi ghi nhận với ít nhiều mãn nguyện rằng không một toán truyền hình nào khác có mặt tại chỗ. Như thế, dù cái tin giật gân như đã hứa hẹn kia có biến hóa ra sao đi nữa, việc theo dõi và quay phim của nàng hôm nay là độc quyền.

Sâu trong thâm tâm, Naomi thầm tự khen ngợi mình đã chịu khó

bỏ công sức và thì giờ ra lấy lòng các nhà sư biết nói tiếng Anh tại Xá Lợi, một ngôi chùa chính ở Sài Gòn. Lúc này, để khích lệ Jock tận tụy hơn với công việc, nàng bước tới sát bên anh, chỉ cho anh thấy anh là người độc nhất quay phim tin tức truyền hình có mặt tại đây. Trong khi lùi bước trở lại lề đường, Naomi cảm giác có ai đó chạm nhẹ khuỷu tay mình. Quay lại, nàng thấy ngay trước mắt bộ mặt của một người Mỹ tóc sẫm với miệng đang mỉm cười và tay chìa ra làm quen:

- Tôi là Guy Sherman, nhân viên ngoại giao phục vụ tại Toà đại sứ Mỹ. Hẳn cô là Naomi Boyce-Lewis, người sống sót lừng danh ở Mộc Linh?

Trong một thoáng, Naomi nhìn kỹ bộ mặt ấy. Thanh tú, màu da rám nắng, miệng cương nghị và khắc nghiệt của một người đàn ông tuổi gần bốn mươi với vẻ tự tin lồ lộ và cao ngất về thể xác của mình. Và vì cảm nhận rằng một người đàn ông như thế chắc chắn phải giữ một địa vị hữu trách tại Đại sứ quán Hoa Kỳ khiến anh ta có cơ hội tiếp cận các thông tin chính trị cấp cao, nàng đáp trả bằng một nụ cười niềm nở.

Để yên cho Guy Sherman bắt tay mình, Naomi nói nhẹ nhàng:

- Tôi lấy làm ngạc nhiên rằng sự an nguy của một ký giả truyền hình Anh hèn mọn lại lọt vào tầm chú ý của một người như ông, ông Sherman ạ. Tôi tưởng ông đang để toàn tâm toàn trí vào việc điều hành cuộc chiến và chống đỡ cho Tổng Thống Diệm bạn của ông.

- Cô có lý. Có điều không mấy ai chết vì phải làm quá nhiều việc trong cùng một lúc. Và lại có thể cô còn nhớ trung úy Gary Sherman? Anh ta là cháu ruột gọi tôi bằng chú. Nó nói rất nhiều tới "cô gái tóc hung đẹp mê hồn, kẻ cứ phớt tỉnh như không có gì khi khắp chung quanh cô ấy người ta đang mất mạng"...

Nhìn thẳng vào mắt Naomi, Guy vừa nói vừa mỉm cười như có ý tỏ cho nàng thấy tuy mới gặp nhau, nàng đã kích động trong con người hắn một nỗi phấn khích nhục cảm. Hắn nói tiếp ngay:

- Và để tôi lặp lại từ đầu tới cuối nguyên văn từng lời Gary đã mô tả về cô...

Thờ ơ tiếp nhận tia mắt của Guy, Naomi nghiêng đầu một chút như

ghi nhận lời tán tụng:

- Gary chưa bao giờ nói tới ông chú của cậu ấy. Lúc đó chẳng ai có thì giờ. Nhưng giả dụ cậu ấy có nói, hẳn tôi đã tưởng tượng rằng người chú ấy lớn tuổi hơn nhiều.

Khuôn mặt thanh tú của Gary Sherman cau lại thành một nụ cười như thể nhăn nhó:

- Khi Gary ra đời, tôi chỉ mới mười hai tuổi. Tôi đoán, theo con mắt của cha tôi, tôi là ánh le lói muộn màng. Nhưng thôi, để chuyện gia đình vào lúc khác, được chứ? Tôi vừa tình cờ nghe lén cô nói chuyện với anh chuyên viên thu hình về cách các nhà sư phát tín hiệu bóng gió cho dân làm tin của quý vị biết trước cuộc tuần hành hôm nay. Tôi ao ước vào một lúc nào đó sẽ có dịp mời cô dùng nước và được nghe thêm đôi chút về chuyện đó.

- Tại sao chuyện đó lại khiến cho ông quan tâm?

Miệng vẫn mỉm cười, Gary Sherman đưa tay khoát nhẹ:

- Không biết cô có tin rằng tại Toà Đại sứ chúng tôi ở vào tình thế rất khó khăn trong việc liên lạc với người Phật giáo? Chúng tôi không thể công khai làm việc đó vì Tổng Thống Diệm và gia đình ông ấy coi đó là một hành động kết bạn với đối phương.

Guy ngừng nói, liếc chung quanh thật lẹ xem có ai nghe lén không.

Rồi hắn đặt bàn tay lên cánh tay của Naomi:

- Cô Boyce-Lewis ạ, đó không phải là chuyện giao dịch có đi mà không có lại. Để đền đáp, biết đâu tôi có thể đưa cho cô đôi lời gợi ý khiến việc thu lượm tin tức của cô bớt phần nặng nhọc.

Trên môi người nữ ký giả Anh hé một nụ cười nhuốm chút mưu tính:

- Nghe có vẻ là một thương lượng hợp lý, ông Sherman ạ.

- Xong rồi. Vậy cô nghĩ thế nào về khoảng tám giờ tối nay, nơi tầng trệt khách sạn Continental? Và xin vui lòng chỉ gọi tôi là Guy...

Ngay lúc ấy, chuyên viên thu thanh chạm vào cánh tay Naomi làm cả hai bỏ dở câu chuyện:

- Naomi, nhìn kia - đang xảy ra cái gì đó kỳ quặc!

Xoay mặt lại, Naomi thấy chiếc Austin màu xanh lục chở mấy nhà sư đột nhiên đứng lại giữa ngã tư Phan Đình Phùng - Lê Văn

Duyệt. Chư tăng ni đang tuần hành ngang chiếc xe thành linh có tình chuyển bước dồn dập hơn và lệ làng quây thành một vòng rào bọc kín ngã tư. Cùng lúc ấy, từ trên xe, các nhà sư trịnh trọng bước xuống. Một nhà sư mở cốp xe lên. Khom lưng thò tay vào bên trong cốp, ông lôi ra chiếc can nhựa loại hai chục lít đựng đầy một dung dịch sẫm màu. Rồi ông xách đi chậm chậm bên cạnh hoà thượng Quảng Đức tới giữa ngã tư. Một nhà sư khác ôm bồ đoàn đi theo. Khi cả ba tới đúng vị trí đã định, nhà sư đi sau kính cẩn đặt bồ đoàn xuống mặt đường nhựa.

Hoà thượng Quảng Đức chậm chậm hạ mình xuống bồ đoàn, tọa thành tư thế kiết già. Sau khi an vị với đôi chân khoanh lại dưới thân mình, ông đặt tay lên ngay điểm chính giữa hai đùi, hai bàn tay xếp lên nhau, lòng bàn tay ngửa lên trời, bắt ấn Cam Lộ. Trong vài giây, hoà thượng im lặng và bất động, chìm mình thật sâu trong lớp lớp quán tưởng. Rồi ông mở mắt, khẽ gật đầu với nhà sư lúc này đi bên cạnh.

Nhà sư cầm can nhựa lập tức tưới dung dịch bên trong can lên đầu hoà thượng Quảng Đức. Dung dịch màu vàng nhạt ấy chảy ròng ròng xuống cổ xuống vai, làm ướt sũng và sẫm màu chiếc tăng bào màu vàng nghệ rồi loang thành vũng trên mặt đường chung quanh chỗ hoà thượng an tọa. Gió nhẹ ban mai nhanh chóng thổi mùi xăng bay tới đám đông khán giả trên vỉa hè. Và khi họ nhận ra điều mình sắp chứng kiến, có vài người tái mặt kinh sợ, không dám thờ. Bên cạnh Naomi, người chuyên viên thu hình thờ hắt:

- Xin thánh thần phù hộ chúng con! Lần này họ thiệt sự muốn làm nên chuyện!

Trong bầu không khí im lặng như tích nập đầy điện, nhà sư trợ tá hoà thượng Quảng Đức đặt chiếc can nhựa trống rỗng xuống đất cách ông mấy bước rồi rút lui, hoà mình vào đám khán giả đang vây quanh. Trong vài giây, hoà thượng Quảng Đức vẫn hoàn toàn tĩnh lặng, ngồi thẳng lưng, kiên định. Kế đó, đám đông thấy môi ông mấp máy lời niệm cuối trước khi hai bàn tay từ điểm giữa hai đùi lệ làng cất lên.

Khi hoà thượng Thích Quảng Đức bật diêm, lửa từ thân thể ông phụt lên, phả vào không khí buổi sáng như tiếng dội của một quả

đám bật tới. Ngọn lửa bốc cao gần bốn thước, quẫy lộn và dập dờn trong gió nhẹ ban mai. Thoạt đầu lửa như nhảy múa trên đầu vị sư già đang ngồi yên mà không làm tổn thương ông, rồi dần dần, mặt ông và tầng bào bắt đầu cháy thành than và sạm đen bên trong cột lửa. Nhưng thậm chí tới lúc ấy, trên môi hoà thượng không thoát ra âm thanh nào. Ông vẫn ngồi an nhiên tự tại trong tư thế kiết già như một đoá hoa sen trong biển lửa.

Hết thầy các tăng ni đứng thành vòng chung quanh cùng nhau chấp tay tụng niệm trong khi mắt đăm đăm nhìn thấu suốt hình bóng đang rực sáng ấy. Thỉnh thoảng có âm thanh nấc lên của vị tăng hay vị ni nào đó. Và khi mùi ngọt ngào gây gây của da thịt đang cháy bắt đầu quyện với mùi xăng nồng nặc, người ta nghe có nhiều tiếng khóc nức nở trong đám người Việt đứng đằng sau tầng chúng. Vài ba cảnh sát viên Sài Gòn mặc cảnh phục trắng, mặt đầm đìa nước mắt, đang cố len qua hàng rào tăng ni để vào dập tắt lửa nhưng bị họ chuyển bộ bít kín.

Trong khi ngừng máy để thay phim, anh chuyên viên thu hình hỏi Naomi bằng giọng rất nhỏ và khản đặc:

- Cô có muốn nói đôi câu để thu hình với hậu cảnh ngọn lửa không? Có thể những hình ảnh này sẽ được đài của ta phát đi khắp thế giới sớm hơn đài nào hết.

Trong một hai giây Naomi thất kinh ngó anh. Cuộc tự thiêu dữ dội với quang cảnh khốc liệt của nó làm miệng nàng khô rang hẫ hẫ. Và mùi da thịt cháy khét lẹt bắt đầu kích thích cảm giác nôn mửa.

- Jock, tôi không thể - trông rùng rợn quá. Anh cứ quay phim rồi tôi ráp lời bình luận vào sau.

- Nhưng Naomi, có thể suốt đời mình không bao giờ chúng ta còn có được một bản tin hay hơn cái này!

Chỉnh máy bằng hai tay run rẩy, Jock nói tiếp:

- Cái này có thể làm cô nổi mặt nổi mày khắp năm châu bốn biển! Naomi quay mình lại, đưa con mắt khổ sở nhìn tới hình dáng rực sáng của hoà thượng Thích Quảng Đức. Vầng xăng trên mặt đường vừa mới cháy phừng phực cao mấy thước và bùng bùng lan rộng thành một ngọn lửa hình kim tự tháp lúc này bắt đầu thu nhỏ

dần. Các ngọn lửa còn lại tập trung, cháy dữ dội trên thân thể người tự thiêu. Ở tâm điểm của các ngọn lửa, chiếc đầu đen kịt của vị sư già khiến ông trông có vẻ rất giống một xác ướp nguyên thủy nào đó hơn là người lâm tử. Nhưng khả năng tự chế kiên định được khổ luyện bởi trái tim bất hoại của ông vẫn liên tục giữ thẳng đứng hình hài đau đớn tột cùng ấy. Bên ngoài vòng rào chur tăng ni, tiếng khóc của đám đông vang lên từng chập. Hàng chục khách bộ hành phủ phục xuống đất vái lạy. Vài viên cảnh sát sắc phục qui sắp mình giữa đường nhựa. Xe cộ dừng. Giao thông tắc nghẽn. Thời gian như đứng lại. Người đi đường không bước tiếp.

Anh chuyên viên thu hình vẫn dai dẳng thúc giục vào tai Naomi:

- Cô đừng áy náy về vẻ ngoài hay giọng nói của mình. Có xúc động đôi chút cũng không sao. Vấn đề chính là người ta thấy cô rõ ràng đang ở hiện trường.

- Anh có lý, Jock!

Naomi gật đầu, nhìn sang chuyên viên thu thanh. Tay cầm chiếc mi-crô do anh ta vừa đưa, nàng bước lẹ vào vị trí có hình ảnh thân hình rực cháy của nhà sư ngay bên trên vai mình để khán giả có thể thấy toàn cảnh. Mắt khép lại, đầu sắp xếp ý tưởng và chờ cho tới khi tai nghe có tiếng lè xè của máy quay phim, Naomi mở mắt, nhìn thật thẳng vào ống kính. Nàng nói, giọng run lẩy bẩy:

- Thấy một người tự đốt cháy mình cho tới chết, công khai trước mặt mọi người, quả là một kinh nghiệm quá đời kinh hoàng và không thể nào diễn tả trung thực bằng lời nói. Vì thế tôi sẽ không cố tìm lời lẽ chính xác - nhưng những người Phật giáo tại Miền Nam Việt Nam không thể chọn cách nào đánh động hơn nữa để bày tỏ thái độ của họ càng ngày càng chống đối chính quyền của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Một chính quyền bị họ đánh giá đó là đàn áp và thối nát. Sáng nay, tại Sài Gòn vị sư già này đã chọn lựa kết liễu đời ông trong suối lửa vì lúc này người Phật giáo Việt Nam tin rằng xứ sở của họ chắc chắn sẽ được phục vụ tốt hơn bởi một chính quyền khác. Và cảnh tượng hãi hùng này hẳn khiến Hoa Kỳ và phần còn lại của thế giới phương tây cũng suy nghĩ như thế - vì hiện nay Hiệp Chung Quốc Hoa Kỳ đang gia tăng con số viện trợ khổng lồ về kinh tế và quân sự cho chính phủ đương nhiệm

trong quá trình mở rộng cuộc chiến tranh chống cộng.
Naomi ngừng lại, đưa mắt nhìn tới chỗ hoà thượng Quảng Đức.
Trong cực điểm đau đớn, hình hài cháy đen của ông bắt đầu co giật theo phản xạ tự nhiên nhưng quyết tâm mãnh liệt của ông vẫn giữ ông ngồi vững vàng và định tĩnh trong tư thế hoa sen.
Từ hàng ngũ quan chiêm, một nhà sư trẻ cầm loa phóng thanh bắt đầu hô vang nhiều lần các câu khẩu hiệu bằng tiếng Anh xen lẫn tiếng Việt:

- *Hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu!*

- *Hòa thượng Thích Quảng Đức đã trở thành một vị thánh tử đạo!*
Các biểu ngữ bằng vải có nội dung giống y như thế, bằng chữ Anh và chữ Việt, lúc này cũng được các nhà sư khác giăng ra và dương cao. Naomi vội vàng đọc lớn, rõ từng tiếng, trước khi xoay mặt nhìn trở lại ống kính máy quay phim:

- Đóái với chúng ta, có thể cái chết tự thiêu để thể hiện sự phản đối chính trị có vẻ là một phương thức đặc biệt tàn bạo và man rợ - nhưng người ta không nên nghĩ rằng người Phật giáo Nam Việt Nam không biết cách nói lên thông điệp của họ trong thế giới hiện đại. Họ đã sắp xếp chu đáo để bảo đảm có mặt tại đây vài ký giả phương Tây được họ chọn lựa - trong số đó có tôi. Những biểu ngữ cùng những khẩu hiệu bằng tiếng Anh kia cho thấy họ muốn sự phản đối của họ được trình bày rõ ràng và trực tiếp hơn tới tai mắt của Washington cũng như tới chính phủ của chúng ta. Nhưng, một khi đã nói lên được toàn bộ vấn đề ấy, sự kiện sáng nay đứng ở nơi đây, tận mắt chứng kiến quang cảnh này khiến lòng tôi tràn ngập những cảm giác không thể nào chịu nổi - vừa cảm xúc kinh sợ vừa hãi hùng sâu xa...

Nói xong những lời ấy, với sự cân nhắc kỹ lưỡng và chuyên nghiệp, Naomi xoay mình và thêm lần nữa nhìn về phía vị sư già ngồi trong lửa cháy. Và chuyên viên thu hình dùng ống kính viễn vọng để quay thật gần nhân dáng khốc liệt của người đang già từ cõi thế. Gần mười phút trôi qua từ khoảnh khắc hoà thượng Quảng Đức bắt diêm tự châm cho nhục thân thành ngọn đuốc và sau cùng, hình hài ông giờ đây khởi sự lắc lư từ bên này tới bên kia. Trong đám đông chiêm bái, tiếng than van nức nở càng lúc càng nhiều

hơn và cao hơn. Rồi giữa vũng lửa, thân mình của nhà sư bắt đầu từ từ ngã ra sau. Trong vài giây, tứ chi của người tự thiêu co giật, mười ngón tay cong lại như bắt mà không nắm được không khí bên kia bức màn lửa đang vây kín mình. Kế đó, hai cánh tay vị sư già dang rộng như thể làm thành một cử chỉ cúng dường tối hậu. Và toàn thân ông rùng thật mạnh để cuối cùng tịch lặng.

Đúng lúc ngọn lửa sau chót lụi tàn, một chiếc xe tải chạy tới, trên xe để sẵn một áo quan giản dị. Nhưng tứ chi của di thể cứng nhắc trong cái chết đau đớn tột cùng khiến người ta khó có thể an vị nhà sư lọt hẳn vào áo quan. Sau khi nhanh chóng hội ý, năm sáu nhà sư trẻ cởi tăng bào màu da cam ra bọc lấy di thể và cùng nhau đội về chùa Xá Lợi cách nơi tự thiêu khoảng bốn trăm thước.

Vòng người biểu tình mở ra để các nhà sư và di thể đi qua rồi khép lại, dần thành một đội hình tự động bước theo. Khi đoàn tuần hành, lúc này trở thành một đám rước, lướt mình qua đám đông xe cộ buổi sáng, chuông từ chùa Xá Lợi khởi gióng tiếng báo tử bi hùng và trang nghiêm. Đám đông tập trung nơi ngã tư bắt đầu tản ra theo mọi hướng. Trên môi không nguôi những lời thì thầm và ray rứt về những gì mắt mình vừa chứng kiến.

Trong khi bước về chỗ đậu chiếc xe của Đại sứ quán, Guy Sherman dừng lại, chạm nhẹ vào vai Naomi. Hắn nói, giọng bình thản:

- Quả là một cuộc trình diễn đầy ấn tượng!

Naomi bối rối, mắt xoe tròn nhìn Guy. Nàng không biết hẳn thật sự muốn nói tới cái gì:

- Anh có ý nói tới nhà sư ấy - hay tới tôi?

Khẽ nhướn lông mày, Guy trả lời:

- Cả hai. Và bây giờ, hơn bao giờ hết, tôi đang chờ tới nay để được trò chuyện với cô.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 8 -

Vào lúc tám giờ mười lăm phút tối đó, tầng trệt khách sạn Continental Palace tập nập khách người Mỹ thường đến vào ban đêm từ Đại sứ quán, các cơ quan viện trợ và Phái bộ Cố vấn Quân sự Hoa Kỳ. Giữ đúng mệnh lệnh về việc chỉ mặc binh phục trước công chúng trong những trường hợp thật cần thiết, hầu hết quân nhân Hoa Kỳ đều mặc thường phục. Thấp thoáng đâu đó ở hai đầu khách sạn, vài người Việt béo tốt thuộc giới trung lưu và có quan hệ với chính quyền, đang háo hức trò chuyện với các ân nhân da trắng của mình.

Guy Sherman đến sớm để bảo đảm độc chiếm chiếc bàn trong góc tầng trệt, nơi hắn có thể ngồi quay lưng vào vách và đưa mắt nhìn ra, quan sát tường tận cả hai phía vỉa hè đường Tự Do - tên mới đặt cho đại lộ Catinat thừa trước, từ ngày người Pháp ra đi. Cũng từ vị trí thuận lợi đó, Guy có thể xem xét mọi lối ra vào khách sạn, khỏi phải nhóm người trên ghế. Và hắn lập tức nhận ra người nữ phóng viên truyền hình ngay lúc nàng vừa từ bậc cuối cầu thang bước xuống tầng trệt.

Mái tóc màu hung nhạt thường được buộc túm ra sau gáy lúc này mềm mại xoả xuống vai. Khi Naomi đi tới, Guy thấy trên thân thể nàng không còn bộ đồ săn bốn túi mặc khi làm việc thường ngày. Thay vào đó là bộ y phục hợp thời trang, bằng lụa Sơn đông màu kem tự nhiên được nàng hình như đã đặt may cắt riêng cho mình tại Paris.

Chân bước nhẹ nhàng thoải mái tự tin, rõ ràng Naomi biết có nhiều cặp mắt đàn ông đang dồn về phía mình. Và nàng chỉ dừng lại một lần để nói câu gì đó với người phục vụ. Nàng chưa tới bàn của Guy, hắn đã vội vàng đứng lên, kéo chiếc ghế bành đàn bằng mây mời nàng và mỉm cười khoát tay khi nàng nhỏ nhẹ nói lời xin lỗi vì xuống trễ.

- Đừng bận tâm tới cái đó. Mười lăm phút ấy cho tôi có dịp tìm cách giải thích lý do cô chọn trọ ở đây, nơi khách sạn kiểu Pháp đang xuống cấp này, trong khi cô có thể lấy một lô phòng xinh đẹp và hiện đại, có gắn máy lạnh tại khách sạn Caravelle ngay con đường bên kia. Tôi kết luận rằng chắc hẳn mấy khung sườn thép phai màu cùng với mấy chùm đèn treo nứt nẻ kia làm người ta khoan khoái khi nhớ lại vẻ vĩ đại đế quốc từng ăn sâu vào tâm tư các dân tộc thực dân châu Âu, cái thường được người ta gọi là hội chứng hoài niệm đế quốc, có đúng vậy không ạ?

Guy vừa nói vừa cười mỉm trên choker rồi kinh ngạc thấy Naomi ngồi xuống ngay, không trả lời. Trong một chốc nàng nhìn quanh tầng trệt đông đúc, tươi cười đón nhận những cái vẫy tay thân mật trong đám lu bu các thông tin viên hải ngoại người Mỹ thường trú tại Sài Gòn đang ngồi quanh chiếc bàn đằng xa. Nhưng khi quay nhìn Guy, mặt Naomi nghiêm trang trở lại. Nàng giải thích với giọng như nói với chính mình:

- Lá thư cuối cùng tôi nhận của cha tôi được viết trên một tờ giấy có tiêu đề Khách sạn Continental Palace này. Từ nơi này cha tôi viết cho tôi đúng một ngày trước hôm ông bị sát hại vào mùa thu năm 1945. Lúc đó tôi chín tuổi và vừa trải qua năm năm trời trông ngóng ông trở về nhà. Tôi nghĩ rằng đó chính là lý do tại sao tôi trọ ở khách sạn này.

Nụ cười trên môi người Mỹ lập tức tắt hẳn:

- Naomi, tôi xin lỗi, tôi không hiểu biết chút nào. Tôi mong cô bỏ qua cho sự bất cẩn kém xã giao của mình.

Ngay lúc đó, người phục vụ bước tới với ly rượu vang trắng rõ ràng Naomi đã tự gọi cho mình trên đường đi tới bàn của Guy.

Trong hồi lâu, nàng im lặng nhấp rượu. Kế đó, Naomi thở ra, mỉm cười một mồi với Guy:

- Tôi cũng xin lỗi. Tôi hoàn toàn không có ý nói những lời làm phật lòng như thế.

Nàng nhắm mắt, ấn ấn khớp lỏng tay lên chỗ giữa hai mi mắt:

- Tôi e rằng các biến cố hôm nay khiến tôi không giữ được chừng mực cảm xúc của mình.

Guy nói thật lẹ:

- Có gì đâu mà xin lỗi. Chắc cô đang gặp lúc bực bội và phiền toái. Cô gởi phim đi em thẩm chứ?

Naomi gật đầu:

- Tôi phải chịu tổn đôi chút để đặc biệt phái anh chuyên viên quay phim đi Hồng Kông với mấy cuộn phim đó giấu trong áo sơ-mi. Tôi không dám liều, sợ chúng bị tịch thu ở sân bay. Nhưng từ lúc nổ ra cái tin đó cho tới giờ này, phòng làm tin của tôi ở Luân Đôn đang âm ỉ đòi phải có thêm lời giải thích và bình luận qua điện thoại.

- Họ không chỉ là những người duy nhất. Ở bên nước tôi, những tấm ảnh do một thông tin viên truyền về đã chiếm trang nhất các ấn bản báo buổi chiều. Tại Tòa Bạch ốc và Bộ Ngoại giao lẫn Ngũ Giác Đài, cơ quan khốn nạn nào cũng đang gào lên đòi thật gấp những lời giải thích có thẩm quyền.

Naomi tiếp tục nhấp rượu, mắt không rời khuôn mặt Guy:

- Và Tòa đại sứ của anh nói với họ như thế nào?

Guy liếc chung quanh một hai giây với vẻ mặt làm như tình cờ quan sát rồi chăm chú nhìn ly rượu của mình:

- Tôi ao ước có được một câu trả lời giản dị và rành mạch cho câu hỏi ấy - nhưng không có.

- Guy ạ, tôi tưởng sáng nay anh đã nói rằng đây là một cuộc giao dịch hai chiều.

Qua việc lần đầu tiên gọi hấn bằng tên riêng, trong giọng nói Naomi dường như phảng phất chút dấu vết thân mật. Nhìn lên, Guy thấy nàng đang ngó hấn và mỉm cười hóm hỉnh. Hấn nói chậm chậm:

- Đúng thế Naomi, tôi có nói như vậy. Nhưng trong trường hợp này, sự phỏng đoán của cô cũng y hệt của tôi. Ngay cả những kẻ được gọi là chuyên viên tôn giáo phương đông trong Tòa đại sứ Mỹ cũng dường như không đồng ý với nhau về những điều hết sức đơn giản. Thí dụ trong cái xứ sở này, chính xác có bao nhiêu tín đồ Phật giáo. Cô có thể lấy bất kỳ con số nào giữa hai mươi và tám mươi phần trăm dân số - lúc đó con số nào cũng đúng nếu tính cả những người theo đạo Khổng, đạo Lão và thờ cúng thần thánh. Dường như người ta chỉ có thể chắc chắn một điều là có khoảng

một triệu rưỡi người Việt Công Giáo - và hầu hết gia đình họ đều có người làm việc trong chính phủ hoặc trong quân đội.

Cầu kính thờ hắt thành tiếng, Guy nói tiếp:

- Cô tưởng thuật như thế nào với khán giả của cô ở Anh?
- Tôi đã bỏ ra hàng giờ lui tới chùa Xá Lợi và một hai ngôi chùa khác nhỏ hơn, trò chuyện với mấy hoà thượng cao niên, những vị không có ý tìm gặp các nhà báo phương tây. Một vị nói với tôi rằng tại Việt Nam, việc tự sát để cúng dường không bao giờ bị xem là một hành động tuyệt vọng. Theo truyền thống, đó là một phương thế đầy vinh dự và không thể phản bác nhằm thành tựu công đức của mình và chứng minh nghiệp chướng của một đối thủ quá đối mạnh mẽ. Sư cụ ấy còn nhắc nhở tôi rằng con sông lớn thường không dâng tràn thành lụt vì nó xuôi dòng chảy tới trước nhưng chính khối lượng nước khổng lồ đẩy từ đằng sau mới gây nên lũ lụt. Khi tôi hỏi chính xác ông muốn nói gì qua hình ảnh đó, ông chỉ cười thật tươi với tôi và nói các tăng lữ Phật giáo không bao giờ tính chuyện lãnh đạo dân chúng nếu họ không biết chắc chắn, một cách tuyệt đối, rằng cảm xúc của dân chúng đã lên tới điểm bùng nổ.

Ngưng một chút, Naomi nói thêm:

- Một nhà sư còn nói với tôi rằng sự hưng thịnh của dân tộc Việt Nam gắn liền với sự hưng thịnh của Phật giáo Việt Nam. Từ hai ngàn năm nay, vận mệnh của Phật giáo là vận mệnh của dân tộc họ. Các nhà sư đã có những đóng góp cực kỳ lớn lao suốt bốn trăm năm qua hai triều đại Lý Trần, trong thời kỳ Việt Nam mới thu hồi độc lập, phải dựng nước, giữ nước và mở nước. Từ đó, Phật giáo thấm sâu vào phong tục tập quán và cuộc sống tâm linh của người dân qua bao nhiêu triều đại khác nhau. Họ nói rằng chỉ phát triển được đất nước khi tôn trọng văn hoá dân tộc trong đó Phật giáo là một yếu tố cực lớn. Họ còn nói rằng nỗ lực Công Giáo hóa, nghĩa là ngoại lai hóa và âm mưu của anh em Ngô Đình tìm cách biến Công Giáo Vatican thành quốc giáo chỉ khiến cho cuộc chiến tranh giữa Cộng Sản và phương tây này thêm khốc liệt và kéo dài.

Nhìn không chớp người Mỹ, Naomi nói tiếp:

- Họ cũng gợi ý tôi rằng không nên lấy quan niệm về tôn giáo thờ

phương thượng đế của phương tây khi nhận xét tôn giáo Á Đông, nhất là tam giáo đồng nguyên của Việt Nam mà trong đó cốt lõi là Phật giáo; cũng như không thể dùng tiêu chuẩn phê phán Cộng Sản của phương tây để đánh giá Cộng Sản Việt Nam. Một số nhà sư gốc miền trung tin rằng giáo lý vi diệu của nhà Phật có khả năng dung hợp và hóa giải những người Việt theo Cộng Sản. Có vị còn lập luận rằng chỉ có Phật giáo mới có khả năng kết thúc chiến tranh bằng sự hoà giải và hòa hợp dân tộc, vì các Phật tử chiếm 80% dân chúng ở cả hai bên chiến tuyến. Họ còn đọc cho tôi nghe câu thơ của một nhà sư thi sĩ: Mái chùa che chở hồn dân tộc.

- Và có phải cô đã xây dựng bài phóng sự của mình xoay quanh những ý kiến đầy tham vọng đó?

Naomi gật đầu:

- Vâng. Trong thực tế, những thông tin và lập luận đại loại như thế đang rất phổ biến trong Phật giáo, đặc biệt trong các nhà sư trẻ và giới cư sĩ có học hành, ít hoặc nhiều. Nhất là trong hai năm nay, kể từ khi người anh của Tổng Thống, Tổng giám mục Giáo phận Huế Ngô Đình Thục, dâng miền nam cho Đức Mẹ La Vang ở Quảng Trị. Đối với chúng ta, sự kiện ấy chỉ là một hình thức tượng trưng cho niềm tin tôn giáo và có chút gì đó mê tín. Nhưng xét theo khía cạnh thực tế chính trị nhạy cảm của Việt Nam, nó gây sốc cho người Phật giáo, đặc biệt tại Huế. Thêm nữa, tôi nghĩ người em ương ngạnh của Tổng Thống Diệm là Ngô Đình Cẩn, Cố vấn Chỉ đạo Miền Trung, đã làm hại chính quyền khi tại Huế ông ta để yên cho xe thiết giáp đàn áp các Phật tử đang biểu tình khiếu nại việc cấm treo giáo kỳ của họ. Rồi tới vụ nổ plastic làm chết bảy tám Phật tử ở sát vách đài phát thanh Huế. Những biến cố ấy dường như khiến nhiều Phật tử trước đây không mộ đạo lúc này lũ lượt kéo nhau đi chùa trở lại, hàng ngàn hàng vạn người. Và như thế, đẩy lên cao điểm mối phần uất chống đối Diệm vốn đã ngày càng tích tụ trong suốt bao nhiêu năm nay. Mấy tuần lễ trước đây, một số nhà sư nói riêng với chúng tôi rằng họ đang dự tính một cuộc tự sát trước mặt công chúng.

Guy nhìn thẳng vào mắt của người nữ phóng viên Anh:

- Cô nghĩ sao về vụ nổ tại đài phát thanh Huế?

Naomi trả lời nhẹ nhàng:

- Tôi không ở trong vị trí trình bày ý nghĩ riêng của mình. Tôi đã phỏng vấn viên thiếu tá phó tỉnh trưởng Huế, hiện bị ngưng chức và đang có mặt ở Sài Gòn. Ông ta bảo loại plastic cực mạnh nổ hôm đó thì quân đội VNCH chưa hề được cung cấp, cũng chưa thấy Việt Cộng dùng loại chất nổ nào mạnh đến thế. Tại đài phát thanh Huế, để giải tán đám đông, quân đội chỉ dùng MK-3 là loại lưu đạn hơi, không có khả năng gây tử vong. Còn các xe thiết giáp của ông ta đều thuộc loại auto blindé bốn bánh, có pháo tháp và không thể leo lên thềm cao của đài phát thanh, nơi các nạn nhân bị thảm sát. Ông ta còn đưa ra bản sao y chứng của bác sĩ Giám đốc Bệnh viện Huế, một Phật tử rất nổi tiếng, rằng "không có vết đạn, vết đả thương hay xe cán... trên cơ thể nạn nhân". Trong một cuộc phỏng vấn, Thượng tọa Thích Tâm Châu cũng chỉ trả lời tôi là "đột nhiên có tiếng nổ, làm cho tám em Phật tử chết và một số bị thương".

Guy im lặng. Naomi chỉnh lại thế ngồi, nhìn thẳng trở lại mắt Guy:

- Dĩ nhiên ai cũng có thể sai lầm, kể cả lúc này - biết đâu Việt Cộng có thể bằng cách này hoặc cách khác đạo diễn toàn bộ cái chuyện đó. Vì thế, tôi nghĩ chúng tôi cần một người CIA thân hữu để nói với chúng tôi về những cốt lõi của vấn đề.

Naomi vừa lém lỉnh mỉm cười vừa nhún vai, cởi áo khoác và Guy thấy bên dưới áo khoác, nàng mặc áo lụa thật mỏng. Trong khi Naomi nghiêng mình máng áo khoác lên lưng ghế, làn lụa mỏng của chiếc áo trong căng ra bó sát bầu ngực nàng làm đường viền đăng-ten mỏng mảnh và dây đeo nịt ngực chột ánh lên màu trắng lấp lánh như chồn vờn trước mắt hẩn, tương phản với màu da sạm nắng của nàng.

Trong khoảnh khắc đó, toàn thân Guy bị siết chặt bởi sự thèm muốn mãnh liệt được nhìn bộ mặt khinh khỉnh và xinh đẹp của Naomi se lại trong cực điểm gây ngất nhục cảm, được nghe giọng Anh nền nếp gia phong của nàng rên lên hỏn hển trong cơn khoái lạc bên dưới thân thể hẩn. Và Guy chậm chậm hít một hơi thật dài trong khi chờ nàng ngồi ngay ngắn trở lại, đối mặt với hẩn thêm lần nữa.

Khi Naomi thẳng người ngồi yên, Guy nhìn cố định giữa hai con mắt nàng. Hắn cố xuống giọng thật trầm:

- Naomi ạ, cho tới giờ này, hoàn toàn không có bằng chứng nào về sự can dự của Việt Cộng - dù chắc chắn một trăm phần trăm rằng bọn chúng rất thích giết dây ba cái trò ma mãnh đó.

Hắn ngừng nói. Khoé miệng dịu lại thành một nụ cười tâm phúc:

- Chúng tôi chỉ mới có cảm tưởng rằng một vài cư sĩ thân cận với các nhà sư miền trung đang sử dụng phương pháp bá đạo. Thí dụ như "vừa đánh vừa đàm"; vụ Hòa thượng Thích Quảng Đức xảy ra khi chính quyền và các thượng tọa đang họp thương lượng tìm giải pháp. Nhưng nếu chúng tôi có được bất cứ cái gì cụ thể liên quan tới vấn đề Việt Cộng, tôi xin bảo đảm rằng cô chính là người đầu tiên được biết - dĩ nhiên không thể tiết lộ đó là nguồn tin của ai.

- Dĩ nhiên.

Tiếp tục nhìn Guy trong khi uống cạn và khi ly không còn rượu, Naomi để yên cho hắn nhón chiếc ly trên tay nàng. Trong lúc Guy gọi người hầu bàn, Naomi trầm ngâm nhìn ra quảng trường tập nập xe cộ bao quanh Nhà Hát Lớn thuở trước nay được dùng làm Toà Nhà Quốc Hội.

Trong trời đêm, từng đàn xe hơi và xe vét-pa, được nhập tới tập theo chương trình viện trợ kinh tế của Hoa Kỳ, lúc này làm không khí ẩm ướt ban đêm của Sài Gòn nồng nặc mùi khói xe. Nhẹ nhàng trên những chiếc mini-lambretta xinh xắn, nhiều thiếu nữ Việt Nam ơ hờ để hai tà áo dài nhẹ như tơ và giập dờn như cánh bướm vờn theo dáng người mảnh mai.

Dọc hai bên đường Tự Do, Naomi có thể thấy thêm nhiều bằng chứng thay đổi. Các bảng hiệu đèn nê-ông loè loẹt bằng tiếng Anh chỉ đường tới vô số quán rượu đèn sáng lò mờ với những cái tên như "The Shack", "The Capitol", "Fifth Avenue"... Và qua cánh cửa mở toang, người ta có thể suốt ngày suốt đêm nghe âm thanh chói tai và khản đặc của nhạc kích động phương tây. Naomi biết bên trong những quán rượu tối tăm đó, các nữ chiêu đãi viên người Việt, mặt đầy son phấn, đang chờ tiếp đón các chàng trai Thủy quân Lục chiến Mỹ mà số lượng đang ngày càng tăng, vào bất cứ lúc nào những người lính ấy được nghỉ phép sau khi đụng độ với

Việt Cộng.

Naomi cảm thấy mình đang tự hỏi nếu cha còn sống, không biết ông nhận thấy Sài Gòn lúc này khác ra sao so với thủ đô thuộc địa của Pháp ông từng biết tới hồi năm 1945. Liệu ông có còn nhận ra thành phố ấy lúc này, với những hào nhoáng, đầy dẫy các hộp đêm rẻ tiền lai căng nửa á nửa âu, và càng ngày càng thêm hư hoại, mà nguyên nhân chính, theo nàng, chắc hẳn do viện trợ của Mỹ và khả năng tiêu xài phung phí.

- Naomi! Nào, ta uống mừng cuộc hợp tác Anh-Mỹ!

Giọng Guy cắt ngang dòng nghĩ tưởng của Naomi. Nàng xoay mặt lại, thấy hắn đang cầm trong tay một ly rượu mới rót. Nâng lên ly vang trắng vừa được người hầu bàn đặt xuống mặt bàn, nàng cùng ly hắn:

- Chúc cho nó được phát đạt và lâu bền!

Vừa nói câu đó Naomi vừa cười đáp lại nụ cười của Guy. Uống xong, nàng cho tay vào túi xách, dò dẫm cho tới khi tìm được mảnh giấy nhỏ có tiêu đề Khách sạn Continental Palace trên đó nàng ghi pháp danh của nhà sư sáng nay đã đặc biệt tới báo cho biết vụ tự thiêu.

Đặt sấp mảnh giấy trên mặt bàn, Naomi miệng tiếp tục mỉm cười, đẩy nó tới phía Guy và tay vẫn chặn lên lưng giấy:

- Đây là phần đóng góp đầu tiên của nước Anh. Nhưng trước khi trao, tôi không thể không hỏi anh đôi câu.

- Xin cứ tự tiện. Cô muốn hỏi bao nhiêu câu cũng được.

- Tại sao anh cần các nguồn tin của tôi ghê gớm đến như thế? Tại Tòa đại sứ, chắc hẳn anh có đường dây của mình.

- Chắc hẳn chúng tôi có ít nhiều - nhưng tình hình này hết sức bấp bênh và thật khó dò xét tới nơi tới chốn. Vì thế, mỗi sợi dây dọi mà chúng tôi có thể chạm ngón tay mình vào đều rất quan trọng.

- Nhưng tình hình hoang mang đó không làm cho anh và các đồng sự cảm thấy có phần bức rứt sao? Và các biến cố giống như hôm nay không làm cho quý vị băn khoăn về tính chất khôn ngoan của Hoa Kỳ tại đây sao?

- Naomi ạ, tại Tòa đại sứ, chúng tôi không vạch ra chính sách. Chúng tôi chỉ ra sức cung cấp hình ảnh rõ nét về những gì đang

xảy ra tại đây. Chính những người khác tại Washington mới là kẻ lập quyết định - cô thừa biết điều đó.

- Nhưng như vậy đâu có nghĩa quý vị không có ý kiến.

Đặt ly rượu xuống mặt bàn, Guy háo hức chồm người lên cạnh bàn, nhìn thẳng vào mặt Naomi:

- Dĩ nhiên có. Nhưng tin tôi đi, hết thấy mọi người trong Tòa đại sứ đều ủng hộ một trăm phần trăm nỗ lực quân sự đang được người Mỹ tiến hành tại đây - đặc biệt cá nhân tôi. Naomi ạ, những gì đang xảy ra ở đây đều thuộc toàn bộ cuộc xâm lấn của Cộng Sản trên khắp thế giới trong đó Nam Việt Nam là tiền đồn, hiểu theo nghĩa nó là điểm phòng ngự của bên này trực diện với mũi dùi xuất kích của bên kia. Theo lối nói lập lờ của Cộng Sản, chúng gọi đây là "chiến tranh giải phóng" - nhưng chúng cũng đang sử dụng tại đây cùng một loại kỹ thuật xâm nhập và khuynh đảo chúng đang sử dụng trên khắp thế giới. Bằng sách lược ấy, bọn Cộng Sản tại Mát-cơ-va và Bắc Kinh có thể làm vỡ vụn nền an ninh từ xứ sở này sang xứ sở khác của phương tây mà tránh được nguy cơ phải chịu một cuộc đối đầu lớn lao.

Đưa mắt nhìn ra xa, quá lẽ bên kia đại lộ Tự Do, người Mỹ nói tiếp:

- Nếu chúng tôi không mạnh mẽ xác quyết lập trường tại Nam Việt Nam và tại bất cứ nơi nào khác bị Cộng Sản chọn để đụng độ, thì bọn chúng có thể đánh bại phương tây mà không cần phóng hỏa tiền hoặc tràn qua biên giới một nước nào. Naomi ạ, chủ nghĩa Cộng Sản phải bị chặn đứng. Đặc biệt, Nam Việt Nam còn là một tiền đồn chặn đứng giấc mộng bành trướng xuống các nước Đông Nam Á của Trung Hoa, kẻ thù truyền kiếp của người Việt. Sâu bên trong chủ nghĩa Mao-ít vẫn là tham vọng thiên triều vốn ám ảnh các hoàng đế Trung Hoa từ thời cổ đại. Cô đừng để cho mình bị đánh lừa mà nghĩ rằng đây là một cuộc chiến tranh không quan trọng; thậm chí nó còn có thể quan trọng hơn cả cuộc Thế Chiến Hai nữa.

- Guy ạ, tôi không nghĩ rằng mọi người trong chính phủ Anh đều đồng ý như thế - dĩ nhiên họ không nghiên cứu vấn đề với nhiều thiện cảm và xác tín như anh, nhưng tôi tin chắc họ cũng chung

một đường với lý thuyết tổng quát đó.

Nói tới đây Naomi mỉm cười. Qua giọng điệu cũng như cung cách nói của mình, nàng ngụ ý ngưỡng mộ nghị lực của Guy:

- Điều quả thật tôi đang tự hỏi, rằng không biết có thể thắng cuộc chiến theo kiểu như thế này không - đặc biệt sau kinh nghiệm của tôi tại Mộc Linh.

Guy trả lời lẹ làng:

- Mộc Linh không là điển hình. Không phải đơn vị lính Cộng Hoà nào và sĩ quan Việt Nam chỉ huy nào cũng giống như thế. Cuộc chiến tranh này được chiến đấu trong cùng một lúc trên hai mặt trận và đang chiến thắng cả hai - tin tôi đi, đó là quan điểm bên trong của những ai tiếp cận được tất cả những dữ liệu quan trọng. Hiện nay, chúng tôi đang dồn Việt Cộng vào thế bị động với những cuộc dàn quân nhanh chóng của QĐVNCH bằng máy bay trực thăng và giang thuyền vũ trang. Cô từng thấy máy bay trực thăng Huey với đại liên 7.62 li và hoả tiễn. Cô cũng đã thấy máy bay khu trục T-28 và hiệu quả của những cuộc oanh kích bằng trọng pháo và bom na-pan. Và trên mặt trận chính trị, hiện nay chúng tôi có mười triệu người dân đang sống an toàn bên trong vòng rào Ấp Chiến Lược, giống như các thôn ấp kiên cố từng được người Anh của cô dùng để chiến thắng cuộc chiến mười năm chống Cộng Sản ở Mã Lai. Cô đã thấy các hàng rào tre đó, phải không? Có phải chúng có vẻ khá giống các đồn lũy kị binh của chúng tôi ở miền Viễn Tây Hoa Kỳ thuở trước? Vậy tin tôi đi, Naomi, chúng tôi đang chiến thắng ở đây, tại Viễn Đông này, chắc hẳn không kém chúng tôi đã chiến thắng tại Viễn Tây thuở trước.

- Nhưng người Pháp từng đánh nhau ở đây suốt tám chục năm và có thể họ đã giết tới cả triệu Việt Minh - nhưng rồi họ vẫn bị thua trận. Liệu cái đó có bao giờ làm cho anh trần trọc nhiều đêm không?

- Naomi ạ, người Pháp không chiến đấu đúng cách. Và họ không có những kỹ thuật tiên tiến như chúng tôi. Còn nữa, họ là thực dân. Họ không thật tâm xây dựng một chính quyền bản địa vững mạnh. Xin cô nhớ cho rằng người Mỹ chúng tôi là quốc gia đầu tiên cởi được ách nô lệ thực dân. Chúng tôi không bị lem luốc với một quá

khứ thực dân.

Nói ngang đây, Guy đảo mắt một cách thú vị:

- Thật buồn cười khi thấy người Anh của quý vị mau quên điều đó quá!

- Có thể trong chúng tôi không có người nào suy nghĩ đầy đủ về lịch sử!

Guy lắc đầu một cách dứt khoát:

- Tôi nghĩ thực tế không đúng như thế. Tôi tin rằng việc quan tâm quá nhiều tới lịch sử sẽ gây trở ngại cho hành động. Ý chí và quyết tâm hành động - đó chính là hai thành tố chủ chốt trong một tình hình như thế này. Đó cũng chính là hai phẩm chất phân biệt rõ rệt Hoa Kỳ với các dân tộc khác. Tôi nghĩ đó là nguyên tắc chủ yếu cha tôi vẫn thường dạy bảo tôi. Ông đại diện cho tiểu bang Virginia tại Thượng nghị viện Hoa Kỳ suốt bốn chục năm nay, và lúc này ông vẫn sống đúng theo nguyên tắc đó.

Naomi hát đầu về phía các phóng viên Mỹ thường trú tại Sài Gòn:

- Nhưng theo các vị ngồi đằng kia thì hiện nay "ý chí và quyết tâm hành động" không đạt thắng lợi trong công việc, phải không? Họ đi theo các cuộc hành quân còn nhiều hơn tôi và họ không gởi về cho các chủ bút bên nhà những bài tường thuật đầy thiện cảm, đúng không? Thêm nữa, theo họ, người Mỹ không thể thắng được cuộc chiến tranh này nếu chính quyền Việt Nam Cộng Hoà không thật sự tôn trọng các nguyên tắc tự do dân chủ, những cái làm thành hoài bão và sức mạnh của thế giới không Cộng Sản.

Liếc rất lẹ về phía đám ký giả Mỹ trẻ, vẻ mặt của Guy đánh lại:

- Naomi ạ, rủi thay tại Sài Gòn không chỉ diễn ra một cuộc chiến tranh độc nhất. Đội ngũ báo chí và Toà đại sứ gần như không phát biểu chung một lời lẽ.

- Tại sao vậy?

- Có thể họ là bạn của cô nên tốt nhất tôi phải cẩn thận lựa lời. Hãy chỉ nói rằng chúng tôi hoài nghi họ đang tìm kiếm tin tức xấu - những tin nhạy cảm. Lúc nào cũng vậy; vì đó chính là loại tin tức có thể giúp họ đoạt giải thưởng báo chí Pulitzer. Họ không thích gì hơn việc viết các bản tin lách lẹ rằng cuộc chiến đang diễn ra tôi tệ biết bao và rằng chính quyền Diệm độc tài tới ngàn nào!

Naomi vừa nhẹ nhàng mỉm cười vừa nói để hoá giải vẻ nhức nhối trong ý kiến mình sẽ phát biểu:

- Nhưng Guy này, như thế tại sao anh tiếp tục xây dựng tình thân hữu với tôi? Có phải anh kỳ vọng rằng ít nhất tôi cũng sẽ tường thuật cuộc chiến này theo cách mà Tòa đại sứ Mỹ muốn người ta kể?

Đang nâng ly rượu lên môi, Guy ngừng lại và trầm ngâm nhìn nàng. Rồi vẻ mặt gay gắt của hắn dịu lại thành một nụ cười nửa miệng:

- Naomi ạ, cô không chỉ là một phụ nữ rất xinh đẹp và quả quyết - rõ ràng cô còn là một người rất bén nhạy. Đúng vậy, Tòa đại sứ quan tâm tới việc các tin tức được xử lý đúng - tới việc các sự kiện được tường thuật đúng theo cách chúng đã và đang xảy ra. Nhưng có phải tôi đã hứa với cô rằng nếu cô giúp tôi thì tôi sẽ giúp cô. Đó là cách mà tôi muốn chúng ta cùng đi với nhau. Và nếu trong khi cùng đi trên con đường đó chúng ta trở thành bạn của nhau, tôi sẽ không phản đối chút nào!

Đưa tay lùa mấy sợi tóc khỏi một bên mắt Naomi mỉm cười bí hiểm:

- Tôi cũng thế

Không rời mắt khỏi nàng, Guy đặt ngón tay giữa lên mảnh giấy vẫn bị đè tay nàng chặn trên bàn. Hắn rút mảnh giấy. Trong một chốc, Naomi quan sát hắn. Trước khi hắn lật ngửa tờ giấy, nàng đưa tay úp lên bàn tay hắn, nói nhỏ nhẹ:

- Guy, còn một điều nữa. Tin tức tôi cho anh hôm nay sẽ không bị nói rõ xuất xứ - và luôn luôn như vậy trong bất cứ cái gì tôi đưa cho anh. Danh tính và địa chỉ trong mảnh giấy này phải được bảo mật tuyệt đối.

- Đương nhiên. Naomi khỏi phải nói!

Naomi dựa lưng vào ghế và chờ, nhưng Guy không đọc mảnh giấy. Hắn chỉ gấp lại, nhét vào túi bên trong ngực áo vét-tông. Kế đó, hắn uống cạn ly và đứng lên:

- Naomi, cuộc trò chuyện của chúng ta rất thú vị. Tôi hy vọng sẽ còn gặp nhau nhiều lần.

Guy đề ánh mắt của mình nấn ná lâu hơn một chút trên thân thể

nàng trước khi bước thật lẹ từ tầng trệt khách sạn xuống tầng cấp. Rồi hấn đi vào các đám đông đang nối đuôi nhau tản bộ trên đường Tự Do buổi tối.

Naomi chưa uống xong ly rượu của mình khi đám thông tin viên Mỹ giải tán, sắp tản ra người mỗi ngả. Đi ngang bàn nàng, họ mỉm cười. Và người đi cuối, thông tin viên trẻ tuổi của một hãng thông tấn nổi tiếng, đứng lại bên Naomi. Anh ta rút chiếc kính dâm ra khỏi túi áo. Kéo cổ áo khoác lên che kín hai vành tai, anh ta đeo kính và giả bộ ngoảnh quanh quất tầng trệt trước khi cúi xuống thì thầm bên tai nàng. Anh ta cố ý nói suýt soạt, lơ lơ như giọng kẻ bắt chước nói tiếng Anh, với vẻ hài hước:

- Cô Boyce-Lewis ạ, hết sức cẩn thận đấy nhé! Hết thầy chúng tôi đây đều nghĩ ông Sherman là con ma đấy. Chúng tôi nghĩ cô cũng phải biết như vậy - để giữ cho yên thân mình!

Naomi toét miệng cười trước lời nói nửa kín nửa hở như đóng kịch câm đó:

- Cóm?

Anh ký giả rút hai tai, nhô hai vai lên thật cao và ghé sát hơn nữa:

- Chuyên viên chống xâm nhập và liên lạc Lực Lượng Đặc Biệt - toàn những cái thứ tầm tối được CIA [Central Intelligence Agency: Cục Tình Báo Trung Ương] dàn ra ở đây. Cô Boyce-Lewis ạ, cô phải cảnh giác mới được!

Naomi nói lại, còn thì thầm hơn anh ta:

- Chẳng việc gì phải lo lắng. Chính tôi đây cũng biết rõ cái đó rồi. Người Mỹ gỡ kính đeo mắt xuống, nhướn cặp lông mày lên làm bộ sững sốt. Kế đó anh ta hoác miệng ra cười và lật đật bước theo cho kịp mấy đồng nghiệp, lưng khòm xuống, đầu cúi nhủi, đi nhanh gấp đôi người thường qua tầng trệt đông đúc.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 9 -

Dinh Gia Long - nơi tạm dùng làm Phủ Tổng Thống thay cho Dinh Độc Lập đang đại tu nhân cuộc oanh tạc của hai phi công Quốc Dân Đảng phản loạn năm ngoái - êm dịu và mát mẻ với các đại sảnh sàn lót đá hoa cương, trần cao vời vợi, trái hẳn với cái nóng hầm hập ban trưa giữa trung tâm Sài Gòn rộn rịp khi Guy Sherman bước qua ngã cổng chính ở mặt tiền, đi vào dinh. Hắn nhắc chiếc kính mát sạm màu xuống trong vài giây, đủ thời gian cho việc kiểm soát thẻ ra vào. Vừa nhận lại thẻ từ tay người lính mắt xéch thuộc đơn vị Lực lượng Đặc biệt Việt Nam do Hoa Kỳ huấn luyện, nay được tăng phái bảo vệ Phủ Tổng Thống, Guy lập tức đeo lại kính và nhanh nhẹn rảo bước tới cầu thang rộng, bằng đá cẩm thạch, dẫn thẳng lên tầng hai.

Guy biết phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm được đặt trên tầng ba, đi lên thêm một đoạn cầu thang nữa. Phòng đó bày biện đơn giản đúng theo truyền thống khắc khổ của giới quan lại An Nam, với bàn giấy, chiếc giường cứng bằng gỗ cẩm lai, mấy kệ sách và tủ hồ sơ. Nó được dùng làm phòng ngủ, phòng ăn lẫn phòng làm việc cho con người tịch mịch ấy, kể suốt chín năm nay làm nguyên thủ nước Việt Nam Cộng Hoà, với đức tin vào ý định và sự quan phòng của Thiên Chúa, cũng là kẻ có lời đồn rằng đã khấn hứa sống độc thân trọn đời tại một tu viện Đa Minh nào đó ở châu Âu.

Trong căn phòng nhỏ ấy, Tổng Thống Diệm tiếp xúc với mọi khách người Việt và chỉ một ít người nước ngoài có chọn lựa cùng những kẻ ông muốn gặp riêng, thí dụ viên chức CIA Mỹ cỡ Guy Sherman. Còn khách nước ngoài được ông tiếp kiến chính thức tại đại khách sảnh đồ sộ ở tầng trệt, nơi trước đây thống đốc Pháp ở Nam kỳ từng chủ tọa các buổi tiếp tân.

Nhưng vào một dịp như hôm nay, Guy Sherman, không đi vượt

quá tầng hai, nơi đặt văn phòng của Cố vấn Tối cao Ngô Đình Nhu. Ông là bào đệ của Tổng Thống và đặc biệt là một kẻ đa mưu, tổ chức giỏi, sành lý thuyết, thường tâm đắc câu "Kẻ thù của chúng tôi không chỉ Cộng Sản mà còn những người ngoại quốc xưng là bằng hữu". Tới bên ngoài cửa văn phòng ấy, Guy đứng chịu trận cho một thiếu tá LLDB mặc đồng phục trắng khám xét tỉ mỉ khắp người. Khi viên thiếu tá mặt nguội ngắt thấy người khách Mỹ chẳng lặn trong mình một thứ vũ khí nào, y mới bằng lòng đưa Guy vào một phòng thênh thang, rộng gấp mấy lần căn phòng của Tổng Thống.

Phòng được trang trí bằng các đầu cạp, trâu và nai nhồi bông hoặc mặt cưa mà Guy phỏng đoán chúng bị hạ chung quanh đồi núi Đà Lạt, vùng đất săn bắn Ngô Đình Nhu ưa thích. Trên tường treo đường bệ một bức tranh chân dung sơn dầu lớn bằng người thật, vẽ một phu nhân Việt Nam chắt ngắt những đường nét kiêu hãnh và mặc áo dài bó sát da thịt.

Guy có cảm tưởng dường như họa sĩ phóng đại những đặc điểm cốt lõi của đối tượng, tạo cho vóc dáng nhỏ nhắn của giai nhân ấy một bộ ngực hấp dẫn đầy âm ập và rất kêu gọi nhục cảm; đồng thời còn tô vẽ thêm để mỹ nhân ấy có cặp mắt long lanh kiêu kỳ theo kiểu nhân vật phản diện trong kịch Bắc Kinh. Bức tranh nhìn xuống còn bản thân người chồng an tọa sau chiếc bàn giấy không lồ bằng sơn mài màu đen, mặc quần đen vừa vặn thân mình cùng áo sơ mi lụa ngắn tay màu vàng nhạt, đang cầm cúi đọc hồ sơ trong khi miệng ngâm điệu thuốc lá tỏa khói.

Rồi làm như vô tình ngẩng đầu và bất chợt thấy Guy, Ngô Đình Nhu từ từ đặt điều thuốc xuống mép chiếc gạt tàn thủy tinh, đứng dậy chìa tay. Bộ mặt da khô ấy nứt ra thành một nụ cười:

- A, Monsieur Sherman đây rồi. Rất hân hạnh được gặp ông. Thì ra gia đình ông không xa lạ gì với đất nước của chúng tôi.

Trong khi bắt tay, Guy ngó xuống thấy một tập hồ sơ bìa màu vàng đậm có in tiêu đề: Sở "Nghiên Cứu Chính Trị & Xã Hội". Và Guy quá rõ đó là lời nói trại danh xưng của cơ quan mật vụ Nam Việt Nam mà ai cũng biết do Ngô Đình Nhu cầm đầu. Nhìn gần hơn, Guy có thể đọc ra tên của hân ở góc phải, được đánh bằng máy chữ

sát ngay dưới con dấu phân loại "Tối Mật". Bên cạnh đặt cuốn sách của Joseph Sherman trong đó có phần nghiên cứu lịch sử bang giao giữa Việt Nam và Bắc Kinh thời phong kiến. Ngô Đình Nhu vừa đi quanh bàn giấy, hướng dẫn Guy tới bộ xa-lông, vừa nói:

- Tôi vừa đọc thấy vào giữa thập niên hai mươi, vị thượng nghị sĩ thân phụ anh có mang gia đình sang đây săn bắn tại vùng đồi núi tôi thường đi săn - và người anh cả của anh chẳng may tử nạn tại đó; thật bất hạnh. Người anh thứ hai của anh, mà tôi tin rằng từng có lý do để trở lại đây nhiều lần, cũng là tác giả một cuốn sách rất công phu và có thiện cảm đối với lịch sử của xứ sở chúng tôi.

Ngô Đình Nhu nói tiếng Pháp cực chuẩn nhưng với giọng nghèn nghệt, chậm rãi và khó chịu. Guy mỉm cười đón nhận lối vào chuyện cổ làm ra vẻ thân thiện ấy. Vừa đặt người xuống ghế bành, Ngô Đình Nhu châm một điếu thuốc khác:

- Anh xuất thân từ một gia đình chính khách và học giả, cái đó thuận lợi cho chúng ta trò chuyện. Monsieur Sherman ạ, có phải đó là lý do khiến CIA chọn anh để điều tra cách thức chúng tôi đang dự tính đối phó với những xúc phạm trắng trợn của Phật giáo?

Câu hỏi đột ngột đó dồn Guy vào thế thủ. Trong khi tìm câu trả lời, Guy nhìn kỹ hơn nét mặt của Ngô Đình Nhu. Là người Việt Nam duy nhất, cho tới nay, tốt nghiệp thủ thư từ một học viện cổ thuộc lại khó theo học nhất của Pháp, sau đó về làm việc tại Thư viện Quốc gia Hà Nội cho tới ngày nổ ra cuộc chiến tranh Việt-Pháp, người em của Tổng Thống Diệm từng có thời tuấn tú đẹp trai, thần tượng của nhiều tiểu thư Hà Thành. Nhưng hiện nay, với số tuổi năm mươi hai, da mặt ông tái xám, khô và nhăn trông như hậu quả của thói quen hút á phiện. Nụ cười của ông lạnh lẽo. Mắt ông long lanh vẻ lấp lánh khác thường. Và Guy kết luận rằng lời đồn đãi ông ta dùng thuốc phiện có lẽ không ngoa chút nào.

Guy cũng nói bằng tiếng Pháp, cẩn thận chọn từng lời:

- Thưa ông cố vấn, quan tâm hàng đầu của thân phụ tôi là sự đóng góp của người dân Virginia trong mọi lãnh vực sinh hoạt của Hoa Kỳ. Anh Joseph của tôi giới hạn những nghiên cứu có tính hàn lâm của anh ấy vào chuyên đề Việt Nam thời quá khứ. Cũng như mọi viên chức khác phục vụ trong ngành ngoại giao tại đây, tôi chỉ

quan tâm tới hiện tại của quý quốc. Chúng tôi chỉ cố gắng cung cấp cho những người hoạch định chính sách ở bên nhà những thông tin đáng tin cậy.

Cầm tách trà bốc khói vừa được người phục vụ mang ra, Ngô Đình Nhu ra hiệu mời Guy tách còn lại trong khay. Rồi ông đưa lên miệng nhấp trước một hớp:

- Monsieur Sherman ạ, thảo luận về các nhiệm vụ của CIA không phải là việc của anh hay của tôi. Tôi vui vì anh tới đây hôm nay. Một cuộc gặp gỡ không chính thức thuộc loại này với một người như anh cho phép tôi có thể thoải mái thổ lộ những ý nghĩ riêng tư của mình. Với ông đại sứ của anh thì có quá nhiều ràng buộc vào nghi thức. Mời anh dùng trà. Ta vào đề ngay.

Vị cố vấn tối cao của Ngô Tổng Thống hút chưa hết điều thuốc này đã nói thêm điều khác:

- Tôi chỉ có thể trình bày nguyên tắc các dự tính của chúng tôi đối với Phật giáo. Hẳn anh biết rất rõ, suốt chín năm qua, Phật giáo phát triển không thua thời Pháp thuộc, với việc thành lập thêm gần hai chục Hội Phật giáo. Họ hiện có bốn nguyệt san không bị chính phủ kiểm duyệt. Con số các giáo phái và hiệp hội Phật giáo hiện sinh hoạt có giáp phép là 35. Trên hai ngàn rưởi ngôi chùa được xây dựng thêm. Chính phủ cấp hàng chục triệu để xây cất hoặc trùng tu chùa, trong đó có chùa Xá Lợi. Chính người em của tôi tại Huế cũng giúp trùng tu chùa Từ Đàm. Chúng tôi dự tính sẽ đẩy mạnh hơn những hỗ trợ đó, nhưng từ xưa tới nay, các ngôi chùa tại Việt Nam sinh hoạt vừa đa dạng vừa đặc trưng theo từng tông phái. Và không phải tông phái nào cũng chấp nhận nằm trong một tổ chức Phật giáo thống nhất chặt chẽ về giáo pháp, phẩm trật và tài sản như giáo hội Công Giáo.

Ngô Đình Nhu phà khói thuốc lên trần nhà:

- Việc tự thiêu hôm qua thật đáng tiếc. Nhất là nó xảy ra khi chính quyền đang chính thức thương thuyết với Ủy ban Liên Phái của Phật giáo, một tổ chức qui tụ mười một Giáo phái và Hiệp hội hoạt động tích cực nhất. Có điều chết cho một nguyên cớ chưa hẳn biến được nguyên cớ ấy thành chính đáng. Chúng tôi sẽ tiếp tục thương lượng và tìm cách nắm thế chủ động. Nguyên tắc của anh em

chúng tôi từ năm 1955 tới nay vẫn là không nhượng bộ các tôn giáo để họ có cơ hội biến thành một thực thể chính trị có tổ chức và đầy tham vọng.

Ngừng một chút, vị cố vấn của Tổng Thống Diệm đưa tay lên bóp trán như cực chẳng đã phải nói ra ý nghĩ của mình:

- Phật giáo, cũng như mọi tôn giáo, sở trường của họ là tôn giáo, tu học, hoằng pháp, văn hóa giáo dục và từ thiện xã hội. Bằng những sinh hoạt vô vị lợi ấy họ giúp các tín đồ hành đạo giữa đời và góp phần củng cố xã hội dân sự. Trong khi đó, hoạt động chính trị đòi hỏi những định chuẩn nghiêm ngặt về trình độ, tổ chức, chuẩn bị, mưu lược và lãnh đạo. Anh thừa biết bất cứ tín đồ nào cũng có triển vọng làm một chính khách chuyên nghiệp và lão luyện nhưng kẻ là tu sĩ dẫu có muốn làm thủ lãnh chính trị cũng chỉ là một thứ tay mơ; y như nữ tu dạy mẫu giáo mà cứ đòi làm giám đốc một vũ trường. Tôn giáo, kể cả cái giáo hội được kể là có kinh nghiệm chính trị nhất như Công Giáo La mã, nếu với sự lãnh đạo của giới tu sĩ thuần thành mà trực tiếp lao vào đấu trường chính trị đầy phản trắc, không sớm thì muộn cũng sẽ phân hóa, hư hoại và tự sát. Nói tới đây, Nhu nhìn thẳng vào mặt Guy, làm như kèm lại tiếng thở dài:

- Cũng thật đáng tiếc là cách đây một giờ, tôi vừa nhận được báo cáo rằng các chỉ huy trưởng quân sự của quý vị đã hạ lệnh cho tất cả cố vấn Mỹ rút ra khỏi các đơn vị được chính phủ phái đi kiểm soát Phật giáo.

Guy trả lời ngay:

- Chắc ông cố vấn thừa biết rằng sự hiện diện của các cố vấn Mỹ tại đây là chỉ để hỗ trợ các đơn vị QĐVNCH trong công cuộc chiến đấu chống Cộng Sản.

Bằng bàn tay cử động lừ đừ uể oải, Ngô Đình Nhu dụi điều thuốc vào gạt tàn, rồi lập tức rút một điều khác từ chiếc hộp đôi môi đặt giữa bàn. Châm xong điều thuốc mới, trên mặt ông thêm lần nữa xuất hiện nụ cười không vui:

- Ai có thể đoán chắc rằng không có bàn tay của Cộng Sản đằng sau những hoạt động mệnh danh là đấu tranh cho tôn giáo của các nhà sư?

- Trong tình hình này, thưa ông cố vấn, hình như chưa ai có thể trả lời dứt khoát cho câu hỏi đó. Nhưng nếu ông cố vấn có bằng chứng đáng tin cậy nào để hỗ trợ cho luận điểm ngược lại, tôi sẽ sung sướng chuyển ngay nó cho Toà đại sứ Hoa Kỳ. Trong khi chờ đợi, chúng tôi buộc lòng phải cho rằng hai vấn đề ấy chẳng chút nào liên quan nhau. Tôi tin rằng ông đại sứ của chúng tôi đã thông báo cho bào huynh của ông cố vấn rằng Washington đang quan ngại cuộc khủng hoảng Phật giáo có thể gây bất ổn cho xứ sở của quý vị tới một mức độ rộng lớn khiến các nỗ lực quân sự bị xói mòn tới tận nền tảng. Và cuối con đường đó, các quân nhân Mỹ ở đây có thể bị lâm nguy.

Im lặng đứng lên, Ngô Đình Nhu đi mấy bước tới bức vách đối diện, rồi đột ngột quay lại:

- Tôi khá mệt mỏi vì thường nghe luận điểm lấy sinh mạng của các quân nhân Mỹ làm thước đo mức độ bất ổn của Việt Nam Cộng Hoà. Có quá nhiều người Mỹ quên rằng đây là cuộc chiến tranh của chúng tôi và máu người Việt cũng đỏ không thua máu của người Mỹ. Chúng tôi nhận được nhiều báo cáo từ các địa phương và các đơn vị gửi về kèm theo những lời than phiền người Mỹ. Khi người Mỹ mới tới, người Việt rất kính nể họ vì họ làm việc chăm chỉ, có kỷ luật và không bần gắt, không lên giọng với chúng tôi. Tuy nhiên tác phong ấy đang sa sút theo với thời gian và nhân số. Lực Lượng Đặc Biệt Mỹ cũng chẳng nể nang chủ quyền của chúng tôi khi họ tự do tung hoành trên cao nguyên. Chúng tôi biết ơn sự hỗ trợ của các bằng hữu trong thế giới tự do, nhưng có phải đã tới lúc người Việt Nam nên chủ động giải quyết cuộc chiến tranh của mình.

Guy giật mình. Hán hít vào một hơi thật sâu và thấp giọng hỏi:

- Thưa, ông cố vấn nói như thế có ý gì ạ? Theo như tôi biết, thật khó mà nói rằng có thể tách cuộc chiến tranh tại đây khỏi khung cảnh cuộc xâm lấn của chủ nghĩa Cộng Sản trên toàn thế giới.

Ngô Đình Nhu dừng bước ngay trước mặt Guy:

- Vấn đề là ở chỗ đó, thưa anh. Đôi khi tôi nghĩ có lẽ tốt hơn cho người Việt chúng tôi nếu cuộc chiến tranh này không bị đánh giá như thế. Với tôi, đây chủ yếu là cuộc chiến tranh của Hà Nội nhằm

xâm chiếm Sài Gòn để thu tóm hai miền dưới sự thống trị của đảng Cộng Sản Việt Nam. Như thế, kẻ nào có đủ thẩm quyền để quyết định rằng cuộc chiến này phải là một bộ phận trong toàn bộ cuộc chiến tranh lạnh trên toàn thế giới, cả cứu cánh lẫn thời gian. Rồi một ngày chắc chắn phải tới, Hoa Kỳ của anh cùng Trung Cộng nọ và Nga Sô kia dàn xếp được quyền lợi với nhau thì lúc đó, ai đảm bảo rằng các vấn đề của chúng tôi được giải quyết thỏa đáng.

Người Mỹ vẫn thường nói tôn trọng quyền tự quyết của các dân tộc. Vậy tại sao chúng tôi không thử đi trước một bước để tự giải quyết vấn đề của mình.

Ngồi xuống ghế và uống cạn tách trà, Nhu nói tiếp:

- Hồ Chí Minh với anh tôi không phải chưa từng đối mặt nhau và không tôn trọng nhau. Những thành quả của Ấp Chiến Lược đang dồn MTGPMN vào thế bị động. Từ ba năm nay, Việt Cộng không mở được một trận đánh qui mô lớn nào. Vụ Ấp Bắc chỉ là một biệt lệ. Để xây dựng miền nam, chúng tôi có chủ nghĩa Cần Lao Nhân vị, một lý thuyết đủ sức tranh luận với chủ trương toàn trị của Cộng Sản và tự do phóng túng của tư bản. Để nắm vững quân công cán chính, chúng tôi có đảng Cần Lao. Hàng ngũ hóa quân chúng thì có các Liên đoàn, Tập đoàn, Phong trào Thanh niên, Phụ nữ, v.v. Nga sô và Trung Cộng sắp sửa xung đột nhau, như thế, Hà Nội không có khả năng theo đuổi lâu thêm nữa cuộc chiến tranh này. Đã tới lúc Hà Nội có thể thấy cách tốt để hai bên thoát ra khỏi vòng quay của Chiến Tranh Lạnh là chúng tôi nên ngồi lại với nhau, tìm một cách thức giải quyết giữa những người Việt Nam với nhau. Trong một cuộc phỏng vấn trước đây có đăng lại trên tờ New Times của Nga, Hồ Chí Minh nói rằng ông ấy vẫn mở rộng cửa cho một giải pháp chung giữa hai miền trên căn bản hiệp định Genève 1954.

Guy choáng váng, hỏi gặng:

- Có phải đó là ý nghĩa chậu đào phương bắc được chung bày tại Phủ Tổng Thống đầu năm nay không ạ?

- Đó là những cảnh đào của ông Hồ gởi vào tặng cho anh tôi. Cám ơn anh đã đề ý; nó chứng tỏ việc chúng tôi biết không thể qua được mắt CIA là đúng. Và quý vị cũng thừa biết rằng đó cũng là nỗ lực

trung gian của Hung và Ba Lan trong Ủy hội Kiểm soát Đình chiến.

Trong một chốc, người Việt Nam chăm chú nhìn người Mỹ rồi trên mặt hần rõ nét một nụ cười giả tạo:

- Monsieur Sherman, anh biết không, tôi đang nghiêm túc tự hỏi không biết tôi có bị buộc phải thuyết phục ông anh của tôi rằng đã tới lúc chúng tôi không nên xem viện trợ quân sự của Mỹ như một nguồn tài nguyên duy nhất cho toàn bộ. Nói riêng giữa ông và tôi biết thôi, tôi có thể kể với ông rằng lúc này người Pháp đang đề nghị tạo cơ hội cho chúng tôi móc nối với Hà Nội dễ dàng hơn - hiển nhiên đó chỉ là vì quyền lợi kinh tế vĩ mô của họ tại xứ sở chúng tôi thôi! Nhưng cũng như Washington vẫn nói chuyện với Mạc tư khoa, tôi chợt nghĩ tại sao Sài Gòn lại không nói chuyện với Hà Nội nhỉ? Và có thể tới lúc này Hà Nội cũng tự hỏi tại sao không đặt quan hệ giữa người Việt hai miền bằng một đường lối không chiến tranh, như hiện trạng của Triều Tiên và Đức ngày nay? Chúng ta không nên quên, phải không, rằng đang hiện hữu nhiều sự lựa chọn bên cạnh các giải pháp của Hoa Kỳ.

Guy lại chậm chậm hít vào một hơi thật dài. Sự hăm dọa trong lời bình luận úp mở và ranh mãnh này thật không thể nào làm lẫn. Nếu dự tính điều đình với Hà Nội ấy được tuyên bố công khai cho chính quyền Hoa Kỳ như Ngô Đình Nhu rõ ràng đang thử nghiệm, hẳn nó có tác dụng như một quả bom ngoại giao và sẽ làm Hoa Kỳ vô cùng bối rối. Guy trả lời với vẻ mặt không lộ chút cảm xúc:

- Thưa ông cố vấn, chúng tôi vẫn nói chuyện với Mạc tư khoa vì chúng tôi không lâm chiến với họ. Binh sĩ của chúng tôi có mặt tại đây vì Sài Gòn lâm chiến với Hà Nội. Thật cũng đáng cho ta suy ngẫm về sự khác biệt đó trước khi quý vị lập quyết định. Thêm nữa, cũng nên suy ngẫm liệu sự thay đổi giọng điệu hiện nay của Hồ Chí Minh có phải chỉ nhắm mục đích duy nhất là gieo mâu thuẫn và khoét sâu mối xung khắc nếu có giữa Sài Gòn và Washington? Đang mỉm cười Ngô Đình Nhu bỗng nghiêm sắc mặt, điềm tĩnh nhìn chăm chú người Mỹ:

- Đương nhiên chúng tôi phải nghiên cứu mọi khả năng, nhưng không phải nhờ sự soi sáng của kẻ khác người Việt mới có thể hiểu

rõ nhau. Cái cực kỳ khó khăn là Việt Nam Cộng Hoà phải chiến đấu quyết liệt và phải mở rộng cửa cho các giải pháp khả thi. Hiện nay, chúng tôi ghi nhận được rằng đang có một khuynh hướng khá mạnh tại Ngũ Giác Đài muốn có một căn cứ quân sự của quý quốc tại Việt Nam, Cam Ranh chẳng hạn. Về mặt pháp lý, không ai có thể bảo hành động ấy không vi phạm Hiệp định Genève, một văn bản còn hiệu lực vì Ủy hội Quốc tế Kiểm soát Đình chiến dù sao cũng vẫn hoạt động. Và trong tương lai, việc giải quyết chiến tranh Việt Nam không thể không cứu xét tới các nguyên tắc được đề ra trong văn bản Hiệp định ấy và mức độ thực thi chúng của các bên liên hệ. Giai đoạn này, nói thật với anh, điều làm ông anh của tôi suy ngẫm hơn bao giờ hết là, nếu không tìm một giải pháp nào đó để bảo vệ chủ quyền và nếu cứ tiếp tục chấp nhận sự can thiệp gần như độc quyền và ngày càng lấn sâu của một số người Mỹ, thì vô hình chung chúng tôi đang tự hủy diệt khả năng giải quyết cuộc chiến này trong danh dự, như thế, cũng có nghĩa chúng tôi đang tạo thế thượng phong chính trị cho một đối phương cứ lái nhải chiêu bài "giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước."

Ngô Đình Nhu đứng lên, đi mấy bước ngược mắt nhìn bức ảnh đi săn của mình treo trên vách, rồi đột ngột quay lui, nói rất chậm:

- Có thể đã tới lúc chúng tôi muốn người Mỹ hãy chỉ là một trong các bằng hữu hỗ trợ những gì chúng tôi cần tới, còn việc chiến đấu thì cứ để chúng tôi chủ động. Có thể chúng tôi sẽ đề nghị giảm xuống một nửa trong số mười sáu ngàn quân Mỹ hiện nay. Chúng tôi tin chắc rằng những thành quả hiện nay biện minh cho triển vọng thành công của phương án ấy.

Dứt câu ấy, Ngô Đình Nhu rút một hơi thuốc và nhìn lên trần nhà. Chờ Nhu nhả xong khói thuốc, Guy Sherman nói thật chậm và thật nhỏ:

- Chúng tôi mong ước sớm nhận được các văn bản chính thức về lập trường và ý định liên quan tới những vấn đề ông cố vấn vừa trình bày. Trong khi chờ đợi...

Ngay lúc ấy, bỗng có tiếng chân phụ nữ bước rất lẹ ở phía bên kia cánh cửa sau lưng Ngô Đình Nhu. Tiếng gót chân kêu lạch cạch giậm dừ trên sàn nhà cẩm thạch, càng lúc càng lớn hơn nhanh hơn,

rồi thỉnh linh cửa bị kéo bật tung và một hình dáng nhỏ nhắn lướt vào phòng. Ngược mắt, Guy nhận thấy vị phu nhân trong bức chân dung trên vách đã xuất hiện giữa đời một cách cực kỳ gay cấn.

Mặc áo dài tươi sáng bằng lụa màu vàng nhạt điểm lấm tấm những lá dương xỉ màu lục tươi tắn, người Madame Ngô Đình Nhu toả sức sống sôi động lạ thường. Chiếc áo dán sát những đường cong gợi cảm trên thân thể bà như một làn da thứ hai. Mặt bà được điểm trang tinh tế để làm nổi bật đôi mắt sẫm màu và sắc sảo cùng hai gò má nhô cao của người nữ Á Đông. Trong khi dăm dăm nhìn bà, Guy thấy mình đang thay đổi nhận xét vừa rồi về bức chân dung kia của nhà họa sĩ. Rằng ông ta không chút nào biếm họa hoặc phóng đại đối tượng của mình mà là đã chuyên chở bằng nét vẽ và màu sắc một cách trung thực, giống y như tạc.

Vừa đặt chân vào phòng, Madame Nhu tuôn ra một tràng những lời lẽ dữ dội bằng tiếng Pháp với giọng the thé. Khi đến bên chồng, bà điên tiết ve vẩy cho chồng thấy một xấp báo nước ngoài và Mỹ. Bà liệng xấp báo thật mạnh lên mặt bàn xô-pha:

- Ông nhìn những cái này! Các thợ chụp ảnh Mỹ chắc chắn đút lót ông sư đồ để ông ta tự nướng thịt mình cho họ chụp hình. Đây nhất định là một âm mưu do bọn Cộng Sản giật dây.

Trong khi Ngô Đình Nhu đọc lướt mấy tờ báo, vị đệ nhất phu nhân của chế độ đứng sau lưng chồng điên tiết ngó gườm gườm Guy.

Lúc ấy hẳn mới để ý thấy chiếc áo bà đang mặc khác với áo dài truyền thống ở điểm duy nhất: thay vì cổ áo cứng, cao và trang nghiêm che kín phần dưới cằm, chiếc áo Madame Nhu mặc được vẽ kiểu với đường viền nơi cổ khoét vừa đủ để nâng chiều cao của cơ thể bà lên và lôi cuốn thêm sự chú ý vào bộ ngực đầy đặn của bà. Và kiểu cách ấy cho thấy bà hoàn toàn biết rõ tác động ngoại hình khêu gợi của mình.

Madame Nhu nói, cũng với giọng đanh đá và giận dữ như lúc bà mới bước vào, lần này bằng tiếng Anh:

- Monsieur Sherman này, hoặc biết đâu chính CIA đang âm mưu kích động đảo chánh qua bè lũ Phật giáo đó?

Guy bút rút trở mình trong lòng ghế. Hẳn từng nghe nhiều lời kẻ gián tiếp về các cơn thịnh nộ của bà Nhu và về sinh hoạt tình dục

cực cao của bà. Và hẳn có khuynh hướng gạt bỏ những lời đồn đãi đó, xem chúng là những phóng đại quá xa sự thật. Nhưng lúc này, lần đầu tiên nhìn thấy bà Nhu bằng xương bằng thịt với lối biểu lộ sôi nổi và đầy cảm tính của bà, hẳn có ấn tượng rằng có lẽ bà sống còn vượt quá lời đồn đãi. Trong khi chờ câu trả lời của Guy, bà tiếp tục nhìn hẳn chăm chăm, mặt ngược lên như thách thức. Nhưng trước khi Guy có thể thốt ra một câu trả lời rành mạch, Ngô Đình Nhu đã rời mắt khỏi mấy tờ báo, thở ra thành tiếng. Rồi ông ngừng đầu và thêm lần nữa mỉm cười với hẳn:

- Tôi hy vọng CIA không dính líu tới chuyện này. Chúng tôi biết quý vị đang cần anh em chúng tôi để xử lý hiệu quả cuộc Chiến Tranh Lạnh tại Đông Nam Á. Nếu quý vị thất bại tại cái xứ sở quý vị đã viện trợ từ năm 1954 tới nay, thì tại những nơi khác trên thế giới, sự ủng hộ của Hoa Kỳ chẳng còn có giá trị gì. Và vì thế, phải chăng sẽ không có một cuộc khủng hoảng tín nhiệm khắp thế giới giữa các đồng minh của quý vị? Dân chúng Mỹ thích làm người chiến thắng. Quý vị là một dân tộc giản dị. Trên tất cả mọi sự, quý vị ngưỡng mộ cuộc sống vật chất nhơn nhơ và sự chiến thắng - dù thắng trong các trò chơi hoặc trong chiến trận. Tôi thấy người Pháp tinh tế hơn. Họ miễn tiện hơn nhiều. Và nói thật với anh, đó là lý do khiến tôi chuộng lối sống Pháp hơn lối sống Mỹ.

Guy trầm tĩnh trả lời:

- Chắc chắn người Mỹ đơn giản ở điểm duy nhất, rằng chúng tôi biết rõ cái mà chúng tôi bênh vực. Chúng tôi không dễ dàng thay đổi lập trường. Tại đây, chúng tôi ủng hộ bất cứ cái gì giúp ích cho nỗ lực chiến tranh, và chúng tôi chống lại bất cứ cái gì gây trở ngại cho nỗ lực ấy. Chúng tôi không bỏ công sức ra để rồi thấy cuộc chiến tranh này thua vào tay Cộng Sản. Bằng hành động làm cho Phật giáo xa lánh mình, phải chăng quý vị đang khiến toàn thể xứ sở quay ra chống lại quý vị? Nếu làm theo lời ông đại sứ của chúng tôi đề nghị với bào huynh của ông rằng cứ thừa nhận sự kiện chất nổ bộc phát tại Huế là không do lệnh phát xuất từ Sài Gòn - và cấp cho các nạn nhân một khoản tiền bồi thường nào đó thì có phải dễ dàng hơn không?

Bỉu môi mĩa mai, Madame Nhu cướp lời:

- Đúng là hiệp sĩ dở hơi! Làm như thể người Mỹ lúc nào cũng ưu đãi kẻ yếu - kẻ cả khi không biết chắc chắn kẻ yếu đó là cái thứ nào! Tại sao chúng tôi phải bồi thường khi thủ phạm không phải là chúng tôi. Anh thừa biết vụ đại phát thanh Huế chỉ là một cái cớ. Làm sao chính quyền địa phương dám cho phát thanh một bài thuyết pháp gồm toàn những lời chỉ trích kịch liệt chính quyền trung ương? Chuyện bình đẳng tôn giáo cũng chỉ là một cái cớ. Có phải hiện nay, hầu hết bộ trưởng, tỉnh trưởng và tướng lãnh đều không là người Công Giáo? Muốn thay đổi cái Đạo dụ về hội đoàn có từ thời Bảo Đại đó thì phải chờ thời gian cho quốc hội sửa lại luật. Vậy đó. Nếu chúng tôi nhượng bộ Phật giáo một cách vô nguyên tắc thì các đòi hỏi của bọn họ sẽ vô tận. Họ cứ việc tự thiêu, còn chúng tôi, chúng tôi không có ý định tự sát!

Bà Nhu vừa nói vừa đứng chống nạnh, trụ hai chân với thái độ đanh đá và tư thế thách thức. Dù mang giày gót cao một tấc bằng da màu ngọc bích sản xuất ở Paris, bà vẫn không cao quá một thước sáu. Bà tuôn tiếp từng tràng với vẻ hung tợn của một con mèo cái đang lên cơn điên, xen lẫn tiếng Anh với tiếng Pháp:

- Nếu anh muốn đến đây để tìm hiểu thái độ của chúng tôi ra sao đối với bè lũ Phật giáo thì thưa anh, chúng tôi nói thẳng thế này, nếu có thêm một lão thầy chùa nào muốn tự đốt mình cho tới chết, tôi sẵn sàng cúng dường xăng và diêm quẹt!

Hai mắt của người đàn bà Việt Nam loé lên. Bà lúc lắc đầu khinh mạn, lặp lại cái ý tưởng thách thức có lẽ bà cảm thấy rất đắc chí:

- Nếu bọn chúng thèm muốn nướng thịt thêm ông sư nào nữa, cá nhân tôi sẽ vỗ cả hai tay!

Guy né hai con mắt của bà Nhu. Hắn quay sang người đàn ông ngồi trước mặt mình và ướm lời:

- Quý vị sẽ hoàn toàn đánh mất thiện cảm của các quốc gia dân chủ trên thế giới nếu quý vị nghiền nát đối thủ của mình bằng võ lực.

Tại Hoa Kỳ, có một số người thắc mắc tại sao chính phủ Việt Nam hiện nay không mở rộng và chấp nhận đối lập. Ông cố vấn có từng nghĩ tới điều đó không ạ?

Ngô Đình Nhu trả lời với giọng khàn khàn:

- Monsieur Sherman, xin anh chuyển cho quý vị ấy câu trả lời sau

đây của tôi. Muốn có dân chủ thì phải có hòa bình, nâng cao trình độ người dân để họ ý thức quyền lợi và trách nhiệm của mình trước pháp luật và chính quyền các cấp phải hành xử theo pháp quyền. Chúng tôi đang đào tạo những viên chức có năng lực và có tinh thần trách nhiệm. Cái gọi là các đảng phái hoặc tổ chức chính trị của chúng tôi hiện nay chỉ gồm vài nhóm nhỏ trí thức xa-lông, hoặc tàn dư các đảng phái cũ sinh hoạt theo lối hội kín, thích cát cứ, thích khuynh đảo, nhiều khi thích chơi trò khùng bố. Trên nguyên tắc, chúng tôi rất thông cảm và tương nhượng họ vì đó là hậu quả của thời phải đấu tranh bí mật và gian khổ với Pháp. Nhưng họ cần thời gian để chuyển mình từ những cá nhân nói suông, những ban chấp hành lạc lõng và những bè nhóm đầy tính cách bộ lạc thành các tổ chức tôn trọng pháp luật và chuyên nghiệp.

Nhìn xuống mũi giày của mình, rồi nhìn trở lại Guy, Nhu nói với giọng như tiếc rẻ nhưng không kém khẳng định:

- Chúng tôi phải lựa chọn cái nào là ưu tiên, giữa cái gọi là tự do dân chủ lý tưởng theo kiểu của quý vị hoặc an ninh trật tự hợp với hoàn cảnh chiến tranh và một xứ sở vừa thoát cảnh 80 năm nô lệ, còn mang trong mình đủ loại thương tật và xung khắc. Nghĩa là chọn lựa giữa hỗn loạn và ổn định. Nếu xứ sở không ổn định, chúng tôi không thể thắng lợi cả trên hai lãnh vực hồ tương là tiêu diệt Cộng Sản và phát triển quốc gia. Monsieur ạ, lúc này, thú thật với anh, có Cộng Sản làm đối lập là quá đủ. Khi nào chúng tôi giải quyết xong cuộc chiến tranh này và xây dựng được hạ tầng cơ sở kinh tế, đó sẽ là lúc cân nhắc xem mình có thể cùng chơi trò tự do dân chủ với các nhóm đối lập hợp pháp hay không.

Dừng lại để châm một điếu thuốc nữa, Nhu rút mạnh, phà khói.

Qua làn khói, Nhu nhìn thẳng vào mặt Guy:

- Hơn nữa, thật chẳng hay ho gì khi chính phủ hợp hiến của một chế độ dân chủ pháp trị trong một quốc gia có chủ quyền lại bị buộc phải chấp nhận cái thứ đối lập hễ tranh cử mà thua thì chỉ chực đảo chánh. Theo cái kiểu "được làm vua, thua làm giặc", hoặc tệ hơn nữa, đối với những tướng lĩnh, những chính khách thiếu sĩ diện dân tộc, chưa thoát khỏi cái não trạng phiên thuộc cả

ngàn năm là "được thì làm vua, thua thì cầu viện ngoại bang"!

Sherman nói điềm tĩnh:

- Tôi xin phép được nói là, dù sao đi nữa hẳn sẽ không thực tế khi trên đường phấn đấu cho một mục tiêu cao cả mà chúng ta tự tay mình làm hư hoại tận nền tảng những giá trị làm thành mục tiêu đó. Tôi không biết các mật báo viên của ông cố vấn tường trình như thế nào nhưng việc hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu không chỉ làm kinh hoàng dân chúng Mỹ; nó còn tác động sâu xa lên những người Việt bình thường. Ít nhất tại Sài Gòn cũng có một cậu bé giúp việc nói với người chủ Mỹ của cậu ta rằng sự tự thiêu ấy chứng tỏ chính quyền của Tổng Thống Diệm là xấu.

Qua làn khói thuốc, Ngô Đình Nhu trầm ngâm quan sát người Mỹ và nói:

- Tốt hơn là anh chớ nghe lời nói vớ vẩn của mấy cậu bé giúp việc lật vật trong nhà, nhưng tôi thật sự không nghĩ rằng mình cần phải nói với anh lời khuyên ấy. Anh đã khôn ngoan tới thẳng văn phòng của tôi để tìm hiểu cho sáng tỏ và anh đã không đi lên tầng thứ ba. Ông nhướng cặp mắt một cách đầy ý nghĩa lên hướng trần nhà, nơi đặt phòng của Tổng Thống phía trên họ:

- Ít ra CIA cũng hiểu lúc này quyền lực thật sự đang nằm ở chỗ nào. Anh biết không, chẳng may ông anh của tôi lại bị hành hạ vì căn bệnh của quý vị - khao khát được hoà giải và nhượng bộ vô nguyên tắc. Anh ấy thèm muốn - như người Pháp thích nói - có "một vòng tròn với đủ các góc". Anh ấy muốn mọi người bắt tay nhau, không đổ máu. Anh ấy tin rằng mọi sự đều được an bài và che chở theo một đường thẳng với cuộc sáng thế của Đảng Tối cao! Còn nữa, anh ấy không muốn thế giới bên ngoài có những ý nghĩ không tốt về gia đình chúng tôi.

Trong khi Ngô Đình Nhu nói về thánh ý và thị phi, Madame Nhu vẫn nhìn người Mỹ chăm chặp với hai con mắt rực lửa, nhưng đôi vành tai xinh xắn của bà như rung theo từng lời lẽ của chồng. Bà đệm vào:

- ... Còn đối với vợ chồng tôi, cái thế giới đó có nghĩ ra sao về chúng tôi thì mặc họ!

Trong một chốc, khắp phòng yên lặng. Rồi Ngô Đình Nhu nôn

nóng xoay đi xoay lại trên ghế ngồi:

- Như thế, Monsieur Sherman, tôi nghĩ anh đã biết ít nhiều về lập trường hiện nay của chúng tôi, phải không? Nhưng tôi không chắc chắn về thái độ của CIA. Có phải CIA đang trở mặt chống lại chúng tôi và bắt đầu có thiện cảm với Phật giáo?

Guy thở ra một mối:

- Thưa ông cố vấn, tôi cũng khá mệt mỏi để nhắc nhở với mọi người rằng CIA không có chính sách nào. Cơ quan CIA phục vụ chính phủ Hoa Kỳ bằng việc thu thập thông tin. Tôi có mặt ở đây vì tôi rất muốn được biết ông đang nghĩ gì. Chúng tôi biết rõ ảnh hưởng quan trọng và chủ yếu của ông và Madame Nhu đối với Tổng Thống. Chúng tôi muốn giữ thật thông suốt những đường dây giao lưu giữa chúng tôi với quý vị.

Ngô Đình Nhu nói chua chát:

- Nhưng Monsieur Sherman ạ, đôi khi để giữ cho các kênh truyền đạt đó hoạt động điều hoà thì một hành động biểu lộ thiện chí mang ý nghĩa rất quan trọng. Bằng không chúng tôi có thể thấy không cách gì gạt khỏi đầu óc chúng tôi cái ý nghĩ không hoan nghênh quý vị.

- Tôi cũng có dự liệu một cái gì đó giống như thế. Người Mỹ cũng có thể giỏi trong việc hiểu rõ người khác.

Guy đột nhiên mỉm cười, thò tay vào túi trong áo vét-tông. Lấy ra một mảnh giấy gấp sẵn, hắn đặt nó lên bàn giấy trước mặt Ngô Đình Nhu, rồi đứng lên và xoay mình, bước tới cửa ra. Đặt tay lên núm cửa, hắn dừng lại, ngoái lui thấy Madame Nhu đang nhìn qua vai chồng, ngó xuống mảnh giấy có tiêu đề Khách sạn Continental Palace. Guy nói chậm rãi:

- Đó là pháp danh của nhà sư đã mách cho toán truyền hình Anh - và có thể luôn cả cho đám báo chí nước ngoài nữa. Tôi nghĩ có thể ông đang quan tâm và muốn có cái đó.

Khi xoay mình đóng sập cửa lại sau lưng, Guy thấy Madame Nhu háo hức cầm mảnh giấy trên tay chồng. Và Ngô Đình Nhu bắt đầu mỉm cười thêm lần nữa, với nụ cười lạnh tanh, không chút hài hước của mình.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 10 -

Trong trời tắt nắng đã lâu và ánh sáng phai dần của một buổi tối tháng Tám êm ả, các toà nhà cất bằng đá cẩm thạch dẻo của Đại học Cornell tại Ithaca, New York nhuốm đầy vẻ thiêng liêng cổ kính. Những đầu hồi cao kiểu tân-gôtic chuôi các kẽ nứt mờ mờ ra bên trên sân cỏ có bốn phía được viền rào dậu thẳng tắp, hiệp với tiếng chim âm thầm rền rĩ lách đi lách lại chuẩn bị vào đêm, làm sâu lắng thêm bầu không khí êm đềm tịch mịch của khu đại học trong thời gian nghỉ hè vắng vẻ.

Không gian tĩnh lặng ấy hình như chỉ xao động đôi chút bởi hình dáng đang soãi bước của Joseph Sherman khi anh nhô mình ra khỏi cổng chính của Uris Hall, nơi từ năm 1950 tới nay đã thành trụ sở của Chương trình Đông Nam Á thuộc Phân khoa Nghiên cứu Viễn Đông. Joseph vừa kết thúc buổi hướng dẫn cuộc thảo luận chuyên đề của học kỳ hè. Khi đi ngang những bãi cỏ lốm đốm sáng để tới toà nhà cư xá của phân khoa, trong bước chân anh có điều gì đó bồn chồn ray rứt, như tỏ cho thấy anh không bao giờ có thể hoàn toàn hoà mình vào lối sống bình lặng và trầm tư của thế giới hàn lâm đại học.

Dù tuổi đã ngoài năm mươi, mái tóc vàng hoe của Joseph chỉ hơi điểm bạc. Thân thể gọn ghẽ, hai vai rộng và lưng thẳng, anh vẫn giữ được vóc dáng của một người thuở thanh niên từng là vận động viên. Nhưng nét trầm ngâm quen thuộc với khoé miệng thường mím lại gợi cho thấy những căng thẳng sâu bên dưới bề mặt thể xác cường tráng ấy.

Tới trước lô phòng dành cho mình, hai lông mày của Joseph chột nhú lại sâu hơn khi ánh mắt anh rơi trên ấn bản mới nhất của tờ New York Times. Được dàn ngang và trải rộng bốn cột nơi trang đầu với kiểu chữ in đậm dành cho những tin tức rất quan trọng, tiêu đề chính của bản tin ghi rõ: "*Khủng Hoảng Tại Nam Việt Nam*

Sâu Sắc Thêm - Lực Lượng Diệm Tán Công Chùa Chiền". Anh lật đặt cầm tờ báo lên, vừa mở cửa vừa đọc kỹ bản tin.

Vào hẳn bên trong, tâm trí Joseph tạm thời xao lãng bởi một phong thư được người quét dọn để sẵn trên mặt bàn nơi hành lang. Gờ bao thư viền sọc xanh đỏ của loại thư gửi theo đường hàng không. Chữ viết tay và con dấu bưu điện Sài Gòn báo ngay cho anh biết đó là thư của Gary, con trai mình. Ngừng đọc bản tin một chút, đủ mấy giây để nhét phong thư vào túi bên trong áo vét-tông, anh lững thững đi vào phòng khách được trang hoàng đặc biệt bằng những đồ đạc phương đông.

Sàn phòng trải thảm Trung Hoa. Vách treo tranh sơn mài khảm xà cừ và các cuộn thư họa xuất xứ từ cố đô Huế. Vài bức bình phong họa tiết con rồng An Nam năm móng, dựng xen kẽ giữa các trường kỷ với những dải gấm thêu kim tuyến từng có thời làm tăng phần vinh dự cho tư thất của các thượng quan nội triều Bắc Kinh. Trong mỗi tủ trà và trên mỗi chiếc bàn sơn mài đều có các nhóm đồ gốm Việt Nam, các bức tượng nhỏ bằng cẩm thạch, các bức tượng bò tát thiếp vàng và lư hương sơn son. Xếp hàng cuối phòng có nhiều hình nhân bằng sứ, lớn ngang người thật, mắt to đen nhánh, đang khoác lên mình bộ sưu tập y bào cung đình của Đông Dương hoặc Thái Lan màu sắc rực rỡ.

Đứng giữa phòng, cầm tờ báo trên tay, Joseph dường như chỉ khuây khỏa chốc lát với các tác phẩm nghệ thuật từng được anh bỏ nhiều công phu sưu tầm và tuyển chọn trong những năm dài ở Viễn Đông. Theo tin tức của một cơ quan thông tấn đánh đi từ Sài Gòn, ghi ngày 21 tháng Tám, hàng trăm binh sĩ và cảnh sát vũ trang, theo chiến dịch "Nước Lũ", đêm qua đã tràn vào chùa Xá Lợi và hàng trăm chùa chiền Phật giáo khác trên khắp miền nam. Joseph lắc đầu không tin nổi khi đọc các chi tiết cho biết người ta tin rằng có mấy nhà sư bị sát hại, hàng trăm người bị đẩy vào nhà tù và Tổng Thống Ngô Đình Diệm tuyên bố tình trạng thiết quân luật. Tin điện tường thuật còn cho biết xe tăng và xe thiết giáp đang án ngữ các vị trí giao lộ chính ở Sài Gòn, Huế, và binh sĩ tuần hành khắp các đường phố. Trong một lời tuyên bố chính thức, Ngô Đình Nhu, người em của Tổng Thống Diệm, đã mô tả các nhà sư là

"Bọn đồ đội lột cà sa vàng", đồng thời cáo giác các thủ lãnh Phật giáo đang âm mưu tổ chức đảo chánh.

Đọc xong bản tin, Joseph làm bầm nguyên rửa, liệng tờ báo qua một bên. Vì trong phòng đang tối dần, anh bật ngọn đèn có chụp bằng lụa màu ngà rồi rút phong thư của Gary ra khỏi túi áo.

Giống hệt con người mình, chữ viết tay của Gary trên bao thư đều đặn, rõ nét và mang vẻ nhà binh. Những trang thư bên trong được viết bằng bút máy trên giấy có ghi trọng lượng cân theo thư tín hàng không và tiêu đề Khách sạn Caravelle. Joseph ngồi xuống bên ngọn đèn, đọc thư, cân nhắc cẩn thận từng dòng chữ với vẻ bồn chồn lộ rõ trên mặt, như thể các trang thư ấy có thể chứa đựng những thông tin anh nơm nớp lo sợ mắt mình sẽ đọc thấy.

Lá thư bắt đầu bằng ba chữ : *"Bố thương mến,*

"Thật cũng khá ngạc nhiên cho con khi nhận được thư của bố sau nhiều năm hai bố con mình không viết cho nhau và cũng chẳng nói gì với nhau. Con phải thừa nhận rằng phản ứng đầu tiên của con là bối rối - vì những lý do cho tới nay con vẫn cảm thấy rất nhức nhối khi đi vào chi tiết.

"Trong một hai ngày, con đã thề với mình dứt khoát không trả lời thư bố. Nhưng sau khi đọc lại vài lần, con nghĩ mình bắt đầu nhận ra rằng lý ra con nên vui mừng vì bố đã có lòng lo lắng, viết thư cho con sau những gì con đã phát biểu với bố trong cuộc gặp gỡ lần chót và đầy chua xót giữa hai bố con tại nhà bảo tàng. Đồng thời, con cũng bắt đầu nhận ra rằng thật ngu ngốc nếu con cứ quay lưng với một người am hiểu sâu xa về xứ sở này như bố - đặc biệt khi con bắt đầu cảm thấy mình chẳng thể nào hiểu nổi những cái kỳ cục đang diễn ra lòng vòng ở đây.

"Vì thế, khi được một chuyên nghỉ phép cuối tuần tại Sài Gòn sau nhiều lần bị trì hoãn, con mang theo thư của bố để con có thể góp phần xoa tan tình trạng băng giá giữa hai bố con. Con cũng đã quyết định, ít ra trong lúc này, rằng con nên để yên những khúc mắc - như bố đã khôn ngoan làm như vậy trong thư của bố - và tránh không đề cập tới vấn đề tế nhị giữa bố với mẹ và quá khứ. Con chỉ muốn nói rằng, với thời gian trôi qua, con bắt đầu cảm thấy có phần nào ân hận rằng con đã nhẫn tâm khi đề cập tới một

số vấn đề, trong tất cả những gì con phát biểu với bố tại nhà bảo tàng. Khi lớn khôn thêm, con bắt đầu nhận ra rằng không ai hoàn toàn xấu cũng chẳng ai hoàn toàn tốt, và mọi vấn đề hầu như lúc nào cũng có hai mặt.

"Lúc này, loại bỏ hẳn chuyện đó ra khỏi tâm tư, con sắp vận dụng hết trí óc của mình để đặt ra cho bố một vài câu hỏi ngớ ngẩn và kể cho bố nghe cuộc đời lính tráng ở nơi này nó khắc nghiệt và khốn nạn đến chừng nào.

"Để phòng xa, con cũng sẽ bỏ bức thư này vào một thùng thư vô danh trên đường phố chứ không gửi nó qua đường dây quân bưu bình thường có kiểm duyệt. Dĩ nhiên ngay giữa thời buổi này mà có cơ hội làm được một việc như thế thì cũng có vẻ giống như đang ở trên thiên đường! Những lạc thú văn minh của thành phố ngoại lai này được chào đón tận tình sau một đợt sáu tuần lễ lặn lội miệt mài trong các thửa ruộng để săn đuổi bọn Việt Cộng khốn nạn. Con đã nghĩ rằng chân tay mình sẽ đen ngòm không rửa sạch nổi vì bùn sinh nhưng lúc này, một ly bia lạnh vắt vãnh cũng có thể làm được những điều kỳ diệu, để phục hồi tinh thần của con - và để không nói gì tới những thiếu nữ Việt Nam xinh đẹp tuyệt vời trong bộ quần áo mỏng manh bó sát cơ thể họ...

"Và trong khi chúng ta đang đề cập tới vấn đề ấy, xin bố đừng ngạc nhiên nếu một ngày nào đó con trở về nhà với một cô gái mắt xéch trong vòng tay. Như bố hẳn đã biết, các thiếu nữ ở đây là một cảnh tượng dễ chịu dù con có thể bảo đảm với bố một điều duy nhất - rằng sẽ không có cô nào giống như kẻ được-gọi-là-đệ-nhất-phu-nhân tuy chẳng phải vợ của Tổng Thống, đó là Madame Ngô Đình Nhu. Bà ta có lẽ là đẹp không chịu nổi, nhưng lòng vòng ở đây, bà nổi tiếng là Rong Cái vì bà vừa hạ lệnh cấm vũ trường, nhạc twist, mãi dâm, ly dị, ngừa thai, phá thai, đá gà... thực tế là cấm tất cả những gì làm cho một người Việt Nam trung bình cảm thấy cuộc đời này đáng sống. Người ta đồn rằng sở dĩ bà làm như vậy là do bởi một đại sứ ngoại quốc từng là người tình của bà đã bỏ rơi bà vì chiều có một vũ nữ. Và theo đúng nguyên tắc giận cá chém thớt, bà đóng cửa hết thảy các vũ trường như một hành động trả hận. Còn việc ông anh Tổng Thống khổ hạnh của bà bảo

vệ thuần phong mỹ tục trong phim ảnh thì kỹ lưỡng không chê vào đâu được. Cách đây mấy tuần, con với mấy người bạn lò mò vào rạp Rex xem một cuốn phim của cô đào đợt sóng mới Brigitte Bardot. Cứ tới đoạn nào người đẹp nước Pháp sắp đưa đôi môi văm ấy ra hôn thì bị cắt mất. Anh bạn bác sĩ quân y cùng đi với con nói rằng cắt mấy cảnh đó đi là phải, vì theo chỗ anh ta biết, các ông cụ bà cụ người Việt khi yêu nhau chỉ có hít chứ không có hôn!

"Bố ạ, con hẳn không nói loanh quanh một chuyện như thế nếu nó không dẫn tới câu hỏi ngớ ngẩn thứ nhất của con là: tại làm sao chúng ta lại quyết định đi tiên phong ra mặt trận đánh giặc cho một chính quyền bị cầm đầu bởi những kẻ giống như bà Ròng Cái, ông chồng của bà ta và ông anh chồng của bà ta? Thí dụ, cách thức họ đối phó với người Phật giáo khiến cho chúng ta hoàn toàn bị trở ngại. Trong khi chúng con trải qua hàng tuần lễ bê bết từ đầu tới đuôi trong bùn sinh nơi châu thổ sông Cửu Long, ra sức thắng cho được trận giặc này, họ lại cứ nhất quyết tiếp tục thua cho bằng được trận giặc này tại Sài Gòn và các thành phố khác.

"Bình sĩ Nam Việt Nam trong đơn vị con đều đeo một mảnh vải nhỏ màu vàng mà người ta cho là đã cắt ra từ mấy chiếc áo cà sa dùng để di chuyển thi hài của nhà sư tự thiêu tới chết. Họ bảo với con rằng mảnh vải ấy nói lên thái độ họ ủng hộ các Phật tử đang ra sức lật đổ cái chính quyền mà họ đang chiến đấu cho nó! Còn nữa, các sĩ quan Phật giáo và Công Giáo không chịu ngồi ăn chung bàn với nhau - bố có thể nói được ý nghĩa của việc đó không? Con thì dứt khoát không nói được rồi! Một sĩ quan Nam Việt Nam mà con kính trọng, vào một ngày nọ, đã nói với con rằng người Phật giáo rất đáng nghi ngờ là đang chịu ảnh hưởng của Cộng Sản - nhưng cái khốn nạn là hầu hết dân chúng tại Nam Việt Nam, trừ gia đình của Diệm, hình như đều là Phật tử, thế thì nói có Chúa chứng giám, chúng ta đang làm cái quái gì ở xứ sở này? (Cho tới lúc này, đó là câu hỏi ngớ ngẩn chót hết, con xin hứa.)

"Bọn chúng con ở đây có cảm tưởng khá tồi tệ rằng hiện nay người Mỹ đang chết cho một chính quyền chỉ quan tâm tới việc bám víu vào quyền lực hơn là việc đánh Việt Cộng. Chúng ta đang hy sinh

số lượng to tát đô-la và mạng sống của người Mỹ còn người Việt chẳng những không tỏ dấu hiệu biết ơn nào còn hoàn toàn làm ngược lại. Đông đảo quân nhân QĐVNCH đối tác thường tỏ vẻ hết sức ngạo mạn đối với chúng con. Trong số họ, có rất nhiều người tạo cho con cái cảm tưởng rằng họ không chút nào muốn chúng con ở đây.

"Con không hiểu tại sao chúng ta không nhắc bàn tọa của mình lên và có thái độ cứng rắn đối với họ. Con thử căn vặn chú Guy về vấn đề ấy vào hôm qua khi con gặp chú để cùng nhau uống rượu tại khách sạn Continental nhưng chú ấy cũng chẳng nói điều gì rõ rệt. Chú ấy ngụ ý, hoặc nhiều hoặc ít, rằng vấn đề đó rất phức tạp, không hoàn toàn giải thích hết được với một trung úy nhà binh nhỏ nhít. Chú chỉ ở với con được khoảng năm phút rồi lật đật chạy lo việc chính trị vật vãnh và bí ẩn nào đó mà lúc nào chú cũng ngụ ý là tối mật và rất quan trọng. Không khí ở đây, như bố đọc thấy rõ ràng trên báo chí, lúc này đầy dẫy các lời đồn về đảo chánh và phản đảo chánh.

"Nhưng bất chấp mọi sự hoang mang và không hài lòng ấy, thật đáng ngạc nhiên là một số sĩ quan Hoa Kỳ ở đây đang quả thật càng ngày càng cảm thấy gần bó, một cách mạnh mẽ và gần như có tính cách nghĩa vụ. Dường như rừng rú, những cánh đồng lúa bất tận và những người bản xứ khó hiểu đều đang bỏ một loại bùa mê quái dị nào đó một số người trong chúng con. Việc tình nguyện phục vụ thêm một nhiệm kỳ thứ hai không còn là hành động hoàn toàn bất thường, và con không chắc, như lời người ta thường nói, những thừa ruộng kia có bắt đầu quyến rũ con phần nào không. Có lẽ vì càng không thể thăm dò tới nơi tới chốn nên người ta càng cảm thấy sự quyến rũ khác thường của Việt Nam. Nhưng hơn mọi sự khác, bất cứ người Mỹ nào đến cái xứ sở nhỏ bé và đầy khích động này trong thời gian này đều chắc chắn phải kinh hoàng bởi tấn thảm kịch hằng ngày anh ta mắc vào đó - và hình như nó không bao giờ hạ màn. Mỗi sĩ quan con có dịp trò chuyện đều có lối diễn tả riêng của từng người. Người này về kinh nghiệm, người kia về sự đau khổ hãi hùng, và gần như mọi người đều luôn luôn chấp nhận một cách thụ động.

"Đã có điều gì đó xảy ra với con ở Mộc Linh, một cuộc phục kích có lẽ bố đã đọc về nó trên báo. Người sĩ quan QĐVNCH đối tác với con dường như là một thanh niên ngoan cường và tử tế khác thường - ngay trước khi Việt Cộng tấn công chúng con, anh nói rằng anh cực kỳ khinh ghét Cộng Sản vì chúng đã hành hạ chú bác của anh và giết chết bà nội của anh vì tội địa chủ, tuy bà đã che giấu hoặc nuôi dưỡng tại đồn điền của bà các lãnh tụ Cộng Sản Hà Nội hiện nay, kể cả Bác Hồ, trong rất nhiều năm. Vài phút sau đó, cả hai chân anh trúng mìn bay mất, và sau đó, con khám phá ra Việt Cộng đã bắn một viên đạn vào thái dương bên trái anh như một phát súng ân huệ. Có thể đó là vì anh ấy cùng tuổi và cùng cấp bậc với con, nhưng dù sao đi nữa, chính anh là người đã cá nhân hóa cuộc chiến cho con hiểu, khiến con lại quyết tâm buộc Cộng Sản phải trả giá, bằng một cách nào đó, trong lần kế tiếp chúng con tìm thấy bọn chúng.

"Con thành thật xin lỗi vì đã kết thúc bức thư này với nốt nhạc u buồn như thế nhưng con không muốn đọc xong bức thư bố có cảm tưởng rằng cuộc chiến này khá tẻ nhạt. Con nghĩ rằng đó cũng chính là cái khiến cho con muốn viết - trong khi suy nghĩ, nếu con để nó lâu thêm nữa, có thể con sẽ không bao giờ viết ra. Vậy bố ạ, con xin nói rằng con rất vui về các lá thư của bố và con sẽ ráng viết trả lời. Xin Chúa phù hộ cho bố nếu bố muốn viết thư cho con lần nữa. Nay đã tới lúc một hai ly bia lạnh trong quán cà phê trên vỉa hè đầy bóng mát đang mời gọi con, vậy con ngừng bút ở đây.

*"Con thân yêu của bố,
Gary".*

Thả bàn tay đang cầm bức thư rơi thõng xuống đùi, Joseph đưa mắt trống rỗng nhìn vào vũng tối bên kia vòng tròn ánh sáng toả ra từ ngọn đèn. Trong một chốc, bắp thịt trên mặt anh săn cứng dường như đang chịu một cơn đau. Kế đó, vẻ mặt dịu lại và anh nhắm mắt, dựa lưng vào thành trường kỷ.

Vẳng tới tai Joseph tiếng cửa trước mở ra rồi khép lại. Tiếp đó, có tiếng bước chân nhẹ nhàng ngoài hành lang nhưng anh không quay mặt nhìn ra hoặc nhòm người. Khoảnh khắc sau, hình dáng lờ mờ của một thiếu nữ Á Đông với mái tóc đen mượt mà xoả xuống

ngang lưng xuất hiện nơi ngưỡng cửa. Vì ban đêm trời nóng nên nàng mặc quần ngắn, áo thun sát nách và chân không mang vớ, đi bằng đôi xăng-đan buộc dây da.

- Joseph ơi, anh không việc gì chứ?

Giọng lo âu của người nữ ấy làm Joseph mở mắt. Khi nàng vội vã băng qua phòng bước về phía anh, hai đùi trần lóng lánh màu hổ phách ngời lên dưới ánh đèn mờ đục. Nàng đứng lại bên trường kỷ, đặt tay lên vai Joseph dò hỏi. Vầng trán mịn màng của nàng cau lại với vẻ lo lắng:

- Anh yên lặng quá và nhà sao vắng vẻ quá!

Giọng nhỏ dần rồi im hẳn. Nàng nhìn xuống bức thư anh vẫn cầm trong tay:

- Có phải người đưa thư mang tới tin tức gì không vui?

Joseph lắc đầu, bỏ bức thư qua một bên rồi đứng lên:

- Không. Emerald ạ, anh không sao. Chỉ là thư của Gary, con trai anh, gửi từ Việt Nam.

- Thế thì em tới đây không uống công.

Emerald Bích Ngọc vừa nói vừa nghiêng đầu mỉm cười. Đứng bên Joseph, nàng có vẻ nhỏ nhắn như một cô bé, đầu chỉ cao ngang ngực anh. Nàng đưa ra xấp bản thảo giấu sẵn sau lưng:

- Đây là chương thứ mười một của cái mà em hy vọng sau cùng giáo sư Sherman sẽ kết luận là một luận án tiến sĩ xuất sắc về "Loạn Thái Bình Thiên Quốc". Em đem theo đây để xin lời nhận xét của anh.

Giọng Mỹ miền tây của Emerald không chứa chút dấu vết nào cho thấy tổ tiên của nàng là người Hoa. Nhưng trong phong thái cũng như kiểu nói nhả nhận thùy mị ấy rõ ràng có mang tính Á Đông. Và Joseph buộc lòng phải mở miệng cười khi cầm xấp giấy từ tay nàng.

Dịu dàng vùi mặt vào ngực áo Joseph, Emerald choàng đôi cánh tay trần quanh hông anh:

- Joseph ạ, anh nên mỉm cười nhiều hơn một chút. Em thấy anh nghiêm nghị quá và xa cách quá, có vẻ suốt đời mình anh chưa lần nào có hạnh phúc.

Trong một hai giây, Joseph nhìn xuống tập bản thảo. Rồi với một

nụ cười như xin lỗi, anh đặt nó xuống mặt chiếc kỷ trà son son:

- Emerald, anh xin lỗi. Để nó đây anh đọc sau. Lúc này anh chẳng thể nào tập trung đầu óc. Đã bảy năm, bức thư đó là những lời đầu tiên con trai lớn của anh nói với anh - có lẽ nó làm cho tâm trí anh khó có thể để ý tới điều gì khác.

Cất mái tóc đen tuyền khỏi ngực Joseph, Emerald cầm tay anh, kéo anh cùng ngồi xuống với mình trên trường kỷ:

- Có phải lá thư đó làm anh cảm thấy rất buồn? Anh có muốn kể chuyện đó cho em nghe không?

Joseph ngồi tần ngần và dăm chiêu nhìn lá thư. Emerald dịu dàng thúc giục:

- Anh chưa lần nào kể cho em nghe về Gary hoặc cậu con trai kia của anh. Joseph ạ, có phải cả hai anh em đều rất giống anh?

Giọng Joseph nặng trĩu vẻ cam chịu. Anh nói, mắt không nhìn Emerald:

- Anh chưa bao giờ nói tới Gary vì nó hai mươi lăm tuổi - cùng tuổi em.

Emerald thì thầm:

- Nhưng cái đó có quan trọng gì đâu. Tuổi tác của anh đâu có làm thay đổi cách em cảm thấy về anh. Nếu chuyện Gary đối với anh quan trọng thì anh cứ nói cho em nghe.

Joseph nói, giọng trầm hẳn:

- Anh thường cảm thấy vô cùng khó khăn mỗi khi nhắc tới hai đứa con trai vì anh nhận thấy mình chịu hầu hết trách nhiệm về tình trạng oán hận nhau thậm tệ giữa ba cha con anh. Ngay cả trong thời gian chúng lớn lên bên anh, anh cũng không dành nhiều thời giờ cho chúng vì anh bận đi đây đi đó khắp Á Đông. Chúng về lại Mỹ rồi đi học tại đây. Còn anh dường như để hết tâm trí vào công việc hơn là gia đình. Kể đó anh rời bỏ mẹ của chúng và hoàn toàn biến mất khỏi cuộc đời của hai đứa kể từ lúc chúng chỉ mới mười mấy tuổi. Và đó cũng là thời kỳ chúng bắt đầu có những suy nghĩ và dự phóng cho tương lai. Phải mất tới một hai năm anh mới nhận ra mình quá lơ là và tệ bạc đối với các con. Rồi tới một ngày nọ, anh nhận được thư của mẹ chúng báo tin Gary quyết định vào trường võ bị West Point và Mark bắt đầu suy nghĩ tới chuyện trở

thành phi công không lực - và anh thấy máu chạy rần rật lên đầu mình.

- Tại sao lại như vậy?

Joseph khích động, tay xoa xoa khắp mặt:

- Vì đó chính là cái sau chót, cái cực chẳng đã anh muốn hai con trai đi theo. Lúc anh ở tuổi của chúng, cha anh đã cố thuyết phục anh theo đuổi nghiệp nhà binh. Anh phải chống trả quyết liệt mới được đi theo con đường mình tự chọn. Sau khi vợ chồng anh ly dị, mẹ chúng nó nhanh chóng kết hôn với một đại tá hiện dịch tại Ngũ Giác Đài - và bỗng nhiên anh nhận ra rằng ảnh hưởng của ông ấy, hoặc có thể kể cả ảnh hưởng của cha anh, đã thay thế ảnh hưởng của anh.

- Vậy lúc đó phản ứng của anh ra sao?

- Anh viết thư cho cả Gary lẫn Mark, yêu cầu gặp cả hai anh em thật gấp. Mark từ chối thẳng thừng. Cả hai xem việc anh rời bỏ mẹ chúng là khá tồi tệ và Mark hoàn toàn không dung thứ. Cuối cùng Gary đồng ý nói chuyện và nhân một ngày nghỉ cuối tuần, anh bay về Washington gặp nó.

- Rồi như vậy có lấp được phần nào lỗ hổng ấy không?

Joseph lắc đầu thật mạnh:

- Chẳng những không mà còn ngược lại - hai cha con thù nghịch nhau thêm. Cuối cùng, trong một chuyến về thăm nhà bảo tàng của dòng họ, Gary nặng lời đề cập đến vài sự thật chạnh lòng, khiến hể mỗi lần nhớ lại, anh lại cảm thấy đau buốt.

- Và có phải bức thư hôm nay cũng làm anh cảm thấy bị thương tổn?

Joseph thở dài thêm lần nữa:

- Không hẳn như vậy. Anh đánh liều viết trước cho nó cách đây mấy tháng - sau khi các Phật tử ở Việt Nam bắt đầu làm cho mọi sự ra phức tạp. Nó bị thuyết chuyển qua xứ đó đầu năm nay. Và anh cứ suy nghĩ mãi, rằng trong hoàn cảnh như thế hẳn nó cảm thấy vô cùng hoang mang. Anh chỉ đưa ra vài cái nhìn của anh với hy vọng có thể giúp nó cảm thấy bớt lúng túng - và thành thật mà nói, anh cũng trông mong rằng biết đâu lá thư đó có thể là một đòn bẩy giúp anh có cách ăn nói dễ dàng hơn với nó. Có lúc anh đã

tưởng nó không thèm trả lời...

- Nhưng cậu ấy đã trả lời. Như vậy lúc này mọi sự giữa hai cha con anh có khá hơn không?

- Có lẽ khá hơn một chút - nhưng rõ ràng thái độ của nó vẫn còn có khá hạn chế.

- Joseph ạ, để em kiểm cái gì mình uống - anh đang cần khuây khoả.

Bóp bàn tay Joseph rồi tuột xăng-đan, Emerald chạy chân trần vào bếp. Lát sau, anh nghe có tiếng rượu rót róc rách, rồi ánh mắt anh lại rơi trên hàng chữ đầu đề về cuộc tấn công chùa chiền. Thêm lần nữa, anh cầm tờ báo lên. Khi Emerald quay lại với hai ly rượu martini, Joseph vừa lẳng đặng nhấp rượu vừa đọc những tường thuật về các phản ứng choáng váng tại Washington. Và anh hoàn toàn không để ý lúc Emerald mở hai hạt nút áo sơ-mi của anh, bắt đầu đưa tay mơn trớn ngực anh.

Môi lướt trên thùy tai Joseph, Emerald thì thầm:

- Joseph ạ, ngồi tại Cornell này mà lo âu cũng chẳng thay đổi được gì ở phần đất xa xôi bên kia địa cầu. Xin anh tạm thời quên hết chuyện đó. Em nôn nóng suốt ngày chờ được gặp anh - lúc này, mình vô giường nhé!

Miễn cưỡng đặt tờ báo xuống, Joseph uống cạn ly rượu. Emerald giúp anh cởi áo vét-tông và anh để nàng cầm tay dẫn vào phòng ngủ. Khi cả hai đã bỏ hết quần áo, Joseph đặt lưng xuống, duỗi mình trên mặt giường lót bằng gỗ hồng đào. Anh nằm nhìn lên trần nhà trong khi nàng tiếp tục vuốt ve bộ ngực trần của anh. Dần dà cử động của nàng càng lúc càng gấp gấp hơn và các đầu ngón tay bắt đầu mơn trớn hai đùi anh.

Emerald rúc người sát vào anh hơn, thì thầm:

- Joseph ạ, anh có một thân thể trẻ trung hơn anh rất nhiều. Em không hiểu nổi tại sao anh lại bận tâm tới việc Gary cùng tuổi với em.

Cầm bàn tay Joseph kéo xuống giữa hai đùi mình, hơi thở nàng dồn dập:

- Hẳn lúc này Kim Bình Mai nói với chúng ta là không nên lo lắng về đường bay mang điềm gỗ của lũ quạ, đúng không? Một khi Kim

Trụ của Thiên Long sẵn sàng nhập Ngọc Đình, có phải cuốn sách khôn ngoan ấy nói rằng chúng ta chớ nên nghĩ tới điều gì khác? Thở dồn dập, Emerald nâng thân thể nàng lên người của Joseph. Sau cùng, khi anh siết chặt vòng tay quanh Emerald, nàng nhắm mắt và đầy khao khát, cảm ứng theo những chuyển động của anh. Nhưng con sóng đam mê trong Joseph chưa kịp tràn bờ đã rút xuống, và mắt Emerald hé mở, thấy mắt anh đắm đắm nhìn nàng với vẻ xa vắng ngội lạnh:

- Emerald, anh không thể - anh xin lỗi...

Joseph đột ngột nói lời xin lỗi và lăn người sang một bên, kéo mền đắp lên phần dưới cơ thể mình. Emerald hỏi anh, với giọng hờn dỗi ướn nước mắt:

- Joseph, anh làm sao vậy? Đôi khi em có cảm tưởng mắt anh ngó em như thể nhìn xuyên qua người em. Như thể không có em trước mặt anh - như thể anh thật ra chẳng chút nào nhìn em.

Nàng tiếp tục nhìn hai vai trần của Joseph với tia mắt bắn khoản và giận lẫy nhưng Joseph không trở mình lại đối mặt nàng, cũng không mở miệng trả lời.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 11 -

Hôm đó là một ngày hè ngột ngạt ở Washington với nhiệt độ lơ lửng trên ba mươi độ và những đám mây thật thấp, đục xám và ẩm ướt như những miếng giẻ rách nhóp nháp úp chụp lên thành phố. Giờ đây, nằm thao thức trên giường gỗ nâu đỏ bên cạnh Emerald đang say ngủ, Joseph thấy mình vẫn có thể nhớ lại cái cảm giác sền sệt khi áo sơ-mi dán chặt da lưng, dù từ ngày đó tới nay đã bảy năm. Thậm chí anh còn bắt giấc nhớ rất rõ, như hiện ra từng chi tiết, đỉnh tháp bút Đài Tưởng niệm Washington liếm kín trong mây khi xe tắc-xi chở anh từ sân bay tới bên ngoài Nhà Bảo tàng Ngành Vạn vật học Sherman ở Khu Thương mại.

Y theo lời đề nghị của Gary, Joseph đồng ý tới địa điểm đó, để tránh việc hai cha con gặp nhau tại ngôi nhà ở Maryland nơi Gary và Mark sống chung với Tempe và người chồng mới của nàng hoặc tại toà nhà gia tộc ở Georgetown với những nhiều kẻ không thể tránh do sự có mặt của thượng nghị sĩ Nathaniel và Flavia Sherman.

Hai cha con gặp nhau vào thời gian nhà bảo tàng tạm đóng cửa để tân trang. Gary lịch sự chào đón cha bên trong lối vào mặt tiền, và Joseph còn nhớ bước chân con trai mình vang lên lạnh lùng trong các phòng trưng bày vắng vẻ, phủ kín vải. Nét mặt Gary bắt đầu để lộ điều gì đó bối rối cậu đang cảm thấy trong lòng về việc một mình nói chuyện với cha sau nhiều năm rất dài không liên lạc với nhau. Bên ly cà-phê trong phòng dành cho công chúng vẫn mở cửa để thợ trang hoàng sử dụng, hai cha con trao đổi vài lời rời rạc. Kế đó, Gary đề nghị đưa cha đi quanh xem những chỗ trưng bày vừa được sửa sang.

Đúng lúc cùng rảo bước vào khu vực tường niệm dành cho Chuck, Joseph bỗng nhận ra rằng bất cứ cơ hội gặp gỡ mong manh nào của hai cha con cũng đều có thể đưa tới kết quả hoàn toàn trái ngược vì

nền tảng của nó đã bị đục ruỗng trầm trọng do những suy nghĩ và hành động thiếu chín chắn của anh thuở trước.

- Gary ạ, đã mười lăm năm bố không ghé qua đây...

Joseph nói như thể gợi chuyện - rồi lập tức anh hối tiếc mình vừa nói ra câu đó.

- Tại sao không ghé?

Anh lưỡng lự, nhận thấy lời giải thích thành thật của mình chưa hẳn góp phần tạo tính chính đáng cho lý do của cuộc gặp gỡ hôm nay giữa hai cha con.

- Bố không đồng ý chút nào với ông nội của con về lời đáp cho câu hỏi có khôn ngoan hay không khi dựng hoạt cảnh ở đây.

- Phải chăng bố có ý nói tới những con vật bác Chuck đã bắn?

Giọng Gary hờ hững rời rạc. Ngay lúc đó Joseph tự hỏi biết đâu mình đừng giải thích thêm là một việc làm khôn ngoan. Hai cha con đi ngang hoạt cảnh trong lồng kính trưng bày những con thú khổng lồ bị giết trong chuyến đi săn dài ngày tại Nam kỳ hơn ba mươi năm trước. Joseph giật mình thấy rằng nhờ được chăm sóc tỉ mỉ và bảo quản kỹ lưỡng, con mìn xúi quẩy và con trâu đực trông vẫn có vẻ vô cùng linh hoạt và mượt mà như khi chúng còn sống, còn lang thang trong các đồng cỏ bên ngoài Sài Gòn. Bộ khung và cảnh trí chung quanh chúng mới được tô vẽ lại cũng khiến cho hoạt cảnh có cái vẻ tươi mát mới mẻ tới độ choáng váng. Và Joseph lại cảm thấy trong lòng mình thêm lần nữa nổi cơn kinh hãi khi bắt gặp cặp sừng sừng sừng của con mìn khổng lồ có bướu từng húc Chuck tới chết.

Joseph ngược mắt, thấy con trai đang chăm chú quan sát mình.

Gary trầm giọng hỏi, như thể chợt cảm nhận được cơn bối rối của cha:

- Tại sao bố cho rằng trưng bày hoạt cảnh này là sai lầm?

- Gary ạ, ở tuổi đó, bố không thích nổ súng. Bố nghĩ rằng hoạt cảnh này luôn luôn được nhìn như một đài tưởng niệm cho lòng kiêu hãnh không đúng chỗ của dòng họ Sherman. Có trời mới biết hầu như tất cả chúng ta đều làm mọi cho những khía cạnh tồi tệ nhất trong bản tính của mình. Chúng ta rất thường bị lôi cuốn bởi ý muốn chiến thắng bằng bất cứ giá nào - lòng lo lắng người ta hoài

nghi tính cương cường khốn nạn nam nhi của mình đã dẫn chúng ta tới đủ loại quá đáng. Hoạt cảnh này chỉ là một nhắc nhở đầy đau đớn tới tất cả những gì bố cực kỳ quan tâm.

Gary im lặng nghe, cặp lông mày nhíu lại kinh ngạc:

- Và bố đã nói hết cho ông nội nghe ý kiến đó - nói ngay trước mặt ông nội?

- Không, có thể bố đã không nói đầy đủ những điều đó trước mặt ông nội. Có lẽ con cũng biết bố chưa bao giờ thân mật với ông nội. Tới đây, Gary quay đầu lại và một bầu không khí im lặng tới rừng mình bao phủ hai cha con. Tuy vậy, có điều gì đó giữ cho cả hai đứng chôn chân trước hoạt cảnh và Joseph bỗng nhận ra có lẽ Gary đang nghĩ ngợi. Nay không còn cách nào có thể ngăn Gary đừng thấy lằn ranh giống nhau giữa sự oán hận của con và anh với sự bất hoà của anh và thượng nghị sĩ. Trong tuyệt vọng, anh cam đành chấp nhận thực tế ấy. Joseph nói thật điềm tĩnh:

- Gary ạ, hai bố con mình đều biết rõ lý do bố yêu cầu được nói chuyện với con. Khi nghe tin con quyết định vào học West Point, bố không thể không nhớ lại lúc bố ở vào tuổi con bây giờ, ông nội của con đã cố thúc ép bố chọn binh nghiệp. Bố cưỡng lại vì bố biết chắc chắn rằng binh nghiệp không phải là nghề của bố. Và bố nghĩ, vì đã nhiều năm bố con mình không gặp nhau nên bố đang băn khoăn rằng không biết con có bị ảnh hưởng của ông nội thượng nghị sĩ - hoặc của người cha kế. Gary ạ, con có quả thật đã suy nghĩ thật kỹ càng về một chọn lựa như thế? Bố nghĩ rằng con xứng đáng với cái gì đó tốt hơn. Quân đội không phải là nơi bố muốn cho con, vào lúc đang thời bình như thế này.

Joseph không che giấu nổi cung giọng nài nỉ trong lời mình nói. Rồi anh quan sát, với cảm giác mỗi lúc một vô vọng khi thấy vẻ chán ghét tỏa khắp bộ mặt thường ngày trẻ thơ và vui nhộn của con. Gary trả lời:

- Bố, con không giống như bố. Con không che đậy cảm xúc của mình. Vậy để con hỏi bố một câu, rằng bố nghĩ bố có quyền gì mà tính chuyện can thiệp vào cuộc đời của con? Xin bố nhớ cho rằng bố bỏ đi vì những lý do ích kỷ của cá nhân bố. Bố đã để mặc mẹ và chúng con tự bươn chải lo liệu lấy đời mình. Lúc đó, bố quá bận

rộn lo cho các thế thiếp phương đông của bố hơn là lo cho con hoặc Mark. Vậy tại sao lúc này bỗng dưng bố lại tỏ ra quan tâm?

- Mẹ con kể chuyện của bố có nhiều không?

- Không nhiều lắm - nhưng cũng đủ để khiến Mark và con đánh giá bố không cao lắm vì những gì bố đã đối xử với mẹ. Mẹ nói bố không bao giờ là người có đầu óc thực tế - và mẹ có lý. Con muốn có một người cha khi chuyện trò với con cái không có cái thứ ánh sáng mờ mờ như trong hai con mắt của bố. Bằng cách này hoặc cách nọ, bố lúc nào cũng khiến cho con và Mark có cảm giác rằng thật ra chúng con không đáng để bố phí phạm thời giờ quý báu của bố.

- Có bao giờ con cân nhắc rằng có thể bố đang thay đổi - rằng có thể bố đang hối hận việc mình đã làm?

Nghe vậy Gary bật cười. Tiếng cười của nó dội lại trống rỗng khắp phòng trưng bày vắng vẻ:

- Chuyện đó không tin nổi, thật sự không tin nổi! Bố chẳng thay đổi chút nào. Vì vẫn rất ích kỷ nên bố không thể thấy rằng điều quan trọng là cái con muốn làm trong cuộc đời của con chứ không phải là cái bố muốn con phải làm.

- Chuyện trò theo kiểu này là con biến mọi sự thành khắc nghiệt thêm cho bố. Có thể một ngày nào đó, con sẽ sống với niềm ao ước được làm cái gì đó hoàn toàn khác.

Gary lạnh lẽo đáp trả:

- Nếu lúc này bố kết luận rằng bố đã chọn lựa sai lầm thì chỉ làm tệ hại thêm thôi. Bố cũng đừng trông mong thiện cảm nào của chúng con. Mark có lý - nói chuyện với bố chỉ thêm phiền; bố không đáng với sự phiền nhiễu đó.

Nói xong, Gary quay gót bước ra khỏi nhà bảo tàng, để lại Joseph đứng một mình trước hoạt cảnh, cô độc nhìn xuống cặp sừng cong vòng dữ dằn của con min. Con vật mất thủy tinh và hung tợn ấy khiến Joseph có cảm giác nhà bảo tàng trống rỗng như một ngôi mộ qui ám. Và thêm lần nữa Joseph bước đi lang thang trong cái nóng ngột ngạt của Khu Thương mại, cảm thấy trái tim mình trĩu nặng và buốt nhói.

Ký ức về khoảnh khắc vợ đó bị bức thư của Gary mang trở lại

tâm trí Joseph một cách sống động làm phát sinh trong Joseph cảm giác kích động tới độ anh cảm thấy mình không còn có thể nằm yên. Rón rén ngồi lên khỏi mặt giường gỗ nâu đỏ để khỏi khua động Emerald, anh khoác lên mình chiếc áo ngủ bằng lụa kiểu kimono và nhón gót nhẹ bước ra khỏi phòng ngủ.

Cầm lên bức thư của Gary trước đó đã thả trên kỷ trà, Joseph đi tới mé cuối phòng khách dài bày biện nhiều đồ đạc Á Đông, được dùng làm phòng đọc sách. Anh ngồi xuống đằng sau một án thư sơn son theo kiểu Tàu. Khi Joseph bật ngọn đèn nhỏ trên bàn, chiếc đồng hồ tí hon dưới chân đèn cho thấy ba giờ sáng. Anh mệt mỏi dụi hai mắt, đưa tay vuốt ngược mái tóc rồi rút bức thư ra khỏi phong bì. Sau khi đọc thật kỹ thêm lần nữa, Joseph lấy một tập giấy, cây bút và khởi sự viết.

Anh bắt đầu: "*Gary thương mến của bố, Bố không thể nào kể hết với con rằng bố vui sướng biết bao khi nhận được bức thư của con hôm nay. Đã nhiều năm trôi qua, càng lúc bố cảm thấy càng tệ hại về sự xa lạ cùng ghẻ lạnh giữa bố với con và Mark, và bố mong ước có lại một hình thức cảm thông nào đó với hai anh em con, còn hơn mong ước mọi sự khác trên đời. Bố có nhiều thời gian để cho sự hối tiếc và ăn năn hành hạ bố, nhưng như con đã nói, bố nghĩ rằng trang thư không phải là nơi thích hợp để chúng ta cởi bỏ gánh nặng liên quan tới vấn đề ấy. Bố chỉ muốn nói với con rằng lúc này bố triền miên suy nghĩ tới con - và lại càng suy nghĩ nhiều hơn nữa vì bức thư của con tới đây cùng lúc với ấn bản báo New York Times loan tin cuộc tấn công vào chùa chiền Phật giáo. Bố choáng váng vô cùng vì biến cố đó và quá đối xúc động vì một số điều con đã nói về việc con càng ngày càng ràng buộc vào Việt Nam, tới độ kể từ lúc đọc báo và đọc thư, bố không thể ngủ hoặc nghĩ tới chuyện nào khác. Quả thật, lúc này, giữa đêm khuya, bố vừa chỗi dậy để viết cho con...*"

Bàn tay của Joseph đưa thoăn thoắt trên mặt giấy. Vì mãi cúi đầu chăm chú viết nên anh không để ý hình dáng khoả thân của Emerald vừa âm thầm xuất hiện trên ngưỡng cửa phòng ngủ đằng sau mình. Trong một thoáng, nàng đưa mắt ngái ngủ ngó Joseph, rồi bắt đầu đi lang thang nơi vùng bóng tối sâu lắng trong phòng.

Thỉnh thoảng nàng dừng bước, sờ vào một đồ vật bằng ngọc hoặc sứ hay đưa tay vuốt ve tay áo bào của một ông quan với hoa văn thêu tinh xảo và tuyệt đẹp.

"Bố nghĩ rằng lúc này bố có phần nào lúng túng không biết phải nói với con những gì. Nhưng hãy bắt đầu bằng cái gì đó vô hình chung - câu trả lời cho thắc mắc của con về lý do tại sao chúng ta lại quyết định đi tiên phong ra mặt trận đánh giặc, như con diễn tả nó, cho gia đình họ Ngô. Đó là một câu chuyện buồn bã và đáng tiếc - và bố biết rõ như vậy vì bố từng có thời can dự rất mật thiết.

Như con đã biết, có vài việc xảy ra cùng một lúc trong khoảng thời gian bố xa rời mẹ con. Có thể tới một ngày nào đó bố sẽ kể nhiều hơn, nhưng hậu quả của việc đó là bố đã quyết định, một cách khá khinh suất, rằng ngay trong năm đó bỏ nghề phóng viên báo chí và trở về quê nhà để hoàn toàn xa lánh Á Đông, bằng cách vùi mình vào cảnh giới hàn lâm đại học thâm lặng hơn. Nhưng rồi bố phần đời ấy của mình là việc gian nan hơn bố tưởng, và thoát đầu bố không thể ngồi yên tại Đại học Cornell.

Vào năm 1956, khi tiểu bang Michigan mời bố tham gia một chương trình do chính phủ tài trợ nhằm thiết lập một cấu trúc chính quyền mang tính hiện đại cho Ngô Đình Diệm, bố trở lại Sài Gòn với tinh thần phấn chấn, cố gắng đóng góp một cái gì đó. Nhưng chưa được bao lâu, ảo tưởng ấy tan vỡ..."

Ngừng viết, Joseph ngửa người ra ghế, chìm mình trong nghĩ tưởng. Anh biết rằng một trong những lý do trực tiếp gây nên sự tan vỡ ảo tưởng riêng tư và sâu xa của mình là sự kiện suốt sáu tháng sống ở Sài Gòn lúc đó, anh không tìm ra dấu vết nào của Tuyết, con gái của anh. Bằng vào những lời chỉ trích của Gary tại nhà bảo tàng, Joseph hầu như chắc chắn rằng Tempe chưa bao giờ kể cho hai con trai nghe về sự có mặt của Tuyết ở trên đời. Còn anh, anh lúc nào cũng biết rõ rằng chính nỗi khao khát tìm con thêm lần nữa đã góp phần vào việc anh quyết định quay lại Sài Gòn.

Khi trở lại thành phố ấy, Joseph hoàn toàn mất tinh thần vì khám phá ra Tuyết, chỉ đầu hôm sớm mai năm 1954, đã biến mất không

để lại dấu vết. Sau khi báo tin cho Tâm và gia đình rằng mình sẽ kết hôn với một phần tử Việt Minh, Tuyết lặn sâu vào thế giới ngầm, và từ đó, hầu như Tuyết không còn hiện hữu trên mặt đất. Sau khi khám phá ra điều đó, Joseph thấy rằng những ký ức đau đớn mà Sài Gòn lưu giữ cho anh đang càng lúc càng đè nặng lên anh. Trên tất cả mọi sự, anh chẳng bao giờ còn có thể đi ngang Khách sạn Continental Palace mà lòng không khỏi cảm thấy chới với khi tới gần chỗ vỉa hè nơi Lan và cha nàng từng nằm tử thương trong vũng máu đầm đìa ngay trước mắt anh. Và rồi dần dà, càng ngày anh càng khao khát được rời Sài Gòn ra đi, không bao giờ trở lại.

Có tiếng sột soạt làm gián đoạn dòng nghĩ tưởng của Joseph. Quay ngoắt lại, anh thấy Emerald đang đưa tay cởi chiếc triều phục màu xanh nước biển trên một bức tượng bằng sứ lớn như người thật. Biết mình gây chú ý cho Joseph, Emerald mỉm cười yếu ớt rồi chậm chậm ướm chiếc áo bào lên người và bằng cả hai tay, nàng ôm lấy làn vải lụa sát vào da thịt trần truồng.

- Joseph ạ, lắm khi em không thể không nghĩ rằng em chỉ là một vật phẩm được đưa thêm vào bộ sưu tập phương đông của anh. Emerald nói rầu rĩ với âm điệu nghe không có vẻ kết án chút nào nhưng đôi môi nàng run rẩy như chực trào nước mắt. Với chiếc quan bào toả sáng lung linh, khuôn mặt Emerald dường như mang vẻ Á Đông cổ điển hơn, hai gò má dường như cao hơn. Trong một lúc, Joseph nhìn Emerald chăm chú, rồi lại quay về tâm tưởng mình. Anh nói nhỏ nhẹ:

- Em vào ngủ lại đi. Anh phải viết cho xong cái này.

- Chẳng có anh em không ngủ được.

Joseph xoay mặt về bàn giấy. Sau khi đắm đắm nhìn anh vài phút, Emerald phụng phịu, đi lang thang trong bóng tối.

Joseph lại viết. Cây bút anh thêm lần nữa chạy thoăn thoắt trên mặt giấy:

"Bố thấy ra rằng Nhóm Tiểu Bang Michigan hoàn toàn không giống như bố đã tưởng. Nhóm có khoảng năm chục giáo sư. Một số làm công tác pháp chế về hiến pháp và cơ quan công quyền, nhưng phần lớn công việc của Nhóm là làm bình phong cho các

phái viên tình báo, những kẻ chuyển súng ống, đạn dược, lựu đạn và hơi cay cho các đơn vị cảnh sát mật được huấn luyện để phục vụ Ngô Đình Diệm, giống kiểu FBI - [Federal Bureau of Investigation: Cục Điều Tra Liên Bang của Hoa kỳ.] Đồng thời, Nhóm cũng xúc tiến thành lập một lực lượng cảnh sát bán quân sự; và việc đàn áp chính trị dường như đang trở thành mục tiêu cho các nỗ lực của Nhóm. Chẳng bao lâu sự việc ấy làm lu mờ những nỗ lực đang được bố cùng với một số người khác thực hiện nhằm xây dựng các định chế dân chủ. Do đó, bố rút lui sau sáu tháng làm việc.

Bố không muốn xếp loại cảm nghĩ của bố về Ngô Đình Diệm theo tính chất ác cảm hay mặc cảm. Bố cũng không muốn lấy những tiêu chuẩn tây phương để xem xét nguyên thủ của một nước Á Đông chậm tiến và đang lâm chiến. Theo bố, Diệm là loại người đặc biệt pha trộn giữa kẻ sĩ tham chính của Khổng giáo và tu sĩ tại gia của Kitô giáo. Ông không là kẻ thủ đoạn như người em tên Nhu của ông - thí dụ ông không hề quan tâm tới việc làm giàu cho bản thân, ông không muốn bổ nhiệm kẻ tham ô vào chức vụ chính quyền, nhưng để duy trì quyền lực, ông làm nơ cho người em dung dưỡng các phần tử đó. Diệm năm nay 62 tuổi, người miền trung, gốc Quảng Bình, cùng quê với Võ Nguyên Giáp, 51 tuổi, và Thích Trí Quang, 39 tuổi, một nhà sư từ lâu muốn Phật giáo thống nhất và đóng vai trò tích cực để hòa giải với Cộng Sản. Cùng với một số nhà sư từng theo học ở An Nam Phật Học Đường tại Huế, ông ấy tin rằng Phật giáo Việt Nam có khả năng dung hợp những người theo Cộng Sản Việt Nam. Hẳn con cũng biết nhà sư ấy - mà một thiền sư trẻ tuổi và là một nhà văn sâu sắc cùng gốc miền Trung với ông, đã mô tả làø thông minh, nhưng có quá nhiều tự tín - hiện đóng vai trò chủ chốt trong cuộc đấu tranh của Phật giáo. Thân phụ của Diệm là vị đại thần duy nhất cáo quan để phản đối việc người Pháp đày vua Thành Thái. Bản thân Diệm năm 32 tuổi, sau ba tháng phụ trách ban cải cách nam triều và làm quan đầu triều thượng thư bộ Lại của Bảo Đại - vì nhà Nguyễn không lập tế tướngi- cũng từ quan để phản đối sự can thiệp của Pháp trong việc lập pháp của nam triều. Năm 1945, Diệm bị Việt Minh bắt đưa ra

Hà Nội và mang đến gặp HCM. Tại chỗ, không những Diệm từ chối lời mời hợp tác của Hồ mà còn nặng lời lên án Hồ là tội phạm, phá hoại đất nước, trở mặt và giết hại hàng trăm người, trong đó có hai cha con người anh ruột của Diệm. Tuy thế, đáp lại lời thách giết của Diệm, Hồ lại thả lỏng để Diệm trốn thoát.

Ngô Đình Diệm là người cứng nhắc và cách biệt lạ thường. Một đảng ông tin rằng mình đang thực hiện sứ mệnh nguyên thủ quốc gia theo thánh ý và sự quan phòng của Chúa. Một đảng ông điều khiển chính quyền Cộng Hoà như một thượng quan phụ mẫu chi dân và xem thuộc hạ, kể cả các bộ trưởng và tướng lĩnh, như con cháu trong nhà. Anh em Ngô Đình không muốn sự hợp tác của các nhân sĩ người Việt để lập nên một chế độ tự do dân chủ vững mạnh làm căn bản chống cộng mà chỉ muốn sự phục tòng, vì thế đánh mất những tình cảm ban đầu mà giới trí thức dành cho họ. Trong gia đình, Diệm theo nguyên tắc hiếu để cứng nhắc của luân lý Khổng Mạnh nên không thể vứt bỏ sự trợ tá đầy những nhiễu của các anh em và bà em dâu, những kẻ làm nhiễm độc mối quan hệ của ông với dân chúng. Có người dùng cách giải thích tốt nhất để đánh giá Tổng Thống Diệm: ông là nạn nhân sâu xa của một gia đình thèm khát quyền lực và thô bạo. Bố nghĩ đánh giá như thế e rằng đơn giản quá vì thông thường người càng tịch mịch thì cá tính lại càng mạnh. Dù sao đi nữa, Ngô Đình Diệm là người rất đáng trọng tuy khó có thể nói là người hoàn toàn đáng phục. Có thể nói ông gần như tiêu biểu cho một chính trị gia Công Giáo theo chủ nghĩa dân tộc.

Theo bố cũng có thể là quá đơn giản khi đánh giá Madame Nhu là người lăng loàn và lộng quyền. Gạt sang một bên những lời đồn không thể kiểm chứng, ta có thể nhìn theo khía cạnh tích cực, rằng bà ta là một phụ nữ muốn tự khẳng định và đòi quyền sống cho các phụ nữ Việt Nam vốn đã chịu đựng quá lâu trong một xã hội đa thê, gia trưởng và trọng nam khinh nữ. Điều chắc chắn là những thể hiện quá khích của kẻ thích được gọi là đệ nhất phu nhân ấy - như việc áp đặt Đạo luật Gia đình có tính cách Kitô giáo vào một xã hội còn nhiều hệ lụy bởi quá khứ đa thê - đang gặp sự chỉ trích cũng thái quá không kém trong một đất nước vốn xem thường vai

trò xã hội của phụ nữ, và vì thế, bà tạo cơ hội cho người ta biếm họa và gây bất lợi cho chế độ.

Có một chi tiết có lẽ con cũng nên biết về xuất thân gia tộc của Madame Nhu, và chi tiết này cũng đáng cho ta suy nghĩ. Ông ngoại của bà Nhu thuộc dòng họ Thân Trọng nổi tiếng nhất ở Huế, từng giữ chức thượng thư bộ Lễ. Thân phụ của bà từng làm bộ trưởng ngoại giao trong nội các Trần Trọng Kim. Thân mẫu của bà là một bậc nữ lưu, lúc ở Hà Nội trước năm 1945 từng là đàn chủ một diễn đàn tại nhà mình, nơi thảo luận các vấn đề xã hội chính trị và văn hóa của nhiều trí thức xuất sắc Hà thành, trong đó có Monsieur Nhu thừa còn độc thân. Thân nhân bên ngoại của bà có người là liệt sĩ hoặc đang ở cấp chỉ huy xuất sắc trong hàng ngũ Việt Minh rồi Việt Cộng tại vùng Trị Thiên."

Joseph ngừng bút, ngó lên bức tranh Bồ Đề Đạt Ma đang quảy một chiếc dép cỡi sóng vượt sông Dương Tử trở về Tây Trúc, treo bên kia chụp đèn. Anh ngẫm nghĩ hồi lâu rồi viết tiếp:

"Tại Việt Nam, quan hệ của người các tôn giáo khác đối với người Công Giáo thì đầy nghi kỵ, phức tạp, nếu không muốn nói là bị nghiễm độc hàng trăm năm nay. Trước hết, là vấn đề danh xưng. Chữ Công Giáo trong tiếng Việt - Catholicism trong tiếng Anh - không có nghĩa là đạo nhà nước hay quốc giáo (theo kiểu công quyền, công báo!) như một số người hiểu lầm hoặc xuyên tạc và vì thế gây nhiều hệ lụy. Nó được các thừa sai dịch từ chữ La-tinh Ecclesia Catholica có gốc Hi Lạp Katholicus, chỉ có nghĩa là phổ quát và chung cho mọi người. Chữ Công Giáo ngày nay thay cho chữ đạo Gia-tô vốn phiên âm qua phương ngữ Quảng Đông rồi đọc theo tiếng Hán Việt được dùng trong các thế kỷ trước.

Ban đầu, Công Giáo được các nhà truyền giáo Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha truyền vào Việt Nam từ thế kỷ 16. Vì lối tuân giữ nghiêm ngặt các nghi lễ và giáo luật thời trung cổ, khác biệt quá đối với các giá trị văn hóa bản địa, và các giáo dân sinh hoạt cô lập với cộng đồng dân tộc, nên nó bị giới nho sĩ xem là tà đạo và bị triều đình nghiêm cấm. Rồi tình trạng bách hại ngày càng gắt gao hơn vì theo chân các giáo sĩ là các thương buôn châu Âu và các tay thực dân tìm kiếm thuộc địa. Hãy thử tưởng tượng trong một làng

xã sinh hoạt cổ truyền cả ngàn năm nay, bỗng dưng xuất hiện một cộng đoàn khép kín, tách lìa với quá khứ, không lễ đình làng, không thờ cúng ông bà, ít theo lệ làng, không giữ phép tắc kiêng cử của làng, và thái độ lắm khi quá khích về tín ngưỡng, v.v. Thế là có nghi kỵ, bách hại, công khai hoặc dưới các hình thức đa dạng.

Khi quân Pháp xuất hiện, sự bách hại ấy đẩy người Công Giáo về phía Pháp. Trong hoàn cảnh éo le ấy, đa số người CG hợp tác với Pháp, vì thế người ta xem họ là tay sai của thực dân, tệ hơn nữa, tay sai của Vatican, một quốc gia tôn giáo bị nhiều người cố tình mô tả như một thứ siêu quyền lực chỉ đạo phương tây. Nếu con muốn bố sẽ gởi cho con một cuốn sử Việt Nam bằng tiếng Pháp về giai đoạn Bình Tây Sát Tả thời Cần Vương và Văn Thân cuối thế kỷ 19. Từ đầu thập niên 1940, qua thông tin của giới giáo sĩ, người CG đã biết Nguyễn Ái Quốc thật sự là ai và Mặt Trận Việt Minh bản chất như thế nào. Trong chiến tranh Việt Pháp, họ là một tập thể có kỷ luật, chống Cộng hữu hiệu. Khi thời thế thay đổi, so với trí thức của các tôn giáo khác, trí thức Công Giáo có số lượng ít hơn nhưng năng động hơn trong các lãnh vực sinh hoạt chính trị và xã hội vì họ quen sinh hoạt đoàn thể từ lúc còn thiếu niên và họ nhạy bén hơn với các khái niệm công bằng xã hội, tự do dân chủ, cải tạo môi trường sống, v.v. Và có lẽ vì thế, người ta có cảm tưởng họ có tham vọng và được ưu đãi hơn.

Cũng tại Việt Nam, con sẽ thấy giữa tín đồ các tôn giáo và giới tăng lữ có một mối quan hệ bất bình thường so với sinh hoạt tôn giáo của chúng ta ở Mỹ. Trong cõi mịt mù vì ly loạn và nhân tâm điên đảo, người Việt nhìn các nhà lãnh đạo tinh thần như một thứ hải đăng và là phát ngôn nhân của họ, đặc biệt, người Công Giáo hầu như chỉ tin vào linh mục và ngày nay, Phật tử đối với tăng ni. Khi chính trị không dung chứa nổi con người, người ta tìm về nhà thờ đình chùa đền miếu. Và nếu chẳng may gặp phải vị lãnh đạo tinh thần chưa đủ mức chân tu thì người ta bị lạc loài trên con đường tìm kiếm chân lý và rước thêm phiền não vào cuộc sống, đôi khi đã hao tổn thời giờ của cải mà còn mất luôn cả mạng sống vì những động cơ tôn giáo. Hiện tượng đó không chỉ xảy ra tại châu

Á thời nay mà còn tại nhiều nơi trên thế giới ở rất nhiều thời kỳ trong lịch sử của loài người, kể cả tại châu Âu.

Trong những ngày làm việc ở miền tây Nam Việt, bố đã chứng kiến từng đoàn xe công chức, quân đội cao cấp nườm nượp kéo nhau qua bắc Mỹ Thuận, đi Vĩnh Long để dự các khóa học lý thuyết Cần Lao Nhân Vị của chế độ do các linh mục giảng dạy trong một chủng viện, hoặc để chúc tết, chúc thọ vị Tổng giám mục nhiều tham vọng gia tộc và có máu sô-vanh tôn giáo là Ngô đình Thực, anh cả của Diệm, Nhu và Cần. Ông ấy quan niệm rằng Giáo hội Công Giáo, từ Vatican cho tới Việt Nam, có nghĩa vụ ủng hộ và củng cố chế độ của người em mình. Những hình ảnh như thế gây bất bình cho người ngoài Công Giáo và đưa tới những hình thái phản ứng không ai lường nổi.

Khi ở Việt Nam, bố cũng biết về mặt chính trị, tìm cho ra người mình tin tưởng là một vấn đề gay go trong tình trạng khó phân biệt ai là kẻ nằm vùng, hai mang. Thêm nữa, người Việt xem trọng tình ruột thịt hơn mọi thứ nên họ thường che giấu những thân nhân đang theo phía bên kia. Nói chung, nếp sống văn hóa và đạo lý Việt Nam khiến họ không muốn mang tiếng là người chỉ điểm.

Trong hoàn cảnh đó, có lẽ Ngô Đình Diệm cảm thấy an tâm khi tin nhiệm các thuộc cấp trong giới Công Giáo và cùng địa phương miền trung với mình. Sự chọn lựa dễ dãi và thực dụng, đơn giản và đầy phân biệt đối xử đó đương nhiên bị những phản tử bất hảo trục lợi, kết bè cánh và làm quân chúng tức giận. Việc giới chức chính quyền các cấp trọng vọng giới linh mục cũng dễ đưa tới tình trạng giáo sĩ những nhiều, và gây mặc cảm cho tầng lớp lãnh đạo tinh thần của các tôn giáo khác. Những cảm giác cùng những phản ứng như bố vừa kể phá hoại tinh thần đoàn kết của người dân, làm tan rã các mối quan hệ của cộng đồng miền nam chân chất trong công cuộc đấu tranh chống lại kẻ thù giáo hoạt từ phương bắc; thậm chí hiện nay, nhiều trí thức người Việt còn xem cuộc chiến Quốc-Cộng tại Việt Nam chỉ là trận đấu quyền lực giữa Công Giáo Vatican và Cộng Sản. "

Joseph ngừng bút, đọc lại những dòng chữ vừa xuất hiện trên giấy. Anh lắc lắc đầu, hi vọng Gary sẽ hiểu căn kẽ điều anh muốn diễn

đặt giữa những dòng chữ lúng túng ấy. Anh thở dài, chép miệng rồi viết tiếp:

"Còn về chuyện gần gũi hơn đối với con thì, bố không lấy làm ngạc nhiên về sự ngạo mạn của một số sĩ quan QĐVNCH trong đơn vị của con. Con biết không, người miền nam Việt Nam xưa nay quen vui hưởng một cuộc sống làm chơi ăn thật tại vùng đồng bằng phì nhiêu của họ. Tình trạng đó đưa tới hậu quả là họ thừa kế những cá tính không giống với những người Việt Nam khác bên bờ biển và duyên hải hơn, xuất xứ từ những vùng đất khắc nghiệt hơn, ở miền trung và miền bắc. Người miền nam còn bị thực dân đô hộ toàn diện hơn và họ hợp tác mật thiết với người Pháp, vì thế họ có lòng khao khát ngày càng mãnh liệt là được ganh đua với các chủ nhân thực dân của mình, chẳng hạn, đội ngũ sĩ quan tại Nam Việt Nam áp dụng một hình thức phân biệt cấp bậc chặt chẽ hơn bất cứ xứ sở tương tự nào khác tại Đông Nam Á - nhưng đồng thời họ lại cảm thấy có nỗi thôi thúc phải cư xử một cách ngang bướng để biểu lộ sự khinh thị các chủ nhân ông ngoại lai - một thời là Pháp và lúc này là Mỹ - những kẻ mang lại cho nhiều người trong họ sự giàu có, đặc quyền đặc lợi và kể cả chính ý tưởng về sự ưu việt. Có một điểm đặc biệt chắc con cũng nhận thấy là khác với tập quán giao tế ở Âu Mỹ, người Việt Nam gặp nhau thường thảo luận chuyện thời cuộc hoặc các đề tài tín ngưỡng, các nhân vật chính trị và tôn giáo. Họ không ngại biện hộ ráo riết cho những luận điểm họ đang bảo vệ. Đối với họ, người bạn nào không tận tình trao đổi ý kiến về các vấn đề ấy thì chưa là một bằng hữu chân tình. Thực tế, lắm khi càng thảo luận càng mù mịt và gây ngộ nhận phân ly nhưng họ thích như thế. Thói quen ấy khiến họ bám sát thời cuộc và sinh hoạt tôn giáo nhưng cũng dễ bị lung lạc vì những thông tin nửa vời và lòng đa nghi đối với giới làm chính trị mà họ biết rất rõ là chưa bao giờ thật sự vì dân vì nước hoặc đối với giới tu sĩ mà họ cũng biết rất khó tìm gặp đáng chân tu. Bố không biết ý kiến ấy của bố có giúp được cho con xoay sở hiệu quả hơn với viên trung úy QĐVNCH sắp tới của con hoặc những người Việt Nam mà con sẽ tiếp xúc trong khi đạn đang bay qua các thửa ruộng hay không, nhưng nó được bố đưa ra trong niềm hy

vọng rằng nó sẽ hữu ích ít nhiều cho con."

Joseph ngừng bút, cầm lên bức thư của Gary và thêm lần nữa xem xét cặn kẽ cho đến khi anh nhìn tới đoạn mô tả cái chết của viên trung úy QĐVNCH. Anh chậm chậm đọc lại đoạn ấy với vẻ mặt đau xót rồi ngồi nhìn trống rỗng bức vách đằng trước. Sau một hai phút, Joseph cầm bút lên, nhưng cây bút chờn vờn tần ngần trên mặt giấy một lúc lâu, sau cùng anh mới bắt đầu viết tiếp:

"Lời con kể về cái chết của viên sĩ quan Việt Nam ấy rất xúc động. Và trong khi nghĩ tới những kinh nghiệm tương tự trong chính cuộc đời của bố, bố có thể đoán được con hẳn đã có cảm giác như thế nào. Cùng với cảm xúc ấy, bố muốn nói với con rằng bố hiểu và đồng tình biết mấy với những gì từ các trang thư con phát ra giữa hai hàng chữ, thí dụ, nỗi đam mê càng lúc càng tăng đối với đất nước và con người Việt Nam.

Lúc này bố rất cẩn thận chọn lựa lời lẽ của mình và biết con nhạy cảm ngần nào đối với sự can thiệp thêm lần nữa của bố. (Qua đó bố hiểu bài học của mình về vấn đề ấy; không cần phải nói rằng bố ngưỡng mộ lòng can đảm của con trong việc chọn lựa nghề nghiệp theo ý mình mà bố còn có ấn tượng rất mạnh qua cách thức con đang tiến tới). Nhưng bố thấy mình không thể chấm dứt bức thư này mà không nói lên một lời cảnh báo rằng con chớ để cho con tim của mình hoàn toàn điều động trí óc. Con biết không, bố đã để cho như thế và lúc này, bố sắp vi phạm một nguyên tắc khác - đó là nguyên tắc mà chúng ta chỉ vừa mới lập ra - về việc tự mình cởi bỏ gánh nặng, và có lẽ bố nên nói thêm rằng tay bố đang có phần nào run rẩy khi bố viết về điều đó.

Con biết không, điều dẫn đưa bố tới chuyện làm tan vỡ gia đình ta, một chuyện mà lúc này bố tiếc nuối một cách kinh khủng, và có liên quan tới một việc của con tim tại Việt Nam khi bố ở vào độ tuổi của con bây giờ. Bố yêu con gái của một vị quan. Tên cô ấy là Lan - và trong một khoảnh khắc bông bột, bố yêu cầu cô ấy kết hôn với bố. Cô nhận lời - nhưng về sau cô đổi ý vì thân phụ mình. Bố đã cố phấn đấu để tâm trí đừng nghĩ tới cô ấy, và sau đó, bố quen biết và thành hôn với mẹ của con - nhưng tới cuối cuộc Chiến tranh Thái Bình Dương, bố thêm lần nữa có mặt ở Sài Gòn và gặp

lại cô ấy."

Joseph ngừng bút, quệt tay áo kimono ngang hông mảy và thấy mồ hôi cũng rịn ra ướt đầm lòng bàn tay. Trong một lúc, anh chà bàn tay vào hai bên hông.

"Gary ạ, chưa bao giờ bố nghĩ mình có thể kể chuyện này cho con nghe, và có thể bố vẫn không bao giờ đối mặt với chuyện đó, nhưng thuở đó bố choáng váng cực độ khi biết ra mình có một đứa con gái chưa bao giờ gặp mặt - người chị cùng cha khác mẹ với con. Tên nó là Tuyết. Thuở đó nó đã tám tuổi nhưng được bí mật nuôi nấng bởi một gia đình người Việt khác trong một hoàn cảnh đau lòng.

Từ lúc ấy trở đi, dù thế nào đi nữa bố cũng không bao giờ gạt bỏ hoàn toàn khỏi tâm trí mình cái ấn tượng rằng bố quả thật có lỗi với đứa con gái bé bỏng ấy. Có thể việc đó giải thích cho cái mà có lần con gọi là ánh sáng mờ ảo trong mắt bố - hãy cứ gọi nó là ưu tư nếu con muốn.

Bố gấp rút nói thêm là bằng vào việc kể cho con nghe chuyện này, bố không có ý kỳ vọng làm cho con cảm thấy bố bớt sai trái - nhưng vào lúc bố quyết định chia tay với mẹ của con, bố hy vọng sẽ kết hôn với Lan và đồng thời hiến cho người chị cùng cha khác mẹ của con một mái nhà. Rồi từ sau biến cố Lan từ trần và Tuyết không chấp nhận sự cống hiến của bố, bố không bao giờ gặp lại nó nữa. Lúc ở Sài Gòn lần vừa qua, bố ra sức tìm kiếm nó nhưng bố không gặp may.

Gary ạ, xưng ra với con trọn vẹn câu chuyện đó bố cảm thấy rất đau đớn và dĩ nhiên, bố kể với lòng không có chút tự hào nào. Bố kể chuyện đó với lý do là cố tỏ ra cho con thấy bố cần biết mấy, cần ghé góm, việc nói lại cho đúng giữa con và bố. Bố hy vọng vào một lúc nào đó, bố cũng sẽ có cơ hội để nói chuyện với Mark. Có thể con cảm thấy tình thương của một người cha như bố chẳng có giá trị gì nhiều nhưng dù sao đi nữa, nó vẫn hiện hữu - và lúc này có lẽ còn mạnh hơn bao giờ.

Vậy bố hy vọng con sẽ đón nhận sự bộc lộ nỗi niềm của bố trong tinh thần con ghi nhận nó. Bố cũng muốn nói rằng nỗ lực viết bức thư này làm bố có cảm giác mình bị vắt kiệt và bố nghĩ rằng lúc

này bố cần một ly rượu mạnh và ngon - dù đã bốn giờ sáng. Vậy cho tới khi bố lại nghe biết tin con, con hãy cam đoan hết sức bảo trọng thân mình."

Joseph suy nghĩ một lúc trước khi ký tên chấm dứt bức thư. Kế đó, anh thêm vào mấy chữ giản dị: "Thương con - Bố."

Đẩy mấy trang thư ra xa, Joseph ấn mạnh các khớp lóng tay lên mắt, rồi đứng dậy đi vào nhà bếp. Trong khi anh làm như thế, Emerald từ trong vùng bóng tối lại xuất hiện kế bên bàn viết, tay ôm một khung hình áp sát vào ngực áo bào thêu. Trong một hai giây, nàng dăm dăm ngó theo anh, mắt ánh lên vẻ đau đớn. Rồi Emerald cố tình bước tới trước mặt anh, chận lối:

- Joseph ạ, kể từ lúc mới tới đây lần đầu, em thường nghĩ trong căn phòng này em hạnh phúc hơn bất cứ lúc nào trong cuộc đời em. Nhưng lúc này em biết ra mình đã lầm khi cảm thấy như vậy.

Nàng đột nhiên xoay khung hình lại, đưa mặt ảnh ra phía Joseph:

- Đây có phải người được anh nghĩ tới những khi trong mắt anh phát ra tia nhìn lạ lùng?

Joseph nhìn bức ảnh của Tuyết trong một chốc và im lặng.

- Nếu không phải, tại sao anh giữ tấm ảnh này và lật sắp khung hình trong ngăn tủ?

Anh lấy khung ảnh khỏi tay Emerald và nói:

- Đây là con gái của anh. Lần chót anh gặp nó là chín năm trước. Và hiện nay anh cảm thấy rất xót ruột khi nhìn nó hằng ngày như thế này.

Joseph chậm chậm bước ngang phòng, chuỗi khung ảnh vào lại ngăn tủ. Khi quay lại, anh thấy Emerald đang đứng gục đầu. Bỗng dưng hai vai Emerald bắt đầu run rẩy và nàng đưa tay lên ôm mặt. Từ nơi Joseph đứng dựa lưng vào ngăn tủ đóng chặt, anh chỉ biết đưa mắt nhìn Emerald với sắc mặt trắng bệch và không một cử động.

Joseph vẫn không cử động cho tới khi Emerald mặc quần áo và đi ra khỏi nhà. Sau cùng, khi tiếng xe của nàng bật hẳn, anh liếc qua bức thư đã viết cho Guy, nhưng bắt chợt những lời kêu gọi tình cảm đầy tủi thẹn trong các đoạn cuối thư đọc lên nghe đau đớn quá, anh nhắm mắt lại.

Joseph vẫn đứng như thế một hồi lâu. Rồi anh mở mắt, cầm lên các trang thư. Anh xé dọc tất cả và để từng mảnh rồi từng mảnh rơi xuống giỏ rác đựng giấy loại.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963 **- 12 -**

- Tôi không biết thái độ của chính phủ Hoa Kỳ sẽ như thế nào nếu có sự thay đổi chính quyền tại Việt Nam trong một tương lai rất gần?

Viên trung tướng người Việt to lớn vạm vỡ đặt cho Guy Sherman câu hỏi ấy bằng tiếng Pháp với giọng chậm rãi và cân nhắc. Ông nói tiếp:

- Hơn bất cứ người nào, các tướng lĩnh thân hữu của tôi và tôi nhận thấy rõ rệt rằng tình hình đang suy bại từng ngày và cực kỳ nhanh. Tại vùng châu thổ sông Cửu Long, chương trình Ấp Chiến Lược đang sụp đổ; chính quyền không còn được dân chúng ủng hộ. Nếu không hành động sớm chúng ta sẽ thua cuộc chiến tranh này vào tay Việt Cộng.

Dù đang phát biểu những lời nghiêm trọng đến thế, bộ mặt chất phác của tướng Dương Văn Minh chợt hoác ra thật rộng, thành nụ cười sâu hoắm và nổi tiếng của ông. Cả hai hàm răng - trừ một chiếc răng cửa - đều bị chuyên viên tra tấn của Nhật nhổ sạch trong thời Thế Chiến Hai và ông không bao giờ có ý định che giấu tình trạng đó.

Thân thể dềnh dàng và cao kều của ông - ông cao một thước tám, nặng chín chục ki-lô - cũng làm cho ông có vẻ đường bệ khác thường trong mắt người Việt và tạo cho ông biệt danh Minh Cồ. Ông là người miền nam, xuất thân chuẩn úy từ Trường Hạ sĩ quan Trừ bị Thủ Dầu Một rồi mãi về sau, tu nghiệp Trường Tham Mưu Liên Quân Fort Leavenworth tại Hoa Kỳ. Guy Sherman còn biết người đàn ông cao to, hòa nhã và dễ tính này cũng rất khoái chí khi

được người ta gọi là Minh Lớn hoặc Minh Mập.

Gay vừa nhìn Minh Cồ vừa tự hỏi xét theo ngoại diện của viên tướng này, không biết việc ông ta rộng miệng cười hóm hỉnh có phải vì cuộc gặp gỡ bí mật của cả hai đang diễn ra tại phòng vắng vẻ của một nhà sĩ ngay giữa trung tâm Sài Gòn. Theo dự trù, cả hai đều âm thầm đi vào, mỗi người theo một cửa riêng. Và vừa đặt chân vào, Guy đã thấy Minh Cồ ngồi sẵn trên ghế chữa răng.

Người Mỹ nói dè dặt:

- Thừa trung tướng, hẳn ông thừa hiểu tôi có mặt tại đây chỉ để lắng nghe những gì ông nói và chuyển lại những lời nói ấy. Nhưng trước khi có thể phát biểu điều gì, tôi cần biết các kế hoạch của ông, càng cụ thể càng tốt. Thí dụ, ngoài ông ra còn có những tướng lĩnh nào ủng hộ ông? Một cách chính xác, kế hoạch thay đổi chính quyền Tổng Thống Diệm của ông như thế nào?

Trong vài giây, người Việt Nam ngồi yên, đưa mắt dò xét người CIA lúc này vẫn đứng, rồi ông lại nhe răng cười:

- Monsieur Sherman, chúng tôi có ba kế hoạch khả thi. Thứ nhất, chúng tôi có thể ám sát hai anh em Ngô Đình Nhu và Ngô Đình Cẩn cùng một lượt, chừa lại Ngô Đình Diệm một mình nắm quyền; đó là kế hoạch dễ thực hiện nhất. Thứ hai, chúng tôi có thể bủa một vòng đai thép vây quanh Sài Gòn với các đơn vị khác nhau dưới quyền chỉ huy của chúng tôi và tiến quân theo cách đó. Hoặc thứ ba, chúng tôi có thể phát động một cuộc nổi dậy trực diện tại Sài Gòn giữa lực lượng của chúng tôi và các đơn vị trung thành với chính phủ. Theo kế hoạch thứ ba, chúng tôi sẽ chia đô thành ra nhiều túi chiến đấu và vét sạch từng túi một.

Nhún hai vai đồ sộ Minh Cồ nói tiếp:

- Ngô Đình Nhu chỉ có thể trông cậy vào khoảng năm ngàn binh sĩ vẫn trung thành với hai anh em ông ta - không thể nhiều hơn.

Vẫn mỉm cười, Dương Văn Minh chăm chú xem xét vẻ mặt của Guy Sherman như thể đang cố đo lường phản ứng của người Mỹ.

Guy nói bình thản:

- Nếu ông có ý chờ tôi nói rõ trong ba kế hoạch đó cái nào là ưu tiên, chắc chắn cả hai chúng ta phải ở đây trong một thời gian rất lâu.

Minh Cồ khoát tay gạt bỏ:

- Quan tâm chính của tôi là qua anh, tôi có được sự bảo đảm rằng chính phủ Hoa Kỳ sẽ không tính chuyện cản trở các kế hoạch của tôi. Thế là đủ. Chúng tôi không kỳ vọng hoặc cần tới sự can thiệp tích cực và đặc biệt nào từ phía quý vị.

- Nhưng ông vẫn chưa nói với tôi rằng cùng đứng về phía ông gồm có những ai.

- Trung tướng Trần Văn Đôn, Quyền Tổng Tham Mưu Trưởng; thiếu tướng Trần Thiện Khiêm, Tham Mưu Trưởng; trung tướng Lê Văn Kim... ông có cần tôi kể thêm không?

Rút trong túi ra cuốn sổ tay, Guy Sherman ung dung ghi thật chậm các tên đó rồi ngược mắt nhìn vị tướng:

- Tôi xin phép hỏi tại sao ông lại nói lúc này là cực kỳ khẩn cấp? Tại sao ông cần biết một cách nhanh chóng đến thế phản ứng của Washington? Vào cuối tháng Tám vừa qua, chúng tôi chờ một hành động cụ thể từ phía quý vị - nhưng suốt năm tuần nay đã chẳng xảy ra hành động nào? Ông thừa biết rằng một khi đã quyết định thì phải đẩy cho diễn biến xảy ra thật nhanh, để Cộng Sản không thể bám kịp mà lợi dụng.

Minh Cồ lại ép thân hình đồ sộ xuống sâu hơn trong lòng ghế chữa răng:

- Đã có những khó khăn. Thứ nhất, tôi bị theo dõi sát nút - có mấy sĩ quan thuộc cấp thành linh bị thẩm vấn. Nhưng từ vài tuần lễ nay, mọi sự hoàn toàn thay đổi. Lúc này, không chỉ các sư đoàn trưởng mà thậm chí cấp trung đoàn trưởng, tiểu đoàn trưởng cũng rất oán ghét chế độ tới độ tất cả đều đang xúc tiến kế hoạch riêng của mỗi người. Dĩ nhiên những âm mưu nòng nôi như thế của các sĩ quan thiếu kinh nghiệm sẽ tạo nguy cơ cho các kế hoạch của chúng tôi - đó là lý do lúc này chúng tôi phải hành động thật gấp.

Người Mỹ hỏi cẩn thận:

- Và nếu âm mưu của quý vị thành công, cả Diệm lẫn Nhu đều bị lật đổ, lúc ấy sẽ ra sao?

Dương Văn Minh trả lời với giọng điềm tĩnh:

- Tôi không có tham vọng chính trị cho cá nhân mình. Các tướng lãnh khác cũng chẳng có tham vọng chính trị nào cả. Sau cuộc đảo

chánh sẽ lập tức có cơ cấu chính phủ hai cấp. Tôi lãnh đạo Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng, làm chủ tịch lâm thời. Chúng tôi sẽ giám sát một nội các được kết hợp chủ yếu gồm các thành phần dân sự. Mục đích duy nhất của tôi là thắng cuộc chiến tranh này. Nhưng để làm được điều đó, cái cốt tủy là Hoa Kỳ phải tiếp tục viện trợ kinh tế và quân sự ngang với mức độ hiện nay.

Mắt Dương Văn Minh long lanh. Ông đứng lên khỏi ghế, hai tay khoanh cứng trước ngực:

- Monsieur Sherman ạ, mức độ hiện nay là mỗi ngày một triệu rưỡi đô la, vậy đó. Lúc này hẳn ông hiểu rõ tầm quan trọng của câu hỏi tôi vừa đặt ra cho ông?

Viên chức CIA xem xét cặn kẽ vẻ mặt của người Việt Nam. Trên đôi má tròn trịa của vị tướng bốn mươi bảy tuổi này hẳn rõ nét tươi cười nhưng trong tia nhìn của ông chứa đựng ánh lạnh lẽo nào đó làm ông vừa có vẻ hiền lành vừa có vẻ nhẫn tâm. Guy biết rằng Minh Cồ tạo được tiếng tăm nhờ ông, lúc là đại tá, làm tư lệnh chiến dịch đập tan các lực lượng võ trang của Bình Xuyên và giáo phái Hoà Hảo cho Tổng Thống Ngô Đình Diệm chẳng bao lâu sau ngày ông Diệm lên nắm chính quyền. Từ đó, tuy không còn được trao chức vụ quan trọng nào nhưng ông vẫn được thăng cấp đều đặn và được các tướng lãnh nể trọng vì cấp bậc, tuổi đời và tính tình chất phác, tử tế với mọi người.

Lần đầu tiên một mình đối mặt với Minh Cồ, Guy Sherman có thể cảm nhận được làm thế nào sự hòa trộn lạ lùng giữa tính mộc mạc thân tình và tính nghiêm khắc có thể tạo được sự mến cảm của thuộc cấp, bên cạnh sự tuân lệnh thượng cấp vốn là điều kiện tiên quyết của một quân đội có tổ chức chặt chẽ. Hẳn cũng hiểu tại sao đột nhiên Cố vấn Tối cao Ngô Đình Nhu, kẻ luôn luôn ý thức sự đe dọa phát xuất từ những người mình không tin tưởng, mười tháng trước đây lại bổ nhiệm Dương Văn Minh làm Cố vấn Quân sự cho Tổng Thống, một công việc văn phòng vô nghĩa trong Phủ Tổng Thống, nhằm cách ly hữu hiệu vị tướng quảng giao này với các tướng lãnh đang nắm các sư đoàn hoặc lữ đoàn, những đơn vị lập thành nền tảng sức mạnh của quân đội.

Sau cùng, Guy Sherman nói, cẩn thận chọn từ ngữ từng lời:

- Vì hôm nay, trước khi tới đây, tôi không biết ông sẽ nói những gì nên xin ông biết cho rằng tôi không có quyền đưa ra câu trả lời dứt khoát về việc chính phủ Hoa Kỳ không can thiệp vào các kế hoạch của ông. Dĩ nhiên tôi sẽ báo cáo lên cấp trên tất cả những gì ông vừa trình bày. Và ông có thể yên tâm rằng chắc chắn những lời ấy sẽ đi thẳng tới Toà Bạch Ốc.

Minh Cồ trả lời với giọng cố ý nhẹ nhàng nhưng thái độ của ông đột nhiên thay đổi và trên khuôn mặt tròn trịa, mắt ông bắt đầu nheo lại với vẻ nghi kỵ:

- Liệu chúng có sẽ cũng đi thẳng trở lại cái văn phòng đầy những đầu thú nhồi bông trên tầng hai Dinh Gia Long không? Người ta biết khá rõ rằng giám đốc phân sở CIA tại đây của quý vị là một bằng hữu thân thiết với Ngô Đình Nhu và đệ-nhất-phu-nhân của ông ta?

Dương Văn Minh dừng lại một cách đầy ý nghĩa rồi nói tiếp:

- Và người ta cũng thấy các phái viên khác thường đến thăm văn phòng của ông ta. Thậm chí các tướng lãnh bạn tôi và chính tôi đôi khi còn tự hỏi biết đâu Nhu và Madame Nhu có thể còn có những người bạn Mỹ rất quan trọng khác tại Tòa đại sứ.

Guy đáp gọn lỏn:

- Hẳn ông biết rõ, giám đốc phân sở CIA hiện nay của chúng tôi vừa bị giải nhiệm. Ông ấy vừa rời Sài Gòn hôm nay.

- Nhưng sự việc ấy không trả lời đầy đủ cho câu hỏi của tôi.

- Tướng Minh ạ, theo chỗ tôi biết ông là kẻ thích tìm hiểu tình hình sinh hoạt chính trị và thích đánh quần vợt với những người miền nam có tham vọng chính trị. Đó là một thói quen hiếm có so với một quân nhân. Đại sứ Nolting, người tâm phúc thân cận với Tổng Thống Diệm, vừa bị triệu hồi. Tổng Thống Kennedy đã đưa Henry Cabot Lodge sang thay ông ấy vào hôm sau ngày có cuộc tấn công chùa chiền, ông nhớ chứ? Chắc chắn ông nhận thấy rằng kể từ lúc tới đây, đại sứ Lodge cố ý giữ một khoảng cách với Tổng Thống Diệm. Vị giám đốc phân sở CIA, kẻ ông vừa đề cập như là người bạn thiết với Ngô Đình Nhu, đã bị chuyển theo lời yêu cầu dứt khoát của ông Lodge. Đặc biệt, nhà sư Thích Trí Quang hiện được phép tị nạn tại Tòa đại sứ của chúng tôi. Có phải rõ ràng các

sự kiện ấy đã được hoạch định theo một hướng nhất định?

- Monsieur Sherman, ông vẫn né tránh trả lời câu hỏi của tôi.

Không để lộ vẻ nào ra mặt, người Mỹ nói:

- Đôi khi, ông chỉ việc phải tin vào Hoa Kỳ.

Dương Văn Minh bỗng dựa ngửa người trong ghế chữa răng, mắt đăm đăm nhìn lên trần nhà. Hai bàn tay to tướng của ông thỉnh thoảng bóp chặt thành ghế bọc da thuộc. Ông nói, không nhìn người CIA:

- Nếu quyết định làm cái việc nguy hiểm ấy, rõ ràng chúng ta còn phải gặp nhau thêm nữa. Monsieur Sherman, tôi hoàn toàn hiểu rằng ngay trong lúc này ông không thể nhân danh chính phủ Hoa Kỳ để thẩm định những gì tôi vừa nói - nhưng còn ý kiến cá nhân của ông thì sao?

Giọng Guy dứt khoát:

- Thừa trung tướng, tôi không được trả lương để có ý kiến cá nhân.

Viên tướng lại hoác miệng ra cười và nói:

- Vâng, vâng, tôi biết rõ như thế - tuy nhiên, nếu ông có, thì ông đánh giá thế nào? Guy bước tới gần ghế hơn, cầm lên chiếc máy khoan răng của nha sĩ. Hắn xem xét bảng chỉ dẫn thao tác máy trong một hai giây rồi bấm nút khởi động. Tiếng ken két the the tràn ngập phòng răng. Minh Cồ quan sát người Mỹ với vẻ nghi hoặc khi hắn nghiêng mình về phía ông:

- Thừa trung tướng, để giúp ông, tôi sẽ cho ông vài thông tin bảo mật cấp cao. Tôi sẽ đọc ông nghe hai công điện loại tối mật.

Guy thò bàn tay không cầm máy vào bên trong áo vét-tông rồi lôi ra hai mảnh giấy gấp lại:

- Cái thứ nhất do ông đại sứ ở đây gửi về Washington đề ngày 29 tháng Tám. Nội dung: *"Chúng tôi bị đưa vào một tiến trình mà từ đó không có phản hồi nào đáng kể - lật đổ chính phủ Diệm. Cơ hội dàn xếp cho cuộc đảo chánh của các tướng lãnh thành công hay không thì tùy thuộc, tới mức độ nào đó, vào các sĩ quan Việt Nam liên hệ - nhưng chúng ta cần xúc tiến việc dốc toàn lực để khiến các tướng lãnh hành động thật gấp".*

Guy ngẩng đầu lên ngó Minh Cồ:

- Vậy đủ rõ chưa?

Dương Văn Minh chậm chậm gật đầu, rồi lại nhúu cặp lông mày, nghi ngờ:

- Cái đó có thể là lập trường của Hoa Kỳ vào ngày 29 tháng Tám. Nhưng sau ngày đó, Tổng Thống Diệm đã phái Madame Nhu ra nước ngoài và ông anh tổng giám mục của ông ta cũng đã rời xứ sở này - và có những dấu hiệu dao động tại Toà Bạch Ốc.

Thay vì trả lời, Guy đưa cho viên tướng Việt Nam thấy một mảnh giấy khác. Hắn nói chậm chậm:

- Bức điện thứ hai ghi hôm nay, ngày mùng 5 tháng Mười. Nó được đánh đi từ Toà Bạch Ốc tới đây, tại Sài Gòn này, chỉ cách đây mấy tiếng đồng hồ. Nội dung: *"Hôm nay, Tổng Thống chấp thuận lời khuyên cáo rằng nên có một nỗ lực kín đáo và khẩn cấp dưới sự hướng dẫn rộng rãi của ông đại sứ để nhận biết và thiết lập những mối nối với một tập thể lãnh đạo có khả năng thay thế. Những nỗ lực ấy phải tuyệt đối bảo đảm và có thể hoàn toàn phủ nhận"*.

Tắt máy khoan răng, Guy móc lại vào giá máy. Xếp hai tờ điện văn, hắn vừa nói vừa đút vào túi:

- Liệu cái đó có cho ông những ý tưởng tốt hơn về thái độ của Washington không?

Nụ cười đơn sơ của Dương Văn Minh nở thật rộng:

- Cám ơn Monsieur Sherman - nhưng vào cuộc gặp gỡ sắp tới của chúng ta, tôi sẽ rất tán thưởng nếu ông có thể đưa ra cho tôi những bảo đảm cụ thể hơn về vấn đề viện trợ và bất can thiệp. Lúc đó, có lẽ chúng ta cũng có thể thảo luận về các kế hoạch của chúng tôi và cách thức chúng tôi dự tính thực hiện chúng.

Guy lịch sự đáp:

- Tôi sẽ báo cáo tỉ mỉ từng chi tiết những gì ông vừa nói. Tôi cũng sẽ quay lại với các câu trả lời, sớm nhất có thể được.

- Vậy tôi chờ sớm được gặp lại ông.

Tướng Dương Văn Minh không tỏ vẻ muốn đứng lên khỏi ghế. Người Mỹ thâm lặng rời phòng răng. Hắn mở khoá cánh cửa nơi hành lang bên ngoài bằng chìa khóa riêng của mình rồi cất chân bước xuống một con hẻm dẫn tới chợ Bến Thành, nằm ngay trung tâm.

Trong lúc vội vã đi vào quảng trường, đột nhiên Guy nghe có tiếng ồn ào la hét. Hắn thấy khói đen phụt lên trên đầu của một đám không đông lắm. Khi tới gần hơn, Guy dần dần thấy rõ đầu và vai cháy thành than của một người đàn ông ngồi trên vỉa hè. Hắn nhận ra rằng thêm một nhà sư nữa, vị thứ năm tính từ Hoà thượng Thích Quảng Đức, đã tự thiêu đến chết ngay giữa trung tâm Sài Gòn.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 13 -

Trong giờ ăn trưa và dọc hai bên đường phố vắng lặng, lá me treo mình rũ rượi trên cây trong cái nóng hầm hập và nham nháp của Sài Gòn ngày Thứ Sáu mùng 1 tháng Mười một, khi đoàn xe tăng, thiết vận xa và xe kéo pháo của lực lượng nổi loạn vừa gầm rú lăn bánh nhắm hướng Dinh Gia Long vừa cán lên chiếc bóng của chính chúng.

Thoạt đầu, trong giấc trưa ngán ngật, dân chúng đô thành ngỡ ngác khi nghe văng vẳng tiếng động âm âm của cơ giới. Trời mới khoảng một giờ rưỡi, đang ngay giữa cơn ngủ trưa thường kéo dài ba tiếng đồng hồ. Đó chính là thời điểm được Minh Cò và các tướng lĩnh nổi loạn khác đã cẩn thận chọn - ngày lễ trọng của Công Giáo, Lễ Các Thánh Nam Nữ - để khai thác cơ hội Tổng Thống và lính phòng vệ không cảnh giác. Tuy thế, đô thành Sài Gòn đang thiu thiu trong giấc ngủ chập chờn bỗng choàng tỉnh vào giờ khắc trái với thói quen của nó khi các đơn vị tiền phương Thủy quân Lục chiến của lực lượng nổi loạn đụng phải hàng rào hỏa lực dữ dội tại doanh trại của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng Thống. Tiếng súng giao tranh nghe như tiếng sấm rền mùa xuân dội vào từng con hẻm cụt giăng kín mít phố phường thủ đô.

Đứng trên sân thượng vắng vẻ của Khách sạn Caravelle, sát bên người chuyên viên thu hình, Naomi Boyce-Lewis cắn môi nén lòng hồi hộp trong khi Jock chậm chậm quét ống kính trên một toàn

cảnh bao la gồm các đại lộ chạy dọc những hàng cây thẳng tắp dẫn vào tâm điểm quay phim là Dinh Gia Long. Nhìn từ điểm cao nổi bật trên nóc khách sạn, người ta thấy ba cánh quân của lực lượng tấn công đang di chuyển, xâm nhập thành phố theo ba hướng quốc lộ phía bắc Sài Gòn là Tây Ninh, Bến Cát và Biên Hoà. Trông chúng như thể ba đội hình hàng dọc của một bầy côn trùng ăn thịt đang bò chậm chậm, cùng chung một bản năng và cùng kéo nhau đi tiêu diệt một thứ nguy cơ nào đó đang đe dọa sự tồn tại của chúng.

Trong khi thu hình, Jock nhè nhẹ huýt sáo tán thưởng:

-Tôi buộc lòng phải thành thật ca ngợi cô đó, cô Naomi - người mách cho cô tin này thiệt là kẻ quá thông thạo. Tôi không biết làm sao cô có được nó - hoặc nếu có biết, tôi cũng bậm môi ngậm miệng khít rịt!

Trong khi rướn mình lấy cho hết một góc cạnh mới của cuộc tiến quân, anh nháy nhó với chuyên viên thu thanh đang chồm người qua lan can trên nóc, trên tay cầm chiếc mi-crô dài chĩa về phía chiếc xe bọc sắt đang âm âm tiến tới. Người nữ phóng viên Anh đưa nắm tay nhỏ nhắn đâm giõn vào một bên hàm của Jock và cười triu mến:

- Thưa ngài Jock, trí óc gì cũng biết của ngài chẳng làm nổi một lúc tới hai việc đâu. Xin vui lòng tập trung cái đầu của ngài vào chỉ một việc thôi là chịu khó thu cho hết cái tin tức mình độc quyền này vô máy dùm tôi. Sắp tới giây phút bùng nổ đùng độ rồi đó, rán canh mà quay cho kịp lúc nó bắt đầu.

- Gã ngoại giao Mỹ mặt chầu quạu mắt cứ chực ửi người ta lên giường và cứ muốn chọc tức đám nhà báo Mỹ đó, thằng chả là cái quái gì vậy? Cô có bỏ bùa bỏ ngải gì thằng chả không vậy, Naomi?

- Jock, việc gì đến anh mà cứ hỏi cà chớn, quay phim đi!

Quả thật Gary Sherman đã làm Naomi sững sốt khi trước giờ điểm tâm sáng nay và không một lời báo trước, hắn xuất hiện ngay nơi ngưỡng cửa phòng nàng tại khách sạn Continental Palace. Dù Guy làm như thể tình cờ, Naomi vẫn nhận ra tâm trạng căng thẳng dưới thái độ bình tĩnh bên ngoài của hắn. Không nói không rằng, hắn bước thẳng vào phòng ngủ của nàng, bật nút chiếc máy phát thanh

đặt kế bên giường rồi mới chịu mở miệng.

Kể đó, bằng giọng hớn hờ, hơi có vẻ thâm, Guy nói rằng hẳn sắp báo cho Naomi biết một tin tuyệt đối bảo mật, và rằng hẳn chỉ chịu nói với điều kiện Naomi cam kết nghe xong sẽ không bao giờ tiết lộ nguồn tin này với bất cứ ai:

- Naomi này, hôm nay đúng là ngày ấy! Tới một giờ rưỡi trưa nay, cô đem toàn quay phim lên nóc khách sạn Caravelle. Rồi cô sẽ có cảnh tượng tuyệt vời của một đoàn kỵ mã đang thúc ngựa xông lên đồi!

Suốt một tuần lễ, sáng nay Naomi mới thấy mặt Guy. Sau ngày tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức, cả hai có nhiều cơ hội gặp gỡ và cùng nhau uống rượu nơi tầng trệt khách sạn Continental rồi sau cùng, đưa đẩy tới việc cả hai thường đi ăn tối với nhau. Kể từ đêm tấn công chùa chiền, cuộc xung đột chính trị tại Sài Gòn càng ngày càng gay gắt và lan rộng hơn. Đã nổ ra những vụ bãi khoá và biểu tình của sinh viên. Thượng tọa Thích Trí Quang, thủ lĩnh cuộc đấu tranh của Phật giáo, xin vào lánh nạn trong Toà Đại sứ Hoa Kỳ. Vũ Văn Mẫu, ngoại trưởng của Diệm không những từ chức mà còn cáo đầu để công khai đứng về phía các nhà sư. Có lẽ ông ấy biết gió đang thổi từ chiều nào. Tới khi tình hình mỗi ngày một tệ hại thì có lời đồn rằng tính khí của Ngô Đình Nhu lúc này thường nổi cơn hỉ nộ bất thường theo kiểu Hitler.

Với Sài Gòn chìm đắm trong một đại dương thủ đoạn, đầy dẫy những âm mưu và phản âm mưu nảy sinh và gia tăng từng ngày, Guy trở thành một nguồn tin vô giá cho Naomi. Bằng cái nháy mắt hay gật đầu, hẳn tươi cười xác nhận hay bác bỏ bất cứ lời đồn đãi nào được nàng đem ra thảo luận với hẳn. Phần lớn nhờ vào sự giúp đỡ của Guy, Naomi liên tục cung cấp những tin tức chính xác và những thước phim phóng sự dồi dào về cuộc khủng hoảng chính trị ngày càng tăng. Qua đó, nàng thu lượm được những lời khen ngợi lẫn cổ vũ tại Anh và Hoa Kỳ.

Cùng với những cuộc gặp gỡ nhau thường xuyên, giữa Guy và Naomi phát sinh mối quan hệ vừa thân tình vừa cà rớn nhau. Cả hai thường nhẹ nhàng nói bóng gió tới các động cơ ích kỷ đã kéo người này tới gần người kia, nhưng đồng thời Naomi cũng cảm

nhận rằng nỗi thèm khát mạnh mẽ mà Guy từng suồng sã để lộ trong lần gặp gỡ đầu tiên giữa hai người nay càng lúc càng trở thành cơn đam mê sâu xa hơn.

Naomi không còn tin chắc rằng chính lòng khao khát khai thác nguồn tin cao cấp và đầy am hiểu là lý do duy nhất khiến nàng thường xuyên gặp gỡ Guy. Theo thời gian dần trôi và cùng với tình trạng ngày càng hoang mang của cuộc khủng hoảng, dần dần Naomi có lòng quý mến chân thật đối với niềm tin tưởng như sắt như đá của Guy vào sứ mạng của Hoa Kỳ tại Việt Nam. Mỗi khi ở bên Guy, vẻ ngoài mẫn mà bắt mắt và phong thái nam tính đầy sức sống của hắn khiến Naomi có cảm giác thoải mái và an toàn trong một thành phố dường như đang lâm vào tình trạng nguy hiểm gia tăng từng ngày một.

Hơn một lần, sau khi dùng bữa tối và vào lúc trời về khuya, cùng nhau dạo bước trong bóng tối của một đô thành căng thẳng, Guy và Naomi nhận biết một cách sắc bén về tình trạng hoà hợp thâm lắng các cảm xúc của hai người và mức độ cuốn hút của thân xác này đối với thân xác kia. Nhưng hễ sắp vượt quá giới hạn là Naomi dừng lại. Và lúc ấy nàng kiên quyết giữ cho lòng mình đừng ủy mị, để làm chủ cảm xúc và để đừng vướng mắc. Trong những dịp như thế, Naomi cố tình duy trì một khoảng cách đối với Guy bằng mấy câu thì thầm tỏ lòng quý mến kèm theo nụ cười e ấp như hứa hẹn một tương lai nào đó.

Mánh lới có tính toán đó tạo hiệu quả đúng như Naomi trông đợi. Có lẽ Guy cũng chấp nhận cứ để nàng tự kiểm chế cho tới khi sự việc diễn ra đúng theo diễn tiến dự liệu nên hắn bắt đầu kể cho nàng nghe những bí mật của hắn, mỗi ngày một nhiều hơn. Đó cũng chính là lý do làm Naomi kinh ngạc thấy suốt tuần lễ cuối tháng Mười, Guy ngưng liên lạc với nàng. Nhưng sáng nay, khi hắn đột nhiên xuất hiện nơi ngưỡng cửa phòng nàng với vẻ mặt và giọng nói nôn nao gần như không nén nổi, Naomi biết rằng những gì Guy dành cho nàng vẫn không thay đổi.

Sau khi nói lời dạn dỏ, Guy dợm chân đi. Nhưng rồi hắn quay người lại và bất giác đưa cả hai tay lên cầm bàn tay của Naomi. Hắn nói với giọng cố tình nhấn mạnh:

- Naomi ạ, cứ chờ tin tôi. Nếu cô nghe lời tôi, tôi bảo đảm sẽ làm cho cô nổi bật trong biển cổ này, bỏ xa lắc xa lơ các đối thủ của cô. Được chứ?

- Được, cảm ơn Guy - chúc anh may mắn!

Cảm thấy trong lòng trào dâng nỗi xao xuyến và cộng hưởng, Naomi cũng bóp chặt tay Guy trước khi hất lao mình ra khỏi phòng. Bắt tay ngay vào việc chuẩn bị, nàng thuê mấy chiếc xe hơi và âm thầm bố trí chúng tại các địa điểm khác nhau quanh trung tâm Sài Gòn. Mục đích là bảo đảm cho mình và toán truyền hình luôn luôn di chuyển kịp thời nếu lâm vào tình trạng phải chạy theo địa điểm, trong khi vì thiếu sửa soạn, các phóng viên phim ảnh và ký giả báo chí khác không thể bám sát nổi.

Naomi cảnh báo Jock và chuyên viên thu hình phải lánh xa những đồng nghiệp khác trong đội ngũ báo chí. Nàng cũng tìm được hai ba du khách phương tây sẽ rời Sài Gòn tối nay để sắp xếp họ mang cho bằng được các cuộn phim chưa rửa của nàng qua Hồng Kông. Một chiếc xe thuê bao với tài xế người Việt ngồi sẵn sau tay lái đang chờ Naomi nơi con đường bên hông khách sạn Caravelle. Hải lòng khi thấy Jock đã thu hình đầy đủ quang cảnh tổng quát lực lượng nổi loạn bắt đầu tiến quân vào đô thành, Naomi dẫn toán truyền hình từ trên nóc khách sạn chạy xuống cầu thang, lao mình ra đường phố.

Cuộc điều quân lộ liễu của phe đảo chánh, nhìn từ trên sân thượng khách sạn thấy rất chặt chẽ vàò gay cần nhưng khi xuống dưới đường phố lại thấy nó có vẻ rời rạc và hoang mang. Trong khi phóng xe thật lẹ đánh một vòng quanh trung tâm đô thành, Naomi và toán truyền hình chỉ nghe từ xa vọng lại lẻ tẻ mấy tràng súng tiểu liên. Tới lúc đi lần theo tiếng súng, họ thấy các đơn vị tiền phương thiện chiến của Thủy quân Lục chiến đã chiếm lĩnh những mục tiêu ưu tiên. Các đồn cảnh sát chính, đài phát thanh quân đội, đài phát thanh Sài Gòn, nhà bưu điện trung ương và tổng đài điện thoại rõ ràng đã bị quân đội chiếm lĩnh không mấy khó khăn. Không có nhiều cảnh tượng hấp dẫn để thu hình ngoài mấy toán lính Việt Nam đội mũ sắt, mặc đồ trận rằn ri hoặc lốm đốm da báo

hờ hững đứng dựa vào tường các biệt thự. Xe thiết giáp canh mấy ngã đường dẫn tới dinh Tổng Thống vẫn đậu yên giữa giao lộ. Nòng súng chĩa tới và pháo tháp sập kín bất chấp cái nóng ban trưa hầm hập. Nhưng ngược lại, Naomi cảm thấy hài lòng với hình ảnh các đơn vị bộ binh không mang phù hiệu đơn vị và các xe vận tải nhà binh chở lính chạy ào ào mà không tỏ dấu cho biết họ đang được dàn quân theo lệnh của phe đảo chánh hay phe Tổng Thống. Đó đây, hình dáng đồ sộ sơn màu phân ngựa và trông thật đáng sợ của chiếc xe tăng M-113 chễm chệ án ngữ chính giữa ngã tư. Cuộc nổi loạn rõ ràng có bàn tay của các tướng lãnh nhúng vào nên mới có cảnh tượng chiến tranh cơ giới với vẻ hăm dọa chất ngất và đáng sợ đè nặng lên những đường phố văn minh và thanh bình của thủ đô. Naomi vì thế phải nhiều lần lặp lại lệnh cho tài xế quanh xe tìm con đường khác.

Thình thoảng một oanh tạc cơ T-28 bay ngang bầu trời oi ả không một áng mây, phóng mấy quả hỏa tiễn xuống Dinh Gia Long. Hành động ấy lúc nào cũng kéo theo một loạt súng đại liên bắn lên trời của lính phòng vệ. Nhưng không một trận oanh tạc có phối hợp hoặc một hàng rào hỏa lực pháo binh nào được phóng ra. Xoay hết cỡ ống kính viễn vọng và lướt máy dọc theo mấy đại lộ dẫn tới dinh Tổng Thống, Jock thu được nhiều hình ảnh Lữ đoàn Phòng vệ Tổng Thống phủ đang chuẩn bị cầm cự quyết tử. Các khẩu đội súng cối, súng phòng không, thậm chí cả xe bọc thép bốn bánh chạy loanh quanh giữa các lùm cây và các gốc me trên những hoa viên ngăn nắp. Trong lúc đó, trên nóc dinh, lính phòng vệ đang bố trí các ụ súng đại liên quanh vòm bát úp khung thép có gắn kính. Những hình ảnh ấy cho thấy rõ ràng vị Tổng Thống bướng bỉnh cùng với người em mưu trí của ông kiên quyết kháng cự tới cùng các nỗ lực lật đổ mình do chính quân đội của mình. Trong khi đó, phía đảo chánh cũng đang điều quân tới, phân tán và bố trí dưới các gốc cổ thụ cùng các trụ đèn trong công viên nhỏ đối diện với Phủ Tổng Thống để chuẩn bị cuộc bao vây.

Vừa giật mình bừng tỉnh giấc ngủ trưa, dân chúng Sài Gòn cuối cùng thò người ra khỏi nhà. Có vài chiếc xe mạo hiểm chạy trên

đường phố lúc này đang biến thành trận địa. Còn người đi bộ tùm tùm thành từng đám trên vỉa hè, mắt lăm lét nhìn xe tăng đậu chặn đường và e ngại ngó từng đơn vị quân đội đi qua. Họ tản ra tìm chỗ nấp mỗi khi có tiếng nổ oành oành của đại bác trên xe tăng làm đình tai điếc óc những con phố lân cận, hoặc tiếng súng đại liên trên thiết vận xa kêu lấp bắp, vỏ đạn văng tứ tung và đầu đạn phang đứt mấy cành me. Sau những tiếng động chiến tranh ấy là các khoảnh khắc im lặng ngán ngùi. Lũ trẻ nhỏ từ các con hẻm hè nhau nhào ra chỗ xe tăng đậu. Chúng cười nói hồn nhiên và rượt đuổi nhau trong khi chạy lượm vỏ đạn đồng và các băng đạn rỗng. Dần dần tiếng súng cá nhân lác cắc và tiếng uỳnh ạch của súng cối vang lên đều đặn hơn khi quân nổi loạn tiến chiếm toà nhà Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng. Trên trời, thấy có nhiều máy bay liệng cánh hơn. Chúng nã từng loạt đạn đại bác xuống các tiểu khu trực hạm của binh chủng hải quân thân Ngô Đình Diệm đang bỏ neo trên sông Sài Gòn. Người tài xế của toán truyền hình sợ quá bỏ chạy. Naomi phải tự mình lái xe ra khách sạn Majestic ở cuối đường Catinat cũ. Từ trên sân thượng tòa nhà đó, Jock có thể bám sát cuộc giao tranh dữ dội giữa hải quân và không quân Việt Nam. Trong khi hai binh chủng trên trời dưới biển ấy quần thảo nhau, Naomi đứng dựa vào lan can trên nóc khách sạn nói mấy lời bình luận ngán ngùi để thu vào phim. Nàng vạch ra cho khán thính giả thấy rằng dù tình thế đang hoang mang và chưa ngã ngũ, nhưng các tướng lãnh nổi loạn đang từ từ siết chặt vòng vây chung quanh hai anh em Ngô Đình Diệm lúc này mắc kẹt trong dinh Tổng Thống.

Khi cuộc đụng độ ngán ngùi trên mặt sông vừa chấm dứt, Naomi liền gọi Guy Sherman theo số điện thoại Đại sứ quán Mỹ nhằm kiểm tra những gì đang thật sự xảy ra bên trong hậu trường. Nàng chỉ nghe từ đầu dây bên kia có một giọng Mỹ đáp cộc lốc rằng Mister Sherman không rảnh. Khi Naomi hỏi liệu mình có thể liên lạc với Guy vào lúc nào, giọng ấy lại càng cộc cằn hơn. Y bảo nàng rằng từ giờ này cho tới sáng mai, Mister Sherman không trả lời bất cứ bất cứ cú điện thoại nào gọi ông ấy.

Trong lúc đó, bằng đường dây điện thoại an toàn của bản doanh Bộ Tổng Tham Mưu QĐVNCH tọa lạc cạnh phi trường Tân Sơn Nhứt, Guy đích thân báo cáo với quyền giám đốc phân sở CIA đang ngồi ở một văn phòng đặt xéo bên trong Đại sứ quán Hoa Kỳ. Hắn trình bày chi tiết tình hình chạm trán của phe nổi loạn ghi trên một tờ giấy đánh máy vừa được trung tướng Dương Văn Minh trao tận tay.

Guy nói với giọng bình thản:

- Hai tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến, hai tiểu đoàn Nhảy dù và hai tiểu đoàn Bộ binh Sư đoàn 5 lúc này đang được dàn ra tại trung tâm đô thành dưới quyền chỉ huy của sĩ quan cấp tá. Bốn mươi lăm phút trước đây, các binh sĩ ấy bắt đầu di chuyển vào thành phố theo sau bốn chục xe tăng và thiết vận xa. Phi trường an toàn trước khi các xe thiết giáp bắt đầu lăn bánh. Các đơn vị bổ sung đã được bố trí để chặn đứng và chống lại bất cứ cuộc phản công nào của lực lượng trung thành với Diệm từ bên ngoài Sài Gòn kéo về. Báo cáo đầu tiên của các đơn vị trưởng cho biết đã chiếm xong các mục tiêu và chỉ gặp sức kháng cự tối thiểu...

Cảm thấy có người vỗ vai mình, Gary đưa tay bịt ống nói và quay lại. Hắn thấy một sĩ quan Việt Nam, tùy viên của Minh Cồ đang đứng bên cạnh. Anh ta thì thầm rất nhẹ bằng tiếng Pháp:

- Monsieur Sherman, xin ông tới nhanh cho. Đang triệu tập cuộc họp bộ tham mưu.

Gật đầu và xoay người về lại máy điện thoại, Guy điềm tĩnh nói với giọng thật thấp:

- Thời điểm tung ra cuộc đảo chánh được sắp xếp trùng với cuộc họp ăn trưa thường lệ tại bộ tư lệnh vào ngày Thứ Sáu hàng tuần của tất cả các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp chỉ huy các đơn vị tại thủ đô. Người ta sắp bảo cho những tướng lãnh và sĩ quan cao cấp không tham dự việc lập kế hoạch đảo chính biết những gì đang xảy ra. Nửa giờ sau, tôi sẽ báo cáo thêm.

Gác ống điện thoại, Guy cầm lên cặp xách bên trong đựng số tiền ba triệu đồng Việt Nam, tương đương bốn chục ngàn Mỹ kim, chốc nữa sẽ được đưa tận tay Minh Cồ để phòng khi cần dùng. Hắn vội vàng đi theo sĩ quan tùy viên tới một phòng họp đông

người, tại đó Minh Cồ đã đứng sẵn trên chiếc bục thuyết trình đặt ở một đầu phòng. Khi Guy vào, hắn thấy Dương Văn Minh cúi húi gắn cuộn băng lớn vào máy ghi âm đang quay. Nhiều sĩ quan hiện diện trông thật căng thẳng. Bộ mặt tái nhợt của họ bỗng gợn lên vẻ bất rứt khi thấy có sự hiện diện của một người Mỹ dân sự.

Sau khi Guy dè dặt và nhẹ nhàng đặt mình ngồi xuống đằng cuối phòng, Dương Văn Minh bắt đầu lên tiếng. Ông phát biểu với giọng chậm và trầm:

- Nay đã tới ngày dân chúng trông đợi từ lâu. Suốt chín năm qua, dân chúng Việt Nam chịu đau khổ dưới chế độ thối nát gia đình trị của Ngô Đình Diệm nhưng lúc này các lực lượng vũ trang đã xuất hiện để giải cứu họ. Trong khi chúng ta dùng cơm trưa ở đây thì các tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến và Nhảy dù đang tiến vào thủ đô Sài Gòn để bao vây dinh Tổng Thống. Hết thảy các đồn cảnh sát, đài phát thanh, bộ Nội vụ và các cứ điểm khác đều đã nằm trong tay lực lượng của chúng ta...

Trong khi Minh Cồ nói, cửa hai đầu phòng hợp bật mở. Xuất hiện hai tiểu đội binh sĩ trong tình trạng ứng chiến một trăm phần trăm. Những người lính mặt đánh và gân guốc im lặng dàn hai hàng dọc, đứng sát vách tường, tay lăm lăm súng tiểu liên xung phong Mỹ M-16. Thấy cảnh tượng đó, nhiều tướng lãnh và sĩ quan cao cấp mặt bỗng trắng bệch.

Dương Văn Minh nói tiếp:

- Mục đích của bản thân tôi và của các tướng lãnh, những kẻ đã cùng tôi vạch ra kế hoạch đảo chánh này, là hạ bệ Ngô Đình Diệm cùng mấy anh em của ông ta và thành lập Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng để cai trị thay vào chỗ của họ, cho tới khi có thể lập lại một chính phủ dân sự và dân chủ. Tôi sẽ nắm chức vụ Chủ tịch Lâm thời. Trong các anh em có mặt ở đây, đã có một số tuyên thệ trung thành với chúng tôi nhưng còn một số chưa quyết định. Đối với những anh em ấy, tôi muốn nói rằng chúng tôi ra tay hành động hôm nay chỉ nhằm mục đích duy nhất là chấm dứt những tội ác do chính quyền Ngô Đình Diệm đã phạm và chồng chất lâu ngày. Nhất là mới đây, Cố vấn Tối cao Ngô Đình Nhu đã khởi sự bí mật điều đình với Hà Nội. Đó là một sự phản bội lại tất cả

những gì đang được chúng ta chiến đấu để bảo vệ và nó là giọt nước bi ối sau cùng làm tràn ly khiến chúng tôi phải cấp bách hành động. Và chúng tôi tin rằng tất cả các anh em ở đây đều có lương tri để cùng tham gia với chúng tôi...

Ngưng mấy giây, Dương Văn Minh chậm chậm đưa mắt nhìn khắp cử tọa với tia mắt đầy ý nghĩa:

- Thừa anh em, lý ra tôi phải báo cho anh em biết ngay từ đầu rằng đề đốc tư lệnh Hải quân đã được nói cho biết về cuộc đảo chánh này trên đường anh ta tới đây với người có võ trang đi tháp tùng. Nhưng vì anh ta không chịu từ bỏ sự trung thành với Ngô Đình Diệm nên đã bị những người tháp tùng hành quyết tức khắc và tại chỗ, theo lệnh của tôi. Vào lúc này, các sĩ quan cao cấp khác mà chúng tôi nghi ngờ lòng trung thành của họ, đang bị quản thúc chặt chẽ ngay dưới tầng hầm toà nhà chúng ta đang ngồi đây. Trong số đó có tư lệnh Không quân, các tư lệnh Lữ đoàn Nhảy dù và Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến...

Minh Cồ ngưng lại lần nữa để làm nổi bật câu sắp nói của mình:

- ... và đại tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc biệt. Tiếng rì rào kinh ngạc rõ lên khi nghe đề cập tới tên của đại tá Lê Quang Tung. Lực lượng Đặc biệt do Hoa Kỳ trực tiếp tài trợ và huấn luyện vừa bị Tổng Thống Ngô Đình Diệm rút khỏi chiến trường trực diện với Việt Cộng sáu tháng trước đây vì ông càng ngày càng bồn chồn lo lắng. Kể từ lúc đó, các binh sĩ tinh nhuệ ấy được bố trí đơn thuần như một đơn vị bảo vệ Tổng Thống và là lực lượng chủ lực trong cuộc tấn công chùa chiền đạo thánh Tám vừa rồi. Đại tá Lê Quang Tung, người Quảng Trị, là nhân vật chủ chốt trong ba Ủy viên của Quân Ủy Cần Lao Trung ương. Hai người kia là thiếu tướng Tôn Thất Đính, người Thừa Thiên Huế, làm Quân trấn trưởng Sài Gòn kiêm Tư lệnh Biệt khu Thủ đô, và đại tá Đỗ Mậu, người Quảng Bình, Giám đốc Nha An ninh Quân đội, kẻ theo anh em Ngô Đình từ cuối thập niên 1940.

Việc báo tin rằng viên chỉ huy trưởng LLDB hiện nằm trong tay các thủ lĩnh phe đảo chánh đã đóng con dấu tối hậu lên số phận của Tổng Thống và người em của ông ta. Trong khi âm thanh xì xào của các tướng lĩnh trong phòng chưa lắng xuống, Minh Cồ đã

đưa tay lên, chỉ tới chiếc máy ghi âm đang thăm lặng quay:

- Lúc này, hết thầy anh em có mặt ở đây đều được hiến cho cơ hội để tuyên bố công khai ủng hộ chính nghĩa của chúng ta. Tôi muốn từng tướng lãnh và sĩ quan cao cấp lần lượt bước tới trước mi-crô này. Bằng chính giọng nói của mình, người anh em đó xưng ra rõ ràng danh tánh, cấp bậc, chức vụ và tuyên bố lòng trung thành với cách mạng. Chúng ta sẽ bắt đầu cho phát thanh băng ghi âm này vào xế chiều nay, trên hệ thống các đài phát thanh mà chúng ta vừa chiếm được.

Dương Văn Minh ngừng nói. Bộ mặt tròn trĩnh chân chất của ông hoác ra một nụ cười mời chào:

- Ai là người đầu tiên?

Không chút ngần ngại, tướng Trần Văn Đôn, Quyền Tổng Tham Muu Trưởng, bước lên và nói họ tên của mình vào máy vi âm. Rồi với giọng chậm rãi, nhân vật chính của cuộc nổi loạn, ém hơi nói tiếp:

- Tôi thề cống hiến bản thân để lật đổ chế độ Diệm thối nát và cam đoan triệt để trung thành ủng hộ Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng do trung tướng Dương Văn Minh lãnh đạo.

Ông quay về chỗ cũ và ngồi xuống lẹ làng không kém lúc đứng lên. Kế đó, từng người một, các trung tướng, thiếu tướng, đại tá nối tiếp nhau bước lên bục và đưa ra lời tuyên bố tương tự. Guy Sherman cẩn thận ghi tên từng người vào sổ tay của mình. Sau khi họ thề hứa xong, hắn lật đật từ phòng họp đi tới máy điện thoại an toàn đặt trong một văn phòng kế bên. Khi quyền giám đốc phân sở CIA tại Sài Gòn tới ở đầu dây đằng kia, Guy đọc lại cho y nghe danh sách đầy đủ các họ tên và chức vụ của từng người.

Nửa giờ sau, các máy phát thanh trên khắp thủ đô bắt đầu phát ra bản thứ tự điểm danh đầy gay cấn ấy, đúng y theo danh sách được đa số các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp, cả may lẫn rủi, đã công khai ghi danh và cam kết lật đổ chính phủ của họ. Bản liệt kê kiểm điểm dài lê thê và đơn điệu của các giọng nói đích thân ấy được dân chúng Việt Nam lắng nghe và nhận ra rõ ràng. Xen kẽ với các khúc quân hành hùng tráng, nó được phát đi phát lại nhiều lần, nghe vang vang trên thủ đô đang bị dàn thành thể trận, như một bài

ca cầu hồn được hợp soạn để chuẩn bị tiến đưa chế độ Ngô Đình Diệm vào quá vãng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 14 -

Trong văn phòng trang hoàng công phu trên tầng hai Dinh Gia Long, Ngô Đình Nhu, Cố vấn Tối cao của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, ung dung mỉm cười khi nghe giọng nói lập cập và khẩn trương của một người Việt Nam khác qua máy điện thoại. Ngửa hẳn người ra ghế, ông gác chân lên mặt chiếc bàn giấy sơn mài màu đen, khoan khoái rít một hơi thuốc rồi chậm chậm nhả thành một làn khói chập chờn bay lơ lửng lên trần nhà. Trên bức vách đằng sau, người ta vừa trang trọng treo bức chân dung khá lớn của ông. Cao hơn một chút có hai lá cờ cán gấn chéo nhau. Bên phải là quốc kỳ Việt Nam Cộng Hoà màu vàng ba sọc đỏ. Bên trái là đảng kỳ Cần Lao Nhân Vị hình chữ nhật, chia làm hai phần theo chiều dọc nửa đỏ nửa xanh màu lá mạ; trên nền xanh có ba ngôi sao đỏ xếp theo hình tam giác.

Ngô Đình Nhu rộng miệng cười tươi tắn và nói với giọng khàn đặc:

- Vâng, vâng, đại úy thân mến ạ, đương nhiên tôi biết rõ một trăm phần trăm! Xe thiết giáp và binh sĩ Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến đang bao vây đồn cảnh sát của anh - chuyện đó hoàn toàn chẳng có gì lạ. Họ thực hiện đúng kế hoạch của tôi đấy. Rán giữ bình tĩnh nhá. Chả việc gì phải lo lắng. Cứ giả vờ sửng sốt khi họ tràn vào. Anh cứ để tự nhiên cho họ nắm quyền kiểm soát nhá.

Vẫn mỉm cười ung dung tự tại, Ngô Đình Nhu gác ống điện thoại lên giá máy rồi nhẹ nhàng búng bụi tàn thuốc dính trên ống quần đen ụi thẳng nếp và không một vết nhăn. Trong một lúc, ông ngồi yên lắng nghe tiếng súng xa xa rì rạc vọng vào qua cửa sổ dinh Tổng Thống. Kéo đó, ông mở hộp đồi môi trên bàn, nhón một điếu thuốc mới và châm nối vào mẩu thuốc vừa ngậm.

Trong khi Ngô Đình Nhu môi thuốc, cửa văn phòng bật mở. Xuất hiện hình dáng vừa thấp vừa mập của Tổng Thống Ngô Đình Diệm

trong bộ vét-tông kiểu cài chéo ông ưa thích, may bằng vải mịn, hơi lằng, màu xanh đậm. Tướng đi của Tổng Thống vốn nhanh và lạch bạch khác thường nay càng thêm kỳ dị vì vẻ lặt đặt, khiến người em cảm thấy thú vị. Ông bật cười thành tiếng khi nhìn anh mình hấp tấp bước qua sàn phòng mênh mông, trải thảm, hai bên kê rải rác những chiến lợi phẩm sẵn sẵn nhồi bông gòn hay mặt cưa. Nhưng Ngô Đình Diệm không cười lại với em. Ông dừng chân trước bàn giấy rộng thênh thang của Ngô Đình Nhu, thở hắt ra và bộ mặt đầy đặn của ông đầy vẻ lo lắng, mồ hôi toát ra nhễ nhại:

- Chú Nhu này, chính xác thì ngoài kia đang diễn ra chuyện gì vậy? Nó có hoàn toàn đúng như lời chú mới nói với tôi không?

Lần này chú phải cắt nghĩa thật rõ ràng cho tôi nghe.

Nhún hai vai một cách miễn cưỡng, Ngô Đình Nhu từ từ nói:

- Kể từ lúc anh em mình nói chuyện với nhau qua điện thoại mười lăm phút trước đây cho tới phút này, chưa có gì đột biến. Cũng chẳng việc gì khiến anh phải lo lắng, lặt đặt chạy xuống cầu thang như thế. Anh thường nói với em rằng em muốn làm gì cứ việc làm, miễn sao đừng để dân chúng hoang mang bất mãn và bọn Cộng Sản thừa nước đục thả câu thì thôi. Mọi sự đang diễn ra trên đường phố ngoài kia đều hoàn toàn nằm trong kế hoạch của em.

Đột nhiên, một chiếc xe thiết giáp bảo vệ dinh khai hỏa, tiếng súng gầm lên rung rền cửa kính. Ngô Đình Diệm giật mình quay phắt người. Bước tới khung cửa sổ mé trên vườn hoa thẳng tắp, ông thò đầu nhìn ra và thấy xa xa bên kia hàng rào sắt bao quanh dinh hình dáng lơ mơ xe tăng và thiết vận xa của quân nổi loạn án ngữ dưới bóng mát hai hàng cây dọc theo đại lộ trước mặt. Trong khi Tổng Thống quan sát, một máy bay C-47 của Không quân bay chậm chậm, ỉ ạch lê mình qua các mái nhà xa xa, rải truyền đơn xuống thành phố.

Giận bưng mặt, Ngô Đình Diệm quay lại nói với em:

- Nếu những cái tôi đang thấy quả thật nằm trong một ý đồ liêu lĩnh nào đó của chú thì tôi không chấp nhận. Chính xác, những cái đó sẽ mang lại kết quả cụ thể nào?

Bằng một cử chỉ đầy kịch tính, Ngô Đình Nhu vẩy vẩy điều thuốc

như tỏ vẻ cảm thấy nhọc lòng khi phải giải thích những dàn dựng đầy mưu trí của mình cho ông anh hiểu:

- Thưa anh, để chỉ một cú ra tay thôi là quát sùm, là đánh gục hết tất cả các kẻ thù của chúng ta! Anh với em đều biết rõ rằng trước sau gì chúng nó cũng tung ra một cú đảo chánh lật đổ chúng ta nên em quyết định mình ra tay trước. Cái đích em nhắm tới chỉ có vậy thôi!

Ngô Đình Diệm nhìn chăm chặp người em đang mỉm cười đắc ý:

- Mình ra tay trước! Chú nói như vậy với ý nghĩa gì?

Lần này, Ngô Đình Nhu bật cười thành tiếng:

- Dĩ nhiên là với "cuộc đảo chánh của chính chúng ta". Thậm chí nó còn có một mã danh: Bravo Một! và sau đó có thêm, Bravo Hai! Tới thời điểm kết thúc của nó, những đứa phản bội như thằng André Đôn và thằng Minh Cồ sẽ thấy hai tay của chúng nằm gọn trong còng sắt.

Hít một hơi thật dài, Ngô Đình Diệm cố kiểm soát cơn giận:

- Tôi đã nói với chú nhiều lần, mình vì dân vì nước thì cứ đường đường chính chính mà làm. Mọi sự có thánh ý Chúa quan phòng. Đồi với tôi, những xe tăng ngoài kia đang chia thắng hòng súng vô chúng ta không có vẻ giả bộ chút nào.

- Anh Diệm ạ, dĩ nhiên nó rất thật, chẳng giả vờ tí nào. Diệm mầu chốt là ở chỗ đó. Nó phải y hệt một cuộc đảo chánh thật sự chống lại chúng ta. Các binh sĩ ngoài kia thuộc Sư đoàn 5 của đại tá Nguyễn Văn Thiệu nhưng điều động theo lệnh của Tôn Thất Đính. Hẳn thừa lệnh của em đưa bốn tiểu đoàn tới vây Dinh Gia Long để làm như thật tình lật đổ chúng ta. Thậm chí em còn ra lệnh cho bốn trong năm tiểu đoàn thuộc Lực lượng Đặc biệt của chúng ta đi khỏi Sài Gòn, để tạo một thời điểm có vẻ thuận lợi cho phe đảo chánh ra tay...

Về mặt của Ngô Đình Diệm từ đỏ hồng chuyển sang tái:

- Vậy có nghĩa mình chỉ còn một tiểu đoàn LLDB lo bảo vệ dinh? Còn thằng Đính, cái thằng lác cắc, xin chức bộ trưởng quốc phòng hoài mà anh không cho. Liệu có tin nổi nó không?

Ngô Đình Nhu nói, đều đều và rất chậm rãi:

- Anh yên chí! Để em nói từng chi tiết cho anh nghe. Hồi đầu

tháng Mười em đã nói rộng phạm vi tư lệnh biệt khu thủ đô của Tôn Thất Đính, bao gồm cả quyền điều động Sư đoàn 7 ở Mỹ Tho và Sư đoàn 5 ở Biên Hòa. Năm vững tin tức Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh sẽ làm đảo chánh, em tương kế tựu kế. Khi làm đảo chánh, thế nào hai thằng André Đôn và Minh Cồ cũng sẽ sử dụng Lữ đoàn Thủy quân Lục chiến, Lữ đoàn Nhảy dù và Không quân. Theo Chiến dịch Bravo Một, Lê Quang Tung điều bốn tiểu đoàn LLDB và Tôn Thất Đính điều binh sĩ của Sư đoàn 7 ra Vũng Tàu Bà Rịa. Rồi Tôn Thất Đính giả bộ theo phe đảo chánh, điều bốn tiểu đoàn còn lại của Sư đoàn 7 tới bao vây dinh Tổng Thống. Ngô Đình Diệm vội vàng hỏi tiếp:

- Rồi sao nữa?

Rít một hơi thuốc, Ngô Đình Nhu phà khói và thủng thẳng nói tiếp:

- Chúng ta phải để cho bọn đảo chánh có vẻ như thành công trong một lúc. Sau đó mở màn Chiến dịch Bravo Hai! Các đơn vị LLDB và binh sĩ của Sư đoàn 7 sẽ từ Vũng Tàu Bà Rịa quay về đánh đuổi bọn tấn công, giải cứu chúng ta. Lúc đó anh em mình sẽ từ cái dinh bị bao vây này tái xuất hiện trong chiến thắng. Nếu thế giới thấy chúng ta dập tắt được cuộc nổi loạn và họ nhận dạng ra Trần Văn Đôn và Dương Văn Minh là chính danh thủ phạm thì vị trí của chúng ta sẽ vững mạnh thêm lên và hết thảy các bọn chống đối chúng ta sẽ bị rối loạn. Anh có thấy như vậy không. Lúc này, thằng Đính đang chờ lệnh của em để phát động Chiến dịch Bravo Hai.

Nét lo âu trên mặt của Ngô Đình Diệm giãn ra phần nào:

- Nhưng làm thế nào chú biết Tôn Thất Đính thật sự đáng tin và chắc chắn hẳn sẽ tới đây giải cứu chúng ta?

- Anh biết không kém gì em rằng thằng quân trấn trưởng Sài Gòn kiêm tư lệnh biệt khu thủ đô đó rất tự cao tự đại và ham mê chức quyền. Em đã hứa khi thành công, sẽ thưởng hăn và cho hăn một ghế bộ trưởng trong nội các. Như vậy, hăn sẽ làm bất cứ điều gì em kêu làm!

Ngô Đình Diệm vẫn ngần ngại:

- Nhưng nếu Tôn Thất Đính trở mặt thì sao?

- Nó không dám trở mặt. Em biết chắc và đại tá Đỗ Mậu cũng đã báo cáo rõ ràng. Nhất là vì ta còn có Lê Quang Tung với LLDB,

còn có Sư đoàn 7 ở Mỹ Tho, và nhất là Quân đoàn IV của Huỳnh Văn Cao ở Cần Thơ, Quân đoàn II của Nguyễn Khánh ở Cao Nguyên. Để đề phòng trường hợp xấu nhất, em đã chuẩn bị sẵn người và xe cộ cho anh em mình rút vào Chợ Lớn trong thời gian chờ phản công.

Ngô Đình Diệm rút trong ngực áo ra chiếc khăn tay xếp gọn gàng và chậm rãi đưa lên lau lông mày. Ngô Đình Nhu tiếp tục nói, nhưng lần này với giọng hờn trách:

- Anh Diệm ạ, em đã nói là từ nay anh cứ yên chí tin em cho quen. Hồi năm 1960, khi tụi nhảy dù đảo chánh có phải chính em đã phản công phá tan bọn chúng. Rồi hồi năm 1962, khi hai thằng phi công Quốc Dân Đảng dội bom Dinh Độc lập, có phải chính tay em đã làm cho chúng ta thoát ra khỏi cơn khủng hoảng chính trị lúc đó? Anh thấy chưa, cứ thêm một âm mưu mới mẻ nhằm lật đổ chúng ta thì đòi hỏi từ phía chúng ta phải có một phản âm mưu tàn kỳ hơn nữa - một loại thần kỳ khác nữa!

Ngô Đình Diệm chăm chú nhìn bộ mặt nghiêng ngáp của em một cách nghi ngại, rồi quay mình chậm chậm đi ra cửa. Ngay lúc đó, đèn điện thoại chớp nháy. Ngô Đình Nhu cầm ống liên hợp lên, im lặng lắng nghe. Rồi đưa tay bịt ống nói, ông gọi anh mình:

- Anh Diệm, anh có điện thoại. Thằng Minh Cồ có điều gì đó quan trọng muốn nói với anh. Hấn không chịu nói cho em nghe.

Bộ mặt của Ngô Đình Diệm bỗng đầy vẻ bồn chồn lo lắng khi ông quay lại cầm ống điện thoại. Ngay khi ông vừa xưng danh, Minh Cồ với giọng lâm chiến, tuôn ra một hơi những lời đã chuẩn bị sẵn:

- Nhân danh tổng chỉ huy các lực lượng quân sự đang bao vây Dinh Gia Long, tôi kêu gọi ông và em ông đầu hàng chúng tôi. Dân chúng Việt Nam chịu đau khổ tới hôm nay như vậy là quá đủ. Lúc này, dưới sự lãnh đạo của Bộ Tổng Tham Mưu Liên Quân, toàn thể quân đội đã đứng lên cứu nguy dân chúng.

Tổng Thống bặm môi, hít vào một hơi thở thật mạnh:

- Này, đừng lường gạt tôi. Trung tướng Dương Văn Minh, tôi ra lệnh cho trung tướng và tất cả tướng lãnh, các sĩ quan cao cấp phải lập tức trình diện Phủ Tổng Thống, ngay.

Dương Văn Minh lãnh đạm trả đũa:

- Ông phải đầu hàng ngay - bằng không, chúng tôi không thể bảo đảm an toàn tính mạng cho ông. Đã hết rồi cái thời ông có thể ra lệnh cho tôi hoặc cho bất cứ người nào khác!

Tổng Thống nói với giọng nghiêm nghị:

- Nay trung tướng, khi việc này xong, chúng tôi sẽ không khoan hồng với anh chút nào. Ngay lúc này, Tôn Thất Đính với Sư đoàn 5 và Lực lượng Đặc biệt của Lê Quang Tung đang chuẩn bị phản công các đơn vị chung quanh dinh Tổng Thống. Một khi cuộc phản loạn bị dẹp tan, anh và bọn đồng lõa sẽ bị trừng trị đúng với pháp luật.

Dương Văn Minh nói, giọng nhẹ nhàng:

- Tướng Đính hiện ở đây với chúng tôi tại bản doanh Bộ Tổng Tham Mưu. Chúng tôi đã đề nghị với anh ấy rằng kèm theo một ngôi sao mới trên cổ áo là chức vụ Bộ trưởng Bộ Nội vụ trong chính phủ mới, và anh ấy đã quyết định đứng về phía chúng tôi. Đại đa số các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp đơn vị trưởng đều đã thề hứa cùng nhau lật đổ ông.

Giọng của Ngô Đình Diệm giận dữ, nói như quát:

- Anh nói dối! Tôi không tin anh!
- Cũng đứng về phía chúng tôi có cả đại tá Lê Quang Tung, chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc biệt lo việc bảo vệ ông và người em quý sứ của ông.

Ngô Đình Diệm gằn từng tiếng:

- Đại tá Tung không bao giờ phản bội chính phủ.

Dương Văn Minh nói với giọng thản nhiên:

- Có thể là không. Nhưng chúng tôi không cho anh ta cơ hội nào. Để chứng minh anh ta có mặt ở đây, tôi cho phép anh ta nói mấy lời với ông. Sau đó, anh ta sẽ được chúng tôi đối xử tùy nghi và thích đáng. Xin giữ máy chờ chút.

Ngô Đình Diệm quay bộ mặt khổ sở qua em mình:

- Chúng nó nói Tôn Thất Đính đã về phe chúng nó và chúng nó đang giam giữ đại tá Tung.

Về mặt nghiêng ngáp của Ngô Đình Nhu thành linh rúm rỏ thành những đường lằn cau có giận dữ. Ông vừa gắt giọng đòi hỏi vừa giật ống liên hợp trên tay anh:

- Để em nói chuyện với đại tá Tung!

Khoảnh khắc sau, giọng hụt hơi như bị nghẹt mũi của viên chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc biệt, người chỉ huy các đơn vị biệt kích ở miền nam và mạng lưới điệp báo ở miền bắc, vang lên trong ống điện thoại. Ông nói với vẻ khó nhọc:

- Thưa ông cố vấn, xin ông trình với cụ rằng tôi bị giữ lại chỗ này trái với ý muốn của mình. Tôi bị đánh lừa tới đây để ăn bữa trưa Thứ Sáu hàng tuần với các chỉ huy trưởng như thường lệ. Tôi không hề tham dự vào diễn tiến phản loạn. Chúng nó đang kê súng vô đầu tôi để ép buộc tôi ra lệnh cho lính Lực lượng Đặc biệt tại bộ chỉ huy đầu hàng chúng nó...

Ngô Đình Nhu bỗng điên tiết thét lên, giọng the thé:

- Anh an tâm nghỉ ngơi. Không bao lâu nữa cuộc nổi loạn của bọn chúng sẽ bị nghiền nát. Đại tá Tung, tôi biết anh không sợ bọn chúng vì không việc gì phải sợ. Anh sẽ được giải thoát an toàn. Tiếng nói của Dương Văn Minh lại cất lên, điềm tĩnh và tự chế như lúc nãy:

- Tôi lặp lại mệnh lệnh của tôi rằng ông và người anh của ông phải đầu hàng ngay. Nếu hai ông không tin là toàn thể quân đội đang chống lại các ông, các ông hãy bật máy phát thanh lên mà nghe. Đường dây đột ngột tắt lịm. Sau khi dương mắt tròn xoe nhìn chăm chặp anh mình trong một hai giây, Ngô Đình Nhu lật đật bước tới mở máy phát thanh đặt trên chiếc bàn nhỏ bên cạnh. Ông đưa mắt trống rỗng nhìn lên đảng kỳ Cần Lao Nhân Vị với bức chân dung của mình rồi nhìn bức chân dung đầy quyền rũ và lớn như người thật của vợ trên bức vách trước mặt. Trong khi đó, tiếng của các tướng lãnh và sĩ quan cao cấp tuyên bố trung thành với cuộc nổi loạn vang lên tràn ngập căn phòng. Hai anh em chăm chú lắng nghe trong vài phút cho tới khi có giọng nói hào hứng của tướng Tôn Thất Đính thề từ bỏ họ, Ngô Đình Nhu tắt máy và làm bầm nguyên rửa. Sau đó, ông lại mở miệng. Lần này giọng của vị cố vấn trầm xuống một cách bất thường:

- Cách tốt nhất là chúng ta đi xuống trung tâm truyền tin. Một khi chúng ta liên lạc được với Mỹ Tho và Cần Thơ thì chẳng bao lâu Sư đoàn 7 và Quân đoàn IV sẽ kéo quân lên Sài Gòn và bắt hết

những kẻ phản trắc đang quì lụy thằng André Đôn và thằng Minh Cồ.

Trong hành lang bán doanh cạnh Tân Sơn Nhứt của Bộ Tổng Tham Mưu. Guy Sherman đứng đưa mắt thản nhiên ngó khi binh sĩ vũ trang túm lấy đại tá Lê Quang Tung, kéo ông ra xa chiếc máy điện thoại vừa được dùng để nói chuyện với Dinh Gia Long. Ông vẫn mặc trên mình bộ đồ trận rần rì, hai tay bị khoá ngược ra sau lưng, hai chân bị chằng dây ngang mắt cá. Lúc sắp bước lóng cồng ra khỏi phòng, ông ngoái cổ lại mắng vào mặt các tướng lãnh:

- Tụi bây có nhớ ai móc sao cho tụi bây không?

Bất chợt mắt ông rơi đúng vào đại tá Đỗ Mậu lúc đó đang lom khom thì thăm một bên tai của Tôn Thất Đính. Trong óc ông chợt lóe sáng lý do sự phản bội của viên quân ủy đồng hương với Tổng Thống, kiêm Giám đốc Nha An ninh Quân đội. Đã nhiều lần ông trình với Tổng Thống lời năn nỉ của Đỗ Mậu xin được lên thiếu tướng nhưng ông Diệm nguây nguẩy lắc đầu, bảo rằng cho hấn đeo lon đại tá là quá đáng cho công lao khai quốc công thần rồi vì hấn chưa học hết bậc tiểu học và xuất thân lính khổ xanh.

Bị lính lôi đi xềnh xệch, Lê Quang Tung vùng vẫy, lết hai bàn chân sên sệt dọc hành lang tới phía cầu thang dẫn xuống chiếc sân bên trong bộ tư lệnh, chung quanh có tường bao bọc. Guy bước sang một bên nhường lối cho toán người áp tải. Khi viên đại tá chỉ huy trưởng Lực lượng Đặc biệt bị kéo đi ngang và sát Guy Sherman, mắt ông bắt gặp ánh mắt hấn. Vẻ mặt thườn thọt của ông xoắn lại, bủi môi khinh bỉ người Mỹ:

- Lý ra ta phải biết bọn Mỹ khốn nạn bản thủ đáng tởm tụi bay đứng đằng sau bọn phản bội dê hèn này!

Lê Quang Tung thét lên lời ấy bằng tiếng Anh rồi trước khi quay mặt đi, ông nhổ một bãi nước bọt trúng ngay chóc và văng tung toé trên má người CIA. Một người lính nhấc báng súng M-16 nện xuống lưng Lê Quang Tung và ông vấp chân, chúi người loạng choạng. Lính phải lật đặt đẩy ông xuống cầu thang và gằn như nhấc bổng người ông lên. Guy bước tới cửa sổ, rút khăn tay lau mặt và đứng ngó toán áp tải kéo Lê Quang Tung vô sân sau, bên

dưới.

Ở đó, Lê Quang Tung đứng choáng váng nhìn quanh sân. Trong cùng một lúc, ông cố xem xét mấy lối ra nhưng không để ý tới một đại úy QĐVNCH thành linh từ một cửa trong góc sân, tắt tả đi vào với vẻ mặt khốc liệt. Vừa tới nơi, viên sĩ quan rút súng lục ra ngay. Vào khoảnh khắc cuối cùng ấy, chỉ huy trưởng LLDB quay đầu qua và bắt gặp cử chỉ đó của viên đại úy nhưng anh ta đã kê súng lên thái dương của Lê Quang Tung không một chút khó khăn. Cò vừa bóp, người của đại tá Tung lập tức rũ xuống trong tay những kẻ áp tải. Và họ lẹ làng lôi thân thể không còn sinh khí của ông ra ngoài, qua một vòm cửa trống, mở thẳng ra Nghĩa trang Bắc Việt.

Trong trung tâm truyền tin dưới đất ngay bên dưới Dinh Gia Long, Tổng Thống Ngô Đình Diệm và người em của ông cởi áo vét-tông, mặc sơ-mi trần, tắt bật làm việc suốt một giờ kế tiếp. Đằng sau cửa thép gài kín mít, hai anh em đích thân giám sát các hiệu thính viên đang điều khiển hệ thống điện thoại và các máy truyền tin, cố sức liên lạc nhiều lần với các tỉnh trưởng và chỉ huy trưởng các đơn vị đồn trú gần Sài Gòn. Nhưng mỗi lần như thế, họ chỉ nói chuyện được với các phụ tá cấp dưới. Sau hơn chục lần cố sức vẫn không kết quả, Ngô Đình Nhu quyết định liên lạc với bộ tư lệnh Sư đoàn 7 ở Mỹ Tho, cách hướng nam Sài Gòn khoảng bảy chục cây số. Tổng Thống bèn chôn đứng một bên khi người em của ông nghe tiếng lớp bóp trong ống liên hợp. Nhưng dù Ngô Đình Nhu hét lên, từ cao giọng hăm dọa tới xuống giọng dụ dỗ, vẫn không thể đúc kết thành một mệnh lệnh cụ thể nào. Cuối cùng ông tắt máy truyền tin rồi phờ phạc sụm người xuống lòng ghế.

Ngô Đình Diệm hỏi, giọng run rẩy:

- Sao rồi? Xảy ra chuyện gì rồi?

Ngô Đình Nhu trả lời dờ dẩn:

- Chỉ huy trưởng các đơn vị ở Mỹ Tho đều bị quản thúc. Sáng nay, thằng Đính đã cử thằng đại tá Nguyễn Hữu Có xuống nắm tư lệnh Sư đoàn 7.

- Vậy còn Quân đoàn IV thì sao?

- Nguyễn Hữu Có cho dàn quân bên này sông Tiền Giang và rút tất

cả các phà qua hết bên này bắc Mỹ Thuận. Quân của Huỳnh Văn Cao từ bên kia không qua sông được.

Một phút sau, có tiếng gõ dồn dập lên cửa thép. Khi Tổng Thống mở ra, một trung úy tùy viên hốt hoảng đi vào. Anh ta đưa tay lên chào đúng quân cách và thở hổn hển:

- Thừa cụ, quân nổi loạn hiện bao vây các ba-rắc của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng Thống. Họ đang di chuyển pháo binh và súng cối tới - chắc hẳn họ dự tính chẳng bao lâu nữa sẽ bắt đầu pháo kích chặn đường giải vây.

Nói xong, trên mặt vẫn không hết nét căng thẳng, sĩ quan tùy viên run rẩy đưa bản công điện đánh máy cho Tổng Thống, bằng cả hai tay. Không cần đọc, Ngô Đình Diệm gài cửa lại và bắt đầu trầm ngâm:

- Giờ đây chỉ còn một con đường cuối cùng mở ra cho chúng ta. Nói xong câu ấy, Tổng Thống điềm tĩnh ngồi xuống bên một máy điện thoại. Nhìn đồng hồ đeo tay, ông thấy lúc này đã bốn giờ rưỡi chiều. Lấy ra cuốn sổ nhỏ ghi địa chỉ riêng, ông từ từ dò tìm số điện thoại tư thất của Henry Cabot Lodge, đại sứ Hoa Kỳ. Ngay sau khi Ngô Đình Diệm quay số, có tiếng một người Việt Nam giúp việc trả lời. Và hai anh em căng thẳng chờ cho tới khi nghe tiếng của đại sứ Mỹ liên thoảng vang lên trên đường dây.

Ngô Đình Diệm nói chậm chậm bằng tiếng Anh, cố đè nén cảm giác lo lắng trong lòng:

- Tổng Thống đang nói đây. Vài đơn vị quân đội và không quân đang làm loạn; tôi muốn biết thái độ của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ như thế nào?

Đại sứ Mỹ không trả lời ngay, kể đó ông ta mở miệng với lời nói thượng lưu kiêu kỳ và kiêu cách:

- Tôi cảm thấy mình không được thông báo đầy đủ tin tức để có thể phát biểu với Ngài. Tôi có nghe tiếng nổ nhưng không được biết hết các sự kiện. Hơn nữa tại Washington lúc này là bốn giờ sáng nên chính phủ Hoa Kỳ không thể nào có ngay quan điểm. Giọng của Tổng Thống xúc động với âm điệu hoài nghi và buồn bã:

- Nhưng hẳn ông đại sứ có vài ý tưởng khái quát! Xét cho cùng, tôi

là một nguyên thủ quốc gia. Tôi đã và đang ra sức thi hành nhiệm vụ của mình, và lúc này, tôi muốn làm những gì mà nhiệm vụ và lương tri đòi hỏi.

Ngô Đình Diệm lưỡng lự rồi cao giọng kiêu hãnh:

- Tôi tin vào nhiệm vụ của mình trên tất cả.

Cuối đường dây bên kia, phía ông đại sứ, nín lặng khá lâu rồi có tiếng nói:

- Chắc chắn Ngài đã và đang làm nhiệm vụ của Ngài - tôi ngưỡng mộ lòng can đảm và sự đóng góp lớn lao của Ngài cho xứ sở Ngài. Không ai có thể lấy đi uy tín của Ngài về tất cả những gì Ngài đã làm. Lúc này tôi lo âu về sự an toàn thể lý của Ngài. Tôi có tin tức rằng những người có trách nhiệm trong hoạt động hiện nay đề nghị đưa Ngài và quý bào đệ an toàn ra nước ngoài nếu Ngài từ chức.

Ngài có nghe nói tới điều đó chưa?

Tổng Thống ngấm cú sốc một cách chậm chạp: việc đại sứ Mỹ sử dụng thuật ngữ chính trị hoạt động hiện nay - chứ không gọi là đảo chánh hay nổi loạn - đã làm lộ rõ, không còn chút nghi ngờ nào nữa, rằng những kẻ bảo trợ chính yếu của ông cuối cùng đã quay lưng lại với ông. Sau cùng, Ngô Đình Diệm bật lên thành tiếng, một cách ngớ ngàng:

- Tôi không nghe nói tới điều đó.

Tiếp đó, Tổng Thống ngừng một lúc khá lâu, rồi ngập ngừng nói thêm:

- Ông có số điện thoại của tôi chứ?

- Vâng.

Viên đại sứ trả lời và liền sau đó, lại im lặng bối rối. Kế đó, ngài có thể mình nói chưa đủ rõ, Henry Cabot Lodge nhắc lại thêm lần nữa:

- Nếu tôi có thể làm được gì cho sự an toàn thể lý của Ngài, xin cứ điện thoại cho tôi.

Vị Tổng Thống Việt Nam cảm thấy cơn giận bốc lên khi nghĩ tới lời đề nghị sỉ nhục vừa được đưa ra cho ông - lánh nạn tại chính cái sứ quán mà lúc này ông nhận ra đó chắc chắn là nơi ngấm ngầm bao che cho cuộc lật đổ ông. Đột nhiên, toàn bộ tính cách kiêu hãnh đầy thách thức và khí phách từng làm Ngô Đình Diệm

nổi tiếng, và thậm chí còn có thêm đôi chút khinh bỉ, tất cả loé lên trong giọng nói của ông:

- Tôi sẽ tiếp tục các nỗ lực của chính mình để văn hồi trật tự.

Ông nói như thế một cách dữ dội - và ngay khi nói xong, Tổng Thống Ngô Đình Diệm cắt đứt hẳn mọi liên lạc tối hậu với Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 15 -

Cũng như tất cả các ký giả nước ngoài đang săn tin về cuộc đảo chánh, Naomi Boyce-Lewis trải qua tình trạng căng thẳng kéo dài từ giữa trưa cho tới sẩm tối, cố gắng một cách tuyệt vọng để có cái nhìn xuyên suốt tình hình hoang mang như sương mù dày đặc đang phủ kín thủ đô Sài Gòn. Những nỗ lực để tổng kết hay để lập thành hệ thống các đơn vị quân đội trung thành với phủ Tổng Thống hay với những tướng lãnh âm mưu đảo chánh đều hoàn toàn không đưa tới kết luận nào. Không thể nào thu lượm đầy đủ tin tức và không có cách thức đảm bảo nào để kiểm tra lời loan báo được phát thanh tới phát thanh lui nhiều lần của quân nổi loạn rằng cuộc nổi dậy của họ đã đạt kết quả hoàn toàn.

Khoảng sáu giờ tối, quân nổi loạn mở cuộc pháo kích ồ ạt bằng đại bác và súng cối vào doanh trại của Lữ đoàn Phòng vệ Phủ Tổng Thống, cách Dinh Gia Long vài khu phố. Chỉ trong khoảng thời gian rất ngắn, các ba-rắc ấy bị cháy rụi. Nhờ cuộc bắn phá với tiếng đạn pháo dồn dập đó Naomi và các đồng nghiệp khác trong đội ngũ báo chí ghi nhận được những hình ảnh và những thước phim gay cấn. Nhưng nó chỉ gây tác động rất nhỏ vì trước đó, hầu hết binh lính của Lữ đoàn Phòng vệ đã kéo sang bố phòng bên trong khuôn viên Dinh Gia Long.

Qua làn sóng phát thanh, tướng Dương Văn Minh tiếp tục tuyên bố, bằng giọng nói ghi âm của ông, rằng các lực lượng vũ trang đã giải thoát dân tộc khỏi chín năm cai trị của một chế độ độc tài gia đình trị. Ở những khu phố vắng hẻo lánh hoạt động quân sự, người ta thấy có một số đám đông người Việt xuất hiện, hoan hỉ vây kín xe tăng và thiết vận xa của phe nổi loạn. Thậm chí còn có vài cuộc cướp phá cửa tiệm để ăn mừng chiến thắng. Nhưng vì trong dinh Tổng Thống, lính phòng vệ vẫn kháng cự và cương quyết cố thủ nên khi bức màn đêm bắt đầu buông xuống, khắp thành phố tràn

ngập một bầu không khí căng thẳng và bất ổn.

Từ một ô cửa lỗm, Naomi và toán truyền hình có thể an toàn quan sát các lối vào dinh Tổng Thống nhưng những giờ chờ đợi dài dằng dặc ấy chỉ được đền bù đôi chút vì phần thưởng quá ít. Thịnh thoảng họ thấy một chiếc xe thiết giáp trung thành với Tổng Thống chạy tới chạy lui trong mặt sân trước dinh. Bốn bánh cày lên các luống hoa mềm mại. Từ pháo tháp, nó bắn đại bác vào vòng đai bên ngoài, nơi quân tấn công đang đào hố cá nhân rải rác bên mé đường trước mặt dinh. Phía mặt tiền bằng đá sơn màu kem trắng của dinh, bên trong hàng cột xẽ rãnh kiểu Hi Lạp với hoa văn La mã trên đầu cột, lâu lâu lại có một tràng súng liên thanh rời rạc bắn ra từ một khung cửa sổ nào đó.

Đôi khi, qua hệ thống loa phóng thanh phát ra bên ngoài, có tiếng nói nghe có vẻ giống giọng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, hoặc đó chỉ là một sĩ quan đồng hương của ông, ra sức cổ động tinh thần binh sĩ với lời hứa hẹn mơ hồ rằng các đơn vị trung thành đang cấp tốc kéo về thủ đô giải cứu. Nhưng dần dà đã trở thành rõ nét rằng thời gian tạm lắng ấy sẽ kéo ra thật dài. Tới lúc trời gần tối, một cơn mưa bụi thật mỏng và thật mát bắt đầu rơi lất phất trên thành phố. Qua đài phát thanh, có thông cáo của Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng ban hành lệnh thiết quân luật từ bảy giờ tối. Trong dân gian bắt đầu lan man lời đồn rằng những kẻ cầm đầu cuộc đảo chánh đang tỏ ra e sợ và bắt đầu chia rẽ ý kiến về việc nên hay không nên tung ra một cuộc tấn công toàn lực và tới hậu vào dinh Tổng Thống.

Naomi quay về phòng mình ở khách sạn Continental tới hai lần. Nàng cố liên lạc với Guy Sherman tại Đại sứ quán Mỹ nhưng lần nào cũng chỉ nhận được một câu trả lời cộc lốc giống nhau: Ông ấy không rảnh. Khi gác ống điện thoại vào lại chỗ cũ lần thứ hai, nàng nghe có tiếng chân nhẹ nhẹ trong hành lang bên ngoài lô phòng mình. Ngược mắt nhìn, Naomi thấy một bì thư trắng chuối vào khe cửa bên dưới. Mở ra, nàng thấy bên trong bì thư có một mảnh giấy với hàng chữ viết loảng ngoảng như chân nhện, chỉ ghi vắn tắt:

Hãy nghỉ ngơi và ngủ đôi chút cho tới ba giờ rưỡi sáng - G.

Chữ trên mảnh giấy rõ ràng không phải của Guy. Giật toang cửa,

Naomi thấy một người hầu Việt Nam quay lưng làm lủi đi dọc hành lang. Nghe nàng gọi, anh ta quay lại với lời giải thích rằng chính tay anh ta ghi lời nhắn đó qua điện thoại của một nhà quý tộc Mỹ chỉ xưng vồn vẹn cái tên một chữ cái như thế. Naomi cảm ơn người hầu, cho anh ta tờ giấy năm trăm đồng. Rồi nàng lật đật trở xuống phố, bảo toán truyền hình đi nghỉ một lúc. Sau đó, Naomi uống một ly whisky lớn mừng cho mình rồi phóng người lên giường, nhắm mắt thiêm thiếp vài giờ.

Tiếng chuông đồng hồ báo thức dựng Naomi dậy lúc ba giờ sáng. Nàng đánh thức toán truyền hình và cả ba lại tất tả nhào ra đường để chỉ thấy một bầu không khí im lặng kỳ quái đang úp chụp lên thành phố. Vào giờ đó, không khí ẩm ướt vẫn chưa hết ngọt ngào nhưng khung cảnh đã có phần bớt tối tăm nhờ ánh lửa sáng rực phát ra từ vài chiếc xe thiết giáp đang cháy và từ một toà nhà nào đó tình cờ trúng đạn lạc.

Toán truyền hình lao qua Công trường Lam Sơn chạy sang Khách sạn Caravelle. Khi lên tới nóc, họ thấy rất nhiều người bị kẹt lại vì giới nghiêm, đang tập trung đông đảo trên sân thượng. Rồi trong ánh sáng bập bùng của các đám cháy, họ thấy trên một số mái nhà và ban-công khác trong thành phố cũng đầy người. Hàng ngàn bộ mặt người, im lặng quan sát, như những khán giả trên một khán đài vĩ đại đang chờ xem đỉnh điểm của một vở kịch. Thỉnh thoảng, giữa bầu trời đen sẫm bên trên đầu họ, một trái hỏa châu lơ lửng dưới cánh dù bùng sáng như hoa nở. Và mỗi khi có máy bay xuất hiện họ đều thấy từ Dinh Gia Long cũng xuất hiện các vạch hình cầu màu đỏ rực phọt lên trời theo hình vòng cung.

Ở sân thượng trên nóc khách sạn Caravelle, những người hầu mặc áo vét trắng vẫn đi lại giữa đám đông, phục vụ bánh và thức uống. Naomi để ý thấy trong số những người có mặt có các nhà ngoại giao, các thông tin viên, khách doanh gia và nhân viên khách sạn - những kẻ uống rượu gần như hủ chìm. Hết giờ này sang giờ nọ, họ quan sát cảnh tượng ảm đạm ấy tới độ đối với vài người, nó hầu như trở thành một lối giải trí. Đâu đó, từ máy phát thanh vang lên điệu nhạc twist, be-bop và cha-cha-cha. Suốt đêm, quân nổi loạn bắt đầu cho loan đi các thông cáo, điện văn các tỉnh trưởng và đơn

vị trưởng quân đội ủng hộ cách mạng. Chúng được lập đi lập lại nhiều lần. Đôi khi xen kẽ với các bản nhạc quân hành dồn dập có vài điệu kích động nhạc chát chúa của Mỹ vì trước đây chúng bị Bộ Thông tin của Ngô Đình Diệm cấm ngặt. Một nhóm nhân viên trung cấp Đại sứ quán Hoa Kỳ và các nữ thư ký đang khiêu vũ theo nhạc phát ra từ máy phát thanh. Họ cố tình lắc lư thân mình một cách quá đáng và từng chặp rồi từng chặp, phá lên cười ngặt nghèo.

Tiếng bùm bụp âm trầm của súng 75 li trên xe tăng, tiếng uỳnh uych của đạn súng cối, đạn đại bác và tiếng lấp bắp của đại liên 50 li, tất cả quyện vào nhau làm thành tiếng gầm rú liên tục và rõ ràng báo hiệu đang bắt đầu cuộc xung phong tối hậu vào dinh Tổng Thống. Súng lớn súng nhỏ bắn như tưới lên các con đường dẫn tới Dinh Gia Long. Dưới tác động của cuộc bắn phá, mặt tiền dinh lỗ chỗ vết đạn lúc này đang nứt rạn, các trụ đèn kê răng rắc và vôi vữa văng tung tóe. Chẳng mấy chốc, các súng đại liên đằng sau bao-lơn trên nóc dinh, xe thiết giáp trung thành với Tổng Thống và các ụ súng cối đặt dưới lòng hồ bên trong khuôn viên dinh, cũng đua nhau khạc lửa, đệm những tiếng đình tai điếc óc cho vỡ kịch diễn bằng xương máu của những người chung một quân đội.

Từ nóc khách sạn Caravelle nhìn quanh thấy đêm dường như sống động hẳn lên với triệu ánh chớp loé ra từ đầu họng súng. Trong khi Naomi mãi mê ngắm, vòm kính bát úp trên mái Dinh Tổng Thống bỗng rực sáng với những ngọn lửa đang nhảy múa bên trong. Qua đó, nàng đoán rằng khu vực nội thất ở tầng cao nhất đang phát hỏa. Nheo mắt nhìn hoạt cảnh ấy qua ống kính máy quay phim, Jock thở phào:

- Tuyệt đẹp, không chê vào đâu được. Tôi chưa hề thấy có cảnh tượng nào sánh nổi với cái này.

Cuộc chạm súng liên tục đó không ai ngờ lại kéo dài tới hai tiếng đồng hồ. Sau cùng, khi tiếng súng im bật, ngày lộ dạng theo các vệt sáng tinh sương bắt đầu le lói rồi lấp lánh soi xuống cuộc xung phong tối hậu của quân nổi loạn vào dinh Tổng Thống. Dưới bầu trời thấp đầy những hạt mưa bụi bay lất phất, xe tăng, xe thiết giáp, thiết vận xa chạy nối đuôi nhau. Những bóng người lom khom

cách nhau vài tấc, chậm chậm tiến về mấy hàng rào chắn song sắt. Và sau cùng, khoảng sáu giờ rưỡi sáng, Naomi thấy phía bên ngoài một khung cửa sổ cao trên Dinh Gia Long bay giập giòn một lá cờ đầu hàng, màu trắng muốt.

Khi nhìn thấy lá cờ trắng ấy, lính Thủy quân Lục chiến - quần quanh cổ khăn quàng đỏ tươi để phân biệt với lính Lữ đoàn Phòng vệ và LLDB - nhào ra khỏi chỗ núp. Họ đồng loạt hô lớn tiếng chiến thắng và đua nhau đập lên bãi cỏ xơ xác, chạy ào vào Dinh Gia Long điêu tàn và bốc khói. Naomi và toán truyền hình nằm trong số ít ỏi các ký giả có đủ can đảm chạy theo quân nổi loạn. Vẫn còn vài loạt đạn bắn ra rải rác, kêu lào rào trên các vườn hoa thẳng tắp khi họ lao mình vào tầng trệt tan nát.

Các bậc thềm đầy nghẹt con người ta vì lính Thủy quân Lục chiến đổ xô chạy vào vấp phải vô số lính bảo vệ phủ Tổng Thống đang tìm đường chạy ra. Jock dẫn đầu toán truyền hình nhanh mắt chui qua lỗ đạn một bên vách dinh. Vô tới bên trong, họ thấy sàn nhà lát cẩm thạch ngổn ngang vôi vữa trần nhà và mảnh kính của các chùm đèn treo bị đập tan tành. Lính Lục lượng Đặc biệt bị thương vì mảnh đạn đại bác, đang nằm rên la trên mấy bậc cầu thang rộng, chung với thi thể của các đồng đội vừa tử trận. Vữa trần nhà phủ đầy mặt các ghế bành thêu kim tuyến và bám đầy cành các chậu cau kiểng. Không khí sặc sụa khói và nồng nặc mùi thuốc súng. Cuộc tấn công đã phá hủy hệ thống điện. Binh sĩ hân hoan của phe nổi loạn không từ chối các chiến lợi phẩm. Họ đốt đèn cây lên soi. Với thái độ tung bừng hào hứng, họ bắt đầu tự tưởng thưởng bằng cách gắp vật gì mang được thì mang, kể cả các vật dụng trang trí và sách.

Trước đây khá lâu, Guy có giải thích cặn kẽ cho Naomi cách bố trí phòng ốc trong Dinh Gia Long. Lúc này, nàng dẫn toán truyền hình chạy theo cầu thang rộng, lên phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Cố vấn Tối cao Ngô Đình Nhu. Cả ba lên chưa hết cầu thang đã thấy một trung tá Thủy quân Lục chiến chồm người qua lan can. Ông ta thắng thót hét lớn với một thiếu tướng và nhóm sĩ quan cao cấp đang chờ bên dưới:

- Họ không có ở đây - trong phòng họ không có ai cả!

Viên thiếu tướng nhỏ thó gật đầu, chán nản:

- Cũng chẳng có ai trong hầm truyền tin! Xuống đi!

Naomi chạy ngược trở xuống cầu thang, túm cánh tay viên thiếu tướng:

- Ông có đoán ra họ đi đâu không?

Ông lắc đầu và nói:

- Chúng tôi thấy bên dưới dinh có ba đường hầm ngầm. Cả ba đều dẫn ra ống cống. Họ chạy thoát hết rồi!

Naomi gật đầu cảm ơn rồi lại dẫn toán truyền hình chạy trở lên cầu thang tới phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm trên tầng ba.

Chung quanh họ, không khí tung bừng sôi động với tiếng rào rào cướp phá dinh của quân nổi loạn. Một nhóm Thủy quân Lục chiến chạy ào ào ôm theo các chai huyết-ki và cô-nhắc lấy từ tủ rượu của Ngô Đình Nhu. Một số khác dùng mũi nạy cạy các đồ trang trí chạm lộng bằng vàng trên vách rồi nhét vô túi. Trong khi đó, một số khác cười sặc sụa, giương súng bắn vào những chiếc gương Pháp kiểu cổ dựng áp vách.

Khi Jock và Naomi vô tới nơi được dùng vừa làm phòng ngủ, phòng ăn, phòng đọc kinh, phòng khách lẫn văn phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, họ chỉ thấy đó là một căn phòng nhỏ, cũ kỹ, giản dị, xám xịt và tẻ nhạt. Chiếc áo vét-tông của Tổng Thống bằng vải mịn, khuy cài chéo trước ngực, đang mấp mí nơi lưng ghế xích đu ọp ẹp. Trên bàn giấy bừa bộn đang để mở một cuốn sách bằng tiếng Pháp với cái tên kỳ dị như một lời tiên tri. Naomi đưa mắt nhìn quanh phòng, nhẩn mặt chán chường và tỏ vẻ không ưa vì chẳng có gì đặc biệt để thu hình. Rồi nàng im lặng cầm cuốn sách đưa bìa lên trước máy quay phim của Jock, cho người ta thấy rõ nhan đề. Nó có cái tên mỉa mai là: *Ils Arrivent - Chúng nó tới*.

Trong văn phòng lớn thênh thang của Ngô Đình Nhu ở tầng hai, toán truyền hình thấy những kẻ cướp phá đã hoàn tất công việc hôi của. Trên bàn giấy của Ngô Đình Nhu, lạ lùng thay, có mấy bản của một cuốn sách tiếng Anh với nhan đề rùng rợn: *Shoot to Kill - Bắn cho chết*. Những con thú nhồi, kỷ niệm các chuyến đi săn của chủ nhân, bị rạch phanh và kéo tuột khỏi vách, khỏi kệ trưng bày. Mạt cưa và bông gòn văng tung toé khắp phòng. Bức chân dung

đầy nhục cảm của Madame Ngô Đình Nhu treo đối diện bàn giấy của chồng tôi tả với nhiều đường rạch chéo và bị đâm một cách tục tĩu bằng chiếc lưỡi lê vẫn còn để lòi chuôi ngay chỗ thấp phía dưới bụng của bà. Và trong lô phòng dành cho gia đình bà, một số áo dài bằng lụa mỏng dính bị xé tan từng mảnh, rải quanh phòng. Một số áo khác, có lẽ có cả của con gái bà, vẫn treo ngấn nấp trong tủ áo bên trên mấy dãy giày cao gót. Naomi chỉ cho Jock thu hình các hàng giày đó và những chai nước hoa hiệu Vent Vert bị lính đập vỡ. Họ ném chúng lăn lóc trong một phòng tắm thật rộng, sàn trũng, màu hồng, có bể tắm bằng đá hoa cương đen nhập cảng từ Venice, Ý.

Trên đường trở xuống tầng trệt, thêm lần nữa đoàn quay phim băng ngang văn phòng của Ngô Đình Nhu. Naomi phải lội giữa các đồng hồ sơ nằm bừa bãi vừa bị những kẻ cướp phá vất lung tung trên thảm trải sàn. Bất giác nàng đứng lại, cúi xuống nhìn một số hồ sơ và chợt bắt gặp một ít có bìa màu da trâu đóng dấu tiêu đề Sở Nghiên Cứu Chính Trị & Xã Hội nức tiếng của Ngô Đình Nhu.

Dưới ánh đèn lấp lánh của máy quay phim do Jock dọi theo, Naomi vẫn vợ xem lướt vài ba xấp. Bên trong chúng hình như chủ yếu gồm các bản báo cáo của mật vụ về các tổ chức và nhân vật chính trị Sài Gòn và các sĩ quan quân đội, được viết bằng tiếng Pháp và tiếng Việt. Thế rồi nàng bỗng giật mình khi lật tới một xấp có tên Guy Sherman được đánh bằng máy chữ ở ngoài bìa màu vàng đậm.

Naomi mở ra và đứng tròng khi thấy trước mắt mình, nằm ngay đầu xấp hồ sơ, một mảnh giấy ghi tiêu đề Khách sạn Continental Palace trong đó có hàng chữ viết tay của chính nàng. Pháp danh và địa chỉ của nhà sư đã báo trước cho nàng vụ tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức nhảy lên khỏi mặt giấy, lao thẳng vào mặt Naomi. Khuyu đầu gối tại chỗ, ngay trên sàn nhà, nàng chết lặng ngó mảnh giấy trong khoảng nửa phút. Và nàng không còn nghe ra tiếng rầm rắc của cửa kính đang vỡ, cũng không còn nghe ra tiếng cười the thé lạnh lẽo điên dại của quân nổi loạn đang cướp phá chung quanh mình, khắp Dinh Tổng Thống.

TRĂNG HUYẾT

TẬP III - Phần Thứ Sáu - Thái Bình Kiều Mỹ - 1963

- 16 -

Sau đó bốn tiếng đồng hồ, lúc vừa quá mười một giờ một chút sáng ngày mùng 2 tháng Mười một, có tiếng gõ thật lẹ trên cửa lô phòng của Naomi tại khách sạn Continental. Nàng mở cửa và thấy Guy đang rộng miệng cười tươi tắn. Hắn không mặc vét-tông. Quần áo bèo nhèo trông như thể đã lâu chưa thay nhưng dưới nách hắn cặp một chai Laurent Perrier vỏ chai mờ hắc vì ướp lạnh và kẹp trong năm ngón bàn tay phải hai chiếc ly chân đế cao, loại dùng để uống sâm banh.

Tránh sang một bên cho Guy vào, Naomi hỏi với nụ cười mỗi mệ:

- Chúng ta uống mừng chuyện gì vậy?

Nhún vai một cách cường điệu Guy trả lời:

- Chỉ cho chuyện lật đổ anh em Ngô Đình ác ôn. Xong rồi. Toàn bộ sự việc xảy ra như một giấc mơ. Có lẽ chúng ta cũng nên uống mừng việc cung cấp tin tức độc quyền và ngoại hạng của cô về biến cố đó.

Rồi thay vì bước vào, Guy nghiêng mình tới trước năm bàn tay Naomi. Hắn kéo nàng ra hành lang, dẫn sang lô kế bên:

- Naomi ạ, tôi thuê chỗ này đặc biệt để chỉ được gần cô hôm nay. Và không một ai biết tôi đang ở đây. Như thế trong vòng một hai giờ chúng ta có thể không ngó ngang gì tới cái máy điện thoại khôn kiếp, được không?

Cười tươi tắn thêm lần nữa, Guy hất ngược gót chân đóng cửa lại. Hắn đi trước vào phòng bằng những bước chân tự tin rồi đặt chai sâm-banh với hai chiếc ly lên mặt bàn xa-lông, ngay trước xô-pha. Vừa ngồi xuống ghế, Naomi mỉm cười nhìn hắn:

- Guy ạ, lời mách bảo kịp thời của anh đã giúp chúng tôi bảo đảm được lợi thế ban đầu trong khi các đồng nghiệp khác đang lè phè ngủ trưa. Tôi cũng biết ơn lời nhắc của anh. Nó cho phép đêm qua chúng tôi có được một giấc ngủ cần kíp trong khi đối thủ của mình

mắt mũi đỏ hoe. Chắc hẳn chúng tôi có khá nhiều tư liệu đặc sắc - đủ để làm một giờ phim tài liệu. Nhưng dù sao đi nữa, tới giờ này cuộn phim phóng sự của tôi vẫn hơi thiếu một chút đoạn kết.

Thoải mái thở ra một hơi thật dài, nàng ung dung ngả lưng xuống xô-pha, nhắm mắt lại. Sự căng thẳng trong mấy giờ chót đã làm giác quan nàng kiệt quệ. Trong khi toán truyền hình đóng gói phim, tìm cách gửi sang Hồng Kông để chuyển về Luân Đôn, Naomi lái xe len lỏi qua những đám đông tung bừng hơn hớ. Nàng đang tới nhà bưu điện trung tâm để điện thoại báo cáo bằng miệng cho hai bản tin ngắn chính thức của đài truyền hình.

Trên đường đi, Naomi thấy sự kiện không tìm thấy tung tích của Tổng Thống và người em của ông không làm loảng phần nào những cuộc liên hoan cuồng nhiệt đang mỗi lúc một bùng thêm trên đường phố. Naomi thấy rõ trên nhiều ngã đường, nổi hân hoan đang pha trộn ít nhiều với bạo động và trả thù. Văn phòng nhật báo bằng tiếng Anh của chế độ - tờ Times of Vietnam - Việt Nam Thời Báo - đang bốc cháy khi nàng đi ngang. Các toán sinh viên học sinh xông xáo lung sục trên nhiều đường phố, miệng hùng hổ hô vang khẩu hiệu "Hoan hô Hội đồng Quân nhân Cách Mạng".

Naomi cũng thấy một đám đông đang giật sập bức tượng khổng lồ của chị em Bà Trưng, hai vị nữ anh hùng đã đi vào huyền thoại lẫn chính sử của Việt Nam, vì một trong hai bức tượng lấy người mẫu giống Madame Ngô Đình Nhu. Và khắp thành phố, nhiều nhà riêng của bộ trưởng và quan chức thân cận Ngô Đình Nhu bị cướp phá.

Naomi quan sát các tốp dân chúng nhảy lên xe tăng, ôm chầm những người lính nổi loạn trong khi chính những người lính ấy cũng đang sững sốt vì những tình cảm quá nồng nhiệt của người dân bình thường dành cho họ. Mặt mày họ càng thêm rạng rỡ khi quanh chợ trung tâm thành phố và trong các công viên, họ nhận được quà tặng gồm trái cây, mứt bánh, thuốc lá và thức uống từ tay các thiếu nữ mặc áo dài thướt tha, vẻ mặt và nụ cười còn tươi tắn xinh đẹp gấp bội lẫn hoa các cô đang cầm trên tay.

Rồi Naomi cảm thấy xúc động sâu xa và gần như ngất ngất khi thấy cảnh tượng xảy ra bên ngoài các ngôi chùa. Cứ vài ba phút lại

có một chuyến xe GMC của quân đội chở về chùa vài nhóm tu nhân Phật giáo hắc hắc phờ phạc vừa được giải thoát khỏi trại giam. Họ được đồng đạo hoan hỉ ôm chầm. Và một số quá suy nhược vì bị hành hạ và thiếu thốn, phải để người ta khiêng vào chùa.

Sau khi báo cáo qua điện thoại cho Luân Đôn, Naomi đặc biệt lái xe đi một vòng để dò hỏi tung tích của nhà sư hồi tháng Sáu từng thông báo cho nàng nhiều tin tức, đặc biệt vụ hoà thượng Thích Quảng Đức tự thiêu. Tại ngôi chùa của ông tọa lạc trên đường vào một làng hoa, trước chánh điện ngồn ngộn và sân chùa hoang tàn, một ni cô nước mắt đầm đìa bảo với Naomi rằng cho tới nay không có dấu vết gì về sư huynh của mình. Ông mất tích trước cả cái ngày xảy ra cuộc tấn công chùa chiền và người ta tin rằng ông đã bị lực lượng mật vụ thủ tiêu hoặc đã viên tịch tại một chôn biệt giam nào đó.

Tin ấy làm Naomi xây xẩm mặt mày. Tiếp đó, trên đường về lại khách sạn, xe nàng chạy ngang một đại lộ bên hông Dinh Gia Long hoang vắng và ám đầy khói súng. Đây đó nàng thấy những thi thể gục ngã của binh sĩ hoặc thường dân, nằm chúi đầu vào nhau dưới rãnh nước bên đường. Cảnh tượng những xác người ấy và cảm giác choáng váng Naomi nếm trải lúc biết tin nhà sư mất tích vẫn còn dày vò tâm trí khi nàng nhìn các ngón tay của Guy bóc vội lớp giấy thiếc màu vàng bọc đầu chai sâm-banh. Và bất giác nàng giật nảy người khi nghe tiếng bóc nổ ra từ ngón tay điệu nghệ của hân búng nút chai rượu.

Guy miệng mỉm cười, hai mắt không rời mắt Naomi trong khi tay rót rượu vào hai chiếc ly, sủi bọt lên tận vành. Kế đó bước tới ngồi xuống kế bên Naomi trên xô-pha, hân trao cho nàng một ly. Nhưng trước khi uống, Guy rút từ túi quần ra một hộp thiếc tròn đựng loại phim cỡ 16 li, đặt nó lên mặt bàn xa-lông rồi nói giọng thật êm:

- Giờ đây, cuốn phim phóng sự của Naomi chẳng còn thiếu chút đoạn kết nào. Mình uống mừng việc đó chứ, được không?

Naomi nhìn hộp thiếc trên bàn, thắc mắc:

- Trong đó chứa phim gì vậy?

- Phim thi thể.

Vì mãi nghĩ tới những xác người vừa thấy dưới rãnh nước bên ngoài dinh Tổng Thống, Naomi nhìn lại Guy, mắt trống rỗng:

- Thi thể ai?

- Diệm và Nhu.

Naomi bật ngồi dậy, làm rượu trong ly sóng sánh đổ ra ngoài:

- Họ chết rồi sao?

Guy gật đầu:

- Vâng - và đây là cuộn phim độc nhất quay trực tiếp khung cảnh qua đời của họ.

- Ai giết họ?

- Hội đồng Quân nhân Cách mạng phái tướng Mai Hữu Xuân dẫn một đoàn xe vào Chợ Lớn, nơi họ ẩn tránh, để đón cả hai anh em. Họ đẩy cả hai vào trong thùng một thiết vận xa M-113, trói chặt rồi đóng bùng lại, chở về Bộ Tổng tham mưu. Theo những gì tôi dò hỏi được, cho tới lúc này, thì khi đoàn xe dừng lại chờ tại một cổng xe lửa, tướng Xuân ra hiệu hành quyết. Trong tiếng âm âm xe lửa chạy ngang, một thiếu tá từ pháo tháp dùng súng tiểu liên bắn thẳng vào hai anh em và một đại úy dùng súng lục nã vào đầu họ rồi đâm cả chục nhát bằng loại dao găm lưỡi lê. Sau đó, chiếc thiết vận xa đẫm máu ấy tiếp tục chạy theo đoàn xe díp.

Naomi nhìn cuộn phim nhỏ, mặt ánh lên vẻ tươi rói và hứng thú tột độ. Guy cầm ly lên nghiêng về hướng nàng rồi cười với đôi chút hóm hỉnh:

- Và cô, Naomi, cô có một khúc phim độc quyền về cảnh tượng trong lòng xe thiết giáp ấy khi họ mở bùng ra.

Naomi nói sau khi trấn tĩnh lại:

- Ai quay phim này vậy?

Nụ cười của Guy tươi tắn hơn bao giờ hết:

- Còn ai nữa ngoài người bạn chân tình của Naomi. Dĩ nhiên chỉ có cô và tôi biết chuyện này thôi.

- Tôi xem một chút có được không?

Guy gật đầu. Đặt xuống bàn ly rượu vẫn chưa chạm môi tới, Naomi mở hộp. Thận trọng giữ mép hộp, nàng kéo một đoạn phim ra khỏi cuộn, háo hức đưa về phía ánh sáng nơi khung cửa sổ. Guy cúi mình sát người Naomi, lướt mắt qua mặt trái của phim và dí

đầu ngón tay rà theo:

- Nó không được rõ lắm - tôi không phải chuyên viên quay phim tài ba nhất thế giới và tôi không có đèn rọi đặc biệt. Nhưng nó dùng được. Các thi thể nằm chúi mặt trên ghế. Phần lớn những gì cô thấy là lưng và gáy của họ. Thân hình ngắn mập và to hơn, ở bên phải này, dĩ nhiên là của Diệm. Thân hình dài nhỏ hơn với nhiều vết thương dao găm là của Nhu, em ông ta. Tôi có chiếu nó một lần cho mình coi trong phòng ảnh nhỏ của chúng tôi - Naomi có thể thấy là nó hoàn hảo đấy.

Người nữ ký giả Anh thở dồn dập:

- Thật là một đoạn phim không tin nổi! Họ bị bắt như thế nào?

Thấy Naomi có phản ứng như thế, Guy lộ vẻ khoái chí ra mặt. Làm như tình cờ, hấn đặt tay xuống phần trên đầu gối của nàng. Rồi vừa nhịp tay nhẹ nhẹ lên làn vải che đùi nàng hấn vừa kể:

- Thật ra, trước giờ quân đảo chánh tấn công ào ạt, việc bao vây dinh Tổng Thống không chặt chẽ như người ta tưởng. Lúc 7 giờ tối qua, hai anh em lên một chiếc Citroën mà Nhu đã ra lệnh cho Cao Xuân Vỹ chuẩn bị sẵn, đề phòng trường hợp xấu nhất. Xe do một trung tá lái, ra mé cổng đường Công Lý rồi chạy thẳng tới nhà Mã Tuyên, một đại gia hoa thương ở Chợ Lớn. Họ qua đêm ở đó. Tới nửa đêm, Nhu điện thoại được với Tôn Thất Đính thì bị viên tướng ấy kể công, văng tục và mắng thẳng vào mặt. Tới sáng sớm hôm nay, Diệm gọi điện ra lệnh cho binh sĩ phòng vệ phủ Tổng Thống treo cờ trắng, rồi hai anh em đến dự thánh lễ ở Nhà thờ Phanxicô Xavie, cuối đường Đồng Khánh, Chợ Lớn, thường được gọi là Nhà Thờ Cha Tam. Lúc sáu giờ rưỡi Diệm gọi điện cho Minh Cồ. Ông không tiết lộ nơi đang ẩn lánh vì có thể trong cái xứ sở nhỏ bé và đầy phản trắc này, dù sao đi nữa ông cũng biết trước chuyện gì sẽ xảy tới cho cả hai anh em. Nhưng ông nói mình sẵn sàng từ chức với điều kiện phải theo đúng hiến pháp, bàn giao chính quyền cho phó Tổng Thống hay chủ tịch quốc hội, để duy trì cơ cấu hiến định của chế độ Việt Nam Cộng Hoà. Sau đó nửa giờ, Diệm gọi lại, được Trần Văn Đôn thông báo rằng HĐQNCM không chấp nhận lời yêu cầu đó, bù lại, họ đề nghị hai anh em rời Việt Nam. Diệm đồng ý và yêu cầu phải tiễn mình đúng nghi thức dành cho Tổng

Thống nhưng Đôn không chịu. Sau đó vài phút, Diệm chấp nhận đầu hàng, tiết lộ địa điểm và nói sẵn sàng chờ HDQNCM tới đón để ra nước ngoài. Hai anh em cầu nguyện quì ở đó và chờ, cho tới khi gặp toán quân nổi loạn được Minh Cồ báo trước là cử đi đón họ. Bất chấp lời Nhu phản đối, đòi hỏi phải dùng xe hơi cho Tổng Thống, người ta nhét cả hai vào một thiết vận xa, nói là để bảo vệ hai anh em khỏi những kẻ quá khích.

Mặt Naomi lộ vẻ ghê tởm:

- Nhưng rồi tại sao lại ám sát họ tàn nhẫn quá như vậy?

Guy nhún vai:

- Ngay từ đầu, tôi đã đoán là không thể nào tránh được việc đó. HDQNCM không bao giờ cảm thấy an toàn nếu anh em Ngô Đình còn sống và trả đũa - dù hai anh em ở bất cứ chỗ nào. Nghe nói chính ông đại sứ của tôi, Cabot Lodge cũng bảo tướng Minh rằng Nếu Diệm lưu vong thì bất cứ một đại tá nào cũng có thể làm đảo chánh để đưa ông ta về.

- Như thế, họ bị giết là theo lệnh của tướng Minh?

Guy gạt đầu không nói, tay vẫn mơn trớn đùi Naomi. Nhưng Naomi đột nhiên đứng lên và bước tới cửa sổ. Nàng khoanh tay nhìn xuống các đám đông đang hân hoan tụ tập trong Công trường Lam Sơn, rồi đôi lông mày nàng nhíu lại.

- Diệm là người cứng cỏi. Nhu là kẻ mưu trí. Tại sao hai anh em lại đầu hàng dễ dàng quá như vậy?

Ngần ngại một chút, Guy chất lưỡi rồi giải thích:

- Cùng đi theo vào Chợ Lớn với Diệm Nhu có hai tùy viên Tổng Thống. Họ kể lại rằng tại nhà của Mã Tuyên, Nhu đề nghị với Diệm tách ra, một người đi Cần Thơ, một người đi cao nguyên, để liên lạc với hai quân đoàn trung thành. Diệm từ chối, bảo rằng làm như thế sẽ gây nội chiến, chỉ có lợi cho Cộng Sản. Sáng nay, khi một thiếu tá ở phủ Tổng Thống đòi đánh tới cùng, Diệm nói: Nếu các anh em đánh, binh sĩ hai bên đều sẽ chết. Thà là giết Cộng Sản. Nếu ta chiến đấu thì chiến đấu chống Cộng Sản. Hãy dành đạn mà giết Cộng Sản. Nhu đề nghị xin vào tị nạn tại các đại sứ quán ngoại quốc nhưng Diệm cho rằng làm như vậy là nhục quốc thể, mất danh dự của một vị Tổng Thống. Diệm chỉ chấp nhận lời hứa của

các tướng lãnh rằng sẽ tới đón đúng nghi thức và bảo đảm an toàn cho hai anh em ra nước ngoài.

Naomi nhắm nghiền mắt, không nói. Một lúc sau, nàng trầm lặng hỏi với ra đằng sau:

- Tại sao anh có thể dò hỏi cặn kẽ quá như vậy? Có phải anh ở bên trong cuộc đảo chánh? Hôm qua, tôi cố điện thoại cho anh nhiều lần nhưng lần nào người ta cũng trả lời là anh không rảnh.

Guy nhấp sâm-banh trong ly mình rồi mỉm cười:

- Hãy chỉ nói là tôi giữ vai trò quan sát thật gần trong một thời gian ngắn tại bộ chỉ huy quân đảo chánh. Vào lúc các tử thi về tới trong xe M-113, không người nào phản đối khi tôi bước tới và quay đoạn phim nhỏ này cho mình - có phải đó là cái mà Naomi muốn nói?

Thay vì trả lời, Naomi lôi từ trong túi áo bờ-lu của mình ra một mảnh giấy gấp sẵn và bước trở lại chiếc ghế xô-pha Guy đang ngồi:

- Guy, hẳn anh đã đánh rơi cái này vào một lúc nào đó?

Naomi nói giọng đều đều và đưa về phía Guy mảnh giấy ghi pháp danh nhà sư mà nàng đã trao cho hẳn cách đây năm tháng. Hẳn ngó xuống mảnh giấy rồi lại ngó lên mặt nàng, miệng vẫn ung dung mỉm cười:

- Naomi tìm thấy nó chỗ nào vậy?

- Lúc sáu giờ rưỡi sáng nay, trên sàn văn phòng của Ngô Đình Nhu. Có phải anh đánh rơi nó ở chỗ đó?

Naomi hỏi với vẻ không nao núng. Guy tiếp tục mỉm cười:

- Naomi ạ, trong nghiệp vụ của tôi, đôi khi phải chơi với cả hai phía để biết chắc chắn người ta đang suy nghĩ cái gì trong đầu họ. Lúc nào cũng phải đối đãi với những người mà cá nhân mình không ưa.

Hắn lấy mảnh giấy khỏi tay nàng, nhìn nó trong một giây rồi thả nó xuống mặt bàn:

- Công tác tình báo cũng giống như mọi công việc khác - xử lý tốt công tác nghĩa là phải xem cả hai phía đều là nơi cho mình khai thác tin tức.

Giọng của Naomi run lên nhẹ nhẹ:

- Nhưng giao cho Ngô Đình Nhu danh tánh của nhà sư đó có thể

đưa tới việc thủ tiêu ông ta.

- Naomi ạ, khi đang diễn ra chiến tranh thì có vô số người tử nạn. Nếu ta quả thật tin vào điều mình đang làm thì không nên bận tâm tới từng hy sinh nhỏ nhất mà dọc con đường ta đi không thể nào tránh khỏi.

- Nhưng cái chết của nhà sư ấy không làm anh bận tâm chút nào sao?

Guy uống cạn ly rồi lại rót đầy, hát hàm về phía mảnh giấy trên bàn:

- Naomi, cô đã thu được lợi lộc từ việc cô làm. Cái trao đi đổi lại nhỏ nhất ấy giữ rộng cửa con đường giao lưu giữa tôi và Ngô Đình Nhu cùng mục rỗng cái của ông ta. Họ tiếp tục nói chuyện đằng hoàng với tôi - và trong các bản tin gởi đi của cô, cô cũng đã sẵn lòng dùng tới những gì tôi đưa cho cô. Cô cũng cực kỳ thêm khát những tin tức tốt và đáng tin cậy không kém gì tôi, đúng không? Mắt Naomi mở lớn, đăm đăm nhìn Guy, rồi đầu nàng miễn cưỡng gật. Hắn cầm tay nàng và nói:

- Vậy chúng ta hãy chấm dứt hoàn toàn việc nghĩ lẩn quẩn trong đầu ba cái chuyện vợ vắn đó, được chứ?

Naomi để yên cho Guy kéo nàng ngồi xuống sát bên hắn trên xô-pha. Trong khi đưa mắt mê đắm nhìn Naomi, hắn nâng bàn tay nàng lên môi và hôn lên đầu mấy ngón tay, đồng thời hát hàm về phía hộp phim nhỏ trên bàn:

- Naomi ạ, trong đó em có thêm một độc quyền mà trên khắp thế giới không người nào có - anh đã thực hiện điều cam kết của mình. Vậy nay là lúc các thiếu nữ trưởng thành nên ngưng việc núp mình đằng sau mấy câu nói bóng gió và mấy lời hứa hẹn vu vơ, đúng không?

Naomi tần ngần ngó Guy một chốc rồi gật đầu đồng ý.

- Anh thật sự vui mừng vì cuối cùng mọi việc diễn tiến tốt đẹp cho chúng ta, Naomi ạ. Em biết không, anh không quen chờ đợi lâu lắc cái việc này. Chẳng qua chỉ vì em là người hết sức đặc biệt...

Guy vừa nói vừa đưa tay cởi áo Naomi. Khi hắn cúi xuống thấp hơn và bắt đầu hôn lên đôi vai trần của Naomi, nàng nhắm mắt lại. Naomi để Guy mở khuy và kéo quần nàng xuống nhưng khi nhìn

hắn bỏ hết quần áo của hắn ra, vẻ mặt nàng vẫn trống rỗng lạ thường. Thậm chí khi Guy trần truồng, cúi xuống và thêm lần nữa hôn lên môi Naomi, nàng vẫn không cảm ứng.

Guy rút lại nhìn nàng với nụ cười sừng sốt, rồi hắn nói chậm chậm:

- Naomi ạ, anh đang tưởng tượng em là một tiểu thư của nước Anh sương mù và băng giá. Có phải em quả thật không là loại thiếu nữ mà người ta phải ra tay bạo hành mới có thể bắt đầu, đúng không?

Guy hớn hờ mỉm cười khi thấy Naomi không trả lời. Hắn hạ ánh mắt xuống nhìn chăm chú dây đeo chiếc nịt ngực mỏng dính của nàng. Hai khoanh tròn phơn phớt hồng trên bộ ngực đầy đặn của Naomi trông ửng hắc lên qua màng vải mỏng như giấy úp. Với cả hai tay, Guy túm nịt ngực, bứt nó làm đôi ngay chỗ chính giữa, và bộ ngực Naomi phô ra trọn vẹn.

Guy vừa xoa nắn vừa nói ngập ngừng:

- Tốt, Naomi ơi, em đẹp quá. Chưa bao giờ anh ham muốn người đàn bà nào tới mức như thế này!

Naomi cảm thấy đầu vú mình cương lên dưới mấy ngón tay của Guy. Và bất giác nàng thở dồn dập khi hắn kéo chiếc quần lót bằng lụa của nàng xuống khỏi hông với cử chỉ vừa lẹ làng vừa lóng cóng. Nhưng tới khi Guy cao hứng tột độ, phủ mình lên người nàng, Naomi vẫn nhìn lại hắn với vẻ mặt lạnh lẽo. Guy thở hỗn hển:

- Naomi, anh cảm thấy như thể sắp hiếp em tới nơi, nếu em còn nằm thờ người lâu thêm chút nữa với hai đầu gối khếp vào nhau thế này. Lơi ra! Đã qua rồi cái trò chờn vờn!

Guy cố luồn tay vào giữa hai đầu gối Naomi để banh ra hai bên, còn bàn tay kia hồi hải ve vuốt lớp lông mờ mờ vàng nhạt cuối bụng dưới của nàng - nhưng đột nhiên Naomi vặn mình trườn sang một bên. Nàng nói thật lẹ:

- Guy, xin dừng lại. Chuyện này, tôi không muốn tiến xa hơn.

Nàng ngồi lên, quay mình qua chỗ khác, đưa hai tay che mặt. Guy bối rối nhìn nàng đăm đăm. Ngực hắn phập phồng thật gấp, hơi thở dồn dập thất thường. Hắn nói giọng nặng như đá:

- Chuyện chết tiệt gì vậy? Anh chả hiểu cái quái gì cả!

Naomi buông tay khỏi mặt, nhìn thật xa tới đằng kia căn phòng.

Mắt nàng ráo hoảnh:

- Guy, tôi xin lỗi. Anh có thể dễ dàng rũ sạch hoàn toàn cái chết của nhà sư trẻ kia, còn tôi, tôi không làm như vậy được. Nó khiến tôi nhận ra rằng mình đang làm cái gì.

Guy hỏi với giọng sừng sốt:

- Em đang làm cái gì?

- Đang buôn bán sinh mạng của người khác vì những cứu cánh ích kỷ của mình.

- Coi kìa, có thể về sau em sẽ cảm thấy khá hơn - dùng thêm chút sâm banh nữa nhé.

Guy vin nhẹ bờ vai trần của Naomi, tính đứng lên đi rót đầy ly cho nàng nhưng nàng lắc đầu:

- Đừng, Guy - tôi không muốn uống thêm. Tôi đi đây.

Nói xong, Naomi đứng dậy, kéo quần lên. Guy cũng đứng dậy thật lẹ, cố túm vai nàng:

- Naomi, em làm sao vậy?

Naomi hất tay Guy, tránh ra xa. Hắn nhìn xuống mặt bàn xa-lông, chụp hộp phim và đưa về phía nàng:

- Em cũng không muốn có cái này nữa sao?

Naomi trả lời, giọng thật thấp và thật gấp:

- Năm phút trước đây, tôi thèm muốn nó vô cùng. Nhưng lúc này, tôi không lấy nó từ tay anh.

- Tại sao lại không? Anh muốn em có cuộn phim khôn kiếp này.

Anh chịu biết bao nhiêu rắc rối mới có được nó cho em!

Guy vừa nói vừa bước về phía Naomi và ấn hộp phim vào lòng bàn tay nàng. Tránh ánh mắt hắn, nàng cầm cuộn phim, dang thẳng tay ném thật mạnh về phía thùng thiếc đựng giấy loại. Hộp phim va trúng một bên thùng rác và bật tung. Cuộn phim bung thẳng ra như con rắn quẫy lộn trên mặt thảm trải sàn. Không dừng lại để mặc cho xong quần áo, Naomi bước lẹ về phía cửa. Một tay ôm áo, một tay đặt lên núm cửa, nàng dừng bước, nói mà không ngoái lui:

- Guy ạ, tôi không muốn anh nghĩ là tôi đang phán xét anh vì tôi không có ý phán xét - phần của anh thì anh tự làm lấy. Chính những hành động của tôi làm cho tôi cảm thấy ghê tởm bản thân mình.

Không quay mình lại, Naomi mở cửa và bước ra hành lang. Guy kêu tên nàng dồn dập hơn nhưng nàng làm như không nghe, vội vàng đi một mạch về phòng mình. Hai mảnh của chiếc nịt vú bị bút tung vẫn còn treo lơ lửng trên bộ ngực trần.

- HẾT TẬP III -

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

TẬP IV - Phần VII - 1 -

Quyết định của Tổng Thống Kennedy nhằm khuyến khích và hỗ trợ việc lật đổ Tổng Thống Ngô Đình Diệm tỏ cho thấy một bước ngoặt định mệnh trong sự can dự của Hoa Kỳ vào Việt Nam. Ba tuần lễ sau cuộc đảo chánh, vào ngày 22.11.1963, bản thân vị Tổng Thống Mỹ ấy cũng bị ám sát. Tiếp theo đó là ba năm xáo trộn và kinh hoàng của Miền Nam.

Hội Đồng Quân Nhân Cách Mạng của tướng Dương Văn Minh giải tán quốc hội, bỏ hiến pháp. Ngay sau hôm đảo chánh 1.11.1963, chương trình Ấp Chiến Lược bị hủy toàn bộ, như lời vị tướng cầm đầu phe đảo chánh tuyên bố: “Ấp Chiến Lược không cần thiết, không ích lợi, những hàng rào quanh ấp là hàng rào nhà tù.” Sau ngày đó, tình hình an ninh Nam Việt Nam suy sụp hẳn.

Cộng Sản làm chủ nông thôn; hệ thống giao thông đường bộ bị cắt vụn; cơ sở hành chánh và dân vệ cấp xã áp gần như tê liệt toàn bộ. Bên cạnh đó, mạng lưới biệt kích được Ngô Đình Diệm rải ra Miền Bắc để thu thập tin tình báo cũng bị vỡ. Từ nay, muốn có tin tức, “người nhái” biệt hải của Mỹ phải tìm cách đổ bộ vào duyên hải Miền Bắc, bắt cóc người dân hoặc cán bộ sống ở đó, đem ra tàu đậu ở ngoài khơi. Nạn nhân bị khai thác ấy chỉ có thể còn sống và được thả về địa phương nếu chịu xé cờ đỏ sao vàng, dẫm lên hình của Hồ Chí Minh và thề chấp nhận sẽ hợp tác.

Chính phủ của tướng Dương Văn Minh chỉ kéo dài được ba tháng thì bị lật đổ bởi một hội đồng quân nhân khác. Lần này kẻ làm “chỉnh lý” là Nguyễn Khánh, nguyên tư lệnh Quân đoàn II. Ông cáo giác rằng Minh Cờ chịu ảnh hưởng của mấy viên tướng do Pháp đào tạo như Trần Văn Đôn, Tôn Thất Đính, Mai Hữu Xuân, Lê Văn Kim... có khuynh hướng trung lập hóa Nam Việt Nam theo chủ trương của De Gaulle, Tổng Thống Pháp. Trong vòng 18

tháng tiếp đó, diễn ra một chuỗi sôi động với năm cuộc đảo chánh và phản đảo chánh, cùng với tình trạng hoang mang bất ổn, xuất hiện những chính quyền kế tiếp nhau nhanh như chớp và bất lực. Thừa thế xóc tới và có thanh thế thêm nhờ kết quả cuộc vận động lật đổ Diệm, Phật giáo bành trướng thành một lực lượng đáng sợ với tham vọng khống chế chính quyền các cấp. Tại các thành phố, việc truy lùng dư đảng Cần Lao, những cuộc biểu tình, bãi khóa công khai chống cả Mỹ lẫn chính phủ, xảy ra hằng ngày và trở thành quen thuộc. Cuộc đấu tranh cho dân tộc và đạo pháp của Phật giáo đi quá đà, bị lũng đoạn bởi các phân tử cư sĩ, giáo sư và sinh viên đại học Huế khuynh tả thời thượng, nguy hòa, hoạt đầu hoặc phiêu lưu chính trị, v.v. đưa tới việc thành lập Hội Đồng Nhân Dân Cứu Quốc rồi Lực Lượng Tranh Thủ Cách Mạng. Hai tổ chức này có những hành động vô chính phủ, bạo động và khủng bố tại căn cứ địa ở Huế và Đà Nẵng cùng các tỉnh duyên hải miền trung và Sài Gòn, khiến chính quyền trung ương phải cử đại diện ra Huế điều đình. Cuối tháng Tám năm 1964, xảy ra một biến cố bi thảm trong đó các tín đồ Phật giáo và Công giáo đụng độ nhau, chém giết nhau trên đường phố tại Đà Nẵng, Qui Nhơn và thủ đô Sài Gòn. Qua năm 1965, có bằng chứng các tỉnh thị bộ Cộng Sản, ngoài việc nhanh chóng khai thác tình trạng xung đột và hoang mang đó, đã cài được cán bộ thành vào hàng ngũ lãnh đạo các cuộc xuống đường đấu tranh cho “dân chủ và hòa bình” ở Đà Nẵng và Huế. Đặc biệt ngày 6.6.1966, từ Huế, TT Thích Trí Quang vận dụng tới phương thế cuối cùng là kêu gọi gia đình Phật tử tại đó và các thành phố miền trung đem bàn thờ Đức Phật ra đặt giữa lòng đường trước mặt nhà để làm phương tiện đấu tranh và phát động chiến dịch tự thiêu.

Một phần vì tham vọng quân phiệt tạo thêm kích thích tố cho các cuộc biểu tình bãi khóa đòi hỏi dân chủ của sinh viên, một phần vì các chính phủ mới ở Sài Gòn không dám đụng tới Phật Giáo và không muốn bị cáo giác là thô bạo, sử dụng những phương pháp cảnh sát trị thời Ngô Đình Diệm nên họ chỉ đối phó nửa vời với các xáo trộn đó. Càng đấu tranh quá đà càng bất đồng nội bộ, tới cuối năm 1966, Giáo hội Phật giáo VN Thống nhất — được thành

lập đầu năm 1964 bởi 11 Giáo hội và Hiệp hội thuộc Ủy ban Liên phái trước đây trong tổng số gần 40 tổ chức Phật giáo lớn nhỏ — bị vỡ làm hai: một bên trụ sở là chùa Ấn Quang, chủ yếu gồm các Giáo Hội Miền Trung; một bên trụ sở là chùa Việt Nam Quốc Tự chủ yếu gồm Giáo Hội Miền Bắc di cư năm 1954 và Tiểu thừa Tịnh Độ Tông Miền Nam.

Vào tháng 3.1964, trong khi Hoa Kỳ chuẩn bị năm trọn quyền chỉ huy cuộc chiến, Lê Duẩn và Lê Đức Thọ cũng chuẩn bị để lần đầu tiên đưa các đơn vị quân chính qui Miền Bắc vào Miền Nam qua ngã Lào và Cambodia hông dứt điểm chiến trường. Khi Tổng Thống Diệm bị lật đổ, chủ tịch MTGPMN là Nguyễn Hữu Thọ mừng rỡ tuyên bố: “Người Mỹ đã làm dùm chúng tôi điều mà suốt chín năm nay chúng tôi không làm được” và ngày 1.11.1963 “chẳng khác nào quà tặng từ trời rơi xuống.” Hà Nội khai thác tận tình cơ hội đó. Nhận thấy thời điểm chiến thắng gần kề, Bộ Chính Trị Cộng Sản Hà Nội bắt đầu đưa người vào tiếp quản Miền Nam. Theo họ, trong tình trạng rối ren chính trị, suy thoái quân sự, và cái gọi là HDQNCM được Mỹ ủng hộ chỉ nhằm phục vụ cho quyền lợi của Mỹ và thế giới tư bản, chế độ Miền Nam đã mất chính nghĩa. Để có đủ tài nguyên theo đuổi cuộc chiến, Hà Nội vừa vay mượn vừa tiếp nhận viện trợ ồ ạt về vũ khí của Liên Xô, về quân trang quân dụng của Trung Quốc, tận dụng tối đa hải cảng Kampong Thom ở Cambodia để vận chuyển quân khí. Và như thế, góp phần đẩy cuộc Chiến Tranh Đông Dương Lần Hai vào thật sâu trong vòng quay của cuộc Chiến Tranh Lạnh toàn cầu. Trong hoàn cảnh đó, đối với Hoa Kỳ, một cuộc rút lui được người ta mong đợi đã trở nên không thể thực hiện. Dù Tổng Thống Lyndon Johnson gia tăng số lượng cố vấn Mỹ tại Việt Nam lên tới ba chục ngàn người, tới đầu năm 1965, rõ ràng Cộng Sản đang đứng bên bờ chiến thắng với hai phần ba lãnh thổ Miền Nam bị họ làm cho ung thối; chính lúc đó ông quyết định thay đổi tận gốc sự can dự của Hoa Kỳ.

Trước hết, vào tháng Hai năm 1965, Johnson ra lệnh cho máy bay Hoa Kỳ bắt đầu oanh tạc thường xuyên các mục tiêu tại Miền Bắc lẫn Miền Nam Việt Nam. Các sư đoàn quân chính qui và các đoàn

chuyên gia được Hà Nội đưa vào nam trở thành mục tiêu cho pháo đài bay B-52 của Hoa Kỳ trải thảm sát hại. Chỉ một tháng sau, không cần tham khảo ý kiến của chính phủ Sài Gòn lúc ấy do Phan Huy Quát làm Thủ tướng, Hoa Kỳ cho hai tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ đổ bộ lên Đà Nẵng; đó là đơn vị chiến đấu Mỹ đầu tiên đến để tác chiến độc lập bên cạnh người Nam Việt Nam. Từ ngày đó tới cuối năm 1965, lính Mỹ ở VN lên tới 184.314 người – với số tử trận 1.369; số bị thương 5.300. Ngoài ra, còn có sự hiện diện các đơn vị tác chiến của Nam Hàn, Thái Lan, Úc, Tân Tây Lan. Kể từ lúc ấy, với các hàng không mẫu hạm và các khu trục hạm của Hạm Đội Bảy đang tuần tra sẵn ở ngoài khơi vùng có chiến tranh, Hoa Kỳ cương quyết sử dụng sức mạnh Hải Lục và Không quân để tham chiến. Dù sự can dự ấy được xem là “có tính giới hạn” và được quyết định bằng một sự thâm lén chính trị, không thông qua lời tuyên chiến chính thức nào, cũng không cần một hiệp ước hỗ tương với chính phủ Sài Gòn.

Sở dĩ có thể thực hiện được một sự can dự như thế là do những biến cố khó hiểu xảy ra ngoài khơi Bắc Việt Nam, tại Vịnh Bắc Việt, vào tháng Tám năm 1964. Chính Tổng Thống Johnson đưa ra lời tuyên bố rằng dù không bị khiêu khích, các tuần tiểu đĩnh của Bắc Việt đã đột nhiên tấn công hai khu trục hạm Maddox và Turner Joy của Hoa Kỳ; để trả đũa “hành động gây hấn ấy của Cộng Sản”, ông ra lệnh oanh kích các căn cứ tuần tiểu hải quân và các kho xăng dầu tại Bắc Việt.

Sự tiết lộ đầy kịch tính ấy được trình bày cho các thông tin viên vào lúc nửa đêm mùng 4 tháng Tám. Trong bầu không khí đầy xúc động, ba ngày sau, Quốc Hội Hoa Kỳ gần như nhất trí thông qua một nghị quyết do Nhà Trắng soạn thảo, chấp thuận cho Tổng Thống có toàn quyền sử dụng mọi biện pháp để ngăn không cho Bắc Việt “gây hấn thêm nữa.”

Luật ấy — thường được gọi là Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt — còn ghi rõ rằng Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ xem Việt Nam là quan trọng cho lợi ích quốc gia của Mỹ lẫn hoà bình của thế giới, đồng thời nó cho phép Tổng Thống Johnson, vài tháng sau đó, khởi sự oanh tạc và bắt đầu gởi một số lượng binh sĩ tới Việt Nam — rốt cuộc

lên tới nửa triệu người — mà không cần tham khảo thêm ý kiến của Quốc Hội hoặc của nhân dân Hoa Kỳ. Về sau, người ta biết ra rằng các tàu hải quân Mỹ ấy không là nạn nhân hoàn toàn vô can và bị gây hấn, nhưng dù sao Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt cũng đã có hiệu lực tới sáu năm, cho đến khi tình cảm chống chiến tranh dâng cao tới độ sự thật bị phanh phui và rút cuộc, phải hủy bỏ nó. Cuộc chiến tranh kéo dài trên ba mặt trận: oanh tạc Miền Bắc; các cuộc hành quân của lính Mỹ, QLVNCH và các đơn vị đồng minh tham chiến; và các chương trình bình định xây dựng nông thôn Miền Nam.

Việc oanh tạc Miền Bắc leo thang dần. Nó khởi sự vào ngày Johnson ra lệnh không tập Đồng Hới và Vĩnh Linh để trả đũa vụ Vịnh Bắc Việt (4.8.1964). Tới tháng 3.1965 bắt đầu dội bom thường xuyên. Hai tháng sau đó, là giai đoạn vượt vĩ tuyến 18 đánh rộng ra bắc với số phi vụ tăng lên gấp bốn năm lần. Rồi tới cuối năm 1966, oanh tạc liên tiếp và dữ dội vào các mục tiêu quân sự ngay khu ngoại thành Hà Nội. Xen kẽ các giai đoạn oanh tạc là vài tuần lễ tạm ngừng để đưa ra các đề nghị hòa bình với Hà Nội. Johnson đề nghị nếu Hà Nội đình chỉ gửi người và vũ khí vào Miền Nam, Mỹ sẽ ngưng ném bom và ngưng tăng cường quân lực ở Miền Nam; sau đó hai bên sẽ đàm phán trực tiếp để giải quyết chiến tranh. Hà Nội trả lời bằng cách đòi Mỹ phải chấm dứt vĩnh viễn và không điều kiện việc ném bom Miền Bắc trước đã.

Chủ trương của Mỹ từ đầu tới cuối cuộc chiến là không muốn đổ bộ ra Miền Bắc vì sợ mở rộng chiến tranh sẽ gặp phản ứng mạnh của thế giới Cộng Sản, đặc biệt Trung Quốc. Mỹ chỉ gia tăng oanh kích để ngăn chặn việc việc đưa người và vũ khí vào nam, và đặc biệt oanh tạc Miền Bắc để làm cho các nhà lãnh đạo Cộng Sản tại Hà Nội tin rằng Hoa Kỳ kiên quyết đánh bại họ. Thế nhưng sự gia tăng oanh tạc không làm HCM và Bộ Chính trị ở Hà Nội nao núng. Ngược lại tình cảnh chết chóc, đổ nát khôn đốn do các cuộc dội bom gây ra lại khiến cho chế độ toàn trị tại Hà Nội đẩy mạnh tuyên truyền và xách động tới đa, làm cho nhân dân Miền Bắc càng oán hận “đế quốc Mỹ xâm lược”, đoàn kết và quyết tâm hơn bao giờ hết trong việc chống lại “kẻ thù ngoại xâm”, vốn ám ảnh

họ suốt cả chiều dài lịch sử dân tộc.

Tính tới ngày 31.12.1967, lính Mỹ có mặt tại Nam VN khoảng nửa triệu người, số thương vong trong năm là 9.353 tử trận và 99.742 bị thương. Tình hình chiến trường có phần cải thiện nhưng tương đối chậm và hầu như không có trận chiến thắng ngoạn mục nào vì chiến tranh Việt Nam không thuần túy đánh trận địa như ở Triều Tiên và nhất là, không thể tìm thấy và đánh bại một đối phương thường tìm cách lẩn tránh như ma, chờ dịp thuận tiện để chủ động chọn chiến địa. Dù được sự hỗ trợ của các tiểu đoàn chính qui Cộng Sản Bắc Việt, Việt Cộng hầu như vẫn chỉ có thể chiến đấu bằng các hoạt động theo kiểu du kích, sử dụng tới đa phương pháp tuyên truyền và khủng bố. Lính Mỹ, đồng minh và QLVNCH phải “lùng và diệt” địch; suốt cuộc chiến, một phần ba binh sĩ thương vong đều do bởi pháo kích, bắn tỉa hoặc mìn bẫy.

Trong khi đó, kể từ tháng 6.1965, sự lãnh đạo chính trị tại Nam Việt Nam dần dần ổn định, thoát đầu dưới nhiệm kỳ thủ tướng của Thiếu tướng Không quân Nguyễn Cao Kỳ và kế đó, dưới nhiệm kỳ Tổng Thống của Trung tướng Nguyễn Văn Thiệu. Tới năm 1967, Nam Việt Nam lại có hiến pháp, bầu cử Tổng Thống và quốc hội, các hội đồng tỉnh thị. Tuy nó được đánh giá như một khởi điểm có tính pháp chế cho nền Đệ nhị Cộng hòa để thoát ra khỏi chế độ độc tài quân phiệt nhưng nó tiến triển rất chậm vì Thiệu và các tướng lãnh không thật tâm xây dựng một chế độ dân chủ đủ mạnh để hỗ trợ chính nghĩa chống cộng. Bên cạnh đó, các đảng phái chính trị quốc gia thiếu trình độ và bằng lòng với việc phát triển cơ sở, chia chác chức vụ ở một số địa phương. Sự thiếu trưởng thành về chính trị khiến họ không thể đoàn kết với nhau: trong cuộc bầu cử Tổng Thống năm 1967, có tới 10 liên danh dân sự tranh cử với liên danh của hai tướng Thiệu Kỳ! Nói chung, người dân bỏ phiếu bầu kẻ đại diện cho mình vào các cơ cấu dân cử không phải vì tin tưởng hoặc ủng hộ kẻ đó; họ chỉ làm theo lời chỉ bảo của giáo hội mà mình là tín hữu hoặc đoàn thể chính trị mà mình là cảm tình viên. Vì thế, về mặt căn bản, các cấp chính quyền vẫn không thật sự phục vụ dân chúng — đặc biệt giới trí thức, sinh viên và tầng lớp trung lưu — tham những công khai và gấp bội

chính quyền của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, và họ không bao giờ tranh thủ được sự tín nhiệm và ủng hộ rộng rãi của quần chúng nông thôn.

Qua năm 1967, cùng với việc Tổng Thống Johnson tăng số lượng lính Mỹ tham chiến, ngân khoản viện trợ Mỹ dành cho Việt Nam cũng tăng theo, với các chương trình được gọi bằng những danh xưng khác nhau, như “phát triển nông thôn,” “bình định và xây dựng” hoặc “cuộc chiến tranh khác”. Chúng bắt đầu đạt được một số kết quả trong nỗ lực cách ly dân quê Nam Việt Nam khỏi ảnh hưởng tuyên truyền hoặc khủng bố của Việt Cộng. Hiệu quả hỗ trợ của các cuộc hành quân lùng-và-diệt địch của Mỹ, khai quang rừng núi bằng hoá chất diệt cỏ dại hay còn gọi là chất độc màu da cam, cùng các cuộc oanh tạc, đã đưa tới tình trạng hàng triệu người tị nạn chiến tranh, không nhà không cửa. Họ lũ lượt kéo nhau về các thành thị vốn đã chật ních người, để sống trong các khu vực tị nạn lụp xụp và nghèo nàn. Ở đó, tuy không còn sợ hãi bom đạn và khủng bố nhưng phải đương đầu với một cuộc phấn đấu mới để mưu sinh trong tình trạng kinh tế lạm phát trầm trọng, phát sinh bởi tình hình sản xuất nông nghiệp suy sụp và các chương trình viện trợ ồ ạt hàng tiêu dùng của Hoa Kỳ.

Chiến tranh được các ký giả phương tây tiếp tục trình bày một cách sốt dẻo trên báo chí và truyền hình tại Hoa Kỳ và khắp thế giới như một vùng lầy của người Mỹ và bất lực của quân dân VNCH, làm sôi động thêm các phong trào phản chiến. Trong khi trên thực tế, việc điều hành cuộc chiến đã đạt được những bước tiến nhất định. Sự ổn định chính trị tại đô thị và việc mở rộng vòng đai an ninh tại nông thôn, xây dựng lại chính quyền xã ấp cùng các hoạt động quân sự của Mỹ, QLVNCH và đồng minh khiến Hà Nội nhận thấy không còn cơ may chiến thắng bằng vũ lực hoặc khai thác bất ổn chính trị. Tuy Hà Nội vẫn tuyên truyền rằng MTGPMN đang chiếm được 3/4 đất đai và 4/5 dân số nhưng hầu hết các đơn vị từ Miền Bắc xâm nhập vào nam chỉ hoạt động lẩn khuất tại các vùng sâu và vùng xa, làm mồi cho phi pháo và những cuộc hành quân truy lùng của QLVNCH và đồng minh.

Tới cuối năm 1967, tướng Westmoreland, tư lệnh lực lượng Mỹ tại

Việt Nam, tuyên bố tình hình quân sự đang khả quan và chương trình bình định nông thôn đạt nhiều kết quả tích cực. Ông chủ trương chấm dứt giai đoạn “lùng và diệt địch” để chuyển sang giai đoạn “tảo thanh và bình định.” Phản ứng lại, Bộ Chính trị Đảng Lao Động họp và lại ra nghị quyết khẩn trương hơn:

”Chuyển cuộc Chiến tranh Cách mạng Miền Nam sang một thời kỳ mới, thời kỳ giành thắng lợi và quyết định.” Trên thực tế, song song với việc MTGPMN đang thăm dò Hoa Kỳ về việc trao đổi tù binh, mệnh lệnh ấy của Trung ương có hàm ý liệu lĩnh sửa soạn một cuộc tổng tấn công được họ tuyên truyền là để đưa tới một cuộc tổng khởi nghĩa trên khắp Miền Nam.

Cũng trong những năm ấy, con số các phi công không quân và hải quân Mỹ bị bắn rớt ngày càng nhiều trên Miền Bắc và bị bắt làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội. Khi số lượng tù binh đó ngày càng tăng thì bắt đầu lọt ra ngoài những lời đồn đãi rằng họ là đối tượng của những cuộc hành hạ dã man, kiểu trung cổ, trong quá trình “tẩy não”. Và hậu quả là nhóm nhỏ người Mỹ ấy trở thành mục tiêu cho mỗi quan tâm đầy xúc động và mãnh liệt tại Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Phong trào đòi hỏi hòa bình và chống lại sự can thiệp của Mỹ vào Việt Nam ngày càng lan rộng trên thế giới, cuốn hút vào đó các đoàn nhóm Việt kiều yêu nước, chủ lực là sinh viên Miền Nam được đi du học và không trở về tại Paris, Tokyo và Montréal.

- 1 -

Vào thời điểm có oanh tạc, đèn đóm khắp trung tâm Hà Nội phải tắt hết hoặc che chắn thật kín để ánh sáng không chút nào lọt ra ngoài. Mặt nước Hồ Gươm, quả tim của thủ đô, bát ngát và sâu lắng chỉ phản chiếu yếu ớt ánh sáng mờ mờ của bầu trời mây giăng thật mỏng khi chiếc công xa Tatra già nua, hai chục tuổi đời, khục khặc đầu máy và dí mũi thận trọng lăn bánh dọc mạn bắc bờ hồ trong một đêm hạ tuần tháng Giêng năm 1968.

Như thường lệ, giờ này đường phố thủ đô đông nghẹt nông dân Miền Bắc với xe đạp thồ, xe cải tiến và xe bò trên đó nông sản chất

thành đồng cao ngều nghêu. Nhờ bóng tối che chở, họ hồi hã tiếp tế cho thủ đô và họ gan lì không chịu nhường tắc đường nào cho chiếc ô-tô con đang bóp còi inh ỏi. Tình thế mỗi phút một khẩn trương vì ai cũng vừa nghe vẳng lại từ một chốn rất xa âm thanh o o quen thuộc của những chiếc pháo đài bay B-52 và đoàn oanh tạc cơ Cánh xòe F-105 của Mỹ, như họ đã phải nghe từng đêm suốt cả tuần nay. Tiếng máy bay làm chân họ bước nước rút, vai kê thật sát và hai tay đùn xe đẩy cộ mạnh hơn.

Trong không khí chưa hết oi bức, các khung cửa kính của chiếc xe Tiệp Khắc cũ kỹ được hạ xuống, nghiêng vào bản lề rỉ sét kêu ken két. Chẳng biết tiếng động của đàn máy bay có vọng hay không tới tai của trung úy Mark Sherman lúc này đang ngồi khom lưng nơi băng ghế sau của chiếc xe Tatra, giữa hai công an Việt Nam có vũ trang. Nhưng dù có nghe ra, Mark cũng chẳng để lộ chút dấu hiệu nào cho những kẻ đang canh giữ mình biết.

Hai cổ tay nằm yên trong còng thép. Hai mắt cá chân cột lỏng không xích sắt. Thờ ơ ngó ra ngoài cửa xe, Mark đưa mắt trông rỗng nhìn vệt bóng mờ của những đèn cùng đài quanh hồ và từng đoàn nông dân đang đua nhau lướt qua rất vội. Trên người Mark vẫn y nguyên bộ đồ bay dày và mềm, màu ô-liu, mặc từ đêm cất cánh lần cuối tại Đà Nẵng vào đầu năm 1966. Cùng với ngày tháng nặng nề trôi, bộ quần áo độc nhất mặc suốt bốn mùa xuân hạ thu đông ấy nay xơ xác, từ cổ áo xuống lai quần mòn trơ chỉ.

Ngoại hình của Mark giờ đây chỉ phảng phất đôi chút vóc dáng của viên phi công tuổi trẻ hào hoa từng hăm hở leo lên chiếc chiến đấu cơ Thần sấm Thunderchief F-105D hai năm trước.

Đầu cao nhẵn thín. Da xanh xao vàng vọt dán sát khuôn mặt hốc hác trơ xương với hai con mắt thâm quầng, thò lỏ và thụt sâu trong hai hố mắt. Vai xuôi xị. Mắt không chút sinh khí với tia nhìn lơ dờ. Hai bàn tay đeo còng chuỗi hờ hững giữa hai bắp đùi dang rộng như biểu lộ một thái độ vô vọng. Thỉnh thoảng mùi xăng Liên xô lộn cợn và ngập ngụa hơi ben-den của chiếc Tatra thốc lên làm Mark nhúm mày. Anh hình mũi, tỏ vẻ khó chịu, và sau đó, bộ mặt lại trở về vẻ hoàn toàn dửng dưng.

Ngồi đằng trước trên chiếc ghế bên cạnh tài xế, Trần Văn Kim

thỉnh thoảng ngoái đầu lui quan sát Mark Sherman nhưng viên phi công Mỹ không nhìn lại. Tuy tuổi ngoài năm mươi nhưng trên vành cao cổ của chiếc áo đại cán, bộ mặt đầy đặn của Trần Văn Kim vẫn trẻ trung kỳ lạ. Nếu Mark có thể nhìn người phụ tá cao cấp ấy của Hồ Chí Minh bằng đôi mắt của cha mình, hẳn anh sẽ nhanh chóng nhận ra trên bộ mặt cân đối và hài hòa đó dấu vết tinh anh của một gia đình từng cho ra đời một người nữ xinh đẹp tuyệt vời là Lan, em của Kim. Nhưng không chút để ý tới sự có mặt của Kim, Mark tiếp tục ngó trống rỗng vào màn đêm bên ngoài cửa xe, như suốt chuyến đi dài này anh vẫn nhìn như thế kể từ thời điểm xuất phát tại trại giam tù binh ở Sơn Tây, phía tây bắc Hà Nội.

- Trung úy Sherman này, chẳng lẽ anh không muốn biết người ta đang đưa mình tới chỗ nào sao?

Kim hỏi bằng tiếng Anh với giọng lơ lơ và suýt soát nhưng Mark không trả lời dù bị hai công an kèm cặp thọc mạnh mũi súng vào be sườn. Kim đưa tay khoát nhẹ, có ý bảo thuộc hạ đừng làm thế. Rồi anh quay mình và tiếp tục ngồi ung dung trên ghế trước.

Được che bốn phía bằng lá gồi và trên cắm tua tủa cành cây rừng, chiếc Tatra với hình thù nguy trang dị dạng, khật khưỡng lăn bánh qua một nửa chu vi của bờ hồ. Tiếp đó, xe chạy vào khu vực có mấy hàng phố thủ công nghiệp xưa cổ của thủ đô rồi hướng mũi ra một vùng ngoại ô ven đô ở phía nam. Thêm lần nữa, các đám đông dày đặc ken đầy đường làm xe phải dừng bánh. Người tài xế công an thò đầu ra ngoài cửa xe, lắng nghe tiếng máy bay. Chốc lát sau, đầu vẫn để yên tại chỗ, anh ta hỏi vọng vào:

- Chắc hẳn lại cảnh Hải Phòng, phải không đồng chí Kim?

Thay vì trả lời, Kim dỏng tai lắng nghe âm thanh máy bay kêu o o trên mây. Tiếng gầm rú nghe mỗi lúc một gần khi những phi vụ phối hợp, phát xuất từ các căn cứ của Hoa Kỳ ở Bắc Thái Lan và các hàng không mẫu hạm thuộc Đệ Thất Hạm Đội đậu ngoài khơi Biển Đông vào điểm hội tụ. Đến khi tiếng ầm ầm đột nhiên tăng mạnh hơn cũng đúng là thời điểm súng phòng không và các ụ tên lửa bố trí quanh thủ đô bắt đầu khai hỏa.

Kim điềm tĩnh ra lệnh cho tài xế cho xe tiếp tục lăn đường đi tới:

- Nghe như thế tối nay chúng nó bắn phá đúng ngay con đường

này. Mình cho xe chạy tới điểm đến càng sớm càng tốt.

Tài xế đề máy xe trở lại rồi nhấn ga. Anh ta chăm chú nhìn qua kính chắn gió khi kèm tay lái vượt quá những bóng người lúc nhúc và lơ mờ trước hai ánh đèn le lói nơi đầu xe vì bị lưới sắt bọc kín để đề phòng máy bay không tập. Dọc lề đường hai bên, cứ cách vài thước lại có một bức chân dung thật lớn của Hồ Chí Minh đang nhìn xuống, trên một tấm bảng treo giữa những bích chương in hình các o du kích Việt Nam bắn tan xác máy bay chiến đấu Mỹ bằng chỉ một phát súng trường. Thấy các chân dung và bích chương đó, Kim lại từ ghế trước ngoái ra sau và nói:

- Trung úy Sherman này, vì anh tỏ ra không để ý tới mục đích của việc chúng tôi đưa anh về thủ đô lần này nên tôi sẽ nói cho anh biết tại sao anh được đem tới đây. Anh có vinh dự được vị lãnh tụ vĩ đại và kính mến của nhân dân Việt Nam tiếp kiến. Chủ tịch Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà chúng tôi, Bác Hồ mà anh thấy chân dung được treo khắp mọi nơi ở đây, Bác muốn đích thân nói chuyện với anh.

Kim quan sát thật kỹ từ nhân của mình nhưng trên vẻ mặt tro tro của Mark không gợn lên chút quan tâm nào. Rồi trong bầu không khí im lặng tiếp đó, tiếng bom rơi vun vút từ xa nghe càng lúc càng rõ dần. Trên khuôn mặt đầy đặn của Kim lại loé lên một nụ cười tươi tắn:

- Trung úy này, có lẽ anh không tin tôi. Có lẽ anh thấy không thể nào tin nổi rằng một nhà lãnh đạo quan trọng ngàn ấy của cả nước mà vẫn tiếp tục ở lại giữa lòng thủ đô Hà Nội vào thời điểm bọn đế quốc các anh bỏ bom bắn phá cực kỳ nguy hiểm như thế này. Mà anh không tin cũng phải vì người Mỹ không thể nào hiểu nổi tính cách vĩ đại của Bác Hồ chúng tôi. Bác nhất định chia xẻ tất cả những gian nguy mà nhân dân và các đồng chí của bác đang đối mặt...

Thình lình, ánh chiếu của một ngọn lửa màu da cam chói lọi làm lòng xe sáng rực khi bom dội trúng một kho nhiên liệu cách đằng trước họ một hai dặm, làm bùng lên tia chớp thật lớn. Tài xế lập tức thắng xe ngay giữa lộ và tự động phóng như bay ra khỏi xe.

Trong một thoáng, Kim quan sát đám cháy rồi cộc lốc ra lệnh cho

hai công an ngồi nơi băng sau, trước khi anh lao người qua cửa xe phía bên mình.

Chung quanh xe, nông dân bỏ xe cộ chờ hàng, vọt lên vỉa hè và nhảy lẹ xuống hố núp cá nhân làm bằng ống bê-tông lớn và cao cỡ thùng phuy hai trăm lít, được đặt chìm thành từng dãy hai bên đường. Ngồi lọt thỏm trong lòng hố, họ thò tay kéo nắp đẩy lên đầu kín mít. Chưa đầy một phút, khắp khu vực trở nên vắng lặng, không một bóng người.

Lóng còng lồi Mark ra khỏi lòng xe, hai công an đẩy cái thân xác cao kênh và gầy nhom của anh xuống một hố cá nhân nhỏ xíu. Họ cố dè nhưng Mark không chịu ngồi sụp xuống. Người anh vẫn thẳng đơ trong bàn tay túm chặt của họ, để mặc họ muốn làm gì thì làm. Thấy không thể làm cho Mark khom lưng ngồi chồm hồm, hai công an bắt đầu hét lớn vào hai lỗ tai anh và vừa nhảy lên dè vừa trở ngược báng súng nện tới tấp lên hai vai anh. Tới khi có một đợt bom khác nổ quá gần làm đất và gạch đá rơi như mưa khắp mặt đường chung quanh, họ lật đật buông Mark ra rồi nhào xuống hai chiếc hố gần đó.

Cả hai vừa kéo kín nắp hố thì ánh chớp và tiếng bom nổ ầm ầm, rền lên như sét đánh. Gạch đá càng lúc càng bay rào rào, trúng chiếc Tatra nằm trơ vơ giữa đường. Từ dãy nhà kho nhiên liệu đang bốc cháy, ánh sáng đỏ rực làm loang lên bầu trời một màu da cam chất ngất và nóng bỏng. Mark Sherman ngược mắt nhìn lên, bộ mặt anh đanh lại, khóc liệt.

Rồi từ trong hố núp bom chỉ đào vừa vặn cho người Á Đông nhỏ thó, Mark đột nhiên đứng thẳng lưng. Anh chụp nắp hố, liệng ra xa. Chiếc nắp hố quay tròn như bánh xe, lăn qua bên kia mặt đường cho tới khi rớt xuống rãnh nước bên đường, kêu leng keng. Đưa hai nắm đấm lên trời cao vời vọi và mù mịt khói, Mark lăm nhảm gào thét với những chiếc oanh tạc cơ Mỹ đang bay khuất dạng đầu đó trên mây.

Tiếng của Mark tuôn ra từng tràng, lộn xộn, không đầu không đuôi. Không ai biết anh muốn nói gì. Chúng tự động vọt ra khỏi cổ họng. Ban đầu nhỏ hơn tiếng kêu của một loài thú, kể đó biến thành những âm thanh chửi bới mê loạn. Đôi khi tiếng la hét ấy

chìm lĩm trong tiếng ầm ầm cuồng nộ của cuộc oanh tạc. Đôi khi chúng ré lên chói tai nhưc óc trong không khí im ắng bất chợt giữa hai đợt bom. Có lần, nắp hố bên cạnh Mark bị rón rén hé lên và qua vành hố, hai tròng mắt của Trần Văn Kim giật mình đảo quanh. Rồi một đợt gạch đá khác lại văng tới tấp làm Kim phải kéo sập nắp hố của mình lại.

Khoảnh khắc sau, một cục gạch to cỡ nắm tay văng đến, đập vào trán Mark làm anh ngất xỉu. Anh gục xuống, nửa thân người dưới lòng đất, nửa thân người vất ngang miệng hố. Mark nằm không nhúc nhích trong khi tiếng gầm rú của lũ máy bay oanh tạc xa dần rồi mất hút trên mây. Và sau cùng, khi đường phố yên tĩnh trở lại, trong mấy giây ngắn ngủi, tiếng thổn thức yếu ớt của Mark là âm thanh duy nhất của con người trong trời đêm thình lạng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 2 -

Mười phút sau khi cuộc oanh tạc chấm dứt, chiếc Tatra dừng lại trước một bức tường cao, nơi cổng lớn được canh gác cẩn mật, chờ kiểm tra. Xong, xe chạy vào một sân rộng nền bằng bê-tông, nằm khuất sau một toà nhà tuy xây chưa được bao lâu nhưng không mang vẻ hiện đại, với những đường nét khắc khổ chịu ảnh hưởng lối kiến trúc âm đạm thời Staline hồi thập niên 1940.

Nơi băng ghế sau trong lòng xe, Mark Sherman đã hoàn toàn hồi tỉnh. Chính giữa trán anh, nơi bị cục gạch vỡ bắn trúng, đỏ rần và u lên một cục. Nhưng anh vẫn ngồi cù rử trong lòng ghế như trước đó, mặt dờ dẩn chẳng một chút cảm xúc. Mark thụ động để mặc công an áp tải đẩy xuống xe, dẫn qua mấy đợt cầu thang rồi xuống một tầng hầm rất sâu. Tiếp đó, qua các hành lang với hết trạm kiểm soát này tới trạm kiểm soát khác được bố trí cách quãng nhau làm thành một dãy canh phòng chặt chẽ với các toán bộ đội chính qui thuộc Quân đội Nhân dân Việt Nam vũ trang bằng súng tiểu liên xung phong AK-47. Họ nhìn Mark với tia mắt cảnh giác và thù nghịch trong khi sĩ quan của mỗi trạm cẩn thận kiểm tra giấy tờ và lệnh công tác của Trần Văn Kim.

Dưới ánh điện vàng vố, chân đeo xích sắt lỏng lỏng và mang đôi dép râu làm bằng vỏ ô-tô cũ dùng quanh năm trong nhà tù, Mark lóng ngóng vụng về lết dọc các hành lang dài như vô tận. Cứ mỗi lần đầu gối Mark sắp khụy, hai công an áp tải lại thọc mũi súng vào be sườn anh, thúc thẳng bước và lẹ lên. Trước một cửa lớn không ghi tên ban ngành công tác, không gắn phù hiệu cơ quan nhưng mỗi bên có tới bốn lính gác, người ta ra lệnh cho Mark đứng lại.

Kim gõ lên cửa hai tiếng sắc và rõ rồi một mình đi vào. Mark đứng chờ trong tia mắt gườm gườm đầy căm hận của tám lính gác, như

thể họ phải dần mình lắm mới không nhảy xổ vào rạch da cắt thịt anh ngay tại chỗ. Mark ngược lại không chú ý tới họ. Anh vẫn đứng, đầu cúi xuống, hai cổ tay bị còng buông ơ hờ trước thân mình. Thậm chí sau khi được lính gác dẫn vào bên trong và cửa đóng lại đằng sau, Mark cũng không ngược mặt. Anh vẫn cúi đầu tiếp tục nhìn trống rỗng xuống sàn xi-măng.

Trong hầm nhà, đằng cuối phòng, có hình dáng một người Việt Nam lớn tuổi, da nhẵn nhéo. Ông ngồi nghiêng đầu, một tay cầm điều thuốc lá cháy dở, một tay viết nắn nót trên một tờ giấy có kẻ ô, giữa các xấp hồ sơ nằm rải rác, vô trật tự trên mặt chiếc bàn dài lớn và bóng loáng, loại dùng cho nhiều người họp chung. Không khí trong căn hầm với những chai bia màu xanh cao cổ và những chiếc ly cạn tới đáy, chưa được dọn dẹp, cùng mấy chiếc ghế có lót nệm mút nằm không ngay ngắn như tỏ cho thấy vừa kết thúc một cuộc họp cấp bộ lãnh đạo chớp đỉnh. Trên vách đằng sau ông lão, treo bức chân dung đen trắng của Lenin nghiêm nghị nhìn xuống căn phòng với đôi mắt bừng bừng nhiệt tình cách mạng và chòm râu vênh ra đầy khiêu khích dưới cái miệng vuông vắn, cương nghị.

- Đi!

Một lính gác thúc mũi súng tiểu liên đẩy Mark Sherman bước tới trước, và ra lệnh cho anh đứng lại cách bàn họp mấy bước. Suốt một phút ông lão tiếp tục viết, không nhìn lên. Sau cùng, ông đặt bút xuống. Rồi với vẻ hiền từ, ông chậm chậm vẫy tay ra hiệu cho lính gác đứng tránh qua một bên.

Lúc ấy, lần đầu tiên Mark nhướng mắt nhưng không tỏ dấu hiệu nào cho biết anh đã nhận ra vẻ mặt vàng vọt héo hon với bộ râu thưa đó là của một người mà danh tính đã trở thành một vật thể biểu tượng và gây hứng khởi trên khắp thế giới cho những kẻ thích trở thành người cách mạng, còn hơn bức chân dung của Lenin trên bức vách đằng sau ông ta.

Trái ngược với vẻ mặt oai vệ của Lenin trên bức hình, nhà lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam cao niên này trông có vẻ mỏng mảnh và tầm thường. Da ông rần rần như một tờ giấy thời cổ làm bằng da thuộc. Lồng ngực dẹp lép khiến chiếc áo bốn túi làm bằng vải bông rộng

thùng thình, trông như chiếc áo bù nhìn giữ ruộng, máng lỏng không trên đôi vai xương xẩu. Chỉ có hai con mắt dường như vẫn lưu giữ mọi tia lửa của sự sống. Đôi mắt ấy sáng quắc và hàm chứa một quýe tâm sắc bén và quyền biến khác thường. Chúng dường như hút hết mọi ánh sáng và năng lượng của căn phòng vào trong những tia nhìn không chút dao động. Đặc biệt, khi nhìn sâu vào đôi mắt ấy, người ta không đoán được cái gì đang đọng lại trong đáy tâm tư ông. Lúc đôi môi của ông lão hé mở, bộ mặt có vẻ dừng đọng ấy đột nhiên biến đổi hẳn nhờ nụ cười chan chứa thân tình và ấm áp.

Đằng sau khói thuốc lá quyện thành vòng, ông lão tiếp tục mỉm cười. Rồi với ngón tay gầy guộc, ông gõ nhẹ nhẹ vào một tờ giấy khác trên bàn và nói bằng tiếng Anh. Giọng ông rõ ràng, tự tin:

- Trung úy Sherman ạ, thân phụ của anh có viết cho tôi một bức thư. Anh ngồi xuống nhé.

Lính gác thận trọng nhắc mũi súng và bước lên trước khi người Mỹ lê tới chiếc ghế ông lão chỉ. Nhưng thêm lần nữa, ông nhẹ nhàng vẫy tay ra hiệu cho lính gác lùi lại một hai bước.

Tiếp tục mỉm cười, Hồ Chí Minh đẩy một bức hình nhỏ màu nâu đen qua mặt bàn bóng loáng:

- Kèm với bức thư thăm hỏi, cha của anh còn gửi bức hình đã chụp chung với chúng tôi. Lúc chụp hình này, tuổi của ông ấy không lớn hơn anh bây giờ bao nhiêu. Anh biết không, thuở đó chúng tôi là bạn thân của nhau. Tôi vẫn nhớ mãi khuôn mặt đáng mến của ông ấy, và lúc này tôi có thể thấy là hai cha con anh rất giống nhau.

Đang đứng lặng yên một bên ghế của Hồ chủ tịch, Trần Văn Kim bước vòng ra đằng sau ông, nhìn xuống bức ảnh và xem xét nét mặt người thanh niên Mỹ trong ảnh. Trong bức ảnh, Hồ Chí Minh lúc năm mươi lăm tuổi, đang cười thoải mái với một nhóm nhân viên OSS giữa một bãi đất trống trong rừng vào tháng Tám năm 1945. Những người Mỹ trong ảnh đội mũ lưỡi trai mềm, mặc quần cụt, chân mang ủng đi rừng, và Joseph Sherman đứng cười tươi tắn sát bên vai trái của Hồ Chí Minh.

Hồ chủ tịch thở ra nhẹ nhẹ và nói:

- Những ngày ấy đối với chúng tôi thật đáng ghi nhớ. Tôi giúp cho

cha anh trở về đơn vị sau khi ông bị quân Nhật bắn rơi, rồi sự hỗ trợ mà ông đáp tạ chúng tôi cũng thật vô giá. Nhưng buồn thay và đáng tiếc thay, sự hợp tác mật thiết ngàn ấy giữa hai xứ sở chúng ta lại chẳng kéo dài được bao lâu!

Mark Sherman nhìn chăm chặp bức hình của cha mình rồi đắm đắm ngó Hồ Chí Minh. Giữa các tù binh Mỹ gan góc, tên của nhà lãnh tụ Miền Bắc này bị họ nhắc tới khi nói với nhau và cố tình đọc trại đi ngay trước mặt những kẻ hành hạ mình, là “*Horse Shit Man: Lão Cứt Ngựa*”, hiểu theo tiếng lóng là “Gã ba xạo”; và vì sự xỏ xiên, nhục mạ cố ý đó, lần nào họ cũng bị trừng trị thể thảm. Nhưng đối với họ, việc chỉ gọi tên Hồ Chí Minh theo cách đó trở thành một vấn đề danh dự. Và lúc này, trên mặt Mark thoáng gợn nét bức bối, môi anh mấp máy một hai lần như thể sắp gọi như thế, nhưng rồi nét mặt anh thêm lần nữa rũ xuống, trở về vẻ trống rỗng quen thuộc.

Trong vài giây con mắt lấp lánh của Hồ Chí Minh chăm chặp dò xét Mark rồi môi lại nở nụ cười âm ập. Đưa tay khui một trong mấy chai bia Trung Quốc để sát bên cạnh, ông rót, bọt bia sủi ngập vành ly. Ông đẩy ly bia sóng sánh màu hổ phách tới trước mặt Mark rồi rót một ly khác cho mình.

- Thật là một thảm kịch lịch sử khi nước Mỹ rút lại bàn tay hữu nghị đã được hoan hỉ đưa ra năm 1945. Thay vào đó, lúc này, nước Mỹ chỉ ấn vào tay chúng tôi thanh gươm thách đấu. Thế thì trung úy ạ, chúng ta nên uống mừng cho sự khôn ngoan của xứ sở anh trong quá khứ — chứ không cho sự điên rồ của nó trong hiện tại. Tôi hy vọng có thể một ngày nào đó, các nhà lãnh đạo xứ sở anh sẽ khôn ngoan trở lại.

Hồ Chí Minh đưa bàn tay xương xẩu lên, ra hiệu mời người Mỹ uống. Nhưng Mark trơ mắt ngó lại ông, không sờ tới ly bia trên bàn.

Ông lão uống ừng ực ly bia của mình, nghe ròn rột, rồi chỉ vào cục u trên trán Mark:

- Tối nay, anh thấy đó, chuyện thật trở trêu, phải không? Bom của đồng đội của anh suýt giết anh chết trên đường tới đây. Còn tôi chỉ muốn gặp anh cho thỏa tình nghĩa của tôi đối với một chiến hữu cố

cựu và cốt để cảm thấy yên tâm về sự an toàn của anh.

Sau lưng ghế của Hồ Chí Minh, Trần Văn Kim kín đáo đưa tay ra hiệu về phía người lính gác thứ hai đứng tận đầu phòng đằng kia.

Anh ta quay mình và lặng lẽ bước ra ngoài. Hồ Chí Minh lại mỉm cười với Mark nhưng lần này mặt ông lộ vẻ cứng rắn và không một chút nhượng bộ:

- Anh đã có hai năm nghiền ngẫm về sự điên rồ trong các hành động của xứ sở anh, phải không? Cho tới lúc này, anh đã được học tập đầy đủ về chúng tôi để biết rất rõ rằng chúng tôi có chính nghĩa. Nói cho cùng, chúng tôi chiến đấu đã ngàn năm cho nền độc lập của mình. Và chúng tôi phải làm cho các anh tin rằng ngày nào chưa chiến thắng, ngày đó chúng tôi còn chiến đấu.

Trong một chốc Hồ Chí Minh ngừng nói, đưa mắt chiêu dụ nhìn vào bộ mặt của Mark:

- Chính tại quê nhà anh, có những đồng bào của anh đã càng ngày càng nhận thức rõ rệt rằng Hoa Kỳ phải từ bỏ cuộc chiến tranh xâm lược kiểu thực dân mới của nó. Từ khi anh nằm trong nhà tù của chúng tôi tới nay, đồng bào của anh đã nhận ra rằng rốt cuộc, chắc chắn nhân dân Việt Nam sẽ hoàn toàn chiến thắng. Anh có thể tiếp tay thúc đẩy cho quá trình đó diễn ra nhanh hơn và hạn chế những đau khổ của bản thân anh và của những người như anh nếu anh công khai tố cáo sự điên rồ của xứ sở anh.

Phản ứng duy nhất của Mark là ngồi khòm người xuống thấp hơn trong lòng ghế. Nhưng ngay lúc đó, sự yên lặng ấy bị phá vỡ bởi tiếng cánh cửa sau lưng anh mở ra và tiếng chân dép của người lính gác thứ hai đang bước thật lẹ về phía họ. Khi tới mép bàn, anh ta đặt một túi vải nhỏ xuống ngay chính giữa vũng ánh đèn.

Trần Văn Kim bước tới, mở túi, dốc hết đồ vật bên trong ra và thận trọng bày ngay ngắn lên mặt bàn. Khi Kim rút tay về, mọi người thấy một bức thư chưa dán trong một bì thư chưa đề địa chỉ nằm kề mấy tờ giấy bạc nhàu nát, một khăn tay và một cái chân thú nhỏ xíu, phủ lông mượt mà, móc vào một sợi dây chuyền mỏng mảnh và đẹp, bằng vàng.

Kim nói thấp giọng:

- Thưa Bác, đây là những món đồ trong người thằng trung úy

Sherman mà ta soát thấy khi nó bị bắt.

Chúi mình tới trước, Hồ Chí Minh cầm lá thư, chòm râu dài và bạc quét lên mặt bàn. Ông mở thư ra đọc. Xong ông nhìn thẳng vào mặt Mark:

- Vì lý do nhân đạo và để đáp ứng lời thỉnh cầu của cha anh về anh, lúc này chúng tôi sẽ cho phép gởi đi lá thư đã được anh viết cho mẹ trước khi cất cánh chuyến cuối cùng. Ít ra việc này cũng cung cấp bằng chứng cho gia đình anh biết rằng anh vẫn sống rất an lành. Tôi tin anh sẽ hoan hỉ thấy rằng đây là một nhượng bộ phát xuất từ sự tôn trọng những công tác mà thuở trước cha anh đã làm cho chúng tôi.

Hồ Chí Minh gõ nhẹ lên bì thư để làm nổi bật lời nói của mình nhưng Mark chẳng nghe thấy gì nữa. Ánh mắt anh lúc này không còn vẻ đờ đẫn như trước. Hai con mắt nhìn hau háu vào số đồ vật ít ỏi trên bàn. Cảm giác được thái độ biến đổi của Mark, Trần Văn Kim ra hiệu cho lính gác bước lên. Nhưng khi anh ta chưa tới sát bên Mark, người Mỹ đã đột nhiên phóng mình lên khỏi ghế.

Hai bàn tay bị còng của Mark vươn như điên trên mặt bàn cho tới khi vớ tới món đồ nhỏ bé đầy lông. Chưa kịp kéo nó về phía mình anh đã bị lính gác lẹ làng mở khuy bao da súng lục, rút súng ra, trở ngược báng súng nện xuống mấy đốt ngón tay của anh. Cùng với cử động đó, từ đằng sau, anh ta cung tay kẹp chặt cổ Mark. Nhưng dù bị nghẹt thở, ú ớ, hai mắt lồi lên trắng dã dưới sức ép của thế khóa, người Mỹ vẫn không buông chiếc bùa ra.

- Vật gì thế?

Lớp giấy da thuộc trên mặt ông lão nhăn lại thắc mắc khi ông nóng nảy hỏi Kim bằng tiếng Việt. Kim trả lời:

- Thừa Bác, cháu nghĩ đó là cái chân thỏ. Theo biên bản thẩm vấn, thẳng trung úy Sherman sau cùng đã thừa nhận rằng nó lúc nào cũng đeo cái chân đó trong người, suốt các phi vụ, từ khi cất cánh cho tới khi hạ cánh. Ở bên tây, người ta tin rằng những vật như thế mang lại may mắn cho họ.

Nghe vậy, gã lính gác đột ngột vung cánh tay còn lại chụp bàn tay Mark, cạy bật các ngón tay của anh ra rồi vặn ngược bàn tay anh lại, vô lấy chiếc chân thỏ. Nhếch mép cười thắng lợi, anh ta ném

chân thỏ lên mặt bàn. Nhưng dù hai tay bị còng chặt, Mark vẫn quẫy lộn như điên, vùng được người ra. Thêm lần nữa anh lao mình lên mặt bàn, cố sức chụp lại chiếc chân thỏ. Nhưng người lính gác thứ hai đang đứng nơi cửa phòng lật đật chạy tới, nhảy lên người Mark. Phải lựa thế lắm hai bộ đội người Việt mới vật được người Mỹ xuống sàn nhà, vừa khóa anh nằm không cựa cựa vừa thở hồn hển.

Trong một lúc Hồ chủ tịch đứng lặng yên quan sát, mắt lim dim nhìn xuống cả ba con người ta nằm yên quần lầy nhau như trong một sói vật. Kế đó ông quay sang Kim:

- Tình hình cải tạo của trung úy Sherman như thế nào?

Kim nghiêng mình ghé sát tai ông:

- Thừa Bác, nó là thằng ngoan cổ nhất trong tất cả những thằng Mỹ ta bắt được. Suốt chín tháng nay, nó có thể chống lại hết thầy các kỹ thuật thuyết phục của ta. Từ lúc bị ta bắt tới nay, nó bị biệt giam liên tục. Suốt ba tháng vừa qua, kể từ lúc Bác nhận được thư của cha nó, ta phải đưa nó vào chế độ canh giữ sát nút hăm bốn trên hăm bốn giờ để đề phòng nó tự sát.

- Và chính xác, chú Kim này, chú dự tính xử lý nó ra sao? Cho tới lúc này chú chỉ mới nói với bác là chú nghĩ ta có thể sử dụng nó như một công cụ đặc biệt.

- Cháu nghĩ, có lẽ cách khôn ngoan là ta ban phát lòng nhân đạo có kèm theo mục đích tuyên truyền.

Dưới sàn nhà, Mark vẫn gào la khản giọng trong thế kẹp cứng của hai lính gác rành võ thuật. Ngừng một chút Kim nói tiếp, vẫn nhỏ nhẹ:

- Thừa Bác, vào đúng lúc, thế thôi. Sáu tháng nữa chúng ta có thể thả hấn ra — nhưng trong khoảng thời gian từ đây tới đó, Bác cho phép cháu được tự mình giám sát cách riêng việc giam giữ nó.

Cháu đã nghiên cứu tỉ mỉ trường hợp của nó. Cháu tin rằng nếu ta xử lý nó đúng cách, nó sẽ cho thấy nó là vốn liếng cực quý cho những người Mỹ đang vận động chấm dứt chiến tranh.

Ông lão Việt Nam gật đầu và thở phào:

- Đồng chí Kim ạ, chú nổi tiếng thiên tài trong vấn đề này nên bác không tranh luận với chú. Cứ theo ý chú mà làm y như thế.

Kim mỉm cười biết ơn rồi ra hiệu hai lính gác lôi Mark đứng lên. Thêm lần nữa anh nghiêng mình sát vai ông lão, thì thầm vào tai ông. Hồ chủ tịch gật đầu, quay lại bàn cầm chiếc chân thỏ lên. Trong vài giây ông chiếu cặp mắt sắc sảo của mình vào bộ mặt của Mark đang nghiêng chặt răng. Rồi tay ông uốn nắn kiểm tra chiếc chân thỏ hai ba lần trước khi gật đầu ra hiệu cho lính gác buông Mark ra. Khi cả ba lùi lại, mắt ông lão không còn bùng bùng mà miệng tum tum cười. Ông cầm chiếc bùa, dịu dàng đưa về phía người Mỹ.

Đăm đăm nhìn Hồ Chí Minh một hồi lâu, mặt Mark căng thẳng phân vân, rồi anh ngập ngừng bước tới. Sau khi đưa mắt nghi kỵ nhìn bộ mặt nhăn nheo ấy lần cuối, Mark giắt lẹ chiếc chân thỏ và áp chặt nó giữa hai bàn tay bị còng. Ông lão tiếp tục mỉm cười với Mark thêm vài ba giây, như một người bác thân yêu ngắm nghía đứa cháu ruột rất thương mến của mình. Rồi nụ cười ấy đột ngột tắt ngúm và Hồ Chí Minh đưa tay khoát lui ra. Xong ông về lại ghế, lập tức vui đầu bận rộn với đồng hồ sơ giấy tờ như thể lúc này, trong phòng chỉ có một mình ông.

Trên đường giải tới xà lim mới dành đặc biệt cho mình tại Hỏa Lò, trung tâm giam giữ phạm nhân của Sở Liêm Phóng thời Pháp thuộc ngay giữa thủ đô Hà Nội, bàn tay túm chặt chân thỏ của Mark cứ co giắt liên tục trong bóng tối nơi băng ghế sau của chiếc Tatra. Mặt của Mark khi dãn ra khi rúm lại theo cử động các ngón tay hết bóp lại nơi của mình. Đôi khi anh đâm chiếc chân thỏ vào cườm tay, mạnh tới độ mấy vuốt thỏ nhỏ bé cào anh rướm máu. Cuối cùng, khi bị bỏ lại một mình trong bóng tối đen như mực của xà lim biệt giam dùng để trừng trị tù nhân phạm kỷ luật, Mark ngồi xồm trên sàn xi-măng. Chúi đầu kẹp giữa hai đầu gối, anh thu mình lại như thai nhi nằm trong bụng mẹ. Miệng anh mút mũi chân thỏ phủ đầy lông như thể đó là một núm vú giả cho trẻ con ngậm. Không để ý tới lũ chuột đang chạy riu rít, được giám thị cố ý thả vào qua một lỗ nhỏ dưới sàn, Mark ngồi nhún nhún người, chúi tới ngửa lui như thể trong một hồi lâu. Anh thì thầm rên rỉ với chính

mình, cho tới sau cùng, anh buông mình ngã xuống trong giấc ngủ mê mệt.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 3 -

Cách Hà Nội một ngàn bảy trăm cây số ở phương nam, trong khi đưa con trai thứ của mình mệt lã ngã người ngủ chập chờn trong một xà-lim tồi tệ, Joseph Sherman bước đi trên những con đường đầy bóng tối của Sài Gòn và cố giữ cho con mắt tâm trí đừng ngó thấy những bóng ma quá khứ đang như ẩn như hiện, ám ảnh từng góc đường.

Đã mười hai năm, đây là lần thứ nhất Joseph quay lại thủ đô của Miền Nam. Tiếng gầm rú không ngớt và tình trạng hỗn độn cực độ do các nỗ lực chiến tranh của Hoa Kỳ khiến Sài Gòn thay đổi tới độ gần như không còn có thể nhận ra. Nhưng mắt anh chẳng cảm thấy xôn xang chút nào khi nhìn hoạt cảnh đó vì lòng đang bồi hồi xúc động theo những hoài tưởng quá khứ, sau một quãng thời gian xa cách quá dài và nay mới được đặt chân trở lại.

Bước sóng đôi trên vỉa hè đường Công Lý bên cạnh dáng người nhỏ thó của Trần Văn Tâm, Joseph gần như không thấy vẻ ngoài Dinh Độc Lập rất hiện đại của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, nổi bật đằng sau những tấm lưới chống hỏa tiễn B-40 giăng quanh khuôn viên. Thêm vào đó, trên quãng đường trước mặt dinh, lính phòng vệ đặt rào gỗ ngăn không cho các loại xe có động cơ và trên ba bánh qua lại, khiến nó có vẻ cô lập và đáng sợ.

Nhưng khi nhìn xuyên qua những lỗ lưới mắt cáo, thấy các bãi cỏ rộng mênh mông và đầy bóng tối được các chuyên gia thiết kế vườn bố trí quanh cái dinh thự vĩ đại, nguyên thủy là của Toàn quyền Đông Dương thuộc Pháp, Joseph lại liên tưởng tới một cậu bé mười lăm tuổi thuở nào. Đêm ấy, ngượng ngịu trong bộ lễ phục dạ hội trắng tinh mặc lần đầu trong đời, cậu đã lao như điên qua sân thềm cẩm thạch nơi dinh thống đốc Nam kỳ ngày trước, nay là dinh Tối cao Pháp viện, cách nơi này ba trăm thước, hòng

cứu chiếc độc bình Trung Hoa vô giá sắp bị rơi vỡ bởi một chú khi con chui tuột vào đó.

Joseph cũng thấy hiện lên trong tâm trí cảnh vị sứ thần nam triều tại Sài Gòn, mặt tuy điềm đạm nhưng lòng thường bút rứt, thân phụ của người lúc này đi bên anh, kinh hoảng đứng trên thềm cao của dinh thự ấy khi anh ló mình ra với con vật đang vùng vẫy vì bị ôm chặt vào chiếc áo dạ hội rách bươm của anh. Và cũng từ chốn sâu thẳm tận đáy tâm thức của Joseph chợt hiện lên nét thơ ngây tới độ bí nhiệm và vẻ rạng rỡ trên khuôn mặt mười tuổi của đứa con gái vị quan kia khi cô bé tròn xoe mắt, nhìn cậu bé ngoại quốc xa lạ vừa cứu cho con vật yêu quý của mình thoát án chết.

Liếc Trần Văn Tâm thật lạ, Joseph tự hỏi không biết người Việt Nam này có cảm nhận được tâm trí anh đang tràn ngập những hoài cảm chất ngất ấy không. Mắt Tâm mãi miết nhìn theo một đoàn xe GMC của quân đội VNCH âm âm lẫn bánh trên đường Pasteur.

Đôi môi làm thành cái miệng nhỏ như con gái của anh ta chu lại tỏ vẻ gớm ghiếc khi ở đằng xa, đoàn xe tải đó vừa chạy vừa bóp còi inh ỏi và phun khói mù mịt làm cả một quãng đường bị khuất lấp trong vùng khói xám dày đặc.

Không ai bảo ai, cả hai cùng rẽ qua đường Tabert cũ, đi về hướng Câu lạc bộ Thể thao ở một góc vườn Tao Đàn, nơi chiều nay Joseph vừa khám phá khách lui tới thời nay gồm các chủ đồn điền người Pháp mặt mày khinh khỉnh, các viên chức người Mỹ nói cười huyên náo và các thương gia người Việt lẫn người Hoa Chợ Lớn rất nhũn nhặn, cùng nhau quần tụ thành một xã hội hỗn tạp và chối nghịch. Dù không còn chút dấu vết nào của sự độc quyền thuở trước dành cho các tây thực dân quyền cao chức trọng nhưng ngay lúc hai cổng vào hai đầu Câu lạc bộ xuất hiện trong tầm mắt của Joseph, hình ảnh thơ mộng với chiếc xe thổ mộ nhỏ nhắn năm nào, khi anh đưa Lan về nhà nàng sau trận chung kết quần vợt, lại lọc cọc lẫn bánh trong tâm tư Joseph khiến anh cảm thấy ruột mình đau thắt và buồn thấm thía.

Dù chỉ mới quay lại Sài Gòn có ba ngày nhưng ngay trước khi máy bay chạm bánh lên phi đạo Tân Sơn Nhất, những hình ảnh xa xưa ấy đã bắt đầu sống động trở lại trong tâm trí Joseph. Suốt hai mươi

bốn giờ phi hành từ Washington, Joseph hầu như không phút nào chớp mắt. Khi chiếc máy bay Boeing của hãng Hàng không Pan Am bắt đầu lướt thật dài và thật êm qua một ngã ba sông của dòng Cửu Long chín nhánh xoè ra như những đường gân lấp lánh bạc của một bàn tay, anh bắt gặp xa xa và thấp thoáng hai đỉnh tháp sóng đôi của Nhà thờ Đức Bà Sài Gòn. Lập tức, Joseph nhớ lại hai cột mốc dẫn đường hải hành ấy đã, hơn bốn mươi năm trước, huyền ảo như hai tai thỏ giấu mình rồi trôi lên hụp xuống khắp bốn hướng rừng khi con tàu Avignon chậm chậm uốn mình chạy theo dòng sông Lòng Tảo ngoằn ngoèo.

Tuy thế, khi đặt chân xuống mặt đất, Joseph thấy Sài Gòn nay chỉ còn lưu giữ vài ba dấu tích ngày cũ. Thành phố vẫn còn nguyên không khí ẩm ướt quen thuộc khiến con người như ngầy ngầy sốt, nhưng ngày nay, khói xăng ngọt ngạt dường như lúc nào cũng làm cho cổ họng nghèn nghet. Chuyến đi từ phi trường Tân Sơn Nhất tới khách sạn Continental Palace đã hoá thành một cơn ác mộng vì xe phải chạy qua những ngã tư ngã ba kẹt cứng người đi xe và đủ thứ tiếng động, đủ loại khói xe.

Vẫn tồn tại những chiếc xích-lô với các phu đạp xe người Việt gây guộc không kém các cu li kéo xe tay thời thuộc địa. Còn luôn cả những chiếc tắc-xi Renault nhỏ bé sơn xanh với trắng cùng một ít xe Citroën và Peugeot xộc xệch, tài sản của những tây thực dân người Pháp thuở nào. Nhưng lúc này, những chiếc xe hơi nhỏ bé ấy bị khuất lấp bởi từng đoàn xe tải to lớn, dài thườn thượt, kéo rơ-moóc của quân đội chạy đè lên chiếc bóng của hàng trăm xe hơi nhỏ Chevrolet, Pontiac và Mercury của viên chức các cơ sở ngoại giao nhiều nước và các phái bộ Hoa Kỳ.

Các thanh niên thiếu nữ người Việt trên những chiếc Lambretta và Honda máy nổ ròn rã, len lõi lách mình, khi rúc vào khi lạng ra khỏi đám xe cộ hỗn tạp. Và Joseph cảm thấy khoan khoái vì vẫn còn nhiều thiếu nữ mặc chiếc áo dài tha thướt và đầy quyến rũ. Thậm chí một số cô còn che mặt bằng khăn lụa để tránh hít phải khói xe ngọt ngạt. Tà áo họ trôi nổi bồng bềnh giữa những dòng xe cộ ngược xuôi với vóc dáng mảnh mai mượt mà từng làm cậu bé Joseph mười lăm tuổi như say như ngây khi lần đầu tiên ghé lại Sài

Gòn bốn mươi hai năm trước.

Rồi chẳng bao lâu, Joseph lại khám phá ra rằng cái tắt bật hồi hả thời chiến đã làm biến mất giấc ngủ trưa của Sài Gòn. Ngay cả sự thỉnh lặng trong quãng thời gian giới nghiêm dài bốn giờ, bắt đầu từ nửa đêm, cũng bị lấy mất bởi những đoàn xe tải quân đội gầm rú, chạy ào ào và bất tận, qua những đường phố không một bóng người.

Tới mười hai giờ trưa, một số chủ tiệm vẫn kéo cửa sắt xuống trong khoảng một hai giờ nhưng những quán rượu đèn nê-ong sặc sỡ, các ki-ốt bán đồ lưu niệm loè loẹt rẻ tiền mọc lên dọc hai bên đường Nguyễn Huệ, Lê Lợi và Tự Do vẫn mở cửa để phục vụ những tốp lính Thủy quân Lục chiến được nghỉ phép, đi đông nghẹt các đường phố vốn ngột ngạt sẵn vì xe cộ. Khắp nơi mọc lên những chung cư xây cất kém chất lượng để đáp ứng nhu cầu chỗ ở cho số lượng người nước ngoài đang gia tăng hơn bao giờ hết. Joseph nản lòng khi thấy chúng dường như sẽ tẩy xóa hoàn toàn vẻ thanh lịch đang ngày càng mất dần của một thành đô Sài Gòn thời thuộc địa Pháp.

Nhưng sau cùng, Joseph cũng cảm thấy khuây khoả phần nào khi thấy ra mình được cấp nguyên một biệt thự cũ xây từ thời thực dân, bên đường Duy Tân, vì anh tới đây lần này là để giữ một chức vụ chính quyền. Sau khi suy đi nghĩ lại nhiều lần, anh chấp nhận làm cố vấn cao cấp cho JUSPAO — Joint United States Public Affairs Office: Cơ quan phối hợp các hoạt động dân sự của Hoa Kỳ, được chính thức dịch ra tiếng Việt là Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ.

Cũng ngay tại biệt thự ấy, Joseph vừa mời Trần Văn Tâm dùng cơm tối do một đầu bếp người Việt đứng tuổi, cơ hữu của biệt thự, phụ trách việc nấu nướng và dọn bàn. Mặc dù cả hai đã quen biết nhau mấy chục năm và Joseph từng có thời đi lại thân mật với Tâm cùng gia đình của anh ta nhưng gần như suốt buổi tối, viên chức cao cấp Việt Nam ấy vẫn đối đáp rất dè dặt và thường tìm cách tránh né.

Vẫn nụ cười khúc khích che đậy vẻ bối rối khi Tâm bị hỏi về những đất đai mệnh mông anh ta thừa hưởng ở đồng bằng sông

Cửu Long. Và ngay lúc đó, Joseph bỗng nhận ra rằng sự kiện Tâm vẫn được hưởng đặc quyền đặc lợi của một đại gia sau nhiều năm người Mỹ gây sức ép nhằm có một loại cải cách điền địa sâu rộng nào đó đã khiến trong thái độ của anh ta có thêm một khía cạnh thủ thế mới cho bản thân.

Tâm hiện là phụ tá bộ trưởng thông tin trong chính phủ Nguyễn Văn Thiệu. Và Joseph suy ra rằng chính địa vị đó, với sự xuất hiện ít ỏi trước công chúng và vì thế ít chịu nguy cơ về chính trị, đã và đang tự nó cung cấp cho anh ta những hiểu biết sâu xa về các cơ hội đầu cơ trực lợi trong một nền kinh tế thời chiến đang phát lên và bị tham nhũng lèo lái của Nam Việt Nam.

Bị Joseph thúc giục, Tâm thừa nhận, kèm thêm một nụ cười khúc khích bối rối nữa, rằng hiện nay anh ta có nhiều đầu tư kinh doanh khác nhau “trong mấy thứ đại khái như bất động sản, ngành xây dựng và các đại lý nhập cảng”. Mặc dù tiết lộ như thế, thái độ của Tâm vẫn giữ kẽ, như thể anh ta biết chắc chắn rằng không sớm thì muộn thế nào cũng sẽ có ngày và có người đặt ra cho mình một câu hỏi khó chịu nhất.

Thế nhưng câu hỏi đang được Joseph canh cánh và rất thèm dặt ra cho Tâm lại chẳng liên quan chút nào tới việc kinh doanh và kinh nghiệm quan lại của gia tộc cùng lợi thế chính trị hiện nay của Tâm. Anh dần lòng cho đến khi cả hai nhấp ly rượu mùi Pháp trên thềm nhà và hít vào thật sâu hương đêm đậm đà trong khu vườn đầy bóng tối quanh biệt thự. Lúc đó, người Mỹ mệt mỏi với các câu hỏi về nội các mới, hiến pháp vừa được ban hành, quan điểm của Tâm về chương trình bình định... và tới lượt người Việt Nam nhiệt liệt khen ngợi Joseph về món chả giò của bác đầu bếp cùng mùi vị tinh khiết của rượu Pháp anh ta vừa được thiết đãi.

Rồi Joseph cũng tìm cách đặt được đặt câu hỏi đó. Khi nghe nhắc đến tên Tuyết, Tâm lại rơi vào im lặng, lâu tới độ Joseph có cảm tưởng anh ta không muốn đề cập đến vấn đề đó. Sau cùng, Tâm trả lời. Không ngó Joseph, mắt chỉ nhìn chăm chú vào bóng tối trong vườn. Và dù làm như thế, anh ta vẫn để lộ vẻ bối rối trong cung giọng. Ém hơi thở, Tâm nói rất nhẹ:

- Tôi không biết cụ thể hơn những gì tôi từng kể với anh hồi năm

1956. Giản dị là con gái của anh biến mất — gần như không để lại dấu vết nào.

Joseph hỏi lại với giọng nói không giấu nổi chút hy vọng le lói:

- Anh nói “gần như”, vậy có nghĩa kể từ lúc đó, anh có đôi chút tin tức về nó?

Người Việt Nam lại rơi vào im lặng và ngồi trầm ngâm như suy tính. Joseph mừng rỡ thấy trán anh ta cau lại:

- Vài tin tức cụ thể và rất nhiều lời đồn không thể kiểm chứng. Và vì Tuyết đã quyết định triệt để trung thành với phía bên kia nên xin anh biết cho rằng cả nhà chúng tôi không bao giờ có ý định dò hỏi tới nơi tới chốn. Sau khi nó bỏ nhà ra đi, chúng tôi nghe tin nó lập gia đình với một thanh niên cha Hoa mẹ Việt, được biết tới dưới cái tên Triệu Hùng Lương. Rồi sáu bảy năm sau, thằng đó chết.

- Tại sao chết?

- Bên Trung ương Tỉnh báo có cho người sang gặp tôi để lấy thêm thông tin. Họ cho tôi biết rằng Triệu Hùng Lương trước năm 1954 là biệt động thành của Việt Minh. Sáu năm sau, nó bị bắt vì tình nghi hai mang, vừa là Việt Cộng vừa có liên hệ với một nhóm Mao-ít đang âm mưu ám sát Thái cực Quyền sư Triệu Trúc Khê, Đường chủ Tỉnh Võ Đường Chợ Lớn. Thằng ấy chết trong lúc bị thẩm vấn. Dù gì đi nữa, tên của vợ hắn là Tuyết, cháu gọi tôi bằng cậu ruột. Họ nói khi tới nhận diện xác chồng, cô ta chỉ mặt nhân viên an ninh và thề sẽ trả thù cho cái chết của chồng. Tuần lễ sau, cô ta biến mất, hình như gia nhập biệt đội ám sát của Việt Cộng. Một tháng sau, có vài phần tử trong cơ quan an ninh của họ bị ám sát và họ tình nghi thủ phạm là Tuyết. Tôi chỉ trả lời là chúng tôi đã mất liên lạc với nó từ lâu.

Joseph bầu chặt mép bàn, rướn người tới:

- Rồi sau đó anh có biết thêm tung tích của nó không?

Nhìn xuống các móng tay mình, Tâm thở hắt:

- Từ đó, chỉ toàn là lời đồn. Nghe nói cũng chính cô gái ám sát mật thám ấy về sau trở thành một trung đội trưởng chủ lực quân nổi tiếng ở miệt dưới. Cô ta lấy danh xưng là “Tuyết Lương”, để tưởng nhớ chồng mình.

Joseph nhảy nhồm trên ghế, kinh hãi ngó người Việt Nam:

- Tôi không tin có chuyện đó!

Tâm vội vàng nói thêm:

- Thì tôi đã nói là không có đủ bằng chứng để khẳng định rằng cô “Tuyết Lương” ấy chính là con gái của anh. Đó mới chỉ là tin đồn thôi. Nói cho cùng, tại Việt Nam, “Tuyết” không phải là cái tên hiếm thấy. Nhưng cũng có dư luận nói “Tuyết Lương” là con lai. Joseph dựa ngửa ra lưng ghế, im lặng choáng váng. Trí óc anh mụ mẫm theo những ngụ ý trong lời Tâm vừa nói. Rồi anh đứng lên và bắt đầu đi tới đi lui trên thềm nhà:

- Anh Tâm này, anh nghe lời đồn đó vào lúc nào vậy?

- Vào đầu những năm sáu mươi.

- Rồi kể từ lúc đó, anh có nghe thêm gì về “Tuyết Lương” nữa không?

Tâm lắc đầu:

- Dường như cô ta đột ngột biến mất khỏi chiến trường đồng bằng sông Cửu Long vào khoảng giữa năm 1963.

Joseph thất kinh nhìn chằm chặp người Việt Nam:

- Vậy có thể nó bị người ta giết rồi!

Né ánh mắt của Joseph, Tâm trả lời nhẹ nhàng:

- Dĩ nhiên là có thể. Nhưng như tôi vừa nói, gia đình của tôi không đề tâm tới chuyện dò hỏi tới nơi tới chốn. Có thể lãnh đạo của Mặt Trận Giải Phóng đã bố trí cho nó một công tác nào đó ít có sức mê hoặc ít có vẻ cá nhân chủ nghĩa. Anh cũng biết, Cộng Sản đòi hỏi sự chấp hành mệnh lệnh và tinh thần kỷ luật trên tất cả mọi thứ khác. Một phụ nữ trẻ tuổi xinh đẹp mang bên hông khẩu súng lục của Mỹ và lang thang khắp nơi chỉ vì trả thù rửa hận mà thôi thì trông y hệt một tay cao bồi miền Viễn Tây Hoa Kỳ, không thích hợp chút nào với kiểu mẫu đấu tranh trong khuôn khổ kỷ luật của Cộng Sản. Cũng có thể vì cô ta quá nổi tiếng; đảng phải hóa giải hoặc khai thác danh tiếng dững dsi đó theo kiểu có lợi hơn nữa.

Joseph ngừng bước, rót rượu đầy hai ly. Trong một hồi lâu hai người ngồi im nhấp rượu. Rồi thêm lần nữa Joseph quay sang Tâm, mặt băn khoăn và trầm ngâm:

- Anh có nghĩ rằng biết đâu Tuyết Lương có thể được phái ra Đà Nẵng với nhiệm vụ tình báo nào đó?

- Anh có ý nói đề do thám các phi công Mỹ khi họ ra phố, phải vậy không?

Joseph nôn nao gật đầu:

- Đúng vậy!

- Cũng có thể. Tại sao anh hỏi như vậy?

- Vì Mark, đứa con trai thứ hai của tôi, gia nhập không quân và đóng ở Đà Nẵng cho tới ngày nó mất tích tại Miền Bắc trong một phi vụ oanh tạc hai năm trước đây. Chúng tôi không biết sau khi máy bay rớt nó còn sống hay không nhưng trong lá thư sau cùng của gởi cho mẹ, nó có nhắc tới một cô gái Việt Nam lai tây sống ở thành phố đó mà nó nghe người ta gọi tên là “Tuyết”. Không có gì rõ ràng trong lá thư đó, nhưng hình như “Tuyết”, dù cô ta làm cái gì đi nữa, cũng có biết tới tên của Mark. Qua một cô gái khác, cô ta nhờ chuyển cho Mark một lời nhắn mơ hồ về “cha của cô ta đang ở bên Mỹ”. Mark viết điều ấy một cách rất tình cờ và rõ ràng nó chẳng hiểu chút gì về chuyện đó.

- Mark có biết nó có một người chị cùng cha khác mẹ không?

Joseph lắc đầu thật lẹ và quay nhìn chỗ khác:

- Không. Tôi không kể cho đứa con trai nào của mình nghe về Tuyết. Tôi vô cùng ân hận là kể từ khi chúng nó khôn lớn, tôi rất ít liên lạc với cả hai.

- Vậy anh ra Đà Nẵng chưa?

Joseph gật đầu:

- Tôi có bay ra đó, gần như ngay sau khi vừa đặt chân xuống Sài Gòn.

- Anh có tìm được điều gì không?

Joseph thở ra chậm chậm:

- Không — hoàn toàn chẳng có gì. Tôi không tìm được dấu vết nào của cô gái đó. Nhưng hôm đó, tôi chưa có được đôi ba thông tin cụ thể về nó như lúc này.

Một nụ cười thiện cảm và có phần nào phiền muộn chợt xuất hiện trên mặt Tâm:

- Nếu “Tuyết Lương” là con gái của anh thì Joseph ạ, hẳn anh rất đau lòng khi nghĩ nó đang đứng về phía đối nghịch. Nhưng có lẽ cái đó giúp anh hiểu rõ thêm phần nào xứ sở bất hạnh của chúng

tôi. Lúc này, chúng ta đang có chung một điều, là trong cuộc chiến tranh kinh hoàng này, cả hai chúng ta đều cùng có người ruột thịt của mình đang ở phía bên kia và đang đánh nhau với chúng ta.

Joseph nói trầm giọng:

- Tôi xin lỗi. Tôi chỉ nghĩ tới mình mà quên mất người em Trần Văn Kim của anh.

- Anh không nhất thiết phải xin lỗi. Họa hiem lắm mới có một người Mỹ thấy mình đang ở trong hoàn cảnh giống như của anh, nhưng đối với người Việt chúng tôi thì chuyện xảy ra như vậy là bình thường.

Joseph trả lời dờ dẩn:

- Cách đây trăm năm, chúng tôi có một cuộc Nội Chiến Nam Bắc vì thế chúng tôi nghĩ mình có thể hiểu rất rõ tình cảnh anh em thù nghịch nhau, bắn giết nhau. Mấy chục năm nay anh có liên lạc gì với Kim không?

Tâm nhún vai và thêm lần nữa quay mặt:

- Một phần tử chớp bu trong Bộ Chính Trị tại Hà Nội thì liên lạc gì bây giờ với một phụ tá bộ trưởng nhỏ bé của “chính quyền ngụy” ở Sài Gòn?

- Nhưng cũng thường xảy ra nhiều trường hợp du kích Việt Cộng lên về nhà ăn Tết với gia đình dù họ ở bên kia chiến tuyến.

- Chuyện đó chỉ có thể xảy ra đối với cán bộ địa phương cấp thấp thôi. Còn đối với chú em của tôi, kẻ xem việc lãnh đạo cách mạng là quan trọng hơn mọi thứ trên đời, thì chẳng biết phải “công hiến” thêm bao nhiêu nữa mới đủ. Vào ngày nó làm mất danh dự của thân phụ tôi, tôi đã thề không bao giờ nói chuyện với nó nữa. Nay cũng thế, cho tới khi nó gập đầu gối xuống trước bàn thờ cha tôi mà năn nỉ xin tha thứ.

Nói tới đây, Tâm cất tiếng cười cay đắng và buồn bã:

- Liệu anh có thể tưởng tượng rằng giờ đây, sau tất cả những xương máu đã đổ ra ngàn ấy, Kim tới quỳ xuống trước mặt tôi ngay tại Sài Gòn này không? Mẹ tôi sống với trái tim tan nát và bần bật nín lặng trong rất nhiều năm cho tới khi bà qua đời. Kể từ ngày Kim sỉ nhục thậm tệ cha tôi và tất cả ông bà tổ tiên nội ngoại của chúng tôi cho ngày cuối cùng trong đời mẹ tôi, bà chẳng bao giờ

còn biết hạnh phúc là gì.

Tâm lại nhún vai như một cử chỉ bất lực:

- Nhưng cho dù có quá nhiều cái chia rẽ chúng tôi, cho dù Kim là Cộng Sản, thì dù gì đi nữa, chú ấy vẫn là em ruột của tôi. Không ai có thể tự mình tự cắt ruột mình.

- Đúng. Và Tuyết, cho dù nó ở bất cứ nơi nào và đang làm điều gì đi nữa, nó vẫn là con gái của tôi.

Joseph nói như thế với giọng cam đành. Tiếp đó, cả hai lại ngồi im tránh nhìn nhau. Để nguôi lòng phiền muộn, Joseph sau cùng đề nghị cả hai đi dạo dưới trời đêm, qua những đường phố đô thành. Họ đi bên nhau nhưng mỗi người có một cõi riêng. Mỗi người bị vây kín với những ý nghĩ riêng tư. Và chậm chậm, trong vườn lòng khô héo của họ từ từ lại trỗi lên một tình cảm thiết thân nhau.

Chợt nghĩ tới một chuyện Joseph xao xuyến hỏi Tâm về đứa con trai của Lan nay ra thế nào. Người Việt Nam rầu rĩ lắc đầu nói với anh rằng cậu bé ấy tử trận chỉ vài tháng sau khi tốt nghiệp Trường Võ bị Đà Lạt. Tin này làm tâm trạng cả hai ủ ê thêm lên, và từ phút đó, họ không còn chuyện trò với nhau nữa.

Ngay giữa trung tâm thủ đô, nhiều tốp lính Thủy quân Lục chiến Mỹ ồn ào, mặc áo hoa hòe, chân đi lảo đảo, hết vào lại ra các quán rượu. Tại công viên Quách thị Trang trước mặt chợ Bến Thành, một số người tị nạn không nhà cửa đang nâng dân số Sài Gòn tăng thật nhanh lên tới khoảng ba triệu người, một mỗi ngả lưng nằm xuống ngủ thêm một đêm nữa trước hiên nhà ai đó hoặc trên vỉa hè.

Joseph và Tâm bắt giắc cất chân bước thật lẹ để bỏ lại sau lưng những cảnh tượng chỉ thúc ép tâm trí họ nghĩ tưởng tới những gì chiến tranh đang gây ra cho một Sài Gòn từng thanh tịnh hơn và phẩm cách hơn, thành phố được cả hai từng biết và rất yêu mến thuở niên thiếu. Khi tới công viên trước Nhà thờ Đức Bà, Joseph và Tâm bắt tay nhau, chúc nhau thêm một đêm an lành, rồi chia tay người đi mỗi hướng.

Joseph đi về phía biệt thự cung cấp cho mình ở đường Duy Tân, nhưng chỉ mới vài bước, anh tần ngần đứng lại. Dù tôi nay thật ứ dột với Tâm, đau đốn về Tuyết và kinh hoàng trước những thay đổi

của Sài Gòn hiện thời, nhưng vẫn có điều gì đó đầy quyền rũ được thành phố này cùng dân cư của nó lưu dưỡng cho anh, và lúc này điều đó vẫn tiềm ẩn lảng đãng trên các đường phố. Trong cái nóng nham nháp và ẩm ướt, Joseph chợt nhận ra mình vẫn cảm nhận có điều gì đó kỳ lạ, gần như thú vị. Đó là cảm giác xôn xao như một loại bồn chồn ray rứt đang làm ngòn ngọt cổ họng và kéo mọi giác quan anh căng ra, tới tận cùng ranh giới của hơi thở.

Sau khi đứng tần ngần một lúc, Joseph lại thấy mình cất chân đi về phía đường Catinat, hiện nay vẫn bám víu một cách không chính thức vào cái tên Pháp nguyên thủy của nó hơn là đại lộ “Tự Do”. Cố tình băng qua bên kia đường để tránh chỗ vỉa hè ngay trước sân thềm khách sạn Continental, anh rảo bước tới Công trường Lam Sơn.

Dưới chân tượng đài do Nguyễn Văn Thiệu lập nên, bên trên đặt tượng hai người lính Thủy quân Lục chiến Việt Nam khổng lồ, sần sùi và đen đui, xung phong chĩa súng thẳng vào Tòa nhà Quốc hội, đang tụ tập sẵn một đám người nhàn tản. Khi tới gần hơn, Joseph thấy đèn quay phim vô tuyến truyền hình rọi sáng chói lọi trên đầu những kẻ đứng xem. Một trong các nhiệm vụ Joseph sắp phải đảm trách tại JUSPAO là điều hợp cuộc họp báo hàng ngày trong một hội trường có máy lạnh ở đường Nguyễn Huệ. Thường lệ vào lúc xế chiều, tại đó có buổi thuyết trình tóm tắt tình hình chiến sự trong ngày, với sự tham dự của đội ngũ ký giả Mỹ và đám phóng viên nước ngoài càng ngày càng đua nhau đa nghi. Họ gọi một cách bêu riếu các buổi họp báo đó là “Hành động ngu xuẩn lúc năm giờ”. Và một trong các công tác chủ yếu của Joseph là tìm cách gia tăng tính thuyết phục cho diễn tiến đó.

Phát xuất từ tính hiếu kỳ nghề nghiệp và hy vọng sẽ thấy thông tin viên của một mạng lưới quan trọng nào đó thuộc hệ thống truyền hình Mỹ, Joseph bước tới gần hơn để tìm hiểu kẻ ấy phát biểu ra sao. Nhưng anh sửng sốt khi nghe giọng nữ đang nói lời tường thuật trước ống kính lại thuộc loại bị một số người Mỹ giễu là “Anh ngữ quý tộc Luân Đôn”.

Vươn cổ nhìn qua đầu những người Việt Nam đang tùm tùm ngó, Joseph thấy trong ánh sáng đèn chiếu nóng rực, một thiếu nữ dong

dòng cao. Cô ta đứng nổi bật với đôi bốt-đờ-sô, loại giày trần của lính, và bộ đồ đi săn bốn túi nhẵn nhúm, bằng vải màu nhạt. Tất cả gợi cho thấy nàng và toán truyền hình vừa trải qua mấy ngày ngoài mặt trận để quay phim chiến sự.

Đằng sau máy thu hình, chuyên viên thu thanh đưa lên cao cho nàng nhìn rõ xấp bảng nhỏ ghi thời lượng và các tiêu đề văn tắt. Joseph đoán người nữ phóng viên đang thu hình ảnh và lời đúc kết cho một cuốn phim vừa quay xong ở các khu vực giao tranh. Trong khi anh lắng tai nghe, một đôi lần nàng đọc trật chữ vì quá mệt và phải lặp lại lời bình luận. Nhưng nhịp điệu và cung giọng cho thấy nàng sắp chấm dứt. Joseph bước tới gần hơn khi nàng ngừng một chút cho chuyên viên quay phim thu nhỏ dần hình ảnh để kết thúc. Người nữ phóng viên nói, giọng cố ý chậm lại:

- Lần thứ nhất tôi tường thuật cuộc chiến tranh này là vào năm năm trước đây, lúc đó mới chỉ có vài ngàn cố vấn Mỹ can dự. Hiện nay, có tới hơn nửa triệu người Mỹ tham chiến tại Việt Nam. Dù các phát ngôn viên chính thức của Hoa Kỳ liên tục nói với chúng tôi rằng “hết thấy mọi thảm định bằng số lượng” đều cho thấy Cộng Sản đang bị đánh bại, thế nhưng chiến thắng vẫn như làn khói lọt qua kẽ tay, lảng tránh và khó nắm bắt.

Nàng dừng lại một chút để làm nổi bật lời kết luận ấy, rồi nói thêm theo thông lệ:

- Đây là Naomi Boyce-Lewis, tường thuật từ Sài Gòn.

Joseph chăm chăm nhìn bộ mặt sáng rỡ và chói lọi của người nữ phóng viên Anh khi chuyên viên thu hình giữ ống kính cố định một chỗ để lấy thêm vài đoạn phim cuối cho các chuyên viên ráp nối ở Luân Đôn. Trong vài giây ấy, anh cố lục lọi trí óc mình nhưng không thể nhớ ra cái họ nghe có vẻ quen thuộc ấy. Kế đó, đúng khoảnh khắc máy thu hình ngừng quay và đèn đóm tắt lịm, trí nhớ của Joseph bỗng loé sáng. Đám đông người Việt vừa im lặng đứng quan sát cuộc thu hình nay miễn cưỡng tản đi. Và ngay lúc ấy, Joseph lách vào, bước tới chân tượng đài nơi nàng đang cúi húi giúp các nhân viên trong toán thu dọn máy móc.

Joseph nói, giọng thật thấp:

- Lời đúc kết của cô vào điểm cao nhất của phim khiến ai cũng

phải lắng nghe, cô Boyce-Lewis ạ. Không biết cô có chút liên hệ nào với Ngài Đại tá Harold Boyce-Lewis từng ở đây với Quân đội Anh hồi cuối Thế Chiến Hai không?

Nghe tiếng nói của Joseph, Naomi quay lại, giật mình nhìn lên:

- Có phải ông có ý nói tới thân phụ tôi...

Người Mỹ cười thật tươi, chìa bàn tay:

- Hẳn đúng như vậy. Tôi là Joseph Sherman. Thưa, Ngài Harold có mạnh khoẻ không ạ?

- Cha tôi bị hạ sát ở đây hồi năm 1945, ông Sherman ạ.

Naomi trả lời với giọng nhỏ nhẹ rồi khi nhìn Joseph chăm chú hơn, mắt nàng chợt sáng lên về quan tâm:

- Nhưng nếu ông biết rõ về cha tôi thì thật thú vị cho tôi được trò chuyện với ông vào một lúc nào đó.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 4 -

Tiếng gầm gừ của đám đông dân chúng Hà Nội dội vang rền vào tai Mark Sherman nghe như thể tiếng gào thét của những linh hồn bị đọa đày chốn địa ngục. Hàng hàng lớp lớp đàn ông đàn bà và trẻ em vây kín Mark. Nước bọt họ nhổ lên người anh như mưa. Tay họ đâm anh chân họ đá anh. Tóc trên đầu anh bị họ bứt từng nắm. Trong cơn điên dại, không biết bao nhiêu lần họ túm lấy Mark, lôi anh xuống đất, đá vào mặt, đập lên người, làm anh nằm bẹp dí trên mặt đường nhựa lờm chờm đá giảm. Mark vừa gượng đứng lên chưa vững đã bị họ khoèo chân, xô tới đẩy lui, kéo giật anh quay mòng mòng giống như anh là con thú đang chạy trốn.

Trên đầu đám đông sùng sục thịnh nộ ấy, những ống kính đen ngòm hung ác của các máy quay phim vô tuyến đang thu hình cơn thống khổ lồ lộ của năm mươi phi công Không quân và Hải quân Hoa Kỳ đang lóng ngóng giữa một biển người. Những ống kính trông có vẻ đang căng thật thẳng, kéo ra dài ngoằng, và rồi chính chúng cũng tiếp tay hành hạ các phi công bằng dao đâm, tay thui chân đập, rất dữ dằn, rất ác liệt, cho tới khi các phi công ngã quỵ, bò lăn bò lóc trên mặt đường. Đằng sau các ống kính ấy là chuyên viên thu hình người Nga và Đông Âu to lớn, người Trung Hoa mắt ti hí và Việt Nam mắt xếch, tay quay phim, mặt khoái chí, mắt liếc đều cáng và miệng cười nham nhở. Vẻ mặt họ giãn ra và vãn vẹo, môi mép há hốc, mở toang hoác, cho tới khi chính họ cũng hiệp đoàn và gào rú man dại theo đám đông dân chúng.

- Khẩu đầu, Sherman! Đồ khốn nạn! Khẩu cái đầu cắt da của mày xuống mà chịu khổ chịu nhục! Mày, đồ giặc Mỹ ác ôn! Địt mẹ bố tiên sư mày!

Giọng nói của lũ cai tù đang nhảy cẫng bên thân thể tù nhân vang lên thũng tai long óc qua chiếc loa phóng thanh di động họ

cầm trên tay, kê sát lỗ miệng. Những tiếng lóng Mỹ mà họ dùng để rửa sả nghe trật lất vì lỗi phát âm như bắt chước tập nói tiếng Anh của họ. Nhưng hễ mỗi lần nghe xướng tên một người Mỹ, đám đông lại lập tức hè nhau lanh lảnh hô khẩu hiệu. Cuộc gào thét lệ làng bốc lên tới cực điểm. Rồi Mark cảm thấy một mũi lê nhọn hoắt rạch vô lưng mình, cùng lúc ấy, báng súng của một gã cai tù khác động vô bụng dưới, buộc anh phải đau đớn gập người xuống, làm theo những tiếng hò hét đang cất lên:

- Khẩu đầu, Sherman! Khẩu đầu! Cúi cái đầu chó đẻ của mày xuống! Giết sạch bọn giặc lái đế quốc Mỹ! Treo cổ cả bọn chúng nó vì những tội ác dã man chúng nó gây ra cho nhân dân Việt Nam anh hùng! Đả đảo đế quốc Mỹ!

Một ngọn lửa buốt và rất đốt giữa hai bắp vế Mark, cháy tới khô háng, khi anh thêm lần nữa cúi nhủi dưới những bàn chân dồn dập xô đẩy nhau. Anh lê người đứng dậy chỉ vì bạn tù thúc giục đứng lên, bằng không chắc hẳn anh cứ nằm yên dưới đất cho tới khi người ta đá anh chết lịm.

Thoạt đầu, lớp lớp đám đông biến người ấy đứng có hàng ngũ trên các khán đài được đặc biệt dựng lên ở hai bên vệ đường. Họ im lặng quan sát. Miệng họ há hốc và mắt nhìn chăm chặp các tù binh Mỹ còn đang ngỡ ngác vì bị lừa xuống khỏi chiếc xe tải vừa chở tới đây, từ nhà giam Hoả Lò ở trung tâm Hà Nội. Tù binh bị còng từng cặp với nhau và khi người ta chưa kịp tháo khăn bịt mắt của họ ra, đã có tiếng gầm gừ cất lên. Rồi đám đông bắt đầu ủa qua băng ghế, ào ào tràn xuống.

Cai tù thét lớn trong loa phóng thanh, sách động cho quần chúng nổi cơn mê loạn theo một phương án có tiên liệu kỹ lưỡng. Sau đó, họ đẩy các tù nhân vào nanh vuốt của đám đông. Và gần như lập tức, tiếng gào thét nổi lên như điên như dại:

- Johnson là thằng giết người! Rusk là thằng giết người!

McNamara là thằng đồ tể tàn sát đàn bà trẻ con! Chúng mày là quân khốn nạn!

Tiếng gào rú chất ngất căm thù đó vang dội trong tai Mark làm anh có cảm tưởng mình bị nhấc bổng lên, bị chuyển đi trên mặt sóng thủy triều của đám đông, như thể bị vùi dập trong lòng biển cả âm

u. Quần áo rách tả tơi. Máu từ vết thương trên đầu chảy xuống đầm đìa mặt. Mark ra sức trườn tới, huých đầu gối thúc cùi chỏ vào cái khối thân thể con người ta đó để bơi ra ngoài. Nhưng anh bị kéo giật ngược trở lại một cách hung hãn vì cổ tay phải anh đeo chung còng với một phi công hải quân trẻ tuổi. Người bạn hải quân ấy lúc này nằm mê man và khắp thân thể đầm đìa máu, đã bị chìm sâu dưới mặt nước làm Mark cảm thấy mình bị lôi theo, tuột thẳng xuống, không một điểm tựa cho mình gượng lại. Và anh bắt đầu quần quai, đấm đuối. Mark vặn vẹo, lật mình, hóp không khí, nhưng anh càng vùng vẫy càng bị đám đông ép chặt hơn. Da thịt họ dường như hoá lỏng thành nước, ùa vào ngập miệng anh, sặc mũi anh.

Rồi mặt đất bên dưới Mark bỗng nứt ra. Cảm giác đang chết đuối biến thành một cảm giác cực kỳ kinh hãi hơn: anh đang rơi từ bầu trời cao thẳm và rục rở xuống mặt đất xa xa bên dưới, người lơ lửng giữa không trung trong khi mắt cứ đăm đăm ngó chiếc Thunderchief F-105D quay mòng mòng phía dưới mình, tuôn khói mù mịt. Máy bay phát nổ trên một sườn đồi cây cối rậm rạp bên bờ sông Hồng, phun lửa màu da cam chói lọi. Những ngọn lửa cuồng nộ ấy vọt lên không trung cao ba bốn chục thước, liếm trúng thân thể đang rơi của Mark. Chúng đốt cháy phùng phực bộ đồ bay và chiếc dù, nướng khét lẹt thịt anh và làm anh lao xuống nhanh hơn. Nhưng dù sao đi nữa Mark vẫn cảm thấy, như mọi lần, cuối cùng mình bỗng rơi nhẹ nhàng xuống đất và đáp thật lẹ trên hai chân. Ngay lập tức, anh bị bao vây bởi một đám nông dân người Việt đang đua nhau hò hét. Từ bên dưới lùm cây dưới chân đồi nơi trên đỉnh còn nguyên vẹn một pháo đài cũ của Pháp, họ vừa dậm chân chạy tới vừa gào rú luôn miệng. Rồi cán mã tấu cứng trũng của họ đập lên đầu Mark. Lưỡi mã tấu sần sùi cứa sâu vào người Mark cho tới khi máu trong cơ thể anh tuôn ra làm tắt ngúm những ngọn lửa đang hành hạ mình.

Mark rút khẩu súng lục .38, quát lớn bảo họ lui ra. Nhưng như thường lệ, họ không nghe lời anh. Anh chia mũi súng vào mặt người Việt Nam gần nhất. Như lúc nào cũng xảy ra trong thực tế, phát súng đầu tiên vẽ một chấm tròn màu đỏ; nó làm thủng một lỗ

ngay chính giữa trán người nông dân. Và cũng như thường lệ, người nhà quê ấy gục xuống, đè lên trên người Mark, ghim chặt anh xuống đất. Nhưng dù Mark có vùng vẫy dữ dội tới mấy đi nữa, anh vẫn không thoát ra khỏi cái tử thi gầy còm đó. Nó nặng không ngờ. Nó đè anh lún thật nhanh và thật sâu xuống lòng đất nhào nhệt. Bên trên ngực anh, nó càng lúc càng nặng, còn nặng hơn một toà cao ốc bốn chục tầng.

Rồi phía trên lòng đất, một biển cả những bộ mặt người Việt tộc mạch ngó Mark qua một vành đai đang thu hẹp dần, lúc này biến thành một huyết mộ hun hút sâu, hơn bao giờ hết. Và Mark lại thấy trong số những bộ mặt ấy có mẹ anh, viên đại tá tóc bạc của Lầu Năm Góc nay trở thành người cha kế của anh, và Gary, anh của anh. Họ thỉnh lặng quan sát anh với ánh mắt trống rỗng, thỉnh thoảng lúc lắc đầu hoang mang. Khi Mark đang rán sức hét lên thật lớn cho họ nghe, họ tan đi thật lẹ trước mắt anh. Lập tức, anh lại quần quai trong xà-lim tối đen hơi hám nơi lần đầu tiên người ta khoá hai mắt cá chân của anh vào chiếc cùm gỉ sét được chế tạo bởi những tây thực dân thuở trước.

Mark không thể thấy hai bàn tay của mình. Chúng bị quặt ngược ra sau lưng trong “bộ còng khôn kiếp” đang siết chặt hai cổ tay anh, ăn hằn vô thịt, sâu tới gân, cho tới khi hai vòng răng cưa lởm chởm của cặp còng nghiền vào xương cườm tay. Chẳng mấy chốc, hai cánh tay Mark tím bầm, sưng lên gấp đôi kích cỡ bình thường. Và rồi trước mắt anh, những vết thương lở lói trên cổ tay anh hoá ra vàng khè, mưng mủ. Lũ bò cạp xanh lè và lũ chuột đen đuôi mập nung núc, chạy qua chạy lại thật lẹ trên người Mark. Khắp chân tay anh, mụn nhọt và những vết thương mưng mủ nổi lên như nấm. Những chén đồ ăn nước uống chập chờn lượn lơ ngoài tầm tay với của anh tựa những hồn ma đã lìa khỏi xác.

Khi cơn thống khổ vì mất nước và thiếu ăn càng lúc càng tăng một cách ác liệt, trong hai tai Mark rền lên như điên những tràng cười hô hô chế nhạo. Kế đó, bộ mặt đều cẳng của gã cai ngục người Việt tra khảo anh ngay hôm đầu tiên, được anh đặt cho cái tên là “Thằng Chăn Lợn”, vênh váo nhìn vào không gian chật hẹp bên trong xà-lim biệt giam. Bộ mặt gã lớn dần, lớn dần rồi phình ra

như trái bong bóng trẻ con thổi chơi, buộc Mark phải lùi dần lùi dần rồi ôm mặt khóc thút thít trong góc xà-lim. Và bộ mặt bặm trợn của gã cai ngục dài ra như mũi chim ưng. Nó mở toang hoác rồi chậm chậm áp thật gần như miệng cá chép khi hấn lạp đi lạp lại hai tiếng: “*Báo cáo! Báo cáo!*”

Dù Mark đã ép mình thật sát vào vách xà-lim để cố tránh những ngọn roi uốn lượn về phía anh, đập dềnh như những cọng rong biển dài ngoằng, nhưng chúng vẫn quán chặt hai cánh tay anh làm nổi lên một cơn đau bất chợt. Hai vai Mark bị siết cụp vào sống lưng. Xương sườn sắp lòi ra khỏi lồng ngực. Và lúc ấy, anh lại cảm thấy nỗi sợ hãi quen thuộc rằng toàn bộ cơ thể của mình sắp bị bung ra khỏi dàn xương khung và trào lên khỏi cổ họng. Bắt đầu có âm thanh la hét nghe thật gớm guộc, lạp đi lạp lại hai tiếng gào thét của gã tra khảo thành một giọng the thé cao hết cỡ: “*Báo cáo! Báo cáo!*”

Tiếng gào thét điên cuồng đó cất lên thật lạ, tới một độ cao cực kỳ, nghe như tiếng huýt tự động của vòi ấm nước đang sôi. Sau cùng, Mark nhận ra rằng mình không còn bị kẹt cứng trong một cơn ác mộng mê mết, mà đã choàng tỉnh, đang nằm trên thêm xi-măng của xà-lim biệt giam và đang nghe tiếng nói lảm nhảm mất trí của chính mình. Bộ mặt của “Thằng Chăn Lợn” ở sát trước mắt anh cũng không còn là “trái bong bóng” đè anh ngạt thở trong giấc mơ. Nó là một thực tại bằng xương bằng thịt của gã cai ngục thích thú những trò tai ác. Gã đang lắc vai Mark để lôi anh đứng lên.

Khi thị giác của Mark rõ dần, trong ánh sáng ban mai màu xám, anh nhận ra người cán bộ Bắc Việt với y phục sạch sẽ thơm tắp, kẻ dẫn độ anh trong xe Tatra đêm qua, lúc này đang đứng sau lưng “Thằng Chăn Lợn.” Trên mặt gã đại cán ấy dường như nở mãi một nụ cười yếu ớt. Và đúng lúc tiếng gào thét lịm xuống, gã bắt đầu cất lời với giọng dỗ dành:

- Trung úy Sherman ạ, anh vừa nằm thấy ác mộng — nhưng lúc này mọi căng thẳng đã qua hết rồi. Tôi tới đây để đưa anh đến một nơi mình có thể bình tĩnh chuyện trò với nhau.

Cúi xuống lượm chiếc chân thỏ đang nằm trên sàn xà-lim và bên cạnh Mark, Trần Văn Kim dịu dàng đặt nó vào lòng bàn tay viên

phi công Mỹ:

- Đừng lo lắng nữa — mọi sự sẽ ổn thoả ngay thôi.

Kim mở cửa xà-lim, đứng tránh sang một bên để Mark đi qua trước mặt rồi ra hiệu cho “Thằng Chăn Lợn” đi theo. Anh đỡ người Mark lên băng ghế sau chiếc Tatra hôm qua lúc này đậu sẵn trong sân nhà tù, rồi leo lên ngồi một bên Mark. “Thằng Chăn Lợn” ngồi trên ghế trước cạnh tài xế. Chỉ ít phút sau, chiếc xe thả cả ba xuống sân sau toà nhà Bộ Tư Pháp, tọa lạc gần Hỏa Lò.

Trong phòng thẩm vấn trống trải, người ta bày sẵn trên mặt bàn nhỏ một bữa điểm tâm đạm bạc gồm bánh mì nướng, bánh bột dẹt và nước cam. Vẫy tay ra hiệu cho người Mỹ đi tới bàn ăn, trong khi đó, Kim cũng tới ngồi trên chiếc ghế đầu kê gần đó. Anh lôi từ xà cọt đeo bên mình ra một kẹp hồ sơ bìa màu da trâu, còn gã cai tù đứng canh nơi cửa ra vào.

Sau khi trở mặt nghi ngờ nhìn bữa ăn sáng, Mark ngồi xuống và bắt đầu ăn. Khòm lưng chồm hồm trong lòng ghế như một con thú, anh nhai ngấu nghiến đồ ăn và nuốt ừng ực. Mark vừa ăn vừa uống vừa thỉnh thoảng liếc mắt nghi kị về phía Trần Văn Kim và “Thằng Chăn Lợn” như thể sợ cả hai đôi ý, đòi lại đồ ăn.

Kim nói thấp giọng, mặt không ngước lên:

- Theo hồ sơ của anh, tôi thấy suốt ba tháng trời kể từ lúc bị bắt, anh thà bị trừng phạt chứ không chịu tiết lộ họ và tên, số quân và ngày sinh của mình. Rõ ràng việc ấy đòi hỏi một sự gan góc cực kỳ.

Mark đờ đẫn nhìn người Việt Nam trong một giây, miệng vẫn nhai. Rồi anh khom người xuống sát mặt bàn, ăn cho hết những thức còn lại.

- Thật tội nghiệp cho anh khi anh chọn lựa cách như thế để biểu dương lòng can đảm của mình. Nếu ngay từ đầu chúng tôi biết rõ anh là ai thì anh đã được cứu xét một cách rất đặc biệt.

Mark vẫn không trả lời. Kim tiếp tục đọc hồ sơ. Sau một hai phút im lặng, Kim ngước lên:

- Trung úy ạ, lý ra tôi không nói với anh điều này nhưng vì có một số rất nhỏ các tù binh Mỹ, trong đó có anh, không chịu kết án sự can dự lầm lạc của chính phủ Hoa Kỳ vào Việt Nam. Gần như hết

thấy các đồng đội của anh đều đã nói để ghi âm hoặc viết lời cáo giác, và sau đó, chúng được xuất bản hoặc phát thanh ở nước ngoài. Và tại sao không làm như thế nhỉ? Hiện nay, tại Washington, một số thượng nghị sĩ cùng một số nhân vật quan trọng và nổi tiếng đang bắt đầu mô tả vai trò của xứ sở anh tại Việt Nam là “một sự phản bội trầm trọng nhất.”

Người Việt Nam lấy trong xà cọt ra chiếc máy ghi âm nhỏ rồi đặt lên mặt bàn kê sát bên ghế đầu. Kim bật máy và căn phòng tràn ngập những giọng nói căng thẳng của các phi công tù binh Mỹ. Giọng này kế tiếp giọng kia kết án sự tham chiến của chính mình. Các tính từ như “đê hèn,” “bất hợp pháp” và “vô luân” được dùng tới và lặp đi lặp lại. Đồng thời, các phi công mô tả nhiều lần rằng bản thân mình là “tên tội phạm độc ác nhất”, kẻ thực hiện các “cuộc không tập bất nhân.” Nhưng Mark không tỏ dấu hiệu nào cho thấy anh có để ý tới nội dung những lời ghi âm ấy hay không. Chúi người tới trước, Kim tắt máy và gõ gõ ngón tay trở vào tập hồ sơ đặt trên đùi:

- Trung úy ạ, anh biết không, đọc hồ sơ của anh là một việc rất thú vị vì chính trong khi quyết tâm không chịu khai báo đúng theo những điều chúng tôi đòi hỏi, anh đã nói ra với cán bộ chấp pháp mọi sự khác trên đời. Thí dụ, tôi rất buồn khi biết anh bất hoà với cha anh lúc anh mười sáu tuổi và kể từ lúc đó anh chưa bao giờ gặp lại ông ấy. Anh biết không, tôi cũng có quen biết với cha anh. Ông ấy là một người đặc biệt — ông ấy dám gánh hoàn toàn trách nhiệm về hành động cứu mạng Hồ Chủ tịch hồi năm 1945. Vì thế, chúng tôi có lý do để ngưỡng mộ ông. Và đó cũng là lý do chính đáng khiến chúng tôi phải làm một điều gì đó để đáp tạ lòng tử tế của ông — thí dụ, thả cho về nhà đứa con trai có thể ông tin rằng lúc này nó đã chết.

Mark chậm chậm ngược mặt lên ngó người Việt Nam. Dù ánh mắt của Mark vẫn lảng đãng, Kim để ý thấy lần đầu tiên anh cau mày như thể khó chịu. Kim nói chậm rãi hơn:

- Có thể lúc này anh quên, nhưng đã có lần anh nói với cán bộ chấp pháp rằng sau khi cha anh bỏ mẹ anh, anh thề sẽ không bao giờ nói chuyện với ông nữa. Hồ sơ cho thấy có một đêm, anh mê sảng và

kể hết từ đầu tới cuối câu chuyện anh bắt hoà với cha anh.

Mark có vẻ như cố làm cho mình bình tĩnh trở lại, tập trung tinh thần chuẩn bị thâm lắng phản bác những gì Kim đang nói, và rướn người tới gần bàn hơn. Thấy thế, Kim đứng lên, chậm chậm rảo bước quanh phòng cho tới khi dừng lại sát bên người Mỹ:

- Anh có biết rằng thái độ của anh làm cho cha anh bị tổn thương sâu sắc vì anh không chịu nói chuyện với ông? Có phải anh hả dạ khi biết rằng cha anh đau khổ vì hành động khinh suất của ông trong quá khứ? Và chính cái đó khiến anh không chút nào sẵn lòng gặp lại ông, chuyện trò với ông. Bằng sự im lặng của mình, anh muốn cho cha anh đau đớn hết mức có thể được. Bằng mọi giá, anh muốn trả đũa cha anh.

Kim ngừng một chút để thăm dò tác động của lời mình nói trên mặt người nghe, và thấy cặp lông mày của Mark nhú lại rõ nét hơn. Kim mỉm cười:

- Nhưng rõ ràng bất chấp những cái như thế, cha anh vẫn lo lắng cho anh, đúng không? Bằng không ông đã không chấp nhận rắc rối khi nhân danh anh mà viết thư năn nỉ Bác Hồ kính yêu của chúng tôi. Bất chấp sự khắt nghiệt của anh đối với ông, rõ ràng cha anh vẫn rất quan tâm tới anh. Và nếu so sánh với hành động đó của ông thì thái độ của anh có thể nói là bất tương xứng, không ngang bằng, đúng không?

Trong khi Kim quan sát, vẻ mặt của Mark thêm lần nữa căng thẳng như thể bị tra vấn bởi những ý nghĩ trong đầu mình. Kế đó, Mark nhìn người đại cán Việt Nam với ánh mắt hoang mang. Kim nói tiếp:

- Đôi khi chúng ta đi quá xa trong mối oán hận những người ruột thịt của mình. Chúng ta thèm khát trả thù cho những tổn thương mà ta tưởng rằng mình đã phải chịu và không nhận ra rằng chính mình cũng đang cực kỳ tàn nhẫn. Bản thân tôi cũng biết sự bất hòa giữa cha và con gây đau khổ tới mức nào vì chính tôi, khi còn trẻ, cũng đã cãi nhau dữ dội với cha mình. Cũng như anh, tôi đã thề sẽ không thèm và không bao giờ dính dáng tới ông ấy. Ông bị giết mười bốn năm trước đây, vào lúc chấm dứt cuộc chiến tranh Việt-Pháp. Và dù lúc đó cái lý do gây ra phân ly giữa hai cha con tôi

vẫn còn nguyên, tôi luôn luôn cảm thấy buồn thối mỗi khi nghĩ rằng trước lúc ông qua đời, tôi đã chẳng làm gì để nói cho ông biết những cảm xúc của tôi. Có thể cũng sẽ xảy tới cho anh một điều giống y như vậy. Có thể anh sẽ ở lại đây nhiều năm vì sự buồn bực của anh. Và tới ngày anh được phóng thích, có thể cả cha lẫn mẹ anh đều đã qua đời. Có bao giờ anh nghĩ tới khả năng đó không?

Sợ thịt quai hàm của Mark săn lại, anh nhìn Kim ngơ ngàng. Thấy Mark bắt đầu có loại phản ứng đúng như mình tiên liệu, người Việt Nam làm như tình cờ quay qua chỗ khác. Kim bước trở lại chiếc ghế đầu trên đó đặt kẹp hồ sơ.

- Nhưng có thể tôi xét đoán lầm anh. Có thể anh không giống như tôi; anh không phải là người cảm thấy ân hận và bận tâm tới những gì người khác đang cảm thấy. Có thể anh khép kín được anh trong thế giới ích kỷ của riêng anh, chỉ để làm khoan khoái bản thân anh thôi. Nói cho cùng, tại sao anh lại để cho mình phải quan tâm tới việc làm an lòng người cha đang lo lắng kia — và thậm chí người mẹ của anh nữa? Tôi đoán anh đang tự nhủ rằng mỗi quan tâm hiện nay của anh đâu phải là việc cha mẹ anh có vui mừng hay không khi anh được trở về nhà. Tôi đoán như vậy có đúng không? Tôi nghĩ là trong trí óc anh, anh chưa bao giờ suy nghĩ theo một lối khác, rằng trong khi anh chọn lựa để cho mình tiếp tục chịu khổ sở lâu thêm nữa ở đây thì chính vì sự buồn bực đó của anh mà cùng lúc ấy, tại quê nhà, cha mẹ anh cũng phải chịu khổ sở, dưới một hình thức khác.

Kim quay mình ngó người Mỹ và thấy Mark đang dăm dăm nhìn chòng chọc tới đằng trước. Trong mắt viên phi công bắt đầu xuất hiện tia nhìn đau đầu và hơi thở bắt đầu dồn dập, đứt đoạn.

Kim nói tiếp với giọng an ủi:

- Nếu việc này chỉ giao cho một mình tôi quyết định thôi thì trung úy ạ, tôi sẽ vì cha anh mà lập tức thả anh ra. Nhưng chẳng may còn có những đồng chí lãnh đạo khác tôi phải tham khảo ý kiến, mà họ thì không quen biết với cha anh. Phải làm cho họ tin rằng việc phóng thích anh không làm hại tới chính nghĩa của chúng tôi. Đó là lý do khiến tôi bị buộc phải yêu cầu anh đưa ra một lời tuyên bố

nếu tôi muốn thả anh về nhà. Đó chỉ là biện pháp phòng ngừa — và nó cũng chẳng nhiều hơn cái mà các bạn của anh đã làm trong tù. Nhưng thật ra tôi không biết anh có muốn được phóng thích hay không, đúng không? Vì anh vẫn chẳng chịu chuyện trò với tôi nên tôi không thể xét đoán rằng anh có quả thật muốn trở về để làm an lòng gia đình mình ở quê nhà hay không. Có thể anh đủ kiên cường chịu đựng cuộc sống tù ngục ở đây mà có lẽ sẽ kéo dài tới vô tận...

Kim rút rừ trong kẹp hồ sơ ra một mảnh giấy đánh máy và xem xét nó cẩn thận trong khoảng một phút. Qua khoé mắt, anh để ý thấy Mark xoay người trên ghế, nhìn thẳng vào anh có ý dò hỏi.

Kim tiếp tục, giọng tiếc rẻ:

- Dĩ nhiên nếu anh bác bỏ cơ hội mà hôm nay tôi cố gắng hiến cho anh thì nó sẽ không được đưa ra thêm lần nào nữa. Nếu anh quyết định không muốn đọc những lời đã được viết ra trên mảnh giấy này thì tôi chỉ còn một chọn lựa duy nhất là trả anh về cho cán bộ quản giáo để anh ta săn sóc anh. Và anh phải quay trở lại cái xà-lim biệt giam ấy mà chịu sự trừng trị.

Ngảng đầu và liếc thật lẹ về “Thằng Chăn Lợn” đang đứng bất động bên cửa ra vào, Kim im lặng mấy giây. Xong, anh quay lại nói với Mark:

- Nhưng tôi hy vọng anh không ép buộc tôi phải làm điều đó. Nếu anh quyết định anh có thể đọc cho chúng tôi, tôi cam đoan rằng anh sẽ nằm trong danh sách sớm được phóng thích. Rồi anh có thể về lại nhà mình và cảm ơn cha anh đã lo lắng giúp đỡ cho anh một cách đầy đủ!

Kim cầm máy ghi âm lên và đi tới bàn của Mark. Anh ra lệnh cho gã cai tù dọn dẹp khay đựng đồ ăn. Xong, anh đặt mảnh giấy với máy ghi âm xuống trước mặt Mark và nói rất dịu dàng:

- Chỉ đọc mất một hai phút thôi. Và chẳng việc gì phải gấp. Anh muốn kéo dài ra tới bao nhiêu lâu cũng được.

Khi Mark ngược mặt lên nhìn người Việt Nam, anh bắt gặp một nụ cười rất thân thiện. Đột nhiên trong mắt người Mỹ ánh lên tia nhìn dao động cực độ và anh gục đầu xuống giữa hai cánh tay. Một hai giây sau, vai Mark bắt đầu run rẩy. Và tiếng khóc sụt sùi của anh,

ban đầu thəm lặng, rồi dần dần lớn hơn cho tới khi vỡ oà, tràn ngập cả căn phòng. Mark khóc nức nở suốt mười lăm phút. Trong thời gian đó, Kim nhẫn nại đứng chờ một bên. Sau cùng, khi Mark lặng yên trở lại, Kim vỗ vai anh như chia xẻ, an ủi và khích lệ. Và mở máy ghi âm.

Kim nói dõ dăng, giọng ngọt ngào dễ chịu như thắm vào xương:

- Trung úy Sherman ạ, chỉ đọc một chút thôi, với giọng bình thường thôi. Chỉ cần anh làm như vậy thôi. Có mất gì đâu. Chỉ có được thôi.

Mark ngồi im trong lòng ghé một hồi lâu, không nhúc nhích. Kế đó anh chậm chậm vươn thẳng lưng lên, cầm mảnh giấy có chữ đánh máy. Trong khi Mark xem tờ giấy, hai gò má anh thỉnh thoảng co giật. Rồi anh lắc lắc đầu, hít vào một hơi dài và thở ra thật lẹ.

Hướng mặt về phía máy ghi âm, anh đọc lớn tiếng với giọng trống rỗng và ngập ngừng:

- Tôi là trung úy Mark Sherman thuộc Không lực Hoa Kỳ. Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết rõ rằng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người. Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bất nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, và tôi đánh giá vai trò của tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...

Thỉnh thoảng Mark vấp vấp chữ này chữ nọ, nhưng mỗi lần như vậy, Kim kiên nhẫn bảo anh đọc lại câu đó thêm lần nữa. Hết lần nào Mark dừng lại và ngó lên, anh đều thấy “Thằng Chăn Lợn”, từ chỗ đứng một bên khung cửa, đang lò mắ gườm gườm ngó anh.

Và anh miễn cưỡng đọc tiếp cho đến hết:

- ...các chính sách man rợ và vô luân của chính phủ Hoa Kỳ hoàn toàn bị kết án bởi các dân tộc tiến bộ trên thế giới.

Mark tiếp tục trong khi cuộn băng ghi âm thəm lặng quay trên bàn bên cạnh anh:

- Và lương tâm tôi sẽ không yên ổn cho tới khi tên lính xâm lược cuối cùng của đế quốc Mỹ bị quét sạch khỏi đất nước Việt Nam...

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 5 -

Naomi Boyce-Lewis nói với nụ cười buồn bã:

- Lúc nào tôi cũng cảm thấy mình bị Việt Nam gạt gắm, ngay cả trước khi tôi biết Việt Nam là gì và ở chỗ nào trên quả đất này. Lúc ấy, hết thấy các con bé học chung lớp với tôi, cha của chúng đều đã trở về. Chúng tôi ăn mừng và rõ ràng chiến tranh đã chấm dứt — nhưng người ta cứ nói với tôi là phải nhẫn nại chờ. Thỉnh thoảng tôi nhận được một lá thư từ một nơi rất xa lạ có cái tên là “Sài Gòn”, một địa danh tại nơi tôi ở chưa ai từng nghe nói tới. Rồi bỗng dung thư từ bất hản, và người ta nói với tôi rằng ông ấy sẽ không bao giờ về nữa. Tôi nghĩ là khi nhận được tin đó tôi vừa buồn vừa tức và thấy nó vô cùng phi lý. Khi tới đây lần đầu năm 1963, tôi vẫn nuôi thật sâu trong lòng mình ác cảm ấy. Tôi suy nghĩ mãi nhưng không hoàn toàn nhận ra rằng tôi cảm thấy Việt Nam mắc nợ tôi một cái gì đó.

Nàng cảm muống lên, loay hoay nghịch một lúc với ly sinh tố ướp lạnh kiểu Pháp vừa được người hầu bàn Việt Nam mặc áo vét trắng mang ra bàn của họ, trên hàng hiên Câu lạc bộ Thể thao, cạnh vườn Tao Đàn. Trong khi ngắm Naomi, Joseph cảm thấy lòng rung rung xúc động. Dù chuyện xảy ra đã hơn hai mươi năm, anh vẫn choáng váng khi tại công viên Lam Sơn đêm qua, nghe tin viên đại tá tình báo Anh từng làm việc chung với mình bị tử thương trong lúc thi hành nhiệm vụ, chỉ một hai ngày sau khi anh lên đường rời Sài Gòn năm 1945.

Trong ký ức của Joseph, đại tá Boyce-Lewis là một nhân vật cách biệt và hơi có vẻ chiều cố, kể với thái độ khinh khỉnh nào đó đã bài bác mỗi thiện cảm người Mỹ dành cho dân Việt Nam bản xứ.

Nhưng hình ảnh ngu ngơ của cô bé khốn khổ chín tuổi đang phụng phịu chờ thân phụ trở về sau cuộc chiến, làm dâng lên trong lòng

anh nổi bồi hồi thương cảm.

Tin tử nạn ấy cũng làm sống động trở lại trong tâm tư Joseph những khoảnh khắc quá đỗi buốt nhói trong đời mình vào khoảng thời gian cuối mùa thu năm 1945 — cuộc tái hợp với Lan và việc cả hai cứu Tuyết thoát khỏi nạn đói trầm trọng ở mạn bắc Trung Việt — và điều đó lại khiến anh cảm thấy xúc động thâm thía hơn.

- Chính xác thì ông ấy tử nạn như thế nào?

- Cha tôi bị một mũi tên tẩm độc bắn trúng cổ tại một khu vực người thượng ở mạn bắc Sài Gòn. Chỉ vài giờ sau, ông qua đời. Naomi nói với giọng đều đều, không xúc cảm và vẫn nhìn xuống đĩa, còn Joseph, anh nhắm mắt mình lại trong vài giây. Một bầu không khí im lặng đáng sợ quện kín hai người. Trong một hồi lâu, cả hai ngồi nhìn đĩa thức ăn và không chạm tới thức uống, không ai nói với ai một lời. Cuối cùng, để phá vỡ tình trạng im lặng, Joseph mở miệng, cố chọn lời nói dối vô hại về những hoài tưởng liên quan tới cha nàng:

- Tôi xin lỗi. Lý ra tôi đừng hỏi. Theo như tôi còn nhớ, Ngài Harold là một người Anh mà mọi người Mỹ, dù thuộc bất cứ tầng lớp nào, cũng đều ngưỡng mộ. Phong cách thanh lịch vô hạn và sức chịu đựng đầy cao nhã, bất chấp mọi khiêu khích, là điều gì đó mà chúng tôi, những thần dân thô thiển cựi thuộc địa của quý vị, sinh ra và lớn lên bờ bên kia Đại Tây Dương, không thể nào thể hiện giống y như vậy. Đôi khi nó có thể khiến cho kẻ khác tức điên người — nhưng nó là một phẩm chất đáng để người ta ganh tị. Tôi nhớ lại bữa ăn tối tại phòng ăn của các sĩ quan tham mưu người Anh, nơi tôi gặp thân phụ cô lần cuối. Và đó cũng là cơ hội cho thấy cái cảm quan mang phong thái Anh trong những tình huống khó khăn. Những bộ đồ ăn bằng bạc cấp trung đoàn, khăn trải bàn bằng vải lanh, và ý thức cực độ về sự chừng mực mà những người dự tiệc đều tôn trọng — cho dù trên đường phố bên ngoài đang xảy ra những trận đánh dữ dội mở đầu cuộc Chiến Tranh Việt Pháp. Đối với tôi đó là một dịp đáng nhớ: được trở về với lối sống văn minh sau bao nhiêu tuần lễ sống chốn núi rừng phương bắc. Đêm đó, tôi khá khiếm nhã khi nổi nóng tới độ mất tự chủ về vấn đề đường lối chính sách của Anh nhưng thân phụ cô, lúc ấy ngồi bên

cạnh tôi, chỉ lịch sự mỉm cười. Và bằng giọng độ lượng, ông đã vạch ra những gì mà ông thấy là sai lầm trong phong cách của tôi. Naomi ngược lên nhìn Joseph, môi mỉm nụ cười ấm áp phản ánh tâm trạng khoan khoái qua những hồi tưởng của anh gợi lên trong lòng nàng:

- Anh thật giống hệt cha tôi! Tôi chưa từng gặp người nào biết chính xác cha tôi làm chuyện gì ở đây trước khi ông qua đời. Và khi nghe tới cái thời đại anh vừa kể, tôi thấy nó rất đối lạ lùng đối với mình. Anh biết không, trong cuộc đời tôi, cha tôi là một hình bóng hết sức mù mờ vì hầu hết quãng thời gian ấy ông đi xa. Dù gì đi nữa, việc nghe anh nói như thế về cha tôi cũng giúp cho tôi phục hồi được ký ức của mình về ông ấy.

Naomi tiếp tục mỉm cười với Joseph trong một chốc. Rồi nàng vội vàng quay mặt sang chỗ khác, như thể bối rối vì lời tâm sự thân mật và quá dễ dãi của mình. Joseph nói nhỏ nhẹ:

- Tôi sung sướng vì những điều nhỏ nhoi mình vừa nói đó đã giúp ích được ít nhiều, và tôi đang ao ước có thể kể cho cô nghe thêm nữa.

- Được nghe những sự việc xảy ra trong thực tế ở đây hồi “bốn mươi lăm” từ một người từng trải qua biến cố đó quả là một việc khá hiếm hoi.

Naomi thêm lần nữa mỉm cười và nhìn Joseph với vẻ hơi tiếc rẻ. Chiếc áo đầm trắng nàng mặc trông thật tươi mát, phía trước cài khuy từ cổ xuống ngang bụng. Mái tóc vừa cắt tỉa, chải thành dợn sóng mềm mại buông xòa xuống vai. Bên ánh nến, trông Naomi dường như thư thái trở lại và đẹp rực rỡ. Nhưng rõ ràng sự phiền muộn do những lời chuyện vãn tối nay gây ra trong lòng Naomi làm khoé miệng nàng thỉnh thoảng run rẩy, khiến nhan sắc ấy mang thêm vẻ dễ bị thương tổn.

Gần như từ đầu tới cuối bữa ăn tối, Naomi ngồi yên trong lòng ghế, cầm tỉ bất động trên lòng bàn tay trong khi Joseph diễn tả chi tiết những biến cố trong đó cha nàng và anh bị cuốn hút vào dạo mùa thu năm 1945. Nàng hầu như không chạm đến thức ăn và ly rượu của mình, đồng thời nói rất ít về mình cho tới khi anh sắp kể xong. Lúc ấy, với mắt nhìn xa xăm, Naomi cất tiếng:

- Tôi nghĩ chính vì cha mình mà giả dụ không trở thành phóng viên đi nữa, tôi vẫn bị cuốn hút phải đi Sài Gòn, không lúc này thì lúc khác, để nhìn xem địa danh ấy giống với cái gì. Nhưng ngay sau khi tới đây lần đầu tiên, tôi nghĩ mình sắp có một loại quan hệ vừa yêu vừa ghét cái xứ sở này. Gần như vừa đặt bàn chân tới đây, tôi đã phát hiện những câu chuyện gay cấn nhất đời mình, với các hình ảnh thu được trong cuộc phục kích ở Mộc Linh và vụ tự thiêu của hoà thượng Thích Quảng Đức. Dù từ lúc đó đến nay đã năm năm, và chỉ cần với một trong hai phóng sự như thếù, tôi đã có thể sống những buổi tối thật an lành tại Luân Đôn...

Thình lình giọng của Joseph run rẩy xúc động:

- Cô cảm nhận nơi này theo cách như thế thì quả thật kỳ lạ. Suốt đời mình, tôi cũng có ít nhiều quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam — thậm chí lúc này, tôi cũng không thể xác định trong hai cảm xúc đó cái nào mạnh nhất.

- Tại sao anh nói như vậy?

- Tôi tới đây lần đầu tiên lúc mới mười lăm tuổi, đi theo một cuộc săn bắn để góp phần sưu tập dã thú cho một nhà bảo tàng vạn vật học do ông nội tôi sáng lập. Tôi hoàn toàn sững sờ trước một dân tộc xa lạ, rừng núi, rồi cung điện ở Huế — nhưng vào ngày chót của cuộc săn bắn, người anh của tôi tử nạn. Do đó trong cùng một lúc, tôi bị xứ sở này làm cho mình vừa say đắm vừa kinh hãi.

Nhưng chuyến đi ấy cũng khiến tôi chọn chuyên đề lịch sử Á Đông. Rồi tựa như con bướm đêm bị cuốn hút vào ngọn lửa, mười năm sau tôi trở lại đây để nghiên cứu cho chuyên đề của mình. Đó là lúc chuyện tình cảm của tôi với Việt Nam bắt đầu đi thật xa và sâu hơn những gì của cô. Tôi cho rằng...

Joseph bỗng ngừng nói, mặt thoáng vẻ bối rối:

- Khốn nạn thật, Naomi, lúc này tôi đã biết ra tại sao cô là một ký giả ngoại hạng. Chỉ mới quen biết cô có hai phút, cô đã làm cho tôi phun ra hết bụng dạ của mình theo cách trước đây tôi chưa bao giờ làm như thế với ai.

Naomi chống chế bằng nụ cười thú vị:

- Nhưng tôi chỉ mới hỏi anh có một câu thôi mà!

- Có thể đó là bí thuật của cô!

Sự cáu tiết của Joseph rất chân thật tới độ lần đầu tiên từ khi gặp nhau, cả hai cùng bật cười. Rồi khi dứt tiếng cười, không cần ai thúc giục, Joseph tiếp tục kể lại câu chuyện tình bất hạnh của mình với Lan, cuộc hôn nhân với Tempe và sau đó, sự phát hiện Tuyết có mặt trên đời. Về phần mình, Naomi cảm động khi nhìn người đàn ông đẹp trai và tự tin ngồi trước mặt mình đang càng tâm sự càng bối rối.

Ánh mắt Naomi đắm thắm quan sát Joseph đang tần ngần xoay xoay chân để ly rượu vang. Trong khi nói, anh hầu như đưa mắt ngó chỗ khác, không nhìn nàng. Ngập ngừng, Joseph chầm chậm nói đến những cảm xúc của mình. Và Naomi có thể nhận ra chúng đã chôn thật sâu vùi thật kín trong lòng anh suốt nhiều năm trời. Anh chỉ đề cập ngắn ngủi tới cái chết của Lan, sự biến mất của Tuyết và việc anh lui về ẩn dật tại đại học Cornell. Sau đó, anh im lặng.

Naomi dịu dàng thúc giục:

- Nhưng sau khi bỏ đi biệt mười hai năm, cái gì làm cho anh đột nhiên quyết định liều lĩnh mở vết thương cũ ra lần nữa và trở lại nơi này?

Lúc lắc đầu rất chậm, Joseph thở ra thật dài:

- Naomi ạ, tôi đang sợ cô sẽ hỏi câu ấy. Cô biết không, sau khi vợ tôi bị tôi rời bỏ, cô ấy kết hôn với một quân nhân hiện dịch. Tôi cho rằng trong thời gian tôi không sống chung với hai con trai mình, ông ấy đã khiến cho chúng cảm thấy cuộc sống nhà binh là quyến rũ. Gary, đứa con đầu lòng mà cô từng gặp ở Mộc Linh, chọn Lục quân. Đứa con thứ hai của tôi gia nhập Không quân. Cả hai xét đoán rất khắc nghiệt việc tôi từ bỏ mẹ chúng. Kể từ ngày đó, Mark từ khước mọi giao tiếp với tôi. Còn Gary, dù có quan hệ ít nhiều với tôi nhưng cũng vẫn chỉ là những gặp gỡ rất hờ hững. Gary vừa trở lại đây được mấy tháng cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai. Hôm kia, hai cha con chúng tôi ăn trưa với nhau — nhưng rất tẻ nhạt. Mark bị bắn hạ ở Miền Bắc trong một phi vụ cất cánh từ Đà Nẵng hai năm trước đây. Dù vẫn hi vọng rằng nó còn sống nhưng tôi không nhận được tin tức gì về nó.

Joseph đưa tay lên gãi chân tóc. Naomi nhìn anh như muốn được

nghe tiếp.

- Khi Gary quay lại Việt Nam thêm lần nữa, tôi vẫn ngồi tại Cornell phân vân nhìn đồng bào mình xâu xé nhau. Tôi thấy mình không thể đứng chung hàng ngũ với những người biểu tình phản chiến cùng những kẻ trốn quân dịch. Tôi cũng không hoà đồng thoải mái với phía bên này hoặc với phía được gọi là đa số thâm lặng. Và bỗng dưng tôi nhận ra rằng chính vì sự ngu xuẩn của bản thân tôi khiến cho cả hai đứa con trai tới đây thi hành nhiệm vụ trong cuộc chiến tranh khủng khiếp này. Nếu trong khoảnh khắc mê lầm ấy tôi không sắp lưng bỏ đi thì có thể các con tôi đã không chọn binh nghiệp. Và thậm chí hiện nay, chú em Guy của tôi cũng đã trở lại đây cho một nhiệm kỳ phục vụ thứ hai tại Toà Đại sứ. Như thế, tình hình tôi cảm thấy mình như người phạm tội thêm lần nữa. Và vì thế, quyết định đầu tiên của tôi là viết một lá thư riêng cho Hồ Chí Minh về Mark. Hồi cuối Thế Chiến Hai, tôi cùng với một đơn vị OSS được thả dù xuống Bắc kỳ. Lúc đó tôi gặp ông Hồ và quen biết khá nhiều với ông ấy. Tôi đi gặp người vợ cũ của mình, thảo luận ý tưởng đó, và tình cờ cô ấy đưa cho tôi xem một lá thư của Mark. Nó chuyển một lời nhắn không đầu không đuôi mà chính nó cũng không hiểu, từ một cô gái ở Đà Nẵng mà nó nghĩ cô ta xưng tên là “Tuyết”...

Hai mắt Naomi bỗng tròn xoe:

- Và anh nghĩ có thể tìm được đứa con gái mất tích của mình! Có phải đó là lý do thật sự khiến anh trở lại đây?

Mỉm cười như thể thú nhận rằng chẳng có gì đáng hãnh diện về một động cơ như thế, Joseph miễn cưỡng gật đầu:

- Tôi nghĩ nếu thành thật thì mình phải thừa nhận rằng lúc đó, đột nhiên tôi có toan tính phải bằng một cách nào đó cứu vãn cho đời mình đừng tan nát nữa. Không có hi vọng gì nhiều rằng Gary sẽ nhìn mọi sự theo cách của tôi và chỉ có Chúa mới biết tôi còn có cơ hội gặp lại Mark nữa hay không. Nhưng sâu trong thâm tâm mình, lúc nào tôi cũng cảm thấy chắc chắn Tuyết đã che giấu cảm xúc thật sự của nó đối với tôi.

Joseph lại thờ dài và uống cạn ly:

- Vì lý lịch của tôi, trong một hai năm vừa qua có mấy cơ quan

chính phủ cố thuyết phục tôi đảm trách một nhiệm vụ nào đó ở đây và tôi luôn luôn từ chối. Nhưng cách đây hai tháng, ngay sau khi nghe nói tới lá thư của Mark rồi lời đề nghị của JUSPAO thỉnh linh từ trên trời rơi xuống, tôi lập tức quyết định tạm gác sang một bên những băn khoăn về tính đạo đức của việc tham chiến.

Naomi chậm chậm đáp lại, như thể vừa nói vừa suy nghĩ. Trong giọng nói của nàng có âm hưởng ngỡ ngàng:

- Joseph ạ, anh có lý, thật là kỳ lạ rằng dường như chúng ta không chỉ có chung mối quan hệ vừa yêu vừa ghét với Việt Nam. Nói cách khác, tôi nghĩ có thể cả hai chúng ta đã làm gần như trái ngược ý muốn của mình, mà tới đây hết lần này rồi lần nọ, để tìm cho ra một cái gì đó mình cảm thấy là hệ trọng — một cái gì đó mà chúng ta luôn luôn linh cảm mình sẽ không có nhiều hy vọng tìm thấy.

Joseph ngẩng đầu sững sờ ngó Naomi. Ánh mắt cả hai gặp nhau và lặng yên nhìn nhau. Ngay khoảnh khắc đó, cả hai cảm nhận ra rằng trong lòng họ đang phát sinh một mối thân tình. Và Joseph mỉm cười với nàng:

- Naomi ạ, khi em tìm kiếm cái gì đó mà em không dám hi vọng sẽ tìm thấy nó thì thật đặc biệt hoặc thật tốt đẹp nếu em tìm thấy cái mà em không bao giờ dám mơ tới việc tìm kiếm nó.

Naomi tinh nghịch mỉm cười đáp lại Joseph:

- Câu anh nói nghe như thể anh dịch từ trong tác phẩm huyền học của một hiền giả Á Đông nào đó — hoặc đó là sự khôn ngoan theo kiểu “chỉ một mình Joseph Sheman mới có”?

- Người Việt Nam có một thành ngữ rất hay và không ủy mị chút nào để mô tả kẻ gặp hên bất chấp mọi điều kiện bất lợi. Họ nói: “Mèo mù vớ cá rán.”

Cả hai cùng phá lên cười. Joseph ngược mắt và nhận ra rằng các thực khách khác đã lần lượt ra về, chỉ còn lại anh và Naomi trên hàng hiên nhìn xuống chiếc sân rộng thênh thang lung linh mấy chiếc lưới quần vợt màu trắng. Mấy người hầu bàn đang sốt ruột chờ tín hiệu họ sẵn sàng rời đi. Joseph ra dấu xin lỗi và gọi tính tiền.

Kế đó, cả hai bước ra đường, đi dọc dưới hàng cây thẳng tắp hai

bên con đường sát hông Dinh Độc Lập. Trong bóng tối ẩm áp dưới tàng cây, hai người im lặng sóng bước bên nhau trong mấy phút, thanh thản tận hưởng niềm khoan khoái dễ chịu mà họ bất chợt cảm thấy nhờ đang ở gần nhau. Sau cùng, chính Naomi là người phá vỡ không khí thình lạng ấy. Nàng nói với giọng trầm ngâm:

- Em nghĩ rằng không người phương tây nào từng dính líu ít nhiều tới Việt Nam mà khi rời nơi đây bản thân họ không bị biến đổi chút nào. Có lẽ về khía cạnh đó, chúng ta cũng khá giống những người ấy. Khi chúng ta ở đây, có một đặc trưng thôi miên nào đó mà em không bao giờ chạm tới được; nó như thể một loại bùa ngải mê hoặc trợn vện tâm trí của chúng ta. Và dù nó là gì đi nữa, dường như nó có sức mạnh làm lộ rõ cái tốt đẹp nhất hoặc cái xấu xa nhất bên trong con người của chúng ta — đôi khi thậm chí cả hai.

- Anh nghĩ là mình biết em có ý nói tới cái gì.

- Ngay ngày đầu tiên ở Sài Gòn năm 1963, em đã cảm nhận ra cái đó. Và vào lúc mới đầu, em nghĩ nó làm lộ rõ cái xấu xa nhất bên trong con người của em.

Joseph hóm hỉnh trả lời:

- Nghe như thể em sắp thổ lộ những điều có thật và thú vị nào đó — hẳn là rất đáng quan tâm!

- Em cũng nghĩ như vậy — nhưng cái này chẳng phải chuyện đùa đâu. Trước đây em có kể với anh rằng em từng gặp Gary và Guy, em của anh, một thời gian ngắn trong nhiệm kỳ đầu ở đây của hai chú cháu ấy. Thật ra, lúc đó em kể không hoàn toàn đúng lắm. Thực tế, em chỉ gặp Gary có một lần thôi. Còn Guy thì em biết rất rõ vì Guy với em thấy đôi bên đều có lợi khi trao đổi nhau tin tức về cuộc khủng hoảng Phật Giáo. Giữa Guy và em có một tình thân hữu hơi nhì nhằng và có tán tỉnh nhau chút đỉnh nhưng trong thực tế chẳng bao giờ đưa tới cái gì cụ thể. Và em muốn kể điều đó cho anh nghe để đề phòng trường hợp em gặp anh và Guy chung một lượt.

Naomi dừng bước. Joseph thấy trong bóng tối, mặt nàng nghiêm trang:

- Joseph ạ, em nói như thế vì em có linh cảm mạnh mẽ rằng tình bạn của anh đối với em sẽ quan trọng — anh hiểu chứ?

Mắt nàng băn khoăn dò xét nét mặt Joseph và anh gật đầu:

- Vâng, anh hiểu.

- Lúc đó, trong khoảng thời gian có cuộc đảo chánh lật đổ Ngô Đình Diệm thì cũng có xảy ra một biến cố khác nữa. Nó liên quan tới Guy, nhưng em nghĩ lúc này em chưa thể kể hết cho anh nghe. Có lẽ tới một lúc nào đó — càng hiểu rõ anh hơn thì em càng dễ kể hơn. Nhưng nó làm cho em đột nhiên thấy rõ bản thân mình — làm cho em nhận ra rằng lúc đó mình có nguy cơ trở thành một cái gì đó mà mình không bao giờ ngưỡng mộ.

- Biến cố gì lúc đó vậy?

Lưỡng lự nhìn Joseph mấy giây, rồi Naomi quay mặt, nhắc chân đi tiếp:

- Joseph ạ, em lúc nào cũng là người có tham vọng. Có lẽ nó dính dáng sao đó tới việc mình là con gái của một người giàu của cải và có tước hiệu nhưng lại là kẻ xa lạ đối với em. Có thể các nhà phân tích tâm lý ở xứ anh sẽ nói với anh rằng em đang cố gắng khẳng định bản thân đối với người cha quá cố của mình hoặc đang chứng minh rằng mình có thể thành công trong một lãnh vực nào đó mà bối cảnh đặc quyền chẳng giúp được gì — hoặc họ cũng sẽ giải thích bằng những thuật ngữ tâm lý rắc rối nào đó. Em không hiểu cái nào là lý do số một, nhưng em nhất định cất bước lên đường để làm cho bản thân và thế giới tin rằng em có thể thực hiện công việc phóng viên truyền hình giống như bất cứ người nào khác, thậm chí còn làm tốt hơn họ nữa. Và quả thật cho tới nay em chưa hề thay đổi ý kiến của em về vấn đề đó. Nhưng trong biến cố em đang nói tới đây, nó làm cho em nhận ra mình thèm khát thành công quá, thèm tới độ trong quá trình thực hiện, mình không màng tới sự đau khổ của người khác — đó là cái em có ý muốn nói khi em bảo rằng Việt Nam thoát đầu làm lộ rõ cái xấu xa nhất ở trong em.

Joseph nói giọng lảng lảng:

- Em chẳng thể nào xấu tới độ như em đang tự tô vẽ nếu đã có lần nào đó trong đời, em từng lắng nghe tiếng nói của lương tâm.

- Lúc này, em sắp mượn câu nói của anh: trước đây em chưa hề kể

với ai như thế này. Nhưng tối nay, trong khi ngồi nghe anh nói, em bỗng ao ước được tin cậy nơi anh. Em có thể kể cho anh nghe tại sao. Và từ ngày đảo chánh Ngô Đình Diệm, em rần hết sức tỉnh táo khi nhìn các tin tức, các câu chuyện mình tường thuật với con mắt trầm ẩn hơn. Em rần hết sức trước tiên nghĩ tới nội dung thông tin chứ không phải chỉ nghĩ tới lợi ích cho bản thân. Em không biết mình có luôn luôn đạt kết quả hay không, nhưng ít ra em cũng đang rần hết sức mình.

Thêm lần nữa Joseph mỉm cười và nói:

- Naomi ạ, anh quen biết em chưa được bao lâu nhưng cũng đủ lâu để biết rằng em là người hiếm có.

Cả hai băng ngang công viên trước Tòa Đô chánh, rẽ về hướng khách sạn Continental Palace. Naomi bước sát hơn vào người Joseph. Nàng vừa đi vừa nắm tay anh như để kết chặt tình thân hữu:

- Người Mỹ các anh rất lệ mồm lệ miệng khen ngợi người khác. Em hi vọng sớm nhận được cái gì đó giống như vậy về anh...

Đang bước xuống bậc thềm khách sạn Continental với một sĩ quan thuộc Sư đoàn Bộ binh 301 vừa dùng chung bữa tối, đại úy Gary Sherman bỗng liếc qua vỉa hè bên kia con đường trước khách sạn. Anh chợt thấy một người vai rộng mặc áo vét-can kiêu nhiệt đới màu nhạt đi bên cạnh một phụ nữ tóc hung thanh lịch và đẹp rực rỡ. Người đàn ông tóc hai bên thái dương lấm chấm bạc và đang cười. Gary lẳng lặng ngó hai người trong vài ba giây rồi giật mình nhận ra đó chính là cha mình. Khoảnh khắc sau, anh cũng biết ra người đang bước sát bên ông tay trong tay ấy là ai. Vừa thấy mặt cả hai, Gary chứng lại tại chỗ và chăm chú ngó họ đang tới thẳng chỗ mình đứng. Vì mãi mê chuyện trò, Joseph và Naomi không thấy Gary cho tới khi cả hai bắt đầu bước lên bậc thềm. Lúc đó, cả hai nhìn lên và thấy Gary đang đứng giữa lối đi của mình.

Về mặt Joseph rạng rỡ một nụ cười tươi tắn:

- Gary! Thật ngạc nhiên quá sức! Bố tưởng con đã hết hạn nghỉ phép, về lại đơn vị rồi. Chắc chắn con có biết cô Boyce-Lewis đây...

- Hẳn nhiên rồi bố. Con với cô ấy từng gặp nhau một lần.
Cô tình nói với giọng lãnh đạm, Gary chào người nữ ký giả Anh bằng một cái gật đầu hồ hững. Joseph vẫn mỉm cười và nói:
- Cô Boyce-Lewis và bố vừa ăn tối ở Câu lạc bộ Thể thao. Bố tiếc đã không biết con còn ở lại thành phố. Nếu biết, cả ba chúng ta đã cùng đi ăn với nhau.

Joseph liếc viên sĩ quan kia nhưng Gary đứng yên, không giới thiệu bạn mình. Gary nói:

- Con vừa thấy hai người băng qua đường — dù sao thì ý kiến đó chưa hẳn hay ho lắm.

Nụ cười trên mặt Joseph hơi nhạt đi nhưng bàn tay vỗ vai con trai vẫn nồng nhiệt:

- Tầm bậy. Gary, bố thật sự rất muốn đi chung như vậy. Lần sau về lại Sài Gòn con phải tới dùng bữa tối với bố. Lúc này bố có chỗ ở yên ổn rồi. Con sẽ phải gặp vài ký giả Mỹ đang viết về chiến cuộc ở đây.

- Được vậy thì tốt quá — còn tốt hơn nữa nếu bố gởi cho con một thiệp mời, in ấn đàng hoàng, để con có thể dàn xếp với Việt Cộng ngừng bắn đêm đó.

Gary vừa nói vừa cười nhưng rõ ràng trong giọng nói có vẻ mỉa mai. Và thêm lần nữa anh gật đầu chào chiếu lệ Naomi trước khi bước thật lẹ xuống hết bậc thềm. Trong một chốc, Joseph nhìn theo bước chân của con rồi quay sang Naomi với vẻ ân hận:

- Anh xin lỗi về chuyện này.

Naomi đáp lại thật lẹ:

- Có gì đâu mà xin lỗi. Em cảm thấy mình có phần lỗi vì đã nắm tay anh.

Joseph nói cương quyết:

- Anh không muốn em nói lời xin lỗi nào về việc đó. Anh chẳng chút nào ân hận về việc đó.

Trong lô phòng của mình nơi tầng ba, Naomi chờ cho tới khi người hầu Việt Nam bung vào chiếc khay đựng chai whisky Scotch, nước đá và nước suối Perrier, mới ngồi xuống cạnh Joseph trên xô-pha. Sau đôi chút lưỡng lự, nàng nắm tay anh:

- Joseph ạ, em không thể nào kể hết cho anh nghe tối nay có ý nghĩa ngần nào đối với em. Cảm ơn anh đã giúp cho em có những giờ phút khoan khoái vì nói rất nhiều chuyện năm 1945 và về cha em — và vì tất cả những cái khác nữa.

- Đối với anh thì ít ra anh cũng đã được nói rất nhiều tới bản thân mình.

Joseph vừa đáp lại vừa mỉm cười. Rồi bất giác anh nâng bàn tay Naomi, dịu dàng áp môi mình lên các ngón tay của nàng. Nàng im lặng nhìn anh, mặt không tỏ vẻ xúc động nhưng không rút tay về:

- Joseph ạ, lúc này em quả thật nên ngủ đôi chút. Sáng mai em phải đi Hồng Kông bằng chuyến bay sớm nhất.

Joseph gật đầu đầy hiểu biết:

- Anh chỉ ao ước em ở đây lâu hơn.

- Chẳng bao lâu nữa em sẽ trở lại đây.

Naomi đứng lên rót rượu cho Joseph và đặt ly xuống mặt bàn thấp trước mặt anh. Trong một lúc, nàng đứng tần ngần bên xô-pha, rồi mỉm cười với anh thêm lần nữa:

- Em sửa soạn đi ngủ đây. Anh có năm phút để uống cạn ly whisky và sau đó, anh muốn đi đâu thì tùy ý.

Vẫn mỉm cười nhìn Joseph, Naomi cởi giày. Và với đôi chân còn mang vớ nàng bước về phía phòng ngủ. Nhưng trước khi mở cửa phòng, nàng ngoái lui nhìn anh và lại mỉm cười:

- Hoặc anh có thể ở lại đây nếu anh muốn.

Joseph ngược lên, ngạc nhiên:

- Anh nghĩ là em vừa nói em phải ngủ đôi chút và ngủ thật ngon.

- Anh nghe không kỹ Joseph ạ. Em nói là em “nên ngủ”.

Sau khi Naomi ra khỏi phòng khách, Joseph cởi áo vét, tháo cà-vạt và ngồi yên cả chục phút bên chai whisky. Cuối cùng, lúc Joseph mở cửa phòng ngủ, anh thấy bên trong mờ mờ tối; chỉ duy nhất một ngọn đèn còn sáng, và Naomi đang ngồi bên mép giường, đưa lưng lại phía anh. Nàng mặc áo ngủ màu trắng viền đăng-ten để lộ đôi vai trần và đang thông thả chải tóc.

Naomi nói với giọng thì thầm, không quay mình lại:

- Em bắt đầu nghĩ là anh chẳng vào đây.

- Anh cảm thấy mình nên đợi — đề phòng trường hợp em đổi ý.

Nàng lắc đầu thật lẹ và để lược xuống. Một lúc sau, Joseph bắt đầu cởi quần áo. Rồi Naomi cảm thấy mặt giường trĩu xuống dưới sức nặng của anh. Nàng nói dịu dàng:

- Joseph ạ, em cần phải nói cho anh biết là em dở kinh khủng cái chuyện ấy. Em hy vọng anh sẽ không bị thất vọng.

Naomi cười thật khê nhưng rõ ràng cơ thể đang căng thẳng. Và khi Joseph lướt môi trên vai nàng, anh cảm thấy da thịt nàng run rẩy.

Anh đáp lại bằng một nụ cười và nói:

- Anh cũng chẳng khá gì hơn. Thật ngạc nhiên là vẻ bề ngoài thường làm người ta lầm lẫn hết sức!

Sau cùng, khi Naomi quay lại nhìn Joseph, đôi mắt nàng mở lớn như thể sững sốt về hành động của mình. Và anh dịu dàng hôn lên trán nàng trước khi ôm nàng trong tay.

Cuộc làm tình của cả hai khoan thai, gần như cẩn trọng và không đam mê bùng cháy. Nhưng trong khoảnh khắc ấy, một cách lặng lẽ và không một lời nói ra, mỗi người đều cảm thấy những ám ảnh riêng tư từng lôi cuốn họ trở lại Sài Gòn hết lần này sang lần nọ, lúc này đột nhiên dẫn tới một trạng thái khuây khoả cho cả hai.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 6 -

Sáng hôm sau, đúng tám giờ rưỡi, trong khi mở khoá cửa văn phòng Joseph nghe bên trong vang ra tiếng điện thoại reo liên tục. Vừa nhắc ông liền hợp lên, anh nghe oang oang giọng khản trương của Guy:

- Joseph, anh qua Toà đại sứ liền bây giờ được không? Vừa xảy ra một chuyện rất đặc biệt!

- Chuyện gì vậy?

- Tôi không thể nói qua điện thoại. Suốt đêm qua tôi gọi anh nơi biệt thự cho tới bốn giờ sáng mới thôi gọi vì bác bếp nói anh vẫn chưa về nhà. Anh chẳng để lại số điện thoại nào cho người ta liên lạc cả!

Mắt Joseph nheo lại khi nhận ra cung điệu khiển trách trong giọng nói của chú em.

- Guy ạ, đêm qua tôi có chuyện bất ngờ. Chú có thể nói cho biết đôi chút tại sao tôi phải lập tức chạy qua bên chú không?

Guy trả lời, giọng rất chậm và đắn đo:

- Chờ anh qua đây tôi mới nói thì tiện hơn. Nhưng tôi cam đoan với anh rằng qua đây càng sớm thì càng có lợi cho chính anh.

- Được, tôi sẽ có mặt ở bên đó ngay lập tức.

Bối rối trong bụng về cú điện thoại khẩn cấp của Guy, Joseph lật đật tới Đại sứ quán Hoa Kỳ, một toà nhà kiên cố mới được xây xong trên khu đất trước kia thuộc Trụ sở Bộ binh Pháp, phía bắc Quảng trường Nhà thờ Đức Bà. Guy đã quay lại Sài Gòn cho nhiệm kỳ phục vụ thứ hai, làm viên chức phản gián phụ trách bộ phận điều tra. Thông thường, JUSPAO — Cơ quan Dân Sự Vụ Hoa Kỳ — có rất ít hoặc gần như không có quan hệ trực tiếp với phân sở CIA Sài Gòn, một cơ quan ngày càng phình ra với các phòng làm việc chiếm hết ba tầng trên cùng của toà nhà sứ quán

siêu hiện đại, tọa lạc sừng sững trên một ô phố góc tây bắc ngã tư Đại lộ Thống Nhất và đường Mạc Đĩnh Chi.

Trong chỗ riêng tư, mức độ ác cảm Joseph từng cảm thấy ngay từ đầu đối với Guy, người em kém mình mười sáu tuổi, đã không vơi chút nào theo với thời gian dần trôi. Và bởi sự khác biệt về tính nết cũng như sự mặc nhiên chấp nhận của cả hai anh em, quan hệ đôi bên lúc nào cũng lạnh nhạt và xa cách. Vì thế, Joseph kết luận rằng chắc chắn Guy gọi anh vì lý do nghề nghiệp. Anh cố lục lại trong ký ức và nhớ ra giữa một tiệc tiếp tân nào đó mình từng nghe có người nói úp mở tới các báo cáo tình báo gợi ý cho thấy Việt Cộng đang dự tính tung ra một cuộc tấn công trên khắp Miền Nam, trùng vào kỳ nghỉ hằng năm sẽ bắt đầu đúng hai ngày nữa.

Về mặt phản ứng chuyên môn, theo sự hiểu biết của Joseph, nếu các kế hoạch tấn công có tính đều khắp như thế bị lộ một cách quá dễ dàng, chắc chắn chúng chỉ nằm trong một thủ đoạn tuyên truyền mới và vì thế người ta chẳng mấy chút tin rằng đang có một sự đe dọa như thế. Joseph cho rằng biết đâu vừa xuất hiện bằng chứng mới mẻ nào đó và Guy muốn trình bày ngắn gọn cách riêng với anh. Thế nhưng Joseph lập tức buông bỏ sự suy đoán đó khi toà nhà sứ quán Mỹ xuất hiện trong tầm mắt anh với trọn vẹn vẻ thô kệch của nó.

Xây dựng ròng rã suốt hai năm và sau cùng, tới tháng Chín năm 1967, toà nhà sứ quán mới này được sử dụng thay cho toà nhà của một ngân hàng Pháp cũ ở đường Hàm Nghi nhìn xuống sông Sài Gòn, một địa điểm mãi tới cách đây bốn tháng vẫn được dùng làm trụ sở ngoại giao của Hoa Kỳ tại thủ đô Việt Nam Cộng Hòa.

Cũng như Dinh Độc lập của Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu, khắp mặt tiền của Đại sứ quán Mỹ được bảo vệ bởi những mảnh bê-tông trông như những mu rùa khổng lồ dùng làm lá chắn chống hỏa tiễn và đạn pháo, tạo cho toà nhà sứ quán có diện mạo y hệt một pháo đài và trông gớm ghiếc như một đằm gở. Bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán là một vòng tường thành cao hơn ba thước. Trên nóc toà nhà sứ quán, người ta xây nhô lên một bệ đáp máy bay trực thăng. Bên trong khu vực, một lực lượng sáu mươi binh sĩ Thủy quân Lục chiến tuần phòng khắp khuôn viên suốt

ngày suốt đêm.

Trong khi đứng nơi cổng chính phía đường Thống Nhất chờ một hạ sĩ TQLC xét thẻ tùy thân, Joseph âm thầm nghĩ rằng chính các tấm lưới mắt cáo chống hoả tiễn của Đại sứ quán và của Dinh Tổng Thống đã biến hai toà nhà ấy thành những đèn đài hiu hắt, thường trực nhắc cho dân chúng nhớ tới tinh thần chiến đấu bền bỉ của bộ đội Việt Cộng. Những phòng thủ ở chốn tận cùng này là một xác nhận công khai và rõ ràng hơn bao giờ hết rằng lực lượng du kích có đủ sức mạnh, không ngăn trở nổi, để tiến công vào hai đại bản doanh song lập của kẻ thù ngay tại trung tâm thủ đô Sài Gòn.

Trong phòng làm việc của mình trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy không mất thì giờ nhập đề. Thấy Joseph vừa bước chân qua cửa, Guy vẫy anh mình ngồi xuống ghế và ấn nút chiếc máy ghi âm trên bàn giấy. Vì chất lượng âm thanh quá tồi tệ khi ghi và sang băng, Joseph nghe không rõ lời giới thiệu. Nhưng anh bật người ngồi thẳng lưng lên ghế khi tai quen dần với những gì rõ ràng được ghi lại từ một chương trình phát thanh trên làn sóng ngắn:

“...Ông nội của tôi là thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, người làm thượng nghị sĩ Đảng Dân Chủ của tiểu bang Virginia từ hơn bốn mươi năm nay. Tôi muốn mọi người biết rõ rằng quan điểm của tôi trái ngược với quan điểm của ông nội tôi. Tôi thấy cuộc chiến tranh xâm lược tàn bạo mà Hoa Kỳ đang tiến hành nhằm chống lại nhân dân Việt Nam anh hùng là một tội ác chống lại toàn thể loài người...”

Trên thành ghế, các đốt ngón tay của Joseph bủn rủn trắng bệch. Anh nhìn đau đáu và chăm chặp chiếc máy ghi âm:

- Cám ơn trời! Ít ra nó còn sống.

Gật đầu khốc liệt, Guy đưa ngón tay lên ngụ ý rằng cả hai nên nghe cho hết đoạn băng ghi âm.

“...Tôi bị bắn rớt trong khi thực hiện các cuộc oanh tạc bắt nhân vào nhà thờ, đình chùa, nhà thương và trường học tại Nước Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà và tôi đánh giá vai trò của tôi trong cuộc chiến này là ác ôn và đáng hổ thẹn...”

Trong nín lặng và choáng váng, Joseph lắng nghe phần tự kiểm

còn lại của Mark. Lúc Guy tắt máy ghi âm, Joseph vùi mặt trong hai lòng bàn tay. Sau cùng, khi ngược lên trở lại, mặt anh xanh xao và anh nói qua hai hàm răng nghiến chặt:

- Guy, nó còn sống — nhưng chúng đối xử với nó khôn nạn tới mức nào mới khiến được nó phải nói ra những lời như thế?

Guy trả lời, giọng run rẩy xúc động:

- Chúng nó hành hạ Mark giống y như chúng hành hạ những kẻ khôn khổ nào lỡ lọt vào tay chúng. Mark gan góc cực kỳ nên có lẽ chúng phải hành hạ nó ác liệt nhất — đó có thể là lý do tại sao chúng tốn nhiều thời gian như vậy để vắt cho ra những câu nhảm nhí tục tĩu đó.

Joseph hát hàm về phía máy ghi âm:

- Cái đó phát đi từ đâu vậy?

- Đài phát thanh Havana Cuba loan đi đêm qua.

Joseph làm bầm chửi thề rồi nhắm mắt lại. Guy nói, giọng sôi sục:

- Giả dụ Mark không phải là cháu của tôi đi nữa thì những lời đó cũng làm tôi lộn ruột. Hơn nữa, vì biết nó vốn là thằng chân chất gan dạ nên cái đó khiến cho mình cảm thấy tệ hại gấp cả chục lần. Đứng lên khỏi ghế, Guy giận dữ sải chân bước ngang phòng và đứng nhìn chăm chặp ra ngoài cửa sổ:

- Anh Joseph này, liệu cái đó có làm cho trí óc anh suy nghĩ về mọi sự đơn giản hơn một chút không? Liệu nó có làm cho anh ít quan tâm hơn một chút tới “những phức tạp sâu xa và lâu đời” mà anh lúc nào cũng cảnh giác tôi? Liệu nó có khiến cho anh tự hỏi rằng có phải toàn bộ những phức tạp này đều quả thật phát sinh từ “sự bóc lột bất nhân” đám dân chúng từng chịu đau khổ dưới thời Pháp thuộc?

Bằng giọng câu tiết, Guy tiếp tục trau chuốt bản trích dẫn những lời Joseph từng nói với hắn trước đây:

- Và phải chăng bản thân những kẻ ấy sở hữu tính nết khoái trá những trò tàn ác và vì thế chúng muốn sát hại, làm tàn phế hoặc làm trì độn người khác chỉ đơn giản là vì cái thú tính khôn kiếp đó?

Joseph mệt mỏi thở dài và đứng lên. Anh nói trầm tĩnh:

- Guy ạ, có lẽ chúng ta sẽ thảo luận vấn đề cũ rích ấy vào một dịp

khác. Trong lúc này, tôi muốn mượn cuốn băng để nếu được thì tự mình nghe lại.

Người em đột nhiên hoà hoãn. Hấn quay lại bàn giấy, ngồi xuống và dịu giọng:

- Joseph, xin anh ngồi xuống đã. Anh có lý — có lẽ đây không phải là lúc chúng ta nói toạc ra những điểm bất đồng. Tôi yêu cầu anh qua đây không chỉ để nghe cuốn băng đó thôi. Có một vấn đề khác còn lớn hơn chuyện đó nữa.

Joseph ngồi thật yên trong lòng ghế, cặp lông mày lo lắng nhíu lại thành một đường lằn:

- Chú muốn nói tới vấn đề gì?

- Tất cả những chi tiết tôi sắp nói ra đây được chính thức xếp loại là mật — chỉ một mình anh nghe thôi, chịu không?

Joseph gật đầu đồng ý.

- Mấy tháng vừa qua, Việt Cộng bắt đầu đưa ra các thăm dò bóng gió về việc thảo luận trao đổi tù binh và về những cái mà chúng gọi một cách ồm ờ trên nhữ là “các vấn đề chính trị khác...”

Joseph mở lớn mắt kinh ngạc:

- Có phải chú có ý nói Việt Cộng muốn thương lượng? Chuyện như thế nghe không hợp chút nào với tính cách của chúng, phải không?

- Trước đây, chưa từng xảy ra chuyện như thế. Nay thì nó có thể là vỏ bọc bao che cho một cái gì khác — chúng tôi không thể loại trừ khả năng đó. Nhưng dù sao đi nữa, rải rác suốt hai ba năm vừa qua, chúng tôi tóm được một số tù nhân quan trọng ở Miền Nam: các cán bộ đầu não của Mặt Trận Giải Phóng. Lốt của chúng dày cộm tới độ mấy ông bạn thăm vấn người Việt của chúng tôi ở đây, tại Sài Gòn này, cũng không thể lốt tới tận tên họ thật của vài đứa trong bọn chúng. Thông thường, bọn chúng vứt hẳn vào sọt rác cái tên do cha mẹ đặt cho và mỗi đứa đều có ít nhất sáu bí danh. Anh thừa biết rằng không tên nào trong tập đoàn lãnh đạo chính trị và quân sự ở Miền Nam này là không do Hà Nội phái vào — nhưng chứng minh cho được điều đó lại là một chuyện khác.

- Và chú hiện có những tiếp cận nhất định liên quan tới các tù nhân ấy, có phải chú đang có ý nói tới vấn đề đó?

Guy gật đầu:

- Đúng thế. Cách đây ba tháng, những móc nối đầu tiên qua các thành phần thứ ba đã làm lộ ra một danh sách nửa tá tù nhân mà Mặt Trận muốn ta phóng thích ngay. Chúng đề nghị rằng để đổi lại, các phi công Mỹ ở Hà Nội cũng sẽ được phóng thích. Suốt mấy tuần lễ vừa rồi chúng tôi không nghe thấy gì cả ngoại trừ đêm qua — chỉ mấy giờ sau khi lời tự kiểm của Mark được Đài phát thanh Havana loan đi.

Joseph vội vàng hỏi:

- Có phải chú cho rằng việc chúng cho truyền thanh lời của Mark tới qua là có dụng ý?

- Gần như chắc chắn. Dường như chúng đánh giá Mark là con chủ bài vì nó là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman nổi tiếng. Đêm qua, Mặt Trận đưa ra danh sách mười hai tù binh Mỹ, lần đầu tiên nêu rõ họ và tên — và trong số đó có tên của Mark.

- Nhưng Guy này, đó là một tin tuyệt diệu!

- Chúng ta hãy cố giữ cái tuyệt diệu đó như một triển vọng — hiện hãy còn quá sớm. Và âm mưu ấy còn dày đặc hơn nữa.

- Chú có ý nói gì?

- Trong danh sách các tù nhân của Sài Gòn mà Mặt Trận muốn ta phóng thích để trao đổi, có thêm một đòi hỏi mới — cho một tù nhân quả thật rất đặc biệt. Hắn bị bắt ở đồng bằng sông Cửu Long cách đây một năm. Kể từ lúc đó, hắn bị biệt giam trong một xà-lim vách sơn trắng, có gắn máy lạnh, tại tầng hầm của Sở Liêm Phóng Pháp thuở trước ở đầu đường Tự Do. Hắn cực kỳ cứng cỏi tới độ ngay cả họ và tên của mình hắn cũng không tiết lộ. Hắn chỉ được chúng tôi đề cập tới với biệt hiệu “người trong phòng trắng” — và đó cũng là cách mà Mặt Trận gọi hắn ở trong danh sách. Chúng tôi biết chắc chắn rằng ít nhất hắn cũng ở trong Ủy Ban Trung Ương của Đảng Lao Động — thậm chí còn có thể là Ủy viên Bộ Chính Trị. Chúng tôi đang bắt đầu nghĩ rằng có thể hắn chính là đối tượng của toàn bộ việc trao đổi tù binh này. Và có thể Việt Cộng chờ cho tới lúc này mới đòi hỏi tới hắn để giả bộ hạ thấp tầm quan trọng của hắn. Suốt mười hai tháng qua, hắn không nói một tiếng. Nhưng chúng tôi biết chắc chắn, một cách tuyệt đối, rằng hắn là

một tên Hà Nội cao cấp nhất từ trước tới nay đang nằm trong tay của chúng tôi.

- Vậy tại sao chú kể hết chuyện đó cho tôi nghe?

- Vì đêm qua, sau khi xuất hiện tên của Mark, bỗng dưng tôi giật nảy người — anh có thể biết rất rõ một điều mà không một người Mỹ nào ở Sài Gòn này biết.

- Điều gì vậy?

- Trong thời kỳ hoạt động phản gián cho OSS, anh từng sống quanh quần nơi rừng núi Bắc kỳ suốt mấy tuần lễ với một nửa các Ủy viên Bộ Chính Trị hiện nay, đúng không?

Joseph thận trọng gật đầu. Guy tiếp:

- Tôi nghĩ khi nhìn “người trong phòng trắng” anh có thể biết ngay hắn là ai. Hắn có thể là một trong các người bạn cố cựu của anh. Việc xác định ra hắn sẽ giúp chúng tôi lượng giá được cuộc trao đổi tù binh này.

Nói tới đây, từ phía sau bàn giấy, Guy đứng bật dậy:

- Tôi thấy là mình có thể tới đó ngó qua hắn một chút.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 7 -

Joseph rung mình khi cánh cửa màu trắng của phòng giam đặc biệt dưới tầng hầm Sở Liêm Phóng cũ, bót Catinat thời Pháp, đóng sầm lại sau lưng anh và Guy. Đôi mắt anh tự động nheo lại dưới ánh chói lọi của những ngọn đèn pha sáng quắc từ bên trên đầu tỏa xuống, chảy lênh láng sàn phòng rồi phản chiếu lên bốn bức vách và dội ngược trở lại trần nhà mà mọi phía đều sơn một màu trắng toát đơn điệu.

Qua các lỗ lưới mắt cáo gắn ở mé cao trên vách, nghe rõ mồn một tiếng nhiều chiếc máy lạnh đặt đầu đó đang chạy vù vù, đều đều, và cái lạnh buốt nhói bên trong phòng cho thấy năng suất cực mạnh của chúng. Trên nền xà-lim diện tích khoảng hai chục thước vuông, người ta chỉ bày biện một xô nước nhỏ, một cái bàn, một chiếc ghế đầu và một giường ván; tất cả đều sơn màu trắng lấp lánh. Trong góc phòng, bên cạnh xô nước, có một cái lỗ, lộ liễu và không che chắn, dùng làm nơi vừa đại tiện vừa tiểu tiện.

Nhân vật cư trú độc nhất trong xà-lim ngồi trên ghế đầu xây lưng về phía họ — một dáng người đứng tuổi, nhỏ thó và rất co rút, mặc trên thân độc chiếc quần cụt màu trắng sờn xơ chỉ. Người ấy gần như cụp mình xuống tới hai lần với hai vai rút lên tận mang tai và hai tay ôm chặt hông để cố sức tự cung cấp chút hơi ấm cho thể xác đang run cầm cập của mình.

Guy nói giọng đều đều:

- Chúng tôi lập ra xà-lim này để đặc biệt dành cho hấn. Trong một cuộc hành quân của Lực lượng Đặc biệt, người ta bắt chột phát hiện bộ chỉ huy của hấn nhờ tình cờ bắt gặp một nhà bếp kiểu Điện Biên Phủ thuở trước ở gần Mộc Linh. Bọn cần vụ của hấn gồm sáu tên bảo vệ và hai tên đầu bếp nên chúng tôi biết mình đã lưới được một con cá cực lớn.

Đưa tay chỉ hai hàng lỗ thông gió đục cao trên vách trong khi hai anh em cùng bước tới phía người tù, người CIA nói tiếp:

- Không phải lỗ nào trên lưới mắt cáo kia cũng dùng để dẫn không khí vào. Chúng tôi gắn các mi-crô cực nhạy và các ống kính truyền hình để ghi nhận từng cử chỉ, từng âm thanh của hấn suốt hai mươi bốn giờ trong ngày dù hấn thức hay ngủ. Cho tới lúc này, hấn không để lộ gì cả. Tuy vậy, cũng cho tới lúc này, hấn chưa bao giờ mặt đối mặt với một sĩ quan OSS từng tiếp tay huấn luyện cái đám du kích Việt Minh còn con mà đầy mơ mộng hồi năm 1945.

Guy cất cao giọng để âm vang rõ hơn trong xà-lim nhưng khi cả hai tới gần, người Việt Nam còm cõi ấy vẫn không nhúc nhích, không quay lại. Thậm chí khi hai người Mỹ đi vòng tới đứng trước mặt, anh ta vẫn tiếp tục cúi mình, co ro ôm chặt thân thể tiều tụy bằng hai cánh tay gầy guộc trơ xương, và họ chỉ thấy đỉnh đầu anh ta cúi xuống. Guy thấp giọng, nói bằng tiếng Pháp:

- Đây đồng chí, tôi đem một người bạn cũ của bác Hồ tới gặp nhà người đây. Hãy để cho ông ta nhìn rõ người một chút.

Trong một hồi lâu, người tù vẫn yên lặng cúi đầu xuống. Nhưng cuối cùng, khi anh ta nhướn mắt lên nhìn họ, Joseph bỗng căng cứng người và ém bụng hít vào nhẹ nhẹ. Dù hai gò má hốc hác lõm sâu và mớ tóc bạc bị cạo sát da đầu, đôi lông mày của một người học rộng và ánh mắt sáng quắc khiến Joseph lập tức nhận ra người Việt Nam ấy. Và ký ức anh quay trở lại thật nhanh thời điểm hai mươi ba năm trước, tới đôi ba ngày ngắn ngủi anh trải qua trên mỏm đá bên ngoài hang Pắc Bó trong thời gian anh được săn sóc phục hồi sức khỏe sau khi chiếc máy bay Warhawk bị rớt. Trong chớp mắt đôi bên nhận ra nhau. Mắt của Đào Văn Lật cũng mở lớn, ánh lên một thoáng phù du, rồi nét mặt lại trở về vẻ trống rỗng cũ.

Guy chăm chú quan sát cả hai người và hấn ghi nhận được những dấu hiệu bất giác ấy. Tiếng hấn sắc lạnh, không kèm được âm vang đắc thắng trong giọng nói của mình:

- Joseph, tôi có thể nói là anh nhận ra hấn. Hấn là ai vậy?

Tiếp tục nhìn Lật đăm đăm, đầu óc Joseph rồi tung với những thôi thúc trái ngược nhau. Làm thế nào anh có thể kết hợp ổn thỏa trong

tâm trí mình hình ảnh một người An Nam trí thức, trẻ tuổi và đầy lý tưởng, kẻ đã từng đọc thơ của Hồ Chí Minh cho anh nghe trên một sườn núi ở Bắc kỳ, với hình ảnh một lãnh tụ du kích chiến chuyên khủng bố phá hoại, pháo kích khu dân cư, ném lựu đạn vào nơi thị tứ, giật mìn xe đồ xe lửa, và rõ ràng cũng đã từng điều hành các chiến dịch đánh phá đẫm máu và không chừa một thủ đoạn nào của Việt Cộng ở Miền Nam? Và nếu anh xác nhận nhân dạng rằng người tù này là một trong những phụ tá thân cận của Hồ Chí Minh, liệu việc đó có kích lệ chính phủ Mỹ trao trả anh ta để đổi lấy một nhóm các phi công bị bắt trong đó có thể gồm luôn cả Mark? Hoặc việc biết rõ người tù này thật sự là ai chỉ khiến cho họ thêm muốn giữ chặt anh ta lâu hơn nữa? Còn nữa, Hồ Chí Minh có thể sẽ không nhả Mark, thậm chí trả thù tàn khốc khi biết ra người chỉ mặt Đào Văn Lật chính là cha của nó?

Trong vài giây, Joseph dấn vật cực độ. Anh không biết trong hai diễn tiến khả thi đó cái nào có thể đưa tới việc phóng thích Mark. Rồi không biết quyết định nên chọn cái nào, Joseph đột nhiên quay lưng lại với Lật. Anh nói chậm chậm:

- Tôi không biết chắc chắn. Tôi nghĩ mình có thể nhận diện được hắn — nhưng tôi không chắc lắm.

Một vẻ nhẹ nhõm lướt qua khuôn mặt Lật. Và anh ta lại thêm lần nữa cúi đầu xuống, mắt nhìn chằm chặp sàn phòng.

- Nhưng hắn từng là một tên trong bọn ở chung với Hồ Chí Minh trong động đá ở Bắc kỳ, phải không?

Giọng Guy giận dữ đề quyết. Joseph quay lại đối đầu hắn và nói với nét mặt cau có:

- Guy này, tôi đã ở Việt Nam trong một quãng thời gian rất lâu, suốt bao nhiêu năm trời và gặp gỡ vô số người. Tôi nghĩ mình có nhớ ra mặt của anh ta ở đâu đó — nhưng có thể là vào hai ba chục năm về trước. Và thuở đó anh ta không bị biệt giam suốt cả năm dài trong cái địa ngục trắng xóa này. Tôi thật sự không nhớ rõ mình có thể đã gặp anh ta ở chỗ nào.

Guy nói lẹ làng:

- Ở Toà Đại sứ chúng tôi có hình ảnh ngược trở lại bốn chục năm về trước. Chúng tôi thừa hưởng kho lưu trữ hình ảnh của Sở Liêm

Phóng Pháp. Có thể anh nhận dạng được một bức ảnh có ghi tên trên đó.

Mắt người CIA liếc xuống Lật lúc này vẫn ngồi đưa mắt nhìn trống rỗng phía trước mặt với thái độ như thể hai người Mỹ đã bỏ đi tự lúc nào.

- Nhưng Joseph ạ, còn có một cái khác có thể giúp gợi lại trí nhớ của anh — nó được ghi vào hồ sơ là “những vết thẹo và đặc trưng cá biệt về thể xác”.

Nắm một cánh tay đang mắc trong còng của Lật, Guy lôi anh ta đứng lên. Rồi với cử động của bàn tay còn lại, Guy túm chiếc quần cụt lỏng lẻo của Lật tuột thật lẹ khỏi hai ống quyển, xuống tận sàn nhà. Vẫn túm chặt cánh tay của người Việt Nam để anh ta không thể cúi xuống kéo quần lên, hắn quay anh ta về phía Joseph theo cách làm sao để háng của anh ta phô ra trọn vẹn:

- Lúc này anh đã biết tôi có ý nói gì — hắn chẳng có một hòn dái khôn nạn nào cả!

Trơ vơ trong bàn tay nắm cứng của người Mỹ, Lật loay hoay rần hết sức vươn cái thể xác ốm o tàn tạ của mình lên để cố giữ đầu ngẩng thật cao nhìn thẳng tới bức tường trắng trước mặt, nơi đằng xa kia, cố sức phấn đấu giữ cho bằng được cái tư thế mà ít nhất theo tâm tưởng của anh, nó cũng biểu lộ một phẩm cách nào đó.

- Anh giải thích ra sao về cái này, Joseph? Liệu có thể hắn từng là một loại thái giám nào đó ở cung đình Huế ngày xưa ngày xưa? Có phải đó là nơi có thể anh từng gặp hắn?

Lật đang nghiêng qua lắc lại cố giữ thẳng bằng. Joseph quay mặt đi ra cửa để khỏi phải nhìn cái thân thể còm cõi và bị thiến của người Việt Nam sáu mươi lăm tuổi ấy.

- Guy, cái đó chẳng giúp ích được gì — hãy để cho hắn mặc quần vào. Chúng ta đi thôi, về xem các bức ảnh.

Joseph gõ mạnh lên cánh cửa, cố ý cho cai tù bên ngoài biết cả hai muốn đi ra và không quay lại nữa. Nhưng trong khi chờ cửa mở, xuyên qua khe mắt, Joseph có thể thấy Lật đang run lẩy bẩy ngồi khom người trên chiếc ghế đầu màu trắng. Hai cánh tay khằng khiu và bị còng đang cố sức túm chiếc quần cụt tả tơi kéo lên che kín háng mình.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 8 -

Vì phòng lưu trữ của CIA về hình ảnh những kẻ tình nghi khủng bố đặt ở tầng trên cùng của toà nhà sứ quán và được xếp chính thức vào loại “Mật” nên Guy phải tháp tùng Joseph đi qua mấy chốt kiểm tra an ninh và ở lại với anh suốt thời gian xem xét. Bên ngoài, thỉnh thoảng tiếng máy bay trực thăng quạt nhịp phân phát nghe rõ mồn một khi đáp xuống hoặc bốc lên từ nóc toà nhà, hợp với tiếng loạch xoạch đơn điệu từ trên rầm rộ của mấy chiếc máy cắt giấy đang xén vụn hồ sơ phế thải, tạo thành một bối cảnh âm thanh đều đều buồn tẻ trong khi Joseph bắt đầu công việc gian nan là xem xét tỉ mỉ tủ hồ sơ dự trữ gồm hàng trăm bức ảnh cũ trong các ngăn kéo nằm rời nhau.

Đứng sau lưng Joseph, Guy chăm chú quan sát. Thỉnh thoảng hắn sốt ruột quay mặt nhìn ra bên ngoài khung cửa sổ bằng nhựa, xuyên qua các lỗ hổng nơi mu rùa lá chắn chống hỏa tiễn, ngó xuống quảng đường cấm xe cộ bên dưới. Joseph làm việc một cách máy móc, lướt qua một chuỗi những bộ mặt người Việt vô danh bị chụp hình bên dưới các biểu ngữ chống đối người Pháp hồi thập niên 1930 mà không thật sự xem xét chúng. Anh chỉ thấy độc nhất trong tâm trí mình khuôn mặt hốc hác của Đào Văn Lật, bị giam giữ trong một ngục sâu lung linh và trống trải nơi có vẻ thích hợp với cảnh giới của truyện khoa học giả tưởng hơn là bản doanh cảnh sát.

Sau vài phút, Joseph ngừng tay. Anh quay lại nhìn chú em rồi hỏi với giọng băn khoăn:

- Ý tưởng lập ra cái xà-lim ác mộng đó là của ai vậy Guy?
- Tại đây là do CIA tưởng tượng ra.
- Nhưng sao lại sơn màu trắng? Tại sao nhiệt độ gần như đông lạnh và thêm nữa, có các ống kính thu hình thám sát?

- Anh thừa biết rằng người Việt Nam nào cũng lật đật chạy đi mặc áo lạnh khi nhiệt độ xuống dưới hai chục độ, phải không? Giống với hết thầy đồng bào của mình, người tù sẽ mừng tượng mạch máu của hấn co rút lại trong nhiệt độ lạnh — đó là kỹ thuật làm mất định hướng. Cũng vì lý do đó nó được sơn màu trắng.
- Một nơi như thế có vẻ khiến người ta mất trí hơn là làm cho người ta mở miệng.

Guy lẹ làng đáp trả:

- Thật là một tình cảm đáng ngạc nhiên, phát xuất từ một người vừa biết tin con trai mình bị hành hạ tới nổi trĩ độn tại Hà Nội.
- Nhưng đó không phải là lý do khốn nạn khiến cho chúng ta phải làm như thế!

Guy cố ý đặt cả hai tay lên mặt tủ và chồm người tới trước:

- Anh nghe đây! Ngay tại Sài Gòn này, những người bạn đồng minh nhỏ thó của chúng ta cũng hiểu rõ kỹ thuật “thuyết phục dịu dàng” không kém người anh em ruột thịt của họ tại Hà Nội. Và chúng tôi không thể ngăn cản chuyện đó — anh nhớ cho đây là xứ sở của họ. Chúng tôi phải cương quyết đặt ông bạn của chúng ta vào xà-lim đặc biệt đó là để mang hấn ra khỏi nanh vuốt của họ — nghĩa là để bảo vệ hấn. Những người Việt Nam canh gác và phụ trách máy ghi âm và thu hình là do chúng tôi trả lương — họ là nhân viên của CIA. Chúng tôi dứt khoát phải làm như thế. Nếu để hấn cho người Việt Nam Cộng Hòa thì hấn toi mạng từ lâu rồi.

Joseph khịt khịt mũi cáu tiết:

- Chúc mừng chú! Chú đã khám phá ra một hình thức tra tấn nhân đạo đầu tiên trên thế giới!

Guy trả miếng:

- Nếu anh rất quan tâm tới ông bạn của chúng ta thì anh chỉ việc tìm cho ra một tấm hình và cho chúng tôi biết họ với tên của hấn. Lúc đó, hấn sẽ mở miệng. Nghe xong chúng tôi sẽ khoác cho hấn một cái áo ấm, và anh sẽ hoàn toàn thấy rằng dù sao đi nữa làm như thế vẫn tốt hơn. Anh không hiểu ư? Chúng ta đang có cơ hội bằng vàng để đạt tới một thoả thuận to lớn qua đó sẽ khiến cho Mark được phóng thích — nếu anh làm được chỉ một việc thôi là làm sao cho bật ra cái họ và tên của hấn.

Vì khuôn mặt của Guy quá gần, Joseph bất chợt nhận ra một cách sắc sảo hơn bao giờ hết cái nét gô-loa trên vẻ mặt của hắn. Tóc đen, mặt nhỏ và dài. Vẻ mặt hăm hở ấy bỗng dung nhắc anh nhớ tới một người anh biết rất rõ. Và anh giật mình rúng động trong lòng khi nhận ra mình đang nhìn một phiên bản khác của bộ mặt Paul Devraux thời trai trẻ. Đôi mắt Guy bốc lửa, cùng một loại dám sống dám chết với cái lý tưởng mà chung cuộc đã chứng tỏ cho người Pháp đó thấy tính định mệnh của nó. Ngay khoảnh khắc ấy, Joseph quyết định bỏ qua bất cứ bức hình nào trông có vẻ giống Lật, có thể được anh tìm thấy trong phòng lưu trữ này. Không đáp trả Guy, anh quay lại tủ hồ sơ. Rồi với cử chỉ máy móc, Joseph lại bắt tay tiếp tục việc kiểm tra các bức hình.

Trong gần mười lăm phút, Joseph lọc lựa hết ngăn kéo này sang ngăn kéo khác, cố ý tạo ấn tượng rằng anh đang xem xét cẩn kẽ từng phong bì bên trong đựng ảnh và làm như chú mục nhìn kỹ hơn vài bức rồi lướt qua thật lẹ các bức khác. Cùng với tiếng đồng hồ kêu tích tắc, Guy càng lúc càng thêm nôn nóng. Trong khi chờ đợi, hắn bắt đầu nhấc chân bước, chậm chậm đi tới đi lui. Tình cờ, Joseph quyết định nhìn tỉ mỉ hơn một bức hình có vẻ như một chân dung vô danh nào đó. Rồi một bộ mặt phụ nữ hiện ra dưới mắt Joseph làm tim anh nhảy thót trong lồng ngực.

Dù ánh mắt của Joseph chưa hoàn toàn tập trung nhưng đôi gò má cao với hai con mắt đặc biệt sáng rực, từng có thời hết lượt này tới lượt khác hề gặp anh lúc nào là chậm chọc và kết án anh lúc đó, đã làm loé lên trong anh một thông điệp. Nó được gửi trực tiếp và nhanh nhạy tới một bộ phận nào đó trong đầu anh khiến óc não vốn thường trực thao thức đón chờ nay bùng lên vì đã tới khoảnh khắc tiếp nhận.

Bức hình có vẻ như được phóng lớn, chụp bằng ống viễn kính từ một điểm rất xa. Không đội nón và rõ ràng không biết mình đang bị chụp lén, đứa con gái của anh trong bức ảnh với mái tóc dài buông xuống phía trước vai trái, thắt bằng chiếc nơ dày và xinh xắn. Phía sau nó là hậu cảnh một xóm nhà tranh và mấy lùm dừa nước gợi cho thấy nó đang ở tại một làng quê vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với hai tay run lẩy bẩy, Joseph lật bức hình và

đọc hàng chữ đánh máy ở mặt sau: “*Tuyết Lương, tỉnh Long An, tháng Giêng năm 1963.*”

Sau một lúc chột lặng nhìn bức ảnh, Joseph nhận ra Guy đã dừng bước. Đứng từ đằng kia phòng, hắn đưa mắt ngó tới và thấy anh mình đang nhìn chăm chú. Trong một thoáng, ánh mắt hai anh em chùng lại, rồi Guy bắt đầu bước về phía Joseph. Nhưng hắn chưa kịp tới kế bên, Joseph đã bình tĩnh cho bức hình vào lại phong bì bằng giấy màu nâu và nhét nó vào nằm lẫn giữa các phong bì khác.

Guy sắc giọng hỏi:

- Anh đã tìm ra ai có vẻ giống hắn chưa?

- Chưa — không có ai đáng để ý.

Joseph nói, không ngước mắt và tiếp tục kiểm tra từ hồ sơ này qua hồ sơ khác suốt năm phút. Sau đó anh đứng lên, dụi mắt:

- Guy, chú có phiền lòng không nếu chúng ta tạm ngưng ở đây và để một lúc nào khác sẽ làm xong việc này? Tôi muốn có chút thì giờ ra bên ngoài để nghe lại cuộn băng của Mark. Và có lẽ liên lạc với Gary nữa để báo cho nó biết.

Guy miễn cưỡng gật đầu:

- Được thôi. Có điều chúng ta rán trở lại với việc này càng sớm càng tốt.

Hắn tháp tùng Joseph tới lối ra của Đại sứ quán rồi lập tức quay lại phòng lưu trữ hình ảnh. Đi một mạch tới ngăn kéo cuối cùng nơi Joseph vừa làm việc, hắn xem xét những bìa hồ sơ quăn một góc bên trong đựng các bức ảnh. Lúc này, khi bước về phía Joseph, Guy đã cẩn thận liếc tẩm bìa hồ sơ mà Joseph đặt lại vào đó một tấm hình rõ ràng vừa làm cho ông anh giật mình. Để ý trên góc tẩm bìa đó có chút sồn rách, hắn ghi nhớ vị trí phía trước cái ngăn kéo Joseph vừa xếp hồ sơ vào đó. Giờ đây, kéo ngăn ra thêm lần nữa, Guy lôi ra một bức ảnh. Hắn bắt gặp khuôn mặt xinh đẹp của một thiếu nữ trông có vẻ như người có cha mẹ dị chủng. Lật mặt sau tấm hình, hắn đọc câu ghi chú rồi viết họ tên thiếu nữ cùng số tham khảo vào một mảnh giấy.

Guy bốc điện thoại lên gọi và một viên phụ tá xuất hiện nơi khung cửa. Hắn yêu cầu anh ta kiểm tra họ và tên của thiếu nữ trên máy điện toán. Xong, hắn vẫn ở lại trong phòng lưu trữ, thỉnh thoảng

ngắm bức ảnh. Năm phút sau, người phụ tá quay lại với một tờ giấy vừa in ra trên tay. Anh ta nhìn xuống tờ giấy và nói:

- Suốt ba năm vừa qua, có đưa vào hồ sơ mấy bản báo cáo về tung tích của Tuyết Lương nhưng không bản nào được xác nhận và được tiếp tục theo dõi. Báo cáo từ Qui Nhơn và Đà Nẵng cho biết thường thấy cô ta tại hai nơi đó. Báo cáo sau cùng là từ Huế hai tháng trước đây. Tội nguyên thủy của cô ta là tình nghi hạ sát hai nhân viên cảnh sát an ninh VNCH vào năm 1961. Và người ta tin rằng một tháng sau đó, cô ta đã ném lựu đạn vào hai nhân viên hoạt vụ của ta. Cả hai thoát chết, chỉ bị thương nhẹ. Hai bản báo cáo đầu tiên về tung tích chỉ có tính thông lệ. Khi nhận được chúng, đã không có hành động tiếp theo nào vì lúc ấy có nhiều hồ sơ khẩn cấp ưu tiên. Báo cáo sau cùng vẫn nằm y nguyên trong hồ sơ vì không người nào có đủ quan tâm để dõi theo nó. Có thể nói trong thời gian hiện nay, Tuyết Lương không có gì đáng chú ý nữa. Guy gật đầu, cầm lấy bản in trên tay người phụ tá:

- Cho lệnh Huế kiểm tra dấu vết. Khi nhận được kết quả, lập tức báo cho tôi biết.

Người phụ tá trả lời nhanh nhẩu:

- Vâng thưa ông. Tôi tiến hành việc đó ngay bây giờ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 9 -

Tối đó bên bàn ăn, Joseph ngồi một mình, mắt lẳng đặng nhìn vào bóng tối bên kia mấy ngọn nến vừa được bác bếp thắp lên. Tô canh chua đặt trước mặt hơn mười lăm phút anh không chạm đũa đang nguội dần. Cứ cách vài phút, bác bếp lại thập thò trước cửa nhìn ra, xem anh dùng xong chưa để dọn lên món kế tiếp. Sát bên khuỷu tay Joseph để sẵn một chai rượu đế Việt Nam loại Gò Đen nguyên chất và một chiếc ly có chân, nhỏ và mỏng. Anh thường đều đặn nâng ly nhấp chút rượu gạo nồng đượm ấy nhưng không muốn đụng tới thức ăn.

Lúc con người thấp và mập của bác bếp im lặng xuất hiện bên cạnh, Joseph giật mình ngó lên. Rồi anh đưa tay ra dấu xin lỗi khi thấy người Việt Nam nhìn anh với vẻ trách móc vì tô canh vẫn còn nguyên:

- Bác Hoi ạ, tôi xin lỗi — tối nay tôi không cảm thấy đói.

Người bếp phản nản bằng nụ cười năn nỉ:

- Nhưng Monsieur Sherman, canh chua là món canh ngon nhất của tôi. Ông không biết chứ nó là món đặc sản; gồm cá lóc, giá, khóm, cà chua, đậu bắp, bạc hà... Tôi nấu toàn đồ ngon đồ bổ cho ông ăn. Monsieur chịu khó ăn đi. Món bò nướng lá lốt cũng chín tới nơi rồi.

- Không sao đâu bác Hoi. Bác cứ mang món bò nướng lá lốt ra đây cho nóng. Tôi sẽ rán ăn đôi chút.

Người Việt Nam cầm tô canh lên, vội vã bung trở vô nhà bếp. Bác chưa trở ra với món bò nướng bỗng có tiếng điện thoại reo. Joseph nghe bác trả lời giọng áp úng, lơ lơ thứ tiếng Anh ngắc ngứ chêm mấy tiếng Pháp bồi. Khi xuất hiện trở lại với mấy xâu thịt bò xanh đượm — bò vằm thật nhuyễn ướp gia vị, gói trong lá lốt rồi nướng trên lửa than thật hồng — bác mỉm cười sung sướng:

- Monsieur Sherman, em ông mới gọi đó. Ông ấy hỏi tôi ông có nhà không. Khi tôi nói ông đang ngồi một mình, ông ấy bảo sẽ tới đây ngay. Tôi mang thêm chục xâu bò nướng lá lốt cho ông em của ông có được không Monsieur Sherman?

Mặt Joseph thoáng mờ, rồi anh gật đầu:

- Được, nếu chú ấy chưa ăn tối.

Mười lăm phút sau Guy tới. Bác bếp cười tươi rồi dẫn khách vào phòng ăn. Chưa đầy một phút, đĩa bò nướng đã được đặt xuống trước mặt khách. Guy nói với vẻ như xin lỗi:

- Tôi không có ý tự động tới đây để dùng bữa tối. Thật ra, tôi chỉ muốn nói chuyện với anh.

Rót rượu trắng cho cả hai anh em, Joseph đáp với vẻ mặt dè dặt:

- Chú tới lúc này càng tốt. Bác bếp của tôi thích có người thưởng thức công trình nấu nướng của bác nhưng tối nay tôi lại phụ lòng bác. Washington có phản ứng gì về việc trao đổi tù binh chưa?

- Chưa — nhưng chúng tôi nhận được một yêu cầu khẩn cấp của Bộ Ngoại giao về việc cố tìm cho ra “người trong phòng trắng” thật sự là thằng cha nào. Chẳng người nào ở thủ đô Washington ưa nổi cái ý tưởng để cho một kẻ không tên không họ được ra đi tự do.

Guy nhấp rượu và bắt đầu ăn. Hắn sử dụng đôi đũa bằng động tác thành thạo lạ thường:

- Đó là lý do tôi có mặt tại đây — để cố thuyết phục anh tối nay quay lại Toà đại sứ nhằm tra cứu cho xong mấy bức hình.

Thay vì trả lời, Joseph uống cạn ly rồi lại rót đầy. Anh không nhìn em cũng không chạm tới món bò nướng. Trong vài phút, Guy im lặng ăn rồi đẩy đĩa ra xa, ngồi dựa ngửa ra lưng ghế. Hắn nói với giọng nôn nóng:

- Joseph này, anh biết không, tôi chẳng bao giờ có thể đọc được những gì đang diễn ra trong đầu anh. Anh luôn luôn tỏ ra hết sức lãnh đạm với tôi vì những lý do chỉ một mình anh biết rõ. Còn tôi, tôi chấp nhận chuyện đó như là định chuẩn tới một mức nào đó, trong quan hệ giữa anh và tôi. Nhưng thật khôn nạn, tôi bắt đầu nghĩ rằng anh hẳn là một loại sinh vật nào đó có máu lạnh từ đầu tới chân. Phải chăng anh không có chút cảm xúc nhân tính nào?

Sau hai năm trời, anh mới biết được thằng con trai thứ hai của anh còn sống trong khi có thể nó đã chết. Rồi thay vì làm hết sức mình để giúp nó, anh lại nhốt mình một chỗ, trong cái biệt thự này. Anh ngồi ăn tối một mình và không làm gì cả! Tôi thật sự hoàn toàn hiểu không ra.

Joseph đặt ly xuống, nhìn đứa em ngồi bên kia bàn:

- Guy ạ, bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu người tù trong phòng trắng ấy đúng là một kẻ nằm trong hàng ngũ chớp bu do Hà Nội phái vào, thì việc đó có thể làm hại toàn bộ cuộc thương lượng liên quan tới Mark. Nghĩa là người nắm quyết định giữ hoặc thả hoặc trao đổi hẳn chắc gì sẽ hoàn toàn tùy thuộc vào ý muốn của chú? Bộ chú không thể nghĩ ra rằng nếu tôi nhận diện được hẳn một cách xác thực, thì hành động đó của tôi tự nó có thể khiến cho Hà Nội kết án Mark chịu thêm vài năm bị hành hạ khổ sở — thậm chí có thể tàn tệ hơn nữa?

Trong một chốc, Guy trầm ngâm nhìn Joseph. Khi mở miệng trở lại, giọng của hắn bỗng có thiện cảm hơn:

- Tôi nghĩ tôi đã không nhìn vấn đề từ góc độ đó. Vậy phải chăng như thế có nghĩa anh biết rõ hẳn là ai — nhưng lúc này anh không nói ra?

Joseph đột ngột đứng lên, rời bàn và bước vào nhà bếp. Khi trở ra, anh mang theo một chai rượu để còn nguyên. Rồi vẫn im lặng, anh rót đầy ly của hai anh em. Guy cầm ly mình lên:

- Thôi được. Tôi có thể thấy là anh không muốn trả lời câu hỏi đó. Ngay lúc này, tôi không hối thúc anh về chuyện đó nữa. Nhưng có lẽ chúng ta đang đạt được một tiến bộ nào đó. Lần đầu tiên trong đời mình, anh thật sự san sẻ tâm sự với đứa em quá ít tuổi hơn anh này. Có lẽ chúng ta nên uống mừng điều đó.

Guy vừa nhếch mép cười vừa nâng ly lên môi. Dù giọng điệu hơi có vẻ châm biếm, thái độ của hắn mềm mỏng một cách đáng chú ý. Bỗng dưng Joseph cảm thấy lòng nhói nhói ân hận vì đã luôn luôn giữ thái độ xa cách đối với em. Anh nói tàn nhẫn:

- Guy ạ, có lẽ tôi cũng nên kể cho chú nghe một chuyện khác nữa. Hôm nay, không phải tôi chỉ bị choáng váng một lần thôi — nhưng trong khi lướt qua các bức ảnh đó, tôi còn bị một cú choáng váng

thứ hai.

- Phải chăng anh có ý nói là khi anh nhìn vào bức ảnh cô gái nhà quê ấy...

Nói tới đây Guy ngừng lại một cách đầy ý nghĩa rồi hỏi:

- Tuyết Lương?

Mắt Joseph mở lớn kinh ngạc:

- Làm sao chú biết?

- Tôi thấy vẻ mặt của anh khi đó. Lúc anh chuỗi nó vô lại ngăn kéo, tôi ghi nhớ trong đầu mình vị trí đặt hồ sơ đó. Sau khi anh ra về, tôi kiểm tra nó và tôi đoán chắc cô ta là người anh từng gặp vào một lúc nào đó — một người mà lúc đó anh không nghĩ nó là Cộng Sản. Phải vậy không?

Joseph cúi đầu xuống. Anh nói trong khi mắt nhìn mặt bàn:

- Không. Không đúng. Tuyết Lương là con gái của tôi.

- Con gái của anh?

Guy há hốc miệng không tin nổi. Trong một lúc hẩn ngồi yên nhìn Joseph chăm chăm. Kế đó hẩn gật gù mấy lần:

- Tôi nghĩ lúc này mình đã hiểu tại sao anh ngồi đây trong bóng tối và không nuốt nổi bữa ăn chiều.

- Từ năm 1954 tới nay tôi không gặp Tuyết — lúc đó nó mười bảy tuổi. Kể từ khi trở lại đây, tôi nghe người ta nói tới một người có cái tên giống như tên nó đang nằm trong danh sách “truy nã” — nhưng tôi thật sự không bao giờ tin những lời đồn đãi đó cho tới sáng nay, khi nhìn thấy bức ảnh ấy.

- Nhưng mẹ của nó là ai? Và lý do khốn nạn nào khiến nó đi qua phía Việt Cộng?

Joseph trả lời với vẻ cam chịu:

- Guy ạ, chuyện dài lắm. Nhưng nếu chú có thì giờ thì tôi rất muốn kể hết cho chú nghe.

Guy nói thật lẹ:

- Anh kể đi, nếu việc đó làm anh nguôi ngoai và tôi có thể giúp được phần nào.

Bằng giọng đôi khi nghèn nghẹn vì xúc động, Joseph kể cho chú em nghe về sự dính líu lâu dài giữa anh với Lan và Tuyết, không giấu diếm điều gì. Khi anh chấm dứt, Guy thở ra một hơi thật trầm

và thật mạnh:

- Trong nhiều năm trời, tôi có nghe nói loáng thoáng trong gia đình về cái chuyện luẩn quẩn ấy nhưng tôi không bao giờ tưởng tượng nổi những chuyện đó lại hoàn toàn có thật và xảy ra trong cuộc đời của anh.

Guy cầm chai rượu lên, thêm lần nữa rót đầy ly của Joseph và của mình. Hai anh em lặng yên trong một trạng thái không nói nhưng đầy cảm thông. Sau cùng, Guy cất tiếng với giọng kinh ngạc:

- Joseph này, anh có biết không, đây là lần đầu tiên trong đời anh không dẫn đo giữ kẽ với tôi. Tôi tán thưởng thái độ ấy còn hơn anh tưởng nữa. Lúc còn bé, tôi cứ bắn khoăn ngấm nghĩ hoài về việc tại sao anh lại có thái độ như thể cố tình gây thương tổn cho tôi hoặc cố tình ghét bỏ tôi. Trong một thời gian rất dài, anh khiến cho tôi có cảm tưởng rằng tôi bất xứng, không đáng làm em của anh hoặc của anh Chuck. Anh có nhớ không?

Joseph đáp lại, giọng trầm hẳn:

- Tôi biết. Tôi biết mình đã cư xử như thế đối với chú, và chưa bao giờ tôi có chút hãnh diện nào về thái độ đó — thật ra chú chẳng có lỗi gì trong việc đó.

Guy mỉm cười hoang mang:

- Anh nói như vậy là có ý gì?

- Tôi hoàn toàn phi lý. Tôi đã qui trách cho chú về một việc không can dự gì tới chú.

- Đó là việc gì?

Trong khi cân nhắc lời lẽ để trả lời, Joseph choáng váng nhận ra rằng anh đang vô tình đi tới điểm sắp sửa kể cho Guy nghe câu chuyện từng được anh thề sẽ giữ câm lặng suốt đời. Liếc chai rượu để thứ hai trên bàn, đặt ở giữa hai anh em, Joseph thấy chỉ còn một góc chai và anh ân hận mình đã để cho rượu vào lời ra. Đưa tay lên dụi hai mắt, anh nói thật lẹ:

- Bỏ qua đi Guy. Đó chỉ là rượu nói thôi.

Guy trút hết phần rượu còn lại vào cả hai ly rồi cười lớn:

- Không được. Anh không thể chuồn êm như vậy được. Lúc này rượu đã bắt đầu nói rồi thì cứ để nó nói luôn cho xong chuyện.

Trong cùng một lúc, cả hai nâng ly lên uống và Joseph đáp lại với

một nụ cười:

- Guy ạ, tôi không biết chắc là mình nên bắt đầu câu chuyện như thế nào — nhưng tôi nghĩ chú có lý — nó là một cái gì đó quả thật chú nên biết trọn vẹn từ đầu tới cuối...

Guy cười thúc giục:

- Anh nói lên, bỏ cái lời úp úp mở mở đó đi. Tối nay tôi lớn bộn rồi!

- Thôi được. Có bao giờ chú tự hỏi tại sao bố và mẹ chung sống với nhau chừng ấy năm trời trong ngôi nhà rộng thênh thang ở Georgetown mà mỗi người lại ở riêng một tầng lầu? Có bao giờ chú tự hỏi tại sao mẹ uống quá nhiều rượu vào những năm cuối đời của bà? Có bao giờ chú tự hỏi tình trạng đó xảy ra đã bao lâu rồi không?

Guy mỉm cười yếu ớt:

- Không. Quả thật tôi chưa hề suy nghĩ tới tình trạng đó. Lúc đó, tôi cứ cho rằng một thượng nghị sĩ Virginia ưa náo nhiệt như bố thì lúc nào cũng cần nhiều không gian cho những sinh hoạt chính trị khoa đại và phô trương của ông, và bà mẹ khôn ngoan của chúng ta thích giữ một khoảng cách an toàn đối với bố.

Nhìn sâu vào đáy ly rượu, Joseph bỗng dưng thấy lại hình ảnh của mẹ vào thời điểm khoảng một tháng trước ngày bà từ trần. Hôm đó Flavia đón anh và đưa lên các phòng riêng của bà được trang trí lộng lẫy nơi mấy tầng trên của toà nhà to lớn tại đường Dunbarton, Georgetown. Ở mỗi đầu chiếc bàn dùng đãi tiệc trưa đều sắp riêng ra cho Flavia nhiều chai rượu. Và bà một mình uống hết một chai rượu trắng. Uống xong, Flavia thả ly rượu hình bầu dục vô lò sưởi. Rồi bà vừa khóc nức nở trong hai cánh tay của con trai vừa thổ lộ điều bí bà gọi là “bí mật khủng khiếp” về sự chào đời của Guy.

Bà kinh hãi nhìn Joseph khi anh bảo rằng anh biết điều đó từ lâu. Rằng đêm ấy anh đã tình cờ thấy bà trong cơn bão rừng khuya và anh đã nhận ra Guy càng lớn càng giống hệt người cha ruột của hắn. Trước khi Joseph ra về, bà bắt anh hứa sẽ không bao giờ tiết lộ bí mật ấy cho cha anh hoặc Guy biết. Lúc này, trong khi Joseph chợt nhớ lại và Guy chờ anh kể tiếp câu chuyện, lời thề ấy thêm lần nữa ám ảnh trí óc anh. Anh bỗng nghe mình chắt lưỡi:

- Guy ạ, chú biết không, chuyện không hoàn toàn đúng như chú nhớ. Bố và mẹ không chỉ sống riêng mỗi người một tầng lầu suốt hai mươi năm sau cùng mà thôi — thậm chí từ vài năm trước khi chú ra đời, bố và mẹ đã không ở chung với nhau một tầng lầu.
 - Có phải đó là lý do khiến ông già thích nhắc lại và thường đùa cợt với tôi rằng tôi được “gây giống” ở trong rừng nhân một chuyến đi săn?
 - Đúng ở một mức độ nào đó — nhưng cái mà ông không bao giờ biết là sự thật của sự việc đó như thế nào.
 - Joseph này, ngang đây thì cách tốt nhất là anh nên làm rõ ra anh có ý nói tới cái gì, để cả anh lẫn tôi đều hiểu rõ những gì anh đang nắm được.
 - Guy ạ, tôi đang tìm cách kể cho chú nghe đây. Rằng cái người mà lúc nào chú cũng nghĩ là bố ấy, người đó không thật sự là cha ruột của chú.
- Nụ cười lập tức tắt dần trên bộ mặt của Guy. Môi hắn mím lại. Bộ mặt hắn từ từ biến thành một cục đá. Sự tiết lộ tàn nhẫn đó làm hắn nín lặng. Và Joseph cảm thấy một đợt sóng cảnh giác đang trào lên trong lòng mình. Anh vội vàng nói:
- Ngoài tôi ra, không một người nào khác biết chuyện này Guy ạ. Tôi đã thề không bao giờ kể với ông ấy — hoặc với chú — nhưng tôi nghĩ chú có quyền biết.
- Guy hỏi dữ dội giữa hai hàm răng nghiến chặt:
- Và vì lý do khôn kiếp nào mà anh được chia sẻ cái bí mật khủng khiếp đó?
 - Mẹ thổ lộ với tôi mấy tuần lễ trước khi bà qua đời. Mẹ bị dẫn vật tâm trí và bà phải kể với một kẻ nào đó để vơi bớt khổ não.
 - Nhưng tại sao kẻ đó phải là anh?
 - Có lẽ mẹ cảm thấy rằng tôi hiểu câu chuyện về trại săn ấy là có thật. Chú biết không, vị thượng nghị sĩ vĩ đại của Virginia đã say quá cần câu trong đêm xảy ra việc đó. Tôi thấy ông đi chân nọ đá chân kia khi về lều của hai ông bà. Rồi một lát sau, liếp lều mở và tôi thấy mẹ chạy ra ngoài, dưới trời mưa bão...
 - Thế rồi anh đóng vai kẻ ưa nhìn lên! Hèn gì anh biết mặt cha ruột của tôi!

Guy cao giọng kết án và Joseph gật đầu.

- Thế thì ông ấy là ai?

- Một người Pháp hướng dẫn săn bắn — một cựu sĩ quan quân đội Pháp. Sau đó, ông ấy làm thanh tra Sở Liêm Phóng tại đây, vào những năm ba mươi.

- Ông ấy còn sống không?

Joseph lẹ làng lắc đầu:

- Ông ấy bị những người Việt Nam theo Cộng Sản chủ nghĩa ám sát tại Huế năm 1936.

Guy đứng bật dậy, chiếc ghế sau lưng hắn ngã đánh rầm xuống sàn nhà. Mặt hắn trắng bệch, hơi thở hắn đứt đoạn:

- Vậy là từ đêm ấy về sau, cậu bé Joseph nhóc tí làm ra vẻ mộ đạo của mẹ quyết định sẽ dành suốt cuộc đời mình đưa mũi khinh khinh ngó xuống thằng em út của nó vì nó coi hắn là thằng con rơi con rớt — có đúng vậy không?

Joseph khốn khổ ngược mắt nhìn lên mặt em:

- Guy ạ, tôi nghĩ, tự trong thâm tâm mình tôi luôn luôn biết mình có thái độ đó là sai — nhưng dù sao đi nữa, tôi không thể rửa sạch ý nghĩ ấy. Tôi xin lỗi.

- Đừng xin lỗi mất công!

Mắt Guy rục lên tia nhìn dữ dội và lạnh như băng. Trong một thoáng, Joseph nghĩ hắn sắp sửa mắng như tát nước vào mặt mình. Nhưng Guy cố sức tự chủ:

- Nếu trong bụng anh còn những bí mật kinh tởm nào nữa của gia đình thì cứ giữ lấy cho riêng anh — tôi không muốn nghe nữa!

Guy xoay người rào bước ra ngã cửa hông của biệt thự. Nhưng hắn chưa tới cửa, Joseph đã đứng bật lên, lật đật chạy theo:

- Guy, chờ chút! Nếu tôi nghĩ ra chú phản ứng như thế này thì tôi đã không bao giờ kể cho chú nghe...

Anh chưa tới nơi, cửa đã đóng sầm vào mặt anh. Khoảnh khắc sau, Joseph nghe tiếng xe hơi khởi động trên đường phố bên ngoài.

Máy xe rú lên như điên trong một hai giây rồi có tiếng bánh xe nghiêng xuống mặt đường nhựa, lao đi thật nhanh.

Joseph ngồi suốt đêm không ngủ. Tới nửa đêm, tiếng pháo nổ vang

rên trên đường phố thoát đầu làm anh giật nảy người. Rồi anh nhớ lại đêm nay giao thừa và mai là ngày Tết con khỉ. Pháo nổ liên tục suốt mấy tiếng đồng hồ. Anh pha cho mình mấy ly cà-phê rồi thao thức đi tới đi lui trong nhà, lắng nghe tiếng pháo. Thỉnh thoảng, Joseph ngồi xuống ghế, mê thiếp chập chờn. Nhưng khi trời vừa rạng sáng, anh ra vườn đi dạo.

Không biết bao nhiêu lần Joseph dẫn vật mình khi nhớ lại cuộc đời mặt đau lòng và tủi cực giữa anh và Paul Devraux tại Điện Biên Phủ. Lúc ấy cũng như lúc này, anh đã nhẹ dạ tin tưởng rằng sự thật sẽ chinh phục mọi người và khi biết sự thật, người khác sẽ cảm thông và độ lượng vì sự chân tình và lòng thành thật của anh.

Nhưng rồi đức tin nông nổi đó lại chính là nguyên cớ gây ra phiền muộn sâu xa. Joseph thở dài cả trăm lần và nguyên rửa mình suốt đêm về sự ngu ngốc đó. Anh cố nghĩ cho ra một phương cách nào đó để hàn gắn với Guy nhưng rồi anh nhận ra, với cảm giác tuyệt vọng, rằng không còn đường trở lui nữa.

Tới lúc bác bếp đến và bắt đầu làm việc, Joseph tắm rửa cạo râu và yêu cầu dọn bữa sáng ngoài hàng hiên. Đang giữa bữa điểm tâm, có tiếng chuông cửa sân trước reo vang. Khi bác bếp mở cổng, Joseph kinh ngạc thấy Guy đang đứng trên vỉa hè, tay xách cặp. Người Việt Nam tươi cười dẫn Guy tới bàn ăn sáng. Hai anh em ngồi im lặng cho tới khi cà phê và bánh ngọt được dọn ra. Guy tí toáy con dao ăn một hồi lâu, rõ ràng đang bút rút. Cuối cùng, khi mở miệng, mắt hắn vẫn nhìn chăm chú xuống đĩa thức ăn:

- Joseph ạ, tôi nghĩ là tôi muốn được nghe đôi điều về người cha ruột của mình. Ông ấy có vẻ như thế nào?

Lòng Joseph se lại, bồi hồi xúc động vì xót thương em. Anh cảm thấy cổ họng mình tắc nghẹn. Sau khi lấy lại bình tĩnh, anh nói, giọng sâu lắng:

- Tên ông ấy là Jacques Devraux. Vào thuở xảy ra cuộc săn bắn đó, tôi mười lăm tuổi và có ấn tượng rất sâu sắc về ông ấy. Ông là nhà thiện xạ, hiểu rất rõ tất cả những gì cần biết về rừng rậm và dã thú, và dường như không biết sợ hãi là gì. Ông là người ít nói, lúc nào cũng ngẩng cao đầu — ông làm tôi nhớ tới các dũng sĩ anh hùng thời cổ Hi Lạp trong cuốn sách lịch sử của tôi...

Hai anh em trò chuyện suốt nửa giờ. Từ đầu tới cuối cuộc đàm thoại, cách cư xử của Guy mềm mỏng và không tỏ vẻ thù nghịch. Hắn đặt nhiều câu hỏi với giọng bối rối và Joseph nhẫn nại trả lời, luôn luôn cố làm nổi bật những khía cạnh tích cực trong cá tính của Jacques Devraux. Anh cũng nói tới Paul cùng tình bằng hữu lâu dài giữa hai người. Và anh kể với Guy rằng anh nhận thấy trong Guy có cùng một loại năng động và nhiệt tình mãnh liệt mà anh đã từng rất ngưỡng mộ Paul về mặt đó. Tới lúc dường như đã thấm mệt về đề tài ấy, cả hai ngồi lặng thinh bút rút.

Kế đó, khi Joseph đứng dậy, bắt đầu sửa soạn rời nhà để đến cơ quan làm việc, Guy rút trong cặp ra một phong bì màu nâu và đặt lên mặt bàn. Hắn nói thấp giọng:

- Joseph ạ, tôi nghĩ hẳn anh quan tâm tới cái này.

- Đó là cái gì vậy?

- Một tung tích đã được xác định, được gởi về đây khuya đêm qua. Tôi đã kiểm tra bằng máy điện toán và đối theo đường dây cũ.

Tuyết Lương hiện sống ở Huế.

Joseph chụp lấy phong bì. Bằng hai bàn tay run lẩy bẩy, anh bắt đầu mở ra:

- Chú có địa chỉ của nó không?

Guy gật đầu:

- Tất cả ở trong đó. Có một chuyến bay của hãng Hàng Không Việt Nam cất cánh từ Tân Sơn Nhứt lúc hai giờ chiều nay. Tôi đã giữ một chỗ với tên của anh trên chuyến đó. Anh cũng sẽ thấy trong phong bì này có sẵn vé.

- Guy ạ, tôi không biết cảm ơn chú thế nào đây. Sau đêm vừa qua, tôi hầu như chẳng còn trông mong chút nào vào sự giúp đỡ của chú.

Guy sốt ruột khoát tay ra hiệu cho Joseph đừng nói nữa:

- Có lẽ lúc này chúng ta chỉ nên nghĩ tới chuyện trước mặt thôi — việc đó để lúc khác thảo luận.

Hắn tần ngần nhìn anh với ánh mắt cảnh giác:

- Nhưng có một điều quan trọng nữa tôi buộc lòng phải nói cho anh biết. Ngay khi chúng tôi vừa yêu cầu xác định bản báo cáo tung tích thì mấy ông bạn an ninh Ty Cảnh Sát Quốc Gia Thừa

Thiên Huế của chúng ta tự động hành quân liền. Và nếu tung tích ấy tỏ ra xác thực thì họ lúc nào cũng lập tức ra tay bắt kẻ tình nghi mà không cần có thêm chỉ thị.

- Vậy là Tuyết sắp bị bắt?

Guy nhún vai:

- Cái đó tùy vào anh. Tôi không thể chận đứng — nhưng tôi có thẩm quyền hoãn lệnh đó hai mươi bốn tiếng đồng hồ. Đó là thủ tục đúng qui cách để chúng tôi có cơ hội phối trí những hoạt động thiết yếu nào mà các phái viên của chúng tôi cần tới. Tôi chỉ có thể đưa lệnh tạm hoãn. Họ sẽ không ra tay với Tuyết cho tới giờ này sáng mai. Nếu anh có mặt tại chỗ trước khi họ hành sự thì...

Guy lại nhún vai bỏ lửng câu nói. Joseph mở xong phong bì, đọc các mảnh giấy bên trong rồi nhìn người em thêm lần nữa với ánh mắt kỳ quặc:

- Guy này, cái gì làm bụng dạ chú bỗng dưng thay đổi vậy?

- Hẳn phải có lý do — nhưng lúc này đừng hỏi tôi về cái đó.

Người CIA quay lưng và hai anh em đi bên nhau ra tới cổng.

Trong khi đi, Joseph xem đồng hồ tay. Lúc này là tám giờ rưỡi sáng thứ Ba ngày 30 tháng Giêng dương lịch, ngày thứ nhất của kỳ nghỉ mấy ngày Tết — buổi sáng đầu tiên của năm Mậu Thân.

Thông thường sáng thứ Ba vào thời khắc này là giờ cao điểm sớm mai của một Sài Gòn tấp nập hoạt động và đô thành tràn ngập tiếng động âm ỉ. Nhưng vì hôm nay là ngày nghỉ lễ và truyền thống ngưng hoạt động vào dịp tết, nên khi Joseph mở cổng, đường phố bên ngoài biệt thự yên ắng kỳ lạ.

Joseph đi với Guy ra lề đường. Khi tới bên xe hơi, anh chìa tay.

Guy im lặng bắt tay anh rồi chuôi mình vào sau tay lái. Trước khi cho nổ máy, hắn nghiêng đầu ra cửa xe, vẫy tay về phía chiếc phong bì Joseph đang cầm:

- Chỉ đề phòng trường hợp anh cảm thấy choáng váng khi tới chỗ đó nên tôi phải báo trước cho anh biết: địa chỉ tôi đưa đó không phải là nhà riêng — mà là một nhà thổ lớn nhất ở Huế.

Không nói thêm một tiếng, Guy khởi động máy và từ từ cho xe lăn bánh ra giữa đường. Joseph đứng nhìn vói cho tới khi chiếc xe biến mất khỏi tầm mắt, dọc theo đại lộ vắng vẻ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 10 -

Ánh sáng bắt đầu nhạt dần khi Joseph đi qua chiếc cầu nhỏ Thượng Tứ bằng đá, uốn theo hình vòng cung và hoa văn thật đẹp, bắc ngang con hào bọc quanh Kinh thành Huế. Trong chiều tà, ngọn gió nam nhẹ nhàng thổi lay động những đóa sen trắng sen hồng đang quần tụ nhau trên mặt nước yên tĩnh đậm màu xanh rêu. Từ lan can cầu nhìn xuống, Joseph thấy hình ảnh lữ thành phản chiếu trên mặt nước bỗng thay đổi sắc màu. Chỉ trong khoảnh khắc, những tường thành cao ngất màu phơn phớt đen với đôi chỗ nứt còn lung linh gạch đỏ tươi, trong nắng hoàng hôn tất cả bất chợt biến thành đỏ thắm, màu của máu.

Joseph quay mình và vừa kịp thấy vầng thái dương từ từ lặn xuống đằng sau các đỉnh núi đỏ tía của dải Trường Sơn ở phía tây. Những tia nắng lịm dần của nó toả hình nan quạt lấp lánh trên mặt nước sông Hương dài hun hút, rộng mênh mang và rợp bóng mát đang nằm lặng yên tịch mịch trong ánh sáng êm đềm của chiều đang trôi. Anh tưởng chừng nghe ra tiếng máy hàng liễu mảnh mai và lau sậy lướt thướt hai bên bờ đang rì rào chuyện trò trong gió. Và cứ thế, Joseph đứng lặng hồi lâu, uống cho đầy mắt, hoà cho lạc mất mình trong cơn hoài tưởng chuyến viếng thăm năm nào. Kể đó, lòng lặng yên trở lại, anh vội vàng cất bước vào Thành Nội. Đây là lần thứ nhất Joseph về lại Huế kể từ năm 1936. Theo bản đồ của Guy cung cấp trong phong bì màu nâu sáng nay, Joseph biết rõ góc đông bắc kinh thành kiên cố và xưa cũ của Hoàng đế Gia Long nay đã trở thành Bộ tư lệnh Mang Cá của Sư đoàn 1 Bộ binh thuộc Quân Đội Việt Nam Cộng Hòa. Anh thấp thỏm chờ thấy các hoạt động quân sự với những đoàn xe vận tải và xe kéo pháo hiện đại tập nập ra vào, khuấy động không khí yên tĩnh của đất thần kinh. Anh e ngại sẽ chứng kiến những chiếc xe tăng đậu sừng sững bên

cổng thành thay cho các thớt voi đường bộ ngày xưa. Hoặc những người lính quần áo rằn ri mình đầy súng ống sẽ đứng vào chỗ của các ông quan bằng đá hay lính thị vệ đầu đội nón chóp có miếng vải che ngực lắt lay trong gió. Nhưng rồi Joseph thở ra nhẹ nhõm vì trong thành phố Huế, đặc biệt khu vực nội thành gần như không có dấu vết chiến tranh, ngoại trừ rải rác đôi ba người lính mặc quân phục, vai không đeo vũ khí, chậm chậm chạy xe Honda trên đường về nhà hay tới đơn vị.

Các đơn vị cấp trung đoàn đóng hậu cứ và căn cứ tiền phương xa Huế vài chục cây số. Lính trong bộ tư lệnh sư đoàn hầu hết thuộc các phòng ban hành chánh, hậu cần và đại đội Hắc Báo tăng phái. Bom đạn dường như xa lánh Huế. Trong năm năm trở lại, Huế gần như chỉ bị đối phương pháo kích bằng vài ba phát súng cối lẻ tẻ vào khu dân cư gần Mang Cá. Lần chịu tai ương nặng nề nhất của Huế là bị quân khủng bố ném lựu đạn vào hội chợ Phú Văn Lâu ba năm trước làm chết và bị thương khoảng mười người dân đang xem triển lãm. Trong thành phố không có bóng dáng đi lại của quân nhân Mỹ. Cũng không có quán rượu xập xình, vũ trường xanh đỏ hoặc tiệm ăn tấp nập. Các loại xe quân sự kể cả xe kéo pháo đều không được phép qua cầu Tràng Tiền. Chúng phải dùng cầu Bạch Hổ và bọc đường Quốc Lộ I chạy tới một cửa thành ở mạn đông bắc hoàng thành để vào Mang Cá. Thỉnh thoảng Joseph mới thấy có một chiếc xe díp chở vài ba quân nhân áo quần đầy bụi, súng xếp dưới sàn xe, chạy lạch lỏng trên đường phố, dừng lại trước chợ Đông Ba để uống cà phê Lạc Sơn hay đang tìm đường qua vạt dừa Gia Hội. Cuộc sống mộc mạc vật chất và sâu lắng tâm linh của người dân Huế hình như ngày càng kết tinh hơn bởi không còn những xáo trộn chính trị và chỉ chịu ảnh hưởng tối thiểu của viện trợ Mỹ và tiếng động thời chiến. Trong không khí Huế vẫn thoang thoang mùi hoa sen, hoa huệ và hàng trăm loại hoa cỏ dịu dàng đưa hương từ mỗi vườn nhà nội ngoại thành.

Bất chấp những tàn phá chiến tranh tại các vùng đất khác của xứ sở, đối với Joseph, dọc hai bên bờ sông Hương lặng lẽ trôi, lịch sử và truyền thống của đất nước Việt Nam dường như vẫn được bảo tồn trong hoà hợp với vẻ đẹp đầm thắm của cảnh sắc nơi đây. Lòng

lâng lâng cảm giác thú vị, anh ngược mắt nhìn lên những con rồng vĩnh viễn nhe răng nơi mái cong bên trên cung điện. Rồi khi rảo bước giữa những lùm bụi và cây cảnh trong những hoa viên thẳng tắp, Joseph ngửi ra mùi hương hoa sứ thoang thoảng. Anh có thể nghe ra tiếng chuông chùa xa xa trầm lắng điểm thu không và thấy mình đang thiết tha hy vọng rằng mọi biểu tượng thanh bình của một thời quá khứ giờ đây có thể trở thành những điềm lành đầy may mắn cho anh trong cuộc tìm kiếm đứa con gái lạc loài.

Từ Sài Gòn, Joseph phải đi Huế bằng phi cơ dân sự bốn cánh quạt, máy kêu ầm ỉ và thỉnh thoảng thân tàu run bần bật của Air Việt Nam. Khi chiếc xe nhà của một người Việt Nam được sử dụng như một thứ tắc-xi đưa rước, vừa chở Joseph ra khỏi phi trường Phú Bài sau chuyến bay dài hai tiếng đồng hồ, vượt tám trăm cây số cất cánh từ Tân Sơn Nhất, anh quên hết mệt nhọc bởi có cảm tưởng như thể đang trên một chuyến xe chở mình lần đường tìm về quá khứ.

Phú Bài nằm cách cố đô An Nam khoảng mười lăm cây số về hướng nam. Con đường quốc lộ hẹp, gồ ghề, chạy qua những cánh đồng Hương Thủy xanh mướt hầu như chưa bị bom đạn chạm tới. Từ những rừng tre vây kín làng mạc, trẻ em cười như hoa mới nở và xúng xính trong bộ quần áo mới ngày Tết màu tươi rói, lật đật chạy ra đầu con đường đất dẫn vào làng, sung sướng đưa tay vẫy vẫy chiếc xe. Nhiều lần tài xế buộc lòng phải dừng xe bên chiếc cống nhỏ chờ cho một con trâu nặng nề đứng đỉnh lê bước băng ngang quốc lộ, ngay trước đầu xe. Trong cuộc hành trình dài nửa giờ ấy, mắt Joseph thường bắt gặp những miếu thờ lẩn khuất và tháp thoáng trong mây bụi chuối hay dưới các lùm me.

Toàn bộ quang cảnh ấy và vẻ bình yên bất tận của những cánh đồng lúa vắng lặng cùng những xóm nhà tranh nằm rải rác nhắc nhở Joseph, một cách sinh động, về cách mà xứ sở này đang bị hu hoại và tình trạng Mỹ hóa Sài Gòn cùng vài thành phố đông dân khác trong quá trình nỗ lực cứu vãn Miền Nam khỏi bàn tay Cộng Sản. Và anh cảm thấy trong lòng hoài nhớ thấm thía thời thanh xuân của mình, thuở Việt Nam có vẻ như không bị xáo trộn như hiện nay.

Vừa thấy thấp thoáng những con đường thênh thang của thành phố Huế và dòng sông tĩnh lặng trôi êm đềm bên tường thành đế đô, Joseph đã nghe vọng lại trong tâm tưởng lời nhận xét đầu tiên từng được Lan nói với anh hơn ba mươi năm trước: “Joseph ạ, nếu lắng tai thật kỹ anh có thể nghe ra trong Huế nhịp đập của con tim An Nam.” Nhưng khi xe chạy dọc đại lộ Lê Lợi, bên bờ sông phía nam, nhịp đập duy nhất mà anh nghe ra lại chính là của trái tim mình.

Theo lời người tài xế Việt Nam, địa chỉ do Guy cung cấp ở mãi tận cuối Gia Hội, một khu vực cổ của thành phố, tọa lạc ngoài vòng thành và ở bờ bắc bên kia sông. Những con phố hẹp của khu vực ấy đổ về ngôi chợ Đông Ba đang nằm uể oải không xa chân cầu Clémenceau ngày cũ, nay được gọi là cầu Tràng Tiền. Lòng càng lúc càng khắc khoải, Joseph bảo tài xế cho xe chạy một mạch qua cầu Tràng Tiền, chờ anh tới thẳng địa chỉ ấy trước khi ghé vào làm thủ tục nhập khách sạn Hương Giang, nơi Guy đã đánh điện lấy phòng cho anh.

Qua tới khu vực Gia Hội cổ xưa, Joseph thấy những ngôi nhà san sát hai bên đường phố chật hẹp lúc này treo chi chít các dải giấy hồng điều tươi thắm, ghi những câu bằng chữ nho ước mong một mùa xuân mới tràn đầy an lạc. Trước cửa nhà, Joseph để ý thấy có cây nêu trang hoàng một túm lá và bùa để xua đuổi ác thần, cùng một cách thức với loại cây nêu được dựng bên ngoài chánh điện đặt ngai vàng của Hoàng đế Khải Định trong chuyến anh viếng thăm Huế lần đầu tiên, thuở còn là cậu bé mười lăm tuổi.

Đúng giờ giao thừa đêm qua, tại Huế cũng như mọi nơi khác trên khắp đất nước, dân chúng trang trọng cử hành nghi lễ đón hương hồn ông bà tổ tiên đầu năm ngự về cùng ăn tết với con cháu. Và giờ đây, người ta hân hoan nhàn nhã tụ tập thành từng đám đông trên đường phố. Đâu đâu cũng thấy tà áo dài màu tím Huế đậm thắm hay màu sắc lễ hội vờn bay trong gió vì phụ nữ Huế, từ khuê các tới buôn thúng bán bưng, đều có tập quán mặc áo dài khi ra đường. Lúc trời sắp hoàng hôn, tiếng pháo chào mừng ngày Nguyên đán thêm lần nữa nổ ran. Khi xe chạy qua những ngôi nhà nhỏ mở rộng cửa, Joseph có thể thấy các ngọn nến lung linh trên

bàn thờ gia tiên đầy hoa tươi và các đĩa trái cây mới hái.

Dọc vỉa hè trước nhà, có các đám đông người lớn và trẻ em ngồi chồm hổm, háo hức cười khúc khích hoặc cãi vả om sòm quanh hột xí ngầu hay những trò chơi cờ bạc khác. Và vì ít khi có người Mỹ xuất hiện tại khu vực phố cổ này nên người Việt Nam đang đi trên đường thường đứng lại thành từng đám, nhìn vào cửa xe, trầm trồ chỉ chỗ Joseph.

Xe không thể chạy nhanh vì phải len lỏi giữa các đám người đông đúc rộn ràng khiến Joseph càng lúc càng nôn nóng và căng thẳng cực độ. Dù xảy tới tình huống nào đi nữa, viễn ảnh gặp lại Tuyết cũng làm lòng anh nôn nao bứt rứt, nhất là khi anh cảm thấy mình mỗi lúc một căng thẳng trước hoàn cảnh Tuyết sắp bị bắt và tiếp đó, sẽ bị cáo buộc về tội ám sát và khủng bố.

Trong nhiều năm trời hun hút, giấc mơ gặp lại con gái chưa bao giờ thành có thật nên lúc này, Joseph bắt đầu e sợ biết đâu phút cuối sẽ xảy tới điều gì đó trục trặc. Có thể người ta không tôn trọng lệnh tạm hoãn của Guy hoặc có thể sự việc biến thành một trường hợp nhận diện sai người và Tuyết không chút nào có mặt tại đây, hoặc có thể người ta cho làm địa chỉ.

Trong khi xe vẫn trườn lách tới trước, những giả dụ ấy và những e sợ phi lý khác vụt qua tâm trí Joseph làm anh xao xuyến thêm lên, không phải chỉ đơn thuần cảnh giác mà còn bởi một lý do khác. Kể từ sáng nay, từ đáy lòng Joseph càng lúc càng dâng cao một nỗi sợ hãi mơ hồ hơn: trong lúc anh và Guy ngồi dùng điểm tâm nơi biệt thự của anh ở đường Duy Tân, Sài Gòn đang nhận từng chút một các báo cáo về những cuộc giao tranh mới nổ ra. Và sau đó, trong những giờ ngồi làm việc ở văn phòng JUSPAO, anh ghi nhận được chi tiết của những trận tấn công đó.

Trong đêm vừa qua, các đơn vị Việt Cộng đã vi phạm cuộc hưu chiến ba ngày để ăn tết Mậu Thân. Họ tung ra một loạt tấn công bất ngờ và dồn dập vào bảy thành phố phía bắc Sài Gòn. Tướng William Westmoreland, tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam, đã hạ lệnh hủy bỏ cuộc ngừng bắn Nguyên Đán và tuyên bố tình trạng báo động tối đa cho các lực lượng Hoa Kỳ trên khắp Việt Nam. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu sáng nay cũng làm y như

vậy. Ông đặt các lực lượng Nam Việt Nam trong tình trạng báo động tương tự, nhưng vào lúc đó, một nửa số lính của ông đã rời đơn vị đi nghỉ phép và đang ở nhà ăn Tết.

Đà Nẵng, Nha Trang, Qui Nhơn, Pleiku, Hội An, Kontum và Ban Mê Thuột là những thành phố phía bắc Sài Gòn, duyên hải hoặc cao nguyên, trở thành tâm điểm các cuộc tấn công của Việt Cộng. Chúng được phóng ra cùng một lúc với tiếng pháo nổ đầu tiên trong đêm giao thừa. Và dường như đó là một sáng kiến mới mẻ của lực lượng Cộng Sản vì cho đến nay họ lúc nào cũng chỉ hành quân giới hạn, khi ẩn khi hiện, trong vùng rừng sâu, đồi cao và nông thôn hẻo lánh.

Mặc dù cuộc đụng độ tại bảy thành phố đó vẫn tiếp diễn trong trời tang täng sáng, cho tới lúc Joseph rời Sài Gòn, các chỉ huy trưởng liên quân Việt Mỹ vẫn hoài nghi về viễn ảnh của một cuộc tổng tấn công đều khắp. Các sĩ quan cao cấp nhún vai nói với Joseph rằng trước đây, đã có vô số lần “báo động đỏ tối đa” nhưng rồi chẳng xảy ra chuyện gì, và rằng các cuộc tấn công đêm qua cũng chỉ là những cú vi phạm ngừng bắn đã thành thói quen của Cộng Sản. Chiếc máy bay DC-4 của hãng Hàng Không Việt Nam chở Joseph ra phương bắc bay lơ lửng giữa mây trời. Dù thường đưa mắt nhìn xuống mặt đất, anh vẫn không thể dò tìm được bằng chứng nào về những cuộc đụng độ đang được tường trình. Sau khi đi xe hơi từ Phú Bài ngang qua vùng quê Dạ Lê đầy vẻ thanh bình và nhận thấy kinh đô lâu đời của An Nam vẫn nằm yên trong ánh hào quang tĩnh mịch của quá khứ, lòng Joseph vui bất nổi sợ. Và rồi anh lại càng cảm thấy tin tưởng hơn với ý nghĩ rằng phản ứng chính thức của Sài Gòn sáng nay là hợp lý.

Nhưng tới lúc nghe tiếng pháo bắt đầu nổ ran trở lại trên đường phố Gia Hội Joseph chợt nhớ đến chiến công thần tốc và lấy lòng trong ngày Tết của một vị Đại đế An Nam, vào thế kỷ mười tám. Thuở ấy, đạo binh nam mười vạn quân từ Đàng Trong vượt sông Gianh kéo ra Đàng Ngoài, rồi tràn vào thành Thăng Long, tàn sát kẻ thù Mãn Thanh giữa cuộc truy hoan mừng xuân của hai chục vạn ngoại nhân phương bắc. Và nay nhớ tới chuyện ấy, lòng Joseph bỗng dưng thêm lần nữa tràn ngập sợ hãi. Anh chồm mình

tới trước, thúc giục tài xế cố rướn cho xe chạy tới nhanh hơn, qua những con đường nhỏ đông đúc. Và tài xế bắt đầu bóp còi inh ỏi.

Cuối cùng, khi xe lách qua được các đám đông đang túm tụm quanh mấy khu vực chợ búa, nó lăn bánh dọc theo một con đường đất dơ dáy và ra tới gần vùng Bãi Dâu, mồm đất cuối của thành phố. Joseph mất tinh thần khi thấy những túp lều xiêu vẹo, mái lợp tôn dợn sóng cong vồng. Người tài xế gầy gò chỉ tới các túp lều rồi lờ quờ hoa tay về phía khu nhà tồi tàn sát mé sông, đối diện với bờ bên kia, nơi rõ ràng là khu vực cấm thường dân đi lại. Anh ta nói láu táu bằng tiếng Pháp:

- Lính tráng gọi đây là “Đường Cung Tần Mỹ Nữ”. Ông thấy đó, lính bộ tư lệnh Sư đoàn 1 chỉ cần chống sào nhảy qua con sông nhỏ này là nhập cung ngay.

Nhìn qua cửa xe, Josep thấy thấp thoáng xa xa một pháo đài đặt trên tháp canh Cửa Trái, góc đông bắc của hoàng thành. Người tài xế dừng xe tại một góc đường và chỉ tay về phía một toà nhà lớn và đồ nát, trông như thể được dùng làm kho gạo, với lan can bằng gỗ nứt nẻ chạy men theo mé ngoài của tầng bên trên. Anh ta lém lỉnh nói tiếp:

- Có điều người ta không mở cửa cung trong ba ngày tết nên cung phi mỹ nữ phải lưu vong xuống các vạn đồ kiếm ăn. Nhưng biết đâu đầu năm ông gặp hên. Đó, địa chỉ ông tìm đó. Ông nhìn kia, có người đứng chờ sẵn đấy!

Joseph thấy ở đó có một dãy cửa sổ dùng làm cửa ra vào, ăn thông với lan can gỗ. Dọc theo chiều dài của lan can, đang phơi mấy dây quần áo bạc thếp, bay phất phơ trong gió nhẹ. Sơn phai màu tróc và bung ra từng mảng trên các vách ván cong vồng, có vẻ như đã tới lúc sạm hẳn. Ngay đầu tầng cấp cao nhất dẫn lên lan can, có hình dáng vạm vẹo của một người đàn bà lớn tuổi mặc bộ đồ đen, đang lom khom bên lan can, ngó xuống chiếc xe.

Người tài xế nháy mắt với Joseph và nói:

- Monsieur, có thể nó không đẹp nhưng “đi” rẻ là cái chắc...

- Chờ tôi tại đây!

Joseph giận dữ ngắt lời và lao mình ra cửa xe nhưng chưa vội trả

tiền cho anh lái. Trong khi anh nhảy một bước hai bậc, chạy lên tầng cấp, người đàn bà luống tuổi trên lan can quay mình, nhắc chân đi khắp khênh về phía một khung cửa long cánh và đang khép hờ. Nhưng Joseph bắt kịp dễ dàng và túm lấy cánh tay của bà ta. Rút trong túi bức hình của con gái do Guy sáng nay bỏ chung trong phong bì, anh vừa dí vào mũi người đàn bà vừa hỏi bằng tiếng Việt, cố ý nói thật chậm:

- Chị Tuyết Lương có đây không?

Người đàn bà nhìn bức hình rồi lắc đầu, không ngó Joseph. Ngoác miệng như sắp kêu cứu và vùng vẫy với sức mạnh không ngờ, bà ta cố gỡ mình thoát khỏi tay nắm của người Mỹ. Thấy thế Joseph buộc lòng phải buông ra. Bà vọt lẹ vô phía trong rồi đóng sầm cửa lại. Joseph chậm chậm đi lui dọc theo lan can, ướm từng cánh cửa mỏng mảnh. Anh đưa tay túm nắm cửa, rung lách cách cho tới khi mở bật ra được một cánh.

Cửa mở thẳng vào một buồng nhỏ, tối tăm, mốc meo, xông mùi tanh tưởi. Lập tức mắt Joseph bắt gặp một bàn thờ ông địa đặt dưới đất, mặt khói ám lem luốc. Căn buồng làm bằng ván ọp ẹp, chỉ có một bức màn tả tơi vừa che vừa ngăn với hành lang bên trong.

Joseph đi dọc tới cuối hành lang, lên tầng trên, vạch hết bức màn này tới bức màn khác. Đồ đạc độc nhất trong mỗi căn buồng dơ dáy đó là một giường ván sần sùi, trải manh chiếu lác đen sì ở giữa. Đầu giường vắt chiếc khăn nhỏ nhóp nhúa, sờn tới độ sắp rách. Cuối chân giường để một cái xô bằng nhôm và chiếc ca nhựa mức nước. Đầu đó trong phòng vương vãi mấy miếng giấy kẽm màu vàng, như hai mặt của một đồng đô-la tròn trịa úp vào nhau. Joseph rùng mình khi thoáng nghĩ tới công dụng của những đồ đạc ấy. Sau khi xem xét tới căn buồng cuối cùng, Joseph quay mình trở lui.

Để ý thấy hình dáng lờ mờ của người đàn bà luống tuổi từ cuối hành lang đang lăm lét nhìn theo mình, Joseph lật đật quay lại, ấn vào tay bà tờ giấy con cộp năm trăm đồng. Và thêm lần nữa, anh rút bức ảnh của Tuyết ra. Anh nói bằng tiếng Việt, cố ý phát âm thật chậm từng tiếng một:

- Đúng nửa đêm nay, tôi sẽ tới đây lần nữa. Bà phải nói với Tuyết

Lương rằng nó phải gặp tôi ở đây. Bà phải nói với nó rằng tên tôi là Joseph Sherman. Việc này rất quan trọng. Một vấn đề sống chết. Bộ mặt choắt cheo của người đàn bà nhả lại lương lự nhưng dù gì đi nữa, bà vẫn túm chặt tờ giấy bạc bằng cả hai tay. Trong một hồi lâu bà nhìn Joseph với ánh mắt kỳ dị rồi lê chân đi một mạch, chẳng tỏ vẻ mình có hiểu hay không lời vừa nói của người Mỹ.

Joseph bảo người tài xế chở anh tới khách sạn rồi nói anh ta chờ trong khi anh mang túi đồ ngủ qua đêm lên nhận phòng. Sau cùng, Joseph trả tiền cho người tài xế khi anh ta thả anh xuống bên cạnh chiếc cầu nhỏ bằng đá bắc qua hào sen bên ngoài cửa Thượng Tứ, lúc mặt trời đang lặn. Nhìn những con đường xanh bóng cây và nhà cửa bên trong Kinh thành, Joseph thấy lòng dịu lại. So với thành Bắc Kinh khô khan đầy nắng gió thì thành nội Huế thơ mộng, sinh động và có hơi người vì dân chúng ăn ở đi lại đông đúc, nhà cửa khi leo lên gần bờ thành, khi núp bóng trong những vườn cây rậm rạp. Joseph khắp khởi mừng, nghĩ rằng dù sao lần này mình cũng sẽ được đặt chân vào Tử cấm thành u tịch. Nhưng qua cửa Hiển Nhân, vào hẻm bên trong Đại Nội và nôn nóng đi vòng ra mé sau điện Thái Hòa, Joseph bàng hoàng khi thấy những thâm cung huyền bí bốn mươi ba năm trước từng hiện lên thấp thoáng trong đôi mắt mê mẩn và tò mò của cậu bé mười lăm tuổi, nay chỉ là hoang tàn bình địa.

Tử cấm Thành không còn thành nữa. Vườn Thượng uyển đằng xa kia lồ lộ trên cao như sân khấu trống trơn của một vận động trường điêu tàn mà khán giả chỉ là hàng chục luống rau tím, bụi cải vàng lay lắt trong gió hoàng hôn. Hầu hết miếu đền cung điện chỉ còn tro lại nền. Kể cả lầu Kiến Trung, nơi tháng 8.1945, đại diện địa phương của Việt Minh long trọng cam kết với hoàng đế Bảo Đại là sẽ giữ gìn đền miếu lăng tẩm của nhà Nguyễn. Đó đây ngả nghiêng vài di tích như những trang thờ bằng gạch xanh biếc màu rêu, nằm xiêu lệch làm dấu mốc cho các vườn rau hay mấy vạt cỏ hoang. Trên mỗi nền đất hoang giờ đây có cấm tẩm bằng, bằng ba thứ tiếng Việt, Pháp và Anh, đề tên cung điện và ghi thêm rằng tháng Hai năm 1947, khi mặt trận Huế vỡ, Việt Minh giật sập bằng chất

nổ trước khi họ rút khỏi cố đô, bắt đầu cuộc tiêu thổ kháng chiến chống Pháp nơi đồng ruộng. Cũng may còn lại vài ba đền đài. Riêng Điện Thái Hòa không hiểu sao họ chỉ chất củi đốt nên lính Pháp vào cứu kịp. Hay là Cộng Sản cũng sợ làm kinh động long mạch, nơi giao hòa của Thanh long và Bạch hổ. Thở đều một lát cho những xúc cảm ấy lắng xuống, Joseph tiếp tục một mình đi bộ loanh quanh trên sân Đại Triều Nghi để thám thía về sâu thẳm của Ngọ Môn dưới lầu Ngũ Phụng và tận hưởng mùi hương hoa đại thoang thoảng từ các vườn hoa cỏ dại mọc đầy.

Phát sinh từ lòng ngưỡng mộ những truyền thống quân vương và tôn trọng các chùa chiền lăng tẩm, Hoa Kỳ không bao giờ để cho lực lượng quân sự của mình trú đóng tại Huế ngoại trừ một số ít ỏi các cố vấn quân sự chiếm cứ toà nhà khách sạn Thuận Hóa ở mạn nam sông Hương. Một nhóm nhỏ dân sự Mỹ sống trong thành phố đảm trách công tác lãnh sự và tình báo. Joseph làm theo lời khuyên được Guy ghi trên một mảnh giấy để sẵn trong phong bì, dặn rằng khi tới cố đô, anh nên thông báo sự có mặt của mình tại Huế với văn phòng CORDS — Civil Operation Revolutionary Development Support: Cơ Quan Bình Định và Phát Triển — tên gọi một bộ phận lúc đó điều hợp chương trình bình định nông thôn của Mỹ. Tại đó, anh bắt gặp một nữ thư ký người Việt đang một mình trực văn phòng.

Joseph cho cô ta biết họ và tên của mình, địa chỉ khách sạn, và chỉ nói rằng anh tới Huế trong hai ngày nghỉ để ngoạn cảnh hoàng cung. Cô ta viết các chi tiết đó vào một cuốn sổ. Một viên chức CIA trong lớp vỏ nhân viên CORDS, được Guy báo trước chuẩn bị đón một quan chức JUSPAO cao cấp từ Sài Gòn ra, đã để lại số điện thoại riêng cùng lời mời Joseph dùng cơm tối với anh ta.

Nhưng Joseph cảm thấy không có bụng dạ hào hứng với chuyện giao tiếp xã hội nên anh một mình đi bộ trở lại khách sạn.

Ở đó, Joseph rán ăn uống đôi chút bữa cơm chiều tại phòng ăn nhìn xuống dòng sông, nhưng không chạm nổi đĩa thức ăn. Suốt một tiếng đồng hồ, anh ngồi đưa mắt nhìn qua cửa sổ, ngó xuống những con thuyền treo đèn ú ngũ sắc đậu thành từng chòm nhỏ dọc bờ sông. Trời bên ngoài càng về chiều theo với tiếng pháo nổ ran

từ mọi hướng, lòng Joseph càng nôn nóng. Cuối cùng, anh bước ra đường, lang thang dọc bờ sông, tìm cách giết cho hết khoảng thời gian đang chậm chậm trôi qua làm nặng trĩu thêm cái tâm trạng vốn đã khắc khoải cực độ.

Đi hết công viên đầy hoa ven bờ sông, trước hai ngôi trường trung học nam và nữ lớn nhất của Huế, bất giác Joseph thấy ra mình đang rẽ qua hướng nam, bước dọc theo những hàng cây thẳng tắp dẫn lên đàn Nam Giao, nơi thuở nào anh cùng Lan quan chiêm Lễ Tế Trời. Và rồi anh thấy ra rằng những tường thành cao của tế đàn nay cỏ bò lan khắp, rêu bám đầy và nhiều chỗ sụp lở. Cây trong Rừng Thông Công xơ xác, bị dân địa phương đốn làm củi hoặc tre mục đồng bẻ cành làm trò đánh giặc. Trong trời nhá nhem tối, quần thể tế lễ thái cổ đó không những đã mất sức mê hoặc mà còn đầy vẻ thê lương hiu quạnh. Joseph lại lẳng lặng đi lang thang suốt một lúc trên những con đường đất chung quanh tế đàn.

Joseph bắt đầu cảm thấy chán nản và lòng dạ ủ ê hơn khi khám phá ra tại khu vực ven đô này không kiếm nổi phương tiện cơ giới về lại thành phố. Cuối cùng, anh đi bộ một quãng rất xa tới đầu dốc Bến Ngự, chỗ ngó thẳng xuống con sông đào, mới vẫy được một chiếc xích-lô ọp ẹp. Xe chở Joseph thẳng tới nhà thổ xiêu vẹo để anh giữ đúng lời hẹn nửa đêm với đứa con gái lúc này không chỉ là người xa lạ đối với anh mà còn là kẻ tự khẳng định công khai, suốt bảy năm qua, rằng sẽ dùng hết trí tuệ và thân xác đối đầu quyết tử với đất nước của cha mình để trả thù chồng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 11 -

- Tại sao tới đây?

Có tiếng hỏi đột ngột và gay gắt ngay sau lưng làm Joseph giật bắn người. Anh nhìn quanh, chỉ thấy lơ mờ một hình dáng người nữ mặc toàn đồ đen. Dáng ấy nói the the bằng tiếng Anh, giọng không thềm che đậy hận thù.

- Con đó, phải không Tuyết?

Joseph vừa hỏi vừa hăm hở bước vào vùng tối đen bên dưới lan can gỗ của kho gạo cũ nhưng dáng ấy lùi lại một bước, gằn giọng:

- Nói cho tôi biết mau, tại sao tới đây?

Khi mắt quen với bóng tối, Joseph nhận ra khuôn mặt phụ nữ ấy và cảm thấy nghẹt thở. Anh bước thêm bước nữa, dang rộng tay như muốn ôm choàng hai vai của con gái:

- Tuyết, cha tới đây báo động cho con! Con phải lập tức đi khỏi đây ngay. Sáng sớm mai, mật vụ bắt con đó!

- Đừng đụng người tôi!

Lần này Tuyết đứng yên nhưng giọng nói lạnh lẽo tới độ làm Joseph sững người. Hai cha con đứng mặt ngó mặt nhau, mắt nhìn mắt nhau. Chỉ có tiếng pháo ngày xuân lịm dần, lẹt đẹt điểm rời rạc vào tình thế im lặng và căng thẳng giữa cha và con.

Trước đó, Joseph hầu như sắp buông bỏ mọi hy vọng gặp lại con gái. Tới nửa đêm, kho gạo khoá kín cửa. Quang cảnh vắng tanh. Thậm chí người đàn bà lớn tuổi cũng mất dạng. Anh ngóng đợi, đi lang thang quanh quần khắp khu xóm tồi tàn nhóp nhúa, không còn để ý đến giờ giấc. Anh lòng vòng hết tới lại lui nơi góc đường bên ngoài kho gạo dù trong bụng không còn chút hi vọng tìm thấy con gái ở đây. Rồi đúng trước ba giờ sáng, ngay khi Joseph vừa quay lại lần chót sau một ngày khắc khoải cùng kiệt, Tuyết bỗng xuất hiện trong bóng tối đằng sau lưng cha làm anh xây xẩm mặt mày.

Joseph nói như đuối sức và tuyệt vọng:

- Tuyệt ạ, con chỉ còn có hai giờ thôi. May mắn lắm là ba giờ nữa. Cứ để cha giúp con, đưa con vô Sài Gòn. Ngay sáng mai, cha con mình có thể đi chuyến máy bay đầu tiên. Cha sẽ che giấu con cho tới khi tìm được cách mang con ra khỏi Việt Nam.

Tiếng Tuyết cười khanh khách trong bóng tối làm Joseph rợn người:

- Bọn mật vụ của đế quốc Mỹ lựa đúng giờ xấu nhất của chúng để ra tay bắt tôi. Kẻ đang lâm nguy không phải là tôi mà chính là bọn chúng — và luôn cả các người!

Đêm mù mịt. Joseph bước tới gần hơn, cố nhìn rõ nét mặt con:

- Con nói như thế là có ý gì vậy Tuyết?

Anh thấy Tuyết đưa cườm tay lên gần mắt, nhìn cho rõ vành số lân tinh trên mặt chiếc đồng hồ rẻ tiền đeo nơi cổ tay:

- Bọn giặc Mỹ ở đây và lũ chư hầu của các người ở Sài Gòn chỉ còn không tới mười lăm phút nữa để tháo chạy thực mạng. Sau thời điểm đó, Huế sẽ rơi vào tay của nhân dân.

Joseph nhìn Tuyết, không tin nổi những gì tai vừa nghe:

- Con có ý nói Cộng Sản sắp chiếm thành phố này ư?

- Không chỉ thành phố này thôi. Hàng trăm thành thị Miền Nam sắp được hoàn toàn giải phóng — kể cả Sài Gòn. Nói cho mà biết. Đã bắt đầu Cuộc Tổng Công Kích. Thắng Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu bù nhìn của đế quốc Mỹ và thắng tướng giặc lái Nguyễn Cao Kỳ sẽ bị giết chết. Hết thấy các đài phát thanh sẽ bị chiếm lĩnh. Sắp nổ ra Cuộc Tổng Khởi Nghĩa của toàn thể nhân dân Miền Nam.

- Con nói có thật không Tuyết?

Tuyết nhún vai:

- Có lẽ “người ta” sẽ không tin lời tôi cho tới khi bị đại diện của nhân dân tới khách sạn bắt đi! Nói nữa cho mà biết. Trong khi “người ta” đang ngồi nhâm nhi bữa ăn tối ở khách sạn Hương Giang thì hai trung đoàn quân giải phóng cùng hai tiểu đoàn đặc công, pháo binh và quân du kích các huyện ngoại thành đã áp sát thành phố này, khắp cả hai phía tả ngạn lẫn hữu ngạn!

- Làm sao con biết chỗ cha ở?

- Chị thư ký làm việc cho văn phòng CORDS là mật báo viên của chúng tôi. Ngay sau chín giờ tối nay, đã ghi thêm tên Joseph Sherman của Juspao vào danh sách giặc Mỹ bị tầm nã.

Joseph kinh hãi, nhìn chăm chặp con gái:

- Nhưng mà Tuyết, ngay tại Huế này, một cuộc tấn công như thế làm sao thành công nổi? Nguyên bộ tư lệnh của một sư đoàn bộ binh thiện chiến nhất của quân chính phủ đóng trong thành nội và ba bốn tiểu đoàn Thủy quân Lục chiến Mỹ sẵn sàng ứng chiến ở Phú Bài — chỉ cần vài phút là họ có thể kéo quân tới đây ngay!

- Có ít nhất một nửa bọn lính Sư đoàn 1 đã về nhà ăn Tết. Những tên lính ngụy còn lại chỉ là dân văn phòng, đang say khướt hoặc nằm ôm vợ ôm con ngủ như chết! Chúng tôi chắc ăn vì chúng tôi chỉ chọn chiến trường khi quân số, vũ khí và hỏa lực của chúng tôi phải mạnh gấp mấy lần lính ngụy. Lần này chúng tôi tràn vào bất ngờ với súng AK, B-40, thương liên hiện đại, còn bọn ngụy trong thành nội quân ít, tài hèn lại xài toàn Các-bin, Garand cổ lỗ sỉ phé thải của đế quốc Mỹ!

Giọng Tuyết đầy khinh mạn và lạnh như nước đá. Dù trong bóng tối lơ mờ, Joseph vẫn có thể thấy Tuyết bặm môi với vẻ kinh tởm. Hoa tay về phía kho gạo cũ, Tuyết nói tiếp:

- Suốt sáu tháng vừa qua, chúng tôi đã lên kế hoạch sít sao và chuẩn bị triệt để cho Cuộc Tổng Công Kích này. Từ một năm nay, tôi đến ở tại cái chỗ khùng khiếp đó, chịu đựng đủ thứ nhơ nhớp trong những đêm những ngày mưa lê thê của xứ Huế chính là để tổ chức một cụm điệp báo. Chỉ với hai chục thiếu nữ, chúng tôi biết hết những tin tức đáng giá về lính ngụy và những thằng chỉ huy bọn chúng — cùng như về tất cả các lực lượng của giặc Mỹ tại Huế. Như vậy, lúc này đã hiểu tại sao không tới đây thì tốt hơn chưa?

Joseph im lặng suy xét lời của con gái. Khi anh mở miệng trở lại, giọng anh còn hơn năn nỉ:

- Tuyết ạ, ngay cả lúc này cha vẫn không chút nào ân hận về việc cha tới chỗ này tìm con. Từ lúc xa con tới nay, suốt mười bốn năm qua, ngày nào cha cũng nghĩ tới con. Bộ con cho là cha hoàn toàn quên con rồi sao?

Tuyết nói dữ dằn:

- Cõi tôi sống hoàn toàn khác với thế giới của các người. Đối với tôi, cái đáng nhớ nhất chính là hàng ngàn thằng Mỹ gian ác, no cơm ấm cật ngất ngưỡng bao nhiêu năm trời nay trên xác chết của người khác. Nay đã tới lúc cả bọn chúng nó thế mạng cho chồng tôi, đền bù cho hạnh phúc của tôi.

Joseph lệ làng bước tới túm hai vai Tuyết, không để con gái kịp lạng người:

- Tuyết, ta là cha của con! Và cha không bao giờ thôi hy vọng một ngày nào đó sẽ tìm ra con dù con đi bất cứ đâu.

Tuyết càng cố vùng vẫy quẫy người ra Joseph càng túm chặt hơn. Mặt hai cha con áp sát nhau trong bóng tối. Thành linh, có ánh chớp rực lên chiếu sáng khung trời trên kinh thành bên kia sông, và nhờ thế anh lần đầu tiên thấy rõ mặt con gái. Đôi mắt hạnh đào. Hai gò má cao. Miệng rộng với vành môi đầy đặn. Khuôn mặt ấy hiện lên tròn vẹn trước mặt Joseph như qua một ống kính quay phim lướt thật nhanh trong một chớp mắt mà chỉ có tiềm thức mới thấy kịp. Vẻ đẹp của Tuyết lúc này lên tới cực điểm nhan sắc và được tôn thêm nhiều lần nhờ ánh chớp sáng rực. Tuyết trông có vẻ giật mình và mất bình tĩnh. Rồi sau ánh chớp và trong bóng đêm trở lại tối đen như mực, Joseph cảm thấy thân thể đưa con gái chột dẹt lại trong bàn tay nắm chặt của cha. Tuyết nói với giọng thật thấp:

- Để cho tôi yên, hãy đi khỏi chỗ này ngay. Và đừng kể với ai những gì tôi vừa nói. Nếu còn ở lại thì khi họ tới đây, họ sẽ giết không tha.

Từ phương tây, một loạt tiếng nổ lóòn hơn bất cứ tiếng pháo Tết nào, xé toạc màn đêm. Joseph vội vàng quay đầu ngo. Trong một lúc, anh lắng nghe, nhận ra tiếng gầm rú của hàng loạt đạn trọng pháo cùng với hoả tiễn và đạn súng cối. Tới lúc anh quay lại nhìn con gái, ánh sáng pháo kích chớp nháy liên tục và hai cha con hoàn toàn nhìn rõ mặt nhau. Tuyết nói sắc lạnh:

- Suốt tám năm nay tôi chỉ mơ tới phút này thôi. Giờ đây, tôi sẽ không bỏ cuộc và bỏ chạy — vì bất cứ lý do gì hoặc bởi bất cứ ai. Không nói một lời, Joseph kéo con gái vào ngực mình. Anh siết

thật chặt, hít thật sâu và nhắm mắt lại, để mặc cho lòng chìm đắm với những xúc động rào rạt như nước lụt vỡ bờ. Khoảnh khắc phù du ấy Tuyết cũng níu lấy cha. Nhưng rồi nàng buông tay và đẩy Joseph ra:

- Tại sao cha không đi đi? Có phải cha muốn họ thấy tôi đang đứng với cha để tôi phải chết theo cha? Có phải cha muốn họ tin rằng dù sao tôi cũng là một tên phản bội?

Joseph buông lỏng hai tay, tần ngần nhìn con gái:

- Tuyết ạ, cha không thể bỏ con sắp lưng mà đi. Cha không thể lại để con trong tình trạng như thế này...

Anh buông lỏng câu nói vì chợt thấy có một loạt chuyển động trên con đường đằng sau lưng Tuyết, từ mé sông dẫn thẳng vào. Cảm giác về mặt báo động của Joseph, Tuyết quay mình nhìn theo con mắt cha và thấy hình dáng của mấy chục người cầm súng đang chạy thật lẹ về hướng hai cha con. Khi tới gần, toán quân vội vàng nép mình vào bóng tối trong xóm nhà tồi tàn. Nhưng lúc ấy, ánh sáng của cuộc pháo kích dồn dập và hoả châu bên trên thành phố đủ soi sáng cho Joseph nhận ra những chiếc mũ tai bèo đặc biệt và ba-lô hình vuông có cắm lá trên lưng họ.

Joseph thở gấp:

- Ngó họ như thể lính Miền Bắc.

Tuyết thì thầm:

- Đúng — các anh ấy là toán tiền trạm của Tiểu đoàn 804 Quân đội Nhân dân Việt Nam. Họ vừa vượt sông bằng phao.

Joseph cố đẩy Tuyết vào sâu hơn trong vùng tối phía dưới lan can, nhưng ánh hoả châu và ánh chớp của đạn pháo soi sáng rực cả con đường. Hai cha con thấy rõ khoảng hai chục bộ đội đang đi tới.

Chưa kịp triển khai đội hình, toán tiền trạm ấy cũng bắt chợt thấy cả hai. Tổ đi đầu lập tức trụ chân bấm cò. Tiếng AK vang lên, ròn rã hơn pháo tết. Súng nổ ran từng loạt, đạn cày lên vách ván của kho gạo vốn rạn sẵn, làm dăm gỗ văng tứ tung khắp chung quanh hai cha con. Joseph đột nhiên cảm thấy rất bỏng nơi lồng ngực.

Anh chói với, đưa hai tay lên ôm ngực và khuyu xuống. Gần như lập tức, mười ngón tay anh dính bê bết máu và mắt anh đứng tròng nhìn con gái.

Trong một thoáng, Tuyết lặn người chôn chân tại chỗ, rồi lòn tay qua nách cửa Joseph, xốc cha đứng lên. Thấy loáng thoáng bóng người và nghe văng vẳng tiếng động, toán bộ đội Bắc Việt bắt tiếp. Đạn cầm bình bịch, gổ văng tan tác trên đầu hai cha con. Càng tới gần mục tiêu, bộ đội càng chạy nhanh hơn. Tuyết liếc lui thật lẹ rồi nhanh như cắt kéo Joseph quành qua một góc kho gạo, lôi cha băng ngang đường. Hai cha con chạy vào bóng tối của một con hẻm nhỏ đưa tới trung tâm một khu vực nhà cửa khang trang. Từ chỗ đó, Tuyết dìu cha men theo vách các ngôi nhà gạch, lúi thẳng tới vạt đồ nhỏ đậu bên này bờ, cách cửa Đông Ba ở bờ bên kia một quãng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 12 -

Cùng thời điểm ấy tại Sài Gòn, nơi văn phòng dành riêng cho viên chức trực phân sở CIA trong Đại sứ quán Mỹ, Guy Sherman ngồi sau bàn giấy đọc báo cáo. Thỉnh thoảng, hắn ngừng đọc, ngẩng đầu thận trọng nghe ngóng tiếng pháo nổ ran trên các đường phố bên dưới. Đêm càng khuya tiếng nổ càng rời rạc và Guy đợi cho tới lúc tai nghe một tiếng nổ đặc biệt lớn để chấm dứt một tràng pháo như thường lệ. Sau đó, hắn đứng lên bước tới khung cửa sổ, đưa mắt nhìn xuống mái những toà nhà chung quanh nhưng hắn không thể quan sát bao quát vì lớp lá chắn hỏa tiễn bảo vệ sứ quán làm tầm nhìn bị thu hẹp.

Đây không phải lần đầu Guy thấy mình bỗng bất giác đưa tay sờ vào khẩu súng lục tự động .38 đang nằm yên trong bao da đeo dưới nách trái. Hắn không biết chắc động tác sờ súng ấy chỉ là thói quen của người thích đi săn hoặc chỉ để yên chí súng vẫn còn đeo bên mình sẵn sàng ứng chiến. Nhưng hắn hiểu rõ ràng rằng đêm nay, trong khu vực Đại sứ quán, hắn không phải là kẻ duy nhất cảm thấy thần kinh căng thẳng khi nghe tiếng pháo cứ nối tiếp nhau nổ ran từng chập.

Lần nào đi một vòng tuần tra Guy cũng nhận thấy vẻ mặt của lính Thủy quân Lục chiến canh gác phía sân trước và trên nóc sân thượng sứ quán đều như căng ra và đánh lại. Họ cố che giấu tâm trạng bứt rứt bằng những câu nói đùa dí dỏm và động tác giả vờ chụp vũ khí mỗi khi nghe vang một tiếng nổ đặc biệt. Nhưng rõ ràng thái độ bông đùa đó hé cho thấy trong ruột họ đang bồn chồn nóng nảy. Họ đã biết các báo cáo về tình trạng Việt Cộng vi phạm ngưng bắn bắt đầu lan rộng khắp nơi từ đêm qua và suốt hôm nay. Và họ bức bối vì tiếng pháo mừng xuân nổ ròn trên đường phố Sài Gòn làm họ mất định hướng, không thể dùng thính giác để đoán có

cuộc đụng độ nào vừa nổ ra hay không.

Guy cố nói vài lời trấn an lính gác rằng theo như hắn thấy cho tới giờ này, tình hình đô thành vẫn nằm trong tầm kiểm soát của chính phủ VNCH. Nhưng hắn biết rõ những lời vớ vẩn về đó không thể làm họ thật sự yên tâm. Cuối cùng, khi mọi sự im lặng trở lại, Guy rời cửa sổ quay về bàn giấy, ngồi xuống, tiếp tục nghiên cứu bản báo cáo dài lê thê vừa do một phái viên mới tuyển ở lục tỉnh gửi về. Hắn cố tập trung vào lời hành văn lủng củng và nội dung rối rắm của nó để phân biệt đâu là ý kiến chủ quan của người viết đâu là sự kiện cụ thể đáng ghi nhận. Cứ thế, dần dần Guy không còn nghe ra tiếng pháo và rồi, chỉ một lát sau, hắn gần như không còn để ý tới các tiếng động chung quanh.

Trong khi Guy Sherman ngồi giải quyết công việc thì bên trong một ga-ra sửa chữa ô tô khoá kín cửa trên đường Phan Thanh Giản, cách Đại sứ quán Mỹ khoảng tám trăm thước, một toán hai mươi đặc công cảm tử tinh nhuệ của Tiểu đoàn C-10 thuộc Lực Lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân tụ tập kể bên chiếc xe vận tải nhẹ một tấn, hiệu Peugeot.

Trên sàn xi-măng loang lổ vết dầu nhớt dưới chân các đặc công, sắp sẵn các thùng gạo và mấy cần xé cà chua bên trong giấu những bộ phận rời của súng phóng hỏa tiễn B-40, súng chống tăng ba-zô-ca, súng máy, lựu đạn và cả ngàn băng đạn. Nhưng lúc này, các du kích quân tạm thời không ngó tới vũ khí. Họ đang dồn mọi con mắt vào viên chính ủy đứng với tờ giấy đánh máy dưới một bóng đèn không có chụp, treo lơ lửng giữa trần nhà đầy mạng nhện.

Vách ga-ra bằng tôn mỏng, cửa sổ chỉ được che kín bằng bao bố, âm thanh nào hơi lớn một chút là có thể lọt ra ngoài nên người bên trong chỉ có thể nói thì thầm. Tuy thế, với vẻ mặt cực kỳ nghiêm trọng, giọng của viên chính ủy vừa đủ nghe nhưng vẫn nhấn mạnh từng tiếng để nội dung khích động của lời kêu gọi thấm sâu vào lòng từng chiến sĩ sắp vào trận.

- "*Tiến lên toàn thắng ắt về ta!*" — đó là lời của Hồ Chủ tịch phát đi từ Hà Nội cho tất cả các cán bộ và chiến sĩ tham gia cuộc tổng tấn công lịch sử này. Câu chúc Tết đó của Bác Hồ cũng là hiệu

lệnh xung trận cho toàn thể quân đội và toàn thể nhân dân chúng ta.

Càng nghe chăm chú, nét mặt của các đặc công càng căng thẳng khi nghĩ tới cuộc tấn công quyết liệt sắp tới, do chính họ chủ động. Y phục của toán đặc công không người nào giống người nào với những màu sắc đen, tím, nâu... lộn xộn. Đầu không đội mũ. Chân đi dép Nhật. Bên trên chiếc quần tây nhẵn nhố là áo sơ-mi bèo nhèo. Kiểu cách ăn mặc ấy thích hợp với nhân dáng người nhà quê, làm họ trông giống như phu phen lao động nặng nhọc và không gây chú ý khi di chuyển trong thành phố tới chỗ tập trung quân. Và lát nữa, người ta sẽ thấy toán đặc công không có vẻ gì đặc biệt nếu bị chặn hỏi trên chuyến xe chở họ tới đột nhập khuôn viên và tòa nhà của Đại sứ quán Hoa Kỳ. Người trẻ nhất trong toán quyết tử là Ngô Văn Kiệt, cháu thừa tự duy nhất của kẻ từng có thời là “chú bồi” trại săn của Jacques Devraux. Mím miệng và liếm môi, Kiệt gồng người bóp chặt hai nắm tay và ép thật sát vào hai cạnh sườn để đè nén cảm giác kích động đang làm lộn lạo ruột gan.

Hai gò má Kiệt còn nguyên vẻ bầu bĩnh, không một sợi lông măng, với hai con mắt thơ ngây của một thiếu niên mười bảy tuổi. Đồng đội khi muốn chọc quê cậu vẫn gọi đùa là “Ốc Tí”, như Ngô Văn Đồng, người cha quá cố thường gọi thuở cậu còn là thiếu nhi giao liên. Trong khi nghe chính ủy nói, hai mắt Kiệt không nhấp nháy. Cậu cố dương dương khí thế để che lấp số tuổi còn quá nhỏ của mình. Ngược lại, mấy đầu ngón tay của cậu thỉnh thoảng âm thầm sờ vào đường lằn quanh hông, chỗ phía dưới thắt lưng, nơi cậu quần chặt quanh mình một dải lụa màu xanh đỏ và lộn thật kỹ bên trong hai lớp vải quần ka ki vàng và áo sơ-mi nâu. Mọi khi, cậu giấu dải lụa ấy ở nơi chỉ một mình cậu biết, nhưng lần này, cậu đeo nó theo trong người vì đây là đêm mười chết một sống.

Dải lụa xanh đỏ ấy rất cũ, gần như phai màu hết một nửa. Nó nguyên là băng cờ xung trận thuở nào được thân phụ của Kiệt, cùng kẻ vai sát cánh với ông nội và chú của cậu, phát lên thật cao khi phóng bàn chân trần lao vào trại binh của Pháp tại Yên Bái năm 1930. Sau đó, nó được truyền lại cho Kiệt vào ngày đầu tiên cậu được kết nạp làm thành viên đội thiếu nhi giao liên của Mặt

trận Dân tộc GPMN tại Mộc Linh. Dù trong lòng tự hào vô bờ bến về dải băng cờ đỏ, Kiệt lúc nào cũng theo đúng lời dặn nghiêm khắc của cha là phải thận trọng giữ nó kín đáo tuyệt đối, cực kỳ bí mật. Tuy không hiểu rõ nguyên nhân nhưng Kiệt biết một thực tế là từ trước tới nay, các đảng viên Cộng Sản lớn tuổi tuy lớn tiếng hô hào đấu tranh cho độc lập dân tộc, họ vẫn đánh giá, một cách chính thức, rằng hoạt động thuở trước của những người dân tộc chủ nghĩa đảng viên Việt Nam Quốc Dân Đảng không đáng được liệt vào lịch sử cách mạng Việt Nam. Theo lời mẹ Kiệt kể lại, cha cậu có lần căn chốt rằng, âm thầm đốt bỏ một tài liệu học tập về công trạng của Đảng Cộng Sản Đông Dương trong đó có ghi lời phán xét của Bí thư thứ nhất Lê Duẩn rằng khởi nghĩa Yên Bái chỉ là một cuộc bạo động bất đắc dĩ, hăng hái nhất thời và non yếu của bọn tư sản, đồng thời, câu nói ‘Không thành công thì thành nhân’ của Nguyễn Thái Học chỉ biểu lộ đặc tính thiếu kiên trì của tầng lớp tiểu tư sản trí thức. Nhận định rẻ rúng ấy chưa phản ánh đúng mức thái độ quyết liệt của đảng Cộng Sản trong thực tế. Họ luôn luôn xem Việt Nam Quốc Dân Đảng là một kẻ thù tiềm ẩn và truyền kiếp. Khi đấu tố cải cách ruộng đất, họ hào phóng chụp chiếc mũ Việt Quốc lên đầu hàng chục ngàn con cháu địa chủ, trong đó có vô số người từng tham gia kháng chiến ở cấp ủy viên chính trị và cấp chỉ huy trưởng quân sự.

Lúc này, viên chính ủy bắt đầu đọc chậm rãi theo nguyên văn ghi trong tờ giấy:

- Đúng theo lệnh tấn công của Ủy ban Trung ương của Đoàn Chủ tịch Mặt trận Giải phóng Miền Nam, tất cả cán bộ và chiến sĩ của Lực lượng Võ trang Giải phóng lúc này hãy tiến lên tấn công thẳng vào các bộ chỉ huy địch, bẻ gãy ý đồ xâm lược của đế quốc Mỹ và đập tan nguy quyền nguy quân bù nhìn, tay sai của Mỹ. Mục tiêu chủ yếu của chúng ta là phục hồi quyền lực cho nhân dân, giải phóng toàn bộ mười bốn triệu nhân dân Miền Nam và hoàn thành nhiệm vụ cách mạng thiết lập nền dân chủ trên cả nước!

Chính ủy ngược lên, mắt lấp lánh nhìn lần lượt từng bộ mặt của hai mươi chiến sĩ đặc công, rồi đọc tiếp:

- Các đồng chí, cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm 1968

này sẽ là trận chiến vĩ đại nhất trong suốt quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc ta. Nó sẽ làm thay đổi toàn bộ thế giới nhưng nó cũng đòi hỏi nhiều hi sinh. Nó sẽ quyết định vận mệnh và sự sống còn của tổ quốc ta và làm rung động thế giới... Đất nước chúng ta có một lịch sử bốn ngàn năm chiến đấu và đánh bại ngoại xâm, đặc biệt những chiến thắng vinh quang như Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa và Điện Biên Phủ. Chúng ta đã đánh bại cái gọi là chiến tranh đặc biệt của đế quốc Mỹ và chúng ta đang đánh bại cái gọi là chiến tranh giới hạn của bọn chúng. Giờ đây, chúng ta nhất quyết tiến lên đánh bại hoàn toàn bọn xâm lược Mỹ để phục hồi độc lập và tự do trên tổ quốc của chúng ta!

Với ánh mắt mê mẩn, các đặc công quyết tử nhìn viên chính ủy từ cấp trung đoàn được đặc biệt điều xuống để động viên trung đội của họ. Rõ ràng họ bồi hồi xúc động bởi vẻ hùng tráng trong lối đọc đầy ấn tượng của ông ta. Hết thấy họ đều biết rõ rằng ông từng là tự vệ thành Hà Nội chiến đấu chống Pháp suốt cuộc Chiến Tranh Đông Dương Thứ Nhất, từ thuở cách mạng bùng lên rồi kháng chiến trường kỳ, cuối cùng ông bị thương tại Điện Biên Phủ. Bàn tay phải của ông cụt hết ba ngón. Vết thương chiến trận ấy làm chân ông đi khập khễnh. Họ thấy ông cũng bị xúc động trước thời điểm này và ông không che giấu chút nào những giọt lệ long lanh trong mắt.

Ông đọc tiếp, giọng rung rung:

- Các đồng chí thân mến, bọn xâm lược Mỹ biết rõ chúng đang thua. Tiếng gọi xung phong để giành độc lập đang vang lên! Dải Trường Sơn uy hùng và sông Cửu Long vĩ đại đang chuyển mình để tiếp thêm cho chúng ta sức mạnh lớn lao của sông núi! Đêm nay, các đồng chí phải hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiếm lĩnh Đại sứ quán Mỹ! Phải giết sạch bọn chúng ở trong đó! Phải đẩy lùi tất cả các nỗ lực tái chiếm của địch! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng — và không bao giờ đầu hàng!

Hạ thấp tờ giấy rồi với hai con mắt rực lửa, ông thêm lần nữa lần

lượt nhìn chằm chằm vào mặt từng cảm tử quân:

- Đồng chí ạ, chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!

Hai mươi đặc công đồng lòng như một, cùng nhau lặp lại lời thúc quân tối hậu ấy với giọng thì thào khản đặc: “Chiến thắng cuối cùng nhất định sẽ về ta!” Họ vừa hô vừa cung tay đưa lên cao quá đầu mình. Viên chính ủy đứng nhìn hết người này tới người nọ thêm ba mươi giây nữa rồi trở gót, chuỗi người thật êm và thật lẹ ra khỏi ga-ra.

Lập tức cậu thiếu niên Kiệt cùng mười chín đồng đội bắt đầu xúc gạo ra khỏi thúng, lấy hết cà chua ra khỏi cần xé, để lộ ra những vũ khí đạn dược đã được lén lút đem vào trung tâm Sài Gòn suốt tuần lễ vừa qua. Sau khi lẹ làng ráp súng, các đặc công chuyển vũ khí, ếm hết sức cẩn thận lên thùng xe Peugeot và cốp của một chiếc xe tắc xi Renault nhỏ, móp méo, sơn màu trắng xanh, đã đậu sẵn ở mé sau ga-ra. Kiệt chạy ra kéo mạnh sợi xích sắt, nâng liếp cửa mở thẳng ra đường. Trong khi xích còn rung lèng xèng, hai chiếc xe đã chạy ra ngoài và Kiệt thả sợi xích, chạy theo nhòai người đu lên xe tải. Mười phút sau khi viên chính ủy đọc xong lệnh ra trận, hai chiếc xe nổ bình bịch, không bật đèn, nối đuôi nhau chạy qua mấy con đường Sài Gòn vắng vẻ, tiến vào mục tiêu.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 13 -

Trong phòng trực dành cho viên chức CIA trên tầng năm toà nhà sứ quán, Guy Sherman tình cờ bước tới, đứng bên cửa sổ. Dù tầm nhìn bị giới hạn bởi các bửng lá chắn chống hoả tiễn, hắn vẫn chợt thấy thấp thoáng hai chiếc xe hơi không mở đèn, đang nối đuôi nhau chạy về phía nam, theo đường Mạc Đĩnh Chi. Chỉ khoảnh khắc sau, chiếc xe tải loại nhẹ Peugeot và chiếc tắc xi Renault biến khỏi tầm mắt của Guy, lặn vào bên dưới bờ tường thành cao ba thước bọc quanh khuôn viên Đại sứ quán. Nhưng hiện tượng xe chạy không bật đèn đủ khiến Guy cảm thấy có điều gì không ổn. Chụp khẩu tiểu liên Beretta dành cho sĩ quan trực trên giá súng, Guy chạy tới dãy thang máy giữa tầng năm. Bước vào một hộp thang, hắn bấm nút cho thang tuột xuống đất ngay phía tiền sảnh, nơi phòng đợi trong toà nhà sứ quán.

Trong lúc thang máy chưa xuống tới tiền sảnh và Guy còn trong hộp thang, bốn đặc công cảm tử trong chiếc tắc xi Renault xanh trắng đã kê súng tiểu liên lên thành cửa sổ xe. Họ cùng khai hỏa một lượt vào hai quân cảnh Mỹ đang đứng hai bên cổng hông Đại sứ quán, nơi trạm gác phía đường Mạc Đĩnh Chi. Mấy loạt đạn đó không trúng mục tiêu nhưng làm cả hai lính Mỹ chạy lùi vào bên trong, đóng sập cửa sắt. Kế đó, xe tải và xe tắc xi rẽ phải, quẹo qua đại lộ Thống Nhất, ngay đằng trước cổng chính có cửa sập của Đại sứ quán.

Đang đứng gác chiếu lệ trong các bót gác nhỏ bằng bê tông, có cửa sổ xây gắn vào tường thành, bốn cảnh sát viên Miền Nam vừa nghe loạt súng đầu tiên đã lật đật chạy tìm chỗ nấp. Thấy vậy, Ngô Văn Kiệt lập tức nhảy xuống đất, ôm theo trước bụng quả bọc phá C-4 nặng bảy ki-lô. Vốn là người chạy lẹ nhất và nhanh tay nhất trong khoá huấn luyện sử dụng chất nổ nên đêm nay cậu có nhiệm vụ đặt

chất nổ phá thùng lỗ đầu tiên nơi tường thành Đại sứ quán, cũng là lỗ quyết định. Kiệt lao mình thẳng tới vị trí đã định, chỉ cách ngã ba Thống Nhất — Mạc Đĩnh Chi mấy thước. Dù hai bàn tay hơi run, Kiệt vẫn gấn gọng gàng ngời nổ chậm mười giây vào chân tường thành. Xong, cậu vọt lui. Cùng với các đặc công khác, cậu núp mình gọn lỏn ở hông bên kia của xe tải.

Tiếng bộc phá gầm lên rung chuyển toà cao ốc Đại sứ quán. Guy ngã bật người trong hộp thang máy. Khi bụi đất do quả bộc phá bắn tung tóe chưa kịp lắng xuống, trung đội trưởng đặc công đã thối còi và dẫn đầu trung đội chui lẹ qua lỗ thùng cao và rộng chưa tới một thước, sát mặt đất. Cách vòng tường hai chục thước, sau cơn choáng váng do tiếng nổ của quả bộc phá gây ra, hai quân cảnh gác cửa hông toà nhà hồi tỉnh thật lẹ. Chung quanh họ, gạch đá vẫn còn rơi nhưng mỗi người đã kịp nâng khẩu tiểu liên lên, bắn thẳng vào toán du kích Việt Cộng từ lỗ thùng nơi chân tường túa lên. Cả hai thấy có một hai đặc công chới với, ngã gục. Nhưng những đặc công còn lại kịp thời nhào người xuống đất, bắt đầu bắn trả xối xả về hướng hai quân cảnh. Một quân cảnh trúng đạn chết tại chỗ. Người còn lại bò tới máy truyền tin đặt bên trong trạm gác, hét đi hét lại vào máy:

- Chúng tới! Bọn chúng tới rồi! Chúng tôi cần yểm trợ!

Nhưng chỉ mấy giây sau, trạm gác bị đạn quạt trúng lỗ chỗ. Máy truyền tin câm bật. Đầu và ngực của người quân cảnh sống sót găm đầy đạn. Toán đặc công C-10 bắt đầu tự do bố trí súng phóng hoả tiễn B-40 và súng ba-zô-ca bên trong khuôn viên, ngay mặt trước toà nhà sứ quán, để từ cự li gần nhất có thể nhắm thẳng vào các vị trí tấn công trực diện.

Bên trong tòa nhà sứ quán, Guy từ hộp thang máy vọt ra phòng đợi nơi tầng trệt. Hắn kịp thời ngó thấy viên trung sĩ Thủy quân Lục chiến phóng mình tới cửa trước đang mở. Phải mất một hai giây, anh ta mới kéo được hai cánh cửa gỗ lim khổng lồ sập vào. Then chưa kịp gài thì hàng loạt đạn tiểu liên khác đã bắn vỡ tung các khung kính nơi mấy cửa sổ kế bên cửa lớn. Người CIA khom mình xuống thật thấp, vừa chạy tới bên viên trung sĩ vừa quạt khẩu Beretta thật lẹ qua khung cửa sổ không còn kính rồi hụp đầu xuống

phía dưới thành cửa. Guy gào lớn át tiếng đạn bay rào rạt:
- Trung sĩ, mau tới nhà kho lấy vũ khí. Phải làm cho bọn ngoài bãi cỏ kia tưởng trong này có cả một đạo quân!

Viên trung sĩ vừa vụt chạy tới phòng chứa vũ khí, Guy nghe viên hạ sĩ TQLC phụ trách tổng đài của bộ phận gác khẩn trương điện thoại gọi yểm trợ. Guy biết lúc này, bên trong toà nhà sứ quán đang bị bao vây, ngoài hẳn ra chỉ có hai chục người. Họ gồm có mười hai quân nhân Mỹ, cộng thêm hai TQLC nơi tiền sảnh, một trung sĩ TQLC khác tại bót gác trên nóc, bốn nhân viên truyền tin và mật mã ở mấy tầng trên và một viên chức trẻ tuổi thuộc ngành ngoại giao đang trực — anh ta mới tới, đang trải qua đêm đầu tiên tại Sài Gòn và lúc này ở trong một văn phòng nơi tầng thứ tư. Để tự vệ, ngoài vũ khí cá nhân của 15 quân nhân, 6 người dân sự còn lại chỉ có vài khẩu súng lục .38, một hai khẩu súng bắn đạn chùm và sáu khẩu tiểu liên Ý.

Trên bãi cỏ trước sân toà nhà sứ quán, cậu đặc công thiếu niên Ngô Văn Kiệt đang tiếp tayĩ ngắm khẩu B-40 thứ nhất vừa được kê đúng vị trí. Cửa tiền sảnh tuy đã khép nhưng đèn vẫn sáng bên trên cửa. Kiệt và hai xạ thủ khác quyết định nhắm phát đạn đầu tiên thẳng vào con ó ngay chính giữa bảng Quốc huy Hoa Kỳ gắn trên phiến đá cẩm thạch dày và tròn, lấp lánh một bên cửa. Với cự ly gần, nó là mục tiêu dễ tác xạ. Và cả ba thét lên sung sướng khi trái hỏa tiễn lao mạnh vào đúng tâm bảng, tuy hơi lệch xuống bên phải một chút. Các đặc công khác cũng đã vào vị trí trên bãi cỏ, đằng sau các bồn bê tông tròn và lớn, đường kính hơn bốn thước, cao nửa thước, để trồng hoa hoặc cây kiểng. Ở đó, sau khi bố trí súng B-40 phóng hỏa tiễn và ba-zô-ca, họ lần lượt khai hỏa từng khẩu một, nhắm vào mặt tiền toà nhà sứ quán.

Quả B-40 đầu tiên xuyên thủng bức vách gắn bảng quốc huy, chạm trần nhà và phát nổ ngay bên trên trạm gác của TQLC. Mảnh thép hỏa tiễn nóng hơn lửa làm trọng thương viên hạ sĩ đang gọi điện thoại yểm trợ, đồng thời, phá nát dàn máy truyền tin, cắt đứt liên lạc với viên trung sĩ gác trên nóc sân thượng toà nhà cũng như với các đơn vị TQLC khác ở Sài Gòn.

Đang lom khom bên dưới thành cửa sổ, Guy cũng bị tiếng nổ ấy

làm xây xắm mặt mày, hai tai điếc đặc trong một lúc. Rồi hấn lão đảo đứng lên, nép sát vách, lúi dúi. Guy chưa lúi được mấy thước, quả hỏa tiễn thứ hai xuyên thủng cánh cửa gỗ lim, chạm trúng bức vách sau của toà nhà sứ quán, nổ nghe thủng tai lủng óc. Vài giây sau, quả thứ ba phát nổ, bắn trúng mé cao trên bức vách, và Guy nhào người thật lẹ xuống sàn nhà đằng sau chiếc cột ở cuối khách sảnh.

Phía sau bàn trực gác, viên trung sĩ TQLC vừa từ kho vũ khí trở về với hai tay ôm một bó súng ống, đang cố cấp cứu viên hạ sĩ bị trọng thương. Thấy vậy, Guy chạy tới một bên. Hướng mặt về phía hai cánh cửa lim tan nát, hấn nâng khẩu Beretta chĩa ra khung cửa và chờ đợi, tin chắc rằng ngay sau màn hoả lực B-40, sẽ tới một đợt xung phong của đối phương vào toà nhà sứ quán.

Trong khi viên chức CIA Guy Sherman đang quì ghì súng canh chừng khung cửa, chờ xảy tới một sự việc tồi tệ nhất, thì khắp Sài Gòn, tin tức Việt Cộng tấn công và chiếm được mảnh đất thuộc khu vực chủ quyền quốc gia của Hoa Kỳ tại tâm điểm đô thành làm choáng váng các chỉ huy trưởng quân đội và các nhà ngoại giao Mỹ ngay trên giường ngủ của họ. Cũng thế, trong khi mắt họ ngái ngủ chân cạp rập bước xuống giường, qua điện thoại và máy truyền tin, những báo cáo khác bắt đầu truyền về dồn dập, cho biết các cuộc tấn công bất ngờ và có phối hợp đã được phóng ra cùng một lúc trên tất cả các thành phố lớn vào giữa đêm 30 tháng Giêng năm 1968. Và Nam Việt Nam bỗng chốc rực cháy suốt từ đầu này tới đầu kia lãnh thổ.

Ký giả nước ngoài của các hãng thông tấn, báo chí và truyền hình cũng bị choáng váng. Trong khi loạng choạng bước khỏi giường ngủ, họ bỗng nhận ra rằng cuộc xung đột cut bắt “lùng và diệt” mới đây còn khiến họ buộc lòng phải chạy tìm đi nó ở chốn rừng sâu núi thẳm, lúc này hiện ra ngay trên ngưỡng cửa nhà họ. Hết người này tới người nọ lần lượt phát hiện rằng chỉ cách khách sạn hoặc nhà ở của mình vài khu phố, vừa khởi sự một trận quyết đấu gay cân nhất trong toàn bộ cuộc chiến. Rồi từng phút từng phút trôi qua, họ bắt đầu hiểu ra rằng từ lúc khởi sự cuộc chiến tới nay, đây

là trận đụng độ đầu tiên giúp họ có thể làm cho dân chúng ở ngay tại Hoa Kỳ hoặc ngay tại quê nhà xa xôi của họ lãnh hội nhanh chóng và thấu đáo về chiến tranh Việt Nam.

Các phóng viên lao mình tới những khu vực giao tranh để được chứng kiến tận mắt. Họ điện thoại và hỏi chuyện với những người Mỹ đang ngơ ngác trong mấy tầng trên của toà nhà sứ quán Hoa Kỳ bị vây hãm. Suốt cả đêm, họ tới tấp đánh điện tín, gọi điện thoại và gửi các bản tin viễn ký về trận đánh đang xảy ra, cho New York, Luân Đôn, Paris... và từ những nơi đó, chúng được truyền qua hàng chục ngàn đài phát thanh, trạm truyền hình và báo chí trên khắp quả đất. Và thế giới hồi hộp theo dõi, lắng nghe, đọc kỹ lưỡng những sự kiện mới nhất trong cuộc xung đột không cân sức tại Việt Nam, giữa con cháu Á Đông với chiếc xe tăng khổng lồ của chú Sam. Người ta hầu như không tin nổi rằng một nhóm nhỏ du kích quân Cộng Sản đã chiếm được cái bản doanh biểu tượng cho một quốc gia có quân lực hùng mạnh nhất thế giới, và hiện đang đủ khả năng đẩy lùi mọi nỗ lực tái chiếm bản doanh đó.

Tại tiền sảnh của toà nhà sứ quán, bất chấp sự khắc khoải trông ngóng từng giây từng phút của viên trung sĩ TQLC không bị thương lẫn Guy, đợt xung phong tối hậu của đối phương vẫn không xảy tới. Cả hai đều không biết rằng ngay trong mấy giây đầu tiên của cuộc đột nhập, khi toán đặc công vừa chui qua lỗ thủng nơi chân tường thành, họ đã mất người chỉ huy. Anh ta bị một trong hai quân cảnh gác cổng giết lúc hai bên mới bắt đầu trao đổi hoả lực. Kết quả toán đặc công mất thủ trưởng cứ loay hoay chúi mình, dùng các bồn hoa làm ụ che chắn, không ai có quyết định dứt khoát. Họ tạm thời bằng lòng với việc bắn từng chập B-40, từng tràng súng máy vào toà nhà sứ quán, vào bất cứ người Mỹ nào xuất hiện trên các mái nhà nơi mấy đường phố chung quanh. Kế đó, họ bước vào bên trong các bồn hoa, nằm ép mình theo mép vành bê-tông và tiếp tục bắn phá.

Một đơn vị quân cảnh Mỹ được phái tới bên ngoài để xông vào giải vây. Họ thấy hai cổng trước vẫn khoá chặt và trong khi cố mở cánh cổng bên hông, họ bị hoả lực của đặc công bắn ra đẩy lùi.

Viên sĩ quan chỉ huy quyết định không nên liều tính mạng của binh sĩ bằng cách leo qua tường thành để tấn công trong đêm tối. Hơn nữa, họ cũng không trông thấy cái lỗ sát mặt đất vốn bị đặc công Việt Cộng dùng chất nổ phá thủng trước đây. Vì vậy, cũng giống các nhà chỉ huy quân sự Mỹ khác, suốt đêm họ cứ thắc mắc hoài làm thế nào Việt Cộng lại tràn được vào khuôn viên Đại sứ quán với đầy đủ khí giới rồi khoá chặt cả hai cánh cổng lại đằng sau. Trong bóng đêm tiếp tục dày đặc, trận đánh càng lúc càng thêm hoang mang. Sau khi quyết định cứ chờ bên ngoài cho tới lúc trời sáng, người ta bố trí lính Mỹ hàng hàng lớp lớp trên các mái nhà chung quanh Đại sứ quán. Dưới ánh sáng hoả châu, lính Mỹ nổ súng ào ạt xuống các đặc công, không cho địch ngóc đầu lên, để địch không thể xung phong vào toà nhà sứ quán. Người ta gọi trực thăng tới nhưng không thể đáp xuống nóc tòa nhà sứ quán vì hoả lực Việt Cộng từ bên dưới các bồn hoa bê tông bắn lên.

Vì các thiết bị truyền tin tại trạm gác của TQLC nơi tiền sảnh đã bị phát B-40 đầu tiên phá nát nên những người Mỹ mắc kẹt nơi mấy tầng trên trong toà nhà cũng không biết bên dưới đang xảy ra chuyện gì. Suốt đêm, họ ngồi chờ giây phút cửa phòng của mình bị đập tung và đặc công Việt Cộng ào vào tàn sát họ. Viên chức ngoại giao cầm khẩu súng lục .38, rút vào phòng mật mã, nơi có thể liên lạc trực tiếp và nói chuyện với cấp trên ở Bộ Ngoại giao tại thủ đô Washington. Và cho tới lúc đó, anh ta cứ tự hỏi phải chăng cuộc đời mình tới đây là bế mạc.

Sau khi lom khom nơi cửa trước suốt cả tiếng đồng hồ để chờ đẩy lui một đợt xung phong không bao giờ xảy tới, Guy rời tiền sảnh, lật đật quay lại văn phòng trực trên tầng năm. Hắn ngồi yên, lắng nghe tin tức thế giới qua các đài phát thanh BBC và VOA. Kế đó bỏ ra gần một giờ, hắn dùng điện thoại liên lạc các nơi và ráp nối thành một bản lượng giá chính xác sức mạnh của lực lượng đặc công. “Lầu Năm Góc Phương Đông” tức Bộ tư lệnh Tân Sơn Nhứt của tướng Westmoreland cũng đang bị bốn tiểu đoàn Việt Cộng tấn công. Một sĩ quan quân báo cao cấp tại đó nói với Guy rằng theo quan sát từ các mái nhà ở hai bên đại lộ Thống Nhất, người ta thấy có khoảng mười hoặc mười hai thi thể Việt Cộng nằm rải rác

quanh các bồn hoa. Ngoài ra còn đếm được khoảng năm sáu đặc công di chuyển thoăn thoắt giữa các bồn hoa bê tông và đang bắn trả.

- Dường như những gã sống sót ấy quyết định chống cự tới giọt máu cuối cùng. Nhưng chúng tôi đoán quân số tham gia cuộc tấn công chỉ khoảng một trung đội. So với những gì đang diễn ra tại Huế, Đà Nẵng và khắp các địa điểm khốn nạn khác thì chuyện xảy ra ở Tòa Đại sứ chỉ là một trận đánh chẳng có gì đáng kể!

Guy nôn nóng đáp lại:

- Được thôi! Nhưng nói cho tôi biết lý do khốn kiếp nào khiến các ông không phái ai tới đây để dọn sạch bọn chúng. Việt Cộng càng bám chặt khu vực chủ quyền này của chúng ta lâu chừng nào thì chúng càng bắn bừa văng tùm lum lên báo chí quốc tế nhiều chừng này.

Viên sĩ quan quân báo nói, giọng đều đều:

- Các cấp chỉ huy của chúng tôi đã quyết định rằng không liều tính mạng của lính trước khi trời sáng. Thế thôi. Cho tới lúc đó, không bàn thảo gì nữa về vấn đề này.

Guy nổi cáu:

- Trời đất ơi, thế thì trễ mất! Tôi vừa nghe tin tức qua các đài phát thanh — khắp thế giới người ta bảo rằng bọn Việt Cộng đang làm mưa làm gió, chạy tứ lung tung trong cái Tòa Đại sứ khốn nạn này mà chúng ta không trục nôi chúng ra! Có phải chúng ta cứ ngồi yên, để mặc bọn chúng tha hồ kiếm điểm bằng cái phép thắng lợi tuyên truyền này?

Viên sĩ quan quân báo nói hờ hững:

- Tôi sẽ cố liên lạc với người nào đó để điều chỉnh lại cái ấn tượng sai lạc ấy của các hãng thông tấn. Tin tôi đi. Ở đây chúng tôi có toàn bộ hình ảnh hơn ông. Ông chỉ việc ngồi yên thôi. Mọi sự rồi sẽ ổn thoả đâu vào đó.

- Khốn nạn, chỉ cần vài TQLC có quyết tâm là trong mấy phút thôi, có thể quét sạch bọn chúng...

Guy giận dữ hét lớn nhưng đường dây đã tắt. Hắn chửi thề, dần mạnh ông nói. Khi bước tới bên khung cửa sổ, nhìn ra, hắn thấy dưới ánh sáng hoả châu lâu lâu lại loé lên, mấy gã đặc công trong

các bồn hoa vẫn tiếp tục trao đổi hỏa lực với lính Mỹ trên các mái nhà chung quanh; rời rời rạc rạc bằng vũ khí cá nhân. Hắn đứng nhìn suốt nửa giờ, ruột càng lúc càng nóng, rồi lật đật trở xuống tiền sảnh.

Ở đó, Guy thấy viên hạ sĩ đã được đặt nằm yên trên băng-ca. Bằng điện thoại ở tầng trên, viên trung sĩ TQLC đang cố sắp xếp để tải thương anh ta qua ngả nóc toà nhà ngay khi trực thăng có thể đáp xuống. Nhìn đồng hồ thấy gần năm giờ sáng và bất chợt có một quyết định, Guy cầm lên khẩu súng bắn đạn chùm 12 li của viên trung sĩ rồi bốc một nắm đạn dồn chặt cứng túi quần. Tay kia vẫn cầm khẩu tiểu liên Beretta, hắn khom người thật thấp, lủi tới cửa trước, nhìn ra ngoài qua khung cửa sổ vỡ nát.

Guy bỏ ra vài phút để ghi nhận vị trí của các đặc công Việt Cộng còn lại. Kế đó, hắn vội vã bước về hướng có một trong những cửa nhỏ hơn, trở ra mặt sau toà nhà sứ quán.

Khi Guy đi ngang bàn trực, viên trung sĩ gọi hắn với giọng quan tâm:

- Ông tính chuyện gì vậy? Có cần tôi tiếp một tay không?
- Không, trung sĩ ở yên đó.

Guy vừa lắc đầu vừa nói ra câu ấy rồi cười rầu rĩ:

- Tôi chỉ muốn thử nghiệm một trong những lý thuyết của bố tôi trước đây về ý chí và quyết tâm chiến thắng.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 14 -

Từ mặt sau toà nhà sứ quán, Guy nhích từng chút một, nhô mình ra khỏi chỗ che chắn. Hắn mọp người sát đất, chống hai cùi chỏ trườn tới. Giữ khẩu súng bắn đạn rìa và khẩu Beretta ngay trước mặt, cứ tiến được vài thước, hắn dừng lại nghỉ. Nhắm một bồn hoa bê tông gần toà nhà nơi lúc nãy, dưới ánh sáng hoả châu, Guy ngó xuống thấy ở đó có hai gã đặc công nằm sóng soài trên cỏ, hình như đã chết. Hắn đoán rằng mấy tên địch sống sót có thể vẫn cố thủ bên trong hai bồn bê tông cách hắn khoảng ba chục thước, và ở chốt chiếm giữ đó, chúng rất khó bị bắn trúng.

Trước khi rời toà nhà sứ quán, Guy gọi cú điện thoại sau cùng cho viên sĩ quan quân báo ở “Lầu Năm Góc Phương Đông”, yêu cầu anh ta ra lệnh các lực lượng bên ngoài Đại sứ quán ngưng phóng trái sáng lên phía trên khuôn viên Đại sứ quán, vì Guy biết chắc chắn mình sẽ không còn mạng nếu để đối phương thấy ra mình tại khoảng đất trống.

Dựa vào kết quả xem xét tình hình từ khung cửa sổ vỡ nát nơi toà nhà sứ quán, Guy tin rằng chỉ còn sống sót nhiều nhất năm đặc công Việt Cộng. Và dường như chúng đang tập trung quanh các bồn hoa nằm dọc hai bên lối đi dẫn vào cửa chính phía mặt tiền toà nhà. Trong bóng tối trước lúc trời chưa rạng sáng, Guy không thể thấy rõ các đặc công nhưng khi âm thầm trườn mình qua bãi cỏ, trong khoảnh khắc im ắng giữa các loạt súng nổ, một đôi lần hắn nghe có tiếng nói thì thầm suýt soát của đối phương.

Khi tới được một bồn bê tông lớn nơi Guy dự tính dùng làm ụ che chắn cho mình, hắn thấy tại đó có hai gã du kích. Một đã chết còn một đang nằm lịm trong vũng máu, thở thoi thóp và hoàn toàn bất tỉnh. Trong vài phút, Guy ngừng trườn, nằm thật yên bên cạnh họ, lấy lại hơi thở. Kế đó, Guy ngóc đầu lên nhìn tới bồn hoa kế tiếp.

Vừa rồi, quan sát từ khung cửa sổ toà nhà sứ quán, hắn đã thấy hai gã bên trong bồn hoa đỏ cứ vài phút lại ngóc đầu lên trên thành bồn để bắn về phía mái nhà bên kia đường Thống Nhất. Đoán thế nào chúng cũng sẽ lặp lại động tác ấy, Guy nâng khẩu Beretta lên, nhắm thẳng hướng đối phương, chờ đợi.

Khắp khuôn viên bỗng im lặng hẳn. Vài phút trôi qua không một ai động đậy. Miệng Guy khô. Hắn thấy lòng lâng lâng khích động với cảm giác nôn nao hồi hộp trước đây hắn từng nếm trải khi đi săn trong rừng núi Đông Virginia vào những sáng mùa thu lúc trời còn tờ mờ.

Trong khi thu mình nhìn chăm chú vào một điểm trên mép bồn hoa, chỗ hắn kỳ vọng con mồi sẽ ngóc đầu lên, Guy chợt nghĩ rằng cảm giác này có lẽ không phải được truyền lại từ thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Nó chắc hẳn là di sản thừa kế của một người Pháp hướng dẫn săn bắn hắn không biết mặt nhưng, theo lời kể của Joseph, là kẻ lão luyện, từng rượt theo cọp và voi trong rừng sâu của xứ Việt Nam thời thuộc địa. Cũng trong khoảnh khắc ấy, Guy nhớ lại câu chuyện người cha ruột của mình bị những người Việt Nam theo chủ nghĩa Cộng Sản ám sát. Và như thế, hắn thấy lòng hào hứng cực độ với niềm xác tín ngất ngây rằng, đối với hắn, việc săn lùng và bắn gục những kẻ đột nhập Đại sứ quán đêm nay hẳn là một hành động trả mối hận thù riêng tư và truyền kiếp.

Vào lúc ấy, bên trong bồn bê tông cách Guy ba chục thước, cậu thiếu niên đặc công Ngô Văn Kiệt nấp vào nòng khẩu tiểu liên xung kích AK-47 một băng đạn còn đầy và cuối cùng, rồi trao súng cho người đồng đội lớn tuổi đang nằm bên cạnh. Anh ta vừa bắn xong băng đạn chót. Chung quanh hai người rải rác vỏ đạn đồng. Tay đặc công ấy nhìn Kiệt, nhướn mày lên thắc mắc. Kiệt nói nhẹ nhàng:

- Đồng chí cầm lấy súng của em. Anh bắn giỏi hơn em nhiều.

Nói xong, cậu nghiêng người qua một bên, chỉ vào hai quả lựu đạn miếng đeo nơi thắt lưng:

- Em còn cái này. Em thạo ba cái thứ nổ to và dữ dằn này hơn.

Người đồng đội của Kiệt lại ngó cậu, mắt chớp nháy cảnh giác. Lời động viên và căn dặn của viên chính ủy trong ga-ra sửa

xe chột vang lên trở lại trong tâm trí anh, cực kỳ sống động: “*Các đồng chí phải hành động như những vị anh hùng của Việt Nam. Các đồng chí phải hành động với tinh thần và lòng tự hào của người chiến sĩ chân chính của Quân đội Giải phóng! Các đồng chí phải chiến đấu tới giọt máu cuối cùng — và không bao giờ đầu hàng!*” Anh tự hỏi, như vậy phải chăng tới giờ cuối, Kiệt sẽ dùng lựu đạn cho nổ banh xác cả hai anh em vì tình thế không còn hy vọng và cả hai sắp hết đạn?

Cảm giác được nỗi sợ hãi căm lặn đằng sau vẻ mặt của đồng chí mình, Kiệt lắc đầu:

- Anh đừng lo — em chỉ dùng chúng để giết bọn đế quốc Mỹ. Em chỉ giết đứa nào dám tính tới chuyện bắt chúng ta làm tù binh.

Bên kia đường bắn sang một loạt đạn thăm dò thật dài. Thêm lần nữa, đạn cào một lần ngang lăm chằm lăm văng tung tóe hạt bê tông trên thành bồn hoa. Kiệt cảm thấy người đồng chí bên cạnh bỗng cứng người. Anh ta nhìn xuyên lên trời đêm tối đen, cố tìm dấu vết xạ thủ Mỹ nơi mái nhà trong bóng tối bên trên họ. Ngay khi dứt loạt đạn của địch, anh rướn người, tì cùi chỏ lên mép bồn hoa, bắn trả ba phát thật lẹ về phía mới lóe sáng.

Từ chỗ nấp cách đó ba mươi thước, Guy siết cò súng Beretta ngay khi vừa thấy đầu và vai đối phương nhô lên trên mép bồn bê tông. Khẩu súng rung lên trong tay khi hắn kèm loạt đạn, quét trúng đầu và ngực người Việt Nam, giết chết tươi anh ta. Trong một hai giây, tiếng đạn cắm vào da thịt con người ngay bên cạnh làm Kiệt choáng váng. Nhưng khi nghe có tiếng chân chạy qua bãi cỏ hướng về phía mình, cậu nghiêng người sang một bên, rút quả lựu đạn miêng khỏi thắt lưng. Kiệt kéo khuy nhưng chưa ném. Lắng nghe tiếng chân của Guy, cậu buông chốt và bắt đầu đếm ngược trở lại bốn giây, rút ngắn khoảng thời gian nổ của quả lựu đạn khi rời khỏi bàn tay cậu.

Trong ánh sáng mờ mờ của bình minh đang tới, Guy thấy Kiệt vịn người vào tư thế ném lựu đạn. Hắn bắt đầu vừa bắn vừa chạy. Cậu thiếu niên đặc công liều mạng ngóc đầu ngó ra trong khi đạn cắm vào thành bê tông bên ngoài khu loảng xoảng. Khi Guy chỉ còn cách mấy bước, Kiệt vịn cổ tay tung quả lựu đạn qua thành bồn.

Người CIA điên tiết, hả miệng thét lớn, nhào tới, nhảy lên thành bồn đúng lúc quả lựu đạn bay cầu vồng rớt xuống bãi cỏ. Kiệt ngồi dậy và lùi lại, hoảng kinh khi thấy hình dáng lơ mờ của người Mỹ vụt hiện ra ngay trên đầu mình. Cậu bật ngựa người đúng lúc đạn từ khẩu Beretta bay ra, ghim đầy ngực. Cũng gần như ngay trong tích tắc đó, quả lựu đạn phát nổ, điếc tai. Những mảnh kim loại lổm chổm, nóng bỏng và đầy chết chóc của nó đâm thủng háng Guy, xuyên thẳng vào bụng hắn. Trong một thoáng, Guy đứng chới vơi trên mép bồn hoa, thét lên đau đớn. Rồi thân thể của người Mỹ đổ nhào tới trước, hai tay dang ra bên trên thi thể của cậu bé Việt Nam, và nằm bất động.

Khi trời sáng hẳn, những người Mỹ bên ngoài Đại sứ quán dần dần thấy rõ trung đội đặc công Việt Cộng đã kiệt quệ. Sau khi phát hiện lỗ thủng nơi chân tường thành, một chiếc xe díp của quân cảnh húc vào cổng trước bị khoá chặt đồng thời lính Sư đoàn 101 Không kỵ bắt đầu đổ bộ bằng trực thăng xuống nóc tòa nhà sứ quán. Lính nhảy dù chạy rầm rập khắp sáu tầng lầu toà nhà, tay vung vẩy súng tiểu liên, lựu đạn và dao găm, hi vọng tìm ra vài tên Việt Cộng bên trong toà nhà. Nhưng họ hết sức ngạc nhiên khi thấy chỉ có một nhóm nhỏ người Mỹ mặt tái xanh, run rẩy lộ mình ra khỏi chỗ nấp.

Cuộc đụng độ vẫn tiếp tục đôi chút trong và chung quanh khu vực sát các căn nhà nhỏ khác bên trong khuôn viên vì có vài đặc công Việt Cộng sống sót quyết chống cự tới giọt máu cuối cùng. Rồi sau cùng, trước chín giờ sáng, Đại sứ quán trở lại tình trạng an ninh khi tướng Westmoreland đến thanh tra hiện trường.

Cộng Sản chiếm được khuôn viên Đại sứ quán Hoa Kỳ trong sáu tiếng rưỡi đồng hồ — một cuộc chiếm cứ tương đối ngắn ngủi nhưng làm người Mỹ choáng váng sâu xa. Trong số hai mươi Việt Cộng đột nhập, chỉ có hai người sống sót, bị thương và bị bắt. Mười chín thi thể khác được tìm thấy nằm rải rác khắp khuôn viên giữa gạch đá đổ nát văng ra từ mặt tiền của toà nhà bị trúng mấy quả B-40. Trong số tử thi có mấy tài xế của Đại sứ quán, những kẻ có thể là Việt Cộng cũng có thể không. Thậm chí các ký giả dày

dạn kinh nghiệm cũng phải kinh hãi trước quang cảnh tàn sát và hủy hoại khi họ được phép vào để phỏng vấn tướng Westmoreland về trận đánh Đại sứ quán Mỹ và về cuộc tổng công kích của Cộng Sản lúc đó đang nổ ra trên khắp thành thị Miền Nam.

Người CIA Guy Sherman và cậu thiếu niên Ngô Văn Kiệt được tìm thấy cùng nằm chết với nhau. Thi thể của cả hai quần vào nhau trong khoảnh khắc lìa đời. Khi người ta kéo riêng họ ra, quần áo người này thấm máu người kia. Và không ai để ý rằng dải băng cò bên dưới lớp áo nâu quần vàng đẫm máu của Kiệt nguyên thủy có sọc màu vàng.

Y hệt bản thân của hai kẻ đã chết ấy, các ký giả đang quan sát cũng như các TQLC mặt mày ảm đạm phụ trách việc tách rời hai thi thể của Guy và Kiệt, không một ai biết rằng cái chết của cả hai đã đưa tới một chung cuộc cho những hận thù cá nhân phức tạp và chẳng chịt, có hệ lụy từ hơn bốn chục năm về trước nơi một trại săn từng được dựng lên trong rừng thẳm Nam kỳ phía bắc Sài Gòn thời thuộc địa.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 15 -

- Đau chỗ đó lắm phải không?

Có giọng nói nghe rất khẽ và lúng búng, bằng tiếng Việt, làm Joseph giật mình. Anh mở mắt, thấy một bé gái khoảng mười tuổi đang ngồi chồm hồm mé dưới chân mình. Con béu mặc áo cánh cổ kiềng màu xám, quần dài nâu may bằng vải rẻ tiền, đi chân trần và đang hình mũi, nhúu đôi lông mày dọ hỏi. Khi ấy, Joseph mới nhận ra mình vừa rên lên đau đớn lúc trở người trong lòng dò. Con dò đang đưa nhẹ nhẹ theo chuyển động của mặt nước sông Hương nhưng hai lớp chiếu cói lót dưới lưng chỉ làm bớt phần nào cảm giác khó chịu vì anh nằm ngửa, lưng đè sát mặt ván thô nhám sàn

sùi.

- Không, chỉ đau chút chút thôi.

Joseph vừa nói vừa há miệng hớp không khí, hít vào thở ra khò khè, nặng nhọc. Miếng băng cột xéo ở mé bên trên lồng ngực chỗ vàng khè, chỗ đỏ bầm, đầy máu khô, cứng trũng. Khó khăn lắm anh mới có thể nhấc lên cánh tay phải đang tê dại. Viên đạn trúng ngay chính giữa giữa hai chiếc xương sườn trên cùng, ngay phía dưới xương đòn gánh bên phải và phạm vào phổi. Nhưng qua vết thương dưới nách, anh đoán đầu đạn xuyên suốt người, bay thẳng ra ngoài. Lá phổi bên phải của Joseph bị phá rách. Và sau năm ngày đêm, lúc này anh đã quen dần với việc thở từng hơi ngắn thích ứng với khả năng của lá phổi còn lại.

- Có phải ông sắp chết không?

Joseph nhìn vào hai con mắt tròn xoe đầy thắc mắc ấy. Trong lúc con bé đưa mắt nhìn anh hóng câu trả lời, bộ mặt mười tuổi với vẻ thơ dại mộc mạc và nét đẹp chưa thành hình của nó bỗng đầy vẻ nghiêm trọng. Joseph chống một bên sườn, nhòm người lên, nhăn mặt đau đớn:

- Không, ông thấy ông không chết. Mai một ông khoẻ lại. Đến lúc đó, ông sẽ đem cháu với mẹ của cháu với em của cháu tới một nơi không có chút giặc giã nào cả.

- Không có chút giặc giã nào cả?

Bộ mặt thiên thần màu hồng phách ấy cau lại vì hiểu không ra. Xa xa ngoài kia tiếng súng trường cắc bụp và tiếng súng liên thanh lấp bập liên tục. Thỉnh thoảng tiếng uỳnh ạch nghe sâu hơn của đại bác 90 li gắn trên xe tăng và tiếng oành oành của đạn súng cối làm mặt đất rung chuyển, át tiếng nổ của các loại vũ khí nhẹ hơn, nhưng hiếm khi bật hẳn tiếng nổ ròn rã của súng cá nhân.

Mười tiểu đoàn gồm bộ binh, pháo binh và đặc công Cộng Sản tràn vào thị xã Huế trong những giờ đầu ngày 31 tháng Giêng; chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã chiếm được Thành Nội, Gia Hội, khu vực phố xá quanh chợ Đông Ba và các vùng phụ cận dọc mạn nam sông Hương mà chỉ gặp đôi chút kháng cự. Tiểu đoàn I Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Phú Bài, cũng chỉ nội một hai tiếng đồng hồ đã mở được đường tới cơ quan MACV — Military Assistance

Command-Vietnam: Bộ Chỉ huy Hỗ trợ Quân sự tại Việt Nam, đóng trụ sở tại khách sạn Thuận Hóa, trong khu vực hữu ngạn sông Hương, đối diện với Kinh Thành. Vài ngày sau, lính Mỹ mới khởi sự đụng độ với Việt Cộng. Nhưng lúc ấy, mọi nỗ lực của lính Mỹ nhằm xông ra quét sạch bệ đội Bắc Việt và cán binh Việt Cộng khỏi các khu vực khác ở mạn nam sông Hương đều gặp kháng cự trên từng bước một.

Phía bờ bên kia, ở khu vực tả ngạn, những binh lính Sư đoàn 1 còn ở lại đơn vị khi Cộng Sản tấn công và đại đội Hắc Báo thiện chiến lúc này cũng ra sức phản công nhưng chưa vượt quá khu vực quanh bộ tư lệnh. Và Cộng Sản đang chiếm Hoàng Thành Đại Nội, dùng các cung điện trong đó làm nơi đặt bộ chỉ huy. Thủy quân Lục chiến Mỹ thận trọng tiến quân trên đường phố, lom khom bước đằng sau xe tăng theo kiểu đánh thời Thế Chiến Hai. Nhưng dù áp dụng chiến thuật đó, xem ra cũng ít có hiệu quả vì nó lạ lẫm với các binh sĩ đã ngày càng quen thuộc lối chiến đấu trong vùng rừng núi và nông thôn Việt Nam. Vì thế, phải mất hơn bốn ngày, lính Mỹ và lính nhảy dù của QLVNCH mới quét sạch địch ở khu vực Hữu Ngạn.

Súng phóng hỏa tiễn B-40 rất chính xác gây thiệt hại cho xe tăng. Đồi phương vốn quen lẩn lút nơi rừng núi nay chứng tỏ tinh thần quyết tử đáng kinh ngạc với trận thế cận chiến từ nhà này sang nhà nọ trong thành phố. Mây thấp và mưa lất phất khiến không thể cung ứng được những phi vụ yểm trợ chiến thuật bay thật sát. Chung quanh vạn đồ lúc nhúc bên bờ bắc của sông Hương, nơi buồng neo con đò có Joseph đang nằm, cuộc đụng độ giành giật khu vực Tả Ngạn đang diễn ra ác liệt và chứng tỏ là một trận đánh gây tổn thất đắt giá cho cả đôi bên.

Joseph nói, giọng rất trầm:

- Ở chỗ này của cháu, kể từ ngày mẹ cháu sinh cháu ra cho tới lúc này, người ta cứ bắn nhau hoài bắn nhau miết. Nhưng ở các chỗ khác thì không chỗ nào giống như chỗ này. Ở các chỗ khác, mấy đứa con nít ngang tuổi của cháu và của em cháu chơi trò chơi cả ngày. Chúng nó đi bơi. Chúng nó đi chỗ này chỗ khác. Cháu có thích chơi trò chơi, thích đi bơi đi chơi không?

Ngó Joseph với vẻ tần ngần, con bé tí chiếc cằm thanh và nhỏ lên hai nắm tay nhỏ xíu, không trả lời. Suốt năm ngày vừa qua, một đôi lần anh thấy nó rụt rè ngó ra, mặt lấp ló bên mép chiếc chiếu cói treo ngăn đôi khoang đò, dưới mũi đò lợp bằng lá gồi mỏng mảnh. Thông thường, ngày nào nó cũng theo Tuyết và đưa em trai tên Chương rời đò lúc sáng sớm, cho tới khi trời chạng vạng tối ba mẹ con mới trở về. Tuy vậy, ít nhất có một lần, con bé ở lại nơi ngăn khoang đầu lái đò ở mé gần bờ sông. Và anh nghĩ rằng nó đã leo qua ngòi bên anh khi anh đang nằm ngủ ở ngăn khoang đầu mũi đò nhìn ra giữa sông.

Bộ mặt nhỏ nhắn của con béu thêm lần nữa cau lại, ngỡ ngàng:

- Có thiệt ông là cha của mẹ con...

- Thiệt, thiệt đó.

- Nhưng ông là đế quốc Mỹ... sao mà có thể thiệt được?

- Được chứ. Để mai mốt ông khỏe ông nói thật rõ cho cháu nghe.

Joseph co rúm người và nhắm mắt lại. Một chút rần sức thôi cũng đủ làm anh mệt lã. Hể hơi nhúc nhích người là anh cảm thấy chóng mặt vì vết thương gây choáng váng và mất nhiều máu. Suốt năm ngày đầu tiên, gần như Joseph chỉ ngủ chập chờn, hôn mê và đong đưa lui tới trong trạng thái nửa tỉnh táo nửa mụ mẫm. Anh chỉ nghe loáng thoáng những tiếng động chiến trận đang diễn ra bên ngoài. Đôi khi anh chợt tỉnh, thấy Tuyết đang quì một bên săn sóc chỗ bị thương của anh. Và qua lớp băng vải nặng mùi hôi, anh đoán vết thương bắt đầu làm độc.

Mỗi ngày, Tuyết mất nửa giờ tháo băng, rửa vết thương bằng mấy ấm nước đun sôi trên chiếc bếp cồng nhỏ đằng sau khoang đò.

Nhưng dù cử chỉ lúc nào cũng nhẹ nhàng chu đáo, vẻ mặt Tuyết lạnh lẽo như một chiếc mặt nạ vô cảm và cố tình né tránh ánh mắt của cha. Mỗi khi Joseph cố mở miệng gợi chuyện, nàng ra hiệu cho anh im lặng hoặc không chịu trả lời.

Joseph chỉ nhớ lơ mờ bằng cách nào hai cha con tới được con đò này. Dù bị thương nặng, anh cũng đi trầm trây trầm trật ra khỏi khu phố nhộp nháp ấy nhờ Tuyết đỡ một bên và cả hai ra tới mé sông mà không bị phát hiện. Họ thấy thêm nhiều bộ đội Bắc Việt vượt sông bằng xuồng nhưng lúc ấy, Joseph cảm thấy kiệt sức và

chóng mặt. Hai cha con núp một hồi lâu nơi mé sông rồi sau đó Tuyết diu cha đi tới một con đò nào đó nhưng lúc ấy anh hoàn toàn bất tỉnh. Anh tỉnh lại, thấy Tuyết đang tuyệt vọng và tới tấp lên mặt anh. Rồi với sự nâng dắt của con gái, anh leo lên chiếc đò mui che kín mít này. Nằm lơ mơ, anh ngó ra sau thấy Tuyết chống sào, rồi chèo đò thật chậm, đi thật xa, hình như là ra sông Hương. Joseph nhớ lại sau đêm đầu tiên, trong ánh sáng sớm mai, anh mở mắt và thấy Tuyết đang đút cháo gạo nấu thật nhuyễn vào miệng cha.

Khi trí óc đủ tỉnh táo để nhận ra rằng hai cha con đang ở dưới mé nước Phú Văn Lâu, trong khu vực thành phố bị đối phương chiếm đóng, Joseph hỏi Tuyết:

- Liệu người của con có sẽ tìm thấy cha ở đây không? Có phải chúng ta vẫn còn bị nguy hiểm?

Tuyết trả lời cộc lốc:

- Con đò này có thể miễn khám xét của tư lệnh Lực lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân cấp. Người ta biết rất rõ rằng con sống nơi vạt đò này suốt cả năm nay, kể từ ngày được điều ra Huế.

Trong khi Tuyết nói, Joseph nhìn chăm chú con gái. Mặc dù Tuyết tỏ thái độ bất cần, anh vẫn cảm thấy con gái đang e ngại chiếc đò có thể bị bất thần khám xét. Anh nói dịu dàng:

- Tuyết ạ, cha rất ân hận. Cha tới tìm con là để cảnh báo cho con — chứ không phải để làm con bị lâm vào một hoàn cảnh nguy hiểm lớn lao hơn.

Lúc đó, Tuyết đột ngột quay lưng lại với anh, chăm chú nhìn miếng băng vải mới thay và chẳng tỏ vẻ có để ý hay không tới lời xin lỗi của cha.

Khi Joseph mở mắt ra lại, con bé vẫn còn đứng yên lặng bên anh và đang ngó anh với hai con mắt tò mò lẫn nghi hoặc. Anh nhìn đồng hồ, kinh ngạc thấy ra mình lại vừa ngủ hơn hai giờ. Qua mui đò te tua mỏng mảnh, anh có thể thấy bên ngoài trời đã về chiều và hình như lần đầu tiên lắng tiếng đụng độ. Con bé hỏi, giọng nôn nóng, như thể nó chờ đặt câu hỏi đó suốt hai giờ nay:

- Ông tên gì vậy?

- Joseph Sherman.

Con bé lặp lại thành tiếng lơ lơ vài lần cái tên đó với giọng Việt Nam nhỏ nhẹ nghe như hát. Rồi đột nhiên nó ngừng lại:

- Nếu ông là cha của mẹ con thì tức là ông là ông ngoại của con.

Mặt nó trầm trọng như thể đã mất một thời gian suy nghĩ cân nhắc trong đầu óc mình cái triển vọng dễ sợ đó, và Joseph cảm thấy ứa nước mắt. Khi mở nổi miệng, anh dịu dàng gật đầu và cười với nó. Không cười lại, con bé tiếp tục nhìn anh chăm chặp với tia mắt bút rút:

- Nhưng làm chi có chuyện đó— ông là giặc Mỹ mà?

Joseph tiếp tục cười với nó:

- Cắt nghĩa cho cháu hiểu hết chuyện đó thì thiệt là khó. Tên của cháu là gì?

Nó im lặng xem xét bộ mặt của Joseph một hồi lâu, như thể nghi ngại rằng chẳng biết mình có nên tin cậy người Mỹ hay không. Rồi nó hít vào một hơi thở bực bội để tỏ ra cực chẳng đã phải tiết lộ.

Nó nói nghiêm trang:

- Con tên là Trinh. Triệu Hồng Trinh.

- Tên của cháu đẹp lắm — nó có nghĩa là “trong sạch lắm và đạo đức lắm”, phải không? Ông dám đánh cá rằng cháu là một thiên thần tí hon đang giả dạng làm người, đúng không?

Trinh bật cười khúc khích và đưa tay lên che miệng nhưng vẫn tiếp tục nhìn Joseph chăm chặp. Bên trên các đầu ngón tay, hai mắt con bé long lanh vẻ hớn hờ. Rồi nó cúi mình tới trước, giật giật mấy sợi lông mọc trên bắp tay ông ngoại:

- Tại sao tên đế quốc Mỹ nào cũng lông mọc đầy người như mấy con khỉ?

Vẻ mặt tò mò thơ ngây của con bé làm Joseph bật cười. Và anh chợt nhớ, thật sinh động, tới Lan lúc mười tuổi với con khỉ nhỏ trong hoa viên dinh thống đốc Nam kỳ. Anh thấy sâu trong đôi mắt của Trinh loé lên nét di truyền hao hao. Cảm thấy cổ họng mình se lại, Joseph vẫy tay ra dấu cho con bé tới gần hơn. Nhưng ngay lúc ấy, con đồ tròng trành lắc mạnh hết bên này tới bên kia dưới sức nặng của một người nào đó đang từ trên bờ bước xuống. Trên bộ mặt của Trinh nụ cười tắt ngúm.

Nó chưa kịp rút ra đằng sau, manh chiếu đã bị vén lên một bên và Tuyết xuất hiện. Mặt Tuyết sa sầm khi thấy hai ông cháu với nhau. Nàng cao giọng nói với Trinh bằng tiếng Việt, lú lo và liên thoảng tới độ Joseph không thể nghe ra nàng trách mắng cái gì. Con bé giật nảy mình, lập tức bò ra khỏi ngăn khoang của ông ngoại. Anh nghe Tuyết tiếp tục mắng mỏ con đằng sau manh chiếu ngăn đôi.

Một giờ sau, khi Tuyết mang sang cho Joseph chén cháo buổi tối và cá khô, mặt Tuyết vẫn nặng chình chịch, đầy vẻ khó chịu. Không nói một lời, nàng đặt thức ăn xuống trước mặt cha rồi sấp lưng dợm trở lui ngăn khoang của mình, không xem xét miếng vải băng vết thương như thường lệ. Joseph nghe xa xa tiếng súng lại rộ lên lộp bộp như đang bắt đầu một cuộc đụng độ khác.

Anh nói trầm giọng:

- Tuyết ạ, con chịu khó ở lại nói chuyện với cha một phút thôi. Cha muốn biết những gì đang diễn ra trong thành phố này.

- Bọn lính đế quốc của cha và bọn nguy quân tay sai của chúng đang ra sức đập tan quyền làm chủ của nhân dân — nhưng chắc chắn bọn chúng sẽ không thành công. Cuộc cách mạng tại Huế thế nào cũng tiến đến toàn thắng.

Tuyết nói, vẫn đưa lưng về phía cha. Nhưng Joseph để ý thấy trong lời lẽ của con gái không còn sự tự tin tuyệt đối như trước nữa. Và hai vai Tuyết có vẻ đang chùng xuống vì lo lắng.

- Tuyết ạ, cha có thể hỏi là hằng ngày con đi đâu vậy không?

- Để giúp cách mạng tiến tới. Có nhiều công tác phải thực hiện. Tại các khu vực giải phóng trong thành phố, cán bộ phải đi khắp các đường phố kêu gọi bọn viên chức thối nát của nguy quyền Thiệu Kỳ ra đầu thú. Chúng tôi thành lập nhiều trung tâm cải tạo...

Joseph cố tình ngắt lời con, anh nói:

- Cha thấy hai đứa con của con quanh quẩn thui thủi với nhau.

Hôm nay, cha thấy chúng nó có vẻ sợ khi bị con bỏ lại trên đò.

Con đừng có quở trách Trinh mà tội nghiệp. Cháu nó chỉ qua đây nói chuyện với ông ngoại để hai ông cháu đỡ buồn thôi..

Tuyết bỏ thật lẹ dọc theo con đò về phía Joseph, mắt rực lửa, giận dữ:

- Đi lên bờ hay ở dưới đò, cái gì tốt hơn nào? Đi hoạt động cho cách mạng như người ta đang trông chờ nơi tôi? Hoặc ở yên một chỗ để người ta phải tới con đò này tìm tôi? Rồi lúc đó người ta phát hiện có cha đang ở đây!

Sự căng thẳng và mệt mỏi trên mặt Tuyết trông rõ từng nét, và Joseph sửng sốt khi thấy con gái sắp trào nước mắt. Anh chợt nhận ra và lần đầu tiên anh hiểu tình thế nghiêm trọng tới lui đều cực khó đang vật vã con gái:

- Tuyết, cha xin lỗi, cha mù mờ quá. Lúc này cha thấy ra là mình làm cho mọi sự hóa ra khó khăn biết mấy. Cha ở lại chỗ này thì rất nguy hiểm cho cha, cho con và cho các con của con.

Nói tới đây, anh đau đớn trở mình, cố nhin đau rán ngồi dậy:

- Cha nghĩ lúc này cha đủ sức rời đò rồi. Tối nay, trong bóng đêm, cha sẽ tìm đường tới phòng tuyến của phe bên kia, chung quanh trụ sở MACV.

- Cha nhắm bơi nổi qua sông không? Có qua được, cha cũng không đi nổi quá vài bước! Với một lá phổi bị liệt, cha chỉ có thể mò từng bước rất chậm. Cha quá yếu vì mất máu — đi chưa tới trăm thước là bị người ta bắt rồi! Cũng không thể dùng thuyền để vượt sông, qua tới khách sạn Thuận Hóa. Quân hai bên đang giữ chặt hai đầu cầu Tràng Tiền, sẵn sàng bắn vào bất cứ thuyền đò nào dám sang sông. Có cắm lá cờ bên nào cũng chết.

Joseph lật chiếc mền đang đắp trên hai chân qua một bên và bóp bóp hai đầu gối:

- Thà như vậy vẫn tốt hơn bị tìm thấy ở đây. Bị người ta bắt thì cũng phải có ngày trao trả tù binh. Cha đi rồi thì con và hai cháu sẽ an toàn trở lại.

Tuyết chụp mền đắp lại lên mình cha rồi bỗng cứng người vì đột nhiên có tiếng nói ở trên bờ. Hai cha con nghe giọng như chim hót của Trinh đang trả lời các câu hỏi của ai đó đang cật vấn với âm thanh léo nhéo trong cổ họng của người Miền Bắc. Qua câu đối đáp của Trinh, thấy rõ là con bé đang run lấy bầy.

- Có người nào nữa ở dưới thuyền không đấy?

- Mẹ cháu, em cháu, cháu và...

Trinh bỗng dừng ngưng bật. Hai cha con nghe con bé bật khóc.

Joseph ghé mắt vào một kẻ nứt nơi bức liếp bằng cốt tre mỏng mảnh, thấy ba cán binh chính qui Bắc Việt. Cả ba đều mặc quần áo bộ đội bằng vải ka-ki nội hóa, chân đi dép râu, đầu đội mũ tai bèo, ba lô trên lưng không cắm lá cây. Người cán binh duy nhất mặc quần dài màu xanh lá cây, có vẻ cấp bậc cao hơn hai người mặc quần cụt màu đen, hung hãn bóp chặt cườm tay của Trinh làm nó sợ hãi rúm người lại:

- Ai nữa? Nào, nói nhanh nào!

Joseph cảm thấy con đà chao mạnh. Kế đó, thấy Tuyết trườn lên bờ sông, chạy tới bên con gái. Nàng cầm trên tay một tờ giấy, chìa ra trước mặt người bộ đội:

- Tôi là Tuyết Lương. Tôi là cán bộ chính trị công tác với Lực lượng Võ trang Giải phóng Nhân dân. Con đà này của tôi. Đây là giấy miễn khám xét nó, do chính tay tư lệnh của chúng tôi ký. Người lính Bắc Việt nhìn Tuyết chằm chằm từ trên xuống dưới, mắt gườm gườm. Rồi quay sang đồng đội, anh ta khịt khịt mũi chế nhạo:

- Chúng ta không thể lúc nào cũng cực kỳ tin nhiệm vào trí óc lô-gic của các chị em ta trong nam, có đúng thế không các đồng chí? Joseph thấy người lính đó lại nhìn Tuyết từ dưới lên trên. Lần này mắt hắn mở lớn, chằm chặp ngắm nghía rồi lập lánh về dâm dăng:

- Các đồng chí ạ, tôi nghĩ là để đảm bảo, dù sao ta cũng phải kiểm tra triệt để chiếc thuyền này. Các đồng chí có đồng ý không đây? Hắn buông cườm tay Trinh, chụp cánh tay Tuyết và bước về phía đuôi thuyền. Tuyết xoay người lại, ưỡn ngực, buộc gã bộ đội phải đứng lại:

- Chờ chút! Con trai tôi đang ngủ. Nó bị lên sỏi rất nặng, đang sốt đỏ cả người. Đừng làm nó thức dậy.

Nhìn quá bức liếp, Joseph thấy mặt tên cán binh ấy bùng giận. Kế đó, Tuyết rần rần ra trên môi một nụ cười giả tạo rồi đặt bàn tay lên cánh tay hắn. Nàng hát đầu về chiếc đà đang đậu kế bên, cũng không một bóng người như tất cả những con đà khác đang cắm neo dưới bờ vì dân chúng trong đà đã bỏ trốn lên bờ. Tuyết nói với giọng dẫn dụ:

- Có lẽ anh nên khám xét chiếc đà đậu kế bên đó. Em sẽ tiếp anh

một tay nếu anh thích triệt để — vậy anh để em cho con gái của em xuống đò đi ngủ nhé!

Nàng vẫy tay cho Trinh bước lẹ xuống chiếc đò của ba mẹ con.

Xong, nàng mỉm cười kéo gã bộ đội bước xuống con đò kế bên.

Joseph nghe tiếng chân bé Trinh chạy vội vào khoang đò rồi ngồi xuống kế bên cậu em đang ngủ. Qua bức liếp, anh thấy hai cán binh Bắc Việt kia đi lui đi tới, cười rúc rích. Thỉnh thoảng cả hai đưa mắt nhìn xuống con đò bên cạnh rồi liếc nhau như lé, có vẻ sốt ruột chờ tới lượt mình. Anh đưa tay lên dụi mắt rồi nằm xuống kéo mền lên đắp ngang ngực, mắt nhìn trân trân mũi đò.

Tiếng súng giao tranh lại tắt ngúm, lệ làng không kém lúc mới cất lên. Mặt sông yên tĩnh trở lại. Joseph cố hết sức bịt hai tai nhưng anh không thể xua đi những âm thanh thoát ra từ con đò kế cận.

Trong nhịp đò nhún và kêu nhóp nhép trên mặt nước, anh nghe có tiếng gã bộ đội Bắc Việt cần nhả, thở hồng hộc. Và đôi ba lần, anh tưởng chừng mình nghe ra tiếng Tuyết bật khóc.

Hơn một giờ sau, khi Tuyết đơn độc trở về con đò của mình, Joseph nghe con gái thầm lặng khóc thầm tức trên chiếc chiếu cói ở gần trước một hồi lâu, trước khi anh tê dại thiếp vào giấc ngủ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 16 -

Sáng hôm sau, Joseph thức dậy muộn. Gió mùa đông bắc mang mưa phùn với những giọt nước lạnh lẽo rơi lất phất trên cổ đô đang lâm trận, làm bầu trời dường như ép xuống sát mặt đất hơn bao giờ hết. Nước mưa đọng lại, hơi nước rịn qua mũi đồ, đều đặn nhỏ từng giọt lên chiếc mền đắp trên thân anh. Trước khi tỉnh táo hẳn, Joseph thấy mình lơ mơ tự hỏi tại sao trong khi ngủ anh nghe tiếng súng nổ lộp bộp ở một nơi thật xa, tới lúc thức lại nghe như bỗng lan rộng hơn và dày đặc hơn. Nhưng chỉ phút chốc sau, anh nhận ra rằng trận tuyến đang di chuyển về phía vạn đồ đang có anh ẩn núp.

Trong khi nằm nhìn lên mũi đồ, Joseph căng hai tai hy vọng rằng bên trên tiếng động chiến tranh đó mình có thể nghe ra tiếng người hoặc tiếng lục đục phía bên kia bức màn chiếu ngăn đôi khoang đồ. Nhưng dần dà anh nhận ra rõ ràng là Tuyết và hai cháu ngoại của anh không còn ở bên ngăn đó nữa. Khi Joseph chống cùi chỏ có ngóc đầu lên nhìn ra ngoài qua khe hở tấm liếp cốt, vết thương bị nhiễm độc trên ngực bỗng đau nhói khác thường. Ngửi ra mùi mũ hôi thổi quện với mùi máu tanh tươi trên miếng băng vải anh bắt đầu tự hỏi không biết mình còn có thể sống được bao lâu nếu vẫn tiếp tục không được chữa trị đúng cách như thế này.

Qua kẽ hở nơi tấm liếp, Joseph thấy chốc chốc lại phụt lên đám khói trắng của một quả hỏa tiễn đang nổ. Dọc theo bờ sông, lửa do cuộc pháo kích của trọng pháo Mỹ đêm qua từ hướng bờ biển Thuận An, cách Huế mười cây số, rót vào thành phố, lúc này vẫn cháy âm ỉ làm bốc lên trời một màn khói đen dày đặc. Anh thấy thật rõ tường thành của cổ đô với gạch vôi rơi vãi tứ tung. Mặt thành có những vết thẹo lở chỗ vì đạn pháo của Mỹ và Nam Việt Nam nhưng tường thành dày hai chục thước và cao sáu thước vẫn

kiên cố. Nó đủ sức che chắn cho những tay bắn tỉa của Bắc quân thỉnh thoảng nổ súng qua gờ thành hoặc qua các lỗ châu mai trên cao.

Một làn gió mạnh thổi xoay dọc con đò, song song với mé nước. Joseph giật bắn người khi nhìn thấy lá cờ ướn súng đang treo ủ rũ trên cột Kỳ đài kiên cố, cao ba ngấn và ba chục thước, thẳng hướng cửa Ngọ Môn, là lá cờ hai màu xanh đỏ với ngôi sao vàng ở giữa của Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Dù Tuyết có kể cho anh nghe rằng từ một tuần nay, từ bộ chỉ huy đóng trong Tủ cẩm thành của các hoàng đế nhà Nguyễn, Cộng Sản kiểm soát hầu hết thành phố Huế; lính Thủy quân Lục Chiến của Mỹ và Không lực VNCH không dám dùng phi pháo ào ạt để đánh bật họ ra khỏi nơi mang tính cách biểu tượng đó vì sợ làm tan nát Đại Nội và vài ba cung điện hư hao còn sót lại, nhưng hình ảnh lá cờ và tin tức ấy vẫn làm anh choáng váng.

Joseph cũng thấy ra rằng cầu Tràng Tiền do người Pháp xây lên thuở trước nay chẳng còn đủ mười hai nhịp. Một vài thép khổng lồ bị gãy và rớt chìm xuống lòng sông, do Cộng quân giật sập để chặn đường của liên quân Mỹ-Việt từ mạn nam kéo qua giải phóng khu vực Tả ngạn. Mặc dù vấp phải những trở ngại đó, anh vẫn không hiểu tại sao với ưu thế về hỏa lực, quân đồng minh lúc này không thể tái chiếm Huế thật nhanh vì đây là lần đầu tiên đối phương thực hiện điều từ lâu liên quân Mỹ-Việt vẫn mong muốn họ làm. Đó là hãy ra khỏi những chỗ ẩn núp nơi vùng rừng xanh núi thẳm chập chờn để quần thảo tay đôi giữa chốn đồng bằng trống trải.

Ngày như kéo ra dài dằng dặc. Con đàu trong ngực Joseph càng lúc càng nhức nhối thêm lên. Anh chỉ biết nằm trơ vơ trong khoang đò bồng bênh, ngủ lơ mơ giữa những khoảnh khắc tạm ngưng tiếng chiến trận. Thỉnh thoảng, qua mũi đò, anh thấy thấp thoáng mấy chiếc mũ tai bèo màu vàng nhạt và ba lô không còn cắm cành lá của bộ đội Bắc Việt. Dường như họ đang cúi đầu chạy vội vã dọc theo bờ sông và Joseph đoán có lẽ họ đang rút về phía tây dòng sông, hướng đối diện với mũi tiến quân của liên quân Mỹ-Việt. Trong lòng đò vắng lặng, thời gian càng trôi qua Joseph càng tin chắc Tuyết đã bỏ trốn, mang theo hai con. Anh tính chuyện rời con

đò nhưng rồi lại quyết định rằng nếu để cho mình kẹt giữa làn đạn của binh lính hai bên thì còn nguy hiểm hơn tiếp tục ở lại trong lòng đò. Khấp mình mảy Joseph, chỗ nào dường như cũng nhức buốt theo với cơn đau nơi vết thương làm anh cảm thấy xây xẩm rú liệt. Trong mụ mẫm ngây dại, anh tự hỏi phải chăng mình đang ở khoảnh khắc lìa đời. Anh cảm thấy mệt mỏi cùng cực. Càng cảm giác một cách chắc chắn rằng Tuyết đã vĩnh viễn bỏ đi, trí óc anh càng thấm thía một tâm trạng chán ngán. Và cứ thế, anh hầu như chẳng còn lo lắng điều gì sẽ xảy tới cho mình nữa.

Tới xế chiều, Joseph lại buồn ngủ. Anh nghĩ mình đang mơ khi có cảm giác con đò tròn trĩnh và nghe thoang thoảng tiếng người khe khẽ sụt đằng sau manh chiếu dùng làm màn ngăn. Rồi trong mơ màng, anh nghe tiếng sột soạt của con gái anh chầm bập cón nhỏ, sửa soạn bữa ăn đạm bạc với sự phụ giúp của hai cháu bé. Cũng vẫn những âm thanh ấy, cử chỉ ấy, y hệt những gì ba mẹ con từng làm trong cũi thật suốt bảy đêm vừa qua. Dù có cảm thấy ấm lòng đôi chút nhưng cũng chỉ là mơ thôi. Anh nhủ lòng như vậy rồi lặng yên nhắm mắt, thiu thiu ngủ.

Joseph chỉ mở mắt ra khi Tuyết vạch manh chiếu qua một bên, mang sang cho anh chén cháo đặc và cá khô như thường lệ. Sau khi đặt cháo và cá xuống trước mặt cha, Tuyết lui ra ngay, không nói một tiếng. Nhưng Joseph đã nhòm dậy thật lẹ, chụp cổ tay con gái:

- Tuyết, cha tưởng đêm nay con không trở về đây nữa...

Tuyết quay đầu lại ngó cha, không chống cự. Ngay lúc ấy, Joseph nhận ra vẻ mặt của con gái mình xanh xao, run rẩy. Anh nói tiếp:

- Cha rất mừng khi thấy con trở về vì cha muốn cảm ơn con về việc chiều hôm qua. Cha không có quyền trông mong một chuyện như vậy...

Tiếng nói của Joseph ràn rạn trong cổ họng. Tuyết nhẹ nhàng rút cườm tay ra khỏi tay nắm của cha và ngồi xuống. Trong thế ngồi chồm hồm chụm hai chân, nàng thụt lùi một chút. Hai khuỷu tay Tuyết xoắn vào nhau ôm hai đầu gối, mắt đăm đăm nhìn sàn đò. Bên ngoài bỗng vang lên tiếng súng bắn trả nhau, nghe gần hơn lúc này.

- Trận tuyến đang tới gần hơn phải không Tuyết? Có phải đó là lý do khiến con lo lắng — có phải vì con sắp mất Huế?

- Lúc này, con chẳng còn lo ai thắng ai thua nữa!

Hai má sấn lại, răng cắn răng, Tuyết thì thầm câu nói ấy với vẻ khốc liệt. Tuy vẻ mặt dữ dội nhưng hai con mắt Tuyết đầy ứ nước mắt.

- Tại sao vậy Tuyết?

Tuyết dụi dụi mắt, lắc lắc đầu:

- Con càng ngày càng thấm mệt vì giết chóc và máu đổ! Lĩnh nguy chiến đấu lì lợm không ngờ. Quân giải phóng bị tổn thất ngoài sức tưởng tượng. Nhất là hôm nay con thấy và nghe nói tới cả trăm người không vũ khí bị tàn sát không chút xót thương. Một số bị bắn vào đầu, một số bị đập tới chết bằng khúc cây, bằng báng súng.

Joseph choáng váng rụng rời. Tuyết vừa nói vừa rung mình rung động, nổi gai ốc khắp hai cánh tay trần:

- Thậm chí, một số còn bị chôn sống!

Joseph chóng mặt, ngó con gái:

- Những người ấy là ai? Ai giết họ?

Giọng Tuyết bỗng cay đắng và tỏ vẻ khinh miệt:

- Các chiến hữu dũng cảm và quý báu của con. Các đồng chí thân thương của con giết họ vì tất cả đã tính sai nước cờ.

- Con có ý nói gì vậy?

- Con không giấu gì cha nữa. Chúng con sai lầm về vấn đề khởi nghĩa. Trước đây, theo dự kiến thì tiếp liền sau cuộc Tổng Công Kích của quân đội giải phóng là lập tức có cuộc Tổng Khởi Nghĩa vĩ đại của toàn thể nhân dân thành thị Miền Nam. Khắp nơi trên Miền Nam, lý ra nhân dân phải tung bùng hoan hỉ kéo nhau ra đường để nghênh đón các lực lượng giải phóng tiến vào thành thị trong chiến thắng — nhưng nhân dân đã không làm như vậy. Nhân dân vẫn giữ thái độ lãnh đạm, xa lánh, thậm chí còn kéo nhau vượt phòng tuyến, chạy về phía lĩnh nguy. Tại Huế cũng vậy. Còn nữa, nguy quân ở đây phản công rất ngoan cố. Bọn Mỹ lại đổi ngay vũ khí hiện đại cho chúng. Lĩnh dù và lĩnh thủy đánh bộ nguy từ Sài Gòn vừa đổ bộ ra Huế. Hai trung đoàn giải phóng quân bị tổn thất

nặng nề. Hiện nay bộ chỉ huy mặt trận bị khoá chặt trong Đại Nội, không rút ra được theo cửa Chánh Tây hoặc cửa Hữu. Bộ đội tiếp ứng trên La Chũ bị phi pháo không bằng đồng Hương Trà nổi. Máu sẽ đổ rất nhiều. Chưa kể những gì còn lại trong Đại Nội, luôn cả điện Thái Hòa cũng sẽ tan tành. Con nghe nói có vài lãnh đạo đang nổi điên. Họ nói trung ương bị trúng kế “điệu hổ ly sơn” của Mỹ Thiệu.

Joseph kinh hãi:

- Chẳng lẽ không có phương án hai sao?

Tuyết lắc đầu:

- Hoàn toàn không. Hoàn toàn tin vào Tổng Khởi Nghĩa và tin một trăm phần trăm rằng chính quyền chắc chắn sẽ về tay nhân dân. Vì thế, hàng ngàn cán bộ nằm vùng bao nhiêu năm nay, lúc này hoàn toàn bị lộ diện vì đã ra công khai để huy động tổng khởi nghĩa và lòng bất ngụy quân ngụy quyền. Không có kế hoạch dự trù cho họ rút theo quân giải phóng nên họ lúc này như cá nằm trên cạn. Cơ sở nội thành xây dựng bằng khổ nhục tù đầy giờ đây không ai giết mà sập. Ngược lại, phía giải phóng đang hạ sát những kẻ bị bắt gồm các lính ngụy, thủ trưởng ngụy quyền, rất đông các công chức cán bộ cấp thấp, các thanh niên trong hạng tuổi quân dịch, các tên cầm đầu đảng phái phản động, các cha cố...

Thình lình có tiếng nổ thật lớn gần con đò, hai cha con chững lại, lắng tai cảnh giác. Tiếng vũ khí cá nhân lắc cắc tiếp tục nổ vang nghe lớn hơn. Tiếng khạc đạn ròn rã của tiểu liên xung phong AK-47 do Nga chế tạo tương phản rõ rệt với tiếng lộp bộp nghe âm vang hơn của súng M-16 hoặc AR-15 của Mỹ

- Có lẽ đây là lần duy nhất con nói thật với cha. Con cần có người nghe con nói để nhẹ bụng đôi chút. Công tác của con ở đây là tiếp tay sưu tập danh sách các viên chức ngụy quyền, sĩ quan ngụy quân, lãnh tụ tôn giáo, giáo chức, hội viên hội đồng tỉnh, thị và xã ấp... và những người đại loại như vậy. Trước đây, người ta bảo chúng con rằng sẽ mang những người ấy đi cải tạo, nhưng giờ đây, thực tế đó chỉ là danh sách những kẻ bị tử hình vì họ đều bị Mặt Trận liệt vào thành phần ác ôn. Hôm nay, vì cấp lãnh đạo thấy rằng chúng con sắp bị đánh bật khỏi Huế, công lao xương máu bao

nhiều năm trời nay hóa thành tro thành bụi nên họ uất hận, bắt tay vào chiến dịch giết người tập thể, không một chút xót thương. Chắc chắn sẽ có tới hàng ngàn người bị giết.

Tuyết ngừng nói, rồi giọng lắng xuống thành tiếng thì thầm:

- Các chị em thuộc tổ công tác của con trước khi trốn người mỗi ngả đã kể với con những chuyện không ai tin nổi. Trong số những kẻ bị giết có rất nhiều người nước ngoài — ba bác sĩ người Đức đến dạy thiện nguyện ở đại học y khoa Huế; có một bác sĩ chết chung với bà vợ người Đức. Có một giáo sư bác sĩ còn rất trẻ, cao, tóc vàng giống y như tóc của cha. Họ trói quặt tay anh ta ra sau, đẩy anh ta quì xuống sát một bên lỗ huyết. Rồi họ bắn vô gáy anh ta. Họ chôn anh ta trong khi người anh ta vẫn còn nhúc nhích. Còn có hai người Mỹ, một giáo sư đại học người Pháp bị giết vì lầm là Mỹ. Rồi còn hai linh mục Pháp và một số người Phi luật tân...

Tuyết ôm đầu, mắt đăm đăm nhìn manh chiếu cói:

- Tại sao ra nông nỗi này. Sinh viên thoát ly quay về giết sinh viên nội thành. Bạn học cũ theo cách mạng tìm giết bạn học cũ về phép ăn tết. Người ta lập tòa án nhân dân trong trường học, trong chủng viện, xử qua loa các thành phần bị liệt kê là ác ôn hoặc phản động, rồi chôn sống, rồi đập đầu... Rồi nã đạn pháo lung tung vào khu vực dân chúng ở bên kia phòng tuyến. Gần như chỗ nào cũng có xác chết. Heo sỏ chuồng đi lang thang khắp nơi, dân chúng sợ nó gặm xác người, không dám bắt làm thịt. Người ta còn lừa hàng ngàn người xuống Phú Vang, lên Nam Đông. Để làm gì chớ. Để cho phi pháo của Mỹ rớt theo bắn ư? Để chết dần chết mòn với nhau sao?

Nước mắt bắt đầu nhỏ xuống má từng giọt, Tuyết nhắm mắt lại. Nàng ngồi như thế hồi lâu. Các ngón tay run rẩy hết co vào lại duỗi ra cuốn lấy nhau, mỗi lúc một rối loạn. Càng nghe Tuyết nói Joseph càng thất kinh, lặng người. Sau cùng, cúi mình tới phía con gái, anh cầm tay Tuyết nài nỉ:

- Tuyết ạ, con hãy để cha mang cả ba mẹ con qua Mỹ. Con trả thù chồng như thế đủ rồi. Có thêm nữa thì chỉ tự làm tan nát đời con và tương lai của hai cháu thôi. Con vẫn có thể để mọi sự đó ở lại đây, ở lại đằng sau con. Còn kịp mà con.

Vẫn nhắm mắt, Tuyết lắc đầu thật lẹ:

- Không thể được!

- Tuyết ạ, nếu con tha thiết muốn việc đó thì không có gì là không thể được. Nếu con đủ lòng tin vào việc đó thì nó trở thành có thể được. Con còn có cha đây. Cứ để cho cha lo. Cha muốn đem con đi khỏi Việt Nam còn hơn muốn mọi sự khác trên đời.

Tuyết lại lắc đầu, hít vào thật sâu rồi chậm chậm nhắm mắt và thở ra nhẹ nhẹ. Lát sau, nàng mở mắt, thấy cha đang nhìn mình đau đáu. Mím chặt đôi môi run rẩy, Tuyết cố lấy lại bình tĩnh:

- Con cũng đã làm nhiều điều ghê gớm. Vâng, ở Sài Gòn con đã ném lựu đạn giết những kẻ tra khảo chồng của con, chẳng biết cha có nghe người ta nói tới chuyện đó không. Và con không ân hận nếu phải hành động như vậy thêm lần nữa! Bằng việc giết chết anh Lương của con, bọn ngục quyền đã cướp mất niềm hạnh phúc duy nhất mà con bắt đầu biết tới trong suốt cuộc đời con! Và suốt một thời gian dài, con ôm ấp trong lòng con nỗi khao khát trả mối thù ấy. Con đã tiến hành nhiều vụ khủng khiếp. Con đã chiến đấu, làm trung đội trưởng xung kích Giải phóng quân ở lục tỉnh suốt hai năm. Con đã nhiều lần giết người — lính Mỹ có, lính Diệm có, tội ác ôn xã ấp có.

- Cha đã biết hết mọi sự đó.

Joseph nói như thế với giọng thật điềm đạm. Tuyết nhìn cha chăm chặp, miệng mở lớn kinh ngạc:

- Cha biết tất cả những chuyện đó — vậy mà cha cứ tới đây tìm con?

Joseph im lặng gật đầu. Tuyết tròn xoe mắt như thể đột nhiên kinh hãi vì những gì mình vừa nói. Rồi trong tiếng khóc đau xót sùi sùi, nàng đưa hai tay lên dịu dàng ôm cổ Joseph và cúi đầu xuống cho tới khi trán dựa vào bộ ngực trần của cha. Trong mấy phút, tiếng khóc ngất quãng và cố nén làm cả người Tuyết rung động. Joseph cũng thăm lặng khóc, hai tay ôm thật chặt con gái. Bên ngoài, dọc theo mé nước tan hoang, trận chiến tiến đều đặn về phía hai cha con.

Trong khi ôm con gái trong tay, Joseph thấy hai bộ mặt run rẩy của bé Trinh và đứa em trai tên Chương lộ ra bên mép chiếu cói, len lét

nhìn lo lắng. Cực chẳng đã Joseph phải thả hai tay xuống. Anh hỏi dịu dàng:

- Tuyết ạ, con tính sao đây? Chỉ vài giờ nữa thôi, có thể khu vực này sẽ rơi vào tay quân Mỹ hoặc quân chính phủ. Tại sao con không nhận cơ hội này mà ở lại đây với cha? Cha sẽ mang cả ba mẹ con sang Hoa Kỳ.

Anh đưa mắt về phía hai cháu ngoại, mỉm cười và nhấn mạnh:

- Tất cả bốn chúng ta.

Tuyết lùi lại, hai tay ôm lấy thân mình như thể để giúp cho quyết định của nàng thêm phần dứt khoát. Sau một lúc im lặng, Tuyết lắc đầu một cách quả quyết:

- Con không đi theo cha. Nước Mỹ không có chỗ trong tâm hồn con. Tám năm thù hận, dốc hết trí tuệ, dùng hết thể xác để trả thù Mỹ, tới nay thì sự căm thù Mỹ đã lậm vào máu của con. Có qua tới bên đó con cũng không thể thích nghi với đời sống Mỹ. Con không thể nào quên chuyện anh Lương đã vì ai mà chết.

- Nhưng ở đây cũng đâu có chỗ cho con!

Tuyết gật đầu, xoắn một sợi dây thun thắt lại mái tóc:

- Cha nói đúng. Con biết rất rõ điều đó, kể cả với những kẻ trong Mặt Trận GPMN đang gọi con là đồng chí của họ. Họ dùng con để chiến đấu cho những mục đích của họ. Còn con, con nương theo họ để trả thù. Những thứ khác đối với con chỉ là khẩu hiệu có cổ nuốt vào bụng cũng không tiêu hóa nổi. Con là con lai, học trường Tây, cha Mỹ gia đình chính khách, mẹ Việt dòng dõi quan lại.

Trình và Chương mang ba dòng máu Mỹ, Hoa, Việt. Có chung một hàng ngũ với người ta thì cũng chẳng êm thấm lắm. Và nhất là, kể từ mấy hôm nay, hình ảnh của MTGPMN trong con không còn như cũ.

Trong khi Tuyết nói, Joseph tưởng chừng mình nghẹt thở. Anh hít nhẹ vào một hơi thật mạnh rồi thở ra mà như nén lại:

- Vậy con tính tương lai như thế nào?

Tuyết trả lời thật nhanh:

- Con ra bắc, mang theo Trình và Chương. Dù sao Việt Nam cũng là quê hương của con. Con tin rằng xã hội ngoài ấy người ta sống khắc khổ, có nền nếp, đằm bạt, thuần nhất và đùm bọc nhau hơn

trong nam này. Con sẽ cố không nhớ tưởng tới hận thù nữa, sống cuộc đời bình thường. Ổn định và yên thân.

Nàng liếc Joseph thật lẹ:

- Cậu Kim đang giữ địa vị cao trong Bộ Chính trị của Đảng Lao động. Cậu ấy là người gần gũi và tâm phúc của Hồ Chủ tịch. Năm ngoái, cậu Kim muốn con ra ngoài đó và có ý giúp tìm cho con một căn hộ ở gần cậu, tại Hà Nội. Rồi thế nào cũng còn ông cậu Lật...

Tuyết vội vã quay mình, dẫn hai con trở ra ngăn khoang đằng lái. Joseph nghe có tiếng lục đục rồi lờ thì thầm dặn dò khi ba mẹ con thu xếp những đồ vật còm cõi của mình. Sau vài phút, Trinh lại leo qua ngăn dò của Joseph, lật đặt tới bên ông ngoại. Con bé nhìn Joseph một lúc, bằng đôi mắt buồn rười, rồi nó đưa tay ra, một ngón tay sờ nhẹ lên lớp băng vải. Bỗng dung mặt nó đỏ ửng, giọng thủ thỉ:

- Ông ngoại, con cầu mong cho ông ngoại mau lành.

Trinh nín thở, mím môi như thể sắp nói thêm một câu gì nữa.

Nhưng từ bên kia bức màn chiếu vang lên tiếng mẹ nó gọi sang, giọng rất gấp, làm bộ mặt bầu bình của con bé ánh lên vẻ cảnh giác. Sau khi liếc ngược trở lại đằng sau rất lẹ, nó cúi xuống thật sát Joseph và thì thầm vào tai anh: “Thưa ông ngoại con đi.” Nói xong, Trinh lẹ làng áp chiếc miệng nhỏ nhắn lên một bên gò má râu ria lởm chớm của Joseph, rồi lủi thật nhanh về phía mẹ, vừa đi vừa gãi môi.

Joseph khốn khổ nằm chờ Tuyết sang để nói lời từ biệt với con gái, nhưng chỉ tới khi cảm thấy con đồ lắc qua lắc lại ba lần thật mạnh, anh mới nhận ra con gái mình đã cố ý tránh cuộc từ giã đau lòng.

Tim nhức buốt, Joseph gọi lớn tên Tuyết, lật hai đầu gối trườn tới. Anh bò như điên qua ngăn dò trống trải phía sau và bò ra ngoài, tới phía đầu lái bằng phẳng.

Tiếng đạn súng cối và vũ khí cá nhân vang vang điếc tai buốt óc. Tuyết đã đi xa được khoảng ba chục thước, chân bước thoăn thoắt dọc theo bờ sông, nhắm hướng tây. Người Tuyết hoá thành một hình bóng vô danh trong bầu trời ảm đạm đang tối dần. Hai ống quần đen rộng thùng thình phồng lên hai bên đùi khi Tuyết cố giữ

cho thẳng bằng chiếc đòn gánh gác qua vai trái. Trong cặp gióng là một đôi thúng chất lúa thừa bếp lò nấu ăn cùng các vật dụng linh tinh hèn mọn khác, thu dọn từ con đò và gánh đi. Hai đứa bé hót hã. Đứa nín lấy tay phải, đứa túm chặt quần áo mẹ. Mỗi đứa một bên mẹ, vừa đi vừa chạy, vượt qua những tiếng nổ làm điếc đặc tai người của trận chiến chất ngất trong trời hoàng hôn bằng lãng. Dù mắt Joseph nhìn không rời ba mẹ con, cả Tuyết lẫn Chương đều không nhìn lui. Chỉ có bé Trinh ngoảnh lại một lần về hướng ông ngoại. Thấy như vậy, anh đưa cánh tay không bị thương lên buồn bã vẫy chào vĩnh biệt. Con bé ngược đầu lên, vừa hăm hở nói gì đó với mẹ vừa chỉ chỗ về phía ông ngoại. Nhưng nó đang nói thì bị trượt chân và anh thấy Tuyết túm lấy Trinh, giận giữ lắc lắc nó với vẻ la rầy. Dần dần, hình ảnh mong manh ấy mất biệt trong trời chạng vạng tối và đầy sương mù. Trên đò, Joseph chậm chậm gục xuống đầu lái, người lạnh buốt, ruột quặn thắt vì chắc chắn sẽ chẳng bao giờ gặp lại con và hai cháu nữa. Nước mắt Joseph ứa ra đầy mặt. Anh không biết giọt nào khóc cho Tuyết vì chồng giọt nào khóc cho Lan mẹ của nó vì cha, giọt nào khóc cho Trinh và Chương sẽ lưu lạc trên đất bắc. Và giọt nào khóc cho bản thân bị mọi người thân yêu kẻ oán hận, kẻ bỏ đi; chỉ còn lại một mình trên dòng sông mênh mông, trong con thuyền mỏng mảnh, giữa tiếng động kinh hoàng của chiến trận đang tràn tới.

Nửa giờ sau, một đại đội Thủy quân Lục Chiến VNCH trên đường truy kích Bắc quân, tìm thấy Joseph đang lom khom nơi đầu lái con đò. Trước đó, anh đã bò vô lại khoang đò, lấy chiếc áo sơ mi dính đầy máu ra, rồi chậm chậm vẩy áo lên quá đầu để ngăn những người lính mặc đồ rằn ri có gắn huy hiệu con trâu nổi điên ấy đừng bắn mình. Một thượng sĩ người đen đũi, mặt đỏ và đầy theo, miệng ngậm điều thuốc Ruby quân tiếp vụ, từ trong bóng tối lờ mờ bước ra với hai TQLC khác. Làm như không nghe Joseph kể lắp bắp bằng tiếng Việt, anh ta tay cầm khẩu AR-15 dí lom lom mũi súng tay vuốt khắp người Joseph cho đến khi chắc chắn đối tượng không có vũ khí hoặc không phải người Nga. Anh ta lên bờ và lát sau đi xuống với viên đại úy đại đội đội trưởng. Nhìn con đò và

nhìn Joseph, mặt viên đại úy lộ vẻ sửng sốt. Anh ta nói bằng tiếng Anh:

- Trời đất ơi! Có phải ông muốn nói ông là người Mỹ. Và một người Mỹ làm cho Juspao Sài Gòn như ông lại ẩn núp trong khoang chiếc đồ khố nạn nhỏ xíu này, suốt một tuần lễ, với vết thương nặng như thế kia?

Nói xong, anh ta gọi viên hạ sĩ mang máy truyền tin tới, bóc máy báo về bộ chỉ huy. Còn tay thượng sĩ mặt đỏ thì cười tủm tỉm với vẻ tiêu lâm khi giúp Joseph lên bờ. Kế đó anh ta bước xuống đồ, bò cả hai chân hai tay vào kiểm soát bên trong khoang. Lát sau, anh ta vọt lên bờ, phúi mạnh quần áo và nhăn mũi rồi cười khà khà:

- Đại úy ơi, thằng cha Mẻo này mà bỏ được cái chốn dzui dzẻ đó chắc “nó” mừng hết lớn. Dưới đó mùi gì cũng có!

Joseph chỉ nhìn viên thượng sĩ, không cự nự cũng không tỏ ý giận. Trời vẫn còn đủ sáng cho anh lần đầu tiên nhìn thấy toàn cảnh con đồ. Lúc này nó cấm sào đối diện với bờ sông bên kia, chỗ thuở nào anh đã trải qua đêm đầu tiên sum vầy với Lan trên sông Hương ba mươi hai năm trước.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 17 -

Trong hầm trú ẩn nhộp nháp và ẩm thấp của mình tại căn cứ hỏa lực Birmingham, đại úy Gary Sherman ngồi dậy và dụi mắt. Bên ngoài, bóng chiều phủ khắp vùng đồng bằng ven biển Quảng Ngãi, một nơi cách Sài Gòn khoảng sáu trăm cây số. Anh vừa ngủ được nửa giờ nhưng mắt vẫn còn vẻ hốc hác phờ phạc.

Chỉ mới ba giờ trước đây, Gary dẫn đại đội Hai với quân số hao hụt trở về căn cứ sau chuyến “lùng và diệt địch” lần thứ ba trong tuần. Với cũng chỉ một mục đích cần quét các thôn ấp nghèo nàn nằm rải rác khắp vùng duyên hải thấp trũng và nhiều đầm lầy của tỉnh Quảng Ngãi, cuộc hành quân không thu lượm được kết quả nào. Diễn tiến từ đầu tới cuối của nó như thông lệ: toàn thể đại đội trải qua hai đêm sục sạo và ăn ngủ giữa trời mà không một lần chạm trán Việt Cộng, ngược lại còn bị mất thêm sáu binh sĩ vì dẫm trúng mìn bẫy của đối phương.

Tới cuối cuộc hành quân, những binh lính sống sót mệt lã mừng vì thoát nạn và buồn bã đưa mắt nhìn các đồng đội thương vong được máy bay trực thăng tải đi. Gary hiểu rằng có một số lính quân dịch non nớt và rụt rè đang được anh ra sức huấn luyện để trở thành những binh sĩ chiến đấu hữu hiệu, hẳn sẽ cảm thấy nhẹ nhõm nếu bản thân họ được thay vào chỗ các thương binh ấy với một thương tật nào đó nhẹ nhàng ở chân.

Trong số sáu binh sĩ tử thương vì mảnh mìn văng trúng, có hai người chỉ bị nhẹ, một mất bàn chân và một bay trụi các ngón tay phải, ngoài ra có tới ba người chết tại chỗ. Đạp trúng mìn thì kết quả bao giờ cũng y như nhau: thân thể của cả ba nạn nhân vỡ nát

không còn hình thù. Những đồng đội còn lại choáng váng nín lặng, mắt đờ đẫn nhìn theo chiếc trục thẳng chở ba thi thể bọc trong tấm poncho đi mưa của chính chủ nhân của nó vừa tử trận.

Đây là lần thứ ba trong tuần đại đội Hai bị sa bãi mìn. Tổng cộng tổn thất khoảng ba mươi người trong đó bảy chết tại chỗ, nhiều người bị thương nặng, cụt tay què chân hoặc mất bộ phận cơ thể khiến phải thương tật hay tàn phế suốt đời. Cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân vừa qua làm lực lượng Cộng Sản trả giá đắt khủng khiếp, vì thế, lúc này mọi vùng quê Nam Việt Nam đều trở thành vùng đất cạm bẫy cùng một kiểu như nhau. Những con đường khúc khuỷu dẫn vào chốn đồi núi hoặc lộng gió chạy xuyên qua các xóm làng vùng ven biển giờ đây bị đối phương gài mìn bẫy dày đặc hơn trước, khiến mức độ thương vong của liên quân đồng minh cao hơn bình thường.

Dù hình ảnh chiến trận trên đường phố tại các thành thị lớn của Miền Nam làm công chúng Hoa Kỳ choáng váng cực độ, con số tổn thất của bộ đội Việt Cộng và cán binh Bắc Việt, tính cho tới lúc rút ra, lên tới ba chục ngàn người thương vong. Trong số đó có mười lăm ngàn tử trận, đối chiếu với con số tổn thất của binh sĩ Mỹ và Nam Việt Nam chỉ có khoảng mười ngàn người thương vong trong đó số tử trận về phía Mỹ là ba trăm sáu mươi bảy, phía VNCH là bảy trăm. Cơ sở nằm vùng của Việt Cộng tại Huế và miền trung gần như bị phá vỡ toàn bộ. Cán bộ chính trị hiếm hoi sót lại không dám ra mặt vận động quần chúng vì sợ gặp phản ứng ngược. Nhất là sau khi người ta khai quật nhiều hầm chôn tập thể trong thành phố Huế và các địa điểm phụ cận tại Phú Vang và vùng xa như Nam Đông với tổng số nạn nhân được phát hiện lên tới khoảng ba ngàn người. Hậu quả về quân sự là ngay sau khi chấm dứt cuộc tổng công kích, các đơn vị Cộng Sản kiệt quệ phải quay về lối đánh du kích quen thuộc cũ. Họ tiếp tục chiến thuật lẩn tránh và nghi binh trong vùng rừng rú và đồi núi. Thỉnh thoảng họ huy động quân số và hỏa lực ít nhất cũng hơn gấp ba để tấn công một đồn trọng điểm của VNCH nhưng cơ may thành công vẫn rất

mong manh. Như vậy, phía quân đội VNCH, Mỹ và đồng minh lại phải quay về phương pháp “lùng và diệt” như cũ.

Nôn nóng khai thác thế thượng phong ấy, các chỉ huy trưởng quân đội Hoa Kỳ tại Nam Việt Nam khắc nghiệt thúc binh sĩ dưới quyền đuổi theo đối phương. Và vì lý do đó, Gary đã nhiều lần bị từ chối lời anh đề nghị cho đại đội đang sa sút tinh thần của mình được rút khỏi những công tác tích cực.

Tướng Westmoreland, tư lệnh quân đội Mỹ tại Nam Việt Nam, yêu cầu Hoa Kỳ gửi thêm một số lượng lớn binh sĩ sang để tiếp tay đẩy mạnh chiến dịch truy kích quyết liệt và mới mẻ này. Nhưng cuộc Tổng Công Kích Mùa Xuân đã đẩy phong trào phản chiến mạnh mẽ ở Mỹ lên tới cực điểm và Tổng Thống Johnson từ chối lời yêu cầu đó. Những tường thuật của các phóng viên quốc tế “xông xáo” và hình ảnh “sống động” trên vô tuyến truyền hình không phản ánh trung thực thành quả chiến thắng của liên quân Mỹ-Việt, tinh thần dũng cảm và khả năng chiến đấu hữu hiệu của lính Cộng hòa, sự thiệt hại đến cùng kiệt của Cộng Sản cũng như tâm trạng chán ghét cực độ MTGPMN của dân chúng Miền Nam. Ngược lại, dư luận thế giới ngày càng hoài nghi các bản báo cáo lạc quan về tình hình chiến sự của tướng Westmoreland. Hậu quả là, ngay cả đại đội Hai của Gary cũng không nhận được quân số điền khuyết đúng mức những binh sĩ thương vong.

Sau khi thức giấc, Gary nằm bất động vài phút trên chiếc nệm hơi, kê trên giường ván, mệt mỏi ngẫm nghĩ về tình trạng gay go của mình. Anh thấy có vẻ như không thể nào chấm dứt được tình trạng suy sụp kinh khủng của binh sĩ thuộc quyền và anh không biết làm thế nào nâng cao tinh thần họ nhằm chuẩn bị cho cuộc hành quân sắp tới.

Chiều nay, ngay lúc vừa trở về căn cứ, Gary hầu như không tin nổi hai tai mình khi nghe đại tá chỉ huy trưởng bốn đại đội Lực lượng Đặc nhiệm tại căn cứ hỏa lực Birmingham tuyên bố rằng đại đội

Hai của anh được giao nhiệm vụ chặn đường rút lui của đối phương trong cuộc đổ bộ sáng mai của toàn bộ lực lượng vào làng Quảng Tơ. Tin tình báo đáng tin cậy cho biết tại đó hiện có mặt một thành phần đông đảo của Tiểu đoàn Cơ động 42 Việt Cộng.

Đầu tóc cụt ngắn và nụ cười tự mãn, đại tá chỉ huy trưởng trình bày với các sĩ quan:

- Tụi chó đẻ đó đang núp trong mấy ngôi nhà gạch và các địa đạo bên dưới. Tôi nghĩ rằng hết thảy các bạn đều cần một cú để lên tinh thần — chúng ta đã trải qua quá nhiều tuần lễ nản chí vì chẳng có cái đích gì cho mình đánh đấm. Vậy lúc này, các bạn có thể nói với binh lính dưới quyền của các bạn rằng ngày mai, ta sẽ cho họ cơ hội thật sự bắn thủng đít bọn vi-xi.

Nhìn đồng hồ thấy còn ba mươi phút nữa mới tới giờ thuyết trình hành quân, Gary miễn cưỡng lê người đứng lên và bắt đầu rửa ráy. Vừa đắp nước trong chiếc ca cầm tay lên bộ mặt ngái ngủ, hai lỗ tai của Gary bỗng bị ngứa ngáy bởi tiếng cười rậm rịt nham nhở từ bên ngoài vọng vào. Anh dừng tay, bước ra ngoài cửa hầm.

Hai tân binh quân dịch trong đại đội Hai, nguyên là hai công nhân ngành thép ở tiểu bang Indiana, đang từ hướng “*căn cứ bum-bum*” đi loạng choạng về phía hầm trú đóng của đơn vị. “*Căn cứ bum-bum*” là một dãy mấy hàng quán xiêu vẹo dựng sát Quốc lộ Một, nơi các Miss Chu Lai nhà quê lấy thể xác mình làm sinh kế nuôi thân dưới mắt nhìn láo liên của một Madame Điện Biên Phủ. Thông thường, các tân binh quân dịch từ Mỹ mới qua, mắt ba chớp ba nháng, không phân biệt nổi tuổi tác của các nữ chiêu đãi viên người Việt. Trong quán rượu, nghe gọi Madame Điện Biên Phủ họ biết ngay phụ nữ ấy đứng tuổi, còn Miss Chu Lai tức là thiếu nữ còn nhỏ tuổi. Cả hai vừa chuyện nhau hút chung điếu cần sa vừa khoác vai nhau đi ngúc ngắc, nghiêng ngả. Một trong hai người lính có thân hình vạm vỡ, mái tóc vàng trẻ trung, đang đưa lon bia Mỹ lên miệng tu một hơi rồi cười nắc nẻ. Nhìn hai người lính đi

chân nọ quệt chân kia, Gary nhớ lại sáng nay trên mặt trận, anh đã thấy họ tiếp tay khiêng một thi hài đồng đội vỡ nát lên trục thẳng. Cả hai chưa thay quần áo và Gary có thể thấy những vết máu của một đồng đội thương vong nào đó còn dính lôm đôm bộ đồ trận đồ bẩn và bết bết bùn của họ.

Gary nói gọn lỏn:

- Các cậu đi thay đồ sạch ngay. Tôi muốn mọi người mặc quần áo tràng hoàng khi tôi thuyết trình vào một giờ sau.

Hai người lính ngừng cười trong mấy giây đủ để đưa tay lên chào chiếu lệ đại đội trưởng. Nhưng khi Gary trở vô hầm, anh lại nghe họ cất tiếng cười sảng sặc và tiếp tục đùa giỡn âm ỉ trên đường về hầm trú ẩn. Anh đứng yên, suy nghĩ lằng đằng về hai người lính ba gai ấy trong một chốc. Rồi không để tâm tới buổi thuyết trình hành quân sắp tới nữa, anh lôi ra một xấp giấy viết thư và ngồi xuống viết cho cha mình.

Gary bắt đầu: “*Bố thân mến,*

“Xin bố đừng hiểu lầm việc con chậm trả lời bức thư của bố gửi từ Luân Đôn là một bằng chứng tỏ có chuyện này chuyện nọ. Đó chẳng qua chỉ vì vào những ngày này, con thường bận túi bụi và cực kỳ mệt mỏi nên chẳng viết nổi thư. Suốt bốn tháng nay, kể từ khi cơn hoang mang sợ hãi ngày Tết Mậu Thân lắng xuống, cuộc sống ở đây là một loạt náo động và kéo dài dằng dặc những cuộc hành quân “lùng và diệt địch” nhưng trong đó cái khôn nạn là chúng con lùng thì rất nhiều mà diệt thì chẳng được mấy móng. Bù lại, dĩ nhiên chúng con nhận lãnh đều đặn một số lượng tổn thất những đồng đội thương vong vì mìn bẫy. Đối với bố, chuyện đó nghe như thể “có này có kia như trước đây”, nhưng bố tin con đi, lúc này nó là một loại thuốc mạnh hơn bao giờ hết mà khi nuốt vào chẳng cảm thấy thú vị chút nào.”

“Thư của bố đến tuần trước và con đang tranh thủ đôi ba phút giữa các chuyến xuất kích để viết vội vài hàng trả lời vì con muốn nói với bố rằng con sung sướng biết bao khi đọc mấy dòng chữ đầu tiên của bố về việc chẳng bao lâu nữa Mark sẽ ra khỏi cái lò hỏa ngục ở Hà Nội.

“Cũng giống như bố, con hoàn toàn chẳng chút để tâm tới mấy nhóm hoà bình nào đó sang tận Hà Nội mang Mark trở về quê nhà, miễn sao nó an toàn thoát ra khỏi tất cả những gì nó đang trải qua là được rồi. Con chắc chắn lá thư riêng mà bố viết cho Hồ Chí Minh đã giúp nó được vô số điều dù con đang ao ước rằng lý ra trước đây bố nên nói cho con biết về lá thư đó — nó có thể giúp con cư xử hợp lý hơn trong đôi ba lần bố con mình gặp gỡ nhau vừa qua.

“Thêm một tiết lộ quan trọng nữa của bố là bố đã âm thầm làm lễ thành hôn với Tiểu thư Boyce-Lewis và quyết định ở hẳn tại Anh cũng làm cho con, theo một cách nói nào đó, cảm thấy hổ thẹn hơn vì việc mình đã làm. Đêm đó, bên ngoài khách sạn Continental, khi thấy bố và cô ấy đi với nhau, con có hơi thiếu lịch sự, và sau đó, lương tâm con ray rứt mãi. Chính vì muốn làm tâm trí mình nhẹ nhõm mà con nói ra cho bố biết việc đó và con xin bày tỏ lời xin lỗi vụng về cùng với lời chúc mừng chân thành của con cho cả hai...”

Có một tràng tiếng nổ nghe như tiếng súng đại liên xa xa phá tan bầu không khí yên lặng, Gary ngừng viết, lắng tai nghe. Khi tiếng nổ ấy tiếp tục, càng lúc càng lớn và càng nhanh hơn, anh nhận ra đó là tiếng phành phạch lẹ làng của máy bay lên thẳng. Rõ ràng là một trong ba đại đội kia đang trở về Birmingham sau khi hành quân. Anh lắng đàng nghe cho tới khi các trực thăng đáp hẳn xuống đất.

Khi chiếc trực thăng cuối cùng tắt máy, Gary tiếp tục:

“Con vừa có ý nói rằng con hy vọng vai của bố đã lành hẳn, nhưng nay con đoán chắc là nó ổn thoả rồi khi bố cảm thấy có đủ sức khoẻ để “cùng nhau đi lên giữa hai dãy ghế” trong nhà thờ và toà thị chính Caxton. Nếu bố đang bắt tay vào việc phê bình chính sách của chúng ta về Việt Nam dưới hình thức một cuốn sách, như bố đã viết trong thư, thì con đoán lúc này hẳn bố khá sung sức — như vậy, con cũng xin chúc bố thành công trong công việc đó. Một cuốn sách thuộc loại như thế, được viết bởi một người có kiến thức sâu xa về vấn đề đó, chắc chắn sẽ bán được số lượng đáng kể — thế nào các thư viện ở Toà Bạch ốc, Bộ Ngoại giao và Ngũ Giác Đài cũng sẽ đặt trước nhiều cuốn để biết bố viết ra sao về các ông chủ của họ. Riêng phần con, con cảm thấy mình có thể đóng góp đôi dòng ngay lúc này về sự phê bình của chính con đối với tình hình ở đây. (Cái này rõ ràng phải gửi thư đi một cách bí mật qua đường bưu điện dân sự để nó tới tay bố nguyên vẹn những gì mà con có thể hiểu biết về vấn đề đó).

“Chúng con vừa thực hiện tới ba cuộc hành quân trong một tuần và đến rạng sáng ngày mai, chúng con lại lên đường nữa. Chúng con bị hao hụt quân số trầm trọng và những kẻ còn lại thì tinh thần xuống rất thấp. Chẳng biết chúng con có còn gặp may mắn nữa hay không, lần này con hết sức nghi ngờ, và e rằng mình đang cảm thấy khá chán nản trước tất cả những cái đó.

“Lúc này, con thấy mình bị giằng co với nỗi khao khát từ nhiệm, rút chân ra, nhưng bên cạnh đó, ý thức trách nhiệm lại nói với con rằng mình nên ở lại đây và làm điều mình có thể làm để hạn chế phần nào những gì tồi tệ đang diễn ra ở đây. Thí dụ, hiện có một nguyên tắc rằng khi chúng con vào làng mà gặp bất cứ người Việt Nam nào không chịu đứng lại và tự khai báo thì cứ bắn người ấy. Thực tế, nhiều người nhà quê bỏ chạy chỉ vì sợ hãi thôi, và lúc đó, việc “cứ nổ súng rồi đặt câu hỏi” là cả một vấn đề! Việc đó, như bố có thể tưởng tượng ra, đưa tới rất nhiều trường hợp giết người bừa bãi.

“Người ta cũng không bao giờ có thể biết chắc chắn rằng một khi vào làng rồi thì sẽ tìm thấy chỉ đàn bà trẻ em thôi hay vài ba tên bắn sẽ đang núp lén hoặc nguyên cả một tiểu đoàn Việt Cộng khôn nạn. Vậy hễ lúc nào cảm thấy cần thiết là chúng con phải bố trí hoả tiễn và trọng pháo để bắn phòng ngừa và bắn ào ạt vào làng. Quả thật là điên khùng. Thường dân bị thương ở mức độ rất cao là điều không tránh khỏi, và trong tình huống như thế này, công tác ‘chinh phục con tim và trí óc của dân chúng’ mà người ta đề ra cho chúng con là một việc không thể nào thực hiện nổi...”

Gary ngừng viết, lại nhìn đồng hồ. Chỉ còn năm phút nữa bắt đầu cuộc họp thuyết trình hành quân. Anh miễn cưỡng gom mấy trang thư lại, rồi lật đặt thêm vào ở cuối trang anh vừa viết:

“Bây giờ con phải chạy đi họp ‘hội đồng chiến tranh’ một lần nữa. Vậy tạm thời con chỉ thêm vào hai chữ bắt hủ mà các nhà văn viết chuyện dài trên các báo thích viết: ‘còn tiếp’.”

Không đọc lại những gì vừa viết, Gary gấp mấy trang giấy vào nhau và đút vô túi áo ngực.

Khi Gary ra khỏi hầm, bóng tối bên ngoài ẩm ướt và hơi ẩm phả vào mặt anh. Vì trời nóng bức, anh đi chậm rãi tới bộ chỉ huy căn cứ, nơi các sĩ quan của bốn đại đội bắt đầu tụ về. Để gạt khỏi tâm trí viễn ảnh ảm đạm của cuộc thuyết trình, Guy buông thả cho ý nghĩ lang thang trở lại lá thư của cha. Và anh vừa đi vừa tự hỏi làm sao chú em Mark ứng xử vấn đề thích nghi với cuộc sống tự do sau một thời gian tù ngục khủng khiếp như thế.

Gary cũng cố mừng tượng lối sống của cha trong thời gian sắp tới với bà vợ mới người Anh. Trong óc anh chợt nảy sinh ý nghĩ rằng cuộc đời của em anh, cha anh và của chính anh đều đã bị Việt Nam ghi dấu ấn sâu đậm. Trong khi ngẫm nghĩ như vậy, tâm thức của Gary bắt giắc loé lên hình ảnh cuộc đi săn dã thú trong rừng sâu Nam kỳ và cao nguyên Trung kỳ của ông nội và người bác đã chết

bốn mươi ba năm về trước.

Gary nhớ lại việc cha của anh đã cố giải thích như thế nào về lòng ác cảm của ông đối với cái hoạt cảnh trưng bày ấy trong lần gặp gỡ đầy khốn khổ của hai cha con tại nhà bảo tàng. Những lời được ông nói ra lúc đó một cách ngập ngừng, giờ đây âm vang trở lại trong tai anh, nghe rõ mồn một: “...Gary ạ, có trời mới biết, hầu như tất cả chúng ta đều làm mọi cho những khía cạnh tồi tệ nhất trong bản tính của mình... Chúng ta rất thường bị lôi cuốn bởi ý muốn chiến thắng bằng bất cứ giá nào.”

Vì lý do nào đó, ký ức ấy mang trở lại cảm giác mơ hồ về một điềm gở mà Gary từng linh cảm trước đây khi hay tin mình sẽ lại phải xuất kích quá sớm với các tân binh đang mệt lã. Và cảm giác ấy càng lúc càng bốc lên thật nhanh khi anh tới gần phòng thuyết trình. Vào lúc Gary trình diện đại tá chỉ huy Birmingham, tâm trạng của anh hoá ra bị quan cùng cực.

Trong khi diễn ra cuộc thuyết trình ngắn của các sĩ quan Mỹ, cách căn cứ hoả lực gần hai mươi lăm cây số, tại làng Quảng Tơ, hai trăm quân du kích của Tiểu đoàn Cơ động 42 thuộc Quân đội Giải phóng đang dừng quân nghỉ bồi dưỡng qua đêm trong những “chòi” tranh có cửa hầm được che đậy cẩn thận. Mỗi hầm trở thẳng xuống hệ thống địa đạo ngay bên dưới làng. Các địa đạo dài khoảng hai cây số dẫn tới cửa thoát ở bờ biển. Du kích quân đã trải qua nhiều lần thực tập rút xuống địa đạo thật lẹ để thử nghiệm việc bỏ trống làng theo một tốc độ nhanh nhất và một diễn tiến hoàn chỉnh nhất. Trong những trường hợp như thế, các bà vợ và gia đình của họ lúc nào cũng ở lại trong làng, trên mặt đất.

Đêm đó, trong khi người chính trị viên đứng tuổi của tiểu đoàn đi từ chòi này sang chòi khác thì thăm ra lệnh cho bộ đội rút ra bờ biển, ông ta còn kèm theo lời cảnh báo các gia đình ở lại rằng họ sẽ

bị quân Mỹ trừng phạt thê thảm. Về phần dân làng, chính họ cũng biết thân và đang chờ đợi vì đã được một thiếu nữ ở quán bum-bum bên ngoài Căn cứ hoả lực Birmingham báo về cho biết sẽ có cuộc đổ bộ của lính Mỹ vào rạng sáng ngày mai. Và họ cũng được chỉ thị, một cách cực kỳ khắc nghiệt từ phía quân giải phóng, rằng không được hợp tác với bọn lính đế quốc, dù bằng bất cứ hình thức nào.

Sau khi dùng cơm tối xong, các cán binh Việt Cộng chào từ giã gia đình, rồi từ từ kẻ trước người sau, họ chuồn thật êm xuống địa đạo, kéo nhau ra bờ biển. Tới nửa đêm, trên mặt đất làng Quảng Tơ chỉ còn lại đàn bà, trẻ con và người già quá hạn tuổi thi hành quân dịch.

Sáng hôm sau, khi Lực lượng Đặc nhiệm lên đường trong ánh nắng sớm mai, Gary bay trên chiếc trực thăng dẫn đầu. Anh đưa mắt nhìn lui và thấy phần còn lại của đợt xuất quân thứ nhất dàn ra đằng sau mình. Mười hai chiếc bóng hình con ong bay nghiêng nghiêng và dập dềnh theo hàng một, nổi bật trên nền ánh sáng màu da cam chói lọi của mặt trời đang mọc.

Gary cũng nhìn thấy phía đằng trước đoàn quân có chớp loé sáng rồi khói bùng lên, lan khắp năm sáu xóm nhà trong thôn làng sẽ đến. Qua bức màn khói ấy, các trực thăng võ trang Cobra chúi đầu rồi ngóc đầu, phóng hoả tiễn và bắn đại liên xuống các túp lều tranh.

Khi đoàn quân tới gần bãi đáp ấn định trên một cánh đồng dài hai trăm thước ở phía nam Ấp Một, mọi xạ thủ ngồi ngay cửa các chiếc trực thăng chuyển quân đều khai hoả khẩu đại liên 60 li cơ hữu dù không một dấu hiệu nào chứng tỏ có đạn từ dưới đất bắn lên. Hai người lính bị Gary khiển trách tối qua lúc này cùng bay với anh trong chiếc trực thăng dẫn đầu, chung với các chiến sĩ cùng trung đội. Tất cả đều cứng người, căng thẳng. Ai cũng nắm chặt khẩu súng M-16 kẹp giữa hai đùi, mắt nhìn qua cửa trực thăng

tìm dấu vết của Tiểu đoàn Cơ động 42. Theo lời đồn đó là một đơn vị Việt Cộng thiện chiến; một khi đã chọn lựa chạm trán, nó sẽ đánh rất quyết liệt và tàn độc.

Một trong hai người lính “thợ sắt” Indiana, kẻ vạm vỡ hơn bạn đồng nghiệp cũ đang ngồi kế bên, vỗ bồm bộp báng súng và nói:

- Bữa nay tụi mình hốt trọn ổ lữ vàng khè khôn kiếp đó. Chỉ còn một vấn đề khôn nạn là lâu hay mau thôi.

Người đi cặp với anh ta, có nước da sậm và thân hình mảnh dẻ, gật đầu đồng ý với bạn rồi quay sang nhe răng cười với Gary:

- Đúng ngay chóc — nếu mấy chả trong đại đội Một lửa được bọn thổ dân khôn kiếp đó chạy về hướng tụi mình. Đại úy ơi, tụi tui sẽ ra tay vì ông đó — và vì các cậu đại đội Hai của mình bị đi đứt mấy chuyến trước.

Gary đáp lại bằng cái gật đầu gọn lỏn rồi để hết tâm trí quan sát mặt đất khi đại đội bắt đầu nhảy xuống khu ruộng đổ bộ. Trong cuộc thuyết trình vừa qua, đại tá chỉ huy trưởng hạ lệnh cho các sĩ quan phải nhấn mạnh vào viễn ảnh rửa hận cho những đồng đội bị thương vong, nhằm làm sôi máu binh lính lực lượng đặc nhiệm. Không tìm được cách nào khác để điều chỉnh tình trạng rã rời tinh thần của đại đội, Gary phải miễn cưỡng làm theo lời cấp trên nhưng anh vẫn áy náy về hai tiếng rửa hận cùng những phát tác vô lường của nó. Và trong khi Gary đang tự hỏi không biết hành động như thế của mình là đúng hay sai, hai càn trực thăng đã chạm mặt đất. Rồi bỗng nhiên nỗi thắc mắc đó không còn là vấn đề khi binh sĩ ào ra cửa trực thăng, nhào xuống lớp cỏ mọc cao ngang hông và cúi mình chạy thật lẹ tìm chỗ nấp, với ý nghĩ độc nhất trong đầu mỗi người là phải sống sót đã.

Công tác thứ nhất của đại đội Hai là bảo vệ an toàn bãi đáp. Gary quát lớn ra lệnh các trung đội trưởng dàn quân thành một vòng tròn

rộng. Kể đó, suốt mười lăm phút, trực thăng hết gầm lại rú, hết vào lại ra, thả xuống các đại đội xung phong. Cứ mỗi lần máy bay đáp xuống, cánh quạt tạt hơi gió thành những đợt sóng lớn, cuộn cuộn rượt theo nhau trên mặt cỏ cao. Gary quan sát binh sĩ các đại đội Một, Ba và Bốn xô đẩy nhau ào ra khỏi máy bay trực thăng. Vào khoảnh khắc đặt chân xuống đất, vẻ mặt người nào cũng căng thẳng và bồn chồn không kém binh sĩ trong đại đội của anh.

Và trên mọi bộ mặt căng cứng đều lộ lộ dấu vết mệt mỏi. Họ e ngại nhìn vùng đất phía trước, mắt trông chừng mình bầy trong khi chân dò dẫm từng bước một trên con đường dẫn vào Ấp Một. Rồi tiếng máy bay trực thăng chìm dần ở chón xa xa. Tiếng động của các binh sĩ đang tiến vào sâu hơn trong ấp nghe cũng yếu dần. Một bầu không khí tĩnh mịch trùm lên Quảng Tơ. Dần dần, ánh nắng mặt trời đang mọc chuyển từ màu da cam sang màu vàng, nhạt hơn và chói lọi hơn.

Khi Gary khởi sự di chuyển đại đội dần ra thành hình vòng cung theo tư thế vây chặn ở khu vực phía nam làng, anh bỗng nghe có tiếng nổ âm thật lớn và thấy đất đen vọt lên như suối bên trên một rặng cây xa xa. Tiếp theo tiếng nổ, khói bùng bành lượn lờ rồi chậm chậm bốc lên cao quá ngọn cây.

Người lính tóc đen gốc Indiana bò tới bên sĩ quan phụ tá của Gary, miệng thì thầm:

- Đồ khốn kiếp! Đụ má, lại thêm một trái mìn khốn nạn nữa!

Tiếp theo tiếng mìn nổ là tiếng súng vang lên ròn rã. Gary ra lệnh cho đại đội nằm yên. Súng tiếp tục nổ nhưng tiếng nghe rời rạc và không chuyển biến thành một cuộc trao đổi hoả lực ô ạt và kéo dài như một dấu hiệu chứng tỏ hai bên đang chạm trán. Tới lúc đại đội Hai vào xong vị trí, Gary nghe rõ tiếng lửa cháy răng rắc. Và từ những ngôi nhà tranh bị đốt, khói đua nhau bốc lên, bắt đầu làm mờ mịt bầu trời.

Người lính Indiana bên cạnh Gary thở phào:

- Rồi rồi, xảy tới đùng độ rồi đó. Đại úy ơi, cuối cùng mình cũng bắn thủng đít tụi da vàng.

Gary Sherman nhăn mặt. Máy truyền tin RTO kêu rào rào tiếng người gọi đi gọi lại nhưng không cho thấy một hình ảnh rõ nét nào về cuộc càn quét. Anh vội vàng ra lệnh cho người lính Indiana:

- Cách tốt là cậu đi ngó qua một cái, xem đang xảy ra chuyện gì — rồi về thẳng đây ngay.

Trong một thoáng, người tân binh trẻ tuổi có vẻ ngần ngại rồi tuân lệnh, lúp xúp chạy tới rặng cây. Năm phút sau anh ta chạy về. Gary lập tức để ý thấy vẻ mặt anh ta vừa hả hê vừa hãi hùng. Anh ta nói với giọng kinh hoàng:

- Đại úy, đại đội Một bắn tuốt lượt cả cái làng khốn nạn đó. Họ bắn hết thấy bọn bản xứ. Họ đẩy tất cả bọn chúng nó xuống hố. Họ đốt nhà, giết gia súc. Họ chà láng cái chỗ đó — trẻ em, con nít, đàn bà, người già, gà vịt, không chừa một mống!

Gary nhìn anh ta chăm chăm, không tin nổi:

- Cậu có biết chắc chắn rằng cậu đang nói cái gì không? Không có Việt Cộng ở đó à?

Người lính lắc đầu nguây nguẩy.

- Vậy chớ ai đang bắn người ta?

- Ai cũng bắn hết! Mấy ông trung sĩ, một ông trung úy, tất cả bọn họ! Họ cũng hiếp cả đàn bà nữa!

Người lính gốc thợ sắt nói thật lớn bằng giọng sôi nổi. Những người khác trong đại đội thấy vậy cũng chạy tới đồng tai nghe. Thấy thế, Gary khoát tay giận dữ:

- Tất cả về ngay vị trí! Chúng ta đang làm nút chặn, phải giữ kỷ luật. Đại đội giữ đúng công tác, ở lại tại chỗ.

Quát xong, anh vẫy một trung úy:

- Anh phụ trách ở đây. Tôi đi vô làng.

Gary ra hiệu cho hai tân binh Indiana và dẫn họ chạy theo mình vô rừng cây. Anh lao qua bụi cây, vào tới ấp thứ nhất. Tại đó anh thấy hai lính Mỹ chĩa súng bắn thẳng vào một đám đông đàn bà trẻ con đang co rúm dồn sát vào nhau, kẻ bên một đường mương. Trong hai lính Mỹ đó có một trung úy, kẻ kia là trung sĩ. Và tiếng la rú kinh hoàng của đám dân quê Việt Nam tắt ngấm trong cuồng hòng khi đạn đại liên cùng với M-16 bắn nát càn cỏ họ.

Họ vừa gục xuống đất liền bị một lính TQLC khác bắt đầu đá và hất những tử thi đầm máu ấy xuống đường mương. Mắt Gary bắt gặp trong đó có chút động đậy. Quay qua, anh thấy một đứa bé đang vạch đám xác chết. Không biết nó đang kiếm một người thân nào đó đã chết hoặc chỉ để tìm chỗ núp đạn. Khi viên trung sĩ thấy ra điều đó, hắn bắn mấy loạt đạn vào đứa bé cho tới khi nó lật ngửa, nằm không chút nhúc nhích.

Miệng khô rang hải hùng, Gary gỡ khẩu AR-15 của mình xuống khỏi vai và bắn một loạt lên phía trên đầu hai lính Mỹ. Anh vừa lao người ra khỏi rừng cây vừa hét lớn:

- Thả súng xuống không tao giết cả hai đứa!

Liền ngay đó, Gary có cảm giác mình đang bay trên không khí. Chỉ tới khi thân thể anh thôi văng lên, đầu chúi xuống trước, cảm

thăng vào những vùi đất đen đang phun tủa lên khắp chung quanh, anh mới nhận ra mình vừa đập trúng mình.

Khi cơ thể Gary nằm thẳng cứng trên mặt đất, hai người lính TQLC gốc Indiana nhìn xuống anh, kinh hãi. Họ có thể thấy tất cả các bộ phận trong người Gary — tim, gan, phổi — đang đập rộn ràng bên trong lồng ngực toang hoác. Và máu anh bắn ra ướt đầm mặt đất chung quanh họ. Gary hấp hối suốt năm phút. Họ chỉ có thể bắt lực ngó anh nằm đó, trên đất đen, quần quai rên la. Cuối cùng, một người lính gốc thợ sắt chạy trở lại gặp viên trung úy phụ trách đại đội Hai. Rồi tất cả những người còn lại trong các chốt ngăn chặn đều tập trung chung quanh thi thể người đại đội trưởng của mình.

Tới lúc y tá cứu hộ của đại đội Hai đến hiện trường, bắt đầu sửa soạn gói thi thể tan nát của Gary vào tấm poncho, nhiều người lính của anh bật khóc nức nở. Những người khác rít lên kêu trời, chửi rủa tục tũn như kẻ mất trí. Rồi dần dần, từng người một, họ nối bước nhau đi sâu vào làng, tham gia cuộc tàn sát. Nhiều người trong bọn họ tiếp tục vừa khóc thầm vừa gào thét trong khi tiếp tay săn lùng và bắn gục những dân làng còn lại. Họ giết người Việt Nam. Giết theo từng người một hoặc theo từng nhóm. Họ cướp phá tan hoang nhà cửa. Đốt làng và thọc lưỡi lê đâm chết trâu bò gia súc.

Có vài người lính rút người lại, hãi hùng vì những gì đang xảy ra. Họ tìm cách tránh mặt hoặc cố cứu một thôn nữ hay một bà lão lẻ loi. Nhưng những nỗ lực của vài người ít ỏi ấy không tác động gì nhiều trên những binh sĩ còn lại của cả hai đại đội. Cuộc bắn giết kéo dài suốt mấy tiếng đồng hồ, không một chút ngừng nghỉ. Và tới cuối cuộc tàn sát đó, xác chết chất thành đống bên trong và chung quanh làng Quảng Tơ lên tới con số hàng trăm.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 18 -

Người dẫn chương trình *Panorama: Toàn Cảnh*, một tiết mục hội thoại thời sự có uy tín nhất nước Anh, cầm cuốn sách vừa xuất bản và đặt chênh chếch trên đùi mình để một trong mấy ống kính thu hình có thể lấy cận cảnh bức ảnh nơi bìa trước cuốn sách. Khi màn ảnh vô tuyến truyền hình trong các tư gia trên khắp nước Anh tràn ngập bức ảnh ấy, với hình một lính Thủy quân Lục chiến Mỹ bị thương và đang quần quai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân ở Huế, người dẫn chương trình bắt đầu đọc lời nói đầu cuốn sách. Một ống kính truyền hình từ đằng sau chậm chậm quét theo từng dòng và phóng lớn từng chữ:

“Trong buổi khai mạc hội nghị soạn thảo hiến pháp Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ năm 1787, George Washington đã nói: ‘Chúng ta hãy đề ra định chuẩn để người khôn ngoan lẫn người chân thật đều có thể thường xuyên theo đó mà hiệu chỉnh.’ Kể từ lúc đó, hầu hết các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ đều ao ước điều hành đất nước theo đúng những nguyên tắc giản dị ấy. Thế nhưng hiện nay định chuẩn mà chúng ta đang theo để chiến đấu tại Nam Việt Nam, vốn đã được đề ra và giương cao bởi các Tổng Thống kế tục nhau suốt mười năm qua, trên một qui mô lớn, lại phát xuất từ những lý do không chỉ liên quan tới sự tự cao tự đại của cá nhân họ mà còn liên quan tới cảm giác tự hào dân tộc không đúng chỗ. Chính định chuẩn ấy hôm nay bay lượn chập chờn trên đầu hơn nửa triệu binh sĩ Hoa Kỳ tại chiến trường Việt Nam — nhưng sự thật càng ngày càng rõ rệt rằng chân thật và khôn ngoan đóng vai trò quá ít ỏi hoặc chẳng dự phần chút nào vào quá trình lập quyết định đưa chúng ta tham chiến và giữ chúng ta tiếp tục ở lại chiến đấu tại đó, cho dù hiện nay người ta đã thấy rõ rằng không bao giờ có viễn ảnh sở đắc được sự chiến thắng đáng ca ngợi nào. Thay vì chân thật và khôn

ngoan, hiện nay hồ thẹn và kinh tởm đang lan rộng ở Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ và mọi nơi khác trên thế giới phương tây vì những hành động của chúng ta tại Đông Nam Á. Tôi tin rằng đã tới lúc tất cả những người ‘khôn ngoan’ và những người ‘chân thật’ ở bên trong cũng như bên ngoài chính quyền phải dừng tay lại. Chúng ta nên chấm dứt ngay lập tức sự can thiệp quân sự đầy tai họa tại Việt Nam và chặn đứng ngay lập tức sự xuất huyết kinh hoàng mạng sống và của cải của nhân dân Mỹ, bằng không thì sẽ tiếp tục tới vô tận mà không mang lại bất cứ lợi ích nào cho cả Hoa Kỳ lẫn phương tây...”

Bộ mặt chữ điền của người dẫn chương trình, nghiêm nghị và cứng nhắc với lớp điểm trang làm nổi bật sắc mặt, lại quay về phía ông kính. Anh ta ngừng một chút để tăng thêm phần gay cấn cho ý nghĩa lời nói của mình và làm nó lắng sâu trong lòng khán giả:

- Đó là quan điểm của Joseph Sherman, tác giả một cuốn sách mới xuất bản về chiến tranh Việt Nam có tựa đề là “Người Mỹ Bị Phản Bội” — *The American Betrayed* — mà đang nhanh chóng trở thành cuốn thánh kinh của phong trào phản chiến hiện đang làm rối loạn nước Mỹ. Ông Sherman làm thông tin viên hải ngoại tại Á Đông vào thập niên 1950 và sau đó, là giáo sư môn nghiên cứu Á Đông tại Đại học Cornell, và chỉ mới cách đây hơn một năm, ông rút lui khỏi chức vụ cố vấn đặc biệt cho nhà cầm quyền Mỹ tại Sài Gòn, để viết cuốn sách này. Cuốn sách được ra mắt trong tuần lễ này tại đây, ở Luân Đôn. Vừa được phát hành tại Hoa Kỳ thì cuốn sách gây tranh cãi sâu rộng, một đàng lời cuốn sự chỉ trích gay gắt của những người ủng hộ vai trò của Hoa Kỳ, một đàng chiếm được sự tán thưởng nhiệt liệt của những người chống chiến tranh về nội dung can đảm của nó...

Ông kính lùi xa người dẫn chương trình để cho thấy hình ảnh Joseph đang ở bên cạnh anh ta. Joseph ngồi ngượng nghịu trong lòng ghế giữa phòng thu hình. Một bên vai bị thương tại Huế mười bốn tháng trước đây lệch xuống gượng gạo, tạo cho thế ngồi của anh có vẻ cấn cái. Trong khi lời dẫn nhập tiếp tục, người đạo diễn chương trình ngồi trước một dãy màn hình trong phòng kiểm soát, bấm nút một máy phát riêng hình Joseph và vẫn giữ nguyên giọng

nói sang sảng và trang trọng của người điều dẫn. Ông kính xoay đều đặn, từ từ thu gập vào và cuối cùng đóng khung hẳn bộ mặt của Joseph, từ cằm lên mái tóc, với vẻ mặt vốn xanh xao và hốc hác sẵn vì vết thương hành hạ cả thể xác lẫn tâm hồn, lúc này nghiêm lại thành nét khắc khổ với đôi môi mím chặt.

- Ông Sherman vừa thành hôn với Naomi Boyce-Lewis, một phóng viên truyền hình Anh. Ông đến thường trú tại đây, ở nước Anh này — nhưng ông không phải là một nhà phê bình suông, không dính dáng gì tới cuộc chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ. Bản thân ông bị thương nơi vai trong cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân năm ngoái tại Huế. Và trong thực tế, sự can dự của gia đình ông vào cuộc xung đột đó có lẽ cũng đầy tính bi đát, không kèm bất cứ gia đình nào tại Mỹ.

Người dẫn chương trình ngưng một chút, biết rằng những lời mình sắp nói hẳn sẽ gây buốt nhói cho người đang ngồi bên cạnh.

- Người con trai cả của ông Sherman, một đại úy lục quân, qua đời năm ngoái trong một cuộc phục kích tại một làng quê. Người con trai thứ của ông, một phi công không quân, bị bắt làm tù binh tại Hà Nội suốt ba năm và vừa được phóng thích. Còn nữa, một người em ruột của ông làm việc cho Bộ Ngoại giao bị đặc công Việt Cộng hạ sát trong cuộc đột kích của họ vào Toà Đại sứ Mỹ dịp Tết Mậu Thân — như thế, có lẽ ông Sherman là người có đủ tư cách và đủ độc đáo để có ý kiến về cơn quàn quại tại Hoa Kỳ do Việt Nam gây ra.

Ông kính rà cận cảnh khuôn mặt của Joseph, ghi nhận các số thịt nơi quai hàm của anh chuyển động thật lẹ và hai mắt anh nheo lại. Hàng triệu khán giả thấy anh nuốt xuống khó nhọc và hai mắt anh nheo nheo dưới ánh đèn thu hình chói lọi, rồi vẻ mặt anh điềm tĩnh trở lại.

Người dẫn chương trình nói tiếp:

- Nhưng có lẽ không có gì tiêu biểu cho cách thức mà cuộc chiến tranh Việt Nam hiện làm chia rẽ đất nước Hoa Kỳ hơn là sự kiện chính thân phụ của tác giả đang trở thành một trong những người chỉ trích gay gắt nhất cuốn sách đó. Cuộc tranh luận ấy mang thêm một ý nghĩa khác thường vì thân phụ của tác giả không ai khác hơn

là Nathaniel Sherman, thượng nghị sĩ thuộc Đảng Dân Chủ, đại diện tiểu bang Virginia suốt bốn mươi năm nay. Ông là một phần tử lão thành của Thượng nghị viện và là một trong những khuôn mặt chính trị nổi tiếng rộng rãi nhất và mang nhiều sắc thái nhất... Thượng nghị sĩ Sherman hiện có mặt tại phòng thu hình của chúng tôi ở thủ đô Washington, đang chờ chúng tôi qua vệ tinh viễn thông truyền hình. Và ông đã vô cùng khả ái nhận lời tham gia cuộc hội thoại của chúng ta...

Trong lúc người dẫn chương trình dẫn giải, màn hình lớn phía trên anh ta được bật lên cho thấy đầu và hai vai của thượng nghị sĩ đang ngồi yên lặng nơi phòng thu hình ở Washington của đài BBC và đang thận trọng lắng nghe lời giới thiệu. Dù tuổi ngoài tám mươi, ngoại hình của ông vẫn rất bắt mắt. Vẻ mặt hồng hào, sắc sảo nhưng cẩn trọng. Mái tóc bạc như cước cùng đôi lông mày rậm khiến ông có phong thái chững chạc và trưởng thượng. Mặc bộ vét-tông trang nhã bằng vải lanh trắng, rõ ràng ông thích thú vai trò một chính khách cao niên khả kính. Và sự việc ông mất cánh tay trái không còn lôi cuốn sự chú ý của người khác vì ông hiện đeo một cánh tay giả.

Người dẫn chương trình hướng mặt về phía màn hình và nói:

- Kính chào Thượng nghị sĩ. Xin cảm ơn ông đã vui lòng tham dự với chúng tôi.

- Thưa anh, chính tôi mới là người hoàn toàn thích thú. Tôi sung sướng được có cơ hội đàm đạo với anh và với khán giả người Anh của quý đài.

Thượng nghị sĩ mỉm cười và khẽ nghiêng đầu với cử chỉ ghi nhận đầy vẻ thượng lưu. Khi Joseph nhìn lên bộ mặt được phóng lớn ấy trên màn hình, anh nhận ra cha mình, vốn lúc nào cũng vẫn là người trình diễn, đang theo phản xạ cố ý kéo dài cái giọng lê thê cổ hủ của người Miền Nam để làm vui vẻ khán giả người Anh.

Người dẫn chương trình nói với vẻ tôn trọng:

- Thưa Thượng nghị sĩ, chẳng mấy chốc nữa chúng tôi sẽ thỉnh ý ông. Nay trước hết, chúng tôi xin được bắt đầu bằng cách đặt câu hỏi cho con trai của ông hiện có mặt ở đây, tại Luân Đôn.

Anh ta quay sang Joseph, vừa hỏi vừa ghé mắt nhìn xuống bản ghi

danh sách các câu hỏi đã được soạn sẵn:

- Thừa ông Sherman, trước hết xin yêu cầu ông giải thích cặn kẽ và rõ ràng tại sao ông tin tưởng hết sức mãnh liệt rằng Hoa Kỳ nên rút khỏi Việt Nam. Và có lẽ cũng xin ông vui lòng nói cho chúng tôi biết rằng kết luận như thế của ông là do chỉ dựa duy nhất vào sự phân tích có tính chi tiết về tình trạng tại vùng đất ấy — hoặc có phải dù sao đi nữa, nó còn bị ảnh hưởng bởi những đau khổ riêng tư mà Việt Nam gây ra cho ông?

Joseph không trả lời ngay. Người dẫn chương trình bỗng lo sợ rằng câu hỏi đầu tiên ấy có thể quá thẳng thắn và nhẫn tâm; anh ta ngược mặt lo âu nhìn vị khách Mỹ. Và anh ta sững sốt khi thấy Joseph vẫn lảng đãng ngó lên hình ảnh của thân phụ truyền qua viễn thông. Nhưng rồi chỉ khoảnh khắc sau, dường như Joseph tập trung được tâm trí và quay sang đối mặt với người dẫn chương trình. Joseph nói với giọng tự chế:

- Việc mất một đứa con trai thân thể bị tan nát vì mìn bẫy và có một đứa nữa là đối tượng hành hạ suốt ba năm dài đồng thời bị làm cho trì độn, nhất định có góp phần vào vấn đề tập trung trí óc của tôi. Nhưng trong cuốn sách của mình, tôi kết luận rằng rút quân là sự chọn lựa hợp lý và duy nhất của chúng tôi. Các lý do đưa tôi tới kết luận ấy hoàn toàn dựa trên sự am hiểu và những cái nhìn vào nội tình mà tôi thu lượm được qua nhiều năm trời tôi có quan hệ với Việt Nam. Giờ đây, người ta đau đớn thấy rõ ra rằng nhân dân Hoa Kỳ đã và đang để cho xứ sở của mình bị trôi giạt vào cơn ác mộng hiện nay vì chúng tôi đã lơ là, không theo dõi chặt chẽ và đầy đủ các nhà lãnh đạo chính trị và quân sự của mình cùng với những động cơ của họ. Không ai trong chúng tôi có đầy đủ cảnh giác — nhưng vì tôi biết Việt Nam một cách mật thiết trong hầu hết cuộc đời của tôi, nên sau cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân, tôi cảm thấy đau đớn cực độ về sự lơ là ấy của chính mình. Và vì bản thân tôi cũng chịu đau khổ tột cùng, tôi cảm thấy mình càng có thêm động cơ thúc đẩy để, bằng cuốn sách này, cố khôi phục sự cân bằng.

Trong khi Joseph nói, bên trên đầu anh, bộ mặt phóng lớn của thân phụ anh tối sầm lại, chứng tỏ sự bất đồng của ông. Ngay khi anh

vừa chấm dứt, thượng nghị sĩ êm ái xen lời, không đợi mời. Với vẻ đáng tiếc, ông nói với người dẫn chương trình bằng giọng lịch sự đầy trau chuốt:

- Nếu tôi được phép đóng góp ý kiến về vấn đề này thì thừa điều dẫn viên, tôi muốn nói rõ quan điểm của mình ngay từ đầu. Tôi chống lại mọi hình thức “rút ra” dù nó được cổ vũ bởi những kẻ gọi là bồ câu trắng trong Quốc hội Hoa Kỳ tại Washington đây — hoặc bởi chính con trai của tôi đang ngồi bên cạnh anh tại nước Anh đó.

Với giọng tạ lỗi, người dẫn chương trình lệ làng đáp:

- Tôi hiểu, thưa Thượng nghị sĩ, rằng ông rất nóng lòng muốn cho biết lập trường của ông trong cuộc tranh luận này, và chúng tôi cũng nóng lòng không kém muốn được nghe lập luận ấy, nhưng xin ông vui lòng chờ. Tôi muốn trước tiên được đặt thêm một đôi câu hỏi cho con trai của ông.

Anh ta xoay ghế đối mặt trở lại với Joseph:

- Thưa ông Sherman, thật là thắng thắn khi ông thừa nhận mình không thể tách rời sự xúc động cá nhân để nó không can dự vào những luận cứ khách quan của ông về Việt Nam — nhưng phải chăng không có nguy cơ khiến cho việc ông tin rằng không thể thắng được cuộc chiến tranh ấy nảy sinh trực tiếp từ sự mất mát tới hai lần mà ông đang phải chịu — cùng với tâm trạng khắc khoải của kẻ đứng bên lề bất lực nhìn đứa con trai thứ của mình mòn mỏi vì bị làm tù binh chiến tranh tại Hà Nội?

Thêm lần nữa Joseph không trả lời ngay. Tiếng nói êm như nhung của cha anh và vẻ đáng tiếc vờ vĩnh trong giọng nói khi ông phát biểu, không che đậy nổi sự thù nghịch không nguôi, tiềm ẩn trong những gì ông có ý nói. Khi đồng ý tham gia chương trình hội thoại này với cha, Joseph đã nuôi niềm hy vọng mơ hồ rằng biết đâu những đau khổ riêng tư đang được cả hai cùng chia xẻ có thể góp phần giúp cho người ngoại cuộc cá nhân hóa sự thống khổ mà Việt Nam đang tạo ra ngay tại xứ sở của mình. Cùng lúc ấy, Joseph bỗng nhận ra trước đây mình đã hy vọng rằng, đối với hai cha con, một cuộc thảo luận công khai về các vấn đề có ý nghĩa đau đớn riêng tư đến thế, dù sao đi nữa cũng có thể kéo cả hai tới gần nhau

hơn, đồng thời có thể đưa cả hai tới một loại thông cảm sâu xa nào đó trong quầng đời xé bóng của con người. Thế nhưng lối can thiệp đồng dục của thượng nghị sĩ và lời ám chỉ cầu kỳ tới sự kiện bản thân Joseph hiện sống tại nước Anh làm anh nghi ngờ rằng cha mình đã hoạch định và sắp sẵn các nhận xét của ông một cách cẩn thận không kém việc sửa soạn các diễn từ có tính toán trước tại Thượng nghị viện.

Những ý nghĩ ấy rượt đuổi nhau trong tâm trí Joseph khi anh chuẩn bị trả lời câu hỏi của người dẫn chương trình. Sau cùng, khi Joseph mở miệng, thay vì phát biểu một cách nồng nhiệt, giọng anh lại chán nản nguội lạnh. Anh nói trầm giọng:

- Chẳng có chút nguy cơ nào khiến tôi lẫn lộn những bi thương mà mình cảm thấy về các cái chết trong gia đình tôi với những tính toán sai lầm và hào nhoáng về chính trị đã gây ra các cái chết đó. Trước hết, tôi thành thật tin tưởng rằng chúng tôi đến Việt Nam với lý tưởng cao đẹp. Chúng tôi đã đặt vào đó uy tín của nước Mỹ với niềm tin rằng mình sẽ làm tốt hơn người Pháp. Thế rồi toàn bộ chính sách nằm trong tay những kẻ ở Bộ Ngoại Giao, Tòa Bạch Ốc và Ngũ Giác Đài, những kẻ tự xem mình thuộc giới ưu tú nhất nước Mỹ. Trong khi thiếu nghiên cứu tường tận văn hóa của người Việt cùng các hệ lụy và các phức tạp trong dòng lịch sử của dân tộc Việt Nam, thì dễ nhanh chóng đặt cứu cánh, những kẻ ưu tú ấy chỉ muốn điều hành chiến tranh theo lối đặt trọng tâm vào hoạt động quân sự, đồng thời muốn có loại chính quyền bản địa thích hợp với cách thức giải quyết chiến tranh theo kiểu của họ. Chúng tôi ngây thơ, tự tin, thiếu kiên nhẫn. Chúng tôi biến cuộc chiến tại Việt Nam thành cuộc chiến của Hoa Kỳ khiến cho nguyên cơ tham chiến bị xuyên tạc và chính nghĩa chống cộng của người Miền Nam bị xoi mòn. Chúng tôi hỗ trợ rồi dựng lên tại Sài Gòn các chính quyền được giả định là dân chủ, nhưng thực tế những kẻ cai trị đó không có năng lực điều hòa quyền lợi cá nhân của họ với quyền lợi tập thể của dân chúng. Vì thế, họ không xây dựng được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ và pháp trị. Và vì thế, người dân vừa thờ ơ với những chương trình kế hoạch của chính quyền vừa xa lánh các viên chức hành chính lẫn quân sự.

Ban đầu họ không thoát ra được cái não trạng và quán tính của giới quan lại nam triều và thư lại thời Pháp thuộc. Tiếp đó họ là những tay quân phiệt thiếu thiện chí phục vụ, khả năng xây dựng và không chịu nhìn xa trông rộng. Nếu không có viện trợ Mỹ thì các chính quyền ấy không tồn tại quá năm phút. Họ nhân danh tình trạng chiến tranh để làm đủ thứ tệ hại còn chúng tôi nhân danh nhu cầu chiến thắng để bảo vệ họ. Do đó, hoàn toàn không thiết lập được những nền tảng căn bản cho một chế độ dân chủ mà vì nó quân dân Miền Nam chiến đấu và chúng tôi hỗ trợ họ chiến đấu. Như thế, thật là gian trá khi chúng tôi làm như thể mình đang bảo vệ một chính quyền dân chủ. Sự hiện hữu loại chính quyền phản dân chủ đó, sự can thiệp thô bạo của chúng tôi và việc sử dụng hỏa lực ồ ạt trước mỗi cuộc hành quân gây tang tóc cho dân quê, chỉ tạo thêm nguyên cớ cho đối thủ của chúng tôi tuyên truyền, để một mặt làm phá sản chính sách của Hoa Kỳ và làm uổng phí xương máu của quân dân Miền Nam, một mặt biến những gì gọi là hy sinh và khắc khổ của Việt Cộng trở thành quyến rũ. Bên cạnh đó, người Nam Việt Nam không ngồi lại được với nhau, và chúng tôi không thật sự có nỗ lực giúp cho họ có thể ngồi với nhau, để làm tiền đề giải quyết những vấn đề của họ nên không ai có thể giải quyết thay cho họ. Thêm nữa, để nhanh chóng kết thúc cuộc chiến theo sinh hoạt chính trị bất nhất của Hoa Kỳ, chúng tôi có những can thiệp thô bạo, khi thế này khi thế nọ, rồi cuối cùng chỉ còn hai mục đích. Thứ nhất là ưu tiên duy trì sự ổn định tại Nam Việt Nam, khiến cho lạc mất nghĩa vụ góp phần xây dựng một thể chế dân chủ. Thứ hai là tìm cách làm vừa lòng dư luận nhất thời tại Hoa Kỳ trong các đợt bầu cử khiến cho xa rời lý tưởng cao đẹp ban đầu. Tình trạng lẫn lộn ấy sẽ kéo dài tới bất tận bất chấp những tuyên bố dối trá và hào nhoáng vì tự ái dân tộc Hoa Kỳ và vì không dám thừa nhận rằng mình đang loanh quanh và vá vúi. Hiện nay, Chiến tranh Việt Nam đang làm nước Mỹ ngày càng quần quai chia rẽ, xứ sở Việt Nam ngày càng tan nát và dân chúng tại đó ngày càng đổ thêm nhiều xương máu. Lúc này toan tính chuyện thay đổi sự việc đó thì đã quá trễ — đó là lý do chúng tôi không thể thắng cuộc chiến tranh ấy.

Joseph cố ý giữ cho mắt không ngược nhìn màn hình trên đó đang lồ lộ bộ mặt của cha. Và anh thận trọng chỉnh lại thế ngồi, dựa thẳng vào lưng ghế, chờ câu hỏi kế tiếp. Tuy thế, người dẫn chương trình ngược mắt lên kiểm tra phản ứng của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman. Thấy vẻ mặt ông càng lúc càng nôn nóng nên anh ta quyết định rằng đã tới lúc kéo ông vào cuộc thảo luận để gây tác động tối đa. Anh ta nói nhanh nhẩu:

- Thừa Thượng nghị sĩ, có lẽ lúc này ông đang muốn nói cho chúng tôi biết tại sao ông không chia sẻ quan điểm với con trai mình về việc không thể nào có khả năng chiến thắng tại Việt Nam? Ông lão từ trong lòng ghế chúm người tới trước như xông trận và đằng hắng một cách gay gắt:

- Đúng thế, thưa anh. Những sự việc như cái chết của người trong gia đình tác động lên người này người nọ bằng những cách thức khác nhau. Đối với một số người này thì nó làm họ mất tinh thần và khiến họ muốn đầu hàng. Đối với một số người nọ thì nó làm bền vững thêm ý chí của họ và khiến họ quyết tâm hơn bao giờ hết để tiếp tục chiến đấu đến thắng lợi cuối cùng.

Ông đột ngột ngừng lại, đầu vươn ra đằng trước trên chiếc cổ da nhẵn thành nếp:

- Trong gần năm mươi năm phục vụ công chúng, tôi hãnh diện được công tác trong Ủy ban Quân lực của Thượng nghị viện Hoa Kỳ và tôi xin được nhắc nhở với khán giả quý đài rằng hiện nay, chúng tôi có lực quân lớn nhất, hải quân lớn nhất và không quân lớn nhất thế giới! Nhưng bất chấp thực tế ấy, chúng tôi vẫn bị sa lầy tại Việt Nam, chịu thương vong mỗi tuần lễ hai ngàn người, chẳng qua vì chúng tôi đang phóng ra nỗ lực chiến tranh trong những giới hạn do tự mình đặt ra cho mình. Cho tới nay, gần như chúng tôi bị lòng vòng trong thuật ngữ “chiến tranh hạn chế”. Con đường Trường Sơn vẫn là hành lang chuyển quân của Cộng Sản Hà Nội. Hải cảng Kampong Thom vẫn là nơi cập bến quân khí của Bắc Việt. Cambodia và Lào là đất bất khả xâm phạm đối với chúng tôi trong khi lại là nơi Cộng Sản ung dung lui về dưỡng quân, chấn chỉnh các đơn vị bị tổn thất. Cùng với sự tham chiến ồ ạt, nếu chúng tôi có một thoả hiệp với Lào cho phép quân Mỹ trú đóng,

làm hàng rào băng qua Lào và Việt Nam theo vĩ tuyến 17, cắt ngang đường mòn Hồ Chí Minh thì chắc chắn chúng tôi thành công. Nếu quân Mỹ đóng chốt khắp các biên giới Việt-Lào và Việt-Miên thì lúc ấy, chúng tôi cô lập được chiến trường, chặn hẳn nguồn tiếp tế nhân vật lực của Bắc Việt cho các đơn vị của họ ở Miền Nam. Lãnh thổ Miền Nam thành nơi cho các lực lượng phối hợp Mỹ Việt thay vì “lùng và diệt địch” thì “tảo thanh và giữ đất”. Nhưng cho tới nay, những kẻ lập quyết định vẫn không chọn đường lối đó vì không vượt qua nổi các hạn chế về ngoại giao và chính trị nội bộ. Nghĩa là, chúng tôi bị lẫn lộn trong chủ trương “đánh mà đừng thắng”. Nếu chúng tôi hất tung các hạn chế đó, ném toàn bộ sức mạnh hải và không quân vào cuộc chiến thì lúc đó, Hồ Chí Minh bị buộc phải nhanh chóng ngưng lập tức cuộc chiến tranh xâm lược của ông ta. Hai tiếng “chiến thắng” không làm tôi hoảng sợ như nó đang làm cho một số người hoảng sợ — nhưng để đạt chiến thắng, chúng tôi cần vận dụng ý chí quốc gia tới mức độ đầy đủ nhất của nó. Không phải chỉ vì đã chịu một hai bước thoái bộ tại rừng núi và nông thôn ở Việt Nam mà chúng tôi có lý do để bỏ rơi những nguyên tắc về sự cao cả, tự do và can trường vốn là đặc trưng của quốc gia chúng tôi từ khi nó ra đời... Trong khi thân phụ tiếp tục tra chuốt quan điểm của ông bằng những cụm từ nghe thật kêu, Joseph chợt cảm thấy có nỗi thôi thúc đứng lên xin lỗi và rút lui khỏi cuộc phỏng vấn. Vì sau khi xuất viện tại Sài Gòn, Joseph bay thẳng đến Luân Đôn để gặp Naomi và ở lại Anh cho tới khi cả hai làm lễ cưới, nên đã hơn một năm hai cha con không gặp nhau. Lúc này, qua màn ảnh vô tuyến, việc khám phá ra rằng quan điểm cũng như thái độ của thượng nghị sĩ không giảm thiểu chút nào sau cái chết của Guy và Gary làm anh choáng váng và buồn thấm thía. Joseph thấy mình đang tự hỏi một cách phi lý rằng có phải việc thượng nghị sĩ tiếp tục điếc đặc một cách kiên quyết đối với số lượng ý kiến phản chiến ngày càng tăng, là phát xuất từ lòng tin tưởng thật sự hay chỉ vì ông không chịu đựng nổi việc thừa nhận rằng đưa con trai mà ông bất hoà với nó suốt đời, lần này lập trường của nó có thể hữu lý. Trong khi giọng rề rề của cha tiếp tục vang lên sang sảng, Joseph

cũng bắt đầu lo ngại rằng khi tới hồi sắp kết thúc, cuộc hội thoại tay ba này có thể làm lộ rõ những dị biệt trong cuộc sống giữa hai cha con hơn là phô bày sự ủng hộ của anh đối với việc Hoa Kỳ rút chân ra khỏi Việt Nam. Và khi hướng sự chú ý của mình về những gì đang được phát biểu từ Washington, Joseph kinh hãi nhận ra rằng lời ứng đối của thượng nghị sĩ đã trở nên cá nhân một cách sâu xa:

- ...Có lẽ tôi nên làm rõ ra rằng Joseph, con trai tôi, và tôi, chúng tôi chưa bao giờ có chung quan điểm...

Nathaniel vừa nói vừa giữ một nụ cười quyến rũ để hoá giải tính chất độc địa trong lời lẽ của mình:

- Việt Nam không phải là vấn đề đầu tiên mà cha con chúng tôi bất hoà nhau. Về mặt tính khí, Joseph lúc nào cũng có khuynh hướng thoả hiệp hơn tôi; vì thế lập trường mà nó đưa ra trong cuốn sách này quả thật không khiến tôi ngạc nhiên bao nhiêu — dù tôi lấy làm tiếc khi thấy con trai mình đang chủ trương rằng chúng tôi nên cắt đứt và tháo chạy khỏi cuộc chiến tranh ấy bằng một cung cách mà sẽ mang lại sự nhục nhã cho xứ sở của chúng tôi.

Người dẫn chương trình cảm nhận được tâm trạng của Joseph đang càng lúc càng căng thẳng khi cha anh đối đáp nên anh ta quyết định không đặt câu hỏi xen kẽ nào. Thay vào đó, anh ta chỉ nhường đôi lông mày và ngửa lòng bàn tay về phía Joseph, ý nói Joseph có toàn quyền trả lời.

Joseph nói với giọng căng thẳng:

- Tôi chỉ muốn giới hạn ý kiến của mình trong phạm vi các vấn đề được nêu ra. Vì tôi nghĩ rằng cái ý tưởng nguy hiểm nhất trong mọi ý tưởng là khi chúng tôi phát biểu rằng chúng tôi nên dồn nỗ lực quân sự mạnh mẽ thêm nữa. Nếu chúng tôi đưa một triệu lính Mỹ vào Việt Nam thì lúc ấy, họ sẽ gây thêm tan hoang và thậm chí hủy hoại những gì còn lại của xứ sở đó. Cuộc không tập của chúng tôi tại Bắc Việt không đóng góp chút nào vào những thành quả quân sự tại Miền Nam. Chúng không những đã chẳng bảo vệ binh lính của chúng tôi được chút đáng kể nào mà còn tạo cho chế độ Hà Nội có lý do cụ thể và cấp bách để khích động quân chúng Miền Bắc quyết tâm hy sinh thêm nữa, kéo dài cuộc chiến thêm nữa và

đánh bại chúng tôi...

Không để người dẫn chương trình có thì giờ xen lời vào, Nathaniel cất tiếng nhanh như chớp:

- Thừa điều dẫn viên, tôi hoàn toàn không đồng ý chút nào với nhận xét đó. Nếu muốn đổi đầu thành công với sự gây hấn của Cộng Sản thì chúng tôi cần hoạt động triệt để và cần huy động toàn bộ sức mạnh của đất nước vĩ đại của chúng tôi. Nhân dân Virginia, những người mà tôi đại diện, cũng giống như đại đa số nhân dân Hoa Kỳ, họ đều là những người yêu nước và cũng giống như tôi, hàng ngàn người đã mất con mất cháu tại Việt Nam. Cũng giống như tôi, họ đều tin tưởng rằng những tên Cộng Sản xâm lược Miền Nam ấy phải bị trừng phạt.

Ông lại ngừng một chút và mắt long lanh phản chiếu sự mãnh liệt trong lời ông sắp nói:

- Họ không giống như con trai của tôi! Đối với họ, niềm tự hào về xứ sở của mình không phải là một tội lỗi!

Cứng người trong lòng ghế, Joseph nhìn lên màn ảnh đang phóng lớn hình ảnh của thân phụ. Anh nói, giọng sắc gọn:

- Tôi chẳng bao giờ lên án bất cứ người nào chỉ vì họ tự hào về xứ sở của họ hoặc vì họ chống cộng. Nhưng cái loại tự hào giả dối và ngoan cố khiến cho một người hoặc một quốc gia không thể nào thừa nhận rằng mình đang làm lẫn thì cần phải xem đó là loại gì — đó là một cung cách đi tới tai họa!

Tại Washington, Nathaniel Sherman rít mọi hơi dài điều xì-gà ông vừa châm. Trong một vài giây, ông cân nhắc làm sao kết thúc một cách đầy nhiệt tình khi người dẫn chương trình “Toàn Cảnh” mời ông phát biểu ý kiến đúc kết. Rồi thêm lần nữa ông đưa mắt lên nhìn thẳng vào ống kính, và thêm lần nữa nở một nụ cười đáng tiếc mà suốt cuộc thảo luận, lúc nào cũng lấp lánh trên vẻ mặt ông:

- Thừa điều dẫn viên, thật không phải là không có tác động lên độc giả của cuốn “Người Mỹ Bị Phản Bội” khi sách ấy đề cập tới các lãnh tụ của đối phương như Hồ Chí Minh và tướng Võ Nguyên Giáp với những diễn đạt bằng lối nói đầy tôn trọng. Cuốn sách ấy cũng trình bày việc tác giả của nó từng gặp gỡ và làm việc ra sao bên cạnh những kẻ đó trong thời gian anh ta công tác cho OSS tại

Đông Dương năm 1945. Một số người điếm sách ở đây, tại Hoa Kỳ, kết luận rằng những ảnh hưởng thuở trước ấy tồn tại trong tâm tư tác giả mạnh mẽ hơn những sự kiện gần đây. Một số khác còn vạch ra rằng cuốn sách ấy được xuất bản trong thời điếm tác giả của nó rời Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ đến sống tại Vương quốc Anh. Tôi tin rằng những người điếm sách ấy thậm chí còn có ý gợi cho thấy nhan đề của cuốn sách ám chỉ một cách xác đáng tới việc tác giả của nó quyết định quay lưng lại với di sản dân tộc đầy tự hào của mình hơn tới bất cứ việc nào nước Mỹ đang thực hiện tại Việt Nam nhằm ngăn chặn sự bành trướng của Cộng Sản trên khắp thế giới.

Thượng nghị sĩ dừng lại, rít một hơi dài xì-gà, rồi thêm lần nữa mỉm cười nhìn thật sâu vào ống kính máy thu hình:

- Vì tác giả cuốn sách đó là con trai của tôi nên tôi xin được bác bỏ lời lên án của những người điếm sách ấy — nhưng với tất cả lòng chân thật, tôi buộc lòng phải thú nhận rằng, xét theo bề ngoài thì dường như họ cũng có được một đôi điếm.

Vì đang sôi giận, Joseph cảm thấy mình không thể nhìn lên màn hình đang chiếu bộ mặt tươi cười của cha. Và biết rằng ống kính đang chĩa thẳng vào mình, anh cố giấu cảm xúc nhưng mặt anh tái mét và các đốt ngón tay trắng bệch trên thành ghế.

- Ông có muốn trả lời thật ngắn gọn không, thưa ông Sherman?

Người dẫn chương trình vội vàng hỏi câu đó trong khi người điều hành tại chỗ ra hiệu với anh ta rằng sắp sửa bắt đầu nhạc hiệu để từ từ kết thúc chương trình. Joseph lắc đầu ảm đạm:

- Tôi chẳng có gì để nói thêm.

Người dẫn chương trình chưa kịp chặn lại, Joseph đã đứng bật lên, sai chân qua phòng thu hình, bước vào chỗ tối. Naomi Boyce-Lewis đang đứng phập phồng quan sát cuộc hội thoại viễn thông trực tiếp ấy từ vị trí một bên cửa phòng thu hình, đưa tay ra an ủi Joseph khi anh bước tới phía nàng nhưng anh gạt qua một bên. Hai lá cửa phòng thu hình bật lui bật tới kêu lắc cắc trên bản lề, và Joseph giận dữ tiếp tục đi thẳng một mạch ra hành lang đầy bóng tối ở bên ngoài.

Thoạt đầu, đạo diễn của chương trình dội ngược vì sự bỏ đi bất

thần của Joseph nhưng rồi kịp thời trấn tĩnh, ra hiệu cho chuyên viên thu hình tiếp tục quay chiếc ghế của Joseph, trống trải và gay cấn. Đằng sau nó, hiện ra mờ hình ảnh của Nathaniel Sherman qua vệ tinh viễn thông. Dưới ánh đèn chói lọi trong phòng thu hình ở Washington, ông vẫn giữ vẻ kiên quyết, bập bập điều xì-gà và cười tự tin nhìn thẳng vào ống kính cho tới khi nó lần lượt chiếu xong danh sách những người thực hiện cuốn phim.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 19 -

Từng đoàn xe dò và xe buýt đậu kế tiếp nhau, chiếc này nối đuôi chiếc kia, dàn thành hàng dọc bên lề các con đường bên ngoài Nhà Trắng trông như thể những cỗ xe ngựa bốn bánh mui trùm vải bạt làm thành vòng đai bọc kín một ổ đề kháng tại vùng Viễn Tây Hoa Kỳ thuở nào. Nhưng xuyên qua màn mưa tuyết đang dồn dập kéo về lúc nửa đêm Thứ Sáu ngày 14 tháng Mười một năm 1969, ngay tại con tim của Washington, thay vì đoàn người da đỏ hí vang và xông tới chướng ngại vật gồm những phương tiện vận chuyển ấy, lại xuất hiện một đội hình im lặng gồm toàn những người Mỹ chịu tang, tay cầm ngọn nến thấp sáng, đặt bên trong chiếc ly nhựa nhỏ để che mưa chắn gió.

Họ bước theo nhịp đánh chầm chậm của những chiếc trống mặt bịt vải để ém tiếng cho ra sầu thảm. Trong đội hình đi áp chót gồm bốn chục ngàn người tham gia biểu tình hòa bình “*March Against Death: Cuộc Diễu Hành Chống Thần Chết*” kéo dài bốn mươi tiếng đồng hồ mà mỗi người đeo trước ngực một tấm bảng nhỏ do chính tay mình viết tên một người Mỹ tử trận tại Việt Nam hoặc tên một làng mạc Việt Nam bị tàn phá, Mark Sherman người cứng nhắc, đi lơ lơ giữa đoàn biểu tình. Anh cử động như một xác chết biết đi, miệng mở lớn, mặt căng thẳng đầy vẻ đờ đẫn ngây dại, khiến người ngoài nhìn vào có thể cho rằng anh đang cười mỉm hoặc cũng có thể đang nhăn nhó vì đau đớn.

Một người trong ban tổ chức biểu tình để ý tới hiện tượng đó. Và mặc dù bận rộn tất bật, anh ta vẫn nhíu mày lo lắng khi thấy một chuyên viên thu hình đang quay phim những người diễu hành đi đằng trước. Anh ta lật đặt bước tới bên mẹ của Mark cũng đang đi với con và khẩn trương thì thầm vào tai Tempe. Sau khi anh ta đi khuất, Tempe đưa tay dịu dàng quàng lên vai Mark, êm ái vỗ về

con một lúc thật lâu như thể đồ dành một đứa bé. Mark lắng nghe, vẻ mặt dần dần dịu lại rồi tiếp tục cất chân bước, mắt ngó trống rỗng tới đằng trước, nhìn xuyên qua màn mưa giá lạnh.

Trên tấm bảng nhỏ đeo dưới cổ Mark, những chữ viết bằng sơn tên Gary, anh của mình, đã bắt đầu nhoè nhoẹt và mờ phai vì trời ẩm ướt. Tấm bảng trên ngực Tempe vẽ lem luốc tên “Quảng To”, ngôi làng nơi Gary tử trận. Và Joseph bước đi lạnh lùng sát vai bên kia của đứa con trai thứ, đeo tấm bảng ghi tên của Guy với đầy đủ cả họ và ngày xảy ra cuộc đột kích Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Sài Gòn. Dù bản chất vốn không bao giờ là người hoạt động chính trị, Joseph vẫn đồng ý bay từ Anh sang đây tham gia cuộc tuần hành ngay khi Tempe liên lạc với anh đề nói cho biết rằng Mark cứ nhất quyết tham dự vì biến cố này hình như đang trở thành một cuộc tụ họp biểu dương chính trị lớn nhất và chưa từng xảy ra trên đất Mỹ. Tempe nói với Joseph rằng nàng lo lắng cho tình trạng thần kinh của Mark vốn đang liên tục suy sụp kể từ lúc được thả về mười hai tháng trước đây. Thêm nữa, vì Mark là cháu nội của thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman và là con của tác giả cuốn sách chống chiến tranh Việt Nam nổi tiếng nhất nên anh thường được một số người hoạt động trong phong trào hoà bình tới lui thăm viếng với thiện cảm ngày càng tăng.

Từ ngày trở về Hoa Kỳ, Mark đến sống với Tempe và người chồng sau của mẹ. Tempe kể với Joseph rằng lúc này, tâm tính Mark thay đổi bất thường và chuyển biến cực nhanh. Vừa mới thu mình buồn rầu ủ rũ bỗng dưng nổi cơn thịnh nộ nửa khùng nửa tỉnh. Khi đề cập tới chiến tranh Việt Nam, Mark khẳng khẳng lên án bằng những câu nói làm người nghe nhớ lại những câu tự kiểm được truyền đi trên đài phát thanh Havana trong khi anh còn là tù binh ở Hà Nội. Tuy thế, Mark không chịu tiết lộ chút nào về chuyện trong tù của mình, kể cả đối với các bác sĩ phân tích tâm lý của không quân lẫn các bác sĩ tâm thần trị liệu do Joseph và Tempe mời tới chữa trị sau ngày anh giải ngũ.

Mark đã quen với việc chấp nhận lời mời tham dự mọi cuộc biểu tình vì hoà bình. Và hề có ai tìm cách ngăn cản, anh liền phát đại phát điên, không kiểm soát nổi. Kết quả Mark trở thành một khuôn

mặt quần chúng, bi thảm và âm u. Sự hiện diện của anh tại một số cuộc biểu tình vì hoà bình bị khai thác triệt để.

Đi bên cạnh Mark, thỉnh thoảng Joseph đưa mắt nhìn con, sẵn sàng nở nụ cười thân thiện và khích lệ. Nhưng Mark vẫn tỏ vẻ thờ ơ hững hờ đối với cha y như từ lúc mới được phóng thích và giữ đầu thật thẳng, mắt ngó miệt mài tới đằng trước. Thậm chí khi Joseph cố gợi chuyện bằng những nhận xét về thời tiết hoặc cảnh tượng trên đường đi, Mark vẫn tiếp tục không chút ngó ngàng tới cha.

Cùng với một nhóm nhỏ các đồng bào khác có quan hệ với những người đã chết tại Việt Nam, Mark, Tempe và Joseph đi trong một phái đoàn đặc biệt, ngay chính giữa nổi bật vóc dáng gầy guộc và mái tóc bạc phơ của Tiến sĩ Y khoa Benjamin Spock. Ông là một bác sĩ lừng danh với cuốn sách bất hủ về vấn đề chăm sóc ấu nhi với nội dung chỉ bảo cho nhiều thế hệ cách làm thế nào nuôi dưỡng con thơ của họ.

Spock trở thành người chỉ trích nổi tiếng và đầy nhiệt tình cuộc chiến tranh Việt Nam, một cuộc chiến lấy đi đời sống của hàng triệu thanh niên đã được ông góp phần hướng dẫn vượt qua những nỗi nguy hiểm thời thơ ấu. Lúc này, vào mùa thu năm 1969, đối với phong trào hoà bình, Spock bỗng chốc trở thành nhân vật biểu tượng cho người cha và càng ngày càng lôi cuốn vô số người biểu tình trẻ tuổi thuộc tầng lớp trung lưu da trắng. Ông dẫn đầu “Cuộc Diễu Hành Chống Thân Chết” kể từ lúc trời chạng vạng tối hôm qua, và đi không ngừng nghỉ xuyên qua thủ đô của quốc gia.

Bên phải hàng đầu của một đội hình đặc biệt đi kế nhóm của Joseph có một nhà hoạt động người Việt. Ông tuổi khoảng bốn mươi lăm, màu da Á Đông vàng nhạt, đầu tóc đen cắt khá ngắn với bộ mặt lạnh lợi trên một thân mình mảnh khảnh trong bộ cà sa màu nâu sậm. Đó là nhà sư Thích Nhất Hạnh. Chào đời tại một tỉnh phía bắc Huế, ông đặt chân vào thiền môn lúc bắt đầu tuổi thanh niên, sau đó, nhanh chóng nổi bật nhờ những vận động nhập thế và hiện đại hóa giáo hội. Ông là nhà văn, nhà thơ, giáo sư đại học, nhà hoạt động xã hội và có hoài bão trở thành một thiền sư. Trong một bài thơ nổi tiếng được phổ nhạc và hát trong những buổi sinh hoạt của thanh niên sinh viên, ông bày tỏ hạnh nguyện

tha thiết nhất của kiếp người là chết cho quê hương và được cùng anh em đứng lên phát cao ngọn cờ nổi liền nam bắc. Là một diễn giả năng động và hùng biện trong giới phản chiến tại Hoa Kỳ, ông gây nguồn cảm hứng sinh động cho họ qua cuốn sách nổi tiếng “Hoa Sen Trong Biển Lửa” in bằng nhiều thứ tiếng Anh, Việt, Đan Mạch, Nhật và Ý... Nhân danh đạo pháp và những đau thương của dân tộc, ông cổ vũ cho một giải pháp chấm dứt chiến cuộc trong đó đặt căn bản trên sự công nhận MTGPMN như một tập thể gồm đa số những người yêu nước chống đế quốc và trên niềm tin Phật tử hai bên chiến tuyến sẽ đóng vai trò chủ động hòa giải và hòa hợp dân tộc. Tháng Sáu năm 1966, ông xuất hiện tại một Ủy ban của Thượng nghị viện Hoa Kỳ với Bản Tuyên Cáo đề nghị một giải pháp chấm dứt chiến tranh, khởi đầu bằng việc phía Mỹ Việt đơn phương chấm dứt oanh tạc ở cả hai Miền Nam bắc, giới hạn hoạt động quân sự của mình trong phạm vi tự vệ, và chờ phản ứng của Mặt Trận. Sự có mặt của nhà sư nhiệt đới ấy trong cuộc điều hành dưới trời giá lạnh đêm nay là một nguồn khích lệ lớn lao cho những thành phần muốn Hoa Kỳ rút khỏi Việt Nam tức khắc và vô điều kiện.

Nửa triệu người tham gia cuộc biểu tình lên đường bằng đường bộ, xe lửa hoặc máy bay. Họ tràn vào Washington đúng ngày giờ đã định, để đẩy cuộc biểu tình lên cực điểm của nó bằng một cuộc tuần hành quanh Đài Tưởng Niệm Washington vào hôm sau.

Joseph đồng ý sẽ phát biểu trước đám đông cùng với những nhân vật nổi tiếng trong các lãnh vực nghệ thuật, chính trị và kỹ nghệ giải trí. Cuộc tuần hành ảm đạm kéo dài hai ngày ấy đã được dàn dựng như một khúc dạo đầu đầy kịch tính cho một cuộc biểu tình vĩ đại. Suốt ba mươi tiếng đồng hồ, dân chúng xếp hàng dọc lên tới một trăm ngàn người tham gia tuần hành, chia thành vô số đội hình. Cứ cách vài phút mỗi đội hình nối tiếp nhau lên đường từ Nghĩa trang Quốc gia Arlington trên bờ nam sông Potomac, lòn qua cầu Memorial Bridge lộng gió trong chặng đường hành hương thứ nhất của mình, vừa đi vừa đưa thân che cho ngọn nến đang cháy sáng trên tay.

Cuộc hành trình dài sáu cây số rưỡi đưa đoàn người đi dọc theo

Đại lộ Constitution tới hàng rào quanh Nhà Trắng, tiếp giáp Nam Portico. Ở đó, trong tầm nghe của Tổng Thống Richard Nixon, đoàn người dừng lại để đọc thật lớn danh tính những người Mỹ tử trận được viết sẵn trên tấm bảng nhỏ mỗi người đeo trước ngực. Cử chỉ chịu tang cho những kẻ hoàn toàn xa lạ với đoàn người biểu tình đã làm nước mắt của nhiều người nhỏ xuống thành dòng hoà với nước mưa đầm đìa trên má.

Rồi đoàn người xúc động ấy không cảm nỗi lòng mình khi lê bước chân khốn khó đi dọc theo Đại lộ Pennsylvania, mắt hướng tới mục tiêu kế tiếp. Đó là vòm cao chan hoà ánh sáng của Điện Capitol đang lơ lửng như một bóng ma xanh xao giữa bóng tối lạnh giá bên trên khung trời thủ đô. Bên dưới mái vòm và trên bãi cỏ phía tây, mười hai chiếc quan tài bằng gỗ thông với nguyên mặt ván để sẵn sùi, được sắp thành hàng dưới ánh sáng chan hoà ấy.

Tại đó, đoàn người diễu hành dừng chân, gỡ chiếc bảng nhỏ dưới cổ mình ra rồi kính cẩn đặt vào lòng áo quan với cử chỉ tiếc thương đầy buốt nhói. Cùng lúc ấy, họ cũng thổi tắt lịm ngọn nến do chính mình cầm theo từ Nghĩa trang Arlington tới đây, để tưởng niệm bốn mươi lăm ngàn sinh mạng Mỹ đã tử biệt tại chốn Á Đông xa xôi. Và hành động chung cuộc này không khỏi khiến cho nhiều người đàn ông lẫn đàn bà cũng như các thiếu nữ tham dự bật khóc nức nở.

Khi đoàn người có bác sĩ Benjamin Spock đi tới vòng tròn gồm các xe đồ kết thành chướng ngại vật vây quanh Nhà Trắng, đêm vừa quá nửa khuya Thứ Sáu. Tempe nhìn Joseph với ánh mắt khắc khoải và cảnh giác. Nàng đi thật sát Mark, nắm cánh tay con. Joseph cũng cặp vào sát hơn và nắm khuỷu tay Mark. Trước đó, Tempe đã nói riêng với Joseph rằng nàng e ngại việc gọi tên Gary có thể gây xúc động cực kỳ dữ dội cho Mark và vì thế cả hai hiệp ý là sẽ làm tắt cả những gì có thể để khiến Mark đừng để tâm tới khoảnh khắc ấy.

Con mưa lạnh giá thổi tạt vào mặt đoàn người tuần hành khi họ tới gần địa điểm đã định, đối diện với các cửa sổ tầng thứ nhì của Nhà Trắng nơi những người biểu tình tới trước họ đang cất cao giọng xướng danh những người đã chết với đầy đủ họ và tên. Giọng đàn

ông hầu hết khản đặc và giận dữ còn giọng đàn bà và thiếu nữ nghe nhẹ hơn mà ghen ngào hơn. Tới khi nhịp điệu tang tóc và những bài ca ai oán cùng cất lên với tiếng trống càng lúc càng lớn, Joseph cảm thấy ở sát bên anh, con trai anh càng lúc càng căng thẳng.

Thoạt đầu, Mark giữ đúng những qui định nghiêm ngặt của ban tổ chức tuần hành. Anh dừng chân đúng địa điểm đã định, đứng xếp hàng một và quay mặt nhìn về phía Nhà Trắng. Mark réo lên:

“Gary Sherman! Charles County, Virginia!” với giọng thật lớn và tuyệt vọng, rồi ngoan ngoãn đứng yên trong khi tới lượt Joseph rồi Tempe gọi tên của Guy Sherman và làng Quảng Tơ.

Thế nhưng tới khi người phụ trách trật tự của đoàn biểu tình ra hiệu cho Mark bước sang một bên và tiếp tục đi tới, anh có vẻ như không nghe. Trật tự viên gọi lần nữa thật lớn và bước tới phía Mark nhưng anh không quay lại cũng chẳng cất bước. Lập tức việc Mark không chịu di chuyển khiến cho hàng người có kỷ luật và đang bước đều đặn bị đứt quãng. Nhịp đi của đoàn biểu tình bị chững lại. Cả Joseph lẫn Tempe đều thúc giục Mark bước tới bằng những câu nói dịu dàng. Nhưng đột nhiên, anh vùng thoát khỏi tay nắm của cả cha lẫn mẹ và bắt đầu gào đi gào lại tên của Gary với giọng cực lớn, thất thanh và hoang dại.

Mark vừa gào vừa lao mình tới hàng rào bao quanh Nhà Trắng, rồi anh nhảy lên túm các mũi nhọn trên đầu hàng rào. Trong vài ba giây, thân hình Mark đông đưa ở đó, miệng vẫn gào thét. Rồi không biết vì lý do gì, anh xoay mình lại đối mặt với đám đông biểu tình, hai tay vẫn níu chặt phần trên cùng của hàng rào. Vài trật tự viên lao tới cố kéo người Mark xuống nhưng anh vùng vẫy dữ dội, hai chân lia lịa đá văng họ. Cứ thế, anh tiếp tục treo mình lơ lửng nơi mé trên hàng song sắt như chim phượng hoàng soãi cánh, in nghiêng bóng thân mình quằn quại lên trên hậu cảnh là Nhà Trắng chan hoà ánh sáng.

Khi các toán truyền hình và phóng viên nhiếp ảnh ủa tới lấy hình sự cố ấy, đèn cao áp truyền hình chói lọi làm hiện trường rực sáng thêm và các trật tự viên không thể tiếp tục dùng sức mạnh để lôi Mark xuống khỏi hàng rào. Joseph cố thăm lặng thuyết phục con mình bước xuống nhưng Mark chẳng để ý chút nào tới nỗ lực của

cha. Tempe cũng van nài con suốt mấy phút nhưng không có kết quả nên cam đành đứng ngó. Sau đó, ba cảnh sát viên phải dùng dùi cui nện nhiều lần lên các ngón tay của Mark để anh buông hàng rào. Cuối cùng, vừa rơi mình xuống đất, Mark bật khóc nức nở. Anh không bị bắt giữ vì nhờ có một trật tự viên lớn tuổi can thiệp bằng cách âm thầm giải thích cho cảnh sát về trường hợp của anh.

Đứng bên Joseph, Tempe bắt lực đắm đắm nhìn con. Khi Mark trấn tĩnh lại, nàng cố năn nỉ con rời cuộc điều hành nhưng Mark, với vẻ mặt kiên quyết và ử dột, tiếp tục đi dọc Đại lộ Pennsylvania tới Điện Capitol, chân bước lảo đảo dưới trời mưa và thỉnh thoảng mút các ngón tay rướm máu của mình. Trước dãy quan tài bằng ván thông không bào, khó nhọc lắm Mark mới gỡ được tấm bảng mang tên Gary ra khỏi cổ. Và lúc đó, tấm bìa trắng ấy dính lem luốc vết máu từ các ngón tay Mark vấy lên.

Sau cùng, với hai mắt đầm đìa lệ, Tempe đặt tấm bảng nhỏ ấy vào lòng quan tài dùm cho con. Mark đứng chằm chặp nhìn tấm bảng một hồi lâu. Khi mẹ dịu dàng chạm khuỷu tay anh, Mark chợt nhớ tới cây nến mình mang theo cho Gary. Anh đưa hai ngón tay lên, chằm chằm bóp tắt ngọn lửa. Kế đó, Tempe cố dẫn Mark đi nhưng anh nhất quyết đứng lại. Khi các hàng người tuần hành đằng sau tiến lên dãy quan tài, Mark bước tới và lần lượt bóp tắt từng ngọn nến của họ. Mỗi lần làm như thế, anh để yên ngón tay mình trong ngọn lửa một vài giây trước khi bóp lịm nến. Rồi sau cùng, khi Tempe thuyết phục được con bước đi, một bàn tay của Mark da đã hoá đen sì và cháy thành than.

Joseph nhìn xuống bộ mặt đang thêm thiếp ngủ của Mark và nói rầu rĩ:

- Tempe ạ, khủng khiếp quá. Giá như anh đừng bao giờ gây ra, giá như anh đừng ngu ngốc đến thế có lẽ chẳng bao giờ xảy tới chuyện này.

Tempe hỏi lại bằng giọng thì thầm, hầu như không nghe rõ:

- Anh có ý nói gì vậy?

- Nếu anh không bỏ em mà đi có lẽ cả hai đứa con trai không đưa

nào chọn nghiệp nhà binh như chúng đã làm. Có lẽ Gary sẽ không chết và Mark sẽ không bị...

Giọng Joseph nhỏ dần rồi nín lặng. Cả hai cùng đứng yên ngó bộ mặt xanh xao và hốc hác của con trai.

Khi Mark cùng với cha mẹ về đến ngôi nhà cũ của thân phụ Joseph tại Georgetown trời đã gần hai giờ sáng. Tempe lập tức cho mời bác sĩ ở gần gia đình tới săn sóc hai bàn tay của Mark và cho uống thuốc giảm đau loại mạnh. Thượng nghị sĩ hiện ở tại toà nhà đồn điền nơi Hạt Charles mấy tuần nay. Sau cuộc biểu tình, Joseph đề nghị mang Mark tới thẳng Georgetown để tránh cho mình khỏi bị bối rối khi gặp người chồng của Tempe. Trước khi ra về, bác sĩ bảo Joseph rằng liều thuốc giảm đau ông vừa cho Mark uống đủ đảm bảo Mark ngủ yên ít nhất mười hai tiếng đồng hồ. Và ông nhận lời sau thời điểm đó sẽ trở lại để khám Mark thêm lần nữa.

Nằm ngủ trước mặt cha và mẹ, vẻ mặt thảm thiết và xanh xao lạ thường của Mark cùng nước da vàng vọt yếu ớt khiến anh trông có vẻ thê lương hơn bao giờ hết. Tempe phải nhắm mắt xua đuổi hình ảnh đó. Rồi quay mặt nhìn nơi khác, nàng nói trầm giọng:

- Joseph ạ, anh tự trách anh nhiều quá. Có bao giờ anh nghĩ rằng chính tính khí của Gary đã khiến quân đội trở thành một chọn lựa lý tưởng cho nó — và rằng ngay từ hồi nhỏ có thể Mark đã muốn theo nghề bay vì cha của nó từng là phi công?

- Nhưng đó là công việc anh bị bắt buộc phải làm — anh không bao giờ đặt chân vào nghiệp bay nếu chiến tranh không xảy ra.

Tempe trả lời:

- Em biết, nhưng mấy bức ảnh “Phi Hổ” cũ Mark thấy treo khắp nhà khi nó còn bé đã kích thích trí tưởng tượng của nó. Rồi tới một ngày nọ, nó tìm thấy cái này trong một ngăn kéo và hỏi em có biết đây là cái gì không.

Nàng quay qua Joseph, mở bàn tay ra. Joseph thấy chiếc chân thỏ thưở xưa nằm trong lòng tay Tempe.

- Đi đâu Mark cũng mang theo cái này — kể cả tới nay, nó vẫn mang theo trong người.

Joseph sững sờ nhìn Tempe chăm chú. Khi nàng xoay lưng bước ra khỏi phòng ngủ, anh im lặng đi theo. Nơi phòng khách lớn, nàng

ngồi lún mình trong lòng ghế nệm, mệt mỏi nhắm mắt lại. Ở tuổi trung niên, tóc Tempe bắt đầu điểm bạc, mặt xanh xao với vẻ mệt mỏi nhưng nàng vẫn là một phụ nữ điềm tĩnh và xinh đẹp. Và dù Tempe đang phiền muộn ra mặt, Joseph vẫn phải công nhận nàng lúc nào cũng giữ được phong thái tự chủ và trầm lặng. Anh nói với giọng chân thành:

- Tempe ạ, anh thật sự vui mừng khi thấy em tìm được hạnh phúc với người khác. Em xứng đáng được như vậy.

Tempe không trả lời cũng chẳng mở mắt nhìn Joseph. Ngay lúc ấy, một người hầu gái bước vào phòng mang theo ấn bản buổi tối của tờ Washington Post vừa được người đưa báo của công ti Post thường xuyên và cấp tốc giao thẳng tới nhà theo lệnh đặt hàng của thượng nghị sĩ. Khi Tempe đặt tờ báo xuống mặt bàn thấp, mắt Joseph bắt gặp tấm hình trên trang nhất, anh vội vàng đứng dậy, cầm tờ báo lên để Tempe khỏi nhìn thấy nó.

Hình ảnh lồ lộ của Mark giang hai tay trong tư thế bị đóng đinh vào mặt tiền Nhà Trắng chan hoà ánh sáng được phóng lớn suốt chiều ngang bốn cột báo, và người viết lời chú giải không để vượt ý nghĩa tượng trưng đầy bi thảm hàm chứa trong bức ảnh. Xoay người quay lưng lại với Tempe, Joseph đứng nhìn đắm đắm bức ảnh, gần như không để ý tới tiếng chuông điện thoại reo vang nơi tiền sảnh.

Khi người hầu gái trở lại nói với Tempe có điện thoại gọi nàng, Joseph không nhìn lên. Một giây sau, Tempe trở vào phòng khách và tới sát bên anh. Nàng nói, giọng run lẩy bẩy:

- Joseph, điện thoại gọi từ nhà nơi đồn điền. Chuyện của cha anh — ông bị đột quỵ. Bác sĩ nói ông chỉ còn sống được vài giờ nữa thôi, và yêu cầu anh tới gặp ông ấy ngay.

Joseph nhìn nàng, mắt trống rỗng, chẳng nói gì. Tempe bảo dịu dàng:

- Xe em đang đậu ngoài kia. Nếu anh muốn, em chở anh tới đó.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Bảy - Chúng Tôi Tranh Đấu Đã Ngàn Năm - 1968

- 20 -

Khi Joseph và Tempe tới toà nhà trên đồn điền nhìn xuống dòng sông James, trời đã hơn năm giờ sáng. Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman đang nằm trong chiếc giường nơi tướng Robert E. Lee từng ngủ lại nhiều lần. Hậu quả cơn đột quỵ làm liệt nửa người bên trái và tác động cả lên mặt nhưng ông vẫn còn đủ tỉnh táo để nhận biết những gì diễn ra chung quanh. Nhờ vậy, Nathaniel đã ra lệnh cho gia nhân mang ông tới căn phòng nhỏ nhìn xuống mạn nam dòng sông rồi đặt ông vào chiếc giường lâu đời có bốn cọc móng mà hơn một trăm năm trước, vị đại tướng lừng danh của phe ly khai thời Nội Chiến Nam-Bắc mỗi lần ghé thăm thường ngủ ở đó. Khi Joseph và Tempe mới thành hôn, Tempe tân trang để dùng làm giường của hai vợ chồng. Sau ngày hai người ly dị, thượng nghị sĩ cho phục chế giống như nguyên thủy.

- Anh chỉ mong bố không muốn nhân dịp này làm một cuộc trình diễn cuối cùng trong phòng trưng bày ấy!

Joseph chán chường đưa lời nhận xét như thế khi Susannah, em gái anh, ra tận cửa đón anh, và chỉ cho anh đi lên theo vòng cầu thang to lớn xoắn ốc, làm bằng gỗ óc chó.

Susannah mặt vẫn không bớt vẻ ủ dột khi chào và ôm anh cùng Tempe. Kế đó, nàng đưa Tempe qua phòng khách để Joseph có thể một mình đi lên. Dù lúc còn ở Washington, tin cha hấp hối không làm Joseph quá đỗi xúc động nhưng vừa đặt chân vào phòng, anh cảm thấy choáng váng trước cảnh tượng một hình hài khốn khổ vì bệnh tật, nằm ngửa người trên hàng gối trắng tinh trong chiếc giường treo đầy màn trướng.

Đôi mắt ông lão nhắm, có vẻ như đang ngủ. Nhưng cơn đột quỵ làm phần mặt bên trái méo xệch, trông rất quái đản. Má Nathaniel co rút thành hai hốc trũng màu vàng khè, tương phản với mấy lần

sẹo nhẵn nhịu do tai nạn săn bắn thuở nào, để lộ ra trên mặt và trên cổ ông chỗ trắng phau chỗ xám xịt. Đối với Joseph, dưới ánh sáng lò mờ của ngọn đèn ngủ đơn độc đặt sát bên giường, những đường lằn nhịu lại ấy trông như thể những ngón tay từ vết thương ngày xưa đã làm đứt lìa cánh tay trái của ông giờ đây từ dưới cổ thò lên bầu chặt mặt ông.

Cùng với vẻ dị dạng mới mẻ của một nửa khuôn mặt nằm ngay mé bên trên thân thể ấy khiến Joseph nghĩ rằng, dù gì đi nữa, cái sức mạnh ác liệt từng gây ra vết thương nguyên thủy kia lúc này đang thêm lần nữa vươn ra túm cho bằng được, để kết liễu cho xong cái phần thưởng tối hậu đã từng trốn tránh nó trong quá nhiều năm trời trước đây.

Rùng mình với ý nghĩ đó, Joseph ngồi xuống chiếc ghế đặt sẵn bên giường. Người nữ y tá đang trực trong phòng nhón gót đi ra, đóng thật nhẹ cánh cửa đằng sau lưng anh. Trong lúc ngồi một mình dăm dăm nhìn bộ mặt nhẵn nhịu thâm ấy, Joseph không ngạc nhiên khi nhận ra cảm giác thương xót trước cơn hấp hối của một người — mà trong trường hợp này lại chính là cha của mình — lại bỗng dưng pha lẫn cảm giác giận dữ.

Ký ức về cuộc va chạm đầy cay đắng trên vô tuyến truyền hình chỉ mới mấy tháng trước đây nay vẫn tươi rói và buốt nhói trong tâm tư Joseph. Và với một sức mạnh đáng kinh ngạc, hình ảnh những vết sẹo săn bắn thuở nào giờ đây làm anh sống lại cái cảm giác bị sỉ nhục anh từng nếm trải khi nghe ra câu chuyện sự thật đằng sau cái chết của Chuck.

Trong chuyến xe từ Washington về đây, có mấy lần Joseph tự hỏi chẳng biết chốc nữa mình có thấy cha còn tỉnh táo hay không. Anh cũng tự hỏi chẳng biết mình sẽ có hay không cái cơ hội độc nhất và cuối cùng để thực hiện một điều trước đây mình chưa bao giờ làm nổi — là đối đầu với cha về sự thật cái chết của Chuck. Lúc nào Joseph cũng cảm thấy một cách mơ hồ rằng mình đang nợ Chuck một điều, mà với ký ức của anh về lòng can trường và lương tri của Chuck, anh phải ép cho ra từ miệng cha một lời thú tội hoặc một câu hỏi hận nào đó. Và như thế, suốt mấy chục năm qua, việc không thực hiện nổi điều thôi thúc đó thỉnh thoảng đè nặng lương

tâm của anh. Trong những lúc phần nộ lạnh lẽo nhất, Joseph cũng đã dự tính tiết lộ với cha sự thật về Guy — nhưng lòng hiếu thảo với người mẹ đã khuất và lời anh hứa với bà luôn luôn ngăn anh lại. Trong âm thanh đồng hồ kêu tích tắc bên giường, Joseph cảm thấy thêm lần nữa tự hỏi không biết mình có đủ can đảm để nói ra sự thật ấy hay không nếu người cha đang hấp hối này tỉnh lại. Lạc loài trong nghĩ tưởng, thoát đầu Joseph không để ý lúc cha anh mở mắt. Anh giật mình về với thực tại khi nghe giọng thều thào của cha đang cố nói không thành tiếng. Rồi anh thấy mi mắt trái của ông xệ xuống lấp trùng đen vì nửa người bên ấy bị liệt nên buộc lòng ông phải nheo nheo liếc anh bằng con mắt bên phải. Khoé miệng bên trái của Nathaniel cũng bị liệt khiến ông không thể phát âm rõ ràng. Những lời đầu tiên của ông nghe nghèn nghẹt và rời rạc.

Joseph nói thật điềm tĩnh:

- Bố đừng có rán nói nữa.

Nói tới đây, Joseph kinh hoàng vì sự hư hoại đang diễn ra trước mắt mình. Anh loay hoay lục lọi tâm trí để có thể đưa ra đôi ba lời an ủi. Joseph cố nở trên môi một nụ cười và nói tiếp:

- Bố hãy tin chắc là bố đã được mang vào chiếc giường Tướng Robert Edward Lee nằm thử trước. Con đoán là bố đã mừng tượng ra lúc này người ta phải đặt lại tên cho nó là Giường Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman, đúng không?

Ban đầu Joseph nói mà không nghĩ rằng lời của mình sẽ được nghe ra. Nhưng đột nhiên khuôn mặt méo mó trên nền gối trắng như tuyết ấy sáng lên vẻ thú vị và cái đầu ấy khẽ gật đồng ý. Kể đó nụ cười mới chợt xuất hiện đã nhạt nhoà ngay. Giọng của Nathaniel vẫn líu nhíu nhưng nhờ cúi xuống sát hơn, Joseph có thể hiểu ra ý nghĩa:

- Joseph... Bố sắp chết... Bố biết. Vì vậy bố muốn nói chuyện với con.

Chậm chậm rút bàn tay còn lại dưới mền lên, Nathaniel đưa về phía con. Joseph miễn cưỡng cầm bàn tay ấy trong cả hai tay mình. Ông tiếp tục nói, với giọng rên rỉ:

- Joseph ạ... chúng ta có những cái khác biệt nhau... nhưng bố yêu

cầu con tới đây vì bố muốn con biết... trước khi bố ra đi... rằng bố không để cho việc đó ảnh hưởng tới nhận xét của bố về con... về việc bất đồng với bố trước công chúng... cái đó không phải là oán ghét nhau cực độ... Bố không muốn lương tâm con bị ám ảnh về cái đó...

Joseph bần khoản nhìn cha. Bàn tay Nathaniel với năm ngón lạnh giá và mềm rũ như thể chúng đã chết. Nhưng thậm chí cái chết trước mắt cũng không làm suy suyễn chút nào sự cao ngạo bất khả xâm phạm của thượng nghị sĩ. Ông gọi con trai mình đến đây để tỏ lòng tha thứ cho nó trong khi chính ông đã kết án nó trước công chúng với sự gay gắt phi lý và không thể tha thứ.

Joseph nói ảm đạm:

- Bố ạ, chúng ta lúc nào cũng khác nhau.

Người đang lâm chung gật đầu, nhìn lại con trai với một con mắt hấp hêm:

- Con không bao giờ giống Chuck và Guy... Bố nghĩ, con nhạy cảm hơn... giống mẹ con hơn... Con luôn luôn có vẻ rất xa cách bố...

Bàn tay lạnh lẽo ấy ngo ngoạy trong hai bàn tay đang nắm của Joseph:

- Nhưng con mạnh ở các mặt khác. Con là đứa duy nhất sống sót. Chuck và Guy thì đã chết.

Thấy mình có cơ hội, Joseph liền cúi xuống sát hơn:

- Gánh nặng về cái chết của anh Chuck mà cha mang trong mình bấy nhiêu năm trời nay có gay go lắm không?

Con mắt còn lành lặn nhắm lại. Trong một hồi lâu, âm thanh độc nhất trong phòng là tiếng thở khò khè của thượng nghị sĩ. Hai hàng mi Nathaniel chớp chớp và con mắt ấy mở ra:

- Bố đã cố cứu nó... Bố đã làm hết sức mình... Con biết như vậy mà, Joseph... Phải không?

Joseph nhìn lại cha với vẻ chẳng thể nào tin nổi. Một lát sau, mặt anh xoay về phía khung cửa sổ không treo màn. Anh tiếp tục nghe bên tai mình:

- Chuck đã có cái xứng đáng cho nó... Nó mạnh mẽ... mạnh cực kỳ, và quyết tâm... nó có ý chí để thành công... đó là lý do tại sao cái

chết của nó là một tổn thất ghê gớm đến thế. Joseph, con hẳn không bao giờ quên việc đó, phải không? Bố nghĩ Chuck có hơi buồn bực... Giống như ông lão cha nó... Giống như thằng Guy em nó... Nhưng bố không xem cái đó là quan trọng... cái đó không phải là khuyết điểm tệ hại nhất của một con người.

Giọng Nathaniel rời rạc, lên xuống theo từng hơi thở đau đớn. Và Joseph cảm thấy trong lòng mình cơn giận sôi lên tới một cực điểm mới. Anh buông tay cha ra và đứng lên. Anh nói với giọng thì thầm và rất dữ dội tới độ bộ mặt hấp hối ấy phải lẹ làng quay sang phía anh:

- Bố lắm khi so sánh Chuck với Guy. Bố lắm hơn bao giờ hết mà bố không biết.

Trong một thoáng, con mắt độc nhất ấy nhìn thẳng lên Joseph rồi dường như tối sầm lại:

- Bố biết... bố biết... Joseph, con không cần phải nói với bố về cái đó... Không người nào có thể sánh với Chuck, không bao giờ, phải không? Không ai cả!

Mặt ông lão bỗng nhăn nhó, méo xệch thêm vì đau đớn và đầu ông bắt đầu lăn qua lăn lại trên gối. Nhìn cha quần quai trong cơn đau lâm tử, Joseph cảm thấy cơn giận vụt tan biến trong lòng mình như một quả bóng xì hơi rất lẹ. Và cùng khoảnh khắc ấy, nỗi thúc bách phải làm thương tổn ông được thay thế bằng cảm giác xót xa thấm thía. Nathaniel đã lừa dối kẻ khác trong một thời gian quá lâu quá dài về vai trò của ông trong cái chết của đứa con trai ông yêu quý. Tới độ cuối cùng ngay cả ông cũng biến thành người tin tưởng vào những lời dối trá của chính ông. Joseph nghĩ, có lẽ ông phải làm như vậy để giúp ông chịu đựng nỗi sự đau khổ đó. Nhưng cái cách ông an trụ vững vàng đằng sau bức tường ảo vọng do chính mình xây lên ấy cũng làm cho ông suốt đời sống cô độc giữa gia đình. Và trong giờ nằm hấp hối này, ông cũng đang chết cô độc không kém.

Khi Joseph đứng nhìn sự sống đang héo úa và tàn tạ trong hình hài quần quai ấy, một ý nghĩ khác lại đánh động anh với một sức mạnh ghê gớm: anh thấy bản thân mình không khác bao nhiêu so với người cha kia, kẻ bất hoà với anh suốt đời.

Anh từng có ấn tượng rằng mình bị đối xử bất công và bị hiểu lầm là trẻ con bởi một người cha mù quáng và không nhạy cảm, kẻ triền miên nhìn cuộc sống một cách đơn giản bằng con mắt của những tổ tiên đã chế ngự các vùng đất hoang dã và nguyên sơ của nước Mỹ với sự kiên quyết về mặt thể chất, không nguôi không giảm. Anh lúc nào cũng có cảm tưởng rằng bản tính rất đa cảm của mình khiến mình hơn hẳn người khác. Và như thế, tới lượt mình, anh đã làm cho hai đứa con trai của anh và Guy chống lại anh. Chính sự duy lý tưởng đầy lãng mạn và điên rồ của anh đã đưa anh tới niềm tin rằng không có gì là không thể thực hiện một khi con người chân thành đáp ứng những thôi thúc phát xuất từ tận đáy tâm tư mình và một khi con người đặt tình yêu sự thật lên trên tất cả mọi sự. Nhưng chính niềm tin ấy đã mang thảm họa tới cho anh, trong cuộc đời của chính anh, và thậm chí còn vượt quá qui mô thảm họa của cha anh.

Rầu rĩ bởi những ý nghĩ đó hơn là vì cơn hấp hối của cha, Joseph quay lưng lại với chiếc giường và đột nhiên rảo bước tới bên khung cửa sổ. Anh đứng một hồi lâu, nhìn ra ngoài, nhìn dọc theo các bãi cỏ đầy bóng tối với bờ gấu và hàng dương chạy dài tới dòng sông. Đêm không trăng nhưng ngoài vườn sáng lờ mờ nhờ ánh đèn hắt ra từ bên trong các cửa sổ không che màn. Khi hai mắt quen dần với bóng tối, Joseph tưởng chừng mình thấy có cái gì đó đang di động trong mấy hàng cây. Nhưng dù nhìn chòng chọc vào bóng tối, anh không thể chắc chắn rằng đó có phải là ánh đèn đang đùa giỡn, đang lừa dối mắt mình hay không.

Đứng trong căn phòng này Joseph nhớ lại chỉ cách đây mấy tiếng đồng hồ, mình đã đứng như thế nào bên một chiếc giường khác tại Georgetown, nhìn xuống bộ mặt của đứa con trai độc nhất còn sống. Đứa con ấy lúc này cũng lạc loài và xa cách anh không kém người cha của anh đang nằm hấp hối kia. Và bất giác Joseph rung mình. Rồi anh mơ hồ nhận ra rằng trong chiếc giường có bốn cọc màn sau lưng mình, hơi thở hút vào và đẩy ra khỏi buồng phổi của cha anh bắt đầu nghe khò khè hơn và nặng nhọc hơn. Nhưng có điều gì đó ngăn anh không quay người lại.

Kế đó, có tiếng rít dài lạnh lãnh và the thé, xé rách màn đêm trong

khu vườn bên ngoài. Theo phản xạ, Joseph rút người lại khi một hình dáng đen đui từ mé tối tắm bên hàng dương bờ giậu phóng vụt lên và lơ lửng bên trên rồi bay ngang thật sát khung cửa sổ. Con công lại rít lên lần nữa khi nó đậu nơi ống khói ngay trên phòng cha anh đang nằm. Những tiếng rít lặp đi lặp lại nghe lòng bùng và âm vang một cách kỳ dị trong ống thông hơi thẳng xuống lò sưởi bên cạnh giường bệnh. Một trận mưa bồ hóng đổ rào rào trong lòng lò sưởi. Và Joseph nghe thật rõ âm thanh khô khốc khản đặc của con công đang xoè đuôi múa trên đỉnh ống khói.

Khoảnh khắc sau, nhịp thở của Nathaniel đột nhiên đứt quãng. Một tràng ho nghèn nghẹt làm toàn thân ông rung chuyển và hơi thở của ông kêu òng ọc thật lớn trong cổ họng đầy nước. Joseph chạy lẹ tới bên giường, quì xuống và cầm bàn tay ông lão. Lòng anh dâng trào nỗi khát khao được thốt ra vài lời sau cùng để an ủi cha, mãnh liệt tới độ lệ trào lên mắt anh. Nhưng Joseph bắt lực nhìn cha lúc này cả người co rúm và vắn vẹo vì cơn đau khủng khiếp.

Thượng nghị sĩ Nathaniel Sherman chẳng còn nghe thấy gì, chỉ có toàn thân ông run rẩy. Rồi đột ngột, mọi rung động ngừng lại và cơ thể trắng bệch tàn tạ ấy dường như chìm xuống, lặn vào mấy chiếc gối trắng.

Joseph còn quì bất động bên giường trong đôi ba phút, cầm bàn tay rũ liệt không còn sinh khí của cha. Rồi anh đứng lên và thềm lặng đi ra cửa. Khi tới bên ngoài, anh thấy Tempe đang đứng chờ, tay dè lên môi. Nàng hỏi, giọng thì thầm khiếp đảm:

- Joseph, tiếng động gì dễ sợ vậy?
- Chỉ là con công bay tới trên ống khói thôi

Anh đưa tay ra cầm bàn tay Tempe và lòng dịu lại khi chạm vào hơi ấm của bàn tay nàng:

- Chẳng có gì phải lo lắng — ông ấy đi rồi.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

TẬP IV - Phần VIII - 1 -

Sau 1975, tướng Trần Độ, nguyên Phó Chính ủy Quân Giải Phóng Miền Nam, người góp phần tích cực trong việc hoạch định cuộc Tổng Công Kích Mậu Thân đã nói với Stanley Karnow, tác giả cuốn *Vietnam: A History* rằng: “Nói thật, chúng tôi không đạt được mục tiêu chính là kích động cuộc tổng nổi dậy khắp Miền Nam.(.) Còn về tác động tại Mỹ thì chúng tôi không có dự tính ấy – nhưng nó lại hóa thành một kết quả rất may mắn.” Để may mắn hơn nữa, Bộ Chính trị rướn thêm hai đợt Tổng Công Kích vào tháng 5 và tháng 9 bất chấp tổn thất xương máu gấp bội đợt thứ nhất. Rốt cuộc, Tổng Khởi Nghĩa chỉ là khẩu hiệu động viên các cán binh đi chết và từ sau năm Mậu Thân 1968, mùa xuân về mang theo lễ kỵ giỗ của khoảng 80.000 người cả bắc lẫn nam.

Với ba đợt Tổng Công Kích, cơ sở nằm vùng bị vỡ, cán binh Cộng Sản từ rừng núi tràn xuống đồng bằng làm môi cho phi pháo, nhân dân thấy rõ “bản lai diện mục” của Hà Nội và MTGPMN. Hà Nội không còn đủ quân giành lại nông thôn, phải rút về rừng núi; hoạt động biểu tình, đấu tranh chống Mỹ và chính quyền tại nội thành, các phong trào hòa bình, phản chiến của một số trí thức và sinh viên yếu hèn; đặc biệt MTGP rơi mặt nạ “tổ chức tự phát của Miền Nam”, và từ nay cứ 10 Việt Cộng thì có 8 người từ Miền Bắc.

Theo tài liệu của MACV, từ tháng 10-1965 đến cuối năm 1968 CSBV đã xâm nhập vào Miền Nam khoảng 600 ngàn quân; trong năm 1968, họ đưa vào khoảng 236 đến 250 ngàn quân; thiệt hại của CSBV (tính luôn cả Việt Cộng) trong năm 1968 là 289 ngàn quân (bị thương, chết, ra hồi chánh, đầu hàng và tù binh). Chính Võ Nguyên Giáp cũng công bố với nữ ký giả Orina Fallaci là đến giữa năm 1969, CSBV đã chết nửa triệu quân.

Thế nhưng cuộc tấn công Tết Mậu Thân lại đạt thành quả tâm lý và chính trị nhờ báo chí và truyền thanh truyền hình khắp thế giới, đặc biệt tại Hoa Kỳ. Nó vô hiệu hóa nhận định của tướng Westmoreland rằng Mỹ và đồng minh đang chiến thắng; đưa tới sự phá sản các chính sách của Johnson về Việt Nam; góp phần chủ yếu vào việc ông quyết định không ứng cử một nhiệm kỳ tổng thống nữa; đẩy mạnh thêm phong trào phản chiến khiến xã hội Hoa Kỳ thêm quẩn quại vì dân chúng chia rẽ; đồng thời dọn đường cho Mỹ đồng ý gặp riêng Bắc Việt tại Paris tháng 5.1968. Năm 1968 cũng là năm tổn thất nặng nề nhất cho HK với số tử thương 14.314, bị thương 150.000 và chiến phí lên tới 30 tỉ mỹ kim.

Lời từ chối tham dự hòa đàm Paris của Nguyễn Văn Thiệu giúp Richard Nixon đắc cử tổng thống. Để thực hiện lời hứa khi tranh cử là sẽ “kết thúc chiến tranh Việt Nam và đạt được một nền hoà bình trong danh dự”, Nixon bắt đầu dọn đường rút quân và chủ động hòa đàm với Bắc Việt. Như thế, chiến tranh VN chuyển sang một giai đoạn khác, đặc biệt sau chuyến Nixon đi Bắc Kinh, Việt Nam không còn là yếu tố quan trọng trong những quyết định chính trị, quân sự và ngoại giao của Hoa Kỳ ở châu Á.

Muốn cho cả hai phía “điều hậu” lẫn “bỏ câu” vừa lòng, Nixon tiến hành trong cùng một lúc các phương án:

- Hiện đại hóa vũ khí, tiếp tế và huấn luyện cho quân đội VNCH phát triển trên một qui mô lớn, theo chính sách được ông gọi là “Việt Nam hoá chiến tranh”. Mục đích là giảm bớt sự can thiệp trực tiếp của HK để rút dần lính đánh bộ Mỹ ra khỏi VN;
- Mở rộng phạm vi oanh tạc của Mỹ và hành quân phối hợp với QLVNCH sang Cambodia và Lào;
- Thả thủy lôi phong toả hải cảng Hải Phòng để ngăn chặn đồ tiếp liệu bằng đường biển từ Liên Xô vào Bắc Việt, và nếu cần thì oanh tạc Miền Bắc để trả đũa những cuộc tấn công của Cộng Sản tại Miền Nam;
- Xúc tiến hòa đàm Paris giữa Mỹ và Bắc Việt; đề nghị góp phần tái thiết Đông Dương 7.5 tỉ mỹ kim, trong đó Hà Nội sẽ nhận được 4.2 tỉ;
- Chuyển quan hệ ngoại giao giữa Mỹ, Hoa và Nga sang giai đoạn

mới và mật thiết hơn. Trung Quốc được nhận vào Liên Hiệp Quốc năm 1971 thay Đài Loan. Nixon tuyên bố tại LHQ là “chấm dứt thời đại đối đầu, chuyển sang thời đại thương thuyết trong tinh thần hiểu biết lẫn nhau”. Năm 1972, ông cùng Cố vấn An ninh Quốc gia, Tiến sĩ Henry Kissinger chính thức thăm Bắc Kinh; trong Thông cáo chung phổ biến tại Thượng Hải, Trung Quốc và Mỹ xác nhận “đều không mưu cầu bá quyền và đều phản đối bất cứ nước nào hay tập đoàn nào cố gắng thiết lập bá quyền ở châu Á”.

Vào tháng 3.1969, có tới khoảng 540.000 quân nhân Mỹ chiến đấu tại VN, nhưng con số cao điểm đó được rút dần từng đợt cho tới khi chỉ còn 27.000 “cố vấn” ở lại vào cuối năm 1972. Dù Nixon thành công trong việc rút từng bước một các lực lượng trên bộ của Mỹ ra khỏi cuộc xung đột, nhưng trong thời gian ông làm tổng tư lệnh quân đội, có hai chục ngàn lính tác chiến Mỹ bị tử trận tại VN. Và trong hai năm đầu của nhiệm kỳ tổng thống, ông thả xuống Đông Dương số bom nhiều hơn số lượng Mỹ thả xuống châu Âu và vùng Thái Bình Dương trong Thế Chiến II. Tới tháng 5.1972, mỗi ngày có khoảng 30 ngàn tấn bom rơi trên Đông Dương với phí tổn 20 triệu Mỹ kim — nhưng chiến tranh vẫn kéo dài.

Đối với dân chúng Mỹ, ảo tưởng về chiến tranh ngày càng tan vỡ khi có sự tiết lộ vào tháng 11.1969 rằng có ba trăm thường dân VN bị lính Mỹ tàn sát tại làng Mỹ Lai 18 tháng trước đó; việc Thượng nghị viện Mỹ rút lại quyết nghị Vịnh Bắc Bộ ngày 24.6.1970 và việc xuất bản vào mùa hè năm 1971 các tài liệu mật bị tiết lộ, được người ta biết tới với cái tên là “Pentagon Papers — Tài Liệu Lầu Năm Góc”. Nó là một bản nghiên cứu chi tiết của chính quyền về sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam kể từ năm 1945 tới năm 1968. Nó cho thấy, một cách đầy kịch tính, qui mô can thiệp của tổng thống Kennedy trong âm mưu lật đổ tổng thống Ngô Đình Diệm và bối cảnh mơ hồ của Nghị Quyết Vịnh Bắc Việt mà nay người ta ngày càng biết rõ rằng đã có sự dằn dưng trước của Mỹ để chọc cho quân Bắc Việt tấn công vào tháng 8.1964, nhằm giúp Johnson rộng tay tiến hành chiến tranh tại VN mà không cần tới lời tuyên chiến chính thức. Tài Liệu Lầu Năm Góc còn là một bản

liệt kê rất đặc biệt và làm người ta choáng váng về những cách thức mà Kennedy lẫn Johnson cố tình lừa dối nhân dân Hoa Kỳ về vấn đề VN, và vì thế, giờ đây công luận hướng tới cuộc hòa đàm tại Paris.

Hiểu rõ con đường rút quân không thể đảo ngược của Hoa Kỳ và vẫn bám sát mục tiêu nhất thống nam bắc, kể từ sau Tết Mậu Thân, nỗ lực chính của Hà Nội là chuyển cán bộ chính trị và bộ đội vào nam để lấp đầy chỗ trống — từ đó, chiếm tới 80% quân số các lực lượng võ trang của MTGPMN — và lập lại cơ sở bị phá vỡ trong cuộc Tổng Công Kích Mậu Thân. Đồng thời Hà Nội tiến hành đấu tranh quân sự và chính trị theo một qui mô mới, khai thác tối đa diễn tiến rút khỏi VN càng nhanh càng tốt của Mỹ và gắn liền với tình hình của cuộc điều đình tại Paris vốn bắt đầu từ ngày 13.5.1968.

Trong khi tiến hành mật đàm với Mỹ, Hà Nội cho ra mắt Liên Minh Dân Tộc Dân Chủ Và Hòa Bình ngày 10.4.1968 gồm danh sách một số nhân vật tôn giáo và trí thức từ thành thị Miền Nam thoát ly theo MTGPMN. Ngày 6.6.1969, Hà Nội công bố sự ra đời của chính phủ Cách Mạng Lâm Thời Miền Nam Việt Nam, cũng chỉ gồm một danh sách nội các do Nguyễn Hữu Thọ đứng tên chủ tịch.

Hai sự kiện đó cùng với việc chính phủ VNCH phóng thích các tù nhân chính trị bị bắt dịp Tết Mậu Thân và các phong trào tranh thủ hòa bình, đòi quyền sống của một số trí thức sinh viên tự xưng là “thành phần thứ ba” tuy không gây được bất ổn như trước đây nhưng tạo thế tuyên truyền cho CS và góp phần tạo thành cái gọi là lý cơ cho chế độ quân phiệt Nguyễn Văn Thiệu biện minh sự tồn tại của mình. Thiệu tiếp tục dung dưỡng tham ô và thao túng các cơ chế dân chủ từ quốc hội tới các hội đồng tỉnh thị xã; phá hoại các đảng phái hoặc các tổ chức đối lập; ứng cử tổng thống độc diễn. Đồng thời Thiệu không tích cực khai thác lời hứa của Mỹ trong chương trình Việt Nam hóa, tình trạng suy sụp của Cộng Sản sau Mậu Thân và tinh thần chiến đấu quyết liệt của Quân lực VNVH, để xây dựng phương án tự lực tự cường trong tương lai. Tất cả những thành tố ấy đều được Hà Nội khai thác triệt để cho

cuộc hòa đàm Paris đang bị kéo dài lê thê từ tháng 5.1968. Những đàm phán phức tạp và rắc rối vô tận đó kéo ra tới năm năm, được cả đôi bên sử dụng vào mục đích tuyên truyền, nhưng chỉ tập trung quanh một vấn đề duy nhất là ai sẽ cai trị tại Sài Gòn. Ban đầu, những cuộc đàm phán ấy chỉ diễn ra giữa các nhà ngoại giao Hoa Kỳ và Bắc Việt, về sau được mở rộng cho cả đại diện của VNCH và của MTGPMN, nhưng nhanh chóng lâm vào tình trạng gần như thường xuyên bế tắc. Hà Nội và MTGPMN đòi hỏi rằng hoà bình phải được trả giá bằng việc Hoa Kỳ rút lui toàn bộ và MTGPMN có đại diện trong một chính phủ liên hiệp tại Nam Việt Nam nhưng Nguyễn Văn Thiệu không tán thành ý tưởng liên hiệp đó.

Trong khi tại Paris cuộc hoà đàm kéo dài mà không đưa tới kết quả chung cuộc nào thì tháng 3.1972, theo đúng sách lược “vừa đàm vừa đánh”, và tận dụng quá trình VN hóa để rút quân của Mỹ, Hà Nội lại phát động một chiến dịch đại tấn công bất ngờ vào Miền Nam bằng ba mũi giáp công, với sự yểm trợ ào ạt của đại pháo, và chiến xa Cộng Sản bắt đầu xuất hiện trên chiến trường. Mũi thứ nhất, xua ba sư đoàn ưu tú nhất của Miền Bắc với 200 chiến xa và phi pháo, lần đầu tiên tràn thẳng qua khu phi quân sự, công khai đánh chiếm Quảng Trị và đe dọa Huế. Mũi thứ hai, ba sư đoàn bộ binh, hai trung đoàn chiến xa cùng bốn trung đoàn pháo tiến chiếm Lộc Ninh, vây An Lộc. Mũi thứ ba, tại cao nguyên, ba sư đoàn Bắc quân tấn công Dakto, tràn ngập Tân Cảnh và ba sư đoàn chủ lực Quân khu 5 chiếm ba quận dọc miền duyên hải Bình Định.

Quân đội VNCH mà lúc này quân số lên tới 900.000 với vũ khí hiện đại, cùng sự yểm trợ của không lực Mỹ, đã có khả năng đẩy lui cuộc đại tấn công mùa hè ấy và thu hồi phần lớn lãnh thổ bị mất. Bắc quân chỉ còn chiếm được Đông Hà, Lộc Ninh và Tân Cảnh. Để trả đũa, Nixon ra lệnh cho pháo đài bay B-52 của Mỹ dội bom các khu vực chung quanh Hà Nội và Hải Phòng, lần đầu tiên kể từ năm 1968, đồng thời cho gài thủy lôi tại Vịnh Bắc Việt để phong tỏa hải cảng Hải Phòng. Hậu quả là cuộc chọc thủng phòng tuyến Miền Nam của Cộng Sản bị mất đà và cuối cùng, cuộc tái oanh tạc và thả mìn Hải Phòng của Hoa Kỳ đã buộc lãnh đạo

Cộng Sản tại Hà Nội rút bớt các điều kiện hòa bình của họ. Tới đầu tháng 10.1972, Bắc Việt từ bỏ việc khẳng khái đòi hỏi MTGPMN phải được lập tức tham gia một chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn. Thay vào đó, để đổi lấy việc ngưng bắn và rút quân của Hoa Kỳ, họ đề nghị rằng chính quyền của VNCH sẽ tiếp tục tạm thời nắm quyền trong thời gian một “Hội đồng Hoà hợp và Hoà giải Dân tộc” thảo luận các vấn đề hợp tác tại Nam Việt Nam. Trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ sắp tới vào tháng 11, Nixon và Henry Kissinger, nóng lòng muốn sớm ký kết hoà ước — nhưng Nguyễn Văn Thiệu phản đối kịch liệt những đề nghị mới ấy, gọi đó là một “sự liên hiệp trá hình” và không chịu hợp tác. Bất chấp sự thất bại đó, Hoa Kỳ đáp ứng bằng cách giữ lời hứa ngưng phần nào việc oanh tạc Miền Bắc và Kissinger lên tiếng loan báo rằng hoà bình đang ở “trong tầm tay” trong một cuộc họp báo đầy sôi nổi tại Washington ngày 26.11.1972.

Hai tuần sau, theo triều sóng lạc quan về hoà bình, Nixon được bầu thêm một nhiệm kỳ tổng thống nữa với tuyệt đại đa số phiếu của cử tri. Thế nhưng sau cuộc bầu cử một thời gian ngắn, khi cuộc hòa đàm Paris tiếp tục trở lại, các bên tham dự lại sa lầy mà không đưa ra được lời giải thích rõ ràng nào về những gì đang cản trở hoà ước. Những người chỉ trích Nixon lập tức cáo giác rằng ông đã lợi dụng hòa đàm để tạo lợi thế cho mình trong cuộc bầu cử. Trong khi thực tế, trước đó, vào ngày 18.12.1972, Nixon cảnh cáo Nguyễn Văn Thiệu rằng nếu cần, Mỹ sẽ đi tìm một thỏa hiệp riêng rẽ với Hà Nội. Trước ngày ký kết Hiệp định Paris, Nixon một mặt trấn an Nguyễn Văn Thiệu bằng một lá thư hứa hẹn rằng nếu CS vi phạm Hiệp định Mỹ sẽ trả đũa dữ dội, mặt khác, ông lại thêm lần nữa trắng trợn đe dọa rằng nếu VNCH không chấp nhận Bản Hiệp định có nội dung chấp nhận 150.000 quân Bắc Việt được ở lại Miền Nam, Mỹ sẽ hành động một mình và sẽ chấm dứt cả viện trợ quân sự lẫn kinh tế.

Trước đó, khi các đại biểu khởi sự nhóm họp thêm vào lúc bắt đầu tháng 12.1972 tại các biệt thự vô danh trong khu vực ngoại ô Paris, nơi họ từng gặp gỡ nhau suốt bốn năm qua, các ký giả đang ngóng đợi trên các con đường mùa đông tuyết phủ bên ngoài đều

*mang chung tâm trạng căng thẳng chưa từng thấy. Cũng y như đại biểu của các phái đoàn tham dự, họ chỉ nghĩ tới hoà bình. Đồng thời với lễ Giáng Sinh gần kề, vài người trong bọn họ đoán trước rằng sẽ có những hành động phá hoại đẫm máu được tiến hành trên một qui mô lớn một khi các lực lượng sau cùng của Hoa Kỳ đã cúi đầu chào từ biệt Việt Nam. Trong lúc ấy, máu người VN, thường dân và lính của cả hai bên, vẫn đổ trên khắp đất nước. Tổng kết hai năm 1968-89, Nam Việt Nam bị 39 ngàn người tử thương, 132 ngàn bị thương và 3 ngàn mất tích. Về phía Bắc quân, con số thương vong không bao giờ được công bố. Nhưng như nhà văn bộ đội Bảo Ninh kể lại trong cuốn *Nỗi Buồn Chiến Tranh*, in ở Hà Nội năm 1991: “Tôi không sợ chết, nhưng cứ bắn giết mãi thế này thì chết hoại tính người. Anh còn nhớ trên Plây-cu năm 72 không, có nhớ cảnh thấy người la liệt trong khu gia binh không? Máu tới bụng chân lội lồm bồm... Mình vào đây làm gì khi để mẹ già ở nhà cơ cực, không nơi nương tựa, ngày đêm than khóc nhớ con. Mẹ tôi cứ van tôi tìm cách mà trốn... Bao thằng khốn nạn ung dung hưởng lộc chiến tranh chỉ con cái nông dân là dứt lòng ra đi bỏ lại đằng sau cảnh mẹ già màn trời chiếu đất... Thắng hay thua, kết thúc mau hay kết thúc chậm, với tôi chẳng nghĩa lý gì nữa.”*

- 1 -

Joseph Sherman lật ngược cổ áo măng-tô, kéo lên thật cao để che ngọn gió buốt thảng Chạp thổi dọc Đại lộ Général Leclerc ở Gif-sur-Yvette và dậm mạnh hai chân cho đỡ cóng. Cùng với hai mươi ký giả và phóng viên nhiếp ảnh thuộc nhiều quốc tịch khác nhau, anh đang trông ngóng Henry Kissinger tới chỗ này. Trong khi đứng hai vai co ro trong trời giá lạnh, Joseph ngẫm nghĩ và nhận thấy sự sắp xếp địa điểm cho cuộc đối đầu này giữa Hoa Kỳ và những người Việt kẻ thù của nó, thật đáng ngạc nhiên và đầy quái đản không kém bất cứ những gì đã xảy ra trong cuộc chiến tranh đầy hoang mang kéo dài suốt cả chục năm nay. Các đại diện của Mỹ và Bắc Việt đang tiến hành những cuộc họp kỳ kèo để kết thúc

cuộc chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Hai trong một tòa nhà trên con đường mang tên của vị tướng, vào cuối năm 1945, làm quyền cao ủy kiêm tổng chỉ huy các binh đoàn của Pháp đổ bộ và tái chiếm Việt Nam trong tay của Việt Minh, mở đầu cho cuộc chiến tranh Đông Dương Lần Thứ Nhất.

Biệt thự nghỉ mát được các phóng viên tụ tập bên ngoài này có tường quét vôi trắng, mái ngói màu da cam, các lá cửa chớp màu lục. Trước đây nó là một cư sở gần như không ai để ý, toạ lạc bên trong vòng tường trét vữa, gần nhiều phù điêu, tại ven một thị xã thuộc vùng ngoại ô ngái ngủ, cách trung tâm Paris gần hai mươi lăm cây số. Địa chỉ của nó là 108 Đại lộ Général Leclerc.

Lần đầu tiên nó được chọn làm địa điểm để so đo mặc cả là vào cuối năm 1969 khi Tiến sĩ Kissinger và Lê Đức Thọ, người thương thuyết chính của Hà Nội, khởi sự tiến hành những cuộc tiếp xúc bí mật, nhằm tránh sự nhòm ngó của công luận đang chú mục vào cuộc hoà đàm diễn ra chính thức tại một hội trường vĩ đại của chính phủ Pháp bên Đại lộ Kleber.

Chủ nhân nguyên thủy của biệt thự nghỉ mát này là Fernand Léger, một nghệ sĩ Pháp tả khuynh. Sau khi ông qua đời, nó được trao cho Đảng Cộng Sản Pháp, một đảng từng được Hồ Chí Minh góp phần thành lập vào thập niên 1920. Ngoài kỷ niệm đó mối quan hệ giữa hai đảng Cộng Sản xoay quanh trục Mát-cơ-va và tình nghĩa quốc tế khiến quan hệ đôi bên ngày càng hữu hảo. Cuộc hoà đàm Paris trong đó Hà Nội đang trực diện đối đầu và dương cao ngọn cờ cách mạng chống đế quốc thực dân mới cũng được xem như một đầu trường thu hút sự yểm trợ vô điều kiện của các đảng Cộng Sản năm châu thế giới, vì vậy Đảng Cộng sản Pháp cho Hà Nội mượn ngôi biệt thự của nhà họa sĩ làm cư sở ngoại giao. Và suốt những tháng cuối của năm 1972, nó trở thành một trong ba ngôi nhà được Bắc Việt thường xuyên sử dụng nhất tại Paris.

Qua những chuyện trò với người quen tại Bộ Ngoại giao, Joseph biết rằng những bức họa trừu tượng lập thể của Fernand Léger vẫn còn treo trong phòng khách rộng và dài. Tại đó kê chiếc bàn chữ nhật bọc nhung xộp màu lục. Trên mặt bàn và ngay trước mặt sáu chiếc ghế dành cho phái đoàn Mỹ luôn luôn bày sẵn các chai nước

khoảng nhỏ của Pháp cùng với mấy chiếc ly mỗi khi họ sắp đến. Thuở còn giữ được bí mật về nơi gặp gỡ này, Kissinger gần như ngày nào cũng bước qua ngưỡng cửa trong hơi thở hỗn hển, sau khi phóng xe qua vùng ngoại ô với tốc độ một trăm sáu chục cây số một giờ để bỏ rơi các phóng viên đang rượt theo. Nhưng kể từ lúc địa điểm này được người ta biết tới như hiện nay, ông có thói quen đến rầm rộ hơn, bằng chiếc xe cho thuê hiệu Mercedes màu trắng và hai bên có xe mô tô hộ tống của cảnh sát Pháp chạy kèm. Vào hôm mùng 8 tháng Mười, chung quanh chiếc bàn bọc nhung xộp màu lục ấy, Kissinger gần như không nén nổi hồi hộp khi Lê Đức Thọ sau bốn năm dài bướng bỉnh không chút nhượng bộ, đột ngột đảo ngược thái độ, bảo với ông rằng chính quyền Hà Nội cuối cùng sẵn sàng đồng ý chấm dứt sự thù nghịch. Lê Đức Thọ nói rằng Hà Nội sẽ phóng thích tù binh Mỹ, đổi lại tổng thống Nixon phải cam kết sẽ rút toàn bộ quân Mỹ và để cho Nam Việt Nam tự hoạch định tương lai chính trị của chính nó. Lời tuyên bố ấy làm sững sốt những người Mỹ có mặt vì nó có nghĩa Hà Nội hầu như chấp nhận các đề nghị trước đây của Mỹ và phía Cộng Sản không còn giữ yêu sách quen thuộc là đòi cho MTGPMN phải được tham gia chính phủ liên hiệp tại Sài Gòn. Người Mỹ nhận ra rằng Bắc Việt đang chú mục vào thời điểm bầu cử tổng thống ở Hoa Kỳ sẽ diễn ra trong tháng tới, chỉ còn đúng ba mươi ngày nữa. Và rõ ràng Bắc Việt kỳ vọng rằng họ có thể làm áp lực khiến tổng thống Nixon phải giải quyết thật nhanh để đạt lợi thế tối đa trong các cuộc thăm dò dư luận trước ngày bỏ phiếu — nhưng về mặt khác, có vẻ như không còn có thể nghi ngờ sự thành thật của các đại biểu Hà Nội.

Tuy nhiên, từ hôm đó tới nay đã hai tháng trôi qua trong căng thẳng dữ dội. Tổng thống Nixon tái đắc cử nhưng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vẫn không chịu chấp thuận kết quả thương lượng kể trên. Và những người cung cấp tin tức cho Joseph tiết lộ rằng khi các cuộc hoà đàm tái tục vào giữa tháng Mười một, người Mỹ nhận thấy Cộng Sản đã trở lại, một cách không giải thích nổi, đường lối bất hợp tác ngoan cố trước kia của họ.

Phái đoàn Hoa Kỳ cố thuyết phục Cộng Sản tiếp nhận một số điểm

phản đối của tổng thống Thiệu nhưng chẳng đạt được chút tiến bộ nào. Joseph còn được nói cho biết rằng không có chọn lựa nào khác ngoài việc ngưng hoà đàm. Từ ngày nhóm họp trở lại vào mùng 4 tháng Mười hai, kỳ họp mới này kéo dài lê thê tới mười ngày. Và kể từ đó, trong những lần tiếp xúc với ký giả, các nhà thương thuyết đầy hoang mang của Mỹ thừa nhận rằng họ càng ngày càng chán nản vì sự thô lỗ và đôi khi vì chiến thuật khinh khỉnh mất thời giờ của Cộng Sản.

Các phóng viên đã tự ý dựng lên một khán đài bên con đường đối diện với biệt thự nghỉ mát ấy để có thể vươn cổ lên cao hơn đầu tường, ngó vào khu vườn bao quanh biệt thự. Thỉnh thoảng, trong những khoảnh khắc nghỉ giải lao giữa các buổi thương thuyết, họ có thể thấy thấp thoáng bên dưới những hàng cây trụi lá, Kissinger và Lê Đức Thọ đang soãi bước và chuyện trò với các phụ tá. Bằng ống viễn kính, người ta chụp được những bức ảnh lung linh của cả hai. Nhưng các cửa sổ của ngôi biệt thự vẫn bị che kín mít bằng những bức màn trắng nếp, có viền đăng ten, khiến các phóng viên không thể nào thấy chút gì bên trong. Theo dõi cuộc hoà đàm bằng cách thức như thế này quả thật nản lòng nhưng vì đang đặt nhiều hy vọng vào một chung cuộc nên từ mười ngày nay Joseph, cũng y như các đồng nghiệp khác, gan lì bám thật sát mọi dấu vết.

Trưa 13 tháng Mười hai hôm đó, từng đợt bông tuyết bắt đầu nhảy múa trong gió lạnh khi rốt cuộc đoàn xe của Kissinger chạy tới đại lộ và lao vào khu vườn biệt thự, qua cổng sắt khép kín vừa mở ra đã vội vã đóng sập lại đằng sau đoàn xe. Thân hình chắc nịch, bè bè và mập mạp trong chiếc áo mưa màu trắng với kính đeo mắt gọng nặng chình chịch, Henry Kissinger rảo bước thật lẹ tới cửa trước của biệt thự. Mặt ông nghiêm trọng, không cười không nói khi các phóng viên trên khán đài bên ngoài yêu cầu ông dừng lại một chút cho họ chụp hình.

Cũng như các ký giả khác, Joseph đang chăm chú nhìn, cố chờ xem hình dáng khắc khổ với đầu tóc bạc của Lê Đức Thọ có xuất hiện để nghênh đón Kissinger nơi ngưỡng cửa hay không. Và vì anh mãi miết chú ý nên không nhận thấy ở một khung cửa sổ nơi tầng trên, bức màn của nó bị ai đó vén lên trong một thoáng. Cuối

cùng, Lê Đức Thọ không xuất hiện. Có tiếng xì xào thất vọng rộ lên khắp chung quanh khán đài kèm theo những lời trao đổi và tiên đoán đầy ảm đạm về một lời tuyên bố đình chiến sẽ sớm được đưa ra.

Từ chỗ của mình bên khung cửa sổ trong một căn phòng nơi tầng trên và trong khi quan sát các phóng viên trò chuyện với nhau, Trần Văn Kim bỗng búng tay lách tách về phía viên phụ tá đang đứng đằng sau anh, ra hiệu bảo đi lấy ống nhòm đưa cho mình. Kim mặc áo đại cán kín cổ màu sẫm, cùng loại y phục của Lê Đức Thọ. Thái độ của anh đối với những thành viên trung cấp trong phái đoàn Bắc Việt cũng xa cách và kiểu cách y như thái độ của Thọ. Khi người phụ tá quay lại mang theo ống nhòm, Kim nôn nóng cầm lấy. Anh thận trọng điều chỉnh ống kính cho tới khi nhóm ký giả trên khán đài hiện rõ trong mục kính. Rồi anh giật nảy mình khi thấy một khuôn mặt. Cuối cùng, Kim vẫn ngồi yên nhìn ra và đều giọng nói với viên phụ tá:

- Đồng chí đi lấy danh sách các ký giả sẵn tin cuộc thương thuyết. Kiểm tra kỹ lưỡng xem trong số đó có một người Mỹ tên là “Sherman” không. Lẹ lên đây!

Viên phụ tá lật đật rời khỏi phòng. Ít phút sau anh ta quay lại, mang theo một xấp giấy, và vừa thở hển hển vừa nói:

- Thừa đồng chí có ạ. Trong danh sách các ký giả Mỹ có một người tên là Joseph Sherman.

Anh ta rút ra tấm hình của Joseph do một nhân viên hoạt vụ điệp báo của phái đoàn hòa đàm chụp bằng ống viễn kính. Và Kim hăm hở cầm lấy. Trong khi Kim xem xét bức hình, viên phụ tá bắt đầu làm đúng nhiệm vụ, đọc hồ sơ của Joseph:

- Từ năm 1954 tới năm 1967, giáo sư môn nghiên cứu Á Đông tại Đại học Cornell. Từ tháng Giêng tới tháng Ba năm 1968, cố vấn cao cấp Cơ quan Dân Sự Vụ JUSPAO của Mỹ tại Sài Gòn. Sau đó từ chức và viết một cuốn sách có nhan đề “Người Mỹ Bị Phản Bội” phê bình chính sách của Mỹ tại Việt Nam...

Kim cau kinh bật thành tiếng:

- Đúng, đúng. Cuốn sách đó nổi tiếng. Nhưng hiện nay hắn làm gì?

Người phụ tá lại tra cứu danh sách:

- Joseph Sherman kết hôn với một ký giả truyền hình Anh và định cư ở Luân đôn. Nhờ danh tiếng cuốn sách ấy mang lại cho mình, hần hiện nay được tờ The Times ở Luân Đôn đặt viết một loạt bài phân tích đặc biệt về cuộc hoà đàm và chiến tranh. Cho tới hôm nay, đã in được hai bài.

Người phụ tá đưa hai bài báo cắt sẵn, được gắn vào một tờ giấy khác:

- Hiện nay hần trọ tại khách sạn Intercontinental, tại góc đường Rivoli và Castiglione dọc theo Công viên Tuileries. Số phòng 4567.

Vẫn đứng bên cửa sổ, Kim cẩn thận đọc từ đầu tới cuối hai bài báo cắt. Rồi anh tới ngồi xuống đằng sau bàn giấy, lấy ra một tờ giấy trắng. Anh rút bút bi từ túi ngực áo đại cán ra, tự tay viết bằng tiếng Pháp:

“Tôi nhận ra anh giữa các ký giả ở bên ngoài. Tôi sẽ gặp anh sáng mai lúc bảy giờ rưỡi phía bên trong cổng Công viên Tuileries, chỗ cuối đường Castiglione. Có lẽ anh rất muốn nghe đôi chút tin tức về Tuyết, con gái của anh — và câu chuyện chi tiết bên trong những thủ đoạn lừa đảo mà Kissinger và những người Mỹ thương thuyết đang theo đuổi bên trong ngôi nhà này. Trần Văn Kim.”

Anh dứt mảnh giấy vào bì thư, dán lại rồi đưa cho viên phụ tá:

- Gọi một trong các ký giả của ta qua máy truyền tin trên xe anh ta và yêu cầu anh ta lập tức đến đằng sau nhà. Đưa anh ta thư này, bảo trao ngay cho Sherman. Nói với anh ta rằng tôi sẽ trông chừng từ cửa sổ này.

Khi người ký giả Cộng Sản Pháp mặc áo da không quen với Joseph, đưa cho anh phong thư ấy trên khán đài, Trần Văn Kim thấy vẻ mặt của người Mỹ cau lại vì kinh ngạc. Kim quan sát Joseph đọc mảnh giấy. Nhưng khi Joseph nhướn con mắt sừng sốt lên nhìn về phía biệt thự nghỉ mát, Kim đã thận trọng lùi bước ra xa màn cửa để khỏi bị trông thấy.

Từ đại sảnh bên dưới, vang lên rõ mồn một giọng đều đều của Kissinger, nói tiếng Anh với lời uốn giọng trong cổ họng của tiếng

Đức. Bằng cung giọng lên rồi xuống theo nhịp điệu khi thăng
thùng khi gay gắt, viên Cố vấn An ninh Quốc gia Hoa Kỳ nói cho
bộ mặt không lộ chút cảm giác của Lê Đức Thọ nghe. Rằng phái
đoàn Bắc Việt, vì một lý do nào đó không nói ra, lúc này rõ ràng là
đang né tránh và thường xuyên giở thủ đoạn gian trá, vì thế Hoa
Kỳ không sẵn sàng tiếp tục cuộc thảo luận, và do đó, cuộc thương
thuyết bị đình chỉ.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 2 -

Trần Văn Kim đưa tay lên chỉ lòng vòng mấy dãy tượng đá các chiến sĩ, nữ thần và nhà hùng biện đứng dọc bờ tường giữa hàng cột lớn của cung điện Palais du Louvre đang nhanh chóng hiện ra trong tầm mắt, dưới ánh sáng càng lúc càng chói lọi. Trong ánh tuyết lung linh phủ trắng xóa công viên Tuileries, anh vừa bước đi bên cạnh Joseph vừa nói:

- Monsieur Sherman này, người Pháp là thí dụ cổ điển cho một dân tộc quá khôn ngoan vì những lợi ích của chính họ. Tôi hy vọng rằng người Mỹ không chứng tỏ rằng mình quả thật cũng giống y như thế.

Nói xong, Kim mỉm cười nửa miệng với Joseph rồi lẹ làng quay mặt ngó chỗ khác và tiếp:

- Anh biết không, người Pháp không bao giờ tự kềm chế nổi tập quán phù hoa cùng với tính tự cao tự đại của họ. Thật chẳng đáng ngạc nhiên chút nào khi hàng ngày phải đối mặt với các dinh thự nguy nga và trang trí quá đáng như thế này nên cuối cùng những người cùng khổ của Paris nổi trận lôi đình, vùng lên chặt đầu những tên quý tộc cao ngạo không chịu nổi, từng xây dựng lên chúng? Chính sự hiện hữu của các toà nhà sừng sững này ở giữa những người cùng khổ là một khiêu khích không thể tha thứ — đó là lý do người ta phải phóng đại quá đáng và nói liên tu bất tận về giá trị của chúng.

Thọc hai tay sâu hơn vào túi áo măng-tô Joseph không trả lời. Trời vẫn dày đặc tuyết. Những hình tượng điêu khắc trên mặt tiền khổng lồ đầy vẻ cực kỳ hoa mỹ của điện Le Louvre tựa như những lính canh đứng yên trong ánh sáng ban mai ướt đầm và âm ẩm. Từ đường Rivoli và các kè đá dọc bờ sông Seine, tiếng động của xe cộ lưu thông lúc tinh sương chỉ là tiếng rì rầm xa xa, nghe như tiếng

vo ve của lũ ruồi đang hấp hối lúc trời mới vào đông.

Kim chỉ tới một gờ mái nghiêng nghiêng ở mé nam:

- Anh hãy nhìn thiên thần đang dang đôi cánh với chiếc kèn kia. Đó là công việc xuất sắc nhất mà người Pháp có thể làm, là thổi chiếc kèn của chính họ.

Ngừng lại và tự tán thưởng câu nói dí dỏm của mình bằng một nụ cười, rồi liếc Joseph anh tiếp:

- Anh từng thấy sự phô trương giống y thế này ở mặt tiền Nhà Hát Lớn Sài Gòn — và ở những dinh thự cũ của thống đốc Nam kỳ.

Lối kiến trúc khoa đại và thái độ hống hách của Phápĩ tại Việt Nam đã tác động lên đồng bào của tôi không khác gì các dinh thự này tác động lên những người cùng khổ của nước Pháp — chúng biến nhân dân cả hai nước thành những nhà cách mạng.

Người Việt Nam nhắm mắt lại, vừa đi vừa hít thật sâu hơi lạnh vào buồng phổi. Anh tiếp tục cất bước, thở ra thật dài và nói:

- Nhưng quả thật cũng tốt khi trở lại Paris sau những năm dài như thế. Chúng tôi luôn luôn nhớ rằng chính cái tính ngạo mạn và lòng thèm muốn phô trương mình cho một dân tộc hèn mọn thấy đã khiến các tây thực dân người Pháp mang những trí óc xuất sắc nhất của chúng tôi sang đây để giáo dục — và cũng chính tại đây lần đầu tiên chúng tôi được học hỏi những lời giảng dạy của Marx và Lênin. Con đường đưa chúng tôi tới nước Pháp cũng là con đường giúp chúng tôi học được cách chống Pháp hữu hiệu nhất.

Nói xong những lời ấy, Kim thêm lần nữa liếc thật lẹ về mặt của Joseph và tiếp:

- Nhưng bất chấp những khác biệt đó, cả hai dân tộc đều có chung một số điểm. Người Pháp lẫn người Việt đều là những dân tộc không ủy mị. Dĩ nhiên, chúng tôi khác với người Mỹ.

Joseph đột nhiên mở miệng:

- Nhân nói tới vấn đề không ủy mị, chẳng biết anh có nhân dịp mình đang ở đây để tới thăm anh Tâm của anh không? Tôi chắc chắn anh đã biết Tâm vừa mới sang đây để tham gia phái đoàn Sài Gòn. Hôm qua, tôi có trò chuyện với anh ấy — từ lúc hai anh em anh gặp nhau lần cuối tới nay đã ba mươi mấy năm rồi nhĩ.

Joseph quan sát bộ mặt vẫn đầy vẻ trẻ trung của Kim nhưng không

thấy trên đó biểu lộ chút cảm xúc nào. Và Kim không trả lời. Dù tuổi sắp sáu mươi, mái tóc đen nhánh của Kim vẫn không điểm một sợi bạc. Khuôn mặt tròn trịa đẹp trai và có vẻ trẻ thơ của Kim cũng rất giống khuôn mặt Tâm. Vẫn giữ ánh mắt chăm chú quan sát Kim, Joseph nói thêm:

- Nếu anh muốn nói chuyện với Tâm thì thế này. Tâm ở riêng một lô chúng cư tại *số 3 Đại lộ Léopold II trong Khu vực Mười sáu*. Tâm từng có lần nói với tôi rằng tuy giữa hai người có những khác biệt nhưng anh ấy không bao giờ có thể quên anh là đứa em ruột thịt của mình.

Kim quay mặt ngoắt sang phía bên kia công viên. Joseph không thể thấy nét mặt của anh ta. Trong một lúc, cả hai im lặng đi bên nhau rồi Kim lắc đầu tỏ vẻ khước từ:

- Monsieur Sherman, tôi đến Paris không phải vì chuyện gia đình. Như anh có thể đoán ra, tôi cũng không tới công viên này để thảo luận với anh về triết lý và lịch sử. Tôi yêu cầu anh gặp tôi vì tôi muốn kể cho anh nghe những lý do thật sự nằm đằng sau sự tan vỡ các cuộc thương lượng tại Gif-sur-Yvette.

- Tại sao lại kể với tôi?

- Vì anh nổi tiếng là người chỉ trích có thẩm quyền về chính phủ của anh — và lúc này anh đang viết cho một tạp chí phương tây có ảnh hưởng và ở bên ngoài Hoa Kỳ. Nếu anh kể sự thật này trong ấn bản ngày mai của tờ The Times thì có lẽ các kế hoạch quỷ quái của tổng thống các anh sẽ bị phá ngang.

- Một cách chính xác, anh đang đề cập tới “kế hoạch quỷ quái” nào vậy?

Uốn ngực thở vào thật lâu, Kim vừa đi vừa quay sang nhìn người Mỹ:

- Rõ ràng là tổng thống của anh và Tiến sĩ Kissinger chẳng bao lâu nữa sẽ nói với thế giới rằng chúng tôi phải chịu trách nhiệm về việc làm ngưng cuộc hoà đàm — nhưng đúng ra, sự thật hoàn toàn trái ngược. Vào đầu tháng Mười vừa qua, chúng tôi đã đề nghị các điều kiện ngừng bắn theo đó có nghĩa chấp thuận những phác thảo trước đó của Hoa Kỳ. Kissinger đã hoan hỉ đồng ý. Chỉ sau khi tham khảo ý kiến của chế độ Thiệu tại Sài Gòn, Kissinger và tổng

thống của anh mới khởi sự yêu cầu thảo luận lại từ đầu bản hiệp định. Người ta biết rất rõ rằng, về mặt nguyên tắc, Thiệu sẽ chống đối việc ký kết bất cứ bản hiệp định nào vì chỉ một thay đổi nhỏ nhất cũng đủ xói mòn chế độ độc tài của hắn. Nhưng lúc này hắn đã nêu ra ít nhất sáu mươi bốn điểm phản đối bản dự thảo của chúng tôi — và tổng thống của các anh thay vì ép buộc hắn phải chấp nhận các điều kiện đã được đôi bên thoả thuận giờ đây lại yêu cầu chúng tôi tái cứu xét hết thảy sáu mươi bốn điểm đó. Hình như Nixon và Kissinger không sợ điều gì hơn là việc cãi nhau om sòm và công khai với thằng Thiệu bù nhìn!

Kim ngừng nói, mắt long lanh giận dữ:

- Mới đây, qua nguồn tin tình báo của Liên Xô, chúng tôi được biết rằng tại Washington, Nixon đang chuẩn bị điều mấy phi đội oanh tạc cơ khổng lồ tới dội bom các thành phố của chúng tôi trong thời kỳ lễ Giáng Sinh năm nay để ép buộc chúng tôi phải chấp nhận những thay đổi mới ấy — đó là sự thật nằm đằng sau các cuộc hoà đàm.

Trong một chốc, Joseph im lặng suy ngẫm lời của Kim:

- Anh đến Paris lúc nào vậy Kim?

- Mới hôm qua.

Mặt Joseph lộ vẻ trầm ngâm:

- Tôi tự hỏi không biết anh đang có ý kể đúng sự thật hay không? Có phải anh và những người còn lại trong Bộ Chính Trị ở Hà Nội đột nhiên nhận ra, một cách trễ tràng, rằng có thể Lê Đức Thọ đã và đang chơi bạo tay hơn quý vị — và quý vị dự tính dùng tôi hoặc một người nào đó giống như tôi để quý vị vượt qua khó khăn ấy?

Kim quày quả lắc đầu nhưng Joseph làm như không để ý. Anh nói tiếp:

- Kim ạ, tôi già rồi, già tới độ có thể nhận ra sự tiết lộ nào là cố ý một khi tai mình nghe nói tới nó. Tôi biết anh lúc nào cũng tin rằng anh và các đồng chí của anh có thể đập tan nát chế độ Nguyễn Văn Thiệu vào một ngày nào đó nếu quý vị đẩy tới đủ mạnh. Nhưng nếu ngay lúc này quý vị đang sợ hãi cái ý tưởng đó thì tôi không phải là kẻ tiếp tay cho quý vị. Tôi có thể là người chỉ trích chính phủ của tôi — nhưng tôi không phải là kẻ chạy việc vặt cho Cộng Sản.

Cả hai im lặng, tiếp tục đi trên mặt tuyết rồi nét mặt của người Việt Nam chột ánh lên vẻ tính toán:

- Monsieur Sherman này, thế thì anh chẳng quan tâm chút nào nếu Hà Nội bị dội bom sao?

Đang đi đều bước Joseph bỗng chứng lại. Anh nhìn chăm chặp vào mặt Kim:

- Anh đang có ý nói tới cái quái quỷ gì vậy?

Kim chăm bẵm ngó lại Joseph:

- Tuyết, con gái anh, và hai con của nó sống ngay tại Hà Nội từ bốn năm nay — hoặc giả anh quên hết chúng nó rồi?

Những bông tuyết nhỏ dần, điểm lấm tấm giữa hai người đàn ông khi họ nhìn thẳng mắt nhau. Rồi Joseph lẹ làng rướn một bước tới trước mặt người Việt Nam. Hơi thở anh dồn dập, hai bàn tay đang cặp sát hai bên hông bỗng hết bóp chặt lại nhả ra:

- Kim này, “không ủy mị” là tiếng áp dụng đúng cho anh đấy. Anh “không ủy mị” một cách khôn nặn tới độ sự đứng đắn nói chung của con người dường như chẳng có ý nghĩa chút nào đối với anh. Bộ anh tưởng rằng tôi cho là anh không dấn dấp chút nào tới những gì tàn tệ đã xảy ra cho thằng Mark con của tôi sao? Chắc chắn anh và những người còn lại trong Bộ Chính Trị của anh đã nghiên cứu kỹ lưỡng từ đầu tới cuối họ và tên của từng phi công Mỹ bị các người bắt, để xét xem có thể khai thác họ từng chút nhằm kiếm thêm chút vốn liếng cho canh bạc chính trị của các người không. Nếu không tỉ mỉ cẩn thận từng li từng chút như thế thì các người chẳng là cái quái gì cả!

Joseph giận run người trong khi người Việt Nam vẫn bình thản:

- Monsieur Sherman ạ, các đồng chí của tôi và tôi không có thời giờ để dích thân quan tâm tới các chi tiết nhỏ nhặt. Chúng tôi phải thực hiện các nghĩa vụ phức tạp hơn nhiều.

Joseph nói thật ác liệt:

- Tôi cũng có nhiều “nghĩa vụ phức tạp” cần thực hiện nhưng trong đó không có cái việc viết lời tuyên truyền trá ngụy nhân danh Đảng Lao Động của anh — cho dù có bị người ta dùng thủ đoạn hăm dọa tới mấy đi nữa.

Anh giận dữ nhìn Kim rồi đột ngột quay gót, đi thẳng vào vùng

tuyết trắng dày đặc. Kim nhìn theo Joseph trong một chốc, rồi rút từ túi áo bên trong ra cuốn sổ tay và ghi rất nhanh. Chờ cho tới khi Joseph khuất khỏi tầm mắt, Kim chậm chậm rẽ lối, quay trở lại công viên Tuileries, mé đường Rivoli. Tại đó, anh thấy một chiếc tắc-xi đang chạy ngang. Sau khi liếc mắt thật lẹ dọc cả hai đầu đường, anh chui vào xe, mở sổ tay đọc địa chỉ ở khu vực Mười sáu vừa được Joseph nói cho biết

Vì tuyết rơi mỗi lúc một thêm dày đặc, Kim không thấy chiếc xe hơi nhỏ có gắn cần truyền tin được lái bởi gã ký giả Pháp mặc áo da màu đen, kẻ đã trao tờ nhắn của anh cho Joseph tại Gif-sur-Yvette. Chiếc xe nhỏ đó đậu bên lề bắc đường Rivoli, sát hông khách sạn Intercontinental. Một nhân viên mật vụ Bắc Việt môi màu tro, mặt chầu quạu, ngồi một bên gã ký giả Pháp hất đầu ra hiệu cho tài xế chạy theo chiếc tắc xi khi nó đi thẳng về hướng La Place de la Concorde. Chiếc xe có cần truyền tin cẩn thận giữ khoảng cách một trăm thước đằng sau chiếc tắc xi dọc theo sông Seine tới cầu Pont d'Iena nơi cả hai xe cùng qua sông.

Tại đường La Fontaine bên kia vòm phát sóng của trụ sở Đài Phát thanh và Truyền hình Pháp, Kim ra hiệu dừng xe tắc-xi và bảo tài xế chờ. Nhân viên mật vụ nhìn theo bóng Kim, ra lệnh cho tài xế chạy chậm lại. Từ trong xe, cả hai quan sát Kim đi quanh qua góc đường, rồi khuất vào Đại lộ Léopold II. Khi chiếc xe mật vụ chạy tới ngã tư, người bên trong xe thấy Kim bấm chuông cửa số 3 ở góc một chúng cư. Và gần như lập tức, cửa mở, xuất hiện một người Việt Nam mặt đầy vẻ sừng sốt. Và rất giống Kim.

Khi Trần Văn Tâm bắt tay người em ba mươi sáu năm nay không gặp rồi đưa tay lên choàng cổ em, nhân viên mật vụ lẹ làng chụp một bức hình với chiếc máy ảnh cực nhỏ. Trước khi Tâm kéo Kim vào bên trong, nhân viên mật vụ chụp thêm một bức hình nữa. Và sau khi ghi lại địa chỉ ấy, y ra lệnh cho gã ký giả Pháp quanh xe lại rồi lái ngang đằng trước chúng cư một lần nữa để y có thể chụp bức thứ ba lấy đầy đủ hình ảnh của toà nhà.

Bên trong chúng cư nơi tầng trệt, hai anh em vốn đã không gặp nhau kể từ buổi chiều có giải vô địch quần vợt tại Sài Gòn năm

1936, lúc này đang nhìn nhau, long lanh ngấn nước mắt. Kim nói, giọng thì thầm nghèn nghẹn:

- Em chỉ có thể ở lại vài phút. Và phải tuyệt đối không nói chuyện chính trị.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 3 -

Trăng rằm lơ lửng giữa bầu trời lồng lộng bên trên Hà Nội trong đêm Thứ Hai 18 tháng Mười hai năm 1972. Xuyên qua những cụm mây lãnh đăng trôi lơ lửng khắp trời, trăng mờ màng toả ánh trong thanh xuống chan hoà thủ đô. Kể từ cuối tháng Mười, Hoa Kỳ tuyên bố ngưng oanh tạc từng phần, và như thế, thêm lần nữa đặt Hà Nội và khu vực trong vòng bán kính khoảng 115 cây số trở về hướng nam nằm ngoài phạm vi không tập. Người dân Hà Nội, sau khi làm xong công chuyện buổi tối, lại lũ lượt kéo nhau ra phố tắm ánh trăng, dắt díu nhau tản bộ hoặc đi xe đạp thành từng đoàn. Hậu quả của việc ngưng oanh tạc từng phần là đường phố không còn tắt hết đèn đóm để phòng không và dân chúng sống khắp các khu vực nội ô lẫn ngoại ô cảm thấy thoải mái. Họ chẳng còn phải tắt tưới hoặc e dè khi di chuyển từ nhà tới xí nghiệp để làm việc hoặc ra chợ mua sắm cho gia đình.

Tại khu vực kỹ nghệ Khâm Thiên vốn thuộc trước thuộc vùng ngoại ô, Tuyết cùng hai con đang trên đường từ một cửa hàng bách hoá về nhà, mang theo rau quả và suất gạo còm cõi hàng tháng. Nhà của ba mẹ con là căn hộ một phòng rộng mười sáu thước vuông, trong khu cao ốc tập thể dành cho công nhân trên hai mươi tuổi, được ưu tiên cấp cho ba mẹ con ngay khi vừa đặt chân ra Hà Nội mùa xuân năm 1968. Từ đó đến nay, tuy tuổi chỉ mới ba mươi lăm Tuyết đã cảm thấy bần thần, hờ hững như đời hơn bốn mươi và gần như cần nhựa sống. Nhan sắc rực rỡ ngày nào chỉ là bóng rất mờ trên khuôn mặt xanh xao, héo hắt và in hằn những lần nhăn tiều tụy. Khi nàng xê dịch, vai lệch hẳn theo từng bước chân. Trên thân hình thon thả ngày nào nay còm cõi, quanh năm chỉ mặc một loại quần áo phân phối dành cho công nhân, may bằng vải ka-ki đơn điệu bạc màu, sờn trơ chỉ.

Trong không khí se lạnh mùa đông Hà Nội, cái nắng Miền Nam như ở bên kia nhiều lớp mây rất xám. Những ngày tháng Miền Nam xa xôi như ở một cõi khác, mờ ảo như thuộc về một kiếp khác. Rồi Huế khi tai còn âm vang tiếng súng Mậu Thân, ba mẹ con Tuyết được bố trí theo xe Molotova chở quân khí chạy ngược đường Trường Sơn. Xe rẽ xuống Đồng Hới rồi từ đó, được Thường vụ tỉnh Quảng Bình gởi theo xe công tác đi thẳng ra Hà Nội. Sau mấy cuộc liên hoan được rộn ràng đón tiếp như một dũng sĩ tay không diệt Mỹ của Miền Nam, và ở trong đoàn chủ tọa mấy buổi lễ xuất quân, tung bừng đưa tiễn thanh niên thủ đô hăm hở lên đường đi B để “góp một bàn tay tiếp quản 3/4 đất đai và 4/5 dân số”, Tuyết bắt đầu những ngày sống thu mình bên cạnh các con. Cuộc sống này do Tuyết chọn và cho đến nay nàng không chút hối tiếc về quyết định ấy.

Trần Văn Kim kinh ngạc khi nghe Tuyết từ chối tất cả những công tác liên quan tới chính trị, tương xứng với trình độ học vấn của mình, như làm nhân viên bộ ngoại giao hoặc dạy tiếng Pháp cho một học viện chuyên ngành đào tạo các cán bộ sẽ phục vụ tại các sứ quán ở châu Âu hay ở trong ban văn hóa tư tưởng dịch thuật tài liệu ngoại văn. Tuyết chỉ xin làm một công nhân lao động vô danh và bình thường.

Nhờ lý lịch có chồng gốc Hoa và biết đôi chút tiếng Quan Thoại, Tuyết được nhận làm người nấu ăn trong một căng-tin bên kia Sông Đuống, cho các công nhân quốc phòng người Hoa sang làm công tác quốc tế xây dựng Miền Bắc. Họ người vùng Hoa Bắc lực lưỡng, ăn thịt bỏ lòng. Công việc chính của họ là giúp kiến thiết và bảo quản con đường sắt rộng 1.2 thước từ Lạng Sơn tới ga Yên Viên dài hơn một trăm cây số. Tuyến đường đặc biệt dùng để chở quân nhu quân cụ của Trung Quốc yểm trợ Việt Nam trong cuộc chiến chống Mỹ, và sau này, chở thêm vũ khí của Liên Xô trong những ngày cảng Hải Phòng bị phong tỏa.

Những công nhân này, thuộc trong số 15 vạn thanh niên thiếu nữ người Hoa có mặt ở Miền Bắc mấy năm trước đây. Hầu hết là vệ binh đỏ, họ sống trong vùng oanh tạc mà thân nhiên như đi dạo mát, với lòng tin tưởng tuyệt đối vào vị chủ tịch Trung Quốc siêu

phàm và đáng kính. Mỗi người nâng niu một cuốn sách đỏ ghi châm ngôn của Mao Trạch Đông làm kinh nhật tụng và sẵn sàng mang ra trích dẫn mỗi khi cần tranh luận, tự kiểm hoặc tổng kết công tác. Bên cạnh đó, năng lực lao động của họ thật ghê gớm. Sức một người đủ vác nổi một tà-vệ, và hai người đủ khiêng nổi một thanh đường rầy. Sang Việt Nam làm nghĩa vụ quốc tế, họ mang theo vũ khí cá nhân và súng cao xạ phòng không, sẵn sàng chiến đấu. Mỗi khi máy bay oanh tạc của Mỹ xuất hiện trong tầm mắt, họ khua soong chảo rền trời. Tuân theo lời dạy của Mao chủ tịch, họ xem việc đánh nhau với đế quốc Mỹ như dùng đoản côn đập một phát nát đầu con hổ giấy, chẳng cần xuống tấn.

Hằng ngày, Tuyết dậy thật sớm, lo chút điểm tâm cho Trinh và Chương, sắp sẵn bữa cơm trưa cho hai con khi chúng đi học về. Rồi khi trời chưa sáng hẳn, nàng đạp xe trên mười cây số trong sương mù qua cầu Long Biên sang Gia Lâm, vượt cầu sông Đuống để đến chỗ làm. Tới sâm sẩm tối mới đạp xe về. Lại lo bữa cơm tối đạm bạc rồi thắm lên dạy cho Trinh và Chương học thêm tiếng Pháp tiếng Anh. Riết rồi cũng quen dần với khí hậu khắc nghiệt. Mùa hè nắng rát, khô và ngứa như rôm sảy nổi khắp người. Mùa đông mưa phùn với gió rét như có hàng ngàn mũi kim chích vào mặt. Làm ở Yên Viên được ba năm, Tuyết phải thay đổi công việc vì các công nhân quốc phòng ấy về lại Trung Quốc. Kế tiếp, Trần Văn Kim bố trí cho Tuyết vào làm trong xưởng quân khí ở gần chúng cư tập thể của ba mẹ con. Tại đó, Tuyết lao động mười hai giờ mỗi ngày. Công việc chính là ráp ngòi nổ vào đạn pháo cho các ô cao xạ ở Miền Bắc hoặc để yểm trợ cho pháo binh ở chiến trường Miền Nam.

Chỉ thỉnh thoảng ngày tết hay ngày giỗ, Trần Văn Kim mới ghé lại thăm Tuyết, còn nàng gần như chưa lần nào tự ý tìm đến văn phòng của Kim tại trụ sở trung ương đảng. Từ tháng đầu tiên đặt chân xuống thủ đô, Tuyết đã nhận ra đời sống ở đây không như mình nghĩ tưởng hồi còn ở Huế. Mỗi ngày qua đi trong cuộc sống ở Hà Nội, Tuyết càng trôi dần vào trạng thái trầm lặng và câm lặng. Ở đây lẫn lộn lung tung các khái niệm thông minh và lém lỉnh, khôn ngoan và hoạt đầu, trí tuệ và cơ hội. Người ta hô hào

xây dựng một xã hội lý tưởng trong khi không ai nói rõ mẫu người lý tưởng đó cần những phẩm chất bất biến nào. Người ta cổ vũ một thứ đạo đức trong đó đòi buộc con người tuyệt đối tuân phục quyền lực và triệt để tự hủy bản sắc của mình. Kết quả, người ta quen với một cuộc sống máy móc, chỉ đạo, phân phối và mỗi người chọn cho mình nhiều lối tự thể hiện, tùy nhu cầu và hoàn cảnh. Chiến tranh dài ngày, chế độ bao cấp, quanh năm thi đua lao động sản xuất, lương tiền còm cõi, khiến người ta đánh mất tinh thần lao động chân chính. Khi khắp nơi, dối trá và sợ hãi là nền tảng của ổn định thì người dám nói thật bị qui kết là kẻ phá hoại và bị điều đứng. Khi cái ác được sở chuồng và hoành hành thì xã hội bị biến thành chốn hiểm nguy cho những ai muốn đứng thẳng lưng và đi bằng hai chân của mình hoặc chỉ muốn sống cuộc đời chân chất lương thiện. Rốt cuộc, sống như thế chỉ là cố sống sót. Cố quên những xông xáo chiến trận ngày cũ vì thuở ấy chất ngất hận thù. Cố quên những ước mơ và tủi hận lúc thanh xuân vì nhớ chỉ thêm trần trọc, gây thương tổn trong cuộc sống lao động nhọc nhằn. Hãy câm và nín để tồn tại, để giữ cho mình vẫn là mình, để kéo dài cuộc đời nuôi dưỡng và dạy dỗ hai con. Thế thôi. Đời sống che đậy cảm xúc, tư duy gò bó, kham khổ, tính toán chất chiu từng hạt gạo, thanh củi, cây quả, cuốn tập, manh áo cho con cũng đủ mỗi mẹt. Và cô độc nữa, trong một xã hội bùng bít, một chiều, khai thác tình tự dân tộc và cai trị bằng dối trá, sợ hãi và kích thích thù hận. Những người chung quanh rất cảnh giác khi tiếp xúc với Tuyết vì biết nàng là con lai, dũng sĩ diệt Mỹ, có học mà chỉ làm công nhân, lại là cháu của một nhân vật chớp bu trong đảng. Hình ảnh Hà Nội văn vật và thanh lịch, ăn nói nhỏ nhẹ, giao tiếp tinh tế, cảnh sắc xinh tươi từng gợi cảm Tuyết qua các tác phẩm của Tự Lực Văn Đoàn, những bài thơ những bản nhạc tiền chiến và phim ảnh của Pháp thuở đi học trường Marie-Curie nay chìm dần trong trí tưởng. Tất cả chỉ là một màu xám xịt, gượng gạo, buồn tẻ, cộc cằn với những khuôn mặt thường xuyên mệt mỏi, nín lặng, ngoại trừ những lúc phải sinh hoạt tập thể, thu hoạch nghị quyết, tổng kết thành tích. Bên dưới những câu khẩu hiệu rộn ràng, những bài ca líu lo vang khắp các loa phóng thanh giăng mắc hang

cùng ngô hẻm, đời sống xã hội một chiều, đơn điệu, giả hình, đầy nghi hoặc và dễ thương tổn khiến người ta co cụm về cuộc sống gia đình và liên hệ thân tộc. Vì chỉ ở hai nơi đó người ta mới cảm thấy mình thật sự có trách nhiệm, sống tương đối thoải mái và chân thật, đáp ứng được chút thèm tình người và còn có chỗ cho mình được tin người và được người tin. Còn Tuyết, nàng chỉ có Trinh và Chương. Đào Văn Lật thì đang bận công tác chỉ đạo đầu đó tận trong Miền Nam. Chỉ có Trần Văn Kim hiện ở Hà Nội nhưng cậu ấy là nhân vật thượng đỉnh trong Bộ Chính trị. So với thế giới đầy an phận, lo toan và tình cảm của cuộc đời thường, các ủy viên Bộ Chính trị thuộc về một cõi khác. Gia đình họ hưởng chế độ phân cấp cao gấp bội người dân thường, được mua nhu yếu phẩm cao cấp tại những cửa hàng đặc biệt. Bản thân họ ăn ở cách ly theo một qui chế riêng biệt, do ban cấp dưỡng của Trung ương Đảng trực tiếp phụ trách. Có nhiều ủy viên năm thì mười họa mới ăn cơm chung với gia đình hoặc vợ con.

Dù sao Miền Bắc cũng là chỗ dung thân sau cùng cho mình trong tình thế này, Tuyết hằng tự nhủ như thế trong mong ngóng ngày trở về quê của mẹ chồng ở Long An nơi khí hậu ôn hòa, con người sống tích cực, hồn nhiên và bộc trực với những lời ca tiếng hát mới nghe thì cảm thấy quê mùa ủy mị nhưng lại thấm đượm tình người ngọt ngào và thơm ngát mùi đạo lý dân giả. Cầu cho ngày ấy Miền Nam thật sự độc lập, trung lập và hòa bình vì Tuyết vẫn rung mình khi tưởng tượng một ngày kia, xã hội trong ấy đi vào loại vô trật tự đã thành nếp và hoại thư như xã hội thủ đô và Miền Bắc hiện nay.

Hai đứa con đi sát hai bên Tuyết. Trinh mười bốn tuổi, cao lóng khồng và lớn hăn so với hôm nào rụt rè hớn lên má ông ngoại trên con đò Mậu Thân ở Huế. Chương mười một tuổi, nhanh nhẩu và động đậy không ngừng theo tính khí con trai tinh nghịch. Hai chị em hết chỗ miệng sang liền thoáng trêu ghẹo nhau lại đuổi nhau chạy lòng vòng quanh chân mẹ rồi níu lấy áo mẹ như chơi trò cút bắt. Chúng ré lên cười ròn rã khi có đứa làm rớt giỏ rau quả hay túi gạo đang cầm chặt trong tay. Thỉnh thoảng Tuyết cần nhân con bằng giọng mỗi một nhưng cả hai chỉ yên được một phút rồi tỉnh

hiếu động thiếu nhi lại nổi lên, thúc đẩy chúng bày thêm một trò mới.

Đột nhiên, có tiếng còi báo động phòng không hú lên xé bầu không khí thủ đô làm hai chị em đang nhảy cẫng bỗng chững lại. Lúc đó chỉ vừa hơn tám giờ tối. Chưa quá vài giây đồng hồ, đèn đường và tất cả những thứ gì có thể toả sáng trong các cơ sở công cộng đều tắt lịm. Thủ đô chìm vào bóng tối. Những người đang cỡi xe lập tức gò lưng đập tán loạn về hướng nhà mình.

Gọi tên hai con, Tuyết bảo chúng ép thật sát vào người của mẹ rồi cùng nhau chạy lẹ tới hầm trú ẩn chìm được lập ngay bên dưới toà nhà tập thể cao bốn tầng của nàng. Vừa chạy ba mẹ con vừa ngược mặt lên tìm kiếm nhưng trong bầu trời sáng vằng vặc ánh trăng rằm, chẳng một người dân Hà Nội nào nghe hoặc thấy gì. Đột thứ nhất của đàn máy bay oanh tạc đông đảo nhất trong lịch sử không chiến của Hoa Kỳ tập kết về hướng Hà Nội đang ở độ cao trên mười một ngàn thước, nằm ngoài tầm tai nghe và vượt quá tầm mắt nhìn của những con người đang vật vã sống từng ngày dưới đất.

Toàn phi đội pháo đài bay tám động cơ B-52 trong đợt đầu này mang theo trên mỗi chiếc một khối lượng chất nổ cực lớn — bốn mươi hai quả bom, mỗi quả nặng khoảng 350 kilô, xếp liền nhau như trứng cá trong bụng máy bay dài bằng thép, và hai mươi bốn quả bom, mỗi quả nặng khoảng 225 kilô, sắp thành hai khối dưới đôi cánh rộng.

Đàn phi cơ đang lao tới các mục tiêu đã định tại Hà Nội và Hải Phòng. Bay theo đội hình ba chiếc một với vận tốc một ngàn cây số một giờ, chúng được hướng dẫn từ cứ điểm chỉ huy cách Hà Nội gần năm ngàn cây số ngang qua Thái Bình Dương tại đảo Guam hoặc cách gần một ngàn cây số ngang qua yết hầu của bán đảo Đông Dương tại Thái Lan. Mỗi chiếc được điều khiển bởi một phi hành đoàn oanh tạc nhốt mình trong các buồng nhỏ không cửa sổ nơi khoang sát bụng dưới.

Phi hành đoàn không bao giờ thấy, dù chỉ thoáng, vùng đất họ oanh kích. Họ chỉ tính toán đường bay một cách mù loà bằng phi cụ và theo bản đồ. Tới thời điểm đã được tính trước, họ thả bom

với sự hỗ trợ của màn hình radar và đồng hồ bấm giờ. Họ tự hào về việc trút các vũ khí hủy diệt của mình xuống mặt đất với sự chính xác từng li từng tí, như một bác sĩ giải phẫu. Theo như dự liệu ở mức độ tối đa, mỗi lượt trải bom của ba chiếc B-52 có khả năng hủy diệt mọi sự trong diện tích mục tiêu chính xác với chiều dọc hơn ba cây số và chiều ngang hơn một cây số rưỡi.

Do bởi năm ngày trước đó, các nhà thương thuyết Mỹ không muốn đôi co hơn thiệt với đại diện của đối phương trong ngôi biệt thự nghỉ mát nhỏ bé của nhà họa sĩ ở ngoại ô Paris nên tới đêm 18 tháng Mười hai này, lần đầu tiên các pháo đài bay B-52 được phái đến oanh tạc các cơ sở trọng yếu nằm ngay tại trung tâm thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng. Mục tiêu gồm các vũng tàu đậu, xưởng đóng tàu, đường sá, cầu cống, vị trí hỏa tiễn, sân bay, kho tàng quân cụ, xí nghiệp quân sự, doanh trại. Trước đây máy bay Mỹ thỉnh thoảng có dội bom những mục tiêu ấy tại vùng ngoại ô nhưng đây là lần đầu tiên có một trận không tập lớn lao nhắm thẳng vào các trọng điểm được đặt trong thành phố.

Vì không nghe ra cũng chẳng thấy nổi đàn máy bay oanh tạc nên Tuyết chết điếng theo tiếng nổ của đợt bom thứ nhất trong khi nàng đang dắt hai con chạy như bay tới hầm trú ẩn ngầm dưới đất. Thoạt đầu, bầu trời đêm rực sáng với ánh chớp chói lọi làm mờ mịt vàng trắng. Tiếp đó, mặt đất dưới chân ba mẹ con rung chuyển và các toà nhà hai bên đường phố rung động. Một tiếng gầm đĩnh tai buốt óc nhấn chìm mọi người xuống rồi lần lượt hết ánh chớp này tới ánh chớp khác loé lên cho tới khi mặt đất dường như liên tục sôi sùng sục trong hàng trăm tiếng nổ và chớp sáng chói mắt. Ba mẹ con ngừng chạy, hãi hùng rúc vào nhau. Lúc mới bắt đầu, cả ba thậm chí không dám tin bom đang rơi. Tình thế đêm nay không giống chút nào tám tháng trước đây, thời gian có những cuộc oanh kích từng chập bằng phóng pháo cơ xuống các khu vực ngoại ô nhằm trả đũa cuộc đại tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa của ba sư đoàn Bắc quân cùng với xe tăng tràn qua vùng phi quân sự đánh chiếm Đông Hà Quảng Trị. Giờ đây, trần gian dường như đang tận số. Trong ánh chớp chói lọi, quả đất dường như nảy lên và nổ tung chung quanh ba mẹ con.

Y hết mọi người dân Hà Nội và Hải Phòng, ba mẹ con Tuyết cứng người khiếp đảm đến tê lạnh. Chỉ tới khi các ụ phòng không quanh thủ đô bắt đầu khai hoả và nhìn thấy hoả tiễn địa không hình trụ dài, đậm màu phân ngựa do Liên Xô chế tạo, xé gió lao vút lên trời xuyên qua ánh chớp trắng xoá của những quả bom đang nổ, Tuyết và hai con mới biết ra rằng đang có những chiếc máy bay âm trầm ở một chốn mật mù trên đầu mình. Và cũng chỉ khi ấy ba mẹ con mới lấy lại được linh hồn để tiếp tục chạy một mạch tới hầm trú ẩn.

Đợt oanh tạc đầu kéo dài chừng hai mươi phút. Và khi hết khoảng thời gian hỗn mang đó, những tiếng nổ đang gầm hú bỗng im bất. Mọi người nín lặng thêm năm ba phút nghe ngóng tình hình. Sau đó, từ những hầm trú ẩn vừa chen lấn nhau kéo xuống, Tuyết cùng hai con và hàng ngàn người khác lầm lũi bước ra, chân quờ quạng đi xuống lòng đường trong khu vực Khâm Thiên âm u, đưa mắt ngơ ngẩn và hãi hùng ngó lên trời.

Các tầng trời mây phủ bên trên thủ đô Hà Nội sáng rực, đỏ ánh như máu cùng khói đen từng vầng trôi bồng qua khuôn trăng đầy đặn mới đây rất trong thanh và mơ màng, lúc này bỗng đỏ quạch một màu máu: trắng huyết. Đêm ngất ngư với những tiếng nổ âm trầm khi xa xa các kho xăng dầu và các kho đạn dược kế tiếp nhau nổ tung. Cứ mỗi tiếng nổ lại bắn tung lên trời hàng chục cột lửa đỏ rực. Khắp nơi và mọi hướng, chỗ nào cũng thấy lửa. Lửa quáng mắt. Lửa nứt tai. Lửa bốc thật cao. Chỉ khoảnh khắc thôi Hà Nội hoá thành một vết cào xước nóng bỏng làm rát mặt địa cầu ảm đạm.

Tới chín giờ, cơn choáng váng do đợt oanh tạc thứ nhất chưa kịp lắng, còi báo động lại hụ rền lên. Tuyết và hai con thêm lần nữa lao mình xuống hầm trú ẩn dưới đất. Chớp mắt sau, thủ đô lại rung động tận lòng đất khi cuộc không tập tàn khốc tái tục. Đợt oanh tạc thứ nhì kéo dài mười lăm phút và tiếp theo lại là một thời gian tạm lắng. Rồi kế đó, vào đúng mười giờ, mười một giờ và nửa đêm, tiếng còi hụ lại đều đặn rền vang. Ba đợt B-52 nữa lại nối tiếp nhau bay đến trên đầu người dân Hà Nội, tuôn như mưa hàng trăm tấn bom xuống các mục tiêu mới.

Suốt đêm ấy, cứ cách đúng một giờ lại có một đàn pháo đài bay khổng lồ càn quét bên trên thủ đô, trải xuống những tấm thảm hủy diệt được tính toán kỹ lưỡng như người ta làm toán cộng trừ nhân chia bằng máy tính. Và những đàn B-52 liên tục oanh tạc từng đêm, mỗi đầu giờ, không gián đoạn, không lơi không giảm, suốt mười một đêm kế tiếp, và chỉ tạm ngừng ngắn ngủi vào đêm Lễ Giáng Sinh. Ban ngày, trong lúc các phi hành đoàn B-52 nghỉ ngơi lấy lại sức, các oanh tạc cơ chiến thuật nhỏ hơn như Con ma Phantom F-4 và Thần sấm Thunderchief cùng Cánh cụp F-111 và Cánh xòe F-105 chiến đấu phóng pháo cơ của Hải quân Hoa Kỳ từ các tàu sân bay đậu trong Vịnh Bắc Việt nối tiếp trận không tập như thể không để cho lực lượng phòng không của thủ đô Hà Nội và thành phố Hải Phòng có thì giờ rửa tay lau mặt. Theo đúng diễn tiến thời gian và một cách có hệ thống, các đoàn máy bay Mỹ tàn phá tan tành và san thành bình địa hết thảy các mục tiêu đã chọn. Cũng trong thời gian ấy và một cách nghịch lý, trận không tập với mức độ kinh hoàng đến thế lại giúp cho tiếng nói của Đảng đồng đặc hơn, uy hùng hơn, khiến dân chúng hướng mắt về Đảng hơn và gây niềm khích lệ mới mẻ cho dân quân phòng thủ Hà Nội. Những bài tụng ca và hoan ca khỏe khoắn, véo von, phát ra từ các loa phóng thanh treo đầy đường và theo đường dây truyền thanh đơn giản vào thẳng trong mỗi gia đình, làm không khí như sôi lên từng giờ, đất trời choáng ngợp từng phút. Đâu đâu cũng nghe vang vang tiếng nhạc gọi tên vị lãnh tụ kính yêu và đã khuất bằng nhiều cung bậc khác nhau, và sang sảng giọng ca bày tỏ niềm tin tưởng và hi vọng vô vàn vào thủ đô Hà Nội mến yêu cùng con người Hà Nội anh dũng. Trong ánh chớp ngời ngời của bom đạn, người ta đứng thẳng lưng ém hơi thật sâu để hát lên thật cao, làm rạng rỡ mặt trời hồng của lãnh tụ và rực sáng ngôi sao mai thủ đô.

Suốt bảy năm chiến tranh vừa qua, trên khắp Đông Dương, Hoa Kỳ chỉ tổn thất một pháo đài bay B-52, nhưng trong trận 12 ngày không tập Hà Nội và Hải Phòng này, mười lăm chiếc pháo đài bay chiến lược khổng lồ ấy bị hỏa tiễn SAM-2 bắn tan xác trên bầu trời khi chúng bay theo đội hình dày đặc. Chiếc pháo đài bay nào cũng mang theo bộ máy điện tử cực kỳ tinh vi, có thể làm tắc nghẽn

hoặc gây nhiễu cho cơ phận ra-đa định hướng được gắn sẵn trong
hoả tiễn Liên Xô. Nhưng người Bắc Việt đã làm cho bộ máy điện
tử ấy mất tác dụng bằng cách tắt cơ phận định hướng, rồi cứ thế
bắn bừa lên ngay giữa đội hình B-52 các hoả tiễn SAM có gắn
thiết bị điều chỉnh cho nổ khi gần tới mục tiêu. Hơn sáu mươi nhân
viên phi hành Mỹ phải nhảy dù khỏi những chiếc máy bay bị bắn
hạ theo cách đó. Và họ chỉ có một nửa sống sót, nhập đoàn với các
tù binh chiến tranh khác tại nhà lao Hoà Lò — nơi vẫn nguyên vẹn
khi xảy ra trận không tập đánh xuống các tâm điểm tại Hà Nội.
Dù phi hành đoàn B-52 tự hào về khả năng trải bom cực kỳ chính
xác xuống đúng mục tiêu, nhưng các xạ thủ của nó thừa hiểu rằng
nếu họ bấm nút sớm vài giây hoặc trễ vài giây, bom có thể rơi
ngoài khu vực mục tiêu tới vài trăm thước. Về sau, các chỉ huy
trưởng của họ cho rằng đối với thành phố có tới một triệu dân như
Hà Nội mà con số người chết, theo chính người Việt Nam công bố,
chỉ dưới hai ngàn người, thì trận không tập ấy là một trong những
chiến dịch oanh tạc chính xác nhất. Không phải trong trận oanh tạc
của Anh ở Dresden có tới sáu vạn người chết? Không phải trong
trận oanh kích của Đức ở Luân Đôn có tới ba vạn người chết? Phải
chăng những hình ảnh dẫn chứng ấy là bằng cứ cho thấy Hoa Kỳ
nắm rất vững nghệ thuật oanh tạc đô thị và cho thấy có sự cân
nhắc tới những thường dân đang sống ở đó? Nhưng bất chấp
những so sánh ấy, tại Hà Nội đã có ít nhất một nhà thương bị bom
đánh trúng, nhiều khu nhà cửa rộng lớn chỉ còn lại tro tàn. Và sáng
nào cũng thấy có thêm nhiều tốp người Việt Nam tê dại, đi lang
thang. Mắt họ ngu ngơ nhìn đồng gạch đá đổ nát trước đây từng là
tổ ấm của vợ chồng con cái, và từ môi họ thoát lên tiếng khóc sục
sùi cho những thân nhân tối qua còn sống.

Vào buổi sáng sau đợt oanh tạc cuối cùng, trong số những con
người tro vơ ấy có vóc dáng lỏng lẻo của con bé Triệu Hồng
Trinh. Nó đứng ở Khâm Thiên, bên ngoài nơi từng có lần là lối
xuống hầm trú ẩn ngầm dưới đất, ngay dưới khu tập thể. Mắt đỏ
đẫm và thân run lẩy bẩy, Trinh đợi người đau đớn. Nước mắt chảy
từng vệt lem luốc rồi đóng thành một lớp cầu vồng và nheo nhúa
khấp mặt.

Toàn bộ khu cao ốc tập thể chỉ còn đứng vững một bức vách. Ba bức kia sụm ngang mặt đất như bị nắm tay ai đâm trúng với một sức mạnh khủng khiếp. Tựa hình nhân cử động bằng máy, đàn ông, đàn bà và trẻ con nhào người, im lặng bò lổm ngổm trên hàng đồng gạch đá đổ nát, cố thu nhặt từng mảnh đồ đạc vỡ nát. Những người khác chỉ biết đứng nhìn quanh với con mắt thẳng thốt vô hồn. Còn Trinh đứng im lìm đưa mắt dò dẫm ngó toán cứu hộ, người dùng xẻng xúc xà bần, kẻ dùng tay dỡ từng mảng gạch đá để thông đường xuống hầm trú ẩn. Khi trời rạng sáng, người ta vẫn nghe có tiếng kêu cứu yếu ớt từ dưới đồng gạch đá nhưng từ một giờ qua, không còn vẳng lên tiếng rên la nào. Và Trinh đứng đó, khóc rầm rức, một mình tội nghiệp ôm lấy thân mình suốt năm sáu tiếng đồng hồ ngóng trông chờ chực.

Lúc đó là ba giờ khuya trong đêm cuối cùng của trận không tập. Đã quen thuộc với khoảng cách gầm hú của các đợt oanh tạc đều đặn, và vào giờ đó đàn B-52 dường như vừa bay khỏi bầu trời thủ đô nên ba mẹ con ra khỏi hầm trú ẩn, lên đứng xem những làn chớp nháng xa xa trong cơn mưa bom đang trút xuống hướng Hải Phòng.

Chương hét lớn hả hê khi thấy có một hỏa tiễn trúng mục tiêu, làm nổ tung thành một luồng lửa màu da cam giữa bầu trời đen thẫm trên cao và hình ảnh của chiếc pháo đài bay khổng lồ tám máy của Mỹ bắt đầu xoáy vòng, rơi xuống, nghiêng nghiêng trong ánh sáng chói lọi. Dường như chiếc B-52 ấy rơi trong một thời gian rất lâu rồi mới chịu cắm đầu xuống đất cách đó mấy cây số. Cả ba mẹ con đứng mãi mê ngắm cho tới khi chiếc máy bay nổ tung làm mặt đất rung chuyển ầm ầm và một suối lửa khổng lồ phọt thẳng lên trời. Khoảnh khắc sau, Tuyết và hai con kinh hãi thấy một đợt bom như “cái thang” mới kết, bắt đầu trải xuống cách chỗ ba mẹ con đứng chừng bảy tám trăm thước, ở mé bên kia, ngay khu vực xưởng quân khí Tuyết làm việc. Mọi người chung quanh bắt đầu rú lên, lao mình xuống trở lại các hầm trú ẩn ngầm. Trong cơn tán loạn, Trinh té xuống, bị người ta vượt qua mặt khiến đứt đoạn với mẹ và em. Rồi nó được một cán bộ đảng kéo dậy, hồi hả đẩy vào một hầm trú ẩn khác ở gần đó.

Ngay lúc ấy, không người nào dưới mặt đất biết rằng ở một nơi thật cao mười hai ngàn thước bên trên đầu mình, có một tên lửa SAM-2 rượt theo một đội hình ba chiếc B-52 đang tới gần xưởng quân khí đã bị máy điện toán hoạch định là mục tiêu dứt điểm. Chiếc máy bay thứ nhất thả ba chục tấn bom trúng ngay mục tiêu rồi trở cánh. Nhưng quả SAM-2 phát nổ cách bên trên chiếc thứ hai chừng một trăm thước, làm máy bay tròng trành dữ dội trong khi xạ thủ vừa chạm tay vào nút thả bom. Tác động của hỏa tiễn nổ làm chiếc B-52 nảy lên dần xuống, lệch đường bay, và hất tung xạ thủ vào vách buồng. Tới khi y trụ được người lại, cây kim thứ hai của chiếc đồng hồ bấm giờ đã vượt năm giây quá thời điểm thả bom và bóng đèn nhỏ màu vàng báo hiệu “Cửa Bom Đã Mở” nhấp nháy như đèn trên bảng điện tử trước mặt. Dù vậy, y vẫn bấm nút thả bom và từng bóng đèn rồi từng bóng đèn trên bảng ra-đa tắt dần, báo hiệu loạt bom thứ nhất 350 ki-lô, rồi loạt thứ hai 500 cân đã trườn ra khỏi thân máy bay xám xịt. Bốn mươi giây sau, đèn hiệu “Bom Đã Thả” bật sáng trong khoang lái và phi công thở ra nhẹ nhõm, bắt đầu quành mũi máy bay quay về đảo Guam. Ba mươi bốn tấn bom thay vì san bằng xưởng quân khí nhưng bởi chậm năm giây, đã đào một dãy hố ngang qua phía nam cuối khu ngoại ô Khâm Thiên. Một quả quật sụm ba mé tường khu nhà cao ốc tập thể trong đó có căn hộ của Tuyết cùng sống với hai con. Bom nổ khi chạm mặt đất, khoét một hố sâu ba thước xuyên tới tận hầm trú ẩn chìm dưới đất, nơi đang có hàng trăm con người ngồi bó gối run rẩy trong bóng tối.

Tới giữa trưa, Trinh nhìn chăm chặp thi thể dập nát của Tuyết và Chương vừa được người ta kéo lên chung một lượt. Hai mẹ con đang rúc vào nhau khi quả bom xoáy trúng hầm trú ẩn. Cả mẹ lẫn con cùng tử nạn trong khi ôm lấy người nhau. Gào từng chập, Trinh điên cuồng lao vào thi hài mẹ. Phải mất gần mười phút vừa năn nỉ vừa dỗ dành, nhân viên cứu hộ mới nhấc bổng được con bé lên, đưa nó đi khỏi hiện trường.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 4 -

Một bầu không khí trang nghiêm và yên lặng bao phủ đại khách sảnh được trang hoàng long lẫy của Khách sạn Majestic cổ kính, tọa lạc bên Đại lộ Kleber. Suốt mấy phút, âm thanh duy nhất trong sảnh đường là tiếng xào xạc của những trang giấy làm bằng chất liệu hảo hạng và tiếng rạt rào của từng đợt mưa mùa đông tạt lên cửa kính. Các phụ tá nghi lễ người Mỹ lẫn người Bắc Việt đều đứng yên lặng, trang trọng và kính cẩn bên cạnh Kissinger hoặc Lê Đức Thọ trong khi cả hai ngồi đối mặt nhau qua chiếc bàn hội nghị làm bằng gỗ gụ phủ nhung xốp. Họ lật từng tờ bản hiệp định ngừng bắn dày khoảng sáu chục trang để người đứng đầu phái đoàn có thể nguệch ngoạc ký tắt vào các nghị định thư đã được họ mặc cả với nhau một cách gay go suốt hơn bốn năm vừa qua. Lúc ấy là một giờ thiếu mười lăm phút chiều Thứ Ba ngày 23 tháng Giêng năm 1973. Tại Trung tâm Hội nghị Quốc tế thuộc Bộ Ngoại giao Pháp được trang hoàng bằng những chiếc gương thiếp vàng, cửa sổ rèm kết tua và sàn trải thảm nhung cổ, trong khung cảnh ngoại giao trịnh trọng, cuộc chiến tranh mười năm mà Hoa Kỳ từng chiến đấu trong cái nóng bức và sinh lầy của rừng núi và nông thôn Việt Nam đang tới hồi kết liễu một cách trầm lặng. Một nhóm nhỏ các ký giả, nhiếp ảnh viên và chuyên viên thu hình thời sự vô tuyến truyền hình được mời vào đại sảnh để quan sát nghi lễ ký kết. Máy ảnh lập tức chớp nháy lia lịa và máy quay phim bắt đầu chạy lè xè đúng khoảnh khắc một viên chức bộ vệ người Pháp phụ trách nghi lễ đang đi quanh quần bên trong cánh cửa, thỉnh lình phất tay ra hiệu cho họ có thể quay phim và chụp hình quang cảnh.

Ngồi bên cạnh Lê Đức Thọ và đang chăm chú quan sát nghi lễ ký bản hiệp định, Trần Văn Kim bỗng nhướn mắt xem xét tỉ mỉ từng

khuôn mặt ký giả cho tới khi bắt gặp đôi mắt của Joseph. Hai người ngó nhau trong vài giây rồi người Việt Nam khẽ gật đầu chiếu lệ, tỏ cho biết mình có nhận ra, sau đó lại chăm chú nhìn xuống các trang nghị định thư được đánh máy sẵn.

Sau cùng, khi hai nhà thương thuyết chính đặt bút qua một bên, các phụ tá đóng tập hồ sơ lại rồi đi vòng sau bàn, bước cẩn trọng từng bước để trao đổi văn bản. Qua người thông dịch, Tiến sĩ Kissinger và Lê Đức Thọ phát biểu sang sảng và ngắn gọn, đề cập tới khát vọng hoà bình của cả đôi bên và tính lịch sử của khoảnh khắc này. Kế đó, cuộc tụ họp giải tán để cả hai có thể bước ra đường cho các nhà báo đang đợi có cơ hội chụp hình và quay phim họ. Vĩa hè lênh láng nước mưa. Bầu trời phía trên đầu họ xám xịt và nặng như chì. Các nhiếp ảnh viên phải dùng đèn chớp để chụp hình phút giây người Mỹ ấy và người Việt ấy đứng trên lễ đường, tay siết chặt tay nhau, miệng cười vào miệng nhau thật rộng và thật tươi, như thể cả hai cùng là bạn tri kỷ lâu năm.

Nơi hành lang dẫn thẳng ra đại lộ, các phái đoàn và các phóng viên đứng lẫn lộn nhau khi lấy mũ đội và mặc áo mưa. Trong lúc chen lấn, Joseph cảm thấy có ai đó kéo tay áo mình. Anh quay lại thấy Trần Văn Kim đã đứng kế bên.

Người Việt Nam nói, giọng thấp:

- Monsieur Sherman, có lẽ chúng ta nên gặp nhau một chút trước khi anh rời Paris.

Joseph nhún vai:

- Không phải đã khá trễ cho những tiết lộ nóng hổi về mưu đồ bí mật của các nhà thương thuyết Mỹ sao?

- Lần này tôi có tin tức cho chính anh, hoàn toàn có tính cách cá nhân.

Kim nói như thế với giọng tự chế lạ thường. Thái độ của Joseph lập tức dịu hẳn:

- Tại sao chúng ta không gặp nhau uống chút rượu nơi tầng trệt khách sạn của tôi tối nay? Tôi ở tại Intercontinental.

Người Việt Nam lắc đầu:

- Tôi nghĩ tốt hơn chúng ta nên gặp nhau ở một chỗ riêng. Tôi sẽ đến tận phòng anh đúng sáu giờ chiều nay.

Nói xong, không để người Mỹ có cơ hội trả lời, Kim quay lưng và đi thẳng, lệ làng biến mất trong đám đông.

Trưa đó, Joseph dùng bữa với một thành viên trong ban tham mưu của Kissinger. Người khách ấy kín đáo và bí mật giải thích hơn một chục điều khoản mới mẻ vừa được đưa vào các nghị định thư chung cuộc. Tới khoảng giữa buổi chiều, Joseph trở về khách sạn. Anh ngồi xuống, cho trang giấy trắng vào máy đánh chữ, bắt đầu viết bài cho tờ The Times.

Suốt một tiếng đồng hồ, Joseph vật lộn với công việc để cố trình bày văn bản hiệp định chung cuộc này khác biệt ra sao so với những điều kiện đã được người ta tường thuật là đôi bên từng thỏa thuận trước khi diễn ra trận không tập Hà Nội và Hải Phòng trong thời gian lễ Giáng Sinh. Joseph suy nghĩ về những gì người phụ tá của Kissinger kể với anh lúc ăn trưa. Rằng có những thay đổi trong định nghĩa Khu Phi quân sự; quyền của Hoa Kỳ được tiếp tục hỗ trợ quân sự cho Sài Gòn đã được định rõ; một số cụm từ mang tính xúc phạm bị gạch bỏ; và các điều khoản thuận lợi đã được củng cố thêm, v.v. Nhưng đối với anh, toàn bộ những cái đó dường như chỉ là chuyện tranh cãi đôi chút về ý nghĩa của từ ngữ chứ không đi vào thực chất và mức độ khả thi của Bản hiệp định.

Joseph có nghe nói rằng tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bị ép buộc để rút cuộc phải chấp nhận bản Hiệp định Paris, trái với ý nguyện của ông. Và chính phủ Hoa Kỳ dọa dẫm rằng nếu Thiệu không đồng ý ký kết, trong tương lai họ sẽ cắt hẳn mọi viện trợ và sẽ phò mặc số phận của ông cho Hà Nội. Nhưng trong hết thảy những điều người ta nói cho Joseph biết đó, dường như không có điều nào giải thích tại sao trận không tập dữ dội và mãnh liệt vào thời gian lễ Giáng Sinh vừa qua là cần thiết.

Bản thân Joseph đã trải qua những ngày nghỉ lễ Giáng Sinh ấy với tâm trạng bứt rứt tại ngôi nhà ở một vùng quê nước Anh sâu trong miệt Tây Sussex Downs nơi anh chung sống với Naomi kể từ ngày thành hôn vào năm 1968. Ở đó, anh chăm chú theo dõi hằng giờ các tường thuật qua đài phát thanh về cuộc tàn phá trên một qui mô rộng lớn do pháo đài bay B-52 gây ra tại Miền Bắc Việt Nam. Các

phương tiện hải cảng, đường sắt, cầu cống, đường lộ, kho tàng và xí nghiệp quân sự đều bị phá hủy hoàn toàn và khả năng tiến hành chiến tranh của Hà Nội bị sút giảm nghiêm trọng. Nhưng rồi bên cạnh những tin tức ấy xuất hiện những chỉ trích kịch liệt từ khắp nơi trên thế giới về trận không tập ở ạt đó. Trong thời gian lễ Giáng Sinh ấy, có khoảng chín mươi ngàn tấn chất nổ được thả xuống Đông Dương, nhiều hơn số lượng Đức Quốc xã đã thả xuống nước Anh suốt thời Thế Chiến Hai. Nhiều tạp chí và nhiều chính trị gia trong thế giới phương tây lên án cuộc dội bom ấy là man rợ.

Cuối cùng, trận không tập chấm dứt vào ngày 30 tháng Mười hai và Nhà Trắng bảo đảm với Hà Nội rằng chùng nào còn diễn ra “những cuộc thương thuyết nghiêm chỉnh” chùng đó họ sẽ không oanh tạc trở lại. Ngày 5 tháng Giêng, Henry Kissinger quay lại Paris và thấy rằng trận không tập đã khiến Lê Đức Thọ không còn gây trở ngại cho ông ta như suốt từ đầu chí cuối vòng đàm phán đầu tháng Mười hai năm ngoái. Và như thế, trong vòng chưa đầy một tuần lễ, các chi tiết chung cuộc của việc ngừng bắn được hoạch định.

Từ những ngày đầu năm 1973, Joseph đã biết được rằng tại Hoa Kỳ, cuộc chiến tranh Việt Nam được hầu như nhất trí thừa nhận rằng đó là một sai lầm bi thảm cho nước Mỹ. Khoảng năm mươi tám ngàn sinh mạng Mỹ bị tiêu vong, hai trăm ngàn người bị thương, cùng với 146 tỉ Mỹ kim bị phung phí trong một cuộc xung đột đã khiến cho dân chúng Mỹ bị chia rẽ sâu xa hơn bất cứ vấn đề nào, kể từ cuộc Nội Chiến 1861-1865. Nhưng trong khi ngồi trong phòng khách sạn vào buổi chiều mùa đông tuyết phủ này, Joseph thấy mình dù sao đi nữa cũng đang vật vã với chính mình để làm sao trong tức thời, đưa ra được một viễn ảnh xác thực hầu đăng tải trong số báo phát hành ngày mai.

Hết giờ này sang giờ nọ, Joseph loay hoay với ý nghĩ của chính mình nhưng không đạt được kết quả nào. Tới sáu giờ, trong lúc anh vẫn ngồi bất động trước trang giấy trắng, Trần Văn Kim gõ mạnh lên cửa phòng. Khi đặt chân vào phòng, người Việt Nam

không bày tỏ dấu hiệu chào hỏi nào cũng không nói một lời, chỉ đưa về phía Joseph một phong bì lớn màu nâu.

- Cái gì đây?

Joseph vừa hỏi vừa e dè cầm phong bì. Kim trả lời, không nhìn Joseph:

- Ảnh

- Ảnh ai?

- Con gái anh, Tuyết.

Hai người cùng im lặng trong một lúc. Rồi Joseph nhú mào bối rối, bắt đầu mở phong bì. Kim bình thản nói thêm:

- Tôi e rằng nó đã chết. Nó bị giết trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh.

Joseph ngừng mở phong bì, đứng chết lặng giữa phòng. Sau một lúc, anh thả phong bì chưa mở hẳn xuống mặt bàn, bên cạnh máy đánh chữ, rồi ngồi xuống, lưng đưa về phía người Việt Nam. Một hồi lâu, anh đưa tay lên bóp bóp trán như để xoa dịu cơn đau. Suốt thời gian đó, Kim vẫn đứng bên cửa sổ, trầm lặng chờ. Áo măng tô của Kim vẫn không mở nút và bộ mặt tròn trịa ấy trông rỗng, không để lộ chút cảm giác nào.

- Tuyết chết như thế nào?

- Bom đánh trúng ngay hầm trú ẩn ngầm bên dưới toà nhà tập thể của nó. Người ta tìm thấy nó bị vùi dưới gạch đá, cùng với cả trăm người khác.

- Có phải tất cả đều bị giết chết?

- May mắn là trước đó, phần lớn công nhân ở Khâm Thiên đã được sơ tán khỏi thành phố. Nhưng hầu như toàn bộ khu vực ngoại ô đó bị nghiền nát bởi đợt đánh bom tàn bạo vào đêm cuối cùng — không một ngôi nhà nào còn đứng vững.

Joseph nói dờ dẩn:

- Tôi có ý hỏi Tuyết và gia đình nó. Có phải tất cả đều bị giết chết?

- Chương, thằng con trai, cùng chết với mẹ. Trinh, đứa con gái, tình cờ núp trong một hầm trú ẩn khác. Nó còn sống.

Đưa hai tay lên ôm đầu, Joseph ngồi ngó chằm chặp phía trước mặt. Kế đó, mắt anh nhìn tới phong bì. Anh mở hẳn phong bì. Bên trong có khoảng năm sáu bức ảnh. Anh lấy ra và trải chúng lên mặt

bàn.

Đây một bức ảnh của Tuyết do chính tay Joseph chụp bên ngoài trường Marie-Curie ở Sài Gòn. Lúc đó, Tuyết mười sáu tuổi, mặc áo dài màu nhạt và yếu điệu, thậm chí còn có vẻ hơi ủ rũ nhưng khuôn mặt thanh xuân ấy đã toát lên vẻ đẹp tuyệt vời. Một bức ảnh khác, rõ ràng được chụp trong ngày cưới của Tuyết, cho thấy Tuyết đang tươi cười khoác tay một thanh niên người Việt đẹp trai, hai mắt bừng bừng và thân xác hình như cần cái trong bộ vét-tông nhiều vệt nhăn. Bức ảnh thứ ba cho thấy Tuyết chụp chung với Lan. Cả hai cùng mang áo dài thướt tha và trang nhã. Người nào cũng mảnh mai, thanh tú và duyên dáng, rõ ra là hai mẹ con. Nhưng cả hai lại không đứng sát vào nhau, người này không chạm tới và không nhìn người kia. Cũng có mấy bức ảnh của Tuyết và hai con. Bức cuối cùng cho thấy Trinh và cậu em Chương. Hai chị em cao hơn lúc ở Huế và rõ ràng chỉ được chụp vào một thời điểm nào đó trong khoảng bốn năm vừa qua.

Lần trong các bức hình có mấy dòng chữ viết nguệch ngoạc bằng tiếng Pháp trên một mảnh giấy làm bằng vỏ cây dó, ở dưới ký tên Trinh. Joseph cảm thấy nghèn nghẹn trong cổ khi đọc nó:

“Cháu biết là mẹ của cháu muốn ông ngoại có mấy bức ảnh này. Mẹ của cháu ít khi nhắc tới ông nhưng kể từ sau khi ở Huế, cháu đã làm cho mẹ kể hết mọi chuyện về ông. Cháu nghĩ là mẹ không muốn nói quá nhiều về chuyện đó vì hễ cứ mỗi lần nói tới là mẹ khóc. Có một lần mẹ nói với cháu rằng ông chưa hề được xem hầu hết những bức ảnh này. Và cháu nghĩ ông cậu Kim của cháu sẽ có cách đưa chúng tới tận tay ông. Cháu hy vọng ông không lấy làm buồn vì cháu giữ riêng cho cháu bức ảnh chụp ông và mẹ bên ngoài trường học của mẹ ở Sài Gòn. Cháu chào từ biệt ông ngoại — Trinh.”

Buông mảnh giấy xuống bàn, Joseph đưa hai tay lên ôm mặt. Anh ngồi như thế một hồi lâu, không để ý tới Kim.

- Nó cứ nằng nặc đòi tôi phải chuyển mấy cái đó cho anh, nếu không, nó không chịu tới lui với tôi nữa.

Joseph ngạc nhiên về giọng của Kim trong khi nói lời ấy. Thêm lần

nữa anh nhận ra cái giọng cố tự chế, gần như giải bày tâm sự đã được người Việt Nam này sử dụng trước đây, hồi trưa nay bên Đại lộ Kleber. Vẫn ngồi trên ghế, anh xoay người lại:

- Trinh rồi sẽ ra sao?

- Đã có đảng quan tâm lo lắng cho hạnh phúc của nó!

Câu trả lời lẹ làng ấy nghe có vẻ rên và rỗng. Rồi như thể chợt bối rối vì lời mình vừa nói, Kim tần ngần bước tới phía Joseph một bước:

- Dĩ nhiên, tôi cũng hết lòng quan tâm lo lắng cho nó. Anh nhớ cho rằng Tuyết không chỉ là con gái của anh — nó cũng là con của em gái tôi.

Joseph hỏi với giọng kinh ngạc:

- Vậy anh có gần gũi với Tuyết sao?

- Sau khi ra Hà Nội, nó rất ý thức về vấn đề mang hai giòng máu của mình và tôi nghĩ có lẽ cái đó khiến nó giữ khoảng cách với tôi. Nhưng tôi đã giúp được nó bằng những cách thức nhỏ nhất mà nó không biết. Như anh có thể nhận ra trong mảnh giấy đó, Trinh thì ít cố chấp hơn. Nó xem tôi đúng là ông cậu ngoại của nó.

Joseph gật đầu buồn bã:

- Nếu Lan chịu giữ lời hứa kết hôn với tôi thì anh Kim ạ, chúng ta đã là anh em một nhà.

Người Việt Nam nhướn lông mày kinh ngạc:

- Tuyết có lần kể cho tôi nghe rằng anh từng yêu cầu em gái của tôi kết hôn với anh — nhưng nó không đề cập gì tới ý muốn của mẹ nó.

Joseph cúi mặt trả lời:

- Mới đầu, khi tôi nghĩ cầu hôn với Lan thì cô ấy chấp nhận nhưng rồi cuối cùng lòng hiếu thảo của cô ấy đối với thân phụ của anh quá lớn. Chuyện ấy xảy ra đúng vào tuần lễ anh cãi vã với ông cụ và sau khi anh bỏ nhà ra đi, cô ấy đổi ý. Cô ấy nói lúc đó cha anh cần tới lòng hiếu thảo của cô ấy hơn bao giờ hết.

Kim nhìn xuống, không nói gì. Một trạng thái im lặng đầy bút rút kéo dài giữa hai người. Sau cùng, Joseph hỏi với giọng trầm hẳn:

- Tôi có cảm giác anh chẳng có gia đình riêng nào, phải không?

- Phải, tôi không bao giờ lập gia đình. Tôi quyết định sống như vị

Chủ tịch quá cố của chúng tôi là hiến trọn đời mình cho cách mạng.

Kim trả lời một cách gần như bướng bỉnh nhưng Joseph nhận ra trong thái độ ấy có dấu vết bối rối. Anh hỏi nhỏ:

- Có phải đó là lý do duy nhất?

Mắt Kim lại nhìn xuống. Anh đáp chầm chậm:

- Có lẽ cuộc cãi vã với cha tôi có dính líu đôi chút tới quyết định đó của tôi. Có lẽ sự việc đó khiến tôi đâm ra hoài nghi những truyền thống gò bó của các gia đình Việt Nam chúng tôi. Cuối cùng, có lẽ đó không phải là một quyết định sáng suốt nhất trong đời tôi.

Joseph cũng có thể thấy đối với Kim việc nhìn nhận sự sai lầm của mình không phải là điều dễ dàng. Và anh chợt cảm thấy lòng nhói nhói thương cảm người đàn ông có vẻ mặt trẻ trung và cứng cỏi đang đứng trước mặt:

- Anh Kim ạ, có phải thật là mỉa mai khi chúng ta lại thấy mình đang trò chuyện với nhau tại Paris vào một ngày như thế này. Từ lúc chúng ta gặp nhau lần đầu tính tới nay đã bốn mươi bảy năm và cả hai chúng ta đều đau khổ cực độ vì các cuộc chiến tranh trên xứ sở anh. Cha của anh, em gái anh, cháu gái gọi anh bằng cậu đều tử nạn, và từ lâu bản thân anh lênh đênh, không gần gũi gia đình. Còn tôi mất đứa con trai lớn, em trai và con gái của mình — mà những mất mát đó là để cho cái gì vậy?

- Cho độc lập và tự do — nhân dân Việt Nam lúc nào cũng quyết tâm tranh đấu để giành độc lập và tự do.

Lời nói ấy của Kim thốt lên nghe có vẻ gượng gạo. Anh vừa nói vừa mở nút áo măng tô và mệt mỏi buông mình xuống lòng ghế:

- Tại xứ sở chúng tôi, từ khi người Pháp đánh thành Gia Định cách đây gần 120 năm, cuộc xung đột giữa một bên gồm những quan lại nam triều và những kẻ hợp tác với Pháp, một bên gồm những người yêu nước chân chính, là điều không thể tránh. Ngay cả những sĩ phu cựu học, những trí thức tân học cũng chia hai chia ba theo những chủ nghĩa khác nhau. Cộng Sản cũng có đệ tam chống nhau với đệ tứ. Quốc gia cũng có kẻ theo Tàu người theo Nhật.

Mấy chục năm chiến tranh, khi thỏa hiệp khi đối đầu khiến tại các

địa phương chính quyền lúc nằm trong tay phe bên này lúc thuộc về phe bên kia, nên dòng họ này ngược đãi dòng họ nọ, đảng phái này săn bắt đảng phái kia. Hận thù của tập thể và của cá nhân cứ quện chặt vào nhau. Tại Việt Nam, không cách gì và không ai có thể ngăn cản nổi việc anh em chúng tôi đánh nhau, trừ ra chính chúng tôi tự giải quyết. Lý ra người Mỹ phải có đủ lương tri để không can thiệp vào việc đó. Và nếu Hoa Kỳ giữ được thái độ như thế, hẳn anh đã không phải chịu chung với chúng tôi tấn thảm kịch này.

Joseph ngồi đăm chiêu nhìn tờ giấy trắng gắn sẵn trên trục máy đánh chữ rồi như thể có một ý nghĩ đang đánh động mình, anh quay qua người Việt Nam:

- Anh Kim ạ, đây không phải lúc chúng ta tranh luận nhưng anh cho phép tôi nói thật. Nếu anh nói hận thù của người Việt là chuyện trong nhà thì ngay từ đầu, lý ra Miền Bắc các anh nên tìm cách giải quyết ôn hòa chuyện trong nhà với Miền Nam. Chuyện đã lỡ và có lẽ anh không bao giờ hiểu rằng thật ra chúng tôi tới Việt Nam vì những động lực cao quý. Chúng tôi sợ nếu mình không hành động thì Cộng Sản sẽ bành trướng khắp thế giới và làm thế giới biến đổi quá nhiều tới độ không còn nhận ra nó nữa. Vấn đề rắc rối là chúng tôi tiếp tục chiến đấu trong một thời gian dài rồi sự thể mới rõ ràng rằng chúng tôi lầm lẫn trong chuyện đó. Thật ra chúng tôi không bao giờ hiểu bối cảnh phức tạp của cuộc chiến tranh của quý vị. Rồi với tâm trạng nản lòng, chúng tôi sử dụng tới khủng bố và những phương pháp hủy diệt tập thể mà tự bản chất chúng phản lại tất cả những nguyên tắc chúng tôi quý trọng nhất. Cuối cùng, chúng tôi chỉ còn cố sức chiến thắng chỉ để làm thỏa mãn tính kiêu căng tự phụ của quốc gia mình. Đó là lý do tại sao cuộc chiến tranh này sâu xé hoàn toàn xứ sở của chúng tôi và khiến cho người dân Hoa Kỳ chán ngấy cuộc chiến tới độ kiệt sức.

Người Việt Nam im lặng một lúc rồi gật đầu:

- Trên thực tế, cung cách giải quyết vấn đề luôn luôn gắn chặt với con đường đã được một tổ chức hoặc tập thể lựa chọn để hình thành bản thân nó. Lỗi lầm tệ hại nhất bao giờ cũng gây ra tổn thất

cho chính những kẻ sai phạm. Xứ sở nào cũng không tránh khỏi phải trả giá cho lỗi lầm của nó.

Trong một chốc, Joseph im lặng cân nhắc lời vừa nói của Kim và câu đối đáp của mình:

- Anh Kim ạ, bộ anh chẳng bao giờ hối tiếc việc anh làm hồi năm 1936? Bộ anh không bao giờ ân hận việc anh quay lưng lại với cha mình và gây phân ly cho gia đình mình?

Người Việt Nam trả lời với giọng ngập ngừng:

- Tôi thường phiền muộn vì chuyện đó. Tôi biết mình đã làm cho mẹ tôi và Lan đau khổ rất nhiều. Tôi đã trả giá đắt cho những niềm tin chính trị của tôi — nhưng lúc nào tôi cũng biết rõ rằng đã có rất nhiều cái bấp bênh hơn những liên hệ của mình với gia đình.

- Bộ sự tàn phá kinh khiếp trên quê hương anh chẳng bao giờ làm anh suy xét lại? Bộ anh chưa lần nào tự hỏi rằng mình đã chọn lựa đúng hay sai?

Kim im lặng một chốc rồi chậm chậm lắc đầu:

- Lúc này tôi nhận ra rằng có lẽ không thể nào làm cho cha tôi nhìn mọi sự theo cách của tôi. Thuở đó, cha tôi không thể nào lãnh hội được rằng lịch sử sắp sửa làm biến đổi thế giới. Ông suy nghĩ và kỳ vọng rằng đất đai mà người Pháp đã ban cho ông một cách bất công sẽ tồn tại mãi mãi trong tay của dòng họ chúng tôi. Sự can thiệp của Hoa Kỳ vào Việt Nam phát sinh từ ngọn triều nhất thời của lịch sử và làm kéo dài cái hy vọng hão huyền đó, thế nhưng Bản Hiệp định hôm nay đang khiến cho lịch sử chuyển động trở lại. Chẳng bao lâu nữa, đất đai ruộng vườn của anh Tâm sẽ bị tước mất, và sau cùng, cũng giống như cha tôi, anh ấy sẽ nhận ra rằng mình đã chọn lầm phía.

Kim ngừng nói và thở ra thật điềm tĩnh:

- Hôm gặp nhau lần cuối, cha tôi nói với tôi rằng chủ nghĩa Marx sẽ hủy diệt gia đình tôi và quê hương chúng tôi — nhưng riêng về quê hương thì ông ấy lầm. Những gì đang xảy ra hôm nay tại Paris khiến tôi càng tin tưởng mãnh liệt hơn bao giờ hết rằng hồi năm 1936, tôi đã chọn lựa đúng. Sự hi sinh của tôi đã và đang có giá trị.

- Nhưng anh Kim ạ, anh đang là người cô đơn. Tôi có thể thấy ra điều đó.

Với nụ cười bối rối Kim ngẩng lên nhìn Joseph thật lạ:

- Đúng, tôi không phủ nhận điều đó — đó là lý do tôi rất sung sướng làm những gì mình có thể làm cho cháu Trinh. Nhìn Trinh đôi khi tôi như thể thấy lại Lan lúc còn con gái — lúc Lan, anh Tâm và tôi, cả ba anh em sống hạnh phúc bên nhau. Ký ức đó ngọt ngào, đồng thời lại nhức nhối — nhưng đối với người ngày một lớn tuổi mà nếu không có cái gì khác nữa thì ký ức của hấn sẽ càng ngày càng quan trọng thêm lên.

Joseph đứng lên, bước tới bên cửa sổ nhìn ra bóng tối mùa đông lạnh giá bên ngoài. Con mưa đã chuyển thành trận tuyết đổ. Những bông tuyết trắng thắm lặng xoay tròn rồi rơi xuống đất giữa vũng ánh sáng toả ra từ các ngọn đèn trong công viên Tuileries. Cảnh tượng mờ ảo ấy bỗng dung làm Joseph cảm thấy lòng thấm thía hơn những cảm xúc của chính mình. Anh nói với giọng chán nản, mặt không quay lui:

- Tại xứ sở của tôi, quân đội rất hãnh diện về trận không tập hồi lễ Giáng Sinh ấy. Nguyên cớ khiến cho họ ăn mừng là sự kiện chỉ làm chết một ngàn sáu trăm người nhưng lại hủy diệt được hết thảy các mục tiêu chiến lược trong hai thành phố lớn. Nhưng cái chết của chỉ một người thôi thậm chí cũng đã là quá nhiều — nếu người đó là con gái của mình.

Joseph tiếp tục nhìn trống rỗng vào tuyết đang rơi:

- Trận không tập ấy là một hình thức tra tấn của chúng tôi. Như quý vị từng moi cho ra những lời tự kiểm có tính tuyên truyền nơi các phi công của chúng tôi dù ai nấy đều biết rõ những lời ấy chẳng có chút ý nghĩa nào, thì cũng thế, do bởi vào tháng Mười hai năm ngoái Lê Đức Thọ không chịu nói những gì chúng tôi muốn ông ta nói nên chúng tôi phóng ra một trận không tập lớn nhất trong lịch sử. Chúng tôi quấn và siết thật chặt “dây thòng lọng” của mình cho tới khi Lê Đức Thọ lật đật quay lại Đại lộ Kleber để “báo cáo” và ký hiệp định. Cả hai phía chúng ta đều biết rõ rằng quý vị ký hiệp định Paris là để chặn lại cơn đau vì bị đánh bom — và chúng tôi biết rằng một khi sức lực đã phục hồi thì trước sau như một, quý vị sẽ tiến chiếm Miền Nam như quý vị đã dự tính.

Kim đứng lên, mặt không cảm giác, cài nút áo măng tô:

- Monsieur Sherman, anh có lý. Chúng tôi sẽ không nghỉ ngơi cho tới khi đạt được mục tiêu của mình. Kinh nghiệm bị chèn ép trong hội nghị Genève 1954 đã làm chúng tôi khôn ngoan hơn trong Hội nghị Paris. Sẽ có ngày đất nước chúng tôi tái thống nhất — chúng tôi không bỏ ra trọn cả cuộc đời mình, đi suốt hai cuộc chiến tranh để chỉ đạt tới một thứ thỏa hiệp như thế. Nói thật, bản Hiệp định Paris hôm nay đối với chúng tôi chỉ là một phương tiện để tiếp tục công cuộc giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước. Anh thừa biết mọi bên ký kết đều chỉ coi bản hiệp định ấy là phương tiện để đạt tới một cái gì đó không tiện nói ra. Nguyễn Văn Thiệu chịu đặt bút ký chẳng qua là vì xem đó như một phương tiện để bảo đảm cho cá nhân y được Nixon giúp đỡ. Các ràng buộc có tính răn đe mà Kissinger kiên quyết đòi ghi vào cho bằng được chỉ là phương tiện để Mỹ có lý do can thiệp thường trực vào Đông Nam Á trong khuôn khổ chủ thuyết Nixon. Và xin anh nhớ cho rằng đây là lần độc nhất tôi san sẻ với anh các ý kiến đó, một cách riêng tư và kín đáo giữa hai người quen biết nhau lâu năm, không như một nhân vật của Hà Nội trình bày với một ký giả của tờ The Times.

Từ bên cửa sổ, Joseph quay mình lại, bước tới phía Kim. Anh chìa tay. Người Việt Nam sững sốt nhìn xuống bàn tay ấy và trên mặt lộ vẻ giật mình. Joseph nói:

- Anh Kim ạ, chúng ta không thể giả bộ rằng mình lúc nào cũng là bạn của nhau, nhưng chúng ta quen nhau đã gần nửa thế kỷ — và hôm nay nên là một ngày của hoà giải. Cảm ơn anh đã mang tới những bức ảnh đó. Và cảm ơn anh đã kể cho tôi nghe về Tuyết — biết được thì vẫn tốt hơn là không biết.

Cả hai bắt tay nhau thật lẹ rồi người Việt Nam xoay mình hướng về phía cửa. Joseph bước tới đi trước Kim. Trước khi mở cửa, anh tần ngần, mắt ánh lên vẻ kỳ quặc:

- Anh Kim này, nói cho tôi nghe thêm một điều nữa, anh có tới gặp anh Tâm khi hai anh em cùng ở Paris không?

Trong mắt Kim xuất hiện ánh phòng thủ. Anh lúng túng loay hoay với chiếc găng tay:

- Tôi chỉ ghé thăm anh ấy một chút thôi tại địa chỉ đã được anh cho biết — và thật đau lòng cho cả hai chúng tôi vì phải thêm lần nữa

chia tay nhau quá sớm.

Trong một hai giây Kim ngó xuống mũi giày mình rồi khắc khoải ngược lên nhìn Joseph:

- Chỉ có anh là người độc nhất biết chuyện đó. Xin anh đừng đề cập tới nó với bất cứ ai.

Joseph mở cửa và đứng qua một bên:

- Tôi sẽ giữ đúng lời anh dặn. Nhưng trước khi anh đi, tôi còn một điều nữa phải cảm ơn anh.

- Đó là điều gì?

- Trước khi anh tới đây, tôi không biết viết gì về biến cố hôm nay. Lúc này tôi đã biết. Tôi sẽ viết về tin tức anh vừa nói — và về sự buồn bã mà nó gây ra trong tôi.

Mắt người Việt Nam mở lớn, kinh ngạc:

- Anh sẽ kể về cái chết của con gái anh?

Joseph gật đầu không chút lưỡng lự.

- Đó sẽ là một bài báo đáng cho người ta quan tâm. Chào anh.

Người Việt Nam nói lời đó thật chậm và thêm lần nữa túm lấy bàn tay của Joseph rồi vội vã bước ra khỏi phòng.

Joseph ngồi xuống sau máy đánh chữ, bắt đầu gõ liên tục suốt một giờ sau đó. Anh mô tả chi tiết việc gia đình anh can dự lâu dài tới Việt Nam, bắt đầu từ cái chết của Chuck trong cuộc đi săn vào giữa thập niên hai mươi và chấm dứt với lời diễn tả ngắn gọn Tuyết đã chết như thế nào trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh. Theo dòng diễn tiến của bài báo, Joseph cô giải thích cặn kẽ các biến cố xảy ra tại Việt Nam đã ảnh hưởng ra sao lên chính cuộc đời anh. Kế đó, anh đứng lên và dạo bước trong phòng, chìm sâu trong ý nghĩ của mình suốt mấy phút. Cuối cùng, Joseph ngồi xuống, thêm vào một đoạn kết luận:

“Nhìn ngược trở lại năm mươi năm trời bắt đầu từ lúc mới xảy ra tấn thảm kịch riêng tư nơi rừng núi An Nam, lúc này tôi nhận ra rằng lỗi lầm tệ hại nhất của gia đình tôi là chúng tôi không bao giờ công khai thừa nhận rằng nếu biết lo xa hơn chúng tôi đã tránh được cái chết của anh tôi. Suốt nhiều năm trời, việc không đối mặt với thực tế ấy đã giữ cho những căng thẳng mang tính hủy diệt sôi âm ỉ bên dưới bề mặt. Tôi tin rằng trong khi mưu tìm việc bảo vệ

“danh dự” của Hoa Kỳ tại Việt Nam, các vị tổng thống kế tiếp nhau và các nhà lãnh đạo khác của quốc gia đã phạm phải những lỗi lầm tương tự và mang tới cho quốc gia của chúng tôi một tấn thảm kịch chưa từng có. Chỉ khi nào chúng tôi thừa nhận điều đó và kiên quyết không bao giờ tái phạm những lỗi lầm giống y như thế, lúc ấy sự hy sinh của hết thảy những người Mỹ đã chết tại Việt Nam mới có được giá trị nào đó.”

Rút trang giấy chót ra khỏi máy đánh chữ, Joseph đọc lại cho mình nghe, rồi cho máy vào túi xách, kéo dây kéo lại. Gom những bức ảnh của Tuyết đã được anh để yên trên mặt bàn kế bên khuỷu tay mình suốt thời gian viết, anh chuỗi lẹ chúng vào hộp giấy tờ.

Joseph cầm bài báo đi xuống phòng viễn ký nơi tầng trệt của khách sạn, trao cho nhân viên khách sạn để truyền về văn phòng báo The Times ở Luân Đôn. Đưa xong, anh xách máy đánh chữ và túi xách du lịch ra đường đón xe tắc-xi mang anh tới phi trường để đáp máy bay về Luân Đôn.

Trong khi chờ một chiếc tắc-xi vắng khách, Joseph đứng trên vỉa hè và không để ý đến tuyết đang rơi. Đầu trần, vai lệch, mặt hằn sâu những nếp nhăn phiền muộn. Trong khi anh đứng đó, một bên vai bị thương lúc ở Huế bắt đầu âm ỉ nhức. Đột nhiên Joseph cảm thấy mình già. Và với những bông tuyết trắng xóa đậu trên mái tóc, trông anh không khác gì mọi người ở tuổi sáu mươi ba.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 5 -

Hương bộ mặt quý phái về phía Naomi Boyce-Lewis đang ngồi một đầu bàn tiệc, vị dân biểu quốc hội luống tuổi thuộc đảng Bảo thủ Anh vui vẻ nâng ly rượu vang Bordeaux đỏ lên và chậm chậm đưa qua đưa lại chiếc ly dưới mũi mình như trêu ghẹo khứu giác bằng hương rượu:

- Cô Naomi khả ái của tôi ạ, vào kỳ nghỉ cuối tuần nhân dịp lễ Phục Sinh này, trong khi cả thế giới bỗng dừng vãnh tai lên nghe ngóng thì cô với Joseph làm ngược lại, vẫn tiếp tục đãi loại rượu Château Latour tuyệt vời này. Ngài thân sinh quá cố của cô quả thật cực kỳ khôn ngoan khi cho nhập kho tích trữ chúng đúng vào năm cô chào đời. Chắc chắn tôi không bao giờ chịu tin rằng đây là chai cuối cùng cô dành cho chúng tôi.

Nói xong, ông nhắm mắt và nhấp rượu với vẻ gần như xuất thần. Từ cuối bàn có giọng đàn ông thét lớn:

- Thật đáng xấu hổ, anh già Tory kia! Trong ngày sinh nhật của một phu nhân mà anh hài rở tuối tác của người ta ra!

Vị dân biểu tròn xoe con mắt, nhìn chăm chặp một lúc vào tờ nhãn dán nơi lưng chai Latour có ghi rõ năm sản xuất 1936 rồi đưa bàn tay còn lại lên vỗ vỗ trán, làm bộ giống như ta đây rất ăn năn. Cử chỉ ấy khiến cả bàn tiệc rộ lên cười thú vị.

Tôi nay, Naomi trông đẹp rực rỡ trong chiếc áo đầm Corrèges màu trắng mộc mạc, để lộ đôi vai trần rám nắng và rõ ràng không giấu vẻ sung sướng và thích thú với số tuổi ba mươi chín. Không chút phật lòng, nàng nhướn đôi lông mày về phía vị dân biểu, làm bộ trách móc rồi mỉm cười đầm ấm với Joseph đang ngồi ở đầu bàn đằng kia.

Từ trên các chân đèn bằng bạc có khắc huy hiệu dòng họ Boyce-Lewis, những ngọn nến toả ánh lung linh làm sáng loáng khung vải

trắng hồ cứng trên ngực áo và đường viền cổ áo cũng màu trắng của gần hai mươi nam nữ thực khách. Họ là những khuôn mặt nổi tiếng trong chính trường Anh, Trung tâm Tài chính Thương mại, Nhà hát Luân Đôn, giới xuất bản sách và phóng viên truyền hình. Phu nhân hoặc tình nhân của họ hầu hết đều phục sức một cách tinh tế bằng những nữ trang đắt giá, chớp nháy lập loè dưới ánh nến mỗi khi các bà quay đầu hoặc cử động bàn tay. Trên các bức tường chung quanh bàn tiệc, những bức chân dung khung thiếp vàng của mấy thế hệ Boyce-Lewis từng kế tục nhau cư ngụ tại đây, trong ngôi nhà thời thượng Belgrave Square ở Khu Tây Luân Đôn, đang đăm đăm nhìn xuống với vẻ dường như phê chuẩn cuộc họp mặt đầy vị vọng này.

Với bộ mặt bỗng dung mang vẻ trịnh trọng, vị dân biểu nói:

- Naomi ạ, tôi không có ý làm cô bớt vui một chút trong bữa tiệc sinh nhật của mình, nhưng thưa quý vị, dù trong một dịp hạnh phúc như thế này ta cũng không thể quên thực tại, phải không quý vị. Mấy ngày vừa qua là một thời điểm rất khó khăn và trong cùng một lúc, chúng ta tiếp nhận quá nhiều tin tức chẳng tốt đẹp chút nào. Với việc Kissinger nhận được dấu hiệu bác bỏ của cả Ai Cập lẫn Do Thái sau tất cả những chuyến đi lại như thoi đưa của ông ta và việc vua Faisal của Saudi Arabia bị ám sát thì chẳng bao lâu nữa lò lửa Trung Đông lại bùng lên. Nội các mới của Bồ Đào Nha bị Cộng Sản xâm nhập, như thế chúng ta đang chính thức có các điệp viên Cộng Sản ngồi trong Liên minh Phòng thủ Bắc Đại Tây Dương NATO. Và để kết thúc, cái lũ Miền Bắc Việt Nam chẳng tôn trọng Hiệp định Paris chút nào và không biết làm sao chúng lại xuất hiện khắp Miền Nam, có vẻ như chỉ một tuần nữa thôi là chúng vô tới Sài Gòn.

Joseph mỉm cười phản đối:

- Thật ra chẳng bên nào coi trọng cái bản hiệp định ấy. Nhất là mấy gã trong Bộ Chính trị ở Hà Nội đâu có dành lòng ôm mãi những điều khoản ai ở đâu nằm yên chỗ đó sau hơn cả chục năm họ thúc ép nhân dân Miền Bắc đổ ra ngàn ấy xương máu. Nhưng để nuốt nổi cục xương Sài Gòn chắc phải cần thời gian lâu hơn nhiều. Có thể Hà Nội tung tới mười tám sư đoàn vào cuộc tổng tấn công đó

nhưng Thiệu đang tái tập trung lực lượng dọc vùng duyên hải và chung quanh Sài Gòn.

Một thực khách từng làm ký giả truyền hình tại Bangkok lên tiếng:

- Không phải chương trình “Việt Nam hoá chiến tranh” của Nixon dù gì đi nữa cũng được hoạch định là để làm cho Miền Nam tự cường tự lực sao? Từ ngày Kissinger thương thuyết được cái bản Hiệp định Paris rắc rối đó tới nay mới chỉ có hai năm — chắc chắn người ta phải có ý định chống đỡ cho Thiệu đứng vững lâu hơn thế, đúng không?

Joseph nhún vai:

- Trong toan tính của Kissinger đâu có chỗ cho người Việt Nam. Hiệp định Paris và Việt Nam hoá chiến tranh chỉ là một hình thức tháo lui của Hoa Kỳ và nhận về tù binh cùng truy tầm người mất tích. Chính Kissinger đã nói nhỏ ngay sau lúc ký kết rằng may mắn lắm thì VNCH kéo dài được một năm rưỡi nữa. Trên thực tế, khi nửa triệu lính Mỹ rút lui mà 150.000 lính Miền Bắc vẫn còn ở Miền Nam thì cán cân quân sự nghiêng hẳn về phía Hà Nội. Từ sau ngày ký kết tới nay, Hà Nội ung dung chở quân khí vào nam gấp cả chục lần trước đây mà không còn sợ bị oanh kích như trên đường mòn Trường Sơn trước đây. Vì thế, hễ tấn công một cứ điểm là họ dễ dàng huy động sức mạnh gấp ba, cả về hỏa lực lẫn quân số, nhất là từ hai năm nay, họ hơn hẳn về pháo binh và chiến xa.

Tay “ký giả Thái Lan” rướn mình tới như lâm chiến:

- Nhưng Việt Nam hoá chiến tranh cũng có nghĩa là người Miền Nam chủ động chiến lược và chiến thuật!

Naomi bênh đỡ cho chồng. Nàng cảm thấy mình theo sát tình hình quân sự của Việt Nam hơn Joseph:

- Đúng thế, binh lính Miền Nam đã chứng tỏ tinh thần chiến đấu quyết liệt của họ trong biến cố Tết 1968. Họ cũng đã chứng tỏ sự trưởng thành không ngờ khi đứng vững suốt Mùa hè 1972 mà không cần lính Mỹ tiếp ứng và cho tới cuối năm 1974, Bắc Việt không thắng được trận nào lớn. Nhưng có hai vấn đề không giải quyết nổi. Thứ nhất là tiếp liệu. Trên thực tế, quân đội Miền Nam

từ mấy năm nay lâm trận với vũ khí ngày càng hạn chế. Từ năm 1969, Mỹ không yểm trợ phi pháo đúng mức và không thực hiện vũ khí một đổi một đúng như đã cam kết trong chương trình Việt Nam hóa. Thứ hai là lãnh đạo. Cá nhân Thiệu nắm quyền chỉ huy trực tiếp các tướng tư lệnh; đại tướng tổng tham mưu trưởng chỉ còn biết việc hậu cần; trong khi có vẻ như quân đội ấy có con số tướng lãnh được người ta kính trọng đếm không quá các ngón của hai bàn tay.

Một nhà văn rất thân với Naomi rụt rè lên tiếng:

- Tôi không hiểu tại sao năm năm nay, từ ngày Mỹ bắt đầu rút quân, Sài Gòn không xây dựng nổi căn bản đại đoàn kết cho một chế độ dân chủ để lấy lại cảm tình của phương tây và chống cộng hữu hiệu hơn?

Lần này Joseph nói thay cho vợ:

- Chính Thiệu để vuột cơ hội ấy. Hồi cuối năm 1972, Thiệu nổi bật vì yêu sách được một bản Hiệp định Paris có lợi đôi chút về thời gian cho Miền Nam tự củng cố nhưng rồi Thiệu vẫn giữ cung cách độc tài ù lì và đa nghi. Thiệu chỉ biết điều hành cuộc chiến bằng cách kỳ kèo với Mỹ trên giá máu của một quân đội mà mức độ điều động tác chiến của Thiệu tỉ lệ thuận với mức độ viện trợ của Mỹ. Hình như Thiệu vững tin vào chân mạng đế vương của mình nên không chịu kết hợp một tập đoàn chính trị có thực lực, thậm chí không thèm tạo vây cánh cho mình, mà chỉ cần Mỹ chống đỡ và thầy bói cố vấn là đủ! Thiệu duy trì một guồng máy tham nhũng từ trên xuống dưới để nuôi các tướng lãnh, quan chức, nghị sĩ chịu mặc cả với Thiệu và cúi đầu tuân lời Thiệu.

Đưa mắt nhìn Naomi, thấy vợ có ý hưởng ứng lời của mình, Joseph nói tiếp:

- Theo chỗ tôi biết thì Thiệu vẫn cố tin vào lời hứa chống đỡ của cá nhân Nixon dù sau vụ Watergate, lời hứa ấy đã tiêu tan theo với chức tổng thống của Nixon. Thiệu không tiêu hóa nổi sự kiện Miền Nam hết là tiền đồn của thế giới phương tây sau khi chế độ chống cộng của Indonesia vững vàng, Trung Quốc đã vào Liên Hiệp Quốc, Washington đã lập bang giao bình thường với Bắc Kinh và chấp nhận cho Nga Sô qui chế tối huệ quốc. Khi tình hình chiến

tranh lạnh ở Á Đông lắng xuống thì người Mỹ thất hầu bao lại, lo chữa thương. Tòa Bạch Ốc thoát ra khỏi Việt Nam theo cách vừa rồi thì kể như là êm thấm lắm! Dù khác nhau một trời một vực về nhân cách và cứu cánh, Thiệu chia chung cái nhận định sai lầm chết người của Diệm Nhu khi cho rằng mình là đối tác độc nhất mà Mỹ không thể loại bỏ. Thiệu không chịu tin rằng sau khi Ford lên làm tổng thống thì đối với Washington, cuộc chiến Việt Nam được coi như đã chấm dứt. Cách đây bốn tháng, Hà Nội tung hai sư đoàn đánh chiếm Phước Long, gần Sài Gòn khoảng 100 cây số, vi phạm trắng trợn Hiệp định Paris mà chính quyền Ford không lên tiếng, cũng không có ý muốn giúp đỡ gì thêm cho Sài Gòn. Quốc hội Hoa Kỳ chán ngấy chiến tranh, chỉ nghĩ tới quyền lợi của Mỹ. Theo tôi thì Hà Nội biết quá rõ như vậy nên họ thừa thế xốc tới. Có tiếng của một vị khách làm bộ nghiêm giọng, nghiêng mình về phía Naomi hỏi:

- Thế thì thưa nữ phóng viên nổi tiếng nhất của chúng ta về Việt Nam, có phải vì chịu không nổi sức ép của Việt Cộng mà quân chính phủ đành phải rút về duyên hải?

Naomi mỉm cười tỏ vẻ chẳng mặn mà lắm với “lời nịnh bợ” ấy nhưng không trả lời. Nàng nhìn chồng như mời tiếp tục. Joseph trầm ngâm một lúc rồi trả lời thay cho vợ:

- Tôi không biết chắc. Có lẽ cũng không ai biết chắc. Không ai đoán nổi lý do nào khiến Thiệu bỗng dưng quyết định rút quân khỏi cao nguyên miền trung. Có lẽ ông ta bị ám ảnh bởi kinh nghiệm của Pháp tại Điện Biên Phủ: ông ta khiếp đảm trước việc Bắc Việt đang cắt đứt con đường quá dài kéo từ các căn cứ tiếp liệu tới Sư đoàn 23. Hoặc có lẽ ông ta muốn gây xúc động cho người Mỹ, xem việc rút quân như một nước cờ thâuค่าย và cho đối phương thêm cơ hội vi phạm lộ liễu và ồ ạt Hiệp định Paris, làm Hoa Kỳ rất mặt, để vùi thêm viện trợ của người Mỹ. Cũng có thể ông ta nhận thấy lúc này khả năng của mình chỉ còn có thể giữ được một khoảnh lãnh thổ nhỏ hẹp, thí dụ vùng đất Nam kỳ thuở trước.

Joseph ngừng nói. Hình ảnh những thân người, đàn bà trẻ con và trâu bò nằm chết la liệt giữa trời nắng gió trên Đại lộ Kinh hoàng ở

Quảng Trị ba năm trước hiện rõ từng nét làm choáng ngợp tâm trí anh. Và anh cảm thấy chóng mặt. Nâng ly vang đỏ lên anh tính nhấp một ngụm cho dịu người nhưng chợt tự hỏi sao màu của rượu tựa tựa màu máu bầm. Joseph run tay bỏ ly xuống và dụi mắt:

- Có một dư luận cực kỳ khó nghe và có lẽ sẽ không bao giờ tìm được bằng chứng hỗ trợ. Người ta nói rằng sau thời hạn một năm rưỡi của Kissinger, Thiệu bị áp lực sao đó nên phải thực hiện phương án của vị ngoại trưởng ấy là giết sập Miền Nam cho nó sụp đổ nhanh tới độ không nước nào kịp nhảy vào can thiệp. Tác giả của kịch bản này vừa muốn Hoa Kỳ dành ưu tiên hiện nay cho Do Thái và Trung Đông vừa yên chí tính toán rằng với một Việt Nam cả hai miền đều kiệt quệ thì dù có thống nhất, việc quay trở lại trồng cây vào Mỹ để có thể đối trọng với Trung Quốc chỉ là vấn đề thời gian.

Cả bàn tiệc nín thở nhìn nhau. Vị dân biểu cao niên tăng hắng:

- Không lẽ cái lão Kissinger quá quắt đến thế. Một kịch bản như vậy mà mượn tay Thiệu thực hiện thì ngoài sức tưởng tượng. Nó vô luân một cách quái đản và nó trắng trợn một cách quái vật!

Joseph thở dài:

- Người duy nhất có khả năng trả lời về vấn đề kịch bản đó là Thiệu. Nhưng nếu con quái vật ấy là vị đương kim tổng thống kiêm tổng tư lệnh Quân Đội VNCH thì Thiệu chỉ còn cách ngâm câu hỏi đó cho tới chết! Dù gì đi nữa, trên thực tế, lúc này, cuộc rút quân đang gây hoảng loạn. Binh lính và dân tị nạn cả trăm ngàn người từ trên cao nguyên dồn nhau chạy xuống duyên hải, mắc kẹt cả tuần nay ở vùng rừng núi Sông Ba, bị Viêt Côăng truy đuôi, pháo kích và bị các phần tử lưu manh cướp bóc, hãm hại. Cuộc chiến tranh ấy từ đầu tới cuối, từ việc Hồ Chí Minh đưa người tập kết vào lại Miền Nam để tiến hành khủng bố, phá hoại, xua cả triệu thanh niên sinh bắc tử nam, chiến dịch tố cộng của Ngô Đình Diệm tới Johnson tự động Mỹ hoá ồ ạt rồi Nixon Việt Nam hoá gấp gấp để Mỹ tháo chạy thật lẹ, không bên nào để mắt tới tình người. Nhất là lúc này, quốc hội Mỹ, kẻ chi tiền cho chính sách của chính phủ Mỹ đang thất hầu bao mà không nghĩ tới số phận của mấy chục triệu người Việt từng được Điện Capitol và Tòa Bạch Ốc xem là

tiền đồn bảo vệ Thế giới Tự do!

Ông dân biểu thêm lần nữa hướng về Naomi:

- Thật là một cuộc tháo chạy tán loạn, đẫm máu và khủng khiếp.

Naomi thương mến ạ, dĩ nhiên vùng đất đó cũng là chỗ trước đây cô thường lui tới, phải không? Cô có dự tính lao vô lại đó để tường thuật tình trạng đau khổ và chết chóc ấy không?

- Suốt hôm nay văn phòng của cháu thảo luận cuống cuống về một bộ phim thời sự chung cuộc — một loại “Vĩnh Biệt Sài Gòn” nào đó. Họ yêu cầu cháu thực hiện cuốn phim ấy — nhưng tới giờ này cháu đang tìm cách từ chối.

Naomi vừa nói vừa mỉm cười âu yếm nhìn tới đầu bàn đằng kia nơi Joseph đang ngồi:

- Lúc này cháu không chắc mình có còn muốn đi mãi đi hoài như trước đây để mặc cho ông chồng khốn khổ ở lại nhà tự lo liệu lấy thân hay không?

Ông lão dân biểu khịt khịt mũi:

- Ông chồng khốn khổ! Quả chẳng sai tí nào! Quý vị hãy nhìn nước da rám nắng California của anh ta kia kìa! Tôi không biết anh ta có ở đây trọn cả mùa đông đáng ghét của chúng ta không hay là trong thời gian đó, anh ta đi chỗ khác để đánh quần vợt và bơi lội. Nếu tôi được cô hỏi ý kiến thì Naomi ạ, tôi sẽ nói toàn bộ cái chuyện vợ vẫn như việc viết một cuốn sách mới về “vai trò của Hoa Kỳ trong tương lai tại Á Đông” chỉ là bình phong che đậy cho sự丧 cái thân mình thôi. Anh ta y hệt con bọ chết!

Nhướng mắt nhìn ba người hầu gái phục vụ bàn ăn, cùng mặc áo đầm bằng vải sa tanh đen, đội lúp trắng và đeo tạp dề trắng đang bắt đầu dọn mấy chiếc đĩa cuối cùng, ông nói tiếp:

- Còn về chuyện tự lo liệu lấy thân thì anh ta không phải làm nhiều việc lắm đâu. Coi — nếu cô Naomi quyết định lên đường và quả thật anh ta cần người săn sóc thì đã có tôi đây. Tôi sẵn sàng tạt qua đây hoặc xuống thăm ngôi nhà thôn dã đáng yêu của cô ở tận miệt vườn Sussex để thỉnh thoảng tiếp tay khui một chai Latour cho.

Nói tới đây, vị dân biểu lúc lắc cả hai vai tự tán thưởng lời nói khôi hài của mình và cười ha hả tới độ cả bàn tiệc cùng rộ lên cười theo. Có tiếng chuông điện thoại reo nơi hành lang bên ngoài phòng ăn.

Khoảnh khắc sau, cửa mở, một người hầu gái đi vào. Cô ta bước tới bên ghế của Naomi, thì thầm vào tai nàng. Naomi vừa lật đặt ra ngoài thì một người hầu gái khác xuất hiện. Hai tay người ấy trình trọng bưng chiếc khay bạc trên đặt một bình thon cổ đựng rượu vang đỏ Bồ đào nha và một chai rượu mạnh.

Trong khi mọi người chuyển bình rượu, người hầu gái lúc nãy trở vào thưa với Joseph rằng Naomi muốn gặp riêng anh đôi ba phút để hỏi ý kiến về cú điện thoại vừa gọi. Xin lỗi đi ra, anh thấy vợ đang chờ trong phòng đọc sách được trang hoàng tề chỉnh bằng nhiều tác phẩm nghệ thuật phương đông và những kỷ vật Á Đông được anh chuyển từ Cornell sang. Naomi nói ngay:

- Phòng quay phim gọi. Họ quá sốt ruột về việc tường thuật tình hình Việt Nam. Họ vừa nhận được tin lực lượng của Thiệu đã bỏ Huế mà không chống cự. Sắp tới là bỏ Đà Nẵng. Binh lính chính phủ nhiều người tự sát, nhiều kẻ đào ngũ, nhiều nơi bắt đầu ném lựu đạn vào nhau để dành chỗ trên máy bay di tản. Người ta nói lúc này có tới một nửa lực lượng của Nam Việt Nam hoặc bị giết, bị thương, bị bắt làm tù binh hay bị buộc phải rút lui mà không có quân trang quân dụng gì cả. Không lẽ... không lẽ... có cái kịch bản quái đản ấy!

Joseph lắc đầu không tin nổi:

- Chẳng biết ra làm sao nữa! Nhưng nếu em có ý định đi Sài Gòn thì phải lẹ lên mới được.

- Đúng như vậy, và đó là lý do họ gọi điện lúc này — họ muốn có một toán quay phim và một đạo diễn đi ngay sáng mai.

- Em trả lời họ thế nào?

Naomi nắm bàn tay Joseph bằng cả hai tay mình:

- Em bảo họ mười phút nữa em gọi lại. Theo anh, em nên làm sao đây?

- Em nên đi. Em muốn như vậy, phải không? Sài Gòn từng làm cho em cảm thấy nó lúc nào cũng cực kỳ quyến rũ.

Xoắn các ngón tay, nàng nhìn vào mắt chồng và cười âu yếm:

- Em nghĩ “từng làm” có thể là một từ ngữ chính xác. Nhưng em không còn dám chắc như vậy nữa... lúc này em có anh rồi.

Naomi ngừng nói và nhúm mày:

- Em bị dằng co giữa việc đi xa... và việc ở lại đây với anh.

- Nhưng em sang bên đó chỉ một hai tuần thôi.

Nàng vuốt ve lưng bàn tay Joseph và mắt nhìn xuống:

- Em biết. Nhưng không chỉ vậy thôi Joseph. Dù có đi thì em đã quyết định đây là cuốn phim chót của em. Em thấy là trong ngày sinh nhật thứ ba mươi chín của mình, cô gái ấy đang hoang mang ngẫm nghĩ một vài ý tưởng sâu xa hơn việc chỉ ăn mừng thôi. Thí dụ như, phải chăng đã tới lúc cô ta nên bỏ cái việc chạy nháo nhào khắp thế giới và nghĩ tới... tới một cái gì khác... trước khi quá trễ... Joseph mỉm cười tọc mạch và hỏi:

- Cái gì khác là cái gì vậy?

- Anh biết không, cái đó lúc này thành một một thời thượng. Mấy cô bạn học cùng lớp với em ở Sherbourne bỗng dưng đang có ý thực hiện cái đó — kể cả những gia đình có đầy đủ rồi.

- Thực hiện cái gì?

Joseph hỏi với vẻ mặt hoang mang. Naomi cười như nổi cáu với chồng:

- Cái việc có em bé, mình ạ. Nay là đã cuối thời tam thập và bắt đầu tứ tuần của người ta rồi! Em biết, thực tế em là dân thành phố, lại lớn tuổi... nhưng hiện nay, người ta có thể làm đủ thứ thử nghiệm và làm đủ mọi cách để đảm bảo cho việc đó ổn thỏa. Anh nghĩ là em có xoay xở nổi cái việc đó không?

Joseph cười lớn. Anh đưa tay âu yếm vuốt nhẹ lên hai đùi thon và dài của Naomi qua làn vải sa tanh mịn màng:

- Anh biết một cách tuyệt đối và chắc chắn rằng hễ em muốn việc gì thì tất nhiên em làm được việc đó. Có điều anh cũng biết một cách dứt khoát rằng cái lão này quá già cho ba cái trò hấp dẫn ấy.

- Nói năng chả có ý nghĩa gì cả!

Naomi lùi ra sau một bước, ngấm nghĩa kỹ lưỡng bộ mặt chồng trong một chốc. Tóc Joseph bây giờ bạc trắng nhưng người anh vẫn thẳng đứng và gọn gàng trong bộ đồ vét hiệu Savile Row trang nhã mặc cho bữa tiệc tối. Nước da sạm nắng mùa đông ở California làm anh lại càng có vẻ trẻ trung hơn nhiều so với tuổi tác của mình.

Nàng bật cười ròn rả và đưa tay lên xoa xoa cổ chồng:

- Anh mạnh khỏe hơn khối người chỉ bằng nửa số tuổi của anh,

mình ạ. Và anh cũng biết rõ như vậy... tính luôn cả lỗ đạn trong vai trái nữa. Có lo là lo cho em đây này...

Lửa trong lò sưởi phòng sách cháy leo lét. Joseph quay mình cầm que cời rồi trở cùi. Lửa lập tức bùng lên, toả ánh sáng màu da cam khắp mặt anh. Joseph tiếp tục ngồi trên thảm, ngắm cùi đang cháy đen sạm thành than, mặt bỗng lộ vẻ đăm chiêu. Lửa trong lò chọt tắt ngúm và giọng nói của anh mang âm hưởng của một tâm trạng hiu hắt:

- Naomi ạ, đôi khi anh cảm thấy mình không khác bao nhiêu so với mấy thanh củi này... Có thể ở bên ngoài rực lên chói sáng nhưng ngay nơi trung tâm lại đang có một loại trống rỗng và nguội lạnh nào đó.

Naomi quì xuống bên Joseph. Đưa hai tay lên áp khuôn mặt anh nàng sững sờ đăm đăm nhìn chồng:

- Joseph! Anh đừng có cảm tưởng như thế... mình ạ, chớ bao giờ như thế!

Joseph phủi quần áo, đứng lên. Anh vừa nói với vợ vừa mỉm cười:

- Anh xin lỗi. Tại sao mình không đợi tới khi em trở về mới bàn tính cặn kẽ cái việc đó. Nếu em không đi Sài Gòn thì em sẽ tiếc nuối mãi. Ít ra nó cũng cho anh cơ hội về dưới vùng quê, tiếp tục cuốn sách... Và giữa các chương này chương nọ thì nghĩ tới quả bom mới nhất em vừa cho nổ!

Naomi cười đáp trả và vẻ mặt trang trọng trở lại:

- Joseph ạ, anh có thể đi Sài Gòn với em không? Không phải để làm việc... mà là để chỉ ở đó với em thôi.

Joseph lắc đầu:

- Lúc này Sài Gòn đối với anh chỉ còn là những ám ảnh đau đớn của quá khứ Naomi ạ, em biết như vậy mà!

Naomi im lặng nhìn Joseph một lúc rồi với vẻ hiểu biết, nàng gật đầu. Anh theo nàng ra cửa nhưng trước khi mở cửa, nàng dừng bước và quay lại. Đặt hai tay lên lần vải sa tanh trắng mịn màng hai bên ve ngực áo anh, Naomi nhìn vào mặt chồng, cười tinh quái:

- Mình ạ, khi khách khứa ra về hết rồi, dù anh chưa có cơ hội suy nghĩ về cái việc đó giữa chương này chương nọ của cuốn sách thì anh có nghĩ rằng, như một chiêu đãi cho ngày sinh nhật của em,

mình đi thẳng vô giường và bắt đầu xúc tiến việc thử nghiệm ý tưởng đó của em không? Hoặc ít ra mình chỉ giả vờ thử nghiệm thôi!

Hứng khởi bởi lời Naomi nói, Joseph ôm nàng vào lòng, siết thật chặt cơ thể thon dài và mềm mại ấy. Anh để má mình ở yên trên mái tóc vàng của nàng một lúc, mắt nhắm lại, hít thật sâu mùi hương thoang thoảng da thịt nàng. Rồi cả hai rời nhau, nhìn nhau cười dịu dàng.

Joseph trở lại phòng ăn để kịp thấy chiếc bình thon cổ đựng bồ đào mỹ tửu vẫn được chuyền nhau giữa tiếng nói cười rôm rả và khói xì gà mù mịt như mây. Khi đóng cửa hành lang lại đằng sau mình, anh nghe Naomi đang nói điện thoại bảo phòng quay phim rằng nàng sẵn sàng cho chuyến bay trưa mai tới Sài Gòn, một thành phố đã bị kết án.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 6 -

Khi Naomi vừa lên đường đi Sài Gòn để theo dõi cuộc nam tiến lộ liễu và ào ạt của mười tám sư đoàn quân Hà Nội, Joseph lui về ngôi nhà nơi trang trại của hai vợ chồng tại miệt Đông Sussex, cách Luân Đôn một trăm cây số mạn nam. Ở đó, bao quanh với những ngọn đồi xanh biếc chập chùng vùng South Downs, Joseph cố gắng bắt tay viết cuốn sách. Nhưng hết ngày này sang ngày nọ, anh cảm thấy tin tức của Sài Gòn làm mình không tập trung nổi trí óc.

Naomi rời Luân Đôn mới được bốn mươi tám tiếng đồng hồ, quân đội Cộng Sản đã tràn vào Qui Nhơn, Nha Trang và Đà Lạt mà chỉ gặp sức kháng cự yếu ớt của lực lượng quân chính phủ đang tan rã tinh thần. Tin tức dồn dập về những chiếc xà-lan chở người Việt chạy loạn từ Đà Nẵng vào Cam Ranh rồi kẹt lại đó sau gần một tuần lễ lênh đênh trên biển với nhiều người chết vì bệnh tật, đói khát và giành giết nhau trên tàu. Tuyến đường từ Đà Lạt xuống Sài Gòn bị quân Bắc Việt cắt ở Định Quán, vùng đất gia đình Joseph sẵn bản thuở nào. Hàng trăm chiếc xe di tản phải quay về Đức Trọng chạy bọc sang ngã Phan Rang, nhập với hàng ngàn chiếc xe từ miền trung chạy vào để rồi mắc cạn tại Bình Tuy vì Bắc quân đã chiếm Rừng Lát, cắt ngang Quốc lộ Một. Joseph nhắm mắt lại khi bất chợt liên tưởng tới hình ảnh đàn bà và trẻ con tro vợ giữa hàng chục ngàn người đang vật vã vì đói rét, bệnh tật và tuyệt vọng, trong đó có hàng ngàn thanh niên có súng.

Trong khi lắng nghe từ máy phát thanh tin tức liệt kê tên thành phố này tới thành phố khác lần lượt thất thủ trước đà tiến công dồn dập của Bắc Việt, tâm trí Joseph tràn ngập những ký ức ngày cũ. Anh nhớ lại chuyến đi khắc khoải của mình, với Lan bên cạnh, trong chiếc xe díp của OSS năm 1945, lái không ngừng từ Sài Gòn ra

phương bắc theo Quốc lộ Một lâu đời, chạy dọc ven bờ những bãi biển trắng xóa và đại dương xanh thẳm của Nha Trang và Qui Nhơn. Cuộc thất thủ Đà Lạt ngày 2 tháng Tư đẩy Joseph vào nỗi hoài cảm vừa ngọt ngào vừa cay đắng khi nhớ lại niềm hoan lạc anh cùng Lan chung hưởng tại khách sạn Lang-Biang Palace năm 1954. Và rồi kỷ niệm ấy tới lượt nó lại gợi lên những hồi tưởng tê dại về cái chết đau thương của nàng ngay trước mắt anh chỉ mấy tháng sau đó trên vỉa hè Sài Gòn, dưới mé tầng trệt khách sạn Continental.

Cuối cùng, càng nghĩ tưởng lòng Joseph càng âm u. Và chẳng mấy chốc tạo ra trong anh cảm giác ảm đạm cùng lo âu cho sự an toàn của Naomi từ đây cho đến ngày nàng trở về. Rồi cứ thế, anh mỗi lúc một khắc khoải trông ngóng từng cú điện thoại của vợ. Hàng tuần, nàng gọi điện cho anh đôi ba lần từ khách sạn Continental Palace nhưng những cú điện thoại ấy thường bị trì hoãn, không đâu vào đâu. Và qua đường dây bị nhiễu, Naomi chỉ có thể kể rất ít tới những gì nàng thấy về cuộc đụng độ. Cuối cùng, Naomi tự giới hạn bằng những lời trấn an, lặp đi lặp lại rằng nàng an toàn và đang ở ngoài vùng nguy hiểm. Nhưng cùng với thời gian dần trôi, những cuộc điện đàm không nói được gì ấy thay vì làm Joseph an tâm lại khiến lòng anh thêm bồn chồn. Là phóng viên truyền hình, Naomi không thể tránh việc xông vào những nơi có giao tranh với toán chuyên viên thu hình và máy móc linh kính; càng kèng càng bao nhiêu khi di chuyển càng gặp nhiều nguy cơ bấy nhiêu.

Tới cuối tuần lễ đầu tiên của tháng Tư, Cộng Sản siết chặt thông lọng quân sự quanh Sài Gòn. Số quân chính phủ sẵn sàng ứng chiến còn chưa tới năm chục ngàn người. Họ phải đương đầu với khoảng ba trăm ngàn bộ đội Bắc Việt với mũi nhọn đã thọc tới Xuân Lộc, một thị trấn nằm cách thủ đô khoảng bảy mươi cây số. Có lẽ để nhấn nhe Hà Nội phải chậm chậm lại hoặc để làm động tác giả với Sài Gòn, Hoa Kỳ cho đưa tới Tân Sơn Nhứt loại bom CBU với khả năng giết hại mọi sinh linh trong đường kính mười ngàn thước. Đến mức ấy, Joseph thấy dường như chỉ còn một hy vọng duy nhất là có thể Hà Nội muốn điều đình, chấp nhận một thời khóa biểu nào đó của Hoa Kỳ để giảm thiểu mức tử trận và đề

quân đội của họ xuất hiện trên đường phố Sài Gòn như những chiến sĩ giải phóng chứ không phải là một đoàn quân xâm lược vào chiếm đóng. Hẳn Sài Gòn sẽ không phản đối một đề nghị điều đình như thế vì nó có thể vừa làm chậm lại tiến trình thất trận vừa đưa tới cơ may mong manh là thực hiện phần nào bản Hiệp định Paris về hoà giải và hoà hợp dân tộc.

Joseph khắc khoải lắng nghe những tường thuật từ Washington về việc tổng thống Ford đang cố thuyết phục Quốc Hội rằng một tài khoản viện trợ quân sự 722 triệu Mỹ kim có thể cứu vãn Sài Gòn — nhưng rồi ngày tiếp ngày trôi qua, các nhà lập pháp ở Điện Capitol vẫn cứng như đá, quyết liệt bảo vệ quyền lực vừa được họ giành lại vào thời hậu “tổng thống đế chế” của Richard Nixon.

Cuối cùng, ngày 17 tháng Tư, Quốc Hội quyết định dành phần thắng cho Cộng Sản và chờ giờ đưa Nam Việt Nam vào nhà quàng bằng cách chỉ chấp nhận ngân khoản di tản và cho phép Ford sử dụng quân đội để vận chuyển người Mỹ ra khỏi Việt Nam.

Từ giờ này sang giờ khác, giữa vùng đồi phương Nam nước Anh, trong khi ngồi bên máy phát thanh lắng nghe tin tức về các biến cố dồn dập đầy tai ương ấy, Joseph lại càng không dễ được lòng mình vào công việc. Trời chưa rạng sáng, anh đã chỗi dậy, lái xe đi mấy cây số tới Chichester, thành phố có ngôi nhà thờ chính toà cổ, để mua ấn bản đặc biệt của các nhật báo ngay khi chúng vừa tới ga xe lửa. Trong khi chờ giờ đài phát thanh loan tin tức và những cú điện thoại của Naomi, anh quần trí, đi loanh quanh không yên qua các bãi tập ngựa hoặc những mảnh vườn cắt tỉa gọn gàng của cái trang trại vốn được lập lên từ thế kỷ mười tám.

Ngày 21 tháng Tư, Nguyễn Văn Thiệu từ chức, trao quyền cho phó tổng thống Trần Văn Hương, một ông lão 74 tuổi, người Miền Nam, kiên cường và bệnh tật. Là một chính khách tiêu biểu cho đức tính bộc trực và khí phách của sĩ phu nam bộ, ông nhận chức tổng thống với lời thề tử thủ Sài Gòn, nơi ông từng là Đô trưởng. Ba mươi năm trước, khi nổ ra cuộc kháng chiến chống Pháp ở nam bộ, nhà giáo họ Trần ấy là Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Cách mạng tỉnh Tây Ninh rồi sau đó tự động rời bỏ hàng ngũ Việt Minh.

Trong diễn văn bàn giao, Nguyễn Văn Thiệu đồng dục tuyên bố

rằng mình từ chức nhưng không đào ngũ và hứa hẹn rằng sẽ sát cánh với quân dân Miền Nam trong bất cứ công tác nào cần thiết cho việc bảo vệ quốc gia. Lời nói chừa thẹn đó của một tổng tư lệnh quân đội từ nhiệm như một báo hiệu đã tới thời điểm sắp sửa kết thúc cuộc chiến. Joseph bắt đầu đi dạo lâu hơn bên ngoài trang trại, thờ thần tản bộ khắp vùng đồi chung quanh và không để ý tới những lộc non đang lốm đốm xanh cành cây bên trên đầu mình hay vừa nhú lên khỏi mặt đất quanh chân mình. Lúc này, với bộ mặt rám nắng không bao giờ xua tan nổi những nếp nhăn mỗi lúc một hằn sâu và lòng càng lúc càng thêm khắc khoải, Joseph đi hai vai lệch hẳn với bước chân hệt hăng của một người lẫm lẫm bởi những biến cố nằm bên kia tầm kiểm soát của mình.

Joseph không biết rằng cũng đúng vào những ngày ấy, tại Hà Nội, một nơi cách nước Anh hàng chục ngàn cây số, anh ruột của người thiếu nữ bốn mươi năm trước đã biến linh hồn anh thành một con tin lao đao theo vận nước Việt Nam, cũng đang chịu những hội chứng khắc khoải chẳng kém anh chút nào.

Trong khi Joseph hàng ngày đi lang thang trong miền South Downs, Trần Văn Kim bước bốn chồn quanh quần trên sàn nhà không lót thảm của một trong những văn phòng trang bị sơ sài dành riêng cho ủy viên Bộ Chính trị tại Trụ sở Trung ương Đảng Lao Động. Con khắc khoải của Kim cũng do bởi các biến cố thời cuộc tạo nên nhưng điều làm anh lo ngại chính là sự an nguy của bản thân.

Chỉ dần dà Kim mới nhận ra rằng sự nghiệp của mình đang tiêu tán, thậm chí có thể mất luôn tính mạng. Những cuộc trao đổi ý kiến suốt ngày suốt đêm và hội họp như điên theo sau thắng lợi bất ngờ của chiến dịch Hồ Chí Minh vào cuối tháng Ba và đầu tháng Tư làm mọi người kiệt sức. Vì thế, thoát tiên Kim không để ý tới các dấu hiệu cảnh báo. Kim đã tham dự từ đầu tất cả những cuộc thảo luận. Với kinh nghiệm có được nhờ sự diu dặt lâu ngày của người thầy điều luyện và lão thành Hồ Chí Minh, kẻ đã qua đời đầu tháng Chín năm 1969, anh thậm trọng không hoàn toàn gắn bó mình vào một trong hai quan điểm cực đoan đang nhanh chóng lập

thành hai đối cực trong Bộ Chính trị.

Nhờ viện trợ vũ khí ồ ạt của Liên Xô vào cuối năm 1974, đầu năm nay, Bộ Chính trị dự kiến phát động mặt trận cao nguyên để chuẩn bị thời cơ đánh lớn vào 1976 là năm diễn ra cuộc bầu cử tổng thống Mỹ. Sang năm 1977 sẽ đánh mạnh hơn để hoàn tất công cuộc giải phóng Miền Nam trong vài ba năm sau. Thế rồi đột nhiên kể từ giữa tháng Ba, xảy tới sự kiện Nguyễn Văn Thiệu quyết định rút khỏi cao nguyên, ra lệnh bỏ Huế Đà Nẵng và rồi quân đội Miền Nam rút chạy tán loạn khỏi các tỉnh duyên hải miền trung.

Một số ủy viên khác thấy tình hình xoay đổi quá nhanh, sợ rằng đây có thể là bẫy rập của Hoa Kỳ; việc trắng trợn xé bỏ Hiệp định Paris sẽ làm cho Hoa Kỳ có cơ hủy lời cam kết góp phần tái thiết Miền Bắc; và một Việt Nam thống nhất quá sớm có thể đưa tới những gay gắt trong quan hệ chính trị với Bắc Kinh, vô tình tự biến mình thành một loại tiền đồn miễn phí cho phương tây, nghĩa là thay thế vai trò đầy tổn kém của Việt Nam Cộng Hoà từ hơn hai chục năm nay. Họ đề nghị phải thận trọng cân nhắc các tín hiệu đang cho thấy Trung Quốc và Pháp sẵn sàng thay chân Mỹ để can thiệp nhằm thiết lập một chế độ trung lập tại Miền Nam.

Một số ủy viên muốn lợi dụng thời cơ có một không hai này, thừa thắng xốc tới, mạo hiểm lập tức và dốc toàn lực tràn vào Sài Gòn để tiến tới thống nhất đất nước; từ đó chi phối hoàn toàn Cambodia và Lào, làm thành một vùng đất do Việt Nam chủ động và đối trọng trong tình hình chính trị và quân sự tại khu vực Đông Nam Á; và thực hiện giấc mơ từ bốn mươi lăm năm nay của Hồ Chí Minh và Đảng Cộng Sản Đông Dương. Điển hình cho lập trường này là Lê Duẩn và Lê Đức Thọ. Theo hai nhân vật quyền uy nhất Bộ Chính trị từ mười lăm năm nay thì Trung Quốc nay thuộc bọn xét lại, đã biến thể và phản bội nghĩa vụ giải phóng nhân loại của chủ nghĩa Mác-Lênin. Như thế, nếu có việc Trung Quốc nhúng tay vào Việt Nam, Bắc Kinh sẽ bị Hà Nội xem là thù nghịch. Còn Pháp, với tính cách Tổng tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, Lê Đức Thọ gọi điện nói thẳng vào mặt Đại sứ Pháp ở Sài Gòn rằng nếu nhà ngoại giao ấy còn tiếp tay với Trung Quốc và các thế lực ngoại bang khác ngăn cản đà chiến thắng đế quốc Mỹ ở Miền Nam, thì

chỉ 24 giờ sau khi quân Cộng Sản đặt chân vào Sài Gòn, Thọ sẽ tới ngay sứ quán Pháp, trực xuất ông ta ra khỏi Việt Nam, bắt chấp những gì Pháp đã giúp đỡ trước đây trong cuộc hòa đàm Paris. Gần ba mươi năm ở địa vị chóp bu của đảng, Kim thấy nhiều và biết nhiều, đồng thời cũng nhận ra mình ngày càng mắc kẹt trong một guồng máy gồm những kẻ miệng nói thân thương Miền Nam mà bụng dạ rất đa nghi người Miền Nam. Họ đặc biệt phân biệt đối xử những thành phần chưa từng bị tù ở Côn Lôn hoặc đã theo học Học viện Thọ thuyền Đông Phương tại Mát-cơ-va, trong đó có Dương Bạch Mai, kẻ bị đột tử mười năm trước ngay tại trụ sở Quốc Hội. Còn kẻ học ở Nga duy nhất còn sống là Trần Văn Giàu thì mấy chục năm nay ở trong sự ghẻ lạnh. Trong Bộ Chính trị chỉ còn độc nhất Trần Văn Kim là người Miền Nam nên khi thấy con số ngang bằng của các ủy viên theo hai quan điểm vừa kể, Kim chỉ lựa lời tán dương và bỏ khuyết cho cả hai, không ủng hộ bên nào nhiều hơn bên nào. Vì quá tự tin vào tính tập đoàn của Bộ Chính Trị và cho rằng mình đang chọn một thái độ khôn ngoan nhất nên Kim không để ý tới sự kiện anh chưa hề được yêu cầu đưa ra lời tuyên bố dứt khoát về quan điểm của cá nhân mình. Chỉ cách đây mấy ngày, anh mới nhận ra mình không may mắn được yêu cầu phát biểu ý kiến.

Sau chiến thắng của Khơ me Đỏ tại Cambodia và việc từ chức của Nguyễn Văn Thiệu, nhịp độ cuộc họp ngày càng tăng và cực kỳ khẩn trương. Suốt ngày suốt đêm, các hành lang của Trụ sở Trung ương Đảng lúc nào cũng tấp nập những viên chức mặc áo đại cán cổ cao, tất bật cầm từng chồng giấy tờ tối mịt, hối hả lao từ cuộc họp này sang cuộc họp khác. Và chính ngay lúc đó, khi lịch trình dự họp dành cho mình đột nhiên thừa hẳn, Kim mới bắt đầu cảm thấy đau nhói và sợ hãi tới điếng người như bị ai đâm: anh đang bị loại trừ hoàn toàn khỏi mọi cuộc họp thượng đỉnh về chính sách sau này sẽ được áp dụng ở Miền Nam — và sự kiện đó chỉ có một ý nghĩa duy nhất!

Bị liên tục bỏ cho ngồi chơi xơi nước hết giờ này sang giờ khác trong phòng làm việc của mình, Kim khởi sự gấp rút lục lọi ký ức để tìm cho ra một lỗi lầm nào đó mà mình vô ý phạm phải. Mỗi

quan hệ của anh đối với Hồ Chí Minh thì có tính cách thân tình và mật thiết suốt hơn ba mươi năm; anh lúc nào cũng biết rằng chính sự việc đó, trên tất cả mọi sự việc khác, giúp cho anh có được một chỗ ngồi trong Bộ Chính trị. Ngay từ những năm đầu thập niên sáu mươi, khi Hồ Chí Minh bị Trường Chinh rồi Lê Duẩn và Lê Đức Thọ lần lượt, và nhất là vào những năm tiếp theo sau cái chết của vị lãnh tụ ấy, Kim đã lường trước tình trạng ảnh hưởng của mình sẽ bị suy giảm dần. Nhưng anh luôn luôn cảm thấy tự tin rằng uy tín và sự am hiểu các sự vụ của đảng mà anh sở đắc trong ba thập niên làm người thân cận với Bác Hồ và quá trình tham gia cách mạng suốt bốn chục năm nay từ nam chí bắc đủ đảm bảo cho địa vị của mình, và hơn nữa, đảng cần sự hiện diện của một cán bộ chớp bu Miền Nam. Bằng chứng hôm lễ ký kết bản Hiệp định Paris, Lê Đức Thọ đòi hỏi phải có anh ngồi bên cạnh.

Kim cũng đã nhiều lần tự hỏi rằng biết đâu vì trình độ trí thức của anh cộng với số lượng thời gian anh được Bác Hồ cực kỳ tin tưởng là nguyên nhân ganh tị của một số ủy viên trong Bộ Chính Trị.

Trước hết là Võ Nguyên Giáp, người thường bị Kim xem là đã được đảng vì nhu cầu chính trị, đánh bóng anh ta lên hàng đại danh tướng, vượt quá năng lực và khí phách thật sự. Võ Nguyên Giáp cũng cảm nhận được Kim đánh giá mình ngang mức nào, và vì thế, có thể nọc độc tị hiềm mưng mủ lâu năm giờ đây mới phát tán.

Nhưng nếu sự thể này hoàn toàn xuất xứ từ Võ Nguyên Giáp thì hẳn không trầm trọng lắm vì hiện nay, ngoài vai trò cố vấn quân sự, Giáp chỉ còn là nhân vật trình diễn của chế độ, không còn ảnh hưởng đáng kể lên cán cân quyền lực trong Bộ Chính trị.

Thứ đến và hiểm độc nhất là Lê Đức Thọ. Vào những năm bắt đầu thập niên bảy mươi này, Thọ không màng che giấu tính cách quyền thần với tham vọng muốn trở thành một nhân vật có uy danh nhất, không những tại Việt Nam mà còn trên toàn cõi Đông Dương. Khi đi loanh quanh trong văn phòng mình vào ngày đầu của hạ tuần tháng Tư năm 1975, Kim kết luận rằng mối đe dọa trực tiếp hầu như phát xuất từ vị Trưởng ban Tổ chức Trung ương đảng ấy, người đang gần như có toàn quyền đánh giá lẫn phân phối nhân sự của đảng và là người hình như mấy năm gần đây, có khuynh

hướng muốn biến truyền thống chuyên chính tập đoàn của đảng thành chuyên chính của cá nhân như Mao Trạch Đông và Brezhnev.

Kim đã thử liên lạc gián tiếp với vài ủy viên trong bộ phận tổ chức đảng, những kẻ rất thân tình với anh trong quá khứ, để khám phá cho ra liệu mình có bị qui chụp là thông đồng với những kẻ khác trong một cuộc thanh trừng rộng lớn nào đó hay không. Nhưng tất cả những kẻ ấy đều lạnh lùng nhún vai. Và như thế, xác nhận những e ngại tệ hại nhất của Kim — anh cô đơn, anh bị vứt bỏ về mặt chính trị một cách đột ngột và không cắt nghĩa nổi.

Kim hầu như chẳng ăn chẳng ngủ được chút nào. Mãi tới sáng Thứ Ba ngày 21 tháng Tư, anh thở phào gần như nhẹ nhõm khi nhận được giấy triệu tới văn phòng của người phụ trách bộ phận kiểm tra trong ban Tổ chức Trung ương Đảng và chịu trách nhiệm vấn đề thẩm định kỷ luật nội bộ. Người đồng chí mặt mỏng và mắt đỏ kè ấy, kẻ thuở sinh thời của Hồ Chí Minh luôn luôn tỏ ra khúm núm tôn kính Trần Văn Kim, lúc này không đứng lên khi anh bước vào phòng làm việc của y, cũng chẳng mời anh ngồi. Thay vào đó, y phát biểu bằng giọng sắc và gọn, hai con mắt đầy gân máu chỉ nhìn xuống tờ giấy trên bàn: - Đồng chí ạ, các ủy viên khác trong Bộ Chính trị của Đảng Lao Động vĩ đại và quang vinh đã chỉ thị tôi yêu cầu đồng chí làm sáng tỏ vấn đề. Như đồng chí biết đấy, đảng ta đang gần kề chiến thắng lịch sử mà sẽ làm cho nhân dân Miền Nam lần đầu tiên phục tùng sự kiểm soát của đảng, trong đó gồm hàng triệu đứa có nợ máu với nhân dân. Chúng là quân công cán chính của chế độ ngục và gia đình họ hàng của chúng, từng làm tay sai cho thực dân Pháp rồi đế quốc Mỹ. Chúng là kẻ thù chủ chốt trong vô số kẻ thù khác của nhân dân, sản phẩm của một xã hội Miền Nam nô dịch, phản động và đồi trụy. Chúng cần được cải tạo để triệt tận gốc mọi mầm mống. Đây là giai đoạn đòi hỏi kỷ luật tự giác triệt để của hết thảy các đồng chí thuộc mọi cấp bộ. Trước mặt chúng ta đang có nhiều khó khăn lẫn nguy cơ. Và thật không dễ dàng gì khi ta thực hiện công tác cải tạo nhằm thay đổi đường lối tư duy của nhân dân Miền Nam, thậm chí một bộ phận cán bộ của cái từng được đảng gọi là Mặt trận Dân Tộc GPMN và

mấy trí thức trong danh sách Liên minh Dân tộc Dân chủ và Hoà bình. Bên cạnh đó còn có những tay trí thức tiểu tư sản thành thị lãng mạn cách mạng, từ mấy năm nay mưu tìm danh phận chính trị bằng việc tự xưng là thành phần thứ ba và đeo đuổi giấc mơ hoà giải hoà hợp không tưởng.

Y ngược mắt, nhìn vào cổ áo đại cán của Trần Văn Kim rồi cúi xuống đọc tiếp:

- Đảng đã quyết định, trước sau như một, rằng ngay sau khi Mỹ rút ngụy nhào, chúng ta lập tức tiến hành thống nhất Nam Bắc. Tiếp đó, từ cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân chúng ta bắt tay ngay vào công cuộc xây dựng nước Việt Nam theo con đường tiến lên xã hội chủ nghĩa, không thông qua giai đoạn tư bản chủ nghĩa. Việc tiếp quản của cái từng được đảng gọi là Chính Phủ Cách mạng Lâm thời MNVN chỉ là hình thức quân quản tạm thời cho phù hợp với luật pháp quốc tế và để lấy chính danh nhằm hợp thức hoá một hội nghị hiệp thương nam bắc. Danh sách Liên minh DTDCVHB cùng với Mặt Trận GPMN sẽ được đảng cho lập tức hủy bỏ ngay khi đảng đặt chân vào Sài Gòn. Sau đó, mọi hội đoàn quân chúng và tôn giáo phải gia nhập và chịu sự chỉ đạo của Mặt trận Tổ quốc. Tiếp đó, các cán bộ quân sự lẫn chính trị trung cao và cao cấp từng bị Mỹ ngụy giam giữ và thẩm vấn, sẽ được đảng kiểm điểm và cho nghỉ hưu; đồng thời đảng điều trên năm trăm đoàn cán bộ từ bắc vào nam để giúp thành lập cơ quan và kèm cặp mọi ban ngành ở khắp các tỉnh huyện kết nghĩa. Ngay khi đảng đặt chân vào Sài Gòn, bọn phóng viên quốc tế còn nần ná lại sẽ bị cô lập và cấm triệt để mọi hình thức thông tin ra nước ngoài. Tên Sài Gòn sẽ biến mất và thành phố thân thương ấy được vinh dự mang tên của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu. Kế đó, vấn đề cấp bách là khẩn trương tiến tới thống nhất đất nước và đặt mọi tầng lớp nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Lao Động vĩ đại và quang vinh, vì e rằng để lâu thì đêm dài lắm mộng. Đồng chí thừa biết rằng kẻ nào phê bình hoạt động của nhà nước là tìm cách lật đổ chính quyền cách mạng. Kẻ nào chống đối chủ trương đường lối của đảng là chống lại tổ quốc và dân tộc. Kẻ nào chống Đảng Lao Động tiên phong và bách chiến bách thắng là phản động phản quốc

và là kẻ thù của nhân dân.

Y dừng lại, gỡ kính đeo mắt. Sau khi nuốt ực một cái, y vói tay lấy bình thuốc lào, xoi xoi cọng thép, hất mạnh xái thuốc rồi về một điều cho lên nỏ. Y bật lửa, đốt đóm nhưng thay vì châm lên nỏ, không hiểu sao y lại thổi tắt đóm. Nuốt ực thêm một cái, y đeo kính vào, cầm tờ giấy lên, đọc tiếp. Lần này giọng y có vẻ sống động và hùng hồn:

- Thế mà vẫn có kẻ mơ tưởng hão huyền rằng sẽ duy trì hai Miền Nam bắc riêng biệt, tiếp tục giữ vĩ tuyến 17 làm ranh giới, với hai chính phủ hai thể chế khác nhau, để gọi là tôn trọng bản sắc của mỗi miền, thu hút tối đa viện trợ và đầu tư của hai khối đông và tây cho mỗi miền phát triển thịnh vượng rồi năm mười năm sau mới tính tới chuyện thống nhất! Thật là không tưởng và cực kỳ phá hoại. Tình hình phức tạp mới đó đưa tới nhiều nhiệm vụ cấp bách mới và nhiều biện pháp triệt để mới. Đã có sự nhất trí rằng vào thời điểm này, đảng không thể khoan hồng cho bất cứ kẻ nào đang ở cấp bậc cao mà thiếu sự hiến thân triệt để cho chính nghĩa của dân tộc. Còn nữa, cũng đã có sự nhất trí rằng bất cứ kẻ nào ăn ở hai lòng, phản bội các mục tiêu tối hậu của ta ở Miền Nam vì những trung thành riêng tư sai trái thì không được tin tưởng và phải bị loại trừ tức khắc!

Kim đắm đắm nhìn cái đầu đang cúi xuống của người cán bộ kiểm tra trong khi y đọc tất cả những lời đang nói đó với giọng gần như đều đều, chắc hẳn không sót, không thừa một chữ trong tờ giấy y cầm chặt trên tay. Bây giờ anh đã thấy khá rõ rằng mình được mời tới đây chỉ để tự mở miệng lên án mình nhưng anh không hiểu tại sao có chuyện đó. Kim nói với giọng bị xúc phạm:

- Tôi đã và đang dâng hiến trọn cuộc đời mình cho đảng. Tôi muốn biết mình bị tố cáo về vấn đề gì.

Không trả lời, người cán bộ đẩy tới mép bàn Kim đang đứng một bản báo cáo chữ đánh máy và hai bức ảnh kẹp vào đó. Kim cầm lên. Thoạt đầu anh không nhận ra ý nghĩa bức ảnh thứ nhất trong đó cho thấy một toà nhà ở Paris, tại góc đại lộ Léopold II và đường La Fontaine. Kế đó, trong bức ảnh thứ hai, anh nhận ra lưng của mình, đang bước vào cửa trước và ông anh Tâm chào đón. Tim đập

thình thịch trong lồng ngực, Kim quay qua bản báo cáo và trong đó anh đọc thấy lời tường trình của nhân viên mật vụ về việc theo dõi anh khi anh tới Khu vực Mười sáu ở Paris.

Thả bản báo cáo rơi trên mặt bàn, Kim nói thì thảo, hầu như không nghe rõ:

- Đó chỉ là chuyện gặp gỡ riêng tư giữa hai anh em ruột, không hơn không kém. Trong đó chẳng thảo luận chút nào chuyện chính trị...

Người cán bộ tổ chức nhìn lại anh với hai con mắt vô hồn:

- Đã có quyết định rằng đồng chí phải trình diện tại Trung tâm Thẩm vấn của Đảng trên Phúc Yên đúng bốn giờ chiều nay. Đề tiện di chuyển, đồng chí được cấp xe nhưng không có tài xế. Đồng chí phải tự lái lấy — chạy bọc theo con đường hướng bắc. Thôi nhé.

Chầm chậm trở về phòng làm việc của mình, Kim với lòng ảm đạm đi như kẻ mộng du suốt dãy hành lang. Có phải cái bằng chứng người ta vừa đưa cho anh xem chính là lý do thật sự của việc anh bị thất sủng? Anh không biết. Có phải người ta dùng nó để che đậy mối hận thù cá nhân, một sự ganh tị lâu năm nào đó về sự nổi bật của anh? Anh cũng không chắc. Qua kinh nghiệm bản thân, Kim biết rằng những cừu hận cay đắng ở cấp bộ chớp bu của đảng thường có gốc rễ trong những ác cảm cá nhân và lâu bền. Dưới bề mặt có vẻ đoàn kết của Bộ Chính trị là những sóng ngầm do bởi khát vọng quyền lực, tị hiềm và đủ thứ mặc cảm của các ủy viên xuất xứ từ những thành phần và những địa phương khác nhau. Càng suy nghĩ Kim càng nguyên rủa mình vì đã tự tin tới mức cô độc và đã điên rồ để cho những kẻ thù tiềm tàng đó có đủ đạn dược để bắn mình.

Hoặc là... Một ý nghĩ bất chợt lóe lên trong óc làm Kim toát mồ hôi. Tại sao gã đồng chí mặt mỏng ấy lại được lệnh tiết lộ với anh quá nhiều dự tính quan trọng đến thế? Gã đâu phải loại người có nhiệm vụ và có tầm cỡ thuyết phục anh. Có lẽ cũng không cần thiết phải mất công thuyết phục anh. Qua những gì gã tiết lộ về sách lược sắp áp dụng tại Miền Nam thì Quân đội Nhân dân sẽ là một đạo quân chiếm đóng chứ không là đoàn quân giải phóng và sẽ chỉ

là lực lượng vũ trang duy nhất tại Miền Nam. Thế thì phải chăng bằng giọng điệu ngạo mạn, những tiết lộ hào phóng ấy chính là phát súng ân huệ dành cho một kẻ thất sủng, sắp bị loại trừ vì góc gác Miền Nam của hắn? Và những thông tin ấy chỉ được phô trương cho một kẻ sẽ căm và sẽ điếc, sẽ bị hất cho văng vòng từ lưng cọt ra đằng trước miệng cọt, theo kiểu như gã nói: đề phòng “đêm dài lắm mộng”!

Ngược mặt về phía bức tường trắng đối diện, vô tình ánh mắt Kim đậu lại trên khuôn mặt của Hồ Chí Minh. Người thầy thuở nào đang nhìn xuống anh với đôi mắt sáng và hàm râu dài được trau chuốt thêm, thật công phu, trông phát phơ và phúc hậu như một tiên ông. Kim tự hỏi, một người uyển chuyển và cao cường trong việc chuyển nguy thành an và mượn sức kẻ khác như Bác Hồ sẽ phản ứng ra sao nếu lâm vào tình thế của anh lúc này. Đột nhiên, những ký ức và suy nghĩ của Kim về vị cố chủ tịch xuất hiện rõ mồn một trong trí não.

Ngay từ lúc bắt đầu lên tàu xuất dương vào năm 1911 tới ngày qua đời, nhân vật Nguyễn Tất Thành không bám trụ lâu dài vào một chỗ dựa, một sách lược trường kỳ hay một tư tưởng chủ đạo nào. Sau sáu năm lang thang lao động nhiều nơi trên thế giới, ông dừng chân ở Pháp và bắt đầu hoạt động cách mạng. Tại đó, ông theo nhóm Tứ Long để mình thành Đệ Ngũ Long và sau đó rút tĩa được danh xưng Nguyễn Ái Quốc. Từ bàn đạp đó, ông nổi bật trong Đảng Cộng Sản Pháp rồi sang Liên Xô, trở thành học trò của Quốc Tế Đệ Tam. Ông về Trung Quốc hoạt động trong hàng ngũ những người theo chủ nghĩa dân tộc, dùng cơ sở và nhân sự của Tâm Tâm Xã để lập Đồng Chí Hội. Sau đó, dùng danh nghĩa Phái viên Cộng Sản quốc tế, ông kết hợp và thành lập Đảng Cộng Sản Đông Dương. Từ Trung Hoa về lại Pắc Bó nhân thất bại của cuộc Nam kỳ Khởi nghĩa 1940, ông củng cố cơ sở đảng ở Miền Bắc thành đầu não trung ương, dùng nó làm hạt nhân cho Mặt trận Việt Minh do các đệ tử của cụ Phan Bội Châu lập từ năm 1936. Từ Pắc Bó, ông dùng tên Hồ Chí Minh để đi Trung Quốc. Từ Liễu Châu, ông nhận được yểm trợ của Trương Phát Khuê về lại Cao Bằng.

Trong cải cách ruộng đất, quyền lực chính trị tuột khỏi tầm tay của

Hồ Chí Minh, chuyển sang lòng bàn tay của Trường Chinh. Khi cuộc đấu tranh thống nhất đất nước đi vào qui mô, quyền lực ấy sang tay Bí thư thứ nhất Lê Duẩn, kẻ nắm công cuộc giải phóng Miền Nam từ năm 1954 tới nay. Từ đầu năm 1960 tới ngày qua đời, trong các cuộc họp của Bộ Chính trị, ông ít khi bày tỏ lập trường cụ thể, chỉ phát biểu ý kiến khi được mời góp ý, thường là vài câu nói động viên, khích lệ. Ngược lại, ông sử dụng mọi thời gian, nắm bắt mọi cơ hội để xuất hiện trong vai cha già dân tộc, một người yêu nước đã đi vào huyền thoại và biểu tượng cho cách mạng trên toàn thế giới. Dường như ông rất thoải mái khi thực hiện đúng những yêu cầu do Lê Duẩn và Lê Đức Thọ đề ra cho ông. Nhiều lúc Kim tự hỏi phải chăng tới tuổi bảy mươi, Hồ Chí Minh mệt mỏi và tự bằng lòng vì đã đạt tới cực điểm danh vọng giữa cuộc đời và trong lịch sử. Lúc này nhìn lại, anh không biết người thầy mà anh kính ngưỡng đó thật sự là ai? Một người quả thật yêu nước, sống chết với lý tưởng, tận dụng mọi vốn liếng, sức bật và phương thế mình kiếm được để đưa dân tộc đi tới tận cùng con đường nó phải đi? Hay ông chỉ là một kẻ cực kỳ táo bạo, mưu lược, cơ hội và đầy may mắn trong cuộc đấu tranh giành quyền lực nhằm thành đạt những mục tiêu cá nhân, rồi sau khi đạt tới tột đỉnh danh vị thì chỉ còn nhu cầu bảo toàn tính mạng?

Nếu chẳng may bác đúng là loại người thứ hai thì rõ ràng bác đang có những đồng chí hậu duệ tuyệt luân. Bác giỏi dùng người khác thì nay bác bị người ta tận dụng. Chỉ bốn tháng nữa thôi, Lăng Bác sẽ được khánh thành làm nơi trưng bày di hài bác, trái với lời di chúc của bác chỉ muốn được hỏa thiêu. Từ nay, người ta sẽ tha hồ sử dụng hình ảnh bác làm một thứ ngẫu tượng chính trị và dùng luôn cả thịt xương khô héo của bác làm con bê vàng cho những liên hoan lễ lạc của các kẻ tà đạo.

Điểm những khuôn mặt còn lại trong Bộ Chính trị tính từ ngày mới nắm tay nhau lên đường, Trần Văn Kim bỗng nhận ra một hiện tượng làm anh rung mình. Những người tha thiết với tinh thần quốc tế vô sản đã biến mất. Những người kiên trì đấu tranh cho độc lập dân tộc cũng đã biến mất. Tới lúc sắp về tới đích thì những kẻ còn lại hầu hết có xuất xứ từ gia đình quan lại hay địa chủ và

từng ở tù với nhau tại Côn Lôn, Lao Bảo hay Sơn La. Như thế, phải chăng đảng đã bị tiếm đoạt và chỉ còn là một tập đoàn phong kiến mới giả danh Cộng Sản để sử dụng phương pháp Cộng Sản, khi tình vi khi thô bạo, nhằm loại bỏ những kẻ không cùng bản chất, trấn áp quần chúng và duy trì đặc quyền đặc lợi của nó? Suốt nửa giờ, Kim ngồi khò người sau bàn giấy, mắt đờ đẫn nhìn đăm đăm bức hình của Hồ Chí Minh, rồi anh choàng tỉnh, thấy mình đã lạc mất câu hỏi tự đặt ra cho mình. Trần tĩnh lại, Kim tự nhủ, kinh nghiệm cuối đời của bác thụ động đến thế thì mình có suy nghĩ tới mấy đi nữa cũng chẳng ăn thua gì. Đảng là một guồng máy hoạt động để cướp quyền lực và bảo vệ quyền lực, Kim biết rất rõ. Guồng máy ấy phải thường xuyên đấu tranh cả trong lẫn ngoài và xốc tới nên nó cần đối tượng trấn áp để lấy đà. Nó lúc nào cũng cần kẻ thù; không có thì phải vẽ ra. Đấu tranh với kẻ thù tưởng tượng để loại trừ những đối tượng mình muốn loại trừ. Lúc đó, đảng mượn danh nghĩa tiêu diệt kẻ thù tưởng tượng để huy động âm binh nghiền nát đối tượng. Mình đã tham gia lập nên guồng máy hiểm độc đó, đã góp phần tạo nên răng cưa sắc lẹm của nó, phải chăng giờ đây mình trở thành nguyên liệu bổ béo cho nó? Anh chặc lưỡi, liếc đồng hồ và thấy đã hai giờ. Sau một thoáng dăm chiêu, Kim rút trong hộc bàn ra hai tờ giấy trắng và bắt đầu viết rất nhanh. Khi viết xong hai trang thư, một bằng tiếng Việt với những dòng chữ chi chít và nguệch ngoạc, một bằng tiếng Pháp ngắn và rõ nét, Kim cho cả hai vào một bì thư. Anh dán lại, rồi dùng điện thoại gọi người phụ tá.

Một thanh niên từ văn phòng đặt xéo phòng làm việc của Trần Văn Kim bước qua. Anh nói thật gọn với người trẻ tuổi ấy:

- Đồng chí mang cái này tới cho Triệu Hồng Trinh, cháu gái của tôi, ở nhà máy quân khí. Lập tức và đích thân giao cho bằng được. Nói với nó là cực kỳ khẩn trương.

- Tuân lệnh đồng chí.

Người thanh niên báo cáo nhận lệnh với giọng lo lắng. Anh cất chân đi nhưng tới cửa anh dừng lại và quay lui, tần ngần nhìn cấp trên:

- Thưa đồng chí, có vấn đề gì không ạ? Trông đồng chí không

được khoẻ.

Trong một thoáng, Kim tro vợ ngó anh ta:

- Đi lẹ lên. Giao xong bì thư đó, anh đừng trở về đây. Cố tìm cách đi phương nam rồi tới một nơi nào đó không ai tìm ra anh.

Bộ mặt của người thanh niên bỗng xanh lè:

- Tại sao, đồng chí, tại sao như thế?

- Vì tôi được lệnh tới Phúc Yên cho người ta thăm vấn. Đi ngay — không thì trễ mất.

Nửa giờ sau, Kim đi xuống nhà xe mé sau trụ sở, khom người chui vào chiếc xe hòm Moskwa của Nga do một thợ máy mặc quần yếm đánh tới tận cửa ga-ra cho anh. Lấn cấn với chiếc xà cột vương nơi cửa xe, Kim quên gật đầu đáp lại cái chào ngượng ngáp của người thợ máy. Kim cũng không để ý hai bàn tay anh ta dính vết dầu nhớt và bộ mặt hơi tái, cố tỏ vẻ khúm núm lâu hơn thường lệ. Vào trong lòng xe, Kim nhăn mũi vì lâu lắm anh mới ngửi lại mùi xà phòng Liên Xô ngai ngái bốc lên từ tay lái.

Xe lăn bánh giữa rừng cờ đỏ thắm và hàng hàng lớp lớp người dân thủ đô đang nhập cơn đồng thiếp đại thắng. Họ say sưa nhìn các tấm bản đồ thật lớn, ánh điện chớp nháy liên tục theo đường tiến quân mùa xuân. Từ vạn chiếc loa phóng thanh, tiếng hợp ca trùng điệp, líu lo, hùng tráng và nồn nao rượt đuổi nhau như cơn bão nổi lên từ Trị Thiên, Đà Nẵng băng qua Tây Nguyên tiến về Sài Gòn. Thỉnh thoảng có một giọng nam vận hơi thật đầy rồi cất lên cao vút, hát vang ngàn lời ngợi ca lãnh tụ đẹp nhất tên người và ngôi sao mai Hà Nội mến yêu. Đâu đó bên hồ Thuyền Quang, trên căn gác nhỏ, người nhạc sĩ héo hắt của khúc Tiến Quân Ca sắt máu ba chục năm trước nay bắt đầu sáng tác trở lại với những nốt nhạc rạo rực giấc mơ mùa xuân đầu tiên có những người từ đây biết con người, biết thương người và biết yêu người.

Len lỏi giữa rừng người mắt long lanh niềm tự hào dân tộc, mừng mừng tủi tủi vì thấy mình sống sót và hân hoan chờ phút giây chiến tranh với những gian nan khốn khó cùng kéo nhau vào dĩ vãng, Kim thận trọng lái xe qua thủ đô, qua cầu Long Biên, nhắm hướng Phúc Yên, một địa điểm nằm cách Hà Nội gần năm mươi cây số ở mạn bắc dọc theo các triền dốc trong châu thổ sông Hồng.

Lúc này, khi lái xe ven Hồ Hoàn Kiếm, bất giác Kim tự hỏi chẳng biết mình có bao giờ còn thấy thêm lần nữa Tháp Rùa và Đền Ngọc Sơn trên cồn đất và hòn đảo nhỏ ấy không — rồi anh để ý qua kính chiếu hậu và thấy có một chiếc Moskwa khác với ba công an mặc thường phục đang theo dõi anh, không chút giấu diếm. Từ đường quanh đồ dốc Gia Lâm và suốt con đường quốc lộ lộng gió cho tới khi xe leo lên đồi cao nhìn xuống vùng đồng bằng, chiếc xe công an giữ một khoảng cách đều đặn đằng sau xe Kim, không màng tới việc bị anh nhận rõ mặt. Hai bàn tay bắt đầu run rẩy trên tay lái, Kim vừa cho xe chạy vừa không ngớt nhìn vào kính chiếu hậu. Trong lúc đó, những vết dầu thắng thoát ra từ lỗ thủng mà người thợ máy mặc quần yếm trước khi giao xe đã chích nơi hệ thống thủy lực của nó nhỏ những giọt đều đặn và li ti tới độ ngay cả mắt người bình thường cũng khó nhận ra. Và Kim không biết rằng thắng xe anh đang bị người ta làm cho thành vô dụng.

Vì con dốc quá cao, Kim vẫn giữ nguyên tốc lực cho tới khi xe đổ xuống một triền dốc dài và dựng đứng ở mé bên kia một ngọn đồi lớn nằm ngoài tỉnh lỵ. Từ một mỏm đá cao, con đường quanh thật gắt. Khi chiếc xe Moskwa của Kim lao xuống khúc quẹo cùi chỏ ấy, anh khởi sự đạp mạnh chân lên bàn đạp thắng. Kim tái mặt. Chân thắng mất sức nhún, bật ngược rồi văng ra trên sàn xe. Và tốc lực chiếc xe tăng nhanh hơn.

Chiếc xe đâm thẳng vào một lỗ trống giữa rào chắn bảo hộ mà qua vết gỗ cửa còn mới, Kim có thể thấy rõ nó vừa được người ta cố ý trở ra. Khoảnh khắc trước khi chiếc xe lao ra ngoài ghềnh đá, Trần Văn Kim nhớ lại lời sau cùng cha anh đã nói với anh trong đêm xưa ở Sài Gòn khi anh khinh mạn ném tờ giấy bạc năm đồng vào mặt ông: “...Kim ạ, cuối cùng, giả dụ như chủ nghĩa bôn-sê-vich thành công, con sẽ đem sự tan nát tới cho đất nước con, gia đình con — và cho chính bản thân con...”

Chiếc xe xoáy vòng trên không rồi rơi xuống, va trúng một tảng đá nhô ra cách ba mươi thước ở mé dưới và phát nổ. Nó nảy lên thêm lần nữa trên mặt mỏm đá thứ hai ở mé dưới nữa rồi văng ra ngoài. Các mảnh vỡ và xăng dầu bốc lửa toé lên như mưa khắp mọi hướng. Tiếp đó, mặt nước cuồn cuộn của sông Hồng nuốt lấy nó và

sau cùng, làm tắt ngúm những ngọn lửa cuồng nộ.

Ba hôm sau, lúc ba giờ sáng, trong ngôi nhà nơi trang trại lâu đời vùng South Downs, đang ngủ chập chờn, Joseph bị đánh thức bởi tiếng chuông điện thoại reo vang bên giường. Anh cảm ông nghe lên và lập tức nhận ra giọng của Naomi. Nàng nói rất nôn nóng nhưng khó nghe rõ vì đường dây quá xấu:

- Joseph ơi... có thanh trùng...trong Bộ Chính trị... Đảng Lao Động...

Naomi cố ý ngừng lại sau mỗi cụm từ vì tiếng máy kêu lè xè:

- Một ký giả Pháp ở Hà Nội cho em biết chuyện đó từ một nguồn tin rất bất thường.

Joseph dụi hai con mắt ngái ngủ, ngồi bật dậy. Anh thét lớn lại:

- Rất đáng quan tâm. Nhưng tại sao nửa đêm lại kêu anh dậy mà kể chuyện đó.

- Joseph! Anh nghe đây. Chính Trần Văn Kim là kẻ bị thanh trùng — thậm chí có thể ông ta đã chết. Anh ký giả Pháp biết chuyện đó từ một cô gái người Việt đang quần trí tìm tới văn phòng của anh ta. Cô ấy yêu cầu anh ta bí mật móc nối với anh. Cô xưng tên là Trinh và sắp vào tới Sài Gòn trong ba ngày nữa. Cô nói cô cần anh giúp đỡ.

Joseph bật người ngồi thẳng lên khi thấm ý nghĩa những lời Naomi nói:

- Trinh? Có phải em nói là Trinh? Con gái của Tuyết?

Naomi hét to:

- Đúng tên Trinh, họ Triệu, và hình như vậy. Anh muốn em làm sao đây — em sẽ làm bất cứ điều gì anh bảo.

Các đốt ngón tay của Joseph trắng bệch trên ống liên hợp. Anh gào lớn:

- Đừng làm gì cả. Hoàn toàn không làm gì cả.

Naomi hỏi lại, giọng sừng sốt:

- Tại sao không? Trời đất ơi, tại sao không?

- Vì anh sẽ đích thân tới Sài Gòn.

Joseph dần ông điện thoại xuống, mặc quần áo thật lẹ, chạy ào tới phòng sách lấy sổ thông hành. Không sửa soạn hành lý, cũng

không tắt đèn nhà, anh lật đật chạy ra nhà xe. Sau khi nhận được cú điện thoại của Naomi chưa đầy mười phút, Joseph đã ngồi trên xe phóng thật lẹ qua những con đường nhỏ hẹp trong vùng thôn dã Sussex, nhắm tới Luân Đôn để bắt kịp chuyến máy bay đầu tiên may ra còn chỗ đi Viễn Đông.

Bốn giờ sau, vào sáng Thứ Sáu ngày 25.4.1975, khi trời rạng sáng và ánh nắng đầu tiên rọi tới thủ đô Luân Đôn, Joseph khởi hành từ Phi trường Heathrow để bắt đầu chặng đường thứ nhất bay đi Sài Gòn, một thủ đô đang bị vây hãm mà tuổi thọ của nó chỉ còn vồn vện năm ngày.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 7 -

Ba hôm sau, vào chiều Thứ Hai ngày 28 tháng Tư năm 1975, không khí đặc sệt và thăm đẫm như một tấm khăn liệm phủ lên thủ đô Miền Nam Việt Nam. Từ lúc mới tảng sáng, mây trời xám xịt và mỗi giờ một đen kịt thêm như điềm gờ báo trước cơn mưa đầu tiên sẽ rơi ào ạt, bắt đầu cho một mùa ẩm ướt mới. Nhưng dù bầu trời râm ran liên tục như sắp tới điềm rạn vỡ, cơn bão đang tụ về vẫn bướng bỉnh không chịu bùng nổ. Hậu quả, khắp mọi đường phố căng thẳng như bị điện giật và trong ánh sáng chập chờn màu xám, ba triệu rưỡi người dân thủ đô Sài Gòn bị mắc kẹt trong vòng vây siết chặt của xe tăng Cộng Sản vẫn có thể thấy rõ những vết nhăn sợ hãi đang đậm nét và hằn sâu trên mặt nhau. Nỗi sợ hãi ấy cô đặc lại khi dân chúng đô thành chuyển tay nhau các nhật báo đăng tin rằng trong đêm thứ tư sau ngày từ chức, Nguyễn Văn Thiệu đã cùng với thủ tướng lâu năm của mình là vị đại tướng trầm lặng và hiểm hóc Trần Thiện Khiêm chạy sang Đài Loan bằng một chuyến phi cơ đặc biệt của Không lực Hoa Kỳ, mang theo 15 tấn tài sản.

Trong khi đi bộ thật nhanh từ trung tâm thành phố tới Dinh Độc lập, Joseph có thể nghe ra tiếng gầm rú xa xa của cuộc pháo kích đang trải thảm xuống căn cứ không quân chính của Nam Việt Nam tại Biên Hoà, cách Sài Gòn khoảng ba mươi cây số. Thỉnh thoảng, trong tiếng gầm của đạn pháo lại xen lẫn rải rác tiếng sấm và nghe càng lúc càng lớn hơn. Joseph nhận thấy những người dân anh gặp trên đường, miên man ngó lên trời. Rõ ràng họ vẫn tự hỏi tới bao giờ khỏi sự cuộc oanh tạc thủ đô.

Sau nhiều tuần lễ mỗi ngày một thêm e ngại, trên bộ mặt của dân chúng đang kẹt lại ở Sài Gòn bắt đầu lộ vẻ sợ hãi vì họ biết rằng với hai mươi sư đoàn quân Cộng Sản đang bao vây thành phố,

không ai có thể trông mong sự đoàn duy nhất có kỷ luật còn lại của Quân Lực VNCH ở mạn bắc chặn được đường nam tiến của Bắc quân. Trong khi đó, quân VNCH ở Miền Tây phải giữ nguyên vị trí, không thể đưa lên tiếp viện. Đối mặt với tình hình quân sự vô vọng ấy, chính quyền lung lay của Nam Việt Nam đang sửa soạn lễ tuyên thệ của tân tổng thống — vị tổng thống thứ hai trong khoảng thời gian sáu ngày — với kỳ vọng mong manh rằng ông có thể chứng tỏ mình đúng là người được Cộng Sản chấp nhận. Thế nhưng lời đồn đãi về hành động đó đã lan tràn khắp đường phố và trong số những người biết tới kỳ vọng đó, chỉ có vài ba người tin rằng cái trò liều lĩnh chính trị tuyệt vọng và cầu may ấy sẽ cứu nổi thủ đô.

Suốt hai tuần lễ thứ ba và thứ tư trong tháng Tư, những người lãnh đạo Hà Nội đã tăng cường lực lượng của hội và bố trí quân vào các vị trí một cách ung dung và chậm rãi, để họ có đủ thời giờ hủy hoại thẩm quyền lãnh đạo chính trị của Nam Việt Nam tới mức độ hoàn toàn không phục hồi nổi.

Trước đây khoảng mười ngày, để đảm bảo việc tổng thống Nguyễn Văn Thiệu không đào thoát ra hải ngoại rồi thành lập chính phủ lưu vong hầu có thể gây phương hại về sau cho sự kiểm soát tối hậu của Cộng Sản tại Miền Nam, những người lãnh đạo Bắc Việt, qua các đại biểu của họ ở Trại Davis trong Tân Sơn Nhứt, đã đưa ra lời gợi ý rằng họ có thể chấp nhận điều đình và dàn xếp nếu Nguyễn Văn Thiệu chính thức từ chức tổng thống. Nhưng sau khi dọn đường cho Hoa Kỳ ép được Nguyễn Văn Thiệu từ chức, họ lập tức đưa ra đòi hỏi mới. Họ khẳng khẳng rằng nay tới lượt phải thay thế phó tổng thống kế nhiệm Trần Văn Hương, kẻ chủ trương tử thủ Sài Gòn tới giọt máu cuối cùng bằng một khuôn mặt khác. Và từ Hà Nội, họ nêu đích danh Dương Văn Minh. Ông là một vị đại tướng tự nhận là lãnh tụ của lực lượng thứ ba, chủ trương hòa giải và hòa hợp với Cộng Sản và được Thượng tọa Thích Trí Quang xem là một nhân vật, với sự hỗ trợ của Phật giáo Ấn Quang, có tư thế và khả năng thương thuyết với Cộng Sản về một cuộc ngừng bắn song phương. Vì sự đòi hỏi đó dường như đưa tới niềm hy vọng mong manh là có thể ngăn được việc Sài Gòn bị hoàn toàn

tàn phá nên người Nam Việt Nam phải vội vàng đồng ý. Để việc chuyển giao chức vụ tổng thống cho Dương Văn Minh được hợp hiến, quốc hội đành phải họp khoáng đại lưỡng viện, biểu quyết trao cho Trần Văn Hương toàn quyền chọn người kế vị. Lễ tuyên thệ nhậm chức của Minh Cồ được cử hành vào xế chiều. Joseph tới Dinh Độc lập lúc vừa quá năm giờ, kịp thời gian nhìn vị tướng lãnh Phật giáo đơn sơ ấy — kẻ từng đóng vai trò lãnh đạo trong cuộc lật đổ Ngô Đình Diệm do Hoa Kỳ giật dây — đi vào đại sảnh khánh tiết với bộ mặt chất phác và bản thân. Người Mỹ sắp bỏ đi hết. Thế và lực của Miền Nam chẳng còn gì. Cộng Sản đã tới bên lưng. Những kẻ trước đây hùng hổ hô hào chống cộng tới giọt máu cuối cùng cũng đang cuống cuống bỏ đi. Chỉ còn ba sư đoàn ở thủ đô và miệt Cần Thơ, không lẽ để họ cùng với vị cao niên gân guốc và quyết tử Trần Văn Hương đánh đến hơi thở cuối cùng cho tan nát hết. Vậy ông từ vị trí trung lập chuyển qua vị trí nguyên thủ của chế độ VNCH để thương lượng với phía bên kia. Đây cũng là cơ hội được các nhà sư hệ phái Ấn Quang và thành phần thứ ba áp ủ và tranh đấu suốt mười mấy năm nay, đó là chủ động một chính phủ xúc tiến việc hòa giải hòa hợp với các phe lâm chiến. Họ hy vọng, tuy không dám nghĩ là rất mong manh, sẽ thương lượng được với các thành phần trong MTGPMN và Chính phủ Cộng Hòa MNVN để có một chính phủ liên hiệp ba thành phần do Pháp làm bà mẹ, và để hạn chế bớt những mất mát sinh mạng và hư hao tài sản của người Việt. Riêng đối với Dương Văn Minh, bất chấp những lời của Trần Văn Hương đã sỉ nhục ông công khai trước quốc hội và trên vô tuyến truyền hình hai ngày trước đó là “ngây thơ và nông cạn về chính trị”, ông chấp nhận vai trò tổng thống để vừa đáp ứng niềm tin của những người xem Dương Văn Minh là một giải pháp, vừa thành tựu giấc mơ làm chủ nhân Dinh Độc lập được ông đeo đuổi từ lâu. Nếu thành công như ông đang tin tưởng vào lời hứa từ nhiều phía, ông sẽ ngẩng cao đầu trước những người suốt hai mươi năm nay làm thương tổn ông. Nếu thất bại, ông sẽ trang trọng bàn giao chính quyền cho phía bên kia và để tên tuổi của mình cho lịch sử phán xét. Còn tính mạng, ông sẽ bảo trọng tới cùng vì theo ông, đó là kết tào bởi trời đất, do

cha mẹ sinh dưỡng và ông không có quyền hy sinh theo kiểu “thành mất tướng tuấn tiết theo thành.”

Phòng khánh tiết rộng thênh thang với những bức rèm thêu kim tuyến và màn cửa bằng nhung cùng trần cao vời vời, treo những chùm đèn pha lê thật lớn, đang có mặt một cử tọa khoảng hai trăm người Việt gồm các sĩ quan quân đội và các chính trị gia có thành tích chống đối chế độ Nguyễn Văn Thiệu. Trong e dè và thình lặn, họ quan sát tướng Dương Văn Minh cao lớn và chừng chạc, trong bộ vét-tông mới may cắt, bước lên chiếc bục diễn thuyết có gắn huy hiệu riêng của ông — một đồ hình hoa mai trắng trên nền màu xanh nhạt dịu dàng. Có kẻ bảo đó là hình ảnh lấy từ ý thơ lạc quan “nhất chi mai” trong Thiên tông Việt Nam. Có kẻ cho rằng nó được vẽ trại đi từ hoa lan, vì với biệt danh “tướng hoa lan”, ông nổi tiếng là người có nhiều hoa lan quý và đẹp nhất Sài Gòn. Có kẻ lại lập luận rằng nó có ý bày tỏ tinh thần hòa hiếu, và ý nguyện hòa hợp hòa giải của chính phủ ông với người anh em Cộng Sản ở bên kia chiến tuyến.

Joseph len lỏi qua đám đông chừng một trăm phóng viên ở cuối phòng khánh tiết để tới chỗ Naomi đang đứng bên toán truyền hình với vẻ mặt căng thẳng và điều khiển việc quay phim diễn tiến nghi lễ. Dưới bàn tay trái của Naomi đang đưa chiếc mũ sắt và nàng vẫn mặc áo giáp chống đạn màu xanh ô liu như hầu hết các phóng viên khác, những kẻ tất bật vô ra các tuyến đầu mặt trận, nơi lúc này chỉ cần vài phút xê dịch bằng xe hơi từ khách sạn của họ ở trung tâm thành phố là có thể tới ngay hiện trường. Cả Naomi lẫn Joseph đều tập trung tâm trí và bôn chồn lắng nghe Minh Cồ, cố tìm xem việc thay đổi lãnh đạo như một nỗ lực cứu vãn cuối cùng này có cho Joseph thêm được vài giờ để tìm cho ra Trinh không.

Dương Văn Minh bắt đầu phát biểu với giọng rung rung xúc động:
- Đồng bào cần thấy rõ rằng tình thế lúc này vô cùng nghiêm trọng. Những sự việc bi đát đang diễn ra từng phút từng giây trên xứ sở của chúng ta và chúng ta đang trả giá đắt bằng xương máu cho những sai lầm của mình. Tôi vô cùng đau buồn vì những biến cố đó và lúc này tôi cảm thấy mình có trách nhiệm phải tìm kiếm một cuộc ngừng bắn và mang lại hòa bình trên căn bản Hiệp định

Paris... Những ngày sắp tới sẽ vô cùng khó khăn. Tôi không thể hứa hẹn nhiều với đồng bào...

Joseph lắc đầu thất vọng. Naomi nhìn quanh sảnh đường và bắt gặp bộ mặt ảm đạm mệt mỏi của chồng. Từ khi đặt chân xuống Sài Gòn cho tới lúc này, đã bốn mươi tám tiếng đồng hồ, Joseph chẳng chợp mắt chút nào. Suốt ngày suốt đêm, anh đi lang thang trong thành phố, cố tìm cho ra những nơi thường lui tới của các đầu mối liên lạc của Việt Minh thuở trước và Việt Cộng ngày nay trong các ngõ hẻm quanh co và giăng mắc mù mịt như cung mê và những xóm nhà tồi tàn lụp xụp dọc hai bên bờ mấy con kênh nước đen. Joseph bắt đầu bằng việc cho tiền hối lộ thật hậu hỉ những người hầu để mua chuộc và những người gác cửa khách sạn Continental Palace, Caravelle và các khách sạn lớn khác, những kẻ anh tin chắc họ lúc này không thể không làm mật báo viên cho Việt Cộng. Anh hứa sẽ cho thêm nhiều tiền nữa nếu họ có thể nói cho anh biết làm thế nào liên lạc được với Triệu Hồng Trinh, một cán bộ mới mẻ và quan trọng của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam vừa rời Hà Nội năm ngày trước đây để vào nam đảm trách công tác đặc biệt tại Sài Gòn. Anh âm thầm nhét tờ giấy bạc một trăm Mỹ kim vào tay họ. Đôi khi còn kín đáo cho họ thấy mấy bức ảnh anh chụp chung với Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp thời anh công tác OSS năm 1945.

Trong lòng lĩnh tuyệt vọng tìm cho ra Trinh, Joseph nói dối như máy, không cảm thấy hổ thẹn chút nào. Anh bảo mình là một nhà văn có cảm tình với chính nghĩa Cộng Sản và hiện có lý do để tin rằng đồng chí Trinh đang mang những tin tức bí mật và quan trọng do lãnh đạo của đảng Lao Động ở Hà Nội gửi vào và mong anh nhận được càng sớm càng tốt. Và chính vì tầm quan trọng sống còn của nhiều nhân vật Việt Cộng tại thủ đô Miền Nam nên nữ đồng chí ấy phải lập tức liên lạc với anh, ngay lúc vừa từ Miền Bắc Việt Nam đặt chân tới Sài Gòn.

Những người làm công cho khách sạn nghe và nhìn Joseph với ánh mắt nghi hoặc. Rồi sau khi chìa tay nhận thêm tiền dứt lốt, họ cung cấp một số danh tính cùng địa chỉ. Và anh khổ sở lần từng bước thật chậm theo các đường dây điều động bí mật dẫn qua những lối

đi bùn lầy nước đọng và bước xuống những nhà dò hôi hám cấm neo làm thành những xóm lụp xụp bên thiu trên kênh rạch của thành phố.

Khắp mọi chỗ tiếp xúc tôi tắm và dơ dáy ấy, người ta đón nhận những lời dò hỏi của Joseph bằng con mắt cảnh giác và những tiếng lẩm bẩm trong miệng. Không màng tới sự an nguy của bản thân, ban đêm Joseph còn đi ra cả những làng mạc ven đô mỗi khi dàn xếp được việc gặp gỡ người đầu mối ở đó. Và như thế, anh tin chắc rằng mình đang lần ngược trở lên hệ thống và càng lúc càng tiếp xúc được với cấp chỉ huy cao hơn của Việt Cộng. Nhưng tới đêm thứ hai Joseph thất vọng ngừng cuộc tìm kiếm vì xét thấy mình chỉ lần mò tới được cấp chỉ huy bậc trung. Và không một người đầu mối nào xác nhận họ có biết chút gì tới sự hiện hữu của đồng chí Triệu Hồng Trinh trong hàng ngũ của họ.

Hôm Chúa nhật, Joseph tới dự tất cả các thánh lễ cử hành tại Nhà thờ Đức Bà. Anh cố làm cho người ta để ý tới mình vì anh biết rằng trong rất nhiều năm, nơi này là chỗ cho những phái viên của Việt Cộng tiến hành việc móc nối lén lút các nhà báo nước ngoài khi có lợi cho họ. Nhưng tới khi mọi người ra về, không một tay trung gian nào tiếp cận anh.

Sáng sáng Thứ Hai, lòng ngập tràn thất vọng hơn bao giờ hết, Joseph đến phi trường Tân Sơn Nhất. Anh tìm được cách vào Trại Davis, một cơ sở kiên cố mà theo Hiệp định Paris được dùng làm trú sở cho phái đoàn liên hiệp quân sự. Hội gồm hai trăm bộ đội thuộc Quân Đội Nhân Dân của Bắc Việt cùng với một nhóm ít người hơn gồm các viên chức Việt Cộng thuộc Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Trên lý thuyết, họ có mặt tại đó để giám sát việc ngừng bắn vốn bắt đầu từ năm 1973 nhưng mọi người thừa biết rằng các sĩ quan Bắc Việt ấy là cán bộ chính trị nguy trang của Hà Nội. Và suốt hai năm nay, cứ mỗi sáng Thứ Bảy, họ xúc tiến một cuộc họp báo quái đản để cổ động cho đường lối tuyên truyền của Hà Nội.

Trên đường tới Trại Davis, lần đầu tiên Joseph thấy các đám người Việt mỗi lúc một đông, đang chờ di tản bằng những chuyến máy bay C-130 của Không lực Hoa kỳ cất cánh rời phi đạo theo những

thời điểm cách nhau đều đặn. Phòng luyện tập của DAO: Defense Attached Office — Cơ quan Tùy viên Quân lực Hoa Kỳ, trở thành một trung tâm điều hành việc tị nạn. Tại đó, quang cảnh những người đàn ông, đàn bà và trẻ em giữ chặt túi đồ đạc của mình trong khi chờ rời bỏ quê hương bản quán ra đi khiến cho cảm giác báo động của Joseph bốc lên thật cao.

Trong một cơn bùng bột, Joseph quyết định tiết lộ gần hết sự thật của việc anh quan tâm tới Trinh cho viên đại tá Hà Nội, thủ trưởng phái đoàn Cộng Sản ở Trại Davis. Joseph xin gặp bằng cách gửi bức ảnh OSS của mình kèm theo một mảnh giấy nhỏ ghi đầy đủ họ tên Triệu Hồng Trinh và lý do của việc anh tha thiết tìm cho ra đứa cháu ngoại. Nửa giờ sau, viên đại tá mắt ti hí ấy tiếp anh, lắng nghe câu chuyện của anh với bộ mặt không lộ chút cảm xúc. Kế đó, ông ta gọi một phụ tá tới tiễn Joseph ra cửa rồi nói với anh:

- Tôi chẳng biết tí gì về những điều ông vừa nói.

Tới lúc Joseph rời phi trường Tân Sơn Nhứt, số lượng đông đảo những người tị nạn xếp hàng ra đi phình lên thấy rõ. Toán lính Thủy quân Lục chiến Mỹ ít ỏi được đưa sang đây trong tuần lễ vừa qua để giữ trật tự cho cuộc di tản đang vất vả thuyết phục những người Việt hoảng loạn đừng vút lung tung xe hơi của mình làm nghẽn lối vào phi trường. Trên đường về lại trung tâm Sài Gòn, vừa qua khỏi Lăng Cha Cả được một quãng, Joseph dần dần bị kẹt cứng giữa cả chục ngàn người dân Sài Gòn. Họ hầu hết là quân nhân các nơi vừa chạy thoát về Sài Gòn và tín hữu Công giáo mà gia đình hơn 20 năm trước đã vượt thoát Miền Bắc, di cư vào nam. Họ tấp nập kéo nhau tới giáo xứ Tân Sa Châu để ngóng từng lời diễn thuyết của cựu phó tổng thống Nguyễn Cao Kỳ. Đứng trên bục cao ở một góc sân thánh đường, mắt đeo kính đen, mình mặc bộ đồ trắng ủi thẳng nếp, vị thiếu tướng không quân hồi hưu nổi tiếng ăn nói boác đồng và hành động đầy khinh suất đó đang hô hào quân dân thủ đô hãy cùng ông ở lại tử thủ Sài Gòn. Ông hứa hẹn nếu Sài Gòn có bị thất thủ, lúc ấy ông sẽ cùng đồng bào rút xuống cố thủ ở Miền Tây. Láy giọng thật trầm và thật âm, ông tâm sự rằng mình sẽ không bao giờ chạy sang Mỹ vì không chịu được lối sống của Mỹ, và tại quê hương này, lúc nào cũng có sẵn rau

muống và mắm cáy là hai món ăn ông thích nhất. Không lách qua được đám đông ấy, Joseph phải tấp chiếc xe mướn của mình vào đầu một bên đường và xuống xe, bắt đầu đi bộ dọc theo đường Trương Minh Ký. Đi chưa được bao lâu, tới đường Trương Minh Giảng, qua một cổng xe lửa, anh nhận ra mình đang ở vùng xứ đạo Bùi Phát. Đó là khu vực mới sáng nay, trong cuộc pháo kích vào thành phố, quân Cộng Sản đã bắn trúng và san bằng trọn quãng đường phố chạy ngang một xóm nhà lụp xụp tồi tàn, mái lợp tôn, nằm tùm tùm vào nhau. Khói vẫn còn bốc lên trên những đồng đồ nát bị lửa cháy lan sáng nay. Từ các xác nhà đồ sộ, người ta vẫn còn moi ra thi thể người đã chết và người sống sót bị cụt chân gãy tay. Thân nhân ngồi thành từng nhóm nhỏ khóc sục sùi. Người đi ngang cũng tụ thành từng đám, đứng nhìn choáng váng. Khi tới gần góc phố điều tàn ấy, Joseph thấy một nạn nhân bị phỏng rất nặng vì cuộc pháo kích, đang được người ta lôi ra từ bên dưới những gờ tan nát còn lại của một túp lều mái tôn cong vồng. Joseph đứng ngó với cảm giác càng lúc càng thêm hãi hùng khi hai người lính túm hai cổ chân cháy thành than giật mạnh và phần thân thể còn lại bị kéo tuột ra ngoài, vọng lên tiếng rên rỉ yếu ớt. Bỗng tin rằng nạn nhân đó là một thiếu nữ, anh bất giác chạy tới, la lớn. Thân mình cùng tứ chi đen như khúc củi than, giộp lên. Tóc trên đầu cháy trụi. Đôi mắt màu nâu thật sáng, tròn tròn xoe đau đớn, đảo lia đảo lịa. Hai môi đen đui mấp máy nhưng không thoát ra thành tiếng.

Joseph chụp bi-đông của một người lính, ra hiệu cho họ hạ thấp chiếc cáng nạn nhân xuống trong khi anh nhỏ vài giọt nước vào cổ họng cháy sém ấy. Anh nghe vọng lên thêm một tiếng rên khe khẽ và thống thiết khi cơn co giật vì đau đớn làm thân thể nạn nhân rùng mạnh. Và lúc ấy Joseph mới thấy ra trên mình nạn nhân hầu như không còn một mảnh vải vì chúng đã cháy theo ngọn lửa khi nó thiêu rụi mọi sự. Cái anh tưởng chiếc quần đen nylon thật ra chỉ là lớp da bị giộp lên. Lúc ấy anh cũng nhận ra nạn nhân là một thanh niên. Dù vẫn cảm thấy cực kỳ kinh hãi, Joseph thở ra nhẹ nhẹ, lòng dịu lại đôi chút. Khoảnh khắc sau, người tuổi trẻ ấy rùng mình rên lên tiếng cuối cùng rồi từ trần. Hai người lính Việt Nam

đang nôn nóng chờ với vẻ mặt ác cảm khi nhìn Joseph, lúc này tiếp tục công tác của họ là dọn dẹp tử thi chưa ai nhận lấy. Đứng hồi lâu giữa những đống nát do các phát hỏa tiền gây ra Joseph cảm thấy lòng choáng váng không kém người dân trong xóm đang đứng chung quanh anh. Ai nấy đều nhận ra rằng cuối cùng cuộc chiến đã xâm phạm tới trung tâm thủ đô, nơi suốt gần ba mươi năm qua, Sài Gòn hiện hữu như một phép lạ giữa những trận đánh đẫm máu diễn ra khắp bốn phương tám hướng chung quanh nó. Chỉ một ít ngoại lệ như cuộc Tổng Công Kích Tết Mậu Thân vào bảy năm trước, cuộc pháo kích bằng hỏa tiễn năm 1971, và vài ba vụ đánh phá bằng chất nổ vào nhà hàng hay vũ trường thường có người nước ngoài lui tới, thủ đô của Nam Việt Nam lúc nào cũng là một ốc đảo tương đối thanh bình trong một đại dương sôi sục vì chiến tranh. Nay khi ngày tiếp tục và những đám mây đầu mùa mưa làm đen kịt bầu trời thủ đô, trong không khí Sài Gòn dường như đang hiện hữu điều gì đó rất cụ thể tới độ người ta có thể sờ mó được, báo hiệu một cách chắc chắn rằng chiến tranh đang tiến vào rất gần.

Hình ảnh thi thể cháy đen của người thanh niên lại hiện về ám ảnh trí tưởng của Joseph hết giờ này qua giờ khác khi anh tiếp tục lùng tìm Trinh. Rồi dần dà, nó diễn đi diễn lại mãi và trở thành một biểu tượng cho sự kinh khiếp hãi hùng. Trong khi lắng nghe diễn từ chỉ toàn là kỳ vọng của Dương Văn Minh anh lại nghĩ tới hình ảnh đó vì qua những gì vị tân tổng thống Nam Việt Nam phát biểu, người ta có lẽ sớm nhận ra rằng trong tâm tư ông hẳn cũng đang tràn ngập những ý nghĩ tương tự.

Lần đầu tiên Dương Văn Minh nhắc tới và gọi thẳng cái tên tự xưng của “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam”. Ông nói rằng lúc này toàn dân muốn sự “hoà giải” trên hết mọi sự. Nhưng cung giọng của Minh Cồ gợi cho thấy ông không dám đặt hy vọng vào việc Việt Cộng hoặc người Bắc Việt sẽ có nhiều nhượng bộ vì lúc này, chiến thắng hoàn toàn về quân sự đang nằm trong lòng bàn tay của họ.

Cố sức bơm thêm niềm tin tưởng vào lời lẽ của mình, Dương Văn

Minh nói:

- Việc hoà giải đòi hỏi anh em bên này lẫn anh em bên kia đều phải tôn trọng quyền sống của nhau. Tôi kêu gọi anh em bên kia ngưng ngay lập tức những cuộc tấn công lẫn nhau để chấm dứt những khổ đau của dân chúng, cùng nhau ngồi vào bàn hội nghị để tìm những giải pháp hữu ích cho quốc gia dân tộc.

Vị tướng chất phác và lực lưỡng ấy ngừng một chút, hít vào một hơi thật dài, mắt không nhìn cử tọa. Ông nhận thức rõ ràng rằng mình đang nói qua vô tuyến truyền hình phát trực tiếp tới tai mắt của nhiều người bên ngoài đại sảnh khánh tiết này:

- Với tất cả tấm lòng chân thật của mình, tôi hy vọng rằng lời kêu gọi này sẽ được anh em bên kia đón nhận...

Đúng khoảnh khắc ấy, toàn bộ dinh tổng thống rung động bởi một tiếng nổ long trời. Chớp loé lên rực sáng bầu trời bên ngoài, hắt tung những chiếc màn lớn treo trên các cửa dẫn ra hàng hiên. Một luồng gió mạnh ào tới, tạt nước mưa vào phòng khánh tiết trong khi cơn bão đầu mùa gió chướng bùng nổ cực kỳ dữ dội. Và khi các cửa lớn được đóng kín trở lại, tổng thống Dương Văn Minh cất cao giọng để cử tọa nghe rõ hơn, át tiếng sấm tiếp tục rền vang bên ngoài. Mặt nghiêm trọng hơn trước, ông nói:

- Thừa đồng bào, trong những ngày vừa qua, tôi có thể nhận thấy rằng có nhiều người đang âm thầm rời bỏ xứ sở này. Tôi muốn nhắc nhở toàn thể đồng bào rằng đây là quê hương yêu quý của chúng ta. Xin đồng bào hãy can đảm, hãy ở lại và chấp nhận số phận mà Thượng đế...

Tiếng sấm lại nổ thêm lần nữa và rền vang đỉnh tai buốt óc. Chờ cho tới khi lắng tiếng sấm, Dương Văn Minh thêm lần nữa ngược mặt và nhìn cử tọa bằng ánh mắt van lơn:

- Xin hãy ở lại và cùng đứng bên nhau — tái xây dựng Miền Nam Việt Nam! Xây dựng một nước Việt Nam độc lập, dân chủ và thịnh vượng. Và như vậy người Việt Nam sẽ sống với người Việt Nam trong tình nghĩa anh em.

Ngừng lại lần chót, Minh Cồ đưa mắt nhìn quanh phòng khánh tiết, như một người cô tỏ ra can trường nhận biết, một cách trợn vện, rằng rồi ra bản thân mình có thể sẽ bị nhấn chìm bởi cơn thủy triều

lịch sử không cưỡng lại nổi. Cuối cùng, giọng trầm hẳn, ông nói thêm: “Xin cảm ơn quý vị và toàn thể đồng bào”. Nhưng lời ấy không tới được tai cử tọa trong phòng khánh tiết vì mọi người đang bị nhấn chìm bởi một loạt sấm vang rền khác.

Khi cuộc tụ họp bắt đầu tản ra, Naomi bước tới bên Joseph, nắm cánh tay chồng an ủi. Với vẻ mặt rúm rỏ, anh ưỡn người lên, nhún vai cam chịu. Kể từ lúc tới Sài Gòn, Joseph hỏi tới hỏi lui Naomi nhiều lần về lời nhắn gửi đã được nàng nhận từ người ký giả Pháp. Và lần nào nàng cũng kiên nhẫn kể đi kể lại với anh rằng một cô gái tên Trinh họ Triệu liên lạc với người đại diện của Hãng Thông tấn AFP tại Hà Nội, đưa cho anh ta một tờ giấy và kể cho anh ta nghe việc Trần Văn Kim biến mất sau khi bị loại khỏi Bộ Chính trị. Đổi lại tin tức đó, cô gái yêu cầu anh ta bí mật liên lạc với một người Mỹ có tên là Joseph Sherman và chuyển lời rằng ông cậu ngoại của Triệu Hồng Trinh đã sắp xếp cho cô ta xâm nhập Miền Nam với tính cách một cán bộ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Cô gái ấy nói rằng do việc Trần Văn Kim bị trừ khử, cô ta sợ cho tương lai của mình nếu còn ở lại Miền Bắc. Lúc này rõ ràng quân đội Bắc Việt sắp hoàn toàn chiến thắng tại Miền Nam nên cô gái ấy cảm thấy nếu mình có vào nam ở đi nữa cũng không có tương lai. Đó là lý do tại sao cô ta muốn Joseph Sherman giúp đỡ để ra khỏi nước Việt Nam. Cho tới lúc ấy, đảng không đưa ra lời tuyên bố nào về Trần Văn Kim nhưng ngay sau đó, anh ký giả Pháp biết từ một người đưa tin đáng tin cậy rằng ông ta đã chết trong một vụ xe lật.

Naomi nói trầm giọng:

- Joseph ạ, anh đừng có vẻ lo lắng quá như thế. Có thể anh bạn AFP kia vì lý do nghề nghiệp giữ lại một số chi tiết. Có thể chuyến đi của Trinh bị trì hoãn. Cũng có thể tại những khu vực Cộng Sản kiểm soát, đường đi lại lúc này rất lộn xộn.

Joseph không trả lời. Anh nhướn mắt nhìn quá ra sau vai của Naomi, tới đám đông các dân biểu và thượng nghị sĩ quốc hội đang đứng thành từng nhóm bên dưới các chùm đèn, thảo luận về bài diễn văn nhậm chức của Dương Văn Minh. Naomi vừa hỏi vừa quay mình theo ánh mắt chồng:

- Gì vậy?

- Trần Văn Tâm! Coi kìa, anh ta đang nói chuyện với vị thủ tướng mới. Vẫn là một con tắc kè chính trị xuất sắc không chê vào đâu được! Dù gì anh ta cũng phải cố chuyển mình từ chế độ Thiệu qua phía những người trung lập.

Joseph lật đật đi tới người Việt Nam ấy. Vừa quay lại Tâm đã thấy Joseph đứng sát khuỷu tay mình. Anh anh chìa bàn tay:

- Vậy là anh tới đây để chứng kiến màn chót tẩn tãm kịch của đất nước chúng tôi, phải không Joseph? Chúng tôi đang làm tất cả những gì có thể làm nhưng chúng tôi hiện không còn chút sức mạnh nào để mặc cả. Việc tuyên thệ nhậm chức của tân tổng thống chỉ kiếm được nhiều nhất cho chúng tôi một ít thì giờ thôi.

Tâm nói những lời ấy với giọng thật thấp không để những người đứng chung quanh nghe. Rồi anh ta mỉm cười buồn bã. Joseph gật đầu:

- Nhưng còn kế hoạch riêng của cá nhân anh thì sao? Liệu anh có nằm trong số những người hưởng ứng lời kêu gọi ở lại và chấp nhận số phận được Thượng đế an bài cho mình không?

Người Việt Nam cười khúc khích rồi bẽn lẽn đưa mắt nhìn quanh trước khi trả lời:

- Với lòng yêu nước nồng nàn, tôi muốn hưởng ứng, nhưng cũng giống như những kẻ khác, tôi e sợ những gì Cộng Sản sẽ làm. Tôi đã phòng ngừa bằng cách cho vợ tôi và cả nhà rời khỏi Sài Gòn.

Họ hiện ở Thái Lan.

Joseph hỏi như thì thầm:

- Vậy anh có tính chuyện đưa luôn ra ngoài ít nhiều của cải không? Tâm lại khúc khích cười với vẻ bối rối:

- Có, cũng đã có tính trước chuyện phòng xa như thế cho chắc ăn.

- Và bằng cách nào bản thân anh ra đi được? Trong phi trường, người ta càng lúc càng bu đông như kiến!

Bộ mặt Tâm cau lại thành một nụ cười như có tính toán sẵn:

- Vị đại sứ của anh lúc nào cũng đối xử với tôi như một người bạn tốt. Anh biết không, tôi luôn luôn làm hết sức mình để có thể cung cấp cho ông ấy quan điểm riêng của tôi về các công việc của chính phủ chúng tôi. Như để bày tỏ lòng biết ơn, ông ấy bảo đảm cho tôi

một chỗ trên máy bay của toà đại sứ nếu cần phải di tản đột ngột.

- Và làm thế nào anh thoát khỏi sự qui kết rằng bản thân anh cũng từng có những sai phạm lâu dài không kém gì tổng thống Thiệu?

Tâm lại nở thêm trên môi một nụ cười:

- Một sự khôn ngoan rút lui khỏi chức vụ của mình tại Bộ Thông tin vào tuần trước — khi đã thấy rõ gió đang thổi về hướng nào. Nhưng nói cho tôi biết có phải anh đang viết thêm một cuốn sách nữa? Có phải đó là lý do khiến anh quay lại Sài Gòn trong tình thế nguy hiểm này?

Joseph lắc đầu:

- Không phải vậy đâu anh Tâm. Thực tế, tôi tới đây vì việc vừa xảy ra cho Trần Văn Kim, em của anh, ở Hà Nội. Tôi rất buồn khi nghe tin ấy.

Tâm lắc đầu thờ dãi:

- Tình huống cái chết của em tôi rất lạ lùng nhưng tôi không hiểu tại sao nó lại tác động tới anh?

- Có thể anh không biết, nhưng Tuyết và con trai của nó bị tử nạn trong trận không tập hồi lễ Giáng Sinh năm 1972. Chỉ còn con gái của Tuyết là Trinh sống sót. Kim là người thân duy nhất của Trinh ở Hà Nội. Lúc này, Kim đi rồi thì Trinh cô độc và rất sợ hãi. Hình như Kim có bảo trước cho Trinh biết làm thế nào nhấn tôi qua một ký giả Pháp tại Hà Nội. Và Kim cũng chuẩn bị sẵn giấy tờ để Trinh có thể âm thầm thâm nhập Miền Nam chung với các cán bộ Bắc Việt khác.

Tâm tròn xoe mắt:

- Như vậy anh tới đây tìm nó để mang nó ra khỏi Việt Nam?

Joseph ảm đạm gật đầu, giọng chua xót và tuyệt vọng:

- Đúng, nhưng tôi tìm không ra nó. frgtTôi đã cố liên lạc với hết thầy các đầu mối mà mình biết. Anh biết có ai ở phía bên kia giúp được không?

Trong mắt người Việt Nam hiện lên vẻ đề phòng:

- Tôi không làm nổi việc đó đâu... Tôi rất tiếc. Giống như những kẻ khác, tôi còn phải lo lắng đủ thứ cho thân mình.

Tâm dợm chân muốn bỏ đi nhưng Joseph túm vai xoay người anh ta lại:

- Anh Tâm này, Trinh cũng là ruột thịt của anh! Người như anh chắc chắn phải có những liên lạc riêng của mình với phía Việt Cộng.

Joseph ngừng nói. Quai hàm bỗng đánh lại, anh gằn giọng:

- Có lẽ tôi nên đề cập vấn đề đó với ông đại sứ và yêu cầu ông ấy hủy chỗ của anh trên máy bay trực thăng!

Mặt Tâm biến sắc xanh lè. Anh ta hoác miệng cười hót hải và nhìn Joseph một lúc lâu với vẻ cảnh giác. Rồi mắt anh ta loé sáng:

- Tại sao anh không hỏi ý kiến người bạn của anh trong “phòng trắng”?

Joseph ngó Tâm chăm chặp, sừng sốt:

- Anh biết gì về người đàn ông trong phòng trắng đó?

- Chú em Guy của anh kể hết cho tôi nghe việc anh ta từng đưa anh tới xà lim đó để cố nhận diện hắn. Anh ta nghĩ anh nhận ra hắn qua những ngày xa xưa ở Bắc kỳ nhưng anh không chịu nói ra điều đó.

Joseph lắc đầu không tin nổi. Bảy năm trời trôi qua từ ngày anh ghé lại cái xà lim trắng toát và bí bùng, nơi giam hãm bộ xương run lẩy bẩy của Đào Văn Lật. Anh hỏi với giọng ngờ vực:

- Anh ta còn ở đó sao?

Tâm gật đầu:

- Vâng, và vẫn ngậm kín miệng — từ lâu người ta không còn thăm vấn hắn. Hắn không bao giờ để lộ điều gì về tổ chức của Mặt trận Giải phóng. Nhưng lúc này đang tới hồi kết cuộc, có thể hắn làm một ngoại lệ — cho một người bạn cùng chiến đấu mà trong quá khứ đã chứng tỏ lòng trung thành đối với hắn.

Joseph lại túm vai Tâm:

- Tôi sẽ cố! Anh sắp xếp cho người bên an ninh của anh giúp tôi tới đó thăm anh ta — mà tắt hết các ống kính và mi-crô đi.

Tâm lẹ làng gật đầu:

- Tôi sẽ vì anh mà gọi liền vài cú điện thoại. Xin đợi tôi tại khách sạn anh ở cho tới lúc nhận được tin của tôi.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 8 -

Hai mươi bốn giờ sau, lúc trời vừa sẩm tối ngày Thứ Ba 29 tháng Tư, Joseph ngồi chồm hồm bên chiếc ghế đầu sơn trắng đặt chính giữa phòng giam sơn cũng màu trắng. Anh tiếp tục nhìn chăm chăm khuôn mặt choắt cheo trên bộ xương co rút trong khi tâm tư mình càng lúc càng tuyệt vọng. Suốt những năm dài trôi mình trong bầu không khí buốt giá, da trên mặt và trên khắp thân thể Đào Văn Lật dường như chun lại khiến nó tự động co rút, bọc sát xương và biến khuôn mặt anh thành như một đầu lâu. Tóc Lật hoá ra trắng xóa như mọi thứ trong xà lim. Hai mắt anh lớn một cách quái đản, lấp lánh trong hai hốc mắt sâu hoắm như hai chiếc hố thăm thẳm.

Vẫn ngồi gập người, hai cánh tay tựa hai que củi ôm chặt thân mình như anh từng làm như thế trong lần cuối Joseph gặp anh dạo đầu năm 1968. Lật vẫn mặc độc nhất trên người chiếc quần cụt tả toí. Cơ thể gầy đét của anh dường như hoàn toàn không đủ thịt để lưu dưỡng sự sống. Nhưng cũng như bảy năm trước, Lật chẳng chút để ý tới tình trạng khốn khổ của mình. Anh vẫn ngồi trên chiếc ghế đầu ấy, hoàn toàn hờ hững và không chút nhúc nhích. Mắt vẫn nhìn đăm đăm và trống rỗng tới bức tường trắng toát trước mặt.

Joseph lặp lại lần thứ hai với giọng hết sức nhẫn nại:

- Anh Lật này, anh nghe tôi nói đây. Chiến tranh sắp chấm dứt. Các mi-crô ở đây đã được tắt hết. Chỉ lát nữa thôi, anh và hết thầy tù nhân chính trị sẽ được thả ra theo lệnh của tổng thống Dương Văn Minh. Nội hai mươi bốn giờ nữa, lực lượng của các anh chắc chắn sẽ toàn thắng trong vinh quang. Họ đang vào tới vùng ngoại ô Sài Gòn — nhưng trước khi họ tới đây, anh phải giúp tôi một việc! Trong thế ngồi chồm hồm, Joseph thụt lùi một chút. Anh cẩn thận xem xét vẻ mặt Lật thêm lần nữa nhưng người Việt Nam không tỏ

dấu hiệu có nghe anh nói. Thay vào đó, Lật tiếp tục nhìn thẳng tới trước, mắt không chút nhấp nháy. Lòng Joseph nhói nhói nổi e ngại rằng biết đâu Lật đã hoàn toàn mất trí.

Anh cúi đầu tới gần hơn, căng hết hệ thần kinh trong cơ thể của mình ra để phá cho vỡ trạng thái có vẻ lạc thần dường như người tù Việt Nam đang đắm chìm trong đó:

- Anh Lật này, cháu anh, Trần Văn Kim, qua đời rồi. Anh ấy bị thất sủng, bị loại khỏi Bộ Chính trị và cách đây một tuần, đã chết trong một vụ lật xe. Đó là lý do khiến tôi phải cần tới sự giúp đỡ của anh.

Thêm lần nữa Joseph rút trong túi áo ra bức ảnh của Tuyết khi còn con gái mà lúc này, anh đã hai lần đưa lên ngay trước con mắt vô hồn của Lật:

- Tôi và Lan, em của Kim, cháu gái gọi anh bằng cậu ruột, yêu nhau vào những năm “ba mươi”. Chúng tôi có một đứa con gái tên là Tuyết. Khi lớn lên Tuyết trở thành Tuyết Lương. Nó phục vụ hết mình cho chính nghĩa của các anh tại lục tỉnh. Có thể anh không bao giờ biết rằng nó có bà con với anh. Nhưng anh nhìn đây. Nó đây này. Nó đang đứng với tôi bên ngoài trường học của nó tại Sài Gòn đây này!

Joseph lại chuỗi mấy bức ảnh khác tới trước mặt Lật và chờ. Ngay lúc vừa bước vào xà lim, anh đã cho Lật thấy mấy bức ảnh anh chụp chung với Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp. Và anh nhắc lại sự việc Lật và anh gặp gỡ nhau như thế nào tại Huế năm 1925.

Anh cũng nhắc lại chuyện Lật chống bè nửa chớ anh xuôi dòng sông Kỳ Cùng như thế nào để tới hang Pắc Bó sau khi chiếc máy bay Warhawk của anh bị rớt. Nhưng Lật không để lộ dấu hiệu nào, dù nhỏ nhất, cho thấy mình có hiểu hoặc có nghe.

Bằng lối nói thật chậm như đang nói với trẻ nhỏ, Joseph tiếp tục:

- Tuyết Lương bị giết trong trận không tập Hà Nội hồi lễ Giáng Sinh ba năm trước đây. Nhưng có một đứa con gái của nó sống sót, tên là Trinh. Anh là ông cậu cố của Trinh. Trinh được ông cậu ngoại Trần Văn Kim trông nom sau khi mẹ của nó chết. Nhưng lúc này Kim cũng đã chết. Và Trinh chẳng còn ai bà con ở Miền Bắc. Nó yêu cầu tôi giúp nó. Nó muốn theo tôi rời Việt Nam nhưng lúc

này tôi không cách gì tìm ra dấu vết của nó. Kim đã sắp xếp cho nó xâm nhập Sài Gòn như một cán bộ của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Nhưng tôi cần danh tính của viên chỉ huy trưởng an ninh của chính phủ đó để có thể yêu cầu ông ta tìm Trinh cho tôi. Anh giúp tôi việc đó có được không?

Nói vừa xong, Joseph đưa hai mắt van lơn nhìn thẳng vào mặt Lật. Nhưng người Việt Nam vẫn ngồi bất động trên ghế đầu như thể chỉ có một mình anh ta trong căn phòng. Joseph đứng dậy, khịt khịt mũi, giận điên người. Nhìn đồng hồ thấy đã hơn sáu giờ tối. Trong một thoáng, quên mất xà lim bị cách âm, anh nhong tai lên cố nghe cho ra tiếng máy bay trực thăng của Mỹ từ Hạm đội Bảy đang tiến hành cuộc di tản khổng lồ đã được bắt đầu từ trưa nay. Trên đường hớt hải chạy tới bản doanh cũ này của Sở Liêm phóng Pháp ở bót Catinat cũ, Joseph thấy từng đoàn trực thăng Sea Stallion, Chinook và Jolly Green Giant phân phát bay qua các mái nhà, bốc hết lượt này tới lượt khác khoảng một ngàn người Mỹ còn kẹt lại. Người ta thành lập hai khu vực lên đường — một ở sân quần vợt tại Tân Sơn Nhứt và một ở bãi cỏ trong khuôn viên Toà Đại Sứ Hoa Kỳ. Trực thăng bay vào bay ra như thoi đưa, chở người di tản ra bốn chục chiếc chiến hạm Mỹ đang đậu ngoài khơi Biển Đông. Những chiếc trực thăng của hàng không CIA nhỏ hơn, sơn màu bạc, mang huy hiệu Air America, nổi bật giữa những vệt khói và làn hơi nước của những chiếc máy bay lớn hơn của các cơ quan khác. Chúng đang lao tới hoặc đang cất lên từ các sân thượng trên nóc nhà, nơi tập trung những nhóm nhỏ người Mỹ cùng với những người Việt nào lo sợ sẽ đối mặt với thần chết hoặc bị tù đày trong bàn tay Cộng Sản vì những liên hệ mật thiết với Hoa Kỳ. Khi người ta biết được rằng nhiều người Việt muốn ra đi sẽ bị bỏ lại, đã thấy rõ rệt khắp thành phố xuất hiện những dấu hiệu hoảng loạn. Lúc này, nhớ tới tình trạng đó, Joseph bắt đầu rùng mình, sẵn chân bước tới bước lui trên sàn xà lim trắng toát.

Chiều hôm qua, chỉ vài phút sau lễ tuyên thệ nhậm chức của tổng thống Dương Văn Minh, những gì diễn ra như một bằng chứng cụ thể cho thấy sự nhượng bộ chính trị cuối cùng và nhục nhã ấy là vô ích. Ngay trước khi các chính trị gia chưa bước ra khỏi Dinh Độc

lập, các chiến đấu cơ của chính phủ bị đối phương tịch thu được trước đó lúc này do phi công Bắc Việt lái, bắt đầu thả bom xuống căn cứ quân sự Tân Sơn Nhất. Chỉ trong vòng mấy phút, cuộc oanh tạc ấy hủy diệt bộ phận sau cùng của Không lực Việt Nam Cộng Hòa.

Rồi cũng chính những chiến đấu cơ đó bay sà ngang trung tâm Sài Gòn. Tiếng chúng gầm rú điếc tai thủng óc sát các mái nhà hiệp với những khẩu súng lớn gắn hai bên cánh xả đạn xuống thành phố đã đẩy thủ đô chìm ngập trong cơn hoảng loạn. Từ các cao ốc dưới đất, súng phòng không khai hỏa. Và những người có sẵn súng tiểu liên cũng bắt đầu nổ chỉ thiên trên đường phố vì họ cho rằng Việt Cộng đang lạng lẽ phóng ra cuộc tấn công tối hậu.

Các đại lộ với những hàng cây thẳng tắp chết ngắt những tiếng động hoang mang của chiến trận. Joseph và Naomi cùng với hàng trăm người khác chạy tới trú ẩn trên nền đá trong Nhà Thờ Đức Bà. Lời tuyên bố giới nghiêm hăm bốn trên hăm bốn giờ làm họ kẹt lại tại đó cho tới khuya. Khi ló mình ra được, họ khám phá rằng Cộng Sản, qua người phát ngôn ở Trại Davis, lại vừa nêu ra những đòi hỏi mới về chính trị mà rõ ràng chỉ để gióng hồi chuông báo tử cho Sài Gòn.

Cộng Sản bảo rằng chính quyền của tổng thống Dương Văn Minh phải “tuyên bố ủng hộ cách mạng và yêu cầu hết thảy người Mỹ lập tức rút khỏi Việt Nam.” Họ còn ngụ ý một cách ngạo nghễ rằng cuộc tấn công tối hậu vào Sài Gòn sẽ khởi sự lúc nửa đêm Thứ Ba 29 tháng Tư và rằng lúc đó, người Mỹ nào không di tản phải gánh chịu mọi hậu quả.

Tới đây đã tắt ngúm mọi hy vọng điều đình của chính phủ Dương Văn Minh. Sự thay đổi giọng điệu của Cộng Sản đối với chính quyền Sài Gòn và Hoa Kỳ cho thấy rõ rằng Minh Cồ chỉ còn lối thoát duy nhất là đầu hàng vô điều kiện và chờ thời điểm bàn giao cho chính phủ Cách mạng Lâm thời MNVN. Nếu sự việc diễn ra đúng theo thủ tục đó thì trên thực tế, Hiệp định Paris giờ đây không còn hiệu lực là do ý nguyện của cả hai bên người Việt và chính quyền sắp tới tại Sài Gòn có đủ tính cách kế tục hợp pháp về mặt công pháp quốc tế để tiếp quản các nghĩa vụ, tài sản và công

nợ của chính phủ VNCH trên khắp thế giới.

Trước thế tiến thoái lưỡng nan và cố làm hết sức mình để kêu gọi thiện chí của Cộng Sản, Dương Văn Minh gửi văn thư hỏa tốc yêu cầu đại sứ Hoa Kỳ “ra chỉ thị cho các nhân viên của Cơ quan Tùy viên Quân lực DAO rời khỏi Việt Nam trong vòng 24 giờ đồng hồ kể từ ngày 29 tháng 4 để vấn đề hoà bình Việt Nam sớm chóng được giải quyết.” Văn thư ấy được thủ tướng Vũ Văn Mẫu, chủ tịch Lực lượng Hoà giải Dân tộc, đọc đi đọc lại trên đài phát thanh ngay trưa hôm đó. Như thế, Hoa Kỳ đã có lý do chính thức để chấm dứt hoàn toàn sự can dự ở Việt Nam. Sự ra đi tối hậu của Hoa Kỳ rốt cuộc là do bởi chính phủ Nam Việt Nam chính thức và công khai yêu cầu.

Mọi diễn tiến từ suốt cả tháng nay và đặc biệt trong mấy ngày qua tại Sài Gòn dường như thể hiện có lớp lang, đúng theo một kịch bản nào đó tuy đầy đột biến nhưng rất chặt chẽ, của một tác giả và đạo diễn quốc tế lão luyện. Cuộc chiến tranh Việt Nam kết liễu không để lại một hệ quả pháp lý hoặc tài chính nào cho Hoa Kỳ, nghĩa là Mỹ rũ sạch tay mọi hình thức cam kết công khai lẫn bí mật với hai Miền Nam bắc Việt Nam, và chữ ký của Kissinger trên các nghị định thư của Hiệp định Paris bị chính hai chính phủ Hà Nội và Sài Gòn vô hiệu hoá.

Vài giờ sau, lực lượng Bắc Việt phóng ra một cuộc pháo kích bằng hoả tiễn với mức độ nặng nề nhất cuộc chiến vào Tân Sơn Nhứt. Một chiếc máy bay không lồ C-130 của Không lực Hoa Kỳ có nhiệm vụ chở người tị nạn tới đảo Guam bị bắn nát ngay trên phi đạo. Trong số hàng ngàn người Việt đang chờ tại trung tâm xúc tiến tị nạn có nhiều người thương vong, và có hai lính TQLC trẻ thuộc lực lượng giữ an ninh di tản bị hoả tiễn giết chết. Chính những cái chết đầu tiên ấy của lính Mỹ xảy ra sau hai năm tính từ ngày Hoa Kỳ bắt đầu rút khỏi Việt Nam đã làm Ford, vị tổng thống đang khắc khoải tại Washington, hủy bỏ việc không vận bằng máy bay có cánh tại Tân Sơn Nhứt và ra lệnh lập tức bắt đầu cuộc di tản bằng máy bay lên thẳng có mã danh là “Operation Frequent Wind: Chiến Dịch Ngọn Gió Thường Xuyên.”

Hậu quả là tiếng rìu búa và tiếng cưa đốn ngả hình hài xương xẩu

của cây me lâu đời trên bãi cỏ đằng trước, trong khuôn viên Toà Đại Sứ, vào giữa buổi sáng, như tượng trưng cho sự thừa nhận tội hủ của Hoa Kỳ rằng nó đã thất bại trong những nỗ lực cứu Nam Việt Nam khỏi bàn tay Cộng Sản. Bãi cỏ ấy là chỗ độc nhất trong Toà Đại Sứ mà máy bay trực thăng không lồ có thể đáp an toàn. Joseph đứng ngó cây me ngã gục, rồi rời khu nhà sứ quán vào khoảng mười giờ rưỡi sáng. Lúc còn ở bên trong Toà Đại Sứ, anh đã liên lạc với một người quen hiện đang điều hành phân sở CIA nơi các tầng trên để lấy một lời hứa chắc chắn rằng sẽ dành hai chỗ cho anh và Trinh trên một trong các chuyến trực thăng chót. Sau đó chẳng bao lâu, dấu hiệu bí mật đã chuẩn bị sẵn cho cuộc di tản được loan báo trên Đài Phát thanh Quân đội Hoa Kỳ. Cứ cách mười lăm phút, phát thanh viên lại cất tiếng ngân nga: “*Nhiệt độ ở Sài Gòn lúc này là 105 độ F và đang tăng*”. Và tiếp liền lời loan báo đó là giọng hình như của Bing Crosby hát bài “*White Christmas: Noel Tuyết Trắng*”.

Lập tức hết thảy những người nước ngoài từng được viên chức đặc trách di tản tại Toà Đại Sứ cảnh báo trước — các nhà báo, doanh gia, kỹ sư dân sự, nhà thầu — lật đật ào tới các điểm tập trung được chỉ định sẵn cho mình ở khắp thành phố. Một số lên xe buýt tới phi trường. Một số leo lên nóc sân thượng của các cao ốc chúng cư, chỗ máy bay trực thăng Mỹ có thể đáp được.

Trước mười một giờ sáng một chút, bắt đầu cuộc ra đi của hàng trăm nhà báo quốc tế. Trong các hành lang khách sạn Continental Palace, Caravelle, Majestic và các khách sạn khác, tiếng cửa đóng rầm rập nghe như tiếng súng liên thanh thành linh nổ vang khi các đại diện người Mỹ của các tạp chí *New York Times* (Thời Đại New York), *Washington Post* (Bưu Điện Washington), *Time* (Thời Báo), *Newsweek* (Tuần Tin Tức) và các hệ thống vô tuyến truyền hình ào ra, xách theo máy đánh chữ hoặc lôi theo các dụng cụ quay phim, chụp hình. Ngoại trừ khoảng 120 ký giả châu Âu, các nước trung lập và các nước Cộng Sản ở lại, các thông tin viên báo chí và truyền hình của trên một chục nước phương tây khác — các TCN: *Third Country Nationals*, *Người Mang Quốc Tịch Nước Thứ Ba*, gọi theo biệt ngữ của những kẻ tổ chức cuộc không vận — cũng ra

đi. Họ lũ lượt kéo nhau tới các điểm tập trung, băng qua những đường phố và công viên vắng lặng một cách kỳ quái vì đang giới nghiêm suốt hăm bốn tiếng đồng hồ.

Trước khi ra đi, hầu hết các nhà báo Mỹ đều ghé lại phòng của Joseph, lúc lắc đầu tỏ vẻ xin lỗi. Mấy hôm trước, vừa đặt chân tới Sài Gòn, anh đã yêu cầu hết thấy họ cho anh biết lập tức nếu họ có sự móc nối với một thiếu nữ Việt Nam đang xin gặp Joseph Sherman. Lúc này, khi sắp sửa ra đi, họ từng người lần lượt tới bắt tay anh và chúc anh ở lại bình an.

Sau một cuộc cãi vã gay gắt với Naomi, Joseph nhất quyết rằng nàng phải ra đi với những người khác trong toán truyền hình. Từ cửa sổ khách sạn Continental, anh đứng nhìn theo Naomi đang cùng đám phóng viên ít ỏi của nàng lật đặt băng ngang mặt sân nhựa nóng bỏng trong công viên Lam Sơn. Một đôi lần Naomi ngoái lui, đưa mắt lo lắng nhìn lên khung cửa sổ. Nhưng Joseph không chịu đựng nổi ý nghĩ đưa tay chào vĩnh biệt vợ, anh vội vàng lùi xa khung cửa cho nàng khỏi ngó thấy. Rồi cảm thấy toàn thân như ngầy ngầy sốt vì mệt mỏi, Joseph ngã vật xuống giường. Anh nằm dang tay dang chân và lập tức là người rơi vào giấc ngủ mê mệt.

Khi đi qua đường phố trống vắng, Naomi và toán phóng viên truyền hình cẩn thận dè chừng các cảnh sát viên Nam Việt Nam với vũ khí vẫn nằm yên trong bao súng đeo bên đai lưng. Họ đã bắt đầu giăng hàng rào kẽm gai chướng ngại vật ngang các vỉa hè nóng như gạch nung. Và các phóng viên hiểu rằng việc mình ra đi có phần nào phờ phạc với tay xách nách mang hết thấy đồ nghề là hình ảnh biểu lộ một sự xác định không thể chối cãi rằng rốt cuộc, Hoa Kỳ đang rút khỏi Việt Nam.

Những người phương tây ở Sài Gòn đều biết rõ thiếu tướng Nguyễn Ngọc Loan đã đưa lời cảnh cáo rằng nếu người Mỹ tính chuyện ra đi một mình, họ sẽ không sống sót mà tới phi trường. Chính ông tướng ấy trong vụ Tết Mậu Thân, lúc làm tư lệnh lực lượng cảnh sát của chế độ Sài Gòn, đã tự ý xử tử bằng cách đích thân bắn vào đầu một biệt động thành Việt Cộng đang bị trói, ngay trước máy ảnh và ống kính vô tuyến truyền hình. Mãi tới mười

năm sau, theo tài liệu do nhà cầm quyền Cộng Sản công bố, người ta mới biết kẻ bị bắn đó là đại úy Bảy Lốp, một đặc công ngay sáng hôm ấy cũng vừa tự tay mình giết gọn một đại úy cảnh sát quốc gia và tất cả vợ con của viên đại úy ấy. Không người nào trong toán truyền hình của Naomi biết rằng ngay lúc này, thiếu tướng Loan cũng đang tất tưởi lo việc đào thoát lấy thân, không thể nào thực hiện nổi lời hăm dọa đầm máu của ông ta. Giờ này, cùng chạy đua với Nguyễn Ngọc Loan và các tướng lĩnh khác, hãn cửu thiếu tướng không quân Nguyễn Cao Kỳ cũng đã quăng thật nhanh các dàn bài diễn văn hô hào tử thủ để an tâm leo lên một chiếc trực thăng nào đó bay ra Hạm đội Bảy. Còn lại là vẻ thù hận trên mặt các cảnh sát đang đứng giữ trật tự, khi toán truyền hình đi ngang, khiến các phóng viên cảm thấy vừa hổ thẹn vừa phập phồng. Tại vài điểm ra đi bằng trực thăng, họ thấy lính Nam Việt Nam bố trí ổ súng đại liên trên các sân thượng kế cận, và vì thế, các nhóm thừa thớt ký giả tị nạn ấy lập tức bắt đầu lùng kiếm những bãi bót an toàn hơn.

Vì cảnh sát và quân đội không còn giữ kỷ luật chặt chẽ, việc áp dụng giới nghiêm chỉ có tính cách lỏng lẻo. Bên ngoài vòng tường thành cao ba thước chung quanh Toà Đại Sứ Hoa Kỳ lúc mới bắt đầu buổi chiều đã tập trung sẵn một đám đông lên tới khoảng hai ngàn người. Nhiều người vừa gào thét hoang dại vừa đu mình lên cánh cổng cao bằng thép, nài nỉ và cố sức thuyết phục lính gác TQLC Mỹ rằng họ sắp bị thảm sát trong bàn tay Cộng Sản nếu không được lên máy bay di tản — nhưng lính chỉ cho vào những ai có giấy phép đặc biệt.

Trong khi lính TQLC ra sức chặn đám đông dân chúng run sợ và mặt vắn nơi cổng trước, các bộ trưởng, tướng lĩnh và sĩ quan cao cấp Nam Việt Nam ve vẩy tấm giấy thông hành đặc biệt, nhẹ nhàng lách mình qua chiếc cổng bên hông khuôn viên sứ quán, phía đường Mạc Đĩnh Chi, để âm thầm vào xếp hàng cùng với các đám đông những người được ưu tiên di tản đang chờ sẵn bên trong. Từ chỗ chờ đợi của mình, mắt của họ có thể thấy các cụm khói đen đang bốc lên bên trên Tân Sơn Nhứt nơi lúc này vẫn đang hứng chịu hoả tiễn và đạn súng cối của Việt Cộng pháo kích từng chập.

Tiếng đạn pháo ầm vang dội trên mọi ngã đường thành phố kéo theo một tình trạng hỗn độn diễn ra khắp Sài Gòn.

Tối khoảng giữa chiều, các trực thăng không lồ Sikorsky Sea Stallion và Chinook bắt đầu dập dềnh vào ra khuôn viên Toà Đại Sứ. Mỗi chuyến chở sáu bảy chục người. Chẳng bao lâu sau, từ những đám đông bên ngoài, có những phát súng nổ lẻ tẻ bắn thẳng vào máy bay trực thăng. Người ta gọi máy bay trực thăng Cobra cầm tua tua vũ khí tới để bảo vệ bãi đáp. Từ cửa sổ khách sạn Continental, Joseph thấy chúng lượn lờ một cách đáng ngại bên trên toà nhà sứ quán suốt buổi chiều.

Sau cùng, cú điện thoại của Tâm đến khoảng năm giờ rưỡi chiều, bảo Joseph phải tới thẳng trụ sở an ninh ở đầu đường Catinat. Tâm giải thích rằng viên cảnh sát trưởng đã lên đường ra Hạm Đội và người xử lý thường vụ nhận được lệnh tới bảy giờ tối nay sẽ thả hết ba trăm tù nhân chính trị đang bị họ giam giữ. Tâm đã điện thoại với viên sĩ quan trực ấy, sắp xếp cho Joseph gặp người đàn ông trong phòng trắng một mình — và đó là việc tối đa anh ta có thể làm được. Với nụ cười khúc khích độc đáo của mình, anh ta bảo rằng có lẽ cả hai sẽ gặp lại nhau trên nước Mỹ, rằng anh ta sắp đi ngay tới khuôn viên Toà Đại Sứ để bắt cho kịp chuyến bay của mình và rằng sau cùng, anh ta chúc Joseph tìm kiếm có kết quả. Không đáp lại, Joseph gác máy, chạy như bay ra khỏi phòng. Trên đường phố, anh nghe tiếng hỏa tiễn pháo kích dồn dập Tân Sơn Nhứt. Những xe díp chở lính Nam Việt Nam chạy tới chạy lui ào ào. Máy truyền tin trên những chiếc xe không mui đó kêu lè xè với những câu trao đổi cẩu kính.

Mặc dù từ hai tuần nay, Sài Gòn không cho người tị nạn vào để phòng tái diễn tình trạng hỗn độn vừa xảy ra tại mạn bắc, nhưng các đám đông dân quê tay xách nách mang với con cái của họ đã bắt đầu xuất hiện giữa trung tâm thành phố. Nách kẹp mền chiếu, tay xách va li hoặc vai gồng gánh nồi niêu song chảo, họ chạy lung tung khắp thành phố, không cần biết mình sẽ tới chỗ nào, miễn sao thoát được cơn bão lửa đã bị Cộng Sản đốt cho cháy phừng phực từ nơi quê quán của họ.

Tại bàn doanh của Sở Liêm Phóng Pháp cũ, người dẫn Joseph tới xà lim là một sĩ quan an ninh mặt mũi như điều hâu, trên mình vẫn mặc cảnh phục. Hắn mở cửa căn phòng trắng cho Joseph. Trong khi chờ bước vào, anh thấy hắn không đứng lại để canh chừng hoặc để bật cho hoạt động trở lại các ống kính và mi-crô do thám đã tắt từ trước. Vào tới bên trong, Joseph phải mất mấy giây mới hết choáng váng trước diện mạo của Lật. Rồi trải qua mười lăm phút ngồi lom khom bên chiếc ghế đầu của Lật, anh kể lại câu chuyện của mình. Ban đầu bằng tiếng Pháp, kể đó tới tiếng Việt và sau cùng chuyển sang tiếng Anh.

Ngay lúc Joseph bước loanh quanh trong xà lim trắng rợn người, cổ dẫn con tuyệt vọng càng lúc càng tăng cũng chính là lúc Lật lần đầu tiên mở miệng. Người vẫn giữ nguyên tư thế ôm chặt thân mình, đầu không ngẩng lên, Lật thì thảo thật nhỏ tới độ thoát đầu Joseph tự hỏi phải chăng mình đang tưởng tượng có giọng ai đó nói:

- Cho dù Tuyết Lương là con gái của anh đi nữa, tại sao tôi lại phải giúp anh?

Nghe tiếng nói của Lật, Joseph lật đật quay ngoắt người. Anh lại tới ngồi chồm hồm bên Lật. Trong một lúc lâu, anh dăm dăm nhìn Lật, không biết trả lời thế nào. Rồi anh dịu dàng nắm cánh tay của Lật:

- Anh Lật ạ, bảy năm trước, người ta mang tôi tới đây để nhận diện anh, anh còn nhớ không? Lúc đó, tôi nhận ra anh ngay và anh cũng nhận ra tôi. Nhưng vì thuở trước trên đường đời, chúng ta từng chen vai sát cánh bên nhau nên tôi không thể nói ra. Anh đã cứu tôi khi máy bay của tôi bị rơi và người y tá của tôi đã cứu được tính mạng của Hồ Chí Minh — chúng ta từng là bạn chiến đấu trong một thời gian và thật khó có thể quên điều đó..

Joseph bóp chặt cánh tay gầy guộc của người tù đang im lặng:

- Nhưng lúc này, những sự việc ấy đã ở đằng sau chúng ta. Chỉ lát nữa đây anh sẽ được tự do. Chính nghĩa của các anh đã chiến thắng. Sài Gòn sẽ thuộc về các anh trong vài giờ nữa và tôi hiện không có cách gì ép được anh giúp đỡ tôi. Nhưng anh Lật ạ, tôi xin anh giúp cho tôi vì cuộc đời của một thiếu nữ. Trinh là con gái của

Tuyết, Tuyết là con gái của tôi, và cháu nó cũng là ruột thịt của anh!

Trước sự ngạc nhiên của Joseph, đôi mắt Lật ươn ươn nước mắt. Lần đầu tiên Lật nhìn thẳng vào mặt Joseph. Anh nói với giọng xúc động nghẹn ngào:

- Điều anh nói đó thật đấy chứ? Có phải hôm nay các lực lượng của nhân dân đang trên bờ chiến thắng?

Joseph khắc khoải gật đầu:

- Đúng thật đấy anh Lật. Tất cả những gì tôi nói với anh đều là thật đấy.

Bộ mặt tiêu tụy của người Việt Nam chợt dịu lại. Khi Lật quay qua nhìn Joseph lần nữa, miệng anh mở rộng để trơ ra hai hàng nướu không còn một chiếc răng. Lật ngồi như thế một lúc rồi Joseph thấy vẻ mặt Lật như ánh lên một nụ cười nhưng không nói gì thêm. Trong tuyệt vọng, Joseph chụp cánh tay của Lật lần nữa. Anh day mạnh:

- Anh Lật, ai có thể giúp tôi tìm ra Trinh? Anh phải cho tôi biết ngay lập tức.

Nụ cười cứng nhắc gần như nửa điên nửa dại ấy vẫn không chút nao núng:

- Tới số nhà 15 đường Phong Phú, Chợ Lớn. Ở đó có một nhà buôn người Hoa lấy tên là Wang. Bảo rằng anh đã trò chuyện với *Người Hiểm Độc Rắn*. Bảo rằng tôi ra lệnh cho anh ta giúp anh tìm cho ra đứa cháu ngoại của tôi tên là Triệu Hồng Trinh.

Joseph túm bàn tay xương xẩu của Lật, giữ chặt nó một chốc trong hai bàn tay mình. Rồi anh đứng bật dậy, chạy ra khỏi xà lim. Sau khi Joseph đi, Lật vẫn tiếp tục ngồi bất động trên ghế đầu, khuôn mặt của chiếc đầu như sọ dừa của anh vẫn giữ mãi vẻ nhăn nhó, một cách khải hoàn.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

Đường từ Sài Gòn vào Chợ Lớn dù chỉ dài năm sáu cây số cũng làm Joseph mất gần nửa giờ lái xe. Khi anh vừa bắt đầu cho xe lăn bánh, cơn mưa đầu mùa buổi tối làm ngập lụt đường phố khiến xe phải chạy chậm lại như thể đang bò. Thêm nữa, những hàng kẽm gai chướng ngại vật càng lúc càng giăng đầy cũng khiến anh phải thường xuyên cho xe dừng lại rồi quành qua ngã khác.

Máy bay trực thăng chở người Mỹ tháo chạy ra hạm đội đậu ngoài khơi vẫn đang quạt phần phật trong trời đêm âm u bên trên. Nhưng những ngôi nhà và chúng cư trước đây người Mỹ cư ngụ nay bị bọn du thủ du thực người Việt vừa gào thét vừa tràn vào cướp phá. Mảnh vụn bát đĩa và đồ đạc bị ném xuống đất qua các cửa sổ tầng trên, rớt vương vãi trên mặt đường phố Joseph lái xe qua. Anh còn phải thường xuyên lạng tránh các nhóm trẻ em quần áo bèo nhèo đang cố lôi xềnh xệch tủ lạnh, máy giặt, máy điều hoà không khí hôi được từ trong các ngôi nhà vắng chủ. Anh thấy đàn ông từ cửa các chúng cư Mỹ bế nát chạy ra, hai tay ôm rượu whisky và sâm-banh trong khi đàn bà bước loạng choạng dưới sức nặng của mấy tảng thịt còn nguyên giấy gói, rõ ràng họ vừa lấy được trong các tủ ướp lạnh vô chủ.

Joseph lái chiếc xe Pontiac cũng vô chủ đã được Naomi thuê bao để chở toán truyền hình. Nhiều lần anh phải quẹo sang ngã khác hay quành xe lại vì cảnh sát bắn thẳng về phía anh, không một cử chỉ cảnh cáo. Lính Nam Việt Nam thất lạc đơn vị tụ tập thành từng nhóm trên giao lộ các con đường lớn dẫn từ hướng bắc vào. Trên tay họ lăm lăm vũ khí. Có mấy ổ súng đại liên được họ bố trí trên ban-công các nhà phố ngay ngã tư, có vẻ sẵn sàng nghênh địch tới phút cuối cùng. Một người lính mặc quần áo rằn ri, vai vác súng phóng hỏa tiễn M-72 nhắm thử vào chiếc Pontiac như tập bắn xe tăng T-54 của Bắc quân trên đường phố. Ngược lại, lác đác vài binh sĩ cởi bỏ quân phục trong bóng tối của gốc cây, liệng súng đạn qua một bên. Trên người chỉ còn mặc quần đùi trắng nhà binh, họ cúi mặt chạy dưới trời lất phất mưa. Anh cũng thấy một số khác chặn xe hơi lại, chĩa súng vào tài xế và rút gần cạn xăng trong thùng xe để cho vào xe díp hay xe dodge của mình.

Rốt cuộc khi Joseph tìm tới được địa điểm Phong Phú trời đã tối hẳn. Đó là một đường phố nhỏ như một con hẻm, hai bên không có vỉa hè. Con mưa vừa rồi biến nó thành một biển bùn. Và vì sự căng thẳng trong mấy ngày vừa qua làm Joseph gần kiệt sức, anh trượt chân mấy lần, loạng choạng lần mò trong bóng tối. Phải mất một lúc lâu anh mới tìm được số nhà 15. Đó là một ngôi nhà hai tầng, mặt ngoài cấu bần, vôi vữa tróc từng mảng. Tiếng gõ cửa vừa dứt, Joseph lập tức thấy một thanh niên người Việt thò ra bộ mặt chau quau. Lâm lì chẳng nói, anh ta dẫn Joseph vào một gian phòng thấp đèn cầy, mờ mờ tối, không khí đặc quánh mùi hương trầm. Joseph bị để lại một mình. Rồi một người Hoa tóc bạc, mặt nghiêm nghị, xuất hiện nơi ngưỡng cửa. Anh lập tức kể câu chuyện của mình và người ấy lắng nghe. Trên bộ mặt vàng khè già nua không lộ chút cảm xúc cũng không tỏ vẻ ngạc nhiên về việc anh mang tới đây mệnh lệnh của một nhân vật lãnh đạo Mặt trận Giải phóng suốt tám năm nay bị làm người tù biệt giam.

Khi Joseph kể xong câu chuyện, người Hoa nói với giọng bình thản:

- Trước khi ông đến đây, mật báo viên của tôi bên trong bót cảnh sát trung ương đó đã báo cho tôi biết việc ông gặp *Người Hiếm Độc Rắn*. Tôi đang có ý chờ ông tới đây.

Joseph hỏi ngay:

- Vậy ông có thể giúp tôi tìm ra Triệu Hồng Trinh không?

Đôi môi người Hoa tách ra thành một nụ cười rầu rĩ. Ông chậm chậm lắc đầu như thể kinh ngạc trước câu hỏi ngớ ngẩn của

Joseph:

- Monsieur Sherman ạ, hình như ông cho rằng trong hai tuần lễ vừa qua chỉ có đồng chí Trinh là cán bộ độc nhất từ Hà Nội xâm nhập Sài Gòn. Tôi có thể đoan chắc với ông rằng suốt quãng thời gian đó, chúng tôi đã mang vào đây hàng ngàn cán bộ và đặc công biệt động thành.

Joseph chống chế, giọng anh se lại vì căng thẳng:

- Nhưng đương nhiên ông biết rõ Trinh được biệt phái tới bộ phận nào!

Bộ mặt người Hoa dịu lại và thêm lần nữa nở một nụ cười thương

hại khiến chiếc răng vàng loé lên dưới ánh nến:

- Monsieur Sherman ạ, chỉ có các thủ trưởng bộ phận địa phương mới giữ danh sách đầy đủ các cán bộ cơ hữu.

- Vậy không thể liên lạc với họ để kiểm tra sao?

Người Hoa im lặng xem xét vẻ mặt khắc khoải của Joseph rồi nói:

- Monsieur Sherman ạ, sau ba mươi năm chiến đấu đẫm máu nay sắp tới giờ lực lượng Quân đội Giải phóng Dân tộc và các anh em Bắc Việt của chúng tôi đạt được chiến thắng lịch sử. Số phận của một nữ cán bộ đơn độc chỉ mang tầm quan trọng rất nhỏ vào một đêm trọng đại như đêm nay.

Joseph ngó người Hoa, chới với:

- Nhưng *Người Hiếm Độc Rắn* hạ lệnh ông phải tìm ra dấu vết của cô ta cho tôi.

- *Người Hiếm Độc Rắn* có thể ra mệnh lệnh một cách dễ dàng.

Nhưng thực hiện nó lại là một điều không dễ. Và có lẽ không chút nào thực hiện được mệnh lệnh đó trước giờ bắt đầu các trận đánh.

Vừa nói người Hoa vừa tiếp tục nhìn Joseph bằng cặp mắt không nhấp nháy. Kế đó ông gật đầu:

- Nhưng để tôi thử xem mình có thể làm được gì. Xin ông chờ ở đây.

Âm thầm không kém khi bước vào, ông rời gian phòng và đi xuống một cầu thang dài ở mé sau ngôi nhà thẳng tới một căn buồng nhỏ. Mở cánh cửa cách âm dẫn xuống một địa đạo, ông đi qua bên dưới mặt đường Phong Phú và bước vào một trung tâm truyền tin trong lòng đất sáng rực ánh đèn. Ở đó có năm sáu người Việt Nam tai đeo ống nghe, cúi húi bên những chiếc máy truyền tin hai chiều và cực mạnh do Liên Xô chế tạo. Họ đang truyền đi và tiếp nhận các công điện, liên miên hết thu lại phát, rạt rào như suối chảy. Trong một hai phút, người Hoa nói với một người Việt đang điều hợp các hiệu thính viên. Sau đó, quay về ngôi nhà của mình, ông lại leo lên cầu thang rồi tới gian phòng thấp đèn cây và đầy nhang khói, nơi Joseph đang ngồi đợi.

Ông nói trầm giọng:

- Monsieur Sherman ạ, người ta sẽ liên lạc với thủ trưởng tất cả các đơn vị. Phải mất vài giờ. Hiện có nhiều công điện quan trọng phải

tiếp nhận và truyền đi. Ông cứ trở về khách sạn, chờ ở đó — chúng tôi sẽ liên lạc với ông.

- Nhưng nếu phải mất vài giờ thì có lẽ quá trễ!

- Chúng tôi chỉ có thể làm được đến thế thôi.

Lời nói dứt điểm trong cung giọng của người Hoa cho thấy đã tới lúc đừng đặt thêm câu hỏi nào nữa. Khoảnh khắc sau, khi người thanh niên mặt mũi khó dăm dăm xuất hiện trở lại, Joseph đi theo anh ta ra ngoài, không một chút phản đối.

Mưa thôi rơi khi Joseph mệt mỏi đặt chân xuống con đường lầy lội nhưng tiếng nổ của hoả tiễn và đạn đại pháo nghe càng lúc càng lớn hơn, khắp chung quanh thủ đô. Anh có thể thấy trong bầu trời đêm tràn ngập những luồng lửa chói lọi bay ngang đầy trời nhắm hướng tây bắc trên phi trường Tân Sơn Nhứt, tiếng gầm rú của những chiếc máy bay trực thăng khổng lồ chở người di tản và chấm sáng nhấp nháy của những chiến đấu cơ phản lực hộ tống của Mỹ.

Trong khi trở đầu xe Pontiac lái về hướng khách sạn Continental, Joseph thấy một chiếc trực thăng nhỏ mang phù hiệu Air America bay ngang bên trên đầu mình. Anh không bao giờ biết được rằng chiếc máy bay ấy phát xuất từ bản doanh Sở Liêm Phóng Pháp cũ và đang chở bên trong nó người tù tở xương, kẻ lần đầu tiên anh gặp vào đúng năm mươi năm trước trong chánh điện đặt ngai vàng của Hoàng đế Khải Định tại Điện Thái Hoà.

Lom khom trên sàn trực thăng lắc qua xóc lại, hai cổ tay của Đào Văn Lật vẫn nằm trong còng và người vẫn mặc độc chiếc quần đùi rách tả tơi. Ngồi trên chiếc ghế ngay trước mặt Lật là gã cảnh sát giám thị có bộ mặt điều hâu cách đây hai giờ đã dẫn Joseph vào xà lim trắng toát. Lúc này hắn mặc y phục dân sự như một thường dân người Việt vô danh nào đó, gồm áo sơ-mi trắng cụt tay và quần dài đen. Hai lần môi cong cớn vẽ thành một nụ cười khi hắn sắp sửa nói với một người Việt Nam khác, nhân viên an ninh thứ hai, đang ngồi cúi mặt trong chiếc ghế nhỏ của máy bay trực thăng. Rồi hắn trề môi đả giọng:

- Tôi nghĩ là lão tù nhân câm như hến này không tin nổi vận hên

của lão. Lão không tin nổi rằng lão đang bay tới vùng tự do. Lật nhìn ra không gian trống rỗng và rạt rào bên ngoài khung cửa máy bay trực thăng mở sẵn, không nói một tiếng. Ánh mắt anh thận trọng và e ngại nhưng không có chút dấu hiệu nào của vẻ khải hoàn từng bừng sáng khắp khuôn mặt anh như vài giờ trước đây khi anh nghe nói chiến tranh sắp chấm dứt.

Sau khi Joseph rời căn phòng trắng chưa được bao lâu, có lệnh thả tất cả ba trăm chính trị phạm trong các xà lim tại đó. Nhưng trong số đó không có Lật. Thậm chí Lật còn bị canh chừng cẩn mật hơn. Người ta dẫn Lật tới nhốt vào một xà lim khác nằm chênh chếch nơi sân sau của trụ sở, trong khi các tù nhân khác đều được phóng thích. Nửa giờ sau, khi chiếc trực thăng chở người di tản đáp xuống sân sau, người ta trùm mền lên đầu Lật để không ai có thể nhận ra anh. Và lập tức Lật bị đẩy lên máy bay, chở đi ngay.

Khi máy bay bốc lên cao quá mái nhà, gã giám thị mặt điều hâu nhìn Lật cười chua chát. Hắn nói giọng nhạo báng:

- Đồng chí, yên tâm nào. Chẳng có gì phải động não cả. CIA Mỹ đã cung cấp tiện nghi đặc biệt cho đồng chí suốt tám năm qua và họ cũng vừa ra chỉ thị đặc biệt phải chấm dứt cuộc tù ngục của đồng chí như thế nào. Cứ vô tư thôi!

Đêm tối đen và dày đặc hơn khi chiếc trực thăng bay qua vùng duyên hải, nhắm đến các con tàu sáng lấp lánh của Hạm đội Bảy. Tới khi thấy rõ những con tàu đó, gã giám thị thêm lần nữa chĩa ngón tay thọc vào một bên vai xương xẩu của Lật, thúc anh nhìn qua cửa đang mở:

- Đồng chí ạ, đó là những con tàu sẽ mang chúng tôi tới một đời sống mới ở Hiệp chúng quốc Hoa Kỳ. Và phía dưới kia là Biển Đông đầy — những không gian đại dương tự do, bao la và vĩ đại! Thật tốt hơn rất nhiều so với cái xà lim trắng toát rợn người mà đồng chí đã sống trong đó suốt tám năm trời dài đằng đặc, phải không? Lúc này, đồng chí có chịu phá vỡ sự im lặng của mình mà chuyện trò đôi chút với chúng tôi chưa? Nào, nói cho chúng tôi biết đồng chí nghĩ ra sao về mọi sự này?

Trong lòng máy bay trực thăng, ánh đèn duy nhất là tia sáng yếu ớt rọi ra từ bảng đồng hồ bay. Nhưng nó cũng đủ cho gã giám thị thấy

Lật quay lại nhìn hấn bằng đôi mắt ngùn ngụt căm hờn. Qua vẻ mặt của Lật, rõ ràng anh biết rất rõ số phận của mình rồi sẽ ra sao. Tên giám thị nói, giọng dịu dàng:

- Đồng chí ạ, tôi nghĩ ông đã biết cái gì sắp xảy ra, phải không? Và có lẽ ông cũng đoán ra lý do của nó. Tuy ông chẳng cung cấp cái gì cả nhưng những người bạn Mỹ của chúng tôi kết luận rằng ông biết quá nhiều. Nhiều người Việt Nam bí mật làm việc cho người Mỹ đang bị bỏ lại — và vì ông biết rõ họ là những ai nên ông phải được phóng thích xuống biển.

Nói tới đây, hấn thành linh vươn tay vô lấy Lật đang ngồi trong tư thế thu mình. Và cứ thế, hấn lôi xềnh xệch anh tới cửa máy bay. Hấn chụp dây lưng chiếc quần cụt tả tơi của Lật rồi bứt cho đứt hấn.

- Đồng chí này, đâu cần phải mặc quần mới bơi được, phải không? Hình hài co rút của Đào Văn Lật, từng bị cắt xẻo bởi chính bàn tay anh trong một cơn mê loạn bùng bùng yêu nước bốn mươi lăm năm trước, nay chơi vơi trên mép vực tối đen, sâu thẳm và trống rỗng bên ngoài chiếc trục thẳng đang bay nhanh. Cả hai gã giám thị chăm chú nhìn thật kỹ vẻ mặt Lật, chờ xem anh tỏ dấu hiệu run sợ. Nhưng ngay cả trong những giây phút cuối của cuộc đời mình, Lật vẫn nhìn thẳng vào bóng tối sâu thẳm thẳm ba ngàn thước bên trên đại dương, cũng với vẻ mặt đề kháng hiên ngang và trống rỗng luôn luôn được Lật từ thuở nào cho tới đêm nay phô ra cho những kẻ bắt giữ mình. Và khi gã giám thị mặt điều hâu co chân đạp vào người Lật, anh vẫn không kêu lên một tiếng.

Trong một hai giây, theo phản xạ, hai tay Lật sờ soạn khung cửa, như cố níu lấy nó. Rồi không một âm thanh, cơ thể yếu ớt không tí thịt của anh lạng quạng, ngã vào vực thẳm âm u của đêm đen. Từ trong phong màn đen đui ấy, quá khứ tái hiện như một cuốn phim loáng lên thật nhanh những hình ảnh chớp nhoáng. Nghệ An. Huế. Paris. Aix-en-Provence. Hà Nội. Pắc bó. Và gió. Gió sớm mai lành lạnh thổi dọc con đường làng dưới chân đèo Ngang. Gió biên giới hú lồng lộng núi đồi Việt Bắc. Gió mùa thu bay phàn phật rừng cò cướp chính quyền cách mạng ở Nhà Hát Lớn và Ba Đình. Gió Lào nham nháp nhà tù Lao Bảo. Gió biển bịt bùng ngục tối Côn Lôn.

Gió quần quật trên đồng ruộng Miền Nam mênh mang nước trong tiếng bom đạn bay vun vút ở Mộc Linh. Lưỡi dao anh cứa xuống mình, sắc lẹm và đỏ lòm. Và Liên, mái tóc dài quán quít, hai con mắt đen tuyền, sâu thẳm hiện lên cuối con đường hầm xoáy vòng và hun hút. Đâu đó anh nghe có tiếng thở dồn dập của Liên khi anh chúi đầu lên thân thể nàng trên con đường ngập máu bên ngoài thị xã Vinh; chiếc xuyên vàng tuột xuống cổ tay Liên, cần vào hông anh lạnh buốt...

Chậm chậm tựa chiếc lá dâu nhiều cánh quấy lộn theo các luồng không khí vô hình, Lật rơi xuống, không kêu lên một tiếng. Con choáng váng khi bị đập ra từ trên độ cao ba ngàn thước đã nhanh chóng giết chết anh, giết thật lâu trước khi đại dương đen ngòm và sỏi bọt đánh vỡ nát và nuốt gọn thi thể không còn sự sống của anh.

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 10 -

Joseph lại quay về khách sạn Continental. Lúc mở cửa phòng, Joseph tưởng sẽ thấy phòng trống vắng nhưng anh bỗng hoa mắt, đưa tay níu lấy khung cửa khi chợt thấy Naomi đang ngồi đó chờ anh. Mặt nàng không sắc máu, tóc xơ xác rối tung. Vừa thấy Joseph, nàng đứng bật dậy, lao mình vào hai cánh tay chồng. Bên ngoài, đêm lại chập ngất với âm thanh điếc tai buốt óc của một đợt pháo kích nữa nhằm bắn cho tan tành phi trường Tân Sơn Nhất. Qua khung cửa sổ khách sạn, bầu trời như đang trong một màn trình diễn pháo bông đầy tử khí với các lần đỏ rực của hỏa tiễn bay chéo nhau làm thành hàng chục vạch sáng.

- Trời đất ơi, sao em bỏ về đây?

Dụi đầu lên vai Joseph, giọng Naomi nghẹn ngào:

- Em không thể ra đi mà không có anh. Với lại, em không thể chịu đựng nổi ý nghĩ để Sài Gòn lấy mất anh. Nếu có xảy tới điều gì khủng khiếp, em muốn được cùng anh gánh chịu.

Joseph im lặng. Naomi trầm giọng:

- Trong khi Miền Nam bị đồng minh sắp mặt bỏ đi, dân chúng và lính tráng bị những kẻ lãnh đạo chính trị và quân sự đào ngũ bỏ chạy, anh lại tới đây liều mạng cứu cho bằng được đứa cháu ngoại. Em hiểu đứa cháu máu thịt ấy gắn liền với mạch sống, con người và nhân cách của anh nên em không có lý do gì ngăn cản anh. Nếu em là anh, em cũng chỉ có một chọn lựa như thế. Nhưng Joseph ạ, em không dám nghĩ tới chuyện mất anh...

Hai vợ chồng im lặng níu lấy nhau, lắng nghe âm thanh trận chiến bên ngoài đang lên tới cực điểm. Đầu Naomi vẫn ép sát ngực

Joseph và nàng bắt đầu kể lể:

- Cuộc di tản rừng rợn không tưởng tượng nổi. Xe buýt chở ký giả vừa từ đây ra tới đầu đường thì bị mấy người lính Cộng hòa chặn

súng. Họ chạy theo xe, đập thành thịch lên cửa sổ xe, hét lớn yêu cầu dừng bánh, không được kéo nhau đi di tản. Lính TQLC Mỹ áp tải bọn em phải bắn chỉ thiên ngay bên trên đầu họ.

Nàng càng nói càng run lẩy bẩy:

- Tại Tân Sơn Nhứt, lính gác cổng cũng nổ súng bắn thẳng vào xe, may sao tài xế là người Mỹ. Anh ta nhấn ga đâm thẳng xe tới trong khi rất nhiều tài xế người Việt quanh xe chạy lui. Rồi tất cả các ký giả phải chờ suốt hai tiếng đồng hồ trong một hầm trú ẩn của Mỹ. Chung quanh hầm đạn pháo rơi như mưa, nổ liên tục. Bãi đáp của Air America bốc cháy phừng phực. Khi đến lượt mình chạy ào ra máy bay, bọn em phải vất hết hành lý. Toán truyền hình của em mất tất cả đồ nghề, mất luôn cả phim mới quay. Em chạy được nửa đường, sắp tới được còng máy bay thì chững lại — em biết mình sẽ không chịu đựng nổi việc về tới Luân Đôn mà không có anh. Khi đó, hết thấy xe buýt của người Việt đều quanh lui ngay ngoài cổng phi trường vì lính Cộng hoà bắn vô xe. Em chạy ra, nhảy đại lên một chiếc. Tới giờ này người nào muốn đi chỉ còn cách duy nhất là cố mà vào cho được Toà Đại sứ.

Joseph nhắm mắt hít vào một hơi thật sâu:

- Trời ơi là trời, tại sao lại kết thúc theo kiểu như thế này?

Naomi không chúí người vào chồng nữa. Nàng đi rót hai ly whisky:

- Em thì em nghĩ trước sau gì cũng sẽ diễn ra một tình trạng vô trật tự nhưng có lẽ không tới nổi tán loạn như thế này. Tán loạn — một sự tán loạn đầy ý nghĩa và rất có chủ tâm. Người ta quăng Miền Nam cho hổ đói khi thấy nó không còn “quan trọng cho lợi ích quốc gia của Mỹ lẫn hoà bình của thế giới”. Người ta nhấn tâm bỏ rơi một dân tộc đã chọn tự do và những hy sinh nhân mạng của Mỹ-Việt và năm sáu đồng minh nay trở thành vô ích! Thật chẳng có hoà bình và danh dự chút nào! Không biết đã tới màn chót trong cuộc dối trá hào nhoáng và tàn mạt của Nixon cực kỳ thực dụng chủ nghĩa và Kissinger điêu ngoa xảo quyết chưa?

Trong khi nói, những giọt nước mắt vô vọng chảy dài xuống má Naomi. Nàng run tay cầm ly lên, nhấp một chút rượu:

- Có tới hàng trăm người Việt làm cho các cơ quan của nước anh bị

bỏ lại khắp nơi trong thành phố. Trong bọn họ, không biết bao nhiêu người chờ hết giờ này sang giờ khác, đợi một chiếc máy bay trực thăng hoặc một chiếc xe buýt không bao giờ đến. Lúc này, họ vẫn đứng ngóng cổ tại những chỗ đó, rất tin tưởng và đang ngược mắt lên trời ngó theo từng chiếc trực thăng trong khi tay xách nách mang con cái cùng với chút hành lý sơ sài của mình...

Thấy hai vai của Naomi run rẩy, Joseph bước tới vòng tay ôm vợ. Nàng kể tiếp:

- Toà Đại sứ Mỹ y hệt một viện tâm thần. Em tới đó trước hết là để tìm anh. Phải mất mười lăm phút em mới chen vô được bên trong. Có người nói với em rằng Toà Bạch ốc và Kissinger đang đập bàn hét toáng lên đòi ông đại sứ phải kết thúc cuộc di tản vào đúng nửa đêm nay. Nhưng trong khuôn viên Toà Đại sứ còn ít ra một ngàn người Việt và lúc nào cũng có thêm người leo được qua hàng rào. Lính TQLC lừa họ thành từng nhóm sáu chục người rồi nhét thật lẹ vào bất cứ chiếc trực thăng nào từ hạm đội bay trở vô. Chỉ có trời mới biết sẽ có bao nhiêu người bị bỏ lại...

Giọng Naomi càng nói càng uất ức, xen từng tiếng nấc. Joseph chỉ biết im lặng ôm nàng trong khi cả hai cùng cố nhấp rượu cho lắng lòng. Bên ngoài, màu đỏ từ các đám cháy chiếu sáng rực chân trời, làm thành một hình vòng cung dần từ phương đông sang phương tây và bọc lấy mạn bắc thủ đô. Tới giờ này, Cộng Sản đã tràn tới Biên Hoà và Long Bình nơi tuyến đề kháng sau cùng của quân chính phủ vừa bị vỡ.

Các đội hình xe tăng và các đoàn xe tải dài thườn thượt của quân phương bắc bắt đầu dí mũi chạy dọc theo Xa Lộ Biên Hòa-Sài Gòn, tiến vào thủ đô phương nam. Kim đồng hồ vừa chỉ quá mười giờ tối. Dưới một hầm trú ẩn tại Bến Cát, nằm ở hướng bắc cách khách sạn Continental Palace chưa tới năm chục cây số, tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh mặt trận của chiến dịch Hồ Chí Minh, đang cùng các sĩ quan tham mưu xem xét điện văn báo cáo từ các tuyến mặt trận tuôn về. Chỉ nội trong hai giờ nữa, ông sẽ hạ mệnh lệnh sau cùng của cuộc chiến cho mười lăm sư đoàn đang tiến công và tung họ vào cuộc tàn sát với toàn bộ sức mạnh sấm sét.

Khi lấy lại được bình tĩnh, Naomi hỏi:

- Có phải anh chẳng có chút tin tức nào của Trinh?

Mặt Joseph phờ phạc và căng thẳng nhưng rán mỉm cười, anh đặt cả hai tay lên vai Naomi:

- Anh làm hết mọi sự mình có thể làm. Anh đang hy vọng nhận được lời người ta nhắn thẳng tới đây cho biết Trinh hiện đang ở chỗ nào. Anh chỉ còn mỗi một cách là chờ thôi. Tốt nhất em tới Tòa Đại sứ rồi chờ anh ở đó. Anh đem em tới đó ngay bây giờ... Có tiếng gõ cửa nhẹ nhàng khiến Joseph quay ngoắt người. Anh giật toang cửa và thấy một nhân viên gác cửa kiêm bảo vệ khách sạn Continental người tầm thước, nước da đen sạm. Anh ta đứng ngay giữa khung cửa, cười rộng miệng với vẻ xin lỗi:

- Monsieur Sherman, tôi xin lỗi, nhưng có người Việt Nam dưới tầng trệt đang tìm một người Mỹ...

Chưa nghe hết câu nói, Joseph đã lao mình lướt qua người bảo vệ, chạy xuống ngã cầu thang gần nhất. Trên vỉa hè, một gia đình người Việt đông lúc nhúc đang đứng chờ, tay giữ chặt túi xách và va li. Người mẹ bồng đứa con khoảng một tuổi. Ba đứa nhỏ khác níu quanh chân bà. Đang đi tới phía Joseph là một cậu bé lớn hơn và một cô bé cùng với cha chúng, một người gầy gò với vẻ mặt cực kỳ khắc khoải. Áo sơ mi trắng ông mặc đầm mồ hôi trên quần tây đen nhăn nhúm rộng thùng thình và cổ đeo chiếc cà-vạt màu xanh nước biển lúc này nói lỏng và quăn queo như một khúc dây chao. Người cha lập tức túm cánh tay Joseph, nói lúng búng như mê như sáng bằng thứ tiếng Anh lắp bắp, lơ lớ. Joseph dăm dăm nhìn ông và các bộ mặt hoang mang, vô danh của cả gia đình.

- Tôi xin ông... Ông phải giúp chúng tôi... Ông giúp chúng tôi với! Tôi là viên chức dân vận, từng làm việc chung với các cơ quan Mỹ suốt 15 năm nay! Cộng Sản sẽ giết hết chúng tôi, không chừa một mạng...

Joseph quay lại, thấy người gác cửa sạm đen vẫn đứng đằng sau anh, trên tầng cấp. Anh nói với anh ta bằng giọng thất vọng:

- Anh làm rồi. Tôi đâu có quen biết mấy người này.

Người bảo vệ khách sạn nhăn bộ mặt chữ điền, vừa cười vừa lắc đầu quả quyết:

- Không. Tôi không làm đâu Monsieur Sherman. Họ nói với tôi

rằng họ đang tìm một người Mỹ — bất cứ người Mỹ nào. Người mẹ làm như thể ẩn đứa con đang bông vào tay của Joseph. Bà cũng bắt đầu van nài anh trong khi lũ con ngó lên anh chăm chặp, mắt tròn xoe e sợ. Anh cố lạng người thoát ra nhưng họ hót hã hủu chặt quần áo anh. Joseph thở hắt ra:

- Tôi xin lỗi. Tôi không giúp gì được. Các người phải cố tới Tòa Đại sứ thử xem.

Anh bắt giắc cho tay vào túi, muốn cho họ ít tiền. Nhưng anh rút tay lại, bắt đầu cố lúi người vào bên trong cửa khách sạn. Thành linh, người cha buông anh ra. Trong chớp mắt, vẻ mặt ông ta chuyển từ năn nỉ sang khinh miệt. Ông gằn mạnh bằng tiếng Anh, chêm vào đôi ba chữ bằng tiếng Pháp.

- Tội tao đã cố vào Tòa Đại sứ khốn nạn của chúng mày — nhưng không cách gì vào nổi. Tội tao đã gây cổ ngóng chúng mày tới đón tội tao suốt mười hai tiếng đồng hồ nay — nhưng xe buýt của chúng mày không bao giờ tới. Mẹ kiếp! Vì tin lời bọn Mỹ chó đẻ chúng mày nên chúng ông mới ra nông nổi này! Đồ đểu! Chúng mày cùng một giuộc với bọn Tây! Chó cả lũ!

Đầu ông ta bỗng gặc mạnh và một luồng nước bọt bắn trúng áo vét của Joseph. Người vợ ngăn chồng không được, cất tiếng khóc thầm. Rồi với cái liếc mắt sau cùng ngùn ngụt căm hờn, ông ta lùa cả gia đình vợ và nhỏ thó của mình ra xa khách sạn. Joseph đứng nhìn theo. Khi Naomi đến bên Joseph và đặt tay lên vai chồng, nàng thấy anh run lẩy bẩy, không mở nổi miệng. Hai vợ chồng đứng ở lối cửa ra vào cho tới khi gia đình ấy lúi thủi đi khuất tầm mắt họ ở một góc đường bên Công trường Lam Sơn.

Không nhìn Naomi, Joseph thở dài. Lúc lắc đầu, anh thăm nảo nói qua kẽ răng:

- Vậy đó! Vậy đó! Bây giờ chỉ còn cách tốt nhất là anh đưa em tới ngay Tòa Đại sứ.

Trước khi cùng vợ ra đi, Joseph gọi người gác cửa ráng nắng ấy tới. Ẩn vào tay anh ta hai tấm giấy một trăm Mỹ kim, anh vừa nói chậm chậm vừa nhấn thật mạnh bằng tiếng Việt:

- Bây giờ, anh lên phòng của tôi ngay. Anh ngồi chờ trong phòng cho tới khi tôi trở về đây. Anh đừng ra khỏi phòng, cho dù bom có

rớt trúng nóc khách sạn. Anh phải ghi lại, rất cẩn thận, bất cứ lời nào nhấn tôi qua máy điện thoại.

Người gác khách sạn đưa đôi mắt xéch ngó xuống hai tờ giấy bạc rồi gật đầu cười:

- Chuyện nhỏ! Monsieur yên chí. Tôi biết chút đỉnh tiếng Anh mà. Khi Naomi và Joseph lật đật chạy qua quảng trường Nhà Thờ Đức Bà, cuộc pháo kích bằng hoả tiễn vào sân bay Tân Sơn Nhứt tạm ngừng. Khu vực trung tâm Sài Gòn rơi vào một cơn yên tĩnh kỳ quái và tiếng gào thét của đám đông bu bên ngoài Toà Đại Sứ Mỹ vang ra xa hơn tới độ còn cách một quãng đường nữa mới tới nơi, hai vợ chồng đã nghe rõ.

Họ thấy trong bầu trời đêm bên trên nóc toà nhà sứ quán hình dáng to lớn và đen sẫm của chiếc máy bay trực thăng võ trang Cobra lượn lơ giống một con cá mập đang phơi mình. Các khẩu đại liên có thể khai hỏa một phút sáu ngàn viên đạn, chúc liên tục mũi súng xuống các nóc nhà quanh đó lẫn đám đông đang sôi sục bên dưới. Thỉnh thoảng, có máy bay phản lực F-5 của Hải quân hoặc Không lực Hoa Kỳ gầm rú trên đầu nhưng dù sao đi nữa, đô thành vẫn có vẻ như đột nhiên nín thở trong tình trạng chờ đợi khủng khiếp thời điểm kết liễu cuộc chiến.

Khi Naomi và Joseph tới trước Toà Đại Sứ, cả hai thấy thậm chí chỉ ở mé ngoài của đám đông thôi, tính khí của người Việt lúc này đã đáng sợ. Trong lúc lần mở đường tới cổng hông Mạc Đình Chi, hai vợ chồng bị người ta xô đẩy và phỉ nhổ liên tục. Đôi khi Joseph phải vòng hai tay ôm chặt Naomi để bảo đảm không bị người ta đẩy rời nhau ra. Khi tới gần vòng tường cao, họ thấy dây kẽm gai đã được giăng ra làm chướng ngại vật dọc trên đầu tường. Và trong đám đông, những người trẻ hơn đang leo lên các trụ đèn, cố đu người níu lấy bờ tường để nhảy qua hàng rào kẽm gai.

Một thanh niên bị kẹt cứng nơi cổng trước mé đường Thống Nhất. Người anh ta đang đưa đầu ngược xuống đất và máu chảy nhỏ giọt nhưng chẳng người Việt nào để ý tới anh ta. Họ chơi với vượn tay lên phía TQLC Mỹ, vẫy vẫy những bức thư của các chủ nhân người Mỹ hoặc điện tín do thân nhân ở nước ngoài gửi về. Hễ có ai gan lì níu được bờ tường liền bị lính TQLC dùng báng súng trường

M-16 nện tới tấp hoặc dùng giày trận bột-đờ-sô nặng nề đập liên tiếp lên đầu ngón tay để kẻ đó chịu đau không nổi, phải buông ra rồi té lộn nhào xuống đường. Và cứ mỗi lần xảy ra chuyện như vậy, đám đông lại gào lên la ó giận dữ.

Khi Naomi và Joseph chỉ còn cách cổng sắt vài thước, một thanh niên người Việt bỗng quần trí. Rút trong người ra một con dao dài, anh ta chĩa thẳng vào mặt Joseph đồng thời một tay túm tóc Naomi. Anh ta hét lớn:

- Mày phải đem tao đi với mày, bằng không, vợ mày chết tươi tại chỗ!

Hai tròng mắt hung dữ và đáng sợ của anh ta đảo lia đảo lịa.

Naomi thét lên đau đớn. Joseph nghiêng chặt răng. Anh thành linh co tay lấy hết sức đâm thẳng vào mặt anh ta, và rồi nhẹ nhõm thấy người thanh niên ấy buông dao, lảo đảo ngã xuống. Thở muốn hụt hơi vì dùng sức quá mạnh, Joseph đẩy Naomi ra đằng trước. Một TQLC này giờ nhìn họ chen lấn tới gần, cúi xuống và đưa tay kéo Naomi lên đứng bên mình.

Chênh vênh bám trên đầu cánh cổng, Naomi ngoái lui nhìn Joseph và thấy chồng lùi trở lại đám đông. Nàng la lớn, với ánh mắt van lơn:

- Joseph, anh phải cẩn thận! Mau quay lại đây nghe!

TRĂNG HUYẾT

TẬP IV - Phần Thứ Tám - Chiến Thắng và Chiến Bại - 1972-1975

- 11 -

Sau cùng, mãi tới hai giờ sáng, máy điện thoại trong phòng Joseph mới chịu reo. Anh cầm ống nghe lên, nhận ra giọng của ông già người Hoa ở Chợ Lớn. Ông báo tin với giọng dửng dưng:

- Đồng chí Trinh đã vào tới Sài Gòn cách đây bảy giờ, đi một mạch từ Hà Nội bằng xe Molotova. Đồng chí là thành viên của Đoàn Xâm nhập số 19, đang có mặt tại cầu Biên Hoà. Chúng tôi đã móc nối và báo cho biết hãy chờ tại đó. Đoàn 19 hiện ẩn tại ông cống bê-tông cách đầu cầu phía nam một trăm thước. Ông sẽ tìm thấy đồng chí Trinh tại đó nếu ông đi ngay lúc này.

Đầu đăng kia kêu clic và đường dây điện thoại tắt lịm, không thêm một nghi thức xã giao nào. Joseph chụp cánh tay người bảo vệ khách sạn, kéo anh ta chạy theo mình xuống cầu thang. Tới cửa, trả lời câu hỏi đi đâu của anh ta, Joseph nói thật nhanh:

- Anh giúp tôi đi cứu cháu ngoại của tôi. Anh biết cầu Biên Hòa chứ?

Anh ta lại toét miệng cười:

- Chuyện nhỏ. Cách đây hai mươi tám cây số. Nó nằm trên Quốc Lộ Một cũ, phải đi ngã Bình Triệu. Lúc này, đường khó đi đấy. Dựa ngửa trên ghế trước của chiếc Pontiac, người gác khách sạn tỉnh bơ gác chân lên chân tám kính chắn gió, tai như vểnh lên và hai mắt lấp lánh quan sát đường đi. Thỉnh thoảng anh ta rít một hơi thuốc lá và hình như chẳng chút để ý tới năm tờ một trăm Mỹ kim vừa được Joseph nhét vào túi trên áo vét của anh ta khi hai người chui vào xe. Lúc này, ngồi yên sau tay lái và dưới ánh sáng loang loáng chiếu ngược vào xe, Joseph mới để ý thấy anh ta khoảng ba mươi tuổi. Bắp thịt vai và cánh tay rắn chắc, săn vòng dưới tay áo vét trắng của nhân viên bảo vệ khách sạn. Tóc anh ta cắt ngắn trên chiếc đầu gần như hình vuông. Trên bộ mặt rám nắng, hai quai

hàm anh ta thỉnh thoảng sẵn lại, hần nét phong trần và quả quyết. Hai tiếng đồng hồ trước đó, đúng nửa đêm, tại sở chỉ huy ở Bến Cát, qua hệ thống truyền tin, tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh mặt trận của Cộng Sản, hạ mệnh lệnh tối hậu tấn công vào Sài Gòn: “Tất cả các binh đoàn thọc sâu tiến gấp, tiến thẳng vào các mục tiêu đã qui định!” Các lực lượng của ông nhận được lệnh truyền ấy và các khẩu đội pháo vừa từ vùng duyên hải kéo vào lập tức nã như mưa đạn 130 li lên bản doanh Bộ Tổng Tham Mưu Quân Lực VNCH tại Tân Sơn Nhứt.

Tiếng gầm rú của cuộc pháo kích dồn dập ấy càng lúc càng làm Joseph ù tai khi anh lái chiếc Pontiac, theo lời dẫn đường của người bảo vệ khách sạn Continental, thận trọng lách qua những đoàn người tị nạn đang lũ lượt kéo vào các khu vực ngoại ô đông bắc Sài Gòn. Xe anh chạy theo đường Thị Nghè qua ngã Ba Hàng Xanh. Bên này cầu Bình Triệu, dọc theo bờ sông Sài Gòn, lính Nam Việt Nam bố trí thành một phòng tuyến cả ngàn người gồm các quân nhân gần như đủ loại binh chủng. Nhìn huy hiệu trên áo của họ, Joseph đoán đây có thể là các đơn vị từ Biên Hòa Long Khánh kéo về. Lính bộ binh đào các hố chiến đấu ở những chỗ đất khô. Lính Dù và Thủy quân Lục chiến chia thành từng tổ đảng sau các lùm dừa nước. Họ là những kẻ sau khi đã cùng đồng đội chiến đấu gan lì tại mặt trận Xuân Lộc rồi vì thế cô sức kiệt, phải rút về lập vòng đai quanh Sài Gòn để bảo vệ thủ đô. Họ đang kết hợp nhau ở cấp đại đội, nhiều chỗ chỉ là cấp trung đội, tiểu đội. Hoặc cá nhân đơn lẻ ôm súng tới xin nhập bọn. Các sĩ quan của họ tập hợp lại và đặt dưới quyền chỉ huy của người có cấp bậc cao nhất và thâm niên nhất.

Có thể họ đã biết giờ đây, hầu hết các tướng chỉ huy của họ đang bỏ rơi thuộc cấp, đào nhiệm chạy ra các tàu chiến thuộc Hạm đội Bảy của Mỹ đang buông neo ngoài khơi Vũng Tàu. Nhưng chưa nhận được lệnh buông súng của tổng tư lệnh là họ còn chiến đấu, có thể chỉ vì người bạn cùng đơn vị đang chiến đấu và vì bản thân không muốn làm người đầu hàng sau khi đã mang tiếng là người tháo chạy trước một đối phương suốt mười lăm năm qua chỉ biết chiến đấu lén lút. Từ sau năm 1968, với sự yểm trợ càng lúc càng

sút giảm của Mỹ, họ đã chiến đấu dũng cảm và giữ vững Miền Nam. Thế rồi hai tháng nay, sự việc xảy ra như đất trời bỗng chốc đảo lộn. Trên bộ mặt cam chịu của họ chưa hết dấu vết bàng hoàng của sự sụp đổ quá nhanh. Nhưng trong con mắt họ phản ánh ý chí quyết chiến và sẵn sàng đem hết sinh mạng hiến cho trận đánh có thể là sau cùng này, bên người bạn thân nhất trong tiểu đội, như một cú đâm tối hậu lấy lại danh dự của một võ sĩ chẳng hiểu tại sao mình thất thế, sắp ngã gục trên đài cảm tử.

Xe chạy ngang một đồng lửa bên này dốc cầu Bình Triệu, Joseph bỗng nghe có tiếng hát. Khoảng một tiểu đội lính mặc quần áo rằn ri đứng quanh một người lính trẻ ôm cây đàn Guitar. Họ nhip chân và tay vỗ đều theo tiếng hát của người ôm đàn. Trong trời đêm, giọng hát ồm ồm và đều theo nhịp quân hành của họ thật hồn nhiên khỏe khoắn, như âm thanh vang vang của một niềm tự hào và lời dặn dò nhau của các tráng sinh trong đêm lửa trại chia tay. Tiếng hát quyện với các lưỡi lửa bên bờ tử sinh nghe thật bi tráng và trông thật ấm áp. Joseph cảm thấy cay cay hai góc mắt. Người gác cửa khách sạn lẩm bẩm hát theo. Rồi quay sang ngó Joseph, anh ta khịt khịt mũi. Châm thêm một điếu thuốc, anh ta dụi mắt và cười khê:

- Tôi là Biệt kích Dù bị thương trận An Lộc. Giờ này mà tụi nó còn hát cò bay cò bay oai hùng trên thành phố với ta như nước dâng dâng tràn. Hay thiệt! Chốc nữa về lại, ông thả tôi xuống đây để tôi chơi cú chót với tụi nó.

Trong khi cho xe chạy qua khỏi cầu Bình Triệu và rẽ tay phải, theo đường Quốc Lộ Một cũ, sắp tới thị trấn Thủ Đức, thấy cây cối hai bên đường loang loáng dưới ánh đèn xe, Joseph nhớ lại đây chính là con đường nửa thế kỷ trước, cha anh, Chuck cùng với anh đã theo Jacques Devraux ra khỏi thành phố trong chuyến đi săn đầu tiên. Đây cũng là con đường ba mươi năm trước, anh cùng Lan đi phương bắc tìm Tuyết.

Phía bắc sông Sài Gòn, cảnh tượng chiến tranh diễn ra khác hẳn với bờ nam. Con đường tắc nghẽn với những xe díp và xe GMC bị vấp lại bởi các binh sĩ VNCH đang tìm cách tháo chạy thật lẹ về hướng Sài Gòn. Nhìn quân đội Miền Nam đang rút lui trong hỗn

loạn, Joseph liếc người bảo vệ khách sạn và cay đắng tự hỏi, không biết khi cuộc chiến tranh này chấm dứt, người cựu binh đang ngồi bên cạnh anh cùng những người lính đang chạy kia và kể cả những bộ đội đang cầm súng rượt theo họ, sẽ nghĩ ra sao về bản thân cùng bản chất của cuộc chiến từng được đôi bên ném hoặc bị ném vào đó cả thể xác lẫn tuổi xuân và may mắn thấy mình sống sót. Đấu tranh cho giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Bảo vệ tự do dân chủ cho Miền Nam. Nội chiến hay ngoại xâm. Chiến tranh giữa Cộng Sản và tư bản, giữa đế quốc và giải phóng, giữa các khuynh hướng chính trị bản địa khác nhau. Đấu trường Chiến Tranh Lạnh cho các thế lực quốc tế vừa đối đầu vừa mặc cả với nhau, v.v...

Tìm câu trả lời có lẽ là một công việc rất gian nan, rất dài ngày và sự thật ấy hẳn sẽ bị khuất lấp trong những tròng hô khẩu hiệu của kẻ chiến thắng hoặc chìm sâu dưới lớp lớp tủi hận của người chiến bại. Hình như mỗi người đều không tránh khỏi lý do cá nhân khi bị cưỡng bách hoặc tự nguyện tham gia cuộc chiến trên mặt trận chính trị hoặc quân sự. Câu trả lời mang tính tập thể có lẽ còn tùy thuộc chính sách xây dựng và tái thiết xứ sở của chế độ Việt Nam sắp tới. Joseph ngẫm nghĩ chừng nào người Việt chưa được sống trong bối cảnh tự do đối thoại thì vẫn chưa có lời giải thỏa đáng cho vãn nạn đó. Như thế, họ sẽ khó có điều kiện nhìn vào sự thật, để từ đó, cùng nhau hóa giải mọi hệ lụy của hận thù, bình thản khép lại quá khứ và nắm tay nhau xây dựng tương lai.

Tình trạng hoảng loạn và hoang mang ấy làm Joseph mất hơn nửa tiếng đồng hồ cho một quãng đường ngắn như thế. Kim đồng hồ chỉ hai giờ bốn mươi lăm phút sáng khi anh tắt đèn xe và rẽ ra khỏi đường quốc lộ cũ, cách phía nam cầu Biên Hòa khoảng bốn trăm thước. Lúc Joseph nghiêng người qua vói tay mở cửa bên kia xe, người bảo vệ khách sạn cau mặt tính toán. Kế đó, anh ta xếp mấy tờ giấy bạc ở túi áo trên cho vào túi quần sau và nói thật lẹ với Joseph:

- Ông giữ áo vét trắng với áo sơ mi trắng dùm tôi, bằng không, xa cả cây số bọn chúng vẫn thấy ra tôi. Đưa tôi cái giẻ chùi máy xe tôi

lau mặt.

Mừng rơn vì gặp thứ thiệt, Joseph thở phào:

- Có anh tôi yên chí. Cứ cởi ra đưa tôi.

Anh giúp người bảo vệ tuột hết hai lớp áo rồi một tay đặt lên bắp thịt vai u lên một cục của anh ta, một tay chỉ chỗ mặt nước phản chiếu bầu trời:

- Ông công bê tông đó nằm cách đầu cầu mé bên này chừng một trăm thước! Gọi nhỏ tên cô ta thôi, rằng “*Đồng chí Triệu Hồng Trinh*” — Lẹ lên!

Người Việt Nam thì thầm lặp lại hai lần câu gọi tên ấy với giọng rõ từng tiếng rồi cúi xuống thật thấp. Anh ta khom người như ngồi buông thõng hai cánh tay gân guốc xuống đất và lúi rất lẹ vào bóng đêm.

Nhìn qua kính chắn gió, Joseph thấy bên kia cầu, cách chưa tới hai ba cây số, một đoàn dài dằng dặc xe tăng và xe tải của quân Bắc Việt đang chững chạc tiến vào, đèn xe bật sáng trưng. Trong lúc quan sát đoàn tiền phương ấy tiến tới càng lúc càng gần mình hơn, Joseph bỗng giật thót thất ruột khi chợt nghĩ rằng biết đâu người bảo vệ khách sạn kia nếu thấy lộ sẽ không dám quay lui vì sợ bị bắt chung với người Mỹ. Anh ta chỉ việc biến mình trong bóng tối rồi co giò chạy ngược về Thủ Đức hoặc bơi thẳng qua bên kia sông! Anh ta là Biệt kích mà! Tại sao mình không bắt anh ta hứa dù gì đi nữa cũng phải quay lại báo cho mình tính! Mình thật khủng hết biết!

Suốt mười lăm phút Joseph ngồi nhấp nhòm đằng sau tay lái, không dám xuống xe. Anh biết chắc chắn rằng nếu một người Mỹ lộ mình ra quá gần một toán Cộng Sản xâm nhập, ở ngay khu vực mặt trận, thế nào cũng bị bắt. Nhưng anh nghĩ nếu người gác cửa kia không xuất hiện trở lại, mình chỉ còn cách duy nhất là liều mạng xuống xe thôi, và phải thử thêm lần nữa, đích thân đi tới ông công tìm cho ra Trinh.

Cứ cách vài giây Joseph lại ngó đồng hồ. Đã mấy phút trôi qua với tiếng tích tắc đánh nhịp thật chậm. Rồi khi anh mở cửa xe phía bên tài xế, leo xuống xe và dợm chân bắt đầu lúi tới ông công thì từ trong bóng tối kế bên anh âm thầm trồi ra hai bóng đen.

Có tiếng động như hai gót giày đập vào nhau, rồi giọng người bảo vệ khách sạn Contiental nói nhỏ, tỉnh queo:

- Monsieur American, đồng chí Trinh của ông đây.

Sương tê người, Joseph vỗ vai người cựu binh Biệt kích và đẩy anh ta vào ghế sau của xe Pontiac. Rồi anh dẫn bóng đèn kia đi quanh đầu xe để lên ghế trước bên cạnh tài xế. Khi anh mở cửa xe, Trinh quay mặt đối diện anh. Dưới ánh lửa đỏ rực của những đám cháy trong thành phố bên kia sông hắt sang, Joseph thấy vẻ mặt Trinh căng thẳng nhưng vẫn trầm tĩnh. Nó mặc bộ bà ba đen đầy bụi của một người nhà quê nhưng đeo chiếc mũ tai bèo lật ngược ra sau gáy và tóc rũ lòa xoà trên má. Tim anh tròng trành khi thấy Trinh đã lớn thật nhiều, thành một thiếu nữ mười bảy tuổi. Trinh tròn xoe mắt nhìn lại anh với vẻ mặt e ngại và rụt rè. Nhưng trên khuôn mặt nó rõ ràng có sự kết hợp các dấu tích nhan sắc tuyệt vời của Lan và sức mạnh ngoan cường của Tuyết.

Joseph cố nén lòng khát khao mãnh liệt được dang rộng hai tay ôm cháu vào lòng. Và thay cho cử chỉ đó, anh dịu dàng nói bằng tiếng Việt:

- Trinh ạ, ông rất sung sướng là đã tìm ra cháu kịp thời.

Trong một thoáng, Trinh lo lắng nhìn ông ngoại rồi hướng ánh mắt về phía có đoàn xe tăng Bắc Việt đang tiến tới:

- Cháu cũng mừng lắm — nhưng chúng ta cần lẹ lên, phải không?

Joseph mỉm cười, ra hiệu cho Trinh vào xe:

- Cháu chớ lo. Mọi sự sẽ ổn thoả hết.

Anh chạy vòng qua cửa tài xế và lại chuỗi mình vào đằng sau tay lái, lẹ làng trở đầu xe, nhắm hướng thành phố. Joseph phải bóp không ngót còi xe Pontiac để len lỏi qua các đám dân chúng và binh sĩ đang chạy. Tới khi xe chạy đều, anh đưa cườm tay lên sát mặt mình. Qua ánh lửa đỏ rực từ các đám cháy hắt vào xe làm lấp lánh mặt đồng hồ đeo tay, anh thấy kim chỉ quá ba giờ sáng một chút:

- Vẫn còn đủ thì giờ tới Toà Đại sứ của ông. Ở đó, hai ông cháu mình sẽ tìm được một chuyến trực thăng chở chúng ta ra khỏi Việt Nam.

Trong khi lái xe, Joseph có cảm giác cánh tay mặt lay động nhẹ

nhẹ. Quay qua nhìn, anh thấy đầu ngón tay của Trinh đang chạm vào tay áo anh. Trong mắt nó ánh lên tia nhìn kinh ngạc, và với một nụ cười hơi có vẻ e thẹn, Trinh rút tay lại khi thấy ông ngoại ngó mình. Khi xe đồ dốc cầu Bình Triệu, sắp ngưng bánh để thả anh cựu binh Biệt kích Dù xuống, Trinh từ từ lột chiếc mũ tai bèo, thả ra ngoài cửa xe.

Vào lúc đó, bên trong Toà Đại Sứ Hoa Kỳ bên Đại lộ Thống Nhất, viên đại sứ Mỹ cuối cùng tại Sài Gòn đang xếp quốc kỳ Mỹ và đút lá cờ vào túi plastic để mang theo mình ra Hạm đội Bảy. Với nét mặt tái xanh và ủ dột, hậu quả của một cơn sung phổi làm suy kiệt sức khoẻ, ông thấp thỏm quan sát những chiếc trực thăng khổng lồ CH-53 tiếp tục đáp xuống khuôn viên Toà Đại Sứ để bốc đi từng nhóm người di tản.

Lúc này, các phi công mắt đỏ au phờ phạc trong khi năm sáu trăm người Việt đang đứng chờ dường như đã cảm thấy rằng cuộc không vận đang tới hồi kết thúc. Từ bệ cao nhỏ hơn trên nóc toà nhà sứ quán, các trực thăng CH-47 đang di tản nhân viên Toà Đại Sứ, khoảng một ngàn người tính cả thân nhân của họ. Tới ba giờ mười lăm sáng, số người còn lại không bao nhiêu, kể cả những kẻ đang đứng loanh quanh thành từng nhóm nhỏ ở một tầng lầu bên trong sứ quán. Đứng đó với lòng phân vân và sững sờ họ chứng kiến sự bại trận cùng nỗi nhục nhã tối hậu của quốc gia mình và đồng minh Á Đông của nó.

Cùng có mặt trong số những người ấy có Naomi Boyce-Lewis. Và gần như nàng không bao giờ rời khỏi chỗ đứng sát khung cửa sổ. Naomi liên tục xem xét kỹ từng li từng tí các con đường bên ngoài, trông ngóng một dấu hiệu nào đó của Joseph. Nhưng khi tới lượt mình ra đi, nàng bị người ta ấn cho bằng được vào nhóm người đang sắp hàng dọc trước cầu thang xoắn ốc bên trong.

Naomi cố lùi lại trong khi các nhân viên ngoại giao đứng chung quanh rĩ tai nhau rằng tại Washington, tổng thống Ford càng lúc càng mất kiên nhẫn trước sự miễn cưỡng của ông đại sứ trong việc kết thúc thật nhanh “Chiến dịch Ngọn Gió Thường Xuyên.” Họ bảo rằng các thiết bị truyền tin tối mật của Toà Đại Sứ đã bị phá

hủy; các điệp văn cuối cùng đã được gửi đi Washington. Tuyến truyền tin qua trực thăng với các chỉ huy trưởng tại Hạm đội Bảy là kênh liên lạc duy nhất còn được duy trì giữa Sài Gòn và Washington. Họ còn nói người ta đang chờ mệnh lệnh từ Tòa Bạch Ốc có thể tới bất cứ lúc nào để lập tức ngưng cuộc không vận ngay sau khi ông đại sứ Hoa Kỳ, nhà ngoại giao sau cùng ấy lên máy bay. Sau đó, không chắc người nào còn có thể ra đi.

Naomi đưa mắt nhìn ra ngoài cửa sổ lần cuối rồi miễn cưỡng bước lên cầu thang xoắn ốc theo sau những người Mỹ khác đang chờ. Khi nàng bước ra ngoài, đặt chân lên sân thượng trên nóc toà nhà sứ quán, trời đã gần bốn giờ sáng. Một chiếc trực thăng CH-47 vừa đáp xuống bệ với nhiệm vụ bốc Naomi và hai mươi bốn người khác ra tàu Blue Ridge của Hải quân Mỹ, soái hạm của hạm đội đảm trách việc di tản. Vì thời gian quý báu và hiểm hoi, người ta không tắt máy và cánh quạt tiếp tục quay tít trong khi lính TQLC thúc nhóm hành khách thứ nhất bước vào máy bay.

Naomi bỗng thấy từ trên nóc toà nhà sứ quán sáu tầng lầu này, nàng có thể nhận ra xe tăng của quân Bắc Việt như những dòng sông đang tuôn theo hai quốc lộ chính, chảy thẳng về Sài Gòn với đèn xe rực sáng. Và tim nàng chùng lại. Rồi khoảnh khắc kế đó, Naomi hạ ánh mắt nhìn xuống con đường bên ngoài vòng tường Toà Đại Sứ và chợt thấy chiếc Pontiac của Joseph đang dí mũi chen qua đám đông để tới chiếc cổng bên hông.

Xe di chuyển chậm rì. Những người Việt tuyệt vọng điên cuồng bu quanh xe. Có lẽ họ cố tưởng tượng rằng dù sao đi nữa đây vẫn có thể là cơ hội cứu vớt sau chót. Thấy vậy, Naomi bước sang một bên để cho các nhân viên ngoại giao khác lên máy bay trước mình. Nàng đưa tay lên che miệng khi thấy có hơn chục thanh niên trườn lên mui chiếc Pontiac với hi vọng khi xe tới gần cổng, họ có thể từ mui xe phóng mình lên đầu cổng. Một số khác đập vỡ cửa sổ xe. Và dần dần đám đông dày đặc vây kín mít làm xe khựng lại.

Dân chúng nổi cơn thịnh nộ, bắt đầu đẩy cho xe lắc qua lắc lại. Và Naomi thét lên nho nhỏ khi chiếc xe chậm chậm lật qua một bên. Đàn ông và thiếu niên đá vào xe, đập tan kính chắn gió và cửa hai bên hông xe. Chính lúc ấy, lần đầu tiên Naomi thấy bộ mặt kinh

hoàng của Trinh khi nó vùng vẫy để đẩy bật cửa xe lúc này đã thành linh nằm ngay trên đầu nó.

Tiếng gào thét của đám đông dội vào lòng xe nghe điếc tai nhức óc. Chiếc xe lật nghiêng làm Joseph rớt xuống dưới đáy. Anh lúng túng rút chân ra khỏi tay lái và cần lái đồng thời cố trấn an cháu. Khi Trinh bắt đầu rần hết sức để leo ra ngoài xe, anh túm cánh tay nó, làm hiệu cho nó chờ. Rồi anh rút cuốn sổ thông hành từ túi bên trong áo vét của mình ra, ấn vào tay Trinh và thét lớn:

- Nếu bị tách rời nhau thì đưa cái này cho lính Mỹ gác trên đầu tường. Họ sẽ cho cháu vào.

Gay cấn gật đầu, Trinh leo ra khỏi chiếc xe móp méo, tay nắm chặt sổ thông hành. Đám đông bắt đầu tràn tới dạt lui như sóng đánh.

Gần như lập tức, Trinh bị hất ra xa, đẩy tới tận chân tường Đại sứ quán, cách Joseph một quãng. Từ đám đông nổ vang một loạt súng bắn thẳng lên chiếc trực thăng vừa đáp xuống nóc toà nhà sứ quán. Tiếng súng ấy kéo theo tiếng người ta hoan hô reo hò như điên. Kế đó, thành linh có tiếng khạc nặng nề của một khẩu đại liên khai hỏa từ một nóc nhà ở mé bên kia đường Thống Nhất, dội ầm ầm, nổi bật lên trên tiếng la hét của đám đông. Rồi năm sáu người nam có nữ có trúng đạn ngã lăn xuống đất.

Khi Joseph trời được người ra khỏi chiếc Pontiac, khắp chung quanh anh rộ lên tiếng la lớn “*Việt Cộng! Việt Cộng!*”. Đồng thời đám đông hè nhau ào lên bờ tường như thể đã có dự tính trước.

Các TQLC Mỹ đứng sát vai nhau trên đầu tường, mặc áo giáp và đội mũ sắt, thọc lưỡi lê xuống và dậm mạnh đôi giày trận nặng nề lên những bàn tay nào cổ bầu lầy đầu tường. Đám đông dội lộn ngược, rớt xuống, thét lên đau đớn. Chiếc trực thăng Cobra lượn lơ bên trên thành linh nhào xuống như chim ưng. Trong vài giây, nó khai hỏa vào ổ súng đại liên tình nghi là của Cộng Sản trên nóc nhà đối diện. Tiếng gầm của những khẩu súng nhiều nòng trên trực thăng át hẳn mọi tiếng động bên dưới.

Trong đám đông đen kịt ấy, Joseph tuyệt vọng ngóng cổ lên cố tìm cho ra chỗ của Trinh nhưng anh không thể nào thấy được nó. Rồi nghe xa xa có tiếng thét lớn tên mình, anh ngó lên, thấy Naomi cuống cuống ra hiệu từ trên nóc toà nhà sứ quán. Nàng chỉ dọc bờ

tường. Theo hướng cánh tay của vợ, Joseph thấy Trinh đang bám người trườn lên một cột đèn sắt hàng rào mắt cáo, trong khi ngay phía bên trên nó đã có hai thanh niên khác.

Joseph huých vai lần qua đám đông và bắt đầu trèo lên cột đèn ấy.

Mới trèo lên được một nửa, anh cảm thấy ngộp thở và dừng lại.

Trong khi lấy hơi thở, anh thấy một lính TQLC Mỹ xuất hiện trên đầu mình. Anh ta tàn bạo động báng súng M-16 vào hai thanh niên Việt Nam đang trên Trinh để mở đường cho Joseph. Cả hai thét lên, rơi ngược trở lại, kéo theo Trinh cùng ngã lăn xuống đất.

Nhưng Trinh đứng bật dậy, òa khóc, đưa cả hai tay kêu cứu về phía Joseph:

- *“Ông ngoại! Ông ngoại!”*

Trong tuyệt vọng Trinh gọi lớn hai tiếng chan chứa tình thương nó từng gọi Joseph bảy năm trước trong con đò tam bản trên sông

Hương:

- *Ông ngoại ơi! Cứu cháu với!*

Người lính TQLC mấy lần la lớn, hét Joseph cứ trèo lên một mình nhưng anh làm như thể không nghe. Chân anh kẹp cứng cột đèn, nhào người ra bên trên đám đông, đưa hai tay về phía Trinh. Nó rướn người cố vói cho tới tay ông ngoại nhưng đám đông trong cơn điên cuồng kinh hãi hoang dại lại vây kín Trinh và nó bị đẩy dạt ra xa. Chiếc Cobra võ trang không làm câm họng nỗi khẩu đại liên của Việt Cộng nên bắt đầu thả trái sáng để xác định vị trí ổ súng. Dưới ánh sáng hoả châu ma quái, Joseph thấy Trinh đang cố vùng vẫy để rướn người tới.

Cảm thấy sinh lực trong người mình tới hồi cạn kiệt, Joseph quyết định không mạo hiểm nhào trở lại cuộc hỗn đấu. Thay vào đó, anh réo đi réo lại thật lớn tên Trinh và vẫy tay về hướng nó. Khi Trinh thấy anh, nó bắt đầu lẩn đường về hướng cột đèn lần nữa. Nhưng nó chưa tới được cột đèn, bỗng xuất hiện một đốm màu đen bay bên trên đầu đám đông, theo hình vòng cung. Quả lựu đạn nổ tung và ánh chớp của nó làm Joseph lòa mắt trong mấy giây. Tới khi mắt sáng trở lại, anh thấy Trinh nằm bất động giữa một đám các thân thể khác vừa gục xuống trên vỉa hè.

Từ sân thượng trên nóc sứ quán, Naomi không thấy rõ biển cổ vừa xảy ra bên ngoài vòng tường. Nhưng qua tư thế khòm lưng và cứng đờ của Joseph khi anh đeo lưng lẳng trên cột đèn, nàng cảm thấy có điều gì đó không ổn. Ngay lúc ấy, một lính Mỹ quát lớn, túm vai Naomi và đẩy mạnh nàng về phía cửa trực thăng mở sẵn đang chờ bốc lên. Naomi cố vùng vẫy, hét lớn bảo anh ta buông nàng ra. Nhưng lời nói của nàng đứt quãng và lạc mất trong tiếng phân phát của cánh quạt trực thăng đang quay tít. Cuối cùng, anh lính TQLC nhắc bổng người Naomi lên, thấy nàng vô lòng máy bay với các hành khách khác cho yên chuyện. Xong, anh ta đóng rầm cửa lại. Khi chiếc trực thăng lượn vòng trên không, Naomi thấy Joseph buông tay khỏi cột đèn và chuỗi người trở lại đám đông. Nàng nhắm mắt, úp mặt vào giữa hai lòng bàn tay.

Lúc Joseph tới sát bên Trinh, nó nằm không nhúc nhích. Hai mắt nhắm nghiền nhưng trên mặt và thân thể không có dấu vết bị thương. Với tiếng hỗn loạn càng lúc càng tăng do cuộc pháo kích của Cộng Sản tràn ngập trong tai mình, Joseph quì xuống bồng Trinh lên. Gom hết hơi sức tàn tạ, anh loạng choạng đi trở lại chân tường thành.

Tiếng nổ của quả lựu đạn đã làm đám đông dạt ra. Joseph ra hiệu cho viên trung sĩ TQLC trên đầu cổng kéo Trinh lên dùm anh. Viên trung sĩ cúi xuống và chỉ bằng một cánh tay, anh ta kéo mạnh Trinh lên trên đầu cổng rồi chuyển nó cho đồng đội đang chờ kế bên. Kế đó, anh ta leo xuống giúp Joseph đu người lên.

Trinh vẫn hôn mê khi Joseph nhận lại nó từ tay người lính TQLC. Anh bồng cháu loạng choạng đi trong khuôn viên Toà Đại Sứ đầy bóng tối tới chỗ máy bay đáp trên bãi cỏ. Tại đó, anh phải thuyết phục viên đại tá giám sát cuộc di tản để anh với Trinh được lên chuyến máy bay Stallion Sea Sikorsky cuối cùng, chen chúc với bảy tám chục người Việt khác vừa được lùa vào lòng máy bay với vẻ kinh hoàng còn nguyên trên mặt.

Joseph ngồi lom khom trên sàn, giữ cho đầu Trinh kê trên lồng ngực mình. Khi chiếc trực thăng bốc lên, chậm chậm ra khỏi vùng ánh sáng của khu vực Toà Đại Sứ, Trinh mở mắt kinh hãi nhìn

quanh và chỉ thấy đen kịt mặt mày con người ta. Joseph cúi xuống thật sát bên tai cháu và nói:

- Trinh ạ, cháu đừng lo. Ông cháu mình an toàn rồi — mọi sự sẽ ổn thoả hết.

::: H ẾT :::